LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 141

ĐẠI PHƯƠNG QUÃNG VIÊN GIÁC TU ĐA LA LIỄU NGHĨA KINH LƯỢC SỚ

SỐ 1795
(QUYỂN 1 →4)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1795

BÀI TỰA KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG VIÊN GIÁC TU ĐA LA LIỄU NGHĨA LƯỢC SỚ

Kim Tử Quang Lục Đại Phu Thủ Trung Thư
Thị Lang Thượng Thư Môn hạ Bình Chương Sự
Sung tập Hiền Điện Đại Hịch sĩ Bùi Hưu soạn.

Loài khí huyết chắc chắn có sự hiểu biết, hễ có thể hiểu biết thì phải đồng thể, cho nên nói chân tịnh minh diệu hư triệt linh thông tuyệt vời mà riêng còn, là bản nguyên của chúng sinh cho nên gọi là tâm địa, là sở đắc của chư Phật, cho nên gọi là Bồ-đề, thấu triệt dung nhiếp lẫn nhau cho nên gọi là pháp giới, thường lạc vắng lặng, cho nên nói Niết-bàn, không nhơ không lọt rớt, cho nên nói thanh tịnh, không dối không đổi, cho nên nói chân như, xa quấy lìa lỗi cho nên nói Phật tánh, giữ lành ngừa xấu cho nên nói tổng trì, ngầm kín ẩn chứa, cho nên nói Như Lai tạng, siêu vượt huyền bí, cho nên mật nghiêm quốc, bao gồm các đức mà đầy đủ, soi chiếu các tối tăm mà riêng sáng, cho nên nói Viên giác, kỳ thực điều là nhất tâm. Trái là phàm phu, thuận là bậc Thánh, mê thì sinh tử bắt đầu, ngộ thì luân hồi chấm dứt, tự cầu thì chỉ quán định tuệ, suy rộng thì sáu độ muôn hạnh, dẫn ra là trí, sau đó là chánh trí, nương đó làm nhân, sau là chánh nhân, kỳ thực đều là một pháp. Trọn ngày Viên giác, mà chưa từng Viên giác là phàm phu, muốn chứng giác nhưng chưa cùng tột viên giác là Bồ-tát. Viên giác đầy đủ mà giữ gìn viên giác là Như Lai. Lìa Viên giác không có sáu đường, bỏ viên giác không có ba thừa, không viên giác chẳng có Như Lai, mất đi viên giác không có chân pháp, kỳ thật đều là nhất đạo. Sở chứng của

chư Phật ba đời, đều chứng ở đây. Như Lai vì một việc lớn mà ra đời. Tất cả kinh điển, mười hai bộ kinh trong ba tạng. Nhưng thừa giáo của Như Lai, tông chỉ pháp có hiển mật, lập nghĩa có rộng lược, thừa thì có trước sau, đương cơ có sâu cạn, chẳng phải thượng căn viên trí, người nào có thể đại thông? cho nên Như Lai đối với Quang Minh tạng cùng mười hai đại sĩ ngầm nói mà diễn bày rõ ràng, tiềm ẩn thông suốt mà rộng rãi, để ấn định pháp kia, là tông chỉ của tất cả kinh. Thiền sư Khuê Phong đắc pháp với Hà Trạch, là cháu đích tôn của nam ấn thượng túc Hòa thượng Đạo Viên, một ngày kia theo chúng tăng ở Châu Thị tại nhậm quán gia phó trai, ngồi ở dưới theo thứ lớp nhận kinh, tình cờ được viên giác liễu nghĩa, quyển cuối, cảm ngộ rơi nước mắt, quay về đem chỗ ngộ thưa với thầy, thầy vỗ về nói: Ông sẽ mở rộng giáo pháp viên đốn, kinh này chư Phật trao cho ông. Thiền sư khâm phục nam tông mật ấn, được viên giác huyền ký, bấy giờ xem Đại tạng kinh luật, duy thức, luận khởi tín... sau đó đốn ngộ pháp giới Hoa Nghiêm, ngồi yên nơi viên giác diệu tràng, nghiên cứu chỗ thấm của giọt mưa, cùng tột sự khác nhau của năm giáo, chính là sớ giải. Phàm đại sớ ba quyển, đại sao mười ba quyển, lược sớ hai quyển, tiểu sao sáu quyển, đạo tràng tu chứng nghi mười tám quyển đều truyền bá ở đời. Giáo ấy là viên, kia thấy pháp cũng triệt, giải thích nghĩa cũng như chẻ củi, nhập quán cũng rõ như cầm đuốc, từ ngữ cũng cùng cực nơi lý mà thôi, không luống dối, văn đó cũng nâng đỡ giáo mà thôi, không tùy tiện, không vì sở trường của người bệnh kia cho nên không bài bác, không vì chưa được đến chỗ bao trùm người, cho nên không bàn luận đến hoài bão, rõ ràng là mắt của mười hai bộ kinh, cốt tủy của ba mươi lăm vị tổ, đại bổn của sinh linh, đạt đạo của ba đời. Đời sau tuy có người làm, nhưng cũng không thể hơn, là một trong bốn chỗ nương, hoặc đích thân nghe ở cõi tịnh độ ư! Làm sao cùng tận nghĩa lý như thế.

Có người nói:

- Đạo không hình tướng, người nhìn chẳng thể thấy; đạo không nơi chốn, người đi chẳng đến; huống chi văn tự ư! Ở nơi tánh mà thôi! Đâu dùng mấy muôn lời mà nói được ư!

Đáp: Than ôi! Không đáng nói, trước không nói hay sao! Gom chung các đức mà đầy đủ soi chiếu chỗ tối tăm mà riêng sáng là Viên giác. Bởi Viên giác có công năng lưu xuất ra tất cả pháp. Tất cả pháp không hề rời Viên giác. Nay văn ba tạng kinh, luật, luận truyền đến Trung Quốc hơn năm ngàn quyển, giải thích những gì? Chỉ là giới, định, tuệ mà thôi! Tu giới, định, tuệ cầu cái gì? Chỉ là cầu Viên giác mà thôi.

Mở ra muôn hạnh mà cầu cái gì? Căn khí của chúng sinh khác nhau, nhưng Đại tạng đều là kinh Viên giác, sớ này là sớ của Đại tạng. Văn khắp năm ngàn quyển dùng sớ vài quyển mà thông hiểu, đâu không đơn giản ư! Sao nói là phiền toái, và sự phiền toái ấy làm mất đường nói năng, dứt tâm suy nghĩ, quên năng sở, diệt ảnh tượng, sau mới đạt được. Cố nhiên không giải thích bên ngoài, than ôi! Chỗ qua lại của sinh linh là sáu đường, quỷ thần chìm trong khổ u sầu, chim thú ôm ấp lo buồn của khỉ, Tu-la mới tức giận, các trời ưa vui, hãy sửa tâm suy nghĩ Bồ-đề, chỉ loài người là có khả năng mà thôi, thân người mà không làm, thì cuối cùng thế nào? Nghỉ ngơi thường dạo chơi ở cõi Thiền sư, được nghe sự giảng nói của Thiền sư, không nhờ tự mình so sánh, chắc chắn là khen ngợi pháp ấy, mà bày tỏ khắp đại chúng, thật ra họ có đủ bài tựa gốc.

SỐ 1795

KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG VIÊN GIÁC TU ĐA LA LIỄU NGHĨA

Sa-môn Tông Mật chùa Thảo Đường ở núi Chung Nam đời Đường soạn.

Nguyên hanh lợi ích cho Đức của Trinh càn, bắt đầu một hơi thở, thường, lạc, ngã, tịnh là đức của Phật, vốn ở nhất tâm, chuyên một hơi mà đến cùng, tu nhất tâm mà thành đạo tâm, dựa vào hư không thuần túy sáng suốt linh minh không đi không đến, ngầm thông ba cõi, chẳng phải trong, chẳng phải ngoài thấu suốt mười phương; không diệt không sinh, đâu thể bị bốn núi làm hại? Lìa tánh lìa tướng, đâu thể bị năm màu làm mù? Trong lòng sống chết, hạt châu ngựa ô chiếu rọi nơi biển xanh, ngồi bờ Niết-bàn, mặt trăng chiếu sáng trên trời xanh thật lớn thay! Muôn pháp luống dối duyên hội mà sinh, pháp sinh vốn không, tất cả Duy thức, thức như huyễn mộng, chỉ là nhất tâm. Tâm vắng lặng mà biết, soi thấy viên giác, đầy khắp thanh tịnh, trong đó không dung vật khác, cho nên dụng của đức vô biên, đều cùng một tánh, tánh khởi là tướng, cảnh trí rõ ràng, tướng được tánh dung, thân tâm rộng rãi, ấn chứng khắp nơi, vượt qua thái hư kia, lồng lộng, chói chang! Ra ngoài sự nghĩ bàn. Phật của ta chứng đây, thương xót loài mê tình, lại khen ngợi lạ thay! Ba lần suy nghĩ việc lớn, đã đầy đủ mười lực, có thể hàng phục ma quân dưới cội cây, thương mến khởi tứ tâm, muốn chỉ bày kho báu trong nó, nhưng mê đầu bỏ cha, ngộ có khó dễ, vườn lộc dã là đạo tràng giác ngộ, giáo khởi đốn tiệm, tiệm lập năm thời khác nhau, không hữu nhiều lần rõ ràng, đốn không có sự khác nhau của hai đế, bặt dứt đối đãi linh hồn, nay kinh này thuộc loại đốn, cho nên Như Lai vào cõi Tịch quang, Phàm Thánh một nguồn hiện thân thọ dụng, chủ bạn đồng hội, đại sĩ Văn-thù mở đầu hỏi lý do của bổn khởi, Bạc-già Chí tôn, ban đầu nêu

lên quả rốt ráo, chiếu chân thể này, dứt mộng mị kia, biết không nhân ngã, ai chịu trôi lăn, các thứ huyễn hóa sinh trong tâm giác, hết huyễn thì giác viên, tâm không pháp biến, tâm vốn là Phật, do niệm khởi mà chìm đắm, bờ thực không dời do thuyền đi mà thấy bờ chạy, mau dứt bỏ vọng tưởng, hư không không sinh hoa đốm, dần dần hết nguồn ái, vàng không có quặng. Lý bặt dứt tu chứng, trí như bực thềm khác nhau, giác trước thì trước quấy, gọi là vị sau này, huống gì là vọng tưởng sinh diệt, các đức tròn sáng ư! Nhưng ngựa giỏi ra khỏi chuồng, đã xa thấy bóng roi, chôn báu lớn dưới bụi đất, mới lập ra cách chữa trị.

Cho nên ba quán trong suốt, chân giả đều nhập vào, các luân tốt đẹp, đơn kép tròn tu, bốn tướng ẩn trong tâm, chẳng giác chống trái, bốn bệnh sinh ra, hoa lòng nở tươi, lại khiến thời gian dài nhớ niệm nhiếp niệm mà gia hạnh, huân tập riêng lẫn nhau nghiệp chướng mê hoặc, chướng mới tiêu mất thành tựu tuệ thân, yên tĩnh giác khắp, trăm ngàn thế giới cảnh Phật hiện ra, chính là do nghe năm thứ danh, vượt cõi báu thí phước, nói nghĩa nửa bài kệ, hơn cả Tiểu thừa hà sa, thật là do chẳng pháp nào không giữ, không có căn cơ nào không trùm! Than ôi! Ba ca hòa chúng, giống như tâm vượn rong ruổi, tuyết khúc là ít, liễu rõ nghĩa ẩn ở long tạng, đều chìm trong nôm lưới, chỉ vị cám gạo, may ở trên sông bồi hợp nhau thì gặp nhau, thiền gặp nam tông, giáo gặp kinh này, một lời nói tâm địa mở mang, trong sách vở, nghĩa trời soi sáng, khoảnh khắc đạo chẳng phải đạo thường, các hành pháp là vô thường, nay biết tâm là tâm Phật, chắc chắn sẽ thành Phật, nhưng Phật gọi là chủng trí, tu nhờ học rộng, cho nên lại đi đến trăm thành, ngồi thăm dò sách vở, giảng tuy rộng khắp, học khởi lại ân sư, được tắm gội nạp thọ như ta, lầm làm con dấu của chân tử, lại gặp bạn thân, càng cảm ơn Phật, giây lâu than thở cô đơn nghèo khổ, trình bày pháp thí, thu thập Bát-nhã, xâu suốt Hoa Nghiêm, nắm dắt Tỳ-ni, phát minh Duy thức, nhưng thuốc chữa muôn bệnh, nên chọn đối trị, báu biển ngàn thứ, trước tìm như ý, quán xét văn dồi dào nghĩa rộng khắp, thật nhường tạp hoa chỉ thể gieo cơ, không phải đều là viên giác, cho nên tham khảo các luận rõ ràng, các nhà hiểu biết cẩn thận kỹ càng, để lợi ích chúng sinh mới soạn sớ giải, suy nghĩ Thánh chỉ, nghiên cứu đến cùng, nghĩa đủ tánh tướng, thiền gồm đốn tiệm, gom thành ba quyển, để truyền gắng học, nhưng phẩm thượng trung hạ, căn cơ tánh dục khác nhau, nay đem pháp đó thành cong, theo sự dễ dàng, càng tìm tòi chỗ tinh yếu, chú thích thẳng kinh này, ngõ hầu ngay nơi sự là tâm, ngày càng lợi ích, ngày càng tổn giảm.

SỐ 1795

LƯỢC SỚ CHÚ KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG VIÊN GIÁC TU-ĐA-LA LIỄU NGHĨA

Sa-môn Tông Mật chùa Thảo Đường núi Chung Nam đời Đường soạn.

QUYỂN THƯỢNG
(Phần 1)

1. Mười môn để giải thích kinh này:

Để giải thích kinh này, có chia làm mười môn.

1. Nhân duyên có kinh này.
2. Thuộc về tạng thừa nào.
3. Phân biệt quyền thật.
4. Bờ mé sâu xa.
5. Trùm khắp cơ nghi.
6. Thể tánh Năng thuyên.
7. Tông thú chung riêng.
8. Tu chứng thềm bậc khác nhau.
9. Giải thích chung tựa đề.
10. Giải thích riêng nghĩa văn.

Môn thứ nhất: Ban đầu có chung riêng, chung nghĩa là nhân đáp trả, do đáp trả nên thỉnh cầu nói về lý độ sinh, giáo pháp một đời hưng thịnh đều nhờ đó. Bản ý của Phật chỉ vì một lý do lớn. Riêng thì có mười việc làm cho nên nói kinh này.

1. Nói lên nhân hạnh có nguồn gốc, chiếu soi tròn đầy tịnh giác,

hiểu rõ vô minh là không, phát tâm thanh tịnh mới tu muôn hạnh.

2. Dứt bặt quả tướng thành viên, vốn không có Bồ-đề, Niết-bàn, chỉ là giác tánh thanh tịnh, cho nên không có trước, sau, thêm, bớt, mới là quả rốt ráo.

3. Quyết định lựa chọn ngộ lý nên tu. Ý Phổ Hiền hỏi rằng: giác tánh vốn tròn đầy, tất cả như huyễn, huyễn không vô thể, ai là người tu hành? Nếu như không tu thì nhờ đâu chứng giác! Phật nói do khởi huyễn trí để dứt các huyễn, huyễn hết trí mất, giác tâm tròn sáng. Nhưng nay chỉ nói không huyễn, chìm trong vô tu, những người tu tập bị ràng buộc bởi hữu đắc, do ngộ ý tu, dường như trái mà lại phù hợp. Cho nên rất khó rõ, lý phải lựa chọn.

4. Cùng tận sâu sa niệm nghi ngờ, Bồ-tát vặn hỏi ý rằng: Chúng sinh vốn là Phật, nay đã là vô minh, Như Lai trong mười phương sau ứng với phiền não, Phật đáp ý rằng: ngay nơi phân biệt này chính là vô minh, cho nên thấy được viên giác cũng đồng trôi lăn, như do mây trôi mà thấy mặt trăng đi, chỉ một niệm bất sinh, thì mé trước, sau dứt, như mắt lành bệnh thì hoa đốm biến mất... chúng sinh tức là Phật, ít người có khả năng biết được, biết mà ít tin, tin mà ít hiểu, hiểu cũng khó đạt đến cảnh giới này, nay kinh giải quyết rõ, nói thật cùng nguồn, nếu tinh thông được thì các nghi ngờ tự cởi mở.

5. Dứt trừ cội gốc luân hồi, phát nghiệp thành chủng vô minh là gốc, thấm nhuần nghiệp thọ sinh, tham ái là gốc, nếu không biết tướng thì liền thành kẻ giặc. Nếu chẳng đạt được "không" thì không bao giờ dứt trừ, cho nên trả lời với ngài Văn-thù, Di-lặc, nghiên cứu cùng tột cội nguồn của nó.

6. Tìm tòi Bồ-đề ẩn chướng, nói ngã nhân chúng sinh thọ mạng, tuy gọi đồng các giáo, mà hành tướng sâu kín từ thô đến tế xoay vần khó dứt, cho nên một chương tịnh nghiệp tìm kiếm nhiều lớp.

7. Văn ít mà có khả năng thâu nhiếp nhiều môn, văn chỉ có hai mươi tám tờ, nghĩa đầy đủ đốn tiệm không hữu ngộ tu tánh tướng.

8. Trong mỗi pháp, mỗi văn chỗ nào cũng nêu y viên giác kiết vào viên giác, khéo trùm ba căn, môn phổ nhãn quán bao trùm thượng căn, các luân ba quán bao trùm trung căn, đạo tràng gia hạnh bao trùm hạ căn.

9. Dạy tu xứng tánh đi sâu vào thiền, ba pháp quán đều dùng ngộ tịnh viên giác làm gốc.

10. Khuyến khích việc lìa tướng, rõ minh sư, "Phật vốn là" mà lại khuyên tu, hoặc vốn không mà phải dứt, không có khuôn phép để bắt

chước, không dấu vết để nương theo, quyết phải lìa tướng, minh sư dẫn dụ, cho nên dạy gần gũi, suốt đời quên thân.

Môn thứ hai. Thuộc về tạng thừa nào: Trong ba tạng thuộc về tạng kinh. Trong hai tạng thuộc về Bồ-tát tạng, trong các thừa thuộc về Nhất thừa, trong mười hai phần:

1. Khế kinh.
2. Ứng tụng.
3. Thọ ký
4. Phúng tụng.
5. Nhân duyên.
6. Tự thuyết.
7. Bổn sự.
8. Bổn sinh.
9. Phương quảng.
10. Vị tằng hữu.
11. Thí dụ.
12. Luận nghị.

Khế kinh, Phương quảng thuộc về hai phần.

Môn thứ ba. Phân biệt quyền thật: Nhưng Tây Vực và phương Đông (Ấn độ, Trung quốc) các bậc tôn đức xưa nay lập tông phán giáo đều ly, hiệp khác nhau. Hoặc nhất vị không phân, hoặc khai tông phân biệt, nay sẽ nói lược, lại chia ra hai môn, ban đầu thì không phân, sau nói rõ phần giáo.

Ý không phân chia có năm:

1. Lý vốn một vị khác nhau đồng quay về.
2. Một âm ứng khắp, một giọt mưa thấm cùng.
3. Vốn bản ý của Phật là một việc.
4. Tùy theo mỗi văn mà mọi người hiểu khác nhau.
5. Nhiều cách nói pháp thành dòng nhánh cho nên không thể phân, tức là Lưu-chi đời hậu Nguỵ, La-thập Diêu Tần, lập một âm giáo, chính là ý này. Phân chia giáo có tám ý, ban đầu là năm phiên, trước sau có ba thuyết khác nhau.

1. Lý tuy một vị, giải thích có cạn sâu.
2. Phật tuy một âm giáo nhưng tùy căn cơ khác nhau.
3. Bổn ý chưa nói, tùy theo ý ngữ của người nghi.
4. Nói có chung riêng thì nói theo hiển.
5. Do phân biệt quyền thật, không trụ ở dòng nhánh.
6. Mật ngữ của vua, lời tuy đồng mà việc khác.

7. Không biết ơn Phật, cho sâu là cạn, mất lợi ích lớn, cho cạn là sâu, luống mất công đức.

8. Chư Phật, Bồ-tát cũng tự phân chia, do các ý này, khai thì được nhiều mà mất thì ít, hiệp thì được ít mất nhiều, chỉ có thể luống mình cầu đồng phần, cũng đâu trái với ý chính, cho nên nay phân.

Nhân phân giáo, lại các đức khác nhau, ở đây theo Đại sư Hiền Thủ, gom chung làm năm:

1. Tiểu thừa giáo.
2. Đại thừa thỉ giáo.
3. Chung giáo.
4. Nhất thừa đốn giáo.
5. Viên giáo.

1. Ban đầu tùy theo căn cơ, tùy theo tiếng nói của họ mà nói các pháp số hoàn toàn khác nhau, vì để phân biệt tà chánh, phân biệt phàm Thánh, phân biệt ham thích nhàm chán, nói về nhân quả, nhưng pháp số sở thuyết có bảy mươi lăm, chỉ nói người không, chẳng nói pháp không, chỉ nương vào sáu thức ba độc, lập ra nhiễm tịnh căn bản, chưa cùng tận cội nguồn các pháp, cho nên có nhiều tranh luận.

2. Thỉ giáo: cũng gọi là phần giáo, vì thâm mật thứ hai, thứ ba, thời giáo cùng cho là định tánh, vô tánh đều không thành Phật, nay hợp chung lại thành một giáo, đây đã chưa rõ pháp lý Đại thừa cho nên lập làm ban đầu có người không thành Phật, nên gọi là phân, nói rộng pháp tướng, lược bỏ chỗ rườm rà ghi số còn một trăm, ít nói pháp tánh, pháp tánh đã nói tức là pháp tướng số, lựa chọn rõ ràng cho nên ít tranh luận.

3. Chung giáo: cũng gọi Thật giáo, chủ trương Nhị thừa định tánh, Xiển-đề vô tánh, đều sẽ thành Phật, mới nói thuyết cùng tột Đại thừa, cho nên lập thành Chung, vì xứng với thật lý cho nên gọi là thật, ít nói pháp tướng phần nhiều nói pháp tánh, đã nói pháp tướng cũng sẽ quy về tánh, cho nên không tranh luận. Hai giáo trên đều y theo địa vị thứ lớp tu thành, chung gọi là tiệm. Nhưng Đại thừa giáo gồm có ba tông, cho rằng pháp tướng bác bỏ tướng, cả hai đều là bắt đầu của Tiệm giáo, tức là hai vị Luận sư Giới Hiền và Trí Quang, mỗi vị y theo một kinh lập ba thời giáo, bác bỏ lẫn nhau, mà người truyền bá tu tập đều theo kinh pháp tánh, thành lập nghĩa của tông mình.

Pháp tánh có cả đốn tiệm, Tiệm tức Chung giáo, Chung với Thỉ, đốn ở sau sẽ nói.

Nay pháp tánh là phân biệt với hai tông, tức là hai môn: Một là

đối pháp tướng; hai là đối phá tướng. Trong phần đầu, hai tông tánh tướng có nhiều khác nhau, ở đây tùy theo loại thúc lược mà trình bày mười điều.

1) Ba thừa, tánh có năm, trước là tiểu, kế là một bất liễu, sau đủ ba thừa là liễu, Thâm mật...

Nhất thừa: Tánh là một, trước là Tiểu, kế là hai bất liễu, sau chỉ có nhất thừa là liễu, như Pháp Hoa...

2) Năm tánh: trong kinh Lăng-già... đều nói năm tánh.

Nhất tánh: kinh Pháp Hoa, Lăng-già, Niết-bàn đều chỉ nhất tánh. Thanh văn thú tịch các cõi Phật khác, Bồ-tát được thọ ký cũng sẽ thành Phật. Xiển-đề có Phật tánh, Nhiếp luận lập pháp, một ở ba sau cho nên Pháp Hoa bác bỏ ba, thường oán trách ganh ghét.

3) Duy tâm vọng: tám thức từ hoặc nghiệp sinh ra. Chân: tám thức có cả Như Lai tạng.

4) Chân như bất động: tám thức sinh diệt, cho nên chẳng phải tùy duyên.

Tùy duyên: tám thức nương vào tạng tánh, cho nên chỉ là chân như tùy duyên thành lập.

5) Ba tánh không hữu lìa, biến kế không nương vào viên hữu, tức là vô tánh tức viên.

6) Chúng sinh và Phật không thêm không bớt, định tánh, vô tánh chắc chắn không thành Phật. Thế giới chúng sinh không diệt, một lý đều ngang nhau, không thêm không bớt.

7) Hai đế không hữu lìa, chân-tục rõ ràng, tức là không Đệ nhất nghĩa, bao gồm chân vọng.

8) Bốn tướng trước sau, diệt biểu, sau vô. Đồng thời thể tánh liền diệt.

9) Năng sở đoạn chứng lìa, sau căn thì duyên cảnh dứt hoặc, dùng trí hữu vi chứng lý vô vi, nghĩa là hoặc tức Bồ-đề, kiến là chân như.

10) Thân Phật hữu vi, bốn trí nương thức chủng sinh diệt. Báo thân hữu vi.

Vô vi: Trí nương Như Lai tạng, hóa thân Phật tức thường, tức pháp, không rơi vào các số, huống chi là báo thể!

Nếu biết quyền giáo thật giáo thì hai tông cũng không trái nhau. Nghĩa là theo căn cơ thì có ba, nói về pháp thì một, mới huân thì năm, sẵn có thì không hai... hai là đối phá tướng, lược có năm thứ khác nhau:

1. Vô tánh vì các pháp vô tánh là bổn tánh chân như, chân tâm thường trú là chân như.

2) Chân trí: có công năng hiểu rõ vô tánh. Chân tri: nhất tâm chân thật vốn tự có thể biết, có cả lý và trí, thấu suốt nhiễm tịnh, như phẩm Vấn Minh trong kinh Hoa Nghiêm nói.

Hai thứ hai đế sắc... là tục, không tức là chân.

3) Đế: Thêm Đệ nhất nghĩa đế, nghĩa là nhất chân tâm tánh chẳng phải không, chẳng phải sắc, có thể là không, có thể sắc, như sự trong sáng của gương.

4) Ba tánh không hữu, không có không hữu nghĩa là y chế, không nghĩa là viên thành tánh tông, tức biến kế (chấp) tình thì có, lý thì không, y tha thì tướng có, tánh vô, viên thành tình không lý có, tướng không tánh có.

5) Năm đức của Phật là không, mặc dù nói thân Phật năm cầu không được, đắc thì luống dối, vô đắc mới chân, lìa tất cả tướng gọi là công đức của Phật.

Hữu: Chư Phật đều có thường, lạc, ngã, tịnh công đức chân thật, thân trí thông quang mỗi đứa vô tận, tánh tự vốn có, không đợi cơ duyên. Phân biệt sơ lược năm thứ này, còn lại so sánh mà biết, nhưng được ý thì cũng không trái nhau, nghĩa là tất cả pháp đã đều là chân tâm duyên khởi, duyên khởi vô tánh lại tức là chân tâm. Thỉ không khác bổn, ngoài biết chẳng có trí, các đế tánh... lệ theo có thể rõ. Nhưng pháp môn này khác với trước sau, nhưng giáo có sự khác nhau giữa đốn tiệm, thỉ chung, pháp chẳng khác nhau về sâu cạn.

4. Đốn giáo: chỉ một niệm không sinh thì gọi là Phật. Không nói theo địa vị thứ lớp cho nên lập ra đốn. Kinh Tư Ích chép: Được chánh tánh các pháp không từ một địa đến một địa. Kinh Lăng-già chép: Sơ địa tức là Địa thứ tám, cho đến không thật có, làm sao có thứ lớp?

Nói chung không nói pháp tánh, chỉ nói chân tánh, tất cả sở hữu chỉ là vọng tưởng. Tất cả pháp giới chỉ là bặt lời, năm pháp, ba tự tánh đều không, tám thức, hai vô ngã đều bỏ đi. Trách giáo khuyên lìa, hủy tướng mất tâm, tâm sinh tức là vọng, không sinh tức là Phật, bặt dứt dấu vết mới hiển bày chân tánh.

5. Viên giáo: Nói một vị tức là tất cả vị, tất cả vị tức là một vị. Vì vậy tâm tràn đầy mười điều tin, liền nhiếp năm vị thành chánh giác... chủ bạn đầy đủ cho nên gọi viên giáo, tức là kinh Hoa Nghiêm. Chỗ nói chỉ là pháp giới vô tận, biển tánh viên dung, duyên khởi vô ngại, như cái lưới bằng hạt châu của trời Đế Thích nhiều lớp vô tận. Đã biết năm giáo thấu suốt ở chỗ những lời giải thích, chẳng hay kinh này và kia thuộc về giáo nào? Ở đây hiển rõ nghĩa này chia làm ba môn.

1) Kia hoàn toàn thuộc về đây, phần này nhiếp kia, nghĩa là Viên giáo.

2) Phần đây thuộc về kia, kia không thuộc đây, nghĩa là hai thứ đầu.

3) Kia đây khắc thể, hoàn toàn thuộc vào nhau, tức chung đốn. Phân biệt quyền thật xong.

Môn thứ tư: Bờ mé sâu xa, y theo luận Khởi Tín nói về các pháp nhiễm bổn mạt năm lớp, để nói sở thuyên của các tông bờ mé sâu cạn, trong luận:

a) Ban đầu chỉ lấy nhất tâm làm cội nguồn.

b) Hai y vào nhất tâm chia ra hai môn:

- Tâm chân như môn: tâm tánh không sinh không diệt.

- Tâm sinh diệt môn: nương vào Như Lai tạng hợp với sinh diệt, gọi là thức A-lại-da.

c) Ba là nương vào thức này nói hai nghĩa:

- Nghĩa giác: (bổn giác, thỉ giác), là tâm thể lìa niệm...

- Nghĩa bất giác: nghĩa là không biết pháp như thật chân như là một, bất giác tâm khởi...

d) Bốn là nương vào nghĩa sau mà sinh ba thứ nhỏ nhiệm:

- Nương vào bất giác cho nên tâm động, gọi là nghiệp tướng.

- Y theo động cho nên có thể thấy, gọi là chuyển tướng.

- Y theo thấy cho nên vọng hiện cảnh giới gọi hiện tướng.

e) Năm: y theo sau cùng sinh ra sáu thô.

- Một là: trí tướng, nương cảnh phân biệt, tức là pháp chấp đều sinh.

- Hai là: Tương tục tướng: nương vào trí khởi niệm không dứt, tức phân biệt pháp chấp.

- Ba là Chấp thủ tướng: tâm khởi mê đắm, tức ngã chấp đều sinh.

- Bốn là: kế danh tự tướng: ngã kiến phân biệt, bốn việc trên đều mê hoặc.

- Năm là: khởi nghiệp tướng, chính là nghiệp.

- Sáu là: nghiệp hệ khổ tướng là báo, nói bờ mé sở thuyên của các tông, nghĩa là nhân thừa thiên thừa chỉ đều là nghiệp báo. Tiểu thừa chỉ có bốn thô sau. Pháp tướng cùng tột đối với ba nhỏ nhiệm. Chung giáo, đốn giáo đều giải thích bổn mạt mới cùng tận, ban đầu là nguồn nhất tâm, ban đầu là nguồn nhất tâm tức kinh này là viên giác diệu tâm. Kinh nêu viên giác làm tông bổn, nói pháp tịnh nhiễm đều từ giác tâm

hiện khởi là lớp thứ nhất.

Cuối chương Văn-thù tức môn chân như, kinh gọi là Như Lai tạng khác nhau, tức sinh diệt môn. Đây là lớp thứ hai. Chương Phổ Nhãn: ngay nơi thỉ là bổn giác, nêu lên giải thích vô minh, tức là bất giác. Đây là lớp thứ ba.

Chương Tịnh nghiệp tức là ba tế hai thô. Đây là lớp thứ tư.

Chương Di-lặc: trước là nói về nhân quả luân hồi, tức bốn thô sau. Đây là lớp thứ năm.

Môn thứ năm: Cho nên biết Viên giác cùng tột năm lớp. Nêu rằng: sâu xa là ở tại đây. Năm thứ bao trùm các ăn cơ, lược có hai thứ: ban đầu chọn lựa, sau nhiếp khắp, ban đầu nói đắm ưa danh tướng dùng văn giải thích. Là vướng mắc hạnh vị, cao suy Thánh vị tình còn nơi không, lời nói chạm đến người khác, tự cây thiên chân nhàm chán tiến lên tu tập. Như trên trên chẳng phải là khí (tài năng), trái với trên tức là khí sau thu, khắp là: tất cả chúng sinh đều sẵn có Phật tánh, chỉ được nghe đều được lợi ích, nghĩa là người căn cơ sâu xa ở đời trước thì ngộ nhập, người căn cơ cạn cợt thì tin hiểu, người đời trước không có hạt giống, cũng đều huân thành chủng tánh viên đốn, như kinh ví dụ ăn Kim cương trong Hoa Nghiêm.

Môn thứ sáu: năng thuyên thể tánh, lược làm bốn môn:

1. Tùy tướng môn: có hai thứ:

a) Thanh danh cú văn thể: thể dụng giả thật giúp nhau, cho nên kinh Thập Địa dụ vẽ gió trong hư không...

b) Thông nhiếp sở thuyên nghĩa, nếu không giải thích văn nghĩa thì chẳng phải giáo.

2. Duy thức môn: hai thứ trước không lìa thức, nhưng có sự khác nhau giữa gốc và bóng.

3. Quy tánh môn: thức này vô thể, chỉ là chân như.

4. Vô ngại môn: tâm cảnh lý sự thấu suốt dung nhiếp lẫn nhau. Vì pháp nhất tâm có hai môn, bảy tông, là chỗ y cứ của bộ, sở quy của tông.

Môn thứ bảy: Chung riêng: chung: là nói về Phật giáo lấy nhân duyên là tông, trong đó có Tiểu thừa không tông, pháp tướng, pháp tánh viên dung khác nhau, ở đây là pháp tánh.

- Riêng: nói kinh này lại có chung riêng, chung do tâm cảnh vắng lặng. Biến kế như rắn quỷ... dưới đây nói: chẳng làm cho nên vô...

* Tịch: y tha như cảnh tượng... ở dưới nói: bốn đại không động... Giác tánh tròn đầy: do vắng lặng cho nên tròn đầy thành thật.

Phàm Thánh bình đẳng làm tông, ở dưới nói: giác tròn đầy, cho đến căn trần trùm khắp pháp giới. Khiến người tu hành quên tình, do ngộ tông liền cởi bỏ sự trói buộc của tám bất đẳng, Phật là do tình mất.

Quán hạnh mau thành làm thú hướng, lại lấy thú hướng trước làm tông, làm cho hoặc nghiệp tiêu diệt, dứt hẳn luân hồi, khởi thần dụng rộng lớn, an vui tự tại làm thú hướng.

Về riêng: có năm cặp:

1. Cặp Giáo nghĩa: Giáo thuyết làm tông, ý nghĩa làm thú hướng.

2. Cặp Lý sự: nêu sự làm tông, hiển lý làm thú hướng.

3. Cặp Cảnh hạnh: lý cảnh làm tông, quán hạnh làm thú hướng.

4. Cặp Hạnh tịch: quán hạnh làm tông, tuyệt quán làm thú hướng.

5. Cặp Tịch dụng: dứt quán tâm vắng lặng làm tông, khởi thần dụng rộng lớn làm thú hướng.

Năm cặp này cũng là từ trước khởi sau dần dần nương nhau. Tám thềm bậc tu chứng khác nhau là y theo văn giáo chỉ sinh hiểu nghĩa, quên thuyên tu chứng lại có pháp môn kia, cho nên dùng tâm truyền tâm nhiều đời không dứt. Từ Phật thuộc Ca-diếp xoay vần đến nay, đèn sáng nương nhau rõ ràng không dứt, nhưng nương pháp sở truyền không ngoài định, tuệ, ngộ, tu, đốn, tiệm. Vô định vô tuệ là cuồng là ngu, tu riêng một môn là vô minh tà kiến, hai pháp này nương nhau vận hành thành đấng Lưỡng túc (phước đức, trí tuệ) cho nên sự tu hành của tông Thiên Thai ở chỉ quán, đốn, tiệm, ngộ, tu của chỉ quán ấy.

Môn thứ tám: Đốn ngộ: mặt trời mọc trẻ em sinh, tiệm tu: sương tan trẻ lớn. Vì hiểu rõ tiệm tu đốn ngộ: chặt gỗ đem về kinh đô.

Đốn tu tiệm ngộ: chùi gương học bắn. Tiệm tu tiệm ngộ: như lên đài chín tầng, chân bước dần lên cao thì thấy dần dần xa, đồng thời chứng ngộ, hoặc đốn ngộ đốn tu, dứt sợi tơ nhiễm. Cho nên có cả ba nghĩa là ngộ ở trước, rõ ràng là đến hiểu. Sau tu, không đắm, không chứng, thênh thang hợp đạo, vì hiểu ngộ trước tu (uống thuốc) ngộ sau (lành bệnh) là tu chứng ngộ, vô tâm quên chiếu ngộ, nhậm vận biết vắng lặng. Cùng lúc liền thông hiểu chứng ngộ, hoặc nói sẵn có tất cả đức của Phật là ngộ như uống nước biển.

Nhất niệm muôn hạnh là tu, được vị trăm sông, cũng thông hiểu chứng, kinh Viên giác này đủ các thuyết trước. Chương Văn-thù chính là đốn giải ngộ, phổ nhãn quán thành là đốn chứng ngộ. Tam quán các luận là chứng ngộ tiệm.

Lại, ba quán mỗi quán nêu nêu ngộ tịnh viên giác, kế là nói hành tướng, sau hiển rõ công thành. Trong cặp đối đầu là đốn ngộ tiệm tu, chặng giữa và sau là đối chính là tiệm tu đốn ngộ, các đốn tiệm này đều nói dụng tâm, không đồng môn trước, chỉ là phán giáo. Nếu được ý kia đều thành định tuệ, như kia mất tôn chỉ vọng tưởng vô ký, mong các người học hiểu rõ mà tu, thứ chín, thứ mười hai môn kia, tùy theo bản văn chú giải, cho nên không có khoa đoạn.

Môn thứ chín giải thích tên kinh:

Kinh Đại Phương Quảng Viên Giác Tu-đa-la Liễu Nghĩa, năm chữ Đại phương Quảng Viên Giác là sở thuyên, nói viên giác là pháp, Đại phương quảng là nghĩa, cho nên trong văn nêu kiết thúc, ý chỉ được trình bày, mỗi lần chỉ nói Viên giác không nói đại... sáu chữ dưới thuộc về năng thuyên, nói kinh là giáo pháp, Tu-đa-la liễu nghĩa là khen ngợi giáo có công năng thù thắng. Kinh có năm tên: đầu đề chỉ có hai, vì tông bổn thể dụng là cương yếu rộng lớn của pháp nghĩa, thuyên chỉ công năng là gương sáng của lời nói và cảnh tượng. Sự cùng nghĩa tận, nên lập năm tên, tiêu đề giản đơn còn giữ hai hiệu, ba chữ đại... là thể tướng dụng, mỗi chữ có hai nghĩa. Đại do đương thể mà được tên, thường khắp là nghĩa. Đương thể: Không đồng với tông pháp tướng, lựa chọn chữ đại của tiểu, ngoài "đại" có "tiểu" để chọn vẫn còn là phần hạn, đâu phải là chí đại! Nay do thể viên giác không bờ mé, dứt các phần lượng, gắng gượng gọi là đại. Thường khắp: thường thì dọc suốt ba đời, khắp thì ngang khắp mười phương. Thụ là quá khứ vô thỉ, vị lai vô chung. Không có một pháp nào trước, chỉ trước với các phước đây, cho nên gọi là Đại. Kinh Niết-bàn chép: đại gọi là thường. Hoành là mười phương cùng tột không có bờ mé. Niết-bàn lại chép: nói đại là tánh nó rộng lớn giống như hư không. Phương theo pháp đặt tên, giữ gìn khuôn phép là nghĩa, liền sinh hiểu biết, nhậm trì tự tánh. Trì tự tánh là tất cả chúng sinh đều có bổn giác, mặt dù trôi dạt trong sáu đường thọ nhiều thân nhưng giác tánh này không hề mất đi. Sinh hiểu nghĩa là chúng sinh ngộ nhập tri kiến, tuy nhờ bạn lành chỉ bày: nhưng trí giải kia từ giác tánh sinh ra, như nước thấm vào đất sinh ra mầm, mầm từ giống sinh không từ nước đất, cho nên văn nói: Viên giác lưu xuất từ Bồ-đề, Niết-bàn và Ba-la-mật, chỉ dạy Bồ-tát. Quảng là từ dụng đặt tên, rộng rãi to lớn là nghĩa. Rộng lớn là tánh viên giác này: vốn có diệu dụng hơn bụi nhỏ, ngầm hưng thịnh, bí mật tương ứng không có ngơi nghỉ, không có cùng tận. Rộng lớn là dụng của vô tận, mỗi mỗi đồng với giác tánh, không có bờ mé, không có giới hạn.

Văn chép: giác tánh cùng khắp tròn đầy không giới hạn, nên biết sáu căn trùm khắp pháp giới. Viên giác là: chỉ thẳng pháp thể, nếu không khắc thể nêu chỉ, thì không biết hướng đến nói pháp nào lớn, pháp nào rộng. Viên là đầy đủ cùng khắp, ngoài ra không còn pháp nào khác. Giác là vắng lặng sáng rõ soi chiếu, không có niệm tưởng phân biệt, cho nên luận chép: nói nghĩa giác là nói tâm thể lìa niệm, tướng lìa niệm bằng thế giới hư không, tức là pháp thân bình đẳng của Như Lai, nương vào pháp thân, gọi là bổn giác. Giải thích: đây là giải thích văn của bản giác trong Như Lai tạng tâm sinh diệt môn, cho nên biết giác đây chẳng lìa phàm mà hạn cuộc Thánh, chẳng lìa cảnh mà hạn cuộc nơi tâm, tâm cảnh phàm Thánh vốn không, chỉ là linh giác, cho nên nói là viên.

Văn sau chép: Niết-bàn như giấc mộng, thế giới như hoa đốm trong hư không, chúng sinh vốn thành Phật đạo. Lại chép: nhất thiết giác. Lại nói: huyễn diệt, giác tròn đầy, hoặc chỉ một chữ giác là pháp, bốn thứ khác đều là nghĩa. Ý nói: giác này có nghĩa rộng lớn, có nghĩa vuông tròn, nghĩa là thể lớn và dụng rộng, lý vuông và nghĩa tròn, vuông là ngay thẳng không nghiêng, không tà, tròn là đầy đủ không thiếu không khuyết, cũng có thể là lớn. Vuông là thể rộng, viên là dụng, nghĩa là thể lớn mà vuông, chính là không nghiêng, dụng rộng mà tròn đủ không thiếu, cho nên lại dùng vuông liền với lớn, dùng tròn liền với rộng. Lại ba chữ trên là riêng, chữ viên là chung, ý rõ ràng, giác này có đủ đức của ba đại, môn của pháp nghĩa chỉ cho cả hai nên gọi là Đại phương quảng Viên giác, sau là năng thuyên ba chữ "Tu-đa-la" chỉ chung các kinh, hai chữ Liễu Nghĩa khen ngợi một bộ này là nghĩa quyết yếu của các kinh. Cho nên văn sau nói: chính là mắt thanh tịnh của mười hai bộ kinh.

Chữ kinh chính là bộ kinh này. Tu-đa-la, Hán dịch là Khế kinh. Khế: nghĩa là khế lý khế cơ, kinh nghĩa là nhiếp hóa xuyên suốt, nghĩa là xuyên suốt nghĩa nên biết, che chở chúng sinh được hóa độ. Liễu nghĩa là quyết lựa chọn rốt ráo nói hiển rõ, chẳng che đậy tướng rộng lớn của mật ý hàm ẩn, nhưng trong các kinh thì kinh nào là liễu nghĩa? Kinh nào không liễu nghĩa?

Đại sư Thanh Lương đáp: Thuận Tông Hoàng Đế Vấn Chư Kinh Liễu Nghĩa chép: giáo pháp một đời của Phật, nếu y theo việc gốc thì tám muôn độ môn đều là liễu nghĩa, nếu viên khí thọ pháp thì pháp nào cũng viên, được do người cũng đều là liễu nghĩa, hai điều này không đủ để phân biệt. Nay y theo pháp môn phương tiện chỉ bày tính chân thật,

thì có liễu, bất liễu. Cho nên các kinh: Tịnh Danh, Niết-bàn, Bảo Tích đều chép: y vào kinh liễu nghĩa, không nương vào kinh bất liễu nghĩa. Kinh bất liễu nghĩa là nói Tiểu thừa giáo, Kinh liễu nghĩa gọi là giới Đại thừa. Đại thừa lại có liễu, không liễu, nghĩa là Đại thừa tuy sáu Độ, bi, trí, gồm tu, mà định nói tam thừa chẳng phải một, cũng chẳng liễu nghĩa, nếu có hội quy nhất cực. Vì Huyền Lô Đào đối với các tượng. Biển trí chung ở muôn dòng! Không hai, không ba không phải không thành Phật, lý quán trung đạo không chung với Nhị thừa, mới là liễu nghĩa. Lại, trong kinh Đại Bảo Tích chép: Xá-lợi-phất! Đối với kinh nào gọi là liễu nghĩa? Đối với kinh nào gọi là bất liễu nghĩa?

Xá-lợi-phất! Nếu các kinh nói về thế tục gọi là bất liễu nghĩa, nói thắng nghĩa gọi là liễu nghĩa, nói về tạo nghiệp gọi là bất liễu nghĩa, nói nghiệp phiền não hết gọi là liễu nghĩa, nói nhàm chán xa lìa sinh tử, thẳng cầu Niết-bàn gọi bất liễu nghĩa. Nói: sinh tử và Niết-bàn không hai không khác gọi là liễu nghĩa, nói các văn cú khác nhau gọi là bất liễu nghĩa, nói sâu sa khó thấy khó biết gọi là liễu nghĩa.

Giải thích rằng: y theo trên nói thì hành tướng liễu nghĩa, đều tương đương với Viên giác. Ngay nơi Phật tự chọn lựa cho nên lẽ ra không có hoặc. Kinh là Khế kinh, cũng như trên giải thích, liền theo sự đơn giản, lại lược bỏ chữ Khế.

Hỏi: Tu-đa-la và kinh chỉ là văn khác nhau của tiếng Phạm đời Đường, nay cả hai để vào đề mục, đâu chẳng phải rườm rà ư?

Đáp: Trên thì chỉ chung các bộ, ở đây thì chỉ kinh này, đối chung khen riêng, cho nên chẳng phải rườm rà. Cũng như kinh Đại Phương Đẳng Tu-đa-la vương, đâu chẳng phải cũng bốn chữ Tu-đa-la vương là chỉ chung các bộ để khen ngợi kinh ấy ư!

2. Nói về người dịch kinh:

Sa-môn nước Kế Tân là Phật-đà-đa-la dịch. Trong Khai Nguyên Thích Giáo Mục Lục chép: Phật-đà-đa-la đời Đường dịch là Giác cứu, người nước Kế Tân bắc Ấn Độ, ở đông đô chùa Bạch Mã, dịch bộ Kinh viên giác, không ghi năm tháng, Tục Cổ Kim dịch kinh đồ kỷ, và trinh nguyên mục lục cũng giống nhau. Bản sớ của Pháp sư Đạo Thuyên chùa Tạng Hải ở bắc đô lại chép: Tam tạng Pháp sư Phật-đà-đa-la người Yết thấp di la, vào năm Quý Tỵ thuộc niên hiệu Trường Thọ thứ 2 đem bản tiếng Phạm đến thần độ, ở chùa Bạch Mã truyền dịch hai quyển, tổng cộng hai mươi tám tờ. Trong đó sự ghi chép, chứng nghĩa, nhuận văn, các đức đủ như lục khác. Dưới đây chính thức giải thích văn kinh, chia làm ba phần, đó là phần tựa, phần chính, và phần lưu thông. Trong bài

tựa thì chứng tín là phát khởi, nói Phật nhập đại quang minh tạng, cùng tất cả Phật đồng trú trong giác địa thanh tịnh của chúng sinh, hiện khắp các cõi, Bồ-tát chủ bạn đều vào chánh định, cùng một cảnh Phật để nói lên nhân quả không khác, phàm Thánh cùng nguồn, hiển phát chỉ thú kinh này như thế. Nhưng bài tựa chứng tín các kinh đều giống nhau, là A-nan thưa thỉnh, Phật dạy để nhập, cũng là dứt sự nghi ngờ, tranh chấp và các điều tà vạy khác. Nhưng tuy có sáu thứ thành tựu, nhưng ở đây tùy theo văn đều chia ra rộng-lược, có ba phần:

3. Nói về sáu thứ thành tựu:

1. Tín văn thời chủ.
2. Thuyết xứ y chân.
3. Pháp chúng đồng thể.

1) Trước là tín văn thời chủ.

a) Tín thành tựu: Như vầy: lại gồm cả tôi nghe hợp lại giải thích, tức là từ chỉ pháp. Pháp như vầy tôi nghe Đức Phật nói. Luận Phật Địa chép: nghĩa là khi kiết tập các chúng Bồ-tát đều thỉnh nói, như điều ông đã nghe sẽ nói như thế, Bồ-tát truyền pháp liền cho phép kia nói, như vậy sẽ nói: Như điều ta đã nghe, giải thích rằng vì kinh Phật Địa được nói ở tịnh độ, luận giải thích người kiết tập nói là Bồ-tát

Lại, Toản linh ký chép: Tạng Đại thừa, Văn-thù-sư-lợi và A-nan-hải kiết tập ở giữa núi Thiết vi. Ly thích như thế là tín thành tựu. Trí luận chép: Phật pháp như biển lớn, tin thì vào được, có trí thì qua được. Tín, ý nói việc này như vậy, không tin ý nói việc này không như vậy, cho nên tăng Triệu nói: Từ ngữ tin thuận, tin cho nên lý nói ra là thuận, thuận thì đạo thầy trò được thành.

Lại nữa, bậc Thánh nói pháp chỉ vì nói lên chân như, chỉ như là thế, cho nên gọi là như thế, lại nữa chân không trái tục, gọi như, tục thuận theo chân là thị, lại như: là nói theo lý, thị là chẳng phải vô.

b) Văn thành tựu: Lại nữa "hữu vô" không hai là như, như chẳng phải hữu vô là thị, nếu chỉ y theo kinh này thì Phàm Thánh, nhân, quả không khác viên giác gọi là như, chỉ có nhân quả này mới lìa lỗi lầm là thị. Tôi nghe là nghe thành tựu, tôi tức là Văn-thù và A-nan-hải, Năm Uẩn giả vì sao nói tôi? Ngã có bốn thứ:

1. Biến kế của phàm phu.
2. Chấp tông của ngoại đạo.
3. Các bậc Thánh tùy theo thế tục nên giả chia ra chủ khách.
4. Pháp thân chân ngã.

Ở đây chính là hai thứ sau, cho nên không lỗi. Nghe nghĩa là nhĩ

căn phát thức, tuy nhân chỗ tai, bỏ riêng theo chung nên gọi là tôi nghe, chẳng phải tâm tà mạn mà có sở thuyết, nếu là tông vô tướng thì tôi đã không, tôi nghe cũng không nghe, từ duyên không cho nên không hoại giả danh tức không nghe mà nghe như vậy, nếu y theo pháp tánh thì chỉ thú kinh này là Bồ-tát truyền pháp, do sự nhiệm mầu chân ngã của ngã, vô ngã không hai, căn cảnh chẳng phải một, chẳng phải khác nên tai nghe pháp môn chân tục không ngại.

Môn thứ mười là đi vào chánh văn:

c) Thời thành tựu: Một thuở nọ là thời thành tựu, thầy trò hội họp nói nghe rốt ráo, nói chung là một thuở nọ. Một thuở nọ để phân biệt với các thuở khác, thuở là tùy theo thế tục giả lập, Như Lai nói kinh có vô lượng thuở, không thể nêu riêng, một lời nói sơ lược mà cũng khắp nên chỉ nói một thuở nọ. Như kinh Niết-bàn chép: "Một thuở nọ, Phật ngự bên bờ sông Hằng...". Lại, các nơi chia thuở ra dài ngắn khác nhau, cho nên chỉ nói một thuở nọ, nếu y theo đương tông, tức là thuở nọ của nghe, tâm cảnh bị mất nơi lý, trí dung cả phàm Thánh, như bổn giác thỉ giác hội lại, các thứ hai pháp này đều là thuở nọ của một.

d) Chủ thành tựu: Bà-già-bà là chủ thành tựu. Kinh Niết-bàn chép: có khả năng dứt bỏ phiền não gọi là Bà-già-bà, tức là đức dứt, để hiển bày pháp thân, các kinh nói về Tịnh độ thì không chia pháp thân, báo thân, chẳng phải ứng thân hóa thân.

Cho nên kinh Phật Địa chép: "Bạc-già-phạm này là tịnh giác thanh tịnh bậc nhất", cùng tột pháp giới, cùng tận hư không, cùng tận vị lai, nếu theo các kinh, thì chữ Phật này, thường dịch là giác giả. Nghĩa là tâm thể lìa niệm vì hiểu rõ chân vọng tánh tướng. Giác có ba nghĩa: tự giác, giác tha, giác mãn.

Nếu y theo luận Phật Địa thì có mười nghĩa, nghĩa là có hai trí lìa hai chướng, đối với tất cả tánh tướng có khả năng tự khai giác, cũng có khả năng khai giác cho tất cả hữu tình, như ngủ thức giấc, như hoa sen nở, nên gọi là Phật. Nếu theo Hoa nghiêm thì nói mười loại Phật, nghĩa là thành chánh giác Phật, nguyện Phật, nghiệp báo Phật, trú trì Phật, Niết-bàn Phật, pháp giới Phật, tâm Phật, Tam-muội Phật, bổn tánh Phật và tùy nhạo Phật, nếu ra khỏi thể ấy tức là viên giác. Như trong đề giải thích hai thuyết trong tựa đề. Nương chân là xứ thành tựu, nghĩa là Phật nhập nguồn pháp tánh, hiện vô biên vô ngại cõi, cũng không định phân tự tha thọ dụng, cho nên nói nương chân. Nhưng các kinh Đại thừa nói trong tịnh độ, nay lược nêu mười kinh để làm ví dụ: kinh Thâm mật, kinh Pháp tập, kinh Xưng tán Đại thừa, kinh Mật nghiêm, kinh Tâm

ấn, kinh Hưng hiển, kinh Đại Tỳ-lô, kinh Nhập ấn pháp môn, kinh Hư không tạng, kinh Phật địa. Nói: Tôi nghe như vậy, một thuở nọ Bạc-già-phạm, trụ trong ánh sánh rực rỡ nhất, phát ra ánh sáng soi chiếu khắp vô biên thế giới, trùm khắp không có bờ mé, vượt qua ba cõi, chỗ đã đi qua, luận ấy giải thích rằng: cõi này thuộc về cõi thọ dụng, Phật nói kinh này là thân thọ dụng, tịnh độ này bờ mé vô biên tế cho nên như vậy. Là cõi lẽ ra Bồ-tát Địa thượng phải thấy nghe, vì sao ở trong cõi hóa này kiết tập truyền bá?

Luận tự đáp rằng: Phật nói cho các Bồ-tát Địa thượng nghe, dạy truyền pháp là kiết tập lưu thông, lại nói: khi Phật nói kinh này thì đại chúng Địa tiền, thấy thân biến hóa ở cõi uế này nói pháp cho họ nghe. Đại chúng Địa thượng thì thấy thân thọ dụng ở tịnh độ của Phật nói pháp cho họ nghe. Chỗ nghe tuy đồng, nhưng chỗ thấy đều khác, vì khiến cho chúng sinh nghe nguyện cao siêu chứng đắc công đức của Phật, cho nên y theo sự cao siêu ấy mà được kiết tập, nói Bà-già-phạm trụ trong tối thắng... Trong văn có hai:

- Trước là nhiếp tướng về chân
- Sau là xứng chân hiện cõi.

Trong phần đầu có ba:

1. Nêu nhập vào nguồn trí dụng.
2. Nói đồng thể với Phàm Thánh.
3. Nói chung về xứng thể trùm khắp.

- Ở đây trước nêu nhập vào nguồn trí dụng, vào trong thần thông đại quang minh tạng, tạng: là kho tàng bảo tánh pháp giới, khởi tín tâm chân như, là cội nguồn của chư Phật và chúng sinh tánh thể thần thông quang minh, đức dụng như cát bụi đều chứa đựng trong đó. Trăm ngàn ánh sáng đều từ đây sinh ra, cho nên nói Tạng, cũng gọi pháp tánh, độ cũng gọi cõi Thường tịch quang, dứt các phân biệt, trí và lý thầm hợp, gọi là nhập. Nhưng chư Phật có thường quang, phóng quang nếu nói về thường quang thì quang tức là Tạng, nghĩa là tâm tánh vốn sáng suốt vì mê nên dường như tối tăm, vọng tưởng đã trí tuệ ánh sáng rực rỡ chiếu khắp pháp giới, nếu nói theo phóng quang và khởi thần thông thì tức là kho thần thông quang minh.

Tam-muội chánh thọ: là nêu cả Hán và Phạm, chánh thọ là An trú trong tạng không nhận các thọ. Lại Tam-muội, Hán dịch chánh tư, nghĩa là khi ở trong định đối với cảnh sở duyên suy nghĩ quán sát chân chính.

- Nói về Phàm Thánh đồng thể: đã vào nguồn ấy thì tức là đồng

với thể ấy, cho nên luận chép: vô lậu vô minh bao nhiêu nghiệp huyễn đều đồng tánh tướng chân như, Hoa Nghiêm cũng chép: Tâm, Phật và chúng sinh, ba thứ không khác nhau, trong văn có hai: Trước nói Thánh đồng. Tất cả Như Lai mười phương ba đời. bổn giác gọi Như, Thỉ giác gọi Lai, Thỉ, bổn không hai gọi là Như Lai, cho nên chúng sinh có bổn không thỉ, như này không lai. Quang Nghiêm là lớp lớp ánh sáng xen nhau chiếu soi rực rỡ. Trú là an trú dứt hẳn phan duyên. Trì là giữ gìn không mất không hoại, sau nói về phàm đồng.

Các chúng sinh này thanh tịnh giác địa, quên chân khởi vọng, vọng thấy chúng sinh, thể vọng vốn không, toàn là bản giác, tâm địa vọng không bị nhiễm nên nói thanh tịnh. Luận chép: tất cả chúng sinh xưa nay thường trụ Niết-bàn, nhưng Thánh chứng cảnh này, nói thẳng là trú trì. Phàm phu không biết đồng, chỉ cho giác địa.

- Nêu chung về xứng thể trùm khắp: Thân tâm vắng lặng bình đẳng bổn tế, phàm Thánh thân tâm chấp tướng nên dường như khác, tướng đều luống dối, đương thể vắng lặng, vắng lặng cho nên bình đẳng đều đồng. Một bản tức mé gốc viên giác. Đầy khắp mười phương, đã không khác thể giác, theo thể tròn đầy trùm khắp pháp giới.

Không hai thuận theo là thuận theo không hai, là từ ngữ nói ngược của Tây Vực, người dịch đảo văn không hết. Sinh tử, Niết-bàn là hai, phàm phu thuận theo sinh tử, Nhị thừa hướng Niết-bàn, nay đều không trụ cho nên nói thuận theo. Lại nữa, y báo thì tịnh và uế không hai, chánh báo thì chúng sinh và Phật không hai, khắc thể thì thân tâm không hai, gồm chung thì tự tha không hai, tương ưng với ở đây là thuận theo.

e) Xứ thành tựu: Hai: xứng chân hiện cõi: đối với cảnh không hai, Phật không có ý niệm hiện cõi, như gương sáng vô tâm.

Hiện các tịnh độ: vô niệm, mà ứng duyên, như gương sáng vô tâm mà hiện hình ảnh. Cho nên Tăng Triệu nói: cõi tịnh hay cõi uế là tùy theo sở thích của chúng sinh. Tịnh là dùng ngọc báu hiển bày, uế: dùng ngói gạch để hiển bày. Tốt xấu tự kia với ta bất định. Cõi bất định mới gọi là tịnh độ, tùy loại ứng khắp nên nói là các. Nhưng cõi tuy nhiều thứ nhưng không ngoài ba thứ sau:

1. Pháp tánh
2. Thọ dụng
3. Biến hóa.

Nếu chia ra thọ dụng tự tha thì thành bốn cõi. Chung lại chỉ có hai thứ: là tịnh và uế, hoặc tánh và tướng. Nhưng hai thứ này:

- Chất không thành tịnh uế, đầy vơi, khác chất không thành một,

lý là bình đẳng, có chất không thành, tìm nguồn thì mờ tối, không có chất thì bất thành, duyên khởi muôn hình, hình đoạt viên dung không có chướng ngại. Phàm Thánh một thể là từ tự thọ dụng nhập vào cõi pháp tánh. Ở đây lẽ ra các Bồ-tát từ pháp tánh hiện tha thọ dụng. Cho nên lại nói: cùng đại Bồ-tát cho đến đồng trú trong pháp hội bình đẳng của Như Lai, ba pháp chúng đồng thể. Văn có ba:

- Nêu chung: Cùng với Đại là cùng các vị đăng địa trở lên.
- Bồ là Bồ-đề, Hán dịch là Giác, tức quả Phật sở cầu.
- Tát là Tát-đỏa, Hán dịch là Hữu tình, tức chúng sinh được hóa độ, lại nữa người này có sự hiểu biết của liễu ngộ, các tình duyên lự khác. Lại nữa, đây là hữu tình cầu Bồ-đề.
- Ma-ha-tát: Ma-ha là Đại, nghĩa là hữu tình nầy tin pháp Đại thừa, hiểu nghĩa Đại thừa, phát tâm Đại thừa, hướng quả Đại thừa, tu hành Đại thừa, chứng đạo Đại thừa. Cho nên, trong Hoa nghiêm phần địa tiền nói Ma-ha-tát, nhưng nay nêu lên chỉ là địa thượng, đủ mười muôn người (nêu số lượng) một thời gian, một nơi chốn, một nêu riêng.

Tên là: bậc Thánh vô danh, được chúng sinh gọi tên, phần nhiều y theo đức hạnh, tùy nghi nêu riêng, lập ra ngàn muôn khác nhau đều có chỗ biểu hiện, ở đây đều dùng luận nói pháp nghĩa để giải thích tên gọi ấy, văn lý rõ ràng, chẳng phải gượng xuyên tạc.

4. Các vị Bồ-tát nghe kinh:

f) Chúng thành tựu: Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi: Hán dịch là Diệu Thủ, cũng nói Diệu Cát Tường, biểu hiện trí tin hiểu. Cũng dịch là Diệu Đức: tiêu biểu cho chứng trí. Trong văn nói bổn khởi nhân địa, rốt ráo chân vọng để thành chánh giải, thành tựu tín căn, người thưa hỏi lẽ ra là vị Bồ-tát này.

Bồ-tát Phổ Hiền: lược có ba giải thích.

1. Giải thích theo tự thể: thể tánh trùm khắp gọi là Phổ, tùy duyên thành đức gọi là Hiền.
2. Giải thích theo các giai vị: cong ngay không sót gọi là Phổ, gần bậc á Thánh gọi là Hiền.
3. Giải thích theo đương vị: đức đều trùm khắp gọi là Phổ, mềm mại thuận hòa gọi là Hiền, biểu hiện lý hạnh, nay trong môn này y theo viên giác Diệu tâm nêu lên huyễn pháp, mà rõ được chánh hạnh, cho nên Bồ-tát kia hỏi hạnh giải không hai, tức là Tỳ-lô-giá-na, đó là ba vị Thánh, cho nên xếp kế sau Bồ-tát Văn-thù.

Bồ-tát Phổ Nhãn: từ pháp môn này dạy quán thân tâm không có tự thể, căn thức trần cảnh, thế và xuất thế, thân mình thân người, tất cả

thanh tịnh trùm khắp pháp giới, khắp đồng chư Phật, quán hạnh thành tựu mau thấy cảnh giới như thế, chính là Phổ Nhãn chân thật. Ở đây bao gồm bi trí, nghĩa là khắp thấy các pháp thanh tịnh là Đại trí Phổ Nhãn, khắp thấy chúng sinh thành Phật, là đại bi Phổ Nhãn.

Bồ-tát Kim cương Tạng: từ dụ mà đặt tên, Kim cương cứng mà lại sắc bén, cứng nên không vật nào phá vỡ được, sắc nên có khả năng phá vỡ tất cả, Trí của Bồ-tát này cũng giống như vậy. Phiền não không thể xâm hại, ma bên ngoài không thể lay động gọi "kiên", có khả năng phá các chướng, dứt nghi hoặc của người, gọi là "sắc", cho nên khởi khó khăn sâu xa ba lần để tiêu trừ nghi ngờ của thời mạt pháp. Tâm nghi đã không, thì có công đức vô tận, cho nên lại gọi là "tạng".

Bồ-tát Di-lặc: Hán dịch là Từ Thị, Từ là họ, tên là A-dật-đa, Hán dịch là Vô Thắng, đức tốt hơn người. Nay gọi theo họ nên chỉ nói Di-lặc, từ môn này nghiên cứu sâu xa gốc ái, gột trừ hoặc nhỏ nhiệm, cho nên năm tánh tu chứng đều thuộc về luân hồi. Di-lặc là Bồ-tát Đẳng giác Nhất sinh bổ xứ (một đời nữa là Bổ xứ thành Phật) biểu hiện dứt trừ hoặc tập nhỏ nhiệm thì được Chánh giác tròn sáng.

Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ: biểu hiện trong tướng nhân quả địa vị tu chứng ở pháp môn này, trí tuệ không trụ, không đắm, tâm rỗng rang quên tướng, không bị tướng hạnh vị khác nhau làm nhiễm.

Bồ-tát Oai Đức Tự Tại: thành tựu ba quán, công dụng lợi ích mạnh mẽ, tà ma không thể nhiễu loạn, mộng tưởng mê hoặc không thể xâm lấn.

Bồ-tát Biện Âm: Phật nói bằng một âm thanh mà hợp cơ muôn loài tuy môn này nói chung về ba quán mà tùy căn cơ cạn thấp khác nhau, vì thế hai mươi lăm luân mỗi vị đều chứng nhập, Bồ-tát này khéo Biện biệt tùy loại âm thanh tròn đầy, cho nên có câu hỏi ấy.

Bồ-tát Tịnh Chư Nghiệp Chướng: Tất cả nghiệp chướng đều hết, nương bốn tướng sinh ra, môn này hỏi đáp trừ hết các nghiệp, tự nhiên thanh tịnh.

Bồ-tát Phổ Giác: Các lỗi lầm trước đây đã lìa, bốn tướng lại trừ hết, nhưng với dụng ý tâm hạnh vẫn trừ bệnh "tác chỉ nhậm diệt", giác vẫn chưa khắp, đến đây phải chọn bốn bệnh, giác tánh không dấu vết, hiểu khắp các bệnh, cho nên ngay đây hoặc chỉ đủ, hiểu hết gốc ngọn, hiểu khắp thô tế, hiểu rõ cạn sâu.

Bồ-tát Viên Giác: Nhưng các vị Bồ-tát trong phần chánh tông này hỏi đáp với Phật, nêu ra bổn ý, muốn hiển bày viên giác, nhưng vì nhiều lỗi lầm chưa hết, ý nghĩa chưa tròn, thu nạp căn cơ chưa khắp, cho nên

bày tỏ pháp của Bồ-tát mà chưa nêu tên viên giác. Ở đây có ba ý được gọi viên giác:

1. Trước tuy bệnh hết lý viên, nhưng sợ căn cơ bậc hạ khó nhập, ở đây lại mở ra phương tiện quanh co ba kỳ đạo tràng, tức là thượng căn, trung căn, hạ căn khắp trở về viên giác.

2. Từ trước thứ mục, hạnh giải đã viên, đến đây gọi là chứng cực, cảnh của chứng cùng cực lại không có thể tách riêng, chỉ là viên giác.

3. Đầu tiên nêu lên ý chỉ viên giác là môn Đà-la-ni: từ gốc sinh ngọn, nay nói lên nghĩa đã cùng khắp trở lại viên giác, nhiếp ngọn về gốc, biểu hiện ba ý ở đây cho nên tương đương với môn này.

Bồ-tát Hiền Thiện Thủ: Điều nhu thiện thuận gọi là Hiền, Hiền và Thiện ý nghĩa không khác nhau, Hiền thì á Thánh, Thiện thì thuận lý, thủ là đứng đầu, muốn cho muôn thiện đều hưng thịnh, đều thuận chân lý thành chánh nhân vị, á là thứ Thánh quả, phải mượn kinh giáo truyền bá, kinh giáo được truyền bá là đứng đầu của Hiền Thiện, trong phần lưu thông thì tương đương với Bồ-tát này.

Đẳng: có hai ý:

1. Đẳng sở liệt

2. Đẳng sở dư.

Là bậc Thượng thủ, là nêu lên cương lãnh của mười muôn.

3. Khen ngợi chung.

5. Quyến thuộc của các Bồ-tát:

Cùng các quyến thuộc, chúng xứng tánh, thì phải có chủ bạn. Như kinh Hoa nghiêm chép: Đây y theo tự tha dung nhiếp, nếu chỉ y theo tự tâm, thì trí độ là mẹ... Đều vào chánh định, do vào chánh định nên được trụ cảnh Phật. Đồng an trú trong pháp hội bình đẳng của Như Lai, ngay lúc ấy phàm Thánh đồng thể, nhất tướng nhân quả nên gọi là pháp hội, hội của pháp tánh không ngã không nhân, từ đó trở xuống trong phần chánh tông có mười một lần hỏi đáp. Gom lại làm hai: Ban đầu một lần hỏi đáp, khiến tin hiểu chân chánh thành nhân bổn khởi. Sau mười lần hỏi đáp, khiến y vào hiểu tu hành, tùy căn cơ chứng nhập.

Ban đầu đốn ngộ viên giác diệu tâm sẵn có, vốn không có vô minh, sinh tử mới gọi là tin hiểu chân chánh, không theo vọng niệm, không chấp dị kiến. Thành bổn khởi nhân: là nhân phát khởi đầu tiên, nhưng nhân địa đốn giáo gồm có ba lớp, ban đầu liễu ngộ giác tánh, kế là phát tâm Bồ-đề, sau đó tu hạnh Bồ-tát, nghĩa là nếu không hiểu tự tâm làm sao biết được chánh đạo? cho nên nhiều kiếp tu hành chẳng phải Bồ-tát chân thật. Kế không phát tâm rộng lớn thì không nhờ đâu

khởi hạnh, vì thế trước Thiện Tài trình bày đã phát mới hỏi hạnh môn. Trong luận trước cũng chỉ bày hai giác, kế là dạy phát ba tâm, sau mới tu năm hạnh. Nay nhân bổn khởi tức là hai hạnh đầu. Cho đến văn sẽ chỉ bày, trong văn có bốn:

1. Thân thỉnh.
2. Khen ngợi, hứa khả.
3. Lắng nghe.
4. Chính nói.

Dưới bốn đoạn này có mười phần đều giống nhau. Trong phần đầu có ba:

a) Hỏi oai nghi
b) Trình bày từ cú.
c) Ba lần thành kính.

Mười đoạn sau đây, đều có ba điều này, ở đây:

* Trước hỏi oai nghi, bấy giờ chỉ cho từ chú thích. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi: Danh nghĩa đã giải thích như trên, sau đây là nói nghi thức cầu pháp cung kính.

6. Đảnh lễ dưới chân Phật:

Ở trong đại chúng liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi, cùng tất cả phàm Thánh đồng an trú trong pháp hội bình đẳng, từ thể của pháp không liền khởi dụng thương xót cứu giúp.

Đảnh lễ dưới chân Phật: dùng đảnh tôn quý nhất của mình, lễ dưới chân là chỗ thấp hèn nhất của Phật là rất cung kính. Cung kính là ý nghiệp, ý nghiệp không có hình tướng, do thân miệng biểu hiện, kinh nêu lời rõ ràng và sau đây khen ngợi bi tức là khẩu nghiệp. Hữu nhiễu là nghĩa thuận theo, biểu hiện thuận với giác tánh. Tam táp là ba vòng, nói lên Phật một lễ, ba ngôi báu, ba thân, ba đức, tiêu biểu tự nguyện dứt trừ ba đường,... có số ba bày rõ nghĩa so sánh rất dễ hiểu. Trường quỳ là quỳ thẳng: an ổn nguy khốn không đổi, xoa thủ là chắp tay: Tin hiểu hợp với thể, tâm cảnh xen nhau. Bạch Phật rằng: Ở trên đều là do người dịch kinh thêm vào. Kế đến là Bồ-tát trình bày từ cú, văn chia làm ba.

Một là hỏi về tâm bổn khởi:

Đại bi: Thưa hỏi pháp yếu, vốn vì chúng sinh, cho nên nêu riêng đức đại bi. Kinh Lục Ba-la-mật chép: Vì sao đại bi có công năng để xuống gánh nặng, chỉ bày nghĩa cao siêu? Vì thành tựu hữu tình an trú pháp tánh.

Thế Tôn là hiệu thứ mười, đủ chín hiệu trên được người đời tôn kính, nguyện vì hội này là pháp hội bình đẳng. Các chúng đến nghe

pháp đều xưng pháp tánh. Nói về là chỉ cho pháp được giảng nói dưới đây.

7. Bồ-tát Văn thù thưa hỏi pháp yếu:

Bổn khởi của Như Lai là pháp đầu tiên do căn bản xưa của Phật khởi lên.

Thanh tịnh là bản thể viên chiếu vốn không có phiền não.

Nhân địa là tâm địa mà nhân hạnh nương vào, văn trên nói: là giác địa thanh tịnh của các chúng sinh .

Pháp hành xứng với hạnh chân pháp, kinh đại tập chép: Nếu có Tỳ-kheo đọc tụng mười hai bộ kinh của Như Lai, ưa vì bốn chúng giảng nói rộng suy nghĩ nghĩa ấy, đó gọi là ưa đọc cho đến đó gọi là suy nghĩ. Không gọi pháp hạnh: Nếu có Tỳ-kheo quán xét thân tâm, cho đến cảnh giới đều dứt, lìa hẳn phiền não, tâm kia vắng lặng thì ta nói gọi đó là pháp hạnh. Nhưng điều Bồ-tát thưa hỏi ý nói muốn cầu quả phải quán nhân nếu nhân chẳng thì quả trở thành vọng, như đúc tượng Phật bằng vàng ròng, trước phải làm được vàng thật, khi thành tượng thì thể không thêm bớt, thỉnh nói nhân địa bổn khởi là chỗ muôn hạnh nương vào. Văn sau Phật trả lời: soi chiếu tịnh giác vốn không vô minh... là thể chân. Tức là liễu ngộ giác tánh bậc nhất ở trước.

Hai là hỏi phát tâm lìa bệnh: Và nói: và có hai nghĩa: 1. Phân biệt với nghĩa trước, nói lên hai lần hỏi. 2. Hợp với nghĩa tập, chẳng những thỉnh nói nhân địa mà cũng đề cập thỉnh nói phát tâm. Bồ-tát đối với Đại thừa, thể của Đại thừa là bổn giác, thỉ giác, nay thỉnh đối với tâm giác ngộ nói là phát tâm.

Ba là Phát tâm thanh tịnh: Tức là phát tâm Bồ-đề thứ hai ở trước. Thẳng tâm chánh niệm chân như cho nên thanh tịnh, vì thế trong kệ nói: tâm Bồ-đề.

8. Dẫn kinh làm sáng tỏ:

Kinh Hoa nghiêm chép: Quên mất tâm Bồ-đề mà tu các gốc lành là bị ma nhiếp giữ, đã bị ma nhiếp giữ tức là rất nhiều lỗi lầm. Cho nên nhân duyên xin phát tâm là khiến được xa lìa hẳn, hơn nữa bên trong quên mất gốc lành còn bị bị ma nhiếp giữ huống gì đều chưa phát tâm các hạnh, đâu lìa được nghiệp kia. Xa lìa các bệnh, sau khi phát thì không bao giờ quên mất, không quên mất cho nên ma hoặc không quấy nhiễu, dưới đây Phật trả lời: hữu vô (có không) đều xa lìa giác chiếu cũng dứt, năng sở bặt dứt tức lìa các bệnh. Đây là không phát tất cả tâm, gọi là chân phát tâm thanh tịnh. Ba là nói xa trùm đương lai. Có công năng khiến chúng sinh thời mạt pháp ở đời vị lai, sau Phật diệt

độ, chánh pháp, tượng pháp mỗi thời kỳ một ngàn năm, mạt pháp mười ngàn năm. Mạt pháp tức là thời cuối cùng, cách Thánh rất xa lo nghĩ sâu xa, cho nên nói lên trong lợi ích riêng kiết thúc chỉ bày. Lại, trước nêu hội này, sau kiết thúc đương lai, sơ lược mà nói, hiện tại, vị lai đều lợi ích. Trong kinh Kim cương Tam-muội, Bồ-tát Giải Thoát cũng là chúng sinh cõi đời có năm thứ uẩn đục thời Mạt kiếp, thỉnh nói một vị quyết định chân thật giúp cùng nhau giải thoát.

Cầu Đại thừa: không rơi vào tà kiến, nghĩa là trong thời mạt pháp chánh giải khó được, bị vọng hoặc mê tâm năm dục, hoặc huân tập đạo khác, hoặc mắc kẹt Nhị thừa, đặt ngoài lời nói, dù có phát ý cầu Đại thừa, nếu không nghe pháp môn này thì cũng rơi vào tà kiến, lìa ngoài bổn tâm có sở cầu riêng, thấy vọng thấy chân đều là tà kiến, sau ba lần thành kính.

Nói lời ấy rồi: Nói lời chân chánh mà đảnh lễ, chẳng có nghi thức. Năm thể tức hai tay, hai chân và đầu. Gieo xuống đất: không chỉ tay vái mà thôi.

Như thế ba lần xin, cuối cùng trở lại đầu. Nếu chỉ một lượt thì chưa cung kính thành thật, hoặc quá ba lần lễ phiền phức thì lộn xộn, cho nên đầu cuối ba vòng, hiển bày chân tâm, Phật tuy đã biết, làm khuôn phép như thế. Hai là khen ngợi, hứa khả.

Lúc bấy giờ: là lúc Văn-thù lễ xong.

9. Phật đáp lời ngài Văn thù:

Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi rằng: Trước khen ngợi sau hứa khả. Lành thay! Lành thay. Luận Trí Độ giải thích: Lời nói lại rất tốt. Liễu nghĩa Đại thừa lý hợp tuyên dương, hạt cải trên đầu kim chưa hợp nhau lại im lặng pháp yếu. Đã mở pháp hội căn cơ thuần thục đều đến, sẽ giảng nói diệu môn hẳn là giúp nêu câu hỏi lời thỉnh hiện nay sự thật bắt đầu ở ta, lợi lạc thật nhiều lại khen là tốt.

Thiện nam các ông, các vị Bồ-tát tuy lời của một người mà nói ý của nhiều người. Vì các vị Bồ-tát thưa hỏi nhân địa pháp hạnh của Như Lai và ví tất cả chúng sinh đời mạt pháp cầu Đại thừa dưới đây cho đến không rơi vào tà kiến. Là từ ngữ nhắc lại lời thưa hỏi là nói về lý do của điều lành.

Được chánh: chẳng trụ vào pháp. Trụ: Là an tâm vào biển giác, dứt hẳn phan duyên. Trì: Là giữ gìn muôn hạnh không lọt không mất. Không rơi vào tà kiến, là giải thích thành chữ chính. Nay các ông hãy lắng nghe, sẽ giảng nói cho các ông: là hứa khả, bảo hay suy nghĩa kỹ chớ xen lẫn các duyên, không dùng tâm hạnh sinh diệt nghe pháp thật

tướng. Luận Trí Độ: Có bài kệ rằng: Người nghe nhìn thẳng như khát cần uống nước, nhất tâm vào trong ngữ nghĩa, hớn hở nghe pháp tâm vừa vui vừa buồn, người như vậy mới nói cho nghe, ba là lắng nghe: Bấy giờ, là lúc Phật khen ngợi, hứa khả.

10. Đại chúng vui mừng lắng nghe:

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi vâng lời dạy vui mừng, và các đại chúng im lặng lắng nghe, đã hứa nói nguyện xin muốn nghe, trong sạch tâm rỗng rang lắng nghe, là văn khen ngợi hứa khả lắng nghe, mười một đoạn dưới đây đều cùng giải thích điều này. Bốn là chánh thuyết, văn mười đoạn dưới đây đều có hai: Trước là văn xuôi kế là kệ tụng. Nay trước chia làm bốn.

1. Nêu bày chân tông.
2. Suy cứu tận cùng nguồn gốc của vọng.
3. Giải thích thành nhân địa.
4. Kiết thúc nhắc lại lời thưa hỏi.

Trong phần một lại có hai:

- Trước là nói tâm giác sẵn có.
- Sau nói ngộ thì thành Phật.

Trong phần đầu lại có hai:

- Chỉ ra bản thể

11. Chúng sanh nào cũng có Viên giác:

Này thiện nam: Vô thượng Pháp vương là Phật, đối với các pháp được tự tại lại không có người nào trên. Nhưng mặc dù không có một chúng sinh nào không đủ có viên giác, hơn nữa bụi trần chưa ra khỏi, kho báu còn âm u, vì không tự biết nên luống chịu nghèo khổ, chỉ Phật hoàn toàn được dụng kia, nên chỉ nói đấng Đại giác là có.

Hữu đại: đương thể là vô biên.

Đà-la-ni: Hán dịch là Tổng trì, nghĩa là trong thể Viên giác có đức dụng nhiều như cát, từ xưa đến nay giữ gìn không mất, nhưng Tổng trì không mất, Tổng trì có ba: thứ là chữ đa, chữ nhất, chữ vô, ở đây chính là chữ vô. Cho nên phẩm Đà-la-ni trong kinh Bảo Tích chép: Trí của Như Lai gồm nhiếp các sự khéo léo, lời nói ra đều thanh tịnh không có chút pháp sở đắc, đều trở về "không", cho đến các vị Bồ-tát này nhập vào môn Đà-la-ni. Nếu theo luận Trí Độ thì tiếng Phạm Đà-la-ni hơi khác một chút luận này tự dịch là Năng trì, cũng dịch là Năng già, nghĩa là các pháp lành giữ gìn không để mất, tâm ác bất thiện ngăn ngừa không cho sinh. Đã nói giữ lành ngăn ác, tức là gốc của muôn hạnh, nên ở đây nêu lên.

Môn: nghĩa là ra vào, Xuất: tất cả các pháp nhiễm tịnh đều từ trong đó lưu xuất ra, kế nữa văn nói: lưu xuất ra tất cả... dưới đây nói chúng sinh huyễn hóa vô minh... Nhập: nếu liễu ngộ thể dụng Viên giác thì trăm ngàn muôn pháp thảy đều ngộ nhập, cho nên văn sau nói: giác tròn sáng nên hiển bày tâm thanh tịnh, cho đến trùm khắp... cho nên biết muốn liễu ngộ muôn pháp, phải từ trong viên giác mà vào, lại từ gốc khởi ngọn là xuất, gom ngọn về gốc là nhập. Lại mê thì xuất, ngộ thì nhập, có nghĩa xuất nhập nên gọi là môn, trong đây môn là nghĩa căn bản, không đồng với pháp thế gian rằng môn nghĩa là hẹp và sâu. Kinh Bảo Tích hợp với trước lại chép: từ nơi môn sinh ra giác tuệ rộng lớn khác nhau, đây là môn của không môn, môn thanh tịnh. Hình tướng môn: giống như hư không, tất cả các pháp nương vào hư không mà có sinh diệt. Lại, Hà Trạch nói: một chữ biết là cửa của các điều mầu nhiệm, đều nói là căn bổn. Gọi là Viên giác, trên chỉ nói nghĩa tướng, còn ở đây là chỉ bày pháp thể, đã như trong tựa đề giải thích. Hai là nói về đức dụng.

12. Tâm đồng thì vọng nhiễm:

Lưu xuất chẳng phải có riêng, pháp từ trong lưu xuất ra ngoài, chỉ nương vào giác tánh hiển bày các môn, công đức không cùng tận, ứng dụng không nhàm mỏi, gọi là lưu xuất, vì thế luận chép: nếu tâm có động thì có nghĩa vọng nhiễm nhiều hơn cát sông hằng... đối với nghĩa này, tâm tánh không động thì có quá các công đức thanh tịnh nhiều hơn cát sông Hằng, nghĩa tướng thị hiện như vậy.

Tất cả thanh tịnh, là phân biệt với các pháp hữu lậu. Trái với chân lý, tánh vốn là không.

Chân như: Tự tánh viên giác vốn không có luống dối thay đổi, tức là chân như. Chân nghĩa là chân thật, nói lên chẳng phải luống dối. Như là như thường, nói lên không thay đổi, nghĩa là chân thật này đối tất cả vị thường như tánh của nói. Lại, chân: thể chẳng phải luống dối. Như: tánh không đổi khác, nguỵ là trá nguỵ. Dụ giống như vàng ròng, vọng là luống dối, ảnh như bản chất, khác là nói ngang, nhiều vật đồng thời mà mỗi vật thay đổi khác nhau, y theo chiều dọc và nói về nhất thể trước sau thay đổi, nay đều xa lìa các thứ này nên nói là chân như, nghĩa là thật thể này đối với vị lai thường như quá khứ, ở trong sắc thường như trong thọ, tướng chân thật là như chẳng phải vọng giống.

Luận chép: tâm chân như: tức là nhất pháp giới đại tổng tướng pháp môn thể. Cái gọi là tâm tánh không sinh không diệt, cho đến cuối cùng không biến hoại. Chỉ là nhất tâm nên gọi là chân như. Lại nói:

dụng chân như: chư Phật nhân địa nhiếp hóa chúng sinh không chấp tướng, vì các Đức Phật biết chúng sinh và chính thân mình, chân như bình đẳng chẳng có sự khác nhau, vì có trí phương tiện lớn như vậy, trừ diệt vô minh, thấy pháp thân sẵn có. Tự nhiên có công dụng của nghiệp chủng không thể suy nghĩ bàn luận.

Bồ-đề: Hán dịch là Giác, nghĩa thấy trong đề, thỉ giác bổn giác không hai, không pháp nào không biết, vốn không có vô minh cho nên gọi là giác. Hai, ba, bốn trí và phát tâm, phục tâm, minh tâm, vượt đến năm thứ Bồ-đề vô thượng, đều thuộc ở đây. Nhân tròn quả đầy đều đi qua. Nghiệp dụng vô biên không thể nói hết.

Niết-bàn: Hán dịch là Vắng lặng, chấp nghĩa loại nên có nhiều tên, đều dùng nghĩa dịch gọi là viên tịch, nghĩa là giác tánh đã viên thông thì pháp nào không vắng lặng, vốn không sinh tử, đầy đủ ba đức, bỏ ba tạp nhiễm... cho nên hai, ba, bốn thứ đều thuộc ở đây. Vì thế kinh kia chép: có thể lập nghĩa lớn, lại, kinh Hoa nghiêm chép: không làm Bồ-tát thị hiện Niết-bàn, muốn khiến cho thường thấy Phật tròn đầy. Nhưng vì khiến chúng sinh ưa thích lưu luyến nên hiện ra, rồi biến mất, Phật hằng ngày thường hiện trong pháp khí có tâm tịnh, người có tâm ô trược thì khí thân hoại vỡ không thấy được.

Và: để phân biệt với nghĩa nhân quả khác nhau, lại chẳng phải chỉ lưu xuất ra. Lý quả mà cũng nói về nhân.

Ba-la: Hán dịch là Bỉ ngạn. Mật, nói đủ mật-đa, Hán dịch là đáo. Nếu văn thuận với phong tục Trung quốc thì nên nói đáo bỉ ngạn. Nghĩa là xa lìa sinh tử bờ này, vượt qua dòng phiền não, đến Niết-bàn bờ kia. Nhưng tất cả chúng sinh chính là tướng vắng lặng lại không còn diệt nữa, vì mê mờ điên đảo vọng thấy sinh tử gọi là bờ này. Nếu ngộ sinh tử xưa nay vắng lặng gọi là đến bờ kia. Lại nữa, y theo đối dịch, sáu tế lược có sáu thứ, nghĩa là tính không san tham, hủy cấm, sân nhuế, biếng nhác, loạn động, ngu si, thuận theo bổn tánh tu hành-thí, giới, nhẫn, tấn, định, tuệ, đã xứng tánh mà tu, tức đều đến bờ bên kia. Trong luận Bồ-đề Tư Lương thì Tuệ là đầu tiên, do tuệ thành năm, năm giúp tuệ. Vì thế luận kia chép: đã là mẹ Bồ-tát, cũng là mẹ các Đức Phật, Bát-nhã ba-la-mật, là giác tư lương ban đầu, thí, giới, nhẫn, tấn, định và năm thứ còn lại này đều nhờ trí độ nên đều thuộc Ba-la-mật. Khởi tín nhiếp là năm, chỉ quán tướng do định tuệ tướng, tức là Duy thức. Được chia làm mười, giúp trị mười chướng, chứng mười chân như, nếu dịch chung các nhiễm tức là tám mươi bốn ngàn, nghĩa như dưới đây sẽ giải thích.

Giáo thọ Bồ-tát: là nói lên nghiệp dụng của pháp chân như nói ở

trên. Bồ-tát là sở giáo, chân như... là năng giáo, cho nên nói chân như là lý. Kế là hai quả Ba-la-mật là nhân lý, thật nhân quả, đáng làm khuôn phép. Nghĩa là y theo tình chấp kia thì dường như đều vô tình, đã vốn là không, đây chẳng phải mới được. Đốn ngộ lý ấy nương đó tu hành có thể sinh vật giải (hiểu biết) gọi là giáo thọ. Luận chép: thuận bổn tánh cho nên tu hành đàn độ... Niết-bàn cũng nói pháp là thầy của các Đức Phật. Sau nói ngộ thì thành Phật, trên lại nêu tông chưa được trả lời, nay nói lên ngộ thành Phật mới gọi là nhân bổn khởi. Nhân địa bổn khởi của tất cả Như Lai là nhắc lại lời hỏi.

Đều nương: Chẳng Đức Phật nào không như vậy.

Viên chiếu: tức là năng chiếu, xa lìa thiên chấp cục bộ. Tướng Thanh tịnh giác: tức là sở chiếu, vắng lặng rỗng không, chẳng liên quan năng-sở, chỉ vì ban đầu ngộ năng sở chưa quên cho nên nói tướng, đây chính là đồng với Thiện Tài ban đầu gặp Văn-thù, rõ ràng tìm hiểu thấy thân tướng kia, sau thấy Văn-thù, bày tỏ chứng trí, không thấy thân tướng.

13. Nhân để thành Phật:

Dứt hẳn vô minh, bản giác đã bày, vô minh vốn không, cuối cùng không sinh gọi là dứt trừ hẳn. Mới thành Phật đạo: các Đức Phật nhiều như cát bụi lấy đây làm nhân.

- Thứ hai: dứt sạch vọng tưởng, văn có hai, trước chỉ bày tướng ấy, sau hiển bày trí vốn không. Luận chép: Phật có hai cách nói pháp, trước phân biệt các pháp, sau nói rốt ráo không, chính là ở đây. Trong phần đầu có ba: nghĩa là nêu lên giải thích kiết thúc, ở đây trước nêu lên. Thế nào là vô minh? Là nêu lên để giải thích ở đây: có hai ý:

- Một do trước nói dứt hẳn vô minh, sợ rằng định có thể dứt ham muốn, đợi dứt hết mới thành Phật đạo. Nay nêu lên để giải thích vô minh vốn không

- Hai cho rằng vô minh này là gốc của tám muôn trần lao, đứng đầu mười hai nhân duyên. Hằng sa phiền não do đây mà sinh, luân hồi nhiều kiếp không dứt, sau khi ở tầng trời Phi tưởng định sanh xuống lại làm thân chồn, trong hầm vô vi vẫn gọi bệnh hành. Nay muốn sáng tỏ giác tánh thanh tịnh. Muốn hiển bày viên đốn là pháp môn vi diệu, trước không xóa bỏ vô minh, việc làm đều hết, giúp cho điên đảo, vì thế chắc chắn chân tâm sẵn có, liền xua tánh vọng, vốn không nương gá ở đây, liễu ngộ rõ ràng mới được gọi là nhân địa. Hai giải thích về vô minh: vô tha thì trí sáng, nghĩa là tuy có sáng của bản giác, mà không có sáng của thỉ giác. Thỉ giác theo duyên mới hiển rõ, đối với bổn nên gọi là Tha,

luận gọi bất giác, chỉ văn khác mà thôi, cũng gọi là mê, cũng gọi là điên đảo, luận nói: không biết đúng như thật pháp chân như là "một" cho nên bất giác tâm khởi... rõ quên chính mình. Đây nói vọng nhận bốn đại,... rõ ràng là nhận tha. Nhưng quên tự thì phải nhận tha, nhận tha thì phải quên tự. Hai: văn nêu lẫn nhau. Nghiệp dụng luận chép: sinh ra ba tế ở đây nói: do đây nên có sinh tử luân hồi. Nhưng tất cả pháp hữu lậu đều giữ gìn đây, đều là phát khởi đây, cho nên luận lại: phải biết tất cả cảnh giới của thế gian đều nương vô minh mà được giữ gìn. Văn ở dưới nói: các tướng thân tâm đều là vô minh. trong văn có ba.

1. Xét định kia là sai.

2. Giải thích tướng ấy.

3. Nêu ra lỗi lầm.

- Một xét định kia là sai: chỉ nói điên đảo, chưa hiển bày tướng ấy.

14. Chúng sanh từ vô thỉ đến nay chưa hề giác ngộ:

Này người thiện nam! Tất cả chúng sinh, ngoài tánh viên giác, còn lại đều bao gồm. Từ vô thỉ đến nay, chưa hề giác ngộ. Các thứ: như ở dưới sẽ nói. Điên: tâm thức cuồng loạn; đảo: bỏ giác theo trần, đảo có sở chấp, điên chỉ mê loạn, từ điên cuồng cho đến đảo loạn, như do mê mình cho nên nhận nó, giống như người mê bốn phương khác chỗ, như người vừa đến nguồn sông, hoặc vào làng xóm, thì bỗng nhiên tâm mê lầm cho Đông là Tây. Đã một phương mê ba phương khác đều chuyển, cho nên nói khác chỗ, nhưng khi đang mê phương hướng cũng không đổi, bổng nhiên tỉnh ngộ thì trở lại nơi cũ. Trở lại tìm mê này hoàn toàn không có dấu vết, không có chỗ xưa nay, không có chỗ hiện nay quá khứ.

Hai là giải thích tính tướng ấy: tức là quên pháp thân chân trí của mình, nhận bốn đại duyên niệm khác là tướng của vô minh. Cho nên Tăng Triệu nói: pháp thân giấu trong hình tướng, chân trí ẩn trong duyên lự. Văn có hai.

- Pháp: vọng nhận bốn đại làm tướng tự thân, cho là ngã. Nhưng bốn đại từ các duyên hòa hợp mà có, vô ngã vô chủ, rốt ráo là "không" lìa ngã, ngã sở. Lại, như văn dưới đây: da, thịt, gân, xương đều trở về đất, nhưng phàm phu gây ra các thứ nghiệp, nhiều kiếp luân hồi, do quên pháp thân của mình, chấp bốn đại này là ngã. Sáu trần duyên theo bóng dáng làm tướng tâm mình, ở đây có hai cách giải thích:

15. Nói duyên theo bóng dáng sáu trần:

- Sáu trần là cảnh, thức thể là tâm, tâm đối căn trần có tướng

duyên lự, tướng duyên lự như bóng dáng, nêu thể hoàn toàn vô. Tâm tự sáng rõ, vốn chẳng phải duyên, nay cho duyên lự là tự tâm, mỗi niệm, mỗi niệm tùy theo chìm nổi biển khổ, như hạt châu trong sáng vốn không sinh vàng, khi đối trước màu xanh... liền có ảnh tượng. Người ngu chấp màu sắc kia cho là hạt châu. Như mê tự tâm mà nhận lấy duyên ảnh. Cho nên Duy thức nói: Các tâm vương, tâm sở nương vào trần mà khởi, cũng như việc huyễn chẳng phải thật có, vì kiến chấp ngoài tâm, tâm sở thật có cảnh, nói chỉ có thức. Nếu chấp duy thức là thật có thì cũng là pháp chấp. Kinh Phật Đảnh chép: đây là bóng dáng phân biệt của tiền trần, cho nên biết duyên ảnh chắc chắn là không. Nếu chân tâm thanh tịnh thì vốn không duyên lự, tinh thần sáng suốt không mê muội, không trụ không căn, nay duyên theo tâm thật là luống dối.

- Một câu này người dịch kinh dịch không hết, ý nên nói duyên bóng dáng sáu trần, bóng dáng sáu trần là sở duyên, vọng thức là năng duyên, sáu trần không thật, giống như ảnh tượng. Từ thức sở biến, nêu thể tức không, cho nên duyên tâm này cũng là vô thể, ngoài ra giống như trước đã giải thích. Trước nêu điên đảo nói có các thứ, nói chung thì chấp ngã, chấp pháp, trong đó mỗi thứ có các tướng chuyển và phàm phu Nhị thừa, mỗi thứ đều có bốn đảo. Nếu y theo văn này thì tức là trên quên thân quên tâm, gồm có bốn cặp điên đảo. Đó là bốn đại chẳng phải ngã mà cho là ngã, pháp thân chân ngã mà không nhận, đó là cặp thứ nhất, bốn đại như huyễn, vốn không mà thấy có, pháp thân chân thật vốn có mà thấy không, đó là cặp thứ hai. Duyên niệm sinh diệt cho là chân tâm, chân tâm rõ ràng mà không tự nhận, đó là cặp thứ ba. Duyên niệm như màu đen trong hạt châu, hoàn toàn không mà chấp có, chân tâm như tướng sáng trong hạt châu, thật có mà thấy không, đó là cặp thứ tư.

16. Nếu ví dụ để làm sáng tỏ:

Một, ba ngã chấp; Hai, bốn pháp chấp, các kiến chấp này không nhân tông chỉ của thầy, chỉ là phàm ngu nhậm vận như thế. Đã bốn đối tám chiếc khác nhau cho nên nói các thứ. Hai là dụ, văn chia làm hai:

- Ban đầu dụ thẳng văn trước.

Thí như bệnh mắt kia thấy trong hư không có hoa đốm và mặt trăng thứ hai. Này người thiện nam! hư không thật không có hoa, người bệnh chấp có, mắt mờ nhìn trong hư không không có hoa vọng cho là có, ấn mắt nhìn mặt trăng, bên cạnh mặt trăng thấy có mặt trăng khác, hoa đốm trong hư không và mặt trăng huyễn ấy đều dụ cho thấy nhầm, chúng sinh vì một niệm quên tâm, tự che lấp giác tánh tròn sáng, mà ở

trong thể tròn sáng vọng thấy thân tâm sinh diệt, cho nên nói hư không thật không có hoa mà người bệnh vọng chấp, lời chấp lầm chính là lời (nhận sai) ở đối trước, nếu ngộ chân như không tướng thì chỉ là nhất tâm, như hư không vốn không có hoa, trời chỉ có một mặt trăng. Kinh Thủ-lăng-nghiêm chép: Thấy nghe như màng che mắt, ba cõi như hoa đốm trong hư không, nghe lại thì màng che mắt hết, bụi sạch hết thì giác tròn sạch.

17. Tất cả mọi hiện tượng đều nằm trong tâm nhiệm mầu chân tịnh:

Lại nói: thân ông tâm ông, bên ngoài cho đến núi sông, hư không, mặt đất, đều là vật hiện ra trong tâm mầu chân tinh, cũng có thể phối riêng hai ví dụ: nghĩa là hoa dụ nhận thân, mặt trăng dụ cho nhận tâm, thân thì chỉ vì tâm mê nên ngay đương thể mà nhận lầm, như hoa đốm trong hư không chỉ vì mắt bị che lấp, ngoài không chỗ nương khác. Tâm thì nội căn ngoại trần nương nhau sinh khởi. Như mặt trăng thứ hai vì ấn mắt mà từ mặt trăng thật nương nhau sinh ra, cho nên phối với thân tâm soi chiếu hiện nghĩa. Nhưng mặt trăng dụ như hoa cũng nên nói: mặt trăng thật không có hai. Ấn là vọng chấp, văn kinh tóm lược nên không đầy đủ. Lại vì vừa hiểu, màng mắt, ấn mắt đều dụ cho kiến phần, mắt dụ cho trí tuệ, hư không và mặt trăng dụ cho chân lý, luận Bát-nhã của ngài Thế Thân lấy sự che lấp dụ cho tướng phần, theo ý của chỗ giải thích, lấy hoa của sở kiến, sau xoay vần thấy ngược.

Vì vọng chấp nên nhắc lại nguyên nhân sinh khởi chuyển chấp.

18. Chỉ trách trong hư không có hoa chẳng biết trong mắt có màng:

Chẳng phải chỉ mê lầm tự tánh hư không này, tính của hư không thanh tịnh không có sự vật, nay chấp hoa sinh trong hư không, tức giống hư không biến thành hoa, thấy nhầm hoa trong hư không, không sinh mà sinh, vô vật mà thành vật, chính là tánh của hư không bị mê hoặc. Cũng lại mê chỗ hoa thật sinh kia, đã chấp hoa từ hư không sinh, thì không biết từ sự che lấp mà khởi, che lấp thì thật là chỗ sinh của hoa, chẳng phải là hoa chân thật. Nếu đủ pháp hợp lại lẻ ra nói: chẳng phải chỉ mê hoặc tự tánh chân không này, mà còn mê chỗ sinh thân tâm kia, đây chỉ trách trong hư không có hoa, bất giác trong mắt có màng, ngoài hiềm thân tâm khổ não, không biết bên trong có chứa mê tình.

Ba Sinh ra lỗi lầm: Do đây, vì trước vọng nhận tướng thân tâm. Vọng có: sinh tử không thật.

Trôi lăn trong sinh tử: Vọng chấp thân tâm. Nếu không có lỗi lầm

thì mặc tình chấp mãi, không cần thay đổi. Vì do chấp này nên trong số kiếp nhiều như cát bụi luân hồi không dứt, địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, tám khổ năm suy làm hại, cho nên phải chỉ bày. Ba là kiết thúc, cho nên gọi là vô minh, minh tức là giúp người giải thoát, cho nên biết người trôi lăn thì gọi là vô minh. Hai là nói lên vốn không, văn có ba:

19. Bản tế vốn là diệu minh:

- Trước là nêu định.

Này người thiện nam! vô minh này, chẳng có thật thể, nói không có thật thể, chỉ là giả danh. Tìm cầu trong ngoài hoàn toàn không thật có. Suy ra bản tế vốn là diệu minh, cho nên luận chép: niệm không tự tướng không lìa bản giác, lại nói: y giác cho nên quên, nếu xa lìa giác tánh thì là giác, rõ các hạnh vô thể này là không sinh, không sinh cho nên không diệt, sinh diệt dứt rồi vắng lặng là vui, là biết mười một chi pháp đều có sở nhân. Chỉ do vô minh này từ hư không sinh khởi một cách ngang trái, nay ngộ vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, cho đến già, chết diệt.

- Kế là ví dụ giải thích.

Như người trong lúc ngủ mộng khi mộng chẳng phải không và cho đến khi tỉnh thì hoàn toàn không thật có.

Trước nói các lỗi lầm đều quy về vô minh. Nay lại nói vô thể, đạo lý khó thấy, lời nói bặt dứt, cho nên căn cứ vào dụ mà giải thích, nói khi ngủ nằm mơ thấy vật là có, cho nên các thứ trước nói về hành tướng kia khi thức muốn tìm lại thì không thật có, cho nên ở đây hiển rõ là vô thể.

20. Hỏi đáp về hoa đốm diệt:

Hỏi: Cầu không được thì diệt đi chỗ nào?

Cho nên kế lại đáp: Như hoa đốm trong hư không biến mất giữa hư không, không thể nói chắc chắn có chỗ diệt đi. Vì sao? Vì nêu ý rằng: Nếu không có chỗ diệt, thì lẽ ra nên thật có, vì sao nói hư không là vô.

Vì không có chỗ sinh: ý nói khi thấy hoa hư huyễn, nếu thật là có thì nay khi không thấy liền nói có chỗ diệt, khi thấy vốn không có chỗ sinh, không thấy làm sao tìm chỗ diệt?

Hỏi: Trước nói thật có chỗ sinh ra hoa, ở đây làm sao giải thích?

Đáp: Y theo lúc vọng chấp ở trước mà nói có. Ngộ rồi mới biết khi có vốn không, vì các pháp hòa hợp rõ ràng có thể thấy, cho nên kinh Lăng-nghiêm chép: mê này không có bổn tánh, rốt ráo là không. Xưa vốn không mê, mà dường như có mê tánh giác, giác mê thì mê diệt,

giác không sinh mê, đây chính là lý vô sinh. Nếu quyết định nhẫn chịu ở tâm, gọi là vô sinh nhẫn. Kinh Hoa nghiêm chép: Tất cả pháp không sinh, tất cả pháp không diệt, nếu hiểu được như vậy, chư Phật thường hiện tiền. Sau khi dứt nghi, nghi rằng: trước nói sinh tử, do nơi vô minh, vô minh đã không, đâu có sinh tử? cho nên giải thích rằng:

21. Cái thấy ngang trái gọi là sinh tử:

Tất cả chúng sinh ở trong vô sinh vọng thấy sinh diệt, vô minh và sinh tử bổn mạt tất cả đều không. Chúng sinh ở trong không này mà mê tình, thấy có sinh tử một cách ngang trái, trước y theo cái thấy ngang trái cho nên nói có, ở đây thì thật luận cho nên nói không. Thế nên gọi là sinh tử luân hồi, chỉ cho văn trước, do bởi cái thấy ngang trái, cho nên văn trước gọi là sinh tử. Thứ ba giải thích thành nhân địa. Trên đây đã nói vọng, không, chân, hữu, có Phật, không Phật, tánh tướng vẫn như vậy, nay nói nương đây thông suốt, tâm ý thầm hợp mới thành nhân địa bổn khởi. Giải thích thành chánh đáp câu hỏi, trong văn chia làm ba:

22. Nói về nhân địa tu viên giác của Như lai:

- Trước là nương chân, ngộ vọng, mau chóng ra khỏi sinh tử. Này người thiện nam! nhân địa của Như Lai tu viên giác: Văn như trước đã nêu, tức là nương chân.

Biết là hoa đốm trong hư không là ngộ vọng, đều mau ra khỏi sinh tử, tức là không có trôi lăn thì không có pháp sinh tử. Đã biết muôn pháp như hoa đốm trong hư không, thì đâu còn thấy có trôi lăn, một hạt hoàn đơn chỉ sắt thành vàng, chân lý một lời biến phàm thành Thánh. Cũng giải thích nhân không khác quả, nhân địa như vậy mới gọi là chân tu.

Cũng không có thân tâm chịu sinh tử kia: người không sinh tử. Nghĩa là nếu chấp có ngã mà thoát khỏi luân hồi, thì đó là chưa khỏi ngã chấp. Ngã, ngã sở mất mới được giải thoát, tức là soi thấy năm uẩn đều không, vượt qua tất cả khổ ách. Bên ngoài để lại thế giới, bên trong thoát khỏi thân tâm. Không chấp thân, thân đồng hư không. Không chấp tâm tâm đồng pháp giới.

Chẳng làm cho nên không, bổn tánh là không. Chẳng do ta làm quán hạnh mới được, thân tâm rỗng không, bản tánh vắng lặng, xưa nay là không. Cho nên kinh Kim cương Tam-muội chép: Như chúng sinh được hóa độ mà không có chúng sinh được cảm hóa, không chúng sinh không hóa độ, hóa độ kia mới lớn! Kế là xoay vần phủi đi dấu vết, giải thích thành chánh nhân. Phủi có bốn lớp: Tri giác kia kia giống như hư không, một là phất nhẹ trí biết vọng, nghĩa là có thể biết thân tâm tánh

vốn không, cũng như hư không đều chẳng thật có.

23. Xóa bỏ tâm phủi:

Biết hư không tức là tướng hoa đốm trong hư không, hai là xóa bỏ tâm phất. Biết năng giác là vô, tức đồng với hoa đốm trong hư không, tức là vô. Cũng không thể nói không biết tánh giác. Ba là ngăn dứt đoạn diệt, chỉ không khởi niệm phân biệt không hữu, không phải là không tâm, có không đều mất. Bốn là tổng kiết lìa lỗi.

24. Tổng kết lìa lỗi:

Ấy gọi là thuận theo tịnh giác. Giải thích thành nhân. Có-không đã không hợp lý, đây tức là đường tâm tư lời nói dứt bặt. Giác thể thanh tịnh từ đây hiển rõ, nhưng không bỏ giác theo trần, thì gọi là thuận theo, cũng chẳng có năng thuận riêng, cho nên ngài La-thập nói: vô tâm nơi hợp, hiệp ấy là hợp ư! Thuận theo tịnh giác nên nói tịnh giác thuận theo, như thế chấp hết thì bệnh trừ. Nhưng sâu hưng tâm vận hành, thì nhóm cát vẽ đất, chắp tay cúi đầu đều thành Phật đạo. Tu tập như vậy đáng gọi là chánh nhân, sau nêu lý do phất nhẹ. Giải thích trở về viên thật.

Vì sao? Vì thân tâm giả huyễn có thể nói là hoàn toàn không. Tri giác xứng lý vì sao lại phải bỏ! Hữu vô đều dứt thì y theo cái gì tu hành? Kế lại giải thích ý nói: tướng nhân đối đãi đều là theo duyên. Pháp của theo duyên đâu có thật thể! Sinh tâm động niệm thì trái với bổn tánh, mất đi chánh niệm. Tánh thể viên thật đều không như vậy...

Tánh hư không, tất cả pháp không bất sinh diệt, nghĩa là tướng như trên nhân các tướng, giống như hư không, vốn tự không sinh nay không thể diệt, chẳng phải phủi bỏ mới làm cho không. Vì thế kinh Phật Tạng chép: Tất cả pháp không không, chẳng có mảy may tướng...

Thường bất động, tất cả pháp vắng lặng không đến, đi. Chẳng quá khứ, chẳng vị lai, chẳng hiện tại. Vì thế kinh Pháp Cú chép: các pháp từ xưa đến nay vắng lặng không hề lay động. Kinh Pháp Hoa cũng chép: tướng thường tự vắng lặng.

25. Nói về Như lai tạng:

Trong Như Lai tạng, hai câu trên nói về các pháp, dưới đây đều hiển rõ nhất tâm. Luận Chỉ Nhất Tâm chép: Như Lai tạng. Kinh Lăng-già cũng chép: vắng lặng: gọi là nhất tâm. Nhất tâm: gọi Như Lai tạng. Kinh này ở dưới chép: viên giác, diệu tâm, Niết-bàn tức gọi Phật tánh. Nay một câu này là nêu chung, hai câu tiếp là “không tạng”, ba câu sau là “bất không tạng”. Gọi chung là Như Lai tạng: do ba nghĩa.

1: Nghĩa che lấp: nói che lấp Như Lai cho nên nói tàng, vì thế kinh Lý Thú Bát-nhã chép: tất cả chúng sinh đều Như Lai tạng. Kinh Thắng-

man chép: hai pháp sinh, tử gọi là Như Lai tạng. Pháp thân Như Lai không lìa khi phiền não, gọi là Như Lai tạng. Kinh Như Lai tạng chép: trong các phiền não tham, sân, si của tất cả chúng sinh có thân Như Lai, cho đến thường không nhiễm ô, đầy đủ đức tướng, như ta không khác, liền dùng chín ví dụ để ví dụ.

26. Nêu chín ví dụ:

1. Ủy hoa Phật thân.
2. Nham phong thuần mật.
3. Khang hội canh mễ.
4. Vàng ròng rơi xuống bùn nhơ.
5. Nhà nghèo được kho báu.
6. Hạt trong quả am-la.
7. Tượng vàng trong áo rách.
8. Bần nữ của Luân vương.
9. Tiêu mô đúc tượng.

2. Nghĩa gồm nhiếp: nghĩa là pháp thân Như Lai thâu nhiếp chứa nhóm thân tướng, cõi nước, thần thông đại dụng công đức vô lượng. Lại cũng gồm nhiếp tất cả chúng sinh, đều ở trong tạng Như Lai.

3. Nghĩa sinh ra: nghĩa là pháp thân này đã bao trùm các đức, hiểu rõ chứng nhập thì sẽ sinh ra. Luận Thập Địa chép: địa trí có công năng sinh ra nhân quả vô lậu, cũng có thể sinh khởi đạo hạnh của trời, người. Ba nghĩa này trước y theo khi mê, sau y theo khi ngộ, ở giữa là khắc thể nhưng y theo chân vọng hòa hợp, thì gồm có hai hình tướng, nghĩa là trong kinh này nói: Như Lai tạng tự tánh khác nhau, luận chép: Chân như sinh diệt, nhưng chân vọng mỗi thứ đều có hai nghĩa, chân nghĩa là tùy duyên bất biến, vọng: nghĩa là thể không thành sự, trong chân không thay đổi, trong vọng thể không tức tự tánh chân như. Trong chân tùy duyên, trong vọng thành việc, tức là sinh diệt khác nhau.

27. Tính chân như có hai tướng:

Ban đầu trong tính chân như, lại có hai tướng. Kinh Thắng-man nói: có thứ hai Như Lai tạng không trí, đó là Không Như Lai tạng và Thoát ly nhất thiết phiền não tạng. Bất không Như Lai tạng, có hằng sa không thể suy nghĩ bàn luận Phật pháp. Trong luận cũng nói như thật không -như thật bất không, nghĩa hoàn toàn giống như ở đây. Sau trong sinh diệt cũng có hai tướng, đó là hữu lậu, và vô lậu, vô lậu lại có hai. Hữu vi và vô vi, hữu lậu cũng có hai là thiện và bất thiện, những hành tướng này đều có nghiệp dụng. Ban đầu là chân tánh, chân tánh có hai nghiệp.

28. Có hai thứ nghiệp:

- Tự thể năng trì, công đức hằng sa, từ xưa đến nay không mất, không hoại.

- Có khả năng chế ngự hằng sa phiền não khách trần, từ vô thỉ đến nay không nhiễm không ô, sau sinh diệt cũng có hai nghiệp:

1. Có công năng khởi hoặc gây nghiệp, nhiều kiếp chịu khổ sinh tử trong sáu đường. Cho nên kinh Lăng-già nói: Như Lai tạng: là nhân của lành, không lành, có công năng tạo ra tất cả đường cho đến hoặc sinh hoặc diệt.

2. Có công năng biết chân đạt vọng, phát tâm tu hành chứng quả ba thừa. Như luận Thập Địa ở trước đã dẫn... nói do hai nghiệp. Luận bảo tánh dẫn bài kệ trong kinh chép: tánh từ vô thỉ đến nay, làm chỗ nương cho các pháp, pháp tánh có các đạo và chứng quả Niết-bàn. Văn xuôi dẫn lời giải thích của kinh Thắng-man chép: Tánh là Như Lai tạng. Y chỉ là Như Lai tạng, là nương tựa, là giữ gìn, là kiến lập. Các đường là có Như Lai tạng cho nên nói sinh tử, ấy gọi là khéo nói. Chứng Niết-bàn, nếu không có Như Lai tạng thì không được nhàm chán khổ, ham cầu Niết-bàn, là chỗ nương từ đầu đến cuối trong nhân quả của chư Phật, vì thế người vào đạo trước phải tin hiểu. Lìa đây mà tin khác thì rơi vào tà kiến. Vì thế kinh Mật Nghiêm quở trách là ác tuệ. Hoa Nghiêm cũng chép: không thể rõ tự tâm, làm sao biết chánh đạo. Kia vì điên đảo tuệ, nuôi lớn tất cả ác, căn cứ đây mà rõ mới biết chánh đạo. Cho nên kinh Thắng-man chép: nếu đối với Như Lai tạng mà bị vô lượng phiền não trói buộc không nghi ngờ thì đối với tạng pháp thân vô lượng phiền não xuất triền cũng không nghi ngờ. Hội ban đầu trong Hoa Nghiêm, Phổ Hiền liền nhập Tam-muội Như Lai tạng thân là ý ở đây. Nhưng dù tâm này phàm Thánh đều có, nhưng quả hiển rõ dễ tin, vì ẩn nên khó rõ, vì hiểu biết cạn cợt. lưu truyền khinh nhân trọng quả. Nguyện các đường là tin sâu tự tâm.

29. Nói về tính chất của Như lai tạng:

Không khởi diệt: giải thích sinh tử sở tri ở trên...

Vì không tri kiến: giải thích tri giác giả ở trên...

Hai câu trên đây giải thích không tạng. Nghĩa là thấy sinh tử khởi, thì gọi là chấp tình, thấy sinh tử diệt, thì gọi là tri giác, nay vì trong Như Lai tạng đã không thể khởi, không thể diệt thì làm sao có năng chấp, năng tri? Lại, khi mê sinh tử chẳng khởi, khi tịnh tâm chẳng phải diệt, cho nên vô mê. Khi ngộ thì tịnh tâm chẳng khởi, sinh tử chẳng diệt, cho nên chẳng có ngộ. Vì chẳng có ngộ cho nên vô tri kiến, đây chẳng phải

chỉ không thể biết thức, đè nén cũng không thể biết trí, thức và trí đều như, mới là tự thể hiểu biết chân thật, ánh sáng đại trí tuệ chiếu khắp, vì ba câu dưới đây nói về "bất không tạng".

30. Hai điểm khác nhau giữa pháp giới tánh và Như lai tạng:

Như pháp giới tánh: pháp giới tánh và Như Lai tạng thể đồng nghĩa khác, khác có hai:

1. Trong số hữu tình gọi Như Lai tạng, trong số phi tình (chẳng phải hữu tình) gọi pháp giới tính. Như luận Trí Độ nói sự khác nhau giữa Phật tánh và pháp tánh.

2. Nói pháp giới thì tình thế gian, khí thế gian thông suốt tâm cảnh không phân, Như Lai tạng thì chỉ nói các Đức Phật và chúng sinh tâm thể cội nguồn thanh tịnh, như nói rằng có thể làm thiện ác, có thể khởi nhàm chán mong cầu, nói theo pháp giới, thì không có nghĩa đây. Căn cứ theo đây thì tạng tâm đảm đương cội nguồn, giới tánh hỗn hợp gốc ngọn, hỗn hợp thì nghĩa trùm khắp khắp dễ tin, đảm đương thì lý biến khắp khó rõ, vì thế chỉ tạng tâm như pháp giới tánh. Cũng là thâu nhiếp sự khác nhau của hai nghĩa kia, trở về đồng một thể, mới hiển rõ giác vọng nhờ nương thật chẳng phải rốt ráo viên thật.

Rốt ráo dọc cùng ba đời, đầu cuối thường như vậy. Viên là trùm khắp hư không, mãn là các đức đầy đủ. Vì khắp mười phương cho nên không bờ mé, vì tánh Như Lai tạng vốn tự như thế, đâu cần giảm cũ, thêm mới, diệt hoặc, sinh trí? Vì thế ba lần mất đi thầm hợp tâm giác, lấy đó làm gốc tu hành mới được chính gọi là nhân địa.

31. Kết thúc nhắc lại đáp:

Thứ tư kiết thúc nhắc lại lời hỏi đáp.

Cho nên là pháp hạnh nhân địa, Bồ-tát do đây, đối với Đại thừa phát tâm thanh tịnh, chúng sinh đời mạt pháp nương theo đó tu hành, không rơi vào xuống là kệ tụng, văn chia làm hai:

- Nêu lên: Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn nói lại nghĩa này nên nói kệ rằng: nhưng kệ có hai loại:

1. Già-đà: Hán dịch là phúng tụng, tức là kệ cô khởi.

2. Kỳ dạ: Hán dịch là xưng tụng, là tụng theo văn xuôi, hoặc vì người độn căn nói lại, hoặc vì những người đến sau, hoặc vì làm rõ thêm đều nói ở trước. Nay kệ kinh này điều đã là kỳ-dạ. Nhưng hễ nói văn xuôi thì kệ tụng đối nhau. Có ví dụ về năm cặp, đó là: có, không, rộng, lược, ly, hợp, trước, sau, ẩn, hiện. Vấn mục kinh này là có văn xuôi không có kệ.

Đáp: Đều là văn xuôi rộng, kệ lược, ngoài ra tùy theo đối văn

tương đương đang chỉ.

- Chính thức trình bày: nhưng trong đoạn này có năm bài kệ, chỉ phúng tụng lại trường hàng, không có nghĩa riêng, cho nên như thứ hai y theo bốn đoạn trước mà xét. Nhưng văn kinh thêm bớt, cho nên tên khoa đoạn cũng khác nhau chút ít. Bốn thứ là:

32. Các bài tụng về liễu ngộ bản giác:

- Phúng tụng liễu ngộ bản giác.

* Văn-thù ông nên biết, tất cả các Như lai, từ nơi nhân địa gốc, đều nhờ trí tuệ giác. Nghĩa chẳng khác trước.

- Phúng tụng dứt trừ vô minh.

* Thấu rõ các vô minh:

Biết kia như hoa đốm,
Thì thoát khỏi trôi lăn,
Lại như người trong mộng,
Thức dậy chẳng thật có.

Hai đoạn trên đều lìa trường hàng, hợp với kệ.

- Phúng tụng phủi dấu vết thành nhân:

Người giác như hư không,
Bình đẳng không lay động,
Biết khắp cả mười phương,
Liền được thành Phật đạo,
Dứt các huyễn không còn.

Hai câu trên, trước văn xuôi sau kệ.

Thành đạo cũng không được, văn xuôi không kệ có, vì Bổn tánh tròn đầy, bốn đọc bài kiết thúc nhắc lại hỏi rằng.

Bồ-tát đối với đây,
Nặng phát tâm Bồ-đề
Văn xuôi kín, kệ hiển rõ.
Chúng sinh đời mạt pháp, tu đây khỏi tà kiến.

■

SỐ 1795

LƯỢC SỚ KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG VIÊN GIÁC TU-ĐA-LA LIỄU NGHĨA

QUYỂN THƯỢNG
(Phần 2)

Dưới đây là đoạn lớn thứ hai, dạy nương vào sự hiểu biết tu hành tùy căn cơ chứng nhập, nghĩa là mở đầu người pháp gương sáng soi chiếu tâm, mau được tin hiểu, cho đến tu chứng lâu dài, nên từng tiết mục khác nhau, vì chướng có cạn sâu, căn cơ có lợi độn, thói quen có dày mỏng, tâm hạnh trái nhau, cho nên chỗ nào cũng phải tùy theo căn cơ dẫn dắt khiến được ra khỏi. Nhưng sự tu chứng kia giai cấp cao thấp tuy khác nhau nhưng phải nhờ bổn nhân, cho nên nói nương vào giải thích. Trước là tin hiểu. Ở đây là hành chứng cho nên bộ Hoa nghiêm cũng chỉ có bốn điều này, trong văn có hai:

1. Nêu lên giải thích dụng tâm.
2. Nói rộng hành tướng.

Sở dĩ như thế, vì lý ngộ tu một khác khó rõ, ý phù hợp với thật tướng mà dường như trái, vì thế phải nêu lên giải thích khiến hiểu dụng tâm. Nhưng sau tùy tánh tùy duyên, nói rộng về hành tướng. Ở đây trước hết nêu lên giải thích bốn đoạn của khoa lớn trong văn không khác môn đầu, trong phần bày thỉnh có ba cũng giống như trước nêu. Ở đây:

1. Trước là hỏi về oai nghi: Bấy giờ, Bồ-tát Phổ Hiền ở trong đại chúng, liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi, đảnh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu bên phải ba vòng, quỳ thẳng chấp tay bạch Phật rằng: Phổ Hiền chính là thể trong hạnh, nêu đầu tiên làm chỗ nương chung, quán môn riêng không lìa ở đây.

2. Hai Thánh biểu pháp rồi đầy đủ văn trước. Kế là trình bày, trong văn có bốn:

1) Một là y theo căn cơ đương thời nêu lên. Xin Đại bi Thế Tôn! vì các chúng Bồ-tát trong hội này và vì tất cả chúng sinh đời mạt pháp tu hạnh Đại thừa: nghe cảnh giới viên giác thanh tịnh này mà nói tu hành như thế nào? Tin hiểu viên giác tức là căn cơ đương thời, dù đạt được thiên chân vẫn chưa rõ duyên khởi, đại sĩ thương xót tiếp dẫn rủ lòng, trưng hỏi kỹ lưỡng dụng tâm giải hạnh khế hợp như thế nào?

2) Hai là hỏi giải hành trái nhau. Trong đó lại chia hai: Huyễn huyễn tu như thế nào?

Thế Tôn! Nếu chúng sinh kia: Là chỉ cho căn cơ đương thời ở trước. Biết như huyễn: thân tâm cũng huyễn (là giải thích) vì sao dùng huyễn trở lại tu huyễn? (Là hành). Nghĩa là tất cả như huyễn chính giải mới thành. Pháp huyễn chẳng chân làm sao tu tập? Cho nên giải và hành tới lùi trái nhau, nêu lên giải thích dụng tâm thật do ở đây. Đây hỏi từ trước biết là hoa đốm trong hư không tức là do các văn nói về không còn trôi lăn... mà có. Ý nói thân tâm đã như huyễn, năng tri cũng là huyễn, dùng huyễn lại trừ huyễn, huyễn huyễn làm sao cùng tận. Huyễn nghĩa là thế gian có pháp huyễn, nương theo cỏ cây... huyễn làm người, súc sinh rõ ràng dường như có tướng của động tác qua lại. Chốc lát pháp tàn tạ lại thành cỏ cây. Nhưng các kinh giáo dụ huyễn rất nhiều, bởi vì năm thiên ở đây nói rất nhiều, thấy nghe đã xét pháp lý dễ rõ, và truyền đến Trung quốc trở thành khó hiểu. Nay y theo văn của các Đại sư xưa giải thích Hoa Nghiêm như huyễn. Pháp dụ mỗi thứ chia ra năm pháp, trong ví dụ có năm, như cột một chiếc khăn huyễn.

a) Con ngựa, một khăn sở y.

b) Pháp ảo thuật của nhà ảo thuật.

c) Ngựa ảo.

d) Ngựa có liền không.

e) Người ngu chấp là ngựa, trong pháp có năm:

- Chân tánh.
- Tâm thức.
- Y tha khởi.
- Ngã pháp tức là không.
- Mê chấp ngã pháp, các ví dụ ảo thuật dưới đây đều dựa theo đây mà biết.

3. Ba Hỏi đoạn diệt ai tu.

Nếu các tánh huyễn tất cả diệt hết thì không có tâm, vậy ai là người tu hành, vì sao lại nói tu hành như huyễn?

Câu hỏi này cũng từ việc phủi dấu vết ở trước mà có. Nghĩa là

nếu vì như huyễn nên tất cả đều không, năng sở đều không, vậy dạy ai tu tập? Vì sao lại nói tu hành như huyễn? Kinh Kim cương Tam-muội chép: Tâm tính chúng sinh vốn vắng lặng, tâm vắng lặng thể không sắc tướng, vì sao nói tu tập được bổn không tâm.

4. Bốn là ngăn lỗi không tu.

Nếu các chúng sinh vốn không tu hành, đối với sự sinh tử thường ở trong huyễn hóa, sẽ không biết rõ cảnh giới như huyễn, khiến tâm vọng tưởng làm sao giải thoát. Ý nói sợ hãi mê hoặc. Lại nói: Tất cả như huyễn, thảy đều là không, giác tính vô sinh xưa nay thanh tịnh, biết kia tức là mình thì làm sao có tu hành? Cho nên ở đây ngăn rằng: bổn không vốn không tu, nhiều đời khổ sinh tử, nay không, nay không tu, thì làm sao thoát khổ? Không rõ cảnh giới như huyễn là chưa đạt đến duyên khởi sự tướng. Từ xưa đến nay không thông hiểu vọng tưởng, không được giải thoát. Nay lại không biết rõ, như thế làm sao được giải thoát? Ý đắm chìm thời cận đại rất nhiều, chỉ cậy vào thiên chân mà không quán lực dụng.

5. Năm Phương tiện thỉnh tu.

Xin vì tất cả chúng sinh đời mạt pháp, dạy phải làm phương tiện gì tu tập dần dần, khiến các chúng sinh lìa hẳn các huyễn.

Như trên là ngăn lỗi không tu, đã biết thì quyết định nên tu.

Hỏi: Pháp môn đối trị làm thế nào lìa hẳn các huyễn?

Đáp: Luận chép: nếu người chỉ nhớ nghĩ chân như, không dùng các thứ phương tiện huân tu, thì không bao giờ được thanh tịnh, đối với dần dần xa lìa cho nên nói là lìa hẳn, nghĩa là trước quán nhất thể, dù giác ngộ được toàn chân, sau gặp tám thứ gió thì lăng xăng khởi lên vọng tưởng, hạnh như cùng tử, hiểu như ánh điện chớp dùng pháp gì tu trị? Để trừ hẳn gốc bệnh. Nhưng kinh nói: tất cả chúng sinh làm phương tiện gì? Giữa hai câu ý văn dứt bặt, dịch quá sơ lược, nên nói rộng thêm giải thích các lời, ý thì nối nhau, thông suốt rõ ràng? Sau cũng thường như vậy, dưới đây là ba lần xướng văn kinh, mô phỏng theo khoa đoạn ở trước.

Nói lời ấy rồi, năm vóc gieo sát đất, thỉnh ba lần như thế, đến cuối rồi trở lại đầu. Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Phổ Hiền rằng: Lành thay, lành thay! Này người thiện nam! Các ông mới có thể vì các Bồ-tát và chúng sinh mời mạt pháp, mà tu tập Tam-muội như huyễn của Bồ-tát: Tam-muội. Hán dịch là Chánh thọ, do thấu đạt thân tâm Như Huyễn thì thầm hợp với bổn giác chân như, như gương nhận bóng, chẳng phải nhận, chẳng phải chống cự, vì thế gọi là chánh thọ.

Phương tiện dần dần khiến các chúng sinh được lìa các huyễn. Nay ông lắng nghe, ta sẽ nói cho ông nghe. Lúc bấy giờ, Bồ-tát Phổ Hiền vui mừng vâng lời chỉ dạy, và các đại chúng im lặng lắng nghe: là phần giảng nói, trong văn xuôi có bốn.

1. Nêu huyễn từ giác sinh để làm nghĩa gốc.

2. Nói huyễn hết thì giác tròn đầy, để giải thích nghi ngờ ở trước.

3. Khiến lìa huyễn, hiển bày giác, là chỉ bày dụng tâm.

4. Nói huyễn và giác không đi chung. Kết thúc đáp lời thỉnh mời.

Ở đây, trước là phần thứ nhất nói nghĩa gốc: vì Phổ Hiền chỉ nêu lên tu huyễn, không hỏi chỗ sinh ra huyễn, Phật dạy sinh trong tâm giác, không vì chính đáp lời hỏi, hơn nữa phải nêu lên làm gốc, dựa vào đó nói lên huyễn hết thì giác tròn đầy, vì thế có tu thì nghĩa huyễn thành. Huyễn hết vốn chẳng phải đoạn diệt, cho nên luận chép: Tâm tự tánh thanh tịnh do vô minh lay động, cho đến vô minh diệt trí tánh không hoại, như gió ngừng thổi tánh ướt không mất.

Này người thiện nam, tất cả chúng sinh tạo ra các thứ huyễn hóa, như năm uẩn, mười hai xứ, mười tám giới hữu lậu... Kệ chép: huyễn vô minh. Đều sinh: các pháp hữu lậu đều từ tánh tịnh chân tâm mà sinh, nương chân khởi vọng.

Như lai: Tâm này tùy phàm Thánh đồng nương, chỉ có Phật chứng đắc tròn đầy, y theo Phật mà nêu.

Viên: Là lìa tướng, giác: Thì chẳng phải không; Diệu: là nhiễm mà không nhiễm. Tâm: trong thật thần giải, tiếng Phạm là Càn-lật-đà, là tâm chắc thật, không đồng nghĩa của duyên lự lập khởi. Nói đều sinh: tâm thể bản giác là nhân. Căn bản bất giác là duyên sinh, nghiệp thức ba đời là nhân, cảnh giới là duyên sinh sáu thô. Vì thế kinh Lăng-già chép: Này Đại tuệ! Không thể suy nghĩ bàn luận, không thể suy nghĩ bàn luận biến là nhân hiện thức. Chọn lấy các bụi trần và vọng tưởng từ vô thỉ mà huân là nhân của phân biệt sự thức. Cho nên biết các pháp đều không có tự thể, phải mượn chỗ nương, nương tâm viên giác mà sinh khởi. Như ngựa ảo thuật không có thật thể, phải nương vào khăn, khăn dụ chân tâm, ngựa tức là năm uẩn, mười tám giới. Phối hợp với năm pháp trước gốc ngọn nên biết.

Hỏi: Chân có thể sinh vọng, chân là nguồn vọng, vì sao ở trước nói vô minh không có thật thể?

Đáp: Vọng gá vào chân mà khởi nên nói chân là nguồn, hiện trở lại mê chân, chân vốn không vọng, như mặt trăng thứ hai nương vào mặt trăng thật mà sinh ra, nói mặt trăng thật làm chỗ nương cho mặt

trăng thứ hai. Mặt trăng thật không có vầng thứ hai, tức là mặt trăng thứ hai không có thật thể của nó. Cho nên kinh nói: Các thứ sinh nơi tâm giác, không phải tâm sinh các thứ, nhưng các kinh luận đều nói "Muôn pháp nhất tâm, ba cõi duy thức". Tông đồ có khác, người học ít biết, nay y theo năm giáo lược nêu chỗ khác nhau.

1. Ngu pháp Thanh văn giáo: giả nói nhất tâm, nghĩa là thật có cảnh ngoài, chỉ do tâm gây ra nghiệp mà chiêu cảm ra.

2. Đại thừa quyền giáo: nói A-lại-da chín muồi gọi là nhất tâm, ngăn dứt vô cảnh.

3. Đại thừa thật giáo: cho Như lai tạng là nhất tâm, lý không hai.

4. Nhất thừa đốn giáo: Dứt bặt nhiễm tịnh, chỉ là nhất tâm, bác bỏ các số.

5. Nhất thừa Viên giáo: bao gồm muôn hữu, tức là nhất tâm, lý-sự-bổn-mạt chẳng khác nhau.

Năm giáo trên đây sau cùng sâu, sau thâu tóm trước, trước không nhiếp sau, nhưng đều nói nhất tâm, có sự khác nhau này. Vì kinh nói theo căn cơ, luận suốt thì kinh thông, người theo luận chấp, đến nỗi khiến đời mạt pháp chấp chặt sự cạn cợt tạm bợ, nay bổn mạt thông suốt, khiến năm môn đều hiển rõ tông chỉ, đối nhau lại là ba môn.

1. Y theo sở thuyên: trái thứ tự thuận pháp, từ bốn đến một, xoay vần khởi mạt. Nghĩa là vốn chỉ chẳng phải nhiễm chẳng phải tịnh, tâm nhất pháp giới, do tên gọi bất giác, Như lai tạng cùng sinh diệt hợp nhau thành thức A-lại-da (thức thứ tám).

Lại do chấp đây làm ngã pháp, chuyển khởi bảy thức còn lại thành tám thức. Mỗi thức đều do thức thể khởi năng kiến phần, do năng kiến nên dường như ngoại cảnh hiện, chấp lấy cảnh này làm định thật, tạo ra các nghiệp chung, nghiệp riêng, vì thế trong thì mê ra tự thân, ngoài thì chiêu cảm khí giới tất cả các pháp.

2. Y theo năng thuyên: văn thuận pháp nghịch, từ một đến bốn, xoay vần cùng tột cội gốc. Nghĩa là Đức Phật đối với căn tánh thấp kém chưa thể mau thông đạt cội gốc sinh khởi ra muôn pháp: hơn nữa nói từ nghiệp chiêu cảm, đây là Thanh văn giáo đầu tiên. Kế là căn cơ hơi tốt. Nói năng sở chiêu cảm, tất cả duy thức, xoay vần cho đến chỉ một chân tâm, gọi là đốn giáo... đều do căn có cao thấp, khiến nói có cạn sâu, nếu chấp đắm thì mê sau sau. Thông hiểu đầu cuối mới cùng tột nguồn gốc.

3. Năng thuyên sở thuyên: nghịch thuận, bổn mạt đều không chướng ngại, vì xứng pháp tánh thẳng nói không theo căn cơ nên nói là

khác, tức là Viên giáo. Nghĩa của Duy tâm kinh luận đã nêu rõ. Mê thì hướng mặt vào tường, hiểu thì muôn pháp trước gương, huống nữa đây nêu làm nghĩa gốc như thế sao không rõ tận cội nguồn? Người thông suốt hãy xét kỹ! Chớ trách bày ra đầy đủ. Dưới đây là phần thứ hai, nói về huyễn hết thì giác tròn đầy, để giải thích nghi ngờ trước. Nhưng trên nói huyễn từ giác sinh, duyên nhiễm sinh khởi. Ở đây nói về huyễn hết giác tròn đầy, duyên tịnh sinh khởi, cho nên luận chép: Có bốn pháp huân tập nghĩa, nhiễm pháp tịnh pháp khởi lên không chấm dứt. Pháp nhiễm: do nương pháp chân như có ra vô minh, vô minh huân tập chân như nên có vọng tâm, vọng tâm huân tập vô minh, không rõ pháp chân như, bất giác vọng khởi hiện cảnh giới vọng, cảnh giới vọng làm nhiễm pháp duyên, tức là huân tập vọng tâm, khiến niệm mê đắm, tạo ra các nghiệp, phải chịu tất cả các khổ thân tâm. Vì thế kinh Thắng-man chép: không nhiễm mà nhiễm, pháp thân không thêm không bớt. Kinh chép: pháp thân trôi lăn trong năm đường, gọi là chúng sinh. Kinh Hoa Nghiêm chép: Tâm như người thợ vẽ... tịnh duyên khởi:

Luận chép: Do có pháp chân như nên huân tập vô minh, khiến cho vọng tâm nhàm chán khổ sinh tử, ưa cầu Niết-bàn, do nhàm chán ham cầu tức là huân tập chân như. Tự tin, đã tin, biết tâm vọng động, không có cảnh giới trước, tu pháp xa lìa, các thứ phương tiện khởi hạnh thuận theo, không chấp không niệm, cho đến năng lực huân tập lâu dài. Vô minh thì diệt, vì vô minh diệt nên tâm không khởi, cảnh giới diệt theo. Tướng Tâm đều cùng tận, gọi là được Niết-bàn, thành nghiệp tự nhiên, nhưng duyên thanh tịnh khởi trái với duyên nhiễm ở trước, duyên không tự tánh, nhiễm tịnh đều dung hợp tánh pháp giới, khởi chỉ do tánh khởi cho nên không dứt hết. Như Kinh Hoa nghiêm chép: y theo phương này gọi là huyễn hết giác tròn đầy, trong văn chia làm ba:

- Nêu ví dụ bao gồm văn giải thích trước.
- Pháp hợp chỉ nói về nghĩa gốc.
- Gồm cả, giác đồng với huyễn, nay đầu tiên giống như hoa đốm trong hư không từ hư không mà có, dụ cho nghĩa gốc ở trước, nghĩa là hoa đốm trong hư không rốt ráo thật không có sanh diệt, nhưng vì mắt bị màng nên thấy hoa. Khi bị màng che thì hoa nương hư không mà hiện, nói từ hư không mà có, như diệu tánh viên giác rốt ráo không sinh, chỉ vì tâm mê trong tánh vọng thấy, khi đã mê thì vọng nương giác hiện, nói sinh ra ở giác.

Hoa huyễn tuy diệt nhưng tánh hư không chẳng hoại, chính là dụ đoạn này giải thích văn nghi ngờ, nghĩa là che lấp khác nhau thì thấy

hoa tan biến trong hư không. Hoa tuy diệt mà hư không thường còn. Nhưng hoa khi sinh không sinh, khi diệt không diệt, có che lấp có khác nhau, thấy sinh, thấy diệt. Hai pháp hợp lại chỉ nói nghĩa gốc. Chúng sinh tâm huyễn lại nương huyễn diệt, nghĩa là tâm huyễn này do trí rõ suốt mới được trừ diệt. Sở liễu là huyễn, năng liễu cũng huyễn, thì ở trước nghi rằng huyễn huyễn làm sao tu? Nay đáp ý rằng: Không ngại dùng huyễn trừ huyễn, lại ở trước nói: huyễn hết thì đoạn diệt, kế ở dưới đây đáp rằng: Các huyễn diệt hết, tâm giác bất động, đây là năng sở đều quên, liền khế hợp Viên giác. Giống như sóng do nước dậy, sóng tan nước còn, huyễn từ giác sinh, huyễn diệt thì giác tròn đầy.

Kế gồm cả phất, đồng với giác của huyễn, phất có ba lớp: Nương huyễn, nói giác cũng gọi là huyễn, phất giác là giác của vọng, đối duyên mà khởi nên cũng là huyễn.

Nếu nói có giác vẫn chưa lìa huyễn, người sợ tu tập liền nghĩ rằng: giác đối với vọng gọi là huyễn, giác không đối vọng vốn có thì chẳng phải hư huyễn, nếu sanh tâm này, sanh thì như huyễn.

Nói vô giác cũng giống như vậy, hoặc nói hai giác đều vô tức gọi là chân. Ý này cũng vẫn như huyễn, tóm lại: khởi tâm động niệm nói vọng nói chân đều là huyễn, đuổi nhau khởi niệm, thế cùng cực có ba lớp.

Cho nên huyễn diệt gọi là bất động, hoặc dứt bặt không nương nhờ, phân biệt không sinh, chân tâm viên giác tự nhiên hiển hiện. Vốn không huyễn hóa, nên nói bất động.

Kế là giúp cho lìa huyễn bày giác, chính là bày dụng tâm, là trả lời ý hỏi tu tập ở trước. Trước không nghi ngờ hợp với tu không tu, nhưng đối với tu nghi ngờ dụng tâm trái nhau, một bề chỉ thỉnh tu hành như thế nào để lìa huyễn? Gồm lỗi tự mình che lấp không tu, vì thế đoạn trước giải thích nghi ngờ rồi, đoạn này chính là chỉ bày dụng tâm, đoạn sau liền thông hiểu. Lời nói phương tiện thứ lớp, đã khiến lìa huyễn tu hành, bèn thông hiểu được lỗi nghi ngờ không tu. Vì thế không có văn trả lời riêng, trong văn có ba: nói pháp dụ hợp, trong pháp chia làm hai: Trước xoay vần lìa huyễn.

"Này người thiện nam! Tất cả Bồ-tát và chúng sinh đời mạt pháp, là nêu chỉ cho đương cơ". Phải nên là lời khuyên nhắc xoay vần bốn lớp.

Xa lìa tất cả cảnh giới huyễn hóa luống dối.

1. Lìa các cảnh huyễn, do giữ chắc xa lìa tâm, tâm như huyễn cũng lại xa lìa.

2. Xa lìa "tâm lìa huyễn", nói như huyễn là để phân biệt với chẳng phải tâm huyễn, xa lìa là huyễn cũng lại xa lìa.

3. Khiến xa lìa "lìa huyễn", lìa xa lìa huyễn cũng lại xa lìa.

4. Khiến xa lìa "lìa cái lìa", cũng có thể một là lìa vọng, hai là lìa giác, ba là khiến xa lìa, bốn là bỏ cái khiến. Đều nói xa lìa có hai: một là chỉ; hai là quán. Chỉ lìa: dừng tâm dứt ý không bao giờ phan duyên như người gặp kẻ thù không nên ở chung. Quán lìa: pháp luống dối đều không có thể tánh, như mộng thấy gông xiềng, thức dậy thì đã lìa, vì thế văn dưới đây nói: biết huyễn tức lìa, sau thầm hiển bày chân giác.

Một là, được không chỗ lìa tức dứt các huyễn, trong mộng thấy mộng xoay vần biết trước đó là chẳng đúng, đến khi thức thì thấy biết mới thật, cho nên nói như vậy. Không chỗ lìa có hai ý:

a) Thầm hợp với chân giác, chân giác thì không thể lìa.

b) Đến trong chân giác, tự nhiên không như trên là các thứ huyễn có thể xa lìa. Hà Trạch nói: vọng khởi liền giác, vọng diệt giác diệt, giác vọng đều diệt tức là chân như.

Hai là, ví dụ: thí như dùi lửa, hai cây cọ nhau mà phát ra lửa, gỗ hết tro bay khói tắt. Như có một khúc củi khô, dùng một khúc gỗ khác dùi thì lửa phát ra, trở lại đốt hai khúc gỗ, gỗ lửa đã hết khói tự nhiên tắt, đã thành tro bụi mặc cho bay đi, hai cây khác nhau hình chất làm ngại, như kế là bốn việc phối với pháp, khúc gỗ dụ cho pháp được tu là huyễn vọng. Gỗ đồ lấy lửa dụ cho năng tu huyễn trí, khói dụ cho xa lìa, tro dụ xua đuổi. Văn kinh trước nói: Tro bay là dịch ngược, hợp lại là khói diệt trước, các tro bay đi. Trong thí dụ thiếu ở bày giác, vì văn lược bỏ, trước pháp sau hợp, đều có đủ, nếu muốn đầy đủ, thì nên dùng đất dụ cho Viên giác, do gỗ... từ đất sinh ra, cháy hết sạch chỉ còn đất, như các thứ huyễn hóa sinh trong diệu tâm viên giác, huyễn hóa thường động hết, viên giác xưa nay bất động.

Ba là, hợp dùng huyễn tu huyễn cũng giống như vậy, các huyễn tuy hết nhưng không vào đoạn diệt. Ba câu trên là chính văn hiện của hợp dụ, một câu dưới gồm cả ở trước thầm bày chân giác.

Bốn là, nói huyễn và giác không đi chung, kết thúc đáp lời thỉnh. Này người thiện nam! Biết huyễn tức lìa, không hành phương tiện, lìa huyễn tức giác, cũng không thứ lớp, trước nói thực hành phương tiện gì để thứ lớp tu tập? Nay các chúng sinh xa lìa hẳn các huyễn, cho nên Đức Phật chỉ bày dụng tâm xong. Kết thúc trả lời không thực hành phương tiện cũng không thứ lớp, như vậy mới xa lìa được các huyễn, thông hiểu việc hỏi trong văn. Nhưng biết được đó là huyễn thì mình gọi là

lìa, nhưng xa lìa được huyễn tức vốn là giác. Lại không có thứ lớp, dần dần biến thành giác. Như người mộng thấy thân lở loét, hỏi bác sĩ thuốc chữa, tỉnh dậy đã biết là mộng, thì đâu còn thực hành phương tiện gì? Nếu đợi phương tiện tu dần dần xa lìa tức là thật pháp, đâu gọi là huyễn hóa, nếu chấp thật có thì lại thành vọng chấp, đâu gọi là tu hành? Cho nên nói như thế.

Tất cả Bồ-tát và chúng sinh đời mạt pháp, y theo đây tu hành, như thế mới lìa hẳn các huyễn, kết quả thành xa lìa chân thật, cũng là chung kết văn của dụng tâm ở trước.

Kế là bốn đoạn trong kệ tụng, theo thứ lớp kệ phúng tụng, lại văn xuôi, khoa văn hoàn toàn giống nhau, không phiền nói lại.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn nói lại nghĩa này bèn nói kệ rằng, lại nêu lên, văn sau mô phỏng theo đây.

Phổ Hiền ông nên biết,
Tất cả các chúng sinh,
Huyễn vô minh vô thỉ,
Đều từ các Như lai,
Lập ra tâm Viên giác.

Nêu chỉ cho sinh: Nói về vô minh thì văn xuôi không, kệ có.

Như hoa đốm trong hư không,
Nương không mà có tướng,
Hoa giữa không nếu diệt,
Hư không vẫn bất động.
Huyễn từ các giác sanh
Huyễn diệt giác tròn đầy
Vì tâm giác bất động.

Xoay vần phủi dấu vết văn xuôi có, kệ không. Nếu các Bồ-tát kia, và chúng sinh đời mạt, thường nên xa lìa huyễn, các huyễn thảy đều lìa, như trong gỗ sinh lửa, gỗ hết lửa lại tắt.

Văn xuôi lìa kệ hợp, lại pháp hợp và thầm hiển bày chân giác văn xuôi có, kệ không.

Giác thì không thứ lớp,
Phương tiện cũng như vậy.
Văn kết thúc trả lời,
Văn xuôi có, kệ không,
Nêu lên giải thích dụng tâm xong.

Dưới đây là đoạn văn lớn. Thứ hai nói rộng về hành tướng, có chín câu hỏi đáp, gom lại làm ba.

- Ban đầu bốn lần hỏi đáp nói chung về quán hạnh, thượng căn tu chứng. Kế là bốn lần hỏi đáp, nói riêng về quán hạnh, trung căn tu chứng, sau là một lần hỏi đáp, nói về đạo tràng gia hạnh, hạ căn tu chứng. Nhưng ba môn này trước trước không nhờ sau sau, sau sau phải theo đuổi trước trước, trong phần đầu có bốn.

1) Mở bày quán môn đồng với Phật.

2) Gạn hỏi giải thích mê ngộ, đầu cuối.

3) Nghiên cứu sâu cội gốc luân hồi.

4) Lược chia địa vị tu chứng. Y theo của môn đầu có bốn, ba đều giống như trước.

Ở đây trước hỏi oai nghi.

Bấy giờ, Bồ-tát Phổ Nhãn ở trong đại chúng, liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi, đảnh lễ dưới chân Phật, đi quanh theo chiều bên phải ba vòng, quỳ thẳng chắp tay bạch Phật rằng: nghĩa cũng đồng như trên, kế là trình bày bốn trường hợp, trong đó có ba.

1. Nêu pháp thỉnh.

Đại bi Thế Tôn! Xin vì các chúng Bồ-tát trong hội này, và tất cả chúng sinh đời mạt pháp, giảng nói thứ lớp tu hành của Bồ-tát. Nêu thỉnh tu hành theo thứ lớp, do câu hỏi của Phổ Hiền rất sâu xa, Như lai xứng lý trả lời, trước muốn tiêu trừ tâm bệnh, sau đó muôn hạnh đều tu. Hoặc có nghe trước nói rằng biết huyễn tức lìa, không hành phương tiện, cũng không thứ lớp, nghĩa là nói biết huyễn tức đã lìa đều không nhờ tu. Phổ Nhãn muốn giúp cho giáo pháp tròn đầy nên thưa hỏi pháp môn khởi hạnh. Vì thế Phật dạy giữ giới, ngồi thẳng, thường nghĩ như vầy... xoay vần cho đến quán hạnh thành tựu.

Vì sao? dưới đây đều nêu riêng.

Suy nghĩ: Quán sát chân vọng tức là tư tuệ.

Thế nào là trụ trì? Ngộ được cảnh giới mầu nhiệm an trú trong đó, giữ gìn không mất, tức là tu tuệ. Ở dưới là lắng nghe Phật dạy là sinh văn tuệ. Từ phàm đến Thánh phải nhờ ba tuệ, vì thế Phổ Nhãn vì chúng mong cầu xin, trên đều hỏi về trí, dưới đây là hỏi về bi rằng. Chúng sinh chưa ngộ, phải thực hành phương tiện gì? Giúp mọi người khai ngộ, ở đây đồng với Pháp Hoa, muốn giúp cho chúng sinh "khai thị ngộ nhập", dùng khai để thâu nhiếp Thị, dùng Ngộ thâu nhiếp nhập, vì khai thị y theo năng hóa, ngộ nhập y theo sở hóa. y theo kinh này thì dưới đây Phật trả lời hoàn toàn dùng Như lai thanh tịnh tâm viên giác đã hiển bày ở trước làm căn bản. Do quán nhân, không, pháp không, và diệt ảnh tượng, hư không vô biên giác được hiển phát. Viên giác sáng

tỏ cho nên hiển bày tâm thanh tịnh, cho đến ngang bằng với chư Phật, tức là khắp khiến khai ngộ.

2. Lại hiển bày thưa thỉnh.

Bạch Đức Thế Tôn! Nếu chúng sinh kia không có phương tiện chân chính và suy nghĩ chân chính, nghe Phật, Như lai nói Tam-muội này thì tâm sinh mê muội liền không thể ngộ nhập viên giác, trái lại nếu được nghe Phật dạy phương tiện suy nghĩ liền khai ngộ. Nói nghe Tam-muội này, chính là trước lìa pháp môn huyễn ảo. Vì thế Phật trước nói: Ông hãy tu tập Tam-muội Như Huyễn.

3. Kết thúc thưa thỉnh: Xin khởi lòng từ bi, vì chúng con và tất cả chúng sinh đời mạt pháp mà giả nói phương tiện. Giả nói, vì tánh giác vốn tròn đầy, pháp vọng vốn vắng lặng thật không có tu. Chỉ vì người mới ngộ thói quen mê mờ khó dứt ngay, vì thế cầu thỉnh đối với vô tu giả nói phương tiện tu tập, dưới đây xướng ba lần mô phỏng theo trước.

Nói lời ấy rồi, năm vóc gieo sát đất, thỉnh ba lần như vậy, đến cuối rồi trở lại đầu.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Phổ Nhãn rằng: Lành thay, lành thay! Này người thiện nam! Các ông mới có thể vì các Bồ-tát và chúng sinh đời mạt pháp, hỏi Như lai thứ lớp tu hành, suy nghĩ trụ trì, cho đến giả nói các thứ phương tiện, nay ông lắng nghe, ta sẽ nói cho ông nghe. Lúc bấy giờ, Bồ-tát Phổ Nhãn vâng lời dạy bảo vui mừng, và các đại chúng im lặng lắng nghe. Thứ tư là chính nói, trong văn xuôi có bốn.

1. Phương tiện khởi hạnh.
2. Quán hạnh Thành tựu.
3. Mau đồng cảnh Phật.
4. Kết thúc nhắc lại lời thưa hỏi.

1. Đây là mở đầu.

Này người thiện nam! Các Bồ-tát mới học kia và tất cả chúng sinh đời mạt pháp, muốn cầu tâm viên giác Thanh tịnh của Như lai, chỉ nêu đương cơ.

Phải nên chính niệm, xa lìa các huyễn, trước chỉ nêu ra giải thích lìa huyễn, để làm gốc cho khởi hạnh. Nếu chấp pháp chắc chắn là thật, thì quán hạnh không thành. Vì thế trước phải thực hiện phương tiện chánh niệm thì được vô niệm. Cho nên luận Trí Độ chép: hữu niệm là nghiệp ma, vô niệm là pháp ấn.

Luận chép: lìa tướng niệm sánh bằng hư không giới. Lại nói: Tất

cả chúng sinh không gọi là giác, vì từ xưa đến nay niệm niệm nối nhau không hề lìa niệm, cho nên biết vô niệm là chánh niệm. Nhưng chánh niệm và lìa huyễn thành tựu lẫn nhau, do lìa huyễn cho nên chánh niệm, chánh niệm nên lìa huyễn. Vì sao! Vì bên ngoài còn có pháp thì bên trong khởi duyên niệm, bên trong có duyên niệm thì bên ngoài thấy có pháp, do đây chỉ cho cả hai, đứng đầu các hạnh.

2. Văn quán hạnh thành tựu có hai:

- Đầu tiên là giới, định:

Trước nương hạnh Xa-ma-tha của Như lai, Xa-ma-tha, Hán dịch là chỉ, chỉ là định nghĩa. Văn sau giải thích rằng: Rất yên tĩnh là hành, định có cạn sâu, cho nên nêu Như lai để phân biệt với chẳng phải định thô cạn, tà, nhỏ. Nếu loạn tâm giữ giới thì không thể nhập vào quán môn này, vì thế trước định sau giới, cũng có thể văn tuy trước sau nhưng tu không có trước sau.

Giữ gìn giới cấm, một bề bặt duyên, không nghĩ phạm, gọi là giữ vững, ngăn ngừa căn môn, răn dè thân miệng, nên gọi là cấm giới. Giới phẩm tuy nhiều nhưng gồm thành ba nhóm:

1. Nhiếp luật nghi.
2. Nhiếp thiện pháp.
3. Nhiếp chúng sinh.

Ở đây ý nói luật nghi, nghĩa có cả hai. Luật nghi giới nghĩa là mười vô tận, tóm lại chỉ có bốn trọng, bốn trọng này thanh tịnh thì tất cả nhánh lá không sinh.

Xếp đặt yên ổn đồ chúng, tức là người đồng hành, đồng kiến.

Hành nghiệp đã đồng, thì thay nhau đẽo gọt, cùng thương lượng, vì làm lớn thêm duyên đạo, vì thế phải xếp đặt yên ổn cho nên kinh Bảo Tích quyển bảy mươi hai chép: được thân người, kia nên nương Thiện tri thức mà nghe pháp bình đẳng của Phật ba đời, nghe rồi nên phát tâm siêng năng tinh tấn, nương vào thành ấp, làng xóm cùng đại chúng ở chung bốn bộ, lại nêu thắc mắc lẫn nhau, bàn luận Phật pháp, học hỏi khó trả lời, pháp bình đẳng của ba đời Phật hiện ra ở trước, hiểu tất cả pháp không có tự tánh, tu theo sự hiểu biết này thì phiền não dần dần dứt trừ.

Yên vui tĩnh thất là yên lặng, ngồi là nhiếp thân, thân trú thì tâm an, tâm nhàn thì cảnh vắng lặng, muốn an trú thân tâm nên phải yên ổn, ở trong thất yên lặng hay ở trong chúng đâu không trái nhau. Ở đây có hai cách giải thích:

1. Căn tánh khác nhau, nên hoặc thường hôn trầm, được chúng

sách tấn, hoặc thường trạo cử nên tự mình dứt, duyên chẳng phải một người mà làm hai việc.

2. Định học tuệ học đồng đều: Nói quán hạnh viên thông, chỉ quán phải giúp nhau, phải nương bạn tốt, hoặc đồng kiến đồng hạnh, suốt ngày thảo luận pháp môn, không để dụng tâm sai lầm, sai một mảy may cách xa ngàn dặm, nên kinh Tịnh Danh chép: Không cần phải ngồi là ngồi yên, tuy cùng chúng an trú, không ngại ở phòng mình, đầu hôm, nửa đêm, gần sáng ngoài bàn luận Phật pháp chuyển đọc tôn kinh thì phải ngồi yên, suy nghĩ văn tư tu tuệ tròn sáng, đầu nên lơ là qua buổi vì thế không trái nhau. Ở đây y theo định giữ giới, ở trong chúng ngồi yên trả lời trú trì hỏi. Hai là quán tuệ, văn có hai.

1. Nói về quán hai không.

2. Sau nói về quán pháp giới.

- Trước là hai không: Chúng sinh nhiều kiếp chìm đắm, hoặc rơi vào tà kiến Tiểu thừa, không thành chủng trí, là do hai chướng.

a. Chướng không dứt do hai chấp, muốn dứt hai chấp, phải nhờ hai không, cho nên đối với pháp giới ở văn trước, trước thực hành hai không quán trí, chấp quên chướng hết, thì tánh Thánh hiện ra, ứng dụng số cát sông Hằng, được gọi là Phật, trong văn có hai: 1. Phá chấp. 2. Bày lý. Trong phần một có hai:

- Ngã không.

- Pháp không.

Ngã không, lại có hai:

- Quán thân vô ngã.

- Quán tâm vô ngã.

Chấp ngã đều do năm uẩn, tự tướng năm uẩn chỉ có thân và tâm, nay có đoạn lớn mở bày. Nhưng bắt đầu phân tích riêng từng thứ, rong ruổi như thế vọng chấp chạy đường nào? Hoặc nói về thân là chung, thì sắc tâm là riêng, nay nói về ngã là chung, thân tâm là riêng. Ở đây trước quán thân, thân là cội gốc các ái, rõ ràng luống dối, thì tất cả phiền não tự dứt, nếu kia mê đắm thì khởi vô lượng lỗi lầm, nên ngài Tịnh Danh nhờ bệnh mà nói rộng về vô thường, khổ, không, vô ngã, khuyên khiến nhàm chán. Niết-bàn có thì dụ dùng bốn con rắn cũng khiến lìa bỏ. Kinh Kim Quang Minh, luận Trí Độ đều nói bội ân, trong văn có hai: Trước là tìm cầu quán sắt, sau là như thật quán. Trước là do tìm cầu xem xét, mới thấy lý như thật, đây là phần đầu.

Thường nghĩ như thế, đi, đứng, nằm, ngồi bất cứ lúc nào cũng thường quán như thế.

Nay thân ta đây chấp thọ đã bền chắc nên quán nghiêng lệch. Bốn đại hòa hợp, cứng ướt, nóng động, giả hòa hợp. Nên kinh Bảo Tích chép: Khi thân này sinh ra cùng với bốn đại chủng tánh của cha mẹ, một loại là Ca-la-la thân, nếu chỉ kéo địa đại mà không có thủy giới (cõi nước), thí như có người nắm bột gạo rang và tro cuối cùng không trộn lộn, hoặc chỉ có thủy giới không có địa giới, thí như dầu và nước không chắc thật, liền bị trôi chảy, nếu chỉ có đất, nước mà không có lửa thí như mặt trăng mùa hạ ở chỗ bóng râm, cục thịt mà không có ánh sáng mặt trời tức liền hư thối, nếu chỉ có đất, nước, lửa không có gió, thì không lớn lên. Kinh Tịnh Danh cũng chép: Bốn đại hòa hợp giả gọi là thân, bốn đại không chủ tể, thân cũng không ngã, cho nên văn kinh này trở lại chia bốn đại mỗi đại trở về chỗ cũ, đó là lóc, lông, móng, tay, răng, da, thịt, gân, xương, tủy não cáu bẩn đều trả về với đất, cứng chắc thuộc về đất.

Đờm, mũi, máu, huyết, nước bọt nước dãi, đờm mũi tinh khí, đại tiểu tiện đều trở về nước, trơn ướt thuộc về nước.

Hơi nóng trở về lửa rất dễ hiểu, nhưng khí (hơi) là gốc của bốn đại, không chỉ là gió. Vì thế đối với thủy đại, hỏa đại cũng gọi là khí.

Động chuyển trở về gió, kinh Tịnh Danh chép: Thân này vô tác, bị năng lực của gió xoay chuyển, nghĩa là mê tánh khởi tâm, tâm vận động năng lực gió chuyển ba đại còn lại, mà có động tác, tác không có tự tánh, cho nên nói là không, bốn đại đều nói trở về, thân này do bốn đại hòa hợp mà thành, nay nói thân vô chủ cho nên trở về bốn đại.

Bốn đại mỗi đại đều xa lìa, khi chánh quán mỗi thứ đều có chỗ trả về, tức gọi là lìa, không nói khi chết mới gọi là lìa, vì kinh am-đề-già Nữ Liễu Nghĩa nói về nghĩa sinh tử rằng: Nếu biết rõ bốn duyên đất, nước, gió, lửa rốt ráo không hề tự được có sự hòa hợp cho là nghĩa sinh, nếu biết đất, nước, gió, lửa rốt ráo không thật có, có chỗ tan rã chính là nghĩa tử. Ý này nói về ngay nơi hợp là tan, ngay nơi tan là hợp, cho nên văn nói hợp tan, đều không thật có. Nay thân huyễn đang ở chỗ nào? Hơn nữa đất có hình ngại nên bị dính mắc, gió không hình ngại nên nhẹ nhàng, thể tự trái nhau, nước lửa xâm phạm lẫn nhau, cho nên biết bốn đại trái nhau, mỗi đại khác nhau, không hề xét xem thân ta thuộc đại nào? Nếu thuộc tướng chung, thì có bốn ngã, nếu không thuộc chung, thì nên xa lìa bốn đại mà ngã thân có, nên nói như vậy. Sau quán như thật.

Tức biết thân này rốt ráo không có tự thể, hòa hợp thành tướng, thật đồng huyễn hóa, nói do trước tầm từ, thấy lý như thật, chắc chắn

biết bốn đại chẳng phải ngã, chỉ y theo hòa hợp giả gọi là thân, cũng không có thật thể. Luận Trí Độ quyển mười bốn hỏi: Nếu tự thân không ngã mà chấp ngã thì thân người là vô ngã lẽ ra cũng nên chấp ngã mới phải chứ?

Đáp: Cũng có người đối với vật khác chấp là ngã, như ngoại đạo ngồi thiền lúc nhập vào quán đất thấy đất tức là ngã, nước, lửa, gió, hư không, thức cũng giống như vậy. Lại như có người đi xa ngủ một mình trong ngôi nhà trống, ban đêm thấy một con quỷ vác một thây chết vào nhà, lại có một con quỷ khác đến tranh giành. Lại, chỉ duyên chấp ngã mà làm tự thân, liền cho thân khác là tha nên sinh ra khó. Sau quán tâm vô ngã, tâm không tự tướng, nương cảnh mới sinh, tánh cảnh vốn không, do tâm mà hiện, căn trần hòa hợp, dường như có tâm duyên, trong ngoài từ chối, cái gì là thể kia? Sinh tử đắm chìm nhiều đời, do không rõ tâm, nếu hiểu được viên giác tự hiện, thì như kinh Thủ-lăng-nghiêm chép: tánh cuồng tự hết, hết tức Bồ-đề, cao quý nhiệm mầu, không từ người mà được. Trong văn có hai:

Một là Quán Tầm tứ.

Bốn duyên (bốn đại) giả hợp, vọng có sáu căn, bốn đại hòa hợp thành một sắc. Đối với sắc này mới có sáu căn, lìa sắc thân này căn vốn vô thể. Các đại trả về bốn đại, sắc còn không giữ, thì lỗ hổng sáu căn nương vào đâu? Sáu căn, bốn đại trong ngoài hòa hợp thành, bốn đại là trong, căn là ngoài, trong ngoài giả hòa hợp thành thân này. Chấp có duyên khí chứa nhóm ở trong, dường như có tướng duyên giả gọi là tâm, nhờ nương bốn đại, sáu căn hòa hợp thành thân, nên có sáu trần vọng hiện. Do căn trần trong ngoài này mà dẫn khởi vọng tâm, duyên lự không dứt, niệm niệm sinh diệt, sát-na không dừng, duyên hợp thì có, duyên tan thì không, chối bỏ tự thể, hoàn toàn không thật có, nên nói giả gọi là tâm. Tâm luống dối tuy do giả duyên sinh, nhưng không lìa khí phần chân tâm, nên nói duyên hơi thở. Dường như là nói rõ chẳng phải thật có. Duyên tướng là tướng của duyên lự, sau quán như thật.

Này người thiện nam! Tâm luống dối này, nếu không có sáu trần, thì không thể có, phân tích bốn đại, không trần nào thật có, trong đó duyên (bốn duyên) trần (sáu trần) mỗi thứ trở về tan diệt. Tâm nương sáu trần, trần nương bốn đại, bốn đại không tự thể, sáu trần tức không, nên nói tan diệt.

Rốt ráo không có duyên tâm để thấy, duyên trần đã diệt tâm thể tức không, nên quyết phán rằng rốt ráo không thật có. Nói duyên tâm là tâm duyên khí ở trước.

Hỏi: Không trần nào thật có, ba câu ở dưới cũng nói pháp không, đâu được một bề xếp vào nhân không?

Đáp: Ở đây chỉ cho duyên trần đều tan rã, chính là nói lên tâm không, cho nên kết luận rằng: không có tâm để thấy. Thân và tâm đều thuộc ngã chấp.

Thứ hai là pháp không.

Này người thiện nam! Chúng sinh kia thân huyễn diệt thì tâm huyễn cũng diệt, tâm huyễn diệt rồi thì trần huyễn cũng diệt, trước đối với thân tâm, tìm cầu vô ngã, nên gọi ngã không, ở đây thì thân tâm và cảnh mỗi thứ tự không nên gọi là pháp không. Nhưng thân... vốn không, chẳng phải nay mới diệt, cho nên kinh nói: sắc tức là không, chẳng phải sắc diệt không, chỉ vì khi mê chấp có, nay chấp hết mới không, nghĩa nói là diệt.

Huyễn trần diệt rồi, thì huyễn diệt cũng diệt, có tâm biến kế thì thấy huyễn sinh, có trí quán sát thì thấy huyễn diệt, đối huyễn sinh nên nói huyễn diệt. Đối với tình chấp nên nói trí tuệ, pháp đối đãi đều thuộc duyên sinh, duyên sinh thì vô tướng, nên đều nói diệt. Bát-nhã Tâm Kinh chép: "Vô nhãn giới cho đến vô trí, cũng không có đắc". Kinh Lăng-già chép: "Tất cả pháp như huyễn, xa lìa các tâm thức, trí chẳng thật có không, dấy lên tâm đại Bi, trong đoạn văn lớn thứ hai nói về lý. Tức là lý chân như do hai không hiển bày, do trước chấp cùng tận nên lý này hiện, như mây tan mặt trăng hiện, sạch bụi thì gương sáng, chẳng phải nói không mây mà gọi mặt trăng. Nhưng đối chỗ không mây mà thấy mặt trăng. Chẳng phải nói không huyễn thì đó là chân như. Nhưng đối với chỗ không huyễn thì thấy chân lý, trong văn có hai:

Trước nói về pháp.

Vì Huyễn diệt diệt (thuộc trước), chẳng phải huyễn không diệt, chính là hiển bày, nói lên tánh viên giác vốn tịnh, tròn sáng riêng thể, toàn chân không nhờ tu mà được, các huyễn tuy diệt tự tánh thường còn, không do duyên sinh, nên nói không huyễn. Kinh Kim cương Tam-muội chép: nếu được không tâm, tâm bất huyễn hóa, nhưng đối vọng trước hết thì giải thích là chân như. Nếu do bổn tông thì chỉ gọi viên giác, sau là ví dụ.

Thí như lau gương sạch bụi thì bóng hiện, tuy nói lau gương trái lại lau bụi, cái gọi là tu đạo chỉ là không theo vọng, tánh gương vốn sáng chẳng phải từ ngoài được, bụi trần che lấp thì ẩn, lau thì hiển ra, ẩn hiện tuy khác nhau nhưng tánh sáng không khác, ở đây nói chấp nhân, chấp pháp là cấu bẩn, tầm từ như thật là lau (chùi), chân tâm bản giác

là nói người không pháp không toàn hiện. Dưới đây là đoạn văn lớn thứ hai nói về quán pháp giới, văn chia làm ba. Đầu tiên là ấn trước bày sau. Thứ hai phủi dấu vết vào huyền diệu, thứ ba: Là nói về pháp giới. Trong phần đầu nói về ấn, trước là hai không hiển, sau là viên thông pháp giới, trong văn lại chia hai: đầu tiên là nêu.

Này người thiện nam! Nên biết thân tâm đều là huyễn cấu, đây là ấn trước, huyễn là hư huyễn, không có thật thể, cấu là bụi trần nhơ bẩn làm tên, vì mê huyễn tướng chấp lấy trói buộc, ô uế tâm tịnh nên nói là huyễn cấu. Chư Phật, Bồ-tát tuy có thân tâm, nhưng nhờ biết như huyễn nên không chấp vào tướng, nghĩa là không bụi dính nên chẳng phải bụi, nhờ biết huyễn không nên chẳng phải huyễn.

Tướng cấu diệt hẳn, mười phương thanh tịnh, ở đây hiển bày ở sau. Các pháp căn trần pháp giới mười phương trùm khắp thanh tịnh. Đó là thân tâm bị bụi che lấp vọng chấp tự tha nên thành hạn cuộc chướng ngại. Nay đã ngã không pháp lặng, chỗ nào mà không thông? Sau giải thích văn có hai. Trước là ví dụ.

Này người thiện nam! Do hai vật hạt châu và gương đã ví dụ không giống nhau, cho nên lại nêu lên nói cho biết.

Thí như hạt châu ma-ni trong sạch chiếu ra năm màu, tùy theo các góc cạnh mà hiện ra, các người ngu si thấy ma-ni kia thật có năm màu, nghĩa là thể tánh ma ni sáng rõ trong suốt, tuyệt đối không hề có vết bẩn, không có sắc tướng, do tánh trong sạch. Tất cả sắc đối nhau thì hiện trong đó, năm màu xanh, vàng, đỏ, trắng, đen mỗi mầu tùy theo phương hướng mà hiện. Ví dụ này vừa dụ ấn trước, vừa dụ hiển sau. Nói ấn trước là năm màu dụ cho năm đường, tùy theo phương hướng dụ cho tùy nghiệp, người ngu không biết thể của hạt châu, chỉ thấy toàn là xanh vàng, đã là xanh vàng thì không thấy thật thể của hạt châu, vì thế kinh Hoa Nghiêm chép: Phàm phu thấy các pháp, chỉ tùy theo các tướng chuyển, không rõ pháp vô tánh, vì thế không thấy Phật, nếu phối hợp với ba tánh thì ma-ni dụ cho tánh viên thành thật, tức là lý đã nêu ở trước. Hiện sắc dụ cho tánh y tha khởi, tức huyễn ở trước. Người ngu chắc chắn thấy có xanh, vàng, dụ cho tánh biến kế sở chấp, tức bụi nhơ ở trước. Nếu xa tức là tướng thân tâm... ở trước. Vì văn này ấn định nghĩa của văn trước, cho nên chỉ ở trước. Nói hiển sau, nhưng hạt châu này do người ngu kia chấp chắc chắn sắc, vì bác bỏ sắc nên phối ba tánh để ấn văn trước, nhưng chỉ có người không kế chấp, tức là các thứ màu sắc của các hạt châu này mỗi màu đều trong sạch, mỗi màu đồng thể, thảy là diệu dụng ứng hiện của hạt châu, không có thể để phá, đem dụ

cho văn sau, pháp giới mười phương tất cả thanh tịnh tròn đầy, không lay động, xen nhau vô ngại, cho nên hiển ở sau, nhưng trước dụ cho gương sáng, chỉ một mặt sáng, lại nói nhơ lau chùi mà hiện, bày tỏ lý hai không phá chấp mới hiển bày, đối chấp mà được tên, nay ngọc mani vốn trong sạch vốn sáng rõ, mười phương đều chiếu, để nói lên tông của pháp giới ở sau. Sau là pháp.

Này người thiện nam! Tánh tịnh viên giác hiện ở thân tâm, tùy loại đều ứng hiện, tức là các thứ huyễn hóa trước hóa sinh trong tâm giác. Nghĩa như kia đã giải thích. Người ngu si kia nói viên giác thanh tịnh thật có tự tướng thân tâm như vậy, là nói viên giác tuy hiện nhưng chẳng phải kia chắc chắn là thật, vì thế cho rằng: Người ngu nói.

Luận chép: Tất cả pháp nhiễm không thể làm cho nhiễm, thể của trí là bất động, đầy đủ vô lậu huân tập chúng sinh.

Cũng giống như vậy, là hợp với ví dụ ở trước, trong ví dụ về nghĩa khác để đối giải thích, rõ ràng rất dễ hiểu, thứ hai là phủi dấu vết nhập vào huyền diệu.

Do ở đây không thể xa lìa huyễn hóa, cho nên ta nói thân tâm huyễn cấu đối lìa huyễn cấu. Gọi là Bồ-tát, trên đây trước nói vì sao có dấu vết như vậy, dấu vết kia cũng khởi theo, cũng phủi gốc đi, vì chúng sinh vọng chấp huyễn hóa. Phật nói là huyễn cấu, chúng sinh nương giáo pháp lìa nhơ bẩn, lại gọi là Bồ-tát, dưới đây chính là phủi dấu vết ấy rằng:

Cấu hết: Huyền cấu như màu sắc trong hạt châu, hiểu nó vốn là không cho nên nói là hết.

Đối trừ: Cấu bị lìa đã không, trí đối lìa làm sao mà lập? Tức là không có vô cấu mà nói tên ấy, chữ giả là chung cho cả hai câu. Nghĩa là người đối cấu là Bồ-tát. Nói danh là Phật. Đã không có trí đối trị thì làm sao có người khởi trí, chấp sâu cạn vốn không, làm sao có người nói giáo? Cho nên đều là vô. Phật đối cơ cũng không thật có mới thấy pháp thân, pháp thân nói kinh là nghĩa ở đây. Nhưng người pháp ở trên đầu có ba, ba cặp sáu câu cùng tận là dấu vết của chỗ phủi qua. Nghĩa là pháp có chấp cấu, lìa cấu và danh số. Người có chúng sinh, Bồ-tát và Phật.

Hỏi: Người tự có khác nhau, pháp vốn không khác, sao nói ba tên?

Đáp: Khắc thể tuy không nhưng nghĩa nói thì có, vì đối người pháp mỗi thứ đều có chia năng sở.

Kế là làm sáng tỏ pháp giới, văn có hai:

- Trước là pháp giới nhất chân.
- Sau pháp giới ba lớp.

Nói nhất chân là chưa nói lý sự, chẳng nói có không, chỉ thẳng bản giác linh nguyên, dưới đây đối các pháp mất trọn, thâu trọn. Mới nói ba lớp khác nhau, ở đây là phần đầu.

Này người thiện nam! Bồ-tát và các chúng sinh đời mạt pháp này là nêu lên và chỉ ra sở chứng của đương căn, vì muốn nói về cảnh giới không thể suy nghĩ bàn luận, cảnh giới đặc biệt ở trước, lại y theo công dụng ở trước để nói được nhập, vì thế phát khởi ra thế văn ở sau:

Chứng được các huyễn,
Quán hạnh thành tựu,
Diệt mất ảnh tượng,
Y tha cũng mất.

Lúc bấy giờ, liền được vô phương thanh tịnh, y theo thân là chính ngoài thấy đồ vật, tướng ngã đã không, thì còn có phương sở gì?

Vô biên hư không do giác hiển phát, nhưng hư không lìa thức cũng chẳng thật có. Cho nên kinh Thủ-lăng-nghiêm chép: Nếu có một người phát chân về nguồn thì hư không mười phương đều tiêu mất cùng lúc, nghĩa là bị mê tình che lấp, chỗ giác thấy không, trần ảnh đã tiêu, "không" vốn là giác, hiển nghĩa là không tiêu thì giác hiện, phát nghĩa là vọng hết tâm mở, quán xét kỹ lưỡng đều không có bờ mé. Kinh Thủ-lăng-nghiêm lại chép: Nghe lại thì chỗ che lấp hết, trần tiêu thì giác tròn tịnh, tịnh cùng tột thì ánh sáng thông suốt, vắng lặng soi chiếu bao trùm hư không, lại quán thế gian, giống như việc trong giấc mộng, cho nên biết không hữu đều mất cả hai, chỉ là tâm giác, siêng soi sáng rõ ràng, linh tri bất muội. Sau là pháp giới ba lớp:

1. Quán Chân không tuyệt tướng.
2. Quán Lý sự vô ngại.
3. Quán Châu biến hàm dung.

Ý nghĩa trong đây hoàn toàn đồng với hành tướng ba lớp của môn quán pháp giới trong Hoa nghiêm, vì thế nương vào khoa kia, ở đây thứ nhất là quán chân không: Trong môn quán kia có bốn câu, đó là:

Quán Hội sắc quy không

Quán Minh không tức sắc.

Hai câu trên đều phân biệt với quán tình hiển giải ba không sắc vô ngại, hiểu thì cuối cùng thú hướng hành trì, bốn là quán Dẫn tuyệt vô ký, hành khởi thì hiểu dứt. Ở đây văn kinh có hai:

1. Sắc tướng không tịnh.

2. Không sắc đồng như vậy.

Ở đây, trước hết văn kinh đều nói thanh tịnh: nghĩa là do môn quán hai không ở trước phân biệt với tình hiển giải.

Kế là phủi dấu vết mất hình bóng, đồng với hạnh khởi giải bặt, cho nên đều thanh tịnh là chân không. Luận Trí Độ chép: Rốt ráo không tức là rốt ráo thanh tịnh. Thanh tịnh và không đều là nghĩa bặt tướng, nếu y theo tâm thì như kinh Tịnh Danh, cho rằng vọng tưởng là cấu, không vọng tưởng là tịnh... nên nói thanh tịnh, trong văn có bảy, một là nội thân căn thức:

Giác tròn sáng: y theo trước để hiển bày nhân thanh tịnh, do phủi mất... nên được tròn sáng.

Hiển bày tâm thanh tịnh, so với mê tâm giác, trong tâm chấp pháp, nay thấy pháp tánh, pháp tức đều không, cho nên nói thanh tịnh. Như người không biết thể của hạt châu, chỉ chấp xanh vàng, phải thấy ma-ni tức là sắc thanh tịnh, trong bảy đoạn đều đồng với ở đây. Nhưng xoay vần y theo trước để hiển rõ thanh tịnh, nghĩa như ở sau giải thích. Nay lại trừ bỏ danh thể của pháp số. Tâm là tướng chung nói về tâm ta, tức thể của Lại-da.

Luận Thành Duy Thức chép: Thức thứ tám có nhiều tên khác nhau, trong đó có bốn tên, chung cho tất cả vị, tâm chính là một. Khi mê do chấp tàng và năng sở tàng, cho nên gọi Lại-da. Nay quán trí thành tựu tánh giác tròn sáng, nên chỉ nói tâm, không gọi Lại-da. Tâm đã thanh tịnh đồng vô cấu thức, cho nên văn dưới đây đốn đồng với cảnh Phật.

Vì tâm thanh tịnh, là nhắc là văn trước, dưới đây đều y theo trước.

Thấy trần thanh tịnh, dưới đây nghe biết v.v... lệ theo đây đều nói là trần. Nghĩa là do tâm ta chấp đắm, thấy tất cả sắc tướng, do chấp tướng tức kiến... là trần, không chỉ nói sắc bên ngoài... gọi là trần, cũng không nói riêng căn thức gọi là trần... thể trở lại là tâm của ngã chấp, chỉ do y theo chỗ chấp tướng sinh lỗi mà đặt tên riêng. Lại cũng không lìa ba thứ căn, cảnh, thức mà có thể riêng, như pháp của năm uẩn và ngã ở trong uẩn chẳng phải khác chẳng phải giống nhau.

Vì thấy thanh tịnh, chỉ nhắc lại chữ thấy không nói trần, đủ nói lên ngay nơi thấy là trần chẳng phải trần bên ngoài, nghe... cũng như vậy.

Nhãn căn Thanh tịnh, năm thứ còn lại cũng lệ theo đây. Sáu thứ đều gọi là căn là chỗ nương của thức, có công năng phát ra thức, năm thứ trước mỗi thứ đều từ tự chủng sinh tự hiện hành, bốn đại sở tạo tịnh

sắc làm thể. Ý căn tức là thức thứ bảy, do đây vin theo bên ngoài khởi ý thức.

Vì căn thanh tịnh, nên nhãn thức thanh tịnh, năm thứ còn lại ở dưới cũng lệ theo đây. Đều gọi là thức, tùy theo cảnh của sáu căn chủng loại khác nhau. Do đủ năm nghĩa nêu đặt tên theo căn.

1. Thức nương vào căn, chẳng phải do cảnh sắc mà thức chắc chắn sinh nhau, như người mù không thấy...

2. Căn phát ra, thức do căn thay đổi khác nhau, nên thức cũng phải đổi. Khác như nhãn căn bị đau thấy màu xanh là vàng, chẳng phải sắc hoại mà là thức hoại.

3. Thức thuộc căn, do hạt giống của thức chạy theo căn mà được sinh, chẳng phải hạt giống của sắc, thức chủng tùy theo.

4. Thức giúp căn: vì căn hợp thức, chỗ thức lãnh thọ khiến cho căn bị tổn hại hay lợi ích, chẳng phải cảnh giới.

5. Thức như căn: Hai pháp căn, và thức đều có tình số, chẳng phải sắc pháp kia chắc chắn là hữu tình, căn năm nghĩa tốt đẹp cho nên nói nương căn, nếu theo luận Khởi Tín đều gọi ý thức. Sáu thứ này đều nương ý khởi là thức của ý, vì thế kia giải thích nhân duyên sinh diệt rằng: Cái gọi là chúng sinh nương tâm ý, ý thức chuyển, tâm thức là tự thể của Lại-da, ý thức là năm ý, vì trong hai nghĩa Lại-da có nghĩa bất giác, bất giác mà khởi, có thể thấy, có thể hiện, có thể nhận cảnh giới, khởi niệm nối nhau. Ý thức: tức là thức nối nhau này, nương các phàm phu chấp đắm càng sâu, chấp ngã, ngã sở, các thứ vọng chấp theo việc phan duyên. Phân biệt sáu trần gọi là ý thức, cũng gọi là thức phân ly, lại gọi là thức phân biệt sự.

Vì thức thanh tịnh, nên văn trần thanh tịnh, vì văn thanh tịnh. Nên nhĩ căn thanh tịnh, vì căn thanh tịnh, nên nhĩ thức thanh tịnh, vì thức thanh tịnh, giác trần thanh tịnh. Như thế cho đến mũi, lưỡi, thân, ý cũng giống như vậy, trên đã giải thích xong. Nhưng trong tám thức không nói thức thứ bảy: nghĩa sẽ thấy nghe... là trần. Vì thức thứ bảy hợp với thức thứ tám, gọi là như thấy trần. Cho nên Du-già chép: Thức Lại-da khởi chắc chắn hai thức tương ưng. Lại nữa, thức thứ bảy hợp với thức thứ sáu, gọi là các trần như thấy v.v... vì khi ý thức duyên cảnh ngoài, quyết phải ở trong nương mạt-na làm căn nhiễm ô mới sinh khởi được. Vì thế ở trên dẫn các luận chép: chính là nương thức nối tiếp này, cho đến gọi là ý thức. Luận và kinh này đã nêu không có mạt-na riêng, Lăng-già cũng như vậy, đều do thức thứ bảy chấp trong làm ngã hợp với chuyển tướng, chấp ngoài ngã sở hợp với sự thức, nêu không nối trước dính sau,

thì hiển bày tâm sở theo đuổi sinh khởi, nghĩa không tiện.

- *Sáu trần cảnh bên ngoài:*

Này người thiện nam! Căn thanh tịnh nên sắc trần thanh tịnh, vì sắc thanh tịnh nên thanh trần thanh tịnh, hương, vị, xúc, pháp cũng giống như vậy. Sáu thứ đều gọi là trần làm nhơ tâm thức, là nói theo phàm phu cũng gọi là sáu cảnh, cho cả phàm Thánh đều có nói sắc..., là cái mà nhãn... chấp lấy, sắc có chung riêng, ở đây là riêng. Nghĩa là chỉ có nhãn chấp lấy tướng thay đổi trở ngại hữu kiến hữu đối là hiển bày thô thiển nhất. Thanh... rất dễ hiểu, chỉ là cái mà ý chấp, cảnh pháp trần chung cho với tất cả. Ba là bốn đại trong ngoài.

Này người thiện nam! Sáu trần thanh tịnh, nên địa đại thanh tịnh, vì địa thanh tịnh nên thủy đại thanh tịnh, hỏa đại, phong đại, cũng giống như vậy. Tức là đối với căn trần không chấp lấy nghĩa của phát thức dẫn tâm, chấp lấy thể của bốn đại. Kinh Bảo Tích chép: Bốn đại mỗi đại có hai: nghĩa là trong và ngoài. Địa giới có hai: trong đó là trong tự thân, tha thân có cái cứng chắc, đó là tóc, lông... bên ngoài nói ngoài thân có cái cứng chắc: đó là đất, gỗ... Thủy giới có hai: Tánh ướt trong thân như nước bọt, mồ hôi... tánh ướt ngoài thân như mưa móc... Hoả giới có hai: trong thân thể nóng: tướng nóng có thể tiêu thức ăn... ngoài thân thể nóng: tướng nóng có công năng thành thục... Phong giới có hai: thể gió trong thân, như gió gọi nhanh chóng trụ bốn chi... thể gió ngoài thân... bốn là các pháp thế gian.

Này người thiện nam! Bốn đại thanh tịnh (nhắc lại trước) mười hai xứ, sáu căn, sáu trần là chỗ sinh thức, xứ là nghĩa môn sinh, cũng gọi là người, ý thức thường mê muội căn trần nhập vào nhau.

Mười tám giới: Trong sáu căn môn thì ba thứ căn, thức, trần mỗi thứ đều có phần giới, cũng là nghĩa nhân, nghĩa chủng tộc.

Trước là sáu hai, người hiểu thì dứt ở nghiệp nhân, đây là sáu ba. Quán sát đối trị ở ngã chấp, gồm cả năm uẩn, tức đủ ba khoa. Các tông Đại thừa, Tiểu thừa đều y theo đây để nói các nghĩa, trước nói nhận lầm thân tâm của bốn đại, và nói trong ngoài hợp thành... tức là nghĩa năm uẩn, cho nên ở đây lược bỏ.

Hai mươi lăm hữu thanh tịnh, bốn châu, bốn đường, bốn cõi thiền, bốn Không, Vô tưởng, Tịnh Cư, Phạm Vương, sáu tầng trời cõi Dục là hai mươi lăm hữu, đây đều là hữu, mỗi thứ đều y cứ về thật báo, chẳng thuộc về chánh trí. Nhưng Phạm vương ở Sơ thiền, Vô tưởng, Tịnh cư ở thiền thứ tư, trong giai vị bốn thiền nêu riêng trường hợp này Phạm vương hữu kiến, ngoại đạo Vô Tưởng, Tịnh Cư chỉ có bậc Thánh, khác

với các tầng trời khác. Năm là các pháp xuất thế.

Vì kia Thanh tịnh là nghĩ nhắc lại các pháp thế gian ở trước.

Mười Lực: Nhưng Như lai duy nhất trí lực thật tướng các pháp, năng lực này có mười dụng nên nói là mười, gọi chung là lực: có khả năng xua đuổi kẻ thù, không thể khuất phục.

1. Biết chỗ chẳng phải chỗ: nghĩa là đều biết nhân duyên nghiệp báo của tất cả các pháp, thời hàng phục vô nhân, ác nhân, biết người nào có thể độ, không thể độ.

2. Biết ba thứ nghiệp như việc tốt quá khứ, hiện tại, vị lai... và ba báo thuận hiện... biết chỗ độ có chướng ngại hay không.

3. Biết các thiền giải thoát Tam-muội cấu tịnh và biết các quả nương đây mà chứng được.

4. Biết năm căn như tín căn... thượng, trung, hạ.

5. Biết các thứ ưa thích, khiến xả bỏ bất tịnh, tăng thêm tịnh.

6. Biết nhất thừa, ba thừa, năm thừa, tham, sân, si... các thứ tánh dục, biết tức thời, khác thời ai có thể độ, không thể độ...

7. Biết tất cả đường cho đến chỗ.

8. Biết chỗ ở đời trước.

9. Biết chết đây sinh kia, tức thiên nhãn trí, riêng ở đây từ sở y mà có tên gọi.

10. Biết mình được giải thoát không nghi ngờ, cũng biết chúng sinh hết hữu lậu được Niết-bàn. Nhưng Phật lực vô lượng, nhân duyên độ người nên chỉ nói mười mà phân biệt đủ việc ấy.

- Bốn Vô sở úy:

1. Biết tất cả pháp, nghĩa là Phật răn dạy rằng ta là bậc Nhất thiết chánh trí...

2. Hết các lậu và tập, ý nói ta hết pháp hữu lậu...

3. Nói tất cả các pháp chướng đạo.

4. Nói ra đường khổ, Đức Phật răn dạy nói bốn pháp này, quyết định không sợ.

Bốn Vô ngại trí: trí duyên bốn cảnh không trở ngại.

1. Pháp: như nói đất, nước, gió, lửa...

2. Nghĩa: như cứng, ướt, nóng, động...

3. Từ: nghĩa là được kia mới bàn về để nói đất...

4. Đối với ba thứ trí ưa thích nói, trên nương luận Trí Độ, nếu y theo kinh Hoa nghiêm thì hai thứ đầu khác với ở đây.

1. Nói biết tự tướng.

2. Biết tướng riêng.

- Lại nữa:

1. Biết tự tánh.
2. Biết sinh diệt.

- Lại nữa:

1. Pháp trí.
2. Tỷ trí.

- Lại nữa:

1. Biết một tướng.
2. Biết uẩn giới...

- Lại nữa:

1. Biết tánh nhất thừa bình đẳng.
2. Biết tánh các thừa khác nhau, hai thứ sau thì giống nhau, nghĩa là "từ" thì nói pháp nghĩa, lạc thuyết là nghĩa khác trong từ.

Mười tám pháp Bất cộng của Phật như lực v.v... hai thừa có phần, ở đây không có phần. Một, hai, ba như thứ lớp phối hợp thân, miệng, niệm không lỗi. Bốn là vô dị tưởng, năm là không tâm bất định, sáu là vô bất tri dĩ xả, bảy là dục, tám là tinh tấn, chín là niệm, mười là tuệ, mười một là giải thoát, mười hai là giải thoát tri kiến. Sáu thứ trên đều nói không giảm, mười ba, mười bốn, mười lăm tất cả thân, miệng, ý nghiệp thực hành theo trí tuệ, mười sáu, mười bảy, mười tám, nhờ trí tuệ mà biết quá khứ, vị lai, hiện tại thông suốt không ngại. Hỏi vô kiến đảnh tướng... cũng không cùng chung, vì sao không nói? Đáp: Trong mười tám thứ này chỉ nói công đức trí tuệ, không nói pháp quả báo tự nhiên. Trên từ lực... đến đây bốn khoa hoàn toàn y theo luận Trí Độ.

Ba mươi bảy phẩm Trợ đạo: trợ là giúp đỡ, giúp đỡ chính đạo, đạo tức là nhân, đó là chỉ quán. Phẩm tức là loại, chính nhân loại, cũng nói Bồ-đề phần, phần cũng nhân với nghĩa. Ba mươi bảy pháp là: bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Bồ-đề phần, tám Chánh đạo phần. Nhưng chỉ lấy mười pháp làm thể, nói tinh tấn, định tuệ, mỗi thứ có tám, niệm bốn, giới ba, tín hai, khinh an, hỷ, xả, tư duy mỗi thứ có một.

Trước là bốn niệm:

1. Quán thân năm thứ bất định, là trụ xứ hạt giống tự tướng tự tánh rốt ráo.
2. Quán ba thọ đều khổ, nghĩa là khổ thọ, lạc thọ, xả thọ.
3. Quán tâm từng niệm từng niệm vô thường.
4. Quán các pháp vô ngã, ở đây đối trị bốn điên đảo của phàm phu. Lại, quán thân rốt ráo là không, quán thọ trong ngoài không, quán

tâm không thật có, quán pháp chỉ có tên gọi, đây là đối trị bốn điên đảo của Nhị thừa.

Bốn chánh cần, bốn niệm xứ hỏa. Nếu có gió mạnh thì gió không chỗ nào không đốt, cho nên kế là phân biệt rõ. Tinh tấn làm thể nên gọi chung là cần, khác với cần của ngoại đạo nên gọi là chánh, tuy là nhất cần, nhưng tùy theo nghĩa chia làm bốn.

1. Điều ác chưa sinh không để cho sinh.
2. Điều ác đã sinh rồi dứt bỏ không để tiếp tục.
3. Điều thiện chưa sinh làm cho phát sinh.
4. Điều thiện đã sinh rồi làm cho rộng lớn.

Bốn thần túc:

Dục cần tâm quán, Dục là ưa muốn, Cần là không xen hở, Tâm là định. Chuyên một cảnh tánh, Quán là tuệ, bên trong tự lựa chọn, vì cần vượt qua tán loạn mà lửa trí yếu ớt nên phải định chế, vì sở dục tự tại. Thần tức là thần thông, túc tức là định, do pháp xuất thế tự tại thù thắng nhất, bốn định như dục... có thể chứng đây, gọi là thần túc, cũng gọi như ý túc, đều ham muốn như tâm.

Năm căn: tín, tấn, niệm, định, tuệ, năm căn này đều sinh ra pháp xuất thế gian, do ba khoa trước ở đây không thể loại bỏ, ba thứ trước đến đây được gọi chung là căn.

Năm lực: tức là năm căn trước thêm lớn, ma phạm... không thể khuất phục, lại có thể bị tổn giảm không tin... là chướng ngại, nên gọi là lực.

Bảy Giác chi: là chỗ nương của niệm, do buộc niệm, nên khiến cho các pháp lành đều không quên mất. Trạch pháp là chi tự thể, hiểu rõ tự tướng. Tinh tấn là chi xuất ly, do thế lực này mà năng đáo sở đáo. Hỷ là chi lợi ích, nhờ tâm mạnh mẽ vui vẻ, thân thể điều hòa. Khinh an định xả đều là chi bất nhiễm ô, có thể dứt bỏ thô xấu, nương định chuyển y. Hành xả bình đẳng xả bỏ hẳn tham ái, vì thế bảy việc đều gọi là giác chi. Tuy trong một sát-na bảy pháp đều khởi, tùy theo hình tướng mỗi chi mà nói về công năng.

Tám Chánh đạo: là chánh kiến là chi phân biệt, nương vào chỗ chứng chân thật ở trước mà lựa chọn, bảy chi còn lại mỗi chi cũng gọi là chánh. Tư duy là chi dạy bảo người khác như chỗ chứng kia phương tiện lập ra, danh nghĩa suy nghĩ phát ra lời nói. Ba điều dưới đây là chi khiến cho người khác tin. Ngữ là khéo nương vào chỗ chứng hỏi đáp lựa chọn, giúp cho người tin có cái thấy thanh tịnh. Nghiệp là thân nghiệp, chánh hạnh mọi oai nghi đều đầy đủ, khiến người khác tin có giữ giới thanh

tịnh. Mạng là khất cầu đúng pháp, y theo Thánh chủng mà an trụ, xa lìa năm tà mạng. Tinh tấn là chi thanh tịnh phiền não chướng, do đây xa lìa hẳn tất cả ràng buộc. Niệm là chi thanh tịnh tùy phiền não chướng, do không quên mất, chính chỉ nêu tướng, không bao giờ để cho hôn trầm, trạo cử... Định là chi làm cho thanh tịnh, công đức cao quý nhất, do đây dẫn phát thần thông... vô lượng công đức cao quý, bảy thứ trên theo thứ lớp, nghĩa là nghe pháp rồi trước phải ghi nhớ giữ gìn, kế là siêng năng tu tập, siêng năng thâu nhiếp tâm, điều hòa nhẹ nhàng, nhẹ nhàng nên tín... thành căn, căn thêm lớn là lực, phân biệt bảy giác, chánh hạnh tám điều chân chính, nói chung dùng ví dụ hiển rõ. Pháp tánh như đất, niệm xứ như hạt giống, chánh cần là trồng trọt, thần túc như đâm chồi, năm căn như bắt rễ, năm lực như nhánh lá lớn dần, nở hoa bảy giác, kết quả tám Chánh đạo.

Thanh tịnh là gọi chung lực... đều thanh tịnh.

Như thế cho đến: Vượt hơn nhiều pháp. Nghĩa là ba thân, bốn trí, năm nhãn, sáu thần thông địa, độ, quả, hướng, duyên, đế xứ định...

Tám mươi bốn ngàn: nhưng pháp môn nói rộng vô lượng, vô biên, nay đều ở đây kết số, đối trị trần lao, trần lao đã có tám mươi bốn ngàn, mỗi pháp đối phiên tức đều là thanh tịnh pháp, nhiễm và tịnh số không thêm bớt, luận nói bất giác niệm khởi thấy các cảnh giới, cho nên nói vô minh cho đến có nghĩa nhiều hơn số cát sông hằng... vọng nhiễm, đối nghĩa này nên tâm tánh không lay động, tức là hơn số cát sông hằng... các công đức thanh tịnh tướng nghĩa thị hiện.

Đà-la-ni: được Tổng trì, Bồ-tát đối với mỗi mỗi pháp giữ gìn tất cả pháp.

Môn: từ mỗi mỗi pháp, nhập vào tất cả pháp.

Tất cả thanh tịnh là tổng kết.

Hỏi: Hai tướng Pháp thế gian, và xuất thế gian có khác nhau như thế vì sao kinh này đều nói thanh tịnh?

Đáp: Trước đã nói, ở đây giải thích lại, nghĩa là nếu đối trị phàm Thánh, tức là cao quý hay thấp kém hoàn toàn khác nhau, nếu xứng pháp giới mà quán một loại, thì đều là huyễn hóa, đều từ duyên khởi không có tự thể, như có một cái gương hiện các thứ quý báu cao siêu mầu nhiệm, trẻ con ngu si không hiểu sang hèn khác nhau, người trí thông suốt không chút khác nhau. Quán trí tròn sáng tâm thức thanh tịnh, cũng giống như vậy, thấy thế gian và xuất thế gian hoặc Thánh hoặc phàm, tất cả đều không. Không là thể giác, nên văn sau nói: thấy thế giới Phật như hoa đốm trong hư không. Sinh tử, Niết-bàn giống như

giấc mộng, chỉ duyên xứng lý bình đẳng, vì thế gọi là bậc Thánh nếu kia trọng Thánh khinh phàm ưa chân chán vọng, dù cho tu tập, cũng đâu chứng được chân nguyên? Nhưng trên từ hiểu rõ tròn sáng nên lần lượt y theo lý do ở trước để hiển bày rõ các pháp thanh tịnh thế gian và xuất thế gian, cho đến năm đoạn này rõ ràng các pháp đầy đủ.

Ngoài hai đoạn sáu, và bảy, chỉ là kết chung thân khác, cõi khác, không có nghĩa nào khác.

Do năm đoạn ấy: là tâm vốn thanh tịnh, vì bất giác nên gọi là thức Lại-da, tương ưng với ý lại nói kiến trần, khởi ra hiện hành có căn thức cảnh. Trung hữu năng tạo cho nên nói bốn đại. Vì đó đầy đủ các pháp hữu lậu xứ, giới, các hữu, đối trị những điều này có tu có chứng, lại thành quả đức nhân hạnh vô lậu, nay đã hiểu rõ vô minh. Tâm, ý, thức và chỗ thay đổi (sở biến)... lần lượt được thanh tịnh. Da không còn, lông không chỗ nương gá, nhưng pháp vô lậu nếu y theo người tu chứng, thì nhân trước quả sau. Nay y theo pháp bổn mạng, nên quả trước nhân sau. Cũng như trong luận căn bổn diệt nên thô nhiễm diệt theo, sáu tự tha chánh báo: Này người thiện nam! Tất cả thật tướng, nhưng hễ cái gì có tướng đều là luống dối, từ nhân duyên sinh. Hội duyên vào thật tức là thật tướng, nên luận Trí Độ chép: soi thấy sắc... là không tức gọi là thật tướng. Thật lý tánh không xa lìa điên đảo, chẳng luống dối nên đối với không thấy không cũng gọi điên đảo, đối với không mà không mê đắm mới là thật pháp. Thật tướng này tức là phi tướng, cho nên Như lai gọi là thật tướng, không dời không đổi, rốt ráo thường còn. Kinh Vô Lượng Nghĩa chép: Vô tướng như vậy là bất tướng, bất tướng là vô tướng, đó gọi là thật tướng.

Vì Tánh thanh tịnh, thật tướng này từ xưa đến nay tự tánh thanh tịnh, tất cả pháp vọng không thể làm nhiễm, so với mê dường như nhiễm, nay ngộ vốn thanh tịnh gọi là thanh tịnh.

Một thân thanh tịnh, do trước ngộ được các pháp căn, thức, trần, đại, thế gian, xuất thế gian đều trở về thật tướng thanh tịnh, mới thành tựu người này. Một thân thanh tịnh nên các đoạn thanh tịnh, đều nhắc lại văn trước, nhưng ở đây chỉ riêng thật tướng, để làm lý do thanh tịnh.

Vì một thân thanh tịnh, nhiều thân thanh tịnh, đã đối với tự thân chứng lý thật tướng, cũng thấy tất cả chúng sinh đồng một thật tướng thanh tịnh, để quán tất cả chúng sinh không chấp tướng, đồng tròn đầy tánh giác. Ngài Chí Công nói: Do thân ta là không nên các pháp đều không, ngàn muôn phẩm loại thảy đều giống nhau. Lại, văn sau nói: viên giác soi khắp vắng lặng không hai, mới biết chúng sinh xưa nay

thành Phật.

Vì nhiều thân thanh tịnh, như thế cho đến chúng sinh mười phương thanh tịnh viên giác. Dùng chánh trí Bát-nhã để quán khắp chúng sinh, Bồ-đề Niết-bàn trí tánh vô lậu xưa nay đầy đủ, đây là một người ngộ tánh, biết tất cả chúng sinh bản tánh thanh tịnh, chẳng phải nói một người tu đạo nhiều người thành Phật.

Kế là một nhiều y báo.

Này người thiện nam! Một thế giới thanh tịnh thì nhiều thế giới thanh tịnh vì nhiều thế giới như thế cho đến tận hư không ba đời, trong lý tròn đầy cõi nước tịnh uế đều do tự tâm, chúng sinh kiếp thiêu cõi ta an ổn, hai tướng xấu xí và xinh đẹp không giống nhau, ấn ngón chân xuống đất thì mặt đất trang nghiêm quý báu như ngồi trên hoa sen không khác. Huống chi tâm thầm hợp tánh giác, thức trí không sinh, thân cõi nương chân, nhiễm tịnh đều mất, thông suốt pháp giới, thanh tịnh vắng lặng. Viên là tròn khắp hư không, lý: nghĩa là bao trùm ba đời, dọc suốt cùng cực, hư không là ngang khắp.

Tất cả: ngang dọc bao gồm, bình đẳng: bổn mạt vị đồng, thanh tịnh: đều kết bảy đoạn, bất động: thầm hợp nhất như. Nhưng bảy đoạn trên khi ngộ đã thanh tịnh lẫn nhau, khi mê thì cấu nhiễm lẫn nhau. Nên nói: Vì giác không sáng tỏ nên khiến tâm không thanh tịnh, tâm không thanh tịnh nên thấy trần bất tịnh vì thấy trần bất tịnh nên nhãn căn bất tịnh, như thế cho đến một, nhiều thế giới bất tịnh, thế văn và ý nghĩa đối lại với kinh rất dễ hiểu.

Thứ đến không sắc đồng như bảy đoạn trước, tức là không sắc vô ngại, ở đây sẽ bặt dứt không nương gá. Quán kia nói: động niệm liền trái với pháp thể, lại hiển rõ pháp thể vốn không lay động.

Này người thiện nam! Hư không bình đẳng bất động như thế, nhiếp trước khởi sau. Do trước nói tận cùng hư không bình đẳng thanh tịnh, liền biết tướng đều đồng với hư không.

Hư không đã vốn vô sinh diệt, lay động, nên biết các pháp cũng vốn không sinh, cũng không đợi diệt, nhất nhất đương thể như như bất động.

Nên biết tánh giác bình đẳng không động, nhưng tất cả pháp chỉ nương tánh giác mà sinh diệt chuyển động. Các pháp đã tận cùng hư không đều không lay động, cho nên tánh giác bất động. Như sóng không vỗ thì nước vắng lặng bất động, lý đều nên nói bình đẳng. Cho nên kinh Pháp Hoa nói là “Pháp ấy trụ ngôi pháp, tướng thế gian thường trú.” Kinh Pháp Cú chép: các pháp từ xưa đến nay không phải cũng không

trái, tướng phải trái vắng lặng, xưa nay không lay động. Nhưng các pháp bình đẳng với tánh giác, chưa gọi là lý sự vô ngại pháp giới, nói rằng lý sự vô ngại thì cần phải nhiều việc hoàn toàn đồng một lý mà vắng lặng. Một lý hoàn toàn thành tựu nhiều việc mà thay đổi, ngay nơi động là tĩnh, ngay nơi tĩnh là động, sinh diệt rộng hẹp tất cả đều như vậy. Biến đổi vô ngại, nay chỉ một bề bất động, chỉ là thâu nhiếp sắc... sự đồng chân không, cho nên chỉ gọi là quán chân không.

Bốn đại bất động, nên biết tánh giác bình đẳng bất động. Như vậy cho đến tám mươi bốn ngàn Đà-la-ni môn bình đẳng bất động. Nên biết tánh giác bình đẳng bất động, lại như bảy đoạn trước trải qua các pháp môn, kinh sợ văn rườm rà nên lược nêu đầu và cuối, nghĩa bao gồm chặng giữa nên nói cho đến, đoạn sau nói cho đến cũng lệ theo ở đây mà biết.

Thứ hai lý sự vô ngại pháp giới.

Này người thiện nam! Tánh giác trùm khắp thanh tịnh bất động, tròn đầy không bờ mé, nên biết sáu căn trùm khắp pháp giới, vì căn trùm khắp nên biết sáu trần trùm khắp pháp giới vì trần trùm khắp nên biết bốn đại trùm khắp pháp giới, như thế cho đến Đà-la-ni môn trùm khắp pháp giới. Y theo pháp giới quán ở đây có mười môn.

1. Lý trùm khắp sự.
2. Sự trùm khắp lý.
3. Nương lý thành sự.
4. Sự hiển bày lý.
5. Dùng lý đoạt sự.
6. Sự ẩn che lý.
7. Chân lý tức sự.
8. Sự pháp tức lý.
9. Chân lý chẳng phải sự.
10. Sự pháp chẳng phải lý.

Nay nói đầy khắp pháp giới: chính là hành tướng của môn thứ hai, bao gồm nghĩa lý môn khác. Nghĩa là ở đây các pháp tức lý không khác với lý, mỗi pháp tự cùng khắp pháp giới, không đồng môn trước, không có thể để xếp vào trong lý, nên đây gọi là lý sự vô ngại. Dã trùm khắp pháp giới, liền biết động tĩnh vô ngại mỗi pháp cùng khắp. Nói tánh giác tròn đầy không bờ mé cho nên biết sáu căn trùm khắp, do môn trước đã hiển rõ sáu căn... bình đẳng với tánh giác, bình đẳng: tức là không khác nhau mảy may, tức không khác với tánh giác, tánh giác tròn đầy không ngằn mé, nên biết sáu căn cũng tròn đầy không ngằn mé, vì

thế đầy khắp pháp giới, nếu nói không trùm khắp tức là có ngằn mé, có ngằn mé tức khác với tánh giác, khác nhau thì trái với môn trước, nên ở trước nói: tròn đầy không ngằn mé. Vì thế kinh Thủ-lăng-nghiêm chép: Tánh thấy là giác sáng, giác tinh là cái thấy sáng, thanh tịnh bổn nhiên trùm khắp pháp giới, sáu trần về sau đều lệ theo trước.

Thứ ba Châu biến hàm dung quán, tức sự sự vô ngại. Nghĩa là hễ nêu bất một trần nào cũng bao trùm khắp tất cả pháp. Lại bao trùm tất cả pháp trong tự trần, một trần đã như vậy, tất cả pháp đều như vậy, cho nên nói trùm khắp bao gồm.

Này người thiện nam! do tánh diệu giác kia trùm khắp, là nêu tánh sở y, làm lý do của sự sự trùm khắp vô ngại. Căn tánh trần tánh: đây là mỗi mỗi chỉ cho tự tánh căn trần, chẳng phải nói mất căn nhiếp trần trở về một tánh.

Không hư hoại không xen lẫn vì căn trần không hoại. Như thế cho đến đa la ni môn, nghĩa là căn và trần đều là sự pháp, lệ như bảy đoạn trước, sự sự đều như vậy, nên nói cho đến... vô hoại vô tạp: y theo ví dụ giải thích.

Như trăm ngàn ngọn đèn chiếu sáng một căn phòng, ánh sáng đèn kia trùm khắp không hoại, không xen lẫn. Như một ngọn đèn ánh sáng đã khắp một căn phòng, lại có một ngọn đèn, ánh sáng cũng hoàn toàn trùm khắp. Trăm ngàn ngọn đèn mỗi ngọn cũng như vậy, mỗi ngọn không làm ngại nhau, cũng không lẫn lộn nhau, hư không trong phòng ví dụ cho pháp giới, ánh sáng của đèn ví dụ cho căn trần, nghĩa là ánh sáng của một ngọn đèn chứa nhiều ánh sáng. Tức là một ánh sáng trùm khắp trong nhiều ánh sáng, mỗi pháp đều như vậy, lớp lớp vô tận, bảy đoạn trước là sự pháp mỗi mỗi nêu ra so sánh với đây rất dễ thấy, đó là nghĩa bao trùm cùng khắp nghĩa là như thế. Sở dĩ như vậy, chỉ là chân tâm sở hiện, đều như ảnh tượng huyễn mộng, chẳng phải một với tánh sở y, chẳng phải khác, cho nên được gom nhiều vào một, một dung chứa nhiều... Thứ ba đoạn văn đốn đồng cảnh Phật trong đó có ba:

1. Dụng tâm đồng.
2. Thấy cảnh đồng.
3. Xứng thật đồng, trong phần đầu có hai:

a) Pháp: Này người thiện nam! Giác thành tựu, chỉ chung cho pháp giới tròn đầy hiển bày, văn trở xuống, do đây nên được đồng với cảnh giới Phật. Nên biết Bồ-tát không bị pháp trói buộc, không cầu pháp giải thoát, không nhàm chán sinh tử, không ưa thích Niết-bàn, không cung kính giữ giới, không coi trọng tu tập lâu, không khinh người mới học. Vì

sao? Vì tất cả là giác. Với bốn cặp pháp đối không có tâm hơn kém, như Phật đối với cảnh ba niệm, cho nên nói là đồng. Lý do của đồng kinh tự nêu lên giải thích rằng: do tất cả giác, nên luận chép: Cái gọi là nghĩa giác: chính là tâm thể lìa niệm, ở đây thì lìa tám niệm ở trước chán, yêu, kính, ghét, trọng, khinh... Nêu tám cảnh ấy để hiển rõ tâm, ví dụ rằng ánh sáng không ghét yêu, sau nói tu tập tâm này. Thứ hai là ví dụ.

Thí như mắt sáng thấy rõ cảnh trước, ánh sáng kia tròn đầy không có ghét yêu. Vì sao? Thể ánh sáng không hai, vì không ghét yêu. Ánh sáng tức nhãn thức hiện lượng sở đắc nên không ghét yêu. Kinh Thủ-lăng-nghiêm chép: Mắt kia nhìn khắp, chỉ như trong gương không phân tách riêng. Ở trong thức ông thứ tự nêu lên, nói mắt kia là ý chấp lấy nhãn thức, nói thức ông: tức là ý thức cũng có thể tùy theo tình kiến của phàm tục cho tròng mắt là ánh sáng. Như kinh Pháp Hoa chép: Phạm Vương là cha của chúng sinh.

b) Thấy cảnh đồng: Này người thiện nam! Bồ-tát này và chúng sinh đời mạt pháp, tu tập tâm này được thành tựu là gồm kết tám cảnh an tâm, xa kết quán hạnh thành tựu, ở đây không tu, cũng không thành tựu, dứt dấu vết tâm ở trước, khởi y chánh ở sau. Văn Phàm Thánh bình đẳng, nếu không dứt thì tuy không ghét kính, còn thấy giữ giới, phá giới,... nên phải dứt bỏ, mới đồng cái thấy của Phật, dưới đây là hiển rõ cái thấy đồng ấy.

Viên giác chiếu khắp, vắng lặng không hai, do tự tâm đã không nên chỉ là giác chiếu, đâu có phàm Thánh khác nhau? Thầm hợp với vô tậm nhất như, tức thường vắng lặng của muôn vật, chiếu khắp là dụng, vắng lặng là thể, chỗ cùng tột của Phật đến tận cùng nơi vắng lặng soi chiếu, vì thế kinh Anh Lạc chép: Đẳng giác soi chiếu vắng lặng, Diệu giác vắng lặng soi chiếu. Ở đây nói đồng với Phật, nghĩa là Đẳng giác, cho nên nói vắng lặng chiếu khắp. Kinh Kim Quang Minh, luận nhiếp Đại thừa đều nói quả Phật không khác công đức sắc thanh. Chỉ như như và trí như như riêng còn. Ba thứ thế gian dung nhiếp không ngăn ngại. Thế giới tức khí thế gian, chúng sinh tức hữu tình thế gian, thành Phật tức trí chánh giác thế gian. Trong đó: tức trong vắng lặng soi chiếu, tròn đầy không ngằn mé. Trăm ngàn muôn ức là số ở Trung Quốc. A-tăng-kỳ: Hán dịch là vô số, chính là số đầu tiên trong mười số lớn của Hoa nghiêm, kinh luận phần nhiều dùng nên nêu ra. Mười là nói A-tăng-kỳ: vô lượng, vô biên, vô đẳng, bất khả sổ, bất khả xưng, bất khả tư, bất khả lượng, bất khả thuyết, bất khả thuyết, bất khả thuyết.

Không thể nói: là số lớn thứ chín, hằng hà sa, nghĩa là tất cả cát

trong sông Hằng. Sông này từ phía Đông ao a-nậu lưu xuất ra, ban đầu xuất ra miệng voi chu vi bốn mươi dặm, cát vàng trôi vẫn lộn, cát mịn như bột rang, vì mịn nên số nhiều.

Các thế giới Phật: tăng-kỳ nói ở trên... là số tính ở thế giới này, nghĩa là có trăm ngàn muôn ức tăng-kỳ... số con sông trong mỗi sông một hạt cát là một cõi, để nói thế giới nhiều như thế. Nhưng ý trong đây thẳng đến cùng tột hư không trùm khắp pháp giới tất cả thế giới, không phải là tính toán số lượng kia, vì muốn dẫn căn cơ tạo ra vô biên cảnh, giả định chứa nhóm thêm số nhiều như vậy. Nhưng các cõi tịnh uế... thì cõi Phật gồm nhiếp, cho nên nói cõi Phật giống như hoa đốm, duyên không tự tánh, toàn thể tức chân, chân tánh đoạt lấy chẳng sót, nên được tướng đều hư huyễn, như trong môn lý đoạt sự ở trước nói, cũng như Thiện Tài cầu pháp, lần lượt chỗ Ma-da... hội duyên nhập thật, được môn nguyện trí huyễn giải thoát, thấy tất cả thế giới đều như huyễn trụ, loạn khởi loạn diệt, ở đây có ba ý:

1. Tất cả thế giới đều nương theo vọng niệm, niệm sát-na không dừng trụ thì thế giới cũng khởi diệt không dừng.

2. Kinh Hoa Nghiêm chép: chúng sinh trú nhiễm ô, thế giới thành nhiễm ô, chúng sinh phước lớn trụ nên thành nhiễm tịnh, Bồ-tát tín giải trụ nên thành tịnh nhiễm...

3. Tướng thành hoại, nhưng thành, trụ, hoại, không, mỗi tướng tuy có hai mươi lần tăng giảm, mà thế giới vô lượng vô số, quán chung khởi diệt lăng xăng.

Hỏi đáp về cõi Phật:

Hỏi: Nhưng cõi Phật giáo hóa cho phép như thế, trong tự thọ dụng khởi diệt như thế nào?

Đáp: Y theo thật giáo sẽ rõ, vô hình là tịnh độ.

Sinh công nói: chúng sinh hữu hình nương gá vào cõi nước để ở, Phật là pháp thân thường trú, cần gì cõi nước? Cho nên kinh Hoa nghiêm nói nương chân mà trụ, chẳng cần cõi nước.

Kinh này chép: vào trong đại quang minh tạng, các nghĩa còn lại đã nói rõ như trước.

Hỏi: Kinh Pháp hoa nói: Cõi ta đây an ổn, trời người thường đông vầy thì làm sao hiểu?

Đáp: Kia y theo môn lý tức sự, ở đây y theo môn lý đoạt sự, cả hai đều vô ngại. Bất tức bất ly: Nói về thế giới này không tức viên giác cũng không lìa viên giác, như hoa đốm và hư không, như vàng và vật trang sức, do không lìa cho nên tánh giác, đoạt thì thành hoa đốm trong

hư không, do bất tức, nêu thế giới không ngại có khởi diệt. Không trói buộc không giải thoát: văn chung cả trên dưới, trên thì do thế giới vô tịnh uế, sau vì chúng sinh vốn thành Phật.

Mới biết chúng sinh xưa nay thành Phật, mới biết tức là mới giác, quán hạnh thành tựu mới biết được. Vốn thành tức bản giác. Biết và không biết vốn là Phật. Phật là rốt ráo giác, thỉ giác và bổn giác chẳng phải hai giác.

Sinh tử, Niết-bàn giống như giấc mộng đêm qua: cũng không khác với thỉ giác, bốn tướng xưa nay đồng một giác, lại vắng lặng không hai, là tự giác, thế giới và chúng sinh là giác tha, hai chữ thành Phật và sinh tử Niết-bàn như mộng huyễn, là giác mãn, thành tựu nghĩa là tròn đầy. Động tĩnh cả hai đều mất mới tròn đầy. Nhưng nói chúng sinh vốn thành Phật, chỉ là Hoa nghiêm, viên giác còn lại các nghĩa khác bao gồm mà không chỉ ra hoặc chú thích, nhưng vì tiếng làm kinh giác, kẻ phàm lý vượt thường tình. Phật thì nói ít, người ngu thì bàn nhiều. Nay xét kỹ giáo lý lược nêu sáu môn:

1. Tiểu thừa hữu bộ, chỉ có Thái tử Tất-đạt một đời thành Phật, ngoài ra đều không có phần.

2. Đại thừa thỉ giáo: ba vô số kiếp hạnh vị đầy đủ mới được thành Phật.

3. Chung giáo: tướng hết tánh bày mới gọi là thành Chánh giác.

4. Hoa nghiêm nói: Địa vị thập tín tròn đầy mới phát tâm trụ tức thành chánh giác.

5. Đốn giáo: khi một niệm ngộ liền gọi là Phật.

6. Viên giáo: xưa nay thành Phật, nên Hoa nghiêm chép: khi Như lai thành chánh giác, ở trong thân kia thấy khắp chúng sinh thành Chánh giác, cho đến thấy khắp tất cả chúng sinh nhập Niết-bàn, đều cùng một tánh, cái gọi là vô tánh.

Lại nói: Bồ-tát Ma-ha-tát nên biết tự tâm, niệm niệm thường có Phật thành chánh giác. Vì sao? Vì chư Phật Như lai không lìa tâm này mà thành Chánh giác. Như tự tâm tất cả chúng sinh tâm cũng giống như vậy, đều có Như lai thành chánh giác. Nay văn kinh, nếu y theo quán thành mới biết được nên phải hai môn bốn, năm, nếu y theo sở tri, thì chúng sinh xưa nay là Phật, thời chỉ thứ sáu. Ba xứng thật đồng, xứng pháp giới chân thật tánh.

Này người thiện nam! Như giấc mộng đêm qua: Do thấy sinh tử, Niết-bàn như mộng, tức xứng viên giác thật tánh đồng cảnh Phật. ở đây có hai ý:

1. Chỉ có mộng năng y thì phải có người sở y, mộng là thần thức của người dạo chơi, cũng là khí phần của thấy nghe, không có tự thể riêng.

2. Chỉ hiểu thể của mộng là không vô, liền chứng tự thân chân thật, vì quên Tự thân, do chấp đắm mộng nên cảnh đại mộng chắc chắn là có, đại giác thì tròn sáng nên biết ở dưới có bốn tiết. Ban đầu nói chung về xứng thật:

Nên biết sinh tử và Niết-bàn không khởi không diệt, khi mê thì sinh tử không khởi Niết-bàn không diệt. Khi ngộ chẳng diệt, sinh tử lại phát khởi Niết-bàn, xứng thể mà quán đều không khởi diệt.

Không đến không đi, pháp Thánh chẳng phải mới đến, phàm tâm chẳng phải diệt đi. Lại nói thẳng thể, không khởi diệt đến đi, không y theo phàm Thánh, hai là chỉ riêng năng sở:

Sở chứng không được không mất, không lấy không bỏ, cảnh sở chứng chẳng phải được chân mất vọng, bỏ thô lấy diệu.

Người năng chứng không làm không dừng, không mặc ý, không diệt mất, tâm năng chứng đều không phân biệt, lìa bốn lệnh.

3. Mất cả năng sở:

Đối với chứng này không năng không sở, rốt ráo vô chứng, cũng không người chứng. Cho nên kinh Hoa Nghiêm chép: nếu thấy có chánh giác giải thoát, xa lìa các lậu, không mê đắm tất cả thế gian thì người ấy chẳng chứng đạo nhãn.

4. Tổng kết xứng thật nói: tất cả pháp tánh bình đẳng không hư hoại, rất dễ hiểu bốn kết thúc nhắc lại câu hỏi.

Này người thiện nam! Các Bồ-tát kia tu hành như vậy, thứ lớp như vậy, suy nghĩ như vậy, trú trì như vậy, phương tiện như vậy, khai ngộ như vậy, cầu pháp như vậy cũng không mê muội, rất dễ hiểu trong kệ chỉ có ba: lược bỏ phương tiện khởi hạnh thứ nhất, nên ban đầu phúng tụng quán hạnh thành tựu có hai, hai thứ còn lại như thứ lớp hoàn toàn đồng với văn xuôi.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn nói lại nghĩa này, nên ngài nói kệ rằng:

Phổ Nhãn ông nên biết
Tất cả các chúng sinh.
Thân tâm đều như huyễn
Thân tướng thuộc bốn đại.
Tâm tánh về sáu trần
Bốn đại thể đều lìa

Ai là người hòa hợp?
Hai là nói không quán,
Như thế dần tu hành,
Tất cả đều thanh tịnh,
Không động khắp pháp giới.

Pháp giới quán cũng văn xuôi rộng, kệ lược. Không tác chỉ, nhậm diệt, cũng không người năng chứng, tất cả thế giới Phật, như hoa đốm trong không, ba đời đều bình đẳng, chẳng bao giờ đến đi, Bồ-tát mới phát tâm và chúng sinh đời mạt, muốn cầu vào Phật đạo, nên tu tập như vậy.

Thứ đến là nêu giải thích mê ngộ, thỉ chung, văn có bốn, ban đầu có ba ở đây là phần đầu.

Bấy giờ, Bồ-tát Kim cương Tạng ở trong đại chúng liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi, đảnh lễ dưới chân Phật, nhiễu bên phải ba vòng, quỳ thẳng chấp tay bạch Phật rằng: Rất dễ hiểu.

- Hai là trình bày trong câu có ba.

1. Vui mừng sở ngộ kia:

Đại bi Thế Tôn, khéo vì tất cả các chúng Bồ-tát, tuyên dương viên giác thanh tịnh đại Đà-la-ni nhân địa pháp hạnh của Như lai, đây là cội gốc của tất cả hạnh vị, sau phải theo trước cho nên chỉ lại.

Thứ lớp phương tiện mở mang tối tăm cho các chúng sinh, ở trong hội, pháp chúng vâng lời chỉ dạy của Phật, mắt che được sáng tỏ như mắt trí tuệ thanh tịnh rất dễ hiểu.

2. Thưa hỏi thắc mắc: Thế Tôn, nếu các chúng sinh xưa nay đã thành Phật, là xếp đoạn văn trước vào gốc nghi này. Vì sao lại có tất cả vô minh: nghi ngờ cho là chân có thể sinh vọng.

Nếu các vô minh chúng sinh vốn có thì vì sao? Như lai lại nói xưa nay thành Phật, nghi rằng nói vọng là chân.

Chúng sinh mười phương vốn thành Phật đạo, sau lại khởi vô minh thì tất cả Như lai lúc nào sinh tất cả phiền não trở lại? Là nhắc lại và nêu lên, trách lỗi vô cùng.

Đây là ba điều khó ở trên, ý nói xưa nay là Phật thì phiền não làm sao sinh? Nếu trong vô sinh mà vọng sinh khởi thì Như lai thành Phật đồng với vốn không sinh. Trong vô sinh lẽ ra lại nên khởi vọng, nghĩa thành Phật... sinh không nên bằng nhau, bằng với chúng sanh quả Phật đâu có tôn quý gì? Nếu bằng thì nhân trái với việc hiện tại, tiến lùi đều không thể, nên có lời ấy.

3. Kết thúc thưa thỉnh giải thích chung.

Cúi mong không bỏ lòng đại từ vô già, vì các Bồ-tát mở kho bí mật tạng. Y theo ba việc khó này các kinh sách không có. Chỉ Phật biết rõ, bước lên các địa mới nhận. Đây là thỉnh nói thành giáo, khắp chỉ bày phàm phu đời mạt pháp, nên nói vô già (không gì ngăn được), mở kho bí mật, chẳng phải pháp khí thì không truyền, mật nghĩa là che giấu tướng mà nói. Và vì tất cả chúng sinh đời mạt pháp: nếu bí tàng không mở: kho bí mật thì một pháp bao gồm nhiều. Nay xin không phân biệt đời mạt pháp thì mở kho bí mật, hiển rõ mà nói thì mở kho bí mật.

Được nghe kinh giáo, pháp môn liễu nghĩa như thế, do đây nêu ở đề kinh.

Dứt hẳn nghi ngờ, là nói chung về nghi, đối với các đế lý do dự làm tánh, làm chướng ngại tín tâm, thiện phẩm làm nghiệp. Riêng hiển bảy thì năm cái. Trong nghi có ba:

1. Nghi mình: nghĩa là mình không thể nhập lý.

2. Nghi thầy: nghĩa là thầy không có khả năng khéo chỉ dạy.

3. Nghi pháp: nghĩa là với sở học vì khiến xa lìa, vì không xa lìa, như người bị bệnh tự nghi mình, nghi thầy, nghi thuốc, bệnh cuối cùng không lành, ở đây trong ba nghi tức là nghi pháp, nghi này lại có đã khởi, chưa khởi, ở đây đều bao gồm. Bồ-tát Kim cương Tạng vì người khác xin hỏi giúp dứt bỏ hẳn, nhưng phương tiện dứt nghi thì hoặc nghi cảnh giới khiến ngộ duy tâm, hoặc nghi pháp tánh khiến quán không được, ngoài ra đều lệ theo mà biết.

Hối: hối là pháp bất định, hối điều lành là ác, hối điều ác là lành, nay xin dứt hẳn, tức thuộc về ác. Nhưng người vào đạo nếu chưa thông thì quyết chúng sinh và Phật đồng khác, hoặc có khi dụng công nhiều lại tự nghi ngờ hối hận, sau đây xướng ba lần như trước.

Nói lời ấy rồi, năm vóc gieo sát đất, ba lần thỉnh như vầy, đến cuối lại trở lại đầu. Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Kim cương Tạng rằng: Lành thay, lành thay! Này người thiện nam! Các ông mới có thể vì các Bồ-tát và chúng sinh đời mạt pháp hỏi Như lai phương tiện rốt ráo bí mật sâu xa. Bí mật có hai:

1. Mật tạng của Như lai, nghĩa là tri kiến của Nhất thừa Như lai. Phật đối với pháp môn tiệm giáo lặng lẽ đã lâu im lặng chỗ quan trọng này, nên nói phương tiện rốt ráo. Sau đây là trả lời Diệu giác viên chiếu, lìa hoa đốm bị màng che lấp...

2. Như lai tức bí mật, do chứng mật tạng, năng sở không hai.

3. Nghiệp nghiệp đầy đủ, đều là bí mật. Thân mật nghĩa là chẳng phải sắc hiện sắc, như ma-ni... Nói mật ở trong một lời nói mà giảng

bày biển pháp vô biên, như tiếng vang trong hang trống... ý mật vô tâm thành việc... trong hai nghĩa thì kinh hiển rõ sở chứng.

Các Bồ-tát này chỉ dạy Đại thừa liễu nghĩa trên hết, có thể khiến Bồ-tát tu học trong mười phương, và tất cả chúng sinh đời mạt pháp được quyết định tin thì lập tức đồng với cảnh Phật, nghĩa là phải tín căn thành tựu mới phát tâm trụ. Nay chỉ chung cho quyết nghi thì khó để thành nghĩa trước.

Dứt hẳn nghi hối, nay ông lắng nghe, sẽ nói cho ông: lúc bấy giờ, Bồ-tát Kim cương Tạng vâng lời chỉ dạy vui mừng và các đại chúng im lặng mà nghe. Thứ tư là nói văn xuôi, có bốn:

1. Cội gốc của nhiều lần khởi nghi.
2. Ví dụ giải thích nghi ngờ hiện khởi.
3. Hiển bày cạn cợt khó tạo sâu sắc.
4. Kết thúc lời hỏi không hợp lý.

- Trong phần đầu lại có ba:

1. Chỉ chung luân hồi.
2. Chân theo vọng chuyển.
3. Kết thúc chỉ ra nghi ngờ trước. Ở đây là phần đầu.

Này người thiện nam! Tất cả thế giới: là chỉ chung hữu tình thế gian và khí thế gian, luận Kim cương của Vô Trước nói dùng bốn uẩn làm thế giới, nếu không y theo tình sao thì đâu luân hồi? Thứ hai: sáu đối sau đây làm rõ luân hồi kia, nghĩa là chỉ trụ hữu vi liền thuộc về tâm luân hồi.

Trước (bắt đầu biến đổi) sau (chứng cùng cực) mới sinh khởi, diệt: niệm niệm tàn tạ.

Trước quá khứ, sau quá khứ vị lai, có trụ kiếp, vô kiếp không, tụ kiếp thành, tán-kiếp hoại, khởi-hiện hạnh, chỉ-điều phục niệm niệm nối nhau tình giới, khí giới đều nương vọng niệm, sở y đã không dứt thì năng y cũng giống như vậy.

Tuần hoàn qua lại, khí giới là đã không lại thành, tình giới đã diệt lại sinh, hoặc nghiệp huân tập, báo luân hồi, trần sa kiếp-ba cũng chẳng dứt được, hai câu trên là chánh tông, chỉ rõ sự luân hồi.

Các thứ lấy bỏ đều là luân hồi, lấy là chấp lấy, chấp ngã, ngã sở, xả là nhàm chán xa lìa, nhàm chán sở y của khổ, lại đối với căn thân thì nhàm chán khổ thô chướng là bỏ, ưa thích tịnh diệu lìa là lấy, đối với khí giới thì nhàm chán xa lìa Ta-bà này là xả, ưa thích Cực lạc kia là lấy, hoặc lấy hoặc bỏ các thứ khác nhau, đều là vọng tâm điên đảo biến hiện ra sự luân hồi, nên luận chép: tất cả phân biệt tức là tự tâm

phân biệt, tâm chẳng thấy tâm, pháp chẳng phải tướng nào thật có. Kinh Thủ-lăng-nghiêm chép: Tự tâm chấp tự tâm, chẳng huyễn thành pháp huyễn.

- Kế là Chân tùy vọng chuyển, văn có ba:

1. Pháp:

Chưa ra khỏi luân hồi mà bàn luận viên giác thì tánh viên giác kia liền đồng với trôi lăn, thoát khỏi luân hồi thì không có việc đó, năng quán là tâm luân hồi, viên giác sở quán cũng giống như vậy. Như mộng thấy vật thật thì vật cũng là mộng. Hai là ví dụ. Thí như mắt động đậy thì có thể lay động nước trong, do mắt thường động nên, nước trong như sóng lay động, lại như định nhãn do vòng lửa xoay tròn, kế là nhãn thức chậm chạp nên lửa thành tướng vòng tròn, mây trôi thì thấy mặt trăng đi, thuyền lướt thì thấy bờ chạy cũng giống như vậy, tưởng có thể thấy ba hợp.

Này người thiện nam! Các vòng lửa chưa dứt thì mắt thấy mây, thuyền, dụ cho tâm sinh tử cấu bẩn, vật kia trước trụ còn không thể được là nước lửa trăng bờ, dụ cho viên giác, huống chi sinh tử trôi lăn, tâm cấu chưa từng thanh tịnh, quán Phật viên giác mà không xoay lại, chính là hợp. Ba kết thúc chỉ ra điều nghi ở trước.

Cho nên các ông liền sinh ba hoặc, tức là ba thứ nghi ở trước. Y theo ý chỉ ra của văn kết thúc này, liền biết định là gốc ngọn của trách trước khởi nghi, là trả lời các vấn nạn. Nếu là trả lời riêng một việc khó trong ba, tức là không hợp kết thúc chung ba hoặc. Người trí thì biết rõ rõ, nhưng tuy chẳng chính thức trả lời nhưng đã là nêu lên thế lực xây dựng nghĩa trả lời, ý khiến chấm dứt ý nghĩ như trên, tức là nghi ngờ ở trước sớm hợp tự mất, huống chi hoa đốm trong hư không, vàng quặng rõ ràng nói lên ví dụ.

2. Văn ví dụ giải thích nghi ngờ hiện khởi, có hai:

a) Ví dụ hoa đốm trong hư không chẳng khởi diệt.

b) Ví dụ quặng trong vàng không sinh lại. Trong phần đầu có ba:

Một là giải thích ví dụ, hai là hợp pháp, ba là kết thành. Ở đây trước chia nhỏ làm hai:

- Ví dụ bỏ màng che mắt thì hoa mất.

- Ví dụ hư không chẳng sinh ra hoa.

Này người thiện nam! Thí như mắt bị màng huyễn che lấp lầm thấy hoa đốm trong hư không, nếu cạo bỏ màng huyễn thì không thể nói che lấp này đã diệt lúc nào lại khởi tất cả các màng che, nghĩa là không biết hoa là do bị màng che. Vọng chấp từ hư không mà sinh, không biết

mê chân nên vọng sinh, chấp ngang trái chân có khả năng sinh ra vọng, đã bị che lấp đều không thấy hoa. Nghe nói do che lấp mà sinh, lại chấp lúc nào lại che, để ví dụ so sánh mê làm điên đảo vọng thấy luân hồi, nhờ nghe pháp môn Phổ nhãn, liễu ngộ căn trần thanh tịnh, nghe đạo nhờ đó trừ tâm mê nên được thanh tịnh, không phải mới được diệu môn. Lại chấp sớm muộn lại mê, giống như lúc nào lại che lấp, hỏi khi che lấp hết thì lúc khác có lại sinh hay không? không cần quyết định mãi mãi là không, làm sao lấy đây làm ví dụ?

Trả lời: Ví dụ nhưng chỉ lấy việc ngay lúc ấy, không nói trọn đời, nhưng vì người ngu lúc sáng sớm, sáng sớm chỉ thấy hoa, giờ ăn mất hết, thấy hoa sinh diệt lăng xăng, nghĩa là nói che lấp cũng mau khởi mau dừng, niệm niệm đợi chờ, nên nói rằng không thể, vì thế các kinh luận ví dụ giải thích lời Phật dạy như tỉnh giấc mộng lớn, đâu thể hỏi vặn rằng ngủ dậy tỉnh mộng. Ngại gì nói đêm lại ngủ lại mộng nếu hỏi vặn như thế thì đâu biết ví dụ! Vì sao? Vì hai pháp màng che và hoa chẳng đối đãi nhau, màng che không hẹn với hoa, hoa không sinh theo màng che, nhưng vì che nên vọng thấy, chẳng phải hoa thật sinh. Hai pháp mỗi pháp đều không biết nhau, huống chi một không một có, cho nên nói không đối đãi nhau. Dù cho tâm mê sinh tử cũng vắng lặng, vì duyên mê nên dường như sinh tử, chúng sinh vốn tự không sinh, hoa huyễn không bao giờ khởi, đừng đem màng che đối đãi, đừng dùng mê mà cầu. Kim cương Tạng hỏi mục đích chính là ở đây, sau đây là ví dụ hoa đốm trong hư không rằng:

Cũng như khi hoa đốm trong hư không biến mất trong hư không, không thể nói rằng hư không lúc nào lại sinh hoa đốm nữa. Vì sao? Vì hư không vốn không có hoa nên chẳng khởi diệt. Ví dụ này trước đã bao gồm giải thích, văn rất dễ hiểu. Hai là hợp pháp.

Sinh tử, Niết-bàn đồng với khởi diệt, diệu giác viên chiếu xa lìa màng che và hoa đốm. Mê thì thấy sinh tử giống như hoa khởi, ngộ thì được Niết-bàn giống như hoa diệt, nói viên giác lìa hoa lìa màng che, thì phủi cả hai sinh tử và vô minh, hư không chẳng tạm có không, tánh giác đâu quan hệ gì đến mê ngộ? Chúng sinh đã như hoa khởi, y theo đâu mà vặn hỏi vô minh? Vô minh sinh tử đã không, trách gì xưa nay thành Phật? Hoa đốm trong hư không chẳng bao giờ sinh trở lại, quả vị đâu còn trở lại mê? Vì mình chấp chặt không ngừng, thấy người khác tánh giác trôi lăn, nếu hiểu như thế thì sẽ dứt ngay ba nghi. Ba nghi móc xích nối nhau không phải là ba khoa đáp riêng, sau đây là ví dụ quặng vàng, tức là đáp thành Phật rồi không mê trở lại, nghi này quá sâu, nên

ví dụ lại. Ba là kết thành.

Này người thiện nam! Nên biết hư không chẳng tạm có, cũng chẳng tạm không, huống chi Như lai thuận theo viên giác, hư không bản tánh bình đẳng, hư không của thế pháp còn không đồng với hoa khởi diệt, huống Như lai thuận theo viên giác chân thường vắng lặng, là thể tánh của hư không ư?

Giác là tánh không: Kinh Phật đảnh chép: Hư không sinh trong đại giác, lại nói: vắng lặng soi chiếu bao trùm hư không. Lại nói bình đẳng là viên giác tuy là tánh của hư không, mà lại thầm hợp với không phân trùm khắp pháp giới vô phân, vô hạn, không khác, năng y, sở y, nên nói là bình đẳng. Ý này nói: Hư không ở trong giác hư không còn thường vắng lặng, huống chi giác là không tánh, đâu có thêm bớt, dụ như không bằng cho nên nói huống nữa, sau ví dụ quặng vàng.

Này người thiện nam! Như luyện vàng, vàng chẳng phải do luyện mà có, vàng ở trong quặng, loại bỏ quặng thì vàng hiện, chẳng phải quặng tiêu mới có, nếu do luyện mà có thì luyện đá... cũng sẽ được vàng. Cho nên biết tuy là giả luyện vàng nhưng tánh vàng phải sẵn có mới thành vàng được, nếu không luyện thì quặng, có trải qua vô cùng thời kiếp tánh vàng cũng không hoại. Đây là nói ở quặng thì ẩn, ra quặng thì hiển rõ, ẩn và hiển tuy khác nhưng tánh vàng xưa nay bình đẳng.

Không nên nói rằng vốn chẳng sẵn có: giải thích tánh vàng sẵn có.

Như lai viên giác cũng giống như vậy là hợp pháp, quặng dụ phiền não, vàng dụ tánh giác, luyện ra trong sạch liền có ánh sáng, và có thể tùy thợ, tùy khuôn, thành tượng Phật... hoặc các dụng cụ, dụ cho ba thân Phật. Nhưng ví dụ này chỉ đáp hỏi vặn là thành Phật rồi thì không còn mê trở lại, trước thì y theo lý viên ngộ, chúng sinh và Phật đều là vốn chân, để thành nghĩa chúng sinh xưa nay thành Phật trong đoạn Phổ Nhãn, cho nên nêu hoa đốm trong hư không xưa nay không khởi không diệt, chẳng phải sau mới diệt, hợp pháp: sinh tử, Niết-bàn đồng với khởi diệt, cho nên đều chung cho ba câu vặn hỏi, ở đây y theo tướng bất hoại nhân quả, nên nói luyện quặng ra vàng. Hoa thì đầu cuối vốn không, quặng thì do luyện mới hết, ý nói: lý viên đốn tuy giống nhau nhưng mê ngộ không ngại thành khác, đã có nghiệp chướng huân tập nhiều đời, trở lại phải trái với huân tập hiển rõ chân thật, chân hiển rõ thì rốt ráo thanh tịnh, nếu chỉ dùng dụ ở trước thì bác bỏ không có tướng nhân quả mê ngộ. Liền thành tà kiến nếu chỉ dùng dụ này, thì thành tánh giác của

chúng sinh xưa nay bất tịnh, mất lý chân thường, cũng thành tà kiến, đạo lý mầu nhiệm một ví dụ khó sáng tỏ vì thế nói hai việc, cho nên biết ví dụ này chỉ trả lời câu hỏi vặn thứ ba. Ba là hiển rõ cạn cợt khó tạo sâu xa. Văn có hai:

1. Sở tạo lìa niệm: Này người thiện nam! Tất cả Như lai tâm viên giác mầu nhiệm, trước nêu tâm giác làm tống, sau mới phủi dấu vết để nói chẳng phải đoạn diệt, nhưng lìa chỗ được phủi thì đều là tâm giác, phủi nhẹ có ba tiết:

Vốn không có Bồ-đề và Niết-bàn, phủi tên chuyển y, do chuyển phiền não sinh tử nên gọi là Bồ-đề Niết-bàn, thể tuy tức gọi là chân nhưng nhờ vọng mà được.

Cũng chẳng có thành Phật và không thành Phật, không có vọng luân hồi và chẳng luân hồi, hai tiết này đều phủi bỏ đối đãi. Trong tánh viên giác đều không, việc này nếu có cái thấy hẹp hòi thì mê viên giác. Nên kinh Hoa Nghiêm chép: đối với pháp, nếu có cái thấy này thì chưa phải thấy, nếu không có thấy như thế là thấy Phật.

2. Năng tạo làm ngưng trệ tình cảm, văn có bốn:

a) Nêu sự cao quý nêu sự yếu kém.

b) Nêu ví dụ, hiển bày tình cảm.

c) Ngăn ngừa dứt tâm vọng tâm.

d) Lại làm sáng nghĩa vọng.

Đây là phần đầu, văn có hai cặp.

- Cặp lý trí tiểu Thánh.

Này người thiện nam! Nhưng cảnh giới sở viên của Thanh văn thì thân tâm lời nói thảy đều đoạn diệt, chìm không đắm lặng, nguội thân bặt trí, không bao giờ đến được Niết-bàn do thân chứng của kia hiện ra. Nếu chưa nhập diệt tức là Niết-bàn Hữu dư, hoặc đã nhập diệt tức là Vô dư Niết-bàn, sau đây là đối phàm tâm chân giác.

Huống chi dùng tâm có suy nghĩ, các thứ chấp đắm để so suy lường cảnh giới viên giác của Như lai, hai cặp trên đây ý nói: chân trí hàng Tiểu Thánh còn không thể đích thân đến được lý của tiểu Thánh, huống chi là phàm tâm thấp kém hơn trí ở trước, chân giác lại vượt lý trước, xoay vần cách xa làm sao có thể tạo ra ư! Như Bách liêu còn sợ tể tướng, trăm họ đâu dám gần thiên tử! Đây đồng với người chứng bốn quả của kinh Kim cương còn vô tâm nói ta chứng được bốn quả, há là Như lai có định pháp chứng được vô thượng Bồ-đề ư! Hai là nêu ví dụ hiển bày tình cảm, như lấy lửa đom đóm đốt núi Tu-di, không bao giờ được, nêu ví dụ, sau đây là hiển bày tình cảm.

Vì tâm luân hồi sinh ra cái thấy luân hồi, nhập vào biển vắng lặng hoàn toàn của Như lai, thì không bao giờ đến được, liền biết trước nêu thù thắng, ở đây nêu ví dụ và chính là nói lên tâm phân biệt không thể chứng giác, thầm chê bai ba thứ nghi ngờ vặn hỏi ở trước nói có tâm suy nghĩ, chính là đây nói dùng tâm luân hồi, trước nói cảnh giới viên giác, tức là ở đây nói hiển bày vắng lặng hoàn toàn. Có thể soi chiếu sâu xa, ba là ngăn dứt vọng tâm.

Cho nên ta nói: tất cả Bồ-tát và chúng sinh đời mạt pháp trước dứt bỏ cội gốc luân hồi từ vô thỉ, chỉ cho văn chưa ra khỏi luân hối... ở trước, nếu xa chỉ tức là chương Văn-thù trước dứt trừ vô minh, hoặc chỉ cho các kinh khác thì đều nói như thế, lại nói lên nghĩa vọng, văn có hai:

1. Không có thật thể.

Này người thiện nam! Có ý suy nghĩ từ có tâm khởi, nêu lên căn thức hữu của năng khởi, tâm là biết, khởi là tâm sở, đều là duyên khí vọng tưởng của sáu trần, nêu lên trần cảnh có công năng lôi kéo, chẳng thật có tâm thể, thật tâm vô niệm.

Đã như hoa đốm trong hư không, dùng suy nghĩ này nói về cảnh Phật, giống như hoa đốm trong hư không lại kết quả không, xoay vần vọng tưởng thì không có việc ấy, dù thật có suy nghĩ nhưng suy nghĩ còn không thể chứng giác, huống chi tâm này sớm đã như hoa đốm trong hư không? Tự không có thật thể, hướng thượng càng muốn cầu chứng, đâu khác gì kết quả như hoa đốm trong hư không? Nên nói xoay vần vọng tưởng.

2. Không có tác dụng cao siêu.

Này người thiện nam! không thể thành tựu phương tiện viên giác, từ căn bổn của nghi ngờ đối chiếu khảo sát tỉ mỉ thứ nhất, bao gồm một đoạn thứ ba này, đại ý đều là trách hỏi đấm tình phân biệt lỗi lầm, cho nên trong đó thì tiết này gần nhất. Do ba phe nghi ngờ trước tiện đều dừng nhưng tâm thô phù khéo thấy vẫn không thể chứng giác.

Kết thúc lời hỏi không đúng lý, phân biệt như thế chẳng phải là hỏi đúng, vừa xem kinh nhiều lần, tức là dường như chỉ văn kết thúc cái thấy khéo léo, nghĩa ấy rõ ràng đều kết thúc một đoạn thứ ba, trước hỏi khen ngợi lành thay, ở đây trách chẳng đúng. Vì sao?

Đáp: trước khen ngợi khởi giáo tốt đẹp. Ở đây trách là hiển bày thật lý đó, ngờ một đoạn nghi này rất chướng ngại việc tu chứng, nếu không nêu lên, thì đời mạt pháp mê mãi nêu lên có ích lợi này, nên trước khen ngợi. Chỗ nêu của Kim cương Tạng ý là ở Phật trách, cho nên biết lỗi trách này, mới nêu lên có công, vừa xem như trước sau trái

nhau, rõ ràng chính là trước sau phù hợp, có thể xét nghĩ, nhiệm mầu là ở đây! Bốn đoạn trong kệ, ba đoạn trước hoàn toàn giống văn xuôi, hai câu sau hoàn toàn khác nhau.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn nói lại nghĩa này nên Ngài nói kệ rằng:

Kim cương Tạng nên biết!
Như lai tánh vắng lặng,
Không hề có trước sau,
Nếu đem tâm luân hồi,
Suy nghĩ liền trói buộc,
Chỉ đến bờ luân hồi,
Không thể vào biển Phật.

Văn xuôi trước nêu lên tướng vọng, văn kệ trước nêu lên thật tánh.

Thí như luyện quặng vàng,
Vàng chẳng do luyện có.
Tuy xưa nay là vàng,
Cuối cùng luyện mà thành,
Vừa thành thể vàng ròng,
Không còn trở lại quặng.

Lược bỏ không có bài tụng về hoa đốm trong hư không, rõ ràng ở đoạn sau.

Sinh tử và Niết-bàn, phàm phu và chư Phật, đồng là tướng hoa đốm, sở tạo lìa niệm bởi do Văn xuôi hoa không khởi diệt, trong ví dụ văn kết thúc giống với đoạn này, vì thế ở đây cũng lấy ví dụ hoa đốm trong hư không, ý bao trùm trước sau.

Suy nghĩ như huyễn hóa,
Huống chi hỏi luống dối,
Tạo ra trệ ngại tình cảm,
Nếu rõ được tâm này,
Thì sau cầu viên giác.

Một đoạn thứ tư này là y vào hiểu biết khởi hạnh. Cùng với Văn xuôi thứ tư lẫn nhau có không.

■

LƯỢC SỚ KINH CHÚ ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG VIÊN GIÁC TU-ĐA-LA LIỄU NGHĨA

QUYỂN HẠ
(Phần 1)

Thứ đến nghiên cứu sâu, cội gốc luân hồi, nghĩa là cùng tột xoay vần cội nguồn. Suy ra chủng tánh khác nhau của nó, trong đó văn có bốn: ban đầu có ba, đây là phần đầu:

1. Bồ-tát Di lặc đảnh lễ Phật, thưa hỏi pháp:

- Bấy giờ, Bồ-tát Di-lặc ở trong đại chúng, liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi, đảnh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu theo chiều bên phải ba vòng, quỳ thẳng chấp tay bạch Phật rằng: giống như trên.

2. Chính thức trình bày cú văn có hai:

a) Chúc mừng trước:

Đại bi Thế Tôn, xin rộng vì Bồ-tát mở bày mở kho bí mật, giúp các đại chúng ngộ sâu luân hồi, nhờ các ví dụ như thuyền đi mà thấy bờ chạy... mà ngộ được chân theo vọng chuyển, phân biệt tà chính, có thể bố thí cho tất cả chúng sinh đời mạt pháp không sợ quyết định đạo nhãn tuệ nhãn, đủ cả chân tục, đối đại Niết-bàn sinh tâm quyết định tin, không bao giờ tin khác. Kinh Thủ-lăng-nghiêm chép: Diệu tín thường trú tất cả vọng tưởng dứt hết không còn.

Không còn tùy cảnh giới luân chuyển, khởi kiến chấp tuần hoàn, không chấp thuyền đi thấy bờ chạy...

b) Thỉnh sau văn có hai:

b.1) Nêu pháp hỏi.

b.2) Kết thúc lợi ích thưa thỉnh.

- Trong phần đầu có hai:

+ Hỏi về cắt dứt luân hồi.

+ Muốn được Niết-bàn làm sao cắt đứt gốc luân hồi:

Bạch Thế Tôn! Nếu các Bồ-tát và chúng sinh đời mạt pháp, muốn đến chỗ đại vắng lặng của Như lai đại Bát-Niết-bàn. Biển: đầy đủ ba

đức, lập ra nghĩa lớn, thể sâu dụng rộng cho nên như biển.

Làm sao để cắt đứt cội gốc luân hồi, nhân chương trước nói: Trước là cắt dứt cội gốc luân hồi từ vô thỉ, cho nên nay hỏi phương pháp cắt đứt.

Đối với các luân hồi, trước nói các thứ lấy bỏ đều là luân hồi, cho nên ở đây nói các.

Có bao nhiêu chủng tánh, tất cả đều là sự luân hồi, chưa xét kỹ có bao nhiêu chủng tánh.

- Hỏi về tu bi trí:

3. Tu pháp Phật có bao nhiêu thứ?

Tu pháp Bồ-đề của Phật có bao nhiêu thứ khác nhau, pháp môn vô biên thệ nguyện học, tức là từ giã không vào thành đại trí, trở lại trần lao, sẽ lập ra bao nhiêu phương tiện giáo hóa độ các chúng sinh. Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ, tức là từ không vào giả, thành đại bi, hoặc bệnh đã nhiều, thuốc hay chẳng phải một. Nếu không có phương tiện ít nước nóng thêm băng, sợ rơi vào ái kiến đại bi cho nên phải hỏi.

- Kết thúc lợi ích thưa thỉnh.

4. Thỉnh Phật thương xót cứu giúp:

Cúi mong đại bi không bỏ cứu, giúp thế gian, những người tu hành, tất cả Bồ-tát và chúng sinh đời mạt pháp, mắt trí tuệ có khả năng soi chiếu.

Yên tĩnh lặng trong duyên trần không lẫn lộn, chiếu sáng gương tâm tức là sở chiếu. Lòng sạch như gương, bài kệ của Lục Tổ nói: tâm như gương sáng sạch, thân như đài gương sáng, viên ngộ tri kiến vô thượng, không năng không sở, tự tại tròn sáng của Như lai, tức là đồng với Pháp Hoa, cả hai mở bày Bồ-đề Niết-bàn là nghĩa vô thượng. Sau đây xướng ba lần phỏng theo trước. Nói lời ấy rồi, năm vóc gieo sát đất, thỉnh ba lần như thế, đến cuối thì trở lại đầu. Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Di-lặc rằng: Lành thay, lành thay! Này người thiện nam! Các ông mới có khả năng vì các Bồ-tát và chúng sinh đời mạt pháp mà thưa hỏi Như lai nghĩa mầu nhiệm, bí mật sâu kín, luân hồi vốn thanh tịnh, không có chủng loại khác nhau, khiến các Bồ-tát mắt trí tuệ trong sáng và khiến tất cả các chúng sinh đời mạt pháp, dứt hẳn luân hồi, tâm ngộ thật tướng, có vô sinh nhẫn, chân tánh không sinh, xưa nay thanh tịnh. Chúng sinh chưa ngộ, tâm vọng thấy sinh, sinh thì phải diệt, cho nên luân hồi. Nay ngộ thật tướng, rõ tâm vô sinh, tâm đã không sinh luân hồi dứt hẳn, nhẫn như thế gọi vô sinh nhẫn, trên đều khen ngợi.

5. Phật hứa khả nói pháp:

Bây giờ, ông hãy lắng nghe, sẽ nói cho ông. Lúc ấy, Bồ-tát Di-lặc vâng lời dạy vui mừng, và các đại chúng im lặng lắng nghe. Dưới đây chính thức nói Văn xuôi, trong đó có hai:

1. Trả lời cắt dứt luân hồi.

2. Trả lời tu bi trí, trong phần trước có hai:

a) Tìm gốc ngọn dạy chặt bỏ.

b) Nói về chủng tánh cho biết, trong phần đầu có hai:

- Chỉ bày sở đoạn.

- Khuyên dạy dứt bỏ. Trong phần đầu có bốn:

+ Chỉ ra ái là gốc.

+ Muốn giúp thành nhân.

+ Xoay vần nương nhau.

+ Khởi các nghiệp báo, trong phần đầu có hai:

- Y theo tham dục để nêu lên, chỉ ra:

6. Do có ân ái tham nên chúng sanh bị luân hồi:

Này người thiện nam! Tất cả chúng sinh từ đời vô thỉ, do có các ân ái tham dục nên có luân hồi, nghĩa là đối năm dục sở tham, nêu chỉ ra ái của năng tham là gốc luân hồi. Kinh Thủ-lăng-nghiêm chép: ái chảy thành hạt giống lãnh nạp tưởng thành thai, giao cấu phát sinh hấp dẫn đồng nghiệp, do nhân duyên ấy nên có sinh tử. Lại kinh Niết-bàn chép: do ái sinh lo, do ái sinh sợ, nếu lìa tham ái, lo gì sợ gì? Lại nữa, kinh Phật Danh chép: có ái thời sinh, ái hết thời diệt, cho nên biết sinh tử tham ái là gốc. Trước dạy dứt bỏ: như cây chặt gốc... là do năm dục dẫn khởi tâm ái, làm cho chúng sinh sinh tử không dứt. Nói chủng chủng: hoặc ân thuộc trời như cha mẹ..., hoặc ân cảm của việc như được ân huệ nho nhỏ... hoặc nhậm vận sinh ái, tức là tự thân và danh, lợi, sắc, vị, lục thân... hoặc do cung kính thành ái, do ân thành ái, hoặc do ái hết ân, ân và ái ứng thành bốn câu. nghĩa là ân chẳng phải ái... Lại nữa, cảnh sở tham các thứ rất nhiều, nên ái (yêu) của năng tham không phải một, nhưng tham và ái cũng có bốn câu. Nghĩa là tham chẳng phải ái... nếu đối trị phân biệt với cảnh thì có thuận có trái, nếu y theo tâm phân biệt luống dối thì đều là lỗi lầm. Lại nữa, chỉ y theo ái lại có ba.

1. Thích cái xấu, nghĩa là cầm hoang, sắc hoang và danh lợi...

2. Yêu cái đẹp: nghĩa là tham dẫn đến quả báo thực hành thí, giữ giới,...

3. Pháp ái: Ưa thích danh nghĩa và tham quả Thánh mà tu hành... nên sau đây nói: pháp ái không còn trong lòng, lần lần có thể thành tựu, thân ta vốn không có, yêu ghét từ đâu sinh. Sau y theo thọ sinh để kết

định.

7. Nói về bốn cách sanh:

Nếu tất cả chủng tánh ở các thế giới: sinh bằng trứng, sinh bằng thai, sinh chỗ ẩm ướt, hóa sinh đều do dâm dục mà có tánh mạng, nên biết luân hồi thì ái là gốc, bốn loại sinh như noãn sinh... thọ sinh khác nhau. Vì thế Du-già giải thích chúng sinh rằng: tư nghiệp là nhân, vỏ, thai, thấp nhiễm làm duyên, năm uẩn mới khởi là sinh, nếu phối hợp bốn sinh với sáu đường thì trời và địa ngục là hóa sinh, quỷ có thai có hóa, nghĩa là quỷ con và địa hành la-sát là thai, ngoài ra đều hóa sinh, người và súc sinh mỗi đường có bốn, người đủ bốn là mẹ Tỳ-xá-khư sinh trứng ba mươi hai con, thai là người thường, thấp là nại nữ, hóa là kiếp sợ. Súc đủ bốn thứ: Kim-sí điểu (chim cánh vàng) và rồng, thú khác đều có thai, các loài chim đều sinh bằng trứng. Nhưng đi trên đất bay trên không hoặc đường thủy, hoặc đường bộ, các loài nhỏ nhiệm hoặc noãn thai (bằng trứng, bằng thai), hoặc loài ẩm ướt, hoặc hóa sinh. Không thể đủ phần phẩm loại, đều do dâm dục mà có tánh mạng.

8. Nguyên nhân luân hồi của chúng sanh:

1. Dâm: nghĩa là đắm nhiễm ái trước, nhưng là tình nhiễm đều được gọi là dâm. Dù cho hóa sinh cũng nương vào nhiễm nghiệp, chỉ y theo nặng nhẹ của cõi Dục: Luận Câu-xá chép: sáu thọ dục là giao hợp, ôm nhau, cầm tay, cười, nhìn nhau là dâm, người ở bốn châu cùng thế giới của Tứ vương. Ngoài ra các loại khác noãn thấp thai hình, nhiễm tâm khí truyền khó phân tích đủ, được tánh bẩm mạng, đều có lý do? tánh mạng đã do dâm, dâm lại do ái, nên nói ái là cội gốc.

2. Dục giúp thành nhân, do có các ham muốn nên giúp sinh tánh ái, tâm tức là hạt giống của ái, cho nên làm cho sinh tử nối nhau, do ham muốn ngoại trần dẫn ra tâm ái, cũng do tâm ái tham đắm nơi ham muốn, tham muốn nên gây ra nghiệp, gây ra nghiệp nên chịu báo, do sinh tử này không dứt, nên Triệu luận chép: chúng sinh sở dĩ bị trôi lăn lâu dài: đều do tham dục. Nếu ham muốn dừng ở tâm, thì không còn sinh tử, tiềm thần huyền mặc hợp với đức của hư không, ấy gọi Niết-bàn.

3. Xoay vần nương tựa.

Dục do ái sinh, mạng do dục mà có, chúng sinh ái mạng, lại nương dục làm gốc. Ái dục là nhân, ái mạng là quả, dục nghĩa là tham dục, mạng nghĩa là thân mạng, không có ái dục thì không sinh, không ham muốn thân thì không có, nên biết dục do ái mà có, thân do dục mà sinh, đã có thân này thì lại sinh ra ái, do ái thân nên lại làm nhân của Dục, lại cảm quả báo sinh tử đời vị lai, lần lượt như thế, nối nhau không cùng.

4. Khởi các nghiệp báo trong văn có hai.

a) Giải thích riêng.

b) Kết thúc chung,

- Trong phần giải thích riêng có ba.
- Khổ báo của nghiệp ác.

9. Cảnh thuận và không thuận đối với tâm dục:

Do cảnh dục mà sinh khởi các trái ý không vừa lòng, thuận cảnh vừa ý, trái với tâm ưa thích mà sinh chán ghét, tạo ra các nghiệp, do cảnh kia, cảnh không thuận với tâm sinh phiền não, chửi mắng rủa nộp, các thứ nghiệp ác từ đây liền nổi lên, cũng có thể cảnh vừa ý sinh ra mê đắm, dâm, đạo, ăn uống, lấn cướp, lời nói thêu dệt, các thứ nghiệp ác, văn lược bỏ. Nói chủng chủng: mười bất thiện... cho nên lại đọa vào địa ngục, ngạ quỷ: ba ác báo. Không có súc sinh, lấy văn kia nhuận thành câu, do hai ví dụ rất dễ hiểu, cũng có thể do phiên dịch, truyền chép bỏ sót, nghĩa phải hợp với có. Nên kinh Hoa Nghiêm chép: mười nghiệp đạo bất thiện, bậc Thượng là nhân địa ngục, bậc trung là nhân súc sinh, bậc hạ là nhân ngạ quỷ. Hai là nghiệp lành thì quả báo vui.

10. Biết tâm ái dục là nhân đường ác:

Biết dục đáng nhàm chán, biết tâm ái dục là nhân đường ác, đối với cảnh dục kia rất sinh nhàm chán xa lìa. Yêu chán nghiệp đạo, sợ đường ác kia không gây nhân ác, lìa pháp môn ác, rất sinh yêu thích, bỏ ác ưa thiện, do ưa muốn nên làm ác, nay biết ham muốn đáng nhàm chán, bỏ mười điều ác ưa mười việc lành.

Lại hiện trời người: Quả báo vui. Kinh Hoa Nghiêm chép: mười nghiệp lành là nhân thọ sinh trời người, xếp vào quả báo vui, là nói tướng thô. Nếu luận về tám khổ nhân gian, năm suy cõi trời ở địa cư chặt đứt tàn hại xua đuổi, đâu thể khỏi khổ? Khổ ở trong trời, ngạ quỷ, súc sinh, chia ra Tu-la thì thành sáu đường. Ba là nghiệp báo bất động.

Lại biết các ái đáng nhàm chán, nên bỏ ái lạc trở lại làm tươi nhuần gốc ái, biết ưa xấu ưa tốt đều không khỏi khổ, bỏ đi tâm ái ưa tu pháp xả. Pháp xả tức là bốn thiền tám định, mà không biết tâm ưa xả lại đồng với ái kia, cho nên nói trở lại làm tươi nhuần gốc ái.

Liền hiện có làm quả lành tăng thượng, hai cõi trên tốt đẹp là Y báo, Chánh báo, do ở cõi Dục tu được định này, mỗi thứ tùy theo địa của mình mà sinh lên cõi trời.

11. Kết thúc chung:

- Kết thúc chung: Đều là luân hồi, ái là cội gốc cho nên đều luân hồi.

Không thành Thánh đạo, trước chỉ cho vô minh, ở đây nêu lên tham ái phát sinh đầy đủ. Nhưng mười nghiệp ác xưa nay phải dứt, mười điều lành, tám định thì chỉ trừ bệnh ấy thứ hai khuyên dứt bỏ, văn có ba:

1. Chính khuyên.

Cho nên chúng sinh muốn thoát vòng sinh tử, khỏi các luân hồi thì trước phải thoát khỏi các luân hồi và dứt bỏ khát ái, đã biết sinh tử đều do tham ái thì muốn thoát khỏi sinh tử trước phải dứt hai thứ này. Luận Viễn Công Báo Ứng chép: Các việc phát ra đều do tâm kia, báo ứng phải do ở việc cho nên tự chịu báo, phải xét việc mà việc có thể thay đổi, nêu việc để trách tâm mà tâm có thể ngược lại. Khát: là dụ cho chỗ chí thiết của nó.

2. Đề phòng chung, sợ có hỏi vặn rằng: nếu như vậy thì vì sao Bồ-tát cũng có tham ái nên thọ sinh, cho nên ở dưới nói chung.

12. Bồ-tát hóa hiện ở thế gian chẳng phải ái là gốc:

Này người thiện nam! Bồ-tát biến hóa thị hiện ở thế gian, chẳng phải ái là gốc, chỉ vì thương xót khiến kia bỏ ái, mượn các ham muốn mà vào sinh tử, Bồ-tát thị hiện thọ sinh, cội gốc chẳng phải ái, chỉ vì từ bi, làm lợi ích cho người, muốn thực hành giáo hóa, phải hiện thọ sinh, thị hiện đồng với phàm phu, cùng làm việc lợi ích chúng sinh. Nên kinh Tịnh Danh chép: Chúng sinh bệnh thì Bồ-tát bệnh, thị hiện... thương xót sâu sắc, người chẳng có ái thì trí sâu xa.

3. Hiển bày rõ lợi ích.

Nếu tất cả chúng sinh đời mạt pháp, xả bỏ các ham muốn và dứt bỏ yêu ghét, dứt hẳn luân hồi, siêng cầu cảnh giới Viên giác của Như lai, với tâm thanh tịnh liền được khai ngộ, trước dứt bỏ được mới siêng cầu được, có ra vàng từ quặng mới làm đồ dùng, vì thế kinh Thủ-lăng-nghiêm chép: Tham dục như thế gọi là quỷ luân, không gọi là đường trời, tướng hữu vô làm sinh khởi tánh luân hồi, hữu và vô cả hai đều không, không hai cũng diệt, đối với Bồ-đề Phật mới có thể mong được.

13. Hỏi đáp về tham ái:

Hỏi: Ở trước chỉ nói tham ái, vì sao đây nói cho đến trừ yêu ghét?

Đáp: Yêu thân yêu cảnh, cảnh trái với tình hoặc thân bị phiền não, nên sinh chán ghét. Chính là biết chán ghét chỉ nói yêu. Cũng do ái vì thế tuy bao gồm ý ghét chỉ nói ưa. Hai là: Làm rõ chủng tánh cho biết, nghĩa là do ở trước nói, đầu cuối động tĩnh, cho đến so lường cảnh Phật đều là luân hồi, vì thế Di-lặc hỏi về chủng tánh ấy, ý nói: Nghe các giáo

chỉ nói luân hồi năm đường, vì sao ở đây hành nhân ba thừa cũng chưa thể tránh khỏi, cho nên Phật nói cho nghe, do vốn do tham đắm hiển ra năm tánh, nên thuộc luân hồi, không do ngộ viên giác thanh tịnh làm bổn nhân. Nhưng hành tướng tu chứng trong tánh Bồ-tát, chỉ trừ bệnh ấy không bỏ pháp kia, ngoài ra như sớ có nói rộng, trong văn có hai:

- Nêu chung nhân nương tựa.

14. Chúng sanh gốc do tham dục:

Này người thiện nam! Tất cả chúng sinh gốc do tham dục mà, phát huy vô minh, hiển ra năm tánh khác nhau, chán xấu ưa tốt, huân tập giáo pháp ba thừa, chứa nhóm đã sâu nên thành tánh riêng. Kinh Lăng-nghiêm chép: tùy nói kia mà thành, đều gọi giáo huân khởi.

Nương: hai thứ chướng mà hiện cạn sâu, nếu gặp lời dạy của thầy tà, thì đối với ng ngã chấp và pháp ngã rất chấp chặt gọi là sâu. Nếu gặp hàng Nhị thừa người nói lý nhân không, đối pháp tuy chưa lìa ngu, với người đã không chấp chặt, đối trước là cạn, nếu gặp Bồ-tát và Phật thì tướng sâu cạn đối nhau sẽ biết được.

- Giải thích riêng khác nhau... văn có hai:

1. Sở y.

2. Chướng.

Thế nào là hai chướng? Y theo luận Khởi Tín giải thích.

Lý chướng ngại chánh tri kiến, là cội gốc vô minh, không thông đạt tánh tướng pháp giới, chính là ngại nghĩa chánh tri kiến, vì thế luận ấy chép: tâm ấy từ xưa đến nay tự tánh thanh tịnh, vì không thông đạt nhất pháp giới, tâm không tương ưng, bỗng nhiên niệm khởi gọi là vô minh.

15. Chướng sanh tử nối nhau:

- Sự chướng nối nhau các sinh tử, là sáu thứ nhiễm tâm. Ba tế cho đến khởi nghiệp thọ báo, là nghĩa sinh tử nối nhau, nên luận ấy chép: tâm thanh tịnh này bị vô minh làm nhiễm, có nhiễm tâm ấy, nghĩa của nhiễm tâm gọi là phiền não ngại... rộng như luận ấy nói.

- Năng y năm tánh, văn có hai:

1. Nêu ra: năm tánh gồm những gì: đây đều mới huân, không đồng thuyết của bản hữu của tông pháp tướng, nghĩa hai tông năm tánh thấy nói cao xa, nay đây lại cùng chỗ dẫn kinh Lăng-già... phần lớn giống nhau, chỉ khác chút ít, như văn có nói.

2. Giải thích trong văn có hai:

a) Nói chung chưa huân.

16. Hai chướng chưa dứt thì chưa thành Phật:

Này người thiện nam! Nếu hai tướng này chưa được dứt bỏ gọi là chưa thành Phật, vốn để phát tâm tu chứng thì y theo dứt bỏ hai chướng nên thành năm tánh, ở đây đều không dứt nên chẳng phải năm số, cũng chưa phát tâm được sự chỉ dạy, nên nói chưa huân, nếu y theo kinh Lăng-già, thì tương đương với vô tính thứ năm.

2. Huân thành năm tánh, văn có bốn: tánh Nhị thừa hợp lại phân biệt, có hai:

Nêu các chúng sinh bỏ hẳn tham dục, trước dứt bỏ sự chướng, lý chướng, biết khổ sinh tử, dứt bỏ phan duyên, nên nói trừ sự. Thật ra chưa thể dứt trừ ba tế. Ý trách không trước ngộ lý, nhưng trước trừ sự, cho nên có nói trước trừ chưa dứt.

17. Bốn chủng tánh:

1. Chỉ có thể ngộ nhập Thanh văn Duyên giác, chướng có sự lý, chấp có người pháp, nay chỉ dứt ở trước, nên nói chỉ có thể. Chưa thể hiển rõ an trú cảnh giới Bồ-tát, tuy đến nhà Trưởng giả nhưng vẫn còn ở vườn sau hót phẩn, ngủ lại am tranh chưa dám lên nhà trên, nên nói như thế.

2. Tánh Bồ-tát.

Này người thiện nam! Tất cả chúng sinh đời mạt pháp, muốn hiện ra biển viên giác lớn của Như lai thì trước phải phát nguyện siêng năng dứt trừ hai chướng, hai chướng đã hàng phục, thì sẽ ngộ nhập cảnh giới Bồ-tát, đây y theo địa trước để làm rõ tướng kia, nên nói đã hàng phục.

Nếu sự chướng, lý chướng đã dứt bỏ hẳn thì liền vào viên giác mầu nhiệm của Như lai, đầy đủ Bồ-đề và đại Niết-bàn, đây là y theo nhập địa cho đến quả vị để phân biệt tướng kia, nên nói dứt hẳn và Bồ-đề...

3. Tánh bất định.

Này người thiện nam! Tất cả chúng sinh đều chứng Viên giác, chắc chắn biết tự tâm xưa nay sẵn có, vì đã chứng biết tất cả hữu tình đều là giác, người dịch kinh lầm. Lẽ ra phải nói chứng các chúng sinh đều có viên giác.

Gặp Thiện tri thức, nương vào nhân địa pháp hạnh đã làm ấy, lúc bấy giờ tu tập liền có đốn tiệm, tánh giác tuy viên gặp giáo khác nhau, nên ưa thích có khác nhau.

Nếu gặp con đường tu hành chân chánh Vô thượng Bồ-đề của Như lai, căn không lớn nhỏ, đều thành quả Phật, gặp được thắng giáo đều thành, tức là nói không có định tánh riêng. Trái lại nói không gặp duyên

tốt thì tùy theo chỗ nghe thành tiểu, văn không có là lược bỏ. Do đó gọi là bất định tánh, vì thế chỉ nêu đốn tiệm.

4. Ngoại đạo tánh.

Nếu các chúng sinh tuy cầu bạn tốt, nhưng gặp người tà kiến nên chưa được chánh ngộ, đó gọi là chủng tánh ngoại đạo. Trong tâm tuy thù thắng nhưng đời trước gặp thầy tà đã huân tâm của họ, chứa nhóm thành hạt giống, vì thế Thánh đạo khó sinh tín tâm.

18. Nói về lỗi của thầy tà:

Trên là nói về hạt giống tà, sau đây là nói lỗi của thầy: lỗi của thầy tà chẳng phải lỗi của chúng sinh. Ý hiển bày tánh này chắc chắn mới huân, chẳng phải tự sẵn có, nên nói chẳng phải lỗi của chúng sinh, các chủng tánh ở trước cũng nêu ra đây để biết, nhưng văn lược bỏ. Cho nên biết chúng sinh vốn đồng tánh giác, chỉ gặp sự chỉ dạy thành khác có Đại, có tiểu, có tà, có chánh, nên biết người phát tâm, phải khéo phân biệt tông đồ. Nhưng các kinh luận khác gọi tánh thứ năm nói vô tánh, chỉ nói xưa nay nhiễm tâm bất giác nối nhau, chưa được tà sư, chánh sư, dạy bảo huân tập, không có hạt giống ba thừa, nên mở ra cũng không tin, do đây lạm vào bổn hữu, ở đây nói tánh ngoại đạo là quyết làm rõ nghĩa mới huân, ba là kết thúc. Đó gọi là chúng sinh năm tánh khác nhau.

- Trả lời tu bi, trí, đã biết bệnh dụng tâm của luân hồi, khỏi rơi vào tông khác, thì phải nương hiểu biết tu hành mau cầu chứng nhập. Nhưng Bồ-tát tu hành không ra ngoài hai việc lợi ích bi, trí cho nên phải nói. Trong lời hỏi trước thì trí trước bi sau, nay trả lời thì bi trước trí sau. Ý tiêu biểu là bi của trí, tức là trí của bi, không trước không sau, nên làm rõ lẫn nhau, trong văn có hai:

- Bi:

19. Bồ-tát chẳng nhiễm thế gian:

Này người thiện nam! Bồ-tát chỉ dùng đại bi phương tiện, nhập vào các thế gian, lời hỏi ở trước nói: nên lập bao nhiêu phương tiện giáo hóa? Nay đáp ý nói: chỉ dùng đại bi phương tiện thị hiện các thứ hình tướng, thuận nghịch tùy lúc, không định số thứ, nói chỉ dùng đại bi phương tiện là tuy gặp căn cơ các loại, chỉ dùng hai thứ này mỗi thứ tùy theo kia mà xứng hóa. Chỉ có đại bi mới có công năng giáo hóa khắp, chỉ có phương tiện chắc chắn xứng với căn cơ, thích hợp không có lỗi, nên kinh Tư Ích chép: Chúng sinh thực hành ở thế gian mà không biết thế gian, Bồ-tát hành ở thế gian hiểu rõ tướng thế gian, tướng hư không thế gian, hư không cũng vô tướng, Bồ-tát biết như vậy, chẳng nhiễm đối

với thế gian.

Khai phát cho người chưa ngộ, khiến biết pháp vọng vốn không, pháp chân vốn tịnh, cho đến thị hiện các thứ hình tướng, như Quán Âm có ba mươi hai thứ thân mà ứng hiện thân.

Cảnh giới nghịch thuận, luận chép: hoặc là quyến thuộc, bạn thân, hoặc là kẻ thù, giúp cho chúng sinh thêm lớn gốc lành, hoặc thấy hoặc nghe, được lợi ích.

Cùng với đồng sự là một trong bốn pháp nhiếp, ý bao gồm ba thứ khác, ba thứ ấy: bố thí, ái ngữ và lợi hành.

20. Giáo hóa chúng sanh thành Phật:

Giáo hóa cho thành Phật, không trụ ở các thừa khác, nên kinh Pháp Hoa chép: Ta vốn lập thệ nguyện, muốn khiến tất cả chúng, bằng như ta không khác. Đều nương nguyện lực thanh tịnh từ vô thỉ, khi nhân thì của Bồ-tát đã quyết phát nguyện độ sinh, nương nguyện lực đã sinh này, giữ vững không lui sụt, nếu tâm mệt mỏi liền nhớ nguyện lực xưa, để tự thúc đẩy việc làm, không phải theo tình nên nói đều nương nguyện lực. Lại chẳng hy vọng báo ân, cũng chẳng phải là ái kiến, nên nói là thanh tịnh. Nói vô thỉ: đại bi đồng thể xứng tánh đại nguyện tánh vốn đầy đủ, chẳng phải mới được, chỉ do mê ngộ, có phát không phát, phát tức là hai trí vô thỉ.

Nếu tất cả chúng sinh đời mạt pháp đối với đại viên giác, sau đây nói bậc đại trí trên cầu Bồ-đề, đối với đại bi ở trước, sau đó giáo hóa chúng sinh.

Khởi tâm tăng thượng, quyết định hướng về.

Nên phát đại nguyện thanh tịnh của Bồ-tát, lẽ thường các hạnh mau đến quả Phật, nếu không có nguyện lực thì thường lui sụt.

21. Điều nên cầu nguyện:

Nên nói như vầy: ta nguyện ngày nay trú viên giác Phật, cầu Thiện tri thức, chẳng gặp ngoại đạo và Nhị thừa, quyết định không hướng về các thừa khác, không giống như trước theo năm tánh, nên nói chẳng gặp...

Nương nguyện tu hành, cũng là chỗ làm không chạy theo tình niệm, chỉ nương nguyện lực mà tự đốc thúc, như trong bi trước đã nói. Nguyện là tướng chung, cả bi cả trí, cho nên trong hai đoạn đều nói nguyện lực, đầy đủ bi trí tức là đốn ngộ tâm Bồ-đề.

Lần lần dứt bỏ các chướng, lý tuy đốn ngộ không nhưng sự là trừ bỏ lần lần mới hết. Chướng hết, liền giải thoát, nguyện mãn: tức chứng đại Viên giác. Liền lên pháp điện giải thoát thanh tịnh, chướng hết thì

đi, đứng, nằm, ngồi bất cứ lúc nào cũng chỉ hướng về giải thoát cho nên dùng mầu nhiệm pháp thanh tịnh để ví dụ. Chứng cõi đại viên giác diệu trang nghiêm, nguyện mãn thì đối cảnh chạm mắt, tất cả các pháp đều là viên giác, vì thế ví dụ là cõi mầu nhiệm trang nghiêm. Cõi nghĩa là chỗ hai nước giáp nhau. Trong kệ khen ngợi có hai, hoàn toàn đồng với Văn xuôi.

22. Đức Phật nói kệ:

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn nói lại nghĩa này nên ngài nói kệ rằng:

Di-lặc ông nên biết!
Tất cả các chúng sinh
Không được đại giải thoát
Đều là do tham dục
Đọa lạc vào sinh tử.

Chỉ bày chỗ bỏ, Văn xuôi lìa mà rộng, ở đây hợp mà sơ lược:

Nếu dứt được yêu ghét,
Cùng với tham, sân, si.
Không vì tánh khác nhau,
Đều được thành Phật đạo.
Hai chướng tiêu trừ hẳn,
Cầu thầy được chánh ngộ.
Thuận theo nguyện Bồ-tát,
Nương ở đại Niết-bàn.

Khuyên khiến dứt bỏ, ở đây và nói về chủng tánh cũng lìa hẳn, ở đây hợp.

Các Bồ-tát mười phương,
Đều dùng nguyện đại Bi,
Thị hiện vào sinh tử,
Hiện tại người tu hành
Và chúng sinh đời mạt,
Khuyên dứt các ái kiến,
Trở về đại viên giác.

23. Lược phân vị tu chứng:

Trên đâylà nghiên cứu cội gốc của luân hồi đã xong. Dưới đây là phần thứ tư, lược phân vị của tu chứng, đã nói về nguồn gốc của giác trí, lại nghiên cứu cội gốc của luân hồi, đã biết viên giác phàm Thánh không khác, nhưng chưa phân biệt tâm thuận theo viên giác từ phàm đến Thánh khác nhau như thế nào? Nên kế lại nói. Ý nói lược phân: là

ba Hiền chung thành một vị, Thập địa Đẳng giác hợp thành một môn, tu thì tu viên giác, chứng thì chứng viên giác, viên giác không khác nhau, tùy theo tu trí để rõ vị địa, văn có bốn:

- Phần đầu trong ba phần:

24. Bồ-tát Thanh tịnh tuệ trình bày về từ cú:

Bấy giờ, Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ ở trong đại chúng, liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi, đảnh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu theo chiều bên phải ba vòng, quỳ thẳng chấp tay bạch Phật rằng: Đồng như trên.

- Kế là trình bày về từ cú, trong văn có hai: Trước là chúc mừng. Đại Bi Thế Tôn vì chúng ta nói rộng việc không thể suy nghĩ bàn luận như vậy. Đối tịnh giác nhất vị, nói gốc ngọn luân hồi, chủng tánh khác nhau các pháp tạp nhiễm, mà không trái mất cho nên không thể suy nghĩ bàn luận.

Vốn không thấy, vốn không nghe, chỉ dạy lập tướng nhiễm tịnh rõ ràng, tông phá tướng nhiễm tịnh đều bặt dứt, nay nói lên tánh giác nhiễm tịnh dung thông, cho nên trước đây chưa hề nghe thấy.

Nay chúng ta nhờ Phật khéo chỉ dạy thân tâm thoải mái được lợi ích lớn, dứt sạch các hoặc nhỏ nhiệm, hai là thỉnh trong văn sau có hai:

a. Chính hỏi.

25. Nêu sở chứng của bậc chánh giác:

Xin vì tất cả pháp chúng đến dự hội, nói lại tánh giác tròn đầy của Pháp Vương, tất cả chúng sinh và các Bồ-tát, sở chứng sở đắc của Như lai Thế Tôn khác nhau như thế nào? Nêu chánh giác sở chứng, hỏi: có thể chứng vị địa, tâm giác hoàn toàn nhân quả khác nhau, hai nghĩa thường trái nên phải nêu câu hỏi.

b. Kết thúc lợi ích.

Khiến chúng sinh đời mạt pháp nghe được Thánh giáo này, thuận theo khai ngộ thứ lớp nhập vào.

Sau đây là ba lần xướng phỏng theo như trước.

26. Đức Thế tôn khen ngợi hứa nói:

Nói lời ấy rồi năm vóc gieo sát đất, thỉnh ba lần như thế, đến cuối thì trở lại đầu. Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ rằng: Lành thay, lành thay! Này người thiện nam! Các ông mới có khả năng vì chúng sinh đời mạt pháp mà thưa hỏi, Như lai thứ lớp khác nhau, nay ông lắng nghe, ta sẽ nói cho ông. Lúc bấy giờ, Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ vâng lời chỉ dạy vui mừng, và các đại chúng im lặng lắng nghe, trong phần chính nói, văn xuôi có hai:

1. Nói về viên giác vô chứng.

2. Nói về đối cơ nói chứng, trong phần đầu có hai là:

- Pháp và dụ. Pháp có hai:

a. Nói về vô chứng.

b. Nêu lên giải thích lý do. Ở đây là mở đầu:

27. Tự tánh viên giác là phi tánh:

Này người thiện nam! Tự tánh viên giác là phi tánh, chẳng phải năm tánh trước và các tánh luân hồi khác nhau như tham, ái...

Tánh hữu: tánh khác nhau ở trước đều có viên giác.

Theo các tánh khởi, viên giác không giữ tự tánh, tùy duyên biến các tánh khác nhau, khi các tánh khởi thì hoàn toàn từ tánh giác khởi cho nên pháp thân không thêm không bớt.

Kinh chép: pháp thân trôi lăn trong năm đường, gọi là chúng sinh.

Không thủ, không chứng, chẳng phải cảnh của đương tình. Đối với thật tướng, thật không có Bồ-tát và các chúng sinh, kế sau là tự nêu lên giải thích lý do rằng. Vì sao? Vì sao không có Bồ-tát và chúng sinh? Bồ-tát, chúng sinh đều là huyễn hóa, huyễn hóa diệt nên không thủ chứng, y theo có huyễn cấu gọi là chúng sinh: Người xa lìa huyễn cấu gọi là Bồ-tát, cho nên cả hai đều không. Nhưng luân hồi ở trước và tu chứng ở đây đều nói là không, vì trước dường như bở chạy, ở đây như bóng trong gương, là hai dụ: Thí như mắt không tự thấy mắt, tánh tự bình đẳng. Vô bình đẳng là nói mắt có khả năng thấy tất cả, chỉ không thể tự thấy mắt, lại như ánh mắt khi nhìn ngắm cảnh vật thì muôn ngàn khác nhau nhưng thấy chỉ là một, nên nói là bình đẳng, chỉ đối với tâm không phân biệt phàm Thánh hơn kém, nói nghĩa bình đẳng, cũng không có người thực hành bình đẳng.

- Đối với căn cơ nói chứng, văn có hai:

1. Nêu chung đại ý.

2. Chứng vị đẳng cấp khác nhau.

Trong phần trước có hai: Ở đây trước nói công dụng có khác nhau.

28. Chúng sanh mê mờ điên đảo:

Chúng sinh mê mờ điên đảo, nếu chúng sinh không mê hoặc điên đảo, thì không có nghĩa khác nhau, nên trước nêu đây y theo đó để nói chứng giác khác nhau, mê theo thể điên đảo tức là vô minh căn bản và ba tế sáu thô. Trong luận cũng y theo cách dịch này, để nói về giai vị thỉ giác.

Chưa thể dứt hết tất cả huyễn hóa, chấp cho là thật, đối với diệt

chưa diệt, tức là nói trong bốn vị thì ba thứ trước lại giác ở trước, không giác ở sau, nghĩa là chướng tập lần lần hết như một phần bụi trần hết thì một phần gương sáng.

29. Thất địa trở xuống là tu đạo trong mộng:

Trong công dụng luống dối, Thất địa trở xuống đều là tu đạo trong mộng, nên kinh Hoa Nghiêm có dụ trong mộng vượt qua biển lớn. Chứng ngộ tròn sáng mới biết phiền não vốn không, thì thấy công dụng của trí tuệ năng đoạn cũng là luống dối, như trong mộng lấy thuốc trị bệnh được lành, sau khi tỉnh thì thuốc, bệnh đều không, nên nói công dụng luống dối.

Liền hiển bày khác nhau, chính là nêu chung giai vị. Hai công dụng cùng cực chẳng khác. Nếu được sự vắng lặng của Như lai, thì chư Phật đồng chứng lý này.

Tùy là tương ưng với gốc.

Thuận là không trái, chẳng phải khởi tâm cầu vắng lặng riêng.

30. Không có pháp vắng lặng và người vắng lặng:

Thật không có vắng lặng và người vắng lặng, không có năng sở, ý rõ tâm niệm, không sinh không thấy có pháp vắng lặng.

- Chứng vị từng bậc khác nhau, trong văn có hai:

1. Nói nương vị từ từ tu chứng.

2. Nói vọng tâm đốn chứng, trong phần đầu có bốn: Một là Tín vị; Hai là Hiền vị; Ba là Thánh vị; Bốn là Quả vị.

Bốn thứ này trong luận thứ lớp trái nhau, y theo dứt trừ bốn tướng thô tế sinh, trụ, dị, diệt, nương nhờ hiển rõ ngược lại bốn vị để làm sáng tỏ bờ mé thỉ giác. Nhưng tâm tánh lìa niệm vốn không sinh diệt, vì do vô minh quên chân thể của mình, cổ động khởi niệm, có thể khiến tâm thể sinh, trụ, dị, diệt từ tế đến thô nhỏ nhiệm khác nhau trước sau khác nhau, bờ mé trước nhỏ nhất gọi là sinh tướng, hai và ba ở giữa gọi trú tướng, dị tướng, mé sau thô nhất gọi là diệt tướng. Ở đây vì bổn giác có năng lực huân tập không thể suy nghĩ bàn luận, khởi tâm nhàm chán mong cầu, lại vì chân như sở lưu huân nghe giáo pháp huân nơi bổn giác, tánh lợi ích năng lực hiểu biết, mất đi vô minh có thể lần lần hướng về nguồn tâm.

Ban đầu là dứt tướng diệt, cuối cùng dứt tướng sinh, hóat nhiên đại ngộ hiểu rõ nguồn tâm, vốn không lay động nay sự vắng lặng vô thỉ, bình đẳng, bình đẳng không khác với thỉ giác, đại ý như thế, nay dùng ý luận để giải thích, ban đầu là tín vị: nói về nương nhờ dứt tướng diệt, văn kinh chia làm ba:

1. Nêu lên đầy đủ phàm phu.

31. Thể của ngã vốn không, chúng sanh vọng tưởng là có:

Này người thiện nam! Tất cả chúng sinh từ vô thỉ đến nay: đoạn đầu này chưa vào tín vị. Cho nên có văn này: không y theo phàm phu mê muội thì không có giai vị, nên trước nêu lên, ở đây dịch làm rõ tín, tức là văn luận dịch bốn tướng thành bốn vị.

Do vọng tưởng ngã, thể của ngã vốn không, vọng tưởng là có, bốn sinh chín loại đều như vậy. Và ái ngã vì chấp là ngã nên sinh yêu đắm, câu trên thể của ngã tức là sở chấp. Câu này ngã kiến tức là năng chấp, nói về nghĩa ngã, dưới đây có văn.

Không hề tự biết niệm niệm sinh diệt, thể ngã vốn không, duy tâm nên có. Tâm đã niệm niệm vô thường, ngã cũng niệm niệm sinh diệt, nên kinh Tịnh Danh chép: Thân này như điện chớp, niệm niệm không dừng trụ. Luận chép: Tất cả chúng sinh không gọi là giác, vì từ vô thỉ đến nay niệm niệm nối nhau, nên nói vô minh từ vô thỉ. Vì thế khởi yêu ghét, mê đắm năm dục: là lỗi mê chấp do chấp ngã nên thuận theo ngã thì yêu, trái với ngã thì ghét, cho nên mê đắm năm dục.

2. Nói về nghe pháp giác ngộ.

Nếu gặp bạn lành, chỉ dạy cho khai ngộ, tức văn huân (nghe huân tập).

32. Nói về nghe huân tập:

Tánh viên giác thanh tịnh tức là huân bên trong. Phát minh khởi diệt, tuệ soi sáng suốt, rõ phát tâm tánh. Vọng huân tập từ vô thỉ trong nhất thời ngộ hiện, như khi thức thì biết là mộng nhưng khi mê thì là sinh diệt. Vọng niệm là ta, cho nên vọng niệm không tự thấy vọng niệm. Như mắt không tự thấy. Nay đã khai ngộ tâm thầm hợp với chân giác, không cho vọng niệm là ngã, nên thầm hợp với tuệ của chân soi vào niệm khởi diệt. Khởi và diệt niệm niệm đều biết, trước không tự biết niệm niệm sinh diệt. Liền biết đời này tánh tự mệt nhọc, tức là tâm sinh diệt này, khi tánh mê tánh liền khởi diệt, vọng niệm trở lại mình, tâm suy nghĩ mệt nhọc, ngàn muôn mưu kế niệm niệm không dừng.

3. Nói về dứt vọng theo chân.

33. Phàm phu thuận theo tánh giác, kết thành tín vị:

Nếu lại có người dứt hẳn mệt nhọc: dứt trừ hẳn, tâm cầu làm, được pháp giới thanh tịnh, hoặc lý pháp giới, thì trong thể pháp giới bặt dứt các suy nghĩ mệt nhọc, trần cảnh không sinh, gọi là tịnh. Nếu sự pháp giới, thì tâm nhớ nghĩ phân biệt, pháp của trần cảnh khác nhau, mười tám giới... đương thể không sinh, gọi là Tịnh. Vì sao? Vì pháp giới tịnh

uế đều do tự tâm, tâm uế thì uế, tâm tịnh thì tịnh. Liền hiểu tịnh kia là tự chướng ngại: niệm thô đã hết được chút nhẹ nhàng, khi đối tịnh kia tâm sinh yêu đắm, đối với tịnh khởi hiểu gọi là tịnh giải, tâm bị ràng buộc đối với tịnh nên thành chướng ngại, chẳng phải trần bên ngoài quấy nhiễu gọi là tự ngại, cho nên viên giác mà không tự tại, kết thành tướng chứng giác trong tín, tác ý đối với giác nên không tự tại.

Đây gọi là phàm phu thuận theo tánh giác, kết thành tín vị. Hai là Hiền vị: nói về nhờ dứt mà thành tướng khác. Văn nói: giác đối với niệm khác, niệm không tướng khác...

34. Tất cả Bồ-tát giác ở niệm khác:

Này người thiện nam! Tất cả Bồ-tát bị kiến giải làm ngại, thấy tịnh giải ở trước bị ngại. Chính là giác ở niệm khác.

Tuy dứt bỏ giải ngại, là vượt quá vị trước. Nói tuy là trước rõ sau kém, niệm không có tướng khác... do trú kiến giác chính là ở giai vị này.

Giác ngại là ngại không được tự tại, kết thành tướng chứng giác Địa tiền kém hơn Đăng địa. Sở giác là ngại nên năng giác cũng ngại, đây là dùng ngại trừ ngại, nên chẳng tự tại.

Đây gọi là Bồ-tát chưa nhập địa, thuận theo tánh giác. Kết thành hiền vị.

- Thánh vị: nói nhờ dứt mà trụ tướng, văn nói giác ở niệm trú niệm không trụ tướng, nay văn chia làm ba:

1. Ngộ trước kia là sai.

2. Nói về chứng tướng.

3. Kết thành vị. Đây là phần đầu. Này người thiện nam! Có soi chiếu: là tịnh giải trong tín. Có giác: giác của giác ngại trong hiền vị.

35. Nói về giác ở niệm trụ:

Đều gọi chướng ngại, chính là nói lên ở trước là chẳng đúng, chính là nói về giác ở niệm trú.

- Nói về chứng tướng, nghĩa là dùng trí chứng lý, lý trí hợp nhau, như mặt trời hợp với hư không, như hạt châu tự soi chiếu, chỉ là hiển hiện bản giác, chẳng có năng sở. Trong văn có hai:

1. Không trú chứng.

2. Không trụ giáo, trong đó có ba: nghĩa là pháp dụ và hợp. Đây là phần đầu.

- Cho nên Bồ-tát thường giác, không an trú nơi chiếu và người chiếu, đồng thời vắng lặng. Năng sở khế hợp, vậy nên bài kệ thấy đạo của Duy Thức chép: hoặc khi đối sở duyên, trí đều không sở đắc. Lúc

bấy giờ, an trụ duy thức lìa hai tướng chấp, trí không sở đắc, thời nay thường giác không trú, thường giác tức là trí không phân biệt, không trú trú thì không chấp các tướng nói suông. Lìa hai chấp tướng, tức là chiếu này và người chiếu vắng lặng, trí và chân như bình đẳng bình đẳng, đều xa lìa tướng năng thủ, sở thủ. Văn kia tuy hạn cuộc ở thấy đạo, mà nghĩa của chứng lý thập địa không khác, cũng có thể không đồng với phàm phu, nên nói thường giác, không đồng với địa trước, nên nói không trú, ở đây thì niệm không trú tướng, giác trú tướng là không nên không trú. Thứ hai là Dụ.

36. Nêu ví dụ để làm sáng tỏ:

Thí như có người tự chặt đầu mình, đầu đã đứt rồi nên không thể chặt, như cầm dao kiếm tự chặt đầu, khi đầu chưa lìa thì không thể có nghĩa chặt đứt, nếu đầu đã rơi, thì không còn có người năng đoạn, sau là hợp, vì tâm ngại, là giác của giác ngại. Tự diệt các ngại, là ngại của sở giác.

Ngại đã đoạn diệt không còn diệt ngại, như lửa phát ra từ gỗ trở lại cháy gỗ thành tro bay đi.

- Không trụ giáo, nghĩa là địa trước chưa chứng nhân lý khó quên ngôn giáo, chứng lý đăng địa, không trụ lời nói, không trụ nên gọi chân giải giáo. Vì thế văn nói về Sơ địa trong kinh Hoa Nghiêm chép: được trí kinh luận. trong văn có hai:

1. Nêu lên để ví dụ giải thích.

37. Kinh giáo là phương tiện:

Kinh giáo như ngón tay chỉ mặt trăng, nếu lại thấy mặt trăng thì biết rõ chỗ nêu rốt ráo chẳng phải mặt trăng. Dù cho lời nói giống như đắc ý, không nói giống mà mê hoặc điên đảo, chấp lời nói giống mà mê chân, cho nên dùng ngón tay chỉ mặt trăng mà dụ cho ngôn giáo, là nghĩa thấy mặt trăng thì phải nhờ đầu ngón tay, tâm ngộ phải nhờ giáo của Phật, nhờ ngón tay mà thấy mặt trăng, thấy mặt trăng, thì quên ngón tay, nhờ nơm giáo mà tâm ngộ, tâm ngộ thì quên giáo, nếu chấp ngón tay thì mất mặt trăng thật, chấp giáo thì mất bổn tâm, ý khiến chứng thật quên nêu, nên nói chẳng hề có mặt trăng.

2. Đủ để hợp pháp.

38. Phật cũng dùng lời nói để hiển rõ lý:

Tất cả Như lai dùng các lời nói để chỉ bày cho Bồ-tát cũng giống như thế: ở đây nói các Đức Phật cùng dùng lời nói để hiển rõ lý, vì thế Văn-thù Bát-nhã chép: Tổng trì không có văn tự, văn tự nói lên tổng trì.

- Kết thúc thành vị: ở đây gọi Bồ-tát đã nhập địa thuận theo tánh giác luận cũng kết rằng: gọi là thuận theo giác.

- Quả vị: luận nhờ dứt tướng sinh. Văn nói: Như Bồ-tát Địa tận đầy đủ phương tiện, một niệm tương ưng tâm giác mới khởi, tâm không có tướng ban đầu, để xa lìa niệm nhỏ nhiệm, được thấy tâm tánh, tâm tức thường trú gọi rốt là ráo giác, nay văn chia làm ba:

1. Nói về cảnh: Này người thiện nam! Tất cả chướng ngại tức là rốt ráo giác: nêu chung, nghĩa là trí rõ viên giác không có tâm phân biệt. Nêu mười đối pháp đều đồng chân thật, tức là trong luận thấy tánh thường trụ... lại nữa, nếu thấy có chướng ngại để dứt, dứt rồi gọi là giác, giác chẳng phải rốt ráo nên chướng ngại, tức là giác mới rốt ráo. Chướng ngại: nêu mỗi cặp trong câu trên, rốt ráo giác tức là nêu câu dưới. Mười cặp: đắc niệm, thất niệm đều là giải thoát.

39. Nói về mười cặp:

1. Cặp thức và trí: không niệm thì được chánh niệm, đó là trí. Hữu niệm thì là thất niệm, là thức. Nên trong luận nói: giác thì lìa niệm, niệm thì bất giác... Nay rõ niệm vốn tự là không, vốn là vô niệm, nên đều giải thoát.

Thành pháp phá pháp đều gọi Niết-bàn.

2. Cặp thành và phá: các duyên hội nhau gọi là thành, duyên lìa gọi là phá, lại tiến tu gọi là thành, chê bai là phá, duyên vô tự tánh, thành và phá như một, nên đều là Niết-bàn.

Trí tuệ, ngu si đều là Bát-nhã.

3. Cặp ngu và trí: Kinh Đại Bảo Tích chép: si từ phân biệt sinh, phân biệt cũng chẳng có, tánh si và tánh Phật si tánh và Phật tánh bình đẳng không khác nhau, pháp mà Bồ-tát ngoại đạo thành tựu đều là Bồ-đề.

4. Cặp tà và chính: kinh Tư Ích chép: an trú chánh đạo, không phân biệt là tà là chánh, cảnh giới vô minh chân như không khác nhau.

5. Cặp chân và vọng: kinh Niết-bàn chép: Bản tế vô minh tánh vốn giải thoát. Người xưa nói: mê thì chân như là vọng tưởng, ngộ thì vọng tưởng là chân như. Các giới, định, tuệ và dâm, nộ, si, đều là phạm hạnh.

6. Cặp nhiễm và tịnh: giới, định, tuệ ngược lại với ba độc, ba độc vốn không, vốn là phạm hạnh, kinh Chư Pháp Vô Hành chép: tham dục tức là đạo, nhuế si cũng giống như vậy. Trong ba việc như thế, có vô lượng Phật đạo. Chúng sinh, cõi nước đồng một pháp tánh.

7. Cặp y và chính: kinh Niết-bàn chép: ta dùng mắt Phật xem

khắp ba cõi hữu tình vô tình, tất cả người pháp thảy đều rốt ráo. Rốt ráo: tức là pháp tánh. Địa ngục, cõi trời đều là tịnh độ.

8. Cặp khổ và vui: Nghiệp cực ác thành thì thấy cõi trời là địa ngục; nghiệp cực thiện chín muồi thì thấy địa ngục là cõi trời. Ý nghĩa của hai nghiệp do tâm, địa ngục cõi trời đâu chắc chắn. Tâm đã vốn không, tất cả thanh tịnh, cho nên kinh Bảo Tích có Tam-muội địa ngục Tam-muội thiên cung, nhưng các pháp đều như vậy, chẳng phải chỉ cõi trời và địa ngục. Nay lại y theo pháp thích thể trái nhau để lệ cho những trường hợp nhau.

Hữu tánh, vô tánh đều thành Phật đạo.

9. Cặp hữu tánh và vô tánh:

Hữu tánh: là tánh ba thừa.

Vô tánh: là tánh Xiển-đề, chẳng phải chỉ ngày khác hồi tâm, hiện tại đã thành Phật đạo. Tất cả phiền não rốt ráo giải thoát.

10. Cặp trói buộc và giải thoát: Kinh Phật Đảnh chép: căn trần đồng nguồn, gốc trói buộc giải thoát không hai, thức tánh luống dối giống như hoa đốm trong hư không. Nhưng phiền não nương thức, thức tánh đã không thì phiền não trói buộc chỗ nào? Mười cặp trên đây danh tướng tuy khác mà ý không khác, nhưng vì Phật chứng tâm giác, tâm không lấy bỏ, nên được các pháp khắp đều tròn mầu. Nên nay chỉ mỗi mỗi dẫn ví dụ mà thôi, chứ không mỗi mỗi tìm cầu tướng tức là nguyên do vô ngại.

2. Nói về tâm.

40. Nói về biển trí tuệ pháp giới:

Pháp giới biển tuệ: pháp giới sâu rộng nên giống như biển, còn tuệ là dụng, vì xứng với pháp giới nên gọi là pháp giới tuệ. Chiếu rõ các tướng giống như hư không, lý lượng xem ngang bằng, chánh trí không điên đảo, do tâm phân biệt các tướng khác nhau, nay biển tuệ lìa niệm nên các tướng như hư không. Lại tuệ của năng chiếu lìa niệm nên các tướng như không, tức không giống với tuệ vô ngại của kinh Tịnh Danh bao nhiêu. Như gương chiếu vật, gương tự vô tâm. Trên đây đều là trong luận, phương tiện đầy đủ, một niệm tương ưng, tâm giác mới khởi, tâm không có tướng ban đầu.

3. Kết vị:

41. Bình đẳng trong khác nhau:

Đây gọi Như lai thuận theo tánh giác: Hai là vọng tâm đốn chứng, trước do khắp chỉ bày giáo môn, y theo căn cơ nói có sâu cạn, nay sợ còn phân biệt thì không có lúc ngộ nhập, nên chỉ bày viên đốn an tâm,

đối với giác thành chân thật thuận theo, trước là theo tướng, đây nên lìa tướng, cũng như Hoa nghiêm trước nói vị địa nhân quả khác nhau, sau dung thông bình đẳng nhân quả, tức là bình đẳng trong khác nhau, khác nhau trong bình đẳng. Trong đây, ý thú đồng với kia, văn có ba:

1. Quên tâm vào giác.
2. Nghiệm quả biết nhân.
3. Ấn thành trí Phật.

Trong phần đầu có hai:

1. Chỉ bày an tâm.

42. Không để sanh khởi vọng niệm:

Này người thiện nam! Vì các Bồ-tát và chúng sinh đời mạt pháp, là chỉ bày pháp an tâm đời mạt pháp, văn có bốn tiết mỗi tiết có hai câu, bất cứ lúc nào cũng không khởi vọng niệm, vọng niệm là phan duyên chấp đắm pháp bên ngoài, nghĩ thời trái giác, nên không để khởi.

Đối với các vọng tâm cũng không dứt diệt, nếu cầu chân xả vọng như bỏ bóng theo hình, nếu dứt vọng còn chân, thì giống như phát ra âm thanh mà dứt tiếng vang, trụ trong cảnh vọng tưởng không thêm hiểu biết, cảnh từ tâm hiện vốn là tự tâm. Nếu thêm hiểu biết tức là mê hiện lượng, nên kinh nói chẳng huyễn thành huyễn.

Luận chép: tâm không thấy tâm, chỉ không sinh tình tự nhiên như gương soi chiếu vật thể. Vả lại, tâm thể vốn tự hiểu biết, đâu cần phải gia thêm hiểu biết, trên biết khởi biết gọi là thêm.

Với không hiểu biết không phân biệt chân thật, rất dễ hiểu đã vắng lặng tức là biết chân thật, chân thật liền biết, ai biết chân thật như mắt không tự thấy mắt...

2. Nương pháp đốn nhập:

43. Chúng sanh nghe pháp môn này không sinh sợ:

Các chúng sinh kia nghe pháp môn này, tin hiểu thọ trì không sinh kinh sợ. Chính gọi là thuận theo tánh giác. Chúng đương căn kia, nếu nghe phương tiện này tâm không nghi ngờ, thể đạt rõ ràng lãnh thọ giữ gìn, thời thản nhiên hợp đạo, cũng giống như đối với kinh Kim cương không kinh, không sợ, không hãi, thật là ít có.

- Nghiệm quả biết nhân:

Này người thiện nam! Các ông nên biết, chúng sinh đã từng cúng dường trăm ngàn muôn ức hằng hà sa chư Phật và Đại Bồ-tát như thế, gieo trồng các gốc đức, thành thật nói: nghiệm nay nghe ngộ mau hợp tâm Phật, mới rõ nhân đời trước, trước kia nhờ huân tập, nếu chỉ y theo đời hiện tại chính là đốn cơ (căn cơ nhanh) nếu suy tìm nhân đó đã là

chứa nhóm, kinh Kim cương cũng chép: không đối một, hai Đức Phật...

- Ấn thành trí Phật.

44. Nhờ pháp môn này được nhất thiết chủng trí:

Phật nói người này gọi là thành tựu Nhất thiết chủng trí, nghĩa là Nhất thiết chủng trí do đây mà được, nhân quả dung nhiếp lẫn nhau, chắc chắn không nghi. Cho nên Như lai ấn ngôn thành tựu. Lại nữa, tông phần của kinh này đồng với Hoa Nghiêm, nhân trùm biển quả, quả suốt nguồn nhân, xứng tánh thâu nhiếp lẫn nhau, trước sau không khác. Kia nói: nếu các Bồ-tát có thể cùng quán hạnh tương ưng như thế, đối với các pháp không sinh hiểu hai, tức là đồng với văn nói về an tâm này. Liền được vô thượng Bồ-đề, đồng với Nhất thiết chủng trí này, trong kệ tán có ba: ban đầu hai, hoàn toàn đồng với văn xuôi, hai câu thứ ba tổng kết văn xuôi không.

45. Đức Phật nói kệ:

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn nói lại nghĩa này nên ngài nói kệ rằng:

Thanh Tịnh Tuệ nên biết,
Tánh Bồ-đề tròn đầy,
Không thủ cũng không chứng,
Không Bồ-tát chúng sinh.
Viên giác trên không chứng,
Đối cơ dưới nói chứng.

Khi giác và chưa giác, thứ lớp có khác nhau trên nêu chung đại ý, dưới chứng vị tầng bậc khác nhau, chúng sinh là giải ngại (tín vị), Bồ-tát chưa lìa giác (hiền vị) nhập địa mãi vắng lặng, không trú tất cả tướng (Thánh vị).

Đại giác đều tròn đầy,
Gọi là thuận theo khắp.

(Quả vị) các chúng sinh đời mạt pháp, tâm không sinh luống dối, vong tâm đốn chứng.

Phật nói người như thế,
Đời này là Bồ-tát,
Cúng dường số cát sông hằng Phật,
Công đức đã tròn đầy.
Ấn thành trí Phật.

46. Nói về trung căn tu chứng:

Dù có nhiều phương tiện, đều gọi trí thuận theo. Vì tổng kết đốn tiệm nên nói là nhiều phương tiện, trên đây bốn đoạn nói chung quán

hạnh xong, kế là bốn câu hỏi đáp nói riêng về quán hạnh. Trung căn tu chứng là nói riêng: gồm có hai ý:

1. Do một hạng người nương vào môn trước chứng nhập không cần tu đây, nên đây gọi là riêng.

2. Môn này mỗi môn khác nhau, như ba quán có khi một người đủ cả ba, có khi một hoặc hai đơn kép xen nhau, thành hai mươi lăm thứ, mỗi thứ đều ứng với một căn cơ nên nói là khác. Chỗ lìa chướng kia cũng đều khác nhau, lại như bốn tướng, có khi một người đủ bốn, có khi ba, hai, một. Bốn bệnh mỗi người đều nhất định không gồm khác, vì trái nhau, nên đây hai-bốn đều là tướng riêng, không đồng với vô minh và ái ở trước hễ là phàm phu đều có. Trước là chung ở đây là riêng. Nhưng trong quán hạnh chung riêng, đều đồng khoa đoạn với hoặc chướng: do vậy hoặc chướng quán hạnh, hoặc được dứt trừ thì thành quán hạnh, văn có hai:

Hai câu đầu là hỏi đáp tu hành ba quán, hai câu sau là hỏi đáp hai lần trừ chướng.

Ban đầu trong đó có hai:

- Chỉ bày hành tướng ba quán, sau nói về đơn kép tu tập, ban đầu trong văn có bốn: Phần đầu của ba phần đầu:

47. Thỉnh Phật phân biệt rộng thuận theo tánh giác:

Bấy giờ, Bồ-tát Oai Đức Tự Tại ở trong đại chúng, liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi đảnh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu theo chiều bên phải ba vòng, quỳ thẳng chấp tay bạch Phật rằng: giống như trên, kế lại trình bày từ cú, có hai:

1. Chúc mừng trước.

Đại bi Thế Tôn! Xin rộng vì chúng con phân biệt thuận theo tánh giác như thế: Thọ lãnh y vị, trước dần dần chứng đắc.

Khiến các Bồ-tát tâm giác sáng rõ, nương viên âm của Phật, không nhờ tu tập mà được thiện lợi, thọ lãnh tâm vọng ở trước mà đốn chứng, tạm nghe rồi được thiện lợi, huống chi siêng năng thực hành.

2. Thỉnh văn sau có hai:

a. Hỏi chỗ tu.

b. Nói về việc phải làm, trong phần đầu có hai.

1. Lập lý.

48. Nêu ví dụ để làm sáng tỏ:

Bạch Đức Thế Tôn! Ví như ngôi thành lớn, ngoài có bốn cửa, tùy theo người ở các nơi đến, chẳng dừng dọc đường, như từ phía Đông đến không thể vào cửa phía Tây.

Tất cả Bồ-tát trang nghiêm cõi Phật và thành Bồ-đề chẳng phải một phương tiện, hợp pháp rất dễ hiểu. Nghĩa là trước nói quán hạnh lý thú rõ ràng, nay lại thưa hỏi, sợ liên quan không phân, nên trước lập lý thỉnh mời lại hợp cơ.

2. Chính thức thưa hỏi.

49. Thỉnh Phật giảng nói tất cả phương tiện thứ lớp:

Cúi mong Thế Tôn, giảng nói rộng cho chúng con nghe tất cả phương tiện thứ lớp: là hạnh sở tu.

Và người tu hành gồm có mấy thứ, người năng tu, hai là nói việc phải làm, khiến Bồ-tát trong hội này và chúng sinh đời mạt pháp, người cầu Đại thừa mau được khai ngộ, dạo chơi trong biển lớn vắng lặng của Như lai. Sau đây là ba lần tuyên bố mô phỏng theo trước. Nói lời ấy rồi, năm vóc gieo sát đất, thỉnh ba lần như thế, đến cuối thì trở lại đầu, lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Oai Đức Tự Tại rằng: Lành thay, lành thay! Này người thiện nam! Các ông mới có khả năng vì các Bồ-tát và chúng sinh đời mạt pháp mà thưa hỏi Như lai phương tiện như thế, nay ông lắng nghe! Ta sẽ nói cho. Lúc bấy giờ, Bồ-tát Oai Đức Tự Tại vui mừng vâng lời chỉ dạy và các đại chúng im lặng lắng nghe.

Kế là chánh nói, trong Văn xuôi có bốn.

1. Nêu gốc nêu số.

2. Chỉ bày quan môn.

3. Dẫn ví dụ làm rõ viên.

4. So sánh nói lên sự tốt đẹp, đầu tiên có hai:

- Y theo xứng tánh để nêu gốc.

50. Diệu giác có ra Như lai mười phương:

Này người thiện nam! Diệu giác vô thượng trùm khắp mười phương, xuất ra Như lai, chư Phật mười phương đồng chứng đồng tu, nghĩa chứng như trước, ở đây là hỏi tu.

Đồng thể bình đẳng với tất cả pháp,đều cùng bình đẳng. Luận Trí Độ chép: Ở trong số chúng sinh gọi là Phật tánh, ở trong số không phải chúng sinh gọi là pháp tánh, trên đều là tánh sở xứng.

Đối với các hạnh tu hành thật không có hai, hạnh năng xứng tức là như môn hai quán không ở trước, căn trần sạch hết, tham ái đều vắng lặng, bi trí song hành, lìa tướng lìa tâm, thường không sở đắc. Tất cả Bồ-tát đều như thế, tùy việc tuy khác, ý này không hai. Hai là y theo hạnh tùy cơ để nêu số.

51. Có vô lượng phương tiện thuận theo:

Phương tiện thuận theo số ấy vô lượng, nhưng căn tánh của chúng

sinh lợi độn khác nhau, phiền não dầy mỏng nặng nhẹ đều khác nhau, theo căn tánh kia nói giáo nhiều mối, nếu không như vậy thật khó hướng về. Nên kinh Lăng-nghiêm chép: Sở thuyết chẳng phải sở ưng, đối kia là chẳng nói, những người bệnh kia, thầy thuốc là nơi chốn, Như lai vì chúng sinh, tùy tâm ứng tượng nói.

52. Quán môn có ba:

Viên nhiếp chỗ về, theo tánh có khác, nên có ba thứ: căn tánh chúng sinh tuy có muôn vàn khác nhau, nhưng ba môn này thâu nhiếp hết tất cả, phải có ba nghĩa như ở dưới giải thích. Hai chính là chỉ bày môn quán, có ba:

1. Quán tướng mất lắng thần.
2. Quán khởi huyễn tiêu trần.
3. Quán linh tâm dứt đối đãi.

Nhưng cương lãnh của thiền quán đã nói đầy đủ. Tu tập Bồ-đề chẳng phải đây không chứng, nhưng vì chỉ dạy tùy theo căn cơ khác xoay vần có các đường, tà chánh, phàm Thánh, đại tiểu, quyền thật, sự lý, tiệm đốn, có chung, không chung. Nay nương pháp này tấn tu, để thành quán hạnh viên đốn, tức sự lý định tuệ đều không trở ngại, cùng với tu tập Tam-muội chân như trong luận, thể tướng về đại thể thì đồng về chi tiết thì khác, khác chi tiết là kia không chia thành ba. Nay ban đầu bặt tướng, văn tự có ba.

- Nêu gốc.

53. Nói về hạnh mầu nhiệm:

Này người thiện nam! Nếu các Bồ-tát ngộ viên giác, thanh tịnh là phát tâm tu hành muốn thẳng đến quả Phật, trước phải hiểu rõ trong thân, làm thanh tịnh tánh viên giác lấy đó làm gốc, gốc tức là hiểu, nương vào hiểu mà tu mới là hạnh mầu nhiệm.

Nên dưới đây nêu gốc... đều đồng ở đây.

- Giải thích, có ba:

1. Khởi hạnh:

Để thanh tịnh tâm giác, y theo chỗ ngộ kia mà khởi hạnh. Phàm phu dùng vọng, Bồ-tát dùng giác, mê ngộ khác nhau.

Lấy yên tĩnh làm hạnh, tuy ngộ ngay nơi động là tĩnh, vì muốn đối trị thói quen loạn động, trước nay dùng cảnh yên tĩnh an tâm, từ từ tu hành mới được thành tựu. Không chấp pháp mà chấp tĩnh. Thành thật nói rằng: do tâm giác ban đầu năng lực thành lập còn nhỏ nhoi, lý nên giữ yên tĩnh khoan thai mới soi chiếu từ từ. Luận chép: nếu tu chỉ, trụ ở chỗ yên tĩnh ngồi thẳng chánh ý, không nương hơi thở, hình sắc,

hư không, đất, nước, gió, lửa, thấy, nghe, hiểu, biết, cho đến nên biết duy tâm không có cảnh giới bên ngoài, chính là tâm này không có tự tướng...

Do lắng động các niệm, giác biết phiền động, do trước nhờ yên tĩnh lắng lòng, các niệm không khởi, tâm được yên tĩnh, thể chẳng phân biệt, nên thấy thức phân biệt, phiền lao nhiễu động. Khổ tự là biết thì không thể thấy biết, như mắt không tự thấy, nay do ý niệm sâu lắng, trí tuệ hiển rõ cho nên hiểu biết.

2. Công thành.

Trí tuệ yên tĩnh phát sinh, do ý nghĩa hiểu biết sâu lắng ở trước, tuệ tánh mở sáng, do tĩnh sinh tuệ nên gọi là tĩnh tuệ, so sánh kín đáo nay hiển rõ nên nói phát sinh. Thân tâm khách trần từ đây diệt hẳn, do tuệ phát sinh thân tâm đều hết, trần vọng không khởi, gọi là diệt hẳn, khách chẳng phải bổn tánh, bụi trần làm nhơ tự thể.

Lại có thể bên trong phát ra yên tĩnh nhẹ nhàng, do xa lìa căn cảnh trong tâm tự khép. Vắng lặng trong sạch nhẹ nhàng thông suốt, ồn ào dứt hẳn, loại bỏ thô xấu.

3. Cảm ứng.

Nhờ vắng lặng nên các Đức Như lai ở các thế giới trong mười phương hiển hiện trong tâm, thể tánh tròn sáng của chúng sinh không khác với Phật, chỉ vì vọng tình nên phàm Thánh dường như ngăn cách, nói theo lý thật thì ta biết thân tâm cũng hiện khắp trong mười phương, cho nên người xưa nói: hoàng hôn vắng lặng thân tâm rộng rãi vẫn không có vật, số cát sông hằng chư Phật vào thân ta, thân ta thường vào hằng sa Phật, nay chỉ nói về nhập quán làm chính, nên nói chư Phật hiển hiện trong đó.

Như bóng trong gương, như các gương vào trong một gương, các gương liền thành cảnh tượng, tâm chư Phật vào quán tâm hành nhân, như hình bóng. Nhưng tánh của gương bụi vốn sáng.

54. Tâm chúng sanh vắng lặng liền hiện Như lai:

Tự tâm chúng sinh cũng giống như vậy, tâm vắng lặng liền hiện Như lai, nên luận hỏi rằng: nếu chư Phật có nghiệp tự nhiên, có thể hiện tất cả mọi nơi làm lợi ích chúng sinh. Vì sao thế gian phần nhiều không thể thấy? Đáp rằng: Chư Phật Như lai pháp thân bình đẳng khắp tất cả mọi nơi, không có cố ý nên nói tự nhiên chỉ nương vào tâm chúng sinh mà hiện. Tâm chúng sinh: giống như chiếc gương, nếu gương có bụi thì cảnh tượng không hiện, tâm chúng sinh cũng giống như thế, nếu có nhơ bẩn thì pháp thân cũng không hiện. Kinh nói tâm Phật, luận nói pháp

thân, thân tâm là một, đều y theo gốc của năng hiện, nếu y theo sở hiện thì nên nói ứng hóa, đây là nói về tâm yên tĩnh, cho nên biết tâm Phật cũng giống như vậy, nên gọi là hiện, chẳng nói tâm Phật có sở hiện, đây chính là gương sáng thì ảnh tượng rõ ràng, trí rõ thì tâm tâm soi chiếu nhau, nên kinh Tịnh Danh chép: Như tự quán tướng thật của thân, quán Phật cũng giống như vậy. Ba là kết danh.

55. Phương tiện tu chỉ:

Phương tiện này, gọi là Xa-ma-tha, Hán dịch là Chỉ, là tên khác của định, nghĩa là vắng lặng. Tức đối với cảnh nhiễm tịnh... tâm không vọng duyên, nếu theo sự giải thích của kinh Niết-bàn thì gọi là năng diệt năng điều tịch tĩnh viễn ly và năng thanh... Kết thúc nói: do nghĩa ấy nên gọi là tướng định. Hai khởi huyễn quán tiêu trần.

- Ban đầu nêu gốc.

Này người thiện nam! Nếu các Bồ-tát ngộ tịnh viên giác: giống như trên.

- Hai là chính giải thích, trong đó có năm:

1. Khởi hạnh.

56. Ba thứ: Thức căn, trần hòa hợp không có tự tánh:

Do tâm giác thanh tịnh mà biết được tâm tánh và căn trần đều là nhân. Huyễn hóa: y theo trước nêu giải thích thì tâm tánh là thức, thức và căn, trần cả ba thứ hòa hợp mà có, mỗi thứ không có tự tánh, chỉ là vô minh mê chân mà khởi, nên gọi là huyễn hóa, liền khởi các huyễn hóa để trừ huyễn ấy, chính nói về khởi hạnh. Các huyễn tức là huyễn trí. Huyễn: chính là vô minh căn bổn, là người năng huyễn; trừ huyễn: nương năng lực thỉ giác như huyễn, phần giác căn bản bất giác, ban đầu dứt tướng diệt, cuối cùng dứt tướng sinh, tức là trừ huyễn.

Biến hóa các huyễn mà mở bày các huyễn, tùy theo căn cơ ứng hóa nói pháp chỉ bày chúng sinh như huyễn. Nếu quán tâm để giải thích thì, trí huyễn biến khởi khác nhau, quán khắp tất cả tám muôn trần lao, mỗi mỗi xứng chân, thanh tịnh không che không chướng, tức là khai mở.

2. Công thành.

Do khởi huyễn, nên có thể bên trong phát ra đại bi, căn trần đã tiêu, tự tha không hai, cho nên bên trong phát đại bi đồng thể.

Nhẹ nhàng: Do bi từ định khởi, chẳng phải ái kiến kia, nhẹ nhàng khoan khoái.

3. Kết thúc chung.

Tất cả Bồ-tát khởi hạnh từ đây, từ từ thêm lớn, nói các Bồ-tát từ

môn quán này mới khởi được bi trí cho đến quả Phật.

4. Phân biệt quá lạm.

Quán huyễn kia: chẳng đồng với huyễn, nên phủi bỏ pháp huyễn, phân biệt thức khác với trí, năng, sở, hơn, kém khác nhau.

Chẳng đồng huyễn quán đều là huyễn, phủi bỏ trí huyễn. tướng huyễn lìa hẳn.

5. Tổng kết.

Các Bồ-tát này hạnh nhiệm mầu đã viên mãn, là kết thúc thành tựu hạnh xứng chân chẳng huyễn, như đất nuôi dưỡng mầm như các thứ, ngũ cốc nương đất nuôi dưỡng mầm mống khi thu hoạch thì mầm, đất đều bỏ. Hạt giống dụ cho tâm giác, đất dụ cho pháp huyễn, mầm dụ cho trí huyễn, nghĩa là ngộ viên giác thanh tịnh, nương pháp huyễn mà khởi trí huyễn, từ trí huyễn mà quên tâm vào giác, nhập giác thì hai thứ trước đều trừ bỏ.

- Kết danh:

57. Tam-ma-bát-đề, Hán dịch là Quán:

Phương tiện này: gọi là Tam-ma-bát-đề, cũng gọi Tam-ma-bát-để, Hán dịch là Đẳng chí, trong đẳng trì có khả năng đến địa vị cao quý. Lại "đẳng" nghĩa là ngang bằng... lìa sự chìm đắm. Chí nghĩa là đến, đến thắng định, nên trước có Tam-muội như huyễn. Ba quán linh tâm dứt đối đãi, văn có ba:

1. Nêu gốc.

Này người thiện nam! Nếu các Bồ-tát ngộ viên giác thanh tịnh: như trên. Trong chính giải thích có hai:

- Khởi hạnh.

Do tâm giác thanh tịnh: thuộc về sở y.

Không chấp lấy huyễn hóa: lìa quán thứ hai, và các tướng tịnh: lìa quán thứ nhất.

Biết rõ thân tâm đều là quái ngại, có thân có tâm, thảy đều là vọng, biết rõ là năng, thân tâm là sở, nương sở khởi năng cho nên cả hai đều ngại. Sau đây là nói sở dụng, trong đó lại có ba, đó là pháp dụ và hợp.

Không hiểu biết: tức là trên biết rõ thân tâm. Nghĩa là thân xúc chạm là giác, tâm duyên gọi là tri, do phân biệt này nên chướng ngại chánh tri kiến.

58. Nói về hình tướng của linh tâm:

Nói là hiển bày thể của linh diệu, nhưng trên linh tâm này không có đỉnh, dưới không có đáy, bên cạnh không bờ mé, chặng giữa không

có chỗ, đã trong vô thường thì đâu có Đông, Tây, Trên, Dưới? Muốn nói vắng lặng thì không giống như hư không, muốn nói tướng dụng thì không từ duyên khởi, muốn nói thấy biết thì khác với phân biệt, muốn nói cố chấp ngu si thì khác với gỗ đá, muốn nói giác kia thì khác với mới tỉnh ngộ, muốn nói ánh sáng thì khác với mặt trăng, mặt trời. Cho nên các kinh giáo đối với vắng lặng không vô thì quở trách là tà tiểu. Đối với sự hiểu biết sáng rõ cùng diệt mất nhau cùng tồn tại lẫn nhau, đều có ý sâu sắc, nay đây muốn nhập quán môn, sợ biết chữ dẫn ý phân biệt, vì cho nên chỉ nói là sáng.

Không nương các trở ngại, các ngại là thân, tâm, năng, sở; không nương là thẳng làm; linh minh được hẳn, rốt ráo thường nhiên; vượt quá: khác hẳn đối đãi. Ngại: trước quán huyễn liên quan đến phiền não. Không ngại cảnh: trước giữa lấy yên tĩnh, đồng với Niết-bàn, thọ dụng: thuộc duyên riêng của mình.

Thế giới: làng nước cùng ở chung. Và thân: Hình chất rõ ràng. Tâm: lại có thấy nghe. Tồn tại lẫn nhau: chẳng khác tầm thường.

Cõi trần không lìa chỗ cũ, đây là do chấp nhận không có tự thể, đồng với tha nay không sinh tình, đâu bị vướng mắc linh chiếu. Như trong khí cụ gõ tiếng phát ra ngoài, chữ hoàng không chắc chắn, sợ người dịch lầm, có ba nhà dịch.

59. Nói về chiết tự âm huấn:

- Y chữ hoàng âm hoành, theo thiết vận huấn và huấn lạc không phải là tiếng trong khí cụ. Ở đây ngu không xem rõ, lấy thế tiếng, không lấy chữ huấn, đây lẽ ra là tướng âm thanh trong vàng, đá... nay lại hiện nghe loại tiếng của chuông khánh, tiếng chuông kia như vậy. Cho nên biết chuông là tướng trạng của loại tiếng này, người dịch nhuận văn hơi vụng, nên nói như nay tiếng chuông phát ra ngoài. Hai là chữ hoàng âm đồng, tức là cái chuông lớn. Là một số trong các khí cụ, nên nói như chuông trong khí cụ, y theo đây thì thuận theo văn kinh này, nhuận văn không lỗi. Nhưng ghi lại hoặc viết chép, sai lầm dùng hoàng làm chữ hoàng như thế. Ba là đều hoàng âm hoàng, tức là loại sênh hoàng, vì các dụng cụ về hoàng chẳng phải một, không hạn cuộc nói hoàng trong sênh, chính nói hoàng trong đồ dùng, cũng như thuộc loại ống sáo, đều có thể phát ra tiếng ở bên ngoài, y theo theo đây thì người dịch không giỏi về văn tự thanh vận của Trung Quốc, nên chữ và âm đều lầm như vậy. Sau chính làc giải thích ví dụ, ba thứ trước tuy khác hợp pháp đều thông, đều lấy dụng cụ thí dụ cho thế giới thân tâm, tiếng dụ cho quán trí linh minh, nghĩa là tiếng từ dụng cụ phát ra, dụng cụ không thể hạn

chế, nên tiếng nghe xa bốn phương, dụng cụ hạn cuộc bổn xứ. Đem ví dụ quán trí y theo thân tâm tu đắc, thân tâm không thể hạn cuộc, quán trí rộng rãi như thế không bờ mé, thân tâm lìa chỗ cũ, nhưng thí dụ tương đương với cái gì, đâu phải dụ cho vật sở y. Nói thành thực: như tiếng chuông lớn của lầu dung tinh bị ngại, cái chày đánh một tiếng thì âm thanh vang cả khu vực lớn, tự thể gồm tha không thể trở ngại, đâu vì lầu hạn cuộc tướng chuông, khiến tiếng vang không thông? hình ngại tiếng sáo khiến cho âm thanh không thấu suốt, xem thế văn này chưa tránh khỏi hoài nghi. Lại không thể quyết thông, chần chừ xa vời vợi mà thôi. Ý cũng đồng với trước, nhưng pháp hợp rất đủ, nghĩa là thêm lầu dụ thế giới, còn lại y theo trên rất dễ hiểu.

60. Phiền não và Niết-bàn chẳng chướng ngại nhau:

Phiền não, Niết-bàn (như dụng cụ) chẳng chướng ngại nhau, như chuông. Hai là công thành.

Liền ở trong đó phát ra sự vắng lặng, không chấp huyễn hóa, huyễn hóa liền vắng lặng, không chấp tướng yên tĩnh, tướng yên tĩnh liền mất, chẳng phải cố làm mất mà làm mất nó được, lại chỉ là chân tâm thật lý chẳng đối với tĩnh huyễn. Nên kinh Lăng-già chép: vắng lặng gọi là nhất tâm, đây chẳng phải sự vắng lặng của dứt tiếng động, sinh rồi mà diệt, nên nói trong phát ra sự nhẹ nhàng (giống với ở trên) Diệu giác thuận theo cảnh giới vắng lặng, khi quán thì dụng tâm đồng với Phật cho nên thuận theo sự vắng lặng của Diệu giác. Thân tâm Tự tha không thể bằng, chỉ riêng tự biết rõ các việc khác, việc mà người không thấy, nên tha không bằng, lượng tâm thức của mình cũng không thể tạo ra. Như đom đóm thiêu đốt núi Tu-di, chắc chắn phải lìa tình mới khế hợp, nên tự mình không bằng. Lại, nương thể khởi trí là tự, y theo trần phát thức gọi là tha, không thể thức thức trí trí, nên đều không bằng.

Chúng sinh, tuổi thọ đều là ý tưởng thô phù, tuổi thọ của tất cả chúng sinh, chỉ vì nhậm trì ý tưởng thô phù, vốn không thật thể, nên kinh Hoa Nghiêm chép: Tất cả chúng sinh chỉ do tưởng giữ gìn, như mây giữa hư không là không, tuổi thọ của chúng sinh là ý tưởng thô phù của chân. Rõ chân vắng lặng, liền biết chúng sinh chẳng bao giờ là nhân.

61. Kết thúc đặt tên:

- Kết danh.

Phương tiện này gọi là Thiền-na, Hán dịch là Tĩnh lự, tức là suy nghĩ mà yên tĩnh, tức là yên tĩnh mà suy nghĩ, nên chẳng tán động, tức

là nghĩa đang định, tức là yên tĩnh mà suy nghĩ cho nên chẳng phải vô ký, tức là nghĩa đương tuệ, nên bốn thứ tĩnh, lự, định, tuệ bình đẳng.

62. Hỏi đáp về định tuệ: Đã là định tuệ bình đẳng, vì sao khoa nói linh tâm dứt bặt đối đãi?

Đáp: Chính vì không mắc kẹt hai thứ này thẳng tạo nguồn tâm, nên định tuệ... là giải thích tướng ý nghĩa của dứt bặt đối đãi trong văn là rất sáng, chắc chắn không nghi. Nhưng giải thích trong tướng chỉ tu hành thì vọng tình dụng tâm, nên hiển rõ, cả hai đều mất, dứt bặt đối đãi, sau chỉ y theo nghĩa để kết thúc, cho nên lấy cả hai là đều dung thông, đều dung thông dứt bặt đối đãi, song là cả hai đều mất, đều là trung đạo nên giải thích tướng và kết danh, rõ ba quán văn ban đầu đều nêu ngộ là nhờ nghe kinh trước. Nghĩa là ban đầu yên tĩnh quán tu giải trong Văn-thù. Kế lại huyễn quán tu Phổ Nhãn hoàn toàn giải của nửa trước Phổ Nhãn, sau linh tâm quán tu nửa sau của Phổ Nhãn giải toàn chương của Kim cương tạng, phối hợp với kinh trước rất rõ ràng dễ thấy, nhưng ba môn này và kinh Niết-bàn ba tướng về đại thể giống nhau nhưng chi tiết khác nhau, cùng ba quán của Thiên Thai thì nghĩa lý đồng mà ý thú khác. Về đồng:

1. Mất tướng tức quán không.
2. Khởi huyễn tức quán giả.
3. Dứt đối đãi tức Trung quán.

Về khác thì ở đây nói hành nhân phương tiện dụng tâm, kia thì suy cùng các pháp tánh tướng, ở đây thường y theo tâm thành hạnh, nên không lập cảnh sở quán, kia phần nhiều y theo nghĩa sinh hiểu, cho nên đối với ba đế sở quán.

- Dẫn ví dụ làm rõ viên.

63. Ba pháp môn này đều hướng về Viên giác:

Này người thiện nam! Ba pháp môn này đều là viên giác, gần gũi thuận theo Như lai trong mười phương, do đây thành Phật, Bồ-tát mười phương các thứ phương tiện, tất cả đồng khác đều nương ba thứ sự nghiệp như thế. Ba môn này đều nương ngộ viên giác thanh tịnh mà khởi quán hạnh, quán hạnh cũng đều hướng về nhập vào viên giác, trước sau không lìa. Nói gần gũi thuận theo, Phật và Bồ-tát đồng chứng đồng tu, tùy căn cơ, tùy việc làm, hành tướng đều khác nhau. Hoặc nhiều người đồng tu một môn, hoặc một người tu đủ nhiều hạnh, hoặc ba, năm, hoặc trăm ngàn, đồng và khác tùy loại khó có tiêu chuẩn, nhưng phải đều nương ba nghiệp này. Trong ba nghiệp, hoặc nương đủ ba, hoặc một, hoặc hai, đồng thời trước sau đơn kép nương tựa lẫn nhau, đủ như hai

mươi lăm luân đã nói, đây là sự nghiệp của người tu hành.

Nếu được viên chứng tức là viên giác của ta, thú nhập tuy từ một môn công thành thì cả ba đều viên chứng. Nếu tu riêng một hạnh chỉ gọi gần gũi, ba việc viên thông gọi là chứng viên giác.

Bốn là so sánh hiển rõ thù thắng.

64. Công đức tu tập pháp môn Viên giác:

Này người thiện nam! Nếu có người tu hành Thánh đạo, giáo hóa thành tựu trăm ngàn muôn ức vị A-la-hán, Bích-chi-phật, không bằng có người nghe, pháp môn viên giác vô ngại này trong một sát-na thuận theo tu tập, ban đầu nêu thấp kém, sau không bằng ở dưới là nói về cao quý. Lại như khuyên được một người, hai người giữ năm giới, mười giới, y theo theo các giáo nói: phước đã rất nhiều, huống chi giúp ức người như thế thành tựu quả Bích-chi, La-hán, đủ sáu thần thông, tám giải thoát, thoát hẳn mười triền trong ba cõi, nhưng không bằng có người tam thời tu tập Viên giác trong thời gian rất ngắn chỉ một sát-na, huống chi viên tu diệu quán trong thời gian lâu dài? Thành thật nói: dấu chân trâu đâu thể so sánh với biển lớn? Nghe văn tuệ, thuận theo tư tuệ, tu tập tu tuệ, trong kệ chỉ có ba, thiếu sự so sánh, các điều khác hoàn toàn đồng với Văn xuôi.

65. Đức Phật nói kệ:

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn nói lại nghĩa này nên Ngài liền nói kệ rằng:

Oai đức ông nên biết
Tâm Đại giác vô thượng.
Bổn tế không hai tướng
Tùy theo ở các phương tiện.
Số kia tức vô lượng
Như lai đều chỉ bày.
Tất cả gồm có ba thứ
Xa-ma-tha vắng lặng.
Như gương soi hình ảnh
Tam-ma-đề như huyễn.
Như mầm lần lần lớn
Thiền-na chỉ vắng lặng.
Như chuông trong vật kia
Ba pháp môn mầu nhiệm.
Đều thuận theo Viên giác
Các Như lai mười phương.

Và các Đại Bồ-tát
Nhờ đây được thành đạo.
Vì ba việc viên chứng
Gọi Niết-bàn rốt ráo.
Trên đây ba quán xong.

Dưới đây là thứ hai nói về đơn kép tu tập, văn có bốn: Trước là phần đầu trong ba phần.

66. Bồ-tát Biện Âm đảng lễ Phật:

Bấy giờ, Bồ-tát Biện Âm ở trong đại chúng, liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi, đảnh lễ dưới chân Phật, nhiễu quanh Phật theo chiều bên phải ba vòng, quỳ thẳng chấp tay bạch Phật rằng: giống như trên. Sau trình bày từ cú, trong đó có hai:

Trước là chúc mừng.

Đại bi Thế Tôn! Pháp môn như thế thật là ít có, rất dễ hiểu.

Hai là thỉnh, sau có hai.

1. Hỏi pháp tu.

67. Thưa hỏi pháp tu tập:

Bạch Đức Thế Tôn! Các phương tiện này: chỉ cho ba quán ở trước.

Tất cả Bồ-tát đối với pháp môn Viên giác, là chỉ cho bản hạnh sở y ở trước, có bao nhiêu pháp tu tập, trước nói ba quán, tuy hành tướng rõ ràng, nhưng chưa xét pháp tu của các Bồ-tát, lại là một người đủ ba, là ba người đều có một, là trước sau, là đồng thời, là y theo thứ lớp, là vượt thứ lớp?

2. Nói về việc đã làm.

Xin vì đại chúng và chúng sinh đời mạt pháp, chỉ bày phương tiện khiến ngộ thật tướng, rất dễ hiểu, dưới đây là ba lần tuyên bố mô phỏng theo trước.

68. Đức Phật hứa nói:

Nói lời ấy rồi, năm vóc gieo sát đất, thỉnh ba lần như thế, đến cuối thì trở lại đầu. Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Biện Âm rằng: Lành thay, lành thay! Này người thiện nam! Các ông mới có khả năng vì các đại chúng và chúng sinh đời mạt pháp thưa hỏi Như lai pháp tu tập như thế, nay ông lắng nghe ta sẽ nói cho. Lúc đó, Bồ-tát Biện Âm vui mừng vâng lời cùng các đại chúng im lặng lắng nghe. Chính thức nói, trong Văn xuôi có bốn:

1. Nêu ý nêu số.
2. Quán mành lưới đen xen.

3. Kết thành chánh nhân.

4. Chỉ bày chung về tu tập.

- Đây là phần đầu:

69. Trong pháp Viên giác không có tu tập và người tu tập:

Này người thiện nam! Viên giác thanh tịnh của tất cả Như lai, vốn không có tu tập và người tu tập, nói về gốc sở y.

Tất cả Bồ-tát và chúng sinh đời mạt pháp, nương vào huyễn lực chưa giác mà tu tập, chính là nói đại ý các luân, tu mà vô tu, nghĩa đồng với đoạn trước.

Lúc bấy giờ, liền có hai mươi lăm định luân thanh tịnh, luân: là bẻ gãy nghiền nát, có khả năng bẽ gãy hoặc chướng, làm cho chánh trí xoay chuyển, nên gọi là luân.

- Hai quán mành lưới đan xen, trong đó có ba:

a. Có ba luân đơn tu ba quán.

b. Có hai mươi mốt luân, xen nhau ba quán.

c. Một luân viên tu ba quán.

Xét số đối với hai mươi lăm quán này y theo dụ đều đặt một tên, nay sử dụng hoàn toàn, trong phần đầu có ba:

- Quán lắng đục, dứt dụng.

70. Nói về hai mươi lăm luân:

Nếu các Bồ-tát, hai mươi lăm luân này đều có nêu ra kết thúc riêng, cũng nên nêu nói từng luân ngộ viên giác thanh tịnh để làm sở y khởi hạnh, vì trước có. sợ văn kinh rườm rà, nên lược bỏ không chép. Lại, hành tướng ba quán, đầu này trước đã giải thích đủ, ở đây chia thành số hai mươi lăm, nên lược nói để hiển bày tướng đơn kép. Vì thế ba quán đều nêu chỉ nói, kết thúc nói đơn, ý hiển rõ không gồm hai thứ khác. Khả năng chưa bao gồm, chẳng coi thường các hạnh khác, chỉ lấy cực tĩnh (yên tĩnh cùng tột), không gồm việc khác.

Nhờ năng lực yên tĩnh, dứt hẳn phiền não, rốt ráo thành tựu. Do năng lực của tâm yên tĩnh nên biết thân tâm là không, thoáng nghĩ còn không, thì phiền não đâu có chỗ y cứ? Phiền não không khởi tức là tâm giác, cho nên nói rốt ráo thành tựu.

Chưa rời khởi chỗ ngồi liền nhập vào Niết-bàn: không rời khỏi chỗ ngồi pháp không, liền vào Niết-bàn vắng lặng.

Bồ-tát này gọi là đơn tu Xa-ma-tha, kết thúc gọi cả hai bao Đinh tứ đao quán.

71. Bồ-tát đơn tu Tam-ma-bát-đề:

Nếu các Bồ-tát chỉ quán như huyễn là do năng lực Phật, thế giới

biến hóa tác dụng các thứ, thực hành đầy đủ hạnh nhiệm mầu thanh tịnh của Bồ-tát, đối với Đà-la-ni không mất ý niệm vắng lặng, và các tĩnh tuệ. Bồ-tát này gọi là đơn tu Tam-ma-bát-đề. Bao đinh là người làm nghề giết súc vật thời Tấn, mười chín năm dùng một cái dao mổ trâu mũi nhọn dao không mòn, dụ cho Bồ-tát lợi ích chúng sinh tu ứng muôn hạnh, nhân duyên vào đời, trí tự không tổn thương, nghĩa khác như trước đã giải thích.

- Quán trình âm xuất ngại: Nghĩa là chất lượng đồ dùng âm thanh dung thông, hễ gõ thì có tiếng vang.

Nếu các Bồ-tát chỉ diệt các huyễn, không giữ tác dụng, dùng các cảnh huyễn không ranh giới khó có thể nghiên cứu cùng tận, nên nói thẳng là diệt, diệt là, dứt ý nghĩ. Tác dụng, làm việc lại ngại thiền tịch, nên nói không thủ, kinh Nhập Phật Cảnh Giới chép: các pháp giống như huyễn, như huyễn không thật có, lìa các pháp huyễn nên kính lễ Vô sở quán.

Riêng dứt phiền não: riêng là không nhờ các hạnh, chính là nghĩa dứt bặt đối đãi.

Phiền não dứt hết liền chứng thật tướng, chỉ tương ưng với tâm linh, phiền não tự không thật có, không thật có chỗ tức là chứng.

72. Bồ-tát đơn tu thiền na:

Bồ-tát này gọi là đơn tu Thiền-na, kết thúc gọi tên.

Sau đan xen ba quán, mỗi quán dùng một quán làm đầu, gồm hai quán còn lại, đan xen thành bảy, ba bảy nên có hai mươi mốt luân, gồm trước ba đơn và sau một viên, đủ hai mươi lăm nhưng mỗi quán làm đầu, trong bảy đoạn đều có bốn tiết. Ban đầu hai đoạn, hai hai cộng hợp. kế lại hai đoạn, ba hành thứ lớp, kế có một đoạn trước một sau bằng. Sau có hai đoạn, trước bằng sau một. Nay mỗi quán là trong phần đầu, nhưng khoa dài bảy đoạn, lại duyên mỗi luân để nói về trước sau, mỗi mỗi phải nhắc lại tên quán, nay sợ văn rườm rà nên, mỗi quán chỉ nêu một chữ để nói thứ lớp của nó, nghĩa là trước là tĩnh, kế là huyễn, sau là tịch, Tịch và tĩnh khác nhau, tĩnh là cảnh của Nhị thừa, tịch là cảnh của Phật, lại tĩnh là thiền định, tịch là Niết-bàn, trong văn có ba:

1. Bảy luân đầu thì tĩnh quán làm đầu, gồm cả huyễn tịch.

2. Bảy luân kế thì huyễn quán làm đầu, gồm cả tĩnh tịch

3. Bảy luân sau thì tịch quán làm đầu, gồm cả tĩnh huyễn.

Bảy quán trong phần đầu:

1. Quán vận chu kiêm tế, Bồ-tát tu định để xuất trần là vận chu, phát tuệ để giáo hóa chúng sinh là kiêm tế.

Nếu các Bồ-tát trước chọn chí tĩnh: nêu tĩnh quán làm đầu, dùng tâm tĩnh tuệ, từ tĩnh theo dấu vết mà khởi.

Soi chiếu các huyễn, liền ở trong đó khởi hạnh Bồ-tát, gồm tu quán huyễn, nếu không tĩnh tuệ thì tự nơi huyễn hóa, đâu thể chiếu huyễn.

Bồ-tát này tên là trước tu Xa-ma-tha, sau tu Tam-ma-bát-đề. Kết thúc gọi tên.

73. Bồ-tát trước tu Xa-ma-tha, sau tu Tam-ma-bát-đề:

2. Quán Trạm hải trừng không: biểu sâu thì sóng không lay động, trước tĩnh quán để trở lại dòng, trừng không (hư không trong veo) thì tánh nước trong sáng.

Sau tịch quán để hiển rõ tánh.

74. Bồ-tát trước tu Xa-ma-tha, sau tu thiền-ma.

Nếu các Bồ-tát nhờ tĩnh tuệ nên chứng đến tĩnh tánh, tịch là theo đuổi yên tĩnh gồm cả tu tịch, liền dứt phiền não thoát hẳn sinh tử.

Công dụng hai quán là dứt bỏ phiền não là nhân mất, thoát khỏi sinh tử là quả táng (nhân mất quả tan).

Bồ-tát này gọi là trước tu Xa-ma-tha, sau tu Thiền-na, là kết thúc gọi tên.

3. Thủ la tam mục quán: ba quán đều tu, như ba mắt trên mặt trời Ma-hê-thủ-la.

75. Bồ-tát trước tu Xa-ma-tha, giữa tu Tam-ma-bát-đề sau tu Thiền-na:

Nếu các Bồ-tát dùng tịch tĩnh tuệ tĩnh, lại hiện năng lực huyễn các thứ biến hóa, độ các chúng sinh, sau dứt phiền não mà nhập vào vắng lặng (sau vắng lặng). Bồ-tát này gọi là trước tu Xa-ma-tha, giữa tu Tam-ma-bát-đề, sau tu Thiền-na, kết thúc tên gọi.

4. Quán Tam điểm tề tu: ba điểm là chữ y của tiếng Phạm. Thành thật ý nói: một người tu cả ba quán, tức gọi là đều, chẳng nói cùng lúc.

76. Bồ-tát trước Xa-ma-tha, giữa tu Tam-ma-bát-đề:

Nếu các Bồ-tát dùng chí tĩnh lực, dứt bỏ phiền não, sau khởi diệu hạnh thanh tịnh của Bồ-tát, độ các chúng sinh là huyễn, phiền não đã hết, ái kiến đã không, nên chỗ khởi hạnh không chỗ nào không tịnh diệu, có thể cởi mở sự trói buộc ấy.

77. Bồ-tát trước tu Xa-ma-tha, tu Tam-ma-bát-đề thiền na:

Bồ-tát này gọi là trước tu Xa-ma-tha, giữa tu Thiền-na, sau tu Tam-ma-bát-đề. Kết thúc gọi năm phẩm chữ đơn song quán, đơn tĩnh quán ở trên như một cái miệng như trên. Sau nói cả hai tịch và huyễn,

như hai cái miệng ở dưới, nên nói là đơn song. Nếu các Bồ-tát dùng chí tĩnh lực, tâm dứt phiền não, lại độ chúng sinh, tạo ra thế giới, đều gồm huyễn tịch, câu đầu là tịch, hai câu sau là huyễn, trong dứt phiền não, ngoài độ chúng sinh.

Bồ-tát này gọi là trước tu Xa-ma-tha, tu cả Tam-ma-bát-đề, Thiền-na, kết thúc gọi tên.

6. Quán Độc túc song đầu: trong hình vẽ của Bạch Trạch có Sơn tinh dầu như cái trống có hai mặt, trước sau đều thấy, đây dụ cho tĩnh huyễn song chiếu, hai lợi ích đều chuyên chở giống như hai đầu. Đơn tịch quán giống như độc túc (một chân).

78. Tổng kết:

Nếu các Bồ-tát dùng chí tĩnh lực, giúp phát khởi biến hóa, nêu cả tĩnh và huyễn, dùng chí tĩnh lực giúp sức của sự đốc thúc phát sinh biến hóa, để độ chúng sinh. Sau dứt bỏ phiền não, gồm vắng lặng, đủ hai lợi ích trước nên vào trung khác với trước. Trước thì yên tĩnh độc là đầu, sau mới gồm tịch huyễn, ở đây thì tĩnh và huyễn đều là đầu, sau mới đơn kiêm với tịch. Bồ-tát này gọi là tu cả Xa-ma-tha, Tam-ma-bát-đề, sau tu Thiền-na. Kết thúc gọi tên.

7. Quán Quả lạc hoa phu: tức là dùng cây tĩnh định, kết quả trung đạo vắng lặng. Sau nở hoa là lại dùng huyễn quán vào cõi hữu tình, độ các chúng sinh, đều giúp được quả Niết-bàn.

Nếu các Bồ-tát dùng chí tĩnh lực giúp cho vắng lặng (đều diệt) sau khởi tác dụng biến hóa thế giới (gồm huyễn). Bồ-tát này gọi là tu cả Xa-ma-tha, Thiền-na, sau tu Tam-ma-bát-đề. Kế là bảy luân mỗi luân nêu huyễn làm đầu, kế bao gồm hai thứ kia: Một là quán Tiên vũ hậu văn: Sau khi vua Vũ phạt Trụ, đúc các mâu kích làm nông khí (dụng cụ nhà nông). Dụ cho Bồ-tát này trước biến hóa các thứ rồi sau vào tĩnh quán, nếu các Bồ-tát dùng sức biến hóa, thuận theo các thứ (nêu huyễn) mà nhận lấy chí tĩnh (rất yên tĩnh) thì Bồ-tát này gọi trước tu Tam-ma-bát-đề, sau tu Xa-ma-tha; Hai là quán công thành thoái chức, Bồ-tát phát tuệ lợi vật tức là công thành, thực tập vắng lặng trong tu gọi là thối chức.

79. Bồ-tát trước tu Tam-ma-bát-đề, sau tu Thiền-na:

Nếu các Bồ-tát dùng sức biến hóa các cảnh giới (huyễn) mà nhận lấy vắng lặng thì Bồ-tát này gọi là trước tu Tam-ma-bát-đề, sau tu Thiền-na; Ba là quán huyễn sư giải thuật.

Trước khởi biến hóa làm pháp thuật, sau trở về thể yên tĩnh vắng lặng cho nên hiểu phép thuật.

80. Bồ-tát trước tu Tam-ma-bát-đề, giữa tu Xa-ma-tha, sau tu Thiền-na:

Nếu các Bồ-tát dùng sức biến hóa mà làm Phật (huyễn) sự an trú vắng lặng (tĩnh) mà dứt phiền não. Bồ-tát này gọi là trước tu Tam-ma-bát-đề, giữa tu Xa-ma-tha, sau tu Thiền-na. Bốn là thần long ẩn hải quán: Khởi huyễn hóa sinh như rồng thần tuôn mây mưa, trở về thể, nhập yên tĩnh, như ẩn ở biển.

81. Bồ-tát trước tu Tam-ma-bát-đề, giữa tu thiền sau tu Xa-ma-tha:

Nếu các Bồ-tát dùng sức biến hóa, vô ngại tác dụng, dứt các phiền não, an trú chí tĩnh. Bồ-tát này gọi là trước tu Tam-ma-bát-đề, giữa tu Thiền-na, sau tu Xa-ma-tha.

Quán năm là Long Thọ thông chân: trước khởi huyễn, sau trở về yên tĩnh vắng lặng, như ngài Long Thọ ban đầu làm huyễn thuật, rộng giáo hóa người tà, sau tu tập chân thừa tự bước lên quả Thánh.

Nếu các Bồ-tát dùng sức biến hóa, tác dụng phương tiện cho đến yên tĩnh vắng lặng, cả hai đều thuận theo đều kiêm tĩnh tịch.

82. Bồ-tát trước tu Tam-ma-bát-đề, giữa tu cả Xa-ma-tha Thiền-na:

Bồ-tát này gọi là trước tu Tam-ma-bát-đề, tu cả Xa-ma-tha, Thiền-na.

Quán sáu là Thương-na thị tướng: Thương-na-hòa-tu tức là thầy của Ưu-ba-cúc-đa, trước dùng thần lực thị hiện tướng hàng phục đệ tử có tâm kiêu mạn là Cúc-đa, sau đó nhập định quy tịch.

83. Bồ-tát trước tu Tam-ma-bát-đề, Xa-ma-tha, sau tu Thiền-na:

Nếu các Bồ-tát dùng sức biến hóa khởi các công dụng giúp cho chí tĩnh, sau dứt bỏ phiền não (gồm vắng lặng) Bồ-tát này gọi là tu cả Tam-ma-bát-đề, Xa-ma-tha, sau tu Thiền-na.

Bảy là quán Đại thông yến mặc: Đại thông Như lai trước hóa dụng lợi ích chúng sinh, sau trở về vắng lặng.

Nếu các Bồ-tát dùng sức biến hóa, giúp cho vắng lặng, sau trú thanh tịnh, vô tác tịnh lự, Bồ-tát này gọi là tu cả Tam-ma-bát-đề, Thiền-na, sau tu Xa-ma-tha.

Bảy Luân sau, mỗi luân nêu ra tịch làm đầu.

Kế là gồm hai thứ còn lại:

1. Quán Bảo minh không hải: kinh Phật Đảnh chép: đồng vào biển không bảo minh của Như lai, ở đây linh tâm quán, tức là bổn giác minh như bảo minh. Sau tĩnh quán như biển không.

84. Bồ-tát trước tu thiền, sau tu Xa-ma-tha:

Nếu các Bồ-tát dùng sức vắng lặng (tịch) mà khởi chí tĩnh, trụ trong thanh tịnh (gồm tĩnh) thì Bồ-tát này gọi là trước tu Thiền-na, sau tu Xa-ma-tha.

85. Trước tu thiền sau tu Tam-ma-bát-đề:

2. Quán Hư không diệu minh: Linh tâm thể như hư không, khởi hóa tức diệu dụng, nếu các Bồ-tát dùng năng lực vắng lặng mà khởi tác dụng thì đối với tất cả cảnh tịch dụng thuận theo, Bồ-tát này gọi là trước tu Thiền-na, sau tu Tam-ma-bát-đề.

3. Quán Thuấn-nhã trình thiền: Thuấn-nhã là thần hư không, gặp ánh sáng của mặt trời thì tạm thời hiện như đây trước vắng lặng kế lại yên tĩnh, sau huyễn.

86. Bồ-tát trước tu thiền giữa tu Xa-ma-tha sau tu Tam-ma-bát-đề:

Nếu các Bồ-tát dùng sức vắng lặng, các thứ tự tánh, an trụ trong tĩnh lự mà khởi biến hóa thì Bồ-tát này, gọi là trước tu Thiền-na, giữa tu Xa-ma-tha, sau tu Tam-ma-bát-đề.

4. Quán Ẩm quang quy định: Đại Ca-diếp trước chứng thể, kế khởi thần thông, sau mới trở về định.

87. Trước tu thiền giữa tu Tam-ma-bát-đề, sau tu Xa-ma-tha:

Nếu các Bồ-tát dùng năng lực vắng lặng, tự tánh vô tác (vắng lặng) khởi các tác dụng cảnh giới thanh tịnh (huyễn) trở về tĩnh lự (yên tĩnh) thì Bồ-tát này gọi là trước tu Thiền-na, giữa tu Tam-ma-bát-đề, sau tu Xa-ma-tha.

5. Đa Bảo trình thông quán: Phật Đa Bảo trước thành đạo chứng như thể (thể như) sau ở trong tháp phát khởi Pháp Hoa, như tĩnh huyễn vô ngại.

88. Trước tu thiền tu cả Xa-ma-tha, Tam-ma-bát-đề:

Nếu các Bồ-tát dùng năng lực vắng lặng, các thứ thanh tịnh mà trụ tĩnh lự, khởi các biến hóa, gồm cả tĩnh huyễn. Bồ-tát này gọi là trước tu Thiền-na, tu cả Xa-ma-tha Tam-ma-bát-đề.

6. Quán Hạ phương đằng hóa: tức là sáu muôn số cát sông hằng Bồ-tát trong kinh Pháp Hoa từ phương dưới hiện.

89. Tu cả thiền na Xa-ma-tha sau tu Tam-ma-bát-đề:

Nếu các Bồ-tát dùng sức vắng lặng giúp cho chí tĩnh mà khởi biến hóa thì Bồ-tát này gọi là tu cả Thiền-na, Xa-ma-tha, sau tu Tam-ma-bát-đề.

7. Đế tâm hàm biến quán: Báu này bao gồm các vật tượng, đối tức

là biến ứng, ứng trở về không. Như quán Linh tâm thành thì bao gồm đức dụng, ứng duyên khởi huyễn mà lại yên tĩnh.

90. Tu cả thiền na Tam-ma-bát-đề, sau tu Xa-ma-tha:

Nếu các Bồ-tát dùng năng lực vắng lặng, giúp cho biến hóa mà khởi chí tĩnh trong sáng cảnh tuệ, Bồ-tát này gọi là tu cả Thiền-na, Tam-ma-bát-đề, sau tu Xa-ma-tha, sau có một luân viên tu ba quán, đây gọi là như ý viên tu ba quán. Bảo châu như ý chiếu khắp bốn phương, đại trí đốn giác ba quán đều tu.

91. Nói về viên hợp:

Nếu các Bồ-tát dùng tuệ Viên giác, xứng viên giác mà phát tuệ. Viên hợp tất cả, viên dung hòa hợp tất cả các thứ sự, lý, tánh, tướng, chân, vọng, sắc, không, nếu thể tương ưng, ấy là viên hợp. Nghĩa là do viên giác hợp lý, lý tức chẳng phải lý, cho nên hoàn toàn tức sự, lại do hợp giác với sự, sự tức chẳng phải sự, cho nên hoàn toàn tức lý, các tánh tướng... đều đồng với thuyết này. Nghĩa đế Trung đạo bấy giờ hiện ra? Chẳng phải lý chẳng phải sự, cả hai ở trong ngăn hiển, tức lý tức sự, cả hai chiếu rõ trong hiển, ngăn chiếu đồng thời, ấy là viên giác.

Đối với các tánh, nương đây tu tĩnh quán.

Tướng nương đây tu huyễn quán.

Không lìa tánh giác, nương đây tu tịch quán.

Khoa chép: Ba quán viên tu. Lại do viên giác hợp với tất cả nên từ thể khởi dụng, tánh tướng không khác tánh giác. Chính là gom dụng về thể. Thể dụng không ngại tịch chiếu đồng thời, chính là tròn đầy Diệu giác vô thượng. Bồ-tát này gọi là viên tu ba thứ lớp tánh thuận theo thanh tịnh. Ba là kết thành chánh nhân.

92. Tất cả Bồ-tát nên tu hành hai mươi lăm huân:

Này người thiện nam! Đó gọi là hai mươi lăm luân của Bồ-tát, tất cả Bồ-tát tu hành như thế, có thể thấy, bốn là chỉ chung về tu tập: Nếu các Bồ-tát và chúng sinh đời mạt pháp, nương theo luân này, chỉ bày tu tập thì khi tu hai mươi lăm luân này, ở trong các việc oai nghi phép tắc và phương tiện dụng tâm ba nghiệp sự lý, đầy đủ ý của sự tu tập.

Nên giữ gìn phạm hạnh (giới), vắng lặng (định), suy nghĩ (tuệ), đủ giới, định, tuệ, tâm ở môn quán, tu hành như thế chắc chắn thành Phật.

Cầu xin sám hối trải qua hai mươi mốt ngày, nghiệp lụy nhiều đời sợ chướng ngại tâm tịnh, sám hối cầu xin phát lộ tội trước, nếu số ngày ít, suy nghĩ không tinh thành, trong hai mươi mốt ngày đã rõ ràng cầu nguyện, nghĩa của sám hối ở dưới đạo tràng thêm phần thực hành trong đó sẽ giải thích. Trong hai mươi lăm luân, mỗi luân đều có nêu ký hiệu,

viết danh tự văn cú hai mươi lăm luân này, đặt vào trong đạo tràng, lễ niệm chí thành tinh ròng một hạnh. Dốc lòng cầu xin tiện tay kết lấy, nếu tự ưa thích một môn thì tùy theo sự chứa nhóm. Nếu hơn kém khó phân không thể tự quyết định thì nhờ năng lực bậc Thánh bốc thăm xem pháp nào nên tu, phải tiện tay bốc lấy không nên lựa chọn.

Y vào kết thúc chỉ bày liền biết đốn tiệm, nương vào thăm bắt được mà kết luận, mở ra xem đốn tiệm tự biết, không tham pháp quán khác.

Một niệm nghi ngờ hối hận thì liền không thành tựu, lòng hoài nghi ngăn cản thì mất công đức trước, dẫu cho tu lại cũng hơi khó thành tựu. Y theo gốc mà nghiệm lý, quyết ở tại đây. Chẳng phải lơ là, coi thường sự tướng. Trong kệ cũng có bốn, hoàn toàn đồng với Văn xuôi.

93. Đức Thế tôn nói kệ:

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn nói lại nghĩa này ngài liền nói kệ rằng:

Biện Âm ông nên biết
Tất cả các Bồ-tát.
Tuệ vô ngại thanh tịnh
Đều nương thiền định sinh.

Dạy người tu quán, trước dùng thể sở y làm gốc mà khởi quán hạnh. Văn xuôi nói viên giác thanh tịnh, không năng tu sở tu, tâm nên dùng lý này, tức là nghĩa thiền định.

Cái gọi Xa-ma-tha, Tam-ma-đề, Thiền-na, tu ba pháp đốn tiệm, có hai mươi lăm thứ. Văn xuôi rộng, kệ lược:

Các Như lai mười phương,
Người tu hành ba đời.
Thảy đầu nhờ pháp này,
Mà được thành Bồ-đề.

Chính thức kết thúc những việc phải làm.

Chỉ trừ người đốn giác, không thuận theo pháp này.

Để phân biệt những việc chẳng nên làm. Văn xuôi không, kệ có, nay có hai giải thích.

1. Hai câu đều giải thích thượng căn, nghĩa là chỉ trừ người ngộ giải viên đốn thượng căn, và người không thuận theo tất cả pháp định tướng thì không cần phải nương hai mươi lăm luân và đạo tràng chọn lấy kết thúc... không thuận theo pháp là không chấp tướng, đã không theo tướng tức là theo chân giác, đây là đốn nhập tròn sáng, mọi việc nhìn thấy đều hợp đạo, không thể thêm thắt làm tổn thương lở loét. Cho

nên trước biết huyễn liền xa lìa, không thực hành các phương tiện, cho nên trừ.

2. Câu dưới là giải thích tín bất tín hạ càn: nghĩa là không tin gì cả, không nghe mà không thuận theo, như thế thì thượng trí và hạ ngu không thể dời đổi. Trước giải thích không theo, không theo pháp điên đảo, ở đây giải thích không theo, không theo chánh pháp.

Tất cả các Bồ-tát
Và chúng sinh đời mạt pháp,
Thường nên giữ luân này,
Thuận theo siêng tu tập,
Nương sức đại Bi Phật,
Không lâu chứng Niết-bàn.

■

LƯỢC SỚ KINH CHÚ ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG VIÊN GIÁC TU-ĐA-LA LIỄU NGHĨA

QUYỂN HẠ
(Phần 2)

Kế sau có hai câu hỏi đáp, hai lớp dứt trừ tướng.

Ban đầu chương Tịnh Nghiệp trừ ngã nhập giác, sau chương Phổ giác nương thầy lìa bệnh, đó đều là chướng ngại trong quán hạnh, cho nên đồng với khoa lớn. Trong phần đầu tuy y theo chấp đắm cạn sâu nói có bốn tướng khác nhau nhưng tuy là ngã kiến, nhưng văn kinh ngoài bốn tên nêu riêng, mỗi tiết đều có chữ "ngã", nếu trừ chấp này liền thành viên giác, nên nói nhập giác, văn có bốn: đây là phần đầu của ba phần đầu.

1. Bồ-tát Tịnh Chư nghiệp lễ Phật, thưa hỏi:

Bấy giờ, Bồ-tát Tịnh Chư Nghiệp Chướng ở trong đại chúng, liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi, đảnh lễ dưới chân Phật đi nhiễu theo chiều bên phải ba vòng, quỳ thẳng chắp tay bạch Phật rằng, giống như trên, trình bày từ cú, trong đó có hai:

- Trước chúc mừng.

1) Xin Phật nói rộng việc không thể suy nghĩ bàn luận:

Đại bi Thế Tôn cho chúng rộng việc con nghe nói không thể suy nghĩ bàn luận như thế, trước là nói chung về quán hạnh, một bề xứng lý mà tu, nếu có thể hiểu rõ thì nay trong một về, rộng mở các luân vòng vo khác nhau, khác nhau nhưng không trái một vị, rất là khó thấy, cho nên không thể suy nghĩ bàn luận. Nhân địa hành tướng của tất cả Như lai, xa thành lời đáp cho câu hỏi của Văn-thù, khiến các đại chúng được điều chưa từng có. Nhìn thấy đấng Điều Ngự trải qua cảnh giới siêng khổ số cát sông hằng kiếp, tất cả công dụng giống như một niệm, Bồ-tát chúng con rất tự vui mừng an ủi, ngộ được nhân hạnh, quả đức xứng chân, y theo lý có thể chiếu, nhân hạnh trị nhiễm, hiểu được là khó, nay một niệm đủ biết sáng rõ đều hiện, như bình lưu ly đựng đầy hạt cải,

nên rất vui mừng. Hai là hỏi, văn sau có ba:

2) Bản tánh thanh tịnh, vì sao nhiễm ô:

2) Chính hỏi: Bạch Thế Tôn! Nếu tâm giác này bản tánh thanh tịnh, vì sao nhiễm ô? Khiến các chúng sinh mê muội không nhập vào? Ý hỏi trong đây không nói xưa nay đều mê. Ý nói đã biết tánh giác tròn sáng các pháp thanh tịnh, đâu thể nào vào tâm phàm mà không hợp với nguồn, giác làm được việc gì lòng vẫn còn yêu, ghét. Mình, người hoàn toàn khác nhau khó tự nhiên dung hòa, đối với quả nhân cách xa như trời và đất. Tâm giác vốn thanh tịnh ngộ liền ứng đồng, lại có pháp gì nhiễm ô? Khiến ta dụng tâm khác Phật, nên nói vì sao mê muội không nhập vào? Hai là thỉnh sau.

3) Xin Phật giảng nói:

Cúi xin Như lai rộng cho chúng con khai ngộ pháp tánh nghe.

Pháp tánh: là tánh các pháp, nếu nói thẳng bổn thể thì gọi là tánh giác, nếu suy cùng pháp khác nhau, đều không có tự thể, đồng với nhất tánh, tức gọi là pháp tánh, nay phá bốn tướng, mở rộng dung thông các pháp, hoàn toàn đồng tánh giác, cho nên nói khai ngộ pháp tánh. Từ trước văn kinh chỉ nói tánh giác, chỉ có đoạn này nói pháp tánh, ý là ở đây.

3. Tổng kết.

4) Giúp chúng sanh đời mạt pháp:

Làm mắt sáng tương lai ở cho đại chúng và chúng sinh đời mạt pháp này cho, dưới ba lần tuyên bố, mô phỏng theo trước.

Nói lời ấy rồi, năm vóc gieo sát đất, thỉnh ba lần như thế, đến cuối thì trở lại đầu. Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Tịnh Chư Nghiệp Chướng rằng: Lành thay, lành thay! Này người thiện nam! Ông mới có thể vì các đại chúng và chúng sinh đời mạt pháp, thưa hỏi Như lai phương tiện như thế, nay ông hãy lắng nghe, ta sẽ nói cho: Lúc đó, Bồ-tát Tịnh Chư Nghiệp Chướng vui mừng vâng lời và các đại chúng im lặng lắng nghe, là chính nói, trong Văn xuôi có bốn:

1. Nói chung về lý do lỗi lầm.
2. Giải thích riêng bốn tướng.
3. Còn ngã mất đạo.
4. Dứt hoặc thành nhân.

Nói chung bốn tướng, là nguyên do lỗi lầm.

Văn chia hai:

1. Nói về bổn khởi lỗi lầm.
2. Do chúng sanh chấp ngang trái:

Này người thiện nam! Tất cả chúng sinh từ vô thỉ đến nay, chưa hề chứng ngộ, nên ở dưới có ví dụ người mù bẩm sinh, vọng tưởng chấp hữu: đối với vô chấp một cách ngang trái.

Ngã, nhân, chúng sinh và tuổi thọ, là chỉ chung ngã tướng chỉ do xoay vần y theo nghĩa, nên có bốn tên gọi, bốn tên gọi lại có hai tướng:

1. Mê thức cảnh.

2. Mê trí cảnh.

Ban đầu nói nhận lấy tự thể làm ngã, chấp ngã xoay vần thẳng vào các đường làm người. Chấp ngã thạnh suy, các thứ khổ vui, thay đổi nối nhau làm chúng sinh, chấp ngã báo thân, mạng căn không dứt mà trú làm thọ: như hai luận Kim cương đã nói. Mê trí cảnh tức là kinh này nói, đến văn sẽ biết.

3. Cho rằng bốn điên đảo là nhân chân thật:

Cho rằng bốn điên đảo là ngã thể chân thật, chân ngã vốn có, mê nói là không, vọng ngã vốn không, chấp cho là có, cả bốn thứ đều chấp ngang trái, nên nói như vậy.

Hai là nói lỗi lầm, ở đây rất nhiều, văn có bốn:

1. Xoay vần sinh ra vọng.

2. Trái với tâm giác.

3. Động, dứt đều mê.

4. Kết thành chướng đạo.

Ở đây là mới xoay vần: bốn câu đầu do mê khởi hoặc, kế là hai câu, từ hoặc gây ra nghiệp, kế lại hai câu từ nghiệp vời lấy quả báo, sau một câu lại ở trang năm đường rơi vào Nhị thừa.

Từ đây liền sinh hai cảnh yêu ghét, nghĩa là do chấp bốn tướng là thật thể của ngã, vì thế với mình sinh yêu, với người sinh ghét, thuận với mình thì yêu, trái với mình thì ghét, yêu ghét như thế đều do chấp ngã, nên nói do đây.Với thể luống dối lại chấp luống dối, bốn đại, năm uẩn mê tánh nên vọng sinh, các duyên giả hợp đã là luống dối, lại đối với đó chấp ngã nhân, nên nói như thế.

4. Hai vọng tưởng nương nhau:

Hai vọng nương nhau sinh nghiệp đạo luống dối, do hai vọng trước, sinh khởi tạo tác các nghiệp luống dối. Nghiệp có công năng dẫn đến quả khổ vui, nên gọi là đạo, vì có vọng nghiệp nên vọng thấy trôi lăn, nghiệp thành liền chịu sinh tử trôi lăn, sinh tử trôi lăn là quả của chỗ đến.

Nhàm chán trôi lăn: nhàm chán ba cõi không an, đều như nhà lửa,

dứt duyên đoạn hoặc.

5. Thanh văn nguội thân bặt trí:

Vọng thấy Niết-bàn, hướng đến vắng lặng, đắm mê chấp không, mục đích là nguội thân bặt trí, nhưng mười câu trên đều là bốn đế sinh diệt trong tông Nhị thừa. Nghĩa là ban đầu sáu câu tập đế, kế là hai câu khổ đế, kế là một câu đạo đế, sau một câu diệt đế. Hai là trái với tâm giác.

Do đây không thể nhập vào thanh tịnh giác, chính là kết thúc trả lời câu hỏi trước, câu hỏi trước nói vì sao mê muội không nhập vào? Nay trả lời: do nhận bốn tướng xoay vần sinh lỗi, dù lìa sáu đường lại rơi vào Nhị thừa, cho nên không nhập vào.

Chẳng phải giác chống lại những người năng nhập, trước hỏi nói nhân nào khiến các chúng sinh không nhập vào. Cho nên ở đây trả lời: chẳng phải giác chống lại không cho vào mà chỉ do nhân ngã nên không nhập vào được. Như nằm mộng thân chưa quên không thể hợp bổn thân, chẳng phải bản thân chống trái.

6. Có khi năng nhập chẳng phải giác nhập:

Có các năng nhập chẳng phải giác nhập. Giải thích thành chẳng phải giác chống trái, ý nói: khi nhập như là giác nhập, không nhập tức là giác chống trái, đã nhập tự là tín, giải, hạnh... giác thể vốn không ra vào, vào và không vào đâu trách gì giác được? Ba là động dứt đều mê, văn có hai: Chính nói: cho nên động niệm: tức là tám câu khổ, tập ở trước và dứt niệm: tức là hai câu diệt, đạo ở trước.

Đều trở về mê muội: kết thành không nhập, hai là nêu giải thích, văn có hai. ban đầu nêu ra: Vì sao? Động niệm đã là trái giác, dứt niệm liền hợp với chân, vì sao đều gọi là mê muội. Hai là phần giải thích, mỗi điều giải thích thẳng. Do có bổn khởi vô minh từ vô thỉ, từ cội gốc đầu tiên mà khởi lại từ bổn nguyên mà khởi.

Vì mình chủ tể do tướng vô thỉ trụ địa vô minh làm của ngã, động là ta động, dứt là (ngã) ta dứt, tướng ngã đã ở tại động dứt đều mê, hai là chuyển thích, trước là giải thích đối trưng, ở đây lại giải thích nghĩa của bổn khởi văn ở trước.

7. Chúng sanh không có mắt tuệ:

Tất cả chúng sinh không có con mắt trí tuệ, chưa hề giác ngộ. Như người hoặc mười tuổi hoặc hai mươi tuổi mới bị mù, trước mắt tuy không thấy vật, nhưng nói thì liền biết rõ, hoặc trong thai không có mắt, sinh ra đã bị mù, thì khi đối với các thứ sắc dù nói cho họ nghe cũng không hề có lợi ích, trước phải cạo bỏ màng che mắt, sau chỉ bày phải

trái. Cho nên kinh Niết-bàn chép: Như người mù không thấy màu sữa, người khác nói cho nghe, lần lượt thí dụ vật báu, gạo, tuyết, hạc, cũng không bao giờ biết được màu trắng kia, tánh của thân tâm... đều là vô minh, trước được nhân địa bổn khởi, thời sở tu đều là nhân thành Phật.

Dụng này là bổn khởi vô minh, tất cả đều là nghiệp ma, lại trước do giác tròn sáng nên căn trần đều thanh tịnh. Kết thúc nói: tất cả đều là giác. Nay lấy vô minh làm gốc, nên nói đều là vô minh, trước như vàng làm ngàn thứ đồ dùng, mỗi đồ dùng đều bằng vàng, ở đây như đất làm ngàn thứ đồ dùng, mỗi đồ dùng đều bằng ngói gạch.

8. Ví dụ như người cắt đứt mạng sống:

Thí như có người không tự cắt đứt mạng sống, do ái nên có thân, nếu cắt đứt thân tức trái với ái. Như thân người dù xấu xa bệnh khổ cũng tự bảo vệ tánh mạng mình không bao giờ cắt đứt. Cắt đứt mạng sống người khác thì có thể còn tự cắt đứt mạng sống mình thì khó, nhận ngã cũng giống như vậy. Dứt bỏ tất cả nghiệp ác phiền não, thì có thể được, muốn dứt ngã thì khó thể được ư? Vì sao? Vì ngã không bao giờ lại cắt đứt ngã, lại có ngã nên chắc không giác ngã, như mắt không tự thấy, dứt tình quên tưởng thì đều một thể với giác. Giác là chân ngã thì vọng ngã vốn không, mới gọi là dứt. Như nằm mộng thân dù khiến yếu kém cho đến khổ, khi mộng cũng không boa giờ chịu cắt đứt, quyết phải giác đến hợp với bổn thân mới nhàm chán mộng khổ, lại không thể cắt đứt.

9. Kết thúc để thành chướng đạo:

Kết thành chướng đạo:

Vì cho nên biết: chỉ do thế của ý trước, từ khi ngã thể sanh yêu ghét đến nay, cho đến không cắt đứt mạng sống... đây đều kết thúc để thành chướng đạo, vì thế chép:

Có ái ngã thì ngã cùng thuận theo, với thuận sinh ái để làm rõ ngã, nếu chẳng thuận theo liền sinh oán ghét, đối trái sinh ghét để rõ ngã. Vì tâm yêu ghét nuôi dưỡng vô minh, trên chỉ cho cả hai thứ trên chỉ làm tươi nhuận.

Vô minh, vì thế biết rằng tâm mê tu đạo, dù cho siêng khổ các hạnh môn, chỉ giúp cho vô minh đâu thành quả Phật?

Nối nhau cầu đạo đều không thành tựu, chính là nói về chướng đạo. Nói nối nhau: vốn từ vô minh mà sinh yêu ghét, yêu ghét lại huân tập vô minh, hạt giống hiện hành, nối nhau không dứt, dùng đây cầu đạo thì không bao giờ thành, nên kinh Bảo Tích chép: đối với thân sinh yêu quý, không lìa ngã nhân, kia tu hành như thế, do đó mà đọa vào

đường ác.

10. Giải thích riêng bốn tướng:

Hai: giải thích riêng bốn tướng.

Nhưng hành tướng của chúng ta đây là khác với thường, thường là chỉ y theo mê chấp, sơ quả đã dứt được chấp này, đây mới thẳng đến thành tựu tu chứng. La-hán chưa hiểu, trong văn chia làm bốn đoạn:

1. Y theo sự mà nghiệm xét ngã.
2. Ngộ ngã thì thành nhân.
3. Rõ tích thì tích sinh.
4. Ngầm nối tiếp như mạng.

- Ban đầu nghiệm xét sự nhậm vận chia ra tự tha chính là ngã tướng kia. Trong văn có hai:

1. Nêu giải thích tướng thô
2. Kết thúc ý chỉ tướng tế. Trong phần đầu có hai:

a) Nêu ra chỉ bày:

Này người thiện nam! Vì sao tướng ngã nói tâm các chúng sinh chứng được, ngã khó tự thấy, y theo sự mà chứng biết, chỉ nghiệm mình người đều khác, tức là trong chứng tự có ngã. Nếu khiến cho tu đạo xả vọng chứng chân, chỉ biết có tâm, vẫn gọi là tướng ngã.

b) Y theo dụ để giải thích.

11. Ví dụ để làm sáng tỏ:

Này người thiện nam! Thí như có người thân thể điều hòa thích hợp, bỗng quên thân ta, tay chân như dây cung nhanh chậm, không vội vàng đều là chi thể, không điều thì tay chân mất nhịp độ, bảo dưỡng khác thường, thêm việc châm cứu thì biết có ngã, vì thế chứng lấy mới hiện ngã thể, đây là so sánh với đạo: ở yên trong thất vắng hoặc ẩn trong núi sâu, tâm dứt kinh doanh, cảnh không trái thuận, huân tập thành tánh tạm được quên tình, không biết mình người, cho là chứng vô ngã, nếu bị trái thuận ép ngặt thì rõ ràng tâm, sinh tâm, đã chưa ổn định thì biết ngã còn, ở dưới nói: nếu lại có người khen ngợi, chê bai pháp ấy thì tức là mừng, giận...

Kết thúc ý chỉ tướng tế.

12. Kết thúc về tướng tế:

Này người thiện nam! Tâm kia cho đến chứng là trên năng dưới sở, Như lai rốt ráo biết rõ, đối với sở chứng lại trên là năng liễu tri. Niết-bàn thanh tịnh là sở liễu tri.

Đều là ngã tướng, nghĩa là chẳng phải chỉ hiểu biết Niết-bàn của Nhị thừa là ngã tướng mà dù cho biết rõ Niết-bàn của Như lai cũng là

ngã tướng, nhưng Niết-bàn chỉ là giác thể, chẳng riêng có thể chứng! Nay đã chứng được Niết-bàn không quên năng sở tức là ngã tướng.

Ngộ ngã thành nhân: ngộ trước là sai ấy là tướng này. Văn có hai:

- Tướng thô:

a) Tướng người: Này người thiện nam! Thế nào là tướng người? Nghĩa là các chúng sinh tâm ngộ chứng, biết trước là sai, chữ Giả chính là tướng người.

b) Tướng ngã: Này người thiện nam! Ngộ có ngã: thì không còn chấp ngã, không có tâm chứng, chỗ ngộ chẳng phải ngã ngộ cũng giống như thế, đồng với trước là sai.

Ngộ đã vượt quá tất cả chứng, bặt dứt lỗi sở chứng, trừ lỗi năng ngộ, đều là tướng người: kết thúc thành tựu.

- Tướng tế.

Này người thiện nam! Tâm đó cho đến viên ngộ Niết-bàn, không chấp năng -sở, đều là ngã, tâm còn ít ngộ. Trí đây không bỏ là còn ngộ, chẳng có các khác nhau nên nói là ít.

Đầy đủ chứng lý, đều cùng tận nên nói là đủ, là hết cả. Đều gọi là tướng người, kết thành tướng tế.

- Rõ dấu vết thì dấu vết sinh.

Nghĩa là hai tướng ở trước đều là dấu vết của tâm, đều không chấp nên tránh khỏi lỗi ngã nhân. Nhưng rõ tâm này lại cũng là dấu vết, nên nói rõ dấu vết thì dấu vết sinh. Văn có ba:

1. Nêu ra chỉ bày.

c) Tướng chúng sanh: Này người thiện nam! Thế nào là tướng chúng sinh? nghĩa là các chúng sinh tâm tự chứng ngộ chỗ không bằng, biết năng ngộ ở trước, ngộ là sở giác, ngộ đã thành sở giác lại gọi là năng, lần lượt không cùng, đều thành năng sở, năng sở và xứ (chỗ) đều là tướng đối đãi, rõ đây (đối đãi) là không chắc chắn, nên lìa lỗi trước, chấp sở không bằng, nghĩa là tánh khỏi các lỗi, không biết chấp này thì lại là chúng sinh, chúng sinh không chắc chắn chấp một.

2. Nêu ví dụ giải thích:

13. Mượn lời nói của người để làm nghĩa thế:

Này người thiện nam! Thí như có người nói như thế, mượn lời nói người đời để làm nghĩa thế, hiển rõ tướng chúng sinh.

Ngã là chúng sinh thì biết người kia nói chúng sinh chẳng phải ngã, chẳng phải kia, nêu cả hai đều sai. Dưới đây tự giải thích rằng:

Thế nào là chẳng phải ngã? Ngã là chúng sinh thì chẳng phải ngã,

vì tự là chúng sinh nên chẳng phải ngã.

Thế nào là chẳng phải kia? Ngã là chúng sinh, vì nói ta là chúng sinh không nói kia là chúng sinh, nên chẳng phải kia, vì chẳng phải ngã của kia là chẳng phải ngã của người kia, lại nói mình đối với người kia không chấp ngã nhân, nên chẳng phải ngã kia.

3. Chỉ cho đối biện ở trước.

Này người thiện nam! Nhưng các chúng sinh liễu chứng (ngã tướng) liễu ngộ (tướng người) đều là ngã nhân: Chỉ cho hai tướng ở trước, sau đây trả lời để phân biệt tướng của chúng sinh rằng: tướng ngã nhân không bằng, liễu chứng là không thì ngã không bằng. Liễu ngộ là không thì người không bằng, không chấp thủ tể nên lìa ngã nhân. Còn có sở liễu gọi là tướng chúng sinh, vì tâm không quên cho nên tức chữ tứ, tiềm ẩn nối nhau như mạng sống, đều không sở chấp, chỉ nghĩ tu hành, do không khởi tâm nên tránh ba lỗi trước, tức là nghiệp trí vô chấp này nối nhau chưa quên. Chẳng phải cố sinh tâm nên nói tiếp tục tiềm ẩn nối nhau, văn có hai:

d) Tướng thọ mạng:

d.1) Nêu ra chỉ bày: Này người thiện nam! Thế nào là tướng tuổi thọ? Nghĩa là chúng sinh tâm chiếu soi thanh tịnh, tức là sự chiếu sáng của tâm nên nói thanh tịnh, tức là tự giác.

Giác sở liễu: biết ba tướng trước tức là giác tha. Chứng ngộ... thấu suốt nguồn chân, không có năng giác riêng, cho nên ở trên nói tâm soi chiếu. Tất cả nghiệp trí: định đem trí này tu tập tất cả nghiệp vô lậu. Chỗ không tự thấy giống như mạng căn, tuy dứt được vọng mà vọng không tự trừ, nên chẳng tự thấy, không tự thấy nên giống như mạng căn, như mạng căn là gồm chấp lấy nghĩa nối tiếp không dứt.

d.2) Lần lượt giải thích tỉ mỉ, có ba:

d.2.1) Dùng nghĩa để giải thích:

14. Giải thích lý do lỗi lầm:

Này người thiện nam! Nếu tâm soi thấy là tướng của môn này. Tất cả giác là ba tướng trước.

Đều là bụi nhơ: Cả hai chỉ cho lỗi lầm, dưới đây giải thích lý do lỗi lầm.

Giác, sở giác, không lìa trần, do dùng tâm này thấy các giác trước nên không lìa trần, vì tâm chưa quên.

d.2.2) Dùng dụ giải thích ngược lại.

15. Ví dụ nước sôi làm tan băng:

Như nước sôi làm tan băng: không có riêng băng biết băng tan:

nước sôi làm tan hết băng thành chung một thứ nước. Lại không thể biết hết là nói: ngược lại nghiệp trí này đã soi chiếu ba tướng trước đều cùng tận, thì là bệnh ngã chưa hết. Nếu Như nói ta hết, tức là ở đây nói băng hết thì không hết, nếu phối hợp kỹ thì nước dụ cho chân tánh, băng dụ bốn tướng, nước sôi dụ cho trí tuệ, nước nấu gọi là nước sôi, tâm ngộ gọi là trí, nên nói nước đóng thành băng, trở lại nấu nước để nung chảy, băng nước sôi đều hết, riêng tánh ướt còn, do dụ tâm mê thành ngã, trở lại ngộ tâm, để tiêu ngã trí đều hết, chiếu thể độc lập.

d.2.3) Phối hợp với Pháp.

Còn ngã biết ngã cũng giống như vậy. Hoặc dùng đồng dụ để phối hợp ngược lại, nên nói không có ngã riêng biết là ngã hết. Nay lại dụ thế, thuận theo trước mà giải thích, nên nói chánh hợp.

Còn ngã mất đạo văn, có hai:

1. Nêu chung mất đạo.

16. Tu hành còn năng sở thì không thành quả Thánh:

Này người thiện nam! Chúng sinh đời mạt pháp, không rõ bốn tướng. Tuy trải qua nhiều kiếp khổ công tu đạo, chỉ gọi là hữu vi, do bốn tướng trước đều có thủ chứng, không bao giờ thành tựu tất cả Thánh quả, đã đem tâm này tu hành, thì mỗi hạnh đều có năng sở, cho nên không thành Thánh, chính đồng với kinh Hoa nghiêm nói nhiều kiếp tu sáu độ mà không gọi là Bồ-tát.

Cho nên gọi là chánh pháp đời mạt: chánh tông thời mạt pháp của Phật pháp. Thời chánh pháp tu thì đều chứng, thời Mạt pháp người thường chấp tướng. Nay đã thủ chứng tướng, thì chánh pháp cũng đồng đời mạt pháp, nếu gặp giáo này, hiểu rõ nguồn gốc bệnh, thì tuy với đời mạt pháp nhưng lại đồng chánh pháp. Sau xoay vần giải thích rộng, văn có bốn:

1. Cho ngã là chân.
2. Nói bệnh là pháp
3. Dùng phàm lạm Thánh.
4. Chấp quả mê chân.

Một có hai:

a. Nêu giải thích lỗi.
b. Kết thúc thành chướng giác.

Trong phần đầu có sáu:

1. Tu lâu vì sao không chứng.
2. Chấp ngã thủ chứng chẳng phải giải thích đúng đắn.
3. Thủ chứng vì sao ngại đạo.

4. Ưa vắng lặng, ghét ồn ào, chẳng phải giải thoát.

5. Vì sao biết chứng pháp chẳng giải thoát.

6. Khen ngợi, vui mừng, chê bai, sân giận, nghiệm ngã giải thích nay 1: Vì sao? Kiếp số đã nhiều thực hành lại vất vả, vì sao lại không chứng quả Thánh? Trong giải thích có hai:

1. Pháp:

17. Chấp ngã là Niết-bàn nên tu hành không lợi ích:

Cho rằng tất cả ngã là Niết-bàn, có chứng có ngộ gọi là thành tựu. Bởi chấp ngã là Niết-bàn nên mặc dù nhiều kiếp siêng năng tu hành mà không được lợi ích. Như chấp thân trong mộng cho là chính mình, mệt nhọc dưới mọi hình thức vì gia nghiệp, cuối cùng không một việc lợi ích với tư sản.

2. Dụ:

Thí như có người nhận kẻ cướp làm con, tài bảo nhà kia không bao giờ có được, nếu giặc ở ngoài còn có thể đề phòng, nuôi dưỡng làm con làm sao đề phòng được? Lại biết cướp là cướp, cướp không thể làm, nhận cướp làm con đâu tránh khỏi phá hoại, đem dụ sáu căn chấp lấy cảnh còn có thể chế ngự tàng thức vọng ngã khó có thể làm rõ, cho nên của báu của công đức trong Như lai tàng niệm niệm suy hao, do tham lam này khó chứa nhóm phước trí.

3. Chứng vì sao trở ngại đạo?

Vì sao? Vì dù chấp ngã thủ chứng, sao lại gây trở ngại cho đạo.

4. Ghét yêu chẳng phải giải thoát.

Có ngã ái thì cũng ái Niết-bàn, hàng phục gốc ngã ái là tướng Niết-bàn. Có ghét ngã thì cũng ghét sinh tử. Luân hồi sinh tử vốn từ yêu ghét, muốn cầu giải thoát phải dứt hết hai nguồn gốc. Nay yêu Niết-bàn lại là gốc ái, nay ghét sinh tử cũng là gốc ghét. Bỏ khổ ham vui tuy khác nhau, nhưng ghét yêu vốn là do huân tập. Chấp vào yêu ghét mà tu hành thì quả Phật làm sao thành? Nhổ sạch gốc ngã ái là Niết-bàn, do hàng phục nên yêu ghét không khởi, tướng không khởi giống tướng Niết-bàn, vì giống là chân nên nói như thế.

18. Ái chính là chân sinh tử:

Không biết ái là chân sinh tử. Riêng ghét sinh tử gọi là không giải thoát. Vốn ái Niết-bàn, quyết dứt sinh tử, tâm ái đã có tức là gốc sinh tử, gốc ái mầm ghét đâu thể gọi là giải thoát?

5. Vì sao biết chứng pháp chẳng giải thoát.

Thế nào là biết pháp mà không giải thoát? Pháp là Niết-bàn. Vì ở trước giải thích: ái Niết-bàn gọi là không giải thoát, cho nên ở đây nêu

rằng: nếu ưa có sinh tử thì chính là ràng buộc, nay ngộ Niết-bàn là pháp vắng lặng, dùng tướng gì để biết là không giải thoát?

6. Khen ngợi chê bai nghiệm ngã giải thích.

Nghĩa là thật chứng thì quyết vô ngã, vì vô ngã nên không có sân giận, vui vẻ. Nay vì pháp có tức giận vui vẻ, nên biết pháp chứng chẳng thật, Ngã chưa hết, trong căn có hai:

1) Nêu ngã chưa hết.

19. Ngoài thì biết căn trần giả hợp, trong thì giác tánh thể vắng lặng:

Này người thiện nam! Chúng sinh đời mạt pháp kia huân tập Bồ-đề vì đã nói chứng là tự thanh tịnh, ngoài thì biết căn trần giả hợp, trong thì tánh giác thể vắng lặng.

Vì chưa thể hết cội gốc ngã tướng, chính là nói chưa hết.

2) Do cảnh nghiệm biết.

Nếu lại có người khen ngợi pháp kia, thì sinh vui mừng liền muốn cứu độ. Nếu lại chê bai sở đắc kia thì liền sinh tức giận, nhưng cảnh đời trái thuận thô trọng thì dễ rõ. Chỉ y theo pháp môn rất khó xem xét, chỉ nói là pháp giận kia độ đây, không biết tâm này vốn là ngã tướng.

Cho nên biết ngã tướng chấp chặt bền chắc, nhân đối cảnh ngoài mà nghiệm được bên trong, ngã không xen hở. Ngầm chứa tạng thức: là hạt giống.

Các căn dạo chơi, không hề xen hở: là hiện hạnh. Gặp cảnh thì phát trôi lăn nối nhau, nói chung, thì do đối cảnh ngoài mà nghiệm được bên trong, ngã chấp còn vững chắc, nối nhau tiềm tàng. Tuy tuệ quân thường nêu mà ma chúng thường xô ngã. Vả lại thành A-lại-da khó tấn công chủ tể, mạt-na thường giữ gìn ngăn ngừa vững chắc mạnh mẽ, ý thức tính toán mưu làm công việc trong ngoài, tướng năm thức xem xét bên ngoài để giữ gìn cửa sáu thức, do đó giặc chủ nhiều lần dạo chơi thường cướp đoạt, mê hoặc Pháp vương của ta.

Thường xâm lấn quấy nhiễu cảnh quán của ta, tuy bên ngoài sợ Bát-nhã, ngày ẩn đêm đi, mà trong ôm vô minh ngày đêm không ngừng. Hai là kết thành chương giác.

20. Không trừ tướng ngã thì không thể nhập thanh tịnh giác:

Này người thiện nam! Người tu đạo ấy không trừ ngã tướng, cho nên không thể nhập thanh tịnh giác. Hai nói bệnh là pháp, văn có hai:

1. Giải thích kia là sai.
2. Kết thúc thành chương giác.

Trong phần đầu có hai:

1. Che đậy khước từ, theo đuổi trước là pháp tức giận, vui vẻ.

2. Suy cùng, để thành nói bệnh là lỗi của pháp.

Này người thiện nam! Nếu biết ngã không mà chẳng chê bai ngã: sợ nghe tức giận, vui mừng là ngã liền muốn nhẫn chịu không tức giận để làm vô ngã, nên từ chối rằng: nếu thấy kia chê bai nhân ngã, bị kia chê bai mà không tức giận thì đây cũng là ngã, nên nói: nếu biết ngã không mà không chê bai ngã, đã thấy có huỷ báng ngã báng ngã thì chưa được ngã không. Cũng nên nói: Nếu biết ngã không, vô ngã nói pháp, cho nên kế nói có ngã nói pháp thì ngã chưa dứt. Nhưng người chê bai là kia, người nói là ngã. Văn kinh với người chê bai nói không, là ngược nói lỗi. Nhưng người nói pháp thì nói có là thuận nói lỗi, khước trừ lỗi ấy, sau đây muốn quyết đoán là bệnh, chúng sinh tuổi thọ, là về tướng người, lấy văn kia để chải chuốt thành câu.

21. Nếu bốn tướng còn thì gọi chung là bịnh:

Cũng giống như thế: là ví dụ về ngã.

1) Quyết đoán.

Này người thiện nam! Chúng sinh đời mạt pháp nói bệnh là pháp, chỉ lỗi của sự từ chối ở trước. Tức là bốn tướng, nếu bốn tướng còn thì gọi chung là bệnh.

Nên gọi là đáng thương xót: lấy bệnh làm pháp thật đáng thương xót, mặc dù siêng năng tinh tấn lợi ích các bệnh, nhưng vì mang bệnh tu hành nên thêm các bệnh, nói trái với đây thì xứng thật tu hành chỉ có ích cho thật đức. Như các vị thuốc... giống có ngọt đắng, đất nước tươi nhuần, đều thêm lợi ích. Đắng dụ cho ngã tướng làm gốc, ngọt dụ cho tịnh giác làm gốc, đất nước thì dụ cho muôn hạnh.

22. Kết luận thành chướng giác:

2) Kết thúc thành chướng giác.

Cho nên không thể nhập thanh tịnh giác,

3. Đem phàm lạm Thánh, văn có hai:

a)Nói về tướng lạm.

b) Kết thúc thành chướng giác. Trong phần đầu có hai:

b.1) Hoặc Thánh đồng.

23. Không rõ bốn tướng thì tu hành không thành tựu:

Này người thiện nam! Chúng sinh đời mạt pháp không rõ bốn tướng, y theo Như lai giải và chỗ sở hành để tự tu hành, thì không bao giờ thành tựu, Phật nói pháp môn liễu nghĩa xứng lý, đều nói tâm cảnh vốn không, hoặc nghiệp vốn tịnh, phàm Thánh không khác, nhân quả đều tròn, y theo lý mà Phật thấy thì thật như thế, hơn nữa chúng sinh

mê lầm điên đảo đã lâu, gốc huân tập sâu dày, cho dù khiến tin hiểu pháp môn, nhưng hiện dụng xưa nay tùy niệm. Chỉ do tâm thức phân biệt, hiểu thụ vô ngại nói giáo là nói ý Phật cũng chỉ như thế, tâm đã là niệm cho nên bất giác niệm, không biết ngầm thông, chứng nhập khác với tùy tướng tín tâm, chấp nhận Phật bình đẳng, không thể dứt hoặc cầu chứng, nên kinh nói cuối cùng không thành tựu. Kinh Hoa Nghiêm cũng nói: như kẻ nghèo đếm của báu cho người.

24. So sánh với bậc Thánh:

b.2) Sánh mình bằng Thánh.

Trước thì sánh cao bằng đức, đây thì sánh dưới bằng cao, văn có hai:

1. Nhận Thánh trí kia.

Nếu có chúng sinh chưa được cho là được: là lý, cho đến công đức mà bậc Thánh có.

Chưa chứng cho là chứng là trí. Trí thân mà bậc Thánh thầm chứng nay nói được nói chứng là người tăng thượng mạn. Nếu tự biết không chứng mà nói chứng, thì thuộc về giới nói dối nghiêm trọng trong bốn giới căn bổn. Chẳng phải ý văn ở đây.

2. Nghiệm ra khỏi phàm tình.

Thấy người tốt tinh tấn lòng sinh ghen ghét. Nhưng các bậc Thánh hình loại không chắc chắn, đắc và không đắc nội chứng ở tâm. Đâu cần phải làm rõ tha chưa đắc chưa chứng, cho nên quán sát tâm hạnh để nghiệm chân hư. Bậc Thánh dụng tâm thấy người, mình không hai. Thấy người tốt tinh tiến hoặc giáo pháp lưu hành, niệm niệm vui mừng quyết sẽ thuận theo, tự nghiệm trong tâm như thế, hoặc liền chứng ngộ không luống dối. Hoặc tự biết mình kém, người kia hơn thì ghen ghét, mình hơn kia kém thì vui mừng. Cho dù khiến hiểu sâu cảnh mầu nhiệm cũng chỉ là sở duyên của tâm, chớ lầm cho là được, cho là chứng.

25. Kết luận thành chướng giác:

Kết thúc thành chướng giác.

Do chúng sinh kia chỉ cho cả hai hạng người ở trước, chưa dứt ngã ái, ở trước nói cuối cùng không thành tựu, vì Phật không ngã ái, hễ có ngã ái nên nói... thấy thắng tấn thì ghen ghét, cũng do ngã ái, do ngã ái nên ở dưới nói:

Cho nên không thể nhập thanh tịnh giác. Bốn hướng đến quả mê nhân.

26. Mục đích tu hành của chúng sanh đời mạt pháp:

Này người thiện nam! Chúng sinh đời mạt pháp hy vọng thành

đạo hướng đến quả không phải để cầu ngộ, chỉ thêm nghe nhiều là nhân mê. Liền biết trước phải ngộ đạo, sau nghe nhiều thêm trí tuệ. Người đời mạt pháp thường lầm ý này, chỉ y theo danh số không cốt để rõ tâm, tâm đã không thông, thì hiểu nghĩa chỉ nhiều, ngã kiến chỉ lớn, nên sau đây nói:

Thêm lớn ngã kiến, Kinh Hoa nghiêm cũng chép: không thể rõ tự tâm thì thêm lớn tất cả điều ác. Lại, luận Trí Độ chép: nghe nhiều không có trí tuệ là không biết thật tướng. Thí như trong căn nhà tối lớn có đèn mà không có mắt...

Dứt hoặc thành chân, có hai:

Giải thích thuận:

27. Những điều nên tu:

Chỉ nên tinh tấn: lời khuyên nhủ.

Hàng phục phiền não: nêu riêng cái phải dứt bỏ.

Khởi tâm mạnh mẽ: khuyên chung tu đoạn.

Chưa được làm cho được: là tu, nghĩa là tất cả công đức diệu dụng trong cảnh chân thật.

Chưa dứt thì dứt: là dứt bỏ, là tất cả pháp chướng ngại trong cảnh điên đảo, tức là sau đây sẽ nêu ra rằng: tham, sân, ái, mạn ba thứ trong các phiền não căn bản, ái không có tánh riêng thuộc về tâm sở tham.

Dục nịnh ganh ghét: Là tiểu tùy phiền não.

Đối cảnh không sinh kia (tha) ta (tự) tất cả ân ái vắng lặng. Lại nêu đây là gốc rễ sinh tử khó nhổ nhất, niệm hết thì tự, tha đều vắng lặng.

28. Kết quả nếu tu như trên:

Phật nói người này lần lần thành tựu: kết thúc thành nhân.

Do trước nói dứt ngã dụng tâm, lúc đó tuy ngộ vẫn suy nghĩ thời gian dài khó lìa được sự huân tập của ngã, cho nên Phật răn rằng: chỉ được đốn ngộ ngã không, siêng năng dứt bỏ phiền não, thói quen chấp ngã lần lần hết sạch, quả Phật vô thượng tự nhiên dần dần thành.

Cầu Thiện tri thức, không rơi vào tà kiến, người buôn ra biển phải nhờ người thuyền trưởng, người học tu hành phải giúp bạn lành. Hai là giải thích ngược lại.

Nếu với sở cầu sinh yêu ghét, riêng thì không thể vào biển giác thanh tịnh, ngược lại nói không sinh yêu ghét thì vào biển giác. Trong kệ khen ngợi có bốn. Thứ lớp như trước, hoàn toàn giống với Văn xuôi, nên không nhọc chép lại.

29. Đức Phật nói kệ:

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn nói lại nghĩa này nên ngài nói kệ rằng:

Tịnh Nghiệp ông nên biết
Tất cả các chúng sinh.
Đều do chấp ngã ái
Vô thỉ vọng trôi lăn.
Chưa dứt bốn thứ tướng
Không được thành Bồ-đề
Yêu ghét sinh trong tâm
Siểm khúc còn các niệm.

Cho nên thường mê muội, không thể vào giác thành. Thành dụ cho giác, pháp dụ mỗi thứ có ba nghĩa.

- Một là rõ tâm tánh không, không vào các hoặc, như đề phòng kẻ địch bên ngoài.
- Hai là thấy đức số cát sông hằng thì muôn hạnh tròn đủ, như nuôi dưỡng mọi người.
- Ba là đạo đều thông suốt, như mở cửa dần vào.

30. Nêu hai trường hợp trái nhau:

Nếu trở về cõi ngộ.

Cõi là thế giới, như đến nước Trung Quốc, cõi ấy thuộc nhà Đường, nên biết nếu đến cảnh ngộ thì pháp pháp thuộc ngộ, cảnh mê cũng giống như vậy. Trước bỏ tham, sân, si: si văn xuôi không, kệ có, mạn thì Văn xuôi có, kệ không, văn rõ ràng lược bỏ.

Pháp ái: ái Niết-bàn. Không có tâm, dần dần có thể thành tựu.

Ngã thân là gốc của yêu ghét, vốn không có, yêu ghét từ đâu sinh.

Sở y đã không, năng y làm sao có?

31. Kết quả của hai trường hợp trái nhau:

Người này cầu bạn lành, không rơi vào tà kiến.

Sở cầu riêng sinh tâm, rốt ráo không thành tựu.

Cõi Ngộ, ngã thân thì Văn xuôi không, kệ có. Từ đó về sau nương thầy lìa bệnh, nghĩa là rộng khuyên nương Thiện tri thức, trừ bỏ bốn bệnh và các hoặc nhỏ nhiệm, văn có bốn. Phần đầu của ba phần đầu thứ ba.

32. Bồ-tát Phổ giác lễ Phật thưa hỏi:

Bấy giờ, Bồ-tát Phổ giác ở trong đại chúng liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi đảnh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu theo chiều bên phải ba vòng, quỳ thẳng chắp tay bạch Phật rằng: Trong phần trình bày có hai:

1) Trước chúc mừng.

Đại bi Thế Tôn! Xin nói về bệnh thiền (bốn tướng) giúp cho các đại chúng được điều chưa từng có. Tâm ý sảng khoái, được yên ổn hoàn toàn.

2) Sau thỉnh mời, lý do có ba:

Thế Tôn! Chúng sinh đời mạt pháp cách Phật quá xa, Hiền Thánh ẩn tránh, tà pháp tăng mạnh.

Nói ý của thưa hỏi: Như người có con bị bệnh rất lo buồn, Bồ-tát đại bi trước thương xót đời mạt pháp, hiền Thánh ẩn tránh, chánh pháp sắp chìm đắm, muốn khiến rộng lợi ích đời đương lai. Cho nên nêu lên lời hỏi này. Kế chính là thưa hỏi, trước đều có ngã tướng, chưa thể thi công, nay đã trừ chướng mới có thể tu tập, vận dụng theo đây lại có đúng sai, nên phải nương thầy, khỏi chìm đắm bốn bệnh.

33. Chúng sanh phải cầu người nào, nương vào pháp nào?

Khiến các chúng sinh phải cầu người nào: do trước nói cầu Thiện tri thức không rơi vào tà kiến, cho nên ở đây xin hỏi cầu người như thế nào là Thiện tri thức? Trong câu trả lời có đủ ý chỉ.

Nương vào pháp nào? Làm những hạnh gì? Trừ bỏ bệnh gì? Nói phát tâm như thế nào, văn đều hiển rõ.

Giúp cho những người mù kia không rơi vào tà kiến.

3. Nói về những việc phải làm: Sau đây là tuyên bố ba lần mô phỏng theo trước. Nói lời ấy rồi, năm vóc gieo sát đất, thỉnh ba lần như thế, đến cuối thì trả lại đầu. Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Phổ giác rằng: Lành thay, lành thay! Này người thiện nam! Ông mới có khả năng thưa hỏi Như lai pháp tu hành như vậy, sẽ đem đến cho tất cả chúng sinh đời mạt pháp mắt đạo vô uý. Khiến chúng sinh kia được thành Thánh đạo, nay ông lắng nghe, ta sẽ nói cho. Lúc đó, Bồ-tát Phổ giác vui vẻ vâng lời chỉ dạy, và các đại chúng im lặng lắng nghe. Chính thức nói, trong văn xuôi có năm:

1. Chỉ bày minh sư lãnh sự.
2. Phân biệt bốn bệnh dạy trừ.
3. Phân biệt tâm thờ thầy.
4. Nói về hạnh trừ bệnh.
5. Hiển rõ phát tâm rộng lớn.

Như thứ lớp trả lời năm câu hỏi trước, nhưng lại có ít tướng lạm dụng, nên lại làm rõ văn kinh. Nay trước là trả lời câu hỏi thứ nhất, văn có ba: 1. Khiến biết, 2. Lãnh sự, 3. Hiển bày lợi ích.

34. Phật trả lời Bồ-tát Phổ Giác:

Đây là phần đầu: Này người thiện nam! Chúng sinh đời mạt pháp nên phát tâm rộng lớn: Để phân biệt với các thừa khác, là nhân chính. Cầu Thiện tri thức: là duyên chánh. Khéo rất dễ hiểu chân, biết vọng, biết bệnh, biết thuốc, cho nên tâm đầu tiên khiến cầu. Văn-thù bảo Thiện Tài rằng: Gần gũi cúng dường các Thiện tri thức, đầy đủ Nhất thiết trí, là nhân duyên đầu tiên. Nên kinh Quang Tán Bát-nhã chép: Muốn học sáu pháp Ba-la-mật, nên theo chân Thiện tri thức, thường nên kính thờ.

Muốn tu hành: là hạnh cầu giải thoát.

Nên cầu tất cả người thấy biết chân chánh: nêu ý chỉ. Khéo thông suốt giác tính không nhờ tu mà sinh, quyết giải thích không nghi ngờ, gọi là Chánh tri kiến. Kinh Pháp Cú chép: Khéo hiểu sâu pháp không, không tướng, không tác, không sinh, không diệt, liễu đạt các pháp từ xưa đến nay rốt ráo bình đẳng, không nghiệp, không báo, không nhân, không quả, tánh tướng như như trú vào thật tế. Trong rốt ráo không lại rõ ràng kiến lập, ấy gọi là chân Thiện tri thức. Kinh Hoa Thủ chép: có bốn pháp, nên biết là Thiện tri thức, nghĩa là khéo biết giáo hóa tu đạo và các lỗi lầm.

Tâm không trú tướng, lìa cảnh giới phiền não của phàm phu, nghĩa là không nên trú sắc sinh tâm...

Không đắm cảnh giới Thanh văn, Duyên giác, lìa cảnh giới mắc kẹt vào sự vắng lặng của Nhị thừa. Kinh Xưng Tán Đại Thừa chép: Thà ở địa ngục suốt trăm ngàn kiếp, chứ không bao giờ phát tâm Nhị thừa, cũng có thể Chánh tri kiến là phân biệt với ngoại đạo, không trú tướng phân biệt với phàm phu, không mê đắm... phân biệt với Nhị thừa, như trên là thuận hạnh, sau đây nghịch hạnh:

Tuy hiện trần lao: tức là tham...

Tâm thường thanh tịnh: Hiện ở trong nhiễm mà không nhiễm. Như kinh Tịnh Danh chép: tuy có vợ con nhưng thường tu phạm hạnh... kinh Hoa Nghiêm chép: Bồ-tát tại gia ở chung với vợ con, chưa hề xa lìa tâm Bồ-đề.

Thị hiện có các lỗi: muốn độ chúng sinh có lỗi, trước dùng đồng sự để nhiếp hóa tâm đã gần gũi mới có thể nhận lời chỉ dạy. Như kinh Tịnh Danh chép: vào các phòng dâm chỉ lỗi của tham dục... cũng đồng với Thiện Tài thiện hữu, Bà-tu-mật nữ trong kinh Hoa Nghiêm... khen ngợi phạm hạnh, không để chúng sinh rơi vào bất luật nghi, hoặc vì lợi ích, hoặc có duyên riêng, nên việc làm không đúng khuôn phép, tạm thời trái với chân giáo, thì phải chê bai đó là sai, không được ngụy biện

lỗi lầm, nói lý để làm lầm kẻ phàm phu, ở đây không đồng với người tà kiến tự gây ra các lỗi lầm. Lại nói những việc chẳng phải phạm hạnh là chân thật, khiến cho vô lượng người rơi vào đường hiểm, chỉ vì đồng sự nhiếp, tuy hiện các lỗi lầm thường phải khen ngợi phạm hạnh chân thật, nên luận nói: người phá kiến tuy không phá phạm hạnh, nhưng không thể làm đạo nhãn cho các chúng sinh. Tuy phá phạm hạnh mà không phá chánh kiến, chính là ruộng phước chân thật cao quý của người trời.

Cầu người như thế, thì được thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Kết thúc thành lợi ích lớn. Hai là lãnh sự, văn có hai:

1. Nêu cái khó của được thân mạng.
2. Ví dụ cái dễ ở ngoài thân. Trong phần đầu có hai:

a) Chánh nêu.

35. Đối với người và pháp ấy:

Chúng sinh đời mạt pháp thấy người như cho nên phải cúng dường không tiếc thân mạng, như Tuyết Sơn bỏ thân, ở hương thành chẻ xương. Sách Nho còn khiến hết sức phụng dưỡng cha mẹ hết lòng nhờ vua, huống chi là chánh pháp? Cho nên kinh Đại Thừa Tứ Pháp chép: các Bí-sô suốt đời cho đến gặp nhân duyên mất mạng cũng chắc chắn không được bỏ Thiện tri thức. Hai là ngăn ngừa nghi ngờ.

Thiện tri thức kia trong bốn oai nghi thường hiện sự thanh tịnh: chỉ cho thuận hạnh ở trước, cho đến thị hiện các lỗi lầm: chỉ cho nghịch hạnh ở trước.

Tâm không kiêu mạn: nói về không nghi. Bồ-tát hóa hiện quyền đạo khó lường, chỉ nương pháp môn chẳng nghi dấu vết, không dùng thuận hạnh bắt chước cung kính, hoặc thấy nghịch hạnh liền sinh kiêu mạn. Cho nên luận Trí Độ chép: Đối với các thầy tôn kính tưởng như Thế Tôn, nếu có thể mở bày giải thích nghĩa sâu xa cởi mỡ nghi kết, với ta có lợi ích thì hết lòng cung kính, không nghĩ các việc ác khác, như túi xấu đựng đầy vật báu kia. Lại như đi đêm, đường nguy hiểm, người xấu cầm đuốc, không phải vì người xấu mà không nhận sự chiếu sáng của họ. Bồ-tát cũng giống như thế, ở thầy được trí tuệ sáng suốt, không chấp cái xấu của thầy, nhưng cái khó của thầy, làm đồ đệ không thay đổi, chớ vì sự răn dạy này mà làm lầm người thô kệch, muốn xét thật hư thì như trước mà phân biệt. Đã am hiểu đạo thì như thế mà vâng thờ. Lại, thuốc trị học trò này, thầy chớ lầm uống, uống vào thêm bệnh, không có thuốc để trị, mà dùng ràng buộc để cởi mở ràng buộc thì không có việc ấy!

Hai là ví dụ về sự dễ ở ngoài thân.

Huống chi lại cầm lấy: cầm lấy thức ăn, người dịch nhầm lược bỏ, nên nói đoàn thực.

Của cải (vải tiền) vợ con (thân nhất) quyến thuộc: người hầu đối trước cái khó của thân mạng, nên nói huống lại. Hai là nói về lợi ích.

Nếu thiện nam với bạn tốt kia không khởi niệm xấu, do trước không kiêu mạn. Nếu khởi kiêu mạn thì niệm ác liền sinh, chướng ngại che lấp tự tâm thì pháp nào được vào?

Liền rốt ráo thành tựu chánh giác, đã không che lấp niệm ác, liền được thành tựu chánh giác.

Hoa Tâm phát sáng, chiếu khắp các cõi mười phương, tâm giác đã sáng chính là ánh sáng trí tuệ phát ra, tiếp xúc không nhiễm, nên gọi là hoa tâm, xứng thể vô biên, chiếu các cõi mười phương. Hai là phân biệt bốn bệnh khiến dứt trừ. Trả lời câu hỏi thứ hai nêu ra pháp mầu nhiệm, giải thích nương viên giác. Viên giác là pháp sở y, pháp này xa lìa bốn bệnh mới đáng nương, hỏi về trừ bốn bệnh ở dưới tự có trả lời. Nhưng văn dường như lạm dụng, nên bao gồm mà chia khoa mục, văn có ba:

b) Nêu chung về sinh khởi.

36. Nói về bốn bịnh:

Này người thiện nam! Pháp mầu mà Thiện tri thức kia chứng được nên xa lìa bốn bệnh, thế nào là bốn bệnh? Tâm bệnh vô biên quan trọng chỉ có bốn bệnh này, hễ có một trong bốn bệnh ấy thì không thể làm thầy.

Giải thích riêng hành tướng: đều gọi là bệnh: duyên chung là không lấy lời dạy làm dây mực, không đem thầy làm kim chỉ nam, chỉ tự nêu tâm tác ý như thế. Nên văn kinh đều nói: nếu lại có người nói như vầy: Nói là ý nói. Văn có bốn:

Bệnh tác: nếu lại có người nói rằng: Ta đối với bổn tâm làm các thứ việc, muốn cầu viên giác, là nói về tướng. Suy nghĩ, ước đoán, tính toán so lường, dấy tâm vận động làm các hành tướng, tạo tháp xây chùa, cúng Phật, trai tăng, trì chú tụng kinh, tăng giảng tục giảng, điềm nhiên ngồi thẳng, lập bày các thứ, dừng dứt nơi núi sâu, du lịch thế giới, siêng lo cơm áo cho là đạo duyên nên chịu đói lạnh, cho là công đức, quán không, quán hữu, yêu thân, ghét thân, đối với nhiều hạnh môn hễ chấp một trong các hạnh môn, nương vào một hạnh này mà muốn khế hợp với tâm giác, thì đã là tạo tác sinh tình, đâu hợp với vô vi tịch chiếu? Bệnh này từ trong quán huyễn ở trước sinh ra. Kia nói: Tất cả Bồ-tát khởi hạnh từ đây, cho đến trong các luận đều nói độ sinh, khởi

hạnh khởi dụng, mất ý văn kia, thành bệnh tác này.

Tánh viên giác kia chẳng phải làm mà được, dựa vào thể để phá, tánh viên giác chẳng phải tạo tác, tạo tác thì làm sao khế hợp? Nếu rõ tánh giác vốn viên, không dấy tâm cầu lợi ích, không chỗ dấy tâm liền hợp với tâm giác, khi hợp với tâm giác tự không có các vọng, không có các vọng thì chỗ làm tương ưng, dồn đất nhóm cát đều thành Phật đạo, tức các hạnh trên đây, gặp sức duyên mà tiện làm, hễ bệnh nào thì chữa bệnh ấy không thuận theo vọng niệm, chỉ phải hết vọng tánh tự mở sáng, hết tức là Bồ-đề đâu từ ngoài được? Nói bệnh là kết thúc gọi tên, bốn tiết trên đây, ba thứ dưới đây cũng đồng. Hai là mặc ý chìm nổi.

Hai bệnh nhậm: nếu lại có người nói rằng: nay chúng ta không dứt sinh tử, không cầu Niết-bàn, Niết-bàn sinh tử không có niệm khởi diệt, ý nói: sinh tử là không, thì còn có gì để dứt? Niết-bàn vốn vắng lặng, thì còn gì để tu cầu, không nhàm chán không ưa thích, không có niệm sanh diệt.

Nhậm vận tất cả kia tùy theo các pháp tánh, như các loại lửa nóng, nước ướt các tánh đều khác nhau. Thời nay thấy có một hạng người nói vọng từ tha vọng, chân thì nhậm vận tha mà chân, đều xứng với tâm, cần gì sửa đổi? Làm cũng mặc làm, thích rỗi thì rỗi, gặp đói liền ăn, thấy áo liền mặc, việc tốt, việc xấu tất cả không biết, nhậm vận mà làm, tin duyên mà sống, muốn ngủ liền nằm, ngồi dậy liền đi, Đông, Tây, Nam, Bắc đâu chắc chắn đi hay ở? Bệnh này do trước nói viên giác thanh tịnh, vốn không tu tập nương theo chưa giác sức huyễn tu tập, mất ý văn kia, tự cho đã giác cần gì làm huyễn, nên thành bệnh nhậm.

Muốn cầu viên giác: nghĩa là cho rằng nhàn rỗi hợp với đạo. Tánh Viên giác kia chẳng phải do nhậm mà có, trước thì rong ruổi tìm Phật, đây là thân tâm buông lung, nếu thiện ác không trói buộc, thì gọi là tánh vô ký. Bảy hiền chẳng lẽ là đại đạo, tứ hạo đâu phải bậc Thánh, còn mê muội đối với các tầng trời cõi Dục, làm sao thầm hợp với giác thể.

Hành chân đến đây, nước chìm đắm thuyền, phải tự cảnh giác, chớ để mắc phải bệnh này, nên ở trước nói: nếu không tu hành, thường ở huyễn hóa, làm sao giải thoát được? Ba là ngừng dứt vọng tình.

Ba bệnh chỉ: Nếu lại có người nói rằng: Nay tự tâm ta dứt hẳn các niệm, sinh tâm thì sợ sai, theo tình thì lo mất, một bề chỉ dứt đâu hợp với nhậm vận? Nhưng dừng vọng tức chân, đâu cần riêng chiếu?

Được nhất thiết tánh: dứt niệm nên lìa tướng, lìa tướng nên được tánh, là tánh vô tánh của các pháp, chẳng phải là tánh giác.

Bình đẳng vắng lặng: Ý nói do ngã tâm sinh vọng tưởng, vời lấy

khổ vui khác nhau, nay chỉ ngừng dứt vọng tâm, vọng hết thì tự nhiên bình đẳng, bệnh này từ trước trong tĩnh quán, ở trước sinh ra, mê kia lấy yên tĩnh làm hạnh, và lắng đọng lời nói của các niệm, do đó thành bệnh này.

Muốn cầu viên giác: Nghĩa là nói dứt vọng tức chân. Tánh viên giác kia không chỉ hợp, giác vốn vô niệm, thấy niệm đã trái, tánh vốn sáng suốt, mê chiếu cũng mất. Niệm vô mà có, đã dừng dứt khiến không, chiếu có mà ẩn, sao không quán sát để cho hiển rõ. Lại, chân vốn vô niệm, niệm đã trái chân, tánh vốn chẳng có chỉ, chỉ cũng trái tánh, nên nói không dừng hợp. Nên trước nói: đối với các vọng tâm cũng không dứt diệt.

Gọi là bệnh: bốn là dứt trừ tâm cảnh.

Bệnh diệt: trước chỉ ngừng dứt tâm niệm cho vắng lặng, ở đây thì chấp thân tâm căn trần xưa nay vắng lặng. Lại, trước không ngại thấy có căn trần, chỉ không tùy niệm ái nhiễm, nên nói ngừng dứt, ở đây thì với căn trần cũng không, giữ gìn tướng vắng lặng, do thấy không vô nên nói trừ diệt.

37. Hình thức khác của bịnh:

Nếu lại có người nói như vầy: Nay ta dứt hẳn tất cả phiền ão, thân tâm rốt ráo là không, không thật có, huống chi là căn trần cảnh giới luống dối, ý nói: gốc phiền não chính là thân tâm, nếu chấp thân tâm thì phiền não làm sao dứt? Cho nên nêu dứt phiền não, giải thích thân là không, lại dứt hết phiền não không ngược với thân tâm, thân tâm còn không, căn trần làm sao có?

Tất cả hoàn toàn vắng lặng, muốn cầu viên giác, thân...vốn không nên gọi hoàn toàn vắng lặng, các tướng đã mất hẳn thì tướng vắng lặng hiện tiền, muốn đem tâm này cầu chứng viên giác, bệnh này từ trong quán tịch mà có ra. Trong các luân kia đều nói: vắng lặng và dứt phiền não, mê kia thành bệnh này.

Tánh viên giác kia chẳng phải sự vắng lặng, bởi giác thể sáng suốt không chỉ vắng lặng. Nay diệt hoặc, trụ tịch, đâu được tương ưng? Huống chi viên giác chẳng động chẳng tĩnh, vừa động vừa tĩnh, số cát sông hằng diệu dụng vô ngại khó nghĩ, trụ trong tâm vắng lặng đâu thể khế hợp? Nói thì dường như gần, lý thì là hoàn toàn xa, vì trái với lý nên nói chẳng phải.

Gọi là bệnh, là ba kết thúc nói về chân ngụy.

38. Lìa bốn bịnh thì biết thanh tịnh:

Lìa bốn bệnh thì biết thanh tịnh, dùng bốn hạnh trước tự nghiệm

tâm mình, hễ rơi vào bất cứ một môn nào thì biết là bệnh, nên nói lìa thì biết thanh tịnh, nhưng bốn môn trên đều được các kinh khuyến khích khen ngợi, huống chi ba quán trước đầu có văn này. Nay ở đây cho là bệnh là có hai ý.

1. Trong bốn bệnh đều không có quán tuệ.

2. Chỉ hướng tâm riêng trụ một hạnh.

Không tìm bạn lành ý tốt, không nghiên cứu Phật giáo văn hay, vừa mới ngộ nghĩa của một môn, thì không thể thờ phụng minh sư lâu dài, mới thấy văn mầu nhiệm một kinh, liền không thể rộng nghiên cứu Thánh ý, chỉ tham lam riêng xét, chấp một làm viên, cho nên văn kinh đều trách là bệnh. Nếu có thể cả bốn đều thông suốt, không mắc kẹt vào một môn, chính là trong bốn môn này cùng ngang nhau đều nhập đạo, tuy nhiên thực hành các hạnh, xưa nay nhậm vận thanh nhàn, mặc dù đốn giác thân tâm vốn không, nhưng tập khởi cần phải dứt bỏ, lại phải thường thầm hợp với giác thể, không được nhận bốn làm tâm, thời tự nhiên lúc nghỉ chẳng phảinghỉ, khi làm chẳng phải làm, nên kinh Tịnh Danh chép: Chỉ trừ bệnh mà không trừ pháp.

39. Thực hành quán này gọi là chánh quán, quán khác là tà quán:

Thực hành quái này gọi là chánh quán, tức trên đã giải thích trừ bệnh pháp còn, chính là chánh quán, mặc dù không nhận bốn bệnh, mà tuệ giải chiếu rõ, nhưng không lo rơi vào trong bốn, liền không "kiến chí lập tiết".

Nếu quán khác gọi là tà quán, lại có khi nghe đây bốn lỗi lìa bốn. Lại sinh tìn,h liền tin vào lòng dạ làm kiến giải riêng, nên nói tà quán, lại người thực hành quán ấy, thì lìa bốn, người quán khác là nhận bốn, khi hỏi vì nói, để phân biệt với khi thầy cầu lìa bệnh ấy, vì nói người học tự lìa bốn bệnh, nếu nói bệnh của thầy thì đâu cần nêu riêng mục lục trong câu hỏi. Lại kết thúc nói thực hành quán ấy...

Nếu nói người học bệnh thì vì sao nêu pháp mầu của Thiện tri thức sở chứng lẽ ra lìa bốn bệnh?

Trả lời: Cả hai đều không khác, đã nghe kinh biết bệnh, phải cầu thầy lìa bệnh, đã thờ thầy này, tức là tu hành lìa bệnh, nhưng trong giải thích riêng, hoặc thầy hoặc trò bệnh không có tướng riêng, tuy hợp hai ý mà không hai đường. Trong văn giải thích kết thì phải phân biệt, nếu kết thúc hành nhân thì nương giải thích trước, hoặc kết thúc phân biệt với, thầy thì không có bốn bệnh, liền phải trở về nương, gọi là chánh quán, hoặc dù chí riêng cầu, gọi là tà quán, nên giới Bồ-tát nói: Pháp sư

kia hoặc dòng họ thấp kém, tuổi nhỏ nghèo hèn, mà thật có đức, vì thế không được xem dòng họ của pháp sư, ý nói: Chỉ cần quán trong bệnh lìa và không lìa, chẳng quán chủng tánh sang hèn.

40. Nói về tâm thờ thầy:

Phân biệt tâm thờ thầy.

Ở đây sẽ trả lời câu hỏi thứ ba làm những hạnh gì? cho nên nói rằng: Muốn tu hành, kết thúc nói tu hành như thế, nhưng vả lại chỉ nói thờ thầy, không có hạnh khác, cho nên chỉ soạn khoa này chia ra để phải tu hành, nghĩa là hạnh môn Bồ-tát vốn không chắc chắn dấu vết cũ, tùy theo việc đương thời theo căn sơ khác nhau, chỉ khiến khéo kính thờ minh sư, minh sư sẽ tự gặp việc mà chỉ bảo, cũng giống như Thiện Tài với Văn-thù đối đãi phát tâm Bồ-đề rồi hỏi hạnh Bồ-tát, Văn-thù không nói đủ, chỉ dạy là gần gũi Thiện tri thức.

41. Cúng dường bạn lành, kính thờ thiện tri thức:

Này người thiện nam! Chúng sinh đời mạt pháp muốn tu hành nên phải hết sức cúng dường bạn lành, kính thờ Thiện tri thức. Như Thiện Tài ở phía Nam đã qua Phổ Hiền ở phía Tây. Kinh Niết-bàn chép: Chính là đầy đủ nhân duyên, cho nên kinh Pháp Cú chép: Thiện tri thức như cha mẹ, mặt, mũi, tay, chân, bậc thềm, cơm áo, áo giáp, dao, thuốc... Cho đến nói: Này người thiện nam! Thiện tri thức có vô lượng công đức như thế, cho nên nay ta bảo người gần gũi, đại chúng nghe rồi cất tiếng than khóc...

Thiện tri thức kia muốn đến gần gũi, nên dứt kiêu mạn, thiện hữu độ người bằng nhiều phương tiện, thầy trò tâm khế hợp ý mới truyền pháp, vì thế y theo căn cơ chúng sinh, gần gũi lẫn nhau, người ngu không biết, liền sinh kiêu mạn, mạn đã che tâm thì không thể nhập đạo, vì thế nói nên dứt bỏ.

42. Cách tu để nhập vào Viên giác:

Nếu lại xa lìa nên dứt bỏ sân hận: hoặc muốn dứt trừ kiêu mạn, hoặc gặp duyên khác, cùng xa lìa nhau liền sinh tức giận, rằng sợ ta thân kia, nói yêu nói ghét đã một niệm sân thì trăm ngàn chướng khởi. Chẳng những mất đạo, mà còn rơi vào ba đường, nên ở đây dạy dứt bỏ. Luận ngữ nói: Chỉ có nữ giới (con gái) và Tiểu nhân là khó nuôi dưỡng, gần thì không khiêm nhường, xa lại oán trách, oán thì tức giận, không nhường thì kiêu mạn.

Hiện cảnh nghịch thuận, xa lìa gọi là nghịch, gần gũi gọi là thuận. Lại trái với tình gọi là nghịch, theo tình gọi là thuận, nên kinh Thắng-man chép: Người đáng nhiếp thọ thì nên nhiếp thọ.

Người đáng chiết phục thì nên chiết phục, Phật pháp tồn tại lâu dài giống như hư không, tâm không thay đổi.

Biết rõ thân tâm rốt ráo bình đẳng cùng các chúng sinh đồng thể không khác. Kết thúc chỉ bày bi trí đồng thể, sở dĩ như vậy. Vì nếu không hiểu thiện hữu và các chúng sinh và mình đồng thể thì tuy biết Bồ-đề có thể tiến, mà không thể khuất phục để thờ thầy, tuy biết Tát-đỏa đáng thương, mà không thể quên thân mở đạo, nên ở đây chỉ bày.

Tu hành như vậy mới nhập vào viên giác, kết nhân thành quả, bốn gọi là hạnh trừ bệnh. Chính là trả lời câu hỏi thứ tư trừ bỏ bệnh gì, văn có hai: trước là nói chữa trị.

43. Lý do không được nhập vào Viên giác:

Này người thiện nam! Chúng sinh đời mạt pháp không được thành đạo, do có (tự tha) mình, người, yêu, ghét, tất cả các hạt giống từ vô thỉ, chưa giải thoát, mình, người, yêu, ghét trước đã nhiều lần nói rõ nay lại nói nữa, do các hạt giống này là bệnh vi tế vào đạo, do các hạt giống này khó khế hợp tròn sáng, tùy theo pháp môn sở văn (đã nghe) liền sinh tâm tác ý, bỏ đây nhận kia, ghét vọng yêu chân, khó quên năng sở, nên sau có thể chữa trị, nói liền trừ các bệnh, hiện hạnh thô nên dễ biết, hạt giống nhỏ nhiệm nên khó rõ, vì thế chỉ riêng. Sau nói có thể trị, văn có hai:

44. Quán bình đẳng:

1) Đẳng tâm quán nhân (quán người và tâm bình đẳng) nếu lại có người quán kẻ thù kia, như cha mẹ mình tâm không có hai, liền dứt trừ các bệnh. Trong bảy phẩm hành từ, đây là kẻ thù bậc thượng, đồng với thân ở trước. Quán đã đồng nên cùng vui trên.

2) Quán pháp và tâm bình đẳng.

Đối với các pháp mình, người, yêu, ghét cũng giống như thế, trước đã nói kẻ thù và cha mẹ không hai. Đây dụ cho quán pháp nên nói Niết-bàn, sinh tử không khác, không khác thì không tự, tha, yêu, ghét. Nên biết các bệnh chỉ do yêu chân ghét vọng, thấy mình, thấy người, không thể thờ thầy lâu dài, chỉ tự sinh tình khởi hạnh, nay đã dứt bỏ hạt giống này thì các bệnh tự trừ. Vì thế trong quán người tức trừ các bệnh, ở đây nói cũng giống như thế. Lại, trong các pháp này nói tự, tha, yêu, ghét rất khác ở đoạn trước, đoạn trước không nói pháp.

- Nói về phát tâm rộng lớn, là trả lời câu hỏi thứ năm, văn có ba:

1. Nêu chung phát tâm.

2. Nói riêng về tướng của tâm.

3. Kết thúc chung về lìa tà.

45. Muốn cầu Viên giác thì nên phát tâm:

1) Này người thiện nam! Chúng sinh đời mạt pháp muốn cầu viên giác, nên phải phát tâm nói như vầy: Nhân địa của chư Phật đều phát tâm này, nương đây nguyện tu mới thành chánh giác. Nếu không có tâm nguyện hướng dẫn, thì sự tu hành cũng không thành.

2) Nói riêng về tướng của tâm: Ở đây đồng với trong kinh Kim cương đủ bốn tâm, bốn tâm ấy: bài tụng của Ngài Di-lặc nói trong kinh ấy: rộng lớn bậc nhất, tâm kia thường không điên đảo, ở đây văn có hai, hai văn hợp.

a) Rộng lớn bậc nhất.

Tất cả chúng sinh Khắp cả hư không, tâm là rộng lớn. Kia nói bốn sinh chín loài.

Ta đều khiến nhập viên giác rốt ráo, tâm bậc nhất. Kinh ấy nói nhập Vô dư Niết-bàn, đều tùy theo tông. Nhưng Bồ-tát phát tâm đều không chia cắt. Bình đẳng với thế giới chúng sinh, không phân biệt oán thân, khắp khiến tu hành đồng trở về viên giác, hư không chúng sinh không có bờ mé. Bi nguyện Bồ-tát cũng giống như thế. Do phát nguyện này tự huân thành hạt giống, nương nguyện lực này nhậm vận hóa độ, không cần khởi tâm. Chư Phật ba đời đều đồng với ở đây, nếu không như thế, thì không khác Nhị thừa.

b) Thường không điên đảo.

Đối với viên giác không chấp giác, tâm là thường. Khi ngã nhập giác, ngã tức viên giác, chúng sinh cũng giống như thế, làm sao có thủ? Cho nên ngài Thiên Thân nói: Tự thân diệt độ không khác chúng sinh, nên gọi là thường tâm. Nếu có chúng sinh nhờ ngã nhập giác, thì chẳng phải thường.

Trừ tất cả các tướng ngã nhân kia, tâm không điên đảo, cho nên ngài Thiên Thân nói: xa lìa chỗ nương, đích thân thấy tướng chúng sinh... nên ngài Vô Trước nói: đã dứt ngã kiến, được tự hành ý tưởng bình đẳng, nên tin hiểu tự, tha bình đẳng. Trên đây đều là ý kinh thật không có chúng sinh nào được diệt độ. Nếu có các tướng ngã nhân... thì không phải Bồ-tát.

c) Kết luận chung về lìa tà.

Phát tâm như thế không rơi tà kiến: Rất dễ hiểu, trong văn kệ có năm: Hoàn toàn giống với Văn xuôi.

46. Phật nói bài kệ:

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn nói lại nghĩa này nên ngài nói kệ rằng: Lại nêu lên.

Phổ giác ông nên biết
Chúng sinh đời mạt pháp
Muốn cầu Thiện tri thức
Nên phải cầu chánh kiến.
Tâm xa lìa Nhị thừa.

Trong pháp trừ bốn bệnh, là tác, chỉ, nhậm, diệt.

Gần người không kiêu mạn, xa lìa không tức giận, thấy các thứ cảnh giới.Tâm nên sinh ít có, giống như Phật ra đời, là ba.

Văn xuôi thông suốt đã đồng phàm phu, đây là kính thầy như Phật.

Không phạm chẳng luật nghi, giới căn mãi thanh tịnh, là bốn chỉ tụng năng tri trước, vì sở trị yêu ghét là nhân phạm giới, nói rằng chưa giải thoát cũng trái với giới đức, ở đây nói không phạm và mãi thanh tịnh.

Độ tất cả chúng sinh, vào viên giác rốt ráo.

Không tướng ngã nhân kia, phải nương chánh trí tuệ liền thoát khỏi tà kiến, chứng giác nhập Niết-bàn, là năm, câu này văn xuôi không, ở đây có, nghĩa của bát Niết-bàn, để đối với Phật xuất hiện ở văn dưới, văn sẽ giải thích.

47. Hỏi đáp về gia hạnh:

Sau một câu hỏi đáp, đạo tràng gia hạnh, hạ căn tu chứng, chỗ đắc đạo gọi là đạo tràng, nghĩa là ở chỗ này ý chí thệ nguyện hạn kỳ, gia công dụng hạnh để cầu chứng nhập, nên gọi là gia hạnh. Hạ căn tu chứng: Nghĩa là tuy tin hiểu pháp trước, mà chướng nặng, tâm thô phù, phải vào đạo tràng tự theo khuôn phép, duyên mạnh cảnh tốt thì công dụng có lúc đạt được, ở đây hỏi vào đạo tràng chỉ là tu ba quán trước, đâu được làm khoa lớn riêng?

Trả lời: Pháp môn quán hạnh tuy giống nhau, nhưng phương tiện tu khác nhau, tùy căn cơ lập bày, cho nên văn đây hết trước nói không. Hoặc ở trong Già-lam (chùa) sắp đặt đồ chúng ở yên, tùy phần suy nghĩ quán sát, như ta đã nói, kết thúc rồi sau nói nghi thức đạo tràng, cho nên biết là một đoạn riêng. Bấy giờ, Bồ-tát Viên giác: Nghĩa như trước đã giải thích, văn có bốn: Phần đầu của ba phần đầu.

48. Bồ-tát Viên giác lễ Phật, thưa hỏi:

Ở trong đại chúng liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi, đảnh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu theo chiều bên phải ba vòng, quỳ thẳng chấp tay bạch Phật rằng: là phần chính nói trong đó có hai:

1. Trước chúc mừng.

49. Xin Phật nói rộng phương tiện tịnh giác:

Xin Đức Đại Bi Thế Tôn vì chúng con nói rộng các thứ phương tiện của tịnh giác, khiến chúng sinh được lợi ích lớn, giải thích rất dễ hiểu.

Thỉnh mời sau.

Bạch Đức Thế Tôn! Nay chúng con đã được khai ngộ, theo văn chúc mừng trước.

Nếu sau khi Phật diệt độ chúng sinh đời mạt pháp những người chưa được ngộ: Nêu việc phải làm. Dưới đây chính thức thỉnh rằng: Vì sao an cư tu cảnh giới thanh tịnh viên giác này: Hỏi về đạo tràng.

Ba thứ tịnh quán trong viên giác này lấy gì làm đầu? Hỏi về gia hạnh. Cúi mong đại Bi vì các đại chúng và các chúng sinh đời mạt pháp làm lợi ích lớn, kết lời thỉnh mời, dưới đây xướng ba lần mô phỏng theo trước.

50. Phật trả lời Bồ-tát Viên giác:

Nói lời ấy rồi, năm vóc gieo sát đất, thỉnh ba lần như thế, đến cuối thì trở lại đầu. Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Viên Giác rằng: Lành thay, lành thay! Này người thiện nam! Ông mới có khả năng hỏi Như lai phương tiện như thế, làm lợi ích lớn cho các chúng sinh. Nay ông lắng nghe, ta sẽ nói cho. Lúc bấy giờ, Bồ-tát Viên giác vui mừng vâng lời chỉ dạy, và các đại chúng im lặng lắng nghe. Chính thức nói, trong văn xuôi có hai:

1. Trả lời đạo tràng.
2. Trả lời gia hạnh.

Trong phần đầu có hai:

a) Kết thúc trước.

Này người thiện nam! Tất cả chúng sinh, hoặc Phật trụ thế, hoặc Phật diệt độ: Chánh pháp, tượng pháp.

Nếu khi mạt pháp có các chúng sinh có tánh Đại thừa, đời trước có nghe huân tập hạt giống. Không đồng với duy thức phân biệt với các tánh khác, tin Phật bí mật đại viên tâm giác văn tuệ mới mở.

51. Phải phát tâm Bồ đề:

Người muốn tu hành phát tâm Bồ-đề: Trên đều nói về đương cơ. Hoặc tại già-lam, xếp đặt đồ chúng ở yên, có duyên sự nên tùy phân suy xét như ta đã nói, nghĩa là Bồ-tát Viên cơ, không đắm nhàn rỗi, lập bày các việc lợi ích, rộng độ chúng sanh, pháp môn tu học, tùy theo trong phần nhàn rỗi kia, thì liền suy nghĩ quán sát ba quán, nên nói là tùy phần, chẳng gọi kiến giải chưa đủ, gọi là tùy phần.

b) Chính thức nói, văn có ba:

1. Kỳ hạn đạo tràng.
2. Thời gian tu hành.
3. Khuyên răn về tà chánh.

- Nếu lại không có nhân duyên việc khác, Bồ-tát gặp lợi ích liền làm, gặp duyên liền đến, như những việc làm quan trọng trong kinh Pháp Hoa, liền lập đạo tràng, nên lập kỳ hạn nếu lập kỳ hạn dài một trăm hai mươi ngày, kỳ hạn vừa một trăm ngày, kỳ hạn ngắn là tám mươi ngày, nếu không thắng lợi, thì phải lập đạo tràng khắc phục ý chí gia công để đợi chờ Thánh quả, ba kỳ đều là tự lợi, vì để phân biệt với lợi tha cho nên gọi là không có việc khác. Cũng có thể vua, giặc, mạng nạn gọi là là việc khác. Hạn định là ba kỳ, nếu quá thì sinh tâm mệt mỏi, thiếu thì công hạnh chưa đủ nên lượng khắc ba kỳ cũng không có nghĩa khác, nhưng y theo phối với ba căn, kia có hai ý.

1. Nói về chướng hết khó dễ, phối với hạ căn thời kỳ dài, trung căn thời kỳ vừa, thượng căn thời kỳ ngắn.

2. Nói về phối hợp tinh tấn biếng nhác: tức là trái với ở đây, căn có lợi căn, độn căn, kỳ có xa gần, tùy bệnh cho thuốc chính là nghĩa ở đây?

52. Sắp đặt chỗ ở riêng:

Bố trí chỗ ở yên muốn cho trong ngoài thanh tịnh, thân tâm trong sạch, sự lý xứng hợp.

- Trong giới hạn tu hành, văn có hai:

1. Nói về hành tướng đạo tràng.
2. Nói về gặp hạ an cư.

- Trước văn có hai:

a. Nói về tùy tướng dụng tâm.

Hoặc Phật hiện tại, đối với chúng Bồ-tát trong hội đương thời.

Nên chính suy nghĩ: Nói về không cần thiết tượng... nên biết duy tâm, không có cảnh giới bên ngoài.

Hoặc Phật diệt độ, đối chúng sinh thời mạt pháp lập bày hình tượng, tâm giữ mắt tưởng, sinh nhớ nghĩ chân chính, lại đồng với khi Như lai thường trụ, nói về ý nghĩa lập tượng, nghĩa là Đại sư qua đời, không thấy chân nghi, lập tượng để quán dẫn tâm vào pháp, tướng tức vô tướng liền thấy Như lai, cũng có thể tưởng chân thân Phật thường còn không diệt. Nếu nói xứng lý là quán hạnh không dứt quãng chính là Phật hiện tại, khi dứt quãng là Phật diệt độ, sau khi dứt quãng lại thực hành quán là thực hành suy nghĩ. Là thiết tượng tồn tưởng, nay lại

nương việc làm để giải thích.

b. Dưới đây là nói về nghi thức sám hối.

53. Cách lập đàn tràng:

Treo các phướn đẹp, sửa soạn đàn tràng, đầy đủ như kinh Phương đẳng nói. Trải qua hai mươi mốt ngày, cách thời gian lâu mau, kinh Phương đẳng ít nhất là bảy ngày, lâu thì không ngại. Kế lại sau đây nói về pháp sự, y theo kinh Ly Cấu Tuệ Bồ-tát Sở Vấn Lễ Phật Pháp thì gồm có tám điều quan trọng:

54. Kinh nói có tám điều quan trọng:

1. Cúng dường.
2. Tán Phật.
3. Lễ Phật.
4. Sám hối.
5. Khuyến thỉnh.
6. Tùy hỷ.
7. Hồi tướng.
8. Phát nguyện.

55. Nói về sám hối và lễ Phật:

Ở đây lược bớt chỉ còn hai:

Là sám hối và lễ Phật. Nhưng văn tuy lược pháp phải đủ hạnh. Trong luận cũng nói: nên phải siêng năng lễ Phật, sám hối, khuyến thỉnh, tùy hỷ, hồi hướng, thường không dừng nghỉ, được khỏi các chướng, thêm lớn gốc lành. Kinh Hoa nghiêm cũng dạy lễ kính, xưng tán, cúng dường, sám hối...

Đảnh lễ danh hiệu chư Phật mười phương là lễ Phật, dùng danh hiệu xướng lễ quán sát đảnh lễ. Theo lễ Phật quán môn của Tam tạng Lặc-na, thì có bảy thứ hơn kém.

1. Ngã mạn lễ.

2. Xướng họa lễ (hai cách này chẳng đúng).

3. Cung kính lễ: Kính từ trong tâm phát ra ở thân, miệng, năm luân gieo sát đất.

4. Vô tướng lễ: Vào sâu pháp tánh, lìa tướng năng sở.

5. Khởi dụng lễ: Quán thân và Phật đều từ duyên khởi, như huyễn như bóng, vận khắp thân tâm lễ khắp tất cả.

6. Nội quán lễ: Chỉ lễ pháp thân chân Phật, không duyên Phật khác.

7. Thật tướng lễ: Hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc phàm, hoặc Phật đồng một tướng, thấy có Phật để lễ cũng là tà kiến, quán thân thật

tướng quán Phật cũng giống như vậy, gọi là bình đẳng lễ, cho nên ngài Văn-thù nói: Không sinh không diệt, kính lễ vô sở quán... nhưng bốn phép lễ sau đều thuộc quán hạnh, nghĩa là không quán lễ chân đế Phật thứ tư, là tánh của nhập pháp. Năm là giả quán lễ tục đế Phật, từ lễ khởi dụng. Sáu là trung quán lễ Đệ nhất nghĩa đế Phật: Chẳng chấp không, sắc, thấy thẳng bổn giác chân tánh. Bảy là Tam quán Nhất tâm lễ tam đế Nhất cảnh Phật. Không lấy chân bỏ giả, dứt bặt, không nương lựa. Nay kinh đã là trong môn tùy tướng, lại phải là lễ thứ ba, thứ năm. Các pháp lễ còn lại là lìa tướng nhiếp niệm trung.

56. Lại nói về sám hối:

Cầu xin sám hối, nói đủ là Sám-ma, Hán dịch là Hối quá, nếu nói riêng thì sám nghĩa là trình bày phát lộ tội trước, hối: chừa bỏ lỗi lầm về sau, chỗ sám pháp kia không ra ngoài ba chướng hoặc nghiệp báo... nay muốn sám phải biết nguyên nhân lần lượt phát sinh, do bất giác vô thỉ, khởi tham, sân, si, phát sinh thân, miệng, ý, gây ra tất cả nghiệp, chịu các khổ não, sám có hai ý: Hoặc nói trách tâm, ba chướng đều sám, hoặc y theo sở tác, chỉ sám nghiệp ác. Nghiệp ác lại có tánh tội, già tội. Già tội nương giáo thực hành pháp sám. Tánh tội thì phải khởi hạnh. Khởi hạnh có hai:

1. Sự hạnh: như kinh Phương Đẳng Phật Danh...

2. Lý hạnh: như kinh Tịnh Danh quán tội không ở trong, ngoài... ngoài ra ý như trên.

57. Các tướng lành của việc sám hối:

Gặp cảnh giới tốt là cảm ứng, hoặc thấy tượng Phật, hoặc thấy ánh sáng, không khởi tâm cho là mình chứng Thánh gọi cảnh giới tốt, nếu khởi tâm cho mình chứng Thánh liền rơi vào các tà, nên văn sau nói: chẳng có sở văn ấy, tất cả cảnh giới cuối cùng không nên che lấp, nếu theo ý của Thiên Thai thì liền tương ưng với tín... gọi là cảnh giới tốt.

Tâm được nhẹ nhàng: Được lợi ích. Thân tâm đều hòa thoải mái nhẹ nhàng, lợi ích an hòa. Tinh thần sảng khoái thanh thản (chi thể) nhẹ nhàng tươi mát.

58. Nói về lìa tướng dụng tâm:

Kế là nói về lìa tướng dụng tâm. Được hai mươi mốt ngày (theo ở trước) một bề nhiếp niệm, cũng gọi là hội duyên nhập thật, nghĩa là ban đầu dùng tâm trần thô trọng, để nương tướng tốt làm duyên. Tướng đã vắng lặng nên nhập thật. Về nhiếp niệm:

Luận chép: Nếu tu chỉ thì trú ở chỗ yên, ngồi thẳng chánh ý, cho

đến nếu tâm rong ruổi, liền nên nhiếp về, trụ vào chánh niệm. Chánh niệm: nên biết duy tâm, không có cảnh giới bên ngoài, nhưng luận và kinh đều trước phải lễ sám... để trừ bỏ trược của hoặc nghiệp, kế là dùng chánh niệm thu nhiếp sự tán động rong ruổi vừa không lại vừa lặng, mới có thể hiện tượng Phật. Ba là nói về gặp hạ an cư, văn có ba:

59. Nói về gặp hạ an cư:

1. Nêu khác với Thanh văn: hoặc trải qua ba tháng hạ an cư, nên vì Bồ-tát thanh tịnh chỉ trụ. Song lập đạo tràng, hoặc lập ở chùa, hoặc ở chỗ khác, kỳ hạn chưa đủ đầu hạ đã đến, nhập chúng an cư thì trái thệ ước. Dấy niệm kết hạ thì lộn xộn quán tâm, người trong đạo tràng do đây nghi hoặc, xa nghĩ Như lai cho nên nói rõ, vì thế tục mà trái luật thì sai, vì việc lớn mà bỏ việc nhỏ thì không lỗi, cho nên kinh quyết định Tỳ-ni chép: Giữ giới Thanh văn là phá giới Bồ-tát, giữ giới Bồ-tát là phá giới Thanh văn. Tâm lìa Thanh văn: Đại tiểu khác nhau. Kế là ở dưới nói: Không nhờ đồ chúng không cần sáu hòa, đến ngày an cư liền ở trước Phật nói như vầy: Nói như dưới đây.

2. Chính thức trình bày câu.

Con là Tỳ-kheo: là tiếng Phạm, gồm có ba nghĩa nên giữ tiếng phạm không dịch. 1. Bố ma. 2. Khất sĩ. 3. Tịnh giới.

Tỳ-kheo-ni: ni là nữ, Tỳ-kheo nữ.

Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di: Hán dịch cận sư nam, cận sư nữ, nghĩa là gần gũi Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni mà giúp đỡ. Tức là người nam và người nữ đã quy y Phật, Pháp, Tăng và thọ trì năm giới cấm. Tiểu thừa hạn cuộc trong hai chúng, Đại thừa đạo tục đều thấm nhuần.

Tên là mỗi vĩ đều tự xưng tên mình.

Y cứ Bồ-tát thừa: Phân biệt với xe trâu, xe dê. Tu hạnh vắng lặng: Phân biệt với hạnh tứ đế.

60. Thân tâm an cư:

Đồng nhập vào thật tướng thanh tịnh trú trì: Để phân biệt với sự tướng trụ trì. Dùng đại viên giác làm già-lam của con: Hán dịch là chúng viên. Viên (vườn) là chỗ chúng ở, viên giác là sở y (chỗ nương) của muôn đức, do biển tám thức lóng trong chảy vào vắng lặng, thể trùm khắp pháp giới nên được gọi là đại, trong tứ trí thì thuộc về đại viên cảnh trí. Thân tâm an cư, thân là năm thức, nương sắc thức phát ra, tâm tức là ý thức, vì năm thức nhận trần, ý thức phân biệt huân.

Sóng từ đó sinh nên không gọi an. Nay ý không phân biệt, năm không vọng duyên, biết sóng vắng lặng, cùng thể nhất như, nên gọi an, thân an tức là thành sở tác trí, tâm an nên thành diệu quán sát trí.

Bình đẳng tánh trí: Ở đây do bốn hoặc tương ưng, vọng chấp lại-da làm ngã trong chính mình, đối với lý bình đẳng, khởi nên cái thấy không bình đẳng, nay sở duyên tánh đã vắng lặng, năng duyên bảy thức tự như, như tánh đều đồng, nên là bình đẳng.

Tự tánh Niết-bàn không bị hệ thuộc: Vì để phân biệt với Nhị thừa chấp đắm nơi chốn, nay thuận theo pháp tánh nên không sở thuộc.

61. Không an cư với Thanh văn, an cư với Phật và Đại Bồ-tát:

Nay con cung kính thưa thỉnh, không nương Thanh văn, nên cùng Như lai mười phương và Đại Bồ-tát an cư ba tháng, vì tu diệu giác vô thượng của Bồ-tát duyên lớn. Không hệ thuộc đồ chúng: Tiểu thừa, Đại thừa an cư, lược có tám dị:

1. Sở y dị: Biệt giới viên giác.

2. Giả thật dị: Định thật thị hiện.

3. Trú trì dị: Sự tướng thật tướng.

4. Kết an dị: Đối thú tác pháp riêng xưng danh hiệu mình.

5. Thành an dị: Thân không ra khỏi giới, tâm không khởi niệm.

6. Thất an dị: Thân ra khỏi giới, niệm khởi trái gốc.

7. Hoàn giới dị: Thân không vượt thời và giới, niệm không xen hở nên giác ngộ.

8. Sở kỳ dị: Quả A-la-hán, Vô thượng Bồ-đề, vì có tám điều dị này, nên nói không nương và làm chỗ tu. Nhân duyên lớn: Ý không chấp tiểu tiết.

Kết thúc chỉ bày kỳ hạn nghỉ.

Này người thiện nam! Đó gọi là Bồ-tát thị hiện an cư.

61. Nói thêm về an cư:

Quá ba kỳ, mỗi ngày trôi qua không ngại: Đạo tràng ba kỳ đã mãn, Tiểu thừa hạn định, mùa Hạ chưa xong, vì gốc không phải Tiểu thừa an cư cho nên không ngại, tùy đi không ngại.

- Răn dè chấp lấy tà chứng.

Này người thiện nam! Nếu chúng sinh tu hành đời mạt pháp kia, cầu đạo Bồ-đề, nhập vào ba kỳ: Chỉ cho hành nhân ở trước. Chẳng phải sở văn kia tất cả cảnh giới không hề đáng chấp lấy: Nêu chung cảnh sở chứng trong gia hạnh, răn nhắc sai lầm kia, nói tín giải hạnh chứng tuy giai cấp khác nhau mà pháp sở tín cho đến sở chứng xưa nay không khác, nghĩa là hiểu thì hiểu sở tín kia, tu thì tu sở giải kia, chứng thì chứng sở tu kia, nay nói chứng được cảnh giới, hoặc chẳng phải các pháp sở tín... thì không nên chấp. Hai là trả lời gia hạnh, văn có ba:

62. Nói về gia hạnh:

1. Tu riêng ba quán.
2. Tu cả ba quán.
3. Tu xen lẫn ba quán.

Ban đầu, văn có hai:

- Giải thích riêng
- Kết thúc chung.

Trong phần đầu có ba:

a. Tĩnh quán.
b. Huyễn quán.
c. Tịch quán.

Trong phần đầu lại có ba:

Một là Tu quán thành.

63. Tu-Xa-ma-tha như thế nào?

Này người thiện nam! nếu chúng sinh tu Xa-ma-tha, trước chấp lấy chí tĩnh, không khởi suy nghĩ: nghĩa như trên giải thích. Tĩnh cùng cức liền giác, thoát khỏi tướng động tĩnh, viên giác hiển hiện, như trước từ không nhập trung.

Sơ tĩnh như thế, từ một thân cho đến một thế giới, giải thích tướng tĩnh, ở trên tự tha trùm khắp, tĩnh trùm khắp tuy không trước sau, nhưng y theo hành nhân thú nhập, nên từ hẹp đến rộng.

Giác cũng giống như thế, ví dụ cho tĩnh: lẽ ra nói sơ giác như thế từ nơi một thân đến một thế giới. Tĩnh tức là thể, là định. Giác tức là tuệ, là dụng. Sơ quán thành không thấy tướng của tự thân. Gọi một thân tĩnh, do khi thân tĩnh thì đương thể là giác, gọi là nhất thân giác. Thế giới cũng vậy.

Hai là khởi công dụng.

Này người thiện nam! Nếu giác trùm khắp một thế giới, trong một thế giới có một chúng sinh, dấy một niệm thảy đều biết được, biết niệm chúng sinh, thế giới đã hoàn toàn thành giác, chúng sinh hoàn toàn ở trong giác, nên niệm sở khởi đều thông suốt, như bóng soi vào gương, gương chiếu không sót.

Trăm ngàn thế giới cũng giống như thế, giống như đây có thể hiểu, nói thời dùng một so sánh với cho nhiều, giác phát thì đồng thời đã trùm khắp.

Ba là răn dè tà chứng.

Chẳng phải tất cả cảnh giới sở văn kia đều không nên chấp lấy, văn nghĩa đều giống như trên.

Kế là huyễn quán, văn có hai:

1. Nói về chánh quán:

64. Tu-tam-ma-bắt đề như thế nào?

Này người thiện nam! nếu các chúng sinh tu Tam-ma-bát-đề, thì trước phải nhớ nghĩ Như lai mười phương, tất cả Bồ-tát mười phương thế giới, nương vào các môn, thứ lớp lần lần siêng năng tu hành Tam-muội. Trước đến tĩnh quán không nhờ duyên bên ngoài, trong huyễn môn đại khởi phải nương Thánh cảnh, trong đoạn oai đức ở trước nói viên, cho nên y theo đại bi hóa sinh. Nay trong đại tràng lại tự khắc tu, cho nên y theo đại trí cầu Phật, cũng có thể chư Phật, Bồ-tát sẽ dùng đại bi làm gốc. Nhưng nương vào Phật, Bồ-tát các thứ pháp môn tự nhiên có đủ đại bi. Trong đạo tràng lại học tâm từ bi, hạn đủ đối duyên liền đem ứng dụng giáo hóa. Thứ lớp: chí tĩnh ở trước quay về thể công thì đốn hiện. Nay theo tướng khác nhau cho nên thứ lớp. Cho nên trước có khởi công dụng, nay thì không có văn, chính là ý này.

Rộng phát đại nguyện, tự huân thành hạt giống: nguyện nghĩa là mong cầu ưa muốn, chúng sinh từ vô thỉ đến nay niệm niệm mong muốn cảnh cảnh năm trần, nay đã liễu ngộ, nên phát tâm niệm niệm mong muốn cảnh sáu độ bi trí... huân tâm thành quen, nên nói hạt giống.

2. Răn nhắc tà chứng.

Chẳng phải tất cả cảnh giới sở văn kia đều không nên chấp lấy: Đồng như trên.

Kế là Tịch quán, văn có ba:

- Tu quán thành.

65. Tu Thiền-na như thế nào?

Này người thiện nam! Nếu các chúng sinh tu Thiền-na, trước chọn số môn, đây có hai ý:

- Trước dùng sổ tức quán môn, trị các giác quán từ từ nhập diệu cảnh, nhưng tu hơi thở ra vào: Có sáu diệu môn:

1. Sổ.
2. Tùy.
3. Chỉ.
4. Quán.
5. Hoàn.
6. Tịnh.

Hoặc y theo thứ lớp, hoặc tùy tiện, như sớ có giải thích rộng.

- Dưới đây tâm niệm sinh diệt sở tri, bèn là sổ môn.

Trong tâm biết rõ giới hạn đầu số của sinh trụ diệt niệm, do tâm trước dứt tướng nương hơi thở điều tâm tịnh, nên biết rõ trong tâm sinh

trú, dị, diệt, thô, tế, vọng, niệm, bổn, mạt, giới hạn, đầu mối, số lượng, nghĩa là sinh diệt mỗi thứ đều có một.

Trú: bốn, dị: hai kinh không có chữ "dị", hoặc thoát nghĩa hoặc sơ lược, nghĩa phải có đủ, y theo luận nói Thập tín, phàm phu biết được tướng diệt, tam hiền biết được tướng dị. Bậc Thập địa biết được tướng trụ, vị mãn biết được tướng sinh. Biết được tướng sinh: Động niệm đều hết, chỉ còn nhất tâm, nên luận nói tâm không sơ tướng, mà nói biết sơ tướng, tức là vô niệm, nếu được vô niệm thì biết tướng tâm. Sinh trú dị diệt cho đến đều không tự lập, xưa nay bình đẳng, đồng một giác. Giải thích rằng đã nói động niệm đều hết, xưa nay bình đẳng, đồng một giác. Chính ngay môn này quán trong sự dứt đối đãi.

Hỏi: Văn không nói vô niệm, làm sao mà đồng với đây.

Trả lời: Thể dụng của ba quán văn ở chương trước. Văn này chỉ nói phương tiện của tu. Kia có niệm dứt đối đãi, lại có văn vắng lặng, do đó khoa nói linh tâm dứt đối đãi, dứt đối đãi vô niệm nhất giác linh tâm đâu chẳng đồng với tà? Cho nên biết tuệ của dứt niệm, mới có công năng biết rõ sinh trụ diệt niệm. Cho nên ở đây nói về quán.

66. Giải thích thêm về pháp tu:

Trùm khắp như thế, trong bốn oai nghi phân biệt niệm số, đều biết rõ. Ban đầu thì ngồi yên soi thấy, sau thì đi đứng đều biết, biết tức không lo lắng. Thí như yêu mị muốn dựa người, nếu gọi đúng tên chúng thì chúng biến mất. Kinh Niết-bàn chép: Như người biết là cướp thì cướp không thể làm gì được. Thứ hai là khởi công dụng.

Thứ lớp tăng tấn cho đến biết được, một giọt nước mưa trong trăm ngàn thế giới, giống như mắt thấy vật thọ dụng: Tịnh tâm là tự thể viên giác, thế giới vốn ở trong đó, quán hạnh thành tựu, hoàn toàn hợp với linh nguyện, như giọt mưa chẳng phải chỉ giọt mưa, muôn vật đều như vậy. Nêu một dụ nhiều, lại nêu giọt mưa, phàm phu mê chân tâm này, tùy niệm sở tri, nên không có dụng kia.

Kế là Răn nhắc tà chứng:

Chẳng phải tất cả cảnh giới sở văn kia đều không thể chấp lấy, nghĩa văn y theo ở trước.

Kế là tổng kết:

Đó gọi là phương tiện đầu tiên của ba pháp quán, trước hỏi rằng: Ba tịnh quán lấy gì làm đầu? Nên đáp rồi, kết thúc rằng: Đó gọi là đẳng, liền biết đoạn trước ba quán các luân tuy giải thích tướng đầy đủ, phương tiện thú nhập ở đây sẽ nói.

Hai tu cả ba quán:

67. Nếu tu cả ba thứ thì gọi là Như lai xuất hiện ở đời:

Nếu các chúng sinh tu cả ba thứ, siêng năng tinh tấn, thì gọi Như lai xuất hiện ở đời. Như lai vốn thị hiện sinh, chỉ vì lý do khuyên chúng sinh tu tập. Nay ba quán đã tu thì muôn hạnh đã đủ. Cho nên người này được gọi là Phật ra đời. Lại chính người này bổn giác lìa niệm, gọi là Phật ra đời, nhưng trước lìa bốn bệnh, nói rằng chứng giác bát Niết-bàn. Nay tu ba quán gọi Như lai ra đời. Nay đem Niết-bàn xuất thế tương đối mà giải thích, có hai môn.

1. Y theo thật nghĩa.

2. Y theo đối cơ. Thật nghĩa có ba:

a) Chân đế duyên khởi tức không, thì chẳng phải ra đời, chẳng phải Bát-niết-bàn. Nên Đại kinh nói: Như lai không ra đời, cũng không có Niết-bàn.

b) Tục đế chân như duyên khởi: Cho nên niệm niệm, xứ xứ đều xuất hiện, niệm niệm xứ xứ đều Niết-bàn. Đại kinh lại nói: Bồ-tát nên biết, niệm niệm tự tâm thường có Phật thành chánh giác, như tự tâm tất cả tâm chúng sinh cũng giống như thế, tức là niệm niệm. Lại nói: Nên biết không có một chút hư không nào không có thân Phật, tức là xứ xứ. Niết-bàn tức là như trên khắp tất cả nơi thân Phật xuất hiện, đã là tướng của duyên khởi hữu vi, niệm niệm liền sinh liền diệt, bốn tướng đồng thời, nay vì sinh sinh liền diệt, vì niệm niệm xứ xứ đều nhập Niết-bàn.

c) Y theo Đệ nhất nghĩa đế: Chính là thường trụ thế, thường Niết-bàn. Nghĩa là vắng lặng mà thường chiếu là trụ thế, chiếu mà thường vắng lặng là Niết-bàn.

Đối căn cơ: cơ duyên cảm thì xuất hiện dưới cây Bồ-đề, cơ duyên hết thì Niết-bàn giữa song lâm. Nên Đại kinh chép: Này tác Phật tử! Chư Phật, Như lai vì khiến chúng sinh sinh tâm ưa thích nên xuất hiện ra đời, muốn khiến cho chúng sinh sinh tâm luyến mến nên thị hiện Niết-bàn, thí như mặt trời mọc chiếu khắp trong các chậu nước sạch ở thế gian, đúng ý kinh này phối hợp giải thích nên biết. Song ba quán này tuy mỗi quán có tướng chứng, nhưng lý thật khắp tu mới khế hợp viên giác Như văn trước nói:

68. Tu xen lẫn ba quán:

Ba Tu xen lẫn ba quán, văn có ba:

1. Nói về tu quán không thành.

Nếu chúng sinh độn căn ở đời mạt pháp sau này, tâm muốn cầu đạo không được thành tựu, bậc hạ trong bậc hạ năng lực không tùy tâm.

2. Dạy sám hối dứt trừ hoặc nghiệp.

Do nghiệp chướng xưa phải siêng sám hối, thường khởi hy vọng, trước dứt yêu ghét, ganh ghét, dua nịnh, cầu tâm thù thắng cao thượng, lại phát thệ nguyện quyết tâm muốn chứng. Gia công khích lệ, chí cầu sám hối nghiệp chướng, dứt các sai lầm. Trong luận cũng chép: Nếu người tu hành tín tâm, do tội nghiệp từ đời trước quá nhiều làm chướng ngại, nên phải mạnh mẽ lễ bái, sám hối...

3. Dạy tùy tiện tu xen lẫn.

Ba thứ tịnh quán, tùy học một quán, quán này không được, lại tập quán kia, tâm không buông bỏ, thứ lớp cầu chứng. Có người bị sắc tướng làm trở ngại, quán không tĩnh khó thành, trước quán sắc huyễn, huyễn tức hoàn toàn không, tĩnh quán mới thành. Lại có người chấp định là thật sắc, ngại ở tâm thức, khó tu huyễn quán, trước biết thể kia vốn không mà không ngại thấy tướng, mới thành giả huyễn. Lại có người trong tu khó thành dứt đối đãi, trước biết giả hoàn toàn không mà vô giả, không hoàn toàn giả mà chẳng phải không. Không giả đều không, bặt dứt ở đối đãi, mới thành vắng lặng. Lại, có người thấy thẳng nguồn tâm, mới biết các pháp tức tánh nên không, không hoại tướng nên giả, hoặc chỉ từ tánh hiện nên giả, không có sở hiện khác nên không, trước sau nương nhau như các luân nói. Trong kệ khen ngợi có hai, hoàn toàn giống như văn xuôi.

69. Đức Phật nói kệ:

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn nói lại nghĩa này nên ngài nói kệ rằng:

Viên giác ông nên biết
Tất cả các chúng sinh
Muốn cầu đạo Vô thượng
Trước phải kết ba kỳ.

- Kỳ là hạn.

Sám hối nghiệp vô thỉ, trải qua hăm mốt ngày, sau đó chánh suy nghĩ.

Tu hành trong thời hạn.

Chẳng phải cảnh sở văn, cuối cùng không đáng chấp, răn nhắc chấp lấy tà chứng.

Xa-ma-tha chí tĩnh, Tam-ma chính ghi nhớ.

Thiền-na rõ nhiều môn, ấy gọi ba tịnh quán.

Nếu siêng năng tu tập, ấy gọi Phật ra đời.

Độn căn chưa thành thục, thường nên siêng sám hối, tất cả tội vô

thỉ, các chướng nêu tiêu diệt.

Cảnh Phật liền hiện tiền.

Cùng tu kết thúc trước và pháp an cư, Văn xuôi có, kệ không. Cảnh Phật xuất hiện, trước Văn xuôi, sau kệ, ngoài ra chỉ có văn sơ lược.

70. Phần lưu thông:

Đoạn văn lớn thứ ba là phần lưu thông, nghĩa là phần chánh tông pháp nghĩa đã rộng khắp, muốn khiến cho lợi ích rộng lớn nơi khác, thấm nhuần lưu truyền đời vị lai thông thái xoay vần vô cùng, nên có phần này, đều không có người truyền là không lưu truyền, truyền thì không trụ, không trệ. Truyền gặp chướng nạn là không thông. Thông thì không lấp không bít, văn có năm:

1. Vui mừng nghe pháp sâu xa, thưa hỏi phần lưu thông.
2. Tỏ ý khen ngợi lắng nghe, giao cảm lưu thông.
3. Y vào lời hỏi nên nói nội hộ lưu thông.
4. Bẩm mạng gia vệ, ngoại hộ lưu thông.
5. Chúng đương thời thọ trì, tổng kết lưu thông.

Ban đầu văn có ba đoạn: giống như trên.

71. Bồ-tát Hiền Thiện Thủ xin Phật khai ngộ pháp không thể suy nghĩ bàn luận:

* Một. Bấy giờ, Bồ-tát Hiền Thiện Thủ ở trong đại chúng liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi, đảnh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu theo chiều bên phải ba vòng, quỳ thẳng chấp tay bạch Phật rằng: rất dễ hiểu.

* Hai: chính thức trình bày, trong đó có hai:

1. Vui mừng nghe giải thích.

Xin Đức Đại bi Thế Tôn rộng vì chúng con và chúng sinh đời mạt pháp, khai ngộ việc không thể suy nghĩ bàn luận như thế, gần chúc mừng đạo tràng xa trùm một bộ.

2. Thưa hỏi năng thuyên.

Thế Tôn, giáo pháp Đại thừa này, trong phần chánh tông chỉ hỏi pháp nghĩa sở thuyên, pháp nghĩa tuy đã đầy đủ. Phàm tâm khó có thể nhậm trì, khi nghe lãnh hội rõ ràng. Sau đó sợ lại quên lãng, sự phải giữ gìn giáo pháp, đem giáo pháp truyền bá thông suốt. Văn này không mất, theo văn hiển nghĩa, nương nghĩa khởi quán, mới thành tu hành chân chánh, nên đây hỏi về kinh giáo.

Danh tự là gì? Hiểu nghĩa trước phải biết tên, quên tên thì nghĩa không rõ, vâng giữ như thế nào? Trước tuy đã nói trì pháp, nay hỏi trì giáo.

Chúng sinh tu tập được công đức gì, y theo lý tu hành chứng Thánh, đã biết công đức vô biên, thọ trì danh giáo, sợ không lợi ích nên hỏi.

Vì sao dạy ta che chở người trì kinh? Dạy các Bồ-tát chúng ta... ở đời mạt pháp, hộ vệ người thọ trì kinh này? Truyền bá giáo này đến nơi nào? Mười pháp hạnh. Hoặc người một bề đối với kinh giáo liễu nghĩa này, cúng dường, viết chép, bố thí, thích thọ, chánh thọ, đọc tụng, giảng nói, giải thích, suy nghĩ, tu hành, phân bố, truyền bá như thế, chẳng hay trí tuệ, công đức của người này rốt ráo đến địa vị nào? Dưới đây là ba lần xướng mô phỏng theo trước.

72. Phật hứa khả nói pháp:

Nói lời như thế xong, năm vóc gieo sát đất, ba lần thỉnh như thế, đến cuối thì trở lại đầu. Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Hiền Thiện Thủ rằng: Lành thay, lành thay! Này người thiện nam! Ông mới có khả năng vì các Bồ-tát và chúng sinh đời mạt pháp, hỏi Như lai về danh tự, công đức kinh giáo như thế! Nay ông lắng nghe, ta sẽ nói cho: bấy giờ, Bồ-tát Hiền Thiện Thủ vui mừng vâng lời dạy và các đại chúng im lặng lắng nghe.

Kế là Y lời hỏi nên nói, văn có hai:

1. Nêu người năng thuyết, năng hộ.

73. Kinh này được chư Phật ba đời nhiều như số cát sông hằng nói ra và giữ gìn:

Này người thiện nam! Kinh này do trăm ngàn muôn ức chư Phật nhiều như sát sông Hằng nói ra, nói kinh này Phật đã là chân thân, chân thân vô ngại trần sa đồng thể, nên nói một tức là nói nhiều. Kinh Hoa Nghiêm chép: Các Đức Như lai trong mười phương đồng một pháp thân. Nhất tâm nhất trí tuệ, lực vô uý cũng như thế, lại kinh bất liễu nghĩa thì tùy phương có nói, không nói. Giáo pháp liễu nghĩa không Phật thì không nói, như Hoa Nghiêm chép: ta không thấy có cõi nước Phật, chẳng nói kinh này...

Được Như lai trong ba đời giữa gìn, cũng như kinh Hoa Nghiêm chép: Chư Phật của chúng ta hộ trì pháp này, khiến tất cả Bồ-tát đời vị lai chưa từng nghe thảy đều được nghe.

Chỗ quy y của Bồ-tát mười phương, trong nhân hạnh đều từ đây mà thành Phật.

Nhãn mục thanh tịnh của mười hai bộ kinh, vì suy cho cùng thì mê vốn chiếu suốt nguồn giác, là dùng lý xuyên suốt nghĩa các kinh đều cùng tận, như thế nếu hiểu thì các giáo sáng bừng lên, nếu không hiểu thì làm sao biết chánh đạo? Nên nói nhãn mục.

2. Trả lời pháp sở thuyết, sở hộ, văn có năm:

- Trả lời danh tự.
- Trả lời sở chí
- Trả lời vâng giữ
- Trả lời công đức
- Trả lời hộ trì.

a) Kinh này tên là Đại Phương Quảng Viên Giác Đà-la-ni, cũng gọi là Tu-đa-la Liễu Nghĩa. Kinh có năm tên.

b) Tên đã giải thích, cũng gọi Bí mật vương Tam-muội, chẳng phải pháp khí thì không nghe được gọi là bí, tùy theo pháp khí khác nhau mà nghe gọi là mật, tên Tam-muội kia có nhiều vô lượng. Tam-muội Viên giác là gốc, nên gọi là vương.

Cũng gọi là Như lai quyết định cảnh giới: Chỗ chứng cùng tột. Cũng gọi là Như lai tạng tự tánh sai biệt, Như lai tạng tức là tên của viên giác tại triền, vọng không thể thay đổi gọi là tự tánh, tùy duyên khởi vọng gọi là khác nhau. Lại, không Như lai tạng, bất không Như lai tạng, tức là khác nhau.

Ông nên vâng theo hành trì: Dạy khiến nương vào danh nghĩa này mà hành trì. Nghĩa là người đã ngộ thì văn tánh lìa mà trì pháp, người chưa ngộ không lìa văn mà trì nghĩa, là tướng của vâng giữ. Nhưng trả lời câu hỏi vâng giữ, hoặc dùng văn hiển bày thì không ngại. Nhân nói tên kinh, nương vào thế văn mà trả lời ở đây, nếu dùng nghĩa để cầu thì ở trong môn đốn tiệm ở sau.

Kế là trả lời chỗ đến, văn có hai:

a. Nêu hạnh sở y:

74. Kinh này chỉ bày cảnh giới Như lai:

Này người thiện nam! Kinh này chỉ bày cảnh giới Như lai, chỉ có Phật, Như lai có khả năng nói hết. Trước nói giác địa thanh tịnh của các chúng sinh này. Lại nói vô minh, tham ái, bốn tướng, bốn bệnh. Nay nói chỉ hiển bày cảnh giới Như lai, câu sau tự giải thích. Chỉ có Phật năng thuyết, nên nói vô minh... đều không thật có, chính là cảnh Phật. Cảnh Phật nếu không hiển bày thì chúng sinh đâu thể đều không, nêu chúng sinh chẳng không thì đâu thấu suốt giác địa? Nên tín vị trong Hoa nghiêm tức là cảnh Phật sâu xa. Tuy trí và tri khác nhau, nhưng đều là cảnh giới Phật, là ý này.

b. Nương tu sở chí:

Nếu các Bồ-tát và chúng sinh đời mạt pháp, nương đây tu hành là mười pháp hạnh.

Từ từ tiến đến Phật địa, do kinh chỉ hiển bày cảnh Phật nên tu sẽ đến Phật địa.

Kế là trả lời vâng giữ, văn có hai:

1. Pháp:

75. Kinh này là Đại thừa Đốn giáo:

Này người thiện nam! Kinh này gọi là Đại thừa đốn giáo, chúng sinh đốn cơ nhờ đây khai ngộ, cũng nhiếp tất cả các phẩm tiệm tu. Tông là đốn giáo, sự đủ tiệm môn, đã đốn, tiệm đều thâu, thì chậm mau đều được lợi ích. Nhập và không nhập đều hãy lưu tâm, nên trong phần chánh tông có chia thượng, trung, hạ.

2. Dụ:

76. Nêu ví dụ để làm sáng tỏ:

Thí như biển lớn không nhường dòng nhỏ, nói tiệm giáo thì trái đốn giáo, đốn môn phải đủ tiệm môn.

Cho đến muỗi mòng: Ở đây dụ cho Nhị thừa, thọ trì, và A-tu-la: ở đây dụ cho Bồ-tát thọ trì, uống nước ấy đều được đầy đủ, biển lớn có nước vô lượng, uống thì lượng bụng nhiều ít. Viên giác có vô biên pháp môn, lãnh thọ thì tùy căn khí đốn tiệm.

Kế là trả lời công đức: văn có ba:

1. So sánh bố thí tài bảo với nghe kinh cao quý, ý nói phước kia, dùng phước so sánh.

2. Lấy việc độ người so sánh với nói kinh cao quý, ý nói trí kia. Chẳng có trí không thể độ người, lại người nghe giả khiến thể không hiểu, cũng sinh vật ấy. Lại người nghe dù không hiểu nhưng cũng sinh phước. Người nói thì không gì không hiểu, nên chỉ có trí.

3. Dùng nhân đời trước trở lại nghiệm xét, hiển bày tin kinh cao quý đều nói phước trí. Trong phần đầu có hai:

a) Nêu kém.

77. Công đức cao quý được nghe kinh này:

Này người thiện nam! Giả như có người, thuần chất bảy báu đầy tam thiên đại thiên thế giới, để bố thí, chứa phước nhiều như thế nào phải biết.

b) Nói lên sự cao quý.

Không bằng có người nghe tên kinh này và nghĩa một câu, như kinh Kim cương so sánh văn ví dụ. Nghĩa là vật báu ở đời đầy cõi nước có thể giúp cho quả hữu lậu quả, một lời diệu pháp quyết được quả báo Bồ-đề.

- Lấy việc độ người so sánh, nghĩa là trước đem phước kém hiển

bày phước thù thắng, ở đây dùng trí kém hiển bày trí thù thắng, văn có hai:

1. Nêu kém:

Này người thiện nam! Nếu có người dạy bảo trăm Hằng hà sa chúng sinh được quả A-la-hán, thì phải biết chứa nhóm công đức nhiều như thế nào.

2. Nói lên sự cao quý.

Không bằng có người giảng nói kinh này, phân biệt nửa bài kệ, hoặc cả bài kệ, đó là bốn câu; Câu có hai thứ, là văn cú và nghĩa cú. Nếu nói về văn cú, tức là hai câu là nửa bài kệ, hoặc nói theo nghĩa cú, tức là nói tất cả pháp xưa nay vắng lặng, là nửa bài kệ. Nói rõ thể "không" là bất "không" mới là cả bài kệ, hoặc vô thường, chân thường làm nửa bài kệ và cả bài kệ.

78. Nói lên ton kinh cao siêu:

- Do nhân đời trước nói lên tin kinh cao siêu.

Cả hai nói về phước trí, văn kinh tự hiển rõ, văn có hai:

1. Nói về nghe tin: Này người thiện nam! Nếu lại có người, nghe tên kinh này tín tâm, không mê lầm.

2. Nghiệm xét nhân đời trước, văn có hai:

Trở lại nói rõ:

Nên biết người này, chẳng phải đối với một Đức Phật, hai Đức Phật gieo trồng các phước tuệ.

Thuận nói:

Như thế cho đến đối với tận số cát sông hằng tất cả các Đức Phật, trồng các gốc lành, nghe kinh giáo này, cũng như thế văn Kim cương, nhưng tin tông này thì chắc chắn là tin hiểu. Tín bao trùm biển quả không phải duyên nhỏ, nên nghiệm nhân đời trước, cũng chẳng xem thường người.

Kế là trả lời hộ trì:

79. Phật bảo Bồ-tát nên hộ trì người tu hành đời Mạt pháp:

Thiện nam! Các ông nên hộ trì những người tu hành đời mạt pháp này, vì làm cho ác ma và các ngoại đạo, não loạn thân tâm người ấy làm cho lui sụt. Trước hỏi hộ trì như thế nào? Nay trả lời ý rằng: Không để cho ác ma ngoại đạo làm não loạn thân tâm, tức là hộ trì. Nhưng làm não loạn thân tâm đều chung cho tà ma ngoại đạo, nếu phối hợp nghĩa ấy thì ngoại đạo dùng tà trí mê hoặc người khiến nghi, đó là não loạn tâm. Ma dùng thần lực gây ra nhiều việc không yên, cho đến bệnh... là não thân. Nên kinh nói các ma ấy ưa sinh tử. Ngoại đạo: chấp đắm

các kiến... Hai việc đều làm cho tâm ban đầu của người tu hành lui sụt. Thật nhờ hộ trì.

(Vâng) bẩm mạng ngoại hộ, văn có ba:

1. Chúng lực sĩ:

Lúc bấy giờ, trong hội có Hỏa Thủ: Thủ là đầu, vì trên đầu có ngọn lửa. Kim cương: Vì cầm chày này, nếu lấy tên thì gọi là lộ kiên thần. "Tồi toái Kim cương Ni-lam-bà" không rõ đời Đường dịch là gì.

80. Tám muôn vị Kim cương cũng phát nguyện hộ trì:

Tám muôn vị Kim cương như Kim cương... và quyến thuộc, liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi, đảnh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu theo chiều bên phải ba vòng, bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả chúng sinh đời mạt pháp về sau, có thể thọ trì Đại thừa quyết định này thì chúng con sẽ gìn giữ như giữ gìn tròng mắt, cho đến chỗ đạo tràng tu hành. Chúng con Kim cương tự lãnh đồ chúng, sớm tối che chở không để cho lui sụt: Vị thần này lúc mới phát tâm thường phát đại nguyện, nguyện làm lực sĩ che chở người tu hành.

Nhà kia: là chúng tại gia.

81. Kết quả của việc hộ trì:

Cho đến không bao giờ xảy ra tai nạn, chướng ngại, tật bệnh tiêu diệt: Hễ phát đại tâm thì thường có chướng nạn, chướng nạn nhiều thứ lược nêu tai họa bệnh tật, nên nói cho đến. Nay được thần che chở tất cả đều tiêu trừ.

Tài bảo dồi dào: giúp duyên tu đạo, không cần phải giàu có mới gọi là dồi dào, nên kế chỉ nói: Thường không thiếu thốn, không thiếu hụt. Thẳng đến diệu môn không lui sụt.

82. Các vị khác cũng phát nguyện hộ trì:

2. Chúng Thiên vương.

Lúc bấy giờ, vua Đại Phạm: Chỉ riêng vua cõi Sơ thiền, đứng đầu thế giới Ta-bà.

Vua hai mươi tám tầng trời: Chỉ chung ba cõi.

Và núi chúa Tu-di: Gọi riêng trời Đế Thích.

Hộ quốc Thiên vương... chỉ riêng bốn vua. Nêu riêng ba loại ấy, vì Phạm vương và Đế Thích, khi chư Phật xoay bánh xe pháp đều là thỉnh chủ, che chở thế gian, giữ gìn đất nước, khiến tai hại không sinh, ngoài việc nêu chung còn nói riêng.

Liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi, đảnh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu theo chiều bên phải ba vòng, bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Con cũng che chở người trì kinh này, thường giúp cho an ổn, tâm không lui sụt, là

nói về che chở.

3. Chúng quỷ vương.

83. Các quỷ vương cũng phát nguyện hộ trì:

Lúc bấy giờ, có quỷ vương Đại lực, tên là Cát-bàn-trà, cũng gọi là Cưu-bàn-trà, ăn tinh huyết người, quỷ này đi nhanh như gió, biến hóa rất nhiều, trụ trong rừng vắng, cai quản các chúng quỷ, nên hiệu là vương, đi đến đạo tràng làm người đứng đầu.

Cùng mười muôn quỷ vương, có mười muôn vị, nhất nhất như ở đây, dựa vào núi sâu hoặc ở hang sâu, hình dáng quỷ này đáng sợ, thường hay thay đổi, không thuộc trời người, sống trong đường quỷ.

Liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi, đảnh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu theo chiều bên phải ba vòng, bạch Phật rằng: con cũng giữ gìn là người trì giới kinh, sớm chiều bảo vệ không để lui sụt, không có chướng nạn nên không lui sụt.

Chỗ người kia ở, trong một do-tuần: Một do-tuần là bốn mươi dặm, có chỗ nói mười sáu dặm.

Nếu có quỷ thần nào xâm phạm cảnh giới người ấy, thì con sẽ làm cho họ bị nghiền nát như bụi nhỏ. Nghiền nát cảnh giới quỷ thần là che chở tâm Bồ-đề của Phật.

Kế là Chúng đương thời thọ trì.

84. Đại chúng trong hội thọ trì:

Phật nói kinh này rồi, tất cả Bồ-tát, trời rồng, quỷ thần, tám bộ quyến thuộc, và các Thiên vương, Phạm vương, tất cả đại chúng nghe Phật nói rồi đều rất vui mừng, tin nhận vâng làm. Kinh Văn-thù Sở Vấn chép: Có ba thứ nghĩa vui mừng vâng làm:

1. Người nói thanh tịnh, không bị chấp đắm danh lợi làm nhiễm.

2. Những điều nói ra thanh tịnh, vì đúng như thật biết pháp thể.

3. Được quả thanh tịnh, tức là lợi ích.

Kệ:

Tự nhớ vô thỉ mê biển tâm
Nhiều kiếp trôi nổi sóng sinh tử
Chư Phật như Bụi hiện trong người
Cây nổi rùa mù khó gặp được.
May sao thân này gặp giáo pháp
Nghìn lớp nghi trệ đều tiêu tan
Suy nghĩ nhiều đời chứa hiểu biết
Hổ thẹn Thiện tri thức nhiều đời.
Thượng sĩ từ bi thương đời mạt pháp

Đầu cuối thứ lớp hỏi ý kiến
Năng nhân cảm ứng xứng nguồn tâm
Đầu cuối không ngăn liền giảng nói.
Đã nắm các nơm gõ lặng chân
Tùy ý chỉ Thánh giải văn này
Hồi hướng công đức khắp chúng sanh
Đồng nhập kho ánh sáng thần thông.

KHUÊ PHONG ĐỊNH TUỆ THIỀN SƯ DAO BẨM THANH LƯƠNG QUỐC SƯ THƯ

Tông Mật chúc mừng may mắn, trộm bẩm văn sớ của Hoa nghiêm Hòa thượng, tuy nương lễ mà đủ để hiểu sinh ư. Tông mật hận vị nhiều lần có sự cố, không được sớm đi đến sinh hoạt thường ngày. Tình hình bên dưới thêm nhiều hoảng sợ, đã chưa nhắm mắt, dám tự bày tâm. Nếu không kể bổn duyên ban đầu thì làm sao nói lên bản chất thành thật? Muốn ghi lời thành thật, sợ cõi trần thấy nghe, tiến lùi không thôi. Cúi mong soi xét thứ lỗi?

Tông Mật vốn là một người nghèo ở Ba giang, chí hiếu đạo mà không thích nghệ thuật, dù vui chơi giải trí mà quyết dục căn với đạo. Từ tuổi thay răng sữa cho đến tuổi đôi mươi, mặc dù thi thư là nghiệp, nhưng thường giác không chỗ về, lại một bên cầu giải thích tông, mỏng manh dường như có nương nhờ, phải biết quả báo của nghiệp duyên, như bóng theo hình, vang theo tiếng, liền bỏ ăn mặn, nghiêng cứu kinh luận, gần gũi bậc thiền đức, nương tựa hàng danh tăng, nhà ở thường thiết lập pháp diên, cư sĩ thường đến nghe giảng. Nhưng nhờ may mắn học được giáo pháp cùng tột, ngộ chẳng phải là viên tông, không tạo nguồn tâm vọng, hoặc vẫn còn rõ ràng, sau gặp pháp môn của Viên Hòa thượng, chùa Đại Vân thuộc Toại châu, tức là con cháu của Hà Trạch, ngay lời nói khế hợp, đạo thầy trò hợp nhau. Một lòng sáng như muôn đức, đã biết công việc nghệ thuật ở đời vốn không liên quan nhau, nên cạo tóc xuất gia, siêng năng kính thờ, thói quen càng ngày càng bỏ bớt, giác trí càng luyện càng tinh, nhưng đối nhân quả thân tâm, giống như trong lòng vắng vẻ, lý sắc không, chưa từng ở trong lòng, nhiều lần bàn bạc tham khảo mới được trao cho. Quán môn pháp giới Hoa nghiêm của Đại sư núi Chung Nam là kho báu của Phật pháp, từ đây rõ ràng, bốn người cùng chí đẽo gọt nhiều năm, trong một câu lý luận thì "thông suốt chưa nghỉ", trong một việc nghĩa thì trần sa chẳng tính toán, biết nước thường ướt đâu nghi sự khác nhau của dáng sóng, ngộ gương thường sáng không sợ hãi sự thay đổi của hình bóng, cõi tịnh cõi uế chẳng hoại chẳng thành, chư Phật chúng sinh đâu có sanh diệt? Vì thế niệm trùm ba đời, đồng thời cùng ứng biến lẫn nhau, trần cùng mười phương toàn thể tức nhau nhập nhau nhiều đời, tính toán sai lầm, luống chịu đắm chìm, ngày nay chánh quán thỉ giác vốn đồng với đại dụng, sau đó mới hiển bày cảnh giới.

Lìa tình thì chỗ nào cũng soi chiếu rõ ràng, có khả năng giải thích

đại kinh, phối hợp với văn thì khó thông hiểu. Chương tiết và câu cú rõ ràng thông suốt nhân quả nhiều lớp. Lý tuy một vị, thế thay đổi nhiều mối, nghĩa môn khác nhau, cùng tận huyết mạch, không biết khoa đoạn, ý chẳng liền nhau, dù cho trải qua các trường giảng, không thẹn đã ngộ, danh tướng phức tạp, khó khế hợp tự tâm. Tông Mật nói rằng ví dụ chương sớ chỉ như thế, liền dừng tâm truyền giáo, thỏa thích ý nguyện đi khắp bốn phương, chỉ lấy quán môn chung nam làm trợ duyên, nhờ lìa tình thuận trí làm tự lực soi chiếu dung thông, thông pháp giới mà nương cậy, chỉ sự lý nói xa, vì lợi tha dùng thân tâm mộng huyễn dạo chơi trong thế giới hình bóng. Thần thông cảnh mầu trí rõ nghĩa môn, trèo non lội suối đến Tương Hán, ở chùa Khôi Giác gặp Xà-lê Linh Phong, tức đệ tử của Hòa thượng là một vị có trí tuệ. Ngủ vùi vài tháng dần dần đến chỗ suy yếu, gặp nhau ba ngày mới hiểu lòng họ, nguyện đem phần kinh và sớ sao đã được trao cho, bàn bạc chưa chu đáo bỗng đã qua dời, đây là pháp hội kiếp trước nên chịu chết đợi đến nay, hoặc thấy hoặc nghe đều ngạc nhiên khen ngợi, Tông mật khác nào được uống cam lộ, nghèo mà được ngọc Ma-ni.

Lòng vui mừng cầm tay hớn hở, liền ở núi này chẳng hề trở về, quên ăn mất ngủ, đem trước phi tầm, dùng sớ thông kinh. Dùng sao giải thích sớ, tìm văn mà lìa tánh, chiếu lý mà quên tình, hợp ở tâm, hiểu ở giáo. Nghiên cứu nguồn gốc, tìm tòi ngọn ngành, tông đồ sáng rỡ, các việc nghi ngờ một đời gợi sạch vết bẩn che lấp, đã từng quen nghĩa ở đây thông hiểu. Trong tâm ngoài cảnh thông suốt không ngăn cách, thật nói rằng mặt trời lên mà trời, đất, Đông, Tây, Nam, Bắc chiếu sáng, biển lớn trong xanh, muôn tượng rõ ràng. đức mầu trí sáng lập tức mở bày, hạnh khắp của Phổ Hiền đều hiện, lưới của một bộ bốn phần năm châu ở tại giềng mối, các dòng Sáu tướng, mười huyền, ba thừa đều chảy về biển, nghĩa thì sắc không đồng với trung đạo, giáo thì quyền thật dụng ở viên tông, lý thì thể dụng liền vắng lặng, mà tánh, tướng rõ ràng; trí thì phàm, Thánh coi như nhau mà nhân quả không luống dối, nói lên tùy duyên mà bất biến. Kinh lớn thì nghĩa lý và thú vị vẹn tròn, chỉ huyễn mà biết chân, tu quán thì thiền tâm rộng mở, mênh mông văn kinh chín hội đều hợp với tâm, do đây đáng gọi là Khế kinh. Khiến tâm địa nhất chân đều ấn kinh, do đó đáng gọi là tâm ấn. Chính là biết chấp văn trong ba tạng quả thật là mất đạo, hạn chế nghĩa nhất tánh ấy vẫn chưa viên thông.

Thanh văn mù điếc chẳng lẽ không luống dối ư? Tông mật khi chưa gặp sớ thường xem việc trước thuật xưa nay, đối với lý có lẽ thích

hợp. Hận vì không biết hội nghị giảng hòa. Thiên thai, Thiền tông phần nhiều y theo chỉ quán. Đẹp thì đẹp, hơn nữa thế nghĩa lần lượt truyền xa, không chỉ bày thẳng hành tướng tự tâm chúng sinh. Tuy rõ ràng nhập xứ giống như trải qua thứ lớp đâu như hỏi rõ, giải thích kệ Văn-thù ấn linh tri mà tâm thức mau trừ bỏ. Nói mông lung mở chương rõ ràng, hiển bày chân không nên tướng dụng thường khởi, khởi chẳng khác tánh, sự sự dung thông, thông mà thu nhận lẫn nhau, lớp lớp vô tận, ngộ đây thì hoàn toàn đồng quả Phật, mới là nhân đầy đủ, tùy duyên tu tạo, đều xứng với thể, mở bày đốn tiệm thiền yếu, có thể lấy đây làm gương lưu truyền giáo môn quyền thật, có thể lấy đây làm phép tắc, vị thuốc được ở Tuyết Sơn khéo thấy thì các bệnh đều tiêu trừ, được vật báu Ma-ni ở biển xanh, ngàn vật quý báu tùy niệm. Huống chi là văn quyển rưỡi, bao gồm hết các nghĩa, đầy đủ nguồn dòng, khắp cùng danh thể, sau đó dung thông thành bộ này, hoàn toàn lựa chọn, hoàn toàn nhận. Nếu được tinh ròng, đã lãnh hội nghĩa văn của trăm nhà, công ít được nhiều, quan trọng là ở đây? Hễ nói giải thích lưu truyền sao không thể luyện tập? Tông mật đời trước gặp nhiều may mắn, cùng trồng gốc lành, gặp kinh như thế, gặp sớ như vậy. Vừa mới bữa cơm thịnh soạn chưa dám ăn liền, nay được có văn bản rõ ràng ấn quyết. Tâm ý bình tĩnh, thệ nguyện đời đời hy sinh tánh mạng mở rộng, đương thời liền được tăng ni đồ chúng. Do thỉnh mời khen ngợi, mục đích là tự mình ôn tập, khóa hư thuận mạng, chỉ nương văn phối hợp tụng đọc mà thôi, đâu đủ để phát minh ở người? Vì hiển rõ Viên tông, sợ nhiều người vỗ tay, nếu có duyên đời trước gieo trồng chắc chắn cái nghe tức là bẩm thừa. Từ đầu đến cuối có thể đếm được mười người thệ nguyện tu học, vì sớ văn này mầu nhiệm, lưu truyền không luống dối, đâu thể với chút tài mà cảm được như thế. Ở tương dương giảng, tạm đến Đông đô, lễ tháp Tổ sư, liền nghĩ rong ruổi, lại dừng ở chùa Vĩnh Mục, đồ chúng ở Tương dương đến tìm, lại mời lần thứ hai giảng khắp. Lại nghe kinh này bèn bằng lòng cho chúng thưa hỏi. Cuối cùng huyền sớ ngược lại đến Thượng Đô, ngày mồng bảy tháng này mới xong, nghe Đồ Thái Cung liền chặt một cánh tay, nói: Tự vui mừng đã gặp pháp, huyền diệu khó nghĩ bàn liền dùng biểu thành khẩn, thệ nguyện tu học, đây là do Hòa thượng oai đức rộng khắp, dạy phải thực hành, tông chi trong môn hạ có sự tinh khổ này. Anh ta lại chặt đứt tay chân, làm thương tổn gân cốt, đều không đau xót, thần sắc tự tại, từ đầu đến giờ thân tâm vẫn như cũ. Hoặc đạo, hoặc tục đều lấy làm lạ, công năng của quán trí cảm ứng rõ ràng. Bấy giờ, tỉnh Đài Loan có ứng nghiệm, sự tích rõ ràng, tôn kính

lưu giữ đại kinh đã nói rõ trong sách của môn hạ, y theo theo bổn ý của nó, đâu phải đều hiển bày, biểu dương? Nhưng môn phát khởi cũng nhờ tinh biểu, theo nó tay loét chưa lành, đến quan đến chùa gởi để nuôi dưỡng, chưa tiện du hành. Dùng lễ này ra mắt, dẫn thầy chậm chạp trái nhau, chịu nhún nhường mà bày tỏ, che đậy thêm lo sợ, cẩn thận chớ nghe theo các học tăng huyền Khuê, Trí Huy, trước trình bày đầy đủ, Tông mật tài năng lời nói khiêm tốn lãnh ngộ, khó trình bày. Cúi xin từ bi đặc biệt nhiếp thọ ban cho, thật là may mắn! Học trò Tông Mật kính sợ lạy trăm lạy.

Hoa nghiêm sớ chủ quốc sư Thanh Lương đại Hòa thượng. Đời Đường ngày mười ba tháng chín năm Tân Mão niên hiệu Nguyên Hòa năm thứ sáu, tại Đông Đô, thượng Thanh Lương quốc sư trả lời.

Ngày mười hai tháng mười Huyền Khê, Trí Huy đến, được thư của ông, kính thầy ở xa, thuật đủ dấu vết hành trì lãnh huyền thú của đại giáo, nói lưu truyền khen ngợi việc thật đau thương cảm động, tâm nhận lãnh. Ta tự truyền bá, hoặc mặt nói, lòng trao cho, hoặc xoay vần phân chiếu đầy đủ ở cõi khác, nhưng Trọng Ni nghiêng về vì Bá Nha mà nối dây đàn, cũng nhờ hình thanh.

Không mặt mà truyền được ý chỉ là hệ biểu, ý vẫn còn trong lòng ta, chưa biết có. Chẳng dựa Thánh lực, phải nhờ nhân đời trước, nên tự an ủi. Chân tử chuyển luân có thể dùng để ví dụ.

Thái cung rất mực trọng pháp chặt cánh tay, thêm sự khẩn cầu nhưng nửa bài kệ quên đuổi một câu ném vào lửa, giáo có văn, ý còn ở ngoài thân, có của báu trọng pháp, nên cảnh cáo người học sau chớ nên bắt chước, nên dứt tình lự của họ, chớ cắt đứt hình hài của họ, nên dứt tâm vọng của họ, không chặt chi phần của họ, thì người hiểu biết cạn cợt dị học đâu thể không kinh sợ khi nhìn thấy. Nếu thế tục không có lời răn đối với tóc da, thời huyền hóa không rộng mà tự thông suốt. Ông nên dốc chí đến chỗ sâu kín. Nếu được một mặt ấn chứng thì được huyền giải, sao lại tán thưởng ư?

Như bỗng nhiên duyên trợ giúp, chỉ phải tâm khế hợp sâu xa cùng cực. Chẳng phải sông, núi, hình thanh mà ngăn cách được, gắng sức không nhiều, nói rằng: Lão tăng Trừng Quán giao cho.

Pháp tử Tông Mật kính nhận.

Ngày hai mươi ba tháng mười học trò Tông Mật vừa ghi lại kính bái.

Vốn giảng Hoa nghiêm sớ chủ, Huyền Khuê, Trí Huy trở về cúi đầu nhận lời chỉ bảo, lãnh nạp sở ngộ sâu xa, hứa khả pháp tịch, lãnh

thọ vâng làm không mặc tình vui mừng lo sợ. Thường hổ thẹn tư chất xấu xí, chưa bắt chước sự siêng năng, không có (trong lòng) tấc lòng, ngồi nhờ thâu thể mà tự kinh sợ, may mắn. Mừng quá độ thành buồn rầu, cúi mong từ nguyện rộng lớn giáng xuống đây quá phần. Ấn quyết một kinh liền giác ngộ sáng suốt, hạng người có học thức thêm kính ngưỡng, rất may mắn! Tông mật liền muốn đến cung cấp phục vụ, vì cánh tay Thái Cung lở loét chưa lành, cẩn thận không dám mạo muội, hai ba lần rơi lệ.

Nguyện hầu hạ theo hạnh, nhớ dấu khổ của ông, chẳng nỡ bỏ sót, cúi xin chiếu xét học trò, Tông Mật lại bái tạ bổn giảng Sớ chủ Hoa Nghiêm.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 141

ĐẠI TỲ-LÔ-GIÁ-NA THÀNH PHẬT KINH SỚ

SỐ 1696
(QUYỂN 1 → 20)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1796

ĐẠI TỲ-LÔ-GIÁ-NA THÀNH PHẬT KINH SỚ

A-xà-lê Nhất Hạnh ghi chép

QUYỂN 1

Phẩm 1: NHẬP MÔN CHÂN NGÔN TRỤ TÂM

1. Giải thích chung về Đức Tỳ-lô-giá-na thành Phật:

Đại Tỳ-lô-giá-na thành Phật thần biến gia trì:

Tiếng Phạm Tỳ-lô-giá-na là tên khác của mặt trời, nghĩa là nghĩa trừ tối khắp sáng; nhưng mặt trời ở thế gian thì có giới hạn, nếu chiếu ở bên ngoài thì không thể chiếu đến bên trong, sáng ở bên này thì không đến bên kia; lại chỉ sáng ban ngày thì không sáng ban đêm; ánh sáng trí tuệ Như lai thì không phải như vậy, có công năng chiếu sáng khắp tất cả mọi nơi, không có trong ngoài, nơi chốn, ngày đêm khác nhau.

2. Nêu ví dụ:

a) Ví dụ một: Lại nữa, sự vận hành của mặt trời ở cõi Diêm-phù-đề, khiến tất cả cây cối, lùm rừng, tùy theo phần tánh của chúng đều được lớn thêm, các công việc ở thế gian nhờ đó được thành tựu. Ánh sáng Đại Nhật Như lai chiếu khắp pháp giới, cũng khai phát các gốc lành cho vô lượng chúng sinh một cảnh bình đẳng , cho đến sự nghiệp thế gian, xuất thế gian đều được tốt đẹp, đều do đây mà thành tựu.

b) Ví dụ hai: Lại như mây dày tối tăm che khuất mặt trời thì, cũng không phải mặt trời bị mất đi. Gió lớn thổi mây đi thì ánh sáng mặt trời hiện ra, cũng không phải mặt trời mới sinh, mặt trời tâm Phật cũng như

thế, dù bị mây dày vô minh, phiền não, nói suông che lấp, nhưng mặt trời tâm Phật vẫn không bị giảm, rốt ráo tướng thật các pháp Tam-muội tròn sáng không bờ bến, vẫn không làm tăng thêm. Do các nhân duyên như thế, mặt trời thế gian không thể ví dụ, chỉ lấy một phần nhỏ tương tự kia, cho nên phải thêm chữ Đại vào, mà gọi là "Đại Tỳ-lô-giá-na".

3. Giải thích:

a) Thành Phật, tiếng Phạm đầy đủ phải nói là thành Tam-bồ-đề. nghĩa là Chánh giác chánh tri, nghĩa là dùng trí như thật, biết rõ quá khứ, vị lai, hiện tại số chúng sinh chẳng phải số chúng sinh, hữu thường, vô thường... Tất các pháp đều hiểu biết rõ ràng, nên gọi là Giác; mà Phật tức là giác, cho nên văn lược , chỉ là nói thành Phật.

b) Thần biến gia trì: Xưa dịch là thần lực che chở, hoặc được Phật che chở , nhưng ở đây (Đức Phật) tự chứng Tam-bồ-đề, vượt ngoài tất cả tâm địa, hiểu rõ các pháp vốn bất sinh, đó là chỗ "lời nói đều rốt ráo, tâm hành cũng vắng lặng". Nếu xa lìa năng lực oai thần của Như lai thì dù Bồ-tát Thập địa cũng không đạt đến cảnh giới kia, huống chi những người còn trong sinh tử.

4. Ý nghĩa của Đức Thế-tôn:

Bấy giờ, Đức Thế-tôn vì nguyện đại bi từ thuở trước, mà nghĩ rằng: Nếu ta chỉ trụ trong cảnh giới như thế thì các hữu tình không thể nhờ đó mà được lợi ích. Vì thế Như lai trụ ở thần thông tự tại gia trì Tam-muội, khắp vì tất cả chúng sinh, chỉ bày các đường để vui mừng thấy thân, nói các tánh dục để ưa thích nghe pháp, tùy theo các tâm hành khai mở pháp môn quán chiếu, nhưng sự ứng hóa này không từ thân, hoặc miệng, hoặc ý của Tỳ-lô-giá-na sinh ra, trong bất cứ thời gian, không gian, bờ mé sinh diệt đều không thật có. Ví như nhà ảo thuật, gia trì năng lực chú thuật vào cỏ thuốc hiện ra những việc chưa từng có, cảnh năm căn đối diện làm vui tâm chúng sinh, nếu bỏ gia trì thì sau đó mất đi. Huyễn ảo của Như lai Kim Cang cũng giống như vậy, duyên hết thì diệt, cơ khởi thì sinh, ngay nơi sự mà chân không có cùng tận. Vì thế nói thần lực che chở kinh; nếu theo bản Phạm thì nên nói đủ là Đại Quảng Bác Kinh Nhân-đà-la Vương.

5. Giải thích danh từ:

Nhân-đà-la Vương là Đế-thích: nói kinh này là kho bí yếu của tất cả Như lai, là oai tức đặc biệt tôn quý trong các giáo pháp Đại thừa, giống như Thiên Mục là người đứng đầu Thích Thiên, nay sợ đề kinh quá rộng cho nên không nêu đủ.

Phẩm Nhập môn Chân ngôn Trụ Tâm: Bản Phạm có đủ hai đề:

1. Phẩm Tu Chân Ngôn Hạnh.

2. Phẩm Nhập môn Chân ngôn Trụ Tâm.

Trộm nói nghĩa của nhập trụ gồm cả tu hành, do văn rườm rà nên chỉ để một đề mà thôi.

Chân ngôn: Tiếng Phạm là Mạn-đát-la, tức là chân ngữ, như ngữ, không vọng, không khác.

Thích Luận của ngài Long Thọ nói là Bí mật hiệu, xưa dịch là Chú, không phải dịch đúng.

6. Phẩm này nói chung về đại ý của kinh:

Phẩm này nói chung về đại ý của kinh, cái gọi là tự tâm chúng sinh, tức là trí Nhất thiết trí, hiểu rõ như thật, gọi là Nhất thiết trí giả, vì thế ở đây dạy các Bồ-tát, chân ngôn là môn, tự tâm phát Bồ-đề, tức tâm đầy đủ muôn hạnh, tâm thấy Chánh đẳng giác; tâm chứng Đại Niết-bàn, phát khởi tâm phương tiện, cho nên nói: Phẩm Nhập môn Chân ngôn Trụ Tâm.

Nhập môn Chân ngôn lược có ba việc:

1. Thân mật môn.

2. Ngữ mật môn.

3. Tâm mật môn.

Việc ấy dưới đây có nói rộng. Hành giả dùng ba phương tiện này, để tự thanh tịnh ba nghiệp, thì được Tam-muội của Như lai che chở, cho đến có thể ngay trong đời này, đầy đủ Ba-la-mật, không cần trải qua nhiều kiếp số, tu hành đầy đủ các hạnh đối trị, do đó trong Đại Phẩm chép: hoặc có Bồ-tát khi mới phát tâm, liền bước lên địa vị Bồ-tát không lui sụt, hoặc có khi mới phát tâm, liền được Vô thượng Bồ-đề, thường xoay bánh xe pháp, ngài Long Thọ cho rằng như đi đường xa, người cỡi xe dê mà đi thì lâu mới đến, người đi xe ngựa còn hơi nhanh, nếu người nương thần thông thì trong khoảnh khắc khởi tâm liền đến chỗ muốn đến, không được nói trong thời gian khởi làm sao mà đến được.

Tướng thần thông như thế không được sinh nghi, là ý chỉ sâu kín của kinh này.

7. Đi vào văn kinh:

Kinh chép: Tôi nghe như vầy:

Một thời, Bạc-già-phạm, trụ trong cung pháp giới Như lai gia trì năm nghĩa đầu của kinh, như trong luận Trí Độ có nói rộng, nhưng bản Phạm kinh này, thiếu không có tựa chung, Sa-môn Nhất Hạnh nói đại bản Tỳ-lô-giá-na, có mười muôn bài kệ, vì sâu rộng nên khó tu trì, bậc Thánh truyền pháp, phải dò xét tông yếu kinh này, gồm hơn ba ngàn

bài tụng, văn nghĩa hành pháp của chân ngôn lược bỏ cả, vì không phải bản chính của Đại kinh nên không nêu tựa chung; nay so sánh thì chẳng tổn hại gì cho nghĩa .

8. Nghĩa của Bạc-già-phạm:

Bạc-già-phạm: các vị Luận sư giải thích đầy đủ gồm có sáu nghĩa, nay trong tông này, Bạc-già-phạm có nghĩa là Năng Phá, như người cầm vũ khí sắc bén thường hàng phục được kẻ thù. Những bản khác không có danh từ này, có nhiều bàn bạc xét sự tích ngài, nên hiệu là Năng phá.

Thế-tôn cũng như thế, dùng ánh sáng trí tuệ rộng lớn, phá tất cả phiền não, vô minh của thức tâm, những thứ này vốn tự vô sinh, cũng chẳng tướng mạo, nhưng khi mặt trời trí tuệ xuất hiện thì bóng tối hoặc nghiệp tự tan biến, vì thế gọi là nghĩa phá. Thích luận cũng chép: Bà-già dịch là Phá, Bà dịch là Năng phá, Phật có khả năng phá dâm, nộ, si nên gọi là Bà-già-bà.

Hàng Nhị thừa tuy phá ba độc cũng không hiểu rõ hết. Như vật đựng hương thơm thì vật đó có mùi thơm . Lại như đốt cháy cây cỏ, dùng sức yếu kém thì tro than không hết; Như lai như vào kiếp lửa đốt cháy, tất cả đều cháy hết, không khói, không tro, nên gọi là Bà-già-bà.

9. Dẫn luận:

Lại nữa, Đế-thích Thanh Luận cho rằng người nữ là Bạc-già, nghĩa là muốn tìm nhân duyên để dứt bỏ phiền não, lại có nghĩa là từ đó sinh ra. Kim Cương Đảnh Tông thì dịch nghĩa này là: Người nữ tức là Bát-nhã Phật Mẫu, người có tri kiến vô ngại, đều từ đó sinh ra, họ có chí cầu nhân duyên được tương ứng, mọi phiền não nói suông đều dứt hẳn, khác với dục vọng thế gian nóng bỏng, chỉ tạm dừng trong chốc lát, mà thật ra lại càng thêm. Vì Mật Giáo không thể nói thẳng ra được, nên thường diễn tả bằng ẩn ngữ như vậy. Người học nên suy nghĩ từng thứ một.

Lại, Bạc-già-phạm tức là đới hữu thanh, như người có nhiều tiền của, gọi là người giữ gìn tài sản, do có vàng, nên gọi là người giữ vàng: Như lai vì có đủ các đức tốt đẹp nên gọi là Trì chúng đức.

Thích Luận cũng chép: Bà-già dịch là đức, Bà dịch là Có, do đó Bà-già-bà dịch là có đức.

Lại, Bà-già dịch là danh thanh, Bà dịch là Có, vì thế Bà-già-bà dịch là hữu danh thanh. Tất cả thế gian không ai có đức thanh danh như Phật, chính là nghĩa ấy.

10. Bạc-già-phạm cũng dịch là Thế-tôn:

Trong kinh thường dịch là Thế-tôn, đó là từ dùng để khen ngợi (khen ngợi) công đức, theo ngữ pháp Tây Vực, khi nói về người nào thì phải có từ tôn xưng, không dám nói thẳng tên vị ấy ra, trước phải khen ngợi công đức của họ, như nói: Đại trí Xá-lợi-phất! Thần thông Mục-kiền-liên, Đầu-đà Đại Ca-diếp, Trì luật Ưu-bà-ly... cho nên trong kinh này gọi là Bạc-già-phạm Tỳ-lô-giá-na. Ở đây cũng thuận theo văn pháp Trung quốc mà đặt ra danh từ Thế-tôn ở dưới.

Kinh chép: Bạc-già-phạm trụ Như lai gia trì: Bạc-già-phạm: tức là Bản địa pháp thân Tỳ-lô-giá-na.

11. Nói về Như lai:

Kế là nói: Như lai, là thân gia trì của Phật, chỗ ở của Như lai gọi là thân thọ dụng của Phật, tức thân này là chỗ ở gia trì của Phật. Tâm vương của Như lai, các Đức Phật an trụ mà an trụ trong đó, đã từ năng lực gia trì khắp mọi nơi sinh ra, tức là không hai không khác với pháp thân vô tướng, lại dùng thần lực tự tại giúp tất cả chúng sinh thấy dung mạo mật thân, nghe lời mật ngữ, ngộ pháp mật ý, tùy theo căn tánh họ mà chia ra các thứ khác nhau, tức chỗ ở này gọi là chỗ Gia trì.

12. Nói về chổ ở:

Lại nữa, giải thích khen ngợi gia trì chỗ ở, nên gọi là Quang đại kim cang pháp giới cung. Đại: là không có bờ mé, Quảng: là không thể tính đếm đo ường, Kim cang: là dụ cho trí tướng thật, vượt qua tất cả đạo lý lời nói tâm hành, thích hợp với Vô sở y, không chỉ bày các pháp, không có đầu, giữa, sau, không tận cùng, không hư hoại, lìa các tội lỗi, không thể thay đổi, không thể phá hủy, nên gọi là Kim cang.

13. Ví dụ như vật báu Kim cang:

Như vật báu Kim cang ở đời, có ba tính chất quý:

1. Không thể phá hư.
2. Hơn hết trong các thứ báu.
3. Quý nhất trọng các khí cụ chiến tranh.

Ba thứ này so sánh với ba thứ Kim cang Tam-muội trong Thích Luận, ý phần lớn giống nhau.

Pháp giới là trí thể Kim cang rộng lớn, trí thể này, có chỗ nói là tướng thật trí thân Như lai, dùng để gia trì, tức là công đức chân thật dùng để trang nghiêm chỗ ở, Cảnh tâm vương khéo trú gọi là Cung, cung này là nơi các vị Cổ Phật thành "Đạo", có chỗ nói là cung trời Ma-hê-thủ-la.

Thích Luận chép: Năm chỗ ở Na-hàm trong thiền thứ tư, gọi là trời Tịnh Cư vượt qua cõi đó, có chỗ ở của Bồ-tát Thập Trụ, cũng gọi

là Tịnh Cư, tên là Đại tự tại Thiên vương. Nay Tông này nói về nghĩa, vì thần tâm tự tại gia trì nương gá nên gọi là cung Tự tại Thiên vương . Nghĩa là tùy theo chỗ Như lai có ứng, đều là cung này, không chỉ có người đã ra ngoài ba cõi, tất cả người trì Kim cang đều đến nhóm họp.

14. Nói về quyến thuộc tốt:

Kế là nói quyến thuộc tốt. Như lai ở trong cung này, là ở một mình hay có quyến thuộc? Do đó nói trong đây có vô biên quyến thuộc thường đến nhóm họp, cái gọi là Chấp kim cang...

Tiếng Phạm là Phạt-chiết-la Đà-la, Phạt-chiết-la: là chày Kim cang. Đà-la: nghĩa là cầm nắm, giữ gìn, vì thế xưa dịch là Chấp kim cang, nay dịch là Trì kim cang, được cả hai cách giải thích sâu cạn, đối với nghĩa là hơn, cho nên tùy văn xen vào lời ấy.

15. Nói về ấn Kim cang:

Nếu theo thường tình của thế đế thì nói là Sinh thân Phật, thường có năm trăm vị Thần Chấp kim cang kính trọng đi theo hầu hạ, nhưng mật ý của tông này thì Phạt-chiết-la là Trí ấn kim cang của Như lai, như thế trí ấn kia số không đếm được người có khả năng giữ gìn ấn này thì lại có rất nhiều (vô biên). Vì sao? Vì chỗ tâm vương đã trú, chắc chắn có nhiều tâm sở như cát bụi, lấy làm quyến thuộc. Nay tâm vương Tỳ-lô-giá-na tự nhiên thành giác ngộ, bấy giờ tất cả tâm sở đều nhập vào cảnh Kim cang, thành trí ấn Như lai nội chứng công đức khác nhau, Trí ấn như thế, chỉ Phật và Phật mới giữ gìn được. Y theo nghĩa Bồ-đề thì có vô lượng, vô biên trì Kim cang ấn, Y theo nghĩa Phật đà thì có vô lượng, vô biên Trì kim cang, do các đức này, đều một tướng một vị đến chỗ mé thật, nên gọi là nhóm họp. Nếu có chút phần nào chưa bình đẳng, một pháp nào chưa đầy đủ thì không được gọi là tất cả nhóm họp. Nhưng dùng thần lực tự tại để gia trì thì từ tâm vương Tỳ-lô-giá-na hiện ra thân tôn đặc gia trì, bấy giờ vô lượng pháp môn quyến thuộc, mỗi vị đều hiện thân Chấp kim cang, hiển phát oai thế lớn mạnh của Như lai. Ví như Đế-thích tay cầm Kim cang, đánh tan quân Tu-la, nay các Chấp kim cang này, cũng giống như vậy, mỗi vị theo một môn, cầm khí vụ Đại không chiến đấu, có công năng phá hoại phiền não vô tướng cho chúng sinh, vì thế so sánh nhau.

Như lai tín giải du hý thần biến sinh, đại lầu các Bảo vương, cao không có chính giữa hay ngoài bìa, dùng các thứ tốt đẹp sang quý tô điểm trong đó, thân Bồ-tát làm tòa Sư tử, Đại chúng đã nhóm họp lẽ ra có chỗ nói pháp, cho nên kế là nói lầu gác để ở và tòa Sư tử.

16. Nói về Tín giải:

Tín giải là bắt đầu từ chân chính phát tâm cho đến thành Phật, ở khoảng giữa đó gọi chung là địa Tín giải. Tiếng Phạm là Vy-ngật-lý-ní-đa là nghĩa là hớn hở dạo chơi, thần biến, nghĩa là từ khi mới phát tâm đến nay, trồng nhiều gốc lành, khởi các hạnh nguyện, trang nghiêm cõi Phật, thành tựu chúng sinh, thường tiến lên cao hơn, không có dừng nghỉ, tức là nghĩa vượt lên.

Như người ca múa chuyển động, có thể dùng thân, miệng, ý một cách khéo léo làm cho mọi người vui khắp, vì thế sự vượt lên này được gọi là dạo chơi, dạo chơi như thế tức là thần thông tự tại của Bồ-tát. Nói Tỳ-lô-giá-na khi còn hành Đạo Bồ-tát, dùng năng lực Tam-muội nhất thể nhanh chóng, cúng dường vô lượng Thiện tri thức, thực hành hết vô lượng các độ môn, pháp tự lợi lợi tha đều đầy đủ, nếu được như thế thì trí báu Như lai sẽ nhóm thành, bí mật trang nghiêm pháp giới lâu quán, cao hơn tất cả đối với tất cả thật báo sinh ra, giống như Chân-đà ma-ni đứng đầu các thứ báu, vì thế nói du hí thần biến sinh ra lầu gác Bảo vương, cao rộng vô cùng, phải biết rộng khắp không ranh giới, vì ngoài bìa không thật có, nên ở giữa cũng hông thật có, đây thì khắp tất cả xứ thân đều là chỗ ở, phải biết lâu quán như vậy ở cùng khắp tất cả nơi chốn.

17. Nói về tướng lầu gác trang nghiêm:

Kế là nói tướng lầu gác trang nghiêm, giống như có người dùng các thứ kim cang nhiều màu sắc để tô điểm kim cang, nhưng thể tánh của nó không có khác nhau, ở đây cũng vậy, lại dùng các thứ công đức quý báu của Như lai, để tô điểm lầu gác Bảo vương. Vì sao? Vì không có pháp nào xuất ra tánh báu như thế; Nhưng tướng vắng lặng bậc nhất, dùng Thần lực che chở của Như lai, khiến người đáng độ, tùy theo pháp môn là biểu tượng, nếu thấy, nghe, tiếp xúc, hiểu biết được thì lấy đây làm cửa mà vào pháp giới. Như nhân duyên Đồng tử Thiện Tài vào cung điện Di-lặc.

18. Thân Bồ tát làm tòa sư tử:

Trong đây nên nói rộng thân Bồ-tát làm tòa Sư tử; trên nói cung Kim cang pháp giới tức là thân Như lai, sau nói về lầu gác lớn Bảo Vương, cũng chính là thân Như lai. Nay nói tòa Sư tử, nên biết cũng vậy. Sở dĩ nói thân Bồ-tát là vì khi còn hành đạo Bồ-tát, theo thứ lớp tu hành "Địa Ba-la-mật" cho đến Địa thứ mười một. Phải biết Địa sau lấy Địa trước làm nền tảng, vì thế nói Như lai dùng thân Bồ-tát làm tòa Sư tử.

Thích luận chép: Ví như sư tử ở trong các loài thú bước đi một

mình mà không lo sợ, Phật cũng như vậy, ở trong chín mươi sáu thứ ngoại đạo, hàng phục tất cả không sợ hãi, nên gọi là Sư Tử trong loài người, chỗ Như lai ngồi, dù trên giường hay dưới đất, đều gọi là tòa Sư tử.

Nay nghĩa trong tông này nói: Sư tử là tâm Bồ-đề mạnh mẽ, từ khi phát tâm đến nay, được tiến lên thế lực rộng lớn, không yếu hèn, giống như sư tử hể con gì bị chúng bắt thì nhất quyết là được không để mất, tức là nghĩa tùy ý cứu người không luống uổng, nếu giải thích lược qua, nói rằng thâm tâm kính pháp của các Bồ-tát, cho đến dùng thân làm tòa Sư tử để mang đội Phật, nên gọi là thân Bồ-tát làm tòa Sư tử. Kim cang kia gọi là Hư không vô cấu Chấp kim cang, cho đến Kim Cang Thủ Bí Mật Chủ, các bậc Thượng thủ như thế, trong mười cõi Phật chúng trì, Kim cang nhiều như số cát bụi đều đông đủ, và các Bồ-tát như Bồ-tát Phổ Hiền, Bồ-tát Di-lặc, Bồ-tát Văn-thù, Bồ-tát Trừ Nhất Thiết Cái Chướng... Các Đại Bồ-tát vây quanh trước sau mà nói pháp, kế là nói về chúng cùng nghe.

19. Hỏi đáp về nói trước:

Hỏi: Kinh do Phật nói, vì sao nói về chỗ ở của quyến thuộc trước?

Đáp: Ví như vua trong một nước nếu có mệnh lệnh về việc hành chính, thì trước phải ra khỏi triều đình rồi đặt ra và phán quyết hình phạt, khen thưởng, lúc bấy giờ quan chép sử ghi rằng: Thời gian nào đó, nhà vua ở chỗ nào đó, cùng các vị đại thần nào đó hội họp luận bàn, có mệnh lệnh như thế, muốn cho người trong nước tin phục vâng hành không còn nghi ngờ. Đấng Pháp Vương cũng giống như vậy, khi sắp nói pháp lớn, chắc chắn ở giữa chúng Đại Bồ-tát quyến thuộc để chứng minh, đó là lý do khiến người nghe sinh tín, do tâm kính tin, mới nhập vào pháp như thế, được tu hành chứng đắc, lại càng sinh tín, cho nên trước nêu chúng.

20. Nói về các vị chấp Kim cang:

1) Hư không vô cấu Chấp kim cang: tức là thể của tâm Bồ-đề, lìa tất cả sự tranh chấp nói rộng, giống như hư không trong sáng không bị ngăn che, không dơ, không nhiễm, cũng không phân biệt, tâm như vậy chính là Kim cang trí ấn, người trì được ấn này gọi là Hư không vô cấu Chấp kim cang.

2) Lại nữa, Hư không du bộ Chấp kim cang: Du Bộ là nghĩa bất trụ, thắng tấn, thần biến, với tâm Bồ-đề thanh tịnh, đối với tất cả pháp đều không chấp đắm, thường tiến tu muôn hạnh, phát sinh thần thông rộng

lớn, nên gọi là Hư không du bộ.

3) Lại nữa, Hư không vô cấu Chấp kim cang: tức là hạt giống bình đẳng của tự môn A, tu hạnh vô trú, ví như dùng phương tiện gieo trồng, mầm rễ dần dần mọc lên, cho nên kế là nói về khai hành ấn Kim cang.

4) Thứ ba, Hư không sinh Chấp kim cang: như mầm mống đã mọc, bốn đại, thời tiết là duyên, hư không chẳng chướng ngại, niệm niệm thấm nhuần nuôi lớn, tâm Bồ-đề cũng vậy, Vô sở đắc là phương tiện, muôn hạnh làm duyên, sinh được chân thật, cái gọi là Đại không sinh, nên gọi là Hư không sinh.

5) Thứ tư, bị tạp sắc y Chấp kim cang: như mầm mống lớn lên, cành, lá, hoa, thật dần lớn lên, cây tâm Bồ-đề nở hoa muôn đức cũng vậy, do đó nói đủ các màu sắc.

Lại nữa, dùng các mầu pháp giới nhuộm tâm Bồ-đề Vô cấu này, thành Mạn-trà-la đại Bi, cho nên gọi là bị tạp sắc y.

6) Thứ năm, Thiện hành bộ Chấp kim cang: Chữ Thiện, tiếng Phạm là Tỳ-chất-đa-la, có các nghĩa: đoan nghiêm, hạt giống. Ví như đã được trái, trở lại làm hạt giống.

Khéo bước đi: là oai nghi của các Đức Phật, là khéo biết thời nghi đáng độ không đáng độ, các việc thông suốt, bíp lấp... dùng phương tiện thân, miệng, ý, để ứng với các căn cơ chúng sinh, trong khuôn phép tà vọng đều thành Phật sự, cho nên lấy làm tên.

7) Thứ sáu, là trụ nhất thiết pháp bình đẳng Chấp kim cang: nghĩa là trụ trong tánh bình đẳng của tất cả các Đức Phật, là tất cả pháp nhân quả, tự tha, hữu vi, vô vi... nhập vào trí Như thật này đều rốt ráo bình đẳng, đồng một thật tế, do trì được trí ấn này, nên lấy đó làm tên.

Nhưng năm câu ở trên cũng đều là công đức chân thật của Như lai không có sâu cạn khác nhau, vì muốn phân biệt giúp cho người dễ hiểu, cho nên làm thứ lớp để nói mà thôi.

8) Thứ bảy, ai mẫn vô lượng chúng sinh giới Chấp kim cang: thương xót này còn gọi là cứu giúp, nghĩa là đã trụ trong pháp tánh bình đẳng thì tự nhiên đối với tất cả chúng sinh, phát tâm đồng thể thương xót, cảnh giới các loài chúng sinh vô lượng cho nên tâm đại bi ấy cũng không có hạn lượng, đây là một trong các công đức của Như lai, vì thế người hành trì, do đó lấy làm tên.

9) Thứ tám, Na-la-diên lực Chấp kim cang: đã phát tâm thương xót, nếu đầy đủ thế lớn mạnh thì sẽ cứu giúp được, cho nên kế là nói trong kinh so sánh sức mạnh sáu mươi con voi, không bằng sức mạnh một con

Hương tượng, cho đến cuối cùng sức mạnh Na-la-diên là hơn hết; mỗi lỗ chân lông của sinh thân Phật đều bằng sức mạnh Na-la-diên, do đó thân pháp giới dụ cho sức mạnh của Na-la-diên.

10) Thứ chín, Đại Na-la-diên lực Chấp kim cang: nghĩa là giữ gìn năng lực thần thông bí mật, như Nhất-xiển-đề ắt chết nhanh chóng, hàng Nhị thừa thật tế làm người chứng đắc rồi chết, các Đức Phật là bậc Y Vương thấy rõ tánh Như lai thì chắc chắn là như Sư Tử rống, đối với nhân duyên cứu giúp, tâm không hèn nhát, các Bồ-tát còn không thể như như, cho nên lại nói không chung với tất cả sức mạnh của Đại Ma-la-diên.

11) Thứ mười, Diệu Chấp kim cang: Diệu gọi là không còn ai sánh bằng, còn có nghĩa là không ai hơn, giống như đề hồ ngon ngọt cùng cực, không thể thêm nữa, thường không thay đổi, không xen, không tạp. Như lai cũng vậy, tất cả công đức, đều không ai sánh bằng, không ai vượt hơn, việc làm trong các cõi cũng chỉ vì một việc nhân duyên này, do đó gọi là Diệu Chấp kim cang.

12) Thứ mười một, Thắng Tấn Chấp kim cang: Thắng nghĩa là Đại Không, Đại không là Biến nhất thiết xứ, cho nên có khả năng khởi thần thông nhanh chóng. Người nương trụ ở đây, khi vừa phát tâm liền thành Chánh giác, không động sinh tử mà đến Niết-bàn, nên gọi là thắng tấn.

13) Thứ mười hai, Vô Cấu Chấp kim cang: tức là lìa tất cả thứ che lấp tâm Bồ-đề; ví như thể tánh vàng thật hoàn toàn trong sạch, nếu dùng các cách nung luyện các thứ báu, mài ngọc, lại sáng đẹp hơn thì biết được chất ban đầu, còn lẫn lộn các hạt cát bụi, có khả năng giữ gìn Kim cang trong sạch rốt ráo này, do đó lấy làm tên.

14) Thứ mười ba, Nhận tấn Chấp kim cang: Chữ Nhận này tiếng Phạm là sự giận dữ trong sự giận dữ, sự bén nhọn trong sự bén nhọn, dịch nghĩa giống như dao nhọn, giữ gìn trí Kim cang sắc bén này thì tất cả chỗ khó dứt trừ đều dứt trừ hết, chỗ khó tiêu diệt thảy tiêu diệt sạch, vì thế lấy làm tên.

15) Thứ mười bốn, Như lai giáp Chấp kim cang: Như lai giáp: là đại từ, dùng đây trang nghiêm thân che chở chúng sinh, thực hành Phật sự, không bị tất cả phiền não làm tổn thương, còn hàng phục được những hạng người thô ác, cho nên lấy làm tên.

16) Thứ mười lăm, Như lai cú sinh Chấp kim cang: Cú gọi là chỗ ở tức là Đại không sinh; công đức tự chứng của các Đức Phật, từ tánh Như lai sinh ra, gia trì thân này, từ Như lai tự chứng công đức sinh ra, do

không lìa "tự môn A nên gọi là Như lai cú sinh".

17) Thứ mười sáu, Trụ vô hý luận Chấp kim cang: chính là trụ tuệ Đại không, nghĩa là quán tướng thật duyên khởi, chẳng sinh, chẳng diệt, chẳng đoạn, chẳng thường, cũng không có đến đi, một, khác, đó là chỗ dứt những lời nói rộng, pháp như Niết-bàn, giữ trí ấn như thế, cho nên lấy đó làm tên.

18) Thứ mười bảy, Như lai Thập lực sinh Chấp kim cang: tức là trí phương tiện của Đức Phật, diệu quyền như thế từ chỗ nào sinh ra? Nghĩa là từ mười Trí lực của Như lai sinh ra, giữ ấn này, cho nên được lấy làm tên.

19) Thứ mười tám, Vô Cấu Nhãn Chấp kim cang: tức là ngũ nhãn của Như lai, vì tâm Bồ-đề rốt ráo thanh tịnh, nên dùng tất cả cách quán sát tất cả pháp, biết rõ kiến, văn, giác, tri không hề chướng ngại, có thể trì Kim cang ấn như thế, cho nên lấy làm tên.

20) Thứ mười chín, Kim Cang Thủ Bí Mật Chủ: Tiếng Phạm Bá-ni, tức là bàn tay nắm giữ, chưởng trì Kim cang và thủ chấp nghĩa giống nhau, cho nên trong kinh hai danh từ xen nhau nêu bày. Ấn-độ cho Dạ-xoa là bí mật, vì thân, miệng, ý của nó nhanh chóng ẩn mật khó có thể biết được; xưa dịch hoặc nói mật tích hoặc lược nói nghĩa cạn cợt thì Bí Mật Chủ tức là vua Dạ-xoa, cầm chày Kim cang thường theo che chở Đức Phật, nên gọi là Kim Cang Thủ. Như trong đó có nghĩa sâu sắc.

21. Thân, ngữ, ý bí mật của Như lai:

Nói Dạ-xoa tức là thân, ngữ, ý bí mật của Như lai, chỉ có Phật và Phật mới biết được, cho đến Bồ-tát, Di-lặc... đối với thần thông bí mật ấy, năng lực vẫn chưa bằng, bí mật nhất trong các bí mật, cái gọi là vua của tâm bí mật, đó gọi là Bí Mật Chủ, có khả năng trì ấn này nên gọi là Chấp kim cang. Các vị Thượng thủ như thế nhiều như số cát bụi trong mười cõi Phật cầm chày Kim cang nhóm họp đầy đủ; nếu còn bản Phạm, sẽ nêu tên ở dưới, mỗi vị đều có tiếng tăm rộng lớn, lẽ ra gọi là Hư không vô cấu... hư không du bộ... cho đến Bí Mật Chủ... Vì sao? Vì các vị Thượng thủ Chấp kim cang này mỗi vị đều có Vô lượng bộ loại quyến thuộc, Đại bản vẫn còn đủ. Nhưng nói chung cương yếu kia thì cành ngọn đều theo, đối với các Tông thường dùng thì không đáng thiếu.

22. Nói về số lượng các Đức Như lai:

Nói như số cát bụi của mười cõi Phật: là Trí ấn khác nhau của Như lai, số ấy vô lượng, chẳng thể dùng toán số ví dụ mà biết được, lại dùng mười trí lực Như lai, mỗi trí lực hợp với số cát bụi trong một cõi Phật,

để tiêu biểu số chúng nhóm họp. Nghĩa thế giới hải, thế giới tánh, cho đến nghĩa một cõi Phật, như trong Thích Luận có nói rộng. Nhưng vì công đức nội chứng của Tỳ-lô-giá-na này được gia trì cho nên từ mỗi trí ấn đều hiện thân Chấp kim cang, hình sắc tánh loại, đều hiện ra bên ngoài. Mỗi vị tùy theo duyên tánh dục của mình, để dẫn dắt nhiếp hóa chúng sinh. Nếu những người tu hành siêng năng tu tập thì sẽ khiến cho ba nghiệp đồng với Bổn tôn, từ một môn này được vào pháp giới, tức là khắp nhập vào tất cả pháp giới môn.

23. Nêu chúng Bồ tát:

Kế là nêu chúng Bồ-tát, suy tôn bốn Thánh làm Thượng thủ; trước nói các vị Chấp kim cang vốn là trí ấn Như lai, nay Bồ-tát này nghĩa gồm định tuệ lại gồm Từ bi, cho nên được tên riêng, cũng là công đức nội chứng của Tỳ-lô-giá-na. Như Chấp kim cang số chúng nhiều như cát bụi trong mười cõi Phật, nên biết các Bồ-tát, pháp môn tương đối, cũng có chúng nhiều như cát bụi trong mười cõi Phật, để gia trì, đều được từ một môn pháp giới, hiện thành một thân Thiện tri thức.

Lại, Bát-nhã Thích Luận nói: Khi sinh thân Phật thành đạo, A-nan Mật Tích Lực sĩ... gọi là nội quyến thuộc, các vị Thánh như Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên... và các Bồ-tát không lui sụt như Di-lặc, Văn-thù, các Bồ-tát một đời Bổ xứ, gọi là Đại quyến thuộc. Ở đây nói thân gia trì của Phật cũng vậy. Các vị Chấp kim cang đều giữ mật ấn Như lai, gọi là nội quyến thuộc, các Bồ-tát do tâm đại Bi dùng phương tiện phổ môn, che chở vô lượng chúng sinh, giúp cho Pháp Vương, làm việc Như lai, gọi là đại quyến thuộc. Vì thế, Kinh Đại phẩm chép: Muốn làm nội quyến thuộc, muốn được đại quyến thuộc của các Đức Phật, phải học "Bát-nhã ba-la-mật".

1) Bồ-tát Phổ Hiền: Phổ là cùng khắp tất cả mọi nơi; Hiền là rất tốt đẹp, nghĩa là tâm Bồ-đề đã khởi nguyện hạnh và thân, miệng, ý đều bình đẳng khắp tất cả mọi nơi, tốt đẹp thuần nhất đầy đủ các đức, nên lấy đó làm tên.

2) Bồ-tát Từ Thị: là bốn tâm vô lượng của Phật. Ở đây lấy chữ Từ làm đầu; từ này là từ trong giòng họ Như lai sinh ra, có công năng giúp cho tất cả thế gian không ngừng dứt nhà Như lai, đó gọi là Từ Thị.

Ở trên nói Phổ Hiền, là đức tự chứng bản nguyện đã mãn, muốn giáo hóa chúng sinh cho được đạo này, nên kế nói sau.

3) Bồ-tát Diệu Cát Tường: nghĩa là trí tuệ vô thượng của Phật, giống như đề hồ thuần tịnh bậc nhất.

4) Thất-lợi, Hán dịch là Cát tường nghĩa là đầy đủ các đức; hoặc

dịch là Diệu Đức, cũng dịch là Diệu âm, nghĩa là dùng năng lực đại Từ bi giảng nói pháp mầu, giúp cho tất cả đều nghe, cho nên nói sau ngài Di-lặc.

5) Bồ-tát Trừ Nhất Thiết Cái Chướng: chướng là các thứ tâm cấu của chúng sinh, làm che mắt thanh tịnh Như lai, không thể mở sáng, nếu dùng pháp Vô phân biệt, dứt trừ các lời nói rộng, giống như mây sương tan biến thì mặt trời hiện ra trong sáng, cho nên nói Trừ cái chướng, việc làm của Như lai trong các cõi, đều vì một việc nhân duyên này, cho nên nói sau Bồ-tát Diệu Âm.

24. Bát nhã phải có thiền định:

Lại nữa, người tu hành, tuy học Bát-nhã ba-la-mật, nhưng nếu không Thiền định thì vẫn như người mù, dù gặp ánh sáng mặt trời cũng không thấy được, cho nên sau Văn-thù Diệu Tuệ liền nói tam-muội Trừ cái chướng. Bốn vị Bồ-tát này là bốn đức của thân Phật, nếu có thiên lệch sai sót thì không thể thành Vô thượng Bồ-đề, cho nên nêu trên hết. Để gom chung các đức nhiều như cát bụi. Các vị Đại Bồ-tát, nêu đầy đủ tiếng Phạm, thì lẽ ra nói là Ma-ha Bồ-đề Tát-đỏa.

Thích Luận chép: Bồ-đề là đạo của các Đức Phật, Tát-đỏa dịch là chúng sinh, hoặc dịch là tâm mạnh mẽ, người này đã dứt hết tham dục, được công đức của các Đức Phật, tâm đó không thể dứt bỏ, không thể phá hoại, như núi Kim cang, ấy gọi là Tát-đỏa.

25. Nói về Bồ đề tát-đỏa:

Lại nữa, người này tâm có thể làm việc lớn , không lui sụt không lay động, tâm mạnh mẽ, đối với nhiều chúng sinh, khởi đại Từ bi thành lập Đại thừa, có khả năng thực hành đạo lớn, được chỗ cao nhất, cho nên chắc chắn nói pháp, phá được tất cả các thứ phiền não như tâm đại tà kiến, đại ái, đại ngã... do đó gọi là Ma-ha Tát-đỏa.

A-xà-lê nói: Y theo nghĩa đúng, thì phải nói là Bồ-đề Sách-đá, Sách-đá, này nghĩa là chịu đựng, ưa thích tu hành, giữ vững không xả bỏ, nhưng Thanh minh có pháp như thế. Nếu nói về văn tự, nghĩa ấy tuy đúng, mà âm vận không lưu thông thuận tiện thì được lấy đặt vào cho tiện nên Thế luận sư cho là Tát-đỏa, các vị trao truyền, học tập thuận theo lời văn kia.

26. Có ba thứ Tát-đỏa:

Theo tông Du-già thì Tát-đỏa lược có ba thứ:

1) Ngu Đồng Tát-đỏa: Phàm phu trong sáu đường không biết nhân quả của thật đế , tâm hành tà đạo, tu tập nhân khổ, đắm mê ba cõi, chấp chặt không xả, nên lấy đó làm tên.

2) Hữu thức Tát-đỏa: là hàng Nhị thừa, vừa mới biết được lỗi lầm tai hại của sự sinh tử, tự cầu ra khỏi, được đến Niết-bàn, đắm mê "hóa thành", nghĩ là diệt độ, đối với công đức Như lai không sinh tâm ưa thích phát nguyện, nên lấy đó làm tên.

3) Bồ-đề Tát-đỏa: Vô thượng Bồ-đề, vượt ngoài tất cả các thứ tội lỗi suy đoán, nói rộng, như thế hoàn toàn thuần thiện trong sạch không thể hiểu rõ nghĩa đại khái, tức là bản tánh chúng sinh là tâm không thể suy nghĩ bàn luận, có khả năng chịu đựng việc thành đạo như thế, nguyện muốn tu hành bền vững không lay động, cho nên gọi là Bồ-đề Sách-đá.

27. Các căn cơ hội họp nghe pháp:

Người có công nghiệp lớn lao như thế, có khả năng chuyển trao cho tất cả chúng sinh, nên gọi là Ma-ha Tát-đỏa. Các Đại chúng này, vây quanh trước sau Như lai Đại nhật dùng vô lượng thân, miệng, ý cung kính cúng dường, để nghe pháp.

Kế là nói khi các căn cơ hội họp để nghe pháp, tức kinh cho rằng ngày Như lai vượt ba thời gia trì. Thân, miệng, ý, cú pháp môn ba bình đẳng . Nhưng kinh này truyền khắp Diêm-phù-đề, lược có mười muôn bài kệ, nếu Đại chúng nhiều như cát bụi trong mười cõi nước, mỗi vị đều nói rộng pháp môn thân, miệng, ý khác nhau thì không có hạn lượng, thời phần nói pháp này, phải (làm) thế nào? Cho nên người kết tập nói: Bây giờ, trú ở Phật nhật mà giảng nói pháp, như thời phần ở thế gian thì có quá khứ, hiện tại, vị lai, kiếp lượng dài ngắn các thứ khác nhau.

28. Nói về ba phần đầu, giữa, cuối:

Hơn nữa, y theo sự vận hành của mặt trời trong bốn Thiên hạ (bốn đại châu) thì một châu ngày đêm đều có sơ phần, trung phần và hậu phần (ba phần đầu, giữa, cuối) cho đến ba mươi thời... sát-na không dừng, thay nhau xô đẩy, dùng mắt thanh tịnh quán sát, tướng ba đời hoàn toàn không thật có, không đầu không cuối, cũng không đến không đi, đấy là mặt trời thật tướng, tròn sáng thường trú, vắng lặng như hư không, chẳng có thời phần dài ngắn khác nhau. Nhưng nhờ thần lực của Phật giúp hành giả Du-già sống trong vô lượng kiếp cho là như thời gian một bữa ăn, hoặc cho thời gian một bữa ăn là vô lượng kiếp, dài ngắn tự tại đều thích ứng với các căn cơ, tướng Vô định là thật có cho nên nói mặt trời Như lai.

Trong thời gian này Phật nói pháp gì? Đó là ba câu pháp môn bình đẳng thân, miệng, ý. Nói ba nghiệp... của Như lai, đều đến cảnh giới thật tế mầu nhiệm bậc nhất, thân... bình đẳng với ngữ, ngữ bình đẳng

với tâm, giống như biển lớn, khắp mọi nơi chốn đồng một vị mặn, nên gọi là bình đẳng.

29. Nói về cú:

Cú: Tiếng Phạm là Bát-đàm dịch đúng là Túc (Chân) Thanh Luận nói là nghĩa tiến hành, chỗ ở, như người giở chân, hạ chân thì chỗ dấu chân in gọi là Bát-đàm. Nói từ “Cú đậu” nghĩa cũng như vậy, cho nên đồng một tên mà thôi. Nay y theo tông này, nói tu theo đạo lý, lần lượt tiến tu, được trú ba bình đẳng, gọi là cú. Chính vì dùng thân, miệng, ý bình đẳng bí mật giá trì, làm chỗ nhập môn, nghĩa là dùng mật ấn thân bình đẳng, chân lời nói bình đẳng, diệu quán tâm bình đẳng làm phương tiện, để thấy được thân gia trì Dụng thân, thân gia trì Dụng thân này, tức là thân Tỳ-lô-giá-na biến nhất thiết, thân biến nhất thiết, chính là trí thân bình đẳng của hành giả.

30. Dại ý kinh này là nhập môn bình đẳng:

Cho nên, người trụ ở thừa này, vì không làm mà làm, không đến mà đến, nên gọi là bình đẳng cú, tất cả chúng sinh đều nhập vào đó, mà thật không thể nhập, không có chỗ nhập, nên gọi là bình đẳng, pháp môn bình đẳng, là đại ý của kinh này.

31. Bồ tát Phổ hiền:

Lúc ấy, Bồ-tát Phổ Hiền là người đứng đầu, các vị Chấp kim cang Bí Mật Chủ làm người đứng đầu, được Đức Phật Tỳ-lô-giá-na gia trì nên hăng hái, thị hiện thân kho Vô tận trang nghiêm , cho đến các loài hữu tình nghiệp thọ chủng trừ, lại có mầm mống sinh khởi, nghĩa là sắp nói pháp môn bình đẳng này, cho nên trước dùng tự tại gia trì làm cảm động đại chúng, đều hiện cảnh giới phổ môn bí mật trang nghiêm, là việc chưa từng có, không thể suy nghĩ bàn luận, do người kia nghi hỏi mà giảng nói thì người nghe càng thêm tin ưa, thâm nhập ý nghĩa lời nói, như phần tựa kinh Pháp Hoa, nhân duyên phẩm Tùng Địa Dõng Xuất, trong đây sẽ nói rộng.

32. Phổ Hiền Bí mật chủ:

Lại nữa, Phổ Hiền Bí Mật Chủ... các vị nhân giả thượng thủ, tức là trí thân khác nhau của Tỳ-lô-giá-na, đối với cảnh giới như thế, thông đạt đã lâu, nhưng các Thiện tri thức các môn giải thoát này hiện ra, mỗi vị đều dẫn dắt vô lượng chúng đương cơ đồng vào pháp giới Mạn-đồ-la, vì nhiều lợi ích như vậy nên mới nhập pháp môn thực hành hạnh Bồ-tát. Như lai gia trì, hăng hái thị hiện năng lực thần thông rộng lớn, như Sư tử đầu đàn khi muốn rống lên thì chắc chắn trước thân nó phải ra sức, tỏ ra sức mạnh rồi mới phát ra tiếng, Như lai cũng như vậy, khi muốn làm

Sư tử rống thì chắc chắn phải giảng nói tất cả Trí môn, vì thế trước hăng hái thị hiện kho vô tận trang nghiêm. Cái gọi là trang nghiêm: nghĩa là từ một thân bình đẳng, hiện khắp tất cả oai nghi, oai nghi như thế, đều là mật ấn, từ một lời bình đẳng, khắp hiện tất cả âm thanh, âm thanh như thế, đều là chân ngôn; từ một tâm bình đẳng, khắp hiện tất cả Bổn tôn, Bổn tôn như thế, đều là Tam-muội. Nhưng mỗi tướng ba nghiệp khác nhau này, đều không bờ mé, không thể đo lường, nên gọi là Vô tận trang nghiêm.

33. Dẫn kinh:

Kinh Như lai Bí Mật Tuệ chép: Bồ-tát Trừ Cái Chướng ở trong pháp hội, muốn biết lượng thân Phật, bèn nhờ Đại Mục-kiền-liên tìm, Mục-liên lên đến cung điện Phạm thiên vẫn còn thấy Như lai như ở trước mắt. Oai nghi thân Phật, âm thanh nói pháp vẫn như cũ không khác, cho đến tất cả thần lực của Mục-liên, đi đến cõi Phật phương khác, cũng không khác cung điện Phạm thiên.

34. Thần lực của Như lai:

Bấy giờ, Bồ-tát Trừ Cái Chướng và Mục-kiền-liên, không thể đo lường, các ngài tự đến quán sát, trải qua mười phương mỗi phương thế giới nhiều như số cát sông Hằng, đều thấy Như lai, không rời khỏi chỗ ngồi vẫn giảng nói pháp, cho đến tất cả thần thông thế lực của các ngài vòng quanh hết mười phương cũng như vậy, sau đó lại trở về, mới thầy Trừ Nghi Thiên nữ cách Phật không xa, thấy nhập vào Tam-muội, liền khởi niệm rằng: Ta nghe nói Thiên nữ này, thông đạt Vô lượng môn Tam-muội, ta phải quán sát xem hiện giờ Thiên nữ đang trụ trong định nào, lại dùng hết tâm lực quán sát, không thể đo lường chỗ tâm kia đã hành, nhóm họp vô lượng chiếc trống trời, mỗi trống đều cao lớn như núi chúa Tu-di , dùng thần lực cùng một lúc phát ra âm thanh, muốn làm cho Thiên nữ xuất định mà không thể được, cho đến Đức Phật dạy: Khi ta chưa phát tâm Bồ-đề thì Thiên nữ đã có khả năng trụ trong Tam-muội này, chính là nghĩa không bờ mé.

35. Thân Tỳ-lô-giá-na trùm khắp:

Tỳ-lô-giá-na như thế khắp ở tất cả các thế giới trong mười phương mỗi phương đều hiện thân che chở của Phật, mỗi thân ấy, đều có mười cõi Phật như số cát bụi... các đại chúng Bồ-tát Kim cang, đại chúng này các căn tướng tốt đẹp, cũng lại vô biên, nhiều như dầu mè, đầy khắp pháp giới ở giữa hư không chẳng có chỗ hở, lại như nhà vua có kho chứa lớn, nếu muốn chuyên chở người thì tự do mở ra bày khắp, nên nói là kho trang nghiêm.

Lại nữa, các đại chúng này, chỉ nhờ năng lực oai thần Phật, nên được thấy cảnh giới không thể suy nghĩ bàn luận như thế, nếu Như lai bỏ sự gia trì thì không hiện ra được, không phải chỗ giới hạn tự tâm của các vị ấy đạt đến được. Nếu hành giả bên trong tu Tam-muội Ban-chu, ở ngoài trông mong thần lực che chở thì có thể dùng sinh thân do cha mẹ và thấy các Đức Phật mười phương.

36. Nêu ví dụ:

Như vào ban đêm trời trong không có mây ngước nhìn thấy các sao, nghe được pháp âm rõ ràng không chướng ngại. Nhưng cảnh giới này, do tâm hành giả thanh tịnh mà sinh hay do Phật che chở mà sinh? Nếu do nội tâm tức là từ tự tánh sinh, nếu do Phật lực thì từ tha tánh sinh tất cả không khác ý nghĩa bàn luận của ngoại đạo, chỉ là do tự tha đều không, hòa hợp cũng không, lại đều do nhân duyên mà được thành tựu. Vì sao? Vì trong nhân ngoài duyên hễ thiếu cái nào thì không hiện tiền, phải biết tướng trang nghiêm như thế, khi đến không từ chỗ nào, khi đi ũng chẳng về đâu, rốt ráo bình đẳng không ra ngoài Như...

37. Dẫn Kinh:

Kinh chép: Không từ thân, hoặc ý, hoặc ngữ của Phật Tỳ-lô-giá-na sinh ra, tất cả mọi nơi bờ mé sinh diệt không thật có, nhưng tất cả nghiệp thân, ngữ, ý của Tỳ-lô-giá-na, tất cả nơi chốn, tất cả thời gian ở cõi hữu tình, giảng nói pháp Chân ngôn Đạo cú, đây là xoay vần giải thích kho trang nghiêm của Phật, sở dĩ không cùng tận, không giới hạn, là vì không khác thân trùm khắp mọi nơi, thường trụ bất diệt của Như lai, tùy thường không khởi diệt nhưng có thể dùng tất cả ba nghiệp, đến khắp tất cả mọi nơi, bất cứ lúc nào trong ba đời, mười phương, nói đạo tối thật, giáo hóa chúng sanh, phép tắc của bậc thầy giúp tâm họ đến với Phật đạo.

Kinh chép: Lại hiện dung mạo của Chấp kim cang, Bồ-tát Phổ Hiền, Liên Hoa Thủ... khắp trong mười phương, giảng nói Chân ngôn đạo thanh tịnh cú pháp, cái gọi là mới phát tâm cho đến Thập Địa thứ lớp ở đây sinh đầy đủ, duyên nghiệp sinh nhiều lên loài hữu tình nghiệp loại, hạt giống tuổi thọ hoại, lại có mầm chồi sinh khởi, lại nhiều tướng trước, ý nói, không những thị hiện thân Phật, đủ khắp tất cả các thế giới trong mười phương, mà còn hiện thân Bồ-tát Kim cang... cũng dùng khắp tất cả mọi nơi, hơn nữa, như số cát bụi trong mười cõi Phật, các Bồ-tát Chấp kim cang... thân miệng tâm ấn khác nhau không đồng, như thế mỗi hình loại quyến thuộc của Bổn tôn, đều như Tỳ-lô-giá-na, đầy đủ tất cả thế giới trong mười phương, như lưới trời Đế-thích giao

xen không ngăn ngại.

38. Nêu ba vị Thánh để tôn xưng người đứng đầu:

Nay lược nêu ba vị Thánh, là để tôn xưng người đứng đầu. Chấp kim cang ứng với môn Kim cang trí tuệ, là phương tiện hàng phục, Phổ Hiền ứng với môn pháp thân Như Như, là phương tiện tiêu tai. Quán Âm ứng với môn Tam-muội Liên hoa, là phương tiện tăng ích, nêu ba điểm này thì vô lượng diệu dụng không thể suy nghĩ bàn luận, đều đã thu nhiếp ở trong đó, cho đến chư thiên tám bộ chúng, các tiên đắc năm thứ Thần thông, bên ngoài hiện Mạn-trà-la để biểu thị, so sánh rất dễ hiểu.

Các thứ nhân duyên như thế, vô số phương tiện phổ môn ứng hiện giáo hóa chúng sinh, tuy sâu cạn, thô tế khác nhau, nhưng nghiên cứu sự thật kia đều bí mật gia trì, mỗi mỗi đều mở bày tri kiến thanh tịnh Như lai, nếu xa lìa ấn tướng thật như thế thì ngoài ra đều từ ác kiến sinh ra, kết làm bè bạn với Thiên ma ngoại đạo, đâu được gọi là cú nghĩa thanh tịnh ư?

Kế lại giải thích rằng cái gọi là câu Thanh tịnh ức là nương thần thông đốn ngộ thành Phật. Như Bồ-tát ở các thừa khác, chí cầu Bồ-đề vô thượng, bao nhiêu cần cù gian khổ không tiếc thân mạng, trải qua vô số A-tăng-kỳ kiếp, hoặc có vị thành Phật, hoặc có vị không thành Phật.

39. Vượt lên địa vị Phật:

Nay Bồ tát của môn chân ngôn này, nếu có thể không thiếu phép tắc, phương tiện tu hành, cho đến sinh ở trong đây, đợi thấy cảnh giới vô tận trang nghiêm che chở, không chỉ hiện ra trước mắt mà thôi, nếu muốn vượt lên địa vị Phật liền đồng với Như lai Đại Nhật thì cũng có thể đến được.

Lại nữa hành giả, khi mới phát tâm được nhập tự môn A, tức là từ Kim cang tánh của Như lai sinh ra đầu mối, phải biết đầu mối của mầm móng này, xoay chuyển tiến lên, không còn có nghĩa lui sụt, cho đến thành Bồ-đề, không hành, có thể thêm lên, sau đó mới dừng dứt, cho nên nói thứ lớp đời này đầy đủ.

Trong đây, thứ lớp: Tiếng Phạm nghĩa là bất trụ, tinh tấn, biến hành. Nghĩa là mới phát tâm muốn nhập vào giai vị Bồ-tát đối với Pháp yếu chân ngôn này làm phương tiện tu hành, được đến Sơ địa.

40. Vượt lên Địa thứ ba:

Bấy giờ, tâm Vô sở trụ tiến lên không dừng, ấy là đầy đủ Địa thứ hai, lại y theo pháp yếu chân ngôn làm phương tiện tu hành, được đến

Địa thứ ba, lúc ấy, đem tâm Vô sở trụ tiến lên không dừng, được đến Địa thứ tư; lại y vào pháp yếu chân ngôn, được nhập vào Địa thứ năm, như thế lần lượt, cho đến đầy đủ Thập địa, chỉ dùng một hạnh, một đạo, mà thành Chánh giác.

Nếu nhập vào môn phương tiện khác để mở bày ý sâu kín thì cũng đều không lìa thừa báu như thế.

Duyên nghiệp mà sinh: Nghĩa là vì nhân duyên si ái của hữu tình, thân, miệng, ý tạo ra các thứ nghiệp không thanh tịnh, luống dối, nương các nghiệp như thế thân sinh trong sáu đường, làm cho luân hồi thêm dài, chịu đủ các khổ.

Nay tu môn tuệ thanh tịnh ba nghiệp bình đẳng, tất cả các uẩn, nghiệp thọ hạt giống trong A-lại-da, thảy đều đốt sạch, được đến tâm Đại Bồ-đề như Hư không vô cấu, hạt giống bình đẳng của tất cả Như lai, từ trong Bi tạng nẩy mầm pháp tánh, cho đến cành, lá, hoa, quả đầy khắp các pháp giới, thành cây Bồ-đề chúa, nở ra hoa muôn đức, nhưng quán sát theo nghĩa Tứ Bất Sinh thì đều không sinh khởi, cũng không có chỗ khởi, phải biết sinh này tức là Đại không sinh, cho nên nói nghiệp thọ hạt giống của loài hữu tình, được dứt trừ thì lại có mầm giống sinh khởi.

41. Thần lực thị hiện của Phật:

Lại nữa, Như lai hiện ra các thiện tri thức và môn pháp giới số nhiều như cát bụi trong mười cõi Phật, dù cho lần lượt xem nghe thì vô lượng, vô biên A-tăng-kỳ kiếp không thể rộng khắp, nhờ mặt trời Phật che chở cho nên như khoảng thời gian ngồi trong hội thảy đều hiện ra trước mắt; chính là sắp nói kinh này, thị hiện tướng tốt, thần thông không thể suy nghĩ bàn luận, như Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi xem thấy sợi lông trắng soi chiếu một muôn tám ngàn cõi nước, các thứ nhân duyên của các Bồ-tát đều hành đạo Bồ-tát, liền biết các Đức Phật muốn nói kinh Pháp Hoa bỏ quyền bày thật. Phải biết Kim Cang Thủ... cũng như vậy, thấy khắp thế giới gia trì, chỉ nói pháp môn bình đẳng, liền biết Như lai sắp nói giáo nương khắp tất cả, tự tâm thành Phật. Cho nên lời hỏi ở văn dưới là nương theo đây mà sinh.

42. Chấp Kim cang Bí Mật Chủ thưa hỏi Phật:

Bấy giờ, Chấp kim cang Bí Mật Chủ, ngồi trong chúng hội kia, bạch Phật rằng: Bạch đức Thế-tôn! Vì sao Như lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri được trí Nhất thiết chủng trí? Cho đến trí tuệ như thế, lấy gì làm nhân? Thế nào là căn? Làm sao rốt ráo?

Trí Như lai tự chứng, dù cho dùng thần lực che chở, cũng không

thể chỉ bày cho người thấy, trước nói ra năng lực thị hiện kho Vô tận trang nghiêm , đều là dấu vết của công dụng bên ngoài. Người trí thấy ngọn nghành thì dụ với tông bổn, như thấy dấu vết con voi hơn nhiều loài thú. Chỗ nó dẫm đến lại sâu rộng hơn, dù không thấy hình dáng nó, phải biết con voi này thân lực phải lớn, lại như sấm chớp mưa gào, làm cho chim thú bị rúng động mà chết, trăm sông chảy xiết hoại núi lở đồi, tuy không lường nguồn gốc của nó, nhưng biết ngay được thế lực của rồng này chắc chắn lớn mạnh.

Nay các đại chúng cũng như vậy, dùng quán thân miệng, ý Vô tận, của Như lai, có thể cùng lúc ứng khắp với chúng sinh trong pháp giới, khéo thích hợp với căn cơ, trở thành Phật sự thì biết trí lực Như lai, chắc chắn trong một niệm, xem xét khắp gốc ngọn, nhân duyên của các căn cơ rốt ráo không ngăn ngại, nương theo quyền tục mà còn như thế, huống chi khế hiệp cảnh giới chân thật kia thì sẽ như thế nào? Nếu pháp không như thế thì có dấu vết nhỏ để tìm; ta đã thấy hết như vậy, không biết pháp này từ đâu mà được, cho nên Chấp kim cang do tâm nghi của chúng hội mà hỏi Đức Phật rằng: Vì sao Như lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri đắc trí Nhất thiết trí này.

43. Giải thích danh từ Như lai:

Tiếng Phạm lời Đát-tha Yết-đa: Đát-tha là Như; Yết-đa là Lai, hiểu biết, nói, đi, như các Đức Phật nương đạo như thật, đến thành Chánh giác, nay Phật cũng đến (lai) như thế, nên gọi là Như lai, tất cả các Đức Phật, hiểu biết tướng thật đúng như pháp, hiểu rồi cũng như tướng thật các pháp, vì chúng sinh mà nói, nay Đức Phật cũng như vậy, nên gọi là biết Như thật, cũng gọi nói đúng như thật, tất cả các Đức Phật được tánh an vui như thế, thẳng đến Niết-bàn, nay Phật cũng đi như thế, nên gọi là như khứ. Thích Luận gồm có bốn nghĩa, nhưng xưa dịch Đa là Như lai, Giới Bổn của Hữu Bộ nói như khứ, ý của A-xà-lê là như khứ, như thuyết. Nay lại thuận theo đề xưa.

44. Giải thích danh từ A-la-hán:

Tiếng Phạm là A-la-ha: A-la là phiền não, Ha là hại, là dứt trừ, Thích luận nói là Sát tặc (giết giặc). Đức Phật dùng áo giáp nhẫn nhục, tinh tấn, cưỡi ngựa giữ giới, cung định, tên tuệ, ngoài phá ma quân, bên trong giết giặc phiền não, vì thế lấy đó đặt tên; lại A là bất, La-ha là sinh, nghĩa là hạt giống trong tâm Phật, không sinh trong ruộng đời sau, thoát ra lớp vỏ vô minh.

Lại nữa, A-la-ha là nghĩa xứng đáng thọ cúng dường vì có công đức như thế, lẽ ra được sự cúng dường cao nhất của trời người, vì thế

lấy đó làm tên.

45. Giải thích danh từ chánh kiến Tri:

Bổn Phạm là Tam-miệu Tam-phật-đà, Tam-miệu là Chánh, Tam là Biến, Phật-đà là Tri, do đó gọi là Chánh Biến Tri. Thích luận chép: Nếu có người nói vì sao chỉ có Phật như thật thuyết, Như lai, như khứ, xứng đáng được thọ sự cúng dường tối thượng ư?

Vì Đức Phật đắc trí tuệ chánh biến (trí tuệ chân chính trùm khắp. Chánh là tướng không động, không hoại của các pháp, Biến là không vì một pháp, hai pháp, cho nên biết tất cả pháp không có dư sót, ấy gọi là Tam-miệu Tam-phật-đà. Nhưng trong tông này, Phật-đà là Giác, nghĩa là mở bày, nghĩa là do trí tuệ tự nhiên, biết khắp tất cả pháp, như hoa sen nở tròn không có dơ bẩn, cũng có công năng mở bày cho tất cả chúng sinh, vì thế gọi là "Phật".

46. Giải thích danh từ Tát-bà-nhã:

Tiếng Phạm là Tát-bà Nhã-đa, tức là trí Nhất thiết trí. Thích Luận chép: Tát-bà-nhã tức là Nhất thiết trí, Nhất thiết nghĩa là Vô lượng pháp môn như danh sắc... mỗi thứ đều nhiếp tất cả pháp, như thế vô lượng ba, bốn, năm, sáu... cho đến A-tăng-kỳ pháp môn nhiếp tất cả pháp, trong tất cả pháp này thì đối với tất cả pháp như tướng một, tướng khác, tướng lậu, tướng phi lậu, tướng tác, tướng phi tác... mỗi tướng, mỗi mỗi lực, mỗi nhân duyên, mỗi quả báo, mỗi tánh, mỗi đắc, mỗi thất, tất cả năng lực trí tuệ, tất cả đời, tất cả chủng loại, đều hiểu biết khắp, đó gọi là Tát-bà-nhã.

47. Trí nhất thiết trí:

Nay nói trí Nhất thiết trí tức là trí ở trong trí, không phải chỉ dùng tất cả thứ biết khắp tất cả pháp, cũng biết pháp ấy rốt ráo, thật tế, tướng thường không hư hoại, không thêm, không bớt, giống như Kim cang, cảnh tự chứng như thế, người nói không có lời nói, người nhìn không thấy được, không giống như quả Am-na-lặc trong lòng bàn tay, có thể trao cho người, nếu có thể dùng lời nói truyền trao cho người thì khi Bồ-tát Thích-ca được Đức Phật Định Quang thọ ký lẽ ra phải thành Phật ngay. Vì sao tu đủ phương tiện, phải đợi không thầy tự giác, mới gọi là Phật?

48. Nêu ví dụ:

Lại như nhìn thấy người đời, bị gươm đao, gậy gộc làm tổn thương, tuy tin người kia chịu khổ không thể nghi ngờ, nhưng nói cho nghe các việc rồi cũng không bao giờ chứng biết, nếu tự thân mình trực tiếp chịu khổ thì mới biết được rõ ràng. Ý nói rằng, vì sao giúp chúng ta... có

được trí tuệ tự giác như thế, vì sao được tuệ này rồi, thì có khả năng vì vô lượng chúng sinh, giảng nói phân bố khắp nơi, tùy theo các đường, các thứ tánh dục, các thứ phương tiện, giảng nói trí Nhất thiết trí, cái gọi là an lập vô lượng thừa, thị hiện vô lượng thân, mỗi việc giống như lời nói kia, trụ trong oai nghi kia, nhưng đạo lý Nhất thiết trí này vẫn cùng một vị, đó là vị giải thoát của Như lai, phương tiện mầu nhiệm này làm sao mà chứng được.

49. Các thứ đường:

Trong đây, các thứ đường. Tiếng Phạm là Na-diên, cũng dịch là hành, cũng dịch là Đạo, Hán dịch là đạo Đại thừa... nghĩa đồng. Luận Tỳ-bà-sa chép: Có năm đạo, người tu theo Đại thừa (Ma-ha-diễn) thường nói sáu đường, như thế giảng rộng ra cho đến trong thế giới này có ba mươi sáu câu-chi đường chúng sinh , huống chi tất cả thế giới trong mười phương?

50. Tánh dục:

Tánh dục: Dục là ham muốn ưa thích, như Tôn-đà-la Nan-đà ưa năm dục, Đề-bà-đạt-đa thích tiếng tăm... cho đến những người đắc đạo cũng đều có sở thích, Đại Ca-diếp ưa thích hạnh Đầu-đà, Xá-lợi-phất thích trí tuệ, Ly-bà-đa thích ngồi thiền, Ưu-ba-ly thích hiểu biết luật, A-nan thích học rộng v.v... sau sẽ nói rộng. Tánh gọi là chứa nhóm; tướng từ tánh mà sinh, dục tùy theo tánh mà thực hành, hoặc có khi từ dục thành tánh, tập dục thành tánh, tánh gọi là tâm nhiễm , tâm nhiệm làm việc dục gọi là theo duyên khởi, việc này trong Thích Luận có nói.

51. Các đạo phương tiện:

Chủng chủng phương tiện đạo: Bồ-tát Long Thọ dạy: Bát-nhã và phương tiện bản thể là một nhưng công dụng có khác. Ví như người thợ bạc, dùng phương tiện khéo léo, gia công vàng thành các phẩm vật khác nhau, tuy đều là vàng, nhưng mỗi món đều có tên khác.

Nay Tỳ-lô-giá-na cũng như vậy, có khả năng đem thể trí vàng ròng đến khắp mọi nơi, để tạo thành các thừa.

Lại nữa, ý hỏi trong đây, tức là phát khởi Đại bi thai tạng Mạn-trà-la. Trong tâm địa bình đẳng Tát-bà-nhã, vẽ thành Phật, Bồ-tát, cho đến Nhị thừa, tám Bộ chúng... tứ chủng đàn tròn pháp giới, mỗi tâm ấn thân ngữ của bản tôn này, đều là một loại Thừa khác nhau. Hơn nữa như có người chí cầu đạo trí năm thông, liền từ Đại bi thai tạng, hiện ra hình tướng Vi-đà, Phạm chí, nói cho nghe hành pháp chân ngôn như tiên Cù-đàm... hành giả tinh tấn không lâu thì thành vị tiên này, lại chuyển phương tiện, liền thành thân Tỳ-lô-giá-na, như thế, hoặc hiện thân Phật

nói các thứ thừa, cho đến hiện thân phi nhân nói các thứ thừa, tùy loại âm thanh hình tướng đều là chân ngôn mật ấn, hoặc lâu hoặc mau, đều là nhân duyên trống độc, cho nên kinh nói đều đồng một vị, đó gọi là vị giải thoát của Như lai.

52. Trí nhất thiết trí lìa tất cả phân biệt:

Vì sao? Vì tướng thật sắc tâm của tất cả chúng sinh, từ bản tế xưa nay thường là trí thân bình đẳng của Tỳ-lô-giá-na, không phải khi đắc Bồ-đề, gắng gượng coi các pháp là không, mà thành pháp giới. Phật từ tâm địa bình đẳng tự khai mở kho Vô tận trang nghiêm Đại Mạn-trà-la rồi, lại phải mở bày tâm địa bình đẳng và kho Vô tận trang nghiêm Đại Mạn-trà-la cho chúng sinh, khéo léo cảm ứng, đều không ngoài tự môn A, phải biết nhân duyên cảm ứng sinh ra phương tiện, cũng không ra ngoài tự môn A. Ví như trong biển lớn, sóng mòi vô nhau thành năng sở, nhưng cũng đều cùng một vị, đó là vị mặn.

Lại nữa, Chấp kim cang nương thần lực Phật, vì muốn khai mở phương tiện bí mật Đại bi thai tạng nên lại nói năm thí dụ, đó là hư không, đất, nước, gió, lửa. Đầu tiên là thí dụ như cõi hư không lìa tất cả phân biệt, vô phân biệt, chẳng phải vô phân biệt, trí Nhất thiết trí này lìa tất cả phân biệt, vô phân biệt, chẳng phải vô phân biệt, đó tức là nghĩa trong Tỳ-bà-sa, hư không chẳng lỗi, chẳng đức, nay trí thân của Như lai lìa tất cả lỗi, thành tựu muôn đức, làm sao ví dụ được? Chỉ lấy một phần nhỏ tương tự, huống chi là đại không? Trong đây, so sánh có ba nghĩa:

1) Hư không rốt ráo thanh tịnh.

2) Không có bờ mé.

3) Không phân biệt.

53. Giống như hư không chẳng có phân biệt:

Tánh của tất cả trí tâm cũng như vậy, vì thế dùng thế gian dễ hiểu không, thí dụ thì khó hiểu không. Trước nói lìa tất cả phân biệt, tiếng Phạm là Kiếp-ba, sau nói vô phân biệt, tiếng Phạm là Kiếp-ba-dạ-đế, sở dĩ lặp lại , là vì trên sự phân biệt lại sinh nghĩa phân biệt, chẳng hạn như tầm, tứ, nếu xem qua loa thì gọi là tầm, xem xét kỹ gọi là từ. Lại như khi nhãn thức sinh, có phân biệt qua loa, kế là ý thức sinh là phân biệt kỹ. Xưa dịch có chỗ cho Kiếp-ba là vọng chấp, ý vị dụ nói, giống như hư không chẳng có vọng chấp phân biệt, vô phân biệt, cũng chẳng phải vô phân biệt.

54. Lại như hư không lìa tướng hiển sắc, hình sắc:

Lại như hư không lìa các thứ tướng hiển sắc hình sắc, không có tạo

tác, nhưng có thể chứa đựng dung nạp muôn vật, tất cả cây cỏ nhờ đó mà sinh ra và lớn lên, sự nghiệp của hữu tình nương đây mà được thành tựu, trí Phật, hư không cũng như vậy, tuy lìa tất cả tướng nhưng thường không sanh khởi phân biệt, mà vô lượng độ môn, các nghiệp tốt đẹp đều được thành tựu, do đó đem làm ví dụ.

55. Trí nhất thiết trí là chỗ nương:

Câu thứ hai nói: Ví như mặt đất tất cả chúng sinh đều nương ở, trí Nhất thiết trí cũng giống như thế, là chỗ nương của các trời, người, A-tu-la. Như ở thế gian trăm thứ lúa đậu, các cây thuốc, cây cối, lùm rừng, tùy theo tánh của nó chia thành vô lượng thứ khác nhau, đều từ mặt đất mà sinh mầm rễ, cho đến cành lá, hoa quả lần lượt thành tựu, được tất cả chúng sinh làm nơi nương ở và vun trồng chăm bón, mặt đất cũng không nghĩ rằng, nay ta gánh vác tất cả thế gian, không nghĩ ân đức, không có nhàm mõi, tăng cũng không vui, giảm cũng không buồn, sâu rộng khó lường, không thể làm lay động; đất Nhất thiết trí cũng như vậy, đã sinh ra tất cả hạt giống đại Bi Mạn-trà-la, đây là chỗ vô lượng sự nghiệp của các Thừa nương ở, đối với sinh tử hay Niết-bàn tâm kia đều bình đẳng, tám thứ gió ở thế gian không thể làm xao động, lấy những phần nhỏ tương tự như thế, để làm ví dụ.

56. Lửa đốt cháy củi, như lửa trí Như lai đốt sạch của phiền não:

Câu thứ ba nói: Như lửa đốt cháy tất cả củi không biết thỏa mãn, trí Nhất thiết trí cũng như thế, đốt cháy tất cả củi không vô trí, mà chẳng biết thỏa mãn. Ví như ngọn lửa, giả sử chất củi đầy khắp thế giới, đều cao như núi chúa Tu-di, lần lượt đốt cháy không hề sợ hãi, không nghĩ rằng, ta sẽ đốt cháy củi ấy, không đốt cháy củi ấy, cháy mãi không dứt, càng dữ dội không thỏa mãn, đốt cháy hết rồi, sau đó diệt theo, lửa trí Như lai cũng như vậy, đốt sạch tất cả củi nói suông phiền não, cho đến duyên đối đãi đều hết, chính ánh sáng trí tuệ này cũng không có chỗ nương.

Lại nữa, như lửa ở thế gian, sang hèn đều dùng, có công năng chiếu sáng trong đêm tối, người lạc đường đều được nẻo chính, lại đều có công năng thành tựu tất cả các vật, lửa Nhất thiết trí này, bậc Thánh, phàm phu dị sinh đều có, trong đêm dài từ vô thỉ, giúp các vị tu hành thấy đạo như thật, lần lượt thành tựu tất cả Phật pháp, do đó lấy làm thí dụ.

57. Như gió thổi bụi giống như trí Nhất thiết trí thổi tam bụi phiền não:

Câu thứ tư nói: Như gió thổi tan tất cả bụi, trí Nhất thiết trí này thổi tan tất cả bụi phiền não, như khi gió lớn nổi lên, khói, mây, bụi, sương tất cả đều tan biến, bầu trời rộng lớn trong xanh thì ba thần mặt trăng, mặt trời, sao hiện rõ, chúng sinh bị sự nóng bức ép ngặt đều được mát mẻ, làm cho cây cối, lùm rừng thêm lớn tốt tươi, cũng có công năng phá diệt tất cả loài vật. Lại như tánh gió cùng khắp không nương vào đâu, tự tại vận chuyển không gì làm trở ngại được, gió tuệ Như lai cũng như vậy, thổi tan tất cả chướng, các, bụi bặm phiền não, giúp chứng Niết-bàn pháp tánh trong mát.

Lại nữa, có công năng giúp cho tất cả pháp lành thế gian, xuất thế gian thêm lớn, phá diệt cây lớn vô minh, nhổ cả gốc rễ , nhưng năng lực không chướng ngại này đều không có chỗ nương cho nên làm ví dụ.

58. Như nước rửa sạch, nước trí của Phật rửa sạch phiền não:

Câu thứ năm nói: Ví như nước, tất cả chúng sinh vui vẻ nương ở, trí Nhất thiết trí này, làm lợi lạc cho các trời và người đời, như nước, từ cao chảy xuống thấp làm nhiều lợi ích, thấm nhuần cây cỏ để sinh hoa quả, lại nữa, bản tánh của nước trong sạch không dơ, không đục, đều giúp cho các chúng sinh đói khát được đầy đủ, rửa sạch cặn bã dơ bẩn, trừ hết nóng bức, lặng sâu khó vào, không thể đo lường, ở trong hầm hố tánh đều bình đẳng, nước trí của Như lai cũng như vậy, từ pháp giới chân thật chảy đến thế gian, thấm nhuần các đẳng trì, sinh ra pháp trợ đạo, thành quả lớn lao, lợi ích chúng sinh, thể vô phiền não, cho nên trong sạch, lìa xa các hoặc do đó không dơ, một tướng không khác vì thế không vẩn đục, các hữu chứng đắc nguyện ấy mới dứt, được định trong mát rửa sạch trần lao, vắng lặng khó suy nghĩ, chứng tánh bình đẳng, vì thế lấy làm ví dụ, tức là phát khởi nghĩa năm chữ ở văn dưới đây.

59. Nói về tự môn A:

Tự môn A là đất, tự môn phược là nước, Tự môn La là lửa, Tự môn Hạ là gió, tự môn Khư là không, lại như hạt giống ở thế gian, đất nước gió lửa làm duyên, hư không chẳng chướng ngại, sau đó mới mọc lên, hễ thiếu một duyên nào thì không bao giờ lớn lên, tất cả hạt giống trí tánh của Như lai, cũng như vậy, liền dùng năm nghĩa tất cả trí môn để làm các duyên, có thể đến quả mầu Bồ-đề thường trụ, tức là nhân duyên không sinh không diệt không thể suy nghĩ bàn luận.

Quán Kim Cang Thủ, biết chỉ Như lai có tướng Nhất pháp giới che chở, tâm đã suy nghĩ thì biết sẽ nói pháp môn như vậy. Trước ví dụ công đức kia, để phát khởi sự hiểu biết cho các căn cơ trong Đại hội, sau đó hỏi Phật trí tuệ ấy, lấy gì làm nhân, sao gọi là gốc rễ thế nào là

rốt ráo?

Từ đây về sau, trí ấn Như lai liền định tâm kia, phân biệt nói rộng. Ví như Bồ-tát Di-lặc, thấy điềm lành Thần thông của Phật, ngay khi ấy tâm có sự thắc mắc nghi ngờ; vì nói pháp sở đắc của đạo tràng này, được thọ ký Bồ-đề. Văn-thù phát huy danh, thể, chỉ ra rằng Diệu pháp mầu, sau đó Như lai dùng ấn thật tướng , dựa vào căn cơ giảng nói, giúp cho những người thường chấp chặt lìa được lưới nghi. Ví như trời xuân mầm giống bắt đầu nứt vỏ, khi sấm sét nổi lên, nước mưa thấm đượm, thực vật lìa được màng bao, sẽ nẩy mầm, nếu người không có cơ duyên thì dù được gặp gỡ nhau, cũng không thể phát khởi lợi ích sâu xa được.

60. Phật khen chấp Kim cang khéo hỏi:

Đức Phật Tỳ-lô-giá-na liền bảo Trì Kim Cang Bí Mật Chủ rằng: Lành thay, lành thay! Chấp kim cang! Lành thay! Kim cang thủ! Ông hỏi ta nghĩa như thế, ông hãy nghe kỹ, khéo léo tác ý, bây giờ ta sẽ nói, cho đến các pháp vô tướng, cho là tướng hư không.

Do Chấp kim cang Thủ Bí Mật Chủ, lường trước ý sâu của Như lai gia trì, lại có khả năng phát khởi chúng đương thời, làm nhân duyên sinh hiểu biết, kính lường Thánh tâm, không mất cơ hội, cho nên nói lại hai chữ lành thay; ta quán tất cả trời, người, Sa-môn, Bà-la-môn, cho đến các Bồ-tát hạnh cạn thấp, không thể ở trước Đức Thế-tôn, phát ra lời hỏi như thế. Vì sao? Vì nghĩa trong ba câu này, đều nhiếp tất cả Phật pháp và những việc thần lực bí mật sâu xa. Lại khen rằng: Lành thay! Kim cang thủ! Ông mới có thể hỏi ta nghĩa như thế do được lời nói lành thay của Như lai gia trì. Bấy giờ, Kim Cang Thủ vô lượng công đức càng tăng lên, lại nói pháp đã lãnh thọ, hoàn toàn không sót mất, kế là liền dạy ông phải nghe kỹ, khéo léo tác ý, bây giờ ta sẽ nói, cũng vì chúng đệ tử ở đời đương lai, nói nghi thức thọ pháp này với tâm sâu xa mà thôi. Vì thế Thích Luận chép: Nếu người tâm tốt tin thẳng thì người ấy có khả năng nghe pháp, nếu không có việc ấy thì không thể hiểu biết. Như nói bài kệ rằng:

Người nghe thân thẳng như khát uống
Nhất tâm nhập vào trong lời nghĩa
Hớn hở nghe pháp tâm buồn, vui
Người như thế nên nói họ nghe.

Kinh Vô Tận Ý chép: Dụng tâm nghe pháp có hai mươi ba câu công đức, đó là nói rộng.

61. Hợp pháp:

Kinh dạy: Phật bảo Kim Cang Thủ, tâm Bồ-đề là nhân, bi là gốc

rễ, phương tiện là rốt ráo, giống như hạt giống ở thế gian, nhờ bốn đại các duyên cho nên mọc rễ, cứ như thế lần lượt cho đến trái chín gọi là rốt ráo. Nhưng dùng trí trung đạo quán sát thì không hề sinh không diệt, cho nên nghĩa nhân quả thành tựu. Nếu pháp không như thế, có tướng sinh diệt, đoạn thường thì rơi vào nói rộng, thảy đều có thể phá, nghĩa nhân quả không thành. Nay hành giả quán tướng thật của tâm cũng giống như vậy, vượt ngoài tất cả nói rộng, thanh tịnh như hư không, bên trong chứng việc đã làm, được năng lực tín sâu, tâm Tát-bà-nhã vững bền không dao động, lìa nghiệp thọ sinh, thành tựu sinh chân tánh, muôn hạnh công đức từ đây thêm lớn, cho nên nói tâm Bồ-đề là nhân. Tâm Bồ-đề này, làm nhân hai câu sau. Nếu trong sinh tử, đã gieo trồng gốc lành thì gọi là quả, vì thấy tướng Phật pháp ở trước.

62. Nêu ví dụ:

Ví như có người nghe Thiện tri thức nói: Nay trong nhà ông tự có vô lượng kho báu, phải tự siêng năng tu hành mà mở ra, có sức chu cấp cho cả nước, thường không thiếu thốn, người kia nghe rồi liền sinh tâm tin thật, đúng như lời nói mà thực hành, cho đến thì công không dứt, dần dần thấy tướng trước. Bấy giờ, đối với kho báu công đức, lìa tâm nghi ngờ, sẽ phát khởi gia hành tốt đẹp, cho nên tâm Bồ-đề, tức là nghĩa tín tâm trong sạch. Thích luận cũng chép: Biển lớn Phật pháp tin thì vào được; như vua Phạm thiên khi thỉnh Phật xoay bánh xe pháp, Đức Phật dạy kệ rằng:

Ta nay mở cửa vị cam lồ
Nếu người sinh tín được vui mừng v.v...

63. Giải thích bài kệ:

Trong bài kệ này không nói người bố thí, giữ giới, học rộng, nhẫn nhục, thiền định sẽ được vui mừng, chỉ nói người tín, ý Phật như vầy: Pháp của ta mầu nhiệm sâu xa bậc nhất, vô lượng vô số không thể suy nghĩ bàn luận, không lay động, không nương nhờ, không mê đắm, không có pháp để đắc, chẳng phải bậc Nhất thiết trí thì không thể hiểu, do đó lấy Tín lực làm đầu, chẳng phải do tuệ... mà vào Phật pháp được, vì khiến tín tâm thanh tịnh như thế bền vững thêm lên.

Trong kinh kế là nói đại bi làm gốc, gốc có công năng giữ gìn nghĩa giống như rễ cây giữ gìn cành, lá, hoa, quả, không để nghiêng đổ. Tiếng Phạm gọi bi là Ca-lô-noa, Ca nghĩa là khổ, Lô-noa là Diệt trừ. Từ như trồng lúa tốt, Bi như nhổ bỏ cỏ úa, vì thế trong đây nói Bi tức là nói gồm cả đại Từ, vả lại như khi hành giả tu cúng dường, hoặc dâng một cành hoa, hoặc hương hoa... liền dùng tâm Bồ-đề thanh tịnh trùm khắp

tất cả chỗ, nổi mây cúng dường khắp làm Phật sự, phát khởi bi nguyện hồi hướng cho chúng sinh, nhổ tất cả gốc khổ, ban Vô lượng vui, nhờ gốc lành của mình và năng lực pháp giới che chở của Như lai mà các nghiệp lành đã làm đều được thành tựu, tức là khắp tất cả trí địa cho đến cõi hữu tình vô dư, tất cả đều mọc rễ.

Tùy theo hành giả dùng tâm vô trú để tu muôn hạnh, tức là được đất đại Bi giữ gìn, lửa đại Bi đã ấp nóng, lửa Bi thấm nhuần, lửa đại Bi sinh mở phát, hư không đại Bi vô chướng ngại, bấy giờ, vô lượng độ môn nhậm vận khai phát. Giống như mầm rễ, lá, cành, thứ lớp trang nghiêm.

64. Nói về phương tiện rốt ráo:

Phương tiện là rốt ráo, nghĩa là muôn hạnh tròn đầy không thể tăng thêm nữa, quyền xảo thích ứng chúng sinh rốt ráo làm được việc, tức là quả mầu ba mật nguồn gốc Đề hồ.

Lại là tâm Bồ-đề thanh tịnh , giống như vàng thật, bản tánh sáng sạch, lìa các chất dơ bẩn; đại Bi như học tập thợ khéo, dùng các thứ thuốc, các cách luyện chế, cho đến soi suốt mềm dẻo, cong thẳng tự tại; phương tiện như nghề khéo đã thành tựu, hễ chế tạo vật gì đều tùy ý thành tựu. Quyền trong quy chế hơn hẳn các tài nghệ, khéo được ý kia cũng khó truyền trao cho người. Như Ma-ha Bát-nhã chép: Các đạo phẩm như sáu độ, mười tám Không, Tam-muội, môn tông Trì... đều vào trong câu Đại bi, tức là quả trí Nhất thiết trí do muôn hạnh thành tựu.

Gọi là phương tiện, vì bên trong đầy đủ phượng tiện, nghiệp của phương tiện tức là lợi tha, vì thế tiếng Phạm là Ổ-ba-na cũng dịch là phát khởi, như từ hạt giống sinh ra quả, quả trở lại thành hạt giống do đó lấy làm tên.

65. Nói về Bồ-đề:

Kinh chép: Này Bí Mật Chủ! Thế nào là Bồ-đề? Nghĩa là biết tự tâm như thật, tức là chỉ bày kho báu công đức của Như lai; như có người tuy nghe kho báu nên có tâm siêng tìm. Nếu không biết chỗ kho báu ở đâu thì không thể đến được, cho nên lại chỉ ra rằng như trên đã nói, pháp sâu xa mầu nhiệm bậc nhất cho đến chẳng phải bậc Nhất Thiết Trí thì không thể hiểu được, pháp này từ chỗ nào mà đắc? Chính là tự tâm hành giả mà thôi. Nếu quán sát như thật, chứng biết rõ ràng thì gọi là thành Bồ-đề, thật sự không do người mà ngộ, không phải từ người mà đắc.

66. Hỏi đáp vì sao chúng sanh không được thành Phật:

Hỏi: Nếu ngay nơi tâm là Đạo, vì sao chúng sinh luân hồi sinh tử,

không được thành Phật?

Đáp: Vì không biết đúng như thật. Cái gọi là phàm phu ngu ngơ nếu nghe pháp này thì sẽ tin chút ít, thức tánh hàng Nhị thừa tuy tự quán sát nhưng chưa biết đúng như thật, nếu tự biết đúng như thật thì khi mới phát tâm liền thành chánh giác, ví như nhà trưởng giả có người con nghèo khổ, nếu khi tự biết cha mình thì đâu còn là khách, đâu còn làm người thấp hèn? Bấy giờ, hành giả chân chính biết tướng thật của tâm, thấy tất cả pháp đều sâu xa mầu nhiệm, vô lượng vô số, không thể suy nghĩ bàn luận, không động, không nương, không đắm, đều không thật có, rốt ráo như tướng Bồ-đề, cho nên kinh lại nói Bí Mật Chủ là A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, cho đến pháp ấy một phần nhỏ cũng không thật.

Nghĩa Vô Thượng Chánh Biến Tri, trước đã nói xong.

Trong đây nói chút ít: Tiếng Phạm là A-nậu, tức là do bảy hạt bụi hợp thành, từ duyên sinh ra sắc rất nhỏ nhiệm, vì thế dùng làm ví dụ.

Nói pháp: lìa đây thì không có tướng tâm Bồ-đề, ngoài lại không có một pháp.

Trong kinh kế đến là nói: Nhân duyên rằng vì sao?

67. Nói về tâm Bồ-đề:

Tướng hư không là Bồ-đề, người không hiểu biết cũng chẳng mở mang hiểu biết. Vì sao? Vì Bồ-đề vô tướng. Ví như hư không trùm khắp tất cả mọi nơi, rốt ráo thanh tịnh, lìa tất cả tướng, không lay động, không phân biệt, không thể biến đổi, không thể phá hoại, vì những phần nhỏ tương tự như thế nên dụ cho tâm Bồ-đề vô tướng. Nhưng trong đó lại có Vô lượng, vô biên việc bí mật sâu xa, thật sự hư không ở thế gian không thể sánh được, mong người học giả, được ý quên lời.

Lại như hư không xa lìa luống dối phân biệt, cho nên không hiểu biết tướng, cũng không mở mang cho biết tướng, các Đức Phật tự chứng Tam-bồ-đề phải biết cũng như vậy, chỉ là tâm tự chứng tâm, tâm tự giác tâm, trong đó không có pháp hiểu biết, không có người hiểu biết, không có bắt đầu khai hiểu cũng không có người khai hiểu, nếu phân biệt ít phần năng sở giống như cát bụi thì tức là đã chấp tướng pháp là phi pháp, không lìa được ngã, nhân, chúng sinh, tuổi thọ, làm sao được gọi là Kim cang Tuệ.

68. Kinh tự giải thích:

Lại nữa, trong kinh tự chuyển giải thích, nói vì sao Bồ-đề Vô tướng? Như Thích Luận chép: Trí tuệ Phật thanh tịnh, ra ngoài các quán trên, không quán tướng thường, tướng vô thường, tướng hữu biên , tướng

vô biên, tướng hữu khứ, tướng vô thứ, tướng hữu, vô tướng, sinh diệt tướng, không sinh diệt tướng, vô tướng, tướng bất không của các pháp, thường thanh tịnh vô lượng như hư không, cho nên trí Phật vô ngại, nếu quán sinh diệt thì chẳng được quán không sinh diệt, nếu quán không sinh diệt thì không được quán sinh diệt; nếu sinh diệt là thật thì không sinh diệt chẳng thật, nếu bất sinh diệt là thật thì sinh diệt không thật, các pháp quán... đều như thế, vì tâm Bồ-đề thanh tịnh như thế, vượt ngoài các quán, xa lìa các tướng, đối với tất cả pháp được không quái ngại.

Ví như tướng hư không cũng vô tướng, muôn vật đều nương vào hư không, mà hư không chẳng có chỗ nương, muôn pháp như thế đều nương vào tâm thanh tịnh mà tâm thanh tịnh lại không có chỗ nương thì các pháp này, cũng lại như tướng Bồ-đề, cái gọi là tướng hư không thanh tịnh, do đó Kinh chép: Này Bí Mật Chủ! Các pháp vô tướng nghĩa là tướng hư không.

69. Kim cang Thủ bạch Phật:

Bấy giờ, Kim Cang Thủ lại bạch Đức Phật rằng: Bạch đức Thế-tôn! Người nào tìm cầu Nhất thiết trí? Ai thực hành Bồ-đề thành chánh giác? Vị nào phát khởi trí Nhất thiết trí kia?

Phật dạy: Này Bí Mật Chủ! Tự tâm tìm cầu Bồ-đề đạt đến Nhất thiết trí. Vì sao? Vì bản tánh thanh tịnh, cho đến vô lượng công đức đều thành tựu.

Bấy giờ, Chấp kim cang, nghe nghĩa Phật nói, tuệ Tát-bà-nhã chỉ là tự tâm, cho đến không có chút pháp nào ra ngoài tâm này, vì để cho chúng sinh đời vị lai dứt nghi ngờ nên hỏi Phật rằng, tâm Bồ-đề gọi là một bề chí cầu trí Nhất thiết trí, nếu trí Nhất thiết trí tức là tâm Bồ-đề thì trong đây ai là năng cầu, cái gì là sở cầu? Ai là được giác, ai là người giác.

70. Ngoài tâm không có pháp:

Lại nữa, ngoài tâm đều không có một pháp, người nào phát khởi được tâm này? Khiến đến quả mầu? Nếu pháp không có nhân duyên mà được thành thì tất cả chúng sinh lẽ ra cũng không nhờ phương tiện mà tự nhiên thành Phật, vì thế Phật đáp rằng tự tâm tìm cầu Bồ-đề và Nhất thiết trí. Vì sao? Vì bản tánh thanh tịnh, tuy tướng thật tự tâm của chúng sinh chính là Bồ-đề, có Phật hay không Phật đều là trang nghiêm thanh tịnh, nhưng không tự biết đúng như thật, tức là vô minh, vì vô minh điên đảo chấp tướng, cho nên sinh ra các phiền não như sinh ái... do phiền não nên khởi các thứ nghiệp đi vào các đường, thọ các

thứ thân, chịu biết bao điều khổ vui, như tằm nhả tơ không có nguyên nhân, tự mình ra mà lại quấn mình trong đó, chịu khổ đốt nấu, ví như nước sạch ở nhân gian, tùy theo tâm trời, quỷ, có loài cho là của báu, có loài cho là lửa, tâm mình tự thấy khổ, vui, do đó nên biết ngoài tâm không có một pháp.

Như hành giả Du-già, chân chính quán tướng thật ba pháp thì liền thấy tướng thật của tâm. Tướng thật của tâm, chính là Bồ-đề Vô tướng, cũng gọi là trí Nhất thiết trí, tuy lìa các nhân duyên, cũng chẳng có pháp nào không nhờ nhân duyên mà được thành tựu.

71. Lần lượt dùng phương tiện phân biệt giảng nói:

Lại nữa, Thế-tôn muốn giúp chúng sinh biết tự tâm như thật, nên lần lượt dùng phương tiện phân biệt giảng nói. Vì sao? Vì nếu chỉ nói tự tâm không sinh không diệt, vì không có nguyên nhân nên nghĩa là giải thoát, cho nên trước chỉ bày chỗ mê đắm kia.

Kinh chép: Tâm không ở trong, không ở ngoài, và ở giữa, tâm không thật có, như kinh Đại Bát-nhã, đem Vô lượng môn nhập vào tướng thật các pháp. Nay muốn nêu lên tông yếu ấy, chỉ quán trong ngoài mười hai xứ thì thu nhiếp tất cả pháp. Tâm của hành giả từ xưa đến nay, phần nhiều đối với pháp bên trong chấp trước tướng tâm, trước hết đối với sáu xứ... tức là lìa các phương tiện như tướng... mỗi pháp quán kỹ, tâm không thật có, vô sinh, vô tướng, không có nơi chốn. Lại khởi niệm rằng, tâm này ở ngoài ư? Lại ở ngoài sáu xứ đúng như thật quán sát, tâm cũng không sinh, vô tướng, không có nơi chốn, vẫn sợ sai lầm nên hiệp lại quán sát, ở giữa hai bên (trung gian) cũng không thật có thì ngộ thật tánh của tâm này, vốn tự không sinh không diệt, rốt ráo thường tịnh, mây nói rộng tan biến, ví như nhờ công năng của phèn nên nước lắng trong, nước trong nên ngọc hiện, chắc chắn không từ chỗ khác mà đến.

72. Ngã chân thật không phải vàng, xanh, dài, ngắn:

Kinh chép: Này Bí Mật Chủ! Như lai Ứng Chánh Đẳng Giác, chẳng phải xanh chẳng vàng chẳng đỏ, chẳng trắng, chẳng hồng tía, chẳng phải màu thủy tinh, chẳng dài, chẳng ngắn, chẳng tròn, chẳng vuông, chẳng sáng, chẳng tối, chẳng phải nam, chẳng phải nữ, chẳng phải nam nữ, trước tóm tắt tất cả pháp nói tướng thật của tâm rồi, nay lại tóm tắt Chân ngã để nói tướng thật của tâm. Xét nghĩa tông này, tức là lấy tâm làm Như lai Ứng Chánh Đẳng Giác, cái gọi là Đại Ngã của nội tâm.

Như có một loại ngoại đạo, không hiểu tự tâm mà nói rằng: Tu

quán Chân Ngã sắc nó màu xanh, mọi người đã không thấy được, hoặc nói màu vàng, màu đỏ, hoặc nói trắng tươi, hoặc nói màu đỏ tím (cây yến chi), nay nói nghĩa là hồng tía, hoặc nói ta thấy Chân Ngã, tướng kia rất dài, rất ngắn, cho đến tướng như người nam... Chỉ có lời nói này là thật, ngoài ra đều là giả. Nhưng các tướng này, đều từ duyên sinh, không có tự tánh, làm sao gọi là Chân thật ngã được? Đối lại những thứ vọng chấp như thế, Đức Phật nói Như lai Ứng Chánh Đẳng Giác không có những màu như xanh... Vì sao? Vì tướng xanh này không bao giờ sinh thì chẳng phải xanh, tướng thật của xanh không hư hoại, mà cũng chẳng phải không xanh, phải biết Như lai Ứng Chánh Đẳng Giác, không có tướng chắc chắn để nói, cũng không lìa các tướng như thế.

73. Ngoại đạo cho các đệ tử sờ voi trong đêm tối:

Như có ngoại đạo A-xà-lê, vào đêm trăng tối dẫn các đệ tử đến trước con voi lớn mà bảo rằng: Ta ở chỗ này chỉ bày chân ngã cho các ông.

Khi những người kia, hoặc dùng mắt nhìn, hoặc dùng tay rờ mó, họ nhìn hình tướng voi, rồi nói: Nay ta đã biết, Chân ngã ấy màu rất trắng, cao lớn.

Người sờ ngà voi thì nói: Chân ngã như ngọn giáo.

Người tai voi thì nói như cái ky, người sờ chân thì nói như cây cột, người sờ đuôi thì nói như sợi dây lớn, tùy theo sờ bộ phận nào đều cho là khác nhau, tuy lại càng phải quấy qua lại, nhưng cuối cùng không thể biết thể thật của con voi.

Nếu người tu Du-già, khi khai mở tâm đạo sáng suốt, soi thấy tâm vương Như lai. Như trong ánh sáng rực rỡ mắt thấy muôn vật thì không sinh tranh luận như thế.

74. Tâm không đồng với tính chất của ba cõi:

Kế lại nói: Bí Mật Chủ! Tâm không đồng tánh với cõi Dục, không đồng tánh với cõi Sắc, không đồng tánh với cõi Vô sắc, không đồng tánh với trời, rồng, Dạ-xoa, cho đến đồng tánh với các đường Nhân phi nhân, cũng là đối trị các vọng chấp, mà hiển bày tự tâm không thay đổi, cho nên nói tâm này đồng tánh với ba cõi; có các ngoại đạo cho rằng, tánh ta đồng với cõi Dục, hoặc đồng cõi Sắc, cõi Vô sắc, cho đến nói Phi tướng xứ tức là Niết-bàn, hoặc nói Phạm vương Tỳ-nữu thiên... sinh ra tất cả pháp. Nhưng ba cõi này, đều từ các duyên sinh ra, tìm tự tánh nó, đều không thật có, huống chi khiến tâm tánh đồng với tánh của nó.

Kế là phân biệt rộng vô lượng các đường chúng sinh, mỗi lời nói đều không đồng tánh với kia. Giống như trong hư không mưa xuống

nước có tám tính chất tốt, một vị hoàn toàn trong sạch, tùy theo loại thọ dụng mà có các thứ khác nhau, hoặc cay, hoặc chua, hoặc nóng ấm, hoặc vẩn đục, nhưng tánh tám tính chất tốt không đồng với kia, khi hết nóng hết đục thì trong mát như xưa, không hề thay đổi.

75. Tâm ví như viên ngọc ma-ni tùy cảnh chung quanh mà có mầu sắc khác nhau:

Lại như ngọc ma-ni Chân-đà tự nó không có tướng chắc chắn, gặp vật nào thì đồng với màu sắc của vật đó, nhưng tánh báu của ma-ni Chân-đà không đồng với vật ấy. Nếu đồng tánh với kia thì khi sắc tùy duyên sinh diệt, tánh báu cũng nên sinh diệt.

Lại nữa, khi Đức Thế-tôn sắp muốn khai mở Đại bi thai tạng sinh Mạn-trà-la thì trước phải mở bày môn tướng thật của tâm. Vì sao? Như hành giả trong Bổn Tôn Tam-muội, nói có hiện những hình tướng nam nữ, cho đến Phổ môn thị hiện thân sáu đường sợ những người tu hành, không hiểu tâm nhân duyên sinh, đối với vật báu Chân tánh đứng đầu mà sinh lời nói suông, vì thế Phật dạy rằng: Như lai chẳng phải xanh, chẳng phải vàng, cho đến tâm này không đồng tánh với ba cõi, sáu đường, nếu quán sát được như vậy thì không chướng ngại tâm Bồ-đề.

Lại kinh chép: Này Bí Mật Chủ! Tâm thường trụ ở nhãn giới, không trụ ở nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới. Người không thấy không hiển hiện, trước nói không trụ ba chỗ, đã nhiếp tất cả pháp. Vì người chưa ngộ, lại mỗi pháp lần lượt phân biệt. Nếu tâm không đồng tánh với các đường thì trú ở nhãn giới... ư? Cho đến trụ ở ý giới hay sao? Nếu tâm trụ ở nhãn giới, nhãn từ các duyên sinh, tánh tương tự không, chẳng có chỗ trụ, huống chitướng thật của tâm trụ ở trong mắt, cho đến "ấm", "nhập" các pháp đều nên nói rộng.

76. Không trụ chấp các pháp:

Lại nữa, trước đã phá các thứ ngoại đạo, nay nói không trụ các pháp, vì phá chấp một bên của Thanh văn. Như trong Độc Tử A-tỳ-đàm chép: Ví như bốn đại hòa hợp có nhãn pháp, năm pháp hòa hợp như thế có nhân pháp, nhân pháp này không thể nói trong tạng, mà nói với tất cả người có đạo rằng, trong tất cả pháp môn của thần thì tìm cầu không thật có.

Như lông rùa sừng thỏ thường là không, nhưng "ấm, giới, nhập" thật có tự tánh, do nói suông về pháp như thể nên không biết tâm kia, nếu quán được tâm, không trụ các pháp thì tâm không có chỗ hành, nói ruông đều hết, chẳng phải thấy, chẳng phải hiển hiện. Như có người nói tất cả chúng sinh vốn có tự tánh tri kiến Phật, chỉ khi nào cạo bỏ màng

che trong mắt thì sẽ tự thấy lý.

Hoặc có người nói: Thường lý ấy không thể tạo tác, chỉ khi vẹt tan mây mù triền cái, mặt trời tự hiện ra, đều nói theo thế đế mà thôi, nếu tâm Bồ-đề thanh tịnh, là pháp có thể thấy, có thể hiện thì đó là có tướng, hễ cái gì có tướng thì đều là luống dối, làm sao thấy được Vô thượng Bồ-đề? Lại trong kinh tự nói Nhân duyên. Vì sao? Vì tướng tâm như hư không lìa các vọng chấp, cũng không phân biệt, giống như hư không thanh tịnh rốt ráo, tất cả sắc tướng không thể làm nhiễm ô; tánh của tâm cũng như vậy, tất cả phân biệt không thể nhiễm ô, nếu không phân biệt tức là xa lìa tất cả tướng.

77. Hư không chẳng nhơ tức là tâm:

Kinh nói: Vì sao? Vì tánh đồng hư không, tức là đồng với tâm tánh, đồng với tâm tức là đồng với Bồ-đề. Cũng thế, này Bí Mật Chủ! Tâm, hư không, giới và Bồ-đề ba thứ không hai, những thứ này Bi làm gốc, đầy đủ phương tiện Ba-la-mật, các thứ như trên, nhập môn thanh tịnh , đều là nghĩa phát minh tự tâm cầu Bồ-đề. Nay lại kết thúc rằng hư không chẳng nhơ tức là tâm, tâm chính là tướng Bồ-đề, gốc của tướng đồng một tướng nhưng có ba tên, tức một tâm pháp giới này, tuy nhân duyên rốt ráo không sinh, nhưng không hoại nhân duyên tướng thật do không sinh nên sẽ không có năng, sở khác nhau, do không hoại nên cũng lấy Bi làm gốc, phương tiện Ba-la-mật đầy đủ là nghĩa Trung đạo, rốt ráo không thể suy nghĩ bàn luận.

78. Vô lượng phương tiện đều để giúp Bồ tát:

Kinh chép: Bí Mật Chủ! Ta nói các pháp như thế, khiến các chúng Bồ-tát kia, tâm Bồ-đề thanh tịnh hiểu biết tâm kia, Phật đã chỉ bày tâm Bồ-đề thanh tịnh, lược nói ba câu (tâm Bồ-đề là nhân, đại Bi là gốc, phương tiện là rốt ráo) làm đại tông đã xong, tức là nói chung từ đầu đến cuối một bộ, vô lượng phương tiện, đều là vì giúp các Bồ-tát, tâm Bồ-đề thanh tịnh hiểu biết tâm knào Thích-ca Như lai đã nói, phải biết tất cả Như lai trong ba đời mười phương, các thứ nhân duyên tùy nghi nói pháp đều là ba câu của pháp môn này, cuối cùng đồng trở về gốc chẳng khác dấu vết, cho nên nói ta thuyết các pháp như thế, cho đến hiểu biết tâm kia.

79. Tướng thật của tâm:

Kinh chép: Này Bí Mật Chủ! Làm sao biết tư tâm? Nghĩa là, nếu phân đoạn hoặc hiển sắc, hoặc hình sắc, hoặc cảnh giới, hoặc sắc, hoặc thọ, tưởng, hành, thức, hoặc ngã, hoặc ngã sở, hoặc năng chấp, hoặc sở chấp, hoặc thanh tịnh, hoặc giới, hoặc xứ cho đến tất cả trong phân

đoạn, tìm cầu không thật có, Đức Thế-tôn trước đã nói rộng tướng ấy của tâm Bồ-đề thanh tịnh. Vì chúng sinh chưa thể đắc ý hiểu ra, lại thực hành phương tiện, nói đây chóng ngộ thành Phật nhập vào môn tướng thật của tâm, cũng chắc chắn hiểu rõ pháp của tất cả các Đức Phật trong mười phương ba đời. Như trong Đại tạng kinh, hoặc nói trong các Uẩn hòa hợp ngã không thật có. Hoặc nói các pháp từ duyên sinh đều không có tự tánh, đều là dần dần mở bày môn tướng thật. Kinh nói tướng thật các pháp chính là tướng thật của tâm trong kinh này. Tướng thật của tâm, chính là Bồ-đề, không còn có lý riêng.

80. Chúng sanh không thể tự tin thành Phật:

Chỉ vì chúng sinh phước mỏng, rồi lại không thể tự tin thành Phật, người tự tin thành Phật rất khó được, cho nên Thế-tôn dạy hãy làm cho các cấu chướng được thanh tịnh , dùng để giữ gìn tâm kia, vì muốn làm cho thời nghi khế hợp, sau đó vì họ nói ẩn tức tâm. Kinh này thì không như vậy, y cứ thẳng vào các pháp để hiểu biết tâm kia, cho nên là kho bí yếu.

Câu đầu nói nếu phần đoạn thì đó là nêu chung từ duyên sinh ra pháp, vì pháp đợi nhân duyên mới thành, chắc chắn có tướng khác nhau, hành giả phải biết quán sát như thế, nay trong phần đoạn này cái gì là tâm? Cho đến phân tích tìm cầu đều không thật có, tức là biết tâm này vượt ngoài các tướng, lìa các nhân duyên và biết tâm tánh thường như thế.

81. Hiển sắc hình sắc và cảnh giới:

Bấy giờ, tất cả các pháp tự nhiên chẳng khác với tâm.

- Hiển sắc:là màu xanh, màu vàng...
- Hình sắc: là vuông, tròn...
- Cảnh giới: là sở đối của sáu căn, tức là sáu trần, để giúp người dễ hiểu, lại lần lượt quán sát các pháp, nay trong hiển, sắc hình sắc này cái gì là tâm? Sắc vốn chẳng phải tình, chẳng hiểu biết tướng, huống chi ở trong đó có tâm để đắc, như hiển hình ấy, nên biết tất cả sắc trần cũng như thế, như sắc trần, cho đến thanh, hương, vị, xúc, pháp cũng như vậy. Hành giả ở ngoài trần thì trong tâm không thật có, lại quán ngũ uẩn trong thân, cũng như chùm bọt nước, hơi nóng bốc lên, cây chuối, huyễn hóa, tự cầu tánh thật còn chẳng thật có, huống chi ở trong đó mà thật có tâm. Như thế từ thô đến tế, bỏ rộng theo lược, cho đến biết một niệm hiện tại. Cũng chẳng có thời gian dừng nghỉ.

82. Tức không tức giả, tức trung:

Lại nữa, từ các duyên sinh ra nên tức không, tức giả, tức trung.

Xa lìa tất cả nói ruông, cho đến mé "vốn bất sinh", mé bất sinh tức là tâm thanh tịnh của tự tánh, tâm thanh tịnh của tự tánh tức là tự môn A, dùng tâm nhập tự môn A sẽ biết tất cả pháp, đều nhập tự môn A. Đã nói quán tướng thật các pháp xong, kế là nói quán tướng của ngã, cho nên nói ngã, hoặc ngã sở, hoặc năng chấp, hoặc sở chấp, hoặc thanh tịnh, như trên đối với các ấm, các thứ phương tiện quán tâm, còn không thật có, huống chi các pháp như nhân, ngã, thọ giả... từ xưa đến nay chỉ có giả danh, mà ở trong đó có tâm để đắc. Thanh tịnh tức là cái mà ngoại đạo chấp, chỗ rất thanh tịnh cho đó là Niết-bàn. Như Phạm chí Trường Trảo không thọ tất cả pháp, mà thọ kiến chấp, ở đây cũng như vậy. Chấp mắc trí tuệ quán không, mà nghĩ là thanh tịnh, liền đối với tưởng như thế, chính quán tự tâm không có chỗ sinh, được nhập tâm Bồ-đề thanh tịnh chân chính, ở trên rộng đối trị năm ấm, kế là lại nói mười tám giới, mười hai xứ, cho đến tất cả trong phân đoạn tìm cầu không thật có. Nghĩa ấm, giới, nhập, trong A-tỳ-đàm có nói rộng: Ba pháp này đã thâu nhiếp tất cả, lại nói trong tất cả phần đoạn tìm cầu không thật có, tức là trong Đại Bát-nhã... lần lượt nói rộng, Như trong ấm, giới, nhập phân tích để tìm tâm, thì tâm không thật có, phải biết trong sáu độ, muôn hạnh, cho đến tất cả môn Tổng trì Tam-muội, các thứ tìm cầu tâm cũng không thật có, vì tâm không thật có, nên tâm ấy thường, lạc, ngã, tịnh không có tướng thường, lạc, ngã, tịnh... cũng không thật có như vậy.

83. Lại nữa, như các vị Thanh văn, khi bắt đầu quán ấm, giới, nhập ngay nơi ấm mà tìm ngã, xa lìa ấm tìm ngã, đều không thật có, cùng nhau tồn tại cũng không thật có, bấy giờ vào thẳng trung đạo, xa lìa bụi nhơ, mắt chánh pháp liền sinh. Bồ-tát tu môn Chân ngôn cũng giống như vậy, khi bắt đầu quán ấm, giới, nhập ngay nơi ấm tìm tâm, xa lìa ấm tìm tâm đều không thật có, cùng nhau tồn tại cũng không thật có, vì thế tức thời xa ngộ mé vốn không sinh của tự tâm, đối với Đại đạo Bồ-đề là tri kiến của Như lai, xa lìa bụi nhơ, đắc pháp nhãn thanh tịnh, nếu không thực hành phương tiện trước tiên như thế, lại từ xứ quán sát, mà chỉ nói tâm này trùm khắp tất cả mọi nơi rốt ráo vô tướng thì tất cả chúng sinh không nhờ đâu mà ngộ nhập.

84. Phải biết pháp quán này là pháp môn rất quan trọng và sâu xa. Như các Bồ-tát lìa phương tiện này, dần dần tu tập giới, định, tuệ, trong vô lượng kiếp, dùng các môn quán người, pháp đều không, còn chưa thể xa lìa hình bóng của tâm. Nay hành giả Chân Ngôn, khi mới phát tâm, quán thẳng tướng thật của tự tâm, biết rõ vốn bất sinh, ngay khi ấy người, pháp, nói rộng đều thanh tịnh như hư không, thành tự

nhiên giác, không nhờ người mới ngộ; phải biết pháp quán này, còn gọi là pháp môn đốn ngộ rõ đạo.

Kinh chép: Này Bí Mật Chủ! Pháp môn làm thanh tịnh tâm Bồ-đề này gọi là pháp đầu rõ đạo. Bồ-tát trụ trong đây tu học, siêng năng khổ nhọc không lâu, liền đắc Tam-muội Trừ nhất thiết cái chướng, nhập trí tuệ Phật, có vô lượng phương tiện môn. Nay tông này, quả thật lấy thanh tịnh tâm Bồ-đề làm môn, nếu nhập vào môn này, tức là nhập vào tất cả cảnh giới của Như lai.

85. Ví như Di-lặc, mở cửa lầu gác, Đồng tử Thiện Tài thấy trong đó có vô lượng việc không thể suy nghĩ bàn luận, khó dùng lời diễn bày, chỉ có người nào nhập vào mới tự biết mà thôi. Pháp minh: là do tâm giác vốn bất sinh, trụ trong tâm thanh tịnh ấy sinh ra ánh sáng trí tuệ rực rỡ, chiếu khắp vô lượng pháp tánh, thấy con đường các Đức Phật đã đi, nên gọi là Pháp rõ đạo. Khi Bồ-tát an trụ trong Đạo này, từ nhân duyên vọng tưởng đã có nghiệp khổ phiền não, đều trừ diệt hết, được thanh tịnh.

86. Ví như có người, ở trong chỗ tối bị vật báu sắc nhọn làm tổn thương, nói là rắn độc, vì nghĩ là độc nên tâm kia chấp trước, liền thành hơi độc nhập vào khắp tay chân thân thể, khi sắp qua đời, có thầy thuốc khám bệnh, biết được gốc ngọn của kia, ngay khi đó dẫn đến chỗ bị thương, dùng đèn soi sáng, còn thấy vật báu ở chỗ bị thương, có vết máu dơ, người kia biết không phải độc, hơi độc cũng tan, phân biệt khí cụ tốt đẹp sẽ sinh vui mừng.

Người tu hành cũng như vậy, do tâm Bồ-đề thanh tịnh chiếu sáng các pháp, nên ít dụng công sức, liền được Tam-muội trừ cái chướng, thấy tướng thật của tám mươi bốn ngàn phiền não, thành tám mươi bốn ngàn pháp môn báu nhóm, vì thế kinh chép: Bồ-tát trụ trong đây tu học, siêng năng gian khổ không lâu, liền được Tam-muội Trừ Nhất Thiết Cái Chướng, nếu được như thế thì ngang với các Đức Phật, Bồ-tát.

87. Trong đó, có năm thứ Chướng:

1) Phiền não chướng: Nghĩa là phiền não căn bản, cho đến tám mươi bốn ngàn thượng, trung, hạ phẩm chướng, che lấp tâm thanh tịnh và do thói quen chấp nghiêng lệch nhiều đời ngăn ngại cơ duyên chứng đạo không nhập vào Phật pháp.

2) Nghiệp chướng: là các tội nặng đã gây ra, cho đến chê bai kinh điển Đại thừa từ đời quá khứ cho đến ngày nay. Người đó dù có nhân duyên đắc đạo, nhưng do nghiệp chướng trước chưa dứt, nên các thứ nạn kéo giữ lại, không nhập vào Phật pháp.

3) Sinh chướng: là nếu người này được sinh vào chỗ tốt đẹp không có các nạn thì sẽ ngộ đạo, nhưng nương nghiệp trước lại thọ thân không lầm lỗi, vì báo sinh tức là chướng làm cho không được nhập vào Phật pháp.

4) Pháp chướng: là người này đã được chỗ sinh không chướng, lại có căn cơ ngộ đạo, nhưng do đời trước có các duyên chướng pháp, nên không gặp bạn lành, không nghe chánh pháp.

5) Sở tri chướng: là người này được gặp Thiện tri thức, được nghe chánh pháp, nhưng có hai thứ nhân duyên không hòa hợp, chướng ngại tu Bát-nhã ba-la-mật, như trong Đại phẩm ma sự có nói rộng.

Cũng là đời trước, hoặc có sai hóa đạo cơ sai lầm nên ưa sinh chướng này. Hành giả đã trừ sạch được năm chướng Tam-muội, bấy giờ trong tự tâm, thường thấy tướng nhiệm mầu trong sáng của tất cả các Đức Phật trong mười phương, như nhìn thấy gương sáng, cho đến trong các oai nghi đi, lại, ngủ, thức, đều không lìa nhân duyên thấy Phật như thế.

88. Bấy giờ, các bậc Thánh thường dùng phương tiện cao quý nhiệm mầu giúp khởi tâm ngộ kia, các bậc Thánh dùng phạm âm an ủi dẫn dắt để dứt lưới nghi, hành giả hễ nghe được liền vui theo với sự ngộ rồi, lưới chướng tiêu trừ theo, không lâu thành tựu tất cả pháp Phật, vì thế nói nếu được Tam-muội này, liền ngang hàng với các Đức Phật, Bồ-tát. Phải biết người tu hành thì địa vị đồng với bậc Đại giác, do tâm họ tự giác, liền được danh hiệu là Phật, nhưng địa vị không rốt ráo diệu giác Đại Mâu-ni. Ví như trăng sáng tuy thể không thêm, bớt nhưng cũng dần dần sáng thêm, cho đến ngày mười lăm, mưa nước mới dâng.

89. Lại hành giả còn trụ ngang với Như lai, có khả năng dùng năng lực phương tiện khởi năm thứ Thần thông, bản tâm không động mà vẫn đến được các cõi Phật, hiện các thứ thân, miệng, ý, nổi các loại mây cúng dường, dùng đại nguyện vô tận rộng tu các độ.

Lại nhờ ý căn thanh tịnh, nên được hiểu rõ vô lượng lời nói âm thanh Đà-la-ni, như ba mươi sáu câu-chi các đường trong một thế gian, tùy theo chủng loại tánh thượng trung hạ kia, bao nhiêu lời nói phong tục ở địa phương, đều khác nhau, đều hiểu chỉ thú của họ, nên dùng âm thanh tùy theo từng loài, như một thế giới, tất cả thế giới cũng giống như vậy.

90. Tiếng Phạm là Lỗ-đa: nghĩa là tiếng lớn, La-vĩ-đa: là tiếng nhỏ, Niết-cù-sam: là tiếng dài, lại bao gồm nhiều tiếng. Sở dĩ nói đầy đủ, vì muốn nói lên cảnh giới Tổng trì không chỗ nào không hiểu rõ,

đối với văn tự Trung quốc khó phiên dịch được đầy đủ. Do đắc Đà-la-ni, nên biết được tất cả tâm hành của chúng sinh, nghĩa là chúng sinh như thế, tâm hành nặng mà tánh tham nhẹ, chúng sinh như thế nặng về tánh tham, sân nhẹ, cho đến tướng thông suốt, bít lấp có vô lượng khác nhau.

Như đạo chủng trí trong Thích luận có nói rộng, là Bồ-tát, không những ý căn biết được, mà cho đến thấy, nghe, ngửi, xúc chạm (nhãn, nhĩ, tỷ, thân căn) cũng đều dùng lẫn nhau không chướng ngại, lại quán sát được căn duyên kia để dứt cái, chướng, dùng các thứ phương tiện thành tựu chúng sinh, trang nghiêm cõi Phật, làm việc Như lai. Phải biết hành giả môn Chân ngôn, cho đến một đời được thành tựu.

91. Lại nữa, như trên đã nói các công đức, tất cả chúng sinh thảy đều như bản tánh kia, tất cả đều có, nhưng vì vô minh ngăn che không tự biết rõ, nên chưa thể khởi phát năng lực thần thông bí mật, nay các Bồ-tát tu hành môn Chân ngôn này, để thấy Pháp rõ đạo, liền sinh được Tam-muội Trừ nhất thiết cái chướng, liền đồng trụ với các Đức Phật, Bồ-tát, phát sinh năm thứ Thần thông, đem năm thứ Thần thông, thâu hoạch, giữ gìn tất cả, lời nói của tất cả chúng sinh đạt được Đà-la-ni này, nên có thể biết tâm hành của tất cả chúng sinh mà làm Phật sự, vì rộng làm Phật sự nên không cắt đứt hạt giống trí Như lai, bất cứ lúc nào bất cứ ở đâu, thường được các Như lai trong mười phương che chở; giống như trẻ nhỏ mới sinh tình thương cha mẹ nghiêng nặng thường không xa lìa; phải biết các "câu" như thế, thảy đều lần lượt được giải thích.

92. Lại nữa, hành giả, do bên trong đầy đủ các công đức như trên, bên ngoài được các Đức Phật che chở, cho nên trong chốn sinh tử mà không đắm nhiễm, giống như hoa sen mọc lên khỏi mặt nước, không bị bùn dơ làm ô nhiễm, thường dùng phương tiện bốn pháp nhiếp nhổ gốc khổ cho chúng sinh, cho đến vô lượng, vô biên A-tăng-kỳ kiếp thường ở trong địa ngục Vô gián, thân tâm tinh tấn hăng hái không dứt, không có lui sụt, không từ mệt nhọc. Vì sao? Vì tâm Bồ-đề thanh tịnh, tánh ấy pháp vốn thế, như Kim cang, tánh rất bền chắc như thế, tức là không từ thầy mà đắc, vô trụ là giới, không dơ không đục, không thể phá hoại.

93. Giới, tiếng Phạm là Thi-la, nghĩa là trong mát, thí như tánh nước thường mát, dù gặp nhân duyên củi lửa có thể đốt cháy các vật, nhưng tự tánh kia không bao giờ thay đổi, nếu lấy củi ra, tắt lửa thì tự nhiên trong mát như cũ. Hành giả chân ngôn cũng như vậy. Khi đạt được Tam-muội Trừ cái chướng thì bản tánh của tâm chính là Thi-la,

chẳng phải pháp tạo tác, không do người mà được, do đó nói trụ giới Vô vi, như giới Thanh văn thanh tịnh, cần phải do bạch tứ yết-ma và các duyên đầy đủ, mới được sinh, lại phải phương tiện giữ gìn như ngăn ngừa gai nhọn, một ngày nào đó tuổi thọ đã hết, giới cũng mất theo. Giới này thì không như thế, sinh về thế giới nào thì giới này thường sinh theo, không nhờ thọ trì mà thường không mất phạm, lại do trụ ở giới này, thật trí thêm sáng suốt, khi thấy duyên Trung đạo sâu xa không thể suy nghĩ bàn luận sinh khởi thì ngăn cấm tám đảo điên, lìa bỏ hai bên, cho nên kinh kế đó nói: Xa lìa tà kiến, thông đạt chánh kiến, Ca-diếp cũng nói, từ đây trở về trước, chúng ta đều gọi là người tà kiến.

94. Trong đó trí tuệ không chân chánh cho nên gọi là tà kiến. Do phàm phu, Nhị thừa, không thể xét chọn tướng thật của tự tâm chánh tri đối với lý chắc thật, cho đến "không" nói là bất không, bất không nói là không, không thấy các vị Phật xưa đã thực hành đạo Đại Bồ-đề, nay Bồ-tát này, dùng tâm soi thấy Minh Đạo, do đó ngay lúc ấy trí tuệ phát sinh không chướng ngại, đối với tất cả pháp, thảy đều hiện ra trước mắt, thông đạt không bị nhầm lẫn, giống như người có mắt sáng, ở trong ánh sáng mặt trời nhìn thấy các màu, dù vô lượng thiên ma, thảy đều hóa thành thân Phật, đều nói Tương tự Ba-la-mật, không hề lay động một chút nào lưới nghi ở tâm kia, vì thế kinh lại nói: Lại nữa, này Bí Mật Chủ! Do năng lực tín giải của Bồ-tát trụ ở tam muội Trừ nhất thiết cái chướng này, siêng năng tu tập không lâu sẽ đầy đủ tất cả Phật pháp, vì chánh kiến như thế giống như kim cang, tức là năng lực tín giải vững chắc trên hết.

95. Nương vào đây tiến tu như thật khéo qua, được năng lực vô sở úy, giải thoát Tam-muội của các Đức Phật, cho đến vô lượng Phật pháp thảy đều thành tựu. Long Thọ cho là như người đúc luyện đồ kim loại, dùng các thứ phương tiện làm tiêu tan khoáng vật, sau đó mới thành vàng. Nếu người có thần thông, có thể khiến cho các loại đất, gỗ liền thành thể vàng, cho nên nói: Siêng năng tu tập không lâu liền được đầy đủ tất cả Phật pháp, vì khi Bồ-tát này mới phát tâm liền gọi là Phật, công đức chân thật không thể đo lường.

Dù cho Như lai trong vô lượng, vô biên A-tăng-kỳ kiếp phân biệt giảng nói cũng không thể hết, cho nên Phật dạy: Nói theo chỗ chính yếu thì thiện nam, thiện nữ vô lượng công đức đều thành tựu, bấy giờ, Chấp kim cang Bí Mật Chủ lại dùng kệ thưa hỏi Đức Phật, cho đến không biết các không, không thể biết Niết-bàn kia, cho nên phải hiểu rõ không xa lìa đoạn thường, như trên Phật dạy đại ý chủ yếu của kinh, pháp môn

tướng thật của tâm lược đã khắp đủ.

96. Bấy giờ, Kim Cang Thủ, vì khiến chúng sinh đời tương lai đầy đủ phương tiện không còn nghi ngờ nên dùng kệ hỏi Phật, thỉnh Đức Thế-tôn giảng nói nghĩa ấy. Trong đó lược có chín câu. Vì sao nói Đức Thế-tôn nói tâm này sinh Bồ-đề? Tức là tâm Bồ-đề sinh.

Thứ nhất: Như các kinh Hoa Nghiêm... rộng khen ngợi công đức phát tâm Bồ-đề, nay ở trong đây, hỏi thẳng mật ấn của tâm, làm sao hiểu rõ hạt giống trong tâm Bồ-đề này phát sinh, đã phát sinh rồi tánh kia thế nào?

Câu thứ hai nói: Lại lấy tướng thế nào để biết phát tâm Bồ-đề?

97. Tướng: nghĩa là tánh thành ở bên trong, chắc chắn có bóng dáng ở bên ngoài, như trong Bát-nhã nói rộng tướng mạo A-bệ-bạt-trí (bất thoái chuyển). Nay trong đây cũng hỏi khi tâm Bồ-đề sinh, có tướng mạo gì?

Kinh chép: Xin biết tâm tâm thù thắng tự nhiên trí sinh: là như thật khen ngợi công đức của Phật, xin khai giảng nghĩa của hai câu trước. Trước hết nói thức tâm là trí do tâm tự hiểu biết, sau lại nói tâm, tức là tướng thật của tâm, ý nói cảnh trí đều mầu nhiệm không hai không khác, do đó nói lập lại. Trí Tự nhiên: tức là thường trí của Như lai, chỉ là tâm tự chứng tâm, không do người mà ngộ, ý nói Phật đã ở trong thức tâm loài người biết tâm là bậc nhất, chắc chắc biết được tâm Bồ-đề phát sinh và tướng thanh tịnh nhiệm mầu của nó, cúi mong giảng nói.

Câu thứ ba nói: Đại Động Dũng bao nhiêu thứ lớp tâm tiếp tục sinh? Đại Động Dũng, tức là tên khác của Phật, khen ngợi công đức mà lại nêu câu hỏi, có bao nhiêu tâm thứ lớp mà được tâm.

Câu thứ tư, thứ năm nói: Các tướng của Tâm và thời gian xin Phật giảng nói rộng: Hỏi: Các tướng khác nhau của tâm này, nối nhau tiến lên, trải qua bao nhiêu thời gian, mà được rốt ráo tâm Bồ-đề thanh tịnh.

Câu thứ sáu nói: Nhóm công đức cũng như thế, nói tâm là công đức mầu nhiệm, cũng xin Đức Thế-tôn giảng nói rộng, cho nên nói cũng như thế.

Câu thứ bảy nói: Người thực hành tu hành kia kế là hỏi phải tu hạnh nào, làm sao tu hành để đạt được Vô thượng Tất-địa cũng chia làm hai câu.

Câu thứ tám và thứ chín nói: tâm tâm có khác nhau, chỉ có Đại Mâu-ni nói, nghĩa là thức tâm Dị thục của chúng sinh khác với tâm của hành giả Du-già, cũng xin Đức Thế-tôn nói rộng. Mâu-ni: nghĩa là vắng

lặng, ý nói thân, ngữ, tâm của Phật đều rốt ráo vắng lặng tội lỗi của đất lời nói, vì đối với hàng Nhị thừa vắng lặng chưa hoàn toàn không thể làm ví dụ, cho nên nói là Mâu-ni.

98. A-xà-lê nói: Chín câu như vậy có thể chia làm mười câu, từ đây về sau cho đến cuối kinh đều là Như lai trả lời ý của chín câu hỏi, phân biệt nói rộng, nhưng Phật quán chúng hội lúc ấy, cốt phải được ý tìm tông, hoặc hỏi ở sau, đáp ở trước, văn không có tiêu chuẩn chắc chắn, kế là hoặc chuyển sinh nghi để hỏi, dùng hết nguồn dòng, như văn dưới đây nhập đại Bi Tạng Mạn-trà-la... tức là trả lời câu tu hành.

Bách tự quả... tức là trả lời tâm khác nhau và câu công đức, còn các câu khác hễ có chỗ tương ưng thì đều dùng loại để quán, nghĩa có thể biết. Kế là Như lai trả lời trong bài kệ của Kim Cang Thủ. Lành thay! Người đệ tử chân chính của Phật tâm lợi ích rộng lớn, do từ chủng tánh Như lai sinh ra, từ thân, ngữ, tâm Phật sinh ra, cho nên nói đệ tử chân chánh, như Đức Thế-tôn Đại Nhật ở trước hiện cảnh giới gia trì rộng lớn, nay Bí Mật Chủ cũng muốn độ khắp vô lượng chúng sinh nên độ như thế, khiến cho mau thành đại hạnh, xé rách mành lưới nghi lớn. Vì lợi ích vô lượng chúng sinh cho nên nêu câu hỏi như vậy.

99. Lại nói thắng thượng Đại thừa cú, tướng nối nhau sinh của tâm, các Đức Phật Đại bí Mật, ngoại đạo không thể biết. lược có bảy nghĩa cho nên nói là Đại thừa:

1. Dĩ pháp đại, là kho bí mật sâu xa mầu nhiệm của các Đức Phật, Tỳ-lô-giá-na trùm khắp tất cả mọi nơi, là chỗ nương của bậc Đại nhân.

2. Phát tâm đại, một bề chí cầu Đại tuệ bình đẳng, khởi bi nguyện vô tận, thệ sẽ trao khắp cho chúng sinh trong pháp giới.

3. Tín giải đại, là khi mới thấy Tâm rõ đạo đầy đủ vô lượng công đức, có thể đến khắp hằng sa cõi Phật, dùng đại sự nhân duyên thành tựu chúng sinh.

4. Dĩ tánh đại, là kho báu kim cang trong tâm thanh tịnh của tự tánh, không có thiếu giảm, tất cả chúng sinh đều có.

5. Y chỉ đại: nghĩa là cỗ xe nhiệm mầu như thế, chính là chỗ rộng lớn cho chúng sinh trong pháp giới nương ở, ví như trăm sông chảy về biển, cỏ cây nương đất mà sống.

6. Dĩ thời đại: Nghĩa là tuổi thọ lâu dài vượt hơn ba thời. Dụng lực thần thông bí mật hăng hái của sư tử, chưa hề dừng nghỉ.

7. Dĩ trí đại: nghĩa là các pháp vô biên bằng với hư không tâm tự nhiên, diệu tuệ cũng lại vô biên, cùng tận nguồn gốc tướng thật, ví như

cái hộp và nắp xứng nhau, do bảy lý do như thế, nên trong các pháp môn Đại thừa giống như Đề hồ thuần vị bậc nhất, vì thế nói là tối thắng Đại thừa. Thừa là tiến tới, cú là chỗ dừng nghỉ, do đó nói là Đại thừa Cú.

Tướng nối nhau của tâm: Tuy tâm này rất rốt ráo thường tịnh, giống như hư không lìa tất cả tướng, nhưng cũng từ nhân duyên khởi, có tướng của tâm sinh, giống như sóng mòi của biển lớn, không phải thường có cũng không phải thường không; nếu là thường có thì không phải gió dữ dừng thổi là lặng trong yên ổn, nếu thường không thì lẽ ra gió dữ thổi cũng không nổi sóng, phải biết tâm ấy từ duyên khởi, tức là không sinh mà sinh, sinh mà không sinh, tướng trong vô tướng, tướng thường vô tướng, sâu xa mầu nhiệm khó có thể biết rõ, ấn bí mật của các Đức Phật không vọng chỉ bày, cho nên phàm phu, Nhị thừa, hai thứ ngoại đạo, chẳng những không biết tâm vô sinh diệt, mà cũng không biết tâm sinh diệt, vì thế nói Bí mật lớn của các Đức Phật, ngoại đạo không thể biết. Nay ta đều mở bày nên nhất tâm phải nghe cho kỹ. Kế là kệ nói.

100. Vượt một trăm sáu mươi tâm sinh công đức rộng lớn, tánh kia thường vững bền. Biết kia Bồ-đề sinh: Là đáp sơ lược câu hỏi ban đầu làm sao biết tâm Bồ-đề sinh, nay Đức Phật bảo rằng, vượt một trăm sáu mươi tâm nối nhau, tức là tâm Bồ-đề thanh tịnh, như có người hỏi làm sao biết trong sữa này sinh ra đề hồ, đáp rằng nếu sữa bò thành bơ chín, tướng thô đục thay đổi, đều đã hòa tan khéo léo không còn cặn dơ, phải biết tức là Bồ-đề sinh. Khi hành giả mới khai mở kho báu kim cang thì thấy tâm tánh ấy như hư không thanh tịnh, vượt các số lượng.

Bấy giờ, lìa nhân sinh nghiệp, mầm cây Phật sinh, khi mầm này sinh, đã trùm khắp pháp giới, huống chi cành, lá, hoa, quả, cho nên nói sinh công đức rộng lớn; do vượt qua tâm hành nói rộng, nên không thể phá hoại, không thể xoay chuyển, giống như vàng ở cõi Diêm-phù-đàn không thể nói tánh chất xấu của nó, cho nên nói tánh kia thường bền vững, nếu biết tự tâm có ấn như vậy, phải biết đó là Bồ-đề sinh.

Kế là nửa bài kệ đáp sơ lược dáng mạo tâm Bồ-đề, do thế gian không còn pháp nào, có thể đem biểu thị tướng tâm Bồ-đề thanh tịnh, chỉ trừ hư không rộng lớn ví dụ chút phần tương tợ, cho nên nói vô lượng như hư không, ví như hư không bị khói mây bụi mù làm ô nhiễm, tánh kia thường trú, lìa các nhân duyên, dù cho tám phương gió thổi hết thế gian, cũng không thể khiến kia lay động, từ gốc ban đầu đến nay thường tự vắng lặng vô tướng, không thích hợp với ngày nay, tâm tướng cũng

giống như vậy, từ vô thỉ đến nay vốn tự bất sinh, do vốn tự bất sinh, nên không có một pháp nào làm nhiễm ô, lay động, thường trụ bất biến, thường tịnh vô tướng.

101. Cho nên nói: Không nhiễm ô thường trụ, các pháp không thể động, xưa nay vắng lặng vô tướng. Bấy giờ, người tu hành được ánh sáng vắng lặng này soi chiếu, vô lượng tri kiến tự nhiên khai phát, như hoa sen nở, cho nên nói vô lượng trí thành tựu, trí thành tựu này là tâm Phật Tỳ-lô-giá-na hiện ra trước, do đó nói Chánh đẳng giác hiện bày, tiếng Phạm nói là Tam-miệu Tam-phật-đà Bồ-đề hiện.

Phật đã nói lược về ấn tướng thật của tâm như thế, nếu hành giả tương ưng với đây thì phải biết đã đầy đủ sức tín vững chắc, nhưng sức tín này, vốn từ thực hành pháp môn Chân ngôn cúng dường nghi quỹ, như lời dạy tu hành được đến tâm Bồ-đề thanh tịnh, cho nên nói cúng dường hạnh tu hành, từ đây mới phát tâm.

102. Cúng dường ở đây có hai thứ:

1. Cúng dường bên ngoài .
2. Cúng dường bên trong.

Văn dưới sẽ nói rộng. Hoặc có chỗ nói rằng, chỉ quán tâm tánh vô tướng vô vi, không nên lăng xăng hành đạo Bồ-tát nhiều thứ loạn động, đây là nói không đúng, như dùng bốn thứ bất sinh quán sát tánh vàng trong quặng, tuy là xét nhân xét quả, thường tự không bớt không thêm, nếu không dùng phương tiện hòa tan cặn dơ thì vàng bất sinh này không do đâu mà được, người tu hành cũng vậy, nếu không dùng ba thứ phương tiện bí mật cúng dường hạnh môn, tiêu dung một trăm sáu mươi tâm, và chất nhơ trong quặng thì làm sao lấy được tâm Bồ-đề thanh tịnh này; Trung đạo chánh quán của A-xà-lê Long Thọ, chính là từ duyên khởi, nên nghĩa Vô sinh thành tựu, nhưng ngài nói lông rùa sừng thỏ là vô sinh, thế nên rơi vào chỗ lỗi.

103. Lại như ở đời thấy vàng thật gia công trăm lần cũng không thay đổi, cho là diệu tánh tột cùng, như vị Tiên chứng được năm thứ thông, dùng các vị thuốc, chế biến bằng mọi cách, có khả năng hóa các loại đất đá thảy đều thành vàng báu, họ có phép dưỡng sinh của Đạo gia, tuổi thọ dài lâu, thần biến vô phương. Phải biết trong tánh vàng thật, tự có lực dụng như thế, chỉ vì người đời không có phương tiện bí mật nên không thể được mà thôi.

Tâm Bồ-đề thanh tịnh, nếu dùng đại bi muôn hạnh, các cách trau dồi thì được thành tựu sự nghiệp thần biến gia trì không thể suy nghĩ bàn luận, vì thế không nên chưa được nói được, cho sơ tâm là quả cuối

cùng.

104. Kinh dạy: Bí Mật Chủ! Phàm phu như đứa trẻ ngu sinh tử từ vô thỉ, chấp đắm ngã gọi là ngã hữu, phân biệt vô lượng ngã phần. Này Bí Mật Chủ! Nếu kia không quán tự tánh của ngã thì ngã và ngã sở sinh khởi: Dưới đây trả lời nghĩa tâm nối nhau. Muốn nói nguyên nhân đầu tiên tâm thanh tịnh sinh khởi, trước hết phải nói tâm trái lẽ của phàm phu như đứa trẻ ngu .

Vô thỉ sinh tử: Luận Trí Độ chép: Thế gian hoặc chúng sinh, hoặc pháp đều không có chỗ bắt đầu. Trong kinh Đức Phật dạy: Vô minh che ngăn, ái buộc ràng, sinh tử qua lại, chỗ bắt đầu không thật có, cho đến Bồ-tát quán chỗ bắt đầu cũng không, nên không rơi vào kiến chấp thấy có chỗ bắt đầu. Ngu đồng: nghĩa như trước đã nói. Phàm phu, dịch đúng nên nói là Dị sinh, nghĩa là do vô minh, theo nghiệp thọ báo không được tự tại, đọa vào trong các đường, sắc tâm hình loại mỗi mỗi khác nhau, vì thế nói là Dị sinh. Chỗ chấp ngã ấy, chỉ có lời nói mà không có sự thật, cho nên nói chấp trước ngã danh. Nói ngã hữu tức là ngã sở. Ngã, ngã sở chấp như thế, giống như sáu mươi tri kiến, tùy việc khác nhau, vô lượng không đồng, nên gọi là phần.

105. Kế là giải thích lý do luống dối phân biệt, vì thế gọi là Bí Mật Chủ, nếu kia không quán tự tánh của ngã thì ngã và ngã sở sinh khởi, nếu kia quán sát các uẩn đều từ các duyên sinh, trong đó cái gì là ngã? Ngã trụ chỗ nào? Tướng uẩn ở đâu? Nếu tìm kỹ như thế, sẽ được cái thấy chân chánh nhưng kia không tự quán sát, chỉ xoay vần nhận lãnh từ người truyền trao, từ xưa đến nay noi theo kiến chấp này, nói là ngã ở trong thân, có sự tạo tác và nuôi lớn, thành tựu các căn, chỉ có đây là đạo rốt ráo, ngoài ra đều là nói dối, vì thế gọi là ngu đồng.

Kinh chép: Lại chấp có thời: nghĩa là chấp tất cả sự tốt xấu trong trời đất đều lấy thời làm nhân, như kệ kia nói: Thời đến chúng sinh thuần thục, thời đến thì thôi thúc, thời có công năng giúp người giác ngộ, vì thế thời là nhân.

Lại có người nói: Tuy tất cả người, vật chẳng phải do thời tạo tác, nhưng thời đúng là nhân không thay đổi, là pháp thật có, vì nhỏ nhiệm cho nên không thấy được; y theo hoa quả... có thể biết có thời. Vì sao? Vì thấy quả biết có nhân Pháp, bấy giờ thời không hoại cho nên thường, cũng vì không quán tự tánh của thời, nên sinh ra vọng chấp như vậy.

106. Kinh chép: Đất... biến hóa: nghĩa là đất nước, lửa, gió, hư không, mỗi mỗi có người chấp là chân thật, hoặc nói đất làm nhân cho muôn vật, tất cả chúng sinh muôn vật, nương vào đất mà được sống, do

không quán tự tánh của đất, chỉ trừ các duyên hòa hợp có, mà sinh sự hiểu kiến chấp như thế, cho là cúng dường đất, sẽ được giải thoát. Kế là có chấp: Nước có thể sinh ra muôn vật, lửa, gió cũng giống như vậy; hoặc chấp muôn vật từ không mà sinh, nói không là nhân của chân giải thoát, phải nên cúng dường kính thờ, đều nên nói rộng.

107. Kinh chép: Du-già ngã: Nghĩa là người học Định, Chấp lý tương ưng trong tâm này, cho là chân ngã, thường trụ bất động, chân tánh vắng lặng, chỉ có đây là con đường rốt ráo, xa lìa nhân quả, không quán tự tánh của tâm, kiến chấp như thế sinh, cho là Chân ngã, chỉ trụ lý này thì gọi giải thoát.

Kinh nói: Kiến lập tịnh, không kiến lập vô tịnh: Trong đây có hai thứ chấp: Câu trước nói có kiến lập tất cả pháp, nương đây tu hành gọi là Tịnh, câu tiếp theo này nói kiến lập pháp chẳng rốt ráo, nếu không kiến lập gọi là vô vi, chính là Chân Ngã, cũng xa lìa chỗ tu của Tịnh ở câu trước, vì thế nói Vô tịnh, do không quán tự tánh của ngã, có sinh sự hiểu biết như thế, nói rộng như trên.

Kinh chép: Hoặc trời Tự tại, hoặc lưu xuất kịp thời: Nghĩa là có một hạng ngoại đạo chấp trời Tự tại là thường, tự tại ấy có khả năng sinh ra muôn vật. Như trong luận Thập Nhi Môn có vặn hỏi rằng, nếu chúng sinh là con của trời Tự tại thì trời Tự tại chỉ nên đem vui ngăn khổ, không nên cho khổ, cũng nên chỉ cúng dường tự tại thì diệt khổ được vui, nhưng thật ra không phải như vậy, chỉ tự mình tạo nhân duyên khổ hoặc vui mà tự thọ báo, không phải trời Tự tại làm ra.

Lại nếu tự tạo thành chúng sinh thì người nào tạo thành trời Tự tại này? Nếu Tự tại tự tạo thành thì không đúng; như vật không tự tạo ra, nếu lại có sự tạo ra thì không gọi là Tự tại. Như luận ấy nói rộng. Chấp lưu xuất: đồng với kiến lập Đại, kiến lập như từ tâm xuất ra tất cả pháp; lưu xuất trong đây như từ bàn tay xuất ra tất cả pháp; như người thợ gốm rèn luyện, lấp các chỗ không hở, sinh ra các hình dạng nhau. Kế đến là nói thời: Cùng thời ở trước, ngoại đạo chấp hơi khác, đều là chủng loại trời Tự tại.

■

ĐẠI TỲ-LÔ-GIÁ-NA THÀNH PHẬT KINH SỚ

QUYỂN 2

Phẩm 1: **NHẬP MÔN CHÂN NGÔN TRỤ TÂM** (Tiếp Theo)

Kinh nói: Tôn quý đây là trời Na-la-diên, ngoại đạo chấp trời này vắng lặng, thường trụ bất động, và có phụ tướng tạo thành muôn vật, ví như người đứng đầu không làm nhưng cai trị, có quản lý trông coi mà làm, lại người đứng đầu năng tạo không có ai tôn quý hơn nữa, cho nên nói là Tôn quý.

Lại tông này chấp, Tôn quý là khắp tất cả đất, nước, gió, lửa, hư không. Xưa có vị Luận sư muốn hàng phục điều tông kia chấp, bèn đến đền thờ trời ngồi ăn uống trên thân tượng vị trời ấy, người Tây phương cho rằng thức ăn uống còn dư là rất bất tịnh nên đều cùng nổi giận, Luận sư nói, như chỗ y cứ đâu há chẳng phải là đất, nước, gió, lửa, hư không trùm khắp tất cả mọi nơi ư? Đáp rằng: Đúng thế! Luận sư nói: Đó là đất, nước, lửa, gió, ngã cũng như thế, đem tướng nhập vào thì chỗ nào không đáng tức giận? những người kia im lặng, không trả lời được, cũng do không quán tự tánh của ngã, nên sinh vọng chấp như vậy.

Kinh nói: Tự nhiên: là một thứ chấp của ngoại đạo, tất cả pháp đều tự nhiên mà có, không do tạo tác, như hoa sen màu sắc tươi sạch, cái gì làm nhiễm được? Đầu mũi gai nhọn, đâu có ai vót thành? Do đó biết các pháp đều tự nó như vậy. Có sư vặn hỏi rằng, nay mắt ta thấy thế gian làm ra các loại thuyền, tàu, nhà, cửa, đều từ các duyên mà có, đâu phải tự nhiên thành, vì sao nói là tự như vậy? Nếu cho là có mà chưa rõ ràng, cho nên cần người công phát, tức là do duyên, không phải tự nhiên có.

Kinh nói: Nội ngã: Có người chấp, ngoài cái trong thân lìa tâm thì có ngã tánh riêng, có thể vận động thân này làm các việc. Người nạn vấn nói: Nếu như thế, thì ngã là vô thường. Vì sao? Vì nếu pháp là nhân thì từ nhân sinh đều là vô thường, nếu ngã vô thường thì tội phước quả báo đều là đoạn diệt, những thứ luận nghị như thế, cho đến so lường

nói rộng.

Kinh nói nhân lượng: nghĩa là chấp lượng của thần ngã bằng với thân người, thân nhỏ ngã cũng nhỏ, thân lớn ngã cũng lớn. Luận Trí Độ chép: Có người chấp thần lớn nhỏ tùy theo thân người, khi chết thân tan rã thần cũng ra trước, tức là cùng giống như đây, nhưng Tông kia cho rằng ngã là pháp thường trụ tự tại, nay đã tùy theo thân lớn nhỏ, tức là vô thường, do đó biết là không đúng.

Kinh nói Biến nghiêm: nghĩa là chấp thần ngã này có khả năng tạo ra các pháp, nhưng ở thế gian việc tôn nghiêm cao cả thì do ngã làm ra, cùng với chấp trời Tự tại có khác chút ít, như trong Luận có phá tự tại, nói trời Tự tại vì sao không hết lòng làm cho người vui mà lại hết lòng làm cho người khổ, và phải biết có khổ có vui từ thương ghét mà sinh, do đó không tự tại. Biến nghiêm ở đây, đã là năng tạo các phước vui, nhưng không thể đem vui để dứt khổ, làm sao gọi là thường tự tại khắp?

Kinh chép: như thọ: nghĩa là các ngoại Đạo chấp, tất cả pháp cho đến bốn đại cây cỏ... đều có tuổi thọ, như cỏ cây thay đổi rồi tiếp tục sống, nên biết có mạng, lại ban đêm thì nó cuốn xếp lại, nên biết cũng có tình thức, để mà nghỉ ngủ. Người nạn vấn nói: Nếu thấy giết chết rồi sống lại, cho là có mạng sống thì người chặt đi một cành không mọc trở lại, chẳng lẽ không có mạng sao? Nếu buổi tối xếp lại (nói) cây có ngủ nghỉ thì dòng nước ngày đêm không dừng, chẳng lẽ lúc nào cũng thức ư? Đều do không quán tự tánh của ngã, nên sinh các thứ vọng kiến.

Kinh dạy, Bổ-đặc-già-la: Nghĩa là tông kia chấp có Số thủ thú (thường hướng về các đường) đều là một ngã, thì chỉ tùy theo việc mà khác tên thôi. Nếu có từ đời này đến đời sau thì thần thức đó là thường, nếu thức thần là thường, vì sao nói có sinh tử, tử gọi là diệt ở chỗ này, sinh nói là có ra ở chỗ kia, vì thế không được nói thần là thường, Nếu vô thường thì không có ngã, như Độc Tử Đạo Nhân trong Phật Pháp và Thuyết Nhất Thiết Hữu Hộ, hai bộ này chấp có pháp ba đời, nếu chắc chắn có quá khứ, hiện tại, tương lai thì đồng có sác thủ thú, mất ba thứ pháp ấn của Phật, các Bồ-tát ở Tây phương, tạo ra các thứ lượng để phá chấp của tông kia.

Kinh nói: Như thức: nghĩa là có một thứ chấp, thức này ở khắp tất cả mọi nơi, cho đến các cõi địa; thủy, hỏa, phong, hư không, thức đều khắp đủ trong đó, điều này cũng không đúng, nếu thần thức là khắp thường, thì lẽ ra có thể thấy nghe hay biết riêng, nhưng nay phải nhờ căn trần hòa hợp, mới có thức sinh thì thần thức của ông không dùng

được, lại như thần thức khắp trong năm đường, vì sao lại có sinh tử? Cho nên biết là không đúng.

Kinh nói: A-lại-da: nghĩa là chứa đựng nắm giữ, cũng là nghĩa nhà. Tông này nói: Có A-lại-da có thể giữ gìn thân này, có sự tạo tác chứa đựng muôn hình, thu nhiếp thì vô sở hữu, duỗi ra thì đầy khắp cả thế gian, không giống như nghĩa Thức thứ tám (A-lại-da) trong Phật pháp, nhưng mật ý Thế-tôn nói Như lai Tạng là A-lại-da, nếu người trong Phật pháp, không quán tướng thật tự tâm, phân biệt chấp trước, cũng đồng với ngã kiến.

Kinh nói: Thấy biết: Nghĩa là có ngoại đạo chấp, trong thân có thấy biết, những việc khổ, vui, lại có người chấp năng thấy, tức là chân ngã, luận Trí Độ chép: Mắt thấy sắc gọi là kiến, năm thức biết gọi là tri, đều là ngã chấp, tùy theo việc mà có tên khác nhau. Người vặn hỏi rằng: Ông nói năng kiến là ngã, mà kia có thể nghe, có thể xúc chạm biết, như thế có phải là ngã hay không? Nếu đều là ngã thì sáu căn, sáu trần (cảnh giới) không biết lẫn nhau, một không thể làm sáu, sáu không thể làm một, nếu có chẳng phải ngã thì cũng đồng với nghi, cho nên biết căn trần hòa hợp có sự hiểu biết, không có ngã riêng.

Kinh nói: Năng chấp, sở chấp: Nghĩa là có ngoại đạo nói, trong thân lìa thức tâm, có năng chấp riêng tức là chân ngã, có thể vận động thân, miệng, ý, làm các việc, hoặc có thuyết nói rằng, năng chấp chỉ là thức tâm, họ chấp cảnh giới, bèn nói chân ngã, ngã này ở khắp mọi nơi, nhưng tánh của thân, thọ, tâm, pháp ở trong, ở ngoài, đều từ duyên sinh, không có tự tánh, trong đó năng chấp sở chấp, chấp còn không thật có, huống chi là ngã ư? Cũng do không quán tự tánh của ngã, nên nói lời ấy.

Kinh dạy: Nội tri, ngoại tri: Cũng là tên khác của biết, chia thành hai chấp: Có người chấp nội tri là ngã, nghĩa trong thân có nội chứng riêng, chính là chân ngã, hoặc lấy ngoại tri làm ngã, nghĩa là biết được cảnh giới ngoại trần, tức là chân ngã.

Kinh chép: Xả-thản-phạm: nghĩa là cùng biết người ngoại đạo chấp đại đồng, nhưng bộ đảng khác nhau, nên đặc biệt nêu ra.

Kinh nói: Nhược Ma-nô-xà: Luận Trí Độ dịch là nhân, tức là người chấp, dịch đầy đủ phải nói là nhân sinh, đây là trời Tự tại của bộ loại ngoại đạo, chấp người thì từ người sinh, do đó lấy làm tên, Đường Tam Tạng nói ý sinh, là sai. Mạt-na là ý, nay nói mạt-nô, thanh chuyển nghĩa cũng khác, là lầm.

Kinh nói: Ma-nạp-bà: là bộ loại ngoại đạo trời Tỳ-nữu, dịch đúng

phải là Thắng Ngã, nói ngã ở trong thân tâm, rất là tốt đẹp, kia thường ở trong tâm, quán ngã cao khoảng một tấc: Luận Trí Độ cũng chép: Có người chấp, thần ở trong tâm, nhỏ như hạt cải, thanh tịnh gọi là tịnh sắc, hoặc như hạt đậu, cho đến một tấc, khi mới thọ thân, đầu tiên là trước khi thọ, ví như xương voi và sự thành thân, của nó như voi đã mạnh mẽ. Đường Tam Tạng dịch là Nho Đồng, là sai, Nho Đồng, tiếng Phạm là Ma-noa-ba, Hán dịch là nạp, nghĩa là khác, đó là lầm (hai danh từ này do Xà-lê Bồ-đề giải thích).

Kinh chép: Thường định sinh: Ngoại đạo kia chấp, ngã là thường trụ không thể phá hoại, tự nhiên thường sinh không có sinh lại, vì thế lấy đó làm tên.

Kinh nói: Thanh, phi thanh: Thanh tức là thanh luận của ngoại đạo, nếu chấp thanh hiện rõ, thể của thanh vốn có, đợi duyên hiện ra, thể tánh thường trụ, nếu chấp thanh sinh, thanh vốn sinh, đợi duyên sinh, sinh đã thường trụ, trong kia lại tự chia riêng mà chấp, như các chỗ khác giải thích rộng. Phi thanh: Khác với chấp trước, ấy chấp thanh là thường khắp, tông này đều bác bỏ là vô, rơi vào pháp vô thiện, ác, cũng không có chỗ thanh, chữ cho đây là thật.

Kinh chép: Này Bí Mật Chủ! Các ngã phần ấy, từ xưa đến nay, phân chia tương ưng, mong cầu thuận lý giải thoát hữu. Trong kinh nêu sơ lược ba mươi việc, nếu tùy theo loại khác nhau thì có vô lượng, vô biên, như người ngồi được Tứ thiền thì chấp pháp này là thường lý chân thật, hoặc sinh ý nghĩ, ta phải đắc thiền, những ý niệm như thế đều tương ưng với ngã phần, so sánh có thể biết, đều do không quán tướng thật của ngã, chỉ do sự truyền trao cho nhau từ xưa đến nay, bắt chước theo kiến chấp này, mỗi người tự nói có Đại sư Bạc-già-phạm, do khéo tu Du-già, nên nay hiểu pháp này, lại giảng nói cho thế gian nghe, chỉ có đây là đạo rốt ráo, không còn đạo khác, như khi vào kiếp sơ chỉ có một trời, trước sinh phạm giới, lại khởi niệm rằng, nếu có chúng sinh, đến sống chung với ta thì tốt lắm?

Bấy giờ trên cõi trời có người qua đời sinh đến đó, người sinh ra trước liền nói rằng, do nguyện lực của ta, ông được sinh đến đây, ông chính là do ta đã sinh ra, nhưng kia cũng khởi niệm rằng, bậc đáng kính trọng kia có thể sinh chúng ta, liền cùng nhau thuận theo, chấp là đầu tiên có ngã, từ đó đến nay, nói là Phạm thiên vương có khả năng tạo ra thế gian, như thế lần lửa sinh vào chỗ hiểu biết quái lạ, không thể ghi nhớ, mong cầu thuận lý giải thoát. Thuận lý, tiếng Phạm là Du-kỳ, tức là ngày xưa hành giả tu Du-già nói họ được chân giải thoát là chỗ y cứ

của muôn vật. Nay thuận với hạnh kia mong cầu giải thoát, nên nói là đúng. Trên đây đều là phá hoại tâm trái lý nhân quả trong ngoài. Kế là nói tâm đầu tiên thuận theo lý, khéo thuận tức là tám tâm ở thế gian.

Kinh chép: Này Bí Mật Chủ! Loại phàm phu như đứa trẻ ngu, giống như dê đực, thỉnh thoảng có một pháp tưởng sinh, gọi là trì trai, kia suy nghĩ chỉ một ít phần này, sinh tâm vui mừng, thường luôn tu tập. Này Bí Mật Chủ! Đó là hạt giống nghiệp lành bắt đầu phát sinh, Dê đực quả là trong súc sinh, tánh rất thấp hèn chỉ nhớ nghĩ đến cỏ, nước và sự dâm dục, ngoài ra không hiểu biết gì, do thuận theo ngữ pháp Tây phương đem dụ cho hạng phàm phu như đứa trẻ ngu không biết nhân quả thiện ác.

Thế gian từ xưa đến nay, xoay vần truyền trao cho nhau gọi là pháp lành, nhưng đem tâm trái lý tìm cầu bằng mọi cách thứ mà không thể được, sau đó bỗng nhiên tự nghĩ. Nay ta bớt ăn, trì trai, tức là pháp lành, nhưng chưa phải là bát quan trai giới trong Phật pháp, kia do tự răn dè ăn uống vừa đủ, liền biết công việc giảm ít, khiến ta ăn uống dễ đầy đủ, không sinh tìm cầu khổ nhọc. Bấy giờ, liền sinh chút phần tâm không mê đắm, tâm kia vui mừng lại được yên ổn, do thấy lợi ích này, thường có tu tập thì trước hết liền hiểu biết sự tinh diệu về nhân quả thiện ác, cho nên nói là hạt giống tâm.

Kinh dạy: Lại lấy đây làm nhân, trong sáu ngày trai, cúng cho cha mẹ, bà con nam nữ đó là mầm giống thứ hai, trong sáu ngày trai này, chính là trong luận Trí Độ nói: Đời trước có vị tiên đã chứng năm thần thông, khuyến khích vào ngày này nhịn ăn, đã thuận pháp lành, lại khỏi bị tai họa quỷ thần, như luận ấy có nói rộng. Nhờ đó mà dứt tham cầu, trong được lợi lạc, muốn tu tập pháp này khiến được thêm lớn, trong ngày trì trai, xả bỏ tài vật của mình đem cho sáu thân, tự nghĩ ta không quý mến giữ gìn, mà khiến người khác yêu kính, được khen hiếu nghĩa, do thấy nhân quả này, càng sinh vui mừng, do vui mừng, nên tâm lành hơi tăng, giống như từ hạt giống sinh ra mầm.

Kinh chép: Lại đem những vậy này bố thí cho người không bà con, quen biết, đó là mọc mầm thứ ba, nghĩa là muốn thành tựu pháp lành giữ trai này, tu tập tâm vô tham tuệ xả, do thường tu tập nên tâm lành thêm lớn, lại bố thí cho người không phải bà con quen biết, thấy tâm bình đẳng bố thí công đức lợi ích. Bấy giờ, mầm lành lớn lên nhiều lần, giống như khi chồi, cành lớn mạnh chưa sinh nghiệp, do đó gọi là bào chủng.

Kinh dạy: Lại đem những thứ này cúng thí cho người cao đức độ

lượng là diệp chủng thứ tư, nghĩa là đã có thể tu tập hạnh tuệ xả, nương đây làm nhân, dần dần có thể xét kỹ chọn lựa cảnh để cúng thí, người đức hạnh cao quý như thế, ta phải nên gần gũi cúng dường, tức là tuệ tánh dần mở, cũng dần dần gặp Thiện tri thức.

Kinh chép: Lại đem những thứ ấy bố thí, hoan hỷ trao cho những người kỹ nhạc và dâng cúng những vị Tôn túc. Nghĩa là tuệ tánh dần mở, lại xét riêng cảnh để cúng thí, thấy lợi ích của hạnh lợi tha kia, vì người kỹ nhạc có thể hóa độ đại chúng, khiến họ vui mừng cho nên khen ngợi công ấy, loại này rất nhiều, cho nên nói là Đẳng. Tôn túc: là bậc kỳ cựu, nghe nhiều hiểu rộng và học hạnh cao thượng, làm khuôn phép cho thế gian, vì theo kia phần nhiều được lợi ích, thành kính hoan hỷ mà thí cho, cũng khiến cho khi ta thí tâm rất hoan hỷ, tức là hoa chủng.

Kinh dạy: Lại đem những thứ này cúng thí, phát tâm thân ái mà cúng dường, đó là thứ sáu thành quả, nghĩa là tu tập thuần thục, chẳng những luôn hoan hỷ mà thôi, mà còn hay dùng tâm thân ái, cúng thí bậc có đức hạnh cao quý, lại nhờ nhân duyên thí trước, được nghe pháp lợi, biết người ấy trong lòng mang đức tốt, nghĩa là có thể vượt ra khỏi dục... thân quen gần gũi để cúng dường, mong hạt giống ban đầu, chính là tâm thành quả.

Lại nữa, này Bí Mật Chủ! Người ấy giữ giới sinh lên cõi trời là thứ bảy, hạt giống thọ dụng, nghĩa là đã có thể trì trai bố thí, thấy lợi ích ấy thì biết ba nghiệp không lành, đều là nhân duyên dứt bỏ phiền não, ta phải bố thí, giữ giới mà trụ, do giữ giới nên đời hiện tại đạt được thiện lợi, có danh tiếng lớn, thân tâm an vui, tăng thêm nhiều những điều hiền thiện, khi qua đời lại được sinh lên cõi trời, thí như trái đã chín thì thọ dụng hạt của nó, cho nên nói thọ dụng hạt giống. Lại nói từ một hạt giống (hạt giống) thành trăm ngàn quả trái thì mỗi trái lại sinh biết bao nhiêu, lần lượt nuôi lớn, không thể đếm được. Nay tâm thọ dụng quả này, trở lại thành hạt giống của tâm sau, cũng giống như vậy, vì thế nói hạt giống thọ dụng.

Kinh chép: Này Bí Mật Chủ! Do tâm sinh tử trôi lăn này, bạn lành nghe được nói rằng đây là Thiên đại, trời cho tất cả vui, nếu thành kính cúng dường, nguyện tất cả chỗ đều đầy đủ, có chỗ nói trời Tự tại... cho đến kia nghe sinh tâm vui mừng như thế, ân cần tôn trọng cung kính thuận theo tu hành, này Bí Mật Chủ! Ấy gọi là ngu đồng dị sinh sinh tử trôi lăn vô úy nương tâm anh đồng thứ tám. Đã biết bậc có đức hạnh tôn quý phải nên gần gũi cúng dường, lại thấy giữ giới hay sinh thiện lợi,

tức là dần dần biết về nhân quả: Nay lại nghe Thiện tri thức nói có Đại Thiên này có thể ban cho tất cả điều vui, nếu thành kính cúng dường, sở nguyện đều đầy đủ, liền có thể khởi tâm quy y, tuy chưa nghe pháp Phật, nhưng biết chư Thiên này, nhân tu hạnh lành được quả báo tốt đẹp này, lại dần dần tin hiểu, phân biệt ruộng tốt, lại nghe pháp Phật đặc biệt nhiệm mầu, chắc chắn sẽ tin nhận quy y cho nên là tâm trên hết ở thế gian.

Hỏi: Trước nói trời Tự tại... đều là tà chấp, nay nói quy y đây... là tâm trên nhất ở thế gian, vậy có gì khác trước?

Đáp: Trước là tâm không biết nhân quả, chỉ chấp các pháp là do trời Tự tại... tạo ra, nay do gốc lành thuần thục, ở trong sinh tử trôi lăn tìm cầu chỗ nương dựa không sợ hãi, muốn bắt chước hạnh nhân kia, mong thành quả thù thắng, cho nên không đồng với chấp trước.

Thương-yết-la: là tên khác của Ma-hê-thủ-la. Hắc Thiên, tiếng Phạm là Lỗ-nại-la là bà con của trời Tự tại. Long tôn: là các rồng lớn, như Câu-phệ-la... đều được người đời suy tôn là Đại thiên.

Phạm thiên hậu: là vị thần cao quý được thế gian kính trọng, nhưng trong pháp Phật, Phạm vương ly dục không có hoàng hậu, phi tần, từ Ba-đầu-ma trở xuống, chỗ nói là Đắc-xoa-ca long, Tu-hòa-cát long, Thương-khư long, Yết-câu-trích Kiếm long, Đại Liên Hoa long, Câu Lý Kiếm long, Ma-ha Phán-ni long, A-địa-đề-bà long, Tát-đà long, Nan-đà Long... đều là những vị tôn thần thế gian kính trọng.

Thiên tiên: là các vị Thần tiên chứng năm thần thông, số kia vô lượng nên không nêu tên.

Vi-đà: Đó là bốn thứ Minh luận do Phạm thiên giảng nói, Đại Luận sư Vi-đà, phải thọ trì kinh kia có thể dạy bảo cho người, do có thể chỉ dạy hạnh ra khỏi dục, nên quy y.

Ở trong bộ loại kia, Phạm vương giống như Phật, bốn bộ Vi-đà giống như mười hai bộ kinh; người truyền pháp này giống như Hòa thượng Tăng, khi kia nghe Tam bảo ở thế gian như thế... hoan hỷ quy y thuận theo tu hành, là thứ tám sinh tử phàm phu nương vô úy.

Kinh chép: Này Bí Mật Chủ! Lại nữa, hạnh thù thắng tùy theo chỗ an trụ thù thắng mà trong kinh ấy nói, cầu giải thoát tuệ sinh... nghĩa là trong vô úy y thứ tám này lại có tâm thù thắng; đã nghe nói các Bạc-già-phạm ở thế gian như trên, đã nói thì phải nên cúng dường quy y, sau đó bèn sinh tâm, các Tam bảo này Tam bảo nào là hơn? Ta phải chọn cái tốt kia thuận theo tu hành, nhờ năng lực gốc lành đời trước, tùy theo pháp trong kinh ấy nói mà được chỗ an trụ thù thắng, có

cầu giải thoát sinh trí; nhưng vì chưa biết pháp duyên khởi, tất cả quán không, trí tuệ không lìa đoạn thường, vì thế nói thường vô thường là không, chỉ thuận theo nói như thế, mà siêng năng tu học.

Trong đây lại có hai thứ: Nếu cầu giải thoát sinh trí gọi là tâm thù thắng, đã đối với pháp không tác chứng gọi là tâm quyết định, nếu lìa phần mà nói thì trước gồm có mười tâm. Đức Thế-tôn muốn hướng vào xuất thế gian nói quán không trí tuệ, sau đó nói rằng: Bí Mật Chủ! Kia không hiểu biết nghĩa không, chẳng phải không, rõ ràng đoạn thường, tuy các quán bình đẳng phi hữu phi vô, dứt các nói rộng, nhưng cũng không thể lìa cả hai kiến ấy, do kia chưa hiểu nhân duyên đúng đắn. Nhưng trong Phật pháp, để biết có nhân duyên thì lìa Vô kiến, tức là không rơi vào đoạn thường, nếu không đạt nghĩa không như thế thì dù không dính mắc hữu, vô, ly ngôn tuyệt tướng, cuối cùng cũng theo tưởng phân biệt, khởi tâm vô phân biệt này giống như Trường Trảo Phạm Chí quán tướng thật các pháp, không thọ tất cả các pháp nhưng thọ kiến chấp ấy.

Xét rằng, chân không lìa phân biệt, làm sao phân biệt không? Nếu không hiểu nghĩa không, tuy có nhất tâm tinh tấn siêng cầu giải thoát thì cũng không thể biết Niết-bàn, vì thế Phật dạy: Ông muốn cầu Niết-bàn, phải hiểu biết duyên khởi của không, xa lìa đoạn thường, do người kia hạt giống tâm ban đầu bị giảm đi, có một phần ít tham cấu, tức thuận theo một ít phần tâm thanh tịnh, từ đây về sau trì trai, bố thí dần dần thêm lên, tức là thế lực của tâm tịnh dần được bắt đầu phát động, nhờ sự huân tập này thì có thể xét chọn chỗ để quay về. Có cầu giải thoát tuệ sinh, nếu không gặp duyên lành, trở lại theo đoạn thường không, nhập vào tà kiến, nhưng hạt giống tám tâm kia không bao giờ hoại mất; nếu nghe Phật pháp, chỉ đối với đoạn thường không, khiến quán duyên khởi không thì nhập Chánh đạo, nếu là người không có căn cơ hạt giống chưa sinh, tuy nói các pháp cho họ nghe, cuối cùng cũng không thể tin hiểu.

Lại như hành giả ở tâm thứ tám, khi cầu thoát sinh tử nương vào Vô úy nếu gặp Thiện tri thức, và nói Tam bảo là chỗ chân chánh quay về (Quy y). Nhờ người ấy đời nay dần biết nhân quả, nên có thể tín thọ, lại bố trí việc đó. Nếu người kia tu trai, người ấy gặp Thiện tri thức, bảo rằng, ông thấy lợi ích gì, mà cố thực hành trì trai, bố thí này?

Người kia liền đáp rằng: Tôi thấy nhân duyên tham cầu giữ gìn có các thứ buồn khổ, thiểu dục hành thí thì được an trụ trong hoan hỷ an vui.

Bấy giờ Thiện tri thức bảo rằng: Lành thay! Thiện nam! Như Đức Phật đã dạy, chúng sinh vì bỏn sẻn tham lam, đời hiện tại có các thứ buồn khổ, khi qua đời do nhân duyên này, đọa vào trong đường ác; nhờ tâm xa lìa san tham dơ bẩn, hiện đời an vui, được tiếng khen, khi qua đời được sinh lên cõi trời, sau chứng Niết-bàn, thế nên nay ông càng phải đem tâm thù thắng trên mà thọ pháp tám trai giới, người kia nghe rồi, lập tức tín, thọ, đúng như lời dạy tu hành. Nếu người không có cơ duyên, chỉ nói khổ vui ở thế gian đều do trời Tự tại tạo ra, hoặc đất... biến hóa, lấy thời làm nhân thì nghe tám giới trai được một phần ít an vui thanh tịnh như thế, còn không thể tin, huống chi những việc sâu xa khác ư.

Hỏi: Hạt giống đầu tiên của tám tâm như thế, lại lấy gì làm nhân?

Đáp: Do thế gian từ lâu xa đến nay có tên gọi thiện ác, hạt giống từ đó mà sinh.

Như kiếp sơ chúng sinh tham ăn đất màu mỡ. Bấy giờ cho người ăn nhiều là bất thiện, người ăn ít là thiện, hoặc có người thấy nhân duyên ăn nhiều, khởi các tội lỗi, liền khởi niệm rằng, nay ta thường tự kềm chế răn dè ăn ít vị này, chính là thiện? Nhưng chúng sinh ở đây, cũng chưa biết nhân quả và nghiệp báo đời sau, chỉ xoay vần truyền nhau, cho rằng nhân nghĩa, hổ thẹn... là pháp lành, người nào làm được như thế thì thế gian đều khen ngợi.

Lại như khi cuối cùng thiểu kiếp, chúng sinh bỗng nhiên phát tâm, biết pháp ác tội lỗi ở thế gian, lại còn cùng nhau khuyến khích dẫn dắt đều làm việc lành. Bấy giờ, cũng không có Thiện tri thức khuyến khích dẫn dắt như thế, phải biết đều nhờ năng lực nhân duyên huân tập lẫn nhau của tướng thật tự tâm, như hạt giống đầu tiên, khi xa lìa tâm cấu chừng mảy bụi, liền hiện bày thế lực tâm thanh tịnh chừng bằng hạt cát bụi.

“Tuy nói hạt giống lành sinh, thực ra chính là bất sinh” sinh khởi, vì đó là tánh vững chắc, ở chúng sinh tâm thức không bao giờ hoại mất, chưa đến trong lớp đại kim cang của mé thật tự tâm, còn không có chỗ an trú, lìa quả lại thành hạt giống lần lượt nuôi lớn, nhưng cũng không ra ngoài tự môn A, vì thế nói tối thượng Đại thừa cú, tướng tâm nối nhau sinh, đại bí mật của các Đức Phật, ngoại đạo không thể biết; phẩm Dược thảo dụ trong kinh Pháp Hoa, ý cũng ở đây.

Lại nữa, hành giảquy y Tam bảo, thuận theo Luật nghi của Như lai, ở trong một ngày thọ tám pháp quan trai, do phòng giữ giới Thánh, vắng lặng an vui, do an vui ấy, sẽ tin việc làm của bậc hiền Thánh, luôn

luôn tu tập, đó gọi là hạt giống đầu tiên, vì giúp điều lành này thêm lớn, mà tu các điều lành, cho đến nhờ giới hoàn toàn thanh tịnh, chắc chắn được sinh lên cõi trời, sau đến Niết-bàn, đó gọi là hạt giống thọ dụng.

Lại do gần gũi Thiện tri thức, nghe chánh pháp lợi lạc, không khởi tâm quy y khác, đó là phàm phu trôi lăn sinh tử, thứ tám chân thật vô úy y, lại sự an trụ thù thắng ở trong đây, có cầu giải thoát sinh trí, tư duy quán sát, sinh ý tưởng quyết định, từ đây liền phát tâm hạt giống đầu tiên trong Bồ-đề của Thanh văn, đều nên y theo văn trước phân biệt nói rộng, cho đến mỗi một địa trong ba thừa, đều đủ mười tâm, đến Địa thứ mười, cũng đủ mầm bao hạt giống, lá, hoa, quả... có cầu Phật địa sinh trí, quán rốt ráo không, được đến mé Kim cang.

Bấy giờ, Kim Cang Thủ, thỉnh Phật rằng: Cúi mong Đức Thế-tôn nói về tâm này. Nói như thế rồi, Phật bảo Kim Cang Thủ Bí Mật Chủ rằng: Này Bí Mật Chủ! Hãy lắng nghe kỹ, tâm tướng nghĩa là tâm tham, tâm không tham, tâm sân giận, từ tâm, tâm si, tâm trí, cho đến thế nào là tâm thọ sinh? Nghĩa là các hữu, tu tập hạnh nghiệp kia sinh, tâm đồng với tánh như thế, ở đây trả lời các tâm tướng cú trong câu hỏi trước.

Đầu tiên nêu lên sáu mươi tâm, kế là giải thích tướng kia.

Này Bí Mật Chủ! Vì sao tâm tham kia nói là thuận theo pháp nhiễm? Nghĩa là đắm nhiễm cảnh trước, tức là làm ô nhiễm tâm thanh tịnh. Nếu thuận theo tu hành pháp này, gọi là có tâm tham. Vì tâm pháp nhỏ nhiệm khó hiểu, chỉ quán sát sự nghiệp kia đã làm, chắc chắn có hình tướng ở ngoài. Giống như xem xét hình dáng của khói thì tánh lửa có thể sánh biết, vì thế các câu phần nhiều do thuận tu để hiểu nghĩa, nhưng đem so sánh thì đúng, những vị này đến nay đều chưa được tâm xuất thế và các thứ tâm lành tạp khởi. Nếu hành giả khéo biết thật giả, giống như việc nhổ cỏ xấu để giúp lúa tốt của nhà nông thì thế lực tâm thanh tịnh dần dần thêm lớn. Chớ cho rằng nhân duyên sự tướng này là câu nói tận cùng lý lẽ mà xem thường, khiến tâm chìm đắm trong đó mà không tự giác biết.

Thứ hai, vì không có tâm tham mà nói là thuận theo pháp vô nhiễm? Nghĩa là trái với tâm trước, cho đến nên tiến lên tìm cầu chỗ tốt, cũng lại không sinh nguyện vui, thế nên không làm nhiễm pháp lành, đều ngăn cản mầm lành và không có tâm ô nhiễm, tên đồng mà việc khác, rất cần xem xét. Vì thế hành giả chỉ quán tướng thật của tâm tham, tự nhiên tham không nhiễm tâm, không nên khởi hạnh Vô tuệ bất tham như thế.

Thứ ba, vì sao tâm sân mà nói là thuận theo pháp tức giận? Nộ:

nghĩa là tâm sân phát động, việc hiển bày ở bên ngoài, vì tâm pháp khó biết, nên thuận theo tu nộ pháp để giải thích. Nếu thường khởi như thế tướng không vắng lặng thì biết là tướng tâm sân, chỉ ở trong các duyên này, quán sát tâm sân, tự không có chỗ an trụ thì đây là chướng ngại không sinh.

Thứ tư, vì sao tâm Từ nói là thuận theo tu hành pháp từ? Từ này cũng trái với sân; từ này là do tâm ái kiến bị cấu bẩn, chẳng phải do mầm lành sinh ra, chữ Từ trên là căn cứ vào nội tâm, chữ Từ ở dưới là tướng bên ngoài của sự nghiệp đã làm, đã giác biết rồi, chỉ sửa lỗi làm chướng ngại đạo, xoay vần tu tâm từ vô lượng, tức là đối trị.

Thứ năm, vì sao tâm si mà nói là thuận theo tu pháp bất quán? Nghĩa là không quán lời ở trước xấu tốt đúng sai, gặp liền tin, thọ, hễ sự nghiệp đã làm thì không thể trước đem tâm tuệ xem xét so lường phải trái. Những thứ như thế phần nhiều lầm lỗi, đều là tướng của tâm si.

Thứ sáu, thế nào là trí tâm? Nghĩa là thuận theo tu pháp tăng thượng thù thắng? Nghĩa là người đó ở trong các thứ đã nói, đều dùng trí chọn lựa cái này hơn cái kia thua, pháp này nên thọ, pháp kia không nên thọ, kia chọn lấy pháp thù thắng hơn cả để thực hành, tức là tướng vô si. Nhưng pháp hơn người, không phải đem trí lực so lường mà đạt đến được, chỉ có người tin mới có thể thâm nhập mà thôi, thế nên khó quán sát thế trí biện thông, để đối trị kia.

Thứ bảy, thế nào là Tâm quyết định? Nghĩa là vâng theo giáo mệnh, đúng như lời dạy mà vâng làm.

Thứ tám, thế nào là tâm nghi? Nghĩa là thường thu giữ những việc bất định, nay trước giải thích tâm nghi, khiến quyết định tâm tướng dễ hiểu rõ ràng. Nghĩa là: người này tùy theo những gì đã nghe, liền sinh tâm không quyết định, như khi thọ giới, liền tự sinh tâm nghi, nay ta chắc chắn đắc giới hay không đắc giới? Hoặc nghi thầy, nghi pháp, các việc so sánh như thế như người hành đạo, do nghi hoặc cho nên không thể tiến lên trước, bài kệ trong luận Trí Độ nói: Cho đến ví như quán sát lối rẽ, lối nào tốt thì nên theo, là đối trị kia, lại tâm quyết định: nghĩa là tùy theo nghe bạn lành... đúng như pháp dạy bảo, lập tức không sinh nghi ngờ, dốc lòng vâng làm, nhưng cũng phải dùng tuệ quán sát, sinh tâm quyết định chân chánh.

Thứ chín, thế nào là tâm ám? Nghĩa là đối với pháp không đáng nghi ngờ lại sinh tâm nghi ngờ. Nghĩa là như Tứ Đế, bất tịnh, vô thường... người trí ở đời không nên sinh nghi, nhưng nghe kia bèn do dự, như ban đêm thấy gốc cây sinh tâm so lường, nếu thấy có tướng như thế, phải

biết do tâm tối tăm khiến cho như thế.

Thứ mười thế nào là tâm sáng? Nghĩa là đối với pháp không đáng nghi ngờ, người tu hành không nghi ngờ, tức là đối với pháp ấn quyết định, chẳng phải là pháp đáng nghi ngờ, người kia tùy theo chỗ nghe biết liền tin sâu, phải biết đó là tâm sáng, nhưng trong đó hoặc vượt qua, hoặc không kịp, tức là tâm chướng Đạo, lại tuệ trong xứ là đối trị kia.

Thứ mười một, thế nào là tâm chứa nhóm? Nghĩa là vô lượng là một làm tánh: nghĩa là người này tùy theo một việc sinh tín giải rồi, lại nghe các pháp đặc biệt khác, đều nhóm họp thành một, như người học được một Tam-muội, thấy kinh khác dạy về sự thù thắng khác nhau của vô lượng pháp môn khác đều cho rằng nói pháp này thì định tâm, lìa pháp này thì không còn pháp nào khác, do đó gọi là tâm chứa nhóm.

Thứ mười hai, thế nào gọi là tâm tranh đấu? Nghĩa là cho lẫn nhau, là đúng sai làm tánh? Nghĩa là nghe lời dạy bảo của người khác nói, thường ưa tranh luận phải trái, nói nghĩa là ấy nên như vậy, việc đó nên không như vậy, giả sử đã nói hợp lý, cũng dùng các phương tiện tìm cầu chỗ tốt, xấu của kia, muốn làm cho rơi vào chỗ lỗi. Nếu người đến hỏi thì cũng tìm việc tốt xấu của kia, nói câu hỏi này là trái nghịch, không thông đạt, ta không cần trả lời, có hiện tướng như vậy, phải biết là tâm tranh đấu.

Thứ mười ba, thế nào gọi là tâm tranh cãi? Nghĩa là đối với bản thân mình mà sinh phải trái? Nghĩa là trong tâm ôm ấp phải trái, như tự tư duy một nghĩa xong, liền trở lại đặt ra dị đoan tìm cầu lỗi của nó, tuy tâm lành mưu thọ, nhưng đối với người đã lãnh thọ rồi, trở lại tự tìm cầu được mất, nói việc này hợp như thế, việc này không hợp, có nhiều hiện tướng như thế, phải biết là tâm tranh cãi.

Thứ mười bốn, thế nào là tâm Vô tránh? Nghĩa là phải, trái đều bỏ; căn cứ vào bản Phạm chuyển thanh, đều nhắm chữ hữu làm tánh, so sánh có thể biết, nghĩa là tâm người ấy không khi vầy khi khác, tuy trước Tông môn học tập có kiến giải như thế, lại nghe lời nói kỳ lạ cho là hợp lý liền lãnh thọ và thực hành, hoặc trước cho là đúng, nghe người khác cho là không lành, liền thay đổi, lòng không chấp trước, phải trái đều bỏ, nếu có tướng như thế, phải biết là tâm vô tướng, hiểu biết tâm vô ký vô tránh, tu tướng thật các pháp tâm vô tránh, để đối trị kia.

Thứ mười lăm, thế nào là tâm trời? Nghĩa là tâm suy nghĩ tùy niệm thành tựu, như chư Thiên nhờ quả báo đời trước, nếu có cần gì, không cần gia công lực tùy tâm mà sinh, thường khởi nguyện muốn như thế, phải biết đó là tâm trời, cũng do từng sinh lên cõi trên, nên có thói

quen này. Nghe người tu chân ngôn, không trông mong quả cao lớn, chỉ để tự tâm vâng theo, nếu bị chướng ngại tâm Bồ-đề thanh tịnh thì sẽ tự biết, chớ tham Tất địa ở thế gian, đó là đối trị kia.

Thứ mười sáu, thế nào là tâm A-tu-la? Nghĩa là ưa chỗ sinh tử. A là Phi, Tu-la là trời, vì quả báo giống như trời, nhưng hạnh nghiệp, chỗ ở thì khác, nên lấy đó đặt tên. Loài này, biết có lợi ích của sự giải thoát, nhưng rất ưa sinh tử và quả báo vui sướng, không thể tiến lên, nếu người tu hành có tướng trạng này, phải biết gọi là tâm Tu-la, cũng do đời trước từng sinh vào đường này, nên có thói quen này. Quán sát vô thường, khổ... để đối trị tâm kia.

Thứ mười bảy, thế nào gọi là tâm rồng? Nghĩa là suy nghĩ của cải rộng lớn? Nghĩa là: thường khởi niệm rằng ta phải dùng phương tiện nào, được các thứ của cải châu báu tốt đẹp to lớn như thế, có tư tưởng tham nhiều không chán, ấy là tâm của loài rồng. Cũng vốn từ trong loài rồng mà đến, cho nên sinh ra thói quen này, ưa khiến người tu hành nguyện cầu tất địa thế gian, ngăn cản tâm thanh tịnh xuất thế, suy nghĩ ít muốn, biết đủ vô thường... đó là để đối trị tâm ấy.

Thứ mười tám, thế nào gọi là tâm người? Nghĩa là suy nghĩ lợi ích người khác? Nghĩa là ưa theo đuổi tìm kiếm suy nghĩ, người ấy đối với ta có ân, ta phải dùng phương tiện như thế để cho được lợi lớn, người kia đối với sở hữu của ta không có lợi ích, nay ta sẽ đáp trả lại, và các lý mưu người lợi vật, đều là tâm người. Phải nghĩ tự quán sát tâm hạnh, sớm cầu pháp lợi, không nên xôn xao lo nghĩ duyên khác, đó là để đối trị tâm ấy.

Thứ mười chín, thế nào gọi là tâm nữ? Nghĩa là thuận theo pháp dục, cũng là tâm loài người những chỉ nhiều tham dục là khác mà thôi, như kinh nói rằng, người nữ tham dục nhiều hơn người nam gấp trăm lần, thường nhớ nghĩ việc vui đã qua, hoặc nhớ nghĩ hình dáng, nhan sắc người khác... có thể làm cho hành giả che lấp tâm thanh tịnh, cũng là nhiều đời từng làm người nữ nên còn có thói quen xưa, ở đây dùng bất tịnh niệm xứ... quán tướng thật của thân, để đối trị tâm ấy.

Thứ hai mươi, thế nào gọi là tâm tự tại? Nghĩa là suy nghĩ ta tham muốn tất cả đều như ý, Tự Tại là vị Thiên thần mà ngoại đạo tôn thờ . Tông kia chấp, trời Tự tại có thể tùy ý tạo ra các chúng sinh và những việc khổ, vui, người tu pháp này cũng thường buộc niệm, nguyện được như bổn tôn kia, nếu hành giả chân ngôn thường nghĩ tất-địa như thế, nghĩ ta theo niệm thành tựu, phải biết đó là tâm tự tại, cũng là thói quen đời trước khiến cho như thế; phải quán các pháp thảy đều thuộc các

nhân duyên không có tự tại, là để đối trị.

Thứ hai mươi mốt, thế nào gọi là tâm người buôn? Nghĩa là thuận tu, trước kết hợp lại, sau phân chia ra, như người lái buôn trước cốt phải dồn chứa hàng hóa, sau đó mới suy nghĩ chia ra, vật này nên sử dụng ở đâu, vật kia chỗ nào dùng, có thể được lời; như hành giả cần phải học hỏi trong ngoài, khiến đầy đủ rồi mới trở lại so lường, đó là sách đời phải sử dụng như thế; pháp Nhị thừa đây dùng để ứng tiếp người gì? Tư lương Đại thừa này thì cần những duyên nào? Đó gọi là tâm người buôn, cũng do huân tập từ trước đến nay khiến cho như vậy, tu trì nhanh chóng, đó là đối trị tâm ấy, nghĩa là hễ nghe pháp nào, liền phải quán sát việc sử dụng nhân duyên kia, đâu đợi chứa nhóm nghe nhiều, mới tìm chỗ dùng ư?

Thứ hai mươi hai, thế nào là tâm người làm ruộng? Nghĩa là thuận theo trước học rộng, sau mới cầu pháp, như người học trồng lúa phải học hỏi với người làm ruộng lâu năm làm sao để biết đất tốt? Làm sao để cày trồng làm cỏ? Làm sao biết thời tiết? Làm sao hặt hái, cất chứa? Như thế mỗi mỗi đã biết rồi mới đem công sức mà làm, tâm này cũng giống như vậy, trước cần phải vâng theo người trí rộng nghe đạo phẩm, sau đó mới thực hành, đều là thói quen nhiều đời khiến như vậy, dùng trí sắc bén làm chỗ đối trị; như nghe các uẩn vô thường, liền biết giới, nhập, duyên khởi... so sánh kia đều như vậy, lại như tên độc bắn vào thân, đâu được đợi Tam nông nguyệt để rộng hỏi, sau đó mới nhổ ư?

Thứ hai mươi ba, thế nào gọi là tâm sông? Nghĩa là thuận tu pháp nương nhân hai bên, tâm tánh đây đều nương vào hai bên, hoặc khi tu thường, hoặc khi tu đoạn, hoặc lại tin cả tà chánh, như nước sông đều nương vào hai bờ, vật kia trôi nổi, cũng không chắc chắn thuộc một bên nào, để đối trị thì hành giả chuyên tâm vào một cảnh để có được chỗ đến, nếu tâm không giữ định mà muốn sự nghiệp thành tựu thì không có lý như vậy.

Thứ hai mươi bốn, thế nào gọi là tâm ao? Nghĩa là thuận theo khát khao pháp không biết thỏa mãn. Vì như vũng chứa nước, nếu các dòng nước chảy vào không bao giờ thỏa mãn. Tâm này cũng giống như vậy, nếu danh lợi, thân thuộc... các việc đến nhóm họp thân kia không bao giờ thỏa mãn, cho đến đối với việc học pháp cũng giống như vậy, như đã được sữa, cháo không cần ăn vội. Lại còn trông mong vị khác, trong đây dùng ít muốn biết đủ để đối trị.

Thứ hai mươi lăm, thế nào là tâm giếng? Nghĩa là tư duy như thế, sâu lại càng sâu, như bảo cúi xuống xem nước giếng sâu cạn, lượng đó

khó có thể biết, tâm tánh này cũng giống như vậy, phàm chỗ tư duy ham muốn sâu xa, chỗ có việc lành, không lành, khắp cả ham muốn đều khiến người không thể đo lường, cùng đi đứng làm việc nhưng cũng không biết tâm hạnh của kia, phải biết đó là tâm giếng, pháp môn duyên khởi và tướng người lành đều hiện rõ dễ biết, đó là để đối trị kia.

Thứ hai mươi sáu, thế nào là tâm Thủ hộ? Nghĩa là chỉ có tâm này là thật, các tâm khác không thật. Như người đời rất giữ gìn thân mình, những tài vật, cho đến phòng giữ các thứ lầu gác tường rào, không để cho người khác làm tổn hoại, tâm này cũng giống như, thường giữ gìn thân tâm như con rùa giữ: đầu đuôi và bốn chân, không để cảnh bên ngoài làm thương tổn. Người học Thanh văn, thường sinh tâm này, phải dùng thủ hộ cả người khác để đối trị.

Lại có người tự giữ gìn sự hiểu biết của mình, không muốn để cho người khác, các thứ dị luận làm tổn thương, nghĩa là các kiến giải khác thảy đều không thật cũng thế.

Thứ hai mươi bảy, thế nào gọi là tâm san, nói là thuận theo pháp vừa vì mình vừa vì người? Nghĩa là người này các việc đã làm được, thảy đều vì tự thân, nên tài vật kỹ nghệ cho đến pháp lành, đều tham tiếc, giấu kín không ban cho người, người có tướng này phải biết là tâm san, dùng suy nghĩ bố thí và đến vô thường... làm chỗ đối trị, phải biết tài vật, kỹ nghệ năng lực, giả sử khi vô thường, không có đi theo ta, nhưng nay thân này, niệm niệm không thể giữ gìn, tiếc cái gì ở đây?

Thứ hai mươi tám, thế nào là tâm chồn? Nghĩa là thuận theo pháp tu từ từ tiến tới; như mèo chồn rình bắt cầm điểu dừng trụ ở chỗ vắng yên, không tiến đến vội, sau đó bắt lấy, người này cũng giống như vậy, gặp nghe các pháp quan trọng chỉ tác tâm lãnh thọ nhưng không tiến hành, mong đợi duyên tốt nhóm họp thì sẽ mạnh mẽ cố làm. Lại như mèo chồn vâng chịu thương yêu các loài, cũng không biết ân, như người chỉ thọ kẻ khác ban cho lòng thương yêu và lời tốt, nhưng không nghĩ báo đáp, đó là tâm chồn. Lấy không đợi thời gian nơi chốn, như nghe liền thực hành, thường nhớ nghĩ ân đức, để làm pháp nơi đối trị.

Thứ hai mươi chín, thế nào gọi là tâm chó? Nghĩa là chỉ được một phần nhỏ lấy làm vui mừng đầy đủ, vì chó theo nhân duyên phước mỏng, chỗ mong cầu thấp hơn, gặp được một ít thức ăn thô dở, liền sinh tâm vui mừng, thỏa mãn, nếu hơi vượt hơn thì không phải chỗ trông mong của nó; tâm này cũng giống như vậy, nghe một phần nhỏ pháp lành, liền cho là thực hành không thể hết, lại không tìm cầu việc tốt.

Hàng Thanh văn này do thói quen sinh ra, lấy ý muốn tăng lên làm pháp đối trị. Cho đến tâm như biển lớn, ít cũng không từ chối, nhiều cũng không tràn đầy.

Thứ ba mươi, thế nào là tâm Ca-lâu-la? Nghĩa là thuận theo pháp bè đảng lông cánh; chim này thường nhờ hai cánh cặp dưới hai nách của thân nó, bay đến nơi nào cũng tùy ý để trở thành thế lớn. Ví như thiếu một lông thì không thể bay được. Tâm này cũng giống như vậy, thường nhớ nghĩ được nhiều bè đảng giúp đỡ lẫn nhau để thành tựu sự nghiệp, lại nhân người đã làm sau đó phát tâm, không thể một mình tiến lên, như thấy người làm lành, liền nghĩ người kia còn có khả năng làm, ta vì sao không làm, phải nghĩ tâm Bồ-đề mạnh mẽ, như Sư tử đầu đàn không nhờ bạn giúp, để làm pháp đối trị.

Thứ ba mươi mốt, thế nào gọi là tâm chuột? Nghĩa là tư duy dứt trừ các sự ràng buộc, như chuột thấy người lấy dây buộc cái rương... liền muốn làm hư hoại trái với lẽ phải, cũng không nghĩ rằng nhờ dứt bỏ cái này ta sẽ được lợi như vậy, thế nhưng không hứng thú làm, tâm này cũng thế, tất cả sự hệ thuộc và thành tựu sự việc, khéo vì sự ngăn cách mà làm cho hợp lại.

Thứ ba mươi hai, thế nào là tâm Ca vịnh? Bản Phạm thiếu văn không giải thích. A-xà-lê nói: Ở đây dụ cho truyền pháp âm; như người đời giúp người khác hát, khi được khéo léo rồi, lại vì người đó diễn tấu, phát ra các âm thanh hay ho, người nghe hoan hỷ, tâm này muốn theo người nghe chánh pháp, ta phải chuyển cho chúng sinh, dùng các thứ văn cú trang nghiêm phân biệt giảng nói, khiến âm thanh mầu nhiệm này khắp mọi nơi chốn đều nghe biết, đa số là thói quen nhiều đời của Thanh văn, cũng làm chướng ngại tâm thanh tịnh. Phải nghĩ ta sẽ được tuệ nội chứng tự nhiên, sau đó khắp hiện sắc thân mà giảng nói, đó là đối trị tâm kia.

Thứ ba mươi ba, thế nào gọi là tâm Vũ? Nghĩa là tu hành pháp này, ta phải vượt lên trên các thứ thần biến, như người đời tay chân quơ múa gọi là Vũ. Thần biến cũng giống như vậy, hiện các việc chưa từng có, khiến người đối diện tâm thanh tịnh, mắt vui, đa số là các thói quen của bậc ngũ thông, nếu còn thiên lệch về tất-địa như thế mà phương tiện nguyện cầu, cũng cản trở tâm thanh tịnh, phải nhớ nghĩ Tam-muội Trừ cái chướng tâm không lay động, thần thông không khởi diệt định, mà thực hành gia trì thần biến, chớ tham một ít hiệu nghiệm của thế gian, là pháp đối trị.

Thứ ba mươi bốn, thế nào là tâm đánh trống? Nghĩa là thuận theo

tu pháp này, ta sẽ đánh trống pháp, đánh có thể thức tỉnh răn dè chúng sinh, khiến được giác ngộ, nếu người tu hành nghĩ rằng chúng sinh ngủ vùi trong đêm dài tăm tối, ta phải tu tập các thứ vô ngại biện tài, đánh trống pháp lớn mà cảnh ngộ họ, cũng có thể ngăn ngại tâm thanh tịnh, phải nghĩ sớm chứng vô lượng nói năng Đà-la-ni, dùng âm thanh vi diệu của trống trời, khắp bảo tất cả chúng, chớ vì chút lợi nhỏ ở thế gian mà làm chướng ngại nhân duyên việc lớn, đó là pháp đối trị tâm kia.

Thứ ba mươi lăm, thế nào gọi là tâm Nhà cửa? Nghĩa là thuận tu pháp tự hộ thân. Như người xây cất nhà cửa để che chở phòng hộ thân, được tránh khỏi nóng, lạnh, gió, mưa, giặc cướp, trùng độc... các việc không lợi ích. Tâm này cũng giống như vậy, ta phải giữ giới tu điều lành để tự phòng giữ, khiến đời này đời sau xa lìa các khổ trong đường ác, thường là pháp tu tập của Thanh văn, phải nghĩ cứu giúp tất cả chúng sinh, không phải chỉ riêng mình, đó là pháp đối trị.

Thứ ba mươi sáu, thế nào là tâm Sư tử? Nghĩa là tu hành tất cả pháp không sợ hãi. Như sư tử ở trong các thú, hễ đến bất cứ chỗ nào đều hơn cả. Không có sợ hãi, tâm này cũng giống như vậy, ở trong tất cả việc đều muốn khiến hơn tất cả mọi người, tâm không khiếp sợ. Tự tâm nói không có việc khó, không thể làm ta lo sợ xấu tốt. Nếu tự hiểu biết rồi phải phát tâm như Đức Thích-ca Thế-tôn, phải giúp tất cả chúng sinh đều được tốt đẹp, không có tốt xấu, đó là pháp đối trị.

Thứ ba mươi bảy, thế nào gọi là tâm con cú (con cú tai mèo)? Nghĩa là trong đêm tối thường suy nghĩ; loài chim này ở dưới mặt trời (ban ngày) không thể làm gì được, ban đêm thì sáu căn lanh lợi, như hành giả ngày đêm tuy có chỗ nghe nhưng đọc tụng mù mờ, chẳng được khéo léo, đến đêm tối nhớ nghĩ việc đã làm, trở lại tính lường liền được rõ ràng, cho đến tu thiền quán... cũng cho chỗ tối là tốt. Nếu hiểu biết rồi, phải nghĩ những nơi sáng tối, khiến chỗ tác ý không chia ngày đêm, đó là pháp đối trị.

Thứ ba mươi tám, thế nào là tâm chim quạ? Nghĩa là mọi nơi chốn nhớ nghĩ lo sợ; như chim quạ nếu người khéo léo gần gũi nuôi nấng, thỉnh thoảng tìm dịp bay đi, đều sinh tâm nghi ngờ lo sợ, tâm này cũng giống như vậy, dù bạn tốt muốn làm lợi ích cũng bị vùi lấp mất, tất cả đều nghi ngờ cản trở mà có tâm hoài nghi lo sợ, cho đến khi giữ giới tu điều lành, cũng có tâm nghi ngờ lo sợ ở trong sinh tử, nếu hiểu biết rồi, phải tu tâm an định không sợ hãi, đó là pháp trị kia.

Thứ ba mươi chín, thế nào gọi là tâm La-sát? Nghĩa là đối với điều lành phát khởi tâm không lành, như thấy người làm việc lành, đều

tác ý hiểu là không lành. Phật dạy: Xây dựng tháp miếu (chùa) được vô lượng phước nhưng kia ngược lại nói rằng, do xây dựng tháp chùa nên tổn hại vô lượng loài sâu bọ nhỏ, làm rối loạn thí chủ, đâu được lợi ích gì mà phải chịu khổ báo, nói những lời như thế... là sinh khởi tâm không lành. Trong đó lấy quán công đức lợi ích, không nghĩ khuôn phép kia để làm pháp đối trị.

Thứ bốn mươi, thế nào là tâm gai? Nghĩa là tất cả chỗ xấu (ác) lấy làm tánh; giống như rừng gai ở khắp mọi nơi, thường gây tổn hại, chướng ngại, khiến người đến gần không an. Tâm này cũng giống như vậy, nếu làm việc lành như bố thí lớn... đã làm rồi liền sinh tâm ăn năn về việc đã qua, nếu làm việc xấu rồi, lại tự suy nghĩ cũng có tâm hổ thẹn sợ hãi, thế nên có tâm xấu ác tác lo nghĩ không yên, pháp đối trị ở đây là nếu có phạm thì phải nhanh chóng sám hối, chớ sinh thương tiếc ăn năn, đã làm việc lành, nên tự suy nghĩ, tâm vui mừng may mắn.

Thứ bốn mươi mốt, thế nào là tâm hang hố? Nghĩa là thuận tu pháp vào hang, nói là các rồng, A-tu-la... đều ở dưới đất hoặc trong hang sâu dưới đáy biển, thường có các loại thuốc của thần tiên, có thể được sống lâu tự tại. Hành giả hoặc nghĩ trong đó có nhiều mỹ nữ (gái đẹp), tính tình đoan nghiêm chân chánh đồng với chư Thiên, thật là không lo chết non, năm dục buông lung, hoặc nghĩ ở lại trong đó, có thể được tuổi thọ nhiều kiếp, thấy các Đức Phật đời vị lại, đều là tâm hang hố. Phải nhớ nghĩ như pháp tu hành, có thể sinh ở đây nghe pháp hiểu đạo cho đến thành Phật, không nên uổng công dừng lại giữa đường, nhớ giữ pháp tiên ở đời này, là để đối trị.

Thứ bốn mươi hai, thế nào gọi là tâm gió? Nghĩa là khắp mọi nơi làm tánh, tánh gió tán loạn do không dừng lại. Tâm người này cũng giống như vậy, ở tất cả mọi nơi trồng khắp các gốc lành, nghĩa là ở thế gian, các thứ ngoại đạo, thiên tôn cho đến các hạnh trong ba thừa, đều khiến có phần, mà nghĩ rằng, giống như hạt giống ở khắp mọi nơi, sẽ có thành tựu, tâm gió cũng giống như vậy. Phải nghĩ ruộng đá không trồng trọt được hạt giống trí, phải tìm chỗ ruộng phước tốt đẹp mầu mỡ, hết lòng cày cấy làm cỏ, thu hoạch sẽ nhiều, đó là đối trị tâm kia.

Thứ bốn mươi ba, thế nào gọi là tâm nước? Nghĩa là thuận tu tập rửa sạch tất cả pháp không lành, như tánh nước trong sạch, tuy tạm bị các cấu làm nhiễm ô, nhưng lọc thì sạch trong, lại có thể rửa bỏ dơ bẩn. Tâm người này cũng giống như vậy, thường muốn nói ra các tội dơ xấu để sám hối rửa sạch ba nghiệp, do thấy những thứ dơ, sạch ta đã làm như thế gây chướng ngại tâm thanh tịnh thì chỉ nên quán tướng thật của

tâm, từ xưa đến nay không sinh pháp dơ, tự có thể dứt trừ tất cả chướng, cái, đó là hạnh đối trị kia.

Thứ bốn mươi bốn, thế nào gọi là tâm lửa? Nghĩa là lấy lửa dữ đốt cháy làm tánh, như tánh lửa hừng rực tiến nhanh, tâm người này cũng giống như vậy, như khi làm lành, chỉ trong phút chốc trở thành vô lượng công đức, khi tạo ác trong thời gian ngắn cũng trở thành nghiệp rất lớn. Trị hành ở đây, nên tư duy tâm hung dữ thường bị tổn hoại, dùng nước mềm mại từ thiện phương tiện để dứt trừ, nhưng việc lành đốt cháy phải cho dài lâu, đó là pháp đối trị kia.

Thứ bốn mươi lăm, Nê-bùn. Bản Phạm thiếu văn không giải thích. A-xà-lê nói: Đây là tâm vô minh ngày trước, cho đến việc gần ở trước mắt cũng không thể phân biệt ghi nhớ, cho nên trong luật nói giống như cục bùn, lại như bùn non ở bãi lầy, gặp việc khó vượt qua, khiến phải có chỗ nương nhờ, nghĩa là nhờ cầu... mới có thể vượt qua, nếu biết có phương tiện này thì phải trở về nương nhờ bạn lành, giúp phương tiện khai mở, mới có thể dần dần bỏ vô tri, trở lại sinh khởi tuệ tánh.

Thứ bốn mươi sáu, thế nào là tâm Hiển sắc? Nghĩa là bắt chước kia làm tánh, ví như các màu nhuộm xanh, vàng, đỏ, trắng... nếu đem tơ trắng bỏ vào thì liền cùng một màu; tâm người này cũng giống như vậy, thấy, nghe pháp lành cũng theo đó mà làm, thấy nghe việc ác cũng nương theo tu học, cho đến Vô ký cũng giống như vậy, nhằm vào các cảnh giới tùy theo việc thay đổi, người tu hành tự hiểu biết rồi, phải nhớ nghĩ chuyên cầu pháp tự chứng, không do người khác ngộ, không bị duyên khác xoay chuyển, đó là pháp đối trị kia.

Thứ bốn mươi bảy, thế nào là tâm bản? Nghĩa là thuận theo tu pháp tùy lượng. Xả bỏ các điều lành, như ván ở trong nước, tùy theo sức của nó chở được các vật, quá hạn lượng thì không thể được cuối cùng vất bỏ hết. Tâm người này cũng giống như vậy, chọn lựa pháp lành, nghiệp tùy theo phần sức của mình, thực hành một việc xong, liền nói rằng: Ta từ trước đến nay, chỉ thực hành pháp này không biết pháp khác, cho đến tu hạnh tám trai giới thì không xả bỏ, lại không ưa thích làm các việc thiện ác, do phát tâm rộng lớn học hạnh Bồ-đề, đó là pháp đối trị tâm kia.

Thứ bốn mươi tám, thế nào là tâm mê? Nghĩa là chỗ chấp kỳ quái, chỗ suy nghĩ lạ lùng. Như người si mê muốn đến phía Đông mà lại đi về hướng Tây. Tâm người này cũng giống như vậy, ý muốn học pháp quán Bất tịnh, mà trở lại chấp lấy tướng tịnh, tự nói nay ta tu bất tịnh quán, hoặc là khi tu vô thường vô ngã, ngược trở lại thực hành thường, ngã,

nghĩa là nay ta tu vô thường vô ngã, do tâm tán loạn nên khiến cho như vậy, phải chuyên nhất nhớ nghĩ tâm kia, xét kỹ rõ ràng không quán sát trái ngược đó là đối trị tâm kia.

Thứ bốn mươi chín, thế nào gọi là tâm thuốc độc? Nghĩa là thuận tu pháp vô sinh phần. Độc nghĩa là các thứ ác độc rồng, rắn, cỏ thuốc. Như người trúng độc chết ngất, chuyển đến chỗ chết không có phần sống, tâm người này cũng giống như vậy, không sinh tâm lành cũng không sinh tâm ác, cho đến tất cả tâm không thể sinh khởi, chỉ để mặc mà làm, dần dần vào trong vô nhân vô quả, vì thế gọi là vô sinh phần pháp; người tu hành tự hiểu rồi, nên phát khởi đại bi, các điều lành lìa đoạn diệt không, tức cái gọi là thuốc mầu cam lồ.

Thứ năm mươi, thế nào là tâm ràng buộc? Nghĩa là tất cả nơi trụ trong ngã phược làm tánh. Như người bị dây lưới trói buộc, cho đến tay chân không thể lay động, tâm người này cũng giống như vậy, rơi vào trong đoạn kiến ngã phược, kiến này có khả năng buộc tâm hành giả, cho đến đối với tất cả nơi chốn, thường bị giam giữ không thể tự thoát ra, là chướng rất nặng. Đã hiểu biết rồi, phải mau dùng dao chính tuệ duyên khởi quyết định dứt trừ chướng, cái, đó là pháp đối trị.

Thứ năm mươi mốt, thế nào là tâm gông cùm? Nghĩa là hai chân dừng trụ làm tánh. Ở tay nói là cùm, ở chân nói là gông, như người bị gông cùm giam giữ hai chân đứng lại không bước tới trước được; tâm này cũng giống như vậy, thường ưa ngồi ngay thẳng, đứng ở yên lặng để tâm tu định và quán sát pháp nghĩa, vì bị tâm này bó buộc, gọi là tâm gông cùm, trong đây thực hành để đối trị là phải ở trong bất cứ nơi nào, bất cứ ở đâu tư duy tu tập, khiến tịnh loạn không chia rẽ, là đã đối trị.

Thứ năm mươi hai, thế nào gọi là tâm mây? Nghĩa là thường suy nghĩ khi làm mưa xuống, như trong ba tháng hạ ở bốn phương, mưa dầm rất lâu ngày, thường gây ra sự trệ ngại, tối tăm đến cùng tột. Khi tâm thô tục, buồn, vui, suy nghĩ, lo lắng thì che lấp sự vẻ vang tươi tốt sinh trưởng rất nhiều, cho nên nói khi mưa xuống thì lo lắng suy nghĩ, hiểu biết rồi thì phải thực hành tâm xả, xa lìa sự vui buồn ở thế gian, thuận theo pháp hỷ, đó là pháp đối trị.

Thứ năm mươi ba, thế nào là tâm ruộng? Nghĩa là thường chăm sóc tự thân, như người có thửa ruộng tốt đẹp, thường làm đất, cày cuốc, làm cỏ nhổ bỏ cỏ xấu các, các thứ phương tiện để được sạch sẽ, người này cũng giống như vậy, thường chăm sóc tự thân, dùng hoa hương mùi thơm... rửa bẩn, chăm sóc nuôi dưỡng khiến cho sáng sạch tốt đẹp, hiểu biết rồi thường nhớ nghĩ lại công sức này mà sửa đổi tâm mình, do các

thứ cúng dường đầy đủ như vậy, gieo trồng ruộng phước giúp thành quả tốt, là pháp đối trị kia.

Thứ năm mươi bốn, thế nào gọi là tâm muối? Nghĩa là suy nghĩ lại thêm suy nghĩ. Như tánh muối là mặn, tất cả nhập, xứ, đều thêm vị mặn, Tâm người này cũng giống như vậy, đối với việc suy nghĩ lại thêm suy nghĩ, như khi nhớ nghĩ dục, sắc thì liền sinh ý, trở lại tự tìm cầu, tâm ấy do đâu mà sinh? Tạo ra tướng mạo thế nào? Quán tâm này chưa quyết định, lại nhớ nghĩ tìm cầu tâm này xem có nhân duyên gì, như vậy sẽ không cùng tận, đã giác biết rồi, phải tất cả nhắm vào an tâm mà xét lý của sự việc, khiến cho thông suốt; lại tâm tánh xa lìa suy nghĩ, không thể so lường năng tri, không ở trên phân biệt lại thêm "tâm sở".

Thứ năm mươi lăm, thế nào gọi là tâm đao cạo? Nghĩa là chỉ nương vào pháp cạo bỏ này. Cạo bỏ râu tóc là tướng lìa tục xuất gia, nghĩa là tâm người này chỉ nghĩ rằng: Ta đã cạo bỏ tướng thế tục, khiến pháp ác không sinh trưởng thì còn gì để tìm cầu, phải biết tâm này rất ác, do tự mình phân làm giới hạn, làm cho gốc lành bị cạo bỏ khiến không sinh được, phải suy nghĩ tất cả Thánh hiền cái cần dứt bỏ, đó gọi là Vô minh trụ địa, nguồn gốc ba độc. Nếu có thể cạo bỏ thứ này cho vọng tưởng không sinh, mới gọi là chân xuất gia.

Thứ năm mươi sáu, thế nào là tâm Di-lô? Nghĩa là thường tư duy tâm cao cử làm tánh. Như núi Tu-di cao hơn tất cả các ngọn núi, không núi nào hơn nó được. Tâm người này cũng giống như vậy, thường lấy núi cao làm tánh cho đến thầy tổ, cha mẹ... là những bậc đáng tôn kính, đều không thể hạ ý, giống như cờ cao không thể cong lại, nếu muốn cong lại thì phải bẻ cong, cuối cùng không thay đổi được mà luôn giữ vững, lấy nhẫn nhục khiêm ty, đối với tất cả chúng sinh tưởng như Đại sư, làm pháp đối trị.

Thứ năm mươi bảy, thế nào gọi là tâm biển...? Nghĩa là thường thọ dụng tự thân mà an trụ. Ví như biển lớn dung nạp trăm sông trở về không giới hạn, tâm này cũng giống như vậy, tất cả việc tốt đều trở về nơi mình, nghĩa là nghi ngờ người khác không bằng mình, thường giữ như thế sinh nhiều sở trường, từ thọ dụng này mà an trụ, tâm trước cần phải cao, tâm này cần phải rộng, cho nên nói ngang với biển. Hành giả hiểu biết rồi phải nghĩ ba Hiền mười Thánh... biển vô lượng công đức lớn, lần lượt sâu rộng, tự chế phục tâm hành, nó chưa từng bị mảy trần làm ngăn ngại, không nên khởi tâm đại mạn.

Thứ năm mươi tám, thế nào là tâm hố? Nghĩa là trước quyết định kia, sau lại thay đổi làm tánh. Ví như đồ dùng bền chắc, sau đó gặp

duyên khoét một lỗ không thể dùng được, tâm này cũng giống như vậy. Lúc đầu thọ trì được nhiều, sau bị khoét lỗ lủng chảy, hoặc khi mới phát tâm thọ giới thì đầy đủ không thiếu, không bao lâu dần dần sinh pháp hữu lậu, giống như đồ dùng đã hư hoại thì nước sẽ rỉ chảy không dừng, những trường hợp như thế, đều gọi là tâm hố, vì thế hành giả phải khiến cho việc đã làm đều có đầu, cuối; lại biết tánh hay thay đổi, có thể rất chướng ngại tâm Bồ-đề vững chắc, để đối trị kia.

Thứ năm mươi chín, thế nào gọi là tâm thọ sinh? Nghĩa là tu tập hạnh nghiệp ở các hữu mà tâm ấy sinh, tâm đồng như thế, như người do nghiệp hắc, bạch mà chịu quả báo thiện ác, do việc làm nhiều thứ lẫn lộn, nên thọ báo phải chịu vô lượng thân khác nhau, Tâm này cũng giống như vậy, các hạnh đã tu đều muốn hồi hướng thọ sinh, phải biết đắc quả cũng gồm cả thiện ác. Vì thế hành giả phải suy nghĩ xét chọn thiện ác, trừ bỏ bất thiện, thuần tu bạch pháp, từ trong điều lành này, trở lại dùng trí tuệ lần lượt dứt bỏ các kim loại không tinh, thứ lớp như vậy, cho đến đắc thành diệu quả thuần nhất đề hồ thanh tịnh, là pháp đối trị.

Tâm sáu mươi, bản Phạm thiếu văn, A-xà-lê nói: Một ít tâm khỉ vượn. Vậy tánh của khỉ vượn, thân tâm tán loạn, thường không tạm dừng, người tu hành cũng giống như vậy, tánh kia loạn động không yên, thường bị phan duyên, giống như khỉ vượn buông một cành, bắt lấy một cành. Tóm lại, chúng sinh đều như vậy, nay thì chú trọng mà nói, trong đây lại không theo tư tưởng động tán, buộc duyên một cảnh, đó là cách đối trị, giống như khỉ vượn, nếu buộc vào cột thì không buông lung bước chân nhảy cao, là đã đối trị.

Nhưng sáu mươi tâm này hoặc khi hành giả bản tánh thay đổi nhiều, hoặc do hành đạo thói quen trước kia dụng tâm phát động, hoặc cùng lúc nhiều thứ xen nhau sinh khởi, hoặc theo thứ lớp mà sinh, phải bất cứ lúc nào cũng lưu tâm xem xét, tự nhiên được thuận với tâm Bồ-đề thanh tịnh, nếu bậc thầy khi vì đệ tử sửa cho đất tâm bằng phẳng (thanh tịnh) cũng phải mỗi mỗi chọn, bỏ.

Kinh chép: Này Bí Mật Chủ! Một, hai, ba, bốn, năm, nhiều số, tất cả sáu mươi tâm, vượt khỏi ba vọng chấp thế gian, tâm xuất thế gian sinh khởi, cho đến một trong bốn phần, giúp người tín giải, cũng là trả lời các tâm tưởng và tâm khác lạ. Do có vô minh nên tâm sinh năm thứ phiền não căn bản là tham, sân, si, mạn, nghi. Sở dĩ không nói ngũ kiến, vì thuộc kiến phiền não thường nằm trong sáu mươi tâm, năm thứ phiền não căn bản này, số đầu tiên là mười, số lần thứ hai thành hia mươi, số

lần thứ ba thành bốn mươi, số lần thứ bốn thành tám mươi, số lần thứ năm thành một trăm sáu mươi tâm. Do tâm phiền não của chúng sinh thường nương vào hai pháp nên không được trung đạo. Tùy theo việc có tên khác nhau, liền chia làm hai, căn cứ trong hai thứ này, lại còn lần lượt chia nhỏ, danh tướng kia, đầy đủ như trong Thập Muôn Kệ nói, nếu lại căn cứ vào chín phẩm thượng, trung, hạ... cho đến thành tám muôn trần lao, rộng thì vô lượng. Ví như từ một hạt giống sinh năm gốc rễ. Trong một gốc rễ đều chia thành hai cành đến thứ năm chia ra thì thành sáu mươi tâm chi (cành nhỏ). Từ đây lại còn chia ra thì cành lá không thể tính được. Lại như vào kiếp sơ, người đều do hóa sinh, lấy niệm làm thức ăn, ánh sáng của thân tự nhiên an vui không chướng ngại, nhưng vì không biết tướng thật của tâm, tham trước chút ít vị đất, do ăn vị đất nhiều hay ít nên sắc mạo tùy theo đó mà khác nhau, tâm phải, trái, hơn, thua, do đây mà sinh, do đó tâm kiêu mạn, nên phước lợi suy giảm, vị đất ẩn mất, cho đến cây rừng ở trên mặt đất cũng không còn mọc, sau tự nhiên ăn lúa gạo, mới có các thứ nam nữ, dâm, trộm, sát sinh, nói dối, các thứ phi pháp... lần lượt sinh khởi. Việc ấy trong kinh A-hàm có nói rộng. Từ đó về sau có các thứ giòng họ, các thứ phong tục của địa phương, khởi đủ loại kết nghiệp phiền não, thành bao nhiêu nẻo chúng sinh, tạo ra đủ loại thân năm ấm. Bản thân không phải bậc Nhất thiết trí thì không thể xét đoán ngọn nghành kia; các vị A-xà-lê sở dĩ làm ví dụ này, vì muốn chỉ bày một tâm vô minh tùy theo việc chia ra, mà thành vô lượng, vô biên vọng chấp.

Vượt ba vọng chấp thế gian thì tâm xuất thế gian sinh khởi, nếu đem tâm Bồ-đề thanh tịnh làm tâm xuất thế gian, tức là vượt lên ba kiếp Du-già hành. Tiếng Phạm là Kiếp-ba, có hai nghĩa:

1. Thời phần.
2. Vọng chấp.

Nếu giải thích theo thông thường thì vượt qua một kiếp Du-kỳ (Du-già) hành, tức là vượt qua một trăm sáu mươi tâm bằng một lớp vọng chấp thô, gọi là một A-tăng-kỳ kiếp. Hành giả môn Chân ngôn lại vượt một kiếp, lại vượt qua một trăm sáu mươi tâm, bằng một lớp vọng chấp rất tế, đắc đến sơ tâm Phật tuệ, cho nên nói ba A-tăng-kỳ kiếp thành Phật. Nếu một đời vượt qua ba vọng chấp này thì một đời thành Phật, đâu luận đến thời phần ư? Căn cứ trong lớp thứ nhất, vào lúc đầu tiên hiểu rõ chỉ có uẩn mà không có ngã thì gọi là tâm xuất thế gian sinh khởi. Vượt qua sáu mươi tâm thế gian, lìa ngã đến chỗ sinh ra ba độc căn bản, gọi là vượt ba vọng chấp.

Lại nữa, có ba vọng chấp, đó là căn, cảnh, giới, lưu giữ người tu hành.

Căn nghĩa là sáu căn, Cảnh tức là sáu trần, Giới là sáu thức giới, như trong ngoài mười hai giới chính là căn, cảnh, nên hiệp lại để nói. Chính ba quả này là chỗ đã lưu giữ người học đạo, do đó nói là lưu giữ tu hành.

Lại nữa có ba vọng chấp đó là nghiệp, phiền não gốc và hạt giống vô minh, chính là các vị Thánh, Vô học đã dứt bỏ, chỗ rất khó dứt bỏ gồm có ba thứ ba vọng chấp. Người học Đại thừa mới bắt đầu được xuất thế, tâm ngang với sự thấy đạo của Tiểu thừa, nhưng không rơi vào chánh vị Thanh văn. Vì sao? Vì do kia từ khi mới phát tâm, đã biết tâm tánh chỉ bị ngã đảo che lấp, nên chưa hiện ra được. Bây giờ quán xét ấm, giới, nhập... đều từ duyên sinh, thay đổi vô thường, trong đó cái gì là thần ư? Khởi tìm cầu như thế, liền hiểu rõ Thần vốn không sinh, vượt qua vô lượng lưới kiến chấp, tâm Bồ-đề thanh tịnh sáng thêm một ít, do được thế lực tâm Bồ-đề, vì thế không rơi vào đất Nhị thừa.

Nhưng hành giả kia có pháp cấp ở trong tâm, nếu khi tu thiền định, các loại đạo phẩm, các độ, dù trong đó không khởi các ngã tưởng, nhưng tâm trụ ở và lưu lại lâu trong những pháp thiền định, không thể chóng đến Bồ-đề, vì chẳng phải thật khéo léo vượt qua nên gọi là lưu giữ tu hành, nhưng cũng có một ít xa lìa ba chấp cõi dưới, có thể nhổ gốc của nghiệp phiền não và hạt giống vô minh, sinh mười hai Nhân duyên, biết pháp sâu xa như thế, có Phật hay không có Phật, tánh tướng thường như thế. Như trước đã nói: kiến lập tịnh, không kiến lập vô tịnh... Các tông chấp đều không tương ưng, cho đến Trường Trảo, Tiên Ni... các đại luận sư... tự tâm đem trí tuệ lợi căn tìm cầu tướng thật các pháp, đều không thể suy tính so lường; nghĩa mười hai nhân duyên này, như lúa nếp thơm tươi tốt... như kinh Đạo Can có nói rộng.

Trạm tịch: Tịch, nghĩa là bất sinh, nghĩa là năm phiền não căn bản và một trăm sáu mươi tùy phiền não... rốt ráo đều không sinh, nên gọi là "tịch". Trạm: nghĩa là sâu xa, đầm nước trong sâu muôn nhận lặng yên soi suốt, người ở trên nhìn xuống không lường được cạn sâu, cho nên nói ba loài thú qua sông, mỗi loài tùy theo chỗ dấu chân quậy đến. Chỉ có voi Đại hương tượng đầu đàn, có thể dần dần quậy sâu vào đến tận đáy kia mà thôi. Trong đây có người trong ba thừa, đồng dùng vô ngôn nói Đạo, đắc tướng thật các pháp, nhưng hàng Thanh văn nhập pháp tránh rất cạn, vì thế nhàm chán sinh tử, tự nói đã đắc Niết-bàn, sinh tưởng diệt độ. Bích-chi-Phật chỗ nhập khác xa, cho nên ở trong

sinh tử mà không quá vội vàng, nhưng không thể dùng năng lực phương tiện phát khởi đại bi, khi Bồ-tát ngộ pháp như thế thì biết tâm ấy dơ bẩn dần dần dứt bỏ, vì thế tâm thanh tịnh hiện dần. Bấy giờ, liền được tâm Bồ-đề lớn mạnh, có thể theo học đạo không dừng, vượt qua các pháp môn, vì thế trước nói cùng trong một pháp mà cao thấp có khác.

Kinh chép: tất cả ngoại đạo không thể hiểu biết: Trong tông này có hai thứ ngoại đạo:

1. Ngoại ngoại đạo: Ví như nhìn thấy hồ nước trong ngược lại sinh lo sợ không dám thường gần.

2. Nội ngoại đạo: tuy có thể thường ngâm ở trong đó, vừa nóng để gội bỏ dơ bẩn được vui mát mẻ, nhưng không biết trong đó có vô lượng vật quý báu, một là không vào nên không biết, hai là vào mà không biết, vì thế nói tất cả ngoại đạo không thể biết.

Trước, Đức Phật giảng nói lìa tất cả lỗi: là nói các Đức Phật ba đời mười phương chỉ có một môn này, khuyên dụ dẫn dắt chúng sinh mê muội ra khỏi nhà lửa, chỗ này không còn chướng ngại, nói rộng không sinh, cho nên các vị sư nhân lượng, không thể thoát khỏi lỗi ấy, nhưng chưa vượt qua pháp chướng, chưa gọi là tâm Bồ-đề chân tịnh, như hoa sen đã lìa bùn dơ, vẫn chưa ra khỏi nước, vì thế kinh chép: Tâm ra khỏi thế gian mà thân ở trong uẩn, do hành giả ở trong Du-già tâm vắng lặng tuy đã hiện rõ; nhưng khi gặp việc thì căn, trần, thức... vẫn còn trong tâm. Nhờ nhàm sợ hữu vi, mê đắm pháp vô vi, nhưng do thế lực tâm Bồ-đề, tự nhiên không do người khác dạy, có như thế tuệ theo đó sinh khởi, có thể đối với uẩn... phát khởi tâm kia tu xa lìa chấp trước phương tiện.

Trong năm thứ ví dụ quán sát vô tánh không.

Câu thứ nhất quán sát chùm bọt nước, như bọt nổi trên mặt nước, dù có thể nhìn thấy các thứ hình dáng, nhưng tìm thật tánh thì hoàn toàn không thật có. Sắc ấm cũng giống như vậy, hoặc thô, hoặc tế đều từ các duyên sinh ra, duyên sinh sinh vô tánh, tức là sắc vốn không sinh.

Câu hai quán chùm bọt nước, như mùa hạ mưa lớn, bọt nổi trên mặt nước, cũng chỉ lệ thuộc các duyên.

Câu bốn đều quán sát không khởi diệt, thọ, ấm cũng giống như vậy, các khổ vui... đều từ căn và trần hòa hợp mà sinh, từ duyên sinh thì không có tự tánh, tức là thọ vốn không sinh.

Câu tiếp theo quán ánh sánh mặt trời như trăng xuân khí đất, ánh sáng mặt trời nhìn giống như nước, người khát lầm sinh tâm mong cầu, gắng sức chạy nhanh đến chỗ xa xôi. Chúng sinh cũng như vậy, không

biết duyên khởi tánh không nên có pháp tưởng sinh, nếu ngộ tướng thật thì tưởng vốn không sinh.

Câu tiếp theo là quán cây chuối như người tìm sự chắc thật trong cây chuối, cho đến từng bẹ từng bẹ lột hết ra, đến chỗ gần với hư không cũng không thật có.

Hành ấm cũng giống như vậy, một mảy nhỏ liên quan đến trần cảnh, đều từ các duyên sinh ra, duyên sinh không có tự tánh, tức là hành vốn không sinh.

Kế là nói về giả: như năng lực chú thuật, thuốc ở thế gian, làm mê hoặc che lấp tâm người, hiện các việc chưa từng có, thức ấm cũng giống như vậy, từ một niệm vô minh, huyễn tâm mới vượt qua ba cõi, cứu xét nguồn gốc kia, đều không có sinh diệt qua lại. Phải biết từ các duyên sinh không có tự tánh, cũng lại vốn không sinh.

Trong kinh Thanh văn, tuy nói năm dụ này, nhưng ý nói Vô ngã. Nay năm dụ ở đây, ý nói các uẩn tánh không, như quán năm uẩn phải biết mười hai nhập, mười tám giới, sáu nhập, mười hai duyên... đều nên phân biệt nói rộng, như trong kinh Đại Bát-nhã chép: Hành giả khi quán sát như vậy. Từ pháp môn vô tánh đạt được các pháp tức không lìa được một lớp pháp đảo, rõ biết tâm tánh, như thế không bị uẩn, giới, xứ, năng chấp, sở chấp làm lay động, vì thế gọi là chứng cảnh giới tịch nhiên. Khi chứng cảnh giới tịch nhiên này, dần dần vượt qua cảnh giới Nhị thừa, như hoa sen tuy chưa nở, nhưng đã vượt lên dòng nước trong. Hành giả cũng giống như vậy, tâm không trở lại chìm đắm trong uẩn, cho nên gọi là tâm ra khỏi thế gian. Nếu Y theo dịch đúng thì phải nói tâm trên thế gian.

Này Bí Mật Chủ! Kia xa lìa tám tâm trái thuận, nối tiếp mành lưới nghiệp phiền não. Như trước đã nói hạt giống căn bào... đến quy y Tam bảo, cho trời người vâng làm pháp lành trai thí, đều gọi là tám tâm thuận đời. Nếu ba thừa bắt đầu phát Đạo ý cho đến nhổ gốc nghiệp phiền não, hạt giống vô minh, sinh mười hai nhân duyên, gọi là tám tâm trái đời, hoặc có thể phân chia các địa vị kiến đạo, tu đạo... mỗi địa vị tự có tám tâm. Hành giả Đại thừa hiểu rõ các uẩn tánh không, đối với tất cả pháp, đều không thủ cũng không xả, xa lìa tám tâm trái, thuận, hai đảo ngã, uẩn, hai thứ lưới nghiệp phiền não, đó gọi là vượt qua một kiếp Du-kỳ hành.

Du-già dịch là tương ưng, nếu dùng âm nữ mà gọi thì nói là Du-kỳ. Có chỗ nói tương ưng: tức là người quán hạnh ứng với lý.

Y theo thường tình để giải thích thì Bồ-tát từ khi mới phát tâm đến

nay trải qua một đại A-tăng-kỳ kiếp, mới chứng cảnh giới tịch nhiên như thế, nay tông Bí mật, chỉ cần vượt qua một lớp vọng chấp này tức là vượt A-tăng-kỳ kiếp, hành giả chưa vượt qua kiếp này, khi bằng địa vị với Bích-chi-Phật thì gọi là chỗ cùng cực không thể nói năng. Bấy giờ, tâm dính mắc ở tướng pháp vô vi, nếu mất phương tiện thì thường rơi vào đất Nhị thừa, chứng tiểu Niết-bàn, nhưng nhờ thế lực tâm Bồ-đề có thể trở lại phát khởi bi, nguyện; từ đây về sau con đường ba thừa bắt đầu phân chia, nhưng nhân, pháp sở quán đều không, cùng các tông Thành Thật, chưa cách xa nhau mấy, còn ràng buộc ở lý thiên chân, nên thực hành quán bình đẳng này, vì thế tâm xuất thế gian ba thừa thượng, trung, hạ, hợp nói một tăng-kỳ kiếp, đến tăng-kỳ thứ hai, mới khác hàng Nhị thừa.

Kinh chép: Này Bí Mật Chủ: Hạnh Đại thừa, phát tâm vô duyên thừa, pháp không có tánh ngã. Vì sao? Như người kia ngày xưa tu hành như vậy, quán sát uẩn, A-lại-da, biết tự tánh như huyễn, ánh sáng của mặt trời, ảnh hưởng vòng lửa xoay tròn, thành Càn-thát-bà, tức là biết rõ quán lớp thứ hai pháp không có ngã tánh. Tiếng Phạm Mãng-bát-la, nghĩa là vô cũng là nghĩa Tha, tức là tha duyên. Thừa nghĩa là phát thệ lớn bình đẳng, vì pháp giới chúng sinh thực hành đạo Bồ-tát, cho đến các vị Nhất-xiển-đề, và Nhị thừa chưa vào Chánh vị, cũng phải dùng các thứ phương tiện khuất phục nhiếp thọ, khắp giúp đồng vào thừa ấy; dựa vào đại Bi vô duyên này, vì thế gọi là Tha duyên thừa. Lại Vô duyên thừa, đến tăng-kỳ này mới có thể quán sát thức A-đà-na sâu xa nhỏ nhiệm, hiểu rõ ba cõi duy tâm, ngoài tâm không có một pháp nào thật có, nương vào tâm vô duyên này mà thực hành đạo đại Bồ-đề, do đó gọi là Vô duyên thừa. Tâm Vô duyên thừa này tức là pháp không có ngã tánh, do hành giả vào kiếp sơ tu quán hạnh thì tâm chìm trong uẩn, dùng năm pháp môn vô tánh không để quán pháp vô ngã, nhưng trông mong duyên sinh trung đạo, vẫn thuộc về đối trị Tất-đàn. Nếu mất phương tiện Bát-nhã thì rơi vào đoạn diệt, gọi là người chấp không sai lầm, lạm xưng người tu đạo Đại thừa. Nay Đại thừa không thật có tướng không, tướng không cũng không thật có, dù quán các pháp vô sở hữu nhưng còn các pháp vô sở không cho nên đạo phải lìa có, lìa không, quán pháp không có ngã tánh, vì muốn trừ sạch trí chướng, thuận theo các Bồ-tát ngày xưa để tu học, quán uẩn A-lại-da tức là kinh Lăng-già, Giải Thâm Mật... tám thức, ba tánh, ba vô tánh, đều là ý này.

Kinh dạy: Biết tự tánh: tức là biết ba cõi duy tâm, sáu ví dụ không thực, ánh sáng mặt trời, ảnh hưởng, vòng lửa xoay, thành Càn-thát-bà,

đều phân biệt rõ cả hai thứ có, không, hiểu nghĩa duyên khởi khác nhau của uẩn A-lại-da, cùng ý quán vô tánh không trong năm ví dụ trên ở kiếp trước, lại có khác nhau.

A-lại-da: nghĩa là hàm tàng, dịch đúng là thất, nghĩa là các uẩn ở trong đây mà sinh, cũng ở trong đây mà diệt, tức là chỗ chất chứa các uẩn, vì thế lấy làm tên. Nhưng A-lại-da có ba nghĩa:

1. Nghĩa là phân biệt.
2. Nghĩa là nhân duyên.
3. Nghĩa là chân thật.

Như trong bài kệ cầu chân thật của luận Đại Thừa Trang Nghiêm, vì lìa hai và mê y nên không nói không nói rộng. Phải biết ba tánh đều chân thật. Có chỗ nói lìa hai, nghĩa là phân biệt tánh chân thật, từ năng sở rốt ráo không. Mê y: nghĩa là nương vào tánh chân thật người khác. Từ đây khởi các phân biệt. Không nói, không nói rộng: tánh chân thật thì chân thật, từ tự tánh không nói rộng.

Kế là nói về cầu chân thật, thí dụ kệ rằng:

Như kia khởi huyễn sự
Vì nói luống phân biệt
Như các việc huyễn kia
Vì nói hai thứ mê.

Giải thích rằng như nhà ảo thuật nương vào năng lực chú thuật, biến gỗ, đá... để làm nhân mê, luống phân biệt như thế, tánh y tha cũng thế. Khởi các thứ phân biệt là nhân điên đảo. Lại như tượng vàng huyễn... các thứ tướng mạo hiển hiện, tánh phân biệt do như vậy sinh khởi cũng thế, vì năng thủ, sở thủ nên hai thứ mê thường hiển hiện. Kế đến kệ nói, như kia không có thể, được nhập Đệ nhất nghĩa, như kia có thể được thông đạt thế đế thật. Ý trong này nói, như việc huyễn kia không có thật thể, ở đây ví dụ hai tướng y tha, và phân biệt cũng không có thật thể, nhờ Đạo lý này mà được thông đạt Đệ nhất nghĩa đế; lại như thể của người huyễn, việc huyễn cũng không thật có, ở đây ví dụ luống dối phân biệt cũng giống như vậy.

Nhờ đạo lý này, mà được thông đạt thế-đế chân thật. Lại kệ nói: Việc kia do không thể, liền được cảnh chân thật, như vậy do chuyển y, liền được cảnh chân thật, như vậy do chuyển y, liền được nghĩa chân thật. Giải thích rằng: Nếu người hiểu được việc huyễn kia không có tự thể, liền được cảnh chân thật như gỗ... Như các Bồ-tát, khi hiểu được hai thứ mê không có tự thể liền được chuyển y, tức là được tánh nghĩa chân thật. Lại kệ nói:

Việc ấy chỗ kia có
Kia có thể cũng không
Có thể không có ấy
Vì thế nói là huyễn.

Kệ này nói việc huyễn, có mà chẳng thật có. Vì sao? Vì Hữu: nghĩa là việc huyễn tượng, chỗ kia hiển hiện ra.

Phi Hữu: Nghĩa là thật thể kia không thật có. Như thế, có thể và vô thể cả hai đều vô, do nghĩa này cho nên nói kia là huyễn.

Lại kệ nói:

Vô thể chẳng vô thể
Chẳng vô thể tức thể
Vô thể hữu thể không hai
Cho nên nói là huyễn.

Kệ này nói việc huyễn chẳng phải có mà có. Vì sao? Vì Phi hữu nghĩa là việc huyễn kia không có thật thể, do không có thật thể cho nên có, nghĩa là việc huyễn chẳng phải vô thể, do hình tướng hiển hiện ra.

Như thế, vô thể và hữu thể không hai, do nghĩa này cho nên nói kia là huyễn. Huyễn này chính là ví dụ các uẩn, vì thế phải biết luống dối phân biệt có mà chẳng thật có. Vì sao? Vì hai hình ảnh kia hiển hiện nhưng thật thể không thật có. Vì thế nói sắc... có thể tức là vô thể.

Lại nữa, luống dối phân biệt, chẳng thật có mà có. Vì sao? Vì hai thứ kia đều không có thật thể, nhưng có hình bóng hiển hiện, nên nói sắc... vô thể và hữu thể không hai, do đây mà hữu Vô không hai, có thể ngăn ngừa sự dựng lập phỉ báng, đạt đến Niết-bàn, Tiểu thừa. Vì sao? Vì Vô thể biết vô thể, không nên an lập, do hữu thể biết thế đế, không nên phỉ báng; lại vì hai thứ không khác kia, không nên nhàm chán mà thể nhập Tiểu Niết-bàn.

Kệ kia lại nói:

Hình huyễn và thủ huyễn
Mê nên nói có hai
Như thế không hai kia
Có hai không thật có.

Tướng xương và chấp xương, do quán cũng có hai, không hai mà nói hai, thật có cũng như vậy.

Bài kệ trước ý nói: Người mê đối với thân huyễn và chấp huyễn, vì mê cho nên nói có hai việc năng thủ và sở thủ, hai kia tuy không nhưng cả hai thật có, do mê mà hiển hiện. Bài kệ sau ý nói: người tu hành quán cũng như vậy, hình xương và chấp xương, do quán nên nói

có hai thứ năng quán sở quán, hai thứ ấy tuy không nhưng cả hai cũng thật có, do quán mà hiển hiện.

Hỏi: Quán như vậy rồi, lấy pháp nào để đối trị?

Đáp: Vì thế vị ấy lại nói hai bài kệ rằng: Nên biết Thể sở trị, nghĩa là pháp ấy mê tướng, thể ấy vô thể, hữu, phi hữu như huyễn. Nên biết Thể năng trị, các pháp như niệm xứ... thể ấy vô tướng, như huyễn cũng như thế. Bài kệ trước ý nói: chỗ nào đối trị thể, tức là mê pháp tướng. Mê pháp tướng: nghĩa là như thị như thị thể. Nhưng như thị thể có thể nói là có, do luống dối phân biệt nên cũng nói chẳng thật có, do hai thể năng thủ, sở thủ cùng chẳng phải thể không khác, như thế có cũng như huyễn, không cũng như huyễn, nên nói tướng này như huyễn.

Bài kệ sau ý nói: Thể năng trị tức là các pháp, nghĩa là niệm xứ... Đức Phật đã nói, như thị như thị thể, thể kia cũng đều như huyễn. Vì sao? Vì như chỗ chấp của các hạng phàm phu, như thị như thị hữu thể, như lời các Đức Phật nói, như thị như thị vô thể, thể này vô tướng.

Lại, Đức Phật, Thế-tôn thị hiện nhập thai, đản sinh, vượt thành xuất gia, thành đẳng chánh giác, như thị vô tướng, nhưng hình ảnh hiện ra, cho nên như huyễn.

Hỏi rằng, nếu các pháp đồng như huyễn thì do nghĩa gì, một là năng trị một là sở trị?

Kệ kia đáp rằng, như nhà ảo thuật giỏi, khiến các ảo thuật khác thoái lùi, pháp thanh tịnh như thế, có thể khiến pháp nhiễm không còn. Do nghĩa này Bồ-tát tuy tu các hạnh, mà không có sở đắc. Luận kia nói quán sát uẩn A-lại-da, hiểu rõ tự tánh như huyễn, rất phù hợp với kinh này, vì thế nêu ra đầy đủ. Phải biết ánh sáng mặt trời, ảnh hưởng, vòng lửa xoay, thành Càn-thát-bà, cũng nên nói rộng như vậy, kiếp trước, năm dụ có bọt nước, cây chuối, trong đây sở dĩ không nói là vì ba việc này còn bị vướng mắc, pháp nói về vô tánh không, nhưng ý của các dụ như huyễn diệm... nói duy thức không cảnh, thể pháp khó hiểu, tức là thô tướng chuyển dung cho nên không nói. Hành giả hiểu các uẩn duy tâm, tức là hiểu tự tánh của pháp, khi chưa hiểu rõ tự tánh như thế, sợ rơi vào có sở đắc, không thể quán tận nguồn gốc lý hữu, sợ rơi vào đoạn diệt, không thể quán cùng tận lý không, chẳng những chỉ thấy hữu không rõ, mà còn thấy không chưa cùng tận, nay nhờ pháp môn như huyễn... soi thấy hữu và không chẳng hai, tướng nhân không pháp không, cũng không có trong tâm, đó gọi là chân chánh nhập vào pháp không, ngộ duy thức tánh.

Kinh dạy: Này Bí Mật Chủ! Người ấy xả Vô ngã như thế! Tâm chủ tự tại giác tự tâm vốn bất sinh; tâm chủ tức là tâm vương, do không dính mắc đối với vô hữu, tâm không quái ngại, diệu nghiệp sẽ được tùy ý thành tựu cho nên nói tâm vương tự tại, tâm vương tự tại nói là tâm Bồ-đề thanh tịnh, lại chuyển một lần mở sáng hơn hẳn kiếp ở trước. Tâm vương giống như ao nước tánh vốn thanh tịnh, Tâm số trừ sạch giống như khách trần thanh tịnh, do đó khi chứng tánh tịnh này thì có thể tự biết tâm vốn không sinh. Vì sao? Vì tâm đời trước, đời sau đều không thật có, ví như biển lớn, làn sóng do từ duyên khởi, không phải trước không sau không, mà tánh nước là không, khi sóng từ duyên khởi thì tánh nước không phải trước không, khi nhân duyên sóng hết thì tánh nước không phải sau không, tâm vương cũng giống như vậy, không có mé trước sau, vì mé trước sau dứt, tuy gặp cảnh giới gió theo duyên khởi diệt, nhưng tâm tánh thường không sinh diệt, hiểu tâm này vốn không sinh, tức là dần dần nhập tự môn A.

Bấy giờ lại xa lìa một trăm sáu mươi tâm... trên trần sa một lớp phiền não vọng chấp nhỏ nhiệm, gọi là A-tăng-kỳ kiếp thứ hai, do đó

Kinh nói: biết tâm tánh mình là vượt qua hai kiếp Du-kỳ hành. Trong đây Vô vi sinh tử nhân duyên sinh hoại như trong luận Thắng-man Bảo Tánh Phật Tánh có nói rộng, nay lại nói nghĩa của Tông nên không nói rõ. Nhưng từ trên đến đây hoặc bắt đầu hoặc cuối cùng, tự phát khởi một chút điều lành, cho đến vượt qua hai chướng nhân, pháp, hữu vô. Tuy tông cùng cực chuyển diệu càng sâu, vẫn để đối trị cấu ngoài tâm, nhưng còn chưa khai mở được các việc bí mật không thể suy nghĩ bàn luận ở trong tâm; từ đây về sau mới nói nếu không thực hành đối biện như thế thì thường tình đều theo thói quen xưa, không thể hiểu rõ sự nhiệm mầu ấy.

Kinh chép: Này Bí Mật Chủ! Bồ-tát tu hành các hạnh Bồ-tát môn Chân ngôn, chứa nhóm nhiều kiếp vô lượng vô số trăm ngàn câu-chi na-dữu-đa, vô lượng công đức trí tuệ, tu đủ các hạnh vô lượng trí tuệ phương tiện, thảy đều thành tựu: tức là muốn nói tâm vượt qua kiếp thứ ba, muốn giúp người thấy nghe tin ưa, tôn trọng, nên trước khen ngợi công đức của người ấy; có thể biết, như các Bồ-tát trong các giáo khác, thực hành đạo lý phương tiện để đối trị; tiếp đến dần dần trừ tâm nhơ kia, trải qua vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, hoặc có khi đắc đến Bồ-đề, hoặc có khi không đắc đến, nay trong giáo này các Bồ-tát này thì không như vậy.

Lấy chân ngôn chân thật làm thừa, nhập vào pháp môn tâm Bồ-

đề thanh tịnh, khi thấy được tâm này rõ đạo, các Bồ-tát trong vố số kiếp tu phước, tuệ, tự nhiên đầy đủ, ví như có người dùng thuyền, xe, lăn lội, đi qua con đường ghê sợ, hiểm nạn, được năm trăm do-tuần.

Lại có một người, nương thần thông bay giữa hư không mà đi nơi người ấy bay qua và nơi đến tuy là không khác nhưng pháp nương vào có khác, vì thế Đức Thế-tôn trước nói rộng các tâm tướng như trên, để dạy cho hành giả tu quán môn Chân ngôn, nếu khi tu hành đến cảnh giới như thế thì phải hiểu rõ, không được chưa đến nói đến, mà bị dừng lại ở giữa đường.

Lại nữa, như khi Thái Tử của vua Chuyển luân vừa mới sinh ra, các tướng đầy đủ không thiếu, tuy chưa thể học hết các tài nghệ, thống trị bốn châu, nhưng đã sử dụng bảy thứ báu, thành tựu gia nghiệp của Thánh vương. Vì sao? Vì lúc đó đã đầy đủ thể của Chuyển vương. Hành giả chân ngôn bắt đầu vào tâm Bồ-đề thanh tịnh, cũng giống như vậy, tuy chưa ở trong vô số A-tăng-kỳ kiếp, đầy đủ các hạnh Phổ Hiền, đầy đủ đại bi phương tiện, nhưng các công đức Như lai, đều đã thành tựu. Vì sao? Vì tức là pháp thân của đầy đủ thể Tỳ-lô-giá-na, do đó kinh nói vô lượng, vô số kiếp, cho đến trí tuệ phương tiện, thảy đều thành tựu.

Lại như Vương tử mới sinh, lại cũng là chỗ rất nhiều rồng thần tôn kính quay về, mới phát tâm Bồ-đề thanh tịnh, cũng giống như vậy, đã vì trời, người thế gian quên mất Chánh đạo mà làm chỗ đại quy y, như thông thường các luận đã nói, khi chứng tâm này thì gọi là Phật, cho nên tất cả Thanh văn, Duyên giác như Xá-lợi-phất... dụng hết trí lực của họ, cũng không thể so lường, cho nên kinh nói vượt qua tất cả địa vị Thanh văn, Bích-chi-phật.

Do hành giả khi chứng được tâm này thì biết Tịnh độ của Thích-ca Mâu-ni không hủy hoại, thấy tuổi thọ Phật dài lâu, thân bản địa và thượng hạnh... các Bồ-tát từ đất vọt lên, đồng nhóm họp một chỗ, tu tập đạo lý đối trị, tuy dấu vết gần Bổ xứ nhưng không biết một người, do đó gọi là Bí mật.

Lại Bồ-tát này, có khả năng ở trong tâm tịnh rốt ráo, khắp nhóm họp các Đức Phật, Bồ-tát trong mười phương pháp giới, cũng tự mình đến khắp mười phương, cúng dường các Thiện tri thức, thưa hỏi chánh pháp, chỉ một mình hiểu rõ, trời, người đời không thể biết, do nhân duyên này, lại gọi là bí mật, hai kiếp tiền, trung, tuy nói vượt qua địa vị Nhị thừa, tuy tu Bồ-đề... nhưng vẫn còn nương thần lực Đức Phật, giảng nói nhân pháp đều không, nhưng đối với nhất thừa bí mật này, tâm sinh nghi sợ, không biết hướng đến, chính gọi là vượt qua địa vị Thanh văn,

Bích-chi-Phật.

Bấy giờ chư Thiên đại oai đức, không thấy tâm Bồ-tát nương chỗ nào, đều sinh kính tín, vì thế Thích Đề-hoàn Nhân nói lời nguyện rằng, nay vị Thượng nhân này không lâu nữa sẽ thành Phật, nếu khi vị ấy thành Phật, ta sẽ dâng cúng cỏ cát tường; Tứ Thiên Vương cũng nghĩ như vầy: Nếu khi Bồ-tát này thành Phật, ta sẽ dâng cúng bình bát, Phạm thiên vương cũng nghĩ là: Nếu khi Bồ-tát này thành Phật thì ta sẽ thỉnh cầu Xoay bánh xe pháp, cho nên nói gần gũi kính lễ.

Đã khen ngợi công đức nhập môn Chân ngôn xong. Nhưng hành giả lại dùng pháp nào để nhập môn này, cho nên kinh lại nói: pháp đó gọi là không tánh. Không tánh tức là tự tâm sánh bằng tánh hư không. Văn trên nói vô lượng như hư không, cho đến Chánh Đẳng giác hiện ra, tức là dụ cho tâm này.

Kiếp trước ngộ muôn pháp duy tâm, ngoài tâm không có pháp, nay quán tâm này tức là trí tự nhiên của Như lai, cũng là thân khắp tất cả của Tỳ-lô-giá-na, do tâm như thế, nên các pháp cũng như thế, căn, trần đều nhập tự môn A. Vì thế nói xa lìa căn cảnh, hình tướng không ra ngoài thường tịch diệt quang, do đó nói là vô tướng, vì trí tướng thật của tâm biết rõ tướng thật của tâm, cảnh trí đều là Bát-nhã ba-la-mật, cho nên nói không có cảnh giới, do mười dụ trong đây và mười dụ ở trước trở lại thành nói rộng, do đó nói vượt qua các thứ nói rộng.

Lớp nhỏ nhiệm thứ ba một trăm sáu mươi tâm, hạt giống thọ nghiệp phiền não dứt trừ, lại có mầm cây Phật sinh, vì thế nói tất cả Phật pháp sánh bằng hư không vô biên, nương vào đây tiếp tục sinh khởi, đã không hoại nhân duyên mà liền nhập pháp giới, cũng không động pháp giới tức là duyên khởi, phải biết nhân duyên sinh diệt, tức là pháp giới sinh diệt, pháp giới không sinh diệt tức là nhân duyên không sinh diệt, vì thế nói xa lìa hữu vi vô vi giới, hoặc Như lai xuất hiện, hoặc Như lai không xuất hiện thì các pháp vẫn pháp nhĩ như thị trụ, do đó nói lìa các tạo tác, như trong Bát-nhã tất cả pháp thú hướng đến mắt, thú hướng này không lỗi, giống như trăm sông chảy về biển, không chảy đến chỗ khác, thế nên phải biết mắt là mé thật bậc nhất, trong mé thật bậc nhất, mắt còn không thật có, huống chi là thú hướng, không thú hướng ư? Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng giống như thế, cho nên nói lìa mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý.

Hành giả khi đắc tuệ nhỏ nhiệm như vậy, quán tất cả các pháp tinh nhiễm, cho đến một phần nhỏ gần như hư không đều từ duyên sinh, nếu từ duyên sinh thì không có tự tánh, nếu không có tự tánh thì tức

là vốn không sinh, vốn không sinh tức là tâm thật tế, tâm thật tế cũng không thật có, do đó nói sinh Cực Vô Tự Tánh Tâm.

Tâm này quay về hai kiếp trước, giống như hoa sen nở tròn, nếu quay về phía hai tâm sau thì quả trở lại thành giống mầm, vì thế nói: Sơ tâm như thế Phật nói là nhân thành Phật, cho nên ở trong nghiệp phiền não mà giải thoát, nhưng nghiệp phiền não cũng nương đầy đủ; trong đây nói Phật dạy.

Thế-tôn nhờ các Đức Phật trong mười phương ba đời làm chứng, nói: Vì một việc nhân duyên này, mà làm cho tri kiến thanh tịnh của chúng sinh mở sáng, đạo lý sâu kín kia đồng nhau. Hành giả khi giải thoát tất cả nghiệp phiền não thì biết tất cả nghiệp phiền não đều là Phật sự. Vốn tự không có ràng buộc thì khiến ai giải thoát? Như thầy thuốc giỏi biến chất độc trở thành thuốc dùng để trị các tật bệnh; lại như hư không ra khỏi các tướng, nhưng muôn vật đều nương, nếu khi trụ giải thoát không thể suy nghĩ bàn luận này thì đó là chân A-la-hán, không mê đắm hữu vi vô vi, thích hợp thọ sự cúng dường rộng lớn của tất cả thế gian.

Do đó kinh nói: Thế gian tôn sùng, thường nên cúng dường.

Lại nữa, A-xà-lê muốn nói về việc nên cúng dường này, nói chung ba kiếp từ đầu đến cuối, lấy ngọc quý làm ví dụ, giống như có Ngọc Như Ý ở trong mỏ đá, do người đời không biết, nên bỏ giữa đường đi, không khác với ngói, đá, nhưng riêng ngọc ấy vừa thấy có chút ánh sáng ở ngoài thì liền biết được, trước dùng sắt nhọn, cạy bỏ đá xấu, đã gần ngọc quý thì đá kia dần mềm, lại dùng các thuốc cho ăn mòn, khiến tiêu hóa quặng đá xấu, nhưng không tổn hại chất kia.

Bấy giờ chất bẩn thô đã hết chỉ còn ít chất dơ nhỏ, đã rửa lại dùng tro nước mài cọ cho sạch, dùng các phương tiện để cho ánh sáng phát ra, ánh sáng đã được hiện ra, để trên cờ cao, có thể tùy theo tất cả chỗ mong cầu khắp mưa ra các vật. Bấy giờ, người đời sinh cho là lạ, tôn trọng ngọc quý ấy giống như đại thiên, vì có khả năng làm đầy đủ sự mong cầu. Nhưng ngọc báu này trong một thời gian khắp ứng với tâm mọi người, tùy theo chỗ được của người mỗi mỗi khác nhau. Nhưng các vật này trước có trong ngọc báu hay không có trước? Nếu có trước thì ngọc nhỏ này làm sao có thể chứa nhiều vật? Nếu không có trước thì làm sao có thể bỗng nhiên mưa xuống các vật? Thế thì vật báu ở thế gian này, đã không thể suy nghĩ bàn luận, huống chi là tâm Bồ-đề quý báu của chúng sinh?

Thế nên, các Thiện tri thức, khi vừa thấy tám tâm của chúng sinh

ở thế gian bắt đầu phát động thì liền biết là chân thật, đó là do gặp nhau mà biết.

Các Đức Phật, Bồ-tát cũng giống như vậy, đã lâu chứng biết tự thân từ một việc lành rất nhỏ mà tự đến Đại đạo Bồ-đề, thế nên soi thấy căn cơ của người ấy, liền rất hoan hỷ, dùng phương tiện khuyến dụ tiến lên khiến thọ Tam quy, như trước đã phân biệt nói: Ví như lấy đá chai để ở trong nhà, kế là dùng ba thứ ba tâm, nhổ gốc nghiệp phiền não và mầm mống vô minh, như sắt nhọn mở đục bỏ quặng thô kia, tiếp đến quán vô duyên thừa pháp không có ngã tánh, giống như dần dần đến chỗ mềm, dùng các vị thuốc tiêu hóa mà không bị tổn hại. Tiếp đến lại sinh tâm Cực vô tự tánh như dùng tro nước sạch lau chùi khiến rất sáng sạch.

Bấy giờ, sinh trong nhà Phật, gọi là đặt ở cờ cao mưa xuống các thứ báu, do nhân duyên này, nên xứng đáng nhận sự cúng dường rộng lớn của người đời. Nếu hành giả, thẳng từ môn Chân ngôn được thấy tâm báu, như vị Tiên khéo chú thuật giỏi, dùng thần lực mà lấy tuy khéo vụng, khó dễ khác nhau, nhưng được vật báu cuối cùng không khác nẻo, vì thế kinh nói: từ cạn đến sâu, nói rộng về tâm tướng: đều là khai thị gốc, ngọn, nhân duyên của tâm Bồ-đề, nếu chỉ nương vào pháp tướng bình thường thì không được nói, đại bí mật của các Đức Phật nay đều mở bày.

Kinh chép: Này Bí Mật Chủ! Tất tín, giải, hành: quán sát ba tâm Vô lượng Ba-la-mật-đa, tuệ quán sát bốn pháp nhiếp, đất tín giải không đối đãi, không so lường, không nghĩ bàn, kiến lập mười tâm vô biên trí sinh. Tông chỉ của kinh này, từ tâm Bồ-đề thanh tịnh lên đến Thập trụ địa, đều là đi giữa tín giải, chỉ có Như lai mới gọi là rốt ráo Nhất thiết trí địa, như trong kinh Hoa Nghiêm chép: Sơ địa Bồ-tát mới có thể tin chỗ nhập bổn hạnh của Như lai, tin thành tựu các Ba-la-mật, tin nhập các thắng địa, tin thành tựu lực, tin đầy đủ vô sở úy, tin bất cộng Phật pháp, tin sinh trưởng không hư hoại, tin Phật pháp không thể suy nghĩ bàn luận, tin sinh ra trong cảnh giới Phật pháp không ở một bên, tin tùy vào cảnh giới vô lượng của Như lai, tin thành tựu quả, đối với các việc như thế, tâm kia rốt ráo không thể phá hoại, lại không theo duyên khác lay chuyển, vì thế gọi là tín giải hành địa, cũng gọi là đến chỗ tu hành.

Quán sát ba tâm: tức là tâm nhân căn rốt ráo, nếu nói chung về tín giải địa thì khi Bồ-tát Sơ địa này được Bồ-đề vô cấu như hư không này thì tự nhiên ở mười Vô tận giới, sinh mười đại nguyện, cho đến đầy đủ trăm muôn A-tăng-kỳ đại nguyện.

Lấy đây tức là tâm Bồ-đề làm nhân, từ Nhị địa trở lên, tu thêm đại bi muôn hạnh, tức là đại nguyện không cùng tận, đối với mười pháp giới sinh gốc, cho đến lần lượt tăng tưởng, đến Địa thứ tám trở đi đều gọi là phương tiện Địa.

Luận Phật tánh chép: Địa thứ tám trở lên cảnh giới đều đồng, chỉ căn cứ vào phương tiện làm thềm bậc mà thôi, nếu quán xét mỗi Địa cũng tự có ba tâm, như dùng rất nhiều Thập nhân duyên để được vào Sơ địa, gọi là nhân duyên; đã an trụ rồi, dùng các thứ đại bi muôn hạnh làm sạch địa ấy, gọi là nguồn gốc nói làm sạch quả tướng của Địa và nghiệp phương tiện, gọi là rốt ráo. Các địa khác đều Y theo đây.

Kinh này, Vô lượng Ba-la-mật-đa, bốn nhiếp pháp: tức là trị địa. Hành giả từ đây không còn đối đãi, vượt ra ngoài tâm lượng, chỗ không thể suy nghĩ bàn luận. Có mười tâm vô biên trí sinh, tứ là quả tướng Sơ địa. Kinh Hoa Nghiêm chép: Phát mười nguyện lớn rồi thì được tâm lợi ích, tâm mềm dịu, tâm tùy thuận, tâm vắng lặng, tâm điều phục, tâm vắng lặng, tâm nhún mình, tâm nhuần nhã, tâm bất động, tâm không đục, sau lại thành tựu mười pháp tịnh các Địa, cái gọi là tín Từ bi xả không có mỏi mệt, biết các kinh, luận, khéo hiểu pháp thế gian, hổ thẹn và năng lực nhân bền vững, cúng dường các Đức Phật, nương giáo tu hành.

Lại nữa, trụ ở địa này rồi, khéo biết các pháp chướng ngại các địa, khéo biết sự thành hoại của Địa, khéo biết tướng quả của địa, khéo biết Địa được tu, khéo biết pháp thanh tịnh địa, khéo biết chuyển hành Địa, khéo biết địa xứ, phi địa xứ của địa, khéo biết trí thù thắng của mỗi địa, khéo biết địa địa không lui sụt, khéo biết thực hành hết tất cả Bồ-tát Địa, cho đến chuyển nhập Như lai địa. Những địa như thế có rất nhiều mười tâm, nếu phân biệt rộng thì có trăm muôn A-tăng-kỳ pháp môn cứu giúp, vì thế nói vô biên trí sinh.

Lại y cứ ba tâm trước, làm thành mười tâm để nói: Nếu nói chung tín giải địa thì Sơ địa là hạt giống (hạt giống) Nhị địa là mầm, Tam địa là chồi, Địa thứ năm giống như hoa, Địa thứ sáu là quả, Địa thứ bảy là thọ dụng hạt giống, Địa thứ tám Vô úy y, cái gọi là quả ở trong quả, Địa thứ chín là có tinh tấn cầu Phật địa tuệ sinh, ấy là tâm tối thắng. Thập địa này tâm quyết định, hai tâm này cảnh giới không khác, vẫn là trong tâm thứ tám, Y theo phương tiện chuyển khai ra.

Nếu trong mỗi Địa, cũng tự đủ mười tâm này, hơn nữa như khi trụ Sơ địa, thành tựu pháp tịnh trị các địa và biết tướng các Địa, tức là trước hiểu một Địa xong, nương đầy làm nhân trí tuệ thêm lớn, lại hiểu Địa

thứ hai, dùng mười thứ tâm so sánh, suy ra có thể biết. Hoa Nghiêm có rất nhiều mười pháp môn, cũng phải căn cứ vào đây thứ lớp rộng phân biệt nói.

Nhưng tông của kinh này, từ Sơ địa đã được nhập Kim cang Bảo Tạng (kho báu Kim cang). Kinh Hoa Nghiêm Thập Địa, mỗi mỗi danh ngôn, nương vào pháp A-xà-lê đã truyền đều phải có hai cách giải thích:

1. Giải thích cạn, lược.
2. Giải thích sâu, rộng.

Nếu không thông đạt mật hiệu như thế, chỉ nương vào văn để nói thì nhân duyên sự tướng, phải trải qua Thập Trụ phẩm. Nếu hiểu mười sáu vị Đại Bồ-tát từ Kim cang đỉnh sinh ra thì tự sẽ chứng biết.

Kinh chép: ta có chỗ nói tất cả pháp, đều nương đây mà đắc, như trên, tất cả trí địa vô tận pháp giới trang nghiêm và vô lượng Tu-đa-la khác, Phật đã khen ngợi vô lượng hạnh quả, đều nhân đây mà được, thế nên các kinh, rộng khen ngợi cành lá hoa quả của Sa-la Thọ vương như vậy.

Nay trong kinh này, chỉ nói về hạt giống (hạt giống) và nhân duyên sinh ra lớn lên của Thọ vương này. Nếu lìa nhân duyên này mà có thể thành quả kia, là việc không có, sở dĩ gọi là Đại Nhật Kinh Vương, chẳng phải vì đây sao? Kinh lại nêu lên sự lợi ích và khuyến khích tu hành như thế, cho nên người trí phải suy nghĩ tất cả trí, tín, giải, địa này; lại phải vượt một trăm sáu mươi tâm một lớp hoặc nhỏ nhiệm, gọi là vượt qua ba đại A-tăng-kỳ kiếp.

Hành giả khi mới quán tánh không, hiểu tất cả pháp đều nhập vào mé thật của tâm, dưới không thấy chúng sinh để độ, trên không thấy các Phật để cầu; bấy giờ muôn hạnh dừng nghĩ, nói là rốt ráo, nếu trụ ở đây thì không lui sụt rơi vào địa vị Nhị thừa, không tiến lên được địa vị Bồ-tát, gọi là pháp ái sinh, cũng gọi là tâm vô ký, nhưng do thế lực tâm Bồ-đề và năng lực gia trì của Như lai, có thể trở lại phát khởi bi nguyện, bấy giờ, các Đức Phật trong mười phương cùng một lúc hiện ra khuyến dụ, được Phật dạy trao, nên chuyển sinh Cực Vô Tự Tánh Tâm cho đến mé thật của tâm cũng không thật có, tuy giải thoát tất cả nghiệp phiền não, nhưng nghiệp phiền não vẫn còn đầy đủ, đến bất tư nghì địa này, mới gọi là chân thật xa lìa Nhị thừa địa.

Căn cứ vào nghĩa trong ba cú trước, lại khai mở Phật Địa là tâm phương tiện thượng thượng, đến khi tâm thứ tư này gọi là rốt ráo Nhất thiết trí địa, nên gọi là một trong bốn phần này vượt qua tín giải.

ĐẠI TỲ-LÔ-GIÁ-NA THÀNH PHẬT KINH SỚ

QUYỂN 3

Phẩm 1: **NHẬP MÔN CHÂN NGÔN TRỤ TÂM** (Tiếp Theo)

Kinh chép: Bấy giờ, Chấp kim cang Bí Mật Chủ bạch Đức Phật rằng: Cúi xin Đấng cứu thế, giảng nói tướng của tâm, Bồ-tát có được bao nhiêu chỗ Vô úy, cho đến sẽ được tất cả pháp tự tại bình đẳng Vô úy? Vẫn là trả lời câu tướng của tâm ở trước; vì Kim Cang Thủ đã nghe dạy các Bồ-tát này, thẳng nương môn Chân ngôn hướng lên Bồ-tát địa.

Hỏi: Bạch đức Thế-tôn! Khi Bồ-tát này hành đạo có được bao nhiêu chỗ Vô úy?

Đức Phật lại y theo ba kiếp trước, thực hành hàng phục để hiểu. Tiếng Phạm là A-thấp-phạ-sa, dịch đúng phải là sống lại. Giống như người bị kẻ có sức mạnh bắt giữ bóp cổ, tắt thở gần chết, bỗng nhiên thả ra, được sống trở lại, chúng sinh cũng giống như vậy, bị vọng tưởng, nghiệp phiền não trói buộc, gặp duyên đều bị bít lấp, đến sáu xứ này như được sống lại, vì thế nói là chỗ sống lại: Cũng như khi vượt qua đường nguy hiểm, tâm kia bình thản không hề lo sợ, do đó gọi là chỗ không sợ.

Phật dạy: Này Bí Mật Chủ! Phàm phu như đứa trẻ ngu kia, tu các pháp lành tổn hại pháp không lành, nên được thiện vô úy, nghĩa chữ thiện là có cả cạn và sâu. Nay, ý trong đây, nói về mười nghiệp đạo thiện, như người đời do nhân duyên mười nghiệp đạo bất thiện mà chìm nổi trong đường ác, không có cùng tận, sau được tám tâm thuận đời, cũng dần dần thọ Tam quy giới, trong vô lượng đời sinh làm người hoặc chư Thiên, sau đến Niết-bàn, do thoát khỏi khổ lớn trong ba đường, nên gọi là chỗ sống lại đầu tiên.

Như hành giả chân ngôn bắt đầu nhập Tam-muội-da, nương vào giai Tam Mật vị cúng dường tu hành, ngang với ở đây.

Kinh dạy: Nếu biết Ngã đúng như thật thì sẽ được thân vô úy, như

khi tu thuận theo thân quán sát, thấy thân này do ba mươi sáu vật nhóm lại mà thành, năm thứ bất tịnh đường ác đầy đủ, trọn vẹn không vì đây mà sinh tham ái.

Lại nữa, quán Thọ tâm pháp được lìa không thấy bốn thứ điên đảo trong tánh ngã, đối với các sự trói buộc của thân được Chỗ sống lại. Như hành giả Chân ngôn, khi các tướng Tam-muội của bổn tôn hiện ra thì ngang với ở đây.

Kinh dạy: Nếu đối với thủ uẩn gom nhóm thành thân ta, xả bỏ sắc tướng của mình để quán sẽ được vô ngã, vô úy, nghĩa là khi quán chỉ có uẩn không có ngã, ở trong ấm, giới, nhập, trong các thứ ấy chia chẻ tìm cầu ngã không thật có. Xả bỏ sắc tướng của mình, ví như nhờ cây nên có bóng cây hiện ra, nếu không có cây thì bóng từ đâu mà sinh, nay năm uẩn còn từ duyên sinh đều không có tự tánh, huống chi là đây do nhóm họp mà có ngã? Như trên đã nói, cho đến tâm chứng vắng lặng xa lìa tất cả tội lỗi, thế là sự trói buộc ở nơi ngã được Chỗ sống lại.

Như hành giả Chân ngôn, đối với tất cả phân đoạn của cảnh giới Du-già, có thể quán tâm không thật có, không sinh ái, mạn vị, giống với đây.

Kinh chép: Nếu làm tổn hại uẩn trụ pháp phan duyên sẽ được pháp vô úy: Nghĩa là tâm hành giả trụ trong uẩn, muốn khiến phát khởi xa lìa mê đắm.

Bấy giờ, những các dụ như sóng nắng giả huyễn... quán sát các uẩn tức không, được xa lìa tám tâm thuận nghịch, chứng được thế giới vắng lặng, nhưng lìa sự trói buộc của uẩn thì đối với pháp được Chỗ sống lại.

Pháp: nghĩa là mười câu duyên sinh. Như hành giả Chân ngôn, hiện rõ ràng cảnh giới Du-già đều như bóng trong gương, trăng đáy nước, vô tánh vô sinh; là ngang với ở đây.

Kinh chép: Nếu hại pháp trụ vô duyên thì sẽ được pháp vô úy: Tức là Vô duyên thừa tâm, quán sát pháp không có tánh ngã, ngoài tâm không có hình bóng, hình tướng trí tuệ đều không thật có, tâm vương tự tại giác vốn bất sinh, được xa lìa sự trói buộc pháp, đối với pháp vô ngã được Chỗ sống lại. Nếu hành giả Chân ngôn, đối với Du-già trung đạo tâm được lực dụng tự tại thì ngang với đây.

Kinh chép: Nếu lại tất cả uẩn, xứ, giới, năng chấp, sở chấp, ngã, tuổi thọ... và pháp vô duyên, không tự tánh, vô tánh, không trí này sinh, sẽ được tất cả pháp tự tánh bình đẳng vô úy: nghĩa là khi quán tự tâm rốt ráo tánh không thì ngã và pháp uẩn cho đến vô duyên đều đồng một

tánh, cái gọi là tự tánh vô tánh, nghiệp phiền não... đều không thể trói buộc được, cũng không thể nói, vì thế nói đắc tất cả pháp tự tánh bình đẳng, bấy giờ đối với hai thứ hữu vi, vô vi là hai thứ trói buộc giới được Chỗ sống lại, tức là tâm Bồ-đề trong sạch như hư không của hành giả Chân ngôn, nhưng tâm này ở trong sự trói buộc mà ra khỏi sự trói buộc đều rốt ráo vô tướng; dùng năm nhãn của Như lai quán kỹ, còn không thể thấy được tướng mạo của kia, huống là các sự sinh diệt trong loài người. Nay sở dĩ nói rộng ba kiếp, sáu chỗ vô úy rất nhiều tâm tướng, đều là bắt chước dấu vết bên ngoài để nói về tu chướng cạn sâu.

Trên đã nói thấy tướng khói, có thể so sánh để biết tánh lửa, nhưng biết tâm cấu hết chỗ, nói rộng không thực hành, chính là nương Vô úy y thứ sáu, còn muốn biểu thị thế nào?

Kinh chép: Này Bí Mật Chủ! Nếu các Bồ-tát tu hạnh Bồ-tát, tu sâu quán sát mười câu duyên sanh, sẽ đối với Chân ngôn hành thông đạt tác chứng, cho đến biết khắp tất cả tâm tướng như thật, là lược đáp tu hành trong câu hỏi trước. Như văn dưới muôn hạnh phương tiện, đều nhờ mười câu duyên sanh này để rửa sạch tâm cấu, vì thế phải biết rất trọng đại, hành giả chân ngôn đặc biệt nên lưu ý suy nghĩ. Nhưng nói chung ở trong phẩm mười câu duyên sanh này lược có ba thứ:

1. Giấu kín tâm trong uẩn, muốn đối trị thật pháp, quán mười câu duyên sanh này, như trước đã nói, ngay nơi không là huyễn.

2. Giấu kín tâm trong pháp, muốn đối trị cảnh giới phan duyên, quán Mười câu duyên sanh này, như trước đã nói, uẩn A-lại-da ngay nơi tâm là huyễn.

3. Giấu kín sự chấp trước sâu sắc trong mé thật của tâm, muốn xa lìa hữu vi vô vi giới, nên quán mười câu duyên sanh này, như trước đã nói, giải thoát tất cả nghiệp phiền não mà nghiệp phiền não nương đầy đủ, tức là huyễn tức không thể suy nghĩ bàn luận.

Mười ví dụ trong Ma-ha Bát-nhã, cũng bao gồm đầy đủ ba ý. Nay trong đây nói tâm tu quán sát, tức là ý nói lớp thứ ba. Lại như hành giả đối với Du-già, tự tâm mình được cảm ứng tâm Phật, nhân duyên cảm ứng, ngay khi đó Tỳ-lô-giá-na hiện thân mà chúng sinh thích nhìn thấy nói thích hợp nghe pháp, nhưng tâm ta cũng rốt ráo thanh tịnh, tâm Phật cũng rốt ráo thanh tịnh. Nếu nghi quấy tâm ta là tự thì tâm Phật là tha, nay cảnh giới này, là từ Tự sinh, hay từ Tha sinh ư? Dùng các pháp môn trong Trung luận để quán thì sinh không thật có nhưng hình tướng âm thanh rõ ràng tức là pháp giới, luận huyễn tức huyễn, nói pháp giới tức là pháp giới, nói khắp tất cả nơi tức là khắp tất cả nơi, nói huyễn cho

nên gọi là huyễn không thể suy nghĩ bàn luận.

Lại nữa, nói tu sâu: Nghĩa là đắc tâm thanh tịnh rồi, từ đại bi sinh căn, cho đến phương tiện rốt ráo, trong khoảng giữa đó mỗi duyên sinh khởi, đều phải dùng mười dụ để quán, do đó chứng chuyển sâu sắc, nên nói là quán sát.

Hơn nữa, như nghĩa Tứ Đế, chỉ bày thẳng thế giới Ta bà đã có vô lượng, vô biên danh từ khác nhau, huống chi trong vô tận thế giới thực hành phương tiện khéo léo, đâu thể cùng tận. Nay hành giả ở trong một niệm tâm tịnh, thông đạt trần sa Tứ Đế như vậy, không thì rốt ráo bất sinh, hữu thì cùng tận tánh tướng kia, trung thì nêu thể đều là thường, do ba pháp vô định tướng (không có tướng chắc chắn) nên gọi là không thể suy nghĩ bàn luận. Như pháp Tứ đế, ngoài ra tất cả pháp môn đều lệ theo đây. Thế nên chỉ có Như lai mới có thể cùng tột mười ví dụ này, thông suốt tận nguồn gốc của nó. Kinh này sở dĩ đặt tâm Bồ-đề vô cấu ở sau, tức là nói mười ví dụ, bao gồm từ đầu đến cuối và tóm thâu các địa, đã chạm duyên thành quán, không thể nói ngang, nay tạm nương vào Thích luận, nói rõ kia là nơi đáng quy về.

Kinh chép: Những gì là mười? Đó là như huyễn, sóng nắng, mộng, bóng, thành Càn-thát-bà, tiếng vang, trăng đáy nước, bọt nổi, hoa đốm trong hư không và vòng lửa xoay tròn.

Cho đến thế nào là huyễn? Nghĩa là như chú thuật năng lực của thuốc, năng tạo sở tạo các thứ sắc tượng, hoặc tự mắt thấy việc ít có, xoay vần sinh nhau, qua lại mười phương, nhưng kia chẳng đi, chẳng phải không đi. Vì sao? Vì bản tánh thanh tịnh, như thế thật nói huyễn, trì tụng thành tựu sẽ sinh ra tất cả, Phật nói năng lực thuốc không thể suy nghĩ bàn luận, như người dùng năng lực thuốc nên bay lên hư không ẩn hình, đẫm nước, đạp lửa, đây không phải là việc của các Luận sư, có thể kiến lập nhân lượng sinh ra lý do, cũng không thể sinh nghi, nghĩa là quyết định nên hoặc không nên, vượt qua cảnh giới so lường như thế, chỉ có người đích thân làm thuốc này, giữ gìn thứ tự mà dùng mới chứng biết mà thôi.

Lại như nhân duyên của thuốc, hiện bày các thứ sắc tượng năng tạo sở tạo, tuy ở trong các duyên, mỗi mỗi tìm kỹ đều không có chỗ sinh, nhưng cùng năm căn đối đãi hiện ra rõ ràng, tuy xoay vần cùng sinh qua lại mười phương, nhưng cũng chẳng phải đi, chẳng phải không đi, đó là việc không phải cảnh suy nghĩ tính lường. Thích luận rằng: Phật hỏi đức nữ, ví như nhà ảo thuật làm các việc huyễn, ý ông thế nào? Trong Huyễn đã làm ra là có hay không?

Đáp rằng không. Lại hỏi ngoài có hay không? Trong ngoài có hay không? Từ đời trước đến đời này, đời này đến đời sau là có hay không? Vật huyễn làm ra có sinh, có diệt không? Thật có một pháp là huyễn làm ra hay không? Đều đáp rằng không.

Đức Phật dạy: Ông có nghe thấy kỹ nhạc do huyễn làm ra không?

Đáp rằng, con vừa thấy vừa nghe.

Phật dạy nếu huyễn luống dối không thật thì vì sao từ huyễn có thể làm kỹ nhạc.

Đức nữ thưa: Bạch Đại Đức! Tướng huyễn này pháp vốn như thế, tuy không cội gốc nhưng có thể thấy nghe.

Phật dạy: Vô minh cũng giống như vậy, tuy chẳng phải ở bên trong có, cho đến không sinh diệt, nhưng do nhân duyên vô minh, nên sinh ra các hành, vô minh hết thì hành hết, cho đến nói rộng. Nay môn Chân ngôn này, dụ cho người trì tụng cũng giống như vậy. Văn dưới nói rộng, y tam mật tu hành được thành tựu tất cả việc kỳ lạ đặc biệt không thể suy nghĩ bàn luận. Tuy trong mỗi duyên tìm kỹ rốt ráo lìa Tứ cú, pháp vốn như thế, không khác tâm thanh tịnh, nhưng thần biến tự tại, rõ ràng không sai lầm, việc này cũng không phải việc của các bậc Đại luận Sư... người không biện lợi căn đâu thể suy lường, chỉ có đầy đủ phương tiện được thành tựu Tất-địa mới tự chứng biết mà thôi.

Kinh dạy: Lại nữa, này Bí Mật Chủ! Sóng nắng tánh không, người kia nương vọng tưởng của người đời mà thành lập, có chỗ luận rằng: Tướng Chân ngôn như vậy, chỉ là giả danh. Thích luận chép: Do ánh sáng mặt trời, gió thổi tung bụi, nên giữa đồng trống động như sóng nắng, người không có trí tuệ khi mới thấy cho là nước, chúng sinh cũng vậy, ánh sáng mặt trời kiết sử, phiền não, làm lay động các hành trần? Ở trong đồng trống sinh tử mà xoay chuyển, người không có trí tuệ, cho một tướng là nam, một tướng là nữ.

Lại nữa, nếu thấy xa cho là nước, thấy gần thì không phải tướng nước, như thế là xa chánh pháp, không biết vô ngã và các pháp không, đối với các pháp ấm, giới, nhập tánh không, con người sinh các tưởng, Nếu gần Thánh pháp thì biết tướng thật các pháp, lúc ấy, các thứ vọng tưởng giả dối đều dứt sạch. Ý kinh này nói: Như người đời xa nhìn đồng trống, từ xa nhìn thì trẻ nhỏ thấy đó là hơi nước, tướng hơi nước gượng lập ra chỉ là giả danh, tìm cầu việc ấy đều không thật có, do đó vọng tưởng thành lập, có chỗ luận bàn.

Như hành giả Chân ngôn đối với Du-già, thấy các cảnh giới rất

đặc biệt, cho đến hải hội các Đức Phật trang nghiêm vô tận. Bấy giờ nên thực hành quán dương diệm này, biết rõ chỉ là giả danh, xa lìa kiêu mạn, mê đắm, chuyển gần đến đất tâm, thì ngộ các thứ nhân duyên gia trì, thần biến chỉ là pháp giới viêm mà thôi, cho nên nói, tướng Chân ngôn như vậy chỉ là giả danh.

Kinh chép: Lại nữa, này Bí Mật Chủ! Như điều thấy trong mộng, ban ngày trâu kêu thời gian rất dài, cùng các loài khác chịu những thứ khổ vui, biết rồi đều không còn thấy, mộng như thế. Chân ngôn hạnh nên biết cũng.

Thích Luận chép: Như trong mộng đều là việc không thật mà cho là có thật, giác rồi, biết là không mà trở lại tự cười, người ta cũng giống như vậy, các kiết sử trong khi ngủ thật không mà chấp trước, khi đắc đạo giác ngộ mới biết là không, biết rồi cũng lại tự cười.

Lại như do sức ngủ, nên chẳng phải pháp mà thấy là pháp, không phải việc vui mà vui, không phải việc sân mà sân, không phải việc sợ mà sợ, chúng sinh cũng như vậy, do năng lực của giấc ngủ vô minh, không nên sân, giận, lo, sợ mà sinh sân, giận, lo, sợ... Nay biết được việc trong mộng này không thể suy nghĩ bàn luận, như trong mộng, tự thấy tuổi thọ một ngày, hai ngày cho đến vô lượng tuổi, có các cõi nước và các loài chúng sinh, hoặc lên cõi trời hoặc ở địa ngục chịu các sự khổ vui, khi tỉnh dậy chỉ trong thời gian một niệm, ở trong tâm giác pháp năm nhân duyên, tứ cú tìm cầu rõ ràng không thật có, nhưng việc mộng chiếu rõ ghi nhớ không quên, do một niệm trở thành ngàn, muôn năm, do một niệm thành vô lượng cảnh, việc này người trí ở thế gian, không thể suy lường tính toán tận nguồn gốc của nó được, cũng không phải điều để nghi ngờ, chỉ có người nằm mộng tự thân chứng biết mà thôi, nay mộng của hành giả Chân ngôn Du-già này, cũng giống như vậy, hoặc chỉ trong khoảnh khắc thấy đủ Vô Lượng cảnh giới gia trì, hoặc không rời khỏi chỗ ngồi mà trải qua nhiều kiếp, hoặc dạo khắp các cõi nước của các Đức Phật, gần gũi cúng dường lợi ích chúng sinh, việc này đối với các nhân duyên, quán sát đều không có chỗ khởi, không vượt ngoài một niệm tâm thanh tịnh, nhưng cũng phân biệt không lầm, việc này ai có thể suy nghĩ bàn luận để nêu ra hết ngọn nguồn, nhưng thật ra chỉ có người chứng tự biết mà thôi. Hành giả đắc cảnh giới này, phải dùng dụ mộng quán sát, tâm không nghi sợ, cũng không sinh mê đắm, liền dùng mộng khắp hiện sắc thân, tạo nên sự trang nghiêm vô tận. Vì thế nói tu sâu mười câu.

Kinh chép: Lại nữa, này Bí Mật Chủ! Đem dụ hình bóng để hiểu

rõ chân ngôn có thể phát sinh Tất-địa, như mặt duyên vào gương mà hiện ra hình của mặt, Chân ngôn Tất-địa kia, phải biết cũng giống như vậy. Trong đây nói hình bóng chính là Thích luận dụ hình ở trong gương. Luận kia nói như bóng trong gương, không phải gương tạo ra, không phải mặt tạo ra, cũng không chấp gương tạo ra, không phải tự nhiên tạo ra, cũng chẳng phải không có nhân duyên mà làm ra.

Vì sao không phải gương làm ra? Vì nếu mặt chưa đến gương thì không có hình.

Vì sao nói không phải mặt làm ra? Vì không có gương thì không có hình.

Vì sao không phải tự nhiên làm ra? Vì nếu chưa có gương chưa có mặt thì không có hình, hình đợi gương đợi mặt, sau đó mới có.

Cũng chẳng phải không nhân mà có, vì nếu không nhân duyên, phải thường có, phải thường không, nếu bỏ gương bỏ mặt lẽ ra tự hiện ra, vì thế nên chẳng phải không có nhân duyên, phải biết các pháp cũng giống như vậy, do ngã không thật có, nên tất cả nhân duyên sinh pháp không tự tại, các pháp thuộc nhân duyên, nên không tự làm ra, nếu tự không thì tha cũng không; không phải tha làm ra, nếu tha làm ra thì mất năng lực tội phước, cũng không phải cùng làm ra, vì có hai lỗi, cũng chẳng phải không nhân, như nghiệp nhân đời trước, duyên làm thiện ác đời nay, theo đó chịu khổ, vui, tất cả các pháp chắc chắn có nhân duyên, vì ngu si nên không biết mà thôi.

Như trẻ nhỏ, thấy bóng trong gương, tâm mê đắm ưa thích, khi mất rồi đập vỡ gương tìm kiếm, người trí lại chê cười; mất vui tìm kiếm cũng giống như vậy, cũng bị bậc Thánh đắc đạo chê cười. Nay trong môn Chân ngôn này, dùng Tam Mật Tịnh thân Như lai làm gương, tự thân hành tam mật làm nhân duyên hình bóng trong gương, có Tất-địa sinh giống như hình bóng của mặt, nếu khi hành giả thành tựu Tất-địa cho đến khởi năm thần thông, tuổi thọ lâu dài, tận mặt thấy các cõi nước mười phương, dạo chơi các cõi Phật, đều dùng dụ này để quán sát việc ấy.

Từ tự sinh, hay tha sinh ư? Nếu là tha tam mật gia trì có thể trao quả ấy thì chúng sinh khi chưa tu hành, Đức Phật đại bi bình đẳng, vì sao không giúp thành tựu? Nếu nói tự họ đúng như lời dạy tu hành có thể đắc quả ấy, vì sao phải quán sát thân gương sáng ba mật, cầu được che chở ư?

Nếu cùng nhau làm chủ thì có hai lỗi. Vì sao? Vì nếu nói tâm ta là nhân, đợi các duyên kia mới được thành tựu thì trong nhân này trước

có quả Tất-địa ư? Hay là trước không có ư? Nếu trước có thì các duyên không chỗ dùng, nếu trước không có thì các duyên dùng vào chỗ nào? Nhưng Tất-địa này thành tựu, cũng chẳng phải không có nhân duyên, vì thế bài kệ Cảnh tượng trong luận Đại Trí Độ chép: Chẳng có cũng chẳng không, cũng lại chẳng có không, lời này cũng không thọ, như vậy gọi Trung đạo, không nên như trẻ con kia vọng sinh mê chấp. Nếu thực hành quán như thế thì hành giả tâm vô sở đắc không sinh nói rộng, cho nên: Biết như thế.

Kinh chép: Này Bí Mật Chủ! dùng thí dụ thành Càn-thát-bà, để hiểu rõ thành tựu cung Tất-địa!

Luận chép: Khi mặt trời vừa ló dạng, thấy cửa thành, lầu gác cung điện, người đi ra, vào, mặt trời lên cao, lặn xuống, thành này chỉ có mắt thấy, mà không thật có, có người trước chưa từng thấy, ý cho là thật vui, đi nhanh đến đó, đến gần liền biến mất, mặt trời lên cao thì mất, đói khát rất buồn, thấy hơi nóng (bốc lên) như ngựa đồng, nói đó là nước, lại chạy đến đó, cho đến tìm cầu, rất mệt nhọc mà không thấy được, suy nghĩ tự hiểu, tâm khát nước liền dứt. Hành giả cũng như vậy, nếu dùng trí tuệ vô ngã, vô thật pháp thì ngay lúc ấy điều mong muốn điên đảo liền dứt. Trong kinh Thanh văn, không dụ thành Càn-thát-bà này, lại dùng thành dụ cho thân này, nói các duyên này thật có, chỉ thành là giả danh, để phá cái tôi ta, Bồ-tát lợi căn, vào sâu pháp không, vì thế lấy thành Càn-thát-bà làm ví dụ.

Trong đây nói cung Tất-địa, có thượng, trung, hạ. Thượng nghĩa là bí mật trang nghiêm cõi nước Phật, vượt ngoài ba cõi hàng Nhị thừa không thấy được. Trung nghĩa là mười phương trang nghiêm thanh tịnh. Hạ nghĩa là cung điện chư Thiên, Tu-la... nếu khi hành giả thành tựu ba phẩm Trì, Minh, Tiên, an trú trong cung Tất-địa như thế, phải dùng dụ này quán sát, như nhân duyên ánh sáng mặt trời, không khí biển, chỗ ở trang nghiêm rực rỡ, lầu gác người vật tốt đẹp đáng chiêm ngưỡng, không nên cùng với kẻ ngu phu kia, vọng sinh tham đắm, tìm kiếm sự thật của kia, do nhân duyên này, đối với các thứ thù thắng mầu nhiệm trong năm trần, tâm thanh tịnh không có quái ngại.

Kinh chép: Lại nữa, này Bí Mật Chủ! Dùng tiếng vang để dụ cho hiểu rõ lời Chân ngôn. Như duyên âm thanh có tiếng vang Chân ngôn kia, phải như thế mà hiểu. Thích Luận chép: hoặc trong núi sâu, hang thẳm, khe sâu, hoặc giữa hư không, trong nhà lớn, do lời nói, âm thanh chạm vào nhau, từ âm thanh có âm thanh gọi là tiếng vang, người không có trí cho là có thật, người trí tâm nghĩ là âm thanh không có người làm,

chỉ do âm thanh xoay chuyển, nên lần lượt có tiếng vang lừa dối lỗ tai người.

Khi người muốn nói, trong cổ họng cũng có gió, gọi là Ưu-đà-na, trở vào đến rốn. Khi âm thanh phát ra, lại tiếp xúc bảy chỗ là đảnh, đoạn, răng, môi, lưỡi, cổ họng, ngực, rồi lại rút đi, ấy gọi là lời nói, người ngu không hiểu mà sinh ra ba độc. Người trí hiểu rõ tâm không mê đắm, chỉ thuận theo luật tướng các pháp. Hành giả Chân ngôn hoặc đối với Du-già, nghe các âm bát phong trái thuận, hoặc các bậc Thánh dùng vô lượng pháp âm hiện ra dạy bảo, hoặc do lưỡi thanh tịnh có thể dùng một âm thanh đầy khắp thế giới, khi gặp các cảnh giới này cũng nên dùng ví dụ tiếng vang này để quán sát, chỉ từ ba mật mà có các duyên, việc ấy không sinh, không diệt, không hữu, không vô, thế nên trong đó không nên vọng sinh nói rộng, bấy giờ tự nhập pháp môn âm thanh tuệ.

Kinh dạy: Lại nữa, này Bí Mật Chủ! Như do trăng lên soi bóng dưới nước trong, mà hiện ra hình bóng trăng, Chân ngôn này dụ cho nước và trăng, người trì, minh kia, phải nói như vầy. Thích Luận chép: Trăng đi giữa hư không, mà bóng hiện ra trong nước, thật pháp tánh của vầng trăng, ở giữa hư không như như pháp tánh thật tế, nhưng nước tâm của phàm phu có hiện tướng ngã, ngã sở.

Lại như trẻ em thấy trăng trong nước vui mừng muốn vớt lấy, người lớn thấy thì cười, người không có trí cũng giống như vậy, vì đích thân thấy cho nên thấy có tôi, ta, không có thật trí cho nên thấy có các pháp, thấy rồi vui mừng muốn chấp các tưởng bị bậc Thánh đắc đạo chê cười.

Lại nữa, ví như trong nước đứng lặng thấy bóng trăng, quậy nước thì không thấy, vô minh ở trong nước đứng lặng của tâm thì thấy tôi ta, kiêu mạn, các kiết sử, gậy trí tuệ chân thật làm khuấy động nước tâm thì không thấy, vì thế nên nói các Bồ-tát biết pháp như trăng trong nước, hành giả trì minh cũng giống như vậy, nhờ phương tiện Tam mật, tâm tự lắng trong, hải hội bí mật trang nghiêm của các Đức Phật đều từ trong đó hiện ra.

Bấy giờ, phải tưởng quán kỹ, nay tướng nghiêm mật này, từ tâm thanh tịnh của ta mà sinh ra ư? Hay do thân Phật thanh tịnh mà sinh ra? Tướng thật tự, tha còn tự rốt ráo không sinh, huống chi nhân duyên trái nhau mà có chỗ sinh; lại như tất cả sông lớn, sông nhỏ, giếng, ao, các vật dùng lớn, nhỏ, trăng cũng không đến, nước cũng không đi, mà trăng sáng được có một vầng, mà vào khắp trong các mặt nước. Nay ta

cũng giống như vậy, tâm chúng sinh cũng không đến, tâm mình cũng lại không đi, mà thấy nghe trông mong lợi ích đều thật không giả, do đó phải dùng gậy tuệ quậy lên, khiến biết như thật, không được như trẻ con kia, muốn tìm mọi cách để lấy, cho là đồ chơi tốt đẹp; đã có thể tự tịnh ý kia, lại phải như như bất động giảng nói cho người nghe, cho nên nói người trì minh phải nói như thế.

Kinh chép: Lại nữa, này Bí Mật Chủ! Như trời mưa sinh bọt nước, Chân ngôn Tất-địa kia biến hóa các thứ phải biết cũng như vậy, kinh Thanh văn đã chấp nhận ví dụ bọt nước, trong Bát-nhã lấy bọt nước làm dụ, tuy thật ra không có tự tánh, nhưng nhân duyên dường như là pháp thật, muốn trong Thập Cú có như biến hóa nên không nói thí dụ bọt nước, ở đây thí dụ của kinh này, ý lại riêng. Như mùa hạ, nước mưa từ trong hai thứ nước, tùy theo giọt lớn nhỏ sinh ra các thứ bọt nước hình loại đều khác, nhưng tánh nước một vị, tự làm nhân duyên trong Tứ Cú tìm kiếm không có một pháp nào sinh riêng, vì thế nên bọt nước này nêu thể từ duyên, bọt sinh tức là nước sinh, bọt diệt tức là nước diệt, do đó dụ này chính là tâm biến hóa. Như hành giả tức cho tự tâm làm Phật, lại được tâm Phật chỉ bày tỏ ngộ phương tiện, chuyển nhập vô lượng pháp môn, lại đem tâm làm Mạn-trà-la, cảnh này cùng tâm làm duyên có thể tạo ra các thứ biến hóa không thể suy nghĩ bàn luận, thế nên hành giả dùng bọt nước để quán sát, biết rõ không lìa tự tâm, do đó không sinh mê đắm.

Thích Luận lại chép: Người tu định có mười bốn thứ biến hóa: Trời, rồng, quỷ thần cũng có thể tạo ra sự biến hóa. Như hóa sinh ra ánh sáng, không có vật chắc chắn, nhưng do tâm sinh liền có tâm diệt sẽ diệt, đó là pháp không có đầu, giữa và sau (sơ, trung, hậu). Sinh thì không từ chỗ nào đến, diệt cũng không có nơi nào đi, phải biết các pháp cũng giống như vậy.

Lại nữa, như tướng biến hóa, thanh tịnh như hư không, không gì đắm nhiễm, không bị tội phước vấy dơ, các pháp cũng như vậy, pháp tánh như như thật tế, tự nhiên thường tịnh, ví như bốn sông lớn ở cõi Diêm-phù-đề mỗi một sông có năm trăm sông nhỏ làm quyến thuộc (sông phụ) các thứ bất tịnh trong nước này chảy vào biển lớn thảy đều thanh tịnh, ý đồng với ví dụ bọt nước.

Kinh chép: Này Bí Mật Chủ! Như trong hư không chẳng có chúng sinh, không tuổi thọ, người làm kia không thật có, vì tâm mê loạn mà sinh các thứ vọng kiến như thế. Thích Luận chép: Như hư không: nghĩa là chỉ có danh mà không có pháp thật; trong hư không không thể thấy

pháp, nhìn xa nên nhãn quang chuyển thấy như một tấm lựa pha màu trắng xanh. Các pháp cũng giống như vậy không, chẳng thật có, người xa lìa trí tuệ vô lậu chân thật, bỏ mất tướng thật, thấy các tạp vật như kia đây, nam, nữ, phòng nhà, thành quách... Tâm mê đắm như trẻ con ngửa nhìn trời xanh, nói có màu sắc thật, có người bay lên rất xa mà không thấy gì, lại như tánh hư không thường thanh tịnh, người cho rằng âm u bất tịnh, các pháp cũng giống như vậy, tánh ấy thường thanh tịnh, do dâm dục, sân nhuế... che mờ nên người nói không thanh tịnh. Kinh này nói tâm người mê loạn: như người đem các thứ nhân duyên bệnh tật, không phải loài người... làm mê loạn tâm kia, vọng thấy giữa hư không thanh tịnh có các thứ hình tướng người, vật, hoặc đáng sợ hãi, hoặc đáng mê đắm, nếu khi đắc bản tâm thì biết việc này khi sinh không nhiễm hư không, khi diệt cũng không trở lại trong sạch, xưa nay không ngại hư không, cũng không khác hư không. Khi người tu hành tu quán hạnh, nếu có các thứ việc ma và các cảnh nghiệp phiền não, đều phải an tâm, đây ví dụ hư không trong sáng này, tuy trong vô lượng kiếp ở trong địa ngục, nhưng bấy giờ ý không quái ngại, như người đắc thần thông, ở giữa hư không hiện bày tất cả các sắc tự tại bay đi, không bị nhân, pháp vọng tưởng ở đời làm dơ bẩn.

Kinh chép: Lại nữa, này Bí Mật Chủ! Ví như cây nhang cháy, nếu người cầm giữ trong tay để quay vòng trong hư không thì có một vòng tròn: Như người cầm cây nhang cháy, giữa hư không xoay tròn tạo ra các tướng, hoặc vuông, hoặc tròn, hoặc tam giác, hoặc bán nguyệt, lớn nhỏ, dài ngắn, tùy theo ý mà làm; người nhỏ tuổi khờ dại nhìn thấy cho là việc có thật mà sinh ý nghĩ mê đắm, nhưng thật sự đều không sinh pháp, chỉ do năng lực trong tay nhanh chóng, có thể xoay một cây nhang đang cháy thành vô lượng tướng mà thôi. Hành giả Chân ngôn nếu ở trong Du-già, tùy tâm vận chuyển đều được thành tựu, cho đến trong một tự môn A, xoay chuyển Vô ngại thành vô lượng pháp môn.

Bấy giờ, phải thực hành quán này, chỉ cần nương vào năng lực nhanh chóng của tâm Bồ-đề thanh tịnh nhất thể khéo dùng khiến được như vậy, không nên ở trong đó sinh ra các thứ kiến chấp, cho là thù thắng vi diệu mà sinh nói rộng. Thích luận không có ví dụ vòng lửa, nhưng có ví dụ hình bóng, rằng:

Như cái bóng có thể thấy mà không thể nắm bắt, các pháp cũng giống như vậy... sự thấy, nghe, hiểu biết như nhãn căn... thật không thể đắc, lại như cái bóng chiếu sáng thì hiện ra, không chiếu thì không có, các kiết sử phiền não ngăn ánh sáng chánh kiến thì có ngã tướng pháp

tướng. Lại như cái bóng, người đi thì đi, người lay động thì lay động, người đứng thì đứng, bóng nghiệp thiện ác cũng giống như vậy, lại ở đời sau khi đi cũng đi, ở đời này khi dừng thì cũng dừng, quả báo không dứt, khi tội phước chín muồi thì phát ra, nhưng hình bóng này chẳng có vật thể, chỉ là nhãn pháp của người nào đó, như xoay tàn lửa thật nhanh thì thành vòng lửa, cũng chẳng thật có, dụ và ý, đại khái giống nhau.

Này Bí Mật Chủ! Phải hiểu rõ Đại thừa cú, Tâm Cú, Vô Đẳng đẳng cú, Tất định câu, chánh đẳng giác cú như thế, dần dần đến Đại thừa sinh cú. Tiếng Phạm nói Cú là Bát-đàm, nghĩa như trước đã giải thích. Mười ví dụ này đều là duyên khởi sâu xa của người Đại thừa, hàng Thanh văn, Duyên giác không đặt chân đến được, vì thế nói là Đại thừa Cú. Thật tánh của tâm còn không có một pháp để chỉ bày, cũng không thể trao cho người, chỉ có khi quán sát sâu sắc như vậy, mây cái ấm bay đi, tự sẽ chứng tri mà thôi, do đó gọi là tâm cú. Trí tuệ của Như lai đối với tất cả pháp không thể ví dụ so sánh, cũng không có loài nào vượt hơn, cho nên gọi là vô đẳng.

Lại tướng thật của tâm, cùng tương xứng như nắp và hộp, ở giữa không khác hai bên, cho nên gọi là Vô đẳng đẳng. Nếu đem mười duyên sinh để hiểu rõ tâm xứ thì ăn trụ trong đó, vì thế gọi là câu Vô đẳng đẳng, các Đức Phật dùng nghĩa mười duyên sinh, chắc chắn Như lai giảng nói ấn tướng thật trong tánh tâm Như lai. Nếu có người tin hiểu được thì giả sử tất cả các ma trong các thế giới ở mười phương, đều hóa thân thành Phật nói Bát-nhã giống nhau cũng không thể thay đổi tâm kia, khiến pháp tướng không như vậy, vì thế nói là Tất định câu. Do trung đạo chánh quán này, xa lìa hữu vi vô vi giới, Cực Vô Tự Tánh Tâm sinh, tức là tâm Phật hiện ra rõ ràng, do đó gọi là câu Chánh Đẳng Giác, do tu quán sát sâu sắc, như vào biển lớn dần dần chuyển sâu, cho đến Tỳ-lô-giá-na, dùng trí tối cao quán sát mới có thể cùng tận nguồn gốc của kia, cho nên nói dần dần đến câu Đại thừa sinh phải biết các "Cú" như vậy lần lượt bỏ nhau, lần lượt sinh nhau.

Tỳ-lô-giá-na liền dùng pháp giới mười câu duyên sanh bất khả tư nghì này, làm cho trang nghiêm vô tận, từ pháp giới môn nhiều như số cát bụi trong mười thế giới, thường sinh ra các báu như căn, lực, giác, đạo, thiền định, giải thoát, thí khắp cho chúng sinh lâu xa còn không biết, cho nên nói đầy đủ pháp tài, tất cả trí nghiệp của Như lai nhờ đây mà đầy đủ, do đó nói sinh ra các thứ Đại trí tuệ khéo léo. Nếu ở trong một niệm tâm, hiểu rõ nghĩa mười Duyên sinh thì trên cùng tột vô tận pháp giới, dưới đến vô tận cõi chúng sinh, tất cả tâm tướng trong đó,

đều có thể hiểu biết rõ ràng, vì đều từ duyên khởi, tức không, tức giả, tức trung, vì thế nói biết khắp tất cả tâm tướng như thật. A-xà-lê nói: Khi hành giả bắt đầu tu quán hạnh thì cảnh giới hiện ra, do năng lực nhân trong duyên ngoài, tự nhiên có Duyên khởi trí sinh, không giống như bình thường tu tập thiền định công lực rất khổ mà sau mới thông suốt.

Trong bản Phạm nói: Từ đây về sau, kế là nói Chân ngôn, trì tụng thứ lớp, như pháp Tất-địa, như pháp quả sinh, đây là do người truyền pháp ghi chép, cho nên không nêu ra đầy đủ đại ý ấy ở trong kinh. Đã nói tâm Bồ-đề thanh tịnh và các tướng của tâm đã xong, từ đây về sau, nói phương tiện tâm tu và Tất-địa quả sinh.

Phẩm 2: NHẬP MẠN-ĐỒ-LA CỤ DUYÊN CHÂN NGÔN

Nhập Mạn-đồ-la Cụ duyên Chân ngôn phẩm thứ hai: Phẩm trên đã tóm tắt các thứ tâm tướng, trả lời, phân tích tất cả trí tâm rồi, nhưng quả mầu nhiệm này do phương tiện nào mà có thể được đến?

Vì thế phẩm này, kế là nói thực hành phương pháp nhập Mạn-đồ-la, đầy đủ chi phần các duyên và Chân ngôn quan trọng, đều nói rộng ở trong đây. Ví như đã biết sữa có tánh đề hồ, liền bảo lấy đủ các đồ chứa phương tiện thu nhặt lại, vì từ duyên khởi, phải biết không khác mười câu Duyên sinh.

Lại nữa, trong kinh Thanh văn, lấy Tỳ-ni làm bí tạng, muốn lựa chọn người nhiều đức hạnh mới trao, nếu chưa phát sinh luật nghi thì không giúp người nghe tu tập; trong Đại thừa cũng lấy trì minh làm bí tạng, người chưa nhập Mạn-đồ-la thì không được đọc tụng thọ trì, đồng với trộm nghe bố tát lại vời lấy tội nặng. Vì sao? Vì như người đời thương yêu nuôi dưỡng trẻ em, tuy tâm không lẫn tiếc, nhưng không trao cho chức tướng hay sao? Vì không biết vận dụng phương tiện nên chắc chắn làm tổn thương thể kia, nay pháp môn này cũng giống như vậy.

Tức tâm thành Phật chỉ thú khó biết, sợ chúng sinh đời vị lại xem thường pháp, không thể thưa hỏi Thiện tri thức, chưa được Tam mật gia trì, mà tâm mình bắt chước chấp văn, liền tự tu học, dụng nhiều công lực không thành tựu được gì, trở lại chê bai kinh này cho là không phải Phật dạy. Lại văn kinh này, có hai cách giải thích cạn lược và sâu xa. Ở trong giải thích sâu xa lại có cạn, sâu, họ liền mở văn xét tìm, vì không hiểu mật hiệu nên cho là nhân duyên sự tướng, tâm sinh kiêu mạn tự nói ta tu hành đạo chân chánh cần gì việc chú thuật? Do các nhân duyên như thế, nên chiêu cảm pháp nghiệp, trong vô lượng kiếp đọa vào đường ác; vì thế người tu học Chân ngôn, cần phải trước nhập Mạn-đồ-la, danh nghĩa Mạn-đồ-la ở dưới sẽ giải thích.

Kinh chép: Bấy giờ, Chấp kim cang Bí Mật Chủ bạch Đức Phật rằng: Thật hiếm có! Bạch Thế-tôn! Nói các Đúc Phật này tự chứng Tam-bồ-đề, pháp giới không nghĩa bàn vượt ngoài tâm địa, cho đến tất cả chi phần, thảy đều hiện ra ở thân Như lai, khắp cả mười phương, trở lại an trụ trong bản vị.

Kim Cang Thủ liền nương thần lực Đức Phật hiểu rõ văn trên, trước hết khen ngợi Đức Thế-tôn rất mầu nhiệm lạ lùng, do đầy đủ nhiều phương tiện mới có thể nói các Đức Phật này tự chứng Tam-bồ-

đề, cái gọi là tâm mình tự biết pháp giới không thể suy nghĩ bàn luận, vượt ngoài tất cả tâm địa, rõ ràng không có chỗ nương như người đời giở chân cất bước đều nương vào đất, Bồ-tát cũng giống như vậy, nương vào tâm tinh tấn tu hành, do đó gọi tâm này là đất, vì tâm còn có chỗ nương, nên chưa gọi là Chánh Biến tri.

Như lai đã vượt qua sự nhỏ nhiệm, nói rộng, tiến tới đều dứt, vì thế gọi là vượt lên tâm địa. Tuy rốt ráo vắng lặng không thể dùng lời để tỏ bày nhưng có thể dùng các đạo phương tiện, vì các loài chúng sinh, như bản tánh tin hiểu mà giảng nói pháp, tức là dấu vết hiểu rõ tất cả trí tâm vô tận trang nghiêm. Pháp giới không thể suy nghĩ bàn luận tức là dụ cho đài hoa sen, các đạo phương tiện dụ cho cánh hoa sen. Hiểu rõ văn này tuy giản lược, nhưng nêu lên diệu chỉ cả tông không đâu không khắp.

Thứ đến liền thỉnh Đức Phật, chỉ xin Đức Thế-tôn nói đến tu Chân ngôn, thực hành Đại bi thai tạng, sinh Đại Mạn-đồ-la vương. Nay tạm đem Thai Tạng làm dụ. Hành giả bắt đầu phát tất cả trí tâm, như cha mẹ hòa hợp nhân duyên, hạt giống thức gá vào trong thai, bấy giờ dần dần thêm lớn, vì thói quen khéo léo của hạnh nghiệp đã thành hình tượng, cho đến khi mới bắt đầu sinh ra, các căn trăm thể thảy đều đầy đủ, bắt đầu ở trong giòng họ cha mẹ sinh ra, giống như nương vào môn Chân ngôn, học đại Bi muôn hạnh tâm thanh tịnh hiện bày.

Lại đứa trẻ này dần dần đủ nhân, pháp, học các kỹ nghệ, kỹ nghệ đã thông đạt thì thực hành sự nghiệp, như ở trong tâm thanh tịnh, phát khởi phương tiện sửa sang đất tâm mình, tùy duyên lợi ích chúng sanh, cứu giúp chúng sanh do đó gọi là Đại bi thai tạng sinh.

Lại nữa, mới nhập vào Tịnh tâm Bồ-đề môn, thấy pháp rõ đạo, như hạt giống thức Ca-la-la, từ thất địa trở xuống ở trước, làm chỗ nuôi dưỡng đại Bi muôn hạnh, như trong thai tạng không có công dụng để dần dần học theo phương tiện của Như lai, như trẻ em đã sinh học tập các kỹ nghệ, đến tất cả trí địa của Như lai.

Như kỹ nghệ đã thành thì ra nghề, cho nên gọi là Đại bi thai tạng sinh, cũng là một lớp bí mật Mạn-đồ-la. Nay ví dụ hoa sen với nghĩa Mạn-đồ-la này, như sen ở trong lớp vỏ chắc, nhưng tánh của cành, lá, hoa đã rõ ràng đầy đủ, giống như hạt giống tâm của thế gian, từ đây dần dần thêm lớn, cho đến khi bắt đầu sinh chồi hoa thì đài sen quả thật ẩn kín ở trong lá, như tâm xuất thế gian còn ở trong uẩn, lại do tạng cây này bao bọc, không bị các duyên như gió lạnh làm tổn hại, nhị tua sắc sáng ngày đêm lớn tốt, giống như Đại bi thai tạng đã thành tựu rồi, ở

dưới ánh sáng mặt trời chiếu rõ nở tròn, như phương tiện đầy đủ. Nay trong đây, nghĩa Diệu Pháp Liên Hoa Mạn-đồ-la, Tỳ-lô-giá-na.

Bản Địa thường tâm, tức là Đài hoa đầy đủ thể, quả đức đề hồ của Tứ Phật, Tứ Bồ-tát, như các báu đều thành, Kim cang mật tuệ, trí ấn khác nhau, nhiều như số cát bụi trong mười thế giới, giống như tua hoa sen, đại Bi muôn hạnh, Ba-la-mật môn nhiều như số cát bụi trong mười thế giới, giống như hoa ẩn núp, Vô lượng ứng thuận trong ba thừa, sáu nẻo, giống như gốc cành, nhành lá xen nhau phát huy, do đó các đức tròn đầy đủ khắp, nên gọi là Mạn-đồ-la. Nhưng do Như lai gia trì, nhờ đức của Phật tự chứng Bồ-đề, hiện tám cánh trong thai tạng thân, từ Kim cang Mật ấn, hiện tầng thứ nhất Kim Cang Thủ... Các đại quyến thuộc từ đại Bi muôn hạnh, hiện tầng thứ hai Ma-ha Tát-đỏa và các địa quyến thuộc; từ Phổ môn phương tiện hiện tầng thứ ba. Thân tất cả chúng sinh ưa thấy tùy theo loài: Nếu dùng Luân vương quán đảnh phương thì tầng thứ ba như quan lớn trong nước, tầng thứ hai như quan tể tướng trong triều đình, tầng thứ nhất như các quan nhỏ giúp đỡ bên trong.

Thai như cúi xuống chấp tay làm lễ vua, cho nên đài hoa thường trí, làm Đại Mạn-đồ-là vương, nếu từ bản mà có ra tích thì từ trong thai mỗi môn, đều chẳng ra các môn lớp thứ nhất, từ mỗi môn lớp thứ nhất, đều chảy xa các môn lớp thứ hai, từ mỗi môn lớp thứ hai đều lưu xuất ra các môn của tầng thứ ba. Nếu thực hành từ nhân đến quả thì chỗ dẫn nhiếp thành tựu của tầng thứ ba, có thể thông suốt tầng thứ hai thì chỗ dẫn nhiếp thành tựu tầng thứ hai, có thể thông suốt tầng thứ nhất thì chỗ dẫn nhiếp thành tựu tầng thứ nhất, có thể thấy trong Thai tạng, nói theo đây thì các loài chúng sinh bản tánh tin hiểu, tuy là vô lượng, vô biên, nhưng pháp môn Mạn-đồ-la này, nghĩa lợi đã làm, cũng lại không có gì cả, cho nên nói vì đầy đủ cho vô lượng chúng sinh các đời vị lai kia nên thực hành làm cứu giúp an vui.

Kinh chép: Bấy giờ, Đức Phật Tỳ-lô-giá-na, ở trong chúng hội, quán sát khắp rồi, bảo Chấp kim cang Bí Mật Thủ rằng: Này Kim Cang Thủ! Hãy nghe kỹ, nay nói tu hành hạnh Mạn-đồ-la, đầy đủ pháp môn trí Nhất thiết trí trong đại hội này, tức là pháp giới Mạn-đồ-la thu nhiếp chúng sinh đáng độ, nay Đức Phật muốn nói hạnh sâu sắc bí mật, vì khiến không sai lầm đạo cơ nên dùng tuệ nhãn quán sát, tức là tuệ nhãn này đã gia trì, nên mầm lành đời trước đều khai phát giống như ruộng tốt đã gieo giống lành thì sẽ chịu được mưa đúng thời.

Tu hành: tiếng Phạm Na-da, tức nghĩa là Thừa, nghĩa Đạo, nghĩa là từ một niệm gốc lành cho đến thành Phật, ở trong khoảng thời gian

đó, mỗi địa đã nương pháp để thực hành Đạo, nên có tên chung là Na-da. Các Thiện tri thức trong Mạn-đồ-la, như tạo thừa sửa đạo và dắt dẫn người, chúng sinh nương vào tu hành, gọi là tu hạnh Mạn-đồ-la.

Hạnh này, tiếng Phạm là Thiết-lợi-da. Lại như văn dưới nói: Trước làm đệ tử sửa sang đất bằng, nếu luận việc ngoài thì tự như giải thích bình thường, nếu làm phàm phu chấp ngã điên đảo, chọn được một niệm hạt giống giữ trai, sửa tâm cho ngay thẳng, cũng gọi là trị địa, cho đến làm Bồ-tát Nhất sinh bổ xứ, dứt bỏ các cấu nhỏ nhặt và cha mẹ vô minh, cũng gọi là trị địa, nói theo đây thì văn kinh dưới mỗi lời về nghĩa trì địa, gồm có bao nhiêu lớp ví dụ như Mười câu duyên sanh, đều dần chuyển sâu không thể cùng tận. Chấp kim cang khởi thỉnh Phật như thế, Đức Phật trở lại dùng ấn này để lại dấu vết, sau mới giảng nói, vì thế nói đầy đủ pháp môn trí Nhất thiết trí, nếu địa này không đủ thì không thể khắp vì tất cả chúng sinh thực hành cứu giúp an vui.

Bấy giờ, Đức Thế-tôn Tỳ-lô-giá-na, xưa vốn thệ nguyện thành tựu Vô tận pháp giới, độ thoát cõi chúng sinh không sót, tất cả Như lai đều cùng nhóm họp, dần dần chứng nhập đại Bi tạng phát sinh Tam-ma-địa, do Như lai khi xưa hành đạo Bồ-tát, lập thệ nguyện như vầy: Ta sẽ thành tựu tất cả pháp giới các Đức Phật, thảy đều độ thoát cõi chúng sinh không bỏ sót, nay điều nguyện đã tròn đầy, nhưng chúng sinh đáng độ không cùng tận, do chúng sinh không cùng tận, tức là pháp giới cũng không cùng tận.

Giới có ba thứ: Có chỗ nói pháp giới, tâm giới và chúng sinh giới; lìa pháp giới không có chúng sinh giới riêng, chúng sinh giới tức là pháp giới. Lìa tâm giới không có pháp giới riêng, pháp giới tức là tâm giới, phải biết ba thứ này không ba không khác, vì muốn chuyển giải thích nghĩa pháp giới, nên lại nói không bỏ sót chúng sinh giới, chúng sinh giới chưa được giải thoát tất cả, tức là pháp giới chưa được thành tựu đầy khắp, vì thế Như lai khuyên tu sự nghiệp, không có dừng nghỉ, tức là do nhân duyên bản nguyện này, nên tất cả Như lai đều cùng nhóm họp, như trong chúng Tăng có đại sự nhân duyên, đại khái như kiết giới, thuyết giới thì chúng Tăng cùng nhóm họp đều cùng ấn, trì, vì một giới, một kiến, không nên riêng chúng. Nay sẽ nói đầy đủ pháp môn trí Nhất thiết trí cũng là đại sự nhân duyên của các Đức Phật, do đồng một bản thể, đồng một pháp giới cho nên thảy đều nhóm họp, cùng dùng thần lực che chở.

Dần dần chứng nhập: Như khi Vô úy đầu tiên, dùng chữ thanh quán tu hạnh Mạn-đồ-la. Thứ hai Vô úy, đối với hữu tướng quán tu hạnh

Mạn-đồ-la; Vô úy thứ ba, đối với tâm chỉ có uẩn không có ngã mà tu hạnh Mạn-đồ-la. Vô úy thứ tư, đối với pháp duyên tâm tu hạnh Mạn-đồ-la, Vô úy thứ năm, đối với tâm vô duyên tu hạnh Mạn-đồ-la, Vô úy thứ sáu, đối với tâm bình đẳng tu hạnh Mạn-đồ-la. Ly cấu địa trở lên, đều đối với tự địa quán tâm tu hạnh Mạn-đồ-la, lược đem hạnh vị chia ra, đã thực hành mười sáu lớp sâu cạn khác nhau, mỗi vị này tự có hạt giống tâm Bồ-đề, có nhân duyên Đại bi thai tạng thêm lớn, có nghiệp thọ dụng quả tuệ phương tiện như trước đã nói, từ mỗi môn đều lưu xuất ra các môn như thế, từ nhân đến quả thì ba mật phương tiện lần lượt khác nhau, dung mạo đến cùng như biển lớn tâm vương, mỗi vị không khác. Nay các Đức Phật trong mười phương đây vốn khi hành đạo Bồ-tát, đều nương vào một pháp môn, đến chỗ Nhất thiết trí địa, để nói lý do phát khởi các hạnh Phổ môn, đồng vào Đại bi thai tạng Tam-muội này, từ gốc để tu hành đạo, dần dần chứng nhập tất cả quán. Như khi Bồ-tát tu thiền đến định thứ chín, thuận nghịch, xuất nhập, định tán đều vượt khỏi, hăng hái dạo chơi tự tại, các Đức Như lai như vậy, lần lượt chứng nhập đại Bi Tạng phát sinh Tam-ma-địa, cũng giống như vậy, hoặc quán tất cả pháp giới, đem tất cả tâm làm một tâm, đem tất cả môn là một môn, nếu đem mười sáu lớp huyễn nghĩa này thì dọc ngang nhiếp chung mười hai bộ kinh, sẽ xoay vần vô tận.

Kinh chép: Tất cả chi phần của Đức Thế-tôn, đều xuất hiện trên thân thể Như lai. Trước khi hiện ra trang nghiêm tạng, mỗi thân trong Phổ môn đều trùm khắp mười phương, tùy theo nhân duyên mà ứng vật; nay muốn nói viên vị của Mạn-đồ-la thì phải y theo thể thượng, trung, hạ của thân Phật, từ rốn trở xuống hiện ra thân Đức sinh Thích-ca hiện đời thị hiện đồng với nhân và pháp, khác với hàng Nhị thừa và vô số chúng sinh trong sáu đường về sắc tượng, uy nghi, tiếng nói, tọa đàn và quyến thuộc của kia xoay vần khác nhau, khắp ở tám phương, như bản vị của các thứ Mạn-đồ-la thứ lớp mà trụ.

Từ rốn trở lên cho đến cổ họng thì sinh ra vô lượng chư Bồ-tát Thập Trụ, mỗi vị đều giữ thân Tam mật, cùng vô lượng quyến thuộc ở khắp tám phương, như bản vị của các thứ Mạn-đồ-la thứ lớp mà trụ. Nhưng trong đó tự có hai lớp: Từ tim trở xuống thì trì đại Bi vạn hạnh thập Phật sát vi trần chư đại quyến thuộc. Từ tim trở lên, là trì Kim cang Mật Tuệ Thập Phật sát vi trần nội quyến thuộc, hai loại trên đây gọi chung là Đại tâm chúng. Từ cổ họng trở lên cho đến đảnh tướng Như lai thì xuất hiện tứ trí, tứ Tam-muội, quả đức thân Phật, tức tám thân này ở trong tất cả thế giới, đồ chúng, cõi nước, danh hiệu, thân nghiệp, các

việc thọ dụng thảy đều khác nhau, cũng trong tám phương, đến như bản vị của Mạn-đồ-la thứ lớp mà trụ.

Kinh chép: Vì kia từ khi mới phát tâm cho đến các Bồ-tát Thập địa: Nghĩa là khi vừa phát tâm Bồ-đề thanh tịnh, thấy Mạn-đồ-la này đã trùm khắp pháp giới, lên trụ ở tầng thứ hai, lại càng rộng càng sâu thực hành Thập chuyển để khai sáng, cho đến Địa thứ mười một sau đó chỗ thấy rất đầy đủ, như vậy an bày phần vị đã xong tức đều đến khắp mười phương, đối với tự pháp giới môn, thực hành chân ngôn sự nghiệp, thị hiện thứ lớp tiến tu, dạy truyền chúng chủ, tướng này hiện ra rõ ràng không ngăn ngại, văn dưới sẽ nói, chỉ mở ra tâm này thì làm cho danh tự lưu thông. Lại khiến khắp hiện thân tùy loại mà nói đều hiện thân Như lai, nói bản tích đều không thể suy nghĩ bàn luận, gia trì không hai, đâu muốn khiến riêng một pháp giới mà làm các thứ thân hình? Khi hành giả hiểu như vậy, quán Đức Phật Tỳ-lô-giá-na và ngạ quỷ, súc sinh, tâm kia bình đẳng không có suy nghĩ hơn thua, liền từ một môn mà nhập đều thấy tâm vương, vì thế đã làm Phật sự rồi.

Kinh chép: Đi khắp mười phương, trở lại nhập vào bản vị thân Phật, trụ trong bản vị mà trở lại nhập, ý nói tất cả phương tiện rốt ráo đều quy về một chỗ.

Kinh chép: Bấy giờ, Đức Thế-tôn lại bảo Chấp kim cang Bí Mật Chủ rằng: Này Kim Cang Chủ! Hãy lắng nghe! Mạn-đồ-la vị, sơ A-xà-lê: từ đây về sau đến quán đảnh là dạy bảo xong. Kim Cang Thủ hỏi được bao nhiêu phước đức nhóm họp, mà bạch Phật rằng: Từ nay về sau con phải cúng dường cho thiện nam, tín nữ. Vì sao? Vì thiện nam, tín nữ kia, đồng thấy Phật, Thế-tôn. Đây nói nhập Mạn-đồ-la rất nhiều chi phần; lại từ đại lực Minh Phi đến cuối phẩm thứ hai, nói về chân ngôn quan trọng hành sự của duyên đàn. Trong đó rất nhiều chi phần; trước hết nói về chi phần A-xà-lê. Vì sao? Vì Phật dạy kinh này cần phải theo thầy lãnh thọ, không được nghe liền tu hành, nếu không có bậc minh sư thì chỗ truyền không có nơi gởi gắm.

Nhưng do hiểu hai thứ nghĩa, nên được gọi là A-xà-lê, nghĩa là chia ra cạn lược và sâu kín, nếu người quán trước, căn cơ chưa hiểu sâu thì thuận theo văn bình thường để giải thích; nếu đã thành tựu lợi căn trí tuệ thì nên giảng nói đầy đủ sâu kín mà dạy trao. Nay trở lại lấy hai phần này giải thích nghĩa A-xà-lê, nếu đối với các chi phần của Mạn-đồ-la này, cho đến tất cả chư tôn Chân ngôn thủ ấn quán hành Tất-địa, thảy đều thông đạt được truyền dạy quán đảnh đó gọi là A-xà-lê. Nếu vượt qua trái thuận tám tâm, chứng cảnh giới tịch nhiên đó gọi là A-xà-

lê. Nếu tâm vương đã tự tại, hiểu tự tâm vốn bất sinh thì gọi là A-xà-lê. Nếu sinh Cực Vô Tự Tánh Tâm, được vào hải hội Mạn-đồ-la như trên thì gọi là A-xà-lê.

Từ đây lại có hạnh sâu mười lớp, cho đến hiểu Tam mật trong người, rất sinh thệ nguyện quyết định, một bề chí cầu trí Nhất thiết trí, chắc chắn sẽ độ khắp chúng sinh trong pháp giới, tâm này giống như cây cờ, đó là người dẫn đầu cho người người làm theo; giống như hạt mầm là gốc rễ của muôn đức, nếu không phát tâm này, cũng như chưa gá vào Ca-la-la thì Đại bi thai tạng làm sao nuôi dưỡng, tự không thể kiến lập gốc lành, huống chi làm thầy người ư? Phải tóm tắt tất cả địa tự giải thích sâu kín, cho đến Tỳ-lô-giá-na, mới gọi là phát tâm rốt ráo vô tận pháp giới.

Kinh chép: Diệu Tuệ từ bi: Bát-nhã có hai thứ: Có cùng với sáu Ba-la-mật hòa hợp Bát-nhã. Trong đây ý nói câu đầu, tuệ này giống như gió mạnh, tâm có thể noi theo (bậc thầy) Ca-la-la, tâm khiến bách thể thành tựu. Hành giả vẫn có tuệ, cho nên sẽ khéo biết thông bít, phán quyết đúng, sai, đối với tất cả sự nghiệp Mạn-đồ-la động hợp khuôn phép, tâm không nghi ngờ, mới có thể làm A-xà-lê, tóm lại, nếu trí nghiệp tròn đầy đồng với Tỳ-lô-giá-na thì gọi là thâm hạnh A-xà-lê.

Từ bi, nghĩa là tâm thương xót đến tận xương tủy, các việc đã làm đều vì gầy dựng cho chúng sinh, đều khiến cho thành tựu điều vui trong pháp giới vô tận, độ thoát khổ não trong chúng sinh giới không bỏ sót, nếu không có tâm này thì như thai tạng không thành, thì làm sao có chỗ nuôi dưỡng. Cho đến Tỳ-lô-giá-na vì bản nguyện nên trụ ở thế giới gia trì, hiện khắp bi sinh Mạn-đồ-la, đó gọi là Thâm bí A-xà-lê. Kiêm chung các nghề: nghĩa là các thứ tài nghệ tinh xảo khéo léo ở thế gian. Thanh Luận Nhân Luận chép: Mười tám Minh Xứ, sáu mươi bốn năng, các thứ toán số, phương dược, quán tướng công xảo, duyên Mạn-đồ-la quan trọng đều không nhờ người, sẽ bắt đầu lần lượt vượt qua và thực hành không thiếu sót, sau đó mới có thể làm A-xà-lê.

Lại nữa, thực hành đúng pháp như thế, thảy đều không trái nghịch với tướng thật, gọi là các tài năng tinh xảo khéo léo. Lại nữa đối với tất cả đạo phẩm như tổng tri, Tam-muội môn, các Độ, bốn biện, bốn nhập, lực, vô úy... đều được khéo léo thì có thể làm thành bí mật Mạn-đồ-la, gọi là các tài nghệ khéo léo.

Khéo léo tu hành Bát-nhã ba-la-mật: Tức là tu sâu quán sát mười câu duyên sanh, thấy Trung đạo sâu xa, soi thấy không chẳng thật có,

việc ấy như trong Đại Bát-nhã có nói rộng. Nếu hành giả đối với văn tự quán tâm, khéo được thông đạt, xa lìa kiến chấp, mới đúng là người làm A-xà-lê ở thế gian.

Lại nữa, trí tuệ ở kiếp sơ vẫn cùng thực hành với hàng Nhị thừa, chẳng phải thâm Bát-nhã. Trí tuệ kiếp thứ hai vẫn cùng nghe với hàng Nhị thừa, cũng chẳng phải Bát-nhã sâu xa. Kiếp thứ ba trí tuệ Vô biên tâm sánh bằng hư không, tất cả hàng Nhị thừa không thể suy nghĩ bàn luận, mới gọi là Bát-nhã sâu xa, có khả năng thực hành bí mật hạnh A-xà-lê. Từ trong bí mật lại dần dần chuyển sâu, cho đến Đức Phật nói cho hàng Thập địa Bát-nhã thì cảnh giới kia không phải của Địa thứ chín, chỉ có Đại Tỳ-lô-giá-na được gọi là rốt ráo A-xà-lê.

Thông đạt ba thừa: Nghĩa là đối với ba tạng giáo Đại thừa, Tiểu thừa, giỏi về văn nghĩa kia, có khả năng hỏi đáp, có khả năng làm thầy thành tựu ba học, nhổ hết gốc ác tà kiến cho đệ tự, mới được làm A-xà-lê, nếu không như vậy, hoặc bị những luận sư khác bàn luận phá dẹp thì sự truyền pháp không có năng lực, sinh lòng bất tín cho người.

Lại tông của kinh này, rộng bao gồm tất cả giáo pháp của Phật, như nói chỉ có uẩn không có ngã, tâm xuất thế gian trụ ở trong uẩn, tức là nhiếp các bộ Trung thừa, Tiểu thừa ba tạng, như nói quán uẩn A-lại-da biết tự tâm vốn không sinh, tức là nhiếp các kinh nghĩa, tám thức, ba vô tánh, như nói Cực Vô Tự Tánh Tâm, mười câu duyên sanh, tức là nhiếp Hoa Nghiêm, Bát-nhã, các cảnh giới không thể suy nghĩ bàn luận đều nhập vào trong đó; như nói như thật biết tự tâm gọi là Nhất thiết chủng trí thì Phật tánh nhất thừa kho bí mật của Như lai đều vào trong đó. Tất cả lời Phật dạy, đều gồm nhiếp chỗ tinh yếu, nếu có thể giữ gìn tâm ấn này, rộng mở tất cả pháp môn, đó gọi là thông đạt ba thừa.

Lại nữa, môn Chân ngôn, ba thừa mật ấn đến ba Địa bình đẳng của Đức Phật, gọi là thông đạt ba thừa, cạn, sâu, số lớp như trước đã nói. Người khéo hiểu thật nghĩa chân ngôn, như môn Chân ngôn có các thứ chân ngôn, các thứ thân ấn, nhiều vị Bản Tôn cho đến đầy đủ nhân duyên, vật cúng, tất cả chi phần, thanh tự hình sắc, các tướng khác nhau, tùy theo việc mà phân biệt để hiểu tánh loại của kia, biết pháp như thế sử dụng để dứt các tai hại, sử dụng pháp như thế thì tăng thêm sự lợi ích, sử dụng pháp sẽ hàng phục được, như Trì Minh Tạng, Tô-tất-địa phân biệt nói rộng, đây là thông đạt thật nghĩa Chân ngôn. Vì sao? Vì tất cả Chân ngôn, đều là lời nói rất mầu nhiệm của Như lai. Như trong chân ngôn có chữ Chất-đa giải thích cạn chỉ gọi là tâm, nếu giải thích sâu thì

Chất: nghĩa là chữ ngăn, mang âm thanh Tam-muội.

Già: Nghĩa là không thay đổi, không thay đổi tức là Phật tánh. Phật tánh cũng gọi là Bát-nhã ba-la-mật cũng gọi là Thủ-lăng-nghiêm Tam-muội, thế nên định tuệ đầy đủ, chữ đa, nghĩa là tất cả pháp như như giải thoát không thật có, nếu nói tâm như vậy, mới gọi là lời nói rất nhiệm mầu.

Lại nữa, như thân ấn, tay trái nghĩa là Tam-muội, tay phải nghĩa là Bát-nhã, mười ngón tay nghĩa là Thập Ba-la-mật đầy đủ, cũng là nghĩa Nhất thiết trí, dụ cho năm luân như hình Bản tôn, nữ là Thiền định, nam là trí tuệ, màu vàng là thân Kim cang, mà trắng là từ bi, màu đỏ là Đại bi, màu xanh là Đại không, cho đến trong tất cả duyên, đều có nghĩa mé thật bậc nhất, đâu thể như văn sinh hiểu biết, nếu thông đạt nghĩa chân thật như thế, mới nên làm A-xà-lê, cũng y theo ba kiếp, mười Địa để nói về hạnh sâu.

Biết tâm chúng sinh: Do A-xà-lê khéo biết sử dụng thượng, trung, hạ của ba bộ, các thứ tánh khác nhau, và trụ Du-già, dùng phương tiện gia trì, có thể rõ biết tâm hành của chúng sinh. Nếu có người đến cầu pháp, sư nên nói rằng, ông hãy tạm ngồi chỗ nào đó, ta sẽ suy nghĩ, khi đó trì danh tự kia, vào trong nhà yên lặng như pháp trì tụng, quán nhân duyên kia, nhờ bổn tôn che chở, sẽ thấy tướng mạo. Nếu là ngoại đạo muốn đến trộm pháp, hoặc rình tìm dịp thuận tiện mà đến giả vờ làm người thân, bấy giờ bổn tôn hoặc hiện hình ngoại đạo... quán kỹ hình loại tự nhiên có thể biết, nên tìm cách đuổi đi nói rằng: Này thiện nam! Hễ là người cầu pháp, trước phải dứt bỏ tất cả tâm ác kiến giả dối.

Lại các Bồ-tát vì độ chúng sinh, có thực hành làm các khổ hạnh khó thực hành, ông nay đâu thể làm những việc khó làm này, lại tùy theo bản duyên mà làm lợi ích, nếu trong cảnh giới thấy bản tôn ở Mạn-đồ-la, thì dẫn đệ tử làm việc quán đảnh, hoặc nắm lấy trao cho, các tướng tốt như vậy thì nên thu nhiếp, trao truyền.

Lại nữa, nếu Bổn Tôn bỏ tượng màu gốc mà làm màu đỏ thì người đó tánh thường tức giận, màu đen thì nhiều si, màu vàng thì nhiều tham, màu trắng thì nhiều điều lành, màu tổng hợp thì nhiều vô ký, và ở trong Mạn-đồ-la, quán sát hoa đến chỗ nào, loại thượng, trung, hạ các tướng nhỏ nhặt, cũng có thể biết cơ tâm kia là pháp khí hay chẳng phải pháp khí, nhưng đối với tướng ấy không nên chấp trước, cũng dùng mười câu duyên sanh mà quán sát, đối với việc như thế hiểu rõ tất cả, mới có khả năng gánh vác địa vị Thầy.

Lại nữa, giải thích sâu kín: Biết tâm chúng sinh tức là biết tâm

mình như thật, có thể biết tự tâm thì có thể biết rõ tâm người khác, như trong nhà có kho báu thì khéo xem xét kho báu của người khác, cho đến nhân duyên gốc ngọn của các căn tánh dục, chỗ động tác, nói rộng của tâm đều đều thông đạt rõ ràng, ấy gọi là thâm hạnh A-xà-lê. Người tin Phật Bồ-tát, A-xà-lê nói, tất cả pháp lành lấy Tín làm đầu, nên nói trước tiên, nay thuận theo Phạm Văn để tiện nói năng, gồm chung ở vị sau, không thứ tự mà nói. Nghĩa là tông này, khi bắt đầu vào pháp môn, ý rất cạn cợt khó hiểu, hơn nữa tướng thật ba thừa, đều xa lìa văn tự, nhưng chân ngôn thì cần phải miệng tụng văn Phạm, tâm cũng quán sát, hoặc chia chi tiết của thân phần cong thẳng giống như đùa giỡn, hoặc dùng nước quán đảnh, hoặc làm thành đàn lửa. Nếu muốn dùng tâm thức đo lường thì dấu vết gia trì lại không thể thấy, tự mình không có tin sâu thì làm sao không nghi ngờ được?

Lại hành giả này, đối với các duyên, sự tướng này, đều cho là đáng thực nên tin làm, nếu siêng năng cầu khổ nhiều như thế mà hiện đời chưa được lợi ích, bấy giờ liền tự suy nghĩ: do ta công hạnh chưa đến, hoặc do ba độc cấu nhiễm, hoặc chướng sâu dày, như giặt áo, tìm lửa, chỉ cần chớ nên bỏ giữa chừng thì tự sẽ thuần tịnh, mắt thấy ánh sáng mà thôi, Lại phải suy nghĩ huyễn dụ, như các vị thuốc hòa hợp mà được bay lên hư không, tuổi thọ rất lâu, hạng trí tuệ lợi căn cũng không thể suy nghĩ biết được, chỉ cần khéo hiểu thuật kia thì không có gì không thành tựu. Do tâm tin sâu sắc thanh tịnh, xa lìa nghi ngờ, nên dần dần được pháp nghiệm hiện tiền, lại do pháp nghiệm hiện tiền, nên tín giải chuyển tăng không thể làm trở hoại; nếu không như thế thì giống như người không có tay, tuy vào trong kho báu nhưng không lấy được gì, huống ở địa vị A-xà-lê ư?

Lại nữa, chúng sinh trong một niệm tâm, có thân Như lai tuổi thọ dài lâu hào quang vắng lặng nhóm họp như biển, cho đến các Bồ-tát không lui sụt, lại cũng không thể biết, phải biết pháp này lại rất khó tin, vì thế trong Pháp Hoa, Bồ-tát Nhất sinh bổ xứ ba phen thỉnh Như lai bốn lần răn dạy, sau đó mới giảng nói. Nay kinh này có phương tiện tu nhập, cho đến một đời có thể thành, nếu xét kỹ lãnh thọ không nghi, đến nơi đất tín, hoặc vượt qua tín giải mới gọi là thâm hạnh A-xà-lê, được truyền giáo quán đảnh khéo hiểu bức họa Mạn-đồ-la.

Quán đảnh có hai thứ: Nghĩa là đệ tự đối với pháp được quán đảnh rồi, tiến tu dần dần, cho đến thành tựu các đức A-xà-lê, bấy giờ được A-xà-lê vui mừng, lại vì tạo lập Mạn-đồ-la, thực hành truyền dạy quán đảnh, đúng như pháp khuyến dụ rằng: Này Phật tử! Đối với Bí mật tạng,

ông đã thuận theo tu học, hiểu rõ ràng đầy đủ, có thể dạy bảo người khác, nay ông đã được thiện lợi, cho đến các Bậc Thánh Hiền cũng đều khen ngợi. Nay đã thực hành quán đảnh rồi, ông phải đem tâm chân tịnh giúp đỡ lưu truyền, khiến cho Bí mật tạng (kho tàng bí mật) của Như lai, không bao giờ diệt mất, như thế theo chỗ thích hợp với kia dùng mọi cách khuyến dụ rồi, liền nên vì người làm Mạn-đồ-la A-xà-lê.

Lại nữa, hành giả đối với Du-già, thành tựu các đức A-xà-lê, bấy giờ thâm hạnh A-xà-lê được khởi tâm Mạn-đồ-la, khi ấy đệ tử hiểu rõ, thấy được Đại Tỳ-lô-giá-na, lấy nước đại bi làm tâm quán đảnh, việc ấy ở dưới sẽ nói lại, cho đến khi đầy đủ địa Ba-la-mật, các Đức Phật trong mười phương hiện tiền quán đảnh trao cho chức vị Phật, đều gọi là được truyền giáo quán đảnh. Đã được truyền giáo quán đảnh, không nên là người cuối cùng làm mất hạt giống, phải nối tiếp sự nghiệp của thầy ở đời trước mà độ các đệ tử đây là phương tiện đầu tiên, phải hiểu hình vẽ bản đồ Mạn-đồ-la, cho nên kế là nói, nghĩa là mỗi phương vị, tướng mạo đưa ra các màu tô vẽ trang nghiêm đều nên tự làm việc kia, không nên nhìn người khác, mới có thể làm A-xà-lê.

Lại nữa, trong tâm Bồ-đề thanh tịnh, dùng tuệ phương tiện, vẽ thành vô tận trang nghiêm Đại Mạn-đồ-la vương mới gọi là thâm hạnh A-xà-lê, tánh kia hòa dịu, xa lìa ngã chấp. Ngã chấp này, Bản Phạm nói là chữ quán đảnh, A-xà-lê tương truyền rằng, nghĩa chữ này không tương ưng, phải nói lìa ngã chấp.

Tánh ấy điều hòa nhu thuận: Tức là an trụ trong oai nghi truyền giáo, trụ trong nhẫn nhục địa, nhu hòa khéo thuận mà không bạo ngược. Tuy giòng họ, sắc tướng, đa văn trí tuệ, đều vượt hơn mọi người, cũng không sinh tâm kiêu mạn, hay dùng tâm từ bi giúp đỡ khuyên dạy người mới học, cho đến giòng họ thấp hèn... cũng không có ý tưởng hèn hạ, tâm ganh tỵ chỉ một lòng dùng pháp tự điều hòa và nương vào pháp mà an trụ, điều hòa mềm mỏng như thế, tức là xa lìa ngã chấp, tức là xoay vần buông xả tướng.

Lại nữa, điều nhu là như nhiều lần nấu luyện toàn muốn để điều hòa, tùy người khéo léo không có gì không làm, nay hành giả rửa sạch tâm này, tất cả cặn bã đều hết, tùy theo người trí tuệ sáng suốt không gì không làm, do đó có thể trụ trong nhẫn nhục địa, tùy duyên ứng vật, lại pháp môn nhập đạo của các Đức Phật, Bồ-tát, giống như giòng họ cao sang. Pháp môn nhập đạo của các trời, rồng, quỷ, giống như giòng họ thấp hèn. Liền đem thân này làm Như lai Đại Nhật tướng hải tôn quý đặc biệt, như dung mạo bậc nhất, người ước mong không thể làm được,

dù chỉ bằng vết dơ rất nhỏ trong chiếc áo. Ở trong nhất tâm đều nghe các Đức Phật nói pháp, phân biệt không sai, gọi là học rộng, đối với người sáu căn tối tăm, lấp bít, gọi là nghe ít. Vô lượng trí tuệ tự nhiên khai mở, gọi là trí tuệ, vô minh ba độc gọi là ngu si. Vì các pháp cùng rốt ráo như thế, cho nên không được có tâm cao thấp, thế nên gọi là điều nhu, chỉ có một mình Đức Phật, mới được gọi là điều nhu, khéo trụ trong pháp A-xà-lê. Ở hạnh Chân ngôn khéo được quyết định.

Tìm xét trong các thứ phương tiện tạo lập Mạn-đồ-la, tâm được quyết định, xé rách các lưới nghi. Cái gọi là giữ thân như thế, kiết giới như thế, mời đón như thế, các phẩm vật đầy đủ cúng dường để dâng cúng như thế, do bắt ấn chân ngôn gia trì như thế cho đến trì tụng tâm tu, đến khi thành Tất-địa, cũng có thứ lớp vô lượng pháp, như thế đầy đủ ở văn dưới và trong thứ lớp cúng dường, không thể nói kỹ. Nếu khi hành sự mà cùng người khác chọn lựa trái ngược, mới trở lại để tâm quán sát, hoặc dùng gốc tìm kiếm, không gọi là khéo làm A-xà-lê.

Lại nữa, A-xà-lê đối với Du-già được quyết định, tùy theo việc làm, đều với tương ưng Tam-muội, như khi dâng cúng hoa thì tương ưng với hoa Tam-muội, trong đây bản tôn hiện ra rõ ràng, nếu khi dâng cúng hương, đèn, hương xoa, nước át-già... cũng tương ưng với hương Tam-muội cho đến hương nước Tam-muội, mỗi vị bổn tôn cũng tùy theo việc hiện ra, như thế trong mỗi duyên, đều là nhập pháp giới môn, đều là thấy Thiện tri thức, xoay vần vận dụng đều tương ưng với lý, không còn gặp việc lưu lại mới bắt đầu thực hành quán, phải biết người ấy có khả năng làm A-xà-lê.

Nghiên cứu tu tập Du-già: nghĩa là đối với các việc của ba bộ Chân ngôn thượng, trung, hạ đều thành tựu, thông đạt tất cả, đều tương ưng với chánh lý, gọi là khéo tu Du-già. Lại đối với pháp dứt trừ tai họa thì có thể dùng phương tiện này hàng phục để tăng thêm sự lợi ích, hoặc trong pháp tăng ích thì có thể đem phương tiện này để hàng phục diệt trừ tai hại, đối với pháp hàng phục thì có thể dùng phương tiện này dứt trừ tai hại, tăng thêm sự lợi ích, tùy theo pháp kia mà có tương ứng, đều có thể khéo phân biệt, gọi là khéo tu Du-già. Lại ở trong Mạn-đồ-la, các vị bản tôn, Tam-muội, hình sắc, tự, ấn, tánh loại, oai nghi, và cúng dường thành tựu, khi vận tâm quán sát, phương tiện, đều đã tu tập tương ưng; chướng ngại và tướng Tất-địa trong đây cũng khéo hiểu biết, đó là có thể truyền pháp.

Lại nữa, Đại bi thai tạng phát sinh Tam-muội, có các thứ pháp giới môn, các bậc Thiện tri thức, như Đồng tử Thiện Tài lần lượt thưa

hỏi, hoặc pháp môn ấy đã khéo tu hành, nhưng các môn khác chưa thể tra xét học tập, nếu khi nhập Phổ môn pháp giới thì có thể ở trong nhất tâm tương ưng đầy đủ, ấy gọi là thâm hành A-xà-lê.

Trụ tâm Bồ-đề mạnh mẽ: Mạnh mẽ là suy nghĩ mạnh mẽ không hèn nhát. Sở dĩ cần tâm này, là vì hành giả Chân ngôn chưa thấy chân đế, đến nay sẽ có cảnh giới trái thuận, hoặc hiện ra các thứ hình sắc đáng sợ, hoặc làm phát ra những âm thanh lạ, cho đến rúng động mặt đất, hoặc có đại lực Tỳ-na-dã-ca hiện ra làm trở ngại, bấy giờ tâm bình yên không lay động, không có lui sụt, nương giáo pháp để trừ sạch, như hành giả thấy tâm Bồ-đề thanh tịnh này có ý nghĩa lợi ích lớn, nếu vào sinh ra tử tự nhiên không có ý tưởng sợ hãi thì các việc ma kia không thể làm chướng ngại.

Lại khi chưa thấy tâm Bồ-đề, đối với Du-già thường có các tướng hiện. Khi đã chứng tâm Bồ-đề, thì biết ngày xưa vào thời gian nào đó có tướng như vậy, lại trong thời gian nào đó có sự tướng như vậy, đều là nhân duyên như thế, đều xem trước hình tướng kia mà biết được ngọn nguồn.

Lại nữa, khi hành giả chiếu soi thấy tâm sáng đạo thì trong vô tận đại nguyện được năng lực vững chắc, cho đến Tỳ-lô-giá-na, Kim sí điểu đầu đàn, quán sát pháp giới đại hải như nhìn trong gương sáng, tung cánh chỉ, quán để bắt lấy trời, người, rồng, đó là tâm Bồ-đề mạnh mẽ.

Này Bí Mật Chủ! Pháp tắc A-xà-lê như thế, các Đức Phật, Bồ-tát đã khen ngợi, vì các đức đầy đủ, tức có khả năng lưu truyền Mật giáo không làm mất hạt giống Phật, ấy gọi là đệ tử chân chánh của Đức Phật, từ thực hành chân ngôn mà sinh ra, thường được chúng sinh khen ngợi. Nếu khi đệ tử tu hạnh Du-già có thể được trời, người, rồng, tám bộ như trên cung kính cúng dường, hoặc thấy các Đức Phật mười phương xưng danh hiệu kia khuyến phát nhiều người, như Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, bảo Bồ-tát Tát-đà-ba-luân cầu pháp nhân duyên.

Kinh chép: Lại nữa, này Bí Mật Chủ! Nếu A-xà-lê kia thấy chúng sinh, có khả năng làm pháp khí xa lìa các cấu, có tín giải lớn, tín sâu hết sức mạnh mẽ, thường nghĩ đến lợi người, tức là trong chi phần A-xà-lê, nói về nghi thức nhiếp thọ đệ tử. Trong đây, chúng sinh có hai loại: hoặc đã phát tâm Bồ-đề, đã đến Thiện tri thức cầu thỉnh pháp Chân ngôn để tu hành, hoặc chưa phát tâm Bồ-đề, nhưng Thầy tự phân biệt xem xét, biết kia có khả năng làm pháp khí, có thể giữ gìn pháp ấy: hoặc đối với Du-già thấy căn duyên của kia; hoặc các Đức Phật, Bồ-tát dặn dò thêm, khiến thực hành quán đảnh mà trao dạy cho, hoặc tự thân thấy các bậc

Thánh vì kia làm pháp quán đảnh, sau đó phó chúc cho kia dạy bảo trao truyền, có tướng như thế mới có thể truyền pháp, như thức ăn dơ ở xóm nghèo, không thể đặt trong vật báu, thuốc quý của Luân vương thì người phước mỏng không thể uống được, vì không tiêu, hoặc có thể bị chết, phải tương xứng như nắp và hộp thì trao và nhận đều được thích đáng.

Lại như chiếc áo rách rất dơ bẩn thì không thể nhanh chóng nhuộm thêm màu sắc, trước phải dạy đem giặt, sau đó có thể dùng công vẽ thuốc năm màu. Chúng sinh cũng như vậy, nếu trước thói quen nhiễm cấu thì không thể nhuộm màu sắc pháp giới, do đó phải xa lìa các cấu.

Có tín giải lớn: Tín giải ở đây, tiếng Phạm là A-tỳ-mục-để nghĩa là hiểu biết đúng lý tâm không nghi ngờ, lo nghĩ, giống như đào giếng đã dần đến bùn, tuy chưa thấy nước nhưng chắc chắn biết đã gần nước, vì thế gọi là Tín giải.

Ở dưới nói tin sâu: tin này tiếng Phạm là Xả-la-đà, đó là tin nương việc, nương người, như nghe lời bậc trưởng giả, hoặc, bày ra việc thường tình, nhưng vì người ấy chưa từng lừa dối nên liền xem xét nương theo thực hành, cũng gọi là tin, cùng tin các Đức Phật và các Bồ-tát ở văn trên nghĩa đồng, bản chữ Phạm thì hai danh từ. Tiếng nhà Đường không phân biệt, đồng nói một danh từ là tín. Nếu người nghe nói pháp giới không thể suy nghĩ bàn luận như trên, do gieo trồng gốc lành đời trước nên tinh thần sáng suốt, liền có thể thọ nhận lời kia, biết trong tâm chúng sinh chắc chắn có lý này, gọi là tín giải.

Lại đời trước đã có gần gũi Thiện tri thức, đối với Tam bảo có duyên sâu sắc, tuy chỗ không thể so sánh suy lường, nhưng có thể tin xa, vì thế gọi là thâm tín. Siêng năng mạnh mẽ là tên khác của Tinh tấn. Thích Luận chép: Ví như đào giếng đã thấy bùn ướt càng thêm tinh tấn chắc chắn được nước.

Lại như tìm lửa đã được thấy khói, lại thêm gắng sức thì chắn chắn sẽ được lửa, vì thế sau tín giải lại nói siêng năng mạnh mẽ. Vì sao? Vì nay trí tuệ tự nhiên này, cần nương vào Du-già, nhưng Du-già này, cần phải có năng lực tinh tấn rất lớn, do đó Thích Luận chép: Thiền định, trí, tuệ, không thể dùng phước để cầu xin, cũng không phải quán qua loa mà có thể được cần phải thân tâm tinh tấn, siêng năng khẩn thiết không biếng nhác mới có thể thành tựu. Như Đức Phật đã dạy, máu, thịt, mỡ, tủy đều hết sạch, chỉ còn da, xương, gân vẫn không bỏ tinh tấn, như thế mới được định tuệ, được hai việc ấy thì các việc đều thành tựu, vì thế phải có tinh tấn, mới được truyền trao.

Lại nữa, tinh tấn là nguồn gốc của tất cả pháp lành, có thể phát

động phước đức đời trước, như mưa thấm vào hạt giống mới khiến nó sống được, nếu không có tâm siêng năng mạnh mẽ thì dù có nghiệp đời trước đã trồng, cũng không do đâu phát khởi, cho đến đời nay lợi lạc còn không thể được huống chi đạo Bồ-đề? Thế nên do nhân duyên phát khởi thực hành liền được tín sâu, nhờ tâm tin sâu ấy mới có thể chí cầu pháp cao siêu để gánh vác chúng sinh, phải nuôi dưỡng Đại bi thai tạng cho được rộng lớn thêm, cho nên nói người có tánh thường nhớ nghĩ lợi người mới được truyền trao.

Lại nữa, A-xà-lê, đối với Du-già thấy các Đức Phật, Bồ-tát khen kia đủ đức như đây, hoặc thấy ở trước Thánh chúng tha thiết chí thành cầu xin đạo lý quan trọng, trải qua thời gian lâu dài mới không biếng nhác lui sụt, thế là làm việc lợi người, cứu giúp che chở chúng sinh, bổn tôn thương xót giữ lại để dạy truyền, so sánh các việc như thế, có thể dùng ý hiểu biết.

Lại thâm hạnh A-xà-lê sáu căn thanh tịnh, thấy nhân duyên chướng đạo, thành đạo từ vô lượng kiếp đến nay của kia, không có sai lầm; lại đối với chỗ Phổ môn Mạn-đồ-la căn duyên nhiếp hóa nhau, cũng đều biết rõ, mới gọi là khéo quán sát đệ tử.

Kinh dạy: nếu đệ tử đầy đủ tướng mạo như thế A-xà-lê phải tự đến khuyến khích nói lời dạy bảo thế này: Đây có hai nghĩa:

1. Dứt tâm nghi cho đệ tử, chỉ vì sợ kia thiếu trí, nghi hối thì bị mất hẳn, nhưng không vọng trao cho người, chắc chắn phải phù hợp mới truyền, tự phải tìm mà trao cho, không đợi kia đến cầu thỉnh.

2. Dứt tâm hẹp hòi của A-xà-lê, cho đến trong lửa lớn không xen hở, có thể lưu thông, cũng phải đi đến, huống chi gặp duyên tốt cầu xin mà không ban ân sao?

Tiếp theo có năm bài kệ, nói về khuyến phát phương tiện kia. Bài kệ thứ nhất chép:

Phật tử Đại thừa này
Hành đạo pháp Chân ngôn
Nay ta chính mở nói
Vì căn khí Đại thừa.

Ý nói: Phật tử! Ông nên biết! Nay đạo lý phép tắc khuôn mẫu của Đại thừa này đã nương Chân ngôn thực hành, vì ông là Đại thừa độ lượng, có khả năng tín thọ, nay ta sẽ chân chính nói.

Kệ thứ hai chép:

Đẳng Chánh Giác quá khứ
Cho đến đời vị lai

Các Thế-tôn hiện tại
Trụ lợi ích chúng sinh.

Chư vị Thánh Hiền như thế hiểu diệu pháp Chân ngôn siêng năng mạnh mẽ đạt được chủng trí, ngồi Bồ-đề vô tướng, tức là mở bày tất cả phương tiện môn của các Đức Phật trong ba đời mười phương, chỉ do một Đạo thành Phật, không còn Đạo nào khác, vì Phật Phật đạo đồng, nay lại dẫn các Đức Phật chứng minh, việc ấy như trong kinh Pháp Hoa có nói rộng.

Lại nói trụ nhiêu ích: nghĩa là rất nhiều lợi ích an vui chúng sinh, tức là chỗ Như lai trụ. Các vị Hiền: tức là Như lai, do Phổ Hiền hạnh nguyện đều dùng hết năng lực tròn đầy cho nên dùng để xưng gọi, đều do hiểu diệu pháp Chân ngôn này được siêng năng mạnh mẽ lớn rộng thành Nhất thiết trí, y theo kệ tụng tóm tắt văn, nói về chủng trí: Ngồi ở các pháp vắng lặng, tức là Bồ-đề, không phải đã thành, đang thành, sẽ thành, không có pháp đáng quán không từ người mà được, phải có tướng nào ư? Bồ-đề này không thể nói hoặc đem chỉ bày cho người, vì thế sau kệ lại dùng dấu vết bên ngoài để nói. Kệ chép:

Thế Chân ngôn không sánh
Phá được lực lớn kia
Rất tức giận ma quân
Thích Sư Tử cứu đời.

Ý nói, tuy không có tướng chắc chắn mà đầy đủ tất cả oai lực, có khả năng hàng phục ma quân, chống lại các ngoại đạo, mở cửa cam lồ, Chuyển xe pháp lớn, tất cả trời người thấy dấu vết như vậy, do đó hiệu là Thích-ca Như lai cứu giúp cõi đời, như thấy khói biết lửa, vì thế phải tin nhận. Bài kệ tiếp theo nói:

Cho nên Phật tử ngươi
Nên dùng tuệ như thế
Phương tiện làm thành tựu
Sẽ được Nhất thiết trí.

Đó là khuyến khích hành giả khiến phát tâm cầu quả kia, nay ông may mắn, tự có tâm nào không chứng, chỉ cần đem diệu tuệ này để làm thành tựu, không bao lâu tự sẽ thành Nhất thiết trí. Văn trên, Kim cang Chủ hỏi thẳng Đức Phật Tỳ-lô-giá-na, làm thế nào để chứng được trí Nhất thiết trí? Đức Phật cũng đáp thẳng: Như thật hiểu tự tâm, ấy gọi là trí Nhất thiết trí, nay trong đây, nghĩa dạy bảo truyền trao cũng đồng, nhưng vịn trực tiếp vào Bồ-đề vô tướng thì tiện khuyến khích tu chứng, lại không có hạnh vị khác nhau, có thể yên ổn ở trong đó, tuy phẩm

trước nói rộng các tướng, đặt ra các thứ tên gọi trang nghiêm, nhưng nói về tâm, xứ thì ý đều như thế.

Kệ kinh chép:

Hành giả bi niệm tâm
Phát khởi khiến rộng lớn
Kia thọ giáo vững trụ
Phải vì chọn đất bằng.

Nói A-xà-lê đã được đệ tử, sau là nói về chi phần trị địa. Trong đây nói chữ hành giả, bản Phạm nói Chân ngôn giải, vì trong kệ không thể có sáu chữ, lấy ý lược bỏ văn. Văn hành giả Chân ngôn thường dùng pháp lành như thế để phát khởi tâm kia, liền giúp kia ý muốn dần được rộng lớn, biết kia trụ trong lời dạy bảo vững bền, không còn thay đổi, mới vì kia làm Mạn-đồ-la, hoặc ở trong Du-già thấy căn duyên của kia đã vững chắc, sau đó mới chọn lựa Địa. Đại bản Kim cang Đỉnh và kinh Tô-tất-địa... nói rộng về tướng Địa, nhưng đại ý kia thì nay ở thế giới này, tự không giống như các cõi nước thản nhiên bằng phẳng, tùy theo văn dưới sẽ nói trong các chỗ tốt đẹp, chọn lấy chỗ bằng phẳng trang nghiêm có thể làm đàn tròn, liền tiện cho sự tu hành không có gì chướng ngại, có thể đầy đủ sự việc.

Lại nữa, nay làm các đàn ở chỗ nào đều được như Phật Tỳ-lô-giá-na tâm địa khắp mọi nơi đều ngay thẳng, mới làm đại Bi Mạn-đồ-la, chỉ tùy theo đã nói trong chỗ tốt đẹp, có một phần nhỏ bằng phẳng có thể làm chỗ thanh tịnh, liền ở trong đó mở ra Mạn-đồ-la muôn đức, tầng số sâu cạn Y theo trước giải thích rộng. Kệ chép:

Núi rừng nhiều hoa, trái
Vui ý các suối trong
Các Đức Phật đã khen ngợi
Làm sự nghiệp đàn tròn.

Trong các chỗ tốt đẹp, núi rừng là hơn hết, tuy nhiều núi chập chồng uy thế trang nghiêm sâu lớn vắng lặng, nếu không có hoa quả, suối chảy thì người không thích cho nên các duyên thiếu nhiều, cũng không thể dùng, vì thế phải có các thứ hoa đẹp quả ngon, gồm có cả suối ao trong sạch chỗ lòng người yêu thích, đó là chỗ Đức Phật khen ngợi, có thể làm sự nghiệp Mạn-đồ-la, hoặc hành giả ở trong Tam-muội thấy chỗ tốt đẹp như vậy, nếu nghe chỗ Thánh tôn khen nói, dạy làm ở chỗ kia, văn dưới lệ theo đó.

Lại nữa núi ấy, tiếng Phạm là Noa-già, nghĩa là bất động, nghĩa là trong A-xà-lê Du-già quán hành nhân này, trụ trong pháp Tứ tánh

đối với việc tốt tâm vững chắc không lay động, nói là cung kính thờ phụng bậc sư trưởng, hiếu thảo nuôi nấng cha mẹ... tùy theo có tám tâm hoa quả nẩy mầm, có thể sinh ra pháp xứ thanh tịnh thì có thể kiến lập Mạn-đồ-la.

Lại nữa, tâm Bồ-đề thanh tịnh, an trụ lý chắc thật vững bền không lay động, gió lớn khắp tám phương không thể chuyển động, hoa quả đại bi phương tiện đầy khắp mọi nơi, thường tuôn ra tịnh pháp, lợi lạc chúng sinh, rất được các Đức Phật khen ngợi, là chỗ tốt để làm Mạn-đồ-la. Kệ tiếp theo chép:

Hoặc ở nơi giòng sông
Các nhạn ngỗng trang nghiêm
Kia nên làm tuệ giải
Bi sinh Mạn-đồ-la.

Nếu không có danh sơn thì suối nước là kế đó, nghĩa là các chỗ giòng sông thường không dứt hẳn, chim đẹp tiếng hay bay lượn ca hót, trang nghiêm trong sạch xa lìa chỗ ồn ào náo nhiệt thì có thể làm đàn. Nhạn không phải phiên dịch đúng. Bản Phạm nói là chim Bà-la-bà, hình dáng như chim Uyên ương nhưng lớn hơn, tiếng loài chim này rất thanh nhã, ở Trung Quốc không có, cho nên hội ý mà nói, tuy Thế đế Mạn-đồ-la nhưng cũng phải có tuệ giải, người trì Chân ngôn bèn có thể kiến lập, vì thế nói nên dùng tuệ giải để làm bi sinh Mạn-đồ-la.

Lại nữa, nước nghĩa là trôi chảy không dừng, tâm kia không ngưng đọng, thường hay tiến lên tốt đẹp, gọi là nước, sông phước không dứt gọi là Thủy. Do trước có thể an tâm đế lý, người tự không thể được nhiều, chỉ khiến từ gốc tịnh chảy ra, đến ngay trong đó, liền có thể vận dụng trí tuệ vô ngại, sẽ kiến lập bi sinh Mạn-đồ-la. Âm thanh vi diệu của các loài chim nghĩa là có thể tuyên dương pháp lành, cũng là thường nhớ nghĩ lợi người nên là chỗ chúng sinh quay về, đều được vui mừng, khen ngợi ân đức của kia rất có tiếng tăm. Kệ chép:

Chánh giác nhờ thấy dắt
Bậc Thánh, chúng Thanh văn
Sẽ đến địa phận này
Phật thường hay khen ngợi.

Nếu núi suối đất phước các bậc Thánh đã từng dạo qua, tự thuộc về điều trên, nay trong đây ý nói, tuy không phải chỗ tốt đẹp như trên, nhưng đó là chỗ các Đức Phật, Duyên giác, và đệ tử Thanh văn... đắc đạo Niết-bàn, hoặc ở lâu trong đó, lại là kế đó. Như ở phương Tây, tám tháp và di tích Thánh chúng ba thừa rất nhiều, đều là những bậc đại oai

đức, chư Thiên thường đến che chở, chiêm ngưỡng, lễ bái giống như chỗ hiện còn kinh Bát-nhã, các bọn quỷ nhỏ không dám ở lại, cho nên pháp hiệu nghiệm dễ thành. Phật đã ca tụng, nghĩa là như các vị Tiên ở núi, Thế-tôn huyền ký rằng, loài ở trong đó dễ được đạo.

Lại nữa, nếu người đã phát tâm Bồ-đề tức là chỗ đất các Đức Phật sinh ra, cũng là chỗ đắc đạo, Xoay bánh xe pháp, nhập Niết-bàn, cũng phải ở lâu trong đó, dùng bốn oai nghi rộng lợi ích chúng sinh, tuy chưa nghe bí tạng, nhưng được chỗ ba thừa cùng đi, cũng gọi là cát tường, nghĩa là quán sát tánh không, vô tướng vô tác, không có ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả, đây là chỗ Nhị thừa thành đạo, nhập Niết-bàn, cũng là các chỗ trong kinh bản sinh, chỗ Bồ-tát xả bỏ thân mạng học Ba-la-mật, trong đó đều có thể làm Mạn-đồ-la.

Lại nữa, tự nói đã đắc Niết-bàn, sinh ý tưởng diệt độ, là chỗ của Thanh văn, Bích-chi-Phật dạo chơi, nếu người không được một bề cầu Bồ-đề thì phải bình trị trong đó và làm bi sinh Mạn-đồ-la. Kệ nói:

Và các nơi chốn khác
Tăng phường, A-luyện-nhã
Ngoại trừ các Thánh tích
Chỉ theo phương, cõi nước
Các bậc phạm hạnh ở.

Tăng phường, Tiếng Phạm là Tỳ-ha-la, Hán dịch là Chỗ ở, tức là chỗ ở nhiều phước. Bạch y vì những bậc có nhiều phước đức, vì các Tỳ-kheo mà xây dựng phòng nhà, giúp những vị giữ giới, tham thiền, học tuệ, để ngăn che các thứ không lợi ích như: gió, lạnh, mưa, nắng, để an tâm hành đạo, khiến bố thí phước đức cho đàn việt thọ dụng, ngày đêm thường chảy không có ngừng dứt, do đó gọi là trụ xứ.

A-luyện-nhã là chỗ ý ưa thích, để gọi nơi không-tịch mà hành giả ưa thích, hoặc chỉ một mình không có bạn, hoặc hai ba người, hoặc ở trong phòng nhỏ có hạn lượng bên ngoài chùa, do thí chủ xây cho, hoặc ở nơi đất trống dưới gốc cây, đều đúng.

Lại nữa, như lìa tâm Bồ-đề mà tu tất cả pháp lành, có chỗ nói, rộng làm đàn cúng thí, thọ vô lượng luật nghi, tu các thứ Thiền định, thọ trì mười hai phần giáo, suy nghĩ nghĩa lý, từ bi tinh tấn, hóa độ chúng sinh, đem các hạnh Vô mà dẫn dắt nên đều gọi là Vô Thánh tích. Tăng phường cũng giống như vậy, phàm, Thánh đồng ở, là chỗ sinh phước, cũng là kế đó. Trừ cộng Nhị thừa Bát-nhã, ngoài ra từ Thanh văn, Duyên giác, tất cả pháp môn, do đại Bi xa lìa mà tự tìm ra khỏi ràng buộc, đều gọi là Vô Thánh tích. A-lan-nhã xứ cũng có thể ở ngay

trong đó, chọn sửa đất bằng, họa làm Mạn-đồ-la. Kệ chép:

Phòng đẹp lầu gác cao
Các ao, vườn tốt đẹp
Nếu không được như trên
Đất phước không khiến dừng.

Phải chọn lấy nơi tốt đẹp ở thế gian, nếu trang nghiêm thanh tịnh thì có thể tác pháp. Phòng là từ thời thượng cổ đến nay chúng sinh lấy đó làm hổ thẹn, không muốn khiến nếp gấp trong lòng hiện rõ, cũng có thể dùng che chở thân kia, giúp đỡ mình và người khác.

Lầu gác: là nhà lầu nhiều tầng rất cao ở phương Tây.

Ao: là cái ao trong sạch, có nhiều nước mọc các hoa, người và hàng phi nhân đều rất ưa thích.

Uyển: nghĩa là vườn rừng, nhiều danh hương dịu nhẹ, cỏ thơm, cây tươi tốt, vắng vẻ yên tĩnh, có thể ngăn cản sự ồn ào có thể để tâm rỗng rang nghe nhận khát ngưỡng không nhàm chán.

Viên: là chỗ nhiều người vui chơi, nghĩa là người này tánh thường thương xót, thích làm việc từ cứu giúp, đều quy ngưỡng nương nhờ kia che chở, đây đều là chủng tánh Đại thừa, cũng có thể thành bậc thầy.

■

ĐẠI TỲ-LÔ-GIÁ-NA THÀNH PHẬT KINH SỚ

QUYỂN 4

Phẩm 2: NHẬP MẠN-ĐỒ-LA CỤ DUYÊN CHÂN NGÔ
(Tiếp Theo)

Kệ nói:

Tháp Phật, miếu thần lửa
Chuồng trâu, giữa sông đầm,
Miếu các trời, nhà trống
Chỗ vị Tiên đắc đạo.

Dù không phải Thánh tích và chỗ chúng Tăng ở nhưng tùy theo phần đất chỗ có xây tháp Phật, ở bốn bên Tháp đều được làm Mạn-đồ-la.

Thần lửa: là nơi thờ lửa của Phạm Chí tịnh hạnh, rất trong sạch do đó có thể lập đàn.

Ngưu Lan: là ở phương Tây làng xóm và chuồng nuôi trâu bò cùng ở một chỗ, cách thôn xóm hoặc mười dặm, năm dặm, đã dồn chứa nhiều năm, phân và nước tiểu bò khắp trên mặt đất chồng chất nhiều lớp, phong tục Ấn-độ cũng cho là sạch, tuy nhiên, phải dời bò đi. Nếu người chăn trâu thấy thì cũng không được làm trong đó.

Hà than: dịch đúng phải là chỗ các dòng gặp nhau, nghĩa là có hai giòng nước hoặc nhiều giòng nước, ở chỗ này hợp chúng lại, nghiêng một bên hay ở giữa dòng, chảy liên tục, rửa sạch không có các vật dơ uế.

Thiên Miếu: là nhà thờ cúng tổ tiên ở cõi trời, hoặc nhà thanh trai, an nhàn, nhưng nếu có các ngoại đạo tà kiến không tin thì không nên làm đàn ở chỗ này.

Thất trống: là nhà do người đời làm ra, sau đó bỏ đi, do không có các việc lộn xộn cho nên có thể tác pháp. Nơi vị Tiên đắc đạo: là chỗ người đời cầu năm Thần thông, dừng ở lâu ngày được thành tựu, chắc chắn không có chỗ nào tốt hơn, cũng có thể ở trong đó làm Mạn-đồ-la.

Lại nữa, chế để: là chỗ xây dựng tốt đẹp, nghĩa là người này thường kiến lập bạch pháp, chí không rối loạn, tuy nay chưa tu Chánh giác, phải biết trong cây phước đời trước đã có gốc lành, cho nên gọi là Tháp.

Lại, lửa có công năng thiêu đốt, sự nhơ bẩn, nghĩa là thân, miệng, ý người này, dù chưa được thanh tịnh đạt đến xuất ly (sinh tử) nhưng bên trong có tuệ tánh, ưa làm tịnh nghiệp, có lỗi thì sửa đổi, do đó gọi là đền thờ lửa.

Ngưu: nghĩa là hành.

Lan: nghĩa là đề phòng, nghĩa là tánh chất người này ôn hòa dịu dàng, dễ điều khiển thuần thục, năm căn đều ham muốn dục, có thể tự ngăn lại không đến nỗi buông lung, vì thế gọi là Ngưu Lan.

Toàn lưu: nghĩa là đối với ba thừa tâm kia còn do dự, không biết quyết định đi đến đường nào.

A-xà-lê cũng nên dùng pháp khuyến dụ rằng, các phương tiện này đều là Phật dạy, nhưng tùy theo sự ưa thích nhất của ông mà một bề học tập, chỗ đến sẽ đồng, không nên nghi ngờ lo sợ. Nếu tin cả tà lẫn chánh thì phải dứt trừ bến mê, chỉ bày đường chính, để họ có thể gồm tin, tức là đời trước đã từng dùng nước pháp gội rửa tâm kia, cũng gọi là sông đầm. Đền thờ trời, nghĩa là không cầu ba thừa mà chí nguyện cái vui cõi trời, vì muốn truyền thọ khiến xa lìa ba đường ác, sinh chánh kiến trong cõi trời cho nên phải nhiếp thọ, ấy gọi đền thờ trời.

Thất trống: Nghĩa là người này tuy ở trần tục, nhưng tánh ưa vắng lặng nhàm chán ồn ào, tạp nhạp ở đời, đó là tướng gốc lành sắp thành thục, như người nữ mang thai dần dần thành tựu thì dục ý tự nhẹ nhàng, vì thế có thể giáo hóa, nếu chí cầu sinh lên các tầng trời Vô sắc cũng gọi là thất trống chỗ vị Tiên đắc đạo: Nghĩa là chỉ phát tâm cầu năm Thần thông, trì minh tiên đạo hoặc nguyện sống lâu thành tựu các thứ Tất-địa thế gian, cũng có thể tùy theo căn cơ kia mà khuyến dụ, dắt dẫn.

Lại nữa, có các học thuyết khác, rất ưa thích pháp thờ thần lửa Vi-đà, nguyện sinh về cõi Phạm Thế. Nghe trong Bí Tàng cửa Đức Phật cũng có Hỏa Thiên thực hành pháp Chân ngôn, tông chỉ và ý nghĩa rất sâu liền từ môn này mà nhập vào chánh pháp.

Lại có kẻ thờ phụng Tự Tại, Tỳ-nữu, Na-la-diên, quý trọng mặt trăng, mặt trời... các thứ trời thế gian, nếu nghe trong diệu pháp của các Đức Phật, cũng có Chư thiên Chân ngôn hành pháp như kia, cho đến thân Đại ngã của Đức Phật Tỳ-lô-giá-na thì lập tức tin nhận mà nhập vào chánh pháp, hoặc người có chí nguyện cầu sinh lên các tầng trời

trong ba cõi, nghe trong kho diệu pháp của các Đức Phật có hành pháp thiên thừa Chân ngôn, có thể khiến cho trong vô lượng đời sinh về cõi trời kia, không đọa lạc trở lại, cuối cùng tự nhiên trở thành Đệ nhất nghĩa, do tâm nguyện sâu xa này nguyện được vào chánh pháp, hoặc có người học tập Ngũ thông tiên pháp ở thế gian, nghe trong kho diệu pháp của các Đức Phật có các thứ Chân ngôn của Ca-diếp, Cù-đàm, Đại Tiên có thể giúp đạt được thần thông không thể suy nghĩ bàn luận, cho đến tuổi thọ dài lâu như Tỳ-lô-giá-na, họ liền hớn hở, chí cầu được vào chánh pháp, do những pháp môn như thế, nên Đức Phật nói các chỗ như thần lửa... đều có thể tạo dựng Mạn-đồ-la. Kệ nói:

Như ở trên đã nói
Hoặc chỗ ý ưa thích
Do lợi ích đệ tử
Phải vẽ Mạn-đồ-la.

Cho đến tìm các chỗ đất tốt đều không thể được thì cũng không thể để cho Mật giáo này không được lưu truyền, chỉ tùy theo điều mà tâm A-xà-lê ưa thích, nghĩa là chỗ đất có lợi ích, liền có thể dựng lập Mạn-đồ-la, nếu giải thích sâu, chỉ cần xem người kia có phần nhỏ gốc lành chân thật mong cầu, đều có thể chọn tâm địa của kia sửa sang cho bằng phẳng, để tạo dựng đại bi Mạn-đồ-la, lại chúng sinh này, cho đến ưa thích thuật nhỏ ở thế gian của Già Văn Đồ, Đồ Cát Nhĩ, cũng ở trong pháp môn này mà che chở dẫn dắt họ, khi có thể thấy được bản tôn này, thì tự nhiên được thấy vô lượng Thánh chúng.

Hỏi rằng, ở trên nói chọn trong hàng đệ tử, vị nào đầy đủ các đức, có khả năng làm pháp khí mới được chỉ dạy trao truyền, mà nay trong nghĩa chọn đất cho đến một chút điều lành nhỏ đều được trao truyền là vì sao?

Đáp: Trong đây, đệ tử có hai hạng: Nếu là đệ tử cầu truyền pháp xứng đáng nối tiếp địa vị A-xà-lê, nếu không có người kia thì hành đạo không có đạo lý; nếu đệ tử kết duyên thì điều lành giơ tay, cúi đầu đều được thu nhiếp; lại A-xà-lê hạnh sâu xa đã thấy rõ căn duyên, hoặc có người căn cơ đạo pháp đời trước đã chín muồi có khả năng làm pháp khí, nhưng ở trong đời này, chìm trong bùn đục, mà còn một ít gốc lành, do đó A-xà-lê liền chọn một phần nhỏ đất bằng trong đây, mở ra kho bí mật Mạn-đồ-la, cần gì đời người yên tâm rõ lý, mới làm Phật sự, vì thế không trái với trước đã nói.

Kinh dạy: Này Bí Mật Chủ! Chọn lựa đất kia, phải loại bỏ, đá, sỏi, các vật dụng bị vỡ, đầu lâu người chết, lông, tóc, bả, cặn, vỏ trấu,

tro, than, xương nhọn, gỗ mục... và sâu, kiến, bọ hung, loài có nọc độc như rắn, rết, ong... kế là nói chi phần sửa đất. Nghĩa là trong chỗ đất đã chọn ở trước, lựa lấy chỗ đặt đàn, đào một khủy tay trở lại, ở trong đất kia, mỗi mỗi chọn kỹ, có các vật không dùng được và các loài trùng, đều phải loại bỏ, nếu có những thứ này thì hay sinh các nạn, đối với pháp có chướng ngại, chỗ kia đá, cát, sỏi, ít thì có thể chọn lấy nhưng phải chọn lựa bỏ đi, nếu cát, đá quá nhiều, chỗ này chứa nhóm chỗ kia lại có, không thể lựa bỏ cho sạch sẽ được thì phải bỏ để tìm chỗ khác.

Những tảng đá lớn bằng phẳng, có lời Phật dạy thì có thể ở trên đó lập Mạn-đồ-la, nhưng xen lẫn trong đất thì nên loại bỏ. Phong tục ở Phương tây là thường đựng thức ăn trong vật làm bằng đất nung, ăn xong thì bỏ, nghĩa là chạm đến dơ bẩn thì không chịu dùng nữa, như thế so sánh với các đồ vật làm cho hư hỏng khác, và đầu lâu, xương lẫn lộn, các thứ: móng tay, tóc, da, lông, cặn bã, vỏ trấu, cỏ hôi, đến các loại tro, than, gỗ mục. Tóm lại, tất cả những vật như thế đều không được dùng, vốn không phải đất sạch, đều lựa bỏ ra, nếu nhiều không thể lựa hết, cũng nên bỏ đi để tìm chỗ khác, vì thế nói là vân vân.

Trùng kiến, tiếng Phạm là Ngật-lật-nhị, đây là lời bao gồm tất cả, đều là loài trùng rất nhỏ, đều lựa bỏ đi. Khương Lang là loài trùng lớn, còn có nghĩa Khưu dẫn (con giun)... Căn cứ theo đây có thể biết. Độc trùng: nghĩa là loài rắn, rít, con sâu cuốn chiếu, đều phải làm phương tiện xua đuổi đi, nếu nhiều không thể đuổi hết, tức là nạn xứ có chướng ngại, phải nên bỏ.

Kinh chép: Lìa các lỗi như thế, trường hợp này rất nhiều, người đắc ý gặp việc tự phải soi xét phân biệt, nghĩa là đất hoặc nghiêng ngã, hoặc cao thấp không bằng phẳng, hoặc sắc vị không đúng lời Phật dạy, trong màu sắc kia dùng màu vàng, màu trắng là tốt, nếu toàn màu đen thì không nên chọn lấy. Lại nếm vị ngọt, lạt thì tốt, cay đắng, mặn chát... thì không nên dùng, nếu đào thì phải lấp lại. Lại trong một khu vực thì phương Nam là đất xấu, nhưng có thể làm A-tỳ-già-lỗ-ca.

Lại nữa, A-xà-lê, đã biết tâm địa đệ tử, được có thể ở trong đó dựng lập đại Bi Mạn-đồ-la, tức phải trụ trong định sâu, xét kỹ phân biệt quán sát, dùng tuệ phân biệt lựa chọn, loại bỏ các dơ bẩn xen lẫn không nên dùng được, sau đó sửa lại cho chắc chắn, thật trang nghiêm, không như thế thì thói quen và nghiệp đời trước còn lại làm sinh ra chướng ngại.

Đá, sỏi: Nếu không tin chánh pháp, chấp chặt sự hiểu biết ngã phần, bác không nhân quả... vì khó có thể điều phục và thấm nhuần

dần dần nên cuối cùng không thể sinh mầm lành, ra công hun đúc cũng không được gì; chấp chặt nhỏ nhiệm rất nhiều không dung thọ lẫn nhau, do đó dụ cho cát, ngói. Ngói vụn, đồ dùng bị vỡ: Như gây năm tội nghịch, phạm bốn giới cấm nặng, chê bai kinh điển Đại thừa... do tâm khí bại hoại cho nên không làm được gì, bày thêm pháp vị cũng không dừng trụ, bị các điều lành làm thương tổn, trước phải dùng Trí tuệ phương tiện cao mới lựa bỏ được các chướng như thế.

Đầu Lâu: Như phá hoại, chướng ngại tâm Bồ-đề, thuở xưa đã đầy đủ nhân, pháp, ở trong các chi phần rất cao lớn, do mạng căn dứt, nên trăm thể hư hoại không làm được gì, duyên thói quen xấu này, giả sử khiến phát tâm Bồ-đề lại, cũng lại thành chướng ngại cho lòng tự vui, khiến lui sụt, vì thế càng phải gội trừ khiến hết các thói quen còn thừa.

Lông tóc: Nghĩa là sáu mươi tâm... cùng mầm lành tám tâm cùng thể mà sinh, cho đến xét rõ thì phải dứt bỏ, chưa được tâm xuất thế gian đến nay, xen khởi rối rắm khó được một mối, do đó gọi là lông, tóc.

Cám vỏ: Như Vô minh vọng tưởng, lại chấp chặt nói rộng nên chỉ được danh tướng bên ngoài (vỏ) mất đi tướng thật hạt gạo, do đó lấy làm dụ.

Tro than: nghĩa là ưa thích pháp nhỏ, khởi tâm Nhị thừa, nếu căn lành bị đốt cháy ở đây thì trở về với than, tro, không mọc được cành, lá, hoa, quả đại bi, vì thế dùng làm ví dụ.

Khắc xương: nghĩa là từng đối với chúng sinh làm các việc không lợi ích, hoặc phạm các luật nghi lặt vặt, đây là nghiệp chướng còn thừa, oán đối đời trước của sinh tử trong quá khứ, do đó gọi là Cốt.

Gỗ mục: nghĩa là loại không muốn biếng nhác, không thể gầy dựng tài năng để thành bậc Thầy. Lại Văn phạm gồm có nghĩa gốc cây trụi, nghĩa là từ xa xưa đến nay, đối với các phiền não đã từng gây ra, các loại cỏ (phiền não, hoặc nghiệp) sâu chắc khó có thể nhổ bỏ, do các nghiệp quá khứ như thế, chứa đựng trong tâm địa, khi nhất tâm hành đạo việc ma dễ nổi lên, cho nên phải chọn lựa chuẩn bị sẵn, nếu nhiều không thể chọn lựa thì nên bỏ đất này riêng đi tìm chỗ tốt đẹp khác. Các loại trùng độc, sâu, kiến, bọ hung: dụ cho các thứ phiền não hiện hành. Sâu kiến dụ cho Si, bọ hung dụ cho Tham; trùng độc dụ cho Sân; loài này rất nhiều dụ cho tùy phiền não, những loài trùng nhỏ dụ cho vô lượng sự hiểu biết sai lầm, Quán những loài này đều có Phật tánh, càng phải giữ gìn chớ làm dứt mạng sống của chúng, chỉ nên tìm cách đuổi đi, không để cho cản trở sự hành đạo, không làm ô ế Mạn-đồ-la mà thôi, nếu muốn cho Đạo tràng rất thanh tịnh, một trăm sáu mươi thứ cấu nhỏ

thượng trung hạ đều phải chọn lựa không còn, cho đến quán đảnh trong đất không tốt sạch thì đều phải lựa bỏ đi, mới gọi là rốt ráo sạch.

Kinh chép: Gặp ngày tốt, ngày định thì phân ra chấp túc trực, thảy đều tương ưng, trước giờ ăn gặp việc tốt lành: cát tường tướng: nhân việc chọn đất thuận tiện nói chọn chi phần "thời". Hễ chỗ làm pháp sự đều phải khế hiệp với nghĩa "thời", nay sắp chọn sửa đất này, cho nên vào ngày tốt thì kính báo Thần đất, các pháp sự khác lệ theo đây có thể biết.

Ngày tốt: Nghĩa là tác pháp thường dùng phần trăng sáng, trong đó các ngày mồng một, mồng ba, mồng năm, mồng bảy, mười ba đều là ngày tốt có thể làm Mạn-đồ-la. Lại trong tháng, ngày mùng tám, ngày mười bốn, ngày mười lăm rất tốt, vào các ngày này thường tụng niệm, cũng nên gia công.

Ngày định: Lịch pháp ở phương Tây tính chung tháng thiếu hiệp với ngày nào, nếu tháng thiếu ở trong phần sáng trăng thì tháng kia ngày mười lăm tức là thuộc về phần tối trăng, không thể dùng. Lại lịch pháp tính chung mức độ đi song song nhau của mặt trời, mặt trăng, thường làm ngày mồng một, đều hiệp một tháng thiếu, một tháng đủ.

Nhân vì mặt trăng, mặt trời khi đi song song nhau lại còn có nhanh chậm, thỉnh thoảng vượt qua sự song song có khi không kịp song song, vì thế quyết định đầu tháng hoặc tiến, lùi một ngày, định nửa tháng hoặc ở ngày mười bốn hoặc ngày mười lăm, tóm lại, trăng rằm chính là khi tròn đầy, trăng nửa vầng chính là khi như cây cung, cũng là ngày tám, chỉ cần lấy đây làm điểm quan trọng để y theo, liền quyết định được ngày. Thời phần: lịch pháp phương Tây ngày đêm đều có ba mươi thời, mỗi thời đều có tên gọi riêng, như ban ngày thì tính lượng bóng dài, ngắn, thời nào làm việc thì tốt, thời nào thì xấu, thời nào làm việc quân bình, mỗi mỗi thời đều có loại hình. Túc trực, nghĩa là hai mươi bảy đêm.

Chia khắp một ngày làm mười hai phòng, giống như mười hai lần ở trong đây, mỗi lần đều có chín chân, vòng quanh một ngày có một trăm lẻ tám chân, mỗi đêm đều được bốn chân, tức là mặt trăng đi được một ngày, trải qua hai mươi bảy ngày, tức là mặt trăng đi được một vòng nương vào lịch để tính, trăng ban đêm, tức là đêm thẳng đến ngày. Đêm có thượng, trung, hạ, tánh có cương, nhu, động, tịnh khác nhau, pháp sự làm ra cũng phải thuận nhau. Các chấp: Chấp có chín thứ tức là bảy sao: nhật, nguyệt, thủy, hỏa, mộc, kim, thổ và La-hầu, Kế Đô, cộng thành chín chấp. La-hầu là thần nhật thực, nguyệt thực giao hội. Kế Đô dịch đúng là kỳ tinh, nghĩa là sao chổi, trừ hai chấp này ra, bảy sao kia cùng

lần lượt thẳng đến ngày. Tánh kia cũng có thiện ác; như trong lịch Ấn-độ nói. Thực tiền: Ngày, đêm đều có ba thời, tiền thực (buổi sáng) có công năng làm tiêu trừ tai họa, thời gian buổi chiều (mộ gian) có công năng tăng ích, ban đêm có thể làm việc hàng phục; nhập Mạn-đồ-la quán đảnh tương ưng với tiêu trừ tai họa, cho nên nói tiền thực.

Ngộ thiện cảnh giới ý: nghĩa là khi tác pháp hoặc khi ở trên đất; hoặc giữa hư không, có các tướng kỳ lạ như sắc, thanh... Trên đất: nghĩa là hoặc gặp đồng nữ, cầm năm thứ bình ngưu vị, hoặc bình nước thơm, hoặc cầm vật đồng loại với luân ấn... hoặc là vật trong thế gian tôn kính trên hết, hoặc vật đựng đầy gạo trắng... sạch sẽ đầy đủ, hoặc mặc y phục trang nghiêm tốt đẹp, hoặc nói các lời tốt lành tương ứng, đều là tướng thành tựu. Hư Không: nghĩa là bỗng nhiên thấy mây làm khí tốt, mây năm sắc, khí trời đất hòa hợp, hoặc có cầu vồng sáng đẹp thường ở giữa hư không, chẳng phải thời mà thấy, hoặc có hình màu đỏ bay đi như hộ-ma thành tựu, hoặc bên mặt trời thấy có năm màu, hoặc làm hình người như an trụ trong vắng lặng hoặc ở giữa hư không có âm thanh hay, hay ho kỳ diệu, như bạch hạc, chim công, uyên ương, hồng nhạn (nông, két), tiếng hót véo von êm tai, mọi người đều muốn nghe, các tướng như thế đều thành tựu.

Vì sao phải thuận theo thế đế? Vì nghĩa thù thắng Mạn-đồ-la nhiệm mầu vắng lặng, người tâm trong sáng hoàn toàn còn khó tin nhận, huống chi người có tâm hoài nghi lo sợ ư? Cho nên người cứu độ, từng học tập bốn bộ sách Vi-đà biết các kỹ nghệ, nếu thấy tạo Mạn-đồ-la mà thời phần sai lầm, thì có thể thuận theo sự nghiệp thế gian mà làm phương tiện gia trì, đem A-xà-lê khéo chọn thời tốt lành, cùng tương quan với Chân ngôn bản thệ pháp nhĩ, để làm gia trì được xa lìa các chướng.

Lại nữa, các môn thế đế đều là ngọn cờ của pháp giới. Cái gọi là lương nhật thần: ý, là vào buổi sáng sớm, tâm Bồ-đề gặp điều tốt đẹp, A-xà-lê hạnh sâu xa trụ trong Du-già, quán sát người muốn độ, vốn khi bắt đầu trồng gốc lành, vừa lâu vừa xa, nhân duyên thuộc về ai? Từ đâu khởi việc? Như hành giả khi mới phát tâm, hoặc nhân thấy Phật nói pháp, hoặc thấy thần biến, hoặc thấy các việc khổ đáng thương, hoặc đối với Thanh văn, duyên giác, Bồ-tát mà phát Đạo tâm, các căn cơ giác ngộ khác nhau, hoặc trong thời như vậy tâm Bồ-đề có năng lực vắng lặng, hoặc thời như vậy có năng lực tiến lên, hoặc thời như vậy có năng lực mạnh mẽ, thuận theo các thứ Tất-đàn phương tiện mà kiến lập thì công phu không huống mất và không sinh ra các chướng ngại.

Định Nhật: nhật (ngày) dụ cho thân bổn tôn; nguyệt: dụ cho tu tập hạnh Du-già, do trăng định tâm của hành giả, hoặc lúc sáng lên, hoặc lúc tối lại, hoặc phát đi quá nhanh, hoặc phát đi quá chậm, hoặc vượt qua con đường trung, hoặc không kịp trung đạo, đến nỗi khiến các căn cơ giác ngộ cũng có thừa, thiếu, như chiếu theo lý thường thì định có thể đến duyên nào, trong thời nào phải nên kiến lập? Nhưng duyên cảnh có sự thay đổi, hoặc chưa đến thời, xứ lại thuần thục, hoặc quá thời, xứ này mới thuần thục, như thế tùy thời gian mà thay đổi, đều phải khéo biết, vì thế gọi là định nhật.

Thời phần: y theo mỗi Địa của hành giả, tự có mười tâm, mỗi tâm này đều có nhân, gốc quả, hiệp thành ba mươi tâm. Trong ba mươi mâu-hô-lật-đa này, cũng nên xem xét kỹ càng, phân biệt chọn lựa, thời nào có thể chiết phục được phiền não, thời nào có thể làm cho công đức thêm lớn, lợi ích, thời nào phải thuận theo trung đạo tâm yên lặng mà trụ, đó gọi là hiểu đúng tướng của "thời" vô cùng tỉ mỉ.

Túc trực: là người tu hành trăng Du-già đã có liên quan với duyên, cảnh, ở trong tất cả duyên cảnh, đều thấy tâm tánh, như ban đêm bày ra hình tượng của các loại, tuy khác nhau nhưng đều sáng tỏ, giống như trăng đi qua hai mươi bảy đêm, do đêm đã trải qua tốt xấu khác nhau nên khiến người ngắm trăng cũng lại khác theo, như sao Ky ưa gió, trăng đi vào sao Ky thì gió nổi, sao Tất ưa mưa, trăng đi vào sao Tất thì mưa xuống. Hạnh Bồ-đề hạnh cũng giống như vậy, gặp duyên đối cảnh thế lực khác nhau, khiến chiết phục, nhiếp thọ đến hạnh vắng lặng hay thực hành tùy theo phương tiện xoay chuyển, nếu A-xà-lê có thể quán sát sâu xa căn duyên hiểu biết việc đó, gọi là khéo quán túc trực.

Chín Chấp: Tiếng phạm là Phiếu-hà, nghĩa là chấp trì (cầm nắm), A-xà-lê phải quán sát lực tay của tâm kia, có thể nắm giữ việc gì thì mật ấn truyền trao không đến nỗi luống uổng. Như Kim cang tuệ ấn của các Đức Phật, chỉ có tâm Kim cang của Bồ-tát mới có thể giữ gìn được, nếu trao cho người ở Địa thấp thì danh từ chín Chấp, Bảy sao không tương ưng. Căn cứ trong cửu chấp: Nhật là dụ gốc tâm Bồ-đề thanh tịnh, tức là tự thể của Đức Phật Tỳ-lô-giá-na.

Nguyệt: là dụ cho hạnh Bồ-đề, ngày mười lăm trăng sáng các hạnh đều tròn đầy, dụ cho Bồ-đề thành tựu, ngày mười lăm trăng tối các hạnh đều cùng tận, dụ cho Bát Niết-bàn, khoảng giữa và khi lên xuống, dụ cho năng lực phương tiện, phải biết đã nhiếp vào Bách tự minh môn. Sao Thổ giữ trong thai tạng, Thủy diệu giữ phía hữu, liên hoa quyến thuộc, sao Kim giữ bên trái Kim cang quyến thuộc. Mộc giữ

phương tiện trên quả đức Như lai, sao Hỏa, giữ phương dưới là các Minh đại lực.

Lại nữa, năm chấp như thế, tức là giữ năm mầu Tô-đa-la. Thổ: là tín; Mộc: là Tấn; Kim là Niệm: Thủy là định; Hỏa là Tuệ. Còn hai chấp kia, La-hầu đứng đầu về ngăn che, sao Tuệ đứng đầu về thấy không tốt, cho nên không thẳng đến ngày.

Phần đầu ngày như tâm thanh tinh hiện ra rõ ràng, phần giữa ngày như các hạnh phát khởi, phần cuối ngày như muôn đức đã đầy, công hạnh dần dứt; phần đầu đêm như tự chứng Địa trụ Đại Niết-bàn, phần cuối đêm như nhớ nghĩ thệ nguyện xưa khởi năng lực gia trì, đến cuối thì trở lại đầu, xoay vần không cùng tận. Thể mặt trời thì một mà thời phần bốn Châu đều khác. Nay ý Mạn-đồ-la này, muốn khai phát mặt trời tâm Bồ-đề, cho nên lấy thời tiền thực. Gặp cảnh giới lành là tâm vô tướng, vô cảnh giới, không phải hữu vi, vô vi, Phật dùng năm nhãn quán sát kỹ càng, cũng không thể thấy tướng mạo của kia, nhưng cũng có tướng các thứ gốc lành phát sinh, có thể biết được, nếu A-xà-lê thấy chân đế này thì hiện tại tự sẽ thông đạt, nếu chưa thấy đế thì phải ở trong Tam-muội quán sát cảnh giới kia, hoặc khi thấy kia tu hạnh sáu Độ, các thứ sáu Tế không thể gây khó khăn, cản trở, hoặc được các bậc Thánh khen ngợi cho đến thọ ký Bồ-đề, hoặc như trước các tướng trong Tam-muội hiện ra rõ ràng kỳ lạ có khác với bình thường, y theo nhân quả có thể dùng ý mà đắc, cho đến chỗ Phổ môn nhiếp nhau, cũng đều có thể biết.

Kinh chép: Trước phải đảnh lễ tất cả Như lai, dùng kệ này kính phát địa thần: A-xà-lê sắp muốn kính phát Địa thần, trước vận tâm tư duy, thân Tỳ-lô-giá-na Vô tận trang nghiêm khắp cả pháp giới, tất cả Như lai trong ba đời mười phương, cũng giống như vậy, mỗi thân vô tận trang nghiêm trùm khắp pháp giới, từ địa vị Thập trụ cho đến Bồ-tát Sơ địa, phần chứng thân trang nghiêm, vô lượng, vô biên đầy khắp pháp giới không có kẻ hở, như dầu trong hạt mè. Phải quán thân này đến trước khắp tất cả Thánh chúng, đem ba nghiệp thanh tịnh, chí thành đảnh lễ, do nhân duyên này được vô lượng phước, liền phải đem tâm Vô đảo thí cho đệ tử kia, nguyện không có chướng mạn, sớm thành Vô thượng Bồ-đề, kế đó phải nói kệ kính phát Địa thần.

Như Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, khi mới ngồi Đạo tràng, nói với Ma vương rằng, ông nhờ đời trước thực hành Nhất vô tận thí, nay được thân Tự tại thiên chủ, nhưng ta từ vô lượng kiếp đến nay, tu đại Bố thí như thế không thể đếm xiết, cho đến thân, thịt, tay, chân cũng không

hối tiếc, làm sao so sánh sự hơn kém với ta được?

Ma nói: Việc ta làm phước ông đã làm chứng, còn nghiệp phước ông làm người nào sẽ chứng minh? Nếu không có người chứng minh tức là rơi vào chỗ thua. Bấy giờ, Bồ-tát duỗi thẳng tay phải hướng xuống đất nói lời chân thật: Xưa ta ở trên đất này hành đạo Bồ-tát, làm các việc khổ hạnh khó làm có Thần đất chứng biết, phải biết ngón tay này chính là thân mật ấn. Bấy giờ, vô lượng thần đất từ dưới đất hiện lên, bày nửa thân mình để làm chứng minh, Ma vương, quân chúng do đó mà lui tan.

Nay, A-xà-lê muốn giúp đệ tử không lâu nối tiếp địa vị Như lai, cũng dùng ấn này để kính phát Thần đất. Lúc ấy, Thần đất vui mừng nghĩ rằng, nay đệ tử này mới có thể kiến lập việc nhân duyên lớn, để đem giúp đỡ chúng ta khiến không có phiền não tổn hại, mà được cảnh giác. Ta nên phương tiện giữ gìn, cũng giúp cho lìa các nghiệp ma, nhờ năng lực các duyên này, liền khiến đất này đồng với Kim cang. Kệ A-lợi-sa đã nói gọi là Tự nhiên thành tựu Chân ngôn.

Nếu khi tác pháp, phải tụng bản Phạm, nay ghi chép đầy đủ; tụng bảy biến, tay phải năm luân ấn xuống đất.

Đát văn đệ vi sa ngật tỷ bộ đa tứ, dịch là trời đích thân giúp đỡ ông.

Tát ma bột đà nẵng dĩ nan, dịch là, các Đức Phật làm vị thầy dẫn dắt.

Triết ly dạ noa dã vĩ thế sát số: dịch là, tu hành hạnh thù thắng.

Bộ di ba la mật đa tố giả: dịch là Tịnh địa Ba-la-mật.

Ma la tắc niên dã tha hào nạn, dịch là, như phá các ma quân.

Xá ngật dã tăng hệ noa đá dĩ na: dịch là Thích Sư Tử cứu thế.

Đát tha ngân ma la nhược duyên ngật phiếu đỏa, dịch là ta cũng hàng phục ma.

Mạn đồ la lệ khư miệu ngân: dịch là Ta vẽ Mạn-đồ-la.

Ý kệ trước báo với thần đất rằng: Thiên nữ đích thân giúp đỡ ông và mặt đất này, đã từng cúng dường gần gũi các Đức Phật, vị Thầy dẫn dắt (cho hàng trời người) tu hành hạnh thù thắng, các đất đều sửa sang sạch sẽ, các độ đầy đủ thanh tịnh, và các thứ công đức khác, như trong Ma-ha Bát-nhã nói rộng phương pháp rõ ràng, vì thế nói là vân vân.

Ở đây giải thích bài kệ mỗi câu năm chữ vì Cú không thể còn đủ, nhưng trong Địa Ba-la-mật, cũng đã chứa đựng các đức này. Tiếp đến là kệ trình bày lý do, ý nói lời thành thật để khởi báo. Như ngày xưa, Đức Thế-tôn ở tại Bồ-đề Mạn-đồ-la, khi hàng phục các bọn Thiên ma

thì ông ở trong Đại hội hiện làm chứng minh, do vậy Thế-tôn hiệu là Thích-ca Sư Tử, có thể đi trong thế gian một mình để giúp người không lo sợ. Nay ta cũng muốn theo việc làm của Đức Phật, nối tiếp sự nghiệp Như lai, vì thế cho nên vẽ Mạn-đồ-la này. Ta tuy chưa được tất cả đồng với Như lai, nhưng nhờ ba mật được Đức Phật Tỳ-lô-giá-na gia trì, nên cũng có thể hiện làm thân Phật, nhóm họp khắp tất cả đại hội Mạn-đồ-la, vì thế nay ông cũng phải hiện ra làm chứng minh, khiến các chúng ma quân không phá hoại.

Lại nữa, Địa thần là Thiên nữ, Nữ nghĩa là Tam-ma-địa, tức là Thế-tôn Đại Nhật, giữ gìn tâm địa Tam-muội của tất cả chúng sinh, như tướng thật Thế-tôn, ngày xưa ở tại Bồ-đề Mạn-đồ-la khi hàng phục Vô minh trụ địa, Ma vương và đại chúng nhiều như số cát, bụi, dùng tay Bát-nhã ba-la-mật thường duỗi năm lực, xét tâm địa của tất cả chúng sinh, khi ấy dùng Tam-muội hiện ra làm chứng minh, thế nên vô lượng chúng sinh và bốn thứ ma quân đáng độ, do đây lùi tan, vì thế hiệu là Tịch Nghiệp Sư Tử, có khả năng dùng thần thông tự tại cứu giúp thế gian. Nay ta cũng muốn làm cho tâm địa đệ tử ngay thẳng, vẽ thành đại Bi Mạn-đồ-la, ông cũng phải làm chứng minh, giúp hàng phục bọn Tứ ma.

Lại nữa, dùng tự môn giải thích A-lợi-sa này thì có vô lượng nghĩa, nhưng điểm quan trọng nhất của Tông kia, chính là trong chữ Tha. Tiếng Phạm Đạt-đa nghĩa là như, chữ đa kéo dài ở giữa tức là mang thanh A, vì tất cả pháp vốn bất sinh, giống như trong tướng thật không thêm không bớt, liền dùng nghĩa này khởi báo tất cả địa thần. Khi người ấy tụng kệ nên hai gối sát đất, quỳ thẳng dùng tay trí tuệ duỗi năm luân kia, bàn tay bằng phẳng đặt trên đất, mới tụng kệ A-lợi-sa này, bảy lần ấn gia trì bảy biến.

Đây gọi là chân ngôn ấn tương ưng. A-xà-lê nói: khi muốn tu pháp này, trước dùng Tam-muội-da tự tánh pháp giới Kim cang để gia trì tự thân, đều như trong pháp cúng dường đã nói, dùng Tự môn La, tự thanh tịnh tâm địa và đất trong đạo tràng này rồi, ở trong Du-già, trước khởi Phong luân bán nguyệt, dùng ha tự gia trì, kế đến khởi Thủy luân phược tự gia trì, tiếp theo khởi Kim cang địa luân, dùng A tự gia trì, xét kỹ tất cả tên rõ ràng tương ưng, khó điều hòa tâm và hơi thở, một hơi tụng tự môn A nối nhau không dứt quãng, hết hơi thở lại rồi lại tụng tiếp, hoặc một hơi, hoặc ba hơi, cho đến khiến có sự xúc chạm, do tất cả duyên, phương tiện như thế liền nhập Tam-muội, đợi đến khi thấy Đại hội các Đức Phật, Bồ-tát bí mật trang nghiêm, hoặc thấy các tội lỗi ở trong

ngoài, giữa địa.

Kinh chép: Dùng hương, hoa... cúng dường: không những cảnh phát mà thôi, lại phải dùng các thứ hương, hoa, đèn cúng... cúng dường các Đức Phật khắp mười phương và thần đất, nhưng trong đất này có ba thứ: nghĩa là dùng Tự môn La, trừ sạch tâm địa mình, tâm địa đệ tử và đất đạo tràng, đều dùng tự môn A giữ gìn khiến thành Kim cang, nếu căn cứ vào bí mật mà giải thích về nghĩa cúng dường thì nghĩa cũng giống như vậy. A-xà-lê dùng tâm Bồ-đề thanh tịnh và các thứ công đức, hồi hướng tri ân Nhất thiết trí, tức là cúng dường tất cả các Đức Phật và vị giữ đất trong pháp giới, bố thí công đức này cho đệ tử, giúp đỡ thành tựu nhân duyên Phật, tức là tâm đệ tử cúng dường tất cả các Đức Phật và vị giữ đất trong pháp giới, nếu phải trang nghiêm đạo tràng Kim cang này thì liền đem pháp cúng dường tất cả các Đức Phật trong mười phương pháp giới, cúng dường xong, lại nên quy mạng tất cả Như lai, so sánh có thể biết.

Kinh chép: Sau đó sửa sang đất, như kia sẽ lần lượt đầy đủ các đức, nghĩa là hễ muốn tạo Mạn-đồ-la thì trước phải tác pháp như vậy, mới đào đất chọn sửa, đất cũng gồm ba thứ nghĩa: Giải thích cạn lược, sâu kín và cả cạn lẫn sâu, cho đến lần lượt đủ các chi phần như kinh đã nói do đó nói phải đầy đủ các công đức.

Bấy giờ, Kim cang thủ vì muốn phát minh ý chỉ sâu kín của Như lai, để dứt trừ tâm nghi ngờ của đệ tử đời tương lai, đầu mặt lạy dưới chân Thế-tôn, mà nói kệ rằng: Phật pháp lìa các tướng, cho đến không thuận pháp đúng đạo: nghĩa là ta đích thân theo Phật nghe tướng thật các pháp xa lìa tất cả các tướng, pháp Phật an trụ trụ ở pháp vị, hoặc Như lai ra đời, hoặc không ra đời, thường trụ vắng lặng không thể suy nghĩ bàn luận, không phải suy lường phân biệt mà có thể hiểu, cũng không thể dùng pháp đong lường, thí dụ mà hiển bày được. Nếu pháp tướng thường như vậy thì không phải do các Đức Phật làm ra, huống chi các tướng hữu vi có thể nhóm họp mà thành ư? Vì sao bậc Đại tinh tấn là trời trong các trời, nay mới nói sự tướng hữu vi như chọn đất tạo đàn... này? Cho đến lần lượt hành pháp chân ngôn, khiến người tu hành, sắm các vật cúng dường như hương, hoa... miệng theo sự giác quán nói rằng, thân bắt chước oai nghi tay bắt ấn, tâm duyên sắc mặt, hình dáng, địa vị của bổn tôn, đã là hữu vi hữu tướng, đâu thể chân chánh thuận theo đạo của pháp nhĩ vô vi vô tướng. Cúi mong Đức Thế-tôn khai phát lý thú sâu xa trong đó, để dứt trừ lời nói vọng chấp và lòng nghi ngờ chê bai của thế gian.

Bấy giờ, Bạc-già-phạm trở xuống, Thế-tôn dùng kệ đáp rằng: Trước hết nói người khéo nghe tướng của pháp: vì tướng thật các pháp nghĩa sâu sắc khó hiểu, vì thế dạy bảo khéo nghe. Pháp thường vô tánh từ các duyên sinh, tức là tướng ba tâm vượt các lời nói rộng, ông lại muốn ở chỗ nào mà tìm cầu pháp vô tướng vô vi? Do đó câu tiếp theo nói: Pháp lìa phân biệt và tất cả vọng tưởng... Nếu hiểu rõ các pháp vốn không có tướng như thế thì soi thấy tướng thật của tâm, từ bắt nguồn đến nay thường tự bất sinh, bấy giờ tất cả nghiệp thân, miệng, ý đều như hư không không thể cùng tận, vì thế nói ta thành Tối chánh giác, rốt ráo như hư không, nhưng tất cả ngu đồng, phàm phu, vì không biết như thật, tà kiến điên đảo, vọng chấp các cảnh giới.

Cái gọi là thời phần, các tướng mạo... tham muốn vô minh che lấp, thường bị nước ái thấm nhuần, vô minh che lấp. Nếu ta xả bỏ phương tiện, thẳng vì chúng sinh nói pháp tự thể như thế, họ làm sao hiểu ngộ mà có thể gắng sức tiến lên, do đó ý bài kệ tiếp theo là nói về ý lập giáo, rằng vì độ họ, nên tùy theo phương tiện mà nói. Ý Đức Phật dạy: Vì pháp tướng sâu xa của ta không thể giảng nói ngay được, nên dùng năng lực phương tiện, phó thác cho Mạn-đồ-la đầy đủ duyên chi phần này, khiến người nghiệp nhẹ, gá tâm hữu Địa, chỗ làm bất không, đây chính là nhờ Phật gia trì, gồm được quán sát mười Duyên Sinh Cú, có khả năng bất động tướng thật mà thần thông dạo chơi. Quán khắp tất cả Thiện tri thức, trang nghiêm tất cả cõi nước của các Đức Phật, không muốn cho những người tu hành buông bỏ các hạnh, trụ trong vô minh, lại không để cho chấp trước các hạnh, trú trong hữu tướng, vì thế nói, tuy nói thời phương tạo ra nghiệp, mà thật sự không có thời, phương, không tạo không tác, tất cả các pháp kia, chỉ trụ trong tướng thật. Nếu tất cả pháp hữu vi thảy đều trụ trong tướng thật, há được như người ngu kia, hoặc muốn chạy trốn hư không, hoặc muốn tham đắm hư không hay sao?

Lại nữa, A-xà-lê, trong đây nói rộng về ví dụ ba xe trong kinh Pháp Hoa, như các con của trưởng giả thơ bé thiếu hiểu biết, dù dùng các lời khéo léo khuyên bảo, muốn cho chúng ra khỏi nạn lửa, nhưng cuối cùng không thể được. Bấy giờ trưởng giả quán thân tâm của chúng chỉ tham muốn vui chơi, liền phương tiện bảo rằng: Nay ở ngoài cửa này có ba thứ xe đẹp, các con hãy ra lấy để tự vui chơi.

Lúc đó, các người con vì nghe nói dạo chơi, hợp với ước muốn của họ, lòng đều mạnh mẽ tranh nhau mà ra, và những người ấy được xe báu trang nghiêm bậc nhất, mới không phải chỗ của họ mưu tính trụ

tâm. Pháp môn Mạn-đồ-la này cũng giống như vậy.

Như lai đem nhân duyên sự tướng thế gian, ví dụ so sánh với khuôn mẫu pháp giới không thể suy nghĩ bàn luận, để cúi xuống theo bắt các căn cơ của chúng sinh, nếu có thể chịu nắm giữ, liền có thể tín giải Phổ môn tinh tấn mạnh mẽ tu hành cho đến khi được Tam mật che chở, khi tự thấy tâm rõ đạo, mới biết các thứ danh ngôn đều là mật hiệu của Như lai, cũng không phải cái mà người thường mưu tính.

Như nói ba tháng trì tụng, mới là tánh tịnh tròn sáng trong ba chuyển phương tiện, đâu thể làm chín câu để hiểu ư? Lại như Đức Phật Bảo Tràng ở phương Đông, chính là nghĩa bắt đầu phát tâm Bồ-đề thanh tịnh, đâu được chỉ làm bốn phương để hiểu. Lấy đây để so sánh thì các pháp môn khác, đều thể dùng ý hiểu rõ, do đó mới thật không có thời phương, cho đến chỉ trụ trong tướng thật.

Lại nữa, lòng từ bi lớn lao vô hạn của Thế-tôn, thương xót các chúng sinh đời vị lai căn độn chướng nặng, không thể liền vào pháp giới. Ở trong kho bí mật này, dùng phương tiện xoay chuyển tổng trì còn cả phương tiện cạn, lược, nếu ở trong sự tướng tư duy tu tập, cũng thành Tất-địa thế gian, công đức không luống uổng, ba mật thầm giúp cuối cùng thành quả Phật; cho nên bài kệ sau nói.

Lại nữa, này Bí Mật Chủ! khi đến đời đương lai, các chúng sinh trí tuệ thấp kém, do si ái tự che lấp, chỉ nương vào hữu tướng, thường ưa thích đoạn, thường, thời, phương tạo thành nghiệp, các tướng thiện, bất thiện, mù tối mong cầu quả vị, không biết đạo này vì độ họ, nên thuận theo phương tiện mà nói. Vì thế nên người truyền pháp, phải khéo biết căn duyên, lại biết phân chia pháp môn, nên tùy bệnh cho thuốc chớ để sai lệch căn cơ, nếu người chấp tướng, mà liền vì họ nói nghĩa “không” sâu xa, thì khiến họ sợ hãi, nghi ngờ tăng thêm sự bất tín. Nếu người lợi căn trí sâu, mà trao cho pháp môn cạn lược thì họ cho là không thuận với Chánh đạo vô vi, mà sinh khinh lờn ngạo mạn. Đối với người đã không có lợi ích, thì mình cũng phạm Tam-muội-da vì thế cho nên trước an trụ trong Du-già quán sát ngọn, gốc nhân duyên kia. Khéo hiểu biết rồi, phải quán xét ý tạo quyền bày thật trong câu vấn đáp này, phân tán nhập vào tất cả các pháp môn phương tiện để dạy bảo truyền trao thì có thể lợi ích rất nhiều, cho nên không sinh chướng nạn.

Kinh chép: Này Bí Mật Chủ! Trong nơi chốn đã nói ấy, tùy theo trong mỗi địa sửa sang cho vững chắc, lấy Cù-ma-di và Cù-mô-đát-la chưa rơi đến đất, trộn nhau bôi lên, sau dùng hương hoa chân ngôn sái tịnh; như trong “giáo” đã nói. Hễ tạo Mạn-đồ-la, trong bảy ngày phải

xong. Ngày đầu tiên, A-xà-lê phải trụ trong tự tánh Đại nhật Như lai, sau đó khởi báo thần đất, phương tiện nghiêm thân đều như trong thứ tự cúng dường đã nói. Khởi báo rồi, liền dùng Bất động tôn chân ngôn giúp thêm. Sau đó, đào đất đúng như pháp chọn sửa, kia trước nên đào trong lòng chừng một khuỷu tay. Chọn xong lại lấp trở lại, nếu lấp đầy còn dư là bậc Thượng, như cũ là bậc trung, không đầy là bậc hạ, như thế lần lượt trừ các lỗi rồi. Sửa sơ chỗ đất đào, lấp lại qua loa, dùng nước tiểu bò tưới lên cho bền chắc, bằng phẳng giống như bàn tay.

Sau dùng Cù-ma-di, Cù-mô-đát-la hòa hợp lấp chỗ hở, nếu giải thích cạn cợt qua loa thì đây là phân và nước tiểu bò, vì bắt chước theo phong tục ở phương này cho là trong sạch. Theo giải thích sâu thì cù: nghĩa là hành, do nhập tự môn A là các pháp vô hình.

Ma: nghĩa là Ngã; Di nghĩa là Thừa. Vì sao các pháp vô hành? Vì tất cả pháp ngã không thật có, nếu không có ngã thì không có chỗ nương và người nương, ấy mới gọi là Đại thừa, Cù-mô nghĩa giống như trước đã giải thích. Đát-la nghĩa là như như, xa lìa bụi nhơ, tức là thực tướng của tâm. Nếu hành giả có khả năng sửa sang tâm thanh tịnh như thế thì có thể thanh tịnh rốt ráo lìa các chướng ngại; hễ chọn đất sửa sang thì phải biết phương phần của nó, tức xuyên qua trong lòng Mạn-đồ-la sâu khoảng một khuỷu tay, để thành xong các việc chân ngôn, gia trì ngũ bảo, năm thứ hạt và ngũ được.

An trí trong đó, trừ bỏ dơ bẩn... như trong pháp cúng dường nói. Nếu giải thích sâu xa tức là an lập báu ngũ trí trong tâm Bồ-đề, có thể khởi sinh năm thứ mầm lành, dứt trừ năm thứ tội lỗi, cho nên nói năm thứ hạt, ngũ dược. An trí như vậy xong, lại còn xoa vật sạch cho thật ngay thẳng, phải lấy bình muốn quán đảnh, đem đựng nước sạch, chớ cho quá đầy, xen vào các hoa quả, đặt giữa ngũ bảo, cốc, dược, chôn đặt ở chỗ quý. Từ ngày thứ ba sau khí đặt bình, mỗi ngày phải ba thời, tụng biện sự chân ngôn một trăm lẻ tám biến gia trì vào bình này, sau đó làm các việc khác.

Cho đến tối ngày thứ tư, sau dùng hương thủy chân ngôn gia trì nước hoa, hoặc một trăm lẻ tám biến cho đến ngàn biến, sau đó mới sái tịnh. Chân ngôn ấy là: Nam ma tam mạn đa bột đà nẫm ha bát la đế mê già già na tam mê tam ma đa nô yết đế bát la (ra) ngật lật (phiếu) để vi du (thâu) đệ dạt ma đà đỗ vi thú đạt nhĩ tóa ha.

Câu đầu quy mạng khắp các Đức Phật, như ba thân Đức Phật Tỳ-lô-giá-na trùm khắp tất cả mọi nơi, tất cả Như lai trong mười phương ba đời, cũng giống như vậy, đều cũng đem tâm trùm khắp, tất cả quy mạng

xong, sau đó nói chân ngôn này, muốn khiến cho các Đức Thế-tôn này không vượt qua bản thệ, cùng gia trì mà làm chứng minh. Các chân ngôn dưới so sánh như vậy, không giải thích rộng nữa.

Trong câu thứ hai, ban đầu lấy thể tự môn A làm thể của chân ngôn, cái gọi là chữ hạt giống. Các tự môn khác, đều để trang nghiêm chữ này. Vì tự môn này chính là nguồn gốc tâm Bồ-đề, nay đã làm đại bi tạng Mạn-đồ-la chúa, trước dùng nước thơm sái tịnh, đều là sửa tâm địa như thế, khiến xa lìa các sự dơ bẩn. Nếu nói về cảnh bên ngoài, cũng là giữ gìn tâm địa kim cang, thế nên các chữ khác đều làm thành tựu “tự” môn này.

A tự nghĩa là tất cả pháp vốn bất sinh; kế nói chữ Ba-la, Ba là Đệ nhất nghĩa đế; La là trần, dùng tất cả chữ đều nhập tự môn A, tức là bụi nhơ xưa nay bất sinh. Bụi nhơ xưa nay bất sinh, chính là Đệ nhất nghĩa đế có chỗ nói là Tâm Bồ-đề thanh tịnh, kế là chữ Để, chính thể là tự môn Đa, do mang âm thanh Tam-muội nên chuyển làm Để.

Để nghĩa là tâm, cũng là nghĩa như như, như như trong tướng như thật của tự tâm, tức là tâm Bồ-đề thanh tịnh, tâm Bồ-đề thanh tịnh đối với các pháp đều không đắm nhiễm thì gọi là Tam-muội Liên hoa. Người trụ trong Tam-muội đó, cho đến tướng không của các pháp cũng không thật có, cái gọi là đại không của các Đức Phật.

Tiếp đến nói chữ Sa, chữ ma, do định, tuệ bằng nhau, đầy đủ âm thanh Tam-muội, cho nên nói là Tam mê. Trong đây chỉ căn cứ tự môn để giải thích, như các kinh luận Đại thừa, căn cứ vào bốn Tất-đàn, bốn Bất Sinh... dùng các thứ nhân duyên ví dụ giảng nói rộng tự môn A thì có vô lượng nghĩa cú.

Lại vì trong tất cả nói năng đều mang âm thanh A, mỗi tự môn đều có tất cả tự môn, nếu người đắc ý sẽ tự tại chuyển xoay mà nói, dưới đây, không thể nói đầy đủ.

Lại nữa, trong chân ngôn, có nghĩa tự, có nghĩa cú. Nghĩa tự như trước đã nói, còn nghĩa cú thì A-bát-la-để-ta-mê này nghĩa là vô đẳng vô đối, nghĩa là tâm địa Mạn-đồ-la vương này, vượt qua tất cả lời nói ví dụ, cho đến không có một pháp nào so sánh được, do đó nói là vô đẳng. Vì sao? Vì bao gồm đầy đủ ý nghĩa đã nói như trên.

Nghĩa câu thứ ba nói sánh đồng hư không. Nói tâm địa này, rốt ráo thanh tịnh không phân biệt, không bờ bến, sánh đồng hư không.

Lại nữa, tự Già môn nghĩa là hành. Na: là Đại không, đối với pháp nghĩa được tự tại, đem tự môn Già nhập vào tự môn A. Tất cả pháp từ xưa đến nay đều không chỗ làm. Như lai đối với pháp này đến nơi Thật

tế.

Lại nữa, không chỗ làm, do không làm, tức là trụ trong Đại không đối với pháp tự tại, vì tâm địa ta cùng Đại không này tốt ráo giống nhau. Phải biết tâm địa đệ tử và đất đạo tràng, cũng giống như vậy, vì thế nói sánh đồng hư không.

Câu thứ tư nghĩa nói: Đẳng tùy. Đem Kim cang địa sánh đồng hư không thì có thể đồng khắp tất cả chúng sinh giới, khắp hiện thân tùy loại, cho nên có thể vẽ làm Mạn-đồ-la.

Lại nữa, Bà nghĩa là lậu, Ma nghĩa là Ngã, nghĩa là ý, các chúng sinh giới này vốn bất sinh cho nên thảy đều như như, cho nên pháp giới, chúng sinh giới rốt ráo đồng nhau. Nỗ: là Đại không Tam-muội, Như lai trụ trong Tam-muội Đại không này, không đi không đến, cũng không qua lại, nhưng có thể biết tâm lượng của kia tùy duyên ứng hiện, vì thế nói là Đẳng tùy.

Câu thứ năm nghĩa nói: Bổn tánh tịnh ấy, trở lại giải thích tự môn A tâm Bồ-đề thanh tịnh, và nghĩa nước thơm. Như lai dùng hương đẳng chí pháp giới, hòa hợp Tam-muội với đại Bi, có thể rửa khắp tâm địa tất cả chúng sinh, trừ bỏ những dơ bẩn kia. Vì sao? Vì Bản tánh kia vốn trong sạch, như tánh nước vốn sạch nên có thể rửa sạch các chất dơ bẩn nước thơm của Như lai cũng giống như vậy, do vốn trong sạch, có thể làm sạch tâm cho tất cả chúng sinh.

Tiếp theo, nói nghĩa câu thứ sáu là trừ sạch pháp giới, giống như nước thơm rảy trên đất để trừ chất dơ. Như lai cũng giống như vậy, dùng nước hương tánh tịnh hòa hợp với nước bi tánh tịnh, tưới khắp vào tâm địa tánh tịnh của chúng sinh trong pháp giới, để khiến tất cả nói rộng đều trừ sạch, cũng phải đem các tự môn mà nói rộng, vì tất cả Như lai đồng nói thệ lớn như vậy, cho nên gọi là “Chân ngôn”.

Lại nữa, pháp giới, tức là chúng sinh giới, chúng sinh giới tức là tâm giới, tâm giới tức là bản tánh thanh tịnh. Bản tánh thanh tịnh tức là đến khắp tất cả, giống như hư không. Giống như hư không tức là Vô Đẳng, Vô đẳng tự môn A như hư không không có bờ mé (giới hạn), do đó phải biết tự môn A cũng vô biên, như hư không vô nhiễm, không biến đổi, không động, vì thế nên biết tự môn A cũng không nhiễm, không thay đổi, không lay động, như hư không xa lìa tất cả tướng mà bao gồm muôn hình (loại), xa lìa tất cả tạo tác mà thành tựu nghiệp nhân các việc ở thế gian. tự môn A cũng giống như vậy, vô tướng vô tác mà đầy đủ vô lượng trang nghiêm, thành tựu nghiệp phổ môn không thể suy nghĩ bàn luận, như thế phải đem các môn tự tại để nói, nhưng

lại có vô lượng, vô biên pháp chưa từng có, không phải hư không kia có thể ví dụ được, vì thế cho nên tự môn A là hạt giống chân ngôn, vượt qua các thứ ví dụ.

Câu cuối, nói: Tóa ha, nghĩa là cảnh giác, vì tất cả Như lai khi còn hành đạo Bồ-tát, đồng thấy nghĩa như vậy, chắc chắn Sư tử hống phát lời thành thật: Ta cần phải đem tự môn A này làm sạch khắp vô tận chúng sinh giới, nếu thệ này của ta không luống dối, thì có tất cả chúng sinh đọc tụng lời thành thật của ta không thiếu pháp tắc thì sẽ đầy đủ như sở nguyện của họ, nay ta tùy theo Tam-muội-da của Như lai dạy nói chân ngôn này, chỉ xin không trái với Bản thệ khiến đạo tràng ta đầy đủ trang nghiêm thanh tịnh, do đó nói "tóa ha".

Dưới đây các chân ngôn nói Tóa ha, nghĩa kia đại khái giống nhau. Hễ khi nào là nội ngũ bảo, thì phải kính lễ các Đức Phật trong mười phương, mà thỉnh bạch rằng, con ngày mai thực hành thỉnh pháp, từ đây đến ngày thứ ba về sau, dần phải chắc chắn phương vị Mạn-đà-la lớn hoặc nhỏ, hoặc bốn khủy tay hoặc mười hai khủy tay... Cho đến chỗ ngôi vị của các bậc Thánh, trời, đều dùng bạch-đàn tô điểm ghi nhớ, nếu A-xà-lê không thể nhớ đầy đủ, cho đến vẽ hình tướng của kia, hoặc ghi chữ để nhớ, mỗi thứ phải cho rõ ràng, và dùng nước thơm sái tịnh xong, phải dùng bạch đàn bôi làm đàn tròn, chừng mười hai ngón tay, trước hết đặt thai tạng Đại nhật Thế-tôn ở giữa, kế ở phương Đông chỗ rất mạnh mẽ đặt ngôi thứ tất cả Như lai. Góc Đông Nam là chỗ Chân-đà ma-ni, đặt ngôi thứ tất cả Bồ-tát. Tiếp đến góc Đông Bắc chỗ hư không nhãn, đặt ngôi vị Phật mẫu.

Lại nữa, ở bên phải Phật Đại Nhật đặt ngôi thứ Liên Hoa Thủ, ở bên trái Đức Phật Đại Nhật, đặt ngôi thứ Kim Cang Thủ, tiếp theo ở góc Tây Nam đặt ngôi thứ bậc Thánh bất động, góc Tây Bắc đặt ngôi vị hàng Tam Thế, phía Tây là chỗ cửa thông suốt, đó là chỗ ở của A-xà-lê, chỗ tu cúng dường Du-già.

Kinh chép: Trước, thân ta thứ nhất, tức là ngôi thứ Tỳ-lô-giá-na, lại năm Đức Phật phải cùng đặt một đàn, thứ hai là các vị Cứu thế, tức là các Đức Phật, Bồ-tát, cũng chia làm hai ngôi thứ; thứ ba kia đồng nhau, tức là Phật mẫu. Như lai gọi là "Vô Đẳng", nhưng Bát-nhã ba-la-mật cho là Vô đẳng đẳng, cho nên nói kia đồng nhau. Thứ tư là Liên hoa thủ. Thứ năm Kim cang bộ chủ. Thứ sáu nói Bất động tôn thì hàng tam thế có thể biết. Đây tức đều là thành biện các việc trì minh. Phải biết nêu sáu ngôi thứ này thì nhiếp tất cả chư tôn.

Làm như thế xong, phải sắp bày đầy đủ hoa, hương cúng dường,

chiếu theo đồng với nghi thức thứ lớp cúng dường, sau đó quán thành đài hoa sen báu, cung điện quý báu, trong đó trải tòa, trên tòa đặt đài hoa sen trắng, đem tự môn A chuyển làm thân Như lai Đại Nhật, màu vàng tím như vàng cõi Diêm-phù-đàn, như tượng Bồ-tát, đầu đội búi tóc như cái mũ, thân hình đều phát ra các thứ màu sắc sáng rực mặc áo lụa tốt, đây là cờ nêu thành Tối chánh giác Thủ-đà-hội thiên của các chúng Thánh cõi kia, y phục cõi trời nhẹ nhàng tốt đẹp, cho đến không có thù lượng bản chất nghiêm sạch, lại không giả gối trang sức bên ngoài, cho nên Thế-tôn đồng tượng kia.

Nếu người thực hành thâm bí thích thì tướng Như lai trang nghiêm tinh diệu, pháp nhĩ vô giảm, không tạo tác để thành, cho nên không dùng các vật báu bên ngoài để trang sức, cho đến các Bồ-tát Thập trụ, còn do nương vào thần lực Đức Phật được thấy thân gia trì, các vị ấy đối với thể thường tịnh, như tại lụa tốt, do đó lấy làm so sánh. Vàng cõi Diêm-phù, cũng là tánh sạch tự nhiên, màu lại rất đậm, nói trí tuệ Kim cang Đức Phật rất sâu sắc mầu nhiệm, toàn thân phát ra các thứ ánh sáng, tức là Phổ môn mở bày Đại tuệ rõ ràng.

Kế là ở trên bốn phương tám lá, quán sát các Đức Phật bốn phương. Phương Đông quán Bảo Tràng Như lai, như mặt trời bắt đầu hiện ra màu đỏ sáng, Bảo Tràng nghĩa là phát tâm Bồ-đề, ví như vị tướng quân thống trị mọi người, cần được cây cờ, sau đó chia ra từng bộ đều nhau, có thể phá nước thù địch thành công danh lớn. Muôn hạnh Như lai cũng giống như vậy, đem Nhất thiết trí nguyện làm lá cờ, ở dưới gốc Bồ-đề hàng phục các quân Tứ ma, cho nên lấy làm tên, màu sắc như mặt trời buổi sáng cũng tương ưng với nghĩa kia.

Phương Nam quán cây Ta-la chúa hoa nở bày Phật, thân tướng màu vàng, phát ra ánh sáng cùng khắp như trụ trong tướng nêu của Tam-muội Ly cấu, bắt đầu từ hạt giống (hạt giống) tâm Bồ-đề, nuôi lớn đại Bi muôn hạnh, nay thành giác khắp muôn đức mở bày, vì thế lấy làm tên. Lìa cấu tức nghĩa là Đại không, khi chứng Đại không này, giống như vàng thật trải qua trăm lần nấu các dơ bẩn đều hết; thân tướng Phật cũng giống như vậy. Đây là vàng tốt nhất ở thế gian, nếu so sánh với vàng ở Diêm-phù-đề thì màu nhạt lại đục, không được tự nhiên trong sáng soi suốt như kia. Vì Phật trên hoa là từ tâm lượng nhân duyên sinh ra nên có sự hàng phục khác nhau.

Tiếp đến phương Bắc quán Phật Bất Động, thực hành xa lìa sự nóng bức được hoặc mát mẻ, trụ tướng vắng lặng. Đây là trí Niết-bàn Như lai, cho nên gọi nghĩa là bất động, không phải tên gốc của Ngài.

Tên gốc phải nói là Cổ Âm Như lai, như trống trời đều không có hình tướng, cũng không chỗ an trụ, nhưng có thể giảng nói pháp âm đem đến sự giác ngộ cho chúng sinh. Đại bát Niết-bàn cũng giống như vậy, không giống như Đại thừa vắng lặng hoàn toàn đều không có diệu dụng, cho nên lấy làm dụ.

Kế đến ở phương Tây quán Đức Phật Vô Lượng Thọ, đây là Như lai phương tiện trí, do chúng sinh giới vô tận nên phương tiện Đại bi của các Đức Phật cũng không cùng tận, vì thế gọi là Vô lượng thọ. Tiếng Phạm nhĩ nhĩ, nghĩa là Nhân giả, lại vì hàng phục bốn ma nên gọi là Thắng giả (người chiến thắng) cho nên kệ dịch đủ nghĩa ấy, nghĩa là người có lòng nhân thù thắng. Hai Đức Phật này cũng làm màu vàng ròng, hơi nhắm mắt nhìn xuống, có hình Tam-muội tịch diệt, các Đức Phật cũng lệ theo như thế. Bốn góc đài hoa có bốn Bồ-tát, như văn sau nói.

Tất cả ngôi vị Như lai, chỉ quán một Đức Phật ở trong đàn vàng thì giống như tất cả thân Phật, ngoài ra hình tượng ngôi thứ khác nhau đều nương vào kinh, đều phải chuyển tự thành thân, khiến mỗi thứ được rõ ràng. Phàm phương pháp Mạn-đồ-la chuyển Tự thì tất cả Chư tôn đều dùng hạt giống tự gốc, hoặc dùng các Tự bộ khác thường dùng, như ba bộ A, Bà, Phạ... Nếu sợ thiển hạnh A-xà-lê, không thể nhanh chóng xoay chuyển như thế, chỉ quán tự môn A sinh vô lượng ánh sáng, ánh sáng đến chỗ nào, liền hiện thân của Tôn vị kia, đến đêm pháp sự, cũng đều phát ra như đây.

Hễ khi tu quán hạnh, trước phải lấy Ngã tự giữ gìn thân, giống như trong pháp cúng dường nói, liền quán tự tâm thành tám cánh hoa sen. A-xà-lê nói: người tâm trạng run sợ, vẩn đục, giống như hình dáng hoa sen búp chưa nở, có gân, xương đại khái làm thành tám phần, nam tử xoay lên, nữ nhân xoay xuống, trước quán hoa sen nở tròn, thành tòa hoa sen trắng tám cánh, trên đài này phải quán chữ A có màu Kim cang, trước hết ở giữa đặt bách quang biến chiếu vương, lại dùng mắt vô cấu quán sát, dùng đây tự gia trì, liền thành thân Tỳ-lô-giá-na. Dùng phương tiện này quán thân Tỳ-lô-giá-na, khiến không hai không khác với thân ta, lại trong Nhị minh vương gọi là trụ ở nhà Phật.

Đến khi vẽ Mạn-đồ-la xong, A-xà-lê rời tòa ngồi ra ngoài cửa, phải ở trong giai vị nhà Phật này, ý muốn đặt tôn thân hoặc kinh Bát-nhã chỗ nào thì đem vàng quý đựng đầy mâm tô điểm trang nghiêm cúng dường, hoặc đặt ở chỗ xâu chuỗi hoặc chày Kim cang hoặc mõ kim cang. Lại hễ khi muốn chọn sửa đất thì phải tự quán tâm trên hoa

sen, ngọc quý như ý trong ngoài sáng suốt, khi người ấy quán sát kỹ, thì tất cả tướng thiện ác đều hiện trong đó. A-xà-lê phải dùng tuệ phương tiện mà chọn lọc sửa sang, cho được chắc chắn ngay thẳng, quán tâm đệ tử cũng giống như vậy, ý thú sâu kín trong đây có thể dùng ý mà được. Hành giả trụ trong nhà Phật, như trên người nào quán Thánh tôn xong, phải chuyển a thành phạ, Kim cang Tát-đỏa gia trì tự thân, dâng hiến hương hoa... đúng như pháp cúng dường, đều giống như trong pháp thứ lớp nói rộng, sau đó khởi tâm đại bi chí thành sâu xa tụng thỉnh kệ A-lỵ-sa, như văn kinh.

Nay có tiếng Phạm như dưới đây:

Tam mạn phạ ha lan đỗ mê tát ra bính nhĩ. Ca lô (lư) noa đát mảng ca bộ mê bát lý để duệ.

Ý kệ này nói, các Đức Phật từ bi thương xót người chỉ xin nhớ nghĩ chúng con, con nay xin thưa: Sẽ làm phương pháp thọ trì đất, và các đệ tử Phật, sáng ngày mai cùng giáng lâm để chứng minh. Tiếng Phạm ở trong âm thanh “tồn niệm”, tức là có ý thỉnh đến. Tất cả Bồ-tát, Kim cang thủ, Thánh bất động tôn. Tất cả Phật vị, năm Như lai vị, A-xà-lê vị. Đây là ngôi thứ Bạch đàn Mạn-đồ-la.

Phật mẫu hư không nhãn, Liên hoa thủ, hàng Tam Thế-tôn.

Đến tối ngày thứ năm, lại phải thứ lớp đầy đủ phép tắc, muốn tự nghiêm thân, quán nhập ngôi vị Mạn-đồ-la, phụng thỉnh nhóm họp giúp đỡ... tất cả đủ khắp xong, phải tụng Bất động minh vương, hoặc hàng Tam Thế-tôn, tương ưng với mật ấn, đủ một trăm lẻ tám biến gia trì vào đất này, A-xà-lê nói: Từ ngày thứ ba về sau, mỗi ngày ba thời luôn tụng niệm, đều tụng Bất động chân ngôn một trăm lẻ tám biến để gia trì vào đất này, không nên riêng một thứ này mà phải sử dụng tất cả.

Lại từ ngày đầu, đến ngày thứ ba tới nay, nếu có các nạn làm chướng ngại, liền phải thu nhiếp dừng lại, nếu đã xoa bạch đàn ở ngôi thứ xong, nếu có các việc ma, hai bên không hòa hợp, thì phải siêng năng gia trì phương tiện, sẽ được thành tựu, ngoài ra như trong Cù-hê chép: Đêm thứ năm tụng Bất động chân ngôn xong, kế đó phải y theo thân Như lai Đại Nhật liền tụng chân ngôn trì địa và bắt ấn Tam-muội-da, nói chân ngôn kia rằng:

Nam ma tam mạn đa bột đà nẫm tát bà đát tha yết đa địa sắt xá na địa sát chỉ đế a giả lệ, vi ma lệ bà ma la nãi bát la ngật phiếu (lật) để bát lý thâu (du) di tóa ha.

Câu đầu quy mạng tất cả các Đức Phật, nghĩa câu hai, câu ba nói: dùng năng lực gia trì của tất cả Như lai để gia trì. Ý này nói: Như đạo

tràng kim cang kia, thần lực tất cả Như lai cùng chung gia trì, nay khiến đất này cũng giống như vậy.

Lại nữa, ta đã sửa cho tâm địa đệ tử ngay thẳng thanh tịnh xong, đây là tâm vương của Như lai, chỗ bức họa Đại bi tạng Mạn-đồ-la, nay ta nói lời thành thật rằng, nhờ thần lực tất cả Như lai che chở, giúp được bền vững bất động.

Câu thứ tư nói: A-giả-lệ nghĩa là bất động.

Câu thứ năm nói Vi-ma-lệ, nghĩa là vô cấu. Ý này nói: do thần lực của tất cả Như lai chân chánh gia trì khiến được yên ổn vững chắc bất động, không chỉ bất động mà thôi, lại giúp cho xa lìa tất cả cấu nhiễm, chính là lấy chữ A đầu trang câu thứ tư làm thể chân ngôn. Như lai dùng pháp nào gia trì, có thể khiến rốt ráo, không nghiêng ngả lay động? Nghĩa là lấy tự môn A này nên có lực dụng như vậy. Câu thứ sáu là nghĩa nhớ nghĩ giữ gìn, giống như Tỳ-kheo làm pháp yết-ma, khiến chúng tăng một lòng hòa hợp cùng thọ trì. Nay chân ngôn này cũng giống như vậy, dùng chữ A gia trì xong, xin tất cả Như lai nhớ nghĩ thệ xưa nên cùng thọ trì.

Câu thứ bảy nghĩa là bản tánh thanh tịnh, đây là chuyển giải thích câu trước, vì sao các Đức Phật đồng tâm nhớ nghĩ gia trì? Do bản tánh thanh tịnh. Nếu pháp nhập tự môn A, tức là từ xưa đến nay không lay động, không cấu nhiễm, các Đức Phật trong mười phương ba đời do nghĩa này nên đều đồng một Giới một kiến, vì thế đồng cùng gia trì. Câu cuối cùng nói Tóa-ha: như Tăng yết-ma xong, lại thêm Nhẫn có thể ấn thành Cú, như ta đã phát lời thành thật chắc chắn không sai lầm, cúi mong các Đức Phật không quên Tam-muội-da, giúp việc làm viên mãn. Trong đây, tất cả nghĩa của chữ tự cũng phải phân biệt nói rộng.

Bấy giờ, A-xà-lê kia phải đến phương Đông, ngoài đàn vị tất cả Như lai, xoay về hướng đông trì tụng chân ngôn hoặc ba biến hoặc bảy biến, có thể nhiều lợi ích, sau đến phương Nam, tiếp theo đến phương Tây, kế đến đến phương Bắc đều dựa lưng vào Bạch đàn mà tụng, trì như vậy một vòng đã xong. Sau đến ngôi vị hư không nhãn, phải mặt hướng về Đông bắc lưng dựa vào bạch đàn vị mà tụng. Sau đó đến phía Đông nam, tiếp theo đến phía Tây nam. Kế đó đến phía Tây bắc, lại phải chí thành làm lễ, cúng dường các thứ, căn cứ vào chỗ ngồi A-xà-lê, ngồi xoay mặt về hướng Đông, tụng chân ngôn vốn thọ trì, trụ trong bổn tôn Tam-muội, đều như trong cúng dường thứ lớp có nói.

Lại lần lượt trì chân ngôn các Tôn vị trong bạch đàn vị, và kết ấn kia. A-xà-lê nói: trước trì chân ngôn của Đại nhật bộ chủ một trăm lẻ

tám biến, ngoài ra tám vị, quán chân ngôn kia lớn nhỏ để trì, nếu có thể tụng và trì bốn vị Bồ-tát ở viện thứ hai; chư tôn thượng thủ như Đức Thích-ca... ở viện thứ ba, cho đến đều tụng các vị cũng được. Bạch đàn vị kia chỉ xoa bùn khô, rưới nước thơm xong thì được làm. Cũng không chắc chắn trong ngày thứ tư, tự đặt xong, đều phải nương vào đây trì tụng, đến đêm pháp sự, cũng theo đây có thể biết. Đêm thọ trì đất, A-xà-lê như pháp trì tụng xong, cho đến dùng Kim cang ngâm vịnh, khen ngợi khắp. các Đức Phật, Bồ-tát, ngồi yên mệt mỏi, thì ở chỗ đặt đàn này như pháp hộ thân, liền nằm xoay mặt về hướng Đông, phải đối với đệ tử được sinh tâm đại Bi thương xót.

Nếu cù-hê-thả-thẩm-la, thọ trì đất xong, lại có pháp danh hiệu Kiết-tô-đa-la đệ tử thọ trì. Khi kia an nghỉ, phải tư duy tất cả các pháp mtự môn A trong tâm đài hoa sen, vì ta không thể đắc tức là vô chướng ngại tâm Bồ-đề. Cũng lại là hạt châu như ý. Lại nói ngọc như ý này, chỉ là tự môn A mà thôi. A-xà-lê kia, phải ở trong mộng, hoặc thấy vô lượng các Đức Phật, Bồ-tát, các bậc có tiếng tăm lớn thị hiện làm các sự nghiệp, nghĩa là tùy theo các loại chúng sinh đáng độ, dùng ba luân dẫn dắt giáo hóa, hoặc tự thân an bày kiến lập Bi sinh Mạn-đồ-la, hoặc dùng âm thanh vi diệu, khuyến khích, dặn dò rằng, nay ông thương xót chúng sinh, làm thành Mạn-đồ-la này, lành thay! Ma-ha Tát-đỏa, ông đã vẽ rất mầu nhiệm, các cảnh giới như vậy. A-xà-lê phải đêm tâm tự khéo quyết định chọn lựa, phải biết Thánh chúng cùng gia trì đất ấy, có thể tùy ý tác pháp. Nếu có người ngăn cản thì nên làm phương tiện hộ-ma tương ưng trừ sạch, phải phát tâm thật siêng năng, mạnh mẽ khiến cho việc làm thanh tịnh.

Lại nữa, nếu A-xà-lê là bậc thầy chân đế thì trong hạt châu như ý của tâm Bồ-đề thanh tịnh Tam-muội Liên hoa, tự nhiên thấy rõ, có chướng, không chướng, nhân duyên rõ ràng vô ngại, tâm Phật hiện bày dặn dò trao truyền để khai mở chỗ nghi. Như kia hiểu biết việc Ma, phải dùng trí tuệ rộng lớn, lần lượt làm pháp Hộ-ma, cần giữ gìn tâm không để lay động, không lui sụt, có thể kiến lập pháp giới Mạn-đồ-la, sau đó mới dừng lại.

Lại nữa, A-xà-lê từ khi bắt đầu khởi báo thần đất đến nay thì không nên lìa đất đạo tràng ấy, luôn ở trong đó gia trì, nên quán sát kỹ càng, tùy theo có chỗ nào chưa bằng phẳng liền phải sửa sang. Lại suy nghĩ các duyên, chi phần đều phải làm cho thường đủ, không được để việc thiếu thốn mà sinh nghi ngờ, tự thọ trì đất xong, liền phải theo khuôn mẫu vẽ giới hạn chia ra, quy định phương vị, đến đêm quán đảnh

mới tạo các tôn, nếu không thể chóng thành tựu thì sau khi trì địa dần dần tu cũng không có lỗi.

Kinh dạy: Lại nữa, vào những ngày khác, nhiếp thọ người đáng độ, trở xuống cho đến trao nước thơm bảo uống, tâm kia thanh tịnh là nói nhiếp thọ kiến lập che chở chi phần của đệ tử, thọ trì đất xong, kế là nói đêm làm pháp đệ tử, cho nên nói là ngày khác. Sau đây phân biệt rộng tướng của đệ tử đáng độ. Kệ nói: nếu đệ tử có tín tâm: nghĩa là A-xà-lê quán căn tánh hiện tại hoặc nguyên nhân xa xưa của đệ tử, đối với duyên khởi không thể suy nghĩ bàn luận, ba thứ bí mật trong các phương tiện, tin thẳng không nghi, không hề sợ hãi, mới xứng đáng nhiếp thọ, ngoài ra như trong Sư đức nói kệ rằng, sinh chủng tánh thanh tịnh: nghĩa là sinh trong bốn dòng lớn như Bà-la-môn... Nếu là dòng Chiên-đà-la... thì do tiếp nối phép trị nhà tập quán làm việc không trong sạch, nên tánh nhiều xấu ác, nếu làm pháp quán đảnh cho họ khiến lưu thông pháp lớn thì họ sinh khinh lờn hoặc trở thành nhân duyên thiếu pháp.

Giống như Tỳ-kheo thọ giới cụ túc cũng phải chọn bỏ những người dòng họ thấp hèn hủy nhục chúng tăng, nếu chỉ là thọ pháp kết duyên thì không nói làm gì.

Lại nữa, nếu từ lâu xa đến nay, đã có nhân duyên phát tâm Bồ-đề, tức là sinh trong giòng họ Như lai, giòng họ rất cao quý. Kệ nói: Cung kính Tam bảo: nghĩa là đối với Phật, pháp và chúng tăng khởi tâm thật thà, mộc mạc, kính nhường, thường muốn gần gũi tôn trọng, cúng dường khen ngợi, phải biết vị ấy đời trước có nhân duyên hành đạo, cho đến như Bồ-tát Thường Bất Khinh, ấy gọi là thâm kính tất cả chúng sinh, tin Tam bảo (Phật, Pháp, Tăng).

Dùng trí tuệ sâu xa để trang nghiêm thân: Vô biên pháp Phật bằng với hư không như thế người tâm khí, trí tuệ thấp kém không thể làm được, vì thế đối với người có trí tánh lợi ích sâu xa để tự trang nghiêm, mới nói cho nghe.

Kham nhẫn không biến nhác: đây nghĩa là có khả năng làm được, không gì lui sụt. Âm Phạm và nhẫn nhục khác nhau, nghĩa là nhân duyên cầu pháp, dù các việc gian nan khổ sở thảy đều làm được. Giả sử một lần không thành, lại trở lại bắt đầu tu hành, như thệ tát cạn biển lớn cho đến cạn hết mới thôi. Nếu người chí tánh như thế thì có thể truyền pháp.

Thi-la Thanh tịnh không thiếu: Nghĩa là đối với luật nghi của người tại gia xuất gia, cho đến đối với bản tánh thọ các giới cấm, tùy

theo chỗ phụng trì thì thâm tâm phòng giữ không có thiếu sót, nếu người đầy đủ tánh như thế, dù nhập Tam-muội-da, thệ lớn bình đẳng, cũng sẽ kính thuận không trái ngược, do đó có thể truyền pháp.

Nhẫn nhục không bỏn sẻn: Trong đây chia làm hai câu. Nhẫn nhục: nghĩa là đối với tám thứ gió lớn của cảnh giới trong, ngoài, trái thuận, tâm kia nhẫn nhục an ổn không gì làm nghiêng động, như trong Trí độ Thi ba-la-mật có nói rộng, phải biết người ấy chắc chắn không phạm điều cấm nặng trì minh, làm việc không lợi chúng sinh, do đó có thể truyền.

Không bỏn sẻn: nghĩa là đối với tất cả tài, pháp thường nghĩ đem cho người, nếu có người đến xin thì tâm không keo tiếc, như trong Trí độ Đàn ba-la-mật, phải biết người ấy chắc chắn không phạm vào điều cấm nặng bỏn sẻn chánh pháp, do đó có thể truyền trao.

Mạnh mẽ giữ vững hạnh nguyện: Cũng chia làm hai câu. Mạnh mẽ tức là trong đức của A-xà-lê, chủng tánh tâm Bồ-đề mạnh mẽ. Trong khi hành đạo, dù gặp các thứ thanh, sắc đáng sợ, tâm không hèn nhát cho đến vào sinh ra tử, không có ý tưởng lo sợ, chân chánh thuận theo việc làm của bậc Đại nhân Bồ-đề Tát-đỏa, cho nên truyền trao.

Giữ vững hạnh nguyện: Đây là nguyện quan trọng của tâm, nghĩa cầu nguyện và âm Phạm khác nhau. Như tự mình lập chí, mỗi ngày ba thời tụng niệm thì cuối cùng một ngày nào đó, dù trải qua các duyên khác nhưng vẫn như ban đầu không xen hở, như thế, việc có đầu có cuối, nếu khi hành đạo Bồ-tát cũng không thiếu bổn thệ, cho nên có thể truyền trao. Nhưng đây đã nói mười đức đệ tử, nếu người nào đầy đủ thì phải biết người ấy rất ít có, chỉ cần có sở trường riêng thì có thể trở thành bậc thầy, liền nên nhiếp thọ.

Lại như Thanh văn khi thọ giới Cụ túc, quán sát các thứ già nạn, có chỗ nói quá trẻ hoặc quá già dung mạo xấu xí, các bệnh hoạn... sợ cư sĩ chê trách cho nên lựa bỏ. Nay Đại thừa đây thì không giống như vậy, chỉ cần đạo có thể cứu giúp, dù có các tội lỗi khác, đều không đáng kể. Trong kệ nói hoặc mười, hoặc tám, bảy hoặc năm, hai, một, bốn người thì trong một kỳ đạo tràng là số đã hạn định làm A-xà-lê quán đảnh, trong đây vượt quá số hạn chế mà lấy, nghĩa là từ một đến hai, từ hai vượt đến bốn, từ bốn đến năm, từ năm vượt đến bảy, từ bảy đến tám, từ tám vượt đến mười người, vì thế nên trong một Mạn-đà-la không được đồng thời làm quán đảnh cho ba người, sáu người, chín người, bởi vì ý sâu của Như lai, A-xà-lê không giải thích lý do, lại đồng với kinh Đại Phương Đẳng Đà-la-ni, không được quá mười người trở lên, vượt quá

đây thì sợ tâm lượng A-xà-lê có chỗ không khắp, phải đợi duyên sau làm pháp riêng. Lại mười người trở xuống này: nghĩa là đồng thời phát tâm, mỗi người đều xả bỏ tất cả trong ngoài, cúng dường Tam bảo, cùng nhau thành tựu Mạn-đà-la, cho nên được đồng thời tác pháp. Nếu người nhờ gặp đạo tràng bèn nói pháp duyên khó gặp, xin cứu độ thì chưa hợp thời làm A-xà-lê quán đảnh. Nếu lại vượt qua số này, hoặc người chỉ cầu kết duyên ở trong pháp nhất môn Bản tôn thọ chân ngôn ấn thì không theo như vậy mà phân chia giới hạn. A-xà-lê cũng phải phát khởi đại Bi tùy theo người có thể khởi một phần nhỏ tâm lành, đều lập tức làm phát sinh hạt giống Bồ-đề, do đó nói hoặc lại vượt qua số này.

Kinh nói: Bấy giờ, Kim cang thủ Bí Mật Chủ lại bạch Phật rằng: Bạch Thế-tôn! Phải gọi tên Mạn-đồ-la này là gì? Mạn-đồ-la này nghĩa như thế nào? Nhân đây Như lai chọn lựa người giới hạn chúng, để giúp cho những người chưa ngộ được hiểu, chuyển sinh nghi vấn. Kim cang thủ thưa hỏi Đức Thế-tôn, nói cảnh giới gia trì này, giảng nói đại Bi tạng sinh Đại Mạn-đà-la vương thì đó là đại bi bình đẳng, lại không có giới hạn. Nhưng nay Thế-tôn đã dạy dù người có đức đáng truyền trao, nhưng không quá mười người, dường như là tùy chuyển "Nhất Minh" kia, không phải cụ thể, cho nên hỏi phải làm thế nào để gọi tên Mạn-đồ-la này?

Lại Mạn-đồ-la nghĩa là vòng tròn, nay đã hạn cuộc số lượng, dường như đối với lý chưa tròn đầy, do đó trong đây hỏi Mạn-đồ-la nghĩa như thế nào? Gồm có hai câu hỏi, Đức Thế-tôn sẽ đáp. Ban đầu trả lời Danh (tên) sau trả lời nghĩa. Căn cứ trong phần trả lời Danh, trở lại làm sáng tỏ ý chỉ gốc rằng: Mạn-đồ-la là nghĩa phát sinh, nay gọi là phát sinh các Đức Phật Mạn-đồ-la. Lúc hạt giống tâm Bồ-đề trong đất tâm Nhất thiết trí, lấy nước đại bi soi lấy mặt trời trí tuệ lớn lao, hăng hái dùng phương tiện gió lớn không ngăn ngại cho đau không là không, có thể khiến mầm pháp tánh không thể suy nghĩ bàn luận lần lượt tươi lớn, cho đến đầy khắp pháp giới thành cây Phật, do đó gọi là phát sinh.

Sấm mưa nuôi lớn mầm, mầm từ đất nảy sinh, không thể cho tánh phần cây cỏ tươi lớn không giống nhau, bèn khiến bố thí phân chia bình đẳng cũng trở thành giới hạn. Sau trả lời đúng vào nghĩa. Tiếng Phạm Mạn-đồ-la nghĩa là chứa nhóm sữa thành tô. Mạn-đồ-la là ở trong Tô.

Cực tinh tinh thuần ấy: nghĩa là nhóm lại nổi ở trên, giống như tinh ròng không còn thay đổi. Lại gọi là Kiên, vị thanh tịnh, mầu nhiệm hòa hợp với nhau, các vật khác không thể xen lẫn, do đó có nghĩa nhóm

hợp, vì thế nên Đức Phật nói. Vị cùng cực không có vị nào sánh bằng, không có vị nào hơn được, do đó gọi là Mạn-đồ-la. Dùng ba thứ bí mật phương tiện, chứa nhóm sữa Phật tánh của chúng sinh, cho đến trải qua năm vị trở thành diệu giác, đề hồ, thuần sạch hòa mầu không còn tăng thêm, tất cả Kim cang trí ấn cùng chung nhóm họp, đối với vị cam lộ chân thường không thay đổi là bậc nhất, ấy nghĩa là Mạn-đồ-la.

Kinh chép: Bí Mật Chủ trở xuống, giải thích rộng nghĩa Mạn-đồ-la và dứt sự nghi ngờ. Lại chia làm ba: trước hết nói pháp giới Đàn tròn Phổ môn không giới hạn. Sau nói lý do giới hạn người và chọn lựa chúng sinh. Câu cuối cùng là khuyến khích dặn dò A-xà-lê khiến khởi nguyện bình đẳng Từ bi. Căn cứ câu đầu trong văn là thương xót "chúng sinh giới", Đại bi thai tạng này sinh Mạn-đồ-la nghĩa rộng. Nếu người tu hành khi tự thấy trong thai tạng thì biết tất cả chúng sinh đều có nhân duyên thành Phật, đại Bi Mạn-đồ-la do họ làm ra cùng khắp pháp giới.

Hơn nữa chúng Bồ-tát, Chấp kim cang... nhiều như số cát bụi trong mười thế giới, tùy theo dùng một môn làm Mạn-đồ-la chủ, các môn khác làm quyến thuộc, sẽ thành một loại Mạn-đồ-la, như thế xoay vần đến không cùng tận, không có toán số, ví dụ nào có thể tính kịp, huống chi trong đó mỗi thứ đều dùng vô lượng môn trang nghiêm. Các thứ phương tiện dẫn dắt thâu nhiếp chúng sinh, lại có thể hơn nguồn gốc sao? Nếu hành giả đối với pháp môn nhất tự này, có khả năng thu rộng làm lược, mở lược thành rộng, sinh ra pháp tài, bố thí khắp tất cả, thường không hết sạch, mới gọi là khéo hiểu rộng nghĩa Mạn-đồ-la.

Ở sau nói: Này Bí Mật Chủ! Như lai trong vô lượng kiếp chứa nhóm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề để gia trì, thế nên đầy đủ vô lượng đức. Phải biết như thế ấy. Đây là giải thích rộng nghĩa nguyên nhân. Như trong kinh Hoa Nghiêm, các vị Thiện tri thức nhập pháp giới, mỗi vị ở trong một môn, đã thông đạt "pháp" sâu rộng không giới hạn, nhưng cũng không biết nhau. Ngày xưa khi Như lai hành đạo Bồ-tát, Phổ môn gần gũi các Thiện tri thức nhiều như số cát bụi của các cõi Phật như thế, đối với mỗi kho công đức kia, đều đạt đến vị cuối cùng không gì sánh bằng, không có vị nào cao hơn, do đức nội chướng vô lượng, vô biên như thế, nên họ đã gia trì hiện làm pháp môn quyến thuộc, cũng lại vô lượng, vô biên. Hành giả môn Chân ngôn kia, phải am hiểu tâm kia, hiểu biết như thế.

Đã biết đức bên trong không giới hạn, kế là nói bổn địa Mạn-đồ-la, độ người vô hạn. Vì sao? Vì phù hợp với nguyện đại bi. Cho nên văn

kinh tiếp theo nói: Bí Mật Chủ không vì một chúng sinh, cho nên Như lai thành Đẳng chánh giác, cũng chẳng phải nhị phi, thường vì thương xót các chúng sinh vô dư ký và hữu dư ký còn nhớ, cho nên Như lai thành Đẳng chánh giác, dùng nguyện lực đại bi đối với vô lượng chúng sinh giới, như bản tánh của họ mà nói pháp, ý nghĩa của phát tâm Bồ-đề trong đây giống như phẩm Nhập Pháp Giới, và trong Trí Độ Ma-ha-tát Luận nghị có nói rộng.

Vô dư ký: Như Đức Phật hiện tiền thọ ký, chúng sinh nào đó ở trong kiếp nào đó thành Phật hiệu Như lai nào đó, có cõi nước quyến thuộc như thế, thứ thọ ký rõ ràng, gọi là Vô dư ký. Hữu dư ký: Như bảo chúng sinh rằng, ông ở đời vị lai, thời Đức Phật ấy sẽ hết tội. Đức Phật nào đó sẽ thọ ký cho ông.

Lại nữa, như Thế-tôn dạy: hoặc ta tại thế hoặc sau khi diệt độ, có các chúng sinh nghe kinh Pháp Hoa dù chỉ một câu hay một bài kệ, Ta đều thọ ký Vô thượng Bồ-đề cho họ, ấy gọi là Vô dư ký. Nếu nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, họ sinh gốc lành nối nhau không dứt, sẽ đến Vô thượng Bồ-đề thì gọi là hữu dư ký. Xưa ta vì những chúng sinh này mà thành chánh giác, huống chi nay chỗ nguyện đã tròn đầy, mở tự tâm quý báu của chúng sinh, như bản tánh của họ mà ban cho, đâu có hạn lượng gì? Hơn nữa, căn cứ vào dấu vết cạn thấp của việc mở mang kinh điển ở cõi đời xấu ác, vì thế mà nói một ngày nào đó pháp sự nhiều đến mười người. Từ đây trở xuống câu thứ hai, là giải thích nguyên nhân hạn lượng người và lựa chọn chúng.

Kinh chép: Này Bí Mật Chủ! Đời trước không tu tập Đại thừa, chưa từng suy nghĩ nối nhau hạnh chân ngôn thì không thể có phần nhỏ thấy, nghe, hoan hỷ, tin nhận.

Lại, Kim cang Tát-đỏa, nếu hữu tình kia, xưa đối với Đại thừa chân ngôn, nương đạo vô lượng môn mà tiến lên, do từng tu hành, nên vì những người kia mà lập ra hạn lượng danh số này. Ý đây nói: Nếu các chúng sinh, thời quá khứ chưa từng đối với vô lượng các Đức Phật gieo trồng gốc lành, đối với bí mật thừa này chưa hề tu tập thì sau đến nghe cũng không thể tin nhận. Nếu người truyền thọ, luống dùng gốc lành, sai căn cơ mà nói, họ sẽ tăng thêm sự chê bai làm mất gốc lành kia.

Vì thế kinh Pháp Hoa chép: Người không trí tuệ nghi ngờ, hối tiếc thì bị mất hẳn gốc lành. Các chúng sinh trong các thế giới ở mười phương, ít có người chí cầu Thanh văn, người cầu duyên giác ít hơn, người cầu Đại thừa là ít nhất, nhưng người cầu Đại thừa hình như còn

dễ, người tin pháp này mới là rất khó, do đó dùng “phổ nhãn” quán, người thọ được pháp ấy, giống như phải làm đầy biển lớn bằng những giọt nước nhỏ như bụi. Khi ý đã muốn che chở người kia liền nói: Vô lượng môn tấn thú: tức là giải thích cả danh nghĩa của Mạn-đồ-la, luận rằng, Mạn-đồ-la: nghĩa là chứa nhóm. Nay chứa nhóm công đức chân thật của Như lai lại một chỗ, cho đến chứa nhóm bánh xe trí ấn khác nhau nhiều như số cát bụi trong mười thế giới, giúp đỡ tâm vương Đại Nhật, khiến tất cả chúng sinh tiến lên “Phổ môn”.

Vì thế nói là Mạn-đồ-la. Cái gọi là sơ lược tạo lập danh số này: như dùng A tự “ngũ chuyển”, nhiếp chung vô biên nội đức của Như lai, dùng tự luân trăm ánh sáng thu nhiếp pháp môn phổ nhãn của Như lai, đây gọi là lược, dùng phương tiện vô số cõi nước liền mở đàn tám cánh, dùng đại bi không cùng tận để đặt ra hạn lượng mười người, đây là số sơ lược.

Nhưng người học kia, thuận theo một pháp “Minh đạo” mà được ngộ nhập thì nhập khắp tất cả các môn tổng trì, như từ một cửa thấy vua tức là vào khắp ngàn cửa muôn nhà. Nếu không thể như thuyết tu hành thì dù dùng các thứ văn từ rộng vì chỉ bày cũng không lợi ích gì, cho nên là câu thứ ba. Kế là nói danh số qua loa, tự không bị cản trở bởi sự rộng lớn, vì thế kinh dạy: A-xà-lê kia cũng phải dùng tâm đại bi, lập thệ nguyện như vậy, để độ chúng sinh giới không còn thừa. Phải nên nhiếp thọ vô lượng chúng sinh, làm nhân duyên hạt giống Bồ-đề.

Nghĩa là tạo lập Mạn-đồ-la, là tùy theo thấy, nghe, chạm, biết, cho đến giơ tay, cúi đầu, một niệm vui theo, đều chắc chắn thành tựu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, do đó A-xà-lê tuy không được sai căn cơ lầm trao thực hành câu-chi quán đảnh. Nhưng duyên buộc châu, trống độc, há đã làm sao? Vì thế phải vận dụng tâm đại bi mục đích là làm cho rộng hòa hợp.

Lại nữa, như mọi người có vật báu bí mật, sợ bị giặc cướp nhìn trộm cho nên lấy áo che lại, nay pháp môn Mạn-đồ-la này, cũng giống như vậy. Vì kho bí mật không thể giảng nói ngay, nên xoay vần trở lại dùng phương tiện có tướng, nay nói giới hạn mười người, chính là Mạn-đồ-la thế độ. Nhưng A-xà-lê tự phải sửa sang ngay thẳng đất tâm, vẽ làm đại bi Mạn-đồ-la, phổ nhãn độ người, càng nhiều càng tốt, không được như lời nói mà hiểu.

■

ĐẠI TỲ-LÔ-GIÁ-NA THÀNH PHẬT KINH SỚ

QUYỂN 5

Phẩm 2: NHẬP MẠN-ĐỒ-LA CỤ DUYÊN CHÂN NGÔ (Tiếp theo)

Kệ chép: Hành giả trì chân ngôn: Là nói về sự che chở kiến lập trong chi phần của đệ tử, đến đêm thứ sáu, thầy và đệ tử đều tắm gội sạch sẽ, mặc áo mới, giặt, cầm các vật cúng dường, đến chỗ như trước, tạo lập bạch đàn Mạn-đồ-la, phải đúng như pháp gia trì tự thân, đạo tràng và đệ tử, thầy phải phương tiện giữ gìn đệ tử, như Văn dưới khi nhập quán đảnh sẽ nói.

Bấy giờ, A-xà-lê như "thứ lớp pháp tắc cúng dường" tu hành đầy đủ, quán các tôn vị trong Bạch đàn, tương ưng với mật ấn, trì chân ngôn kia. Cù-hê chép: Tay đè lên Trung thai Mạn-đồ-la tụng chân ngôn một biến, cứ như vậy một lần tụng đè một cái, cho đến bảy biến, các vị khác cũng giống như vậy, sau đó vì các đệ tử, thuận theo nói pháp, dẫn dắt khai phát tâm kia, dạy cho kia ba tự quy y, sám hối tội trước, đã sám hối rồi thân tâm thanh tịnh, giống như ngọc sáng, có thể phát tâm chân chánh, cho nên sau mới khiến phát tâm Bồ-đề, đều như trong pháp cúng dường đã nói, sau sẽ trao cho hương xoa, hoa... dạy bảo vận tâm cúng dường chư Tôn, sau đó mới thọ Trì giới ba đời không chướng ngại, đó là thọ giới pháp của Bồ-tát, có hành nghi riêng. Bồ-tát sở dĩ phát tâm nhiếp thọ học xứ phương tiện, đều vì thành tựu trí tuệ thanh tịnh của Như lai, ở trong một niệm hiểu rõ các pháp trong ba đời, không có quái ngại, kia có trụ ở giới này, cho đến khi mới thấy tâm liền rõ đạo, liền có phần thế lực không thể suy nghĩ bàn luận như thế, nhờ giới này tự thân có thể phát sinh Phật tuệ, lại đối với luật nghi Nhị thừa có hạn lượng, nên dùng trí vô chướng ngại trong ba đời để làm tên.

Sau nên trao cho nhành dương bảo các đệ tử xỉa răng. Nhân đó quán người ấy là thành khí hay không thành khí, vì thế người được pháp này, cũng là thuận theo tục đế của phương kia, do dùng phương tiện bí mật để làm gia trì. Người Ấn-độ, hễ thỉnh tăng thọ thực cho đến người

đời, trước đều cùng tặng cho họ nhành dương chà răng, dùng các thứ hương hoa tô điểm trang nghiêm trao cho, phải biết ngày hôm sau thỉnh họ thọ thực. Vì sao? Vì biết tâm kính mến, sợ họ trước bị bệnh đàm ấm nhân duyên ăn thức ăn cách đêm. Nếu kia thọ nhận sự cúng dường của ta, hoặc khiến cho phát động không an, cho nên trước đem thiện ý muốn giúp đỡ mà cảnh báo, khiến họ trước tắm gội thân thể, hoặc uống ha-lê-lặc... thì sáng hôm sau tùy ý ăn uống, không gì xúc phạm thân tâm an vui.

Nay A-xà-lê cũng giống như vậy, khi trao cho đệ tử nhành dương chà răng thì phải nhờ phương tiện này để nói pháp sâu xa, ta mới trao cho người Phật tánh đề-hồ để cứu giúp, không có vị nào hơn, đã dạy ông phát tâm Bồ-đề trừ sạch ba nghiệp làm chướng ngại đời trước, dùng răng trí điều phục trí vô ngại ba đời, cắn các phiền não xong, muốn trở lại đem bí mật này để gia trì, dứt trừ tội lỗi của thân tâm, ông phải thanh tịnh lỗi của miệng, đi đến chỗ nào chớ vọng tuyên truyền, ngày hôm sau sẽ tặng ông cam lồ bất tử, đều khiến đầy đủ, kia phải lấy cây Ưu-đàm Bát-la hoặc cây A-thuyết-tha ngay thẳng tốt đẹp, không lớn không nhỏ cắt dài chừng mười hai ngón tay, tất cả phải đúng pháp lượng, đều dùng tiết lượng của ngón tay cái, nghiêng thì cùng vê lại cho thẳng, đó là đúng số.

Hai cây này, là cây Bồ-đề thời quá khứ của Đức Phật, nếu không có, phải xin cây có mủ, như cây dâu, cốc... Ghi riêng phần trên, phần dưới của cây, đều lấy cành ngọn là phần trên, gốc rễ là phần dưới, dùng nước thơm để rửa, lại dùng cỏ thơm mà xoa, ở phần dưới ngọn kia, dùng chỉ trắng quấn quanh hoa để làm trang nghiêm, cũng làm dấu mốc, khiến trên, dưới dễ nhớ, phải dùng tay đè thì thêm chân ngôn bất động, hoặc trăm biến hoặc ngàn biến, thường khiến trang nghiêm đầy đủ. Đã thọ giới rồi, vị thầy phải dâng một nhành dương lên chư tôn, ngoài ra chia cho đệ tử khiến ra ngoài đoàn, xoay về phương Đông hoặc phương Bắc, ngồi xổm (ngồi chồm hổm) mà xỉa, xỉa rồi, bảo xoay về phía trước mặt để xem xét tướng kia, mà ném cho đúng, nếu cây xỉa răng hướng ra ngoài đó là người không thành Tất-địa, người hướng vào thân thì Tất-địa thành tựu.

Nếu ném xa mà lùi lại gần thân thì đó là tướng không bao lâu sẽ thành tựu, nếu đầu đứng thẳng hướng lên thì càng mau thành tựu, nếu đầu hướng xuống thì người ấy sẽ vào Tu-la, long cung, nếu ném giữa hư không, phải biết người này trước đã thành tựu. Lại hướng về phương Đông, phương Bắc là thành tựu trước, hướng đến phương Tây là đang

thành tựu, hướng đến phương Nam là thành tựu sau, tuy như vậy, nếu người trước hết hướng về phương Đông mà ném, lại chỗ xỉa răng là hướng Đông, tức là mặt sau của thân, cũng không được thành tựu, các việc khác y theo phương này mà biết.

Ngoài ra, như trong Cù-hê nói. Lại phải làm pháp kim cang tuyến (chỉ). Hễ làm dây, trước phải chọn sợi tơ đầy đủ tốt mịn, dùng nước thơm rửa cho thật sạch, bảo đồng nữ trong sạch giúp se lại, se sợi tơ năm màu, phải dùng chân ngôn của năm Đức Như lai, mỗi vị Phật gia trì một màu, sau khi đã thành tựu các việc chân ngôn gia trì, tạo dây Mạn-đà-la cũng giống như vậy. Màu của năm đức: nghĩa là Đức Phật Đại Nhật gia trì màu trắng, Đức Phật Bảo Tràng gia trì màu đỏ, Phật Hoa Khai Phu trì màu vàng, Phật Vô Lượng Thọ trì màu lục, Đức Phật Cổ Âm trì màu đen.

A-xà-lê trước tự lấy dây thắt làm ba gút, làm Kim cang kết, buộc vào tay trái để che chở thân mình, sau vì mỗi đệ tử buộc vào tay, nhiếp thọ đệ tử như vậy, sẽ nhập Mạn-đà-la, lìa các chướng nạn. Pháp kết kim cang kia, không thể nói từ sợi tơ, mà phải từ phía A-xà-lê dung nạp.

Lại nữa, sợi năm màu, tức là ngũ trí Như lai, gia trì năm mầm gốc lành trong tâm Bồ-đề của đệ tử, cũng là năm pháp tín, tấn, niệm, định, tuệ, đem năm pháp này thâu nhiếp tất cả giáo môn, do đó gọi là Tu-đa-la. Xưa dịch là Diên kinh. Nếu A-xà-lê đã thấy chân đế, có khả năng dùng ngũ trí Như lai, gia trì năm thứ gốc lành trong tâm Bồ-đề của đệ tử, thâu nhiếp muôn hạnh buộc giữ ở tay Du-già, khiến trải qua sinh tử thường không hoại mất, hoặc có thể nhiếp thọ đệ tử như vậy, cho đến khéo làm gút kim cương.

A-xà-lê nói: Muốn vào đêm này tác pháp cho đệ tử, thì vật cúng dường nên bớt phân nửa của đêm thứ bảy, lại phải quán xét tâm của kia, khen ngợi "Mật giáo" phát sinh tâm vui mừng vững chắc, và phải phân biệt mười loại "học xứ", nhưng trí giới ba đời không ngăn ngại này, hễ người nào kết duyên thì đều cho dự nghe. Bốn thứ căn bản kia và Tam-muội-da lại một bài kệ, thì kề tai nói giới, người đầy đủ chi phần quán đảnh, thì nên nghe. Hai bài kệ mà kia đã dạy bảo, cũng là A-lợi-sa, có thể tụng bản Phạm đầy đủ rất lợi ích, được nêu bày ở sau đây:

A nễ dã, dữu sáp ma, tỷ la đỗ la, la bà, lạp đà ma ha, tỷ duệ nẵng, tát bà nhĩ nại, dụ diên, bà bổ đát, lý ha sắc bà nê dã, tát la nai, bả lý nghi rý hệ đá tát tha, xa da ma tương ma hố nại da, đế tương dụ dân, ma ha, dạ nê thấp phụ, nhược đá ê bà vĩ tỷ dã tha.

Ý kệ nói: Từ nay về sau ông đạt được lợi ích vô đẳng (không gì

sánh bằng) địa vị ngang bằng đại ngã. Đại ngã: nghĩa là Như lai thành tựu tám ngã tự tại, đối với pháp được tự tại, và các Ma-ha Tát-đỏa.

Kế là nói tất cả các Như lai và chúng Ma-ha-tát trong giáo này, tất cả đều đã nhiếp thọ ở ông. Giáo này: nghĩa là trong Đại thừa bí giáo này, chúng Bồ-tát, kim cang... trong mười cõi Phật. Sau nói thành tựu đại sự: tức là có thể thành tựu đại sự, và có khả năng thành tựu đại sự nhân duyên, đó là "khai, thị, ngộ, nhập" tri kiến Như lai, vì thế trong kinh ngầm hiểu ý nói: Các ông vào ngày mai được sinh trong Đại thừa, nghĩa là nhập đại bi Mạn-đà-la, được quán đảnh rồi, sinh trong dòng họ của tất cả Như lai.

Lại nữa, lìa duyên, nghiệp sinh được Đại không sinh, nên gọi là sinh Đại thừa. Bấy giờ, A-xà-lê dạy bảo ấn trì như thế xong, trở lại khiến lần lượt ở ngoài Mạn-đà-la ngồi hướng về phương Đông, A-xà-lê lại phải cúng dường, cho đến thành tâm kính thỉnh chư tôn rằng: Con vào ngày mai, vì thương xót đệ tử nên cúng dường chư Thánh tôn, để kiến lập Đại bi thai tạng Mạn-đà-la, tùy khả năng cúng dường, cúi mong từ bi thương nghĩ, vào ngày mai, tất cả đều xuống hội họp Mạn-đà-la mà làm gia trì. Ý từ quan trọng như đây.

Ngoài ra như trong Cù-hê nói. Kia chí thành thỉnh ba phen rồi, phải nói kệ Kim cang khen ngợi chư tôn, sau đó đúng như pháp sai khiến, lại vì đệ tử nói rộng pháp yếu, dạy phải buộc niệm tư duy, lót cỏ cát tường, ngủ nghỉ mặt hướng về phía Tây, kia (đệ tử) ở trong mộng, nếu thấy được các cảnh giới, sáng sớm đều phải bạch thầy, sẽ biết tướng người tu hành Tất-địa thành hay không. Nếu vị A-xà-lê thấy chân đế này tự mình trụ sâu trong Du-già sẽ thấy rõ căn duyên, gốc ngọn, không có lầm lẫn, nếu không làm sự tướng như thế, và thuận theo thế đế mà làm, tất cả đều không có lỗi, nếu thầy chưa thấy chân đế thì phải cung kính nương theo phép tắc chớ để có lỗi.

Kinh chép: Trong mộng thấy trụ xứ của tăng: nghĩa là chỗ thấy thanh tịnh nhiệm mầu, các thứ tốt đẹp tô điểm trang nghiêm, thân vào trong đó nhiễu quanh quỳ lạy, gặp các việc vui, tốt.

Vườn rừng: nghĩa là thấy chỗ tốt đẹp đặc biệt, hoa quả xanh tươi, hoặc tự thân hái lấy, hoặc dẫm lên trên cây với lấy hư không mà đi.

Đường nhà: nghĩa là các thứ phòng đẹp trang sức rực rỡ, ở trong đó thọ dụng tự tại, thân tâm vui vẻ thích hợp.

Lầu quán: nghĩa là lầu cao nhiều tầng hiện rõ, xa thấy Tây phương, thấy các cảnh tốt đẹp, tâm hồn thông suốt trong sáng. Phàm so sánh như thế đều là tốt lành, pháp môn trình bày trong đó, cũng như trong phần

chọn đất đã nói. Nếu trái với đây, như thấy chùa tháp bị đốt phá, loại cỏ rậm mọc hoang thì không phải mộng tốt.

Cờ: nghĩa là ngọn cờ quý báu, rất cao đẹp ngay thẳng hiện ra trước người kia, hoặc dùng cờ chỉ huy dẫn dắt mọi người đều vâng theo mệnh lệnh, như hình tượng xây dựng tâm Bồ-đề phép tắc thành muôn hạnh.

Lọng: nghĩa là đuôi chim Khổng tước năm màu xen lẫn nhau, hoặc nó che mát giữa hư không mà, hoặc người trao cho cầm lấy dạo chơi, đó là hình tượng đại bi che khắp.

Châu Ma-ni, cũng có nghĩa là tròn sáng chiếu khắp, hoặc có công năng sinh ra các vật đem cho mọi người, đó là hình tượng tâm thanh tịnh giác báu bốn nhiếp làm lợi ích cho người.

Dao: nghĩa là ngọc thạch trang sức phải mài đục bỏ bớt chỉ còn thuần túy chất cứng sắc nhọn, hoặc người trao cho, hoặc tự mình giữ lấy, đó là hiện tượng thành tựu tuệ tánh.

Hoa Duyệt ý: nghĩa là các thứ nước, đất sinh hoa, tùy theo tánh loại mà có thượng, trung, hạ, như màu sắc thì lấy sáng đẹp làm trên hết. Vị thì dùng toàn vị ngọt là hơn hết, đều khai phát hình tượng mầm tốt, nên dùng ý phân biệt. Người nữ là hình tượng Tam-muội, người nam là hình tượng trí tuệ, cũng lấy hạng người oai đức khôi ngô, mọi người đều thương yêu cung kính.

Mật thân: nghĩa là cha, mẹ...

Bạn lành: nghĩa là bậc Thiện tri thức trao truyền pháp của bậc thượng nhân (hơn người)... hoặc thấy đàn bò cái vị sữa đầy đủ, hoặc thấy người vắt, hoặc tự mình uống, đều là hình tượng đề hồ thượng vị đại bi Mạn-đà-la, hoặc thấy trong kinh sáng sạch không dơ, ngay thẳng trang nghiêm sắc chữ rõ ràng, ghi chép, giảng nói các việc thù thắng thì là tướng tốt.

Nếu kinh sách hư hoại, dơ bẩn chữ nghĩa thiếu mất thì phải biết đó là tướng không tốt. Hoặc thấy các Đức Phật đích thân làm Ma đảnh, hiện tiền thọ ký, dùng âm thanh vi diệu mà an ủi, hoặc thấy Thanh văn, Bích-chi-Phật... cho đến trụ giữa hư không thị hiện vô lượng thần biến, đều phải tùy theo việc xét chọn, biết được nhân duyên làm ra. Các quả: nghĩa là diệu quả cao quý ít có ở thế gian, hoặc có người trao cho, hoặc từ trên không rơi xuống... đều là hình tượng Tất-địa, hoặc vượt qua sông, hồ, biển lớn, cho đến mộng thấy trong chốc lát tự uống hết, đều là tốt lành.

Nếu là loại chìm, nổi lênh đênh không ai cứu giúp, phải biết đó là

không tốt. Hoặc nghe giữa hư không có các âm thanh hay ca ngâm lời pháp, tấu các kỹ nhạc, hoặc xưng dương công đức Tam bảo, tâm đã vui vẻ khi nghe được, hoặc nói lời tốt lành, hoặc kết quả của lời nói phải nên làm vui ý ông. Những thứ như thế đều là mộng tốt, phải y theo loại thượng, trung, hạ mà phân chia từng loại. Giống như chùa viện thì có sự riêng khác về nương vào đất hoặc ở hư không, chỗ kia thấy cũng có nam, nữ, Thánh, phàm khác nhau.

Do đó kinh nói: phải nên phân biệt kỹ, hoặc trái với tướng tốt ở trước; hoặc mộng thấy thân kia bị voi điên đuổi theo nguy cấp sợ hãi, hoặc cỡi lạc đà, lừa, hoặc thấy người đáng ghét, xấu ác, ăn mặc dơ bẩn rách nát, hoặc tự thấy thân nằm dưới bùn lầy dơ bẩn, hoặc các thứ bất tịnh từ hư không rơi xuống, đều là những tướng trái nhau. Nếu là bậc thâm hạnh A-xà-lê thì tự phải ở trong Du-già, đều biết việc trong mộng và nhân duyên làm ra. Khi đệ tử sáng sớm thức dậy bạch thầy, phải tùy theo căn cơ khuyến phát để dứt lưới nghi cho đệ tử. Nếu quán người kia không có đạo lý để thành tựu thì không nên truyền pháp đầy đủ, sợ kia chờ đợi không có kết quả hoặc sinh nghi ngờ chê bai, hoặc như trong Cù-hê đã nói thì làm Hộ-ma cho họ để vắng lặng tai nạn, được xa lìa các chướng ngại, sau mới gọi vào. Nếu thấy các ảnh giới tốt đẹp, nên dùng lời pháp an ủi cho được hoan hỷ. Cái gọi là nói khéo trụ giới: Tiếng Phạm nói: To phạ la đa là tiếng tôn xưng tốt đẹp của đệ tử, giống như nói hàng Phật tử. Trong kinh nói kệ cũng là “A lợi sa”, tụng cả bản Phạm càng tốt, cũng có đầy đủ ở dưới đây:

Ế sa ma lạt già phạ la la, thất lý ma ha dạ mang ma hộ nại dã nẵng sấu diên nghiễm di lộc, đỗ ba phí thiết tha đát tha yết đá tát diệm bộ vô, ma ha noa già tát ma lỗ yết tả chế để da, a tất để, na tất để, vĩ dã, để yết lan đa ma ca xà di phạ trở, để làm nghiêm tỵ lan tát bà, đạt mê tỷ lạp bát ra bán chỉ đơn tát bà ngật rị, da tỵ la đỗ lan, đát để giả nại phạ dã dã xam, ma thiết la diêm y năng đán nhĩ dạ nang mạt lan thất lệ sắt trá, la tỹ thiết tha nại duệ tát thể đá.

Nửa bài kệ đầu là khen ngợi đạo lý bí mật thừa. Nguyện thù thắng: chính là tất cả trí nguyện. Nếu vào pháp môn Bồ-đề thanh tịnh này thì soi thấy tâm pháp rõ đạo lý, điều này người ta nói là Đại Bồ-đề đạo của Cổ Phật. Đại tâm: nghĩa như trong Ma-ha Tát-đỏa nói ở trước. Các chúng đại tâm trong quá khứ, hiện tại và vị lai, đều nương thừa quý báu này mà thẳng đến đạo tràng, vì thế nói đại tâm của Đại thừa. Một bài kệ tiếp theo khen ngợi công đức người tu hành phát tâm Bồ-đề, liền dùng pháp ấn tất định của tất cả Như lai, để thọ ký đại Bồ-đề, do đó

nói ngươi nay chí cầu, sẽ thành tựu tự nhiên trí đại long của Như lai, thế gian kính trọng như tháp.

Tự nhiên trí: đó là trí Như lai tự giác tự chướng là pháp mà xưa chưa nghe chưa biết, tự nhiên hiện ra rõ ràng, không gì ngăn ngại được, vì thế lấy làm tên. Ma-ha na-già là biệt hiệu của Như lai, đem so sánh đại dụng không thể suy nghĩ bàn luận thì không có phương hướng.

Chế-để: Hán dịch là phước tụ, nghĩa là công đức của tất cả Như lai đều nhóm họp ở trong đó, vì thế cho nên người đời, vì cầu phước nên thảy đều cung kính cúng dường. Nay ông phát tâm Bồ-đề cũng có thể nhiếp thọ vô biên nhóm phước của tất cả Như lai, thế nên người đời, phải cung kính cũng như tưởng nhớ Tháp. Tiếp đến có một bài rưỡi kệ chỉ bày tướng ấn như thật của tâm Bồ-đề thanh tịnh, tức là mở bày tri kiến Phật khiến cho được thanh tịnh.

Hữu, vô đều vượt qua: tức là từ Trung đạo các duyên sinh khởi không thể suy nghĩ bàn luận, vượt ngoài đoạn, thường, phi hữu, phi vô, tất cả tâm lượng đều không đạt đến chỗ đó, do đó gọi là Vô cấu hư không kim cang trí ấn.

Các pháp sâu xa kín mật: do tâm tánh sâu xa, nên phải biết ấm, nhập, giới cho đến Nhất thiết chủng trí cũng đều rất sâu xa. Vì tất cả pháp không ra ngoài tướng thật của tâm, chỉ có Phật và Phật mới có thể biết được, suy lường, phân biệt mà không thể đạt đến, vì thế nói sâu xa kín mật.

Trí thế gian không thể biết rõ: nói tâm tánh này tất cả người thông minh lợi căn trong thế gian không thể suy nghĩ luận bàn. Dù cho các bậc đại luận sư như Trường Trảo Phạm Chí... dùng các thứ nhân duyên thí dụ, trang nghiêm so sánh đo lường, cuối cùng cũng không rõ cảnh giới kia, hết lòng tư duy tìm cầu chỉ khiến phát cuồng. Chỉ có người sức "tín" bền vững, nương vào phương tiện Bí mật này mới vào được mà thôi.

Không chứa để: Có chỗ nói người khó có thể hiểu biết, chính tại như thế không có chỗ ẩn giấu, dùng hiểu biết đúng như thật, uẩn A-lại-da vốn không sinh, không có chấp thọ, cũng không chứa để. Bấy giờ, tất cả vọng tưởng nói rộng của tâm, ý, thức thảy đều thanh tịnh, pháp giới soi sáng như trăng mùa thu giữa bầu trời, cho nên câu sau nói lìa tất cả vọng tưởng.

Bản Phạm nói xa lìa tất cả vọng tưởng nói rộng. Nay theo trong kệ nói lược, lại ý nghĩa không khác cho nên không có đủ. Câu kế nói nói rộng vốn không, nếu có đủ bản Phạm thì nên nói: nói rộng không nói rộng. Vì tất cả nói rộng, thảy đều từ các duyên sinh ra không có tự

tánh, vì không có tự tánh tức là từ xưa đến nay không sinh, đó là giải thích theo câu trước. Nói: Chính nói rộng này tự không nói rộng. Nay lại hội ý mà nói, vì thế nói vốn không. Sau có hai câu, nói về phương tiện rốt ráo tâm Bồ-đề thanh tịnh này, do vượt qua tất cả vọng nghiệp thì có thể thành tựu trí nghiệp Như lai, Phổ môn dẫn dắt lợi ích, đều là đại sự nhân duyên, vì thế cho nên tất cả việc làm, đều không ai sánh bằng, do đó nói tất cả nghiệp không ai sánh bằng.

Kế là chuyển sang giải thích câu trước, luận chung về đại cương của quyền và thật, do đó nói thường nương vào Nhị đế, cho nên luận chép: Các Đức Phật nói pháp thường nương vào Nhị đế. Nhưng tông của kinh này, làm đầy đủ các phần phương tiện đều tùy theo thế đế, do nhân duyên này đắc tất cả trí ấn, Nhất thiết trí tức là Chân như. Thế nên, thế đế là nhân chân đế là quả, nhân như bốn vị thầy đều Vô thường, quả như đề hồ thì đó là thường, nói là nương vào nguyện thù thắng ông sẽ trụ ở con đường này, cũng là nói lại ý thọ ký.

Bấy giờ, Chấp Kim Long trụ trong Vô hý luận, bạch Đức Phật rằng, cúi xin Đức Phật giảng nói Trí Giới ba đời không chướng ngại; không có Bồ-tát trụ ở đây, khiến cho các Đức Phật Bồ-tát hoan hỷ: Văn trên chỉ nói Thọ giới ba đời không chướng ngại, nhưng chưa hiển bày tướng, vì thế nên trụ trong Vô hý luận kim cang thừa, khai mở câu hỏi.

Lại nữa, Thế-tôn sở dĩ đợi hỏi mới nói, cũng vì quyến thuộc pháp môn cùng phát minh. Nay tịnh giới này, chính đem trụ Vô hý luận Kim Cang trí ấn làm thể và sở dĩ đặc biệt thưa hỏi Đức Thế-tôn đây là muốn khiến cho nhân, pháp tương ưng, lưu truyền có gửi gắm.

A-xà-lê lại nói: Giới tướng này cũng là gia trì “Cú”, nếu khi truyền trao, trước phải trì tụng bản Phạm, sau đó mới khéo dùng lời giải thích đầy đủ. Nay trình bày đầy đủ ở dưới đây:

Thất lý cự la bổ đát la đát thảm mạt lan duệ đát ra, cự la bổ đát la ca da pha ngập mãng, noa sa mê yết đát la nhĩ ngật sa bố na bà a ngật ly tà tát la ma đạt ma xá ca đá ma giả bà, dã a đát mãng bà phạ, bát lý đát dã ngung bột đà bồ đề tát đá phệ, chờ yết sa ma, dì đỗ lý sấu hệ a đát ma bà bát lý để dã, nhược để noa phạ tát bồ đát lý diên, bát lý đẻ dã yết đơn phạ đễ yết đá mãng thất giả, phạ đát tốt đổ đát la diên dã nổ đá ca tà phạ ngập mãng noa y để, đát ta nẫm chớ lý hệ, cu la bổ đát la ca tà phạ ngập mãng noa tam phạ la tam vật phiếu (lật) đế na, bồ đề tát đát phệ noa bà vĩ đát vật diễm, đát yết Sa ma thê đỗ phiếu nẳng ca, tà phạ ngập mãng noa san bát lý để dã nhĩ dã thích xoa khất la ha xá cự mạn để, bồ đề đát đỏa, ma ha tát đỏa y để.

Câu đầu nói Phật tử hãy nghe kỹ, tiếng Phạm Cự-la nghĩa là tộc, nghĩa là bộ. Bồ-đát-la nghĩa là người nam. Nếu giải thích theo thế đế thì sinh vào trong bốn họ đều gọi là Đại tộc, do đó gọi là con của giòng họ; Nay được sinh trong nhà Như lai, là giòng họ tốt, cao quý nhất trong các giòng họ, vì thế nói là tộc tánh tử (người sinh trong dòng họ).

A-xà-lê nói: Nên hội ý nói là Phật tử, đối với nghĩa là sai. Kinh chép: Nếu tộc tánh tử trụ ở giới này thì phải đem thân, miệng, ý hợp lại thành một. Giới này tiếng Phạm là Tam-phạ-la, nghĩa là cộng duyên cùng thành giới này, có chỗ nói do tuệ phương tiện... nhóm họp mà thành. Nếu Thi-la thì chỉ nghĩa là thanh tịnh; lại Tam-phạ-la nghĩa là bình đẳng. Phật dạy đem thân, miệng, ý, hợp lại thành một: tức là trụ pháp môn ba bình đẳng. Vì thế được gọi là Giới ba đời không chướng ngại.

Như Đức Phật và Thanh văn lược nói lời răn dạy thì nói ba nghiệp đạo thanh tịnh này là đạo của bậc Đại tiên, từ năm thứ mười hai về sau, giảng nói nghĩa ấy thành các luật nghi, nay Trì Minh ở đây sơ lược nghĩa của Giới cũng giống như vậy. Nếu người tu hành ba nghiệp phương tiện, thảy đều chân chính thuận theo ba bình đẳng xứ, phải biết chính là đầy đủ tất cả luật nghi của các Đức Phật.

Lại nữa, xé rách các lưới vọng tưởng, đó nghĩa là Tam-phạ-la, nghĩa là lưới nói rộng các kiến chấp: Ngang dọc thành nhau, nhiều lớp xen nhau, nay hành giả quán thân nghiệp, khẩu nghiệp tự không có thể riêng, toàn bộ ngọn ngành trở về nguồn gốc chỉ là một tâm, mà tướng thật của tâm này thường là pháp giới bình đẳng, thế nên khi trụ ở giới này, các thứ nghiệp thân, miệng, ý đều đồng một tướng, vô lượng lưới kiến chấp thảy đều trừ sạch, cho nên được gọi là trụ vô hý luận Kim cang ấn.

Kinh chép: Không làm tất cả các pháp: Các thứ năm ấn nương vào phiền não, phiền não nương nơi nghiệp, các nghiệp này đều từ thân, miệng, ý sinh ra, như cứ thân, miệng, ý chia làm mười nghiệp Đạo thiện ác, nghiên cứu đầu mối của nó thì vô lượng, vô biên, thế nên hễ đã tu hành ba nghiệp thì có hạnh tiến lên, mất sự tiến lên thì là đảo tưởng (vọng tưởng điên đảo) do đảo tưởng nên có vô lượng tướng sinh ra, vì bị các tướng này ngăn cản nên không được trí vô ngại như Đức Phật; nay hành giả quán sát sâu xa Mười câu duyên sanh, hiểu rõ ba nghiệp rốt ráo không sinh, pháp tánh tự như thế thường không lay động, tạo tác, đó gọi là trụ Vô vi giới. Như thế, tịnh giới này còn không phải Như lai tạo tác, huống chi tín ở giới này mà tạo tác các pháp sao?

Kinh chép: Thế nào gọi là giới? Có chỗ nói quán sát xả bỏ tự thân, dâng hiến các Đức Phật, Bồ-tát. Vì sao? Nếu xả tự thân thì sẽ xả bỏ ba việc kia, ba việc ấy là thân, miệng, ý sau nói giữ Vô tác giới đầy đủ tuệ phương tiện. Hành giả quán sát thân trong thật tế không thật có tức là giải thoát của Như lai, vì thế cho nên xả bỏ hết thân này, để cúng dường tất cả Như lai, từ đây về sau, trong mọi hành động, có làm việc gì đều vì giải thoát Như lai, không vì bản thân mình, dù các rõ ràng muôn hạnh hoặc trang nghiêm cõi Phật thành thục chúng sinh, pháp tánh tự như vậy không do tạo tác, người tu hành được như thế, gọi là Vô biên nhóm phước, gọi là sông phước không cùng, tùy theo tạo chút ít căn lành, đem hòa vào trong biển pháp giới, cho đến chúng sinh giới cũng không cùng tận.

A-xà-lê nói: Trong bản Phạm có bài kệ nói:

Nếu có người giải thoát
Trì pháp giải thoát này
Cúng dường người giải thoát
Phước này lớn hơn hết.

Nếu người tu hành chân ngôn, không hiểu "giới" thanh tịnh như thế thì tuy miệng tụng chân ngôn, thân trì mật ấn, tâm trụ trong bản tôn Tam-muội, tu đầy đủ theo thứ lớp nghi thức cúng dường chư Tôn, cũng vẫn gọi là tạo tác các pháp, chưa xa lìa lưới nhân ngã, làm sao được gọi là Bồ-đề Tát-đỏa ư? Do đó kinh nói tiếp: Thế nên tộc tánh tử, do thọ giới thân, ngữ, ý, được gọi là Bồ-tát. Vì sao? Vì xa lìa thân, ngữ, ý. Đại Bồ-tát nên học như vậy; nên học trong đây, xưa dịch là Thức-xoa Ca-la-ni, giống như giới trong Thiên thứ năm, thâu nhiếp tất cả Tỳ-ni, kiền độ, oai nghi, hành pháp, học giả Đại thừa cũng giống như vậy, phải hành trì giới phương tiện này, khắp vào trong tất cả hạnh chân ngôn. Nếu giới có thiếu sót mà hạnh Bồ-tát được thành tựu thì đó là việc không bao giờ có.

Kinh chép: Đến sáng hôm sau, dùng Kim Cang Tát-đỏa gia trì tự thân, vì Thế-tôn Tỳ-lô-giá-na đảnh lễ, chính là ngày mai thọ giới, nghĩa là tối ngày thứ bảy. Khi làm các việc để tạo Mạn-đồ-la, đều phải dùng Kim Cang Tát-đỏa gia trì tự thân, phương tiện trong đây, như phẩm sau ở văn kinh và trong thứ lớp cúng dường có nói. Nếu A-xà-lê đã thấy chân đế thì trụ trong tâm Kim Cang Tát-đỏa, đó là Vô đẳng đẳng Bồ-đề tâm. Do Bí mật đây gia trì, nên các việc đã làm không thể trở ngại, hư hoại, tiếp đến phải vận tâm như trước, làm lễ Đại Nhật Như lai, sau đó trì tụng Chân ngôn Hàng tam thế, gia trì vào bình sạch, đây cũng là

thành tựu các việc Chân ngôn, trước phải lấy bình sạch như pháp múc nước trong sạch, rót lọc đúng pháp, bên trong để năm thứ hạt và năm thứ báu, lại lấy các thứ cây, hoa, quả, nhánh tốt đẹp thơm cắm vào trong đó, các thứ trang nghiêm, dùng các thứ tơ lụa sạch buộc ở cổ, đều phải nương theo pháp thứ lớp cúng dường, loại bỏ các vật dơ, sau đó dùng pháp giới tâm để tự gia trì.

Tóm lược cả Chân Ngôn số biến không có số lượng chắc chắn, phải dùng tự mà đếm, như trong Tô-tất-địa nói. Lại trong đó, tùy theo làm ba bộ Mạn-đề-la, đều dùng bộ tâm hoặc bộ mẫu chân ngôn gia trì; nay trong kinh này, thông dụng Chân ngôn gia trì, biện sự Chân ngôn kia lại gồm cả rộng và lược nên không nói đầy đủ số biến, phải dùng ý để lường, Nếu người quá lớn thì tụng đến một trăm biến, sau đó năm trăm biến, người nhỏ khiến đến một ngàn biến, đã gia trì xong, phải để tại bạch đàn, trước đã quy hoạch ở ngoài cửa đàn, người muốn vào Mạn-đồ-la, trước phải dùng nước này mà rảy giúp cho người ấy nghiệp chướng đời trước tiêu sạch, mới được thấy Mạn-đồ-la.

Lại trong bình khác điều hòa nước thơm dùng các thứ hương thơm như: Uất-kim, Long não, Chiên-đàn... cũng dùng Chân ngôn gia trì, trao cho khiến uống một ít, đây gọi là Kim Cang thủy. Dùng mật ấn gia trì, vì thế nên tội chướng sâu nặng trong địa ngục thảy đều trừ hết, trong ngoài đều sạch, có thể làm pháp thí. A-xà-lê nói đây chính là nước thệ nguyện, cũng thuận theo thế đế, giống như pháp tuyên thệ, khiến ở trước tất cả Thánh Chúng, nuốt nước thơm này tâm kia tự thệ, muốn giúp nguyện Đại Bồ-đề không lui sụt.

Lại nữa, dùng giới hương không chướng, với nước tâm trong sạch, như tự môn Hạ, người các cõi khác uống vào chắc chắn đều thành tựu Vô thượng Bồ-đề, tâm kia thanh tịnh như thế, thì sẽ nhập Bí Mật Mạn-đồ-la. Bấy giờ, Kim Cang Bí Mật chử dùng kệ hỏi Đức Phật rằng: Nói tạo lập chi phần Mạn-đồ-la, trong kệ trước khen ngợi Đức Phật, cúi mong đấng Nhất Thiết Trí, là đấng bậc nhất trong các pháp, nói về thời phần. Thời phần này: tức là từ khi bắt đầu vẽ Mạn-đồ-la đến nay, chia ra giới hạn thời phần; kế nói đại chúng ở thời gian nào nhóm họp các điều lành. Nghĩa là tất cả Phổ Môn tùy theo loại thân trong Đại bi thai tạng vào thời gian nào khắp nhóm họp hiện ra trước Đại tràng, gia trì thần lực hiện ra tôn nghiêm. Nếu đệ tử các căn thanh tịnh bén nhạy, phải vượt qua căn cơ sâu xa, có khi vào thời gian này, sẽ đích thân thấy Vô biên Thánh Chúng, như người ngồi trong hội Linh Sơn, đồng thấy các Đức Phật phân thân trong ba lần biến đổi Tịnh độ, không khác nhau.

Phải biết lúc bấy giờ, chính là A-xà-lê Mạn-đồ-la, khi truyền trì lời chân thật, thực hành việc Như lai, do đó nói là ân cần trì Chân ngôn.

Nói kệ này rồi, bấy giờ, Đức Thế-tôn bảo Trì Kim Cang Tuệ rằng: Thường phải ngay trong đêm này, mà làm Mạn-đồ-la. Nghĩa là trong đêm thứ bảy này, khiến pháp sự đều xong, trong đó từ sau khi mặt trời lặn, đến khi mặt trời mọc trở đi, đều gọi là đêm, bắt đầu vào phần đêm thì phải vẽ bản đồ các tôn vị, an trí đầy đủ các vật cúng dường, trước khi mặt trời chưa mọc phải phát khiển cho xong, nếu trái với pháp này thì sinh chướng ngại, cho đến khiến chỗ đã nương ở cũng không được an lành, nhưng trong Bí Mật giải thích, chính lấy đạo cơ hỷ hội làm thời, hoặc đem phương tiện gia trì, rút ngắn trăm kiếp thành một đêm, hoặc kéo dài một đêm thành trăm kiếp, dài ngắn do duyên, không có giới hạn chắc chắn.

Nếu A-xà-lê thiển hạnh thì phải nương vào pháp tắc đầy đủ, ở trong phần ban ngày, liền phải trụ tính giới hạn, dùng bạch đàn... định sơ về phần đoạn hình vị của chư tôn, đến mặt trời sắp lặn, sắp sẵn trước hương, hoa, đèn, đuốc... đều phải cho xong. Cù-hê chép: Ở một chỗ phương Bắc của Mạn-đồ-la, dùng màu trắng mà vẽ chân ngôn biện sự để dứt trừ các nạn, đặt các vật cúng.

A-xà-lê nói: Nếu không thể trong một đêm mà vẽ đầy đủ các tôn vị thì từ ngày thứ năm thọ trì đất về sau, dần dần theo thứ lớp mà làm, đối với lý không ngăn ngại, lại riêng có ba thứ phương tiện ấn tự tôn hình, như văn dưới sẽ nói. Kinh nói: A-xà-lê truyền pháp đã biết thời phần thì hiểu khuôn mẫu để tạo lập, đến ngày vào, A-xà-lê và đệ tử trợ giúp đúng như pháp tắm gội xong, mặc áo mới sạch khởi tâm đại bi, đem những vật hiến cúng đến chỗ Mạn-đồ-la, trước phải mỗi thứ đầy đủ pháp gia trì, như trong thứ lớp cúng dường đã nói, sau phải đúng như pháp giữ gìn tự thân, gọi đệ tử sở độ, rảy dùm nước thơm điều khiến theo lớp mà ngồi một chỗ, sau đó A-xà-lê đến trước cửa đạo tràng, vận tâm khắp cả, cúi đầu đảnh lễ tất cả như Phật trong mười phương, cũng như trên đã nói, sau đó giữ chỉ năm màu, hướng đến Mạn-đồ-la đứng trên ngôi thứ mà đội trên đầu, tiếp theo quán thân mình là Tỳ-lô-giá-na, kinh cho rằng Đại Tỳ-lô-giá-na tự làm gia trì. Vì sao? Vì Đại Nhật Như lai là Đại bi thai tạng A-xà-lê này, vì thế nên nếu khi hành giả làm việc A-xà-lê thì phải dùng tự thân làm Tỳ-lô-giá-na. Nếu khi làm các công việc duyên Mạn-đồ-la thì đem tự thân làm Kim Cang Tát-đỏa, phương tiện gia trì này như văn dưới và trong pháp cúng dường có nói rõ.

Lại nữa, hành giả nên biết tám vị hộ phương, hễ có làm Mạn-đồ-

la thì theo đây mà chuyển, phương Đông Nhân-đà-la thứ lớp tùy chuyển đến, phương Nam Diệm-ma-la, phương Tây Phạ-lỗ-noa, phương Bắc Tỳ-sa-môn, phương Đông Bắc Y-xá-ni, Đông nam là Hộ-ma, Tây nam Niết-lý-để, Tây bắc là Phạ-sưu, phương trên là chư Tôn, thường ở bên phải trời Đế-thích, phương dưới chư Tôn thường ở bên trái Long Tôn. Thượng nghĩa là ở trên hư không, hạ nghĩa là ở dưới mặt đất. Lại vây quanh trong thai tạng, ba lớp giới thành, đều đã làm mốc trước, khiến phương, góc đều nhau, định trước ngôi thứ, muốn khiến ngôi thứ Đại Nhật Như lai, phải ở trung tâm do năm thứ báu nhóm họp, đến khi các tướng của bản đồ này, A-xà-lê trước đến phía Nhân-đà-la đúng như pháp làm lễ, sau ở hỏa phương đứng hướng về phương Bắc, các đệ tử giúp đỡ ở tại Y-xá-ni (phương Bắc), hướng vào giữ gìn Tu-đa-la chắc chắn ở ngoài giới, đệ tử kế đó phải nhiễu quanh bên phải đến Niết-lý-để (góc Tây Nam).

Sư cũng quay vòng bên phải đến phía Tây mà hướng vào giữ gìn (Tu-đa-la). A-xà-lê sau lại nhiễu quanh bên phải đến phương Phạ-sưu (Tây bắc), đệ tử cũng quay vòng bên phải đến phương Bắc mà đối trì, đệ tử lại nhiễu quanh đến Y-xá-ni (Đông bắc), thầy cũng quay vòng bên phải hướng về phía Đông mà đối trì, hễ xong một vòng, đều phải cùng nhau ở giữa hư không ngay thẳng ngang nhau. Đến vòng thứ hai cũng xoay về bên phải như trước, lần lượt gom lại để làm ranh giới phương hướng, sau lại chuyển định bốn duy. A-xà-lê lại phải đi nhiễu theo chiều bên phải để đến Niết-lý-để, đệ tử trước ở Y-xá-ni, quay bên phải cùng hướng vào nhau mà trì, đệ tử sau đó lại đi nhiễu theo chiều bên phải đến phương Phạ-sưu, thầy liền quay về bên phải đến phương Hộ-ma, đệ tử cũng quay về bên phải, hướng vào nhau giữ gìn, đều khiến phải cùng nhau ở giữa hư không, quyết định ngôi thứ, đệ tử sau lại đi nhiễu theo chiều bên phải đến Niết-lý-để, thầy liền xoay bên phải đến Y-xá-ni, đối lập nhau mà gom lại, đệ tử kế lại đi nhiễu theo chiều bên phải đến phương Hộ-ma, thầy liền quay bên phải đến phương Phạ-sưu cũng đối lập nhau. A-xà-lê nói: Kia là bốn phương, mười chữ ranh giới phương hướng. Kinh tuy không nói nhưng lý chắc chắn có, cũng phải xoay bên phải đối nhau gom lại mà định. Như thế đã định giới bên ngoài và tướng tám phương xong.

Kế đến phải vào trong, trước định giới bên ngoài trong thai, cũng như trước lần lượt gom lại làm tướng bốn phương, tướng tám phương kia đã định, không phải làm lại, sau đó định lớp giới bên ngoài thứ nhất, tiếp theo định lớp giới bên ngoài thứ hai, cũng giống như phép tắc trong

Thai, lượng rộng hẹp của kia đều phải xoay vần phân nửa, giả sử trong Thai tạng mỗi bề rộng tám thước, lớp thứ nhất phải rộng bốn thước, lớp thứ hai phải rộng hai thước, lớp thứ ba phải rộng một thước, A-xà-lê nói: Gốc pháp như thế, nếu sợ lớn nhỏ cách xa nhau, phải đem ý hòa nhau, đối với lý không lỗi, chia như vậy xong, lại ở mỗi lớp chia làm ba phần.

Một phần gần phía trong hơn hết của kia, là đường người đi khắp cả, do đó nói chỗ Phật tử hành đạo, sau một phần là chỗ an trí các vật cúng dường, tiếp đến một phần ở ngoài là an trí chỗ ngồi của các tôn vị, vì thế hai phần này đều là chỗ an trí ngôi thứ của Thánh, Tiên. Kế tiếp ở ngoài đây lại làm ranh giới vòng tròn, ở trong vị trí hư không, phải vận dụng tâm quán sát tùy theo phương hướng kia, chia ngôi thứ các tôn vị phù hợp với nhau đều thỉnh cúng dường, vì sao? Vì A-xà-lê gặp việc có sự quên lầm, an trí các tôn vị hoặc không đủ khắp cả, các ngài đáng thỉnh mời mà không có ngôi bậc, đều phải vận dụng tâm ở trong đây cúng dường.

Về pháp chia ba phần ngôi thứ này: Trước ở trong giới bên ngoài lớp thứ nhất, tùy ý lấy một phần nhỏ làm ranh giới, lượng rộng hẹp của kia, phải dùng ý mà chia, mới được thông suốt chỗ ngồi, trong ranh giới này, phải chia đều làm ba phần, trước phải quy định chỗ ngồi chư tôn, chia nội giới xong, sau mới chia giới hạn ở giữa để hành đạo cúng dường, lớp thứ nhất như thế đã xong. Kế là lớp thứ hai, cũng từ phải khéo thông đạt ngoài hướng vào trong, dần dần theo thứ lớp mà chia. Kế là lớp thứ ba cũng như văn trên đã nói, từ vốn Đại Nhật Như lai, v.v... trở xuống là ánh sáng, đây là vị của lớp thứ ba, từ rốn trở lên cho đến cổ họng phát ra ánh sáng, là vị của lớp thứ hai, từ cổ họng trở lên cho đến ánh sáng của tướng Đảnh, là vị của lớp thứ nhất. Trong đó thai tạng tức là tám cánh hoa trong tự tâm của Tỳ-lô-giá-na, càng kiến lập đệ tử trong mạn đồ-la Kim cang. Phải khéo thông đạt Chân Ngôn, xấp sỉ với thầy thì có thể cùng giúp đỡ không bị sót, mất, nếu người không được như thế, chỉ nhận rồi liền như pháp quán đảnh, gặp việc chỉ trao, thực hành.

Nếu lại không có người này thì phải đặt cái cọc mà làm, trước ở hỏa phương dưới ngôi thứ của thầy đặt cái cọc, sau ở phương Y-xá-ni cũng đặt cọc để kéo chỉ, lúc ấy thầy trước hết tâm nhớ cái cọc ở hỏa phương này là ngôi thứ của Sư, sau đó từ Y-xá-ni dẫn kéo chỉ đến Niết-lý-để, các phương khác y theo đây mà làm có thể biết. A-xà-lê lại nói: Muốn cùng kéo chỉ, trước phải chọn lấy đệ tử nào muốn quán đảnh,

trước dùng nước thơm gia trì cho những người cùng làm việc. Đàn vị đã vẽ, hãy lấy vật che lại chớ để cho thấy. Phương... có bốn cửa: Nghĩa là mỗi tầng của viện đều đặt bốn cửa, khiến cho bên trong đều nhau, mở hướng Tây một cửa để thông ra vào, các cửa khác lấy chỉ làm ranh giới cắt ngang.

Cù-hê chép: Hễ các phương mở cửa, đều tùy theo phương góc kia rộng hay hẹp, Y theo làm chín phần, lấy một phần làm cửa, tám phần còn lại thì ở hai bên phải trái của cửa đều được bốn phần, chỗ cửa ra vào khiến làm hơi rộng, còn các cửa khác, dùng bột màu trắng vẽ làm cửa đóng.

A-xà-lê nói: Dùng chỉ Kim Cang làm ranh giới cắt ngang xong, giống như Kim Cang không được vượt qua, nếu vượt qua phạm Tam-muội-da. Lại, văn kinh cửa chung ở hướng Tây, nếu có nhân duyên đến các phương khác, đối với lý không có lỗi. Ngoài ra như văn dưới sẽ nói. Thành tâm tha thiết, vận dụng khắp các Thánh chúng Tôn giả: Nghĩa là trước khi vẽ bản đồ phải trụ trong Du-già, quán mỗi mỗi hình sắc, tướng mạo, oai nghi, tánh hoại, tòa ngồi, các ấn của đại chúng hội Mạn-đồ-la này, thảy đều hiện ra đầy đủ rõ ràng, sau đó dùng vô lượng tâm ân cần cung kính, mà vẽ, cho đến lượng lớn nhỏ, thưa dầy cũng phải làm cho ổn thỏa tương xứng, cho nên nói tạo các tướng như thế, đều khéo phân biệt. Sen trắng mầu nhiệm trong tâm ấy: Đây là bản tâm của chúng sinh, là cờ nêu bí mật pháp mầu hoa Phân-đà-ly, đài hoa tám cánh, tròn đầy đều đặn, giống như hình dáng tròn đầy thích đáng, đài hoa sen này là tướng thật trí tuệ tự nhiên, cánh hoa sen là Đại Bi phương tiện, chính là cho tạng này là thể của Đại bi thai tạng Mạn-đồ-la, ba lớp khác của kia là theo đây tự chứng công đức mà lưu xuất ra các Thiện tri thức nhập pháp giới môn. Bốn cách ở phương chính là bốn trí của Như lai, bốn cánh ở góc là bốn hạnh của Như lai, căn cứ vào đây hiện tám thứ Thiện tri thức, mỗi vị giữ Kim Cang tuệ ấn, do đó nói khắp các khe mọc ra các cánh.

Mười sáu pháp như thế, mỗi pháp đều sánh bằng pháp giới, cho đến không có chỗ nào không bằng nhau, dù chỉ một phần nhỏ, cho nên tiêu tướng kia cũng cùng phù hợp sâu sắc, lược nhiếp muôn Đức Như lai, dùng làm mười sáu ngón tay, kéo dài ra thì vô lượng, vô biên, do đó Mạn-đồ-la này, lượng rất nhỏ chừng mười sáu ngón tay, lớn thì không giới hạn. Tua nhị là tất cả Đà-la-ni môn, Tam-muội Môn, sáu Độ, mười tám Không... như đã nói trong kinh Đại Bát-nhã, từ mỗi tua bông sen này dùng thần lực che chở nên hiện ra một loại quyến thuộc trang

nghiêm trong ba lớp Mạn-đồ-la, đây là pháp bí truyền của Như lai, không thể hiển bày bằng giấy mực, cho nên gởi gắm trong đồ tượng để chỉ bày cho người tu hành, nếu người được ý sâu sắc, tự sẽ im lặng hiểu biết.

Từ trong đài hoa này sẽ rõ tướng Đại Nhật Như lai gia trì, nghĩa ấy như trước đã giải thích. Còn lại bí mật bát ấn hạ phẩm và bản đồ sẽ nói. Kế là nội viện ở phương Đông, đứng trên Đại Nhật Như lai, vẽ làm ấn Nhất thiết biến tri thành hình tam giác sắc nhọn hướng xuống dưới toàn màu trắng, có vầng lửa bao quanh, ở trên hoa sen trắng, tức là ấn rất mạnh mẽ của tất cả Như lai trong ba đời mười phương, cũng gọi là tâm ấn các Đức Phật.

Tam giác: nghĩa là hàng phục và trừ chướng, tức là Đức Phật ngồi ở Bồ-đề Đạo Tràng dùng thế lực mạnh mẽ, hàng phục bốn ma được thành chánh giác.

Trắng sáng: Là màu sắc Đại Từ Bi. Như lai có sức sư tử mạnh mẽ, đại tinh tấn, chính là nhân duyên việc này, cho đến phát ra ánh sáng Đại Bi thường trùm khắp pháp giới, do đó nói khắp tất cả.

Kế là Đại Cần Dõng ở phương Bắc, cho đến ở Bắc duy đặt hư không nhãn, tức là Phật Mẫu Tỳ-lô-giá-na, nghĩa Phật mẫu như trong phẩm Phật Mẫu của kinh Bát-nhã có nói rộng. Vàng thật là thể tướng thật như như; rốt ráo tịnh cú: là tô điểm bên ngoài của giáo Môn kia, cho nên nói lụa trắng dùng làm y phục, khi tất cả lời nói rộng dứt thì tâm mặt trời sánh sáng suốt, không chỗ nào không chiếu, giống như ánh sáng mặt trời, người nhất tâm khéo điềm tĩnh mới có thể thấy. Vì thế ngọn cờ kia, giống như hình tượng Thiên nữ trụ trong Chính thọ.

Kế là Đại Cần Dõng ở phương Nam cho đến Nam duy làm ấn Chân-đà Ma-ni của các Đức Phật, Bồ-tát, đây là chỗ nhóm họp vô biên hạnh nguyện của tâm Bồ-đề thanh tịnh, thường hay mưa khắp tất cả tài bảo cho thế gian và xuất thế gian. Đều từ tánh tịnh trong đài hoa sen hiện ra vật báu như thế, do đó nói trụ trên sen trắng.

A-xà-lê nói: Đây là chung cho tất cả ấn, cũng có thể đối với các phương hướng đều an trí. Nếu các Đức Phật, Bồ-tát, trong kinh không nói ấn tướng gia trì, cũng cầm hạt ngọc quý vô giá này, đều được. Tóm lược cả lớp thứ nhất này, phương trên là thân Phật các đức trang nghiêm, phương dưới là Phật Trì Minh sứ giả, đều gọi là Bộ Môn Như lai, hướng phải là Như lai Đại Bi Tam-muội, có công năng nuôi lớn muôn việc lành nên gọi là Liên Hoa Bộ, hướng trái là lực dụng Đại Bi của Như lai, có công năng phá trừ ba chướng, do đó gọi là Kim Cang

Bộ.

Vì thế cho nên nhập tự môn A tất cả các pháp không sinh, đó nghĩa là Pháp thân, nhập tự môn A tất cả các pháp không nhiễm trước, nghĩa là hoa sen, nhập tự môn phạ tất cả các pháp lìa ngôn thuyết, đó nghĩa là Kim Cang, như trong phẩm Tự Luân ở dưới, dùng ba chữ này thu nhiếp tất cả Bách Minh, là ý ở đây. Kinh chép: Bên phải Đại Nhật đặt Đại Tịnh tấn Quán thế tự tại, tức là Bộ chủ Liên hoa. Nói Như lai quán sát rốt ráo Mười câu duyên sanh được thành Liên hoa phổ nhãn này, vì thế gọi là Quán tự tại, căn cứ vào hạnh của Như lai, cho nên gọi là Bồ-tát. Đảnh hiện vô lượng thọ: là nói quả cuối cùng của hạnh này, tức là trí phổ môn phương tiện của Như lai, hình tượng này và thân Bồ-tát, đều hiện ra dung mạo pháp lạc vui vẻ mỉm cười, thân sắc quán tự tại, giống như trăng sáng, hoặc như thương khư (loa bối) tức là vỏ ốc tốt đẹp hơn cả, hoặc như hoa Luân-na, hoa ấy mọc ở phương Tây cũng rất trắng đẹp, tổng quát ba thí dụ này như thế, nói là kia tốt sáng hơn cả và thấm suốt rõ ràng đến bên trong.

Kế là ở bên phải Quán Âm, vẽ Bồ-tát Đa-la, các Bậc Thánh mặt đều hướng về Đại Nhật Thế-tôn. Nay nói bên phải Quán Âm, tức là chỗ ngồi ở phương Tây, những vị khác đều bắt chước theo đây; đây là Tam-muội Quán tự tại, cho nên có hình tượng người nữ.

Đa-la nghĩa là Nhẫn (mắt).

Hoa sen xanh: Nghĩa là trong sạch không dơ bẩn, do phổ nhãn như thế nhiếp thọ chung sinh đã không thời trước, cũng không thời sau, do đó làm hình tượng người nữ trung niên, không quá già, quá trẻ. Xanh là màu hàng phục; trắng là màu Đại Bi, hai màu sắc nhiệm mầu ở trong hai dụng, do đó khiến hai màu hòa hợp, vì nghĩa như vậy cho nên không xanh, không trắng; Tượng kia chắp tay, trong tay cầm hoa sen xanh này, tay và mặt đều hướng về Quán Âm, hình dáng như mĩm cười, khắp thân ánh sáng tròn đầy như màu vàng ròng, mặc y phục màu trắng, đầu có búi tóc làm hình tóc tự nhiên, không giống búi tóc đứng đầu của Đại Nhật. Bên trái Quán Âm đặt Bậc Thánh Tỳ-câu-chi, thân ngài có bốn tay, một tay bên phải mang tràng hạt buông xuống, một tay bắt ấn Thí nguyện; một tay bên trái cầm hoa sen, một tay cầm quân trì. Mặt có ba mắt, như tượng Ma-hê-thủ-la, đầu đội mũ tóc, như hình mũ búi tóc của Tỳ-lô-giá-na, nói Trì: Như nói đất giúp đỡ muôn vật, tức là nghĩa chịu trách nhiệm chuyên chở. Thân ngài trong sáng sạch ánh sáng tràn đầy, trong ánh sáng có đủ ba màu vàng, đỏ, trắng, không hoàn toàn trắng, hoàn toàn đỏ, hoặc vàng, vì thế nói là không chính. Vàng là màu tăng

thêm lợi ích, trắng là màu trừ nạn, đỏ là màu hàng phục, vì trong ánh sáng Tam-muội này gồm đủ ba năng lực, vì thế cho nên dùng làm ngọn cờ.

Tiếp đến, gần bên phải Tỳ-câu-chi vẽ tôn vị Đắc Đại Thế-tôn, như ở đời, vị vua, đại thần, uy quyền thế lực tự tại gọi là Đại Thế. Nói vị Thánh này, cho đến được giai vị Đại Bi tự tại như thế, cho nên lấy làm tên. Sở dĩ cầm hoa sen chưa nở là vì như đài hoa thật trí Tỳ-lô-giá-na đã thành quả rồi, lại giữ gìn hạt giống như vậy, tan khắp trong nước tâm của tất cả chúng sinh, còn mọc hoa sen chưa nở, dấu vết của tôn vị này giống ở chỗ đó, cũng có thể che chở khắp mầm lành của tất cả chúng sinh, không để hư hoại, niệm niệm lớn thêm, tức là Liên Hoa Bộ Trì Minh Vương.

Tiếp đến ở bên trái Minh Vương, Vẽ Minh phi Da-du-đà-la, Hán dịch là Trì danh xưng giả; thân màu vàng ròng, dùng các anh lạc tô điểm trang nghiêm, như tượng Thiên nữ, tay phải cầm cành hoa tươi đẹp mầu nhiệm, quả lá xen kẽ nhau, cành lớn tươi tốt, hoa kia hoặc mới có nụ, hoặc có cái sắp nở, hoặc có cái đang nở, hoặc năm cái, hoặc mười, cho đến vài chục cái; tay trái cầm Bát dận ngộ, cũng là hoa đẹp nhất ở phương Tây, vì Đắc Đại Thế Minh Vương là chủ an lập hạt giống Bồ-đề của tất cả chúng sinh, lại Minh Phi này là chủ chứa đựng và sinh ra các thứ công đức trong đây, do đó cách phục sức và ngọn cờ của ngài đều cùng tương ưng với nghĩa này, bên phải Đa-la là Đặc-bán-noa-la-phạ-tất-ninh, Hán dịch là Bạch xứ, vì tôn vị này thường ở trong hoa sen trắng, cho nên lấy làm tên, cũng đội mũ tóc tự nhiên, mặc áo hoàn toàn bằng lụa, tay trái cầm hoa sen nở, từ chỗ rất trắng sạch này sinh ra Phổ Nhãn, vì thế Tam-muội này gọi là Liên hoa bộ mẫu.

Tiếp theo ở dưới Bồ-tát Quán tự tại, đặt Hà-da-yết-lỵ-bà, Hán dịch là Mã đầu, thân ngài không vàng không đỏ, như màu mặt trời vừa ló dạng, dùng hoa sen trắng làm anh lạc... trang nghiêm thân, ánh sáng uy nghiêm chói lọi như bờm sư tử, móng tay dài nhọn, hai nanh mọc ra chỉa thẳng lên giống như lông cổ sư tử, có bộ dạng gầm thét rất giận dữ, đây là Liên Hoa Bộ phẫn nộ Trì Minh Vương. Giống như ngựa quý của Chuyển luân vương đi xem xét bốn Châu, đối với bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu tâm đi không dứt, năng lực tinh tấn của các Đại Bồ-tát cũng giống như vậy.

Do đó, được thế lực oai mãnh như thế, ở trong chướng nặng sinh tử không tiếc thân mạng; phần nhiều bị khuất phục, chính là tâm Đại Bi trong sạch, vì thế dùng sen trắng anh lạc để tự trang nghiêm thân thể,

đã đúng Như Pháp kiến lập các quyến thuộc Quán Âm xong, tiếp theo ở bên trái Như lai Đại Nhật, an trí Kim Cang Bộ Minh Vương, có chỗ nói Chấp Kim Cang có khả năng làm thỏa mãn tất cả nguyện, màu sắc của ngài giống như hoa Bát-dận-ngộ, đó là màu vàng nhạt, hoặc như màu lục quý báu, đó là báu lục mạt yết, giống như hư không hiện sắc, lấy màu sắc pháp giới thanh tịnh hòa hợp với Kim Cang trí thể, do đó thân kia vàng nhạt, trí thân như thế, giống như hư không không thể phá hoại, tất cả mọi người không thể hàng phục, do đó dùng hiển sắc hư không làm cờ nêu.

Ý này nói: Nếu pháp cho đến phần nhỏ giống như cực vi (rất nhỏ) nhưng mà người đắc thì đó là vô thường thay đổi, các hành thuận theo, do đó trí không rốt ráo, ở trong tánh vững chắc là bậc nhất. Mật ấn sở trì, chính là năm bộ phận Kim Cang. Năm trí Như lai đều gồm hai dạng quyền, thật, mà dùng Kim Cang Tuệ Thủ giữ gìn trong đó, cho nên nói bên trái Bạt-chiết-la, Ấn này phải dùng ánh sáng trên búi tóc vây khắp chung quanh, vì thế nói chung quanh có vầng lửa, đầu đội mũ ba ngọn núi báu hình như chữ Sơn, giữa chóp núi như hình trăng non nằm giữa, dùng các thứ tốt đẹp quý báu và tất cả anh lạc trang nghiêm thân. Ý này nói: Bát-nhã ba-la-mật đến trong tâm Quả địa, chuyển gọi Nhất thiết chủng trí, do đó nói đầu đội mũ các báu, do diệu tuệ này rộng trải qua tất cả các pháp, tự tại xoay chuyển sinh ra vô lượng pháp giới trang nghiêm, vì thế nói tô điểm trang nghiêm lẫn nhau, rộng ra số nhiều vô lượng.

Kế là bên phải Kim cang Bộ Chủ đặt Mang mãng Kê, đó là Kim cang Bộ Mẫu, cũng cầm chày Kim cang trí, dùng các anh lạc trang nghiêm thân thể, đây là sinh ra Kim cang trí lực Tam-muội, có chỗ nói Kim cang Tam-muội. Kế là bên phải bộ Mẫu đặt Đại Lực Kim cang Châm, Tố Chi dịch là Kim cang Châm, cầm một phần Bạt-chiết-la để làm cờ nêu, Bạt-chiết-la này, là tuệ một tướng một duyên cứng nhọn, dùng dây tuệ này sâu suốt các pháp không pháp nào không suốt qua, do đó gọi là Kim cang Châm, ở dưới vị này có hai sứ giả đều là hình người nữ, quỳ gối ngửa mặt lên mỉm cười, hình dáng kia nhỏ mà đầy đặn, màu sắc vàng nhạt, lấy Kim cang làm mốc, đó là Tam-muội phá hoại chướng nặng, sau đó ở bên trái Chấp kim cang đặt Kim cang Thương-yết-la, Hán dịch là Kim cang Tỏa, ấn kia giữ gìn nối liền như khóa xích, hai đầu đều làm hình Bạt-chiết-la, dưới Kim cang Tỏa cũng có hai sứ giả nữ, không khác sứ giả Kim cang Châm, đem trí ấn này nhiếp trì tất cả chúng sinh ngang bướng khó giáo hóa, khiến không lui sụt Vô thượng

Bồ-đề, vì thế lấy làm tên.

Lại nữa, ở dưới chấp Kim cang đặt phẫn nộ Trì Minh, hàng phục tất cả những ai làm chướng ngại lớn trong ba đời, hiệu là Nguyệt Yểm Tôn, mặt có ba mắt, bốn răng nanh mọc chỉa ra, như màu mây khi mùa hạ bắt đầu mưa xuống, có dáng vẻ cười lớn, lấy Kim cang báu làm anh lạc, đây là người trì Kim cang, dùng thế lực uy mãnh của vô lượng môn nhiếp hộ chúng sinh sinh trong Tam-muội, vô lượng quyến thuộc tự vây quanh, thảy đều thấp hèn nhưng đầy đủ, có dáng vẻ giận dữ, cho đến một thân có trăm ngàn tay, cầm các thứ binh khí, dựng lên như rừng, nếu người không thể vẽ hết, phải làm một, hai sứ giả cho đến năm hoặc sáu, đều phải trụ trên hoa sen, ý nói trong tâm hoa sen này, pháp như thế thành tựu tất cả năng lực đại tinh tấn mạnh mẽ, không từ chỗ khác đến, đã kiến lập các quyến thuộc Kim cang Tát-đỏa xong.

Sau, đến phương Tây vẽ Trì Minh Sứ Giả của Như lai và các chúng Chấp kim cang, có các hình sắc tánh loại các thứ mật ấn, lá cờ, đều ở trong bản đồ sinh ra, đó là ánh sáng Đại Bi của mỗi tôn vị đều cùng khắp pháp giới, hiện ra thân, miệng, ý mật cũng khắp pháp giới, do đó nói khắp phát ra ánh sáng tròn đầy, vì các chúng sinh. Đối với hạ vị nương theo phương Niết-lý-để, vẽ Minh Vương Bất Động, sứ giả Như lai có hình đồng tử, bên phải cầm ấn Đại Tuệ lực, bên trái cầm dây lụa, đầu có búi tóc, tóc rũ xuống vai trái, lấp kín mắt trái, xuống đến răng cắn môi trên bên phải, tượng kia, môi dưới bên trái hơi lật ra ngoài, ngồi trên tảng đá, thân kia thấp nhưng đầy đặn mập mạp, tỏ vẻ rất giận dữ. Đó là mật ấn và tướng ngọn cờ. Tôn vị này ở đài hoa của Như lai Đại Nhật, thành Phật đã lâu, dùng Bản thệ nguyện Tam-muội-da thị hiện hình tướng mới phát đại tâm nên các tướng không đầy đủ, làm người giúp việc để Như lai sai khiến làm các công việc, do đó cầm mũi nhọn và dây lụa, vâng lệnh giận dữ của Như lai đều muốn sát hại chúng sinh.

Dây lụa là tứ nhiếp phương tiện trong tâm Bồ-đề, do sự trói buộc này không hàng phục được, nên dùng đao tuệ sắc bén, chặt đứt mạng sống nghiệp thọ vô cùng của họ, khiến được sinh khởi Đại không. Nếu hạt giống nghiệp dứt trừ thì lời quen nói rộng cũng đều tiêu trừ, thế nên bịt kín miệng kia, chỉ một mắt thấy, ý nói Như lai dùng các mắt quán sát tất cả chúng sinh không thể rộng rãi sâu xa, cho nên Tôn vị này hễ sự nghiệp đã làm, chỉ vì một việc nhân duyên này; giữ gìn tảng đá chướng nặng kia, không để lay động, trở thành tâm Bồ-đề thanh tịnh núi chúa Diệu cao, đây cũng là thành tựu các việc Chân Ngôn, vì năng lực Đại

tự tại của năm trí Như lai đã rửa trừ phá diệt, thảy đều đến “quả địa” trang nghiêm, chẳng những không có chướng ngại mà còn riêng chứng “Không”, do đó trì ấn Ngũ cổ; đầu đội mũ báu mà ở trong Phong luân, tức trong kinh Pháp Hoa, tất cả việc làm đều vì khai tri kiến Phật, ý khiến được thanh tịnh.

Đã an lập chu Tôn thượng thủ ở Mạn-đồ-la thứ nhất xong. Kế là đến Viện thứ hai vẽ Đức Phật Thích-ca Mâu-ni. A-xà-lê nói: Trong viện thứ hai này là ẩn Mật Ngữ, nếu từ trong đến ngoài thì phải lấy quyến thuộc của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni làm viện thứ ba. Nay thì lấy Tỳ-lô-giá-na và quyến thuộc trong pháp môn làm thứ nhất, quyến thuộc sinh thân Thích-ca Mâu-ni là thứ hai, các Bồ-tát đối với Bi, trí trên cầu Phật đạo dưới hóa độ chúng sinh cho nên làm viện thứ ba. Sỡ dĩ văn giúp nhau như thế vì đây là kho bí mật của Như lai, để ngăn ngừa những người khinh lờn pháp không theo thầy, người thọ làm rối loạn văn kinh, cho nên phải cùng truyền cho nhau bằng miệng.

Trong cửa đầu ở phương Đông, trước đặt tượng Phật Thích-ca Mâu-ni, thân màu vàng ròng, và đầy đủ ánh sáng, ba mươi hai tướng tốt, đắp ca-sa có màu Càn-bà, ngồi trên tòa làm bằng hoa sen để nói pháp, lấy tay trái cầm vạt ca-sa, giống như tượng vua A-dục ngày nay, tay phải dựng đứng các ngón, dùng không thủy luân giữ nhau, đó là cờ nêu của kia. Hoa sen trắng này tức đài tịnh pháp giới tạng trong đây, Thế-tôn vì khiến giáo pháp này truyền bá rộng rãi, nên đem ngọn cờ sinh thân này mà giảng nói, nhưng cùng bổn thân pháp giới không hai không khác, vì thế nói ở kia mà nói pháp.

Lại ở phía Bắc Thế-tôn, an trí Phật nhãn, cũng là Phật mẫu, Thích-ca Mâu-ni, Hán dịch là Năng tịch Mẫu. Phải làm cho thế gian ưa thích nhìn thấy thân trang nghiêm không gì sánh bằng, khắp thân đều có ánh sáng tròn đầy, vui vẻ mỉm cười, đây là Như lai, sinh ra Tam-muội tùy loại sinh hình, Tam-muội này chính là lấy Đại Bi phổ Nhãn làm thể, quán sát chúng sinh đáng độ để dẫn dắt làm lợi ích, ánh sáng của mắt từ không chỗ nào không khắp, do đó nói thể ánh sáng thanh tịnh tròn đầy khắp cả.

Kế đến ở phía Bắc của Phật mẫu vẻ tướng ấn sợi lông trắng của Như lai, trụ trong hoa sen có màu thương khư (vỏ ốc) thân đầy ánh sáng, tay cầm hoa sen, như hình dáng mỉm cười, trong có ngọc quý Như ý, đây là do vô biên phước nghiệp mà Như lai nhóm họp mà thành, như Kinh Quán Phật Tam-muội... nói rộng, có thể đầy đủ nguyện của tất cả chúng sinh.

Lại ở phía Nam Đức Phật Thích-ca đặt ngũ đảnh Như lai.

1. Bạch tán Phật đảnh.

2. Thệ-da dịch là Thắng đảnh.

3. Vi-thệ-da, ở đây dùng nhiều tên gọi, dịch là tối thắng đảnh.

4. Đế-thù-la-thí, dịch là hỏa tụ đảnh, kinh nói Chúng đức, dịch đúng phải là Đại phần, đó nghĩa là đầy đủ đức lớn.

5. Vi-cát-la-noa, dịch là Xả trừ đảnh, nghĩa là Xả bỏ tất cả phiền não, cũng là nghĩa phá vỡ, đây là năm trí cao nhất của Như lai Thích-ca, ở trong tất cả công đức, giống như Luân vương có thế lực lớn.

Hình dáng kia đều là thân Chuyển luân Thánh vương. Nghĩa là trên đảnh có hình nhục kế, trên đó lại có búi tóc, tức là búi tóc chồng lên, các tướng mạo khác đều giống như Bồ-tát, khiến rất trang nghiêm hoan hỷ, mật ấn sở trì như đồ tượng.

Kế là phương Đông, rất gần phương Bắc, sắp bày chúng Ngũ Tịnh Cư:

1. Tự tại Thiên tử.

2. Phổ hoa Thiên tử.

3. Quang man Thiên tử

4. Ý sinh Thiên tử.

5. Danh xưng viễn văn Thiên tử.

Phải theo thứ lớp mà sắp bày, ấn tướng kia đầy đủ như trong đồ tượng nói. A-xà-lê nói: Đây là ngũ Na-hàm Thiên tử, quá đây trở lên có chỗ Bồ-tát thọ chức vị Phật, cũng gọi là Tịnh Cư thiên, đa số là Bồ-tát Nhất sinh bổ xứ, đó thuộc về Viện thứ hai.

Không phải chỗ trong đây nói. Cõi trời này ở bên phải hào tướng ở phương Nam, lại vẽ tam Phật đảnh, thứ nhất tên là Quảng Đại Phật đảnh, thứ hai tên là Cực Quảng Đại Phật đảnh, thứ ba tên là Vô biên Âm Thanh Phật đảnh, hình tướng kia đều đồng với ngũ đảnh, là đứng đầu trong các đức ba bộ của Như lai.

Năm thứ đảnh Như lai kia, có năm màu sắc, đó là màu vàng ròng, màu càng nghệ, màu vàng nhạt, màu trắng tinh và màu trắng đục, trong đó màu vàng ròng và màu vàng nghệ giống nhau, nhưng màu vàng ròng sáng trong, còn màu vàng nghệ sáng trong hơi thẩm. Tam Phật đảnh thì có ba màu, đó là màu trắng, màu vàng và màu đỏ, đây là màu sắc gồm đủ Tiêu tai, Tăng ích và Hàng phục; tám Phật đảnh này đều có ánh sáng khắp thân, ánh sáng rất dày rộng, dùng các anh lạc trang nghiêm thân thể, do lực nguyện thệ xưa của Như lai, nên tất cả nguyện đều được đầy đủ.

Góc Đông Nam sắp bày các Chúng Hỏa Thiên trong ngọn lửa (Sơn), cổ và hai cánh tay đều có vẽ ba màu xám, tức là Bà-la-môn dùng ba ngón tay lấy xám, tự xoa vào thân tượng. Tất cả màu đỏ đậm, đương tâm có ấn tam giác, ở trong vòng tròn ngọn lửa, tay trái cầm tràng hạt tay phải cầm bình rửa, đây là một thân phổ Môn, vì dẫn dắt thu nhiếp nhà thờ thần lửa của Vi-đà Phạm Chí, phương tiện khai thi Vi Đà trong pháp Phật, cho nên chỉ bày đàn hỏa Đại tuệ này, ngọn cờ để tịnh tu phạm hạnh.

Sau đó, ở phương Nam bên phải Đại Nhật, vẽ Diệm-ma pháp vương, tay cầm ấn đàn-noa, tướng ấn, giống như hình cây gậy trên có đầu người, có hình dáng rất giận dữ, dùng trâu nước làm tòa, thân màu đen huyền, A-xà-lê nói: Khi nhỏ từng bị bệnh nặng rất mệt mỏi không còn thần thức, đi đến Minh Ty thấy pháp vương này, cùng nói năng với hoàng hậu, dung mạo rất từ nhẫn, nhưng ấn đàn-noa này, dùng hình tướng giận dữ ra sức tìm kiếm chúng sinh đời sau phạm tội, miệng phun ra hỏa quang rất khẩn thiết, và xem xét công nghiệp sau khi xuất gia, như thế im lặng không nói nữa, Diệm-ma vương và Hoàng hậu liền tìm lời lành dần dần khen ngợi, rất ân cần cung kính xin thọ giới quy y, nhân buông bỏ bèn trở lại, đến lúc gần chết, hai tay kia chỗ dây trói giữ còn vết bị thương, đủ tháng mới lành, phía Tây Diêm-ma làm sau khi Diêm-ma và sau khi chết, cũng làm hoàng hậu Diêm-ma.

Phía Đông làm Hắc dạ thần và Thất-ma-đạt-lý, Hán dịch là Thất mẫu, đều là quỹ dữ. Hình kia thảy đều màu đen, tiếp đến ở góc Tây nam vẽ Quỷ vương Niết-lý, hình cầm đao đáng sợ, đó là hộ phương La-sát vương, Phạ-lỗ-noa là phương Tây hộ phương Long vương, cầm dây lụa làm ấn, ở phương Đông phía Nam ngũ đảnh phải vẽ Nhân-đà-la chủ của Thích Thiên, ngồi ở núi Tu-di, Thiên chúng vây quanh, đầu đội mũ báu, thân mang các thứ anh lạc, trì Phạt-chiết-la và các quyến thuộc khác, nghĩa là phu nhân Xá-chi và sáu tầng trời cõi Dục... đầy đủ như trong bản đồ chỉ bày.

Ở phương Nam của quyến thuộc Thích Thiên, đặt chúng Nhật thiên, ở trong xe tám ngựa kéo và hai bà vợ ở hai bên của vị ấy, có chỗ nói Thệ-da-vi. Thệ-da, Hán dịch là hơn hết không có gì hơn nữa. Quyến thuộc thiên nhật sắp bày nắm giữ các ánh sáng mặt trời, Ánh-già ở phương Tây, Du-già ở phương Đông, Bột-đà ở phương Nam, Vật-lạc-tát-bát-để ở phương Bắc, Một-nhĩ-một-già ở góc Đông nam, La-hầu tại Tây nam, Kiếm-ba ở Tây bắc, Kế đô ở Đông bắc; lại ở phía Nam của Nam vĩ đặt Niết-già-đa, nghĩa là Thiên Cẩu.

Phía Bắc của Bắc vĩ, đặt Ốt-ca-ba-đa nghĩa là lưu hỏa. Phía bắc của quyến thuộc Thích Thiên ở gần trời Tịnh Cư, đặt Đại-phạm-vương, đội mũ búi tóc, ngồi trong xe do bảy con ngỗng kéo, có bốn mặt bốn tay, một tay cầm hoa sen, một tay nắm tràng hạt, trở lên là tay phải; một tay cầm quân trì, một tay nắm Úm tự ấn, trên đây là tay trái, ấn phải hơi cong ngón tay đầu, các ngón khác ngay thẳng, nghiên tay bấm vào mà làm hình dạng đang nói, đó gọi là người thanh tịnh bất ấn cát Tường, ngoài ra các vị trời Tứ thiền đều sắp đặt bên trái của kia, ngũ Tịnh Cư thiên như Vô nhiệt... đều đặt ở bên phải vị ấy. Tỳ-ni nghĩa là quán sát nghi thức đắp mặc của trời Tịnh Cư mà chế ra mặc ba y cho ngay ngắn, nội y chính là giới. Gần cửa phía Tây đặt chúng địa thần (Các thần đất). Tiếp đến, ở phương Bắc đặt Tát-phạ-cát-phạt-để, Hán dịch là trời Diệu-âm-nhạc, hoặc gọi là Biện tài thiên, kế là phương Bắc đặt vợ của vị ấy.

Lại tiếp theo đó đặt Vi-sắt-nữu, xưa dịch là Tỳ-nữu, đây là trời Na-la-diên, và đặt trời Thương-yết-la, đây là Ma-hê-thủ-la, ở trong tất cả cõi có thế lực lớn, không phải chủ của tam thiên đại thiên thế giới. Văn dưới trong kinh lại có Lỗ-nại-la, tức là thân của Thương-yết-la phẫn nộ, đó là từ việc mà đặt tên.

Lại đặt trời Tắc-kiện-na, tức là vị trời Đồng tử, đều đặt vợ của vị ấy ở một bên. A-xà-lê nói: Đây là Thiên chúng phải ở hai bên Thích Phạm Vương thứ tự sắp bày. Trên đỉnh góc Tây Bắc đặt quyến thuộc của trời Hộ phương phong, phía Nam của cửa Tây, đối lại với Nhật thiên đặt Nguyệt Thiên, cỡi xe ngỗng trắng, ở hai bên vị ấy đặt hai mươi bảy ngôi sao và mười hai cung thần... lấy đó làm quyến thuộc, sau ở cửa Bắc nên đặt Tỳ-sa-môn Thiên vương, ở hai bên của vị ấy đặt tám đại tướng Dạ-xoa: Vị thứ nhất tên là Na-ni-bạt-đà-la, Hán dịch là Bảo Hiền. Vị thứ hai tên là Bố-lỗ-na-bạt-đà-la, Hán dịch là Mãn Hiền, thứ ba tên là Bán-chỉ-ca, xưa dịch là Tán Chi, thứ tư tên là Sa-đa-ký-lý, thứ năm tên là Hê-ma-pha-đa, tức là người ở núi tuyết, thứ sáu tên là Tỳ-sái-ca, thứ bảy tên A-tra-phạ-ca, thứ tám tên là Bán-già-la và Ha-lật-để-mẫu công đức Thiên nữ, văn kinh thiếu. A-xà-lê nói: Công đức Thiên theo Tỳ Sa-môn hiệp ở phương Bắc, nếu bản vị thì cũng có thể đặt ở phương Tây. Các những vị Đại Thiên thần này đều là các bậc Thiện tri thức, chúng sinh ở thế gian đều tùy theo nhân duyên tánh dục, tôn thờ cúng dường.

Tỳ-lô-giá-na vì muốn Phổ Môn thu nhiếp chúng sinh, nên khắp mọi nơi thị hiện đồng với thân của chúng sinh ở nơi đó, tức là lấy cờ nêu thế gian cùng biết, làm lá cờ bí mật của xuất thế gian, giống như hình

tượng Đế-thích an trụ ở núi Chúa diệu cao. Nhân-đà-la Tam-muội của Như lai cũng lại không dời đổi nơi này, khai phát ra tâm Bồ-đề thanh tịnh núi Chúa diệu cao, các pháp môn khác so sánh đều như thế, không thể nói rõ. Nhưng hành giả tùy theo trong mỗi thừa kia, công đức thành tựu tự sẽ hiểu rõ.

Lại dưới tòa Phật Thích-ca Mâu-ni, phải làm phẫn nộ Trì Minh, bên phải hiệu là Vô Năng Thắng, bên trái hiệu là Vô Năng Thắng Minh Phi, và bạch sắc giữ đao ấn, quán Phật mà ngồi trong đó; nói Thần đất: Chính là Thần đất trong cửa Tây đã nói ở trước, phải ôm giữ bình quý, cung kính quỳ thẳng, trong bình ấy đặt các thứ: nước, đất và các hoa, ngoài ra như đồ tượng nói. Ở lớp thứ hai trong hai chái cung đặt hai vị Long vương, bên phải là Nan-đà, bên trái là Bạt-nan-đà, trên đầu đều có bảy đầu rồng, tay phải cầm đao, tay trái cầm dây lụa, nương mây mà an trụ, đây đều là điểm quan trọng trong Mạn-đồ-la, do đó nói hành giả Chân Ngôn, phải đem tâm không mê hoặc, nương theo thứ lớp mà làm.

Kinh chép: Các tôn vị thuộc họ Thích còn lại, chân ngôn và ấn đàn, tất cả pháp đã nói, thầy phải chỉ bày đầy đủ như: Phật, Bát, tích trượng, ấn... trong Thích-ca Bộ, các loại ấy rất nhiều, kinh không nêu đủ, nhưng theo phương này thì chỗ thiếu sót, xét chọn chỗ kinh khác nói liền theo đó để an trụ, dù có thiếu sót cũng không mắc lỗi. Nhưng trong kinh đã nêu ra các Tôn vị Thượng thủ... Chắc chắn mỗi tôn vị phải đúng như pháp mà vẽ, không được sai sót, Chư Tôn ở Kim Cang Bộ, Liên Hoa Bộ tại các phương, cũng so sánh với đây có thể biết. Trong kinh lại nói quyến thuộc Bồ-tát ở viện thứ ba, phải ngay trong cửa phía Đông của Đức Phật Thích-ca, vẽ Văn-thù-sư-lợi, thân màu vàng nghệ, đỉnh (đầu) có năm búi tóc thành hình đồng tử, tay trái cầm Nê-lô-bát-la, đó là cành hoa sen xanh nhỏ, trên hoa có ấn Kim Cang mỉm cười rất vui vẻ, ngồi trên đài hoa sen trắng, đây là cờ nêu bí mật của vị ấy.

A-xà-lê nói: Uất-kim chính là màu vàng sáng dùng để tiêu biểu cho Kim Cang trí tuệ sâu sắc, đầu có năm búi tóc: Là tiêu biểu cho năm trí Như lai thành tựu đã lâu, do bản nguyện nhân duyên, thị hiện làm thân đồng Chân Pháp vương tử. Sen xanh: Là các pháp Tam-muội không đắm nhiễm, do tâm “vô sở trụ” nên liền thấy tướng thật. Kim Cang trí ấn, hay đem ánh sáng thường tịch soi khắp pháp giới. Sở dĩ ngồi sen trắng là ý nói không khác trong thai tạng. Văn-thù ở phương Bắc phải vẽ Đồng tử Bồ-tát ánh sáng như mắt lưới, thân màu vàng ròng, tay cầm lưới báu, dùng các thứ anh lạc để trang nghiêm, ngồi

trong hoa sen báu.

Văn-thù giữ diệu tuệ vô tướng, và lưới ánh sáng giữ muôn đức trang nghiêm, như trong luận Trí Độ đã nói: Dùng muối điều hòa các thức ăn, tăng thêm vị kia chứ không thể ăn lạt, do đó người xuất gia mất "phương tiện Bát-nhã", riêng tu "Không tuệ" thì rơi vào đoạn diệt, thuần tu phước đức thì rơi vào có sở đắc, vì thế quán trưởng tử của Phật, là ý ở đây. Sau đó, làm năm sứ giả của Văn-thù, vị thứ nhất tên là Kế-thiết-ni, thứ hai tên Ưu-ba-kế Thiết-ni, thứ ba tên Chất-đa-la, thứ tư tên là Địa Tuệ, thứ năm tên là Thỉnh Triệu, thứ lớp sắp bày ở hai bên Văn-thù, vì mỗi vị đều giữ một trí Văn-thù.

Kế-thiết-ni nghĩa là tóc trang nghiêm. Ô-ba là người xấu ác. Văn-thù dùng năm búi tóc biểu trưng cho năm trí, do đó vị Sứ giả này cũng lấy mỹ phát (tóc đẹp) làm tên.

Chất-đa-la nghĩa là Tạp sắc (nhiều màu sắc xen lẫn), dưới năm vị sứ giả kia, đều làm một vị theo thầy tu học, đều hướng đến vị Sứ giả kia, có dáng vẻ như đang vâng thọ lời dạy bảo, đều là Văn-thù Tam-muội, vì thế kinh nói: Hầu hạ bảo vệ bậc Vô thắng trí, đến lớp thứ hai, ở phương trái Đại Nhật Như lai, vẽ Bồ-tát Trừ Cái Chướng. Theo phong tục ở phương Tây, hướng Đông để sửa trị, lấy hướng Đông làm phương bắt đầu, hướng Nam làm phương bên phải, Tây là phương sau, Bắc là phương hơn hẳn, nay đàn Mạn-đồ-la này, cửa ở hướng Tây cho nên Đại Nhật phải ở phương trái. Trong đồ tượng Bồ-tát Trừ Cái Chướng tay trái cầm hoa sen, trên hoa sen đặt ngọc quý Ma-ni, tay phải bắt ấn thí Vô úy.

Bồ-tát này và các quyến thuộc, đều là đại Từ bi nhổ khổ trừ chướng môn, chính là lấy ngọc quý như ý trong tâm Bồ-đề này, thí cho tất cả chúng sinh không sợ, đầy đủ sở nguyện của họ.

Kinh chép: Xả bỏ hai phần vị, nên vẽ tám vị Bồ-tát: nghĩa là bên cạch Trừ Cái Chướng phải làm hai sứ giả, sau đó như thứ lớp của vị ấy đặt tám Bồ-tát, hễ sắp đặt các quyến thuộc đều khiến vị đầu tiên ở bên phải, vị thứ hai ở bên trái, vị thứ ba ở bên phải, vị thứ tư lại ở bên trái, cứ như thế một vị bên phải, một vị bên trái, theo thứ lớp mà đặt; nay trong tám vị Bồ-tát này trước đem trừ Nghi Quái đặt ở bên phải Trừ Cái Chướng, Thí Nhất Thiết Bố Úy ở bên trái.

Lại nữa, đặt Trừ Nhất Thiết Ác Thú ở bên phải Trừ Nghi Quái, đặt Cứu Ý Tuệ ở bên trái Thí Vô Úy.

Lại nữa, đặt Bồ-tát Bi Niệm ở bên phải Trừ Ác Thú, đặt Bồ-tát Từ Khởi ở bên trái Cứu Ý Tuệ.

Lại nữa, đặt Trừ Nhất Thiết Nhiệt Não ở bên phải Bi Niệm, Bất Khả Tư Nghì Tuệ ở bên trái Từ Khởi.

Các vị khác sắp bày, đều mô phỏng theo đây.

Lại ở các phương Bắc vẽ Bồ-tát Địa Tạng, đối với các vật báu xen nhau tô điểm trang nghiêm, trên đất, dùng bốn thứ báu: vàng, bạc, Phả-chi, thủy tinh làm tòa hoa sen, cũng khiến rất khéo léo tốt đẹp, Bồ-tát ấy ở trên tòa hoa, ánh sáng chiếu khắp thân ngài như trong Thai Tạng, cho nên nói: Ở trong bào thai ánh sáng, vị Thánh này, chủ trì bảo Vương tâm địa trong tánh khởi vô biên kho báu công đức. Do đó cờ nêu của Ngài, dùng tất cả ngọc lạ và nhiều thứ vật báu tốt đẹp xen kẽ trang nghiêm, Bồ-tát quyến thuộc còn lại của ngài, nghĩa cũng giống nhau. Ở bên phải Địa Tạng đặt Bồ-tát Bảo Xứ, bên trái Địa Tạng đặt Bồ-tát Bảo Chưởng, tiếp đến, ở bên phải Bảo Xứ đặt Bồ-tát Trì Địa, bên trái Bảo Chưởng đặt Bồ-tát Bảo Ấn Thủ, bên phải Trì Địa lại đặt Bồ-tát Kiên Cố Ý, các Tôn vị Thượng thủ như thế.

Lại ở hai bên mỗi vị đều, vẽ các quyến thuộc tự theo vây quanh.

Tiếp đến, ở phương Tây vẽ Bồ-tát Hư Không Tạng, đắp y trắng sáng, ở trong rốt ráo "Không" sinh ra dụng tự tại không thể suy nghĩ bàn luận, không có cùng tận, như trong Kinh Đại Tập Hư Không Tạng có nói rộng, cho nên gọi là Hư không tạng. Pháp môn quyến thuộc trong đây gọi là: Bồ-tát Hư Không Vô Cấu, Bồ-tát Hư Không Tuệ, Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ, Bồ-tát Hạnh Tuệ, Bồ-tát An Tuệ, cũng như trước theo thứ lớp sắp ở hai bên phải trái, do đó đều nói là vân vân. Nói Chư Tôn thượng thủ ở đây, lại mỗi vị có vô biên quyến thuộc, hình tướng các ngài như trong đồ tượng đã nói, phần cuối kệ này nói: Lược nói Đại Bi Tạng, giai vị Mạn-đồ-la xong, hai câu này là để kết thúc ý nghĩa truyền độ người, không phải bản văn trong kinh.

Như trên đã nói: Tâm Bồ-đề làm nhân, Đại Bi làm gốc, phương tiện làm rốt ráo tức là tướng thật đài hoa Đại bi thai tạng của tâm mở bày, dùng Đại Bi phương tiện hiện làm ba thứ phổ Môn quyến thuộc, do nghĩa ấy nên gọi là Đại bi thai tạng Mạn-đồ-la, như ở trong một thế giới khắp hiện sáu đường, thân tùy theo loại, trong tất cả thế giới, cũng giống như vậy, ở trong các chúng đồng phần kia, cũng là thượng thủ, pháp họ đã nói, cũng vi diệu bậc nhất trong các pháp kia, lại do nghĩa này có thể nhiếp thọ khắp vô tận chúng sinh, nên Tỳ-lô-giá-na gọi là vua pháp giới.

Nay các Tôn vị thượng thủ này, đều cùng nhóm họp giữ gìn ấn pháp như vậy, cho nên tất cả đồng loại chúng sinh kia, mỗi vị sinh tâm ít

có nói: Đức Tôn vị của Ta không ai so sánh được, lại cũng ở trong chúng này, phải biết pháp này rất là ít có, do sinh tâm ít có, nên thuận với tất cả pháp giới môn mà gieo trồng gốc lành, cho đến người trong đêm dài sinh khởi gốc chẳng lành muốn phá hoại chánh pháp, đã đến đạo tràng, thấy chỗ tôn thờ Đại Thiên kia, lại trong mong bố thí pháp thực không thể suy nghĩ bàn luận, ác tâm hiền diệt, việc ma dứt trừ, hoặc sinh tâm nhất niệm vui theo, do sinh tâm nhất niệm thanh tịnh, liền có thể ở trong đó khai phát ra Đại bi thai tạng Mạn-đồ-la.

Lại nữa, các thứ pháp môn Mạn-đồ-la này, tuy đồng một pháp giới, nhưng công dụng kia sâu cạn mỗi mỗi có khác nhau, như sự nuôi sống của một khu đất, sự thấm nhuần của một trận mưa, nhưng các cây cỏ thuốc tánh chia ra khác nhau, nếu thầy thuốc xem xét thì biết cỏ thuốc như thế, đối với kia đối trị không hợp bệnh nhưng đối với bệnh nào đó thì thế lực rất có hiệu quả. Như ở trong các Phổ Môn phương tiện này, mỗi phổ môn phân biệt không sai lầm, mới có thể làm A-xà-lê. Mười bài kệ trong Đại Bản, các bậc Thánh ấy, đều tự giảng nói, tự đã thông đạt pháp giới Môn và các pháp phương tiện khác. Nay bản lược này, chỉ nêu lên những pháp chính yếu chung cho phần đông hướng đến Đạo mà thôi. Nếu khi hành giả đúng như pháp tu hành không thiếu phép tắc, mong sự che chở không thể suy nghĩ bàn luận thì tự mình làm ra phương tiện chỉ bày không gì không thông suốt.

A-xà-lê nói: Hễ người tu hành không trụ Du-già thì không phù hợp làm người kiến lập Mạn-đồ-la. Trước khi muốn vẽ, phải dùng tự môn chuyển làm các Tôn vị, tòa ngồi, hình sắc, tánh loại mỗi thứ đều tương ưng, liền quán Đại bi thai tạng như thế, tức là thân ta, mới khởi tay vẽ, A-xà-lê có hạnh sâu như thế, thì bất cứ lúc nào cũng, thường không xa lìa Phật hội như thế; khi vẽ song làm pháp sự thì đúng như pháp lần lượt khởi Kim Cang Địa, quán Cung điện Bảo Vương này, ở trên đảnh núi Tu-di, tất cả mỗi mỗi đều trang nghiêm, đều như trong phẩm sau sẽ nói, hiểu rõ như vậy rồi, mới có thể mời thỉnh.

■

ĐẠI TỲ-LÔ-GIÁ-NA THÀNH PHẬT KINH SỚ

QUYỂN 6

Phẩm 2: **NHẬP MẠN-ĐỒ-LA CỤ DUYÊN** (Tiếp Theo)

Đồ vị Mạn-đồ-la do A-xà-lê truyền nêu đầy đủ như dưới đây:

Phương trên
Phía bên phải.
Báu Như Ý của Như lai
Hay trao tất cả Tôn.
Giáp trụ của Như lai
Liên hoa Bộ nữ vâng lời dạy.
Sợi dây của Như lai
Liên hoa Bộ vâng lời dạy.
Việc làm cho ma sợ của Như lai
Hoa sen kích tam cổ.
Rốn của Như lai
Kích Hoa sen.
Mã tàng của Như lai
Liên Hoa Tôn.
Môi của Như lai
Sen Kim Cang.
Mười lực của Như lai
Bánh xe Hoa sen.
Răng của Như lai
Đao Hoa sen.
Đại Hộ của Như lai
Bồ-tát Liên Hoa Đức.
Vô Sở Úy Đại Hộ Giả
Đại Thủy Cát tường.
Như lai Vô Sở Úy

Đại Cát Tường.
Linh Đạc của Như lai
Tăng Cát Tường.
Như lai Thương Khư
Phật Cát tường.
Như lai Tam-muội-da Kim Cang
Bồ-tát kim Sắc.
Như lai Chánh Cần
Bồ-tát Danh Xưng Tuệ.
Như lai Tam-muội da
Bồ-tát Bạch Sắc.
Lưỡi Như lai
Người đại che chở, phá hoại các sợ hãi.
Sợi lông trắng của Như lai
Bồ-tát Đại Thế Chí.
Tòa của tất cả Như lai
Bồ-tát Tỳ-câu-chi.
Như lai Đại Cần Dũng
Bồ-tát Quán Thế Âm
Phía bên trái
Phương dưới.
Diệu Kim Cang
Hàng Tam Thế-tôn.
Thanh Kim Cang.
Sen Kim Cang
Kim Cang Đạc (Cái chuông kim cang).
Tịch tĩnh Kim Cang.
Đại phấn Lợi Kim Cang.
Kim Cang quyên tác.
Răng Kim Cang
Dao Kim Cang.
Na-nhị-đồ Kim Cang.
Xích Thể Kim Cang.
Người vâng lời Phật
Dạy Việt vô lượng hư không.
Nguyệt yểm tôn
Nan hàng đại hộ giả (hình người nữ)
Kim Cang Bộ sinh.

Kim Cang Liên Tỏa
Không thể vượt hộ môn giả.
Chấp kim cang
Phương trên
Phía bên phải.
Mắt Như lai
Đa lợi Tôn.
Tâm Như lai
Quán Âm Mẫu.
Như lai Thước Để.
Bồ-tát Đại Bạch.
Như lai Vô Kham Nhẫn
Bồ-tát Tư Tài Chủ.
Thủy tự tại Tôn
Bồ-tát Biến Quán.
Như lai niệm xứ
Bồ-tát Cát Tường.
Dao Như lai
Bồ-tát Đới Tháp Đức.
Bánh xe Như lai
Bồ-tát Bảo Đức.
Hoa sen Như lai
Hình Y da nai.
Đảnh Như lai
Quân trì (bình) hình hoa sen.
Như lai kiết giới.
Tóc mai hình hoa sen
Như lai thí nguyện.
Búa hình hoa sen
Như lai giảng nói bình đẳng.
Dây tơ hoa sen
Miệng Như lai.
Mõ hình hoa sen
Eo của Như lai
Loa ốc hình hoa sen.
Ánh lửa của Như lai
Sứ giả Bộ Liên Hoa.
Như lai móc câu

(Sứ giả Liên Hoa Bộ, Quán thế âm đầu ngựa).
Hư không Nhãn
Gậy hoa sen.
Trên đây Lớp thứ nhất đã xong.
Đồng tử Vô Cấu Quang
Bồ-tát Hiền Kiếp.
Phía bên trái
Phương dưới.
Kim Cang Mẫu.
Kim Cang Châm.
Kim Cang Câu
Tương hướng thủ hộ Môn giả.
Kim Cang Vô Thắng Đại Hộ Giả
Sứ giả Như lai.
Quân-đồ-lợi Kim Cang
Kim Cang Quyền.
Đại lực Kim Cang
Vô hý luận Kim Cang.
Hư Không Vô Cấu Kim Cang
Kim Cang phủ
Sách-đa-la Kim Cang.
Đại thân Kim Cang
Bánh xe Kim Cang.
Đại Thắng Kim Cang
Gậy Kim Cang.
Quảng Nhãn Kim Cang.
Bạt-chiết-la Kim Cang
Thánh Bất Động Tôn
Bồ-tát Đại Tuệ
Bồ-tát Hiền Kiếp.
Phương trên
Phía bên phải.
Đồng tử Quang Võng.
Người Nam vâng giáo
Bồ-tát Hạnh Tuệ.
Người Nam trông giữ bảo vệ
Bồ-tát Thắng Diệu Thiên.
Sứ giả Nam

Sứ giả Nữ
Bồ-tát Bảo Nghiêm.
Lục Diện Tôn.
Bồ-tát Bảo Ấn Thủ.
Hàng Diêm-ma Bồ-tát.
Đồng tử Địa Tuệ.
Bồ-tát Bảo Chướng.
Ưu-ba-kế Thiết-ni.
Văn-thù-sư-lợi
Bồ-tát Địa Tạng.
Kế-thiết-ni.
Chất-đa-la
Bồ-tát Bảo-tác.
Người Mời thỉnh.
Bồ-tát Trì Địa.
Nữ sứ giả.
Nam sứ giả
Bồ-tát Hiền Ý.
Người nữ trông giữ bảo vệ
Bồ-tát Bảo Quang.
Người nữ vâng giáo
Bồ-tát Phát tâm tức Xoay bánh xe pháp.
Phía bên trái
Phương dưới.
Bồ-tát Tịch Tuệ
Bồ-tát Kim Quang.
Bồ-tát Vô Cấu Tuệ
Bồ-tát Kim Sắc.
Bồ-tát Bảo Thủ.
Bồ-tát Vô Tận Ý
Bồ-tát Hiền Đức.
Bồ-tát Hoa Tràng.
Bồ-tát Bất Tư Nghì Tuệ
Bồ-tát Kế Đô.
Bồ-tát Đại Bi Khởi
Bồ-tát Vô Cấu Quang.
Bồ-tát Vô Tượng.
Bồ-tát Cứu Ý Tuệ

Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ.
Bồ-tát Thí Nhất Thiết Vô Úy
Bồ-tát Hư Không Tuệ.
Bồ-tát Trừ Nhất Thiết Cái Chướng
Bồ-tát Hư Không Tạng.
Bồ-tát Hư Không Vô Cấu.
Bồ-tát Trừ Nghi Quái
Bồ-tát Pháp Tuệ.
Bồ-tát Trừ Nhất Thiết Ác Thú
Bồ-tát Tuệ Bộ.
Bồ-tát Bi Niệm
Bồ-tát Thích-nị-nhị.
Bồ-tát Nê-nhị.
Bồ-tát Trừ Nhất Thiết Nhiệt Não
Bồ-tát Bảo Phan.
Bồ-tát Hải Tuệ
Bồ-tát Kim Quang, Quang Minh.
Phương trên
Phía bên phải.
Đồng tử Bảo Quang.
Bồ-tát Thiện Trụ Ý.
Đồng tử Nguyệt Quang.
Đồng tử Thiện Tài
Bồ-tát Hiền Kiếp.
Trên đây là lớp thứ hai xong.

Thần Hỏa Thiên Hộ Phương
Thần Y-xá-na Hộ Phương.
Hỏa Thiên
Quyến thuộc chúng Cưu-bàn-trà.
Hỏa Thiên Hậu
A-danh-yết-noa.
Bà-tư-sắt-tra Đại tiên
A-thấp-phạ-yết-noa.
Kiệt-già Đại tiên
Thú-bà-yết-noa.

Vị-kiến-đồ Đại tiên
Thần Tạp Bảo Tạng.
Cù-đàm Đại tiên
Đồ-cát-ni, Đồ-ca.
Ca-diếp Đại tiên
Bồ-tát Đồng tử.
Các thần chấp diệu,...
Chúng Tỳ-kheo.
Vợ Tỳ-thệ-da
Bồ-tát Ly Trần Dũng Mãnh.
Nhật Thiên tử
Phật Định Thắng Thủ Đức ở phương Đông Bắc.
Vợ Thệ-da
Chúng Bồ-tát.
Phía bên trái
Phương dưới.
Bồ-tát Diệu Tuệ
Bồ-tát Diệu Tràng.
Bồ-tát Vô Biên Tràng.
Bồ-tát Hiền Kiếp
Bồ-tát Hiền Kiếp.
Thần Niết-lý-để Hộ Phương
Thần Phong Thiên Hộ Phương.
Nữ La-sát
Vợ Phong thần.
Chúng La-sát
Ca-lâu-la Nữ.
Bồ-tát Hiền Kiếp
Ca-lâu-la.
Bồ-tát Đồng nam
Chúng Tỳ-kheo.
Quyến thuộc phi nhân
Quyến thuộc của tất cả mọi người.
Bồ-tát Nhật Quang.
Phật Nhật Luân Biến Chiếu Thắng Đức
Ở phía Tây nam
Bồ-tát Đồng Nam.
Chúng Tỳ-kheo.

Chúng Bồ-tát
Bồ-tát Bảo Tràng.
Chúng Tỳ-kheo
Phật Nhật Bảo Cái ở phía Tây Bắc.
Phương trên
Phía bên phải.
Na-la-diên và quyến thuộc
Chúng Tỳ-kheo.
Ma Thiên Tha Hóa Tự Tại thiên
Bồ-tát Đồng Nữ.
Trời Hóa lạc
Phần Nhiều Là Nữ Bộ.
Trời Đâu-suất-đà
Đa Số Bộ Loại Dược-xoa.
Trời Diệm-ma
Tướng Dược-xoa ở núi Tuyết.
Đề-đầu-lại-tra
Thiên vương và chúng Kiền-thác-bà
Ở phương Đông.
Tướng Sa-đa-kỳ-lý Dược-xoa.
Xá-chi Phu nhân
Tướng Bán-già-la Dược-xoa.
Đế-thích cõi trời Tam thập tam
Tướng Tỳ-sái-ca Dạ-xoa.
Bồ-tát Đồng Tử
Tướng A-tra-phạ-ca Dược-xoa.
Chúng Tỳ-kheo
Tướng Tỳ-sa-môn Tử Dược-xoa.
Bồ-tát Hoan Tỷ.
Bồ-tát Phương Tiện Hoa Hỷ Đức
Thần Na-di-bạt-đà-la.
Chúng Bồ-tát
Vợ Thần Hộ Phương.
Bồ-tát Đồng Nữ
Câu Phệ La Hộ Phương Thần Tỳ-sa-môn.
Trời Cát Tường Công Đức
A-nan-đà
Tướng Mãn Hiền Dược-xoa.

Xá-lợi Tử.
Đại Mục-liên
Đại Tướng Tán-chi.
Đại Ca-diếp
Bồ-tát Đồng Nam.
Phía bên trái
Phương dưới.
Bồ-tát Đồng Tử
Chúng Tỳ-kheo.
Bí-lăng-nghị Lật-tri
Chúng Đồng Nữ.
Các Tỳ-na-da-ca
Bồ-tát Hiền Kiếp.
Ma-ha Ca-la
Long vương Tiểu Ngật-lật-sắt-noa
Ngật-tây-sắt-noa nhị Long vương.
Long vương Ưu-bà-lộ-hệ-đa
Nhị Long vương.
Mười quyến thuộc Tỳ-lô-già
Lộ-hệ-đa-nhị Long vương.
Ưu-bà-tý-đa nhị Long vương.
Mười quyến thuộc Tỳ-xá-chi.
Hai Long vương Ưu-bà-thúc-ngật-lao.
Hai Long vương Thúc-ngạt-lao.
Long vương Sa-già-la.
Địa ngục Nóng lạnh
Long vương A-na-bà-đạt-đa.
Địa ngục Nhiệt não
Long vương Hắc-xoa-ca-la.
Long vương Ma-ca-tư.
Vua Tỳ-lâu-bác-xoa
Long vương Cự-lợi-ca.
Long vương Yết-câu-tra-ca.
Vợ Diêm-ma Một-lật-để
Long vương Hòa-tu-cát.
Vợ Diêm-ma
Long vương A-nan-đà.
Diêm-ma Đản-đồ

Long vương Đại Liên Hoa.
Long vương Ba-đầu-ma.
Phương Trên
Phía bên Phải.
Vô lượng âm thanh Phật Đảnh
Chúng Tỳ-kheo.
Quảng Đại Phật Đảnh
Bồ-tát Thắng Thọ.
Hỏa Tụ Phật Đảnh
Phật Thắng Đức ở phương Bắc.
Thắng Phật Đảnh
Chúng Bồ-tát.
Gậy Như lai
Chúng Tỳ-kheo.
Bát của Như lai
Bồ-tát Đồng Nữ.
Răng Như lai
Bồ-tát Hiền Kiếp.
Sợi lông trắng
Thấn đứng đầu Ruộng Nương.
Vô Năng thắng Tôn
Thấn đứng đầu chuồng voi, ngựa.
Phật Thích-ca Mâu-ni.
Vợ của Vô Năng Thắng
Chủ Vua Kho Tàng.
Phật Mẫu
Thấn đứng đầu Ngoại Đạo Xứ Phước.
Như lai Thước-để-ấn
Thấn đứng đầu Hang Kín.
Bồ-tát Đồng Nam
Thấn đứng đầu các kho tàng ẩn kín trong lòng đất.
Tỳ-kheo Tăng
Thấn đứng đầu sa mạc.
Bồ-tát Phổ Quang
Thấn đứng đầu Rừng thây chết.
Phật Bảo Tánh ở phương Đông
Thấn đứng đầu Ao hồ.
Chúng Bồ-tát

Thấn đứng đầu Chúng Rồng.
Tỳ-kheo Tăng
Thấn đứng đầu các giếng.
Bồ-tát Đồng Nữ
Thấn đứng đầu Cung điện đẹp đẽ giữa hư không.
Phía bên Trái
Phương Dưới.
Pháp Vương Diệm-ma-la
Long vương Thương-khư.
Người hỏi ngục Chất-đán-la-cấp-đa
Vợ của Phược-lỗ-noa.
Long vương Phạ-lỗ-noa.
Trời ban đêm
Thiên vương Lỳ-lâu-lặc-xoa Hộ Phương.
Trời Biện Tài.
Bồ-tát Đồng Nam
Người Giữ Cửa Ưu-bà-tốn-na.
Chúng Tỳ-kheo
Cửa chung.
Bồ-tát Ly-ưu
Người Giữ Cửa Tốn-na.
Phật Vô Ưu Đức ở phương Nam
Thần Đất.
Chúng Bồ-tát
Long vương và vợ, quyến thuộc.
Chúng Tỳ-kheo
Bồ-tát Đồng Nam.
Bồ-tát Đồng Nữ
Chúng Tỳ-kheo.
Các Địa ngục khác nhau
Bồ-tát Hạnh Tuệ.
Bồ-tát Hiền Kiếp
Phật Bảo Diệm ở phương Tây.
Già-muộn-noa
Chúng Bồ-tát, chúng Tỳ-kheo.
Kiều-phệ-ly
Bồ-tát Đồng Nữ.
Vị-phệ-sắt-noa

Thấn đứng đầu thường lấn chiếm.
Thấn đứng đầu Lịch.
Kiều lỵ
Thấn đứng đầu về Thời gian.
Hy-nại-lỵ
Thấn đứng đầu tạo nghiệp.
Ta-nại-lỵ
Thấn đứng đầu về Sao.
Phương Trên
Phía bên phải.
Ca-sa Phật
Thấn đứng đầu cung điện.
Bình Quân Trì Của Phật
Thấn đứng đầu Biển.
Bạch Tán Phật Đảnh
Thấn đứng đầu Nhà Cửa, Thấn đứng đầu ngõ hẻm.
Tối thắng Phật Đảnh
Thấn đứng đầu Phương hướng.
Tồi Toái Phật Đảnh
Thấn đứng đầu Đường Lối.
Thấn đứng đầu Sông.
Tối Cao Phật Đảnh
Thấn đứng đầu Đường đi.
Bích-chi-Phật
Thấn đứng đầu chỗ hoang vắng.
Thấn đứng đầu ngoại ô.
Đại Phạm Và Minh Phi Quyến Thuộc
Thấn đứng đầu chỗ Bán Hàng Hóa.
Trời Tứ Thiền
Thấn đứng đầu thành.
Trời Vô sắc.
Thiên tử Tịnh Cư Tự Tại
Thấn đứng đầu Thôn xóm.
Thiên tử Phổ Hoa
Thấn đứng đầu các Châu.
Thiên tử Quang Man
Thấn đứng đầu về Chim.
Thấn đứng đầu Núi.

Thiên tử Ý Sinh
Thấn đứng đầu Tất-địa Vật.
Thiên tử Danh Xưng Viễn Văn
Thấn đứng đầu Tất-địa.
Vợ của Đại Tự Tại và quyến thuộc
Thấn đứng đầu Thuốc Tiên.
Trời Đại tự tại và quyến thuộc
Thấn đứng đầu đếm thuốc.
Phía bên Trái
Phương dưới.
Vị La Nhị
Thấn đứng đầu túc đối.
Vợ của Khẩn-na-la
Thấn đứng đầu đêm.
Khẩu-na-la, Bồ-tát Đồng Nam
Thấn đứng đầu mặt trời, mặt trăng.
Chúng Tỳ-kheo
Thấn đứng đầu sáu thời.
Bồ-tát Liên Hoa Thủ
Thấn đứng đầu ngay thẳng.
Phật Liên Hoa thắng Đức ở phương Đông nam
Thấn đứng đầu hai mươi tám ngôi sao.
Thấn đứng đầu mười hai cung điện.
Chúng Bồ-tát
Nguyệt Hậu Tên Xích Sắc.
Chúng Tỳ-kheo
Nguyệt Hậu Tên Nguyệt Tường.
Bồ-tát Đồng Nữ
Thiên tử mặt trăng.
Mộ-ha-nẵng
Nguyệt Hậu Tên Nguyệt Tướng.
Thần Lửa Diệm danh
Bồ-tát Đồng Nam.
Kiếp Vi
Chúng Tỳ-kheo.
Mãng-nẵng-sa
Bồ-tát Liên Hoa Thắng.
Ngật-sái-dã

Phương Dưới, Phật Liên Hoa Đức ở phương dưới.
Xã-tra-la
Chúng Bồ-tát.
Câu-lộ-đản-nang
Chúng Tỳ-kheo.
Một-lật-noa
Bồ-tát Đồng Nữ, Bồ-tát Hiền Kiếp.
Lộ-hệ-đa
A-tu-la nữ quyến thuộc.
Mang-lỗ-đa
A-tu-la quyến thuộc.
Phương trên
Phía bên phải.
Con và vợ của Ma-hê Thủ-la
Thấn đứng đầu Thuốc.
Vợ của Trì Minh
Vợ của Tất-địa Trì Minh.
Tiên Trì Minh
Tiên Tất-địa Trì Minh
Phía bên trái
Phương dưới.
Nại-lỗ-ca.
Sa-ma Hê-nại-la
Ma-hầu-la-già nữ.
Các Hỏa Tiên,...
Ma-hầu-la-già

(Trên đây là lớp thứ ba đã xong)

A-xà-lê nói: Viện thứ nhất ở phương Đông, từ Như lai Câu cho đến Như lai giáp... Đều là Tam-muội Tỳ-lô-giá-na, mỗi vị có hình Thiên nữ, giống như Mạn-đồ-la chu vi để phân biệt màu sắc của kia, ngồi trên đài sen trắng, trong tay lại cầm hoa sen, trên hoa đều dùng vật tượng để làm cờ nêu, như lưỡi câu, đao, linh chuông, dây tơ lụa, áo giáp, mũ trụ... của Thương Khư, nếu nương theo ảnh gốc mà vẽ thì đảnh tướng, sợi lông trắng, miệng, lưỡi, răng, môi... lệ theo đây có thể biết. Rốn Như lai ở trong sen trên đồ tượng Vẽ nối liền nhau tròn đẹp, lưng Như lai cũng hơi xoay cong như hình xâu chuỗi, Như lai tạng hình giống như tướng Mã Bảo của Luân vương không hiện, Như lai thí nguyện sẽ làm nguyện thủ, Pháp Như lai và các biện thuyết... hoặc giữ Kinh tạng, hoặc

làm tay nói pháp, niệm, xứ, mười Lực... đều là pháp tương ưng với chỉ quán, làm Chánh tịnh vắng lặng, Tam-muội-da phải làm tướng đảnh Phật, tướng đảnh Như lai nhiếp đủ tất cả công đức, hễ trong tay không có vật để làm cờ nêu thì đều nên sắp đặt. Nếu Mạn-đồ-la không làm tôn hình, chỉ nêu ấn bí mật , ở trên tòa Kim Cang làm đài hoa sen, trên đài như trước vẽ làm cờ nêu.

Kia làm Tự Mạn-đồ-la: Trong kinh có hạt giống tự, phải đúng như pháp an trí, nếu trong kinh không chép thì phải lấy chữ ban đầu trong tiếng Phạm làm hạt giống, hoặc có thể dùng chung chữ A. Các tôn vị trong Liên Hoa bộ ở phương Bắc, nếu trong kinh không nói hình tướng thì thông thường làm hoa sen màu hồng, hoặc màu trắng tinh, hoặc màu vàng ròng của chư tôn... thì nương vào tên mà phân biệt ấn tướng cầm, cũng như trong Phật Bộ nói, nhưng dùng hoa sen làm cờ nêu. Như hình bánh xe hoa sen, phải dùng bốn cành hoa sen như hình chữ thập để làm căm, phía bên ngoài căm làm mũi nhọn chung quanh, đao hoa sen phải ở trên hoa sen mà đặt đao, trên mũi nhọn của đao lại dùng hoa sen để làm tướng nêu, chày kích Kim Cang... đều cũng giống như vậy.

Liên Hoa quyên tác là dùng hoa sen làm hai mầm non, mõ thì dùng hoa sen để buộc, vòng hoa thì xỏ hoa sen để trang nghiêm thân, hoặc đặt trên hoa đang cầm, đội tháp Cát tường, trên búi tóc đặt tháp, hoặc trên hoa cầm, Liên Hoa Tôn thì trên hoa lại đặt hoa sen, trên hoa sen Bảo Đức Tôn có vật báu, có thể trao tất cả nguyện Minh Vương, làm thỏa mãn tất cả nguyện ít có, dáng mạo kia không phải như Quán Thế Âm tay cầm hoa sen, trên hoa sen hoặc đặt ngọc như ý, thuận theo pháp tức tai, tăng ích và hàng phục, trong đàn tương ưng kia, hai tay Đại Cát Tường mỗi tay đều cầm hoa sen, nước Cát tường hoặc trong hoa sen chảy ra, hoặc duỗi tay nước chảy ra, tôn vị mặc da nai phải lấy da nai trang nghiêm thân, như tượng Phạm Thiên kia phù hợp với ấn Mạn-đồ-la so sánh giống như trước đã nói, thông thường dùng chữ Sa làm hạt giống.

Phương Nam các Tôn vị Kim Cang Bộ ở phương Nam cũng có thể nương vào kinh, trước hết nêu tên các ngài đều an trí đầy đủ, tùy theo làm đàn, hình vuông, hình tròn, hình tam giác, bán nguyệt... màu sắc trên thân cũng giống như vậy, hoặc giữ một phần Bạt-chiết-la, hoặc giữ ba phần, năm phần, hai mũi nhọn... trên dưới các thứ nêu tướng Kim Cang, như trong kinh nói, tùy ý mà đặt, đao, búa, lưỡi câu, cây kim... kia đều ấy Kim Cang làm cờ nêu, đao thì trang trí ở mũi nhọn và cái chuôi, đều làm hình chày Kim Cang đầu sắc nhọn, dây lụa nối liền hai đầu đều

như tượng Bạt-chiết-la ba nhánh, chuyển lấy mười chữ Kim Cang làm vành nan xe nhọn sắc bao bọc chung quanh, chuông (đạc) dùng Kim Cang một nhánh làm trên, buộc chữ thập Kim Cang làm quả lắc, ngoài ra đều lệ theo có thể biết; phù hợp với Mạn-đồ-la, cũng ở trên tòa Kim Cang đặt hoa sen trắng, trên hoa các vật kia bày ra; nếu làm Tự Mạn-đồ-la, Chấp kim cang và toàn bộ quyến thuộc thường dùng chữ phược, các Kim Cang khác thường dùng chữ Hâm làm hạt giống.

Viện thứ hai, các chúng Bồ-tát, nếu trong kinh chép đầy đủ hình tướng ấy thì tất cả đều như lời dạy trong đồ tượng kia mà vẽ, không có văn thì người thường dùng ấn Chân Đà-na-ni, phải cầm hoa sen, trên hoa đặt ngọc như ý, ánh sáng bao bọc chung quanh, hoặc tùy theo ý nghĩa trong tên kia để hiển bày tướng kia, như Bồ-tát Bảo Quan thì ở trên hoa đặt cái mũ, Bồ-tát Bảo Võng thì ở trên hoa đặt cái lưới, Bồ-tát Bảo Chưởng thì đặt trong tay vật báu; trong tay phát tâm Xoay bánh xe pháp ấn thì cầm bánh xe, tất cả các tôn vị thiếu sót, đều đặt Bồ-tát Hiền Kiếp, các sứ giả vâng theo lời dạy của Bồ-tát, đều làm hình dáng nhỏ thấp, Sứ giả kia cầm đao gậy ở của Như lai ngăn giữ, người vâng theo lời dạy hoặc tay cầm ấn giơ lên; hoặc chiêm ngưỡng vị tôn quý, nếu nhận mệnh lệnh sai khiến thì người trông giữ có đều thưa hỏi rõ ràng, đều tùy theo loại.

Hàng Diêm-ma Tôn là quyến thuộc của Văn-thù đầy đủ oai thế lớn lao, thân kia có sáu mặt, sáu tay và sáu chân, trâu là tòa ngồi, có ba mắt, màu sắc như mây đen tím, có hình dáng rất giận dữ, phải tìm bản Phạm Văn-thù mới đầy đủ, các Tôn vị này, nếu trong Kinh khác nói hình tướng Các ngài đầy đủ, cũng có thể trong thời gian nương theo bản đồ kia vẽ nhập Mạn-đồ-la. Các Tôn vị này, kinh Tỳ-lô-giá-na không chép Chân Ngôn thủ ấn, tức riêng nêu kinh khác thì phải nương vào kinh kia trao cho Chân ngôn thủ ấn, giúp nương theo phương pháp thực hành thứ lớp cúng dường của kinh này.

Các Đức Phật trong mười phương... ở Viện thứ ba đều nương vào tướng bình thường trong đồ tượng, nếu làm ấn khế, phải lấy đỉnh tướng Như lai, hạt giống thì lấy chữ A, Thanh văn, Duyên giác đều giống nghi thức Tỳ-kheo, trong đó, Duyên giác có khác một ít: nghĩa là hoặc có tướng Nhục kế... của Đại Nhân, nếu khế hiệp nên dùng Bát, ca-sa, tích trượng... chữ hạt giống kia như chân ngôn trong kinh đã nói. Trước Nhật Thiên ở phương Đông có thể đặt Thiên nữ Ma-lợi-chi, như Đà-la-ni tập có nêu. Tám vị tướng Dạ-xoa ở phương Bắc trong đồ tượng thiếu ít vị, hình các vị ấy đại khái tương tự, đều mặc áo giáp, đội mũ trụ, cầm

ấn Già-đà, thân tướng ngay thẳng tròn đầy, vì chỗ mong cầu của vị ấy không thiếu nên thường an vui tự tại.

Dê, Ngựa, Voi... đều là quyến thuộc của Cưu-bàn-trà, thân kia không giống Dạ-xoa, đều rủ lông bày thân, có hình tướng phi nhân, ấy là đồng với loài súc sinh, đồ tượng cho là trì Minh Tiên, do năng lực các thứ thuốc... mà thành; Tất-địa Trì Minh Tiên: Đều là người chuyên nương vào chú thuật mà được Tất-địa. Nói thẳng rằng, các vị tiên ấy: Đều là loại Vi-đà thờ lửa, siêng tu khổ hạnh thành Tiên có năm thần thông. Lại có Dạ-xoa trì Minh, là loài Phước đức hơn cả trong các loài ấy, thuộc về đường trời, khác với Tiên ở đời. Các vị Thần ở núi, sông, ao, hồ, rừng cây, lúa, thuốc, thành, ấp, đường đi... đều lấy tên gốc làm tướng cờ nêu, thần núi ngồi ở núi, thần sông ở sông, cây, thuốc... kia hoặc tay cầm nắm hoặc nương trên nó, phải theo nghĩa từng loại để suy sét, trong kinh Hoa Nghiêm lại có hai loại thần là thần Túc Hành và thần Thân Chúng.

Đó là loại thần giữ gìn đường đi và thần giữ gìn thân, cũng có thể theo thứ lớp bày ra. Đường chẳng phải loài người ở phương Tây, phải biết trong thân Phổ môn của Tỳ-lô-giá-na, hoàn toàn là các loại quỷ thần, bàng sinh... trong đồ tượng không có danh tướng riêng của họ, phần nhiều ở trong đó. Lộ-hệ-đa là màu đỏ, tịch-đa là màu vàng, cật-lật-sắc-noa là màu đen, màu xanh của kia cũng thuộc trong đó, nếu nương vào nghĩa nói ở phương này thì mỗi màu phải chia riêng ra, cật-lao là màu trắng, đều là tất cả loài rồng chúa đều nương vào sắc này mà vẽ, hoặc Gia-ổ-ba-tự màu sắc hơi nhạt, tốn-na-ổ-ba-tốn-na cũng là rồng đầu đàn lớn giữ cửa, đều tay phải cầm đao, tay trái cầm dây lụa. Thần đứng đầu về năm, tháng, thời giờ... đều có hình tướng Thiên nữ, cầm cành hoa... để làm tướng nêu.

Nếu người đứng đầu việc tốt thì hoa kia cũng khiến sắc tướng tròn đầy, nếu người đứng đầu việc xấu thì màu sắc hoa quả... héo úa. Thần đứng đầu sáu thời kia cũng có thể cầm sáu cành hoa làm hình tượng tùy theo thời tốt hay xấu để tiêu biểu việc kia. Người đứng đầu ngày đêm cũng có thể y theo hoa nở, hoa búp để biết, những thứ khác đều mô phỏng theo đây.

Bí-lăng-ngật-lật-tri ở phương Nam, là con của Ma-hê-thủ-la, hình tướng rất khô gầy vò thường hàng phục kẻ thù, dù cho xương thịt tan hết cũng muốn được chiến thắng. Do đó mà làm hình tướng này.

Đó là luận Trí Độ đã nói: Thường tu khổ hạnh cắt thịt cúng tế lửa, cảm sinh các thần ác, vì thế trụ ở phương Nam, mười hai hỏa thiên kia

trong kinh có nói sơ lược hình tượng, có một vị thần thiếu tên, chỉ nương vào hình tượng chung của các vị hỏa thiên. Các vị khác như trong đồ tượng đã chỉ bày. Kinh chép: Bấy giờ, Chấp kim cang Bí Mật Chủ, ở trong tất cả chúng hội, quán kỹ đại nhật Như lai, mắt không rời, khi ấy Đức Phật như Phổ môn Mạn-đồ-la đã thị hiện, mà giảng nói ngôi vị của các tôn vị xong. Bí Mật Chủ dùng phổ nhãn quán sát từng tôn vị này đều không thấy nguồn gốc, cũng không chỗ trụ ở, đều là thân tướng của Liên hoa đài tạng, sinh ra các phương tiện không thể cùng tận, bấy giờ, tự rất vui mừng phát tâm ít có, đối với pháp này càng sinh ý tưởng khó gặp, muốn lại hỏi nghĩa sâu xa, do đó nói kệ này.

Đầu kệ ý nói: tất cả người trí tuệ, xuất hiện ở thế gian, như hoa linh thoại kia, lâu lắm mới hiện một lần, hoa Ưu-đàm tuy là khó gặp, nhưng pháp yếu chân ngôn này lại càng khó gặp hơn. Vì sao? Vì đây là bí tạng của Như lai trong đêm dài giữ gìn không trao cho người, một cách bừa bãi, nếu không phải căn cơ đốn ngộ thì không thể hạ thủ công phu, Thế-tôn lúc còn ở đời vẫn bị nhiều kẻ oán ghét, huống chi đời mạt pháp ?

Lại nữa, kinh này, tự giải thích nhân duyên khó hiện, nếu chúng sinh một phen thấy Mạn-đồ-la thì nghiệp ác chướng nặng từ vô thỉ đến nay, đều dứt trừ không còn, chắc chắn được thọ ký đại Bồ-đề, người độn căn phước mỏng không thể được. Một lần thấy còn khó, huống chi lần lượt tu hành lại càng ít có hơn, thường được hải hội Phổ môn khen ngợi, danh tiếng vang khắp mười phương, lại đồng đại nhật Như lai lại có nhiều danh hiệu, cho nên nói Vô thượng xưng.

Kinh chép: Thực hành câu Vô thượng tức là tu hành câu Vô thượng Bồ-đề. Tự môn A này đứng đầu tất cả chân ngôn, giống như Thế-tôn là người đứng đầu tự tại đối với các pháp, do đó gọi là chân ngôn cứu đời.

Câu thứ hai nói, sự nghiệp cứu đời, việc làm có công năng giúp cho hành nhân thành tựu tánh, kim cang cắt đứt các nẻo ác, tất cả khổ không sinh. Kinh chép: nếu tu hành như thế thì trí tuệ sâu mầu bất động, nếu có gốc chân thì phải nói trí tuệ rất sâu, không lay động. Tâm như biển lớn vì rất sâu rộng, lại xa lìa hai bên, cho đến khi gió lớn nổi lên cũng không thể lay động. Nếu khi hành giả vào biển tâm lớn chân ngôn này, thì cũng giống như vậy. Vì diệu tuệ kia cũng sâu xa vô lượng lại xa lìa hai bên, tất cả các pháp không thể làm lay động, như khi long vương Ta-kiệt-la mưa xuống sáu tầng trời thì ở trong cung của họ ba nghiệp đều bất động, nếu hiểu nghĩa này thì biết các thứ phương tiện Mạn-đồ-

la, thảy đều an trụ ở mé thật.

Kinh chép: Khi nhóm họp khắp tất cả đại chúng và các trì Kim cang, dùng một âm thanh khen ngợi Kim cang thủ, các đại chúng kia, nghe Phật nói rộng giai vị Mạn-đồ-la xong, muốn hỏi cờ nêu và sự nghiệp của Kim cang trong pháp giới này, vì kính trọng Thế-tôn cho nên chưa dám mở lời.

Lại, Kim cang thủ có thể quán sát các tâm nương vào căn cơ nói kệ, ắt biết muốn xé rách lưới nghi, lợi ích khắp vô lượng chúng sinh, thế nên khen ngợi chứng minh, khuyến khích phát lời thưa hỏi. Lại các chúng nhiều như số cát bụi trong mười cõi nước Phật dùng nhất tâm nhất vị, khiến một người tụng pháp âm này, chẳng phải nói vì mọi người cùng một lúc mà nói riêng.

Kệ nói: Lành thay, lành thay! Rất mạnh mẽ, ông đã tu hành hạnh chân ngôn, có khả năng thưa hỏi tất cả nghĩa chân ngôn, chúng ta đều có ý suy nghĩ. Chân ngôn hạnh tức là pháp môn ba bình đẳng, trong những người trì tam mật thì ông là trên hết, do đó có thể hỏi Đức Thế-tôn nghĩa sâu xa của Phổ môn, như nhân giả muốn hỏi nghĩa Đức Phật, chúng ta cũng đều có suy nghĩ như vậy, nay đều đồng tâm suy nghĩ muốn phải nhanh chóng nói ra.

Lại nói tất cả hiện ra là sự chứng nghiệm của ông, nương vào năng lực thực hành chân ngôn, nói chúng ta khi mới phát tâm, nhờ trụ trong câu vô thượng này, cho đến có thể ở trong biển tuệ Kim cang sâu xa mà không lay động. Vì thế cho nên chắc chắn được Sư Tử hống, đối với kệ ông đã nói ở trước hiện làm chứng minh, tất cả việc làm của chúng ta đều do trụ ở chân ngôn hạnh và nương vào thế lực chân ngôn mà cùng được thành tựu. Nếu ông muốn hỏi Như lai phương tiện bí mật, và những người cầu Đại thừa, thì phải thực hành pháp chân ngôn cho được thông đạt, do thông đạt nên không bao lâu cũng siêng tu, cũng không khác với chúng ta, do hiểu nghĩa lợi ích như vậy, nên đem một âm thanh đồng tâm khuyến giúp. Bấy giờ, Bí Mật Chủ được đại chúng khuyến phát rồi, liền nói già-tha, hỏi rộng Đức Thế-tôn, kệ thứ nhất hỏi nghĩa màu sắc có bốn câu: câu thứ nhất hỏi nghĩa thế nào là màu sắc, câu thứ hai hỏi phải dùng màu nào? Câu thứ ba hỏi làm sao xếp đặt màu sắc này? Ở chỗ nào trước? bên trong hay ngoài? Câu thứ tư chia bày màu sắc, màu nào làm trước? Đây là một loại chi phần của Mạn-đồ-la hiện nay.

Kệ tiếp theo hỏi về tướng nêu của các môn, có ba câu kệ: câu thứ nhất hỏi hình, lượng của môn cờ. Câu thứ hai hỏi hình, lượng của môn

sương. Câu thứ ba hỏi cách kiến lập các môn và phương pháp đo hình, lượng, các cờ nêu bí mật như vậy, A-xà-lê đều phải khéo thông đạt, lại là một chi phần.

Kế đến có hai bài kệ, đại khái có tám câu hỏi. Câu hỏi thứ nhất: Vì sao dâng cúng thức ăn và hương hoa...? Câu hỏi thứ hai hỏi về phép tắc của bình báu, phải biết tất cả các vật cúng dường đều ở trong đó. A-xà-lê phải tùy theo sự tướng phân biệt tánh loại của kia, lại là một thứ chi phần, câu hỏi thứ ba vì sao dẫn gọi đệ tử nhập vào Mạn-đồ-la? Câu hỏi thứ tư vì sao làm pháp quán đảnh? Câu hỏi thứ năm vì sao dâng cúng các tôn vị. Nhưng trong đây lại có hai thứ: nếu người tu hành tâm ban đầu nương theo thế đế Mạn-đồ-la thì làm sao người nhập quán đảnh và dâng cúng A-xà-lê. Nếu đã tu tập Du-già bí mật quán đảnh thì làm sao A-xà-lê nhập quán đảnh và dâng cúng.

Chính khi tác pháp thì tất cả gia trì, giáo thọ phương tiện đều nhiếp vào trong đây, lại là một thứ chi phần. Câu hỏi thứ sáu là nơi chốn Hộ-ma, cũng có hai cách giải thích sâu, cạn và các phương tiện khác nhau như tức tai, Tăng ích, Hàng phục... Câu hỏi thứ bảy là bộ loại chân ngôn, tự nghĩa cú nghĩa. Câu thứ tám hỏi tướng cạn sâu khác nhau của Tam-muội môn.

Phàm A-xà-lê chưa khéo thông đạt pháp ấy thì không nên kiến lập Mạn-đồ-la. Lại trở thành ba thứ chi phần, hỏi như thế xong "Đại Tịch Pháp Vương" bảo Chấp kim cang rằng ông phải lắng lòng nghe kỹ, kế nói kệ rằng đạo chân ngôn hơn cả, sinh ra quả Đại thừa, quả Đại thừa tức là trí tuệ của Đức Phật, phải nhờ phương tiện như thế mà được sinh khởi, do công khéo nói mà thưa hỏi ta.

Nay khắp vì các Ma-ha-tát giảng nói mở bày. Bài kệ đầu trả lời nghĩa sắc rằng: Nhiễm chúng sinh giới kia cho đến vị pháp giới, cổ Phật đã giảng nói, đó gọi nghĩa là sắc, giống như nhuộm màu ở thế gian, có thể nhiễm tịnh chồng chất lên nhau, khiến đồng vị. Nhờ vị mà hiểu sắc, như nói vị ca-sa: tức là nhuộm màu ca-sa. Nay nghĩa sắc Mạn-đồ-la này cũng giống như vậy. Do sắc pháp giới không thể suy nghĩ bàn luận, nhuộm tâm chúng sinh đồng một vị Bồ-đề thanh tịnh.

Lại nữa, như thế gian nhuộm áo, trước dùng tro nước giặt sạch thì dễ dàng ăn màu. Nay dùng tự môn A thiêu đốt tâm dơ của đệ tử, khiến thành tro tàn, sau đó dùng tự môn pha nước đại từ bi mà rữa, khiến hoàn toàn trong sạch, xa lìa nói suông, sau lại nhuộm thành pháp giới Mạn-đồ-la, khiến các thân Phổ môn đều đồng màu tướng thật. Tiếp theo có hai bài kệ trả lời chung ba câu hỏi, trong đó nói: phải dùng màu nào?

Nay ở đây trả lời phải dùng đủ năm màu xanh, vàng, đỏ, trắng, đen.

Kệ rằng: trước sắp đặt màu trong, không sắp đặt màu ngoài, đó là trả lời câu hỏi sắp đặt màu sắc như thế nào, chỗ nào trước, chỗ nào sau. Trắng tinh là trước tiên, màu đỏ thứ hai, như thế vàng và xanh lần lược nêu bày, sâu kín trong tất cả, nói sắc trước sau như thế: đó là trả lời màu nào: trắng tinh là màu sắc pháp giới thanh tịnh của Tỳ-lô-giá-na, là nguồn gốc của tất cả chúng sinh, cho nên trước hơn cả, đỏ là màu cờ báu của Như lai đã phát tâm Bồ-đề ở trong đạo sáng. Hàng phục ma oán, diệt trừ cái chướng, cho nên thứ hai, màu vàng là màu Ta-la thọ vương, khi thành chánh giác muôn đức tròn đầy, đều đến mé thật Kim cang, do đó xếp vào thứ ba, xanh là màu Vô lượng thọ, đã đến mé thật Kim cang liền đem phương tiện gia trì, khắp hiện đại bi Mạn-đồ-la, như giữa hư không trong sạch chứa đủ muôn vật, vì thế xếp vào thứ tư. Màu đen là màu Cổ Âm Như lai, vì thế gần dấu vết Phổ môn đều để hiển bản. Bản: tức là địa tự tướng của Như lai, trụ đại Niết-bàn, nếu bỏ thần lực che chở thì tâm tất cả chúng sinh không có cảnh giới kia, vì thế màu sắc sâu lại ở sau cùng.

Lại nữa, giống như vải sạch ở thế gian, trước ăn màu nhuộm, sau cùng đen là màu nhuộm cuối cùng, vì đậm nhất cho nên không thể thêm nữa, do đó ở sau cùng, nghĩa màu sắc Mạn-đồ-la cũng giống như vậy. Trắng nghĩa là vượt một trăm sáu mươi tâm dơ, đây gọi là sắc tín cho nên trước tiên. Đỏ nghĩa là siêng năng mạnh mẽ, là màu sắc tinh tấn cho nên xếp vào thứ hai. Vàng nghĩa là khi nhất niệm tương ưng, định tuệ ngang nhau, “thất giác” khai mở, ấy gọi là sắc niệm, vì thế ở thứ ba. Xanh nghĩa là Đại không Tam-muội, đó gọi là sắc định cho nên xếp vào thứ tư. Đen nghĩa là đại Niết-bàn, tức là tuệ rốt ráo của Như lai, ấy gọi là sắc tuệ, vì thế ở thứ năm. Hoặc có thuyết nói rằng, màu trắng đầu tiên, màu vàng thứ hai, đỏ xếp vào thứ ba, xanh ở thứ tư và đen xếp vào thứ năm, đây là y theo sự dung nạp sâu cạn mà có chứa nghĩa hữu thượng.

Lại trắng nghĩa là tín cho nên trước hết, vàng giống như Kim cang không thể phá hoại cho nên nghĩa tấn, do đó xếp vào thứ hai. Đỏ nghĩa là chướng tâm trừ sạch, hòa quang chiếu bày, đó nghĩa là niệm, vì thế thứ ba, ngoài ra như trên đã giải thích, pháp môn nêu bày đều khác nhau.

Lại nữa, trắng là màu sắc vắng lặng tai nạn, nghĩa Như lai Bộ, do đó đứng đầu tiên. Vàng là màu tăng ích, nghĩa Liên Hoa bộ, vì thế xếp vào thứ hai. Đỏ là màu hàng phục nghĩa Kim cang bộ cho nên ở thứ ba.

Xanh là thành tựu các việc, cũng sinh ra hình dáng tùy loài, cho nên xếp vào thứ tư. Đen nghĩa là thâu nhiếp kêu gọi, tức là các vị vâng lời chỉ dạy đã làm các việc như phẩn nộ... do đó xếp vào thứ năm.

Lại nữa, như ở thế gian màu sắc vẽ không ngoài năm màu, nhưng còn có các màu liên quan với nhau đậm nhạt khác nhau. Người trí tuệ khéo léo, giỏi chia bày, sinh thành muôn hình tượng không có cùng tận, màu pháp giới không thể suy nghĩ bàn luận cũng giống như vậy. Nói tóm lại không quá năm tự môn, nhưng cũng lại cùng nhau phát huy thành các thứ trí ấn khác nhau. Như lai dùng Phổ môn khéo léo vẽ bản đồ bi sinh Mạn-đồ-la cho đến sinh ra các hình tùy theo loại nhiều như số cát bụi trong thế giới còn không cùng tận, hoặc người tu Du-già hoặc người được ý trong đây, phải xúc chạm với nhiều loại tự tại để làm, trong vắng lặng chân như sẽ ở thứ mấy? Như trong kệ đã nói: hãy nêu tất cả pháp môn và đưa ra cương lãnh ấy.

Kinh chép: trước đặt bày màu bên trong không đặt bày màu bên ngoài. Về phương pháp vẽ đồ tượng, trước phải kiến lập trong tâm Bí Mật Liên Hoa tạng xong, kế đến lập lớp thứ nhất ba điểm chữ y và các quyến thuộc bên trong. Tiếp theo làm lớp thứ hai bốn Bồ-tát... và các đại quyến thuộc. Cho đến lớp quyến thuộc thứ ba là cõi trời và cõi người. Lại các đường ranh giới, ở giữa đến lớp thứ nhất phải đủ năm màu.

Trước hết, lấy màu trắng làm ranh giới chung quanh xong, sau ở ngoài màu trắng rào ranh giới màu đỏ, ngoài màu đỏ rào màu vàng, lại ngoài màu vàng rào màu xanh, lớp ngoài cuối cùng lại rào màu đen. Lớp thứ hai kia, cũng như trên thứ lớp mà rào ba màu trắng, đỏ, vàng. Lớp thứ ba ranh giới chung quanh chỉ rào toàn một màu trắng, đều cho thật đều nhau và ngay thẳng, lần lượt xoay theo chiều bên phải mà rào, những đường ven ở ngoài chỗ cúng dường và đường đi kia, tùy theo làm ranh giới hoàn toàn một màu. Cù-hê (hê) nói chỉ dùng màu trắng. Sở dĩ trước dùng màu trắng, từ trong đến ngoài là vì ở đây nói năm thứ căn lực của tâm Bồ-đề dần dần rộng lớn, cho đến trụ trong Đại Bát-niết-bàn thì khắp mọi nơi không có chỗ nào không trụ, màu đen ở đường ngoài cũng vậy. Nếu từ cạn đến sâu theo dấu vết trở về nguồn gốc thì Thế-tôn trở xuống đồng sáu đường làm quyến thuộc sơ tâm, khai phát tâm Bồ-đề thanh tịnh.

Nếu khi chúng sinh nhập minh môn này, vượt qua một trăm sáu mươi tâm thì đã vượt khỏi địa vị Bồ-tát ở thế gian. Vì thế, lớp thứ ba Mạn-đồ-la chỉ lấy màu trắng làm ranh giới. Lớp thứ hai Mạn-đồ-la ở

trên màu trắng lại thêm màu đỏ, màu vàng; màu đỏ là hết sức mạnh mẽ trong tâm Bồ-đề tiến tu muôn hạnh, màu vàng là nhớ nghĩ Như lai muôn đức mở bày.

Bấy giờ, liền nhập cửa màu nhiệm nhiều lớp ở cõi Tịnh quang cho đến gần bổ xứ vì còn không biết một người. Do đó, ở lớp thứ hai chỉ dùng ba màu làm ranh giới. Lớp thứ nhất Mạn-đồ-la, ở trên ba màu lại thêm màu xanh và màu đen. Xanh là Đại không Tam-muội, có chỗ nói thân, miệng, ý mật Như lai gia trì không cùng tận nên làm màu đại hư không. Hắc nghĩa là thân Như lai tuổi thọ thường trụ, thân nhiệm mầu như thế rốt ráo vô hình tượng, cho nên có màu đen đậm.

Hai câu này là bí mật của Như lai, không khắp vì tất cả chúng sinh cho nên nói là môn quyến thuộc. Lại khi nhập màu sắc đen đậm tức là Thai hoa tạng trong tự chứng của Như lai.

Bấy giờ, thấy màu năm trí đều giống màu sắc cả pháp giới, làm gì có đậm nhạt khác nhau mà chúng sinh có người chậm nhập vào, có người vượt lên, có người đốn nhập. Như thế chỗ kia cuối cùng đồng trở về, do đó nói tất cả đều đen đậm.

Kinh chép: Kiến lập Tiêu xí Môn, lượng đồng với trong Thai tạng, sương vệ cũng giống như vậy, đài hoa mười sáu cánh, ở hai cửa Mạn-đồ-la, đều dựng ngọn cờ để làm cờ nêu gọi là Tiêu Xí Môn, hai cây cách nhau chừng một thước, phải dựng cho ngay thẳng đều nhau ở trong Thai. Trên đặt cây nằm ngang, chiều rộng cũng giống như vậy, trên cột cờ đều đặt mặt trăng nằm ngửa, dưới mặt trăng đặt hình tượng lá cờ. Dùng vải lụa cắt ra thành miếng vuông, có thể ở góc lấy xé ra làm hai lá, mỗi lá treo ở ngoài cột cờ, trên nhọn rũ xuống. Bốn góc bên cũng đặt cột cờ và mặt trăng nằm ngửa, cờ nêu kia đặt ở hai hướng, trong cửa đại dõng mãnh trên mặt trăng nằm ngửa đều đặt ngọc như ý, cửa Kim cang thủ trên mặt trăng đều đặt Thương Khư, trên bốn góc kia đều đặt vật báu, chỗ cửa giáp sương vệ như hình chữ á.

Ở đường chung chính giữa, mỗi mé cong đều đặt que Kim cang, đầu que như một bộ phận hình Bạt-chiết-la, lưỡi kia nhọn sắc, một chái nhà sáu que, hai bên gồm mười hai que, bốn cửa và bốn góc gồm có hai mươi tám que. Ba lớp so sánh theo đây có thể biết, cùng đầy đủ chỉ năm màu, đều dùng chân ngôn bất động hoặc chân ngôn hàng tam thế, gia trì một trăm lẻ tám biến hoặc một ngàn lẻ tám mươi biến, A-xà-lê ngày đêm tác pháp đã vẽ Mạn-đồ-la xong.

Trước quán trong thai và viện thứ nhất biết quan hệ không ít, tức là que Kim cang dưới. Dùng que Kim cang kia vây bọc chung quanh đến

chỗ cửa chung thì dừng lại không cần cắt ngang, ba lớp đều đặt như vậy. Nếu không thể như thế thì ở viện thứ ba chắc chắn phải đầy đủ pháp này, không được thiếu sót, đến chỗ cửa chung, phải đưa chỉ tùy theo cửa mà quấn, cong lại đưa lên, không để quá đầu. Đã kiết giới xong, phải theo cửa ra vào không được liền vượt qua chỗ khác, mỗi khi ra vào vẫn phải tụng chân ngôn bất động. Nếu là A-xà-lê Du-già thì cũng có thể đi chung quanh lấy chỉ quấn, nếu khi phải ra vào thì nghĩ tưởng đưa chỉ này xuống thấp mà qua, qua rồi liền trở lại như cũ. Hoặc cách xa cửa gấp cần ra vào thì phải quán thân mình là Tỳ-lô-giá-na dùng thân không quái ngại, không được nghĩ là vượt qua chỉ, tùy ý ra vào không có lỗi. Giữa sáu cây cọc chỗ quay lại đều khiến thước đo dừng lại. Vẫn phải đi con đường chung qua lại giới viện. Ở hai bên chái nhà của cửa ngoài cùng cũng bằng với trong thai, cho nên nói "sương vệ" cũng giống như vậy. Đài hoa là chỗ quán đảnh, quy chế đàn liên hoa, hoàn toàn giống như trong thai tạng tám cánh, rất nhỏ bằng mười sáu ngón tay, các nghĩa khác dưới đây sẽ nói lại. Chỉ mở một cửa, cửa ấy sao cho hướng về đàn lớn. Kệ nói: Nên biết cửa ban đầu kia, cùng trong đàn bằng nhau, nghĩa là tướng cửa lớp thứ nhất, phải y theo chín phần mà làm cho rộng hẹp ngay thẳng, khiến đường chính trong cửa ngang xứng với tim hoa tạng. Ngoài ra lớp thứ hai, thứ ba cũng lấy đây để y theo mà chia, tự nhiên dần dần rộng thêm đều được vừa chừng. Ở lớp thứ hai trong cửa chái nhà đặt hai anh em rồng đầu đàn, Nan-đà ở phía Nam, Bạt Nan-đà ở phía Bắc. Kia còn dùng các thứ báu trang nghiêm, đại khái giống như phẩm vị bí mật Mạn-đồ-la. A-xà-lê nói nếu làm bí mật thích thì bốn phương hướng cùng ngay thẳng bằng nhau, đó nghĩa là bốn Niệm xứ, bốn cửa là bốn Tịnh lự cũng là bốn Nhiếp pháp, xa cửa là bốn Phạm trụ, chái gốc là bốn Chánh cần, bốn Duy là bốn Chân đế. Cọc Kim cang tức là Tu-đa-la. Lấy đây gắn liền ba mươi bảy phẩm trợ đạo làm thành pháp môn. Vì thế, tướng nêu ngoài cửa lượng dài ngắn rộng hẹp, đều giống trong thai, là nói tất cả pháp môn của Như lai đều tương xứng với pháp giới cho đến không thêm bớt mảy may, lại hiệp với chỗ thực hành Trung đạo, ngay trung tâm đài hoa sen tướng thật, dấu vết Phổ môn kia xa lại càng rộng, cho nên nói người trí ở ngoài viện dần dần tăng thêm.

Kệ nói: Nói lược Tam-ma-địa, nhất tâm trụ ở duyên: Từ đây trở xuống là trả lời chi phần Mạn-đồ-la, nếu người chưa tu Du-già thì không được làm A-xà-lê, do liên quan chi phần cho nên pháp sự không thành. Trong kinh, trước hết giải thích lược danh nghĩa Tam-muội, sau nói sâu

rộng. Ban đầu giải thích sơ lược: Nghĩa là tâm buộc duyên vào một cảnh mà không rong ruổi tán loạn, đó nghĩa là "đẳng trì".

Do đó, kệ nói: Nói lược Tam-ma-địa, nhất tâm trụ vào duyên, hơn nữa nhờ có tướng Du-già, tự có ba thứ thượng, trung, hạ. Thượng nghĩa là quán thân Như lai Tỳ-lô-giá-na... trung nghĩa là quán thân các Bồ-tát như Văn-thù-sư-lợi... hạ nghĩa quán thân Nhân-đà-la... và tùy loại, tất cả đều như Mạn-đồ-la đã chỉ bày, hình sắc, oai nghi, bí mật, cách thức, hoặc ấn, hoặc tự, chỉ nhất tâm trụ vào duyên không để tán loạn, đó là môn Tam-muội của vị ấy. Tóm lại, như hải hội Tam-muội-da các vị Thiện tri thức nhiều như số cát bụi trong cõi Phật, đều nhập một thứ pháp giới Tam-muội môn. Nếu nhìn toàn bộ đại chúng Phổ môn như thế, nhất tâm trụ duyên không còn tán loạn thì đó là Phổ nhãn Tam-muội môn, cũng gọi là Phổ môn thế giới Tam-muội môn.

Như một môn và tất cả môn, hoặc nhập Tam-muội môn thuộc bộ Chánh biến tri, hoặc chỉ nhập Tam-muội môn thuộc bộ Liên Hoa, hoặc chỉ nhập Tam-muội môn thuộc bộ Kim cang, hoặc do Bồ-tát Văn-thù và các quyến thuộc đều khắp nhóm họp làm thành một "Tam-muội môn". Ba vị Bồ-tát khác cũng giống như thế, tùy theo tâm lượng tu hành của vị lớn hay nhỏ mà các thứ khác nhau. Hành giả tu tập Du-già, hoặc quán bổn tôn, hoặc quán bí mật ấn, hoặc quán chân ngôn có các cảnh giới hiện ra, không giống với bản quán thì đều là tà kiến.

Như ở trong định hoặc thấy ánh sáng mặt trời, mặt trăng, các ngôi sao đẹp, hoặc thấy hoa sen chúa lớn đầy khắp hư không, hoặc thấy cây báu lầu gác tốt đẹp trang nghiêm, giống như cung điện cõi trời và các cõi thanh tịnh, hoặc bỗng nhiên không còn có tướng thân tâm nữa, hoặc thấy các Đức Phật, Bồ-tát vô lượng đại chúng, hoặc nghe các âm thanh kỳ lạ, hoặc thấy treo ngược ở dốc núi cao đến ngục Vô gián. Do không nương gốc sở duyên, nên đều không nên chấp lấy, chỉ cần nhất tâm ý bình thường, dù được tương ưng với cảnh giới trong định nhưng cần phải tu quán sát sâu về mười câu duyên sanh, không nên mê đắm vị ấy. Hoặc thấy cảnh giới kỳ lạ cho là tốt đẹp mà chấp trước gọi là ngã mạn định, cũng gọi là kiên chấp định, nhưng khi tương ưng với chánh quán tự nhiên được thấy vô lượng cõi Phật, Phật trong đây, nghĩa là trăm ngàn các việc, cõi là chỗ thanh tịnh. Khi tương ưng như thế, thì biết từ trước đến nay các sự tướng đều là nhân duyên, do nhân duyên như vậy cho nên có sự tướng, không do người khác ngộ mà không bị chướng ngại.

Lại nữa, thâm bí giải thích: Nghĩa là đối với mỗi thân tướng chân thật trong pháp môn của Thiện tri thức, tâm trụ vào duyên không sinh

vọng tưởng nói suông, đó nghĩa là "đẳng trì", như nhập vào tự môn A nhất niệm pháp giới, là Tam-muội Tỳ-lô-giá-na, đối với pháp Liên Hoa ấn nhất tâm bất loạn, là Tam-muội Quán tự tại, đối với Kim cang tuệ nhất tâm bất loạn là Tam-muội Bí Mật Chủ, cho đến các Tôn vị Phạm, Thích đều đối với nhất pháp giới môn mà được tự tại. Nếu đối với thân giải thoát kia, một duyên không tán loạn gọi kia là Tam-muội Tịnh Thiên Nhãn. Nếu đối với đại Bi Tạng Vân Hải được nhất tâm bất loạn, gọi là Tam-muội phổ nhãn, cũng gọi là Tam-muội Phổ hiện sắc thân, nếu Như lai trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp giảng nói nghĩa sâu rộng trong đó còn không cùng tận. Nay muốn dùng hai bài kệ thâu nhiếp, để nghiên cứu cùng tận không còn thừa.

Cho nên nói nghĩa rộng lại đặc biệt, mọi người đều nghe kỹ. Trong đây lại (có) hai: trước là nói Tam-muội ấn của Như lai, sau nói Tam-muội đạo trung sai biệt ấn. Kệ nói: Phật dạy tất cả không: tức là nhập tự môn A, cho đến không có một pháp nhỏ nào thật có, cũng không có tướng "Định" gọi là Tam-muội, trụ nhất tâm pháp giới như thế, gọi là chân chính hiểu "Đẳng tri". Vì sao? Vì nếu ra khỏi tâm tánh này, ở ngoài có cảnh giới có thể duyên thì không phải cảnh thường trụ, vì khi bốn tướng thay đổi thì tâm trụ duyên cũng phải chuyển động theo cảnh giới, làm sao gọi là định?

Vì thế cho nên chân chính hiểu biết Tam-muội là biết các pháp vốn không sinh, thì ai là người tâm tự chứng tâm, tâm tự biết tâm, từ xưa đến nay, thường như thật tế không có biến đổi, tức là do tâm tự trụ như vậy, duyên như vậy, cho nên gọi là "đẳng trì", đây chính là Bổn Tôn Tỳ-lô-giá-na đã hiện kho vô tận trang nghiêm, cũng không xa lìa Bổn Tôn như vậy. Nếu người quán khác đều gọi là tà quán, cho nên kế là nói Tất định ấn rằng, Tam-muội chỉ chứng tâm không từ duyên khác được, nếu căn cứ vào bản Phạm nói thực thì phải nói kia càng không có đắc khác, ý nói lại không từ chỗ khác được.

Kế là nói: cảnh giới kia như thế, tất cả định Như lai: như kinh Đại Bát Niết-bàn chép: Tất cả người có tâm, thảy đều có Phật tánh, Phật tánh này tức là định Thủ-lăng-nghiêm, cũng gọi là Tam-muội Kim cang, cũng gọi là Bát-nhã ba-la-mật, đạo của các Đức Phật đồng nhau không còn đường nào khác. Nếu người tu hành khi mới phát tâm, có khả năng chánh quán tâm tánh thì cũng gọi là nhập định Như lai, đâu nhọc gì dần vượt tứ xứ, mới đến rốt ráo.

Lại nữa, người tu Du-già, nếu mong oai thần các Đức Phật che chở, cho đến ở trong Tam-muội, thấy đủ các chúng nhiều vô lượng

trong mười cõi Phật và Vô lượng Thánh Tôn ba thứ mật ấn, không lẫn lộn nhau, hoặc lại nhất tâm bất loạn chuyển thành tự thân, tuy là lạ lùng đặc biệt khó suy nghĩ, do còn có tướng có duyên nên gọi là Tam-muội thế gian. Nếu khi Tam-muội này hiện ra, hành giả quán sát Mười câu duyên sanh trừ hết tất cả vọng tưởng lời nói vô nghĩa, tương ứng với không tịch thì liền ngộ hải hội Mạn-đồ-la như thế, thảy đều từ các duyên sinh, như hình trong gương, trăng đáy nước, thành Càn-thát-bà... quán sát không có tánh tướng, ấy gọi là Tam-muội xuất thế gian, nhưng vì còn mắc bệnh "không" chưa không, do đó chưa được gọi là đại không, đến khi ngồi đạo tràng được tự chứng tâm tánh, thì biết những cảnh giới gia trì ấy đều là nói thật của tâm, bấy giờ, tâm không trụ tướng, cũng không nương không, lại soi thấy không và bất không, rốt ráo vô tướng mà đủ tất cả tướng, vì thế nên gọi là Tam-muội đại không. Trụ Tam-muội này tức là trụ trong tuệ vô chướng ngại của Phật.

Phật dạy: người này trí Nhất thiết trí rốt ráo tròn đầy, cho nên kinh chép: Đại không đầy đủ Tát-bà-nhã.

Quyển thứ hai của kinh này trước hết nói: Bấy giờ, Đức Thế-tôn Tỳ-lô-giá-na cùng tất cả các Đức Phật đồng nhóm họp, mỗi Đức Phật đều nói tất cả đạo lý Tam-muội của Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát: Như lai đã nói rốt ráo tam không Tam-muội ấn, là giúp người của phổ môn tiến lên không có giữ lại. Lại nói Tam-muội đạo trung sai biệt ấn, ba lớp Mạn-đồ-la đã chỉ bày các loại hình, đều là một thứ pháp môn thân của Như lai, thế nên đều gọi là Phật, tất cả các Đức Phật này đều từ gốc mà lưu thông pháp môn, tự nói đạo lý Tam-muội kia, nếu đời nay thân ở cõi trời thì nói đạo lý Tam-muội ở cõi trời ấy.

Nếu hiện thân Thanh văn thì nói đạo lý Tam-muội của Thanh văn, nếu hiện tại thân Bích-chi-Phật thì nói đạo lý Tam-muội Bích-chi-Phật, nếu hiện tại thân Bồ-tát thì nói đạo lý Tam-muội Bồ-tát. Nếu hiện tại thân Trì Kim cang thì nói Tam-muội Kim cang đạo. Phải biết kệ tụng trong đây rất nhiều như cát bụi trong cõi nước, kinh điển mà thế gian kết tập không thể ghi chép hết được, nhưng nếu khi người tu hành nhập sâu cảnh giới Tam-muội Du-già tự sẽ nghe biết rõ ràng, như khi đang nói không khác, vì thế cho nên gọi là Phật Đại Nhật gia trì.

Kinh chép: Bấy giờ, Đức Phật nhập vào Tam-muội Nhất thiết Như lai nhất thể tốc tật lực: nghĩa là khi nhập Tam-muội này thì biết thể tất cả Như lai đồng nhất pháp giới, trong một niệm có thể lần lượt quán sát Tam-muội môn giống như cát bụi trong vô lượng cảnh giới, biết bao nhiêu chúng sinh như vậy, như vậy, ở trong vô lượng Tam-muội môn

kia nên được nhập đạo, biết Thiện tri thức kia, đã vì bao nhiêu chúng sinh tạo nên hạt giống nhân duyên, hoặc có chúng sinh nhập pháp môn như vậy, có thể được vượt lên thành Phật, nhập pháp môn khác, chìm đắm dài lâu không được thành Phật. Như vậy các căn tánh khác nhau, phương tiện tiến đến cũng khác theo, cho đến dạo chơi trong đó, lần lượt tu tập ra vào xuất thế gian, đối với mỗi môn đều được thành tựu vô lượng chúng sinh, do đó gọi là Tam-muội Nhất thể tốc tật lực.

Bấy giờ, Thế-tôn quán sát khắp rồi, biết rõ các thứ đạo lý Tam-muội đồng trở về nhất thể, đều là Phật thừa, lại vì Chấp kim cang nói tất cả đạo lý Tam-muội thành Bồ-đề ấn, trước hết có hai bài kệ nói về dấu vết ngoài của việc thành Phật. Nghĩa là Đức Phật lúc mới ngồi ở đạo tràng dùng Tam-muội nhất thể tốc tật lực này hàng phục các chúng Thiên ma, nhưng trong đó còn có chỗ khó hàng phục, cái gọi là ma phiền não... không có hình tướng nơi chốn cũng không có dấu vết, khó có thể giác biết, ở trong một niệm cũng đều diệt hết, vì thế nói hàng phục bốn ma.

Dùng âm thanh rất mạnh mẽ: nghĩa là Đức Phật dùng lời thành thật bảo ma Ba-tuần: Ta trong vô lượng vô số kiếp vì điều phục chúng sinh nên xả bỏ thân mạng không thể kể số, mà nay đều đã thành tựu, có căn cơ nhập đạo ta sắp chứng Bồ-đề, mở bày mắt sáng cho các chúng sinh kia, thế lực của ông có thể cản trở được? Khi nói lời ngay thẳng này, tất cả chúng sinh đều dứt lo sợ, thiên ma bất tỉnh ngã xuống đất, thảy đều lùi tan. Nếu có chúng sinh thọ trì tam giác ấn như thế cho đến trừ vô lượng sợ hãi trong ngục Vô gián, huống chi là sợ Thiên ma quỷ thần hay sao? Do đó nói dùng âm thanh rất mạnh mẽ dứt, trừ sợ hãi cho chúng sinh. Bấy giờ, thần đất vui mừng xoay vần khen nói, âm thanh vang đến cõi Tịnh Cư, khi ấy, Đại phạm thiên... tám bộ chúng sinh đều thấy dấu vết hàng phục ngoại ma này, cho nên có tên hiệu là Đại Cần Dõng.

Nhưng chỗ ta thật thành Phật thì các chúng kia không thể suy lường được. Cho nên tiếp theo có hai bài kệ nói thật nghĩa Bồ-đề: Bản giác ta không sinh nghĩa là biết tự tâm xưa nay không sinh, tức là thành Phật, mà thật không giác không thành. Tất cả chúng sinh không hiểu biết thường vắng lặng như vậy. Do ý tưởng phân biệt nên quấy nói có sinh, luân hồi sáu nẻo không tự ra khỏi. Nay tuy nghe lời chánh pháp trở lại ở trong các việc hữu vi, mưu tính tìm cầu trông mong thành Phật, lý làm sao có được, vượt qua đạo lý lời nói ấy, từ đây trở xuống đều là chuyển giải thích tự môn A bản giác không sinh tức là Phật, pháp Phật

tự chứng không phải suy lường phân biệt mà có thể đạt đến, cũng không thể truyền trao cho người. Luận Trí Độ chép: Lời nói hết rồi, ý không chỗ hành.

Các lỗi được giải thoát: Tất cả vọng tưởng phân biệt gọi là lỗi, tức là các lời nói vô nghĩa, sinh diệt, đoạn thường, một khác, qua lại. Vì không biết tướng thật các pháp, thảy đều đáng phá đáng chuyển. Nếu hiểu các pháp vốn không sinh thì đối với tất cả tội lỗi như thế đều được giải thoát, vì thế thân Kim cang xa lìa trăm phi.

Xa lìa các nhân duyên: nếu thể pháp giới có tướng sinh diệt thì có nhân duyên đáng được giảng nói. Nhưng nay pháp từ duyên sinh thì không có tự tánh. Nếu không có tự tánh thì đó là xưa nay không sinh, nhân duyên hòa hợp thì cũng không phát khởi, nhân duyên chia lìa thì cũng không có cùng tận, thế nên như hư không thanh tịnh, không bị biến đổi. Đại kinh cũng chép: Chỉ có Như lai lìa các nhân duyên. Biết "không" bằng với hư không: Xưa nay không sinh tức nghĩa là "không" rốt ráo. Vì tự tánh thanh tịnh không bờ mé, không phân biệt, do đó đồng với đại không, cho nên để thế gian dễ hiểu "không" nên thí dụ "không" không thể suy nghĩ bàn luận.

Sinh trí như tướng thật: Tướng thật của tâm, tức là Tỳ-lô-giá-na khắp mọi nơi chốn. Khi Phật ngồi đạo tràng như pháp tướng hiểu biết, các kiến chấp không đúng như thật thảy đều không còn. Vì thế cho nên, Tuệ Tát-bà-nhã đồng với hư không. Đã lìa tất cả tối tăm: Đối với tất cả pháp tướng không biết đúng như thật, tức là vô minh, cho nên khi giác vốn không sinh, tức là nói sinh khắp pháp giới, dùng Nhất thiết chủng quán tất cả các pháp, đều thấy, nghe, hay, biết.

Thật không dơ bậc nhất: Đây là nhất thật sự, không còn gì cao hơn, gọi là mé thật bậc nhất. Cái gọi là tự tánh thanh tịnh tâm, do lìa tất cả tối tăm, tri kiến Phật không còn dơ bẩn, đều là chuyển giải thích nghĩa vốn bất sinh.

Kế là có hai câu kết nói rằng: các đường chỉ tưởng danh Phật tướng cũng giống như vậy. Nói chúng sinh trong sáu nẻo đường cùng Đức Phật Tỳ-lô-giá-na vốn không hai thể, chỉ là tùy theo các thứ vọng tưởng của chúng sinh, mà lập các thứ tên gọi mà thôi, Phật cũng giống như vậy. Tất cả đệ tử ở thế gian, thấy dấu vết thành đạo, hàng phục ma chúng, phương tiện độ người của ta, tùy theo tâm tướng kia mà khen ngợi giảng nói, hoặc nói đại Sa-môn, hoặc nói đại cần dõng, cho đến kinh Hoa Nghiêm nói: Trong một thế giới có vô lượng tên khác nhau, chẳng nói tự chứng đối với pháp, như kia đã nói có thể chỉ bày. Kế là

một bài kệ lại giải thích chung về thế đế, nói nguyên nhân khởi giáo, cho nên nói: Mé thật bậc nhất này, nhờ năng lực gia trì, vì độ các thế gian mà dùng văn tự để nói, nghĩa là dùng Phật nhãn quán sát các thứ danh ngôn ấy, lại cũng không ra ngoài mé thật bậc nhất, nhưng nhập đạo nhân duyên của các chúng sinh đều khác nhau. Nếu phải dùng lời nói văn tự mới được độ thì Như lai không động mé thật, dùng thần lực tự tại, gia trì thanh tự kia mà giảng nói. Nếu chúng sinh như pháp tu hành, khi được tương ưng với tam mật thì biết thế đế không khác Đệ nhất nghĩa đế.

Kinh chép: Bấy giờ, Chấp kim cang đầy đủ đức, được điều chưa từng có khai mở tuệ nhãn, đảnh lễ bậc Nhất thiết trí, mà nói kệ: Cụ đức nghĩa là đầy đủ tất cả công đức bí mật trang nghiêm của Như lai, giống như khi hoa sen lớn lên đầy đủ, được ánh sáng mặt trời chiếu đến, tự nhiên nở ra đẹp đẽ đáng yêu. Chấp kim cang cũng giống như vậy, tâm nhãn hoa sen gặp ánh sáng Bồ-đề ấn, nở tròn rõ ràng đầy đủ các đức, đầy đủ vẽ đẹp rỡ ràng ở bên trong và hình dáng bên ngoài, cũng có tướng mắt hoa sen xanh mở ra, mà nói già-tha hiểu rõ ý chỉ trước.

Trước hết nói: Các Đức Phật rất ít có, quyền trí không thể suy nghĩ bàn luận: vẫn còn bản Phạm nên nói tất cả các Đức Phật ít có, trí phương tiện không thể suy nghĩ bàn luận.

Trí: Nghĩa là hiểu rõ giác vốn không sinh trong bài kệ trước, phương tiện nghĩa là hiểu rõ thần lực che chở trong bài kệ trước.

Lại nữa, trí là đài hoa sen tâm đầy đủ, phương tiện nghĩa là nhụy cánh nở tròn, đầy đủ hai thứ không thể suy nghĩ bàn luận, cho nên nói ít có.

Lại nói lìa tất cả lời nói vô nghĩa, pháp Phật tự nhiên trí: đó là rộng khen ngợi trí không thể suy nghĩ bàn luận mà vì thế gian nói, đầy đủ các ước nguyện: ấy là rộng khen ngợi "phương tiện" không thể nghĩ bàn luận. Nếu pháp nương thầy mà được, từ nơi các nhân duyên sinh tức là tướng nói lời vô nghĩa sinh diệt, không phải pháp tánh, tuệ tự nhiên của Đức Phật, nếu là tuệ tự nhiên thì không phải do tu học mà có, cũng không thể trao cho người, như nội chứng vị cam lồ cõi trời, dù cho dùng mọi cách nói cho người chưa nếm nghe cũng không thể hiểu được. Nhưng Đức Phật dùng năng lực phương tiện lớn, dùng pháp thân vô tướng làm thành danh tướng gia trì, giúp các chúng sinh theo pháp nhân quả chứng được pháp chẳng phải nhân, chẳng phải quả, do đó, nói đủ hai tuệ quyền, thật không thể suy nghĩ bàn luận.

Lại nói: tướng chân ngôn như vậy thường nương vào hai đế: là kết

thành hai trí không thể suy nghĩ bàn luận, hiểu rõ ý Nhị Đế ở văn trên lập ra, do biết danh tướng tức là mé thật có thể đem thực tế (mé thật) gia trì mà làm thành danh tướng, vì biết cạn lược tức là sâu xa, có thể từ sâu xa làm thành cạn lược, tùy theo nghiệp lợi mà chúng sinh thành tựu, đều chân thật không luống dối, nếu khi hiểu được thế đế này, tự sẽ thông đạt Đệ nhất nghĩa đế, do đó nói các Đức Phật nói pháp thường nương vào Nhị đế.

Kế có một bài kệ nói: Tin, hiểu, Bồ-đề ấn của Phật được vô lượng nhóm phước, cho nên nói: nếu có các chúng sinh hiểu biết giáo pháp này, người đời nên cúng dường cung kính giống như Chế-để (tháp), chế-để là nói nương ở xá-lợi sinh thân, cho nên đó là phước thầm của các vị trời và người đời, thảy đều cúng dường. Nếu người tu hành tín nhận, nghĩa ấy thì tức là chỗ nương tựa của pháp thân xá-lợi, xứng đáng được tất cả thế gian cung kính cúng dường.

Lại nữa, tiếng Phạm Chế-để cùng Chất-đa thể giống nhau. Bí mật ở trong đây. Nghĩa là tâm là tháp Phật, như Mạn-đồ-la thứ ba, lấy tự tâm làm nền, lần lượt tăng thêm, cho đến sắc Niết-bàn trong thai, cao nhất trong đó, do đó chế-để này rất cao, lại từ tám cánh trong thai tạng lần lượt tăng thêm, cho đến tùy theo loại thân phổ môn thứ ba, không chỗ nào không khắp, vì thế chế-để này rất rộng. Đài hoa sen Đạt-ma-đà-bộ cái gọi là xá-lợi pháp thân. Nếu chúng sinh hiểu tâm Bồ-đề ấn này tức đồng với Tỳ-lô-giá-na, do đó nói: thế gian nên cúng dường giống như kính chế-để.

Kinh chép: khi Chấp kim cang nói kệ này rồi, nhìn kỹ Đức Phật Tỳ-lô-giá-na mắt không tạm rời, ngồi im lặng, khi Chấp kim cang đã nghe rốt ráo Tam-muội ấn, muốn hỏi ấn sai biệt trong đạo lý Tam-muội, nếu đem lời nói bạch Phật thì sợ trái với chỗ chí lý, vì thế im lặng một lòng nhìn Phật mà ngồi, tức là phải phát khởi lời hỏi rất sâu.

Lại nữa, Chấp kim cang đứng im lặng là muốn chỉ bày nghĩa Như lai soi chiếu căn cơ, như bình thường giáo đã truyền nói Đức Phật ngày đêm ba thời quán chúng sinh nào đáng giáo hóa mà độ thoát, đây là tùy theo tâm lượng Thanh văn tự nói như vậy mà thôi. Nếu Phật nhãn quán rồi mới thấy, không quán thì không thấy gì cả, khi quán thì trí tuệ sinh, không quán thì trí tuệ không sinh, đó là cảnh sinh diệt, sáng tối, không được gọi là bình đẳng đại tuệ. Vì Như lai vô tướng, vô phân biệt, tuệ pháp như thế, không ngăn ngại, thường soi chiếu căn duyên pháp giới, như biển lớn thủy triều không bao giờ quá, thế nên Kim Cang Thủ thích hợp các căn cơ có thể truyền, Như lai liền giảng nói cho họ nghe, không

đợi hỏi mới trả lời.

Lại nữa, kim cang thủ hiểu rõ thế đế tức là Đệ nhất nghĩa đế, chỗ đang làm không khác chỗ rốt ráo, vì thế im lặng không nói. Như lai biết rõ Đệ nhất nghĩa đế tức là “thế đế”, chỗ rốt ráo cuối cùng không khác chỗ đang làm. Do đó không phân biệt nói, vì muốn giúp chúng sinh thông đạt tướng nhị đế, lại cùng phát minh, thật đồng quy nhất trí. Y theo chỗ Như lai trả lời lược có bốn câu. Câu thứ nhất nói: Lại nữa, Bí Mật Chủ: Bồ-tát Nhất sinh bổ xứ, trụ Phật địa Tam-muội đạo, xa lìa sự tạo tác, biết tướng thế gian, trụ trong nghiệp địa đứng vững trong Phật địa, đây là địa vị quán đảnh bậc nhất, cho nên nói trước, như trong các kinh khác đã nói, đây là Bồ-tát Nhất sinh sở hệ, từ đây sinh lên cõi trời Đâu-suất, sau đó nối tiếp địa vị Phật, do đó gọi là Nhất sinh bổ xứ. Khi mới được tâm Bồ-đề thanh tịnh từ nhất thật địa sinh khởi vô lượng, vô biên Tam-muội Tổng trì môn như thế, trong mỗi địa lần lượt lớn lên, nên biết cũng giống như vậy, đến Địa thứ mười đầy đủ, cuối cùng đến Địa thứ mười một.

Bấy giờ, từ cảnh giới nhất thật đầy đủ sinh ra tất cả trang nghiêm chỉ thiếu một địa vị Như lai chưa chứng biết, còn có một lần pháp tánh chuyển sinh, liền bổ vào chỗ Phật, do đó gọi là Nhất sinh bổ xứ, đây là phát tâm Bồ-đề rốt ráo trong tất cả đạo lý Tam-muội.

Lìa các tạo tác: Tác nghĩa là sửa đổi nghiệp địa (đất nghiệp), cho đến trang nghiêm cõi Phật thành tựu chúng sinh. Vì có trí phân biệt tâm nên còn là tướng thế gian, nay Bồ-tát này thực hành Tam-muội Đại không, xa lìa nói rộng (lời nói vô nghĩa) vô cùng nhỏ nhiệm pháp từ duyên sinh, do đó nói xa lìa tạo tác. Như tướng thế gian: nghĩa là biết đúng như thật về mé thật thế gian, rốt ráo không khác mé Niết-bàn, lại có khả năng bất động mé thật, đều thấy nguồn gốc nhân sinh khởi thế gian, cho nên trụ trong đạo Tam-muội này, niệm niệm tiến đến địa vị Như lai, trụ trong nghiệp địa. Tiếng Phạm là Chất-ngôn phải nói là “tác địa”, tức là học sự nghiệp kim cang của Như lai, đều được khéo léo, kinh Anh Lạc cũng nói: Nhập trùng huyền môn, học oai nghi của Đức Phật. Trụ chắc Phật địa: tức là ở địa vị Như lai vững bền không lay động, gọi là trụ. Khác với nghĩa chữ Trụ ở trước. Người đói khát xin nước bỗng nhiên có ao nước trong mát, trong đó không bị chướng ngại, chỉ một lòng tiến lên không có duyên khác, gọi là Tam-muội Bổ xứ, đã đến trong ao trong mát, hy vọng đều hết, cũng là Phật địa. Vì thế, tuy đồng lên là Đại không định mà nghĩa có khác nhau.

Kinh chép: Này Bí Mật Chủ! Đạo lý Tam-muội của Bồ-tát bát

địa, không được tất cả pháp, xa lìa hữu sinh, biết tất cả như huyễn, cho nên đời gọi là Quán tự tại: như trên đã nói đạo lý Thập địa, nếu lần lượt tiến lên thì phải nói Phật địa, nếu thứ lớp trở xuống thì phải nói Địa thứ chín, vì sao nói Địa thứ tám? Vì tất cả Bồ-tát khi vượt qua Địa thứ bảy, trên không thấy các Đức Phật để cầu, dưới không thấy chúng sinh để độ, nghĩa là trụ đại Niết-bàn đối với muôn hạnh dừng nghỉ.

Bấy giờ, các Đức Phật trong mười phương từ đạo lý Tam-muội này phát khởi tâm kia, được qua vượt đất khó của tâm Bồ-đề, cho nên nói riêng. Từ đây tiến lên Địa thứ chín không nói riêng, từ đây vượt qua hoạn nạn nên không cần nói riêng chỗ thực hành ấn. Từ sơ phát tâm đến nay, quán sâu mười câu duyên sanh khi nhập tánh này vượt qua được "tánh không" ở bờ kia. Do đó nói không được tất cả các pháp, xa lìa hữu sinh, lại dùng phương tiện khéo léo, ở trong như như bất động, khởi vô biên dụng lớn mười duyên sinh, dùng Tam-muội như huyễn đến khắp các cõi Phật mười phương, gần gũi các Thiện tri thức, khắp học vô lượng pháp môn giúp đỡ người, tùy theo các chúng sinh cần những hình tượng, âm thanh, lời nói nào mà được độ thì, đều hiện ra mà nói pháp cho họ nghe, vì thế nên thế gian thấy những việc đã làm như vậy gọi là Quán thế tự tại, đó là tên khác khi mới nhập Tam-muội Liên Hoa. Tự tại trong đây, bản Phạm dịch đúng nghĩa là Phú quý, như người có thế lực rộng lớn, đầy đủ tài bảo, hễ tâm muốn gì đều được thành tựu, Bồ-tát này cũng giống như vậy, dù cho tất cả hữu tình trong các thế giới mười phương, mong cầu các thứ tư cụ thế và xuất thế gian, tùy theo sự mong muốn, các thứ khác nhau của họ, có thể dùng Tam-muội như huyễn cùng một lúc cấp cho đều được đầy đủ theo sự mong cầu của họ, nhưng chưa thể bặt dấu vết khởi dụng.

Lại nữa, trong đây nên nói sơ về pháp minh môn Tam-muội đạo, ở trong phẩm trên đã nói, nên không nói lại. Lại như trên đã nói Nhất sinh bổ xứ và Bát địa Tam-muội là y theo pháp môn giáo đạo, mà nói như thế thôi. Nhưng người bí mật thừa đối với thế đế hiện có thể thông đạt Đệ nhất nghĩa đế, từ khi mới phát tâm, liền thực hành đầy đủ Tam-muội Đại Không kia nếu nói như thế không đúng thì trong một đời không thể nhanh chóng đầy đủ các địa.

■

ĐẠI TỲ-LÔ-GIÁ-NA THÀNH PHẬT KINH SỚ

QUYỂN 7

Phẩm 2: **NHẬP MẠN-ĐỒ-LA CỤ DUYÊN** (Tiếp Theo)

Lại nữa, Bí Mật Chủ! Chúng Thanh văn trụ ở địa vị hữu duyên, hiểu sinh diệt, trừ hai bên, cực quán sát trí, được nhân không thuận theo tu hành, đó gọi là đạo lý Tam-muội của Thanh văn. Như A-tỳ-đàm nói: chín tưởng, tám niệm, bối xả, thắng xứ, tất cả nhập tam Tam-muội... đều được gọi trụ ở địa vị hữu duyên, nương vào ở Tam-muội này làm phương tiện, khiến tâm kia điềm nhiên thanh tịnh, quán sát được chân chánh, hiểu rõ pháp thế gian, xuất thế gian, thảy đều có nhân, có duyên.

Thế gian lấy Tập làm nhân, lấy Khổ làm quả. Xuất thế gian lấy Đạo làm nhân, lấy Diệt làm quả, như trong kinh A-hàm có nói rộng, trong Tỳ-ni nêu những điểm quan trọng. Cái gọi là các pháp từ duyên khởi, Như lai nói là nhân, pháp ấy nhân duyên hết, ấy đại Sa-môn nói. Do biết nhân duyên sinh diệt, diệt hữu thì không thấy xa lìa đoạn thường hai bên, được sinh trí chân đế. Vì thế gọi là Cực quán sát trí. Nhờ hết sức quán sát nên không điên đảo sai lầm, do đó gọi là Đế. Từ vô minh đến già chết, đây có cho nên kia có, đây sinh cho nên kia sinh cho đến luân hồi không bờ mé. Nếu theo đây mà trôi lăn thì gọi là thuận, đã thấy bốn chân đế rồi, ngược dòng sinh tử thực hành theo Thánh đạo, cho đến có thể tự nhớ nói, sự sinh tử của ta đã hết, phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, không còn thọ thân hậu hữu, ấy gọi là không thuận theo, các hạnh không thuận theo như thế, cần Tam-muội-da làm nhân.

Cho nên được nhân không thuận theo tu hành. Tam-muội của Thanh văn, tuy các bộ khác nhiều thứ khác nhau nhưng hợp với pháp ấn như thế thì gọi là chánh hạnh, nếu không có ấn như thế thì gọi là tà hạnh.

Kinh chép: Này Bí Mật Chủ! Duyên giác quán sát nhân quả, trụ

trong vô ngôn nói pháp, không chuyển vô ngôn thuyết, đối với tất cả pháp chứng cực diệt nói năng Tam-muội, đó gọi là đạo lý Tam-muội của Duyên giác, nhân quả tức là pháp mười hai Nhân duyên. Như Thanh văn cực quán sát trí, hiểu rõ chỉ là uẩn vô ngã, do tâm rất nhàm chán sợ hãi, nhanh chóng dứt trừ phiền não, tự chứng Niết-bàn, không thể phân chia tìm kiếm tướng thật mười hai Nhân duyên.

Bích-chi-Phật trí tuệ sâu sắc, có thể quán sát kỹ tướng chung, riêng, thấy tất cả pháp nhóm họp đều là pháp diệt, đây khác với Thanh văn. Kinh A-hàm chép: Pháp mười hai Nhân duyên ấy có Phật hay không có Phật thì pháp vị ấy cũng thường trụ.

Bồ-tát Long Thọ cũng nói: Pháp vị trong đây chính là tên khác của Như, đây là điều tất cả thế gian rất khó hiểu. Do đó khi Thế-tôn thành đạo không muốn nói pháp là ý ở đây. Bích-chi-Phật chỗ nhập dần sâu, vì thế nói trụ vô ngôn nói pháp. Nói Bất chuyển: Nghĩa là khi trụ ở Đệ nhất nghĩa này không có thanh tự, vì thế không thể chuyển trao cho người. Thế-tôn được tri kiến vô ngại, đối với pháp được tự tại, có thể đối với vô ngôn nói pháp làm thành danh tự chuyển trao cho chúng sinh. Bích-chi-phật trí tuệ có ngăn ngại, vì thế không thể giảng nói.

Lại nữa, Bích-chi-Phật quán tất cả pháp tập thảy đều như tướng Niết-bàn, đối với các cảnh giới hữu vi cũng đều dứt thói quen nói những lời vô nghĩa, không biết nói gì, do đó gọi là chứng cực diệt lời nói Tam-muội. Người tu Du-già tương ưng với đây đó gọi là Duyên giác Tam-muội. Hai thứ Tam-muội này đều là nạn xứ của tâm Bồ-đề, như thế chỉ là tu hành một thứ tâm tướng Trung đạo, chẳng phải nói tâm tánh không thể suy nghĩ bàn luận có thể có định tướng ba thừa như vậy, cho nên người hành dùng pháp ấn này tự ấn biết rồi, liền vượt thẳng qua vô ngại, nếu không có Thiện tri thức biết thì sẽ bị chướng ngại.

Kinh chép: Này Bí Mật Chủ! Nhân quả thế gian và nghiệp hoặc sinh, hoặc diệt lệ thuộc vào "tha" chủ, sinh Tam-muội không, đó gọi là đạo lý Tam-muội thế gian, nghĩa là tất cả Tam-muội thế gian. Tóm lại, cho đến chỗ rốt ráo đều là diệt hoại nhân quả và khi từ nhân biện quả đã có tạo nghiệp, nghĩa là ba việc này hoặc sinh hoặc diệt đều lệ thuộc vào tha. Tha nghĩa là thần ngã. Vì sao? Vì nếu người tu hành không hiểu nghĩa nhân duyên chân chính mà tu chứng các thiền, thì phải chấp vào tự tâm để làm nội ngã, kia thấy muôn pháp ở thế gian nhân tâm mà có thì nói do thần ngã sinh ra, nếu không nương vào nội ngã thì nương vào ngoại ngã, tức là Tự tại, Phạm thiên... nếu ở trong đây tìm cầu đến chỗ sâu xa, tự nhiên trừ diệt nghiệp nhân, chỉ còn ngã tánh, cho đến

không một pháp vào tâm, mà chứng không định, là lý cùng cực nhất thế gian, cho nên gần hết ba cõi trở lại rơi vào ba đường. Tuy ở trong thiền định phát các trí thù thắng đủ năm Thần thông, nghiên cứu tông thú kia cuối cùng trở về chỗ đó. Vì thế dùng một ấn này gom chung tất cả đạo lý Tam-muội thế gian, nếu người tu hành khi nhập tâm này nên tự giác biết.

Trong kinh Phật nói nhiếp kệ, y theo năm thứ Tam-muội đạo, đại khái chia làm hai, nghĩa là bốn hạng: Phật, Bồ-tát, Duyên giác, Thanh văn đều gọi là xuất thế gian Tam-muội. Nếu các đường như: trời... nói giáo pháp chân ngôn đều thuộc về Tam-muội thế gian. Tam-muội xuất thế gian đều có thật ích, Tam-muội thế gian chỉ có quyền ích, do đó nói vì lợi ích chúng sinh. Như các kinh đã nói: người cầu Tiểu thừa phải thực hành quán tưởng, liền đối với giáo pháp thế gian sinh tâm nhàm chán xa lìa, người cầu Đại thừa lại đối với giáo pháp Thanh văn sinh tâm rất lo sợ, những người này vì chưa biết Bí mật tạng nên phải làm phương tiện này để nói. Căn cứ theo tông của kinh này thì năm thứ Tam-muội đều là mở cửa tướng thật của tâm, giống như hành giả bắt đầu trụ ở hữu tướng Du-già, đó là Tam-muội thế gian nhưng ở trong đây hiểu rõ chỉ là uẩn không có ngã, tức là Tam-muội của Thanh văn.

Nếu dùng mười câu duyên sanh quán các uẩn vô tánh vô sinh thì đó là Tam-muội của Bồ-đề tát, ngoài ra như trong phẩm trụ tâm nói rộng, không giống như các giáo khác do chia rõ ý nghĩa của tâm tánh cho nên năm thừa khác nhau, thường không dung hội nhau. Nếu lại làm thâm bí thích thì như ngũ vị Tam-muội trong ba lớp Mạn-đồ-la, đều là Tỳ-lô-giá-na bí mật gia trì, kia cùng tương ưng đều có thể một đời thành Phật, làm gì có cạn sâu khác nhau, nay trong kệ nói, là nói theo giáo pháp mà những vị kia đã tự lưu truyền.

Kinh dạy: Lại nữa, Thế-tôn bảo Chấp kim cang Bí Mật Chủ rằng: Này Bí Mật Chủ! Ông phải nghe kỹ các chi phần chân ngôn. Đại khái chân ngôn lược chia ra năm loại, nghĩa là Như lai nói, hoặc Bồ-tát kim cang nói, hoặc Nhị thừa nói, hoặc các vị trời nói, hoặc Địa cư thiên nói, nghĩa là các loại rồng, chim, tu-la.

Lại ba hạng trước gọi chung là chân ngôn của bậc Thánh, hạng thứ tư gọi chung là chân ngôn các tiên chúng, hạng thứ năm gọi là chân ngôn của địa cư, cũng có thể gọi chung là chân ngôn của các vị thần. Như chân ngôn của bậc Thánh cũng nói là chữ A hoặc chữ phạ... các người, trời cho đến đất quỷ thần... cư trú trên mặt đất lại cũng nói ra, tướng kia có gì khác lạ?

A-xà-lê nói: Nếu các Đức Phật, Bồ-tát nói thì ở trong một chữ có vô lượng nghĩa, hãy nói sơ lược chữ A tự có ba nghĩa, nghĩa nghĩa là bất sinh, nghĩa không, nghĩa hữu. Như bản Phạm chữ a có bản sơ thanh, nếu có bản sơ thì đó là pháp nhân duyên, cho nên gọi là hữu. Lại A ấy nghĩa là vô sinh, nếu pháp do nhân duyên mà thành thì tự không có tánh, vì thế gọi là không, lại bất sinh tức là cảnh giới Nhất thật, tức là Trung đạo, do đó Bồ-tát Long thọ nói: pháp do nhân duyên sinh vừa không, vừa giả vừa trung.

Lại Đại luận nói Tát-bà-nhã có ba tên gọi:

1. Nhất thiết trí, giống với Nhị thừa.
2. Đạo chủng trí, giống với Bồ-tát.
3. Nhất thiết chủng trí, là pháp Bất cộng của Phật.

Ba trí này thật sự trong nhất tâm mà đắc, vì phân biệt giúp người dễ hiểu nên chia làm ba tên, tức nghĩa chữ a.

Lại như chữ pha cũng có ba nghĩa:

1. Nghĩa trần.
2. Do nhập tự môn A, tức nghĩa là vô trần.
3. Nghĩa Ba-la-mật.

Do vì rốt ráo đến bờ bên kia tức là bản sơ không sinh, phải biết cũng đủ ba điểm, ba điểm nhiếp tất cả pháp, như chữ a, chữ phạ, nghĩa là các chữ khác đều như vậy.

Lại trong tất cả các lời nói đều mang thanh A đều đã nhiếp trong tự môn A, nếu mang thanh phạ thì đều đã nhiếp trong tự môn phạ, các tự khác cũng giống như vậy, cùng với những ngữ, những chữ, trong đại luận giải thích nghĩa cũng đồng. Văn dưới không giải thích thích rộng nữa. Hoặc các chân ngôn của Bồ-tát có chữ A, phải biết từ trong chỗ thông đạt pháp giới môn, đủ tất cả nghĩa, không phải ở trong phổ môn pháp giới đủ tất cả nghĩa, hoặc chân ngôn của Nhị thừa có chữ A. Phải biết chỉ y theo hết vô sinh trí, tịch diệt Niết-bàn, hiểu nghĩa bất sinh, nếu chân ngôn do Phạm thiên nói chữ A đó là y theo nghĩa ra khỏi năm dục, giác quán bất sinh minh, hoặc chân ngôn cứu đời của Đế-thích có chữ A là y theo thập bất thiện đạo và nghĩa tai họa bất sinh minh. Ngoài ra đều theo loại này có thể biết.

Như trên đã nói đều là theo ý và lời của người khác, nói về nghĩa cạn lược mà thôi. Nếu theo ngữ ý của mình nói sâu xa thì nhập một là đầy đủ tất cả các pháp giới môn, cho đến trời, người... đều là Tỳ-lô-giá-na có gì là sâu cạn khác nhau. Nếu hành giả có thể đối với không khác nhau mà hiểu nghĩa khác nhau, đối với khác nhau hiểu nghĩa

không khác nhau, phải biết người đó thông đạt nghĩa Nhị đế, cũng biết tướng chân ngôn.

Lại nữa, trong kinh tự nói các tướng chân ngôn bài kệ đầu chép: Chân ngôn Chánh đẳng chánh giác gọi là thành lập tướng giống như "Nhân-đà-la Tông". Các nghĩa lợi thành tựu đây là nói tướng chung chân ngôn của Như lai, ở đâ chỉ nói về Tam-muội-da chân ngôn đầu tiên. Ngôn: nghĩa là mỗi chữ, đều là một loại nhập vào pháp giới môn. Như nói a tam mê: chữ a là vô sinh môn, chữ sa là vô đế môn, chữ ma là đại không môn.

Danh nghĩa là mỗi tự môn này đều chung thành một tên. A là vô, Tam-mê là đẳng, nếu hiệp lại tức là vô đẳng, thành lập là nhờ vào cái tên này, trước sau cộng thành một nghĩa.

Như câu đầu tiên nói vô đẳng, tiếp theo nói tam đẳng, kế đến nói Tam-muội-da, tướng chung thành lập, tức là "vô đẳng tam bình đẳng Tam-muội da".

Lại nữa, như đem nhiều tên cộng thành một câu, có chỗ nói các hành pháp là vô thường... cho đến góp nhiều câu này thành một bài kệ, sau đó nghĩa tròn đầy, tức là các hành pháp vô thường, là pháp sinh diệt, sinh diệt diệt hết, tịch diệt là vui, đều là chân ngôn đã thành lập tướng. Ngoài ra đều bắt chước đây như Nhân-đà-là tông ấy.

Nhân-đà-la là tên khác của trời Đế-thích, Đế-thích tự soạn ra thanh luận, có thể trong một lời chứa đủ các nghĩa vì thế nêu lên để làm chứng. Trí tuệ thế gian mà còn như vậy, huống chi Như lai đối với các pháp đều tự tại ư? Các nghĩa lợi thành tựu: nghĩa là chân ngôn Như lai, mỗi lời đều có khả năng thành tựu tất cả nghĩa lợi bén, trong mỗi tên cũng có khả năng thành tựu tất cả nghĩa lợi trong mỗi tướng thành lập cũng có khả năng thành tựu tất cả nghĩa lợi, thử nêu lên Tam-muội-da chân ngôn đầu tiên là chữ A, từ nghĩa vốn bất sinh liền có dụng tức tai từ vốn bất sinh, nên tất cả công đức đầy đủ không thiếu thì có tác dụng tăng ích, do vốn bất sinh nên vô lượng tội lỗi tiêu sạch không còn, liền có dụng hàng phục, lại không có một pháp ra ngoài vốn bất sinh này, tức là có dụng nhiếp triệu, như thế trong vốn bất sinh chỗ không có công thì có khả năng thành tựu tất cả các việc, giống như chữ A, mỗi chữ khác cũng giống như vậy, như mỗi chữ, mỗi danh cú và tướng thành lập đều cũng giống như vậy. Vì thế phải biết trong chân ngôn này, đầy đủ tất cả công dụng.

Đã nói tướng chung của chân ngôn xong, tiếp theo nói về tướng riêng của chân ngôn. Cho nên nói: có tăng thêm pháp cú, vốn gọi là

hành tương ưng, nghĩa là hễ làm sự nghiệp chân ngôn, phải quán sát trong chân ngôn này, vốn đã lập danh và ý thú việc làm, phân xét bộ loại khác nhau kia, tùy theo tánh tướng thích hợp để dùng làm. Nếu danh nghĩa và chỗ dùng chân ngôn mà không tương ưng thì phải nương vào pháp tăng thêm ngữ cú, như trong chân ngôn. pháp giới pháp tánh, đại không là cảnh giới không thể suy nghĩ bàn luận, các thứ danh ngôn khác nhau. Gương ứng với chân thể mà Như lai tự chứng. Phải biết đó là Phật bộ chân ngôn, dù cho là bộ khác cũng có thể có tác dụng Phật bộ. Nếu có đại bi phổ nhãn không đấm nhiễm các danh nghĩa tương ưng, phải biết đó là dụng của Liên Hoa bộ. Nếu có các danh nghĩa tương ưng với kim cang bất hoại không nói lời vô nghĩa, phải biết đó là dụng của kim cang bộ, các nghĩa như vậy vô lượng, vô biên.

Du-già: Phải dùng ý mà suy ra không thể ghi chép tỉ mỉ. Lại nữa, trong kinh tự nói dụng của danh hành tương ưng, nghĩa là nếu trong các chân ngôn, có những chữ án, hâm, phát, trách, ca, hiệt, lị, tỉ... này, phải biết đó là danh hiệu Phật đảnh.

Nếu có yết, phiếu, lương, noa, dã (nghĩa là chấp thủ), khư-đà-da (nghĩa là ăn), bán-xà (nghĩa là phá hoại), ha-na (nghĩa là đánh), ma-la-dã (nghĩa là sát), bát-tra-dã (nghĩa là giết chết), các nghĩa của những chữ như vậy, phải biết các vị phụng giáo giả chân ngôn như phẫn nộ... có khả năng hàng phục nhiếp triệu. Như nói nghĩa đạm thực: Đạm thực nghĩa là khiến các phẫn nộ... chiếm diệt tất cả các loài tỳ-na-dã-ca, nếu như đã nói, thì các Đức Phật có diệt tội cho chúng sinh, nay tông này nói nghĩa, có chỗ nói Tỳ-lô-dã-ca tức là tất cả người làm chướng ngại, chướng này từ tâm vọng tưởng sinh ra. Nếu có thể ăn nuốt các chướng nặng như thế, khiến tâm tự khai sáng thì phải biết đó là chân phẫn nộ, dùng tự môn khư này ăn nuốt “chướng” của tất cả chúng sinh thì đó là sứ giả của Như lai, làm việc Như lai. Ngoài ra suy ra có thể hiểu.

Lại nữa, nếu trong chân ngôn, có những chữ nạp-ma (nghĩa là quy nạp), ta-phược-ha (nghĩa là nhiếp thủ)... phải biết đó là tu Tam-ma-địa, vắng lặng tương ưng với chân ngôn. Hoặc có những chữ như: Phiến-đa nghĩa là yên lặng, Vi-thanh-đà nghĩa là thanh tịnh... phải biết nghĩa tương ưng với Phật bộ, ngoài ra như Tô-tất-địa... có nói tỉ mỉ.

Như trên đã nói, đều là tướng chân ngôn của các Đức Phật, Bồ-tát hoặc Thanh văn đã nói, sắp đặt mỗi câu, do Thanh văn nhờ người khác mà được hiểu, nhập pháp tánh chưa sâu, không thể ở trong một lời mà bao gồm đầy đủ các đức, như nói các hành pháp là vô thường một bài kệ bốn câu, phải khiến theo thứ lớp xếp đặt văn nghĩa không thiếu

mới thành chân ngôn, không được đem tự môn nói nghĩa và tăng thêm danh cú. Bích-chi-Phật tuy không nói năng cũng có thể dùng năng lực Thần thông hiện ra chân ngôn, người thọ trì ở các cõi, đều được nghĩa lợi, trong đó có chút khác nhau, nghĩa là Bích-chi-Phật và Thanh văn lậu tận thì đồng nhưng Tam-muội thì có sâu, cạn khác nhau, có thể dùng thần thông làm lợi ích chúng sinh, khiến cho sở nguyện đều được thành tựu, trừ bốn vị đại đệ tử, các bậc Thanh văn khác năng lực không bằng.

Lại chân ngôn kia chỉ nói lý vắng lặng của mười hai Nhân duyên, cho nên nói nghĩa là Tam-muội chia khác, trừ sạch nghiệp sinh. Trong kinh lại nói tướng như thật của chân ngôn, cho nên nói: Lại nữa, Bí Mật Chủ! Tướng chân ngôn này không phải do tất cả các Đức Phật làm ra, không bảo người làm, cũng không vui theo. Vì sao? Vì là các pháp, pháp vốn như vậy, hoặc các Đức Như lai xuất hiện, hoặc các Đức Như lai không xuất hiện, các pháp pháp vốn như thế mà trụ, nghĩa là các chân ngôn, chân ngôn pháp vốn như thế, do thân, miệng ý của Như lai rốt ráo nên tướng chân ngôn này, chữ Thanh đều là thường, thường cho nên không lưu chuyển, không có thay đổi, pháp nhĩ như thị, không do tạo tác mà thành, nếu có thể tạo thành tức là sinh pháp, nếu pháp có sinh thì có thể phá hoại, bốn tướng dời đổi, vô thường, vô ngã làm sao gọi là chân thật ngữ được?

Vì thế cho nên Đức Phật không tự làm, không bảo người làm, nếu có người làm cũng không vui theo, vì thế tướng chân ngôn này, hoặc Phật ra đời, hoặc không ra đời, hoặc đã nói, hoặc chưa nói, hoặc đang nói, pháp trụ pháp vị, tánh tướng thường trụ, do đó gọi là Tất định ấn, các Thánh đạo đồng, chính là tất cả chân ngôn đại bi Mạn-đồ-la, tướng mỗi chân ngôn đều pháp nhĩ như thị, do đó không nói lại. Nếu như vậy thì tướng các chân ngôn này rốt ráo vắng lặng, không trao cho người, vì sao có khi phát ra lớn mạnh, có khi mất đi không thấy, vì thế kinh lại giải thích nguyên nhân rằng: Bí Mật Chủ thành Chánh đẳng giác, tất cả người trí, tất cả người hiểu biết xuất hiện ở đời mà tự đem pháp này, nói các thứ đạo lý, tùy theo các thứ ưa muốn, cho đến các thứ âm thanh của các đường mà dùng gia trì, nói đạo lý chân ngôn, ý ở đây nói: Như lai tự chứng pháp thể, không phải Đức Phật tự làm, không phải các hàng trời người làm ra, pháp nhĩ thường trụ, lại nhờ thần lực che chở nên xuất hiện ở đời, làm lợi ích cho chúng sinh.

Nay chân ngôn bí mật thân, miệng, ý này tức là pháp Phật bình đẳng thân, miệng, ý nhưng cũng dùng thần lực che chở, xuất hiện ở đời

làm lợi ích cho chúng sinh. Tri kiến vô ngại của Như lai đối với sự nối nhau của tất cả chúng sinh thì pháp nhĩ thành tựu không có thiếu giảm, vì đối với thể tướng của chân ngôn này không giác ngộ dúng như thật nên gọi là người trong sinh tử. Nếu khi tự biết tự thấy thì gọi là tất cả người trí, người hiểu biết, cho nên tri kiến như vậy không phải do Đức Phật tạo ra, cũng không phải do người khác truyền trao. Đức Phật ngồi trong đạo tràng chứng pháp như vậy rồi, biết rõ tất cả thế giới, từ xưa đến nay thường là pháp giới, liền sinh tâm đại bi. Vì sao chúng sinh cách Phật đạo rất gần mà không thể tự giác, vì lý do này, Như lai xuất hiện ở đời trở lại dùng pháp giới không thể suy nghĩ bàn luận như vậy, chia ra các đường, mở bày các thừa, tùy theo các tâm cơ ưa muốn, dùng các văn cú của địa phương tự tại gia trì, nói đạo lý chân ngôn. Dù từ cơ duyên sinh cảm của ra nhưng không động thực tế. Dù phương tiện khéo léo không gì không làm nhưng chẳng phải do Phật làm, tuy nói phổ môn đặc biệt nhưng chỉ đem tri kiến Phật chỉ dạy cho chúng sinh hiểu ngộ. Nếu hành giả đối với chân ngôn thập dụ này, vọng thấy hữu vi sinh diệt, càng thêm tâm cấu thì không phải là bản ý của Như lai.

Lại nữa, Đức Thế-tôn vì chúng sinh căn cơ chậm lụt đời tương lai mê mờ nhị đế không biết ngay nơi tục là chân, cho nên ân cần chỉ sự. Nói Bí Mật Chủ! Thế nào là đạo lý chân ngôn của Như lai? Nghĩa là gia trì văn tự biên chép này? Vì nghĩa chân thật của lời nói văn tự thế gian, cho nên Như lai dùng thật nghĩa chân ngôn mà gia trì. Nếu ra ngoài pháp, tánh mà có văn tự thế gian riêng thì chính là vọng tâm thấy lầm, đều không phải thật thể đáng tìm cầu, mà Phật dùng thần lực che chở, đó là thuận theo sự điên đảo, không phải là chân ngôn.

Đã biết chỗ gia trì, Như lai dùng pháp nào gia trì ư? Như lai chứa nhóm sự tu hành: chân thật đế ngữ, bốn Thánh đế, bốn Niệm xứ, bốn Thần túc, mười Lực Như lai, sáu pháp Ba-la-mật, bảy Bồ-đề phần, bốn Phạm trụ (bốn Vô lượng tâm), mười tám pháp Phật bất cộng.

Bí Mật Chủ đem những điểm chính yếu để nói trí Nhất thiết trí của các Đức Như lai, từ năng lực phước trí, từ năng lực nguyện trí, năng lực gia trì của tất cả pháp giới, của tất cả Như lai đều thuận theo chúng sinh. Như chủng loại kia mở bày giáo pháp chân ngôn: nghĩa là do Như lai nhóm họp công đức trong vô lượng, vô biên A-tăng-kỳ kiếp làm làm thành phổ môn gia trì khắp mọi nơi chốn. Vì thế tùy theo mỗi danh ngôn thành lập đều như Nhân-đà-la tôn, tất cả nghĩa lợi đều thành tựu, lại mỗi công đức này, đồng với tướng chân ngôn, pháp tánh tự như thế không phải do tạo tác mà thành. Nay thử y theo một chữ a để phân biệt

nghĩa kia, như hành giả khi tự chứng tâm, hiểu rõ nhân quả thế gian, xuất thế gian vốn bất sinh Khổ, Tập, Diệt, Đạo mà có nhất thật đế. Thấy nhất thật đế này rồi, chắc chắn Thế-tôn nói rộng cho chúng sinh nghe, ấy gọi là tu hành chứa nhóm chân thật đế ngữ, lại biết tám đảo vốn bất sinh trở thành niệm xứ Như lai, biết bốn Như ý túc vốn bất sinh, trở thành năng lực tự nhiên trí của Phật, biết sáu tế vốn bất sinh cho nên đạt đến sáu Độ ở bờ kia, biết bảy Bồ-đề phần vốn bất sinh thành bảy của báu giác ngộ không thầy. Biết bốn phạm trụ vốn bất sinh thành vô duyên Từ, Bi, Hỷ, Xả, biết mười tám pháp vốn bất sinh cho nên vượt qua tâm lượng không cùng chung với tất cả chúng sinh, cho đến các thứ pháp môn sẽ tự tại nói.

Lại nữa, như nghĩa trong phẩm đầu tiên của kinh này nếu hiểu rõ chỉ có uẩn không có ngã, cho đến khi chứng cảnh giới tịch nhiên, điều quan trọng là làm cho ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả vốn bất sinh nói các pháp môn, khi dùng năm dụ quán sát “tánh không” phải y theo các uẩn vốn bất sinh, do đó nói các pháp môn, quán sát uẩn A-lại-da, cho đến khi hiểu mé trước sau của tâm, không thật có, phải y theo hình bóng của tâm vốn bất sinh. Cho nên nói các pháp môn, khi Cực Vô Tự Tánh Tâm sinh khởi thì phải y theo tâm Bồ-đề thanh tịnh vốn bất sinh, cho nên nói các pháp môn, cho đến địa vị Như lai, phải y theo Đại bi thai tạng Mạn-đồ-la rốt ráo nghĩa “bất sinh” để nói các pháp môn, giống như chữ A bất sinh môn, chữ a vô tác môn... đều phải nói rộng, giống như mỗi chữ, cho đến mỗi danh, mỗi sự thành lập đều nên nói rộng.

Lại nữa, Đức Thế-tôn đối với các pháp tự tại, hoặc dùng một chữ thu nhiếp tâm Bồ-đề... các thứ một pháp môn hoặc hai chữ thu nhiếp chỉ quán... các thứ hai pháp môn, hoặc dùng ba chữ thu nhiếp ba không... các thứ ba pháp môn, hoặc dùng bốn chữ nhiếp niệm xứ... các thứ bốn pháp môn, hoặc dùng năm chữ nhiếp năm lực... các thứ năm pháp môn, hoặc dùng sáu chữ thu nhiếp sáu Độ... các thứ sáu pháp môn, hoặc dùng bảy chữ nhiếp bảy Bồ-đề phần... các thứ bảy pháp môn, hoặc dùng tám chữ thu nhiếp tám Chánh đạo... các thứ tám pháp môn, hoặc dùng chín chữ thu nhiếp chín định các thứ chín pháp môn, hoặc dùng mười chữ nhiếp mười Lực... các thứ mười pháp môn, cho đến dùng vô lượng chữ nhiếp vô lượng pháp môn; các danh cú cũng giống như vậy.

Nếu y theo tướng chung của chân ngôn như khi hành giả trì một tự môn A tùy theo cơ duyên tánh dục của chúng sanh ấy, hoặc ngộ bốn Niệm xứ hoặc ngộ bốn Thần thông... mỗi trường hợp khác nhau, nhưng khi hiểu rõ bất cứ một pháp môn nào liền đầy đủ các pháp môn còn lại,

các pháp báu không cầu tự đến. Nếu Y theo tướng riêng, như khi dùng bốn chữ nhiếp bốn Niệm xứ môn, hoặc khi như pháp tu hành, dù từ xưa chưa từng chánh quán về: thân, thọ, tâm, pháp, tự nhiên ngộ niệm xứ môn. Lại nhập pháp giới các pháp môn, danh nghĩa bình thường như trong Trí Độ... nói rộng.

Lại nữa, Như lai dùng các pháp môn vì không thể nêu khắp, lại nói tóm trước hết nói trí Nhất thiết trí: tức là nêu chung tất cả kim cang trí ấn của các Đức Như lai trong ba đời mười phương, do các Như lai cùng chung gia trì thì không chỗ nào không khắp.

Lại tất cả các Như lai khi còn làm Bồ-tát đã nhóm họp vô biên phước đức, phát sinh đại nguyện không cùng tận, cho đến Tát-bà-nhã cũng rốt ráo tròn đầy, thế nên được gọi là "trí". Nói do năng lực phước, nguyện, trí như thế và năng lực gia trì của bản tánh tất cả pháp giới thuận theo chúng sinh, như chủng loại của họ mà làm gia trì. Vì thế, đối với các thứ thân, miệng, ý của tất cả chúng sinh đều được mở bày giáo pháp chân ngôn.

Kinh chép: Này Bí Mật Chủ! Giáo pháp chân ngôn là thế nào? chính là tự môn A... đó là tướng chân ngôn, tuy tướng không khác thể, thể không khác tướng, tướng chẳng tạo tác tu thành, không thể chỉ cho người, nhưng có thể không lìa giải thoát hiện thành chữ Thanh, mỗi chữ thanh tức là nhập giải thoát môn, vì thế được gọi là giáo pháp chân ngôn. Luận về giáo pháp chân ngôn, phải khắp tất cả tùy phương các đường danh ngôn, chỉ lấy dấu vết xuất thế của Như lai bắt đầu ở Thiên Trúc, người truyền pháp y theo văn Phạm, làm một con đường sáng tỏ nghĩa.

Kinh chép: Nói tự môn A tất cả các pháp vốn bất sinh: tự môn A là nguồn gốc của tất cả giáo pháp, kế là tiếng bắt đầu mở miệng thì đều có thanh A, nếu lìa thanh A thì không có tất cả lời nói, cho nên là mẹ sanh ra các thanh. Hễ lời nói trong ba cõi thì đều nương vào danh, mà danh nương vào chữ, cho nên chữ A (Tất-đàm) cũng là mẹ sanh ra các chữ, phải biết nghĩa chân thật của tự môn A cũng giống như vậy, khắp trong tất cả pháp nghĩa. Vì sao? Vì tất cả pháp đều từ các duyên sinh, vì từ duyên sinh, nên đều có nguồn gốc. Nay quán sát duyên năng sinh này cũng lại từ các nhân duyên sinh, xoay vần từ duyên thì cái gì là gốc? Như thế khi quán sát thì biết gặp phải vốn bất sinh là gốc của muôn pháp, như khi nghe tất cả lời nói chính là nghe thanh A, như khi thấy tất cả pháp sinh chính là lúc thấy được vốn bất sinh. Nếu khi thấy vốn bất sinh tức là biết tự tâm như thật, biết tự tâm như thật chính là

biết trí Nhất thiết trí. Vì thế Đức Phật Tỳ-lô-giá-na chỉ lấy một chữ này làm chân ngôn, nhưng phàm phu ở thế gian không quán nguồn gốc các pháp nên vọng thấy có sinh, cho nên trôi lăn theo dòng sinh tử, không thể tự ra khỏi.

Giống như người thợ vẽ vô trí kia tự dùng các màu sắc vẽ hình Dạ-xoa đáng sợ, lại tự mình nhìn thấy, sinh tâm sợ hãi té xỉu xuống đất. Chúng sinh cũng giống như vậy, tự vận dụng nguồn gốc các pháp vẽ thành ba cõi mà lại tự chìm đắm trong đó, đốt cháy tâm mình mà chịu đủ mọi điều khổ. Như lai là bậc thầy vẽ, có trí tuệ đã hiểu rõ mình nên có khả năng tự tại thành lập đại bi Mạn-đồ-la. Do đó lại nói, cái gọi là kho bí mật sâu xa là chúng sinh tự bí mật mà thôi, không phải Đức Phật có che dấu. tự môn Ca chép: Tất cả các pháp xa lìa tác nghiệp, tiếng Phạm Ca-lý-da là nghĩa "tác nghiệp" như các ngoại đạo chấp có người làm, sai khiến người làm... Luận sư các bộ cũng nói có làm, có người làm, có tác pháp được dùng ba việc hòa hợp cho nên có quả báo.

Nếu nhân phương tiện Bát-nhã, nói có chắc chắn thì rơi vào không nhân, nếu rơi vào không nhân thì tất cả các pháp không có nhân quả, pháp năng sinh gọi là nhân, pháp sở sinh gọi là quả, đó là hai pháp vô. Làm, người làm, pháp được dùng, tội phước quả báu và đạo lý Niết-bàn, tất cả đều vô.

Lại nữa, làm, người làm nhân nhau đợi sinh, nếu chắc chắn có pháp làm thì phải chắc chắn có người làm, đều là không khác ngoại đạo luận nghị, như trong phẩm Quán Tác tác giả của Trung luận có nói rộng. Ở đây quán sát đúng làm và người làm... đều từ các duyên sinh, liền nhập vào mé vốn bất sinh. Mé vốn bất sinh ấy, có Phật hay không có Phật thì pháp nhĩ như thị, ai là người đầu tiên làm ra. Vì thế, cho nên nếu thấy chữ Ca thì biết tất cả các pháp đều do tạo tác mà thành, gọi là tự tướng. Nếu là người làm thì phải biết rốt ráo không làm gọi nghĩa là chân thật.

Tự môn Khư, tất cả các pháp sinh đồng với hư không, không thật có, tiếng Phạm chữ Khư nghĩa là hư không. Thế gian đều chấp nhận hư không là pháp vô sinh vô tác. Nếu tất cả pháp vốn bất sinh lìa các sự tạo tác thì rốt ráo như tướng hư không, nay tướng hư không này cũng không thật có. Vì sao? Như ở thế gian chỗ không có nên sắc gọi là tướng hư không, sắc là tác pháp vô thường, nếu sắc chưa sinh, sắc chưa sinh thì không diệt, bấy giờ không có tướng hư không. Vì có sắc nên có chỗ không sắc, chỗ không sắc gọi là không, trong phẩm Quán Lục chủng của Trung luận có nói rộng, nghĩa trong đây cũng giống như vậy. Nếu

sắc xưa nay bất sinh thì làm sao gọi là chỗ vô sắc, chỗ vô sắc không thể nói thì không có tướng nhất định của hư không.

Lại nữa, các pháp như tướng hư không đó là tướng Niết-bàn không luống dối, như trong kinh nói: Năm ấm diệt không còn sinh năm ấm khác đó nghĩa là Niết-bàn. Nếu năm ấm xưa nay vô sinh thì nay đâu có hoại diệt mà Niết-bàn ư? Vì thế cho nên tướng như hư không cũng không thật có, đó nghĩa là chân thật của tự môn Khư.

Tự môn Nga, tất cả các pháp, tất cả hành đều không thật có. Tiếng Phạm Nga-đá (nhị hợp) đó gọi là hành. Hành nghĩa là đến đi, tiến lùi không dừng. Nay, từ tự môn A xoay vần giải thích, vì các pháp vốn bất sinh nên không có làm, vì không làm nên không có đối đãi, có thể nói là không, không tức là chỗ bất hành, chỗ bất hành còn không thật có, huống chi chỗ hành ư?

Trong phẩm Quán Khứ Lai của Trung luận nói nghĩa hành chỉ, vì nối nhau nên gọi là hành, giống như từ hạt lúa mọc mầm, lá, thân cây và vô minh duyên các hành... do đoạn diệt nên gọi là chỉ, giống như hạt lúa chết cho nên mầm, thân đều chết. Vô minh diệt thì các hành... đều diệt, nếu pháp đã hành thì không hành, đã hành cho nên chưa hành cũng không hành vì chưa có hành pháp. Do đó khi hành cũng vô hành, không xa lìa đã hành chưa hành.

Từ các môn quán sát như thế, rốt ráo vô hành, vô hành thì không có chỗ dừng lại, do vô hành vô chỉ cho nên không có người qua lại giữa các đường, cũng không có người trụ Niết-bàn.

Lại nữa, nếu người bất động bản xứ (chỗ gốc) thì liền là chỗ đến, nên biết người này không đi không đến, cho nên nói tất cả hành không thật có.

Tự Môn Già, tất cả các pháp hiệp một không thật có. Tiếng Phạm Già-na nghĩa là bí mật hòa hợp, giống như các tướng nhỏ hiệp thành một hạt cát bụi, các uẩn hiệp nhau làm thành một thân... Trong phẩm Quán hợp của Trung Luận, các Luận sư nói: Do ba việc thấy, có thể thấy và người thấy mà có vật được thấy, phải biết có sự hòa hợp giữa nghe, âm thanh được nghe và người nghe cho đến nhiễm, có thể nhiễm và người nhiễm... các phiền não đều cũng giống như vậy. Người đáp nói rằng, các vật đều do khác nhau nên có hòa hợp, nhưng nay tướng "dị" tất cả pháp không thật có.

Vì thế không hợp, như luận ấy có nói rộng, dùng tự môn xoay vần giải thích nhau, hãy dùng nghĩa "hành" để nói: Hễ có sở hành phải biết chắc chắn có ba việc cùng hợp là hành, có thể hành và người hành. Nay

tất cả các pháp vốn bất sinh cho nên sẽ không chỗ hành, nếu không chỗ hành thì làm sao hành, vật được hành và người hành hòa hợp được?

Lại nữa, nếu các pháp mỗi tướng đều khác không bao giờ có lúc hòa hợp, nếu đến mé vốn bất sinh thì không có tướng khác cũng không thể hợp, vì thế cho nên tất cả các pháp rốt ráo không hợp.

Tự Môn Già, tất cả các pháp xa lìa tất cả sự thay đổi. Tiếng Phạm già dữu để tức nghĩa là thay đổi. Lại, tiếng Phạm Già-ly-da nghĩa là các hành, như khi thấy chữ Già liền biết các hành thay đổi không dừng.

Trong phẩm Quán Hành của Trung Luận chép: Các hành gọi là năm ấm, vì từ các hành sinh cho đến năm ấm đều là luống dối không có tướng chắc chắn, như dung mạo khi còn nhỏ cho đến dung mạo khi tuổi già. Trong thời gian đó niệm niệm không dừng, tánh phân biệt chắc chắn không thật có, tánh danh chắc chắn có, không thể đổi khác, như vàng ròng không thể biến đổi.

Nay các pháp tuy sinh nhưng không trụ ở tự tánh, do đó nên biết là không tánh, như luận ấy nói rộng. Nếu vô tánh tức là ban đầu không sinh, ban đầu không sinh tức là thân Như lai, thường hằng an trụ không có biến đổi.

Lại nữa, nếu tất cả các pháp là do hòa hợp mà thành thì có thay đổi. Nay các pháp vô sinh, vô tác, cho đến vô sở hành, cho nên sẽ không hòa hợp, không hòa hợp cho nên xa lìa tất cả biến đổi, tất cả các tự môn đều phải thuận, nghịch xoay vần giải thích nhau, không để quái ngại, nay y theo thứ lớp truyền trao cho nhau.

Tự Môn Xa, hình bóng tất cả các pháp không thật có. Tiếng Phạm Xa-dã nghĩa là hình bóng, giống như hình bóng con người đều nương vào tự thân, muôn pháp trong ba cõi như thế chỉ là thức tâm, nhân duyên thay đổi dường như có các cảnh, việc đó giống như trong kinh Mật Nghiêm có nói rộng, cho đến người tu Du-già có các việc không thể suy nghĩ bàn luận, hoặc có thể thấy các Đức Phật trong mười phương hiện khắp sắc thân, cũng đều là hình bóng của tâm, vì tâm vốn vô sinh cho nên phải biết hình bóng cũng không có sinh. Vì không có sinh cho nên tâm không biến đổi, hình bóng cũng không thay đổi. Vì sao? Vì như hình bóng tự không có tánh chắc chắn, đi đứng tùy theo thân, hình bóng của tâm cũng giống như vậy.

Do tâm xao động, nói lời vô nghĩa, không lúc nào có một niệm dừng trụ, cho nên muôn dụng ở thế gian cũng lại bị trôi lăn, nếu rõ biết tướng như thật của tâm, tướng của bóng cũng như thật, cho nên không thật có.

Tự Môn Nhạ, tất cả các pháp sinh không thật có. Tiếng Phạm Nhạ-đá-dã, nghĩa là sinh, như nắm bùn, dây thợ gốm... hòa hợp nên có bình, dùng đất đắp nền, rường nhà, đòn tay, bùn cỏ, nhân công... do đó có sinh ra cái nhà.

Do đồ vật, nhân công, đun nấu... hòa hợp cho nên có sinh ra bơ, hạt giống, đất, nước, gió, lửa, hư không, thời tiết... hòa hợp mà có nảy sinh. Duyên sinh trong pháp cũng giống như vậy.

Vô minh, hành... mỗi thứ đều sinh nhân mà lại sinh. Thế nên nếu thấy tự môn nhạ thì biết các pháp đều từ duyên sinh, như nói kệ rằng: Pháp do các duyên sinh, tức là vô tự tánh. Nếu vô tự tánh thì làm sao có pháp ấy, vì thế sinh không thật có.

Luận sư ngoại đạo nói các tà nhân duyên, hoặc vô nhân duyên sinh ra tất cả pháp. Người trong Phật pháp cũng có sai lầm về phương tiện Bát-nhã, cho nên chấp lấy tướng nhân duyên sinh diệt, như trong luận có bác bỏ rộng.

Lại nữa, tự môn A thì các pháp bản tánh bất sinh, tự môn Nhạ lấy mười Dụ quán sát "sinh" tuy từ duyên có nhưng không thật có, nếu sinh chẳng bao giờ thật có thì không khác mé vô sinh.

Lại mười dụ là hình bóng của tâm không ra ngoài pháp giới, do đó sinh cũng không ra ngoài mé vô sinh.

Tự Môn xã, tất cả các pháp chống trái nhau không thật có. Tiếng Phạm Xã-ma-la nghĩa là chiến đấu với quân địch. Nếu thấy chữ Xã thì biết tất cả các pháp đều có chiến đấu với quân địch, như pháp lành ở thế gian, pháp chẳng lành, ngược dòng sinh tử, thuận dòng sinh tử, bố thí, san tham, giữ giới cho đến trí tuệ, vô minh... lại đối đãi nhau hơn thua vô thường, cho đến Như lai xuất hiện ở thế gian đem tất cả trí lực phá các ma quân cũng gọi là chiến.

Nhưng đối với tất cả pháp nghĩa "ngã" không thành, trí tuệ, phiền não rốt ráo thuộc về ai? Mà nói Tỳ-bà-xá-na (quán) có công năng phá phiền não? Nếu nói khi sáng sinh thì tối diệt cho nên gọi là phá thì vì đã sinh cho nên phá hay là chưa sinh mà phá ư?

Đã sinh thì không tối, còn gì để phá? Chưa sinh thì tự không có thể thì cái gì có thể phá được. Nếu khi sinh gọi là nửa đã sinh, nửa chưa sinh, do đó tối sáng rốt ráo không đuổi kịp nhau.

Lại tất cả các pháp vốn không sinh cho nên không có hình bóng, liền đồng một tướng không ra ngoài "như". Vì sao nói cõi Phật như đánh nhau với cõi ma như? Vì thế khi Phật ngồi đạo tràng chỉ hiểu rõ tất cả các pháp không đối đãi, nhưng thế gian bàn luận tự lập ra từ ngữ

chiến thắng .

Tự Môn Tra, tất cả các pháp kêu mạn không thật có. Tiếng Phạm Tra-ca-la nghĩa là mạn. Nghĩa là thấy pháp kia thấp kém, pháp này cao hơn, giống như trong ba cõi, sáu đường các thứ hơn thua khác nhau, đã khởi tâm kêu mạn khác nhau vô lượng. Nói sơ lược có bảy tướng, như trong Tỳ-đàm có nói rộng, cho đến người cầu ba thừa còn có sự nhận thức địa trên, địa dưới không bình đẳng.

Nay quán các pháp không sinh cho nên không đối đãi, thì biết A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề đối với pháp bình đẳng không có cao thấp. Thế nên Như lai cũng gọi là Bồ-tát Nhất Thiết Kim Cang, cũng gọi là bậc Thánh tứ quả, cũng gọi là phàm phu ngoại đạo, cũng gọi là chúng sinh trong các đường ác, cũng gọi là người tà kiến, năm tội nghịch, đại bi Mạn-đồ-la chính là chỉ bày nghĩa này.

Tự Môn Trá, trong tất cả các pháp nuôi lớn không thật có. Tiếng Phạm Tỳ-trá-bát-na nghĩa là nuôi lớn, như ở thế gian hạt giống và năm đại làm nhân, thời tiết làm duyên, dần dần nuôi lớn thành quả trái.

Pháp bên trong cũng giống như vậy. Đối với nghiệp nhân hạt giống thức trung hạ, vô minh che lấp, nước ái thấm nhuần, lại được nuôi lớn, như trong kinh Đạo Vu nói rộng, nay kinh này trái với thế gian nhưng thuận với tám tâm ở thế gian, nối nhau lớn lên, cũng có nhân duyên cho đến tâm Bồ-đề thanh tịnh lấy năm tự môn làm duyên sinh gốc Đại bi, cây Ta-la Phật lớn lên đầy khắp pháp giới, như thế tất cả pháp đều do năm tự môn này, vốn không sinh lìa nói năng, tự tánh thanh tịnh, không có nhân duyên, giống như tướng hư không, do đó sự nuôi lớn không thật có.

Lại nữa, từ chữ A, Ca về sau cùng xoay vần giải thích cho đến các pháp rốt ráo bình đẳng không có cao thấp, vì không cao thấp, nên biết không có nuôi lớn.

Tự Môn Noa, tất cả các pháp oán đối không thật có. Tiếng Phạm nói Noa-ma-la nghĩa là oán đối, giống như ở thế gian thù ghét lại báo đền trở lại, cho nên gọi là đối.

Lại trước nói chiến đấu với quân địch là kia đây gia hại nhau, trong đây oán đối là nghĩa tránh hận thù. Tiếng Phạm mỗi chữ tự khác nhau.

Trong Tỳ-ni Đức Phật dạy: Dùng oán, oán ấy không bao giờ dứt, chỉ có không oán trả, oán, oán mới dứt.

Lại nói người nữ là kẻ oán của người phạm hạnh, kinh vô lượng nghĩa cũng chép: Sinh tử oán địch tự nhiên tan hoại, chứng vô sinh nhẫn

bằng một nửa vật báu cõi nước Phật. Vì thế cho nên hành giả khi thấy tự môn Noa thì biết tất cả các pháp đều có oán đối, gọi là biết rõ “tự” tướng.

Lại, do các pháp vốn bất sinh cho đến nuôi lớn không thật có, phải biết oán đối cũng lại xưa nay bất sinh, cho đến không có nuôi lớn, vì thế Như lai rốt ráo không hề có oán đối, gọi là nghĩa chân thật củtự môn A.

Tự Môn Đồ là tất cả các pháp nắm giữ không thật có. Tiếng Phạm Thang-ca, nghĩa là nắm giữ, do trên chữ đồ có một chấm cho nên chuyển thanh là Thang, thể của chữ ấy thì đồng.

Lại nói là Nghiệt-lý-hà: Cũng là tên khác của đây. Kinh nói bị quỷ mị dựa nhập, hoặc nói bị chẳng phải loài người nắm giữ. Luận Trí Độ chép: Trước tương, đều là do quỷ Nghiệt-lý-hà làm ra, vì mê đắm người không cùng lìa bỏ, cho nên lấy đó đặt tên. Mặt trời, mặt trăng, năm sao... kia, cũng là đầu cuối theo nhau. Tiếng Phạm gọi là Nghiệt-lý-hà, Hán dịch là cửu chấp, chính là cùng nhóm họp một chỗ.

Lịch Thiên Trúc gọi là Chánh trước thời, nghĩa chấp trì này khác với Đà-la. Thấy tự môn đồ này, thì biết tất cả chúng sinh từ vô thỉ đến nay bị bốn ma nắm giữ không thể xa lìa, đó gọi là tướng của chữ.

Nay dùng chữ A... các môn lần lượt quán tất cả các pháp, đều không thật có, sẽ biết tất cả các pháp không có kẻ thù, vì kẻ thù vốn bất sinh, cuối cùng không đem pháp giới bình đẳng chấp trước pháp giới bình đẳng. Do đó nói tất cả các pháp chấp giữ không thật có.

Tự Môn Da, tất cả các pháp như như không thật có. Tiếng Phạm Đá-tha-đa nghĩa là như như. Trong thế của lời nói gồm có tiếng đắc, chứng đắc như như tức là nghĩa giải thoát.

Như: nghĩa là tướng thật các pháp, các thứ lời nói vô nghĩa không hiểu như thật đều dứt trừ, bản tánh thường “như” không thể phá hoại. Nếu thấy tự môn Đa, thì biết tướng tất cả các pháp đều “như như”, đó gọi là “Tự” tướng. Nhưng có một loại ngoại đạo, chấp có tánh như như, nếu thấy biết pháp này có tên là giải thoát, dù chủ trương thuyết này thì chỉ là đối với ngã kiến chuyển thành tên khác.

Ngài Long Thọ vì trong kinh Thanh văn nói pháp trụ, cũng là nghĩa các pháp như như, sở dĩ nhập chưa sâu nên sinh ý tưởng diệt độ, cho là chứng Niết-bàn, nhưng sinh tử, Niết-bàn là pháp đối đãi.

Nếu biết sinh tử từ xưa đến nay, thường tự như tướng Niết-bàn, thì đợi người nào nói là Niết-bàn? Thế nên tất cả các pháp rốt ráo không thật không hư, không như, chẳng khác.

Trung luận cũng nói: Mé thật của Niết-bàn và mé thế gian, hai mé như vậy không khác một mảy may, do không khác nhau, cho nên tất cả các pháp không có kẻ thù, không có kẻ thù cho nên không chấp giữ, không chấp giữ cho nên cũng vô như như giải thoát.

Tự Môn Tha, chỗ ở tất cả các pháp không thật có. Tiếng Phạm Tát-tha-na là nghĩa trụ xứ, cũng là nghĩa trụ, giống như người từ trụ xứ này đến chỗ ở nào đó, chỗ nương ở kia đã nói gọi là trụ, địa vị của Hiền Thánh cũng vậy.

Căn cứ vào chỗ nương ở, chỗ dừng nghỉ của tâm những người hành đạo, nói các thứ tên, nếu khi thấy tự môn Tha, liền biết tất cả các pháp đều đợi duyên mới thành. Do đó nên biết đều có chỗ nương ở, đó là tướng tự. Nhưng các pháp xưa nay vô sinh, cho đến như như giải thoát cũng không thật có thì không đi, không đến, không hành, không trụ như thế trong tướng vắng lặng, thì đâu có thứ lớp giai vị gì?

Lại nữa, khi nhập tự môn Đa, hiểu rõ các pháp đều không, không trụ trong sinh tử tức là như như này cũng không thật có, không trụ trong Niết-bàn.

Bấy giờ, chỗ đi đều dứt, các giai vị đều hết, ấy gọi là không trụ pháp, trụ vào đại trụ của Như lai.

Tự Môn Na, tất cả các pháp thí không thật có. Tiếng Phạm Đàn-na nghĩa là xả thí, nếu thấy chữ Na liền biết tướng tất cả các pháp đều là tướng đáng xả. Vì sao? Vì tất cả các pháp hòa hợp ở duyên, không an trụ vững chắc, nếu đối với chấp trước sinh ái, chắc chắn bị đốt cháy, cho đến các Bồ-tát Thập địa, ở địa mình đã sinh công đức mầu nhiệm thanh tịnh, nhưng chưa xả bỏ bờ bên kia, cho nên còn có sự lui sụt không thể suy nghĩ bàn luận không gọi là chỗ an vui bậc nhất. Nay quán các pháp vô sinh, người thí, chỗ thí, và vật được thí xưa nay đều bất sinh, cho đến tất cả các pháp không chỗ trú, do không chỗ trú nên ba việc này cũng không chỗ trú, cho nên Đức Phật ngồi tại đạo tràng, đều không chỗ đắc, cũng không chỗ xả, trong Hư không tạng chẳng chứa uẩn nào, nhưng phổ môn lưu xuất ra khắp thí cho chúng sinh, ấy gọi là thấy tướng thật của đàn, cũng gọi là đầy đủ Đàn ba-la-mật; lại kho báu bí mật của Như lai đều là pháp như thế, có chỗ nói không thể trao cho người. Nếu khi thí cho người khác thì trở lại từ trong nhà tâm chúng sinh mở ra mà thôi. Vì thế, trong kinh nói: Tất cả các pháp bố thí không thật có ấy là nghĩa chân thật của tự môn A.

Tự Môn Đà, tất cả các pháp pháp giới không thật có. Tiếng Phạm Đạt-ma-đà-độ, Hán dịch là pháp giới. Giới là nghĩa thể, nghĩa phần.

Xá-lợi Phật cũng gọi là Như lai đà-độ, ý nói là thân phần của Như lai.

Nếu thấy tự môn Đà thì biết tất cả các pháp thảy đều có thể, nghĩa là lấy pháp giới làm thể. Vì sao? Vì nếu lìa tướng thật các pháp thì nghĩa "thể" tất cả các pháp không thành. Pháp giới: Chính là tâm giới, do tâm giới vốn vô sinh, nên phải biết pháp giới vốn vô sinh, cho đến tâm giới không đắc, không xả nên biết pháp giới cũng không đắc, không xả, xả còn tự không, không có pháp để xả, huống chi là đắc hay sao? Nếu pháp giới là tướng có thể đắc thì đó là từ các nhân duyên sinh. Nếu các nhân duyên sinh, phải biết tự nó không có bản thể, huống chi là các "pháp thể", cho nên pháp giới ấy chỉ là tự chứng thường tâm, không có pháp riêng.

Lại nữa, Như lai đại thí, cái gọi là đại Bi Mạn-đồ-la pháp giới: Tức là tướng thật của Phổ môn, tướng thật như thế, không thể dùng thần lực che chở chỉ bày cho người, cho nên không có pháp nào thật có.

Tự Môn Ba, tất cả các pháp Đệ nhất nghĩa đế không thật có. Tiếng Phạm Ba-la-ma-tha, Hán dịch là Đệ nhất nghĩa, hoặc nói là thắng nghĩa, Tát-để-dã, Hán dịch là Đế, nghĩa đế ở tự môn Sa có nói: Nay tự môn Ba này chính là nói Đệ nhất nghĩa tướng.

Long Thọ nói: Đệ nhất nghĩa gọi là tướng thật các pháp, không phá, không hoại.

Lại nữa, bậc nhất trong các pháp gọi là Niết-bàn, như A-tỳ-đàm chép: pháp Vô thượng là thế nào? Nghĩa là trí duyên hết, trí duyên hết tức là Niết-bàn. Nếu thấy chữ ba thì biết tất cả các pháp không lìa Đệ nhất nghĩa, Đệ nhất nghĩa không lìa tướng thật các pháp, đó là tướng của chữ. Nếu nghĩa chân thật của tự môn thì Đệ nhất nghĩa cũng không thật có. Vì sao? Vì vô ái vô trước.

Trí luận lại chép: Do chúng sinh mê đắm âm thanh Niết-bàn, mà nói những lời vô nghĩa, hoặc có hoặc không, để phá sự chấp trước ấy cho nên nói Niết-bàn là không, đó gọi là Đệ nhất nghĩa không, không phải phá sở đắc trong tâm bậc Thánh, vì bậc Thánh đối với tất cả các pháp không chấp trước.

Lại nữa, tất cả các pháp đều nhập pháp giới bình đẳng thì không có cao thấp, há muốn cho trong pháp vô sinh có tướng hơn, thua hay sao? Vì thế cho nên Đệ nhất nghĩa không thật có.

Tự Phả Môn, tất cả các pháp không vững chắc, giống như chùm bọt nước,. Tiếng Phạm Phái-nô, Hán dịch là chùm bọt nước, như trong nước lớn sóng vỗ dữ tợn, đánh vào nhau mà thành chùm bọt nước, có các tướng sinh, cho đến kết chặt lại giữ gìn nhau nên có sự bền vững.

Nhưng quán sát tất cả từ thô đến tế, chỉ là duyên, vì từ duyên nên không thể nắm bắt, đều không có thật tánh. Đến mé gốc của nó thì nêu thể là nước đều không thật sinh.

Nay các thứ năm ấm ở thế gian cũng giống như thế; nay nhiếp ngọn trở về gốc, bỏ trượng theo thước mà quán, cho đến như mé ty, hốt chỉ hơi động đậy, đều là xoay vần theo duyên, nếu từ các duyên sinh thì không có tự tánh, nếu không có tự tánh, phải biết sinh tức là bất sinh, cho đến mé vốn bất sinh, chỉ là biển tâm tánh, nhưng tùy theo vọng tình trong sáu đường mà có thế giới.

Biển tâm tánh tức là pháp giới, pháp giới chính là Niết-bàn thắng nghĩa. Nếu khi thấy được như vậy, lại dù sóng lớn vỗ mạnh làm ra các phổ hiện sắc thân, cũng không làm hoại tánh lặng trong.

Tự Môn Ra, tất cả các pháp trói buộc không thật có. Tiếng Phạm là Mãn-đà, Hán dịch là phược, như người bị dây trói buộc không thể chuyển động, đó nghĩa là trói buộc, nếu khi dùng những phương tiện mở những thắt buộc ra thì gọi là giải thoát. Nếu lìa thân, dây, không có pháp buộc mở riêng, như trời Đế-thích dùng dây vô cùng nhỏ bé trói buộc vua A-tu-la, đặt trên tầng trời Đao-lợi, khi khởi niệm muốn trở về thì năm phược đã ở tại thân.

Nếu khi dứt niệm thì trói buộc tự mở trừ, nếu Ba-tuần giăng lưới. Lại hơn đây gấp trăm ngàn lần, huống chi những nghiệp phiền não vô vi trói buộc ư? Tóm lại, nếu lìa các nhân duyên không rơi vào các pháp số mới gọi là không trói buộc, đó nghĩa là của chữ. Trung luận chép: Lìa năm ấm có chúng sinh riêng thì phải đem năm ấm trói buộc chúng sinh, nhưng thật ra lìa năm ấm không có chúng sinh. Nếu lìa năm ấm có phiền não riêng thì lẽ ra đừng lấy phiền não trói buộc năm ấm, nhưng thật lìa năm ấm không có phiền não. Do các nhân duyên như thế phải biết không có trói buộc, không trói buộc thì không có cởi mở, không buộc mở vì thế Niết-bàn chính là sinh tử. Như trong phẩm Quán Phược Giả chép: Lại nữa, nếu các pháp xưa nay bất sinh cho đến như chùm bọt nước, trong đó ai là năng giải, ai là sở buộc, vì thế cho nên các trói buộc không thật có.

Tự Môn Bà, tất cả các pháp, tất cả hữu không thật có. Tiếng Phạm Bà Phạ, Hán dịch là hữu. Hữu: Nghĩa là ba cõi, cho đến hai mươi lăm cõi... Nếu thấy chữ Bà thì biết tất cả pháp đều có nhân duyên, các duyên hợp cho nên gọi là hữu chắc chắn không có tánh. Vì sao? Nếu pháp "Hữu" chắc chắn có hữu tướng thì cuối cùng chẳng có vô tướng, đó tức là thường, Như lai nói ba đời, trong vị lai có pháp tướng, pháp đó

đến hiện tại chuyển vào quá khứ, không xa lìa tướng gốc nên rơi vào thường kiến. Nếu nói chắc chắn có "vô" thì vô này phải trước có nay không, đó là đoạn diệt kiến, do hai kiến ấy nên xa lìa Phật pháp. Như trong phần phá hữu vô của Trung luận có nói rộng: Nay quán các hữu, từ duyên tức nghĩa là vốn bất sinh.

Vì vốn bất sinh cho nên không tạo không làm, cho đến không trói, không mở, do đó tự môn Bà vì từ duyên có nên đầy đủ tất cả tự môn. Nếu đầy đủ tất cả tự môn tức là Tam-muội Vương, Tam-muội có công năng phá hai mươi lăm hữu của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, do nghĩa này nên gọi là phá hữu pháp vương.

Tự Môn Dã, tất cả các pháp, tất cả thừa không thật có. Tiếng Phạm là Diễn-na, Hán dịch là Thừa, cũng gọi là Đạo, như người cỡi xe ngựa hoặc đi thuyền thì có thể gánh vác việc nặng, rất xa có thể đến được.

Nếu thấy tự môn Dã thì biết tất cả chúng sinh do các nhân duyên, hướng đến quả báo sinh tử và hướng về Niết-bàn đều có chỗ nương, phải biết vô lượng các thừa đều là Phật thừa, gọi là tướng của chữ. Nay quán các pháp vốn bất sinh tức là không đi, không đứng, không động, không lui, trong đó cái gì là thừa và phải nương vào pháp nào?

Lại nữa, thừa ấy từ trong ba cõi mà ra đến Tát-bà-nhã, năm trăm do-tuần đều là chỗ thật, muốn đi đường nào, đi đến chỗ nào? Vì thế cho nên thừa không thật có, mới gọi là Đại thừa đạo.

Tự Môn Ra, tất cả các pháp lìa tất cả trần nhiễm. Tiếng Phạm La-thệ, nghĩa là trần nhiễm. Trần: là nơi hành xứ của vọng tình, cho nên nói sáu căn như mắt... đi trong sáu trần như sắc... nếu thấy tự môn La thì biết tất cả các pháp có thể thấy, nghe, xúc, biết đều là tướng trần, giống như áo sạch bị bụi đất làm dơ, cũng như bụi bay mù mịt, khiến bầu trời mờ đục, mặt trời, mặt trăng không sáng, đó là tướng của chữ.

Trung Quán dùng các pháp môn để cầu thấy pháp, nhưng không có người thấy, không có người thấy thì ai có thể thấy pháp phân biệt sắc bên ngoài? Thấy, có thể thấy, thấy pháp đều là không, cho nên bốn pháp: Thức, xúc, thọ và ái đều không, do không ái cho nên mười hai Nhân duyên cũng không. Vì thế khi mắt thấy sắc là tướng Niết-bàn, các trần khác so sánh cũng giống như vậy.

Lại nữa, đem tự môn A lần lượt quán sát các Trần, do kia vốn bất sinh cho nên không có tạo tác, cho đến không chỗ nương, pháp nương và người nương, phải biết pháp có thể thấy, nghe, hay, biết, đều là pháp giới thanh tịnh, há đem pháp giới thanh tịnh làm ô nhiễm sáu căn

của Như lai sao? Kinh Ương-quật-ma-la, Phật dùng mắt thường đầy đủ không mất, thấy rõ thường sắc, cho đến ý pháp cũng giống như vậy. Đó nghĩa là chân thật của tự môn Ra.

Tự Môn La, tất cả các pháp, tất cả tướng không thật có. Tiếng Phạm La-ngật-sái, Hán dịch là tướng, có chỗ nói tánh, tướng không khác nhau.

Như nói tánh của lửa tức là tướng nóng, hoặc nói có khác nhau chút ít, tánh là nói thể ấy, tướng nói có thể biết, như đệ tử Phật thọ trì giới cấm, đó là tánh. Cạo đầu, nhuộm áo là tướng. Nếu thấy tự môn La thì biết tất cả các pháp đều có tướng, tướng có hai thứ:

1. Tướng chung: Nghĩa là tướng vô thường, khổ, không, vô ngã.

2. Tướng riêng: Nghĩa là các pháp tuy vô thường, vô ngã nhưng mỗi pháp đều có tướng.

Ví dụ như đất thì bền chắc, nước thì ướt, lửa thì nóng, gió chuyển động... xả là tướng thí, không hối không não là tướng giữ giới, tâm không đổi khác là tướng nhẫn, khởi việc siêng năng là tướng tinh tấn, nhiếp tâm là tướng thiền, không chấp đắm là tướng tuệ, thành tựu sự nghiệp là tướng phương tiện, dệt làm sinh tử là tướng thế gian, không dệt là tướng Niết-bàn... Nay quán thể tánh các pháp hữu vi, vô vi đều là không, tướng này cùng cái gì làm tướng? Như phẩm Tam Tướng trong Trung Luận và luận Thập Nhị Môn nói rộng.

Lại nữa, trong pháp giới thanh tịnh, một trăm sáu mươi tâm... các tướng vốn bất sinh thì không tạo tác, không tạo tác cho nên thậm chí rốt ráo không có trần, không trần vì thế lìa tất cả tướng, do lìa tất cả tướng nên gọi là các Đức Phật tự chứng Tam-bồ-đề.

Tự Môn Phạ, tất cả các pháp đường lời nói dứt. Tiếng Phạm Phạ-kiếp-ba, dịch là nói năng. Nếu khi thấy chữ Phạ thì biết các pháp không lìa địa vị nói năng, vì thế các pháp đều có nhân, có duyên.

Nếu pháp xưa nay bất sinh thì đó là lìa các nhân duyên, do đó đường lời nói dứt.

Nếu tướng hư không là có tướng thì có thể giảng nói, do các pháp như tướng hư không lại cũng vô tướng, vì thế cho nên đường lời nói dứt.

Nếu pháp có hành, có thay đổi, có hình bóng thì có thể giảng nói. Nếu không chuyển động, không biến đổi, không hình bóng thì đường lời nói dứt.

Cho đến các pháp đều là có tướng thì có thể giảng nói. Nay tất cả các pháp lìa tất cả tướng, do đó không thể chỉ bày, không thể truyền

trao cho người, thế nên đường lời nói dứt. Lại nữa, nếu pháp là tướng làm ra thì có thể tuyên thuyết, không phải tướng làm ra thì đường nói năng dứt

Lại nữa, vô tướng cũng không có tướng chắc chắn, phải biết tất cả pháp ngay nơi tướng là vô tướng, tức chẳng phải tướng, chẳng phải vô tướng, như ba mắt kia không thể suy nghĩ bàn luận, cho nên đường lời nói dứt. Các pháp môn khác so sánh đây có thể biết.

Tự Môn Xa, tất cả các pháp bản tánh vắng lặng. Tiếng Phạm Phiến-để, Hán dịch là Tịch. Như phàm phu ở thế gian, tâm được chút ít yên lặng, dừng nghỉ sự ồn ào náo động, cũng gọi là Tịch, cho đến hàng Nhị thừa... dứt hẳn các hành luân hồi, chứng đắc Niết-bàn cũng gọi là Tịch, nhưng không phải bản tánh thường tịch. Vì sao? Vì các pháp từ xưa đến nay tướng thường vắng lặng, ba cõi sáu đường thì cõi nào đường nào không phải Niết-bàn? Khi trí vô lậu sinh lại đâu khác gì phàm phu, mà nay riêng ở trong đó có tư tưởng diệt độ, há không điên đảo hay sao?

Lại nếu các pháp bản tánh vắng lặng thì đối với bốn mươi hai địa, địa nào không phải Như lai địa? Địa nào không phải phàm phu địa? Như Bồ-tát Di-lặc do bản tánh vắng lặng, được thọ ký một đời, tất cả các pháp chúng sinh lẽ ra cũng đều được thọ ký, nếu tất cả chúng sinh ở trong bản tánh vắng lặng thì không trở ngại người tu học việc phàm phu. Bồ-tát Di-lặc lẽ ra cũng tu học việc phàm phu mà nay có tư tưởng khác nhau, đâu không phải là nói rộng ư? Nếu khi nhập tự môn Xa thì biết đó là pháp bình đẳng, không có cao thấp, thường không hành động gì, mà không gì không làm, do đó nói trong giải thoát phần nhiều đã dung thọ, Đại Bát Niết-bàn lập lên nghĩa lớn, đều là do đây.

Tự Môn Sa, tất cả các pháp tánh độn: Nếu bản Phạm còn, phải nói tánh đồng với ngoan (dốt nát). Ngoan: Nghĩa là giống như gỗ, đá, không hiểu biết gì, nghĩa là không có xúc thọ, đã nói đồng là nói lời ví dụ, chẳng phải một bề đồng với kia.

Lại Đại Phẩm chép Bát-nhã vô tri, tự tánh đần độn, tức là hợp với nghĩtự môn A này, cho nên lời văn hay đẹp, người xưa dịch còn lại. Xét, Tự tánh độn tức là điểm cuối cùng của tâm vô phân biệt, không ngu, không trí, không tuệ, không thức, không trí, không vọng, không giác, cho đến tất cả các pháp không thể lay động, chỉ là hoàn toàn kim cang địa bền vững mà thôi. Vì sao? Vì như người thế gian do thủ xả không quên, chuộng trí tuệ mà bỏ ngu si, trọng Niết-bàn mà khinh sinh tử, nhưng nay tất cả vốn bất sinh, cho đến tất cả bản tánh vắng lặng thì

người nào lợi, người nào độn? Như kim cang sắc nhọn kia, đem ứng với vật không bền, do sử dụng lệch về một bên thì gọi là sắc. Nếu khiến chỗ nhằm vào đều là kim cang, tất cả thể đều đầy đủ không thể dùng thiên lệch thì tướng sắc bén cũng trở về độn.

Tự Môn Sa, tất cả các pháp, tất cả không thật có. Tiếng Phạm Tát-dã, Hán dịch là đế. Đế: Nghĩa là như tướng chân thật của các pháp mà hiểu không điên đảo, không sai lầm; như nói mặt trời có thể lạnh, mặt trăng có thể nóng. Phật nói “khổ đế” không thể làm cho khác được, tập thật là nhân không còn nhân nào khác, nhân diệt thì quả diệt, con đường diệt khổ tức là con đường chân chính, không còn con đường nào khác.

Lại nữa, kinh Niết-bàn chép: Giải khổ, không còn khổ cho nên không khổ và có ba chân đế, còn lại cũng giống như vậy, cho đến phân biệt Tứ đế có vô lượng tướng và một đế chân thật, như trong phẩm Thánh Hạnh chép: Đó là tướng củtự môn A, nhưng tất cả các pháp vốn bất sinh cho nên rốt ráo vô tướng, cho nên đường lời nói dứt.

Bản tánh vắng lặng cho nên tự tánh độn, phải biết không thấy, không đoạn, không chứng, không tu, đều là pháp giới không thể suy nghĩ bàn luận, vừa không, vừa giả, vừa trung, không thật, không dối, không có tướng chắc chắn để chỉ bày, do đó nói đế không thật có, phẩm Tứ Đế trong Trung Luận cũng phân biệt rộng nghĩa ấy.

Tự Môn Ha, tất cả các pháp nhân không thật có. Tiếng Phạm Hệ-đát-phạ tức nghĩa là nhân. Nhân có sáu thức và trong nghĩa nhân duyên thì nhân có năm thứ, như A-tỳ-đàm có nói rộng: Nếu thấy Tự Môn Ha thì biết tất cả các pháp đều từ nhân duyên sinh, đó là tướng của chữ. Vì các pháp lần lượt đợi nhân thành tựu, phải biết cuối cùng không nương dựa, cho nên nói vô trụ là gốc các pháp. Vì sao? Vì như Trung Luận, dùng các pháp môn để quán nhân duyên các pháp, thảy đều bất sinh, phải biết muôn pháp duy tâm, tướng thật của tâm tức là Nhất thiết chủng trí, tức là pháp giới các Đức Phật, pháp giới tức là thể của các pháp này không được làm nhân.

Vì thế nói, nhân cũng là pháp giới, duyên cũng là pháp giới, pháp do nhân duyên sinh cũng là pháp giới. Trước nói tự môn A từ ngọn trở về gốc, rốt ráo đến chỗ như vậy.

Nay tự môn Ha cũng từ ngọn trở về gốc, rốt ráo đến chỗ như vậy. Chữ A từ vốn bất sinh sinh ra tất cả các pháp, nay cũng lấy vô nhân làm nhân các pháp, đầu cuối đều về thì chỉ thú ở giữa đều có thể biết.

Lại nữa, toàn Đà-la-ni Tự luân tướng: trong đây nghĩa là dùng một

chữ giải thích nghĩa tất cả chữ, dùng tất cả chữ giải thích nghĩa một chữ. Dùng nghĩa một chữ thành lập tất cả chữ, dùng nghĩa tất cả chữ thành lập một chữ. Dùng nghĩa một chữ phá nghĩa tất cả chữ, dùng nghĩa tất cả chữ phá nghĩa một chữ, như một chữ tất cả chữ nghịch thuận xoay vần lệ theo đây có thể biết.

Vì sao dùng một chữ giải thích tất cả chữ? Như khi giải thích chữ Ca chỉ dùng các nhân duyên quán sát vốn bất sinh thì thấy nghĩa vô sở tác, cho đến khi giải thích chữ Ha cũng dùng các nhân duyên quán sát vốn bất sinh thì thấy nghĩa vô nhân. Vì sao dùng tất cả chữ giải thích một chữ? Như khi giải thích chữ A dùng các nhân duyên quán sát không tạo tác thì thấy nghĩa vốn bất sinh cho đến dùng các nhân duyên quán các pháp không nhân thì thấy nghĩa vốn bất sinh các chữ khác so sánh theo đây cũng vậy.

Phải nói rộng, vì sao tất cả chữ thành lập một chữ? nghĩa là tất cả pháp vốn bất sinh do không tạo tác. Giống như hư không không có tướng, không chuyển biến, không hòa hợp, cho đến không có nhân.

Vì sao nói một chữ thành lập tất cả chữ? Nghĩa là tất cả các pháp không chữ làm ra, do đó nói vốn bất sinh, cho đến tất cả các pháp không có nhân, vì vốn bất sinh.

Làm sao dùng tất cả chữ bác bỏ một chữ? Như người chấp các pháp hữu vốn có sinh, lẽ ra bác bỏ lời nói kia. Nếu các pháp lìa tạo tác mà nói có sinh, nghĩa ấy không đúng, cho đến các pháp nhân không thật có mà nói có sinh, nghĩa ấy cũng không đúng.

Thế nào là một chữ phá tất cả chữ? Giống như người chấp có tạo tác lẽ ra bác bỏ lời nói kia. Nếu các pháp, nghĩa vốn bất sinh rồi thành lập mà nói có làm ra, nghĩa ấy không đúng, cho đến chấp có nhân cũng phá lời kia. Nếu các pháp, nghĩa vốn bất sinh sau thành lập mà nói có nhân thì nghĩa ấy không đúng.

Thế nào là nghịch thuận xoay chuyển? Cái gọi là nếu pháp xưa nay bất sinh thì không tạo tác, nếu không tạo tác thì như hư không vô tướng, nếu như hư không vô tướng thì tức vô mà có hành, nếu không có hành thì không có hòa hợp, nếu không có sự hòa hiêp thì không thay đổi, cho đến nếu vô nhân thì phải biết pháp vốn bất sinh, đó gọi là thuận.

Nếu pháp không nhân thì "đế" không thật có, nếu đế không thật có thì chữ tánh chậm lụt, nếu chữ tánh chậm lụt thì phải biết bản tánh vắng lặng.

Nếu bản tánh vắng lặng thì phải biết vô tướng. Cho đến nếu vốn

bất sinh thì phải biết vô nhân, tám nghĩa môn này, tự tại xoay chuyển mà nói.

Lại nữa, nay nói tất cả pháp, đó là tướng chung. Nếu y theo kinh Ma-ha Bát-nhã thì sắc cho đến Nhất thiết chủng trí mỗi thứ đều nói riêng, nghĩa thì vô lượng.

Lại mỗi môn phải y theo tướng sâu cạn trong phẩm Chân ngôn Trụ Tâm, theo thứ lớp phân biệt, do tự môn chuyển nên nghĩa cũng khác nhau. Vì thế nghĩa ấy có công năng phát sinh ra trăm ngàn muôn ức triền Đà-la-ni.

Lại nữa, tất cả lời nói của Như lai đều là lời chân thật nên đem nghĩa chữ như thế vào khắp tất cả Tu-đa-la.

Vì thế luận Trí Độ chép: Nếu Bồ-tát nghe tất cả lời trong chữ A, thì ngay lúc ấy tùy theo nghĩa, biết cái gọi là tất cả pháp từ xưa đến nay là tướng bất sinh (A-đề, đời Tần dịch là sơ, A-nậu-ba-đà, đời Tần dịch là bất sinh).

Nếu nghe chữ La liền tùy theo nghĩa biết tất cả các pháp lìa tướng (chữ La, đời Tần dịch là cấu) nếu nghe chữ Ba thì biết tất cả các pháp nhập vào Đệ nhất nghĩa (Ba-la-mạn-đà, đời Tần dịch là Đệ nhất nghĩa).

Nếu nghe chữ Gia liền biết tất cả hành đều chẳng phải hành (Già-lợi-da, đời Tần dịch là hành).

Nếu nghe chữ Na thì biết tất cả pháp không được, không mất, không đến, không đi (Na, đời Tần dịch là bất) Như phẩm Tứ niệm xứ trong luận ấy có nói rộng.

Lại nữa, trong tất cả danh ngôn có thanh A đều nhập tự môn A, có thanh Ca đều nhập tự môn Ca, cho đến có thanh Ha đều nhập tự môn Ha, vì thế cho nên trong một tự môn đầy đủ vô lượng nghĩa, không phải từ trong tự môn Ha chỉ có nghĩa vô nhân.

Các tự môn khác phải biết so sánh theo đây. Hơn nữa, như Sa-đá-dã nghĩa là Đế, cho nên kinh chép: tự môn Sa tất cả các pháp đế không thật có, lại Sa-đá nghĩa là trước. Vì thế trong pháp cúng dường nói: tự môn Sa tất cả các pháp không nhiễm đắm, lại như Bà-phạ nghĩa là hữu, do đó kinh chép: tự môn Bà tất cả các pháp hữu không thật có, lại Bà-phạ-na nghĩa là quán, cho nên trong pháp cúng dường nói; tự môn Bà tất cả các pháp xa lìa các quán, ngoài ra đều mô phỏng theo đây.

Vì thế kinh Đại Phẩm và phẩm Nhập Pháp Giới trong kinh Hoa Nghiêm đều nói bốn mươi hai Tự môn, phẩm Văn Tự trong kinh Bát-nhã, kinh Văn-thù Sở Vấn, phẩm Đà-la-ni Tự Tại Vương trong kinh Đại

Tập đều giải thích Tất-đàm, tự mẫu nghĩa đồng với kinh này nói, nếu được ý này thì các kinh tự nhiên hiểu biết, không có gì ngăn ngại.

Lại nữa, mỗi tự môn đều nói không thật có, các pháp môn so sánh đều như thế, không thể nêu hết.

Kinh chép: Này Bí Mật Chủ! Ngưỡng nhưỡng ninh nẵng mãng, trong tất cả Tam-muội tự tại có thể nhanh chóng làm xong các việc, gọi là nghĩa lợi thảy đều thành tựu, đối với năm thứ thanh: Ca, già, tra, đa, ba, mỗi thanh lại có năm chữ.

Chữ thứ nhất đến chữ thứ tư đều là tuệ môn, như trước đã nói, chữ thứ năm đều là chứng môn, nay hiệp lại để nói: Sách Phạm dùng năm chữ này đều có chấm tròn.

Hơn nữa, như bốn chữ Ca, Khư, Nga, Già tăng thêm thanh thứ mười một đều ở trên đầu có một chấm. Nếu muốn bỏ chấm này, lại ở trên chữ sau cùng đính thêm chữ ngưỡng... chữ kia liền cùng có chấm không khác.

Lại trong mười hai thanh của chữ Phạm, chữ thứ nhất là bản thể thì chữ thứ hai là hành, thứ ba về sau vì các nét vẽ tăng thêm nên đều gọi là Tam-muội, trên chữ thứ mười một đặt dấu chấm là chứng, chữ thứ mười hai là ở một bên đặt hai dấu chấm là Bát-niết-bàn. Nếu chữ ngưỡng này có thể khắp trí tuệ Tam-muội thanh thì phải biết chính là nghĩa Đại không, vì thế nói riêng, không hợp lại để nói với tướng chữ trước. Kinh Niết-bàn chép: Năm chữ này nói đầy đủ nghĩa chữ. Nay tông Tỳ-lô-giá-na nương vào năm chữ này để nói về đại không, đại không là chứng xứ, không có pháp để nói, cho nên chỉ dùng dấu chấm để tiêu biểu.

Lại dấu chấm này, tuy tự thể vô môn nhưng khắp tất cả pháp môn, giống như hư không xa lìa các tướng, mà bao trùm muôn vật. Vì thế tất cả tự môn nếu thêm dấu chấm không có tác dụng tự tại, đều có thể thành tựu các việc.

Hơn nữa, như tự môn A diệu tuệ vô sinh, tất cả chúng sinh đều có, chỉ vì không tự chứng biết, giống như người nữ nghèo hèn không thể được thế lực của kho báu kia, khi phát hành như phương tiện mở mang, khi nhập chúng như kho báu hiện ra, bấy giờ tùy ý thọ dụng, chỗ mong cầu chắc chắn đạt được. Do đó nói thêm điểm không này, nghĩa lợi ba cõi đều được thành tựu.

Tiếp theo trong kệ do Đức Thế-tôn nói có chép: Chân ngôn Tam-muội môn đầy đủ tất cả nguyện: Bản Phạm còn đủ nên ở dưới chân ngôn còn thêm chữ Đạo, người làm thêm một đường viền trụ trong chữ

A thì gọi là A Tự Tam-muội, Tam-muội A Tự này liền khai tâm sáng Đạo môn, tất cả chữ khác cũng giống như vậy.

Nhất thiết nguyện, tiếng Phạm là Tát-phạ-xa, là nguyện do tâm này cầu nguyện, nghĩa là các chúng sinh tu Tam-muội môn này, tất cả chí mong cầu đều được viên mãn, tức là quả không thể suy nghĩ bàn luận của các Đức Như lai. Quả thường trụ, trí vô sư còn có thể ban cho chúng sinh, huống chi cầu xin Tất-địa thế gian?

Lại nữa, mỗi tướng thật thanh tự Tam-muội môn của Như lai, có Phật hay không Phật thì pháp vẫn như thế, tức là không chuyển động, tức là bản địa pháp thân của Như lai. Vì muốn đem pháp thân này khắp thí cho chúng sinh, nên lại dùng thần lực tự tại gia trì pháp nhĩ thanh tự như thế.

Vì thế thanh tự này là thân các Đức Phật gia trì, thân gia trì này liền có thể khắp làm ra thân tùy theo loại, không chỗ nào không có mặt, phải biết gia trì thanh tự cũng giống như vậy.

Cho nên hành giả chỉ nhất tâm duyên theo đạo lý quán sát chữ thanh này, tự sẽ thấy thân gia trì của Phật. Nếu thấy thân gia trì thì thấy pháp thân bản địa, nếu khi thấy pháp thân bản địa thì chính là tự thân hành giả, cho nên một chữ một môn tức là quả không thể suy nghĩ bàn luận của Như lai, không phải từ chỗ khác đến. Đầy đủ các nguyện thù thắng, chân ngôn quyết định nghĩa, bản Phạm vẫn còn, phải nói đầy đủ tất cả nguyện thù thắng đã có, nghĩa chân thật chân ngôn quyết định, thắng nguyện trong đây, tiếng Phạm là Phạ-lư, là đầy đủ các công đức cao quý, cái gọi là Tam-muội tổng trì vô úy... chỗ nguyện đã đầy, chỗ cầu đã đủ, cùng chữ nguyện trước tiếng Phạm đều khác.

Nói quyết định: lại như chữ A hoặc thanh hoặc chữ nêu thể bất sinh, nghĩa của chữ thanh thì hoàn toàn nêu thể bất sinh. Nếu khi chứng thì trở lại chứng thể bất sinh này, ở giữa đó không có xen lẫn, cũng không có đường khác. Nếu khi thấy nghĩa chân thật này, dù cho các Đức Phật trong mười phương cùng một lúc hiện ra nói các thứ tương tự Ba-la-mật, muốn làm cho thay đổi tâm người ấy nhưng cũng không sinh nghi ngờ, do đó nói là quyết định.

Lại nữa, đầy đủ các thắng nguyện, là công đức nội chứng của Như lai nhiều như số cát bụi trong mười thế giới, nhờ quyết định nên mỗi mỗi đều thành kim cang ấn, từ thân tự chứng này lại khởi thân gia trì, rằng vượt qua ba đời. Vô cấu đồng với hư không: Tức là tâm địa thanh tịnh vô cấu không thể suy nghĩ bàn luận, dùng phương tiện lớn, ở trên đất này vẽ Phổ môn Mạn-đồ-la. Vì thế kinh chép: Trụ tâm không thể

suy nghĩ bàn luận, khởi làm các sự nghiệp, bản Phạm nói đủ là tâm địa (đất tâm) vì trong kệ năm chữ thành câu, không thể viết thêm nhưng địa chính là tâm thể, do đó chỉ nói trụ tâm không thể suy nghĩ bàn luận.

Trong chân ngôn Tam-muội môn tuy có quả đức không thể suy nghĩ bàn luận như thế, có khả năng cấp khắp cho các chúng sinh một nước. Nếu các chúng sinh không sinh tưởng cúng dường tu hành thì khó gặp. Ví như nhà vua thức ăn đầy đủ trước vô tâm ăn uống thì các Đức Phật kia như thế nào? Do đó Kinh chép: Nếu đạt đến tu hành địa trao truyền quả bất tư nghì, tu hành địa này tức là tâm Bồ-đề thanh tịnh gọi là sơ pháp minh môn, chẳng hạn như Thanh văn sau khi kiến đế trở lại vào địa vị Tu đạo, Bồ-tát này ở trong "bách tự minh môn" đều thấy thế giới biển Liên Hoa Đài Tạng Mạn-đồ-la tướng trang nghiêm kia thảy đều khác nhau, tức từ trong Đại không luân tự môn đem tự môn A khởi đại phong luân, tiếp theo ở trên kia dùng tự môn Phạ khởi ra biển nước thơm.

Kế đến ở trên kia dùng tự môn A khởi đất kim cang và núi lớn kim cang, ngoài ra như trong kinh Hoa Nghiêm chép: Ở bách Liên Hoa Tạng này, mỗi thế giới Bồ-đề Mạn-đồ-la đều có các Bồ-tát kim cang... trong mười thế giới lấy làm quyến thuộc. Người tu Du-già này có thể không rời khỏi tòa, đều đến trong hội các Đức Phật như thế, cũng có thể lần lượt cầu học hỏi các Thiện tri thức.

Do đó nói Bồ-tát Sơ địa hóa đầy trăm cõi Phật, không phải chỉ khởi kiến mà thôi, cũng có thể dùng trăm Liên Hoa Tạng này chuyển thành thân mình, đến khi ở Sơ địa mầm mống là hoa... mười tâm đầy đủ trong một minh môn nở ra mười giải thoát môn, thành ngàn thế giới, đều là tùy theo phần nhận trao quả bất tư nghì, đến Địa thứ mười một, ở hư không trong mây biển minh môn mỗi Địa đều thấy thế giới trang nghiêm của Liên Hoa Tạng tánh, tướng, hình loại xoay vần khác nhau, dùng làm tự thân tự tại vô ngại, đó gọi là quả bất tư nghì đầy đủ.

Tiếp theo có hai bài kệ khuyến tín ấn thành cho nên nói là chân thật bậc nhất, các Đức Phật đã mở bày, mở bày trong đây tức là tri kiến của Phật giống với nghĩa trong kinh Pháp Hoa. Nửa bài kệ tiếp theo nói, nếu biết giáo pháp này sẽ được các Tất-địa, là dẫn ra đạo lý các Đức Phật đồng tin thế đế.

Nếu hành giả chân ngôn hiểu rõ thứ lớp phương tiện trong giáo pháp này, dùng tất định tín đúng như lời dạy tu hành thì sẽ được thành tựu tất cả Tất-địa. Nếu cho lời nói này không đúng thì các Đức Phật trong ba đời mười phương, có tội trái ngược với bản thể, dối gạt chúng

sinh, một bài kệ tiếp theo khuyến tín chân đế, nhưng Tất-đàm tự mẫu này, trẻ con cũng đều trì tụng, đến như Hộ-ma cúng dường... tiên Vi-đà ở đời cũng đều cùng làm, nhưng nay môn Chân ngôn này sở dĩ thành bí mật riêng, vì nghĩa chân thật đã gia trì.

Nếu chỉ miệng tụng chân ngôn mà không suy nghĩ kia thì chỉ có thể trở thành nghĩa lợi của thế gian, đâu được thành thể tánh kim cang, vì thế kệ nói: Thanh chân thật trên hết tướng chân ngôn chân ngôn, hành giả suy nghĩ kỹ, được thành "cú" bất hoại. Thanh đây tức là môn Chân ngôn, thể của mật ngữ, giống như trong thanh A nghĩa chân thật bậc nhất, cái gọi là vốn bất sinh.

Trước hết nói chân ngôn, bản Phạm dùng nhiều thanh để gọi, tức là chỉ chung tướng bách tự môn và tự luân của thế đế. Kế là nói tướng chân ngôn: Là tướng thật của chân ngôn này. Tức là tướng thật của chân ngôn này do suy nghĩ đế, nên mỗi mỗi đều nhập đài hoa sen. Cú là chỗ dấu vết đã dứt.

Kinh chép: Bấy giờ, Chấp kim cang Bí Mật Chủ bạch Đức Phật rằng: Ít có! Thế-tôn! Đức Phật dạy đạo pháp tướng chân ngôn không thể suy nghĩ bàn luận giống như pháp Thanh văn, trong giải thoát không có văn tự. Nhưng Duy-ma-cật không lìa văn tự nói tướng giải thoát, cho nên gọi là bất tư nghì giải thoát, nay tự luân này cũng giống như vậy, liền đem vô tướng pháp thân làm các thứ chữ thanh, các thứ chữ thanh, làm pháp thân vô tướng, do đó gọi là bất khả tư nghì chân ngôn tướng.

Không cùng tất cả Thanh văn, Duyên giác, cũng không khắp vì tất cả chúng sinh, kinh này là vật báu bí mật của pháp vương, không chỉ bày cho người thấp kém một cách bừa bãi, như Đức Thích-ca Thế-tôn hơn bốn mươi mươi năm nhân Xá-lợi-phất... ba phen hết lòng cầu thỉnh, mới vì các vị ấy nói lược nghĩa Diệu Pháp Liên Hoa, nay theo bản địa này, lại là chỗ Diệu Pháp Liên Hoa vắng lặng bí mật sâu xa. Cho nên phẩm Vô Lượng Thọ chép: Thường ở núi Linh Thứu và các trụ xứ khác, cho đến tịnh độ ta không bị hủy hoại mà chúng sanh thấy cháy hết chính là ý của tông Du-già này.

Lại, nhân Bồ-tát Di-lặc ba phen ân cần cầu thỉnh mới nói cho Bồ-tát nghe, nếu căn cứ không đốn ngộ thì không vào tay của kia, cho nên không khắp vì tất cả chúng sinh, cũng là lãnh ngộ trong bài kệ trước, đến tu hành địa mới trao quả bất tư nghì, lại nói hiểu rõ khuyên tin hợp thành hai bài kệ. Do đó nói: Nếu người tin đạo lý chân ngôn này, các pháp công đức đều sẽ đầy đủ, nếu khi đầy đủ thì đó sẽ là đầy đủ các nguyện thù thắng. Trên đã nói chi phần chân ngôn xong.

Chấp kim cang lại nương theo văn trên, thỉnh Phật nói tiếp thứ lớp cần thiết để nhập Mạn-đồ-la. Đức Thế-tôn nói kệ, trước đáp hai câu: Nhân thức ăn hương hoa... đến cùng các bình báu là tên chung chi phần cúng dường, y theo các phẩm vật cúng dường trước nói về hoa dâng cúng. Hễ đã dâng cúng đều tùy theo tánh loại các tôn vị và phương vị Mạn-đồ-la... mỗi mỗi khéo phân biệt, phải khiến sắc, hương, vị, xúc, thích hợp vui vẻ tâm người, trong thủy lục không nói các hoa chỉ có thể dùng làm chiết phục. Trong ba màu trắng, vàng, đỏ, Như lai thường dùng màu trắng, liên hoa quyến thuộc thường dùng màu vang, kim cang quyến thuộc dùng màu đỏ.

Lại nữa, phải như phương vị Mạn-đồ-la, đàn tròn dùng màu trắng, đàn vuông dùng màu vàng, đàn tam giác dùng màu đỏ.

Lại nữa, các Đức Phật dùng màu trắng, các Bồ-tát dùng màu vàng, các vị trời dùng màu đỏ. Ngoài hoa, hương... cũng phải Y theo theo ý gần đây, gồm chọn lấy lời văn sử dụng trong Tô-tất-địa và Cù-hê... không thể chép đầy đủ.

Bát-đầu-ma là hoa sen hồng, gồm các hoa sen xanh, đỏ, trắng... nước mọc các hoa đều có thể hiến cúng chung chư tôn. Long hoa Bôn-na-già: Bôn-na-già là hoa Long Thọ. Thế-tôn Di-lặc thành Phật dưới cây này, Long hoa là hoa mà loài rồng yêu chuộng. Tây phương có rất nhiều loại hoa ấy, như hoa Tát-la, hoa Mạt-lệ, hoa Đắc-niết-la, hoa Chiêm-bặt, hoa Vô ưu, hoa Để-la-kiếm, hoa Bát-tra-la, hoa Sa-la thọ, điều có ở Thiên Trúc, phương này không thể biết đầy đủ.

Kinh chép: Các thứ các thứ hoa tốt đẹp như thế, bản Phạm có cả hoặc thanh, nghĩa là các thứ hoa như vậy đều có thể thông dụng, do đó nêu lên để so sánh, nhưng có thể phương khác có, phương kia không, chỉ khiến lòng người ưa thích, người thế gian cho là tốt lành thì đều có thể cúng dường, lượm nhóm lại xâu thành tràng nghĩa là pha lẫn trang nghiêm, hoặc khâu, hoặc kết, do người tu hành tâm ân cần, thật thà, thanh tịnh sẽ khiến các tôn vị hoan hỷ hộ niệm.

Sau nói hương xoa, hương chiên-đàn, thanh mộc, uất-kim-đố-lộ, bà thảo, hương mục túc ở phương Tây hơi khác mục túc hương ở đây, đến các thứ hương xoa tốt khác như: Trầm thủy, cam tùng, đinh hương, quế tâm, đậu khấu, hương phụ tử... ở phương Tây giống như trong Tô-tất-địa, Cù-hê có nói rộng.

Lại nói trong các thứ hương xoa kia chớ dùng thân phần của chúng sinh và khoáng sản cùng vật trùng ăn... phải lấy hương tốt sạch, dùng nước nghiền ra, nếu cúng Phật thì phải dùng uất-kim hoặc trầm hương

đen, mới, tốt, đem hòa với long não.

Liên Hoa quyến thuộc phải dùng bạch đàn.

Kim cang quyến thuộc cũng phải dùng bạch đàn, ngoài ra các tôn vị tùy ý mà dùng cho phù hợp, tùy theo chỗ hợp hương đều đặt long não.

Kế là nói về đốt hương, phải dùng hương trầm thủy, hương tùng, hương phạ lan, hương long não. Hương bạch đàn ở phương Tây gọi là Ma-la-dũ, đó là tên núi, chính trong luận Trí Độ đã nói trừ Ma-lê-sơn, lại không ngoài chiên-đàn.

Bạch Giao hương là Sa-la Thọ, Thất-lợi-phạ-tắc-la hương, giống như huân lục hương ở phương này, thất-lợi nghĩa là có đức tốt lành, ý nói hương này cho đến thiên thần thảy đều ưa thích, do đó lấy làm tên, và các loại hương xông khác mùi thơm ngào ngạt, người đời khen ngợi, cũng như trên đã nói.

Cù-hê chép: Đốt hương hòa bạch đàn và trầm thủy với nhau, cúng dường Phật, nước thơm của cây ấy, cúng dường loại hoa sen, hắc trầm và an-tất cúng dường loại kim cang, hoặc nương vào phương pháp kia làm hương, hòa hợp rộng khắp để dâng cúng các tôn vị, phải nên theo pháp dạy ấy, nghĩa là dùng chân ngôn mật ấn gia trì trừ dơ... như trong cúng dường thứ lớp nói. Ngoài ra, hương xoa và hoa... lệ theo đây có thể biết.

Kế là nói y vào giáo pháp dâng cúng các thức ăn như trong kinh đại bản, các thức ăn cúng dường... đều có cách nấu, đến ý sâu kín, mỗi mỗi tương ưng với pháp môn, pháp này không đủ, chỉ nương vào Tô-tất-địa... đúng như pháp làm kết hộ gia trì thì gọi là y giáo. Cháo sữa, ở phương Tây cháo có nhiều thứ, hoặc dùng nước mè đen, hoặc dùng các thứ đậu và các vị thuốc, như các văn thập tụng dược pháp... có nói rộng, nhưng cháo sữa là trên hết. Khi dâng cúng thức ăn này, lại phải thêm bơ, đường cát... khiến đầy đủ cả màu sắc lẫn mùi vị để cúng dường.

Lại ở phương Tây cơm có nhiều thứ cũng cho cơm sữa là trên hết, khi dâng cúng cơm này phải kết hợp các vị đường, muối, gừng, lại phải cúng canh, nương vào phương pháp làm thức ăn ở phương kia, hoặc tùy theo phong tục từng nước cần dùng.

Hoan hỷ hoàn, phải dùng bơ chiên các thứ bánh, trộn lẫn các vị và ba thứ tân dược... khiến các thứ trang nghiêm.

Mạn-đồ-ca là bánh tráng ở phương này, bánh lá kia là phương pháp làm bánh ở Thiên Trúc, dùng các vị đường mật hòa với bột, dùng dầu chiên rất là ngon đẹp.

Bánh đường cát: đường cát này gọi là Kiển-đồ, hình dáng như ở ích châu sinh ra, màu sắc rất trắng đẹp, đụng tới liền vỡ, hòa với nước thì tan, trước dùng bột làm bánh, thường để cho thấm, rồi sau mới ăn.

Tinh Diệu: Nghĩa là cốt phải khiến cho trắng sạch, làm cho sắc hương đầy đủ. Bố-lợi-ca, Hán dịch là Trước Lam Bỉnh, dùng các vị trên hòa hợp để noi theo mà làm. Bánh lỗ hỏng có hai loại, hoặc đâm thành lỗ hổng, hoặc dạng như sợi tơ nhiều lớp lộn xộn hổng ở giữa, để thêm các vị.

Mạt-đồ-thất-la Bỉnh cũng theo trước mà làm, dùng đường mật phết lên.

Tỉ-nặc-ca bỉnh, bắt đầu dùng bột nói trên mà làm, lấy dầu sống mà chiên hình dáng như bọt nổi trên nước rất đáng yêu, vô ưu là quyện duyên sa đường kỉnh, Bà-bát-tra thực là các món ăn như thế, cũng nói tùy theo phương hướng, quốc gia có vị ngon và quả quý tốt gì thì tùy ý dâng cúng.

Đường trắng, đường phèn, đường cát, mật tươi lại đều để riêng. Các thứ nước uống: Ở phương Tây, cách thức chế nước rất nhiều, đều dùng xen thuốc thơm mà lành bệnh và các nước uống phi thời như nho... trong Tỳ-ni đã nói, thức ăn và sữa kia cũng dùng Tất-bát hoặc Long Não... như phương pháp y minh thực mà làm, nói chung ở phương Tây làm thức ăn, nước uống thứ tự trước sau, đa số nương vào phương pháp làm thuốc, có kỹ thuật dưỡng tánh, giữ thân, thường hết hoạn chết yểu, hễ là chỗ để thức ăn thì phải xoa hương thơm cùng khắp, để thức ăn trong viện, trải khắp lá sen hoặc lá chuối v.v... cho cùng khắp, không nên dùng lụa trắng mới sạch hoặc vải sạch, nên rưới nước sạch và thoa hương thơm, khi bày thức ăn thì phải thêm nhiều các tôn vị thượng thủ, trong thai tạng thì Phật Tỳ-lô-giá-na, viện thứ hai là Quán Âm kim cương chủ viện kế là bốn vị Bồ tát như Văn thù v.v... ngoại viện là Phật Thích ca-Mâu ni và các bản tôn được thờ v.v... Nếu các chỗ còn lại phải đặt một phần thì các tôn vị thượng thủ nên chia làm hai, hoặc các chỗ còn lại đặt hai phần thì các tôn vị thượng thủ đặt ba phần. Cù-hê chép: Vị đứng đầu mạn-đồ-la nên thêm số gấp bội, dù có thứ lớp khác nhau này nhưng trên từ chư Phật dưới đến quỷ thần thế gian đều nên cúng dường với tâm bình đẳng, mục đích là làm cho dồi dào đồng đều, v.v... cho đến không làm chỉ nên Cúng dường bộ chủ hoặc đặt thức ăn trong viện, vận dụng tâm cúng dường tất cả các tôn vị, dâng cúng hương hoa... lệ theo đây có thể biết.

Tiếp theo nói về dâng cúng đèn, dầu thơm có rất nhiều loại, đó là

chiêm-bặc du hương (dầu thơm chiêm-bặc), dầu thơm hoa Tô-ma-na... về phương pháp làm dầu thơm phải dùng hoa tươi, xâu như cách xâu tràng hoa, treo dưới ánh nắng mặt trời, dùng đồ đựng dầu hứng, dùng vật lấy dầu tưới trên hoa, khiến hoa rơi trở lại trong dầu, lại lấy dầu mà tưới. Như thế vòng quanh rồi trở lại từ đầu, từ ngày ra cho đến ngày vào mới thôi, sáng ngày sau lại lấy hoa mới mà làm như trước, khiến hơi thơm dầu này, và hơi thơm hoa này đều nhau, sau đó mới thôi.

Các đồ dùng để dâng cúng thức ăn và đèn dầu... dùng các thứ báu là trên hết, nếu không thể sắm đồ dùng bằng đồng, bạc... thậm chí đồ dùng bằng ngói mới sạch cũng làm được việc, phương Tây thêu cờ lọng, nếu có tiền của và sức lực, phải đối với mỗi tôn vị, đều lập môn riêng, cũng dùng các thứ báu là hơn hết, nếu không thể sắm được thì dùng lụa màu đỏ để thêu vẽ, khi vẽ phải dùng vật sạch, không được dùng keo... Nếu không thể làm nhiều thì cho đến bốn phương mỗi phương đều đặt một cái lọng, ở cửa treo chuông lắc... đều tùy sức mà chia làm các thứ trang nghiêm, đều y theo tướng chỉ bày trong phẩm Nhập Bí Mật Mạn-đồ-la.

■

ĐẠI TỲ-LÔ-GIÁ-NA THÀNH PHẬT KINH SỚ

QUYỂN 8

Phẩm 2: NHẬP MẠN-ĐỒ-LA CỤ DUYÊN (Phần còn lại)

Kinh chép: Hoặc dùng tâm cúng dường tất cả mọi người đều làm như Đức Thế-tôn đã dạy: Trong các thứ cúng dường tâm là cao cả, ở trước mỗi vật cúng dường, đều phải vận dụng cùng khắp pháp giới, trì chân ngôn bí mật ấn, như trong "cúng dường thứ lớp" có nói rộng. Hoặc xem Đại Bảo Thọ vương trùm khắp tất cả thế giới, như tướng Hoa Nghiêm Bồ-đề thọ vương đầy đủ trang nghiêm, tùy theo mỗi vị cần thọ dụng đều đầy đủ, đều ở trong đó phát sinh ra không có cùng tận, khắp đến trước tất cả hiền Thánh, cúng dường rộng khắp và cứu giúp tất cả chúng sinh, vận dụng tâm như vậy rồi, phải dùng hư không tạng chuyển minh phi gia trì, tự nhiên tùy ý thành tựu.

Kế là nói cách làm bình cát tường, phải dùng các thứ báu như; vàng, bạc... thậm chí người không có thì nên dùng đồ sứ hoặc ngói sạch để làm, khiến hết sức tròn đầy ngay thẳng, lại không bị rỉ nước ra ngoài, như trong Tỳ-ni tìm cách xem lọc nước sạch đựng đầy trong đó, bên trong năm thứ báu, năm thứ hạt và năm thứ thuốc, trong Cù-hê có nói, nhưng ở đây xét năm thứ thuốc xuất xứ ở ngũ thiên, Trung quốc có hay không? Có thể khắp có được như thế. Trước đã nói bột hương xoa hòa với nước, sắm cả long não, ngưu hoàng, ở miệng bình cầm lấy hoa báu, hoặc tùy theo phương hướng cõi nước. Chỉ có các hoa quý, lấy hoa, quả, cành, lá, tốt đẹp đầy đủ kia, xen kẽ nhau rải ra, cho thật trang nghiêm, lấy lụa màu buộc ở cổ và buộc ở tràng hoa, lấy các hương mà phết lên, phương tiện kết lại, giữ gìn cho sạch, cũng như trong "cúng dường thứ đệ" có nói.

Trong thai tạng phải đặt năm cái bình, ở giữa đại nhật bình đầu tiên đặt trên đài hoa, các bình khác đặt ở ngoài hoa hoặc trong nhị. Hễ khi cúng thức ăn thai tạng thì bốn Đức Phật và bốn vị Bồ-tát đều tùy theo chỗ ngồi chính trong đài hoa, dâng cúng Tỳ-lô-giá-na đặt trước đài

hoa.

Nếu người có khả năng thì ở mỗi một tôn vị đều đặt một bình. Nếu không thể như vậy thì đặt theo hướng trong ngoài ở chỗ chư tôn thượng thủ , ở bốn cửa đều đặt một bình, bốn góc mỗi góc đặt một bình, cửa thông ra ngoài có một bình riêng.

Dùng Hàng tam thế chân ngôn gia trì, khi ra vào thì rưới vào thân tự hộ và khi gọi đệ tử vào cũng dùng để rưới. Chủ Hộ-ma lại đặt riêng một bình. Tóm tất sơ lược có thể hơn trăm bình.

Kinh chép: Sáu bình ấy là số hạn rất ít, phải ở trong bốn phương của thai tạng đều đặt một bình, ngoài cửa đặt một bình chắc chắn không được thiếu.

Nếu dùng mười tám bình ấy, trong thai đặt một bình ở viện thứ hai, chỗ Đại Cần Dõng đứng đầu loại Liên Hoa Kim Cang, đến cửa đại khái bốn bình bốn vị Bồ-tát ở viện thứ hai, đó là Văn-thù... đều đặt một bình, bốn cửa bốn góc ngoài viện, và ngoài cửa người, sử dụng thích hợp, đủ để dùng cho người muốn thọ quán đảnh, nếu đông thì mỗi vị đều tùy theo số người khiến làm một bình, không được thiếu; giống như hương, nước, bình, các bình đựng át-già cũng giống như vậy, thường dùng vàng, bạc, lưu ly... làm đế.

Cho đến vỏ ốc, đồng luyện, gỗ, đá, hoặc dùng cây, lá, ngói mới, đựng các nước hoa, đặt các hoa quý, như chỗ trước đã đặt bình cũng mỗi chỗ đặt một bình.

Lại phải ở chỗ chư tôn đều dâng cúng y sạch, như trước đã nói. Chư tôn thượng thủ cũng y theo pháp dâng cúng thức ăn thêm gấp bội xong. Cho nên nói tất cả dâng cúng đều gồm cả y phục. Nếu người không thể mua sắm thì chỉ đặt ở chỗ chư tôn thượng thủ, hoặc dùng cái rương nhỏ tùy theo kia đặt ở giữa thai tạng trong viện. Vận dụng tâm cúng dường tất cả các tôn vị, hễ trong thai tạng dâng cúng đầy đủ phải đặt ngoài thai tạng một lớp trong không giới.

Nếu dâng cúng chư tôn vô danh phải đặt ba lớp giữa đường phân giới. Lại khi cúng dường, trước phải dâng cúng nước át-già, tiếp theo dâng hương xoa, kế là dâng hoa, hương đốt, đồ ăn uống, sau dâng cúng đèn. Văn kinh trước sau không thứ lớp.

Lại nữa, nếu giải thích theo thâm bí thì hương xoa nghĩa là tịnh, như hương xoa ở thế gian có thể sinh sự dơ bẩn, dứt trừ nóng bức. Nay hành giả dùng nước át-già giống như hư không rửa sạch một trăm sáu mươi thứ dơ bẩn nói lời vô ích trong tâm Bồ-đề, do trụ giới vô vi xông ướp, nhiệt não sinh tử trừ diệt, được tánh trong mát, do đó nói hương

bột, có chỗ nói hoa là từ nghĩa từ bi sinh ra, tức là hạt giống tâm tịnh này ở trong Đại bi thai tạng, nở đầy muôn hạnh trang nghiêm cây Bồ-đề Phật, do đó nói là hoa. Hương đốt là nghĩa khắp đến pháp giới như khi thọ vương nở rộ, hương thơm ngược gió, thuận gió tự nhiên tỏa khắp, hương Bồ-đề cũng giống như vậy, tùy theo mỗi công đức mà làm lửa tuệ đốt cháy, gió giải thoát thổi lên theo năng lực bi nguyện, tự tại xoay vần huân xông khắp tất cả, vì thế nói là hương đốt. Ẩm thực là vị cam lồ vô thượng không sinh, không tử. Nếu khi ăn uống vị này thì quả đức thành thục không còn gì hơn, tức gọi là nhập chứng, do đó nói là thực. Cái gọi là đăng: Nghĩa là ánh sáng Như lai phá tan sự tăm tối, khi nói về quả đức thì tâm chướng đều tiêu diệt, chuyển vô tận tuệ chiếu khắp chúng sinh, do đó gọi là đăng. Nếu nói theo chiều dọc thì trong mỗi địa đều đầy đủ năm nghĩa như vậy. Nếu nói theo chiều ngang thì trong mỗi môn đều đầy đủ năm nghĩa như vậy, chẳng hạn như văn trên nói về các thức ăn, nếu hợp khẩu thì giống nhau, nhưng tùy theo bàn tay người khéo điều chế thức ăn mà có các vị ngon khác nhau.

Ngoài ra, hương hoa... phải biết so với đây mà hiểu. Nếu hành giả khéo dùng năm tự môn, làm vũ khí kim cang khắp ứng với chúng sinh, ví như hòa năm vị ngọt, chua, đắng, cay, mặn, bày năm màu (xanh, đỏ, vàng, trắng, đen), vận năm âm (cung, thương, dốc, chủy, vũ) chế năm thứ thuốc, tuy tánh chia không ngoài năm thứ nhưng ngàn biến muôn hóa khéo chuyển khác nhau, phải biết người đó sẽ hiểu nghĩa Tam-muội đồ hương, cũng hiểu nghĩa Tam-muội hoa, Tam-muội thiêu hương, Tam-muội ẩm thực đăng minh, cũng hiểu nghĩa năm thứ Đà-la-ni này. Đem đầy đủ các pháp môn như vậy cúng dường tâm vương Như lai, có thể khiến chư tôn hoan hỷ, chỗ mong cầu chắc chắn đạt được. Nếu đem ý thú này quán trở lại hương hoa... ở thế đế, tự nhiên biết tánh phần sắc hương kia đều nên sự dụng, vô lượng phương tiện tiếp xúc chúng sinh mà sinh ra.

Kinh chép: Tu cúng dường như thế, sau dẫn người đáng độ, dưới đây nói chính khi tác pháp, gia trì thì chi phần giáo thọ và chi phần Hộ-ma, y theo gia trì giáo thọ, hễ trả lời ba câu hỏi của kim cang thủ. Đó là Vì sao dắt dẫn đệ tử? Vì sao dạy quán đảnh? Vì sao cúng dường thầy?

Hỏi ba câu này xong rồi, mới hỏi chỗ Hộ-ma. Nay ở đây trả lời, trước nói dẫn dắt đệ tử xong, liền nói Hộ-ma, chỗ vừa trả lời còn lại hai câu, nhưng trong Hộ-ma chung cho tất cả các pháp sự, không chỉ gia trì đệ tử mà thôi. Cho nên làm riêng một loại chi phần, ở trong quyển trước đã nói đêm thứ bảy chính là thời tác pháp vẽ đồ tướng Mạn-đồ-la, trong

đó nói riêng về chi phần quan trọng, đó là do thế văn bị đứt quãng.

Nay lại nương vào văn trước lần lượt nói ra, A-xà-lê đã vẽ Mạn-đồ-la xong, quán sát khắp cả biết đã đầy đủ, mới ra ngoài đúng như pháp sái tịnh, như trước đã vận dụng tâm lạy khắp tất cả Như lai, sám hối quy y tự thanh tịnh ba nghiệp, sau đó y pháp cúng dường, kết Tam-muội-da minh... để hộ thân kia, các vật cúng dường kia, cũng dùng chân ngôn bất động khử dơ, trừ sạch cho thanh tịnh. Đúng như pháp mà sắp sẵn trước, lại phải mặc y phục kim cang... khiến mỗi thứ đều đúng như pháp.

A-xà-lê nói: Khi làm thân Như lai, thì mặc áo Như lai, khi làm thân kim cang thì mặc áo kim cang, phải thay đổi mà dùng. Lại y theo Tô-tất-địa... Lấy các tướng ánh sáng ở nhục kế Như lai để tự trang nghiêm thân thật tốt, hoặc có thể dùng chung, hoặc thành tựu các việc chân ngôn mà làm.

Làm như thế xong, sau đó đến ngôi vị Mạn-đồ-la, tùy chỗ đáng ngồi mà ngồi, trụ trong Du-già. Trước dùng tự môn La khắp làm thanh tịnh tâm kia, sau lại làm thanh tịnh đất đạo tràng, đều trừ các tai hoạn giống như hư không. Sau đó dùng tự môn A khởi đại phong luân, ở trên phong luân dùng tự môn phạ khởi hương thủy hải, liền dùng tự môn A khởi kim cang địa và núi chúa Diệu Cao, phải biết Mạn-đồ-la này, tức là ở trên, như phương tiện trong Cúng Dường Thứ lớp, quán các thứ trang nghiêm, dùng hư không tạng giữ gìn, tiếp đến trên mỗi ngôi vị chư tôn trong Mạn-đồ-la, đều quán hạt giống chữ gốc, từ các chữ này đều chuyển thành thân bản tôn.

Nếu A-xà-lê kia, quán đạo chưa thông sợ kéo dài thời tiết, chỉ ở trong thai tạng trên đài hoa sen mà quán tự môn A. tự môn phát ra vô lượng ánh sáng chiếu khắp các chỗ ngồi chư tôn, bấy giờ, chư tôn liền hiện ra, lúc ấy dùng phương tiện chuyển quán chư tôn như thế cùng thân ta không hai, không khác, tức là chư tôn liền ở trong thân.

A-xà-lê nói: Nếu hành giả chưa trụ Du-già, làm sao có thể tạo thành đàn pháp. Như thế cho đến khi mới kiến lập đã quán ở trong thân, sau đó mới vẽ bản đồ. Nếu A-xà-lê tu hành sâu xa thì giống với chúng Thánh ở Đại bi thai tạng, cùng chứng biết đó là tâm ta, cùng mười câu duyên sanh kia rốt ráo không thật có. Quán bản tôn rồi, sau lại vận dụng tâm làm các thừa báu, dùng chân ngôn ấn bất động gia trì, đón rước các Thánh và làm sạch đường đi, sau đó mời thỉnh.

Cù-hê chép: Phải mỗi mỗi dùng bản chân ngôn phụng thỉnh hoặc dùng chân ngôn chủ Mạn-đồ-la đều thỉnh các tôn vị, hoặc nương vào

bản giáo đã nói, phải theo ý rộng, lược, gồm dùng ấn triệu thỉnh chân ngôn.

Lại tông kinh này tức ở bản tòa thọ thỉnh, lại vì bất lai tướng mà đến đạo tràng này, không giống như trong phương tiện thô sơ có tướng kia đây, đại chúng nhóm họp xong, nên dùng bất động minh để dứt trừ các chướng, liền chỉ bày ba thứ Tam-muội-da để gia trì, lại phải dâng nước át-già và trải tòa ngồi, mà nói rằng. Lành thay, Đức Thế-tôn! Lành thay, Đức Thế-tôn! Vì năng lực bản nguyện mà đến, vì thương xót gia trì, nhân sự cầu thỉnh và cúng dường tinh diệu này, vì đại từ bi xin rủ lòng thương xót mà nạp thọ.

Bấy giờ, A-xà-lê muốn làm việc kim cang, lại dùng dao tuệ vô động tự cắt đứt chướng của thân, chuyển làm kim cang Tát-đỏa hàng phục nghiệp ma, vẫn dùng năng lực trí tuệ kiết giới các phương, lại bốn đại hộ, mỗi vị hộ mỗi phương, lại trì vô kham nhẫn đại hộ đều hộ khắp, A-xà-lê nói: Hễ tạo Mạn-đồ-la thì từ trước đến nay đều dùng bất động tôn, hoặc đem hàng tam Thế-tôn che chở đất đó. Trong đó mỗi khi trì tụng, liền như pháp kiết giới xong trở lại giải, đến đêm tác pháp lại cắt trong dây kim cang kiết giới đầy đủ. Chỗ đàn Hộ-ma quán đảnh kia, phải ở ngoài Mạn-đồ-la, lại dùng dây giăng chung quanh, khiến cùng thông với nội giới và đặt cửa ra vào, ở ngoài giới Mạn-đồ-la khắp dùng dây kim cang vây bọc chung quanh đến khi Hộ-ma cúng dường, cũng phải vận tâm ở cửa thông chỗ được kim cang lên, khiến chư tôn qua lại thông suốt, lại khi kiết giới chỉ nên ở bản tòa như thường mà tác pháp.

Nếu muốn đi quanh một vòng để kiết giới chung quanh cũng đều thành tựu. Nếu kiết giới rồi bỗng nhiên vọng niệm, giới bị phá hoặc các việc ma khởi liền phải nhớ nghĩ Từ vô kham nhẫn đại hộ, nếu muốn cho bất cứ lúc nào cũng không chướng ngại giới chung quanh giới kia và vật cúng dường... đều trước cần đại hộ giữ gìn, sau khi khởi chướng lại phải dùng lại.

Kế đến phải làm lễ dâng nước át-già, dùng năng lực đại bi rảy khắp các vật cúng dường, toàn dùng pháp giới tâm bất tư nghì. Nếu khi dâng cúng hương hoa thì phải trụ ở chân ngôn hương xoa mà giữ. Khi theo thứ lớp cúng dường, lại mỗi mỗi dùng thêm chân ngôn của tôn vị kia, hoặc chung, hoặc riêng, hoặc để tự giữ gìn, ngoài kia ra, các vật cúng dường đều lệ theo đây.

Lại phải tác pháp tâm cúng dường, giữ gìn hư không tạng minh, cho đến kim cang A-lợ-sa ngâm đọc, khen ngợi, sau lại ra ngoài bố thí cho quỷ thần ở chỗ hoang vắng. Căn cứ theo đồ tượng, ở ngoài cửa

Đông bố thí cho Tỳ-na-dã-ca, ngoài cửa nam bố thí cho Chi-nghiệt-phiếu-hà, đó là loại ma quỷ nương tựa người, ngoài cửa Tây bố thí cho Nghiệt-la, đó là loài làm tật bệnh và dịch lệ.

Ở ngoài cửa Bắc bố thí cho Đồ-cát-nhĩ, ở cửa hai bên, mỗi cửa đều đặt bốn vị. Nhưng Cù-hê chép: Đều là La-sát Tỳ-xá-giá bộ-đa, các loại ăn uống máu thịt, các loài phi nhân, hoặc ở đất, hoặc ở rừng cây, cũng đem tâm nhớ nghĩ đến, mỗi mỗi đều tùy theo nơi ở gốc mời nhóm họp mà bố thí, tất cả thức ăn cúng dường Mạn-đồ-la, thảy đều lấy hòa hợp một chỗ, cùng với các hương hoa... cũng đều trích ra phần ấy, cùng để một chỗ, A-xà-lê phải khởi tâm đại bi pháp thí không hạn lượng, ở trong Du-già, quán làm các vật thọ dụng, cũng dùng hư không tạng chuyển minh gia trì, dùng để thí khắp, các quỷ thần thọ thức ăn này, không làm chướng ngại Mạn-đồ-la. Phải bất đầu từ phương Đông, sau đến phương Nam, Tây, Bắc, như thế một vòng đã xong, lại bố thí ở phương Đông bắc, kế đến phương Đông nam, phương Tây nam, phương Tây bắc lại xong một vòng.

Lại đến phía Đông của đàn bố thí cho quỷ thần ở phương trên ăn, lại đến phía Tây của đàn bố thí cho quỷ thần của phương dưới ăn. Tất cả gồm ba lần cho thức ăn, đối với các pháp sự thì pháp này rất khó, phải tự hiện các loại hình tướng rất đáng sợ, hoặc nghe tiếng lớn sấm động, Dã can rống... các tướng kỳ lạ như thế, A-xà-lê phải tự khéo an tâm, lại khi muốn bố thí, trước lại giữ gìn thân kia khiến tất cả đúng như pháp, nếu kia ăn hết xin thêm, lại phải bố thí cho đầy đủ, làm cho chúng vui mừng. Nếu tài vật ít thì chỉ theo vật mình đã có mà thôi.

Hễ trong đàn vật dâng cúng cũng phải đem tâm bình đẳng, không được có chỗ thiếu thốn. Cù-hê chép: Nếu khi hành thực, lầm lỡ thiếu ít, liền phải bù vào vẫn xin hoan hỷ, làm loại thức ăn gì, nếu không khắp cả, nên lấy vật khác thế vào số đó. Bố thí thức ăn các phương đã xong, rửa tay sái tịnh, ở trước cửa đốt hương cúng dường, kế đến vào bên trong dâng cúng nước át-già, đốt hương, vận tâm dâng cúng y phục để làm sấn thí, sau đó ở tòa Du-già dùng ngũ luân tự giữ thân, dầu đặt bách quang biến chiếu vương, dùng vô cấu nhãn quán tưởng, đài hoa tự tâm, tự vốn bất sinh mới thực hành phổ môn trì tụng.

Trước hết ở trong trăng tâm Tỳ-lô-giá-na sáng hiện chân ngôn, sau đó tụng trì và chỉ bày mật ấn, khắp quanh trong thai tạng rồi, lại đến chư tôn ở viện thứ hai, cho đến cuối cùng xong, hoặc quán mỗi mỗi hiện ra trước mà thực hành trì tụng, hoặc tự thân làm bản tôn kia, ở trong tâm trăng ấy, hiện chữ chân ngôn để trì tụng, cho đến nhanh chóng làm

thân Mạn-đồ-la, tùy theo hành giả quán sát và sức mạnh của tâm. Nếu không thể như vậy thì phải nhất tâm tụng bộ chủ chân ngôn trăm biến. Ngoài ra chư tôn thượng thủ mỗi vị đều tụng bảy biến và bắt ấn kia, đầy đủ như trong cúng dường thứ lớp có nói. Ngôi vị quán đảnh của Pháp vương tử, sinh trong dòng họ Như lai, khi làm việc hay nghỉ ngơi đều không quên các Đức Phật. Nay trong kinh này, thường muốn nói tất cả chân ngôn, liền nói khắp quy mạng tất cả các Đức Phật chính là ý này.

Nói tịnh Phật: Trong pháp Thanh văn, A-la-hán cũng gọi là Phật, các Đại thừa khác chưa rõ nghĩa kinh, cũng có nghĩa thành Phật nhưng chưa được gọi là già tinh. Nay chính nói bản tâm là thường Phật, đem chữ tịnh phân biệt, bản Phạm dịch đúng là Phật gia, phải nói là Phật bộ, là nghĩa dòng họ, bộ loại.

Khi A-xà-lê quán sát thân đệ tử làm ngũ luân, dùng ngũ tự giữ gìn, gồm trong đài hoa tâm, chữ A... khiến cho đồng thể với đại Nhật, dùng ấn nhập Phật Tam-muội-da ấn trên đỉnh kia, sau dùng ấn pháp giới sinh ấn ở tâm, lại bắt ấn xoay bánh xe pháp đè trên lỗ rốn, mỗi mỗi đều tụng chân ngôn kia ba biến, tiếp theo chuyển tự môn A trong tâm kia thành tự môn phạ, kết ấn Kim cang Tát-đỏa ấn các chi phần, có chỗ nói là năm chỗ, sở dĩ như vậy vì muốn thành sự nghiệp kim cang ấy.

Bấy giờ, A-xà-lê cũng phải dùng thêm Tam-muội-da... mà tự giữ gìn, sau lấy bạch điệp mới sạch, hoặc các lụa màu, trước dùng chân ngôn bất động đúng như pháp tác tịnh, sau dùng bản bộ chân ngôn vương, chuyển thêm ba phen, như làm Mạn-đồ-la Đại Nhật, liền được chân ngôn Tỳ-lô-giá-na, Liên Hoa Thủ, Kim Cang Thủ, cũng phải Y theo mà nói, dùng tơ lụa sạch này, che khắp mặt đệ tử, phải khởi tâm từ bi hộ niệm, nói bên tai, khiến cho kia biết Tam-muội-da giới, chớ cho người chưa nhập đàn nghe tiếng. Một bài kệ này ngay ở trong phẩm Chuyển Tự Luân Mạn-đồ-la Hạnh có nói.

Lại quán trên đỉnh kia có một chữ La, trên chữ đặt một chấm, vì thế nói dùng đại không điểm để trang nghiêm (đây là chữ Lãm). Chữ này bốn bên có ánh sáng khắp giống như tràng hoa liền nhau, không xen hở, trong tự lại khắp phát ra ánh sáng trắng, giống như ánh trăng rằm. Đem pháp giới tâm thanh tịnh này để gia trì, có thể trừ các chướng trong ngoài.

Kế là dẫn đưa đến cửa thứ nhất, chỗ hai vị Long vương là Tốn-na-ưu-ba và Tốn-na trông giữ, ở chỗ ngay cửa chính không được tiến lùi, trước sư nên vì kia kết làm Tam-muội-da, ấn tụng ba biến chân ngôn kia, đặt hoa trên ấn, bảo đệ tử khởi tâm chí thành hướng về đạo tràng

mà rải, tùy theo hoa đến chỗ nào, phải biết tức là người tu hành ngày xưa nhân duyên pháp môn Thiện tri thức, nhân nương vào pháp môn phương tiện này mà tiến đến tu hành.

Cù-hê chép: Khi sắp vào đàn, A-xà-lê nên nói rằng, ta tên... đúng như pháp làm Mạn-đồ-la này, muốn đệ tử vào, tùy theo chủng tánh, phước đức của người ấy cho đến thành tựu được pháp thí nào, chỉ xin ở trong Mạn-đồ-la này hiện ra tướng kia. Đã rải hoa rồi, sau phải mở mặt cho nhìn thấy đạo tràng, khởi tâm hoan hỷ mà bảo rằng, ông này quán sát Mạn-đồ-la mầu nhiệm này, sinh tâm kính tin sâu xa, ông đã sinh nhà các Đức Phật, chư minh tôn... đồng cùng che chở, tất cả tốt lành cho đến Tất-địa đều hiện ra trước. Thế nên phải giữ vững Tam-muội-da giới, đối với giáo pháp chân ngôn, phải siêng năng tu tập, sau đó bảo đệ tử đem hoa hương... khắp cúng dường các Thánh Mạn-đồ-la, ngay tại đạo tràng trao cho bản chân ngôn ấn, bảo ngồi một chỗ mà tụng, tiếp đến đưa người khác vào. Hễ là A-xà-lê, phải quán sát hoa đến chỗ nào, phân biệt tánh loại của kia, như rơi trên đầu Đức Phật thành tựu Phật đảnh, đến tướng sợi lông trắng... rơi trên mặt Đức Phật thì thành thành tựu Phật nhãn, ở trong phần thân phải biết thành thành tựu các tâm. Nếu rơi vào phần dưới thì thành tựu các sứ giả...

Lại tùy theo phần thượng, trung, hạ, Liên Hoa Kim cang cũng giống như vậy, các tôn vị khác chỉ biết tướng thượng, trung, hạ. Nếu hoa rơi cách xa tôn vị kia thì lâu xa nữa mới thành tựu, nếu rơi trong viện cúng dường tùy thuộc vào tôn vị nào mà trao chân ngôn kia. Nếu rơi vào giữa hai tôn vị phải biết xa, gần kia. Nếu trước rơi vào nội viện thì dời ra ngoại viện. Người kia không có tín tâm, nếu gắng gượng trì tụng thì được thành thành tựu thấp, rơi vào các đường ranh giới và các đường đi trong viện, người kia không có tâm quyết nên không được thành tựu. Nếu kia muốn ném lại thì nên làm Hộ-ma cho họ, sau đó mới ném, ngoài ra như kia đã nói.

Kế là phải làm Hộ-ma tịch nhiên cho các đệ tử , đó là pháp phiến-để-ca, cũng có thể dịcn là Tức tai. Sau đây là một thứ chi phần, nay được Như lai trả lời, căn cứ vào thứ lớp của việc làm. Nói gia trì dạy trao chi phần thì ở trong đây nói Hộ-ma, hoặc có thể cho pháp quán đảnh... hiệp lại một thứ chi phần mà thôi.

Kinh chép: Làm Hộ-ma tịch nhiên, Hộ-ma nương pháp trụ, trên nói Hộ-ma nghĩa là phải làm pháp Hộ-ma này, vì thế nói lập lại. Trong đây dùng pháp Du-già gia trì tự thân, cho đến kính thỉnh kiết giới... đều nương vào phương tiện tụng niệm, do đó nói phải nương vào pháp

mà an trụ, bắt đầu từ trong Thai tạng đến bên ngoài của viện thứ hai, ở trong Mạn-đồ-la, khởi tâm không lo lắng, nghi ngờ. Mật ngữ ở văn trên, lấy quyến thuộc của Đức Thích-ca viện làm thứ hai, ngoài đàn lớn khiến cùng trong thai tạng tương đương A-xà-lê ở ngoài kia, mặt hướng về Mạn-đồ-la, trong hai vị ở đây mà đặt hỏa đàn. Văn tiếng Phạm có làm mật ngữ rằng: A-xà-lê trong Mạn-đồ-la làm đàn Hộ-ma, nếu không theo thầy lãnh thọ thì thường mất ý chỉ, hoặc ở trong Mạn-đồ-la viện mà tạo tác.

Nay dùng đàn quán đảnh, lại phải hướng vào chính trong thai tạng, có thể dời đàn này khiến hơi gần phương Nam, cho đến góc Tây nam, đều là ba vị nhìn nhau, đối với lý không có lỗi, không có tâm nghi ngờ lo lắng, tức là ý Tức tai. Phải làm một đường viền không lộn xộn, nếu hành giả trụ trong tự môn Xa mà quán các pháp thường vắng lặng, cầu hết nghi hối, trừ sạch cái chướng chính là ý gốc của Hộ-ma tịch nhiên.

Làm pháp Mạn-đồ-la lấy từ thân một khuỷu tay, chung quanh đặt một viền, rộng bốn lóng tay, chiều cao cũng như vậy. Hễ là đàn Hộ-ma thì vuông, tròn, tam giác tùy theo sự nghiệp mà chuyển, nhưng trong đây tác pháp phải sử dụng đàn vuông. Cù-ma-di Cù-mô đát-la-đồ, dùng nước hoa mà rảy, giữa bày ấn kim cang, nghĩa là ở trong lò phải vẽ làm Bạt-chiết-la. Vì sao? Vì Hộ-ma là lửa tuệ của Như lai, có khả năng đốt cháy tất cả tai họa do nghiệp nhân duyên sinh ra, hết sạch không còn sót. Đàn vuông gọi là đại Nhân-đà-la, đó nghĩa là tâm vương, nói về ấn lửa tuệ này, tìm xét nguồn gốc của nó, từ tánh kim cang sinh, do đó giống như kim cang không thể phá hoại. Dưới đến trong phẩm thế xuất thế Hộ-ma, Thế-tôn tự nói rộng nhân duyên. Nếu hành giả chân ngôn chỉ làm Hộ-ma thế đế, không hiểu mật ý trong đây thì cùng vi đà tế kia há không phải là quá lạm hay sao? Vì thế người dịch gồm cả danh lẫn trí, ngõ hầu khiến giải thích hai thứ sâu cạn, nêu cả nghĩa dụng.

Kinh chép: Vị trí sư ở bên phải, Hộ-ma đủ chi phần, dù cho đại Mạn-đồ-la mở cửa hướng về phía Tây thì hỏa đàn cũng phải ở phía Tây đại đàn. A-xà-lê lại ở phía Tây hỏa đàn, ngồi mặt xoay về hướng Tây, các Hộ-ma sử dụng đầy đủ duyên chi phần, phải ở phía Nam vị trí sư.

Củi hộ đàn phải dùng cây non, nghĩa là các loại dâu, lúa, hoặc dùng thân cây ngưu tất, cắt chừng mười hai ngón tay, đều phải chọn lấy củi thấm ướt, lấy củi phải thứ lớp ngay thẳng, phải nhìn trên dưới một mặt mà đặt, dùng nước thơm sái tịnh khiến gốc rễ hướng về thân, nếu khi muốn đốt phải đặt vào trong sữa, bơ, mật, ấn hai đầu kia ném, đặt trong lò, hoặc dùng hương trầm thủy dài chừng bốn lóng, lớn bằng ngón

tay cái, chà hương tô hợp, làm thành một trăm lẻ tám lần để dùng càng tốt. Hãy nên trong Mạn-đồ-la dâng cúng thức ăn và hương hoa... đều dùng đó để làm biện sự để lấy chân ngôn.

Như pháp sái tịnh đặt ở tòa bên phải, bình át-già kia phải đặt bên trái, dâng cúng các thức ăn phải dùng bơ, lạc... đều hòa cùng để một bình và các loại năm thứ hạt cũng dùng dầu mè... thấm nhuần hòa hợp một chỗ, để ở bình khác đều không phân biệt. Nếu thực hành giải thích theo thâm bí thì chi phần Hộ-ma này là nghĩa các nhân duyên, do nhân duyên có thể sinh tai họa trong ba cõi. Nay lấy lửa tuệ này làm của cải, cúng dường tất cả thân phổ môn, tăng thêm thế lực lợi ích không thể suy nghĩ bàn luận.

Kinh chép: Phiền não là củi, trí tuệ là lửa, do đó nhân duyên thành cơm Niết-bàn, khiến các đệ tử thảy đều vui thích, chính là nghĩa ấy. Lại khi làm pháp cho đệ tử, ở bên phía Bắc của A-xà-lê, dùng chiếu bằng cỏ tươi bảo đệ tử ngồi chồm hổm. A-xà-lê cũng phải ngồi trên tòa cỏ, không được dùng thêm các loại gường nệm. Thọ dùng cỏ tươi lược có ba nghĩa:

1. Tánh ấy trong sạch là chỗ muốn tiếp xúc, có công năng trừ sạch tâm hôn trầm biếng nhác, buông lung của hành giả.

2. Đây là cỏ cát tường, Thế-tôn đã nhờ trải tòa bằng cỏ này mà chứng Bồ-đề, vì thế có công năng dứt bỏ tất cả chướng.

3. Dùng cỏ cát tường này chỉ bày tánh tuệ.

Cỏ này hai bên đa số có mũi nhọn. Nếu người ngồi nằm, cầm nắm, không có phương tiện thì lại bị tổn thương, nếu thuận tay giúp đỡ thì không thể bị hại, tất cả các pháp cũng vậy, nếu thuận theo đế lý quán sát thì tất cả trần lao đều có dụng tánh tịnh. Nếu mất phương tiện thì sẽ tổn hại trí, thân, do đó lấy lầm pháp môn biểu tượng.

Nếu làm Mạn-đồ-la trên tảng đá lớn, hoặc ở trên lầu gác không thể đào qua, làm lò phải dùng năm màu sắc xen lẫn nhau mà vẽ, cho thật rõ ràng, nghiêm chỉnh đẹp đẽ, tiện để thế vào mà dùng, đó gọi là sơ lược chỗ Hộ-ma. Nếu trong nhà làm Mạn-đồ-la chật hẹp, phải ra ngoài đến chỗ trông thấy đạo tràng đúng như pháp làm lò, bốn mặt lò đều phải dùng cỏ tươi bao bọc chung quanh, đều xoay về phía bên phải, theo thứ lớp đều làm cho áp sát nhau, nhưng đầu kia ló ra, ngoài ra như trong phẩm Hộ-ma có nói.

Lại phải dùng vòng chung quanh dày, rộng chớ để bày đất, dùng nước thơm rải khắp, cần phải làm xong các việc gia trì, dùng chân ngôn rưới đất mà văn trên đã nói. Trong đây làm pháp Hộ-ma, A-xà-lê ban

đầu ở trong Mạn-đồ-la cúng dường trì tụng xong, sau phải ra ngoài làm hỏa pháp, xoay về phía Đông ở tòa cát tường, trước hết đặt cây non và củi khô vào trong lò, dùng bơ rải lên trên mà đốt, sau đặt củi ướt dùng chân ngôn. Biện sự trừ bỏ dơ uế và sái tịnh xong, phải trụ trong Du-già, đem hạt giống hỏa thiên chuyển thành hỏa tôn. Trong Mạn-đồ-la tam giác, như dưới đây ở trong phẩm Thập Nhị Hỏa Tôn sẽ chỉ bày, tùy theo chọn một sự nghiệp vào tương ứng với kia. Đã tương ứng rồi, phải quán thân hỏa tôn không hai, không khác với thân ta, như hỏa tôn ấy, phải biết hỏa Mạn-đồ-la cũng giống như vậy. Nên quán ba chỗ đều đồng một tướng, sau đó dùng hỏa thiên chân ngôn mà phụng thỉnh.

Tô-tất-địa chép: Khi muốn phụng thỉnh trước nói lời này: Nay con trước tiên phụng thỉnh hỏa thiên, Tiên trong cõi trời phạm hạnh đáng tôn kính, chỉ xin giáng lâm ở nơi này thọ nạp Hộ-ma, sau nói chân ngôn hỏa thiên rằng:

Nam ma tam mạn đà bột đà nẫm a yết na duệ tóa ha.

Câu đầu là quy mạng các Đức Phật, nghĩa như trước đã nói, câu thứ hai là a yết na duệ nghĩa là hỏa. Trong đây trước hết lấy chữ A làm hạt giống, do tất cả các pháp vốn bất sinh cho nên đồng với kim cang trí thể. Nga nghĩa là hạnh, do các pháp vốn bất sinh nên tuy đầy đủ muôn hạnh nhưng không có hạnh nào, thế nên gọi là không thầy tự hiểu. Nếu là không thầy tự hiểu thì đồng với đại không khắp mọi nơi chốn. Do đó trong ba cõi bất động mà sinh ra cho đến Tát-bà-nhã, thế nên vô thừa và thừa đó chính là Đại thừa, sở dĩ cũng thêm Tam-muội thanh, ý nói thừa đây định tuệ bằng nhau.

Các Đức Phật khi hành đạo Bồ-tát đều đem lửa tuệ như vậy đốt cháy tất cả tâm dơ. Đốt lên ánh sáng chánh pháp là do lời nói chân thật liền thành chân ngôn. Nên khi thỉnh mời phải tăng thêm y-hệ và y-hệ tử, đến khi phát triển thêm yết-xa, yết-xa tử, ấn tướng kia như trong phẩm sau sẽ nói. Đã thỉnh rồi trước nên dùng nước thơm át-già, ba phen sái tịnh, ba phen dâng nước súc miệng, liền lấy các vật năm thứ hạt, dầu, sữa... dùng chân ngôn nói trên tụng, ba biến Hộ-ma cúng dường hỏa thiên. Hễ khi Hộ-ma thì trước dùng gáo lớn đựng đầy rau sạch mà nấu, sau sẽ đốt củi, kế là cơm Hộ-ma, kế đến các thứ lương thực, hoặc dùng cháo sữa, sau lại dùng hoa sen... tùy ý mà đốt.

Trong đó hễ bố thí đều dùng gáo nhỏ. Vì thế Kinh chép: Phải mang đầy bát dâng lên cúng dường, cúng dường rồi rửa lại nước hoa và đổ át-già, giống như người ăn rồi dùng nước tắm rửa. Lại cúng dường hương hoa... phải vận dụng tâm dâng lên hỏa thiên, để ở tòa chính, sau

phải kính thỉnh các tôn vị. Trước lấy một cành hoa, dùng chân ngôn thành biện để tác tịnh trừ uế, bộ chủ chân ngôn để gia trì, hai tay hợp lại, mà khởi tâm miệng nói: Chỉ xin các tôn vị gia trì chỗ này thọ nhận sự cúng dường mầu nhiệm, sau đó phải ở cách xa lò ném đến Mạn-đồ-la, khi muốn ném tùy theo kia xa hay gần, trước quán hoa này đến khắp chỗ ngồi của tất cả các tôn vị.

Làm tòa tùy loại tương ưng kia, lại sử dụng các việc xong, ở trong lò tác tịnh trừ uế, mới thỉnh các tôn vị, hoặc dùng chân ngôn tôn vị kia thỉnh riêng mỗi vị, hoặc theo quyến thuộc một bộ, cho đến dùng chân ngôn vương thỉnh cùng một lúc.

Lại, hỏa lò này giống như hỏa giới, khi thỉnh chỉ quán các tôn vị không lay động chỗ ngồi cũ, mà lại giáng lâm, khi xong việc cũng dùng tướng không đi mà trở về chỗ cũ, thường là một. Tôn vị Hộ-ma, liền lấy nước thơm rải lò và nước súc miệng.

Văn dưới nói cúng dường chân ngôn tịch tai bảy biến, như thế mỗi mỗi xong, lại làm Hộ-ma một trăm lẻ tám biến, trở lại lấy bát đầy bơ đốt một lượt, cho đến nếu không có khả năng làm như vậy thì phải cúng dường chung một trăm lẻ tám biến hoặc một ngàn lẻ tám mươi biến, nghĩ rằng hễ con có vật gì, cúi xin chư tôn đồng thọ nhận sự cúng dường.

Tiếp theo xin khắp hoan hỷ, đúng như pháp cúng dường xong, mới sám hối hồi hướng và ngâm đọc kim cang, chỗ hương đốt kia không dứt hết. Lại dâng át-già, sau đó đảnh lễ các tôn vị, mời các đệ tử, như văn trên đã nói làm pháp rải hoa... cho đến lời bày tỏ đều xong, mới dẫn mỗi đệ tử đến chỗ Hộ-ma.

Ở bên trái A-xà-lê đem tâm cung kính và đứng chồm hỗm, sư dùng tay trái cầm ngón tay cái bên phải của đệ tử, mà tụng chân ngôn tịch tai, cứ tụng một lần thì bố thí hỏa thực một lần, như thế đến hai mươi mốt lần, các đệ tử cũng làm như thế. Cù-hê chép: Lại dùng hương xoa tay đặt trên ngực kia, tùy ý trì tụng mà sai đi. Ở đây lại giải thích chân ngôn Tịch Tai này.

Nam ma tam mạn đà bột đà nẫm a ma-ha phiến để nghiệt đa phiết để yết la bát la thiểm ma đạt ma trở nhược đa a bà phạ tát phạ bà phạ đạt ma tam man đa bát a bát đa tóa ha.

Chân ngôn này đầu tiên lấy A làm thể, A nghĩa là các pháp vốn bất sinh tức là thể kim cang trí hỏa, điểm thêm Tam-muội thì được vốn bất sinh, Tam-muội Kim cang tuệ hỏa, gần hai bên có hai điểm nghĩa là Niết-bàn. Nói nhập tự môn A này, tuệ hạnh đầy đủ, có thể đốt trừ tất cả

chướng, cái, được Niết-bàn vắng lặng hoàn toàn. Sở dĩ làm chân ngôn tịch tai chính là nghĩa này.

Lại nữa, khi tác pháp phải quán chữ này, chung quanh ánh sáng từ lửa mà phát ra đầy đủ ba màu, bản thể màu vàng, trắng, vẽ Tam-muội kia làm màu đỏ giống như vàng cõi Diêm-phù, hai bên chấm màu đen như lửa ở kiếp tai. Do bản tánh trắng sạch cho nên có công dụng dứt trừ tai họa, gồm màu vàng là dụng tăng ích, màu đỏ là dụng hàng phục, đốt cháy, màu đen là bẻ gãy đại chướng và thu gọi. Lại thể của chữ này là pháp môn phương tiện, tức là đồng với màu của đại không, đầy đủ các sự nghiệp.

Lại nữa, Thập Nhị hỏa trong văn dưới: chữ A là lửa trí tuệ, Tam-muội cũng là lửa hạnh mãn, có nghĩa thu mời là lửa phong táo, có nghĩa hàng phục là lửa Lô-hê-đa, vàng, đỏ hòa hợp là lửa Một-lật-noa, gồm cả màu đỏ và đen là lửa phẫn nộ, gồm đủ các màu sắc là lửa Xà-tra-la.

Nói tóm lại, thảy đều đầy đủ mười hai thứ công dụng, nên nói rộng. Lại, các câu dưới đây đều chuyển tướng giải thích, câu đầu tiên là Ma-ha phiến-để nghĩa là vắng lặng hoàn toàn, nghiệt-đa nghĩa là thệ.

Nói Như lai dùng nghĩa một chữ này, đi đến trong bản tánh thường tịch Đại Niết-bàn. Thể chữ A là vốn vắng lặng. Do có bức vẽ Tam-muội cho nên khéo qua, dấu vết trừ hết cho nên "Niết-bàn". Bất động là chỗ mà ngay nơi đi là đến, giống như đại không chẳng đâu không khắp, vì thế nói là đại tịch. Câu tiếp theo phiến-để-yết-la, là nghĩa tịch, nói tự môn này phương tiện đầy đủ, thường trùm khắp mười phương ba đời, khắp làm sự nghiệp phổ môn thành tựu chúng sinh, đều khiến đi đến trong vắng lặng hoàn toàn, vì thế nói là Tác tịch.

Kế đến nói: Bát ra thiểm ma đạt ma niết nhược đa: Bát-ra nghĩa là tối thắng, thiểm-ma: Là chứng tịch. Giải thích lại câu trước, do vì tác tịch cho nên đó là tịch ở trong tịch. Vì sao? Vì tịch rốt ráo không thật có cho nên thường tạo tác, hoàn toàn không thật có cho nên thường tịch, tất cả thế gian không thể suy nghĩ bàn luận, vì thế nói là tối thắng.

Đạt-ma là pháp, Niết-nhược-đa là sinh, từ đâu mà sinh? Nghĩa là từ nghiệp vắng lặng không thể suy nghĩ bàn luận này mà sinh. Vì động, tịch rốt ráo đồng nhau, từ trong câu vốn bất sinh. Sinh ra đầy đủ rễ, thân, cành, lá, hoa, quả, trở thành cây Bồ-đề chúa, giống như hỏa giới có khả năng đốt cháy, cũng có khả năng nuôi lớn, lửa trí kim cang cũng giống như vậy, do dấu vết trừ sạch nên dấu Tam-muội sinh trưởng.

Kế là nói A bà phạ tát phạ bà phạ, lại là chuyển giải thích câu

trước, cho nên nói vô tự tánh, tất cả tự tánh dùng bản tánh tịch mà từ duyên khởi vì thế không có tự tánh. Từ duyên khởi không có tự tánh đều là gốc của tánh tịch, thế nên trở thành tự tánh. Tất cả pháp đều do nghĩa này, vọng tưởng bất sinh nên đại không sinh, tiếp theo nói: Đạt ma tam mạn đa bát là bát đa, lại chuyển giải thích câu trước, do nghĩa này, Như lai đối với tất cả các pháp bình đẳng, nghĩa là thành Vô thượng Bồ-đề, bát la bát đa nghĩa là đạt được, vì vô sở đắc cho nên được câu bình đẳng này, ngoài ra như trên giải thích. Hễ khi Hộ-ma phải có các thứ tướng hiện, hoặc khi đốt lửa không cháy, lửa cháy hoặc chóng tàn không quá lớn mạnh, hoặc nổi khói không có lửa, hoặc khói rất mù mịt, hoặc phát ra tiếng giống như âm thanh lừa, súc vật... người không muốn nghe hoặc nói không thành tựu... phải biết đó là tướng chướng ngại không thành, hoặc trong khói lửa làm các thứ hình kỳ diệu như bình báu, lưới báu, sư tử cỡi xe... hoặc tiếng nhạc vang lên như Chuông, linh, tù và (loa bối), hoặc phát ra lời tốt lành thành tựu, phải biết đó là tướng không chướng ngại Tất-địa, cho đến người khéo làm Hộ-ma, phải ở trong đây mong cầu ý chỉ truyền trao rõ ràng, biết đủ tướng thông bít.

Hễ Hộ-ma thì mỗi pháp tùy theo sự nghiệp thích ứng, hoặc dùng tịch tĩnh hoặc dùng hoan hỷ, hoặc dùng tâm mạnh mẽ, hoặc y phục có các màu trắng, vàng, đỏ, phải ngồi ở các hướng: Bắc, Đông, Nam, Mạn-đồ-la kia cũng có vuông, tròn, tam giác khác nhau, màu sắc cũng có thể biết. Củi Hộ-ma kia, dụng Tức tai thì cành ngọn của cây, dụng "tăng ích" thì cành giữa của cây. Nếu việc chiết phục thì nên dùng rễ cây, nếu việc tức tai thì nên dùng bơ, sữa, đại mạch, mật và cháo sữa, mầm non cỏ tranh, hoa quân-na, hương bạch đàn và cây vô ưu. Nếu việc Tăng ích thì nên dùng cháo, sữa, cơm, lúa mì, mật, cháo lạc, mè, thiên mộc, hồi hương, thiên môn đông, long hoa và các loại lúa đậu... Nếu việc chiết phục thì nên dùng hạt cải đỏ, trắng, hoặc dầu hạt cải, thuốc độc, xương, tóc và các cây có gai nhọn... dù kinh không nói ra đầy đủ cũng phải tùy theo loại suy nghĩ. Lại tùy theo số lần đốt bơ, mè cũng thế.

Ngoài ra tùy ý nhiều hay ít, từ bắt đầu đến cuối cùng đều phải đầy đủ bơ để Hộ-ma, các pháp sự khác so sánh theo đây. Hễ là Hộ-ma Tức tai thì trước phải làm pháp hàng phục, nếu sử dụng chân ngôn có nghĩa hàng phục thì ngay đó nương vào bản mà tụng, nếu không có nghĩa kia thì phải y theo pháp tăng thêm, dùng hạt cải... vật tương ưng với hàng phục, làm mười bảy lần hoặc hai mươi bảy lần Hộ-ma. Tiếp theo quán nghĩa cú và các vật cúng dường kia tương ưng với tăng ích, lại thêm bảy lần, mười bốn mới là đầy đủ làm pháp Tịch Tai. Nếu làm Hộ-ma Tăng

Ích, trước phải làm pháp hàng phục, mới là đầy đủ làm pháp tăng ích.

Về Hộ-ma hàng phục, một pháp liền thành không cần lập phương tiện trước, phải biết Mạn-đồ-la này có ba thứ pháp sự. Cù-hê chép: Sau khi quán đảnh xong lại phải y pháp Hộ-ma, trước dùng chân ngôn chủ Mạn-đồ-la đốt bơ trăm lần, sau dùng chân ngôn tịch tĩnh, dùng bơ, mật, cơm trăm lần, tiếp đến dùng mè trăm lần, mới chính là rộng chỉ bày Mạn-đồ-la, đến khi xong việc sắp giải tán, thầy phải tự sái thân kia, lại dâng át-già, theo thứ lớp cúng dường tất cả các tôn vị, tiếp đến chủ Hộ-ma Mạn-đồ-la trăm lẻ tám lần, sau dùng chân ngôn tịch tĩnh trăm lần, dùng bơ bò đều Hộ-ma bảy lần, sau đó đem chân ngôn bản trì tùy ý Hộ-ma mới làm pháp giải giới phát khiển v.v... hoặc lại y theo trước làm phương tiện tướng chung cũng được.

Nay trong kinh này, ba chữ A, Bà, Phạ, giống như phẩm Tự Luân đã nói, tức là ba bộ, tâm chân ngôn. Nếu là ba thứ pháp sự thời khác, chỉ ở trong đàn trì tụng xong rồi, liền phải ra ngoài làm Hộ-ma, hoặc nếu làm Hộ-ma thành tựu thì phải năm chỗ thẳng nhau: Thứ nhất là bản tôn, thứ hai là bếp lửa, thứ ba là vật thành tựu, thứ tư là đồ đựng bơ, thứ năm là tòa ngồi của A-xà-lê, về vật thành tựu, trước tiên lấy lá sạch che đậy, mỗi một lần lấy bơ... đều dùng gáo thêm ở trên lá mới đốt.

Nếu thành tựu hữu tình thì phải ở chỗ để vật vẽ hình tượng kia, ngoài ra như trên đã nói. Nếu làm người Hộ-ma thì xưng danh từng thứ một, mới bỏ vào lửa. Nếu không làm Mạn-đồ-la, chỉ làm pháp Hộ-ma thì phải đi quanh lò làm một lớp Mạn-đồ-la đặt tòa ngồi các tôn vị, muốn thỉnh chư tôn cúng dường, rộng lớn hay sơ lược tùy ý.

Tô-tất-địa nói Hộ-ma xong rồi đều phải dùng chân ngôn gốc mà trì, nước sạch gia trì dùng tay quậy đều, rảy ở trong ba lần, lại phải thỉnh hỏa thiên nhận thêm các vật khác, cho đến nghĩ là trở lại ngồi chỗ cũ, chỗ cốc, bơ mật, sữa... còn thừa lại hòa chung một chỗ dùng chân ngôn hỏa thiên ba phen chuyển trì để làm Hộ-ma, lại làm ấn hộ thân, hộ phương... cho đến giải giới mới được phát khiển.

Cù-hê chép: Đêm thứ sáu làm pháp đệ tử xong, để trừ chướng cho nên trước phải làm Hộ-ma hàng phục, sau làm tự Tăng ích, dùng bộ tâm chân ngôn Hộ-ma, sau đó dùng chân ngôn tịch tĩnh làm Hộ-ma Tức tai, đến khi làm pháp sự. Nếu thường có điềm không lành thì phải dùng bộ mẫu chân ngôn làm Hộ-ma Tức tai, đốt bơ và củi mỗi thứ trăm lần vào ngày mai làm pháp để đầy đủ chỗ thiếu thốn, lại làm Hộ-ma Tức tai một trăm lẻ tám lần, nhưng hỏa pháp này cũng là việc khó trong chi phần. Do sắp trừ tai chướng, tăng thêm oai thế chánh pháp, cho nên

các người gây ra nạn, đều ở trong đây rình tìm dịp làm hại. Nếu không các trường hợp đều hiểu rõ thì phải tự tổn thương, không thể lung lòng làm bậy.

Kinh chép: Hành giả Hộ-ma xong, nên dạy bảo bố thí. Dưới đây là trả lời câu hỏi của Bí Mật Chủ: Vì sao cúng dường thầy? Vẫn thuộc về chi phần gia trì dạy trao. Sở dĩ tự dạy đệ tử khiến kia bố thí là không phải vì tham đắm vật ấy mà cầu xin, vì kia phát sinh gốc lành thành tựu công đức quán đảnh. Nếu đệ tử có khả năng đem các thứ tài sản riêng có trong ngoài, vì cầu đại sự nhân duyên nên không bỏn sẻn, chí thành hết lòng kính trọng dâng lên báo ân người truyền pháp thì phá hoại được vô lượng "chướng" trong nhiều đời, lại tự thấy sự lợi ích của bố thí rất sinh tâm vui mừng. Nay ta xả bỏ tài sản yêu thích ở thế gian này, năm nhà chung lại có nhiều thứ tai họa, dùng mua tài vật vô thượng pháp bảo chánh pháp, thí khắp cho chúng sinh thường không cùng tận, suy nghĩ như thế rồi tâm kia hoan hỷ, vì hoan hỷ cho nên xa lìa nghi hối, vì lìa nghi ngờ hối hận cho nên được vắng lặng bên trong an vui mà trụ, sau đó dùng nước pháp mà tưới thì xa lìa hẳn bụi dơ. Nếu người có vật, cho đến xả thân cúng dường thầy, nghĩa là đem thân này thờ phụng cung cấp A-xà-lê, không sợ khổ nhọc, thường không xa lìa, tìm hỏi chánh pháp cho đến không tiếc thân mạng để cầu "Đạo".

Bấy giờ, A-xà-lê cảm ân nặng của vị ấy, sinh tâm thương nhớ, dạy dùng phương tiện sâu kín, cho đến công hạnh chân ngôn mà mình thọ trì, đầy khắp trong đạo tràng, làm pháp trở lại dùng bố thí, dùng ít công đức được thành tựu lớn, đây là các thứ bố thí bậc trung và thượng.

Cù-hê chép: Đệ tử phải ở chỗ Hộ-ma, đem tâm chí thành đảnh lễ A-xà-lê, trước phải dâng cúng hai tráp y cắt may, sau đó xả thí các tài vật khác, lại nghi lễ kia là quán đảnh xong rộng chỉ bày tướng Mạn-đồ-la, chỉ dạy ấn chân ngôn chính là vâng thí, khác với kinh này, tùy ý sử dụng.

Kinh chép: Đã vì làm gia hộ, nên triệu thỉnh mà nói rằng: Nghĩa là từ khi mới triệu vào về sau, đều là phương tiện gia trì, nay để khởi phát tâm kia, trở lại dạy bảo mà nói cho kia biết rằng: Đây là ruộng phước hơn hết, tất cả các Đức Phật đã dạy. Vì muốn lợi ích rộng lớn, tất cả các hữu tình, nghĩa là Thế-tôn thấy chúng sinh... tự từ vô thỉ đến nay, thường bị thiếu thốn tài sản cả trong lẫn ngoài, việc làm trong ba cõi không được tự tại. Vì vậy cho nên rơi vào chỗ không thong thả, không thể chóng đến Vô thượng Bồ-đề. Thế nên dùng thần lực che chở, nói đây là ruộng phước không gì hơn.

Do trong đại Bi Tạng này, tất cả biển lớn Phổ môn thảy đều nhóm họp, nay ở trong đây rộng gieo trồng gốc lành không có hạn lượng, từ đời nay trở về sau cho đến cùng tận đời vị lai, thường làm thân ngọc như ý và thân hư không tạng, có khả năng giúp cho đầy đủ tất cả nguyện ít có của mình và người. Vì thế nói rộng làm lợi ích tất cả chúng sinh.

Lại nữa, đã cúng thí Đệ nhất nghĩa Tăng và người truyền pháp xong, lại phải dạy khiến cúng dường thế để hòa hợp tăng, nếu khi cúng thí hòa hợp tăng thì chúng tăng phàm Thánh tất cả mười phương thảy đều có phần, vì thế cho nên phước này, như biển mây giữa hư không chẳng thể suy nghĩ bàn luận, sẽ đạt được quả lớn, là rốt ráo lợi ích, như ở trong cây phước này, nếu ăn kim cang thì cuối cùng không tiêu được, cần phải đến mé đất kim cang sau đó mới dừng lại. Vì thế sinh công nói: Chút ít điều lành đều đến quả Phật.

Kế là nói nguyện ít có ở thế gian, lại nói nghĩa ở thế gian, có chỗ nói của tiền lớn vô tận, đời nói thường theo sinh, đây là thế giới Tất-đàn, cho nên nói là thế gian nói, giống như Bạc-câu-la dùng một trái ha-lê-lặc cúng tăng, nên chín mươi mốt kiếp đến nay, thường không bệnh hoạn, không chết bất đắc kỳ tử. Ngài A-na-luật đem một bữa ăn cúng dường Bích-chi-Phật cũng từ vô lượng kiếp đến nay, thường sinh chung với kho báu, như trong kinh Bản sinh có nói rộng, vì thế nói thường sinh theo.

Lại nữa, trong Tỳ-ni có nói, bốn vị đại đệ tử là: Đại Ca-diếp, Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, Tu-bồ-đề, giống như chiếc bình tốt. Nếu người tịnh tâm cúng dường thì mong cầu quả báu hiện tại ở thế gian đều được như nguyện, huống chi cúng dường tất cả tăng. Phải biết các vị như thế ở trong thế giới mười phương đủ các công đức, đều ở trong đó, cho đến bậc Thánh vô học, muốn sống ở đời lâu dài, còn nhờ năng lực của chúng tăng. Vì thế cho nên vị này vì muốn thành tựu quả Tất-địa chỗ tu đàn thí phải đầy đủ không thiếu, lại phải có tâm hoan hỷ cúng dường thế để hiện tiền Tăng, do Tăng trong mười phương không thể nhóm họp hết, nhưng ở trong giới tùy theo người hiện tiền nhóm họp mà cúng dường thì đó là cúng dường tất cả tăng.

Kinh chép: Bấy giờ, Đức Thế-tôn Tỳ-lô-giá-na lại bảo kim cang Bí Mật Chủ, dưới đây nói pháp quán đảnh, cũng thuộc chi phần gia trì thọ giáo. Nhưng quán đảnh này cũng có cả các pháp sự khác, hoặc có thể làm riêng một loại chi phần. A-xà-lê làm Mạn-đồ-la thứ hai, phải đối lại với Mạn-đồ-la bậc trung, cách Mạn-đồ-la hai khuỷu tay, thứ hai nghĩa là kém nhỏ, chính là lời đối đãi nhau. Lò lửa phải ở trong thai

tạng, nếu ở chỗ bất tiện thì được tạm dời gần về phía Nam. Cho đến đối với góc Tây nam, đàn quán đảnh này lại ở phía Bắc hỏa đàn, cũng làm cho bốn phương bằng nhau, chỉ đặt một cửa, cửa xoay về chỗ mở đàn. Đàn kia ở ngoài bốn góc vẽ bốn vị chấp trì kim cang, hỏa phương là Đông nam, đặt an trụ vào chỗ không nói lời vô nghĩa, niết-ý-để phương đặt hư không vô cấu, phong phương đặt vô cấu nhãn, y-xá-ni phương đặt bị tạp sắc y. Trong đàn làm tám lá hoa sen chúa lớn, tua nhị đầy đủ, trong bốn lá đặt bốn Bồ-tát bạn lữ; phương Đế-thích là Bồ-tát tổng trì tự tại, phương Diệm-ma gọi là Bồ-tát niệm trì, phương Na-già gọi là Bồ-tát lợi ích tâm, phương Dạ-xoa là Bồ-tát bi giả. Bốn góc kia đặt bốn vị Phụng giáo: Hỏa phương tên là trước tạp sắc y, phương niết-lý-độ tên là mãn nguyện, phong phương tên là vô ngại, phương y-xá-ni tên là giải thoát.

Kinh chép: Trung ương (chính giữa) chỉ bày pháp giới, sắc không thể suy nghĩ bàn luận ấy, tức là chữ Lam này làm toàn màu trắng, có chỗ nói ngọn cờ pháp giới không nghĩ bàn. Lại, giải thích sâu kín, phương đàn tức là tâm vương kim cang giới Đại Nhân-đà-la. Trụ vô hý luận tức là nguồn gốc tánh tịnh, giữ giới ba đời không chướng ngại, do giới này cho nên tất cả nói lời vô nghĩa đều dứt, vì nói lời vô nghĩa dứt cho nên được thành trí tuệ lớn không thầy, bụi mù đều hết, như hư không trong sạch, do đó gọi là hư không vô cấu. Như giữa hư không khi không có bụi ngăn che, nhìn khắp mười phương không gì chẳng thấy. Bát-nhã cũng giống như vậy, do lìa tất cả tướng cho nên đối với mọi thứ đều thấy, nghe, hiểu, biết, vì thế gọi là vô cấu nhãn, như người mắt sáng thì có thể tự tại làm các việc.

Nay dùng vô ngại bi quán khắp tất cả căn duyên xong, thì phải khắp hiện sắc thân mà dẫn dắt lợi ích, do đó gọi là trước tạp sắc y. Nếu bốn thứ kim cang tuệ ấn này, ở trong tất cả tâm đầy đủ không thiếu thì có thể trấn giữ tâm địa, có khả năng giúp quán đảnh thân trí tuệ, giống như dưới cây Bồ-đề, từ mé đất kim cang đến nay thảy đều chắc thật. Vì thế khi Như lai thành đạo không bị nghiêng, không bị lọt rớt. Bốn bạn lữ: Nghĩa là pháp sở hữu của tâm là bạn lữ của tâm vương, tâm vương của pháp giới thanh tịnh này thành tựu bốn pháp, có thể làm bốn việc Như lai, là có khả năng quán đảnh, thọ nhận ngôi vị pháp vương.

Đầu tiên nói: Đà-la-ni tự tại vương, tức là thông đạt tự môn A, khi thấy chân ngôn vương này, thì có thể đối với tất cả Đà-la-ni môn đều được tự tại, trở thành nhớ biết như ý Tam-muội vương của Như lai, có thể giữ muôn cõi Phật, giống như của báu bí mật ở long vương kia, có

thể giữ cho biển lớn không thể đầy tràn, cũng có thể giữ khiến không cho khô cạn hết, vì thế nói là nhớ giữ. Đã được niệm báu như vậy liền nhớ bản nguyên, khắp mưa pháp tài đầy ngập pháp giới, bố thí cho tất cả chúng sinh gọi là tâm lợi ích, đã phát ra tài của vô tận bố thí nhiều không hạn lượng. Nhưng các chúng sinh căn cơ thấp kém, không có tâm thọ dụng, không chịu tìm cầu, do đó mà khởi tâm đại bi, dùng mọi cách cứu giúp người khốn khổ. Vì thế nói Bồ-tát thương người... Nói phụng giáo, tức là từ bốn cửa này, Chiết Phục Nhiếp Thọ làm việc Như lai, phải biết Trước tạp sắc y, tức là sự nghiệp Đà-la-ni mà tự tại vương đã làm, mãn nguyện là sự nghiệp nhớ giữ mà Như ý bảo vương đã làm, không có quái ngại là đã làm sự nghiệp. Đại từ bi bố thí pháp giải thoát là đã làm sự nghiệp phương tiện đại bi nhổ gốc khổ cho chúng sinh, do đó gọi là bốn vị phụng giáo.

Lại nữa, bốn thứ báu tạo thành bình, tức là bốn đức báu của Tỳ-lô-giá-na, đặt ở bốn góc trong thai tạng, như trên đã nói, dùng chân ngôn bất động gia trì xong, lại bốn Bồ-tát chân ngôn mỗi vị giữ một bình, Phổ Hiền là bậc hạnh nguyện báu vô tận, Từ thị là báu lợi ích chúng sinh vô tận, trừ các chướng là báu tri kiến thanh tịnh vô tận, trừ các đường ác là báu phương tiện đại bi không có cùng tận.

Lại nữa, Phổ Hiền là tâm Bồ-đề thanh tịnh khắp cả pháp giới, Từ Thị là tâm thanh tịnh này ở trong thai tạng phát sinh cành rễ mầm lá, Trừ cái chướng là cây chúa tịnh giác này trang nghiêm mầu nhiệm, hoa quả rõ bày. Trừ nhất thiết ác thú là sau khi đạt được quả báo này trồng vào ruộng của tất cả chúng sinh. Như thế xoay vần cùng sinh không có cùng tận. Vì thế đem bốn bình báu bình bằng này đựng đầy các thứ thuốc quý, đậu, lúa đã ngâm nước thơm tánh tịnh. Dùng rải trong đài hoa sen của pháp giới tâm không thể suy nghĩ bàn luận, do đó được gọi là Pháp đệ tử của bậc Pháp vương. Phải biết mỗi thứ bình báu lại tương ứng với một Bồ-tát, một kim cang và một sứ giả, đem pháp môn pháp vị đối chiếu thì có thể biết.

Hễ khi muốn quán đảnh, dùng chân ngôn biện sự gia trì vật ngồi an trí trên đài hoa sen. A-xà-lê lại vì đệ tử hộ thân đúng như pháp, trước dùng bất động minh vương để dứt trừ các chướng, sau dùng ba thứ Tam-muội-da gia trì vào ba chỗ, kim cang Tát-đỏa gia trì chi phần xong, nương theo pháp ngồi cát tường mà ngồi trong đó, tất cả hương xoa, hoa, đèn, nước át-già... trước đã đúng như pháp gia trì, tất cả đều giống như pháp trên.

A-xà-lê trước phải dâng nước hoa kia, sau dùng hương bột xoa

khắp thân kia, đem tràng hoa trang sức thân kia cho là anh lạc, sau dâng dốt hương xông, các đèn sáng sắp bày trước kia và dâng cúng các thức ăn. Vật cúng dường này gồm có mười ba chỗ ngồi, nghĩa là chỗ ngồi của bốn vị kim cang, bốn vị Bồ-tát, bốn vị sứ giả và đệ tử, đệ tử kia vật cúng dường thật dồi dào, giống như cúng dường bổn tôn, cũng có thể ở trong Mạn-đồ-la lớn đặt chỗ ngồi cúng dường, đến khi quán đảnh chỉ nên trì danh hiệu kia xin gia trì đệ tử. Bốn vị Bồ-tát kia, trong viện thứ nhất mỗi vị đặt ở một phương, sứ giả Như lai ở dưới hai bên hông cửa, lại đầy đủ lọng trắng mới sạch, trên treo tràng hoa và các lụa trắng, cũng trước dùng chân ngôn bất động khử trừ dơ chướng, dùng chân ngôn của đại nhật Như lai mà trì, A-xà-lê tự cầm che lên trên kia, lại bảo người khác cầm đuôi trâu quét sạch và quạt lò hương, lại ở trong tráp đặt y và các vật tốt lành, tức là các loại kim tỳ, gương sáng, bánh xe báu, loa bối và cầm bình bằng bốn thứ báu để cúng dường, đồng thời tấu âm nhạc nhiếp ý, khúc này đầy đủ trong đại bản Du-già.

Nếu khi dâng cúng hương xoa thì có hiến khúc hương xoa, hoa đèn, đồ ăn uống... cũng đều như vậy. Mỗi bài ca ngâm là một chân ngôn, mỗi điệu múa vui đều là một ấn, cho đến không có người hiểu thì A-xà-lê phải tự tấu. Nếu không thể như vậy thì không gọi là gồm tóm thâu các nghệ thanh. Nói nhiếp ý: Như người đời thấy sắc thanh hay đẹp tâm bị say đắm, tâm có chỗ trụ, không còn duyên cảnh khác. Nay kỹ nhạc kim cang này có công năng cảm động lòng người cũng giống như vậy, giống như Bồ-tát Mã Minh tự tấu khúc Lai Tra-hòa-la, năm trăm vương tử nghe cùng một lúc bỏ nhà vào đạo, chính là nghĩa ấy.

Trong Cù-hê chỉ nói, nếu phân biệt được thì nên làm âm nhạc. Kinh chép: Cát tường già tha... rất nhiều lời hay tốt. Bài tụng này gồm có ba thứ:

1. Tên là cát khánh.
2. Tên là cát tường.
3. Tên là cực cát tường.

Đều là A-lợi-sa già-tha, dùng đây thì an vui tâm kia, luôn có dụng gia trì, A-xà-lê phải tự nói.

Kế là văn dưới lại nêu ra một thứ Cát khánh, ở phương này sử dụng, đã gần khắp hết. Khi nói kệ này, phải tự cầm phất trần trắng để phủi quét than kia, tán tụng xong xuôi: A-xà-lê lại phải đảnh lễ tất cả chư tôn Mạn-đồ-la, phải làm quán đảnh cho nên ý thành thưa bạch, liền cầm bình báu từ từ đi quanh Mạn-đồ-la ba vòng xong, trở lại như pháp gia trì, đệ tử đến chỗ trước dùng chữ phạ làm hỏa, thiêu đốt thân kia đều

thành tro xong mới dùng bốn bình lần lượt mà rảy, rảy rồi quán trong tro này làm tự môn phạ kia, màu sắc hoàn toàn trắng, từ đây sinh ra năm chữ, đó là: A-sưu-lãm, hâm, khiếm, giữ năm tự luân kia sau nói chữ Ám ở trên đảnh kia chuyển thành giữa thai tạng, lại từ chữ này sinh ra ba lớp ánh sáng, một lớp vây quanh khắp trên cổ họng, tùy theo chỗ đã chiếu và các tôn vị hiện ra, liền thành Viện thứ nhất Mạn-đồ-la, kế đến một lớp ánh sáng vây khắp trên tim, các tôn vị tùy theo hiện ra thành lớp thứ hai Mạn-đồ-la, lại một lớp ánh sáng vây khắp trên rốn, các tôn vị tùy hiện trở thành lớp thứ ba Mạn-đồ-la.

Bấy giờ, đệ tử đều thành thân Mạn-đồ-la, nếu lại giải thích sâu hơn tức là thân phổ môn pháp giới, kế phải dẫn đến một chỗ, A-xà-lê đích thân đắp y, đầu đội mũ lụa trắng, dùng bột thơm xoa thân, dùng tràng hoa trang điểm, đốt hương, thắp đèn đúng như pháp cúng dường và buộc chữ kim cang ở bắp tay, cho đến cổ tay đeo xuyến, ngón tay mang nhẫn, phương pháp làm ra những thứ kia, như trong Tất-địa cúng dường có nói.

Lại A-xà-lê trước dùng chữ phạ gia trì Kim tỳ, chữ mãn gia trì vào gương sáng, chân ngôn pháp luân pháp loa gia trì pháp luân và vỏ ốc. Lại phải ở trước đệ tử, rồi lại dùng Kim Tỳ tốt lau chùi mắt kia để nói kệ. Phải quán tự môn phạ để sạch sự dơ chướng trong mắt kia, sau lại hiện ra trước chỉ bày gương sáng kia và để nói kệ, phải quán tự môn mạn để sạch sự dơ chướng trong tâm kia, lại đem pháp luân đặt giữa hai chân kia và trao vỏ ốc vào tay phải để nói kệ, đều dùng chân ngôn kia để trì. Vì sao? Vì nếu người tu hành kia có thể dùng tịnh nhãn hiện tại tự soi thấy tâm thì liền thành đại Bồ-đề, thành đại Bồ-đề rồi phải xoay bánh xe pháp. Xoay bánh xe pháp ấy không vì số lượng chúng sinh bao nhiêu mà làm giới hạn, mục đích là phải giác ngộ tất cả chúng sinh, vì thế gọi là thổi pháp loa lớn. Trong Bí Mật Tông đều dựa vào sự tướng nhân duyên để dụ ý chỉ sâu xa, cho nên hành truyền trao như thế.

A-xà-lê sau đó phải cầm lọng dùng che trên kia, dẫn dắt bảo đi quanh Mạn-đồ-la ba vòng, trước hết vây quanh viện thứ nhất hành đạo, kế vây quanh viện thứ hai hành đạo, cuối cùng vây quanh viện thứ ba hành đạo. Như thế, A-xà-lê phải tụng kệ cát tường, cực cát tường... hoặc có thể tụng văn chữ Phạn Cát khánh đã khắp xong rồi, lại đến cửa phía Tây chỗ hai con rồng giữ gìn, dạy đệ tử kia ân cần lễ bái, lọng kia phải tùy theo trên dưới thân để mà che, liền phải vì nói kệ Tam-muội-da, đó là bốn giới trọng cấm trong Bí mật tạng, những thứ này đều là kệ A-lợi-sa, ở dưới sẽ giải thích. Cù-hê chép: Đệ tử đến cửa Tây lễ bái

xong, A-xà-lê phải bạch chư tôn rằng: Con (tên gì) cùng (tên gì) quán đảnh xong, nay thuộc về chư tôn giúp trì minh tạng, khởi thưa như vậy rồi, phải nên mở lọng bảo đệ tử đứng dậy, ở trước Mạn-đồ-la vì nói giới Tam-muội-da: Nay ông đã thành tựu Mạn-đồ-la trì minh A-xà-lê xong.

Chư tôn Bồ-tát cho đến chân ngôn chủ, tất cả thiên thần đã cùng biết ông, nếu thấy chúng sinh có thể làm pháp khí, do thương xót kia, nên phải vì đệ tử kiến lập Mạn-đồ-la mà dạy bảo truyền trao, nhưng trong kinh này tự có kệ truyền pháp loa, như ở phương Tây khi người đời thọ pháp quán đảnh, lấy nước bốn biển và nước tất cả sông ở trong bờ cõi, để đủ các thuốc quý như lúa, bắp... vẽ bản đồ trong bờ cõi, bảo đồng tử này ngồi trên tòa sư tử, dùng các thứ quý báu trang nghiêm toàn bộ quyến thuộc, tùy theo lớn nhỏ sắp bày theo thứ lớp, sư vi đà phạm chí ngồi ở voi báu, người đi sau cầm nước báu này rót vào ngà voi, khiến rơi trên đầu và sau lớn tiếng báo cho mọi người biết.

Lại khen ngợi, nói pháp của bậc hiền triết xưa dạy người, làm lợi ích cho đời. Hành giả thuận theo như thế, sẽ được tuổi thọ dài lâu, gốc cành lớn mạnh, được tiếp nối chuyển luân, nếu không làm như thế thì sẽ tự mất ngôi vị kia, mất thân không có kẻ nối dòng. Như thế mỗi mỗi chỉ dạy, nay Pháp vương tử này quán đảnh thì không sắp bày như thế, cõi Phật nghiêm mật là bức tranh thế giới to lớn, ngồi trên tòa sư tử ở hoa sen diệu pháp thần thông tự tại, rảy nước trí tuệ từ bi của bản tánh thanh tịnh chứa đủ muôn đức vào tâm kia.

Bấy giờ, các chúng Bồ-tát, dưới đến tám bộ chúng sinh, đều hoan hỷ khen ngợi và sinh tôn trọng kính mến, lúc ấy, A-xà-lê đem di huấn của pháp vương mà dạy bảo, từ đây về sau sẽ được sinh trong nhà định của Như lai, nối tiếp địa vị Phật. Nếu không có trí tuệ hướng về như thế thì không biết tôn trọng chánh pháp.

Kệ cát khánh A-lợi-sa: Lạc ngật sáp nhị đạt la kiến giả nẵng bát lạt ma đà bà tất đát lý mãn la bát ra (la) hê noa một độ vi một đản mẫu xà bát đát la nên đát lô đát đổng nghiệt lam bát ra tha môn bát ra đỗ nan.

Đế nộ ba nễ sắt tra bát ra, phạ ra tất đát phạ điếu chủy dã khế đa tất đát lý lộ kế nại ra nê phạ bố nễ dã đạt ra mộ chiêm mãn phiến để yết ra bát ra xả nan lộ kế nễ vĩ để duyên du (thâu) bà đổng nghiệt lam, tát đạt lạt ma dục ngật đa thất lỗ để mông nghiệt la trì tà lăng cù đản lật nê phạ tố la nặc ngật lý nhị dã hiệt lỵ thất lỵ ngu ninh trì gia bát ra ninh nan kế đát lý để duyên du bà đỗng nghiệt đam duệ đỗng nghiệt lam đổ sử đa

nê phạ vi mãng nẵng nghiệt lạt sa na từ nễ hà phạ đa la đỗ nhược nghiệt đỗ hệ đa dã tất ấn nại lại tố lại bát lý vật lật đát tả đát đổng nghiệt bà phạ đỗ phiến để yết lam đá phạ nễ dã duệ đổng nghiệt lam bổ la phạ lê, ca tỳ la ha phạ duệ giá nễ phệ Ma-ha ty ỹ sắt mạt đá phạ nễ nễ đát tả a tứ na chấn để dã đản xá la tả đát tha nghiệt đa tả, đổng nghiệt lam bà pha đỗ phiến để yết lam, nễ dã duệ đổng nghiệt lam chỉ Sa-la du nhập phạ la bổ sáp ba na đề lam mê già cức nhị ni sinh ma hộ nê, phạ nhũ sắt, nẵng tha tả nhiên mãn nễ phạ bộ phạ bà phạ ta ca tả đát đổng nghiệt lam, bà phạ đô phiến để ca lam vĩ vĩ đà nậu khư nhưỡng thiết nẵng da đổ sắt thất dã, đát bố phạ nẵng mãn ty ỹ một la, nhược đỗ lại đà la đát lê, a tứ tố lại bá lỵ vật lật đát tả nạp mãng, tất ngật lật đát tả đát đổng nghiệt lam, bộ nhược già la xà, nạp mãng tất ngật lật, đát tả, nại nễ dạ, tát đà, bát lý vật lật đát tả hệ giả sái bán để dã, mãng nại bộ, đơn, mãn bộ ốt bà phạ, tô nại nẵng tả, đát đổng nghiệt lam bà phạ đỗ, phiền để ca lam, đát phạ nễ dã duệ đổng nghiệt lam bạt già phạt đổ tốt lỗ mãng la xa, mộ lê muội để lỵ mạt lệ nẵng, vi nhĩ đế mạc hồ, mang la bát ngật sô nhưỡng nhưỡng bát ra ca la mãng bà phạ, na bộ, vĩ chiêm mạt lệ giả, đát đổng nghiệt lam, bà phạ đỗ, phiến để ca lam, đát phạ, nễ dã duệ, đổng nghiệt lam, bát la, pha na đô phạ la, đã la mãng chước ngật lệ phạ nại tư tất lam đa, phụ đa, tô nghiệt đát tả, xá tốt đỗ hạt đế bộ đam bộ phí phạ bộ bà pha đa ca tả, đát điệt nghiệt lam, bà phạ đỗ phiến để ca la, đát pha nễ dã duệ, đổng nghiệt lam, hệ đa yết lam, bát la môn bả vĩ đát lam bổn nật giả ngật lý da ca la ninh mang lý dã nhược nhượng tỳ ngũ sắt ngật lật thước nhược già na bạt già phạm mâu ni ta ngật dã tăng ha đát đổng nghiệt lam bà phạ đỗ phiến để ca lam đát phạ nễ da.

Giữ các đức tốt lành
Đủ tướng Kim sơn quang
Thầy dẫn dắt ba đời
Trừ diệt ba thứ cấu.
Mở bày mắt chánh giác
Giống như nước sinh hoa
Làm lợi ích chúng sinh
Là mừng vui trên hết.

Trên đây trước nói tất cả điều tốt lành. Sở sĩ được sinh đều do Như lai ra đời, cho nên văn Phạm nói lạc-ngật-sáp-nhị, Hán dịch là điềm tốt lành hoặc nói tướng đầy đủ, cũng là nghĩa phúc lành, cũng là nghĩa điềm tốt lành, nghĩa tốt lành, nghĩa an lành, nghĩa oai đức, nghĩa tướng mạo tốt đẹp, phải biết tên này bao gồm tất cả công đức, do đó hội ý để

nói. Câu tiếp theo nói khai phu cũng là nghĩa giác ngộ, thủy sinh là tên khác của hoa sen. Vì đầy đủ nghĩa như vậy, nên Như lai ra đời nhiều loài được lợi ích, vì thế nói phúc lành bậc nhất, hoặc tốt đẹp, hoặc nói mừng tốt, đại thể giống nhau.

Và điều Phật giảng nói
Pháp bất động bậc nhất
Chỉ bày trong ba cõi
Trời người nên cúng dường.
Pháp cao quý làm cho
Chúng sinh mãi vắng lặng
Cho nên là niềm vui
Thứ hai của thế gian.

Ở trên, tất cả Thế-tôn đã nói, rốt ráo đều đến mé thật bậc nhất nên gọi là pháp.

Vô động, tiếng Phạm là: Khế-đa nghĩa là giảng nói, cũng là nghĩa mở bày. Trong đây, ba cõi: Bản Phạm nói đúng là ba đời. Ý chung cho cả quá khứ, hiện tại và vị lai và đến ba cõi, do có thể khắp chỉ bày cho thế gian mé thật bậc nhất, cho nên tất cả trời người đều nên cúng dường pháp ấy, để báo đáp ân đức lớn lao. Tiếng Phạm là Phiến-để-yết-ra, Hán dịch là Tác tịch, tác này là năng tác, năng nghĩa là khiến có thể đắc; pháp này có thể giúp chúng sinh giác ngộ tất cả bản tánh thường tịch, trong ngoài các chướng rốt ráo không sinh, vì thế nói vắng lặng hẳn, ở dưới so sánh mà biết. Do Như lai xuất hiện ở đời thì hay nói pháp này, do đó nói là điều lành thứ hai.

Pháp chánh mầu tương ưng
Được niềm vui học rộng
Trời, người, tu-la thảy
Nên cúng tăng, ruộng phước.
Nhiều điềm lành, hổ thẹn
Nhiều công đức thù thắng
Cho nên là niềm vui
Thứ ba là thế gian.

Ở trên, tiếng Phạm là Tác-đạt-lạt-ma, Hán dịch là Chánh Pháp, hoặc dịch là Diệu pháp, vì đủ câu cho nên ở đây còn đầy đủ. Trong đây tương ưng, tiếng Phạm là Dục-ngật-đa, nghĩa là nên hiệp như vậy, tức nghĩa là khế hiệp Minh phủ, hơi khác với Du-già. Câu tiếp theo nói, do nghe nhiều pháp này nên hạnh và lý hiệp nhau, đó là niềm vui lớn, cho nên nói là ưa học rộng. Căn cứ theo dịch đúng phải dịch là phú văn, ở

đây thuận theo cách dịch xưa.

Lại, ứng cúng này, tiếng Phạm khác với A-la-ha, ứng cúng ở đây là các trời, người... vì cầu phước cho nên nghĩa phải nên cúng dường. Đầu bài kệ thứ hai nói "Phú" giống với nghĩa phú ở văn trước, cũng là nghĩa đầy đủ không thiếu, nhiều tốt lành, nhiều hổ thẹn và nhiều công đức.

Cuối câu nói Chúng, là chỉ cho đồng, nhiều, khác với Tăng-già trong tiếng Phạm. Tăng-già có cả nghĩa hòa hợp, do khi chánh pháp hưng thịnh ở thế gian thì có người tu hành hướng đến quả, vì thế nói phúc lành thứ ba.

Như ở trời Đâu-suất-đà
Khi ở trời thì vui
Đến đều từ trời xuống
Lợi ích các chúng sinh.
Đế-thích, chúng Thiên thần
Theo sau Đức Như Khứ
Nay ông được đồng kia
Là điềm lành tác Tịch.

Chữ tàng trên đây, tiếng Phạm nói Nghiệt-lạt-bà-la ẩn ở trong tâm, trong thai tạng, cùng với Tỷ-tra-ca-câu-xá... Ý kia mỗi mỗi khác nhau.

Như Bồ-tát ở trên cõi trời và khi từ trời giáng xuống ở thế gian có vô lượng, vô biên việc tốt lành, như kinh Hoa Nghiêm... có nói rộng.

Tu-la: Tức là chúng chư Thiên, vì muốn phân biệt khác với chư Thiên nên gọi là A-tu-la.

Luận Lập Thế... nói là phi thiên.

Lại Đát-tha-yết-đa, Hán dịch là Như lai, lại gọi là Như Khứ, Nghĩa là từ Đạo Như thật đi, đến trong Niết-bàn, không còn sinh trở lại, vì thế gọi tên là Như Khứ, dùng giải thích theo thiên hạ, thời cơ đối với nghĩa được thuận tiện, cho nên văn xen nhau. Nếu tầng trời Đâu-suất có Bồ-tát bổ xứ thì hạt giống Phật ở thế gian không dứt, như người trong Bí mật tạng, cho đến trong một đời hoặc thành chánh giác, vì thế nói phúc đồng với kia.

Như ở Ca-tỳ-la
Khi cung thành vui đẹp
Các trời oai đức lớn
Khen ngợi và làm lễ.
Giống như không nghĩ bàn

Như thật mà khéo đến
Nay ông được đồng kia
Điều tốt lành tác tịch.

Trong bản Phạm, như niềm vui kia tức là bao gồm nghĩa thời. Ở dưới so sánh mà biết. Đây là khi Bồ-tát ở trong thai, tất cả thế gian có vô lượng việc tốt lành, cũng như phẩm Nhập pháp giới, ly thế gian trong kinh Hoa Nghiêm có nói rộng, cho đến chúng Đại Bồ-tát trong mười phương nhiều vô lượng đồng nhóm họp ở trong bụng, để nghe pháp, thế nên không thể suy nghĩ bàn luận, hợp với ý nghĩa Như Khứ trong bài kệ trước.

Nay cho đến giải thích thành Chánh giác, giải thích điều đó cũng hướng vào thế lực ý nghĩa cho tiện; như Bồ-tát tuy ở trong thai, tất cả các vị trời Đại oai đức đều tán dương làm lễ. Nay ông cũng ở trong hư không nhãn, Phật Mẫu tạng, mà gá Thánh thai, cho nên tám bộ rồng thần đều cùng tôn kính, vì thế nói phúc đồng kia.

Vui như ở vườn hoa
Hoa ánh sáng điểm khắp
Rừng Vi-ni vui đẹp
Vô lượng các trời ở
Đạo sư vừa đản sinh.
Thân đời sau không còn
Ông nay được đồng kia
Điều tốt lành tác tịch.

Tiếng Phạm là Chỉ-sa-la-du, trên cây trong rừng này có hoa, trên cành lá, kế nói Bổ-sáp-ba, chính là xem thể hoa, giống như loại hoa tràng, hoa rời, đều dùng tên này, vì thế câu trên đem vườn hoa để phân biệt. Khi Bồ-tát mới đản sinh, ở tất cả thế gian cũng có vô lượng điềm tốt lành, cho đến vô lượng chúng trời... vì cúng dường nên đều nhóm họp ở vườn rừng Vi-ni, lại có vô lượng Bồ-tát giải thoát không thể suy nghĩ bàn luận, cũng như bóng mây và ánh trăng đồng thời sinh ra. Nay ông cũng ở trong Bí mật tạng mới được đản sinh, tất cả pháp môn quyến thuộc đều đã bắt đầu phát động. Nếu người mạnh mẽ tinh tấn tu hành thì cũng là thân mé sau sinh tử, cho nên được vui đồng với kia.

Như khi dứt các khổ
Của tại gia thì vui
Nửa đêm tâm hoan hỷ
Đi đến chỗ khổ hạnh.
Cũng như các chúng trời

Vây chung quanh kính lễ
Nay ông được đồng kia
Điều tốt lành tác tịch.

Đây là khi Bồ-tát mới xuất gia, bản Phạm chỉ nói diệt trừ các thứ khổ, chính là bao gồm nghĩa tại gia. Có chỗ nói xa lìa các thứ khổ ân ái trói buộc của người tại gia.

Khổ hạnh xứ: Tiếng Phạm dịch đúng phải là Tu Thân xứ (chỗ tu thân), như Bồ-tát khi mới vượt thành đến chỗ tu thân, tất cả thế gian có vô lượng, vô biên việc tốt lành, cũng như Hoa nghiêm... có nói rộng.

Bấy giờ, chúng trời Tịnh Cư cho đến các vị trời hộ thế đều rất hoan hỷ, biết hoa Ưu-đàm "Chánh Biến Giác" không lâu sẽ nở tròn, thảy đều vây quanh đảnh lễ, hoặc tự thân nương chân ngựa mà đem phẩm vật kính cúng, nay ông cũng ở trong Bí mật tạng, bắt đầu chia tay cha mẹ Vô Minh, đi đến chỗ tu thân Sơ Pháp Minh Đạo, phải biết trời Tịnh-Cư v.v... cũng đều hoan hỷ kính lễ, biết rằng không lâu cũng đồng như Thế-tôn, cho nên nói được vui như thế.

■

ĐẠI TỲ-LÔ-GIÁ-NA THÀNH PHẬT KINH SỚ

QUYỂN 9

Phẩm 2: NHẬP MẠN-ĐỒ-LA CỤ DUYÊN (Tiếp Theo)

Lại như Long vương kia
Vui khi cung kính lễ
Các chim bay bờ sông
Bao quanh xếp thành hàng.
Theo nghĩa "Tịch" ít có
Đem dứt trừ ba cõi
Ông nay được đồng kia
Điều tốt đẹp tác tịch.

Khi ấy, Bồ-tát đã đạt đến chỗ cùng tận của khổ hạnh, biết không có ý nghĩa lợi ích, nên thọ cháo sữa của người nữ chăn bò, sau đó xuống sông tắm rửa, tướng tốt đầy đủ, lúc ấy, cách đường Phật đi gần dần, có vô lượng chim sẻ xanh báo điềm lành.

Như trong kinh Bản Hạnh có nói rộng, chim này tên đúng là Tang-sa, hình dạng giống như chim sẻ xanh nhưng nhỏ hơn, phong tục ở Trung quốc người ta nói là chim Tiên Nhân, Bồ-tát tắm gội xong, nguồn tâm vắng lặng, suy nghĩ các pháp, thấy rõ con đường Đại Bồ-đề sinh tâm nương gởi, tự biết có thể dùng thế lực lớn phá hoại ba cõi, lúc ấy lại có vô lượng, vô biên điều tốt lành nổi lên ở thế gian, nay ông ở trong Bí mật tạng, lìa bỏ chín mươi lăm thứ ngoại đạo, các thứ khổ hạnh làm thần thức thân thể mệt nhọc, không có nghĩa lợi, ăn một bát cháo sữa chữ A, thêm lợi ích cho sức lực và mạng sống lâu, dùng nước Tịnh Pháp tắm gội thân kia, biết rõ đường lớn Tâm vương, sắp đến ngồi chỗ Đạo tràng của Tỳ-lô-giá-na, cho nên nói được vui giống như kia.

Giống như Bà-già-bà
Vui khi dưới cây Chúa
Nhờ dùng sức Từ tâm
Phá Vô lượng ma quân.

Theo các thứ hình loại
Khắp trời người thế gian
Nay ông được đồng kia
Điều tốt lành tác tịch.

Thế-tôn ngồi dưới cây Đạo tràng, khi hàng phục Thiên ma thành Chánh giác, tất cả thế gian, xuất thế gian, có các việc tốt lành, giống như Thiên Thọ Vương đến tháng mà Xuân nở hoa đầy đủ.

Xưa, khi hành đạo Bồ-tát, tất cả nguyện hiếm có đã được như ý, liền phổ hiện sắc thân, khắp trong thế gian khai hóa chúng sinh. Lại ở đây nói ma quân, trong bản Phạm âm đúng là Bác-ngật-sô, nghĩa là bè đảng vây cánh, nay dựa vào bản dịch xưa hội ý mà nói. Nay ông phát tâm Bồ-đề, phải biết đã được ngồi yên dưới Sa-la Thọ Vương nơi Phật giác ngộ, đem thần lực che chở của Như lai hàng phục khắp ma quân, nếu từ đây vững chắc không lay động, đến khi thấy tâm rõ đạo thì ngay khi vừa phát tâm liền thành Chánh giác, do Tam-muội Trừ cái chướng khắp hiện thân Mạn-đồ-la, vì thế nói được vui đồng với kia.

Như Thiện Thệ Đạo sư.
Trụ ở Ba-la-nại
Lúc mới chuyển vô thượng
Pháp vô thượng tốt lành.
Nương dựa chưa từng có
Thế gian, thời phần hết
Nay ông được đồng kia
Điều tốt lành tác tịch.

Thế-tôn vì mười nghĩa cho nên chuyển xe chánh pháp, như kinh Hoa Nghiêm... có nói rộng. Tiếng Phạm Bát-la-phạ-na Đỗ-phạ-la, nghĩa là nhiệm mầu hơn cả, nghĩa thù thắng, tức là bậc nhất ở thế gian, không có gì hơn nữa, do đó nói là tối vô thượng.

Lại nữa, Thế-tôn đã nói trong ba cõi, đều vì việc lớn nhân duyên, vì thế nói là tối vô thượng; tất cả thế gian xưa nay chưa từng nghe, cũng không thể chuyển, vì thế nói nương dựa chưa từng có. Bản Phạm nói đúng là kỳ hy (hiếm lạ), ở đây hội ý mà nói; tự vượt qua ba cõi, cũng giúp vô lượng chúng sinh trụ trong thân mé sau cùng, cho đến ý có sinh thô nặng, cũng khiến hết hẳn, nay ông cũng giống như thế, nếu sinh ở đây đợi được Trừ cái chướng Tam-muội nói năng Đà-la-ni, khi khởi thần thông tự tại, cũng có thể Xoay bánh xe pháp như Tỳ-lô-giá-na, vì thế nói được vui giống như kia.

Như kia làm lợi ích

Nghĩa tốt lành bậc nhất
Được phước lợi rất nhiều
Khen ngợi các Thánh chúng.
Nói khắp đấng cụ Đức
Mâu-ni Thích Sư Tử
Nay ông được đồng kia
Điều tốt lành tác tịch.

Bản Phạm nói Hệ-đa, Hán dịch là lợi ích, tiếp theo nói Ngật-lý-da, Hán dịch là Lợi, Ca-la-ninh, Hán dịch là nhiêu ích, tên gốc đều khác, người truyền đạt không dùng riêng, ví như khi đầu tiên thỉ tổ dựng lên nguồn gốc, tuy đồng trở về với ban đầu nhưng có khác chút ít. Câu đầu nói làm lợi ích, cũng là nghĩa giúp lợi ích, kết thành kệ khen ngợi Phật.

Câu tiếp theo nói nghĩa tốt lành bậc nhất, là kết thành kệ khen ngợi "Pháp". Hai câu tiếp theo nói về quả tốt đẹp thành tựu nhờ tu hành cúng dường, là tổng kết kệ khen ngợi "Tăng". Hai câu kế đến là kết thành tổng kết bản hạnh của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni trong bảy bài kệ. Tóm lại, tất cả các công đức như thế, nay ông đã được đầy đủ. Thế-tôn khi nhập Niết-bàn và khi thành Chánh-Giác, không hai không khác, nếu y theo thế đế thì nói chúng sinh trong ba cõi hư không phước không còn, vì thế cho nên tối tăm mà không nói. Nhưng trong đây kết hợp Tam bảo và bản hạnh Như lai, tức nghĩa là Đại Niết-bàn.

Trong mười một bài kệ này đầy đủ vô lượng nghĩa, phải phân biệt rộng các kinh để nói, sợ chướng ngại nói nghĩa Mạn-đồ-la, nay nói sơ lược lời dạy bảo mà thôi.

Kệ Kim Trù (bản Phạm)

A nhưỡng nẵng, bát tra lan, phạ ta, a bã, nễ đan nhĩ nãi, tát đạ, phạ, xá la chỉ, muội, nễ dã, la chiết tốt đô, duệ, tha lộ yết tả, muội bổ la.

Này Phật tử! Đức Phật vì ông vén bỏ màng vô trí, giống như ở đời thầy thuốc giỏi khéo dùng thẻ vàng, phương pháp trị mắt là ở phương Tây, lấy vàng làm đũa, hai đầu tròn trơn giữa nhỏ, giống như hình cái chày, có thể dài chừng bốn, năm tấc, khi dùng lấy hai đầu xoa thuốc, mỗi khi dùng một đầu cạo trong một mắt, thẻ vàng Niết-bàn cũng như vậy, tâm mắt của tất cả chúng sinh, vốn có tánh tri kiến Phật, chỉ vì màng Vô trí che lấp, cho nên tướng thật các pháp không được hiện ra rõ ràng. Nếu khiến người vụng cứu chữa màng vảy, chẳng những không có hiệu quả, mà màng vảy kia lại còn che thêm, hoặc tổn thương tròng

mắt. Như lai đầy đủ phương tiện khéo dùng thẻ vàng thì không như thế, như người thợ khéo léo xoay vần cái rìu thì trừ được dơ bẩn, nhưng ở chỗ không thể tổn thương thì không để tổn thương, nếu chỉ trong một tí co duỗi không độ lượng thì sẽ phạm vào chỗ không có vảy che, không thành tri kiến vô ngại.

Lại bệnh này, tánh thấy sắc trong mắt, ở thế gian hoặc có bậc "Y Vương" hoặc không có "Y vương", pháp cũng thành tựu như vậy, nhưng gặp nhau được chữa trị thì liền mở sáng, không phải công lo liệu thuốc nay mới sáng tạo. Kinh Pháp Hoa có ví dụ người mù, trong đây sẽ nói rộng, các môn phương tiện khác nhau của tất cả các Đức Phật, nghiên cứu ý chỉ của kia đều trở về trong ý này.

Kệ Gương sáng bằng tiếng phạm.

Bát La, để phược, ma mãng da, đạt ma, a xa, du, đà, a nhưỡng vĩ la, a nghiệt la, hệ da, nẵng, tỳ la tất dạ, thất giả, hệ đô yết ma tam mẫu ôn bà, phạ, ế văn nhưỡng, đát phạ, y ý mãn, đạt ma, niết sa pha, bà, phạ nẵng nhưỡng vi lam, cự lỗ tát đát phạ, lạt tha mãng đỗ lam, bột đà nẫm, nhưỡng đa, tất đát phạ, mạo la sa.

Các pháp không hình tướng
Trong vắt không vẩn đục
Không chấp, lìa lời nói
Chỉ theo nhân nghiệp khởi.
Biết pháp này như vậy
Tự tánh không nhiễm ô
Là lợi đời không sánh
Ông từ tâm Phật sinh.

Bản Phạm câu đầu tiên chỉ nói hình tượng, nhưng cùng với pháp vô tướng, thế văn nối liền nhau, ý nói pháp không hình tượng. Tánh vốn thanh tịnh, giống như gương sáng, lắng lặng trong sáng, không có dơ đục, lại có thể hiện khắp các hình, phải biết hình này không từ trong gương sinh, không từ chất ngoài sinh, không cùng sinh, cũng chẳng phải không nhân duyên mà có, các lời nói vô ích đều không tương ưng, lại cũng không được chấp thủ, chỉ thuộc các nhân duyên. Duyên hợp bất sinh, duyên lìa không diệt, tức nói vô thường, không đoạn, không đi, không đến, phải biết hình tượng là cảnh, chính gương là hình, nếu khi hiểu được như vậy thì thấy tướng thật các pháp, đem tâm như gương này soi gương như tâm, do đó nói tâm tự thấy tâm, tâm tự biết tâm, trí và tâm không hai không khác.

Sở dĩ quyết định cạo bỏ màng vảy ở mắt, chính vì quán sát pháp

giới như đây cho nên tự sáng. Nếu khi cùng ở đây tương ưng thì ở phổ Môn Mạn-đồ-la, đắc Tam-muội Trừ cái chướng, vì tất cả chúng sinh làm lợi ích không gì sánh bằng, hoặc nói Vô đối (không gì đối lại) hoặc nói Vô xứng (không gì sánh bằng), nghĩa là không thể đo lường; do có thể tự sinh vào nhà tâm Phật, nên gọi là con của tâm Phật, từ tâm Phật sinh, vì thế nói là ông từ tâm Phật sinh.

Kệ về pháp luân, pháp loa bằng tiếng phạm:

A nãi dã, bát ra bột lý, để, lộ yết tả, chươt yết lan mạt lỵ đa, dã đá, diễn nan, a bố lại duyên, tam mạn đa nột phạ, đạt ma, thương khư, mãng nỗ đá lam, nẵng đát ra kiến ngật sái, vĩ vị để lạt phạ, niết lạt vĩ thương kế nẵng, chế đá sa, bát ra ca, xà dã sa phạ, lộ kế tất dẫn, man đát ra, giá lỵ tà, nẵng diễn, bát lam, y phạm, ngật lật đả nhung, bột đà nẫm, ô bà ca, lý để nghỉ, dã tế hát, đế già phạ nhật ra, đà lạt, tát lạt bính lạt ngật san để đát phạ, tất ba xa.

Ông tự ở ngày nay
Chuyển bánh xe giúp đời
Âm thanh kia cùng khắp
Thổi loa pháp vô thượng.
Chớ sinh ra tuệ khác
Đem tâm không nghi lo
Mở bày cho thế gian
Hạnh chân ngôn thắng đạo.
Thường phát nguyện như thế
Nêu bày ân Đức Phật
Tất cả trì Kim Cang
Đều phải hộ niệm ông.

Giống như Tự luân xoay chuyển thành tựu lẫn nhau, cùng thành một thể. Như tự luân ấy, ấn luân thân cũng giống như vậy, vì thế cho nên khi hiểu đầy đủ nghĩa gương Mạn-đồ-la, tức là hiểu nghĩa xoay bánh xe pháp trong Bí mật tạng, khi xoay bánh xe pháp này, dùng một âm thanh, khắp cả mười phương thế giới thức tỉnh cho chúng sinh, cho nên nói thổi loa pháp lớn.

Phạm âm khắp cả trong Tự, liền có nghĩa thanh (tiếng) có nghĩa phát thổi, lại có nghĩa khiến kia nghe khắp cả địa tuệ: Là Tuệ phân biệt vọng tưởng. Vô nghi tâm: tức là nghi hối hẳn, trụ trong thật trí, do trụ trong thật trí, nên chắc chắn Sư tử rống, mở bày đạo, phát sinh chân ngôn hạnh vô thượng cho hàng trời người; nếu ông có thể phát nguyện như vậy thì đối với bất cứ nơi nào, bất cứ lúc nào, vì báo ân lớn chánh

pháp, nên tuyên bày ân đức của Phật, tức là sứ giả của Như lai, làm việc Như lai, vì thế cho nên tất cả trì Kim Cang đều hộ niệm ông.

Lại nữa, tâm vương của ông, ở trong "Sơ pháp minh đạo", khi thành Phật xoay bánh xe pháp, đã có vô lượng, vô biên Kim Cang Trí ấn, vây quanh cùng giúp đỡ che chở, huống chi thế lực của Tỳ-lô-giá-na khi tâm vương rốt ráo thành Phật, do đó phải vì pháp này phát tâm tinh tấn mạnh mẽ.

Kệ Tam-muội-da bằng tiếng phạm:

A nễ dã, bát ra, bột lý, để, đế phạ sai, a tỉ nhị vĩ đá, ca la minh đa, a bát lý, để dạ dũng hệ, tát đạt mạo, Bồ-đề chất đá, mạt đát bát ra, mãng sai lý duyên, tát bà đạt mê sổ, tát đát phạ, nẵng mang, hệ thả giả dã đa, y đế, Tam-muội-da hệ, tam bột đài, ra, khê dã, đá tát đát phạ, tô một ra, đá, duệ tha, sa phạ, nhị vĩ đơn, lạc ngật sản, đát tha lô ngật sản y mê, đát phạ dã, bát ra ni bát nễ bát nễ, ngu lô, thỉ sử, thất giả ra nô du bạc cổ để, phạ sai ra, a phiếu, bế da, tất than, đa, tát lạt nẫm, niết thất chỉ, đế, nhưỡng, thản ra, thản mãng noa.

Phật tử! Ông, từ nay
Không nên tiếc thân mạng
Không nên bỏ chánh pháp
Xa lìa tâm Bồ-đề
Bỏn xẻm tất cả pháp.
Việc không lợi chúng sinh
Phật nói Tam-muội-da
Ông khéo trụ trong giới
Như tự giữ thân mạng
Giữ giới cũng như vậy.
Nên chí thành cung kính
Đầu dưới chân Thánh Tôn
Việc làm đúng giáo hạnh
Chờ sinh tâm nghi lo.

Trước dùng lời nói đưa ra một bài kệ, giống như chư Tăng dạy cho sáu niệm, Tát-bà-đa dạy cho năm thời giáo. Do đây nghiệm xét mà biết đã thọ giới cụ túc hay chưa, nay bốn giới này nếu đã thọ giới cụ túc rồi thì lược chỉ bày giới tướng, phải biết chính là bốn pháp Ba-la-di trong Bí mật tạng, như người bị kẻ khác chặt đầu, mạng căn không còn tiếp nối thì tất cả chi phần không thể làm gì được, không lâu sẽ bị tan rã. Nay bốn giới Ba-la-di này là mạng căn của Chân ngôn thừa, cũng là mạng căn của chánh-pháp, nếu người phá hoại thì giống như thây chết

ở trong Bí mật tạng, tuy tu đủ các việc công đức, nhưng không lâu cũng sẽ bị bại hoại.

Giới thứ nhất: Không nên xả chánh pháp: Vì chánh giáo của tất cả Như lai, đều phải nhiếp thọ tu hành và thọ trì đọc tụng, giống như biển lớn dung nạp trăm sông, tâm không thỏa mãn, như đối với các thừa liễu nghĩa, bất liễn nghĩa trong, tùy theo tất cả pháp môn sinh tâm xả bỏ, như trong Thanh văn thừa, nếu đối với người có khả năng tác pháp tâm sinh miệng nói, hễ xả bất cứ một pháp nào đều thành xả giới; tuy luật Cụ túc không rơi vào các số, như thế không mắc tội phạm giới. Nay bí mật đại thừa này, rốt ráo không có nghĩa xả, cho nên sẽ thành tội nặng.

Lại tất cả pháp môn này, đều là Đại Bi của Thế-tôn, đã chứa nhóm trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, vì muốn Phổ-Môn lợi ích tất cả chúng sinh cho nên giảng nói, giống như tự luận không thể bỏ một, như hàng Thanh văn thừa hễ bỏ bất cứ một việc nào mà vẫn hòa hợp như cũ thì cắt dứt nghĩa hòa hợp tan mất luật nghi, huống chi là Đại thừa?

Giới thứ hai: Không nên lìa bỏ tâm Bồ-đề. Tâm Bồ-đề này, đối với muôn hạnh Bồ-tát giống như cây cờ của vị Đại tướng, nếu khi đại tướng tan mất cây cờ thì ba quân (toàn thể quân đội) công lao hư hoại, rơi vào chỗ thua người, vì thế phạm Ba-la-di. Có người tuy mến trọng pháp tạng ba thừa tâm không lìa bỏ, nhưng nghĩ rằng, Vô thượng Đại thừa các thứ khổ hạnh khó làm, ta không thể chịu được, hãy nên ở trong Tiểu thừa mà nhận lấy Niết-bàn, Ta phải trồng nhiều gốc lành, cúng dường Tam bảo, được nhiều phước báo trời, người, Vô thượng Bồ-đề là nói tu hành của những bậc Đại nhân như Văn-thù, Phổ Hiền... Nay ta làm sao có thể được các nhân duyên như thế, lui sụt nguyện Bồ-đề chính là tự cắt đứt mạng sống, phạm tội Ba-la-di. Lại tâm Bồ-đề này, rốt ráo không có nghĩa để lui sụt, cho nên không giống như trong pháp Thanh văn, cho đến, xả bỏ Tam quy trở lại làm người tại gia ngoại đạo, Phật cũng từ bi thương xót chấp nhận.

Giới thứ ba: là đối với tất cả các pháp không nên bỏn sẻn không chịu quán sát căn cơ mà ban cho thì cũng phạm tội Ba-la-di. Vì sao? Vì Như lai ra đời sau đó mới có Chánh Pháp, cho đến một câu, một bài kệ Thế-tôn đều tan mất thân mạng giúp việc cho người sau đó mới được, đó là tài sản cha mẹ để lại cho tất cả chúng sinh, không riêng cho một chúng sinh nào, mà nay trộm cho mình có, trong Bí mật tạng này, đồng với tội ăn trộm vật của Tam bảo.

Nói Sơ lược Pháp có bốn thứ: Nghĩa là ba Thừa và Bí Mật Thừa, tuy không nên bỏn sẻn, nhưng phải quán sát chúng sinh, so lường căn

khí của họ rồi mới trao cho, nếu nói việc sâu xa bí mật ngay khiến họ sinh nghi, chê bai cắt đứt gốc lành thì ở trong giới thứ tư phạm tội "Ba-la-di". Nếu thật sự bỏn sẻn tài vật không chịu cấp cho ở trong mười thứ giới phương tiện thì kết phạm, ở phẩm sau sẽ nói.

Giới thứ tư: Chớ đối với tất cả chúng sinh làm việc không lợi ích: Đây là trái với pháp bốn Nhiếp, bốn Nhiếp là bốn y trong giới Bồ-tát và giới Cụ túc, khi mới thọ giới, trước phải nêu già nạn này, nếu người vâng làm được thì mới cho thọ, không thể vâng làm thì không phải Ma-ha Tát-đỏa, không được cho thọ. Vì sao? Vì Bồ-tát phát tâm Nhất thiết trí, vốn vì nhiếp khắp tất cả chúng sinh, vì làm nhân duyên cho hàng Tam thừa vào Đạo, mà nay trái lại làm pháp trái với bốn Nhiếp, gây ra nhân duyên làm cho chúng sinh chướng đạo, tất cả chúng sinh cũng đồng thể với tự luân, không được lìa nhau, hễ làm tổn hại gốc lành của bất cứ một chúng sinh nào hoặc đối với họ xả bỏ việc làm lợi ích thì đều phạm tội Ba-la-di, so sánh như trong pháp Thanh văn hễ xả một người trong bảy chúng, tức nghĩa là không hòa hợp, đoạn mất luật nghi của giới Cụ túc, chỉ là tùy theo tâm buồn phiền, tạo các tội dâm, đạo, sát, vọng... Nhưng chưa tổn hại duyên lành ba thừa kia, giống như tội thâu-lan-già trong pháp Thanh văn, đó là phương tiện nhiếp vào Học xứ. Tiếp theo dưới là lời A-xà-lê dạy giới.

Phật dạy: Tam-muội-da: Bản Phạm gồm có chữ này, ý nói các Đức Phật trong mười phương ba đời, cùng nói Tam-muội-da này, đồng đi một con đường chân thật giống như nhau, không còn con đường nào khác. Nay trong Mạn-đồ-la, tất cả các Đức Phật nhóm họp hiện làm chứng thật.

Tiếng Phạm Tô-một-ra-đa, dịch là người khéo trụ giới, do kia khéo trụ Tam-muội-da cho nên cũng gọi người khéo trụ giới, chính là pháp môn khác nói là Phật tử, như giúp đỡ sinh thân do cha mẹ sinh ra, đã có thân thể, nay ưa thích pháp thân tuệ mạng này, cũng phải như vậy, nay ông đã thọ giới Cụ túc xong, phải chí thành hướng đến các Tôn vị kia đảnh lễ mà lui, từ nay về sau hễ có làm gì, phải nương giáo vào pháp Chân ngôn đầy đủ, như lời dạy mà thực hành, tất cả sự nghiệp đồng như người mới thọ giới, trước phải thưa hỏi thầy, không được tâm tự tiện chọn đàn khiến sinh ra điều tà ác, nghi hối.

Lại nữa, A-xà-lê nói hai bộ giới bổn trong Trì minh tạng, mỗi bộ đều là chân ngôn, có công năng thành tựu các việc, Như lai do đây gia trì các đệ tử, nay các kệ trong này cũng giống như vậy. Khi tác pháp, phải tụng bản Phạm, gồm đem tự môn mà giải thích rộng.

Bấy giờ, Kim Cang Thủ bạch Đức Phật, cho đến đồng thấy Phật, Thế-tôn, đó là nhân thọ giới Cụ túc xong. Nói công đức Vô tác trong môn Chân ngôn, như trong pháp Thanh văn, nếu thọ giới Cụ túc xong thì dâm, đạo, sát, vọng... là mỗi học xứ, mỗi tam thiên đại thiên thế giới mỗi chúng sinh xứ, đều được công đức vô tác, sông phước trôi chảy cho đến khi qua đời. Còn giới không uống rượu, đều sinh công đức Vô tác, giới đào đất hoại sinh, đối với tất cả cây cỏ từ mé Kim Cang đến nay, mỗi hạt cát bụi đều sinh công đức Vô tác, do nhân duyên này, tuy còn đủ các kiết sử phàm phu, cũng được cùng với các bậc Thánh Vô học, đồng ở trong số ứng cúng, cùng cầm giữ việc Thánh. Nay trong Bí mật tạng này, do giới ban đầu, đối với tất cả kho chánh pháp trong mười phương ba đời, đều sinh công đức vô tác.

Do giới thứ hai, đối với tất cả hạnh Bồ-tát trong ba đời mười phương đều sinh ra pháp công đức vô tác, do giới thứ ba, đối với tất cả pháp môn độ người trong mười phương ba đời, đều sinh ra công đức vô tác; do giới thứ tư, đối với tất cả chúng sinh và bốn nhiếp sự trong mười phương ba đời, đều sinh công đức vô tác, không riêng dùng một ngày nào đó làm hạn lượng, tam thiên là cảnh giới.

Lại tất cả luật nghi của Thanh văn, nhân duyên tạo tác chấm dứt, đến Vô dư Niết-bàn trở về với Nguội thân bặt trí, nay Luật nghi Bồ-tát này, vốn từ Nhất thiết trí sinh, cuối cùng đến biển Tát-bà-nhã (Nhất thiết chủng trí) gốc ngọn, mạt rốt ráo đều như Kim Cang.

Lại như trong pháp Thanh văn, tuy có đầy đủ phiền não, hữu học, vô học... thềm bậc khác nhau, nhưng đã phát ra Vô tác luật nghi thì không có hơn thua khác nhau. Nay luật nghi Bồ-tát này cũng giống như vậy, tuy là bắt đầu phát tâm, cho đến bốn mươi hai địa vị thềm bậc khác nhau, nhưng một khi khắp cả pháp giới phát khởi gốc lành vô tác thì cùng với Như lai không còn thêm bớt khác nhau.

Lại nữa, như khi bắt đầu phát tâm, tất cả công đức liền bằng với Như lai, từ đây về sau trải qua số kiếp không thể tính đếm, ở trong một niệm thường tiến lên, càng sâu càng rộng không thể suy nghĩ bàn luận, do nghĩa này cho nên gọi là công đức vô tác trong Bí mật tạng.

Kinh chép: Kim Cang Thủ hỏi: Thiện nam, thiện nữ này, vào Đại Bi Tạng Mạn-đồ-la này, được bao nhiêu phước đức nhóm họp?

Phật dạy: Từ khi bắt đầu phát tâm cho đến thành Như lai, tất cả nhóm phước đức thì nhóm phước đức của người thiện nam, thiện nữ cũng bằng nhau, phước này tất cả chúng sinh suy lường phân biệt không thể biết được chỉ có các Đức Phật mới có thể biết, nhưng nay chỉ bày

chỗ cho kia vào, muốn khiến lãnh hội ý đầy đủ, nên nói dùng pháp môn này phải biết như thế.

Ví như Thái tử Luân vương vừa ở trong Thai tạng, đã có thể giữ gìn Tứ thiên hạ, khiến phước đức không giảm, các thần, tám bộ đều tôn kính, huống chi lợi ích làm được khi nối tiếp ngôi vị quán đảnh, do đó Phật dạy, do tất cả nhóm phước đức kia bằng với Như lai, phải biết chính là từ miệng Phật sinh, là đệ tử trong tâm Phật, nguyên nhân kia chính là có Phật, làm các Phật sự, giống như trong kinh Thanh Văn, Đức Phật dạy: Hễ Xá-lợi-phất đến chỗ nào thì nơi đó không có xảy ra các việc. Tất cả chúng sinh sở dĩ gần gũi cúng dường Như lai, và có thể sinh ra phước tuệ vô tận; nay thiện nam, thiện nữ này tất cả nhóm phước đức bằng với Như lai, vì thế cho nên Thế-tôn dặn dò tất cả chúng sinh, nếu muốn cúng dường Phật, phải cúng dường thiện nam, thiện nữ này, nếu muốn thấy Đức Phật thì phải quán kia.

Khi mới nhập thế đế Mạn-đồ-la thì tất cả nhóm phước đức đã bằng với Như lai, cho đến nói rộng, hễ khi vào bất cứ một địa vị Mạn-đồ-la nào thì nhóm phước đức sinh ra đều bằng với Như lai. Trong đó cũng có khác nhau, cũng không khác nhau, do thấy Kim Cang giới như thế cho nên gọi là Kim Cang Thủ, do thấy pháp giới như vậy cho nên gọi là Phổ-Hiền, do trên đầu Thánh Tôn này, cùng tất cả chúng Bồ-tát Kim Cang đều cùng đồng thanh nói: Chúng con từ nay về sau sẽ cúng dường cung kính thiện nam, thiện nữ ấy. Vì sao? Vì đồng như thấy Thế-tôn, giống như phụ tá Luân vương, vì biết rõ giòng họ Luân vương, thấy sinh ra rất nhiều nghĩa lợi cho thế gian, muốn khiến bảy thứ báu thường không ẩn mất, đều đem tâm chí thành lễ kính thái tử trong thai mà giữ gìn che chở, không phải dùng lời để lừa dối.

Cù-hê chép: Như trên đã nói A-xà-lê làm Hộ-ma xong, dùng nước sạch rảy trên đầu các đệ tử, rộng chỉ bày ngôi thứ Mạn-đồ-la, dạy cho họ Đại Ấn và Minh Vương Chân Ngôn, khiến ngồi một chỗ mà trì tụng, sau dạy dùng hương hoa cúng dường Bổn tôn và các tôn vị khác xong, theo thứ lớp mà ngồi, thầy tự tụng kinh Bát-nhã khiến kia nghe, sau nói cho họ Tam-muội-da giới. Các ông từ ngày nay, thường đối với Tam bảo, các Bồ-tát, các chân ngôn tôn, cung kính cúng dường, đối với kinh đại thừa, thường sinh tín hiểu, hễ thấy tất cả người Tam-muội-da, thường sinh yêu mến, đối với bậc Tôn giả luôn khởi tâm cung kính, không nên đối với các tôn vị có tâm giận ghét, và cùng tin học kinh sách ngoại đạo.

Hễ người đến tìm, tùy theo khả năng bố thí, đối với loài hữu tình

thường khởi tâm từ bi, đối với công đức tâm chuyên tu tập, thường ưa thích đại thừa, đối với chân ngôn hạnh không được biếng nhác, bỏ phế, tất cả pháp bí mật mà không có Tam-muội-da thì không nên nói.

Tóm tắt sơ lược như vậy, ngoài ra như trong phẩm thứ nhất Pháp cúng dường có nói rộng. Dạy bảo như vậy xong, mỗi mỗi chỉ bày kia thuộc về bộ của Bổn Tôn Chân ngôn ấn kia, đồng thời giải thích Mạn-đồ-la gốc, sau đó làm Hộ-ma sau cùng, Hộ-ma xong, lại như pháp hộ thân bố thí cho chúng sinh ở các phương ăn thí xong rửa tay sái tịnh, cùng các đệ tử đem các hương, hoa... lần lượt cúng dường tất cả các tôn vị, thành tâm đảnh lễ và xin hoan hỷ, lại cầm nước át-già, tất cả đều dùng bản chân ngôn đúng như pháp phát khiển, hoặc nương bản giáo, hoặc dùng Chân ngôn chủ Mạn-đồ-la, đồng một lúc phát khiển, y theo giống như thỉnh pháp; Các thức ăn cúng dường phải bố thí cho người nghèo, không nên cho chó chim ăn, có tài vật gì, A-xà-lê nên nhận lấy tùy ý thọ dùng, nếu không thể dùng phải cúng dường Tam bảo, Lọng, Phất... cúng dường Phật, hương bột, hương xông... cúng dường pháp, những vật y, bình... cúng dường Phật và tứ phương tăng, nếu không có tăng thì phải cúng dường bảy chúng đệ tử kia cho đến một phần nhỏ cũng không được dùng, nếu dùng thì phạm Tam-muội-da, như kia có nói rộng.

Bấy giờ, Tỳ-lô-giá-na, lại quán sát tất cả hội chúng bảo Kim Cang Bí Mật Chủ... trở xuống, là nói chi phần chân ngôn cần dùng khi pháp sự Mạn-đồ-la, A-xà-lê phải nên hiểu rõ rồi, sau mới nói, muốn chỉ bày kho mật ngữ của Như lai, trở lại quán sát khắp đại chúng để gia trì, như khi sinh thân Phật sắp phát lời thành thật, hoặc hiện ra tướng lưỡi rộng dài trùm khắp mặt, mà bảo người đáng độ rằng: Trong kinh sách, ông thấy người có tướng như thế mà nói ra lời luống dối không? Nếu trong Đại thừa, hoặc chỉ bày tướng lưỡi trùm khắp tam thiên đại thiên thế giới.

Nay Thế-tôn sắp nói lời Như lai Bình đẳng, nói ngữ luân này ngang dọc đều khắp tất cả pháp giới, vì thế nói tướng Ngữ Luân dài rộng. Tướng chữ này, bản Phạm gọi đúng là Mạn-đồ-la, trước đã chỉ bày rõ Phổ Môn thân Mạn-đồ-la, nay lại hiện bày Phổ Môn Ngữ Mạn-đồ-la, giống như ngọc Như ý vắng lặng Vô tâm cũng không có tướng chắc chắn, nhưng có thể ứng khắp tất cả, đều khiến tâm kia vui thích, do đó gọi là sắc đẹp Ma-ni đến từ thân sắc đẹp Ma-ni, phát ra lời sắc đẹp Ma-ni, chỉ bày tâm sắc đẹp Ma-ni, khắp mưa pháp tài, đầy khắp pháp giới chúng sinh các thứ nguyện ít có.

Dấu vết ứng vật như thế, thường khắp mười phương ba đời, đem vô lượng môn trồng các gốc đức, không khi nào cùng tận, trụ ở hạnh không thể hại, tức là nghĩa đối với tất cả sự nghiệp, đều không thể gây trở ngại, không thể phá hoại, do đó nói năng lực ba đời không sánh bằng câu Chân Ngôn, đây nói chung chỗ phát sinh ra các Chân Ngôn. Văn dưới sẽ nói Đại Lực, Đại Hộ... tức là từ ngọc Như Ý Luân sinh ra tác dụng thích hợp căn cơ.

Bấy giờ tất cả đại chúng, tự biết tâm khí thuần tịnh, lại nhờ Như lai gia trì không nghĩ bàn cho nên có thể lãnh thọ pháp lớn, liền dùng vô lượng môn, đều cùng đồng thanh thỉnh Phật rằng: Bạch Thế-tôn! Bây giờ đã đúng lúc. Bạch Thiện Thệ! Bây giờ đã đúng lúc: Căn cứ vào bản Phạm, thời của thời trước gọi là Ca-la là thời lớn, như một năm có ba phần v.v... Thời của thời sau gọi là Tam-ma-đa là thời trung và nhỏ, như trong ngày đêm sáu thời lại còn có phần nhỏ... Như có người nói, nay chính là lúc chuyên làm, gặp được mưa tốt, phải ngay trước mắt gieo trồng chớ để mất cơ hội kia, cho nên nói lại.

Bấy giờ, Thế-tôn đã thọ thỉnh rồi sắp nói Đại Lực đại hộ minh phi, cho nên trụ trong tất cả nguyện, xuất ra tướng lưỡi rộng dài, trùm khắp tất cả cõi Phật, cờ pháp thanh tịnh, ở chóp núi cao quán sát Tam-muội. Trong đây nói xuất: Tiếng Phạm dịch đúng phải nói phát sinh, xưa dịch là hăng hái. Xuất tướng lưỡi dài rộng này, chính là Như lai hăng hái thực thi hiện năng lực đại thần thông, hội ý để nói. Tam-muội đây, ở trong tướng lưỡi dài rộng của Như lai khắp đủ phổ môn đại dụng, ma-ni sắc đẹp trong tất cả cõi Phật, rất là hơn cả, giống như lá cờ của vị Đại tướng, cho nên nói cờ pháp thanh tịnh.

Tiếng Phạm Đà-phạ-nhã, Hán dịch là “tràng” (cây cờ). Tiếng Phạm Kế-đô, Trung hoa dịch là “Kỳ” (cây cờ). Tướng nó hơi khác, Tràng chỉ dùng lụa nhiều màu để trang nghiêm cây cờ, tướng Kế-đô (Kỳ) phần lớn là giống, nhưng kỳ còn thêm kỳ (cây cờ) mật hiệu, như nhà binh vẽ làm các loại hình rùa, rồng, chim thú, dùng làm chừng mực cho ba quân, có chỗ cũng dịch là tràng, cho nên hiệp lại để nói. Nếu bản Phạm còn đủ phải nói pháp tràng kỳ thanh tịnh.

Như vị Đại tướng ở trên đỉnh núi cao dựng lập cây cờ, thấy đủ núi sông tình trạng dựa núp của kẻ địch, chỉ huy đông đến trăm, muôn, động chỉ một lời, lìa hiệp từ tâm, lại đánh nhau ắt thắng, lại công ắt thủ, nếu tướng vụng về, đối với sự thế lại mất cờ hiệu thì mọi người đều kinh hãi tâm thất bại không xoay gót chân. Tâm Bồ-đề thanh tịnh này làm cây cờ muôn hạnh cũng giống như vậy, trụ trong đạo lý Đệ nhất nghĩa đế

trên, an toàn vững chắc không lay động, do thực hành Tam-muội quán khắp mười phương, đều thấy chỗ ứng dụng tài tánh hơn kém của vô lượng độ môn, và cùng nhân duyên chánh đạo, các địa thông bít, có thể được nhiếp giữ vô lượng công đức, khắp hộ tất cả chúng sinh, hễ có làm gì thì không thể cản trở, phá hoại.

Bấy giờ, Đức Thế-tôn nghĩ rằng: Ta từ khi mới phát tâm đến nay, thường dùng tâm Bồ-đề mệnh mẽ này để giữ gìn che chở chánh pháp và các chúng sinh, đối với các việc khổ hạnh khó làm, giống như Kim Cang không có lui sụt, chính vì thành tựu Tam-muội như thế, khắp hộ cõi nước các Đức Phật trong mười phương. Nay chỗ những điều nguyện của ta đều đã đầy đủ, làm việc nên làm chính là thời kia, tức thời phát khắp pháp giới của tất cả Như lai, thương xót không còn thừa âm thanh ở thế giới chúng sinh.

Nói Trì Minh Pháp Cú này, nếu lời nói ta thành thật không luống dối, kia có trì tụng tu tập thì khiến kia thế lực không khác với ta, do đó nói Đại Lực đại hộ. A-xà-lê nói: Minh nghĩa là ánh sáng của trí tuệ rộng lớn, phi, tiếng Phạm là thệ, tức là chữ vương được phát âm theo giống cái, do đó người truyền đạt dịch nghĩa là phì. Phì có nghĩa là Tam-muội, có chỗ nói Đại bi thai tạng Tam-muội, Tam-muội này là mẹ của tất cả Phật tử. Phật tử này, tức là cờ pháp tâm Bồ-đề thanh tịnh, như khi thai tạng kia bắt đầu từ Ca-la-la, dung chứa che chở giữ gìn, không để cho các duyên làm tổn hại, lớn lên dần dần cho đến sinh ra, nuôi dưỡng. Sau đó vẫn còn hết lòng giữ gìn, nuôi nấng, vì thế cho nên nói ân mẹ rất sâu, khó có thể báo đáp ân đức. Xuất Tam-muội này: Khi trụ, xuất đều là pháp giới không nghĩ bàn, không phải như thiền định của thế gian, động tịnh chướng ngại nhau, có khi lùi mất, xen hở.

Nam ma tát bà thản tha, nghiệt đế tệ, tát bà bội giả vi nghiệt khiến la ngật sa ma ha mạt lệ, tát bà đát tha nghiệt đa, bôn nê dã nễ xà đế hâm hâm đát la trách đát la trách a bát la để ha đế tóa ha.

Câu đầu là quy mạng tất cả các Đức Như lai, câu thứ hai có công năng trừ tất cả chướng ngại, sợ hãi... là khen ngợi tất cả đức đại trí, đại lực của Như lai, lại câu tiếp theo là khen ngợi vô lượng pháp môn. Tỳ-thấp-phạ cũng là nghĩa khéo, cái gọi là vô lượng độ môn khéo, tức là nghiệp dụng phổ môn của cây cờ pháp trên đỉnh núi cao, mà quán Tam-muội. Nay muốn nói Minh Phi này cho nên trước quy kính công đức như thế của tất cả Như lai, tiếp theo nói Tá-bà-tha, là chỉ chung công đức như thế của các Đức Phật, muốn giúp cùng vào một tự môn, sau có hai chữ hàm khiếm, chính là thể của chân ngôn, các câu ở dưới đều chuyển

giải thích hai tự môn này. Chữ Ha là nghĩa nhân, cái gọi là nhân đại thừa, chính là tâm Bồ-đề, do tất cả nhân vốn bất sinh cho đến lìa nhân duyên, gọi là tâm Bồ-đề thanh tịnh, đó là hạt giống thành Phật, nhân chân thật của cây cờ chánh pháp, trên thêm chấm không nghĩa là nhập chứng, vì thế chuyển âm thành Hàm. Khư là đại không, trên thêm chấm chuyển thanh là Khiếm, tức là chứng đại không này gọi là Bát-nhã Phật Mẫu, chính là nghĩa Minh Phi, ở trong hư không tạng này nuôi dưỡng hạt giống. Chân Nhân, tức là nghĩa đại hộ.

Lại nữa, tự môn Khư, giống như hư không rốt ráo thanh tịnh, không có gì, tức là ở đỉnh núi cao quán cảnh giới sở tri, chữ ha là cờ Bồ-đề cũng là năng lực tự tại, do hai chữ này tương ưng, giống như vị đại tướng có khả năng phá tan kẻ thù. Lại, tự môn Ha là tâm Bồ-đề quý báu, cùng tự môn Khư của hư không tạng hòa hợp, được thành ma-ni màu đẹp, có thể đầy đủ tất cả nguyện hiếm có. Nay trong Chân ngôn này liên quan với Khiếm Tự đây, văn dưới đầy đủ.

Câu tiếp theo nói La-khất-xoa, tức nghĩa là ủng hộ, giống như người sợ nguy hiểm khó khăn, nếu cậy nhờ người có sức mạnh, hoặc gặp thành cao hố sâu vững chắc thì thản yên không lo sợ, các oán địch kia tuy dùng các phương tiện, cũng không sao cả, người tu hành cũng giống như vậy, nương vào tâm Bồ-đề vua, lấy Bát-nhã Thai Tạng làm thành quách, giống như hư không không thể phá hoại, chính là chuyển giải thích nghĩa trước đây.

Câu tiếp theo là Ma-ha Mạt-lệ, Hán dịch là Đại Lực, chữ Ha trong tâm Bồ-đề, đầy đủ tất cả năng lực Như lai, nay hợp với chữ Khư, lìa các sự trói buộc không còn quái ngại, như gió giữa hư không xoay chuyển tự tại, vì thế gọi là Đại Lực. Lại, Lực tự tại của chữ Ha, khéo hợp với chữ Khư Vô lượng Độ Môn, giống như lực sĩ đầy đủ ngàn thứ kỹ nghệ và năng lực, thế nên mọi người không thể hơn được, do đó gọi là Đại Lực. Câu thứ bảy giải thích nguyên nhân đại lực cho nên nói công đức sanh tử tất cả Như lai, nói lực rất bền chắc này, vốn giống như chủng tánh sanh tử chư Phật Kim cang từ vô lượng kiếp đến nay thường dùng Chân nhân chữ A này tu đủ muôn đức chữ pháp, mỗi mỗi đều như Kim Cang không thể phá hoại, nay các đức đã đầy, các lực đều đủ, lại phải dùng đỉnh núi cao của cờ pháp này để quán Tam-muội, đánh dẹp hoàn toàn kẻ thù trong pháp giới, cứu khắp chúng sinh, sau đó liền nói lời thành thật, cái gọi là chữ hâm hâm. Hâm là khủng bố tiếng kia, sở dĩ nói lập lại, vì một là dẹp chướng ở bên ngoài, một mặt dẹp chướng bên trong.

Lại nữa, ngoài là phiền não chướng, trong là trí chướng. Nếu giải

thích tự môn thì Như lai dùng pháp nào để khủng bố các chướng? Bảo rằng, dùng tự môn Ha này. Dưới vẽ Tam-muội tức là tu đủ muôn hạnh, trên có chấm Đại Không tức là muôn đức đã thành tựu, chữ Ha tức là Cây cờ pháp Tam-muội, điểm không hòa hợp tức là đỉnh núi cao quán Tam-muội. Chữ Ha là hạt giống của tất cả Như lai, trên có chấm là mẹ của Minh Phi, dưới vẽ là Thai phần này ngày càng thêm lớn, do nghĩa như thế nên khi phát đúng âm thanh thì ma quân tan hoại.

Tiếp theo nói: Thản-la-tra nghĩa là quát mắng, nhiếp phục, như khi sư tử mạnh mẽ rống lớn các thú đều sợ hãi khép nép, cũng lập lại lời ấy: Là đối với phiền não căn bản và tùy phiền não, cho đến đối trị tất cả phiền não, phiền não bên trong và phiền não bên ngoài. Câu cuối cùng nói: A-bát-la để-ha-đế nghĩa là năng lực không thể đối kháng, không thể so sánh, kết giữ văn trên, do nhân duyên này nên gọi là Đại Lực Đại Hộ "Minh Phi". Tóa-ha: Là cúi xin các Đức Phật biết để làm chứng minh, cũng là nghĩa nhớ niệm, như trước đã giải thích.

Kinh chép: Khi ấy, tất cả Như lai và chúng Phật tử nói châm ngôn này xong, lập tức khắp cả cõi Phật rúng động sáu cách, nghĩa là Như lai Đại Nhật khi phát ra âm thanh này khắp cả pháp giới, tất cả các Đức Phật, Bồ-tát, do cảnh giới không hai, thảy đều đồng thanh mà cùng nói, nay chỗ gia trì "Cú" này thế lực đầy đủ. Lại do Như lai nói lời thành thật, nên ngay lúc ấy các cõi Phật mười phương rúng động cách cách. Vì "Minh" Phật bản thệ chân thật không luống dối. Nghĩa rúng động sáu cách, kinh khác nói đủ tướng kia; nay dựa vào Bí mật thích của Tông này, sáu cách nghĩa là sáu phiền não căn bản: tham, sân, si, kiến, mạn, nghi, tâm địa tất cả chúng sinh, thường bị chướng nặng này bó buộc không thể tự thoát ra, nay nhờ sự cảm động chí thành đối với Đức Thế-tôn mà đều phá vỡ lớp vỏ, sinh mầm giống Phật, vì thế nói rúng động sáu cách.

Bấy giờ, tất cả Bồ-tát, thấy nhân duyên hai thứ động đất sơ cạn và sâu kín này, tâm mắt đều khai mở, được điều chưa từng có, dùng kệ nhiệm mầu khen ngợi Thế-tôn Đại Nhật.

Kinh chép: Ở trước các Đức Phật, nghĩa là khi Đức Phật nói "Minh" này, chư Bồ-tát mười phương thế giới... đều thấy Đức Phật kia trước cũng đều nói, vì thế đồng một âm thanh, đồng thời hiểu rõ, liền nương vào văn đây chứng thành uy lực Đại hộ, trong bài kệ lãnh giải, các Đức Phật rất đặc biệt, bản Phạm còn đủ nên nói là lành thay! Tất cả các Đức Phật nói Đại lực hộ này, chính là các Bồ-tát trong tất cả các thế giới thảy đều cùng một lúc hiểu rõ chân ngôn do tất cả các Đức Phật

trong mười phương đã nói, được các Đức Phật mười phương cùng che chở giữ gìn, giống như thành Kim Cang dày, chắc, cao không thể lên được, lại bao quanh bằng ao nước sâu không thể vượt qua, vì thế cho nên tất cả các chướng không thể xâm lấn. Do kia hộ tâm trụ: Nghĩa là các vị tu hành dùng chân ngôn mật ấn này giữ gìn thân tâm mà an trụ, vì thế cho nên có khả năng làm chướng ngại, các Tỳ-na-da-ca, ác hình La-sát... tự nhiên lùi tan.

Lại chữ trụ này, nếu y theo tiếng Phạm, cũng có tên, vì giữ gìn tâm kia, nếu giải thích sâu thì nói tâm Bồ-đề thanh tịnh của người này, do thật nghĩa Minh Phi này hộ tâm mà trụ, thế nên ba thứ chướng nặng, các ác La-sát... thảy đều đuổi tan, không thể làm tổn hại gốc lành của kia, dưới đến khi sinh tâm nhớ nghĩ, cũng có thế lực như vậy, câu cuối lại kết thành.

Kinh chép: Thế-tôn gia trì pháp giới rộng lớn, liền ngay khi đó trụ trong pháp giới thai tạng Tam-muội, xuất định này dậy, nói nhập Phật Tam-muội-da trì minh. Tiếng Phạm Tỳ-phú-la nghĩa là rộng lớn, nghĩa là sâu rộng không bờ mé, không thể đo lường, như thế, tự thể các pháp, gọi là Tỳ-phú-la pháp giới, tướng thật các Đức Phật, tướng thật chân ngôn, tướng thật chúng sinh, đều là pháp giới Tỳ-phú-la, do vậy lại gia trì lẫn nhau, gọi là pháp giới che chở.

Lại nữa, như nhân duyên nam nữ giao hội, hạt giống gá vào thai tạng lại không mất mát hư hoại, tức nghĩa là gia trì lẫn nhau, như thế, các Đức Phật, quốc vương và Minh Phi hòa hợp, cùng sinh hạt giống Tỳ-phú-la, được Đại bi thai tạng giữ gìn không để mất mát hư hoại, cho nên gọi là pháp giới che chở, Thế-tôn gia trì khắp tất cả chúng sinh, đều tạo ra hạt giống xong, liền nhập vào pháp giới thai tạng Tam-muội. Quán mỗi hạt giống này, đều là Tỳ-lô-giá-na trên đài hoa sen, Phổ-môn quyến thuộc trang nghiêm vô tận, cũng không nhau với Đại Bi Mạn-đồ-la... nhưng các chúng sinh chưa thể tự chứng biết, cho nên nói ở trong Thánh thai đều là nhà, nếu khi ra khỏi tạng thì đó là Như lai giải thoát.

Đức Thế-tôn quán sát rõ ràng như thế rồi, liền xuất Tam-muội, nói Tam-muội-da trì minh. Tam-muội tức nghĩa là bình đẳng, nghĩa là bản thệ, nghĩa là trừ chướng, nghĩa là cảnh giác. Nói bình đẳng: nghĩa là khi Như lai hiện chứng Tam-muội này, thấy các thứ thân, miệng, ý mà tất cả chúng sinh, đều giống với Như lai, thiền định trí tuệ cùng thân tướng thật cũng rốt ráo bình đẳng, thế nên phát ra lời chắc thật để bảo với chúng sinh, nếu điều ta nói chắc chắn không luống dối, khiến tất cả chúng sinh khi phát lời chắc thật này cũng mong tam mật gia trì, trang

nghiêm vô tận cùng giống với Như lai. Do nhân duyên ấy, có thể làm sự nghiệp Kim Cang, cho nên gọi là Tam-muội-da. Nói bản thệ: Như lai khi thấy, chứng Tam-muội này, thấy tất cả chúng sinh đều có nghĩa thành đạo, ngay lúc đó lập thệ nguyện lớn. Nay ta phải từ Phổ Môn dùng vô lượng phương tiện, giúp tất cả chúng sinh đều đến Vô thượng Bồ-đề, nếu thế giới chúng sinh chưa hết thì sự nghiệp của ta không bao giờ ngưng nghỉ. Nếu có chúng sinh theo bản thệ của ta khi phát lời thành thật này thì cũng khiến sự nghiệp họ đã làm, thảy đều thành tánh Kim Cang, do đó gọi là Tam-muội-da. Nói Trừ chướng: Như lai thấy tất cả chúng sinh đều có pháp thân Như lai, chỉ do một niệm Vô Minh, thường ở trước mắt mà không hiểu biết, vì thế nói lời thành thật, nay ta phải lập ra các thứ phương tiện, khắp vì tất cả chúng sinh quyết lột bỏ cái màng ở con mắt, nếu ta thệ nguyện ắt sẽ thành tựu, khiến các chúng sinh theo phương tiện của ta. Khi nói lời thành thật này cho đến ở trong một đời, được đôi mắt không nhơ “Cái, Chướng” đều hết, vì thế gọi là Tam-muội da. Nói nghĩa cảnh giác: Như lai vì tất cả chúng sinh đều ngủ trong Vô Minh, đối với công đức như vậy không tự hiểu biết, cho nên đem lời thành thật làm cho cảm động, khiến cho được tỉnh ngộ, cũng dùng lời này để cảnh giác các Bồ-tát... khiến ra khỏi hang sâu thiền định, bắt chước Sư tử luôn co duỗi, nếu có người tu chân ngôn nói Tam-muội-da này thì các Đức Phật chúng ta cũng sẽ nhớ giữ bản thệ không được trái vượt, giống như vị cua tự đặt ra luật pháp rồi trở lại tự mình tôn kính làm theo. Cho nên gọi là Tam-muội-da. Trì Minh: Tiếng Phạm Đà-la-ni. Minh: Nghĩa là tổng trì tất cả minh môn, minh hạnh, cho đến cùng tận Tam-muội-da thệ nguyện đến nay, không bao giờ lọt mất, do đó gọi là nhập Tam-muội-da trì minh.

Nam ma tam mạn da bột đà nẫm a tam mê đán lý tam mê tam ma duệ sa ha.

Câu đầu tự quy mạng tất cả các Đức Phật như trên đã giải thích, câu kế nói Vô đẳng, tiếp theo nói Tam đẳng, liền với câu dưới để nói thì là Vô Đẳng Tam Bình đẳng Tam-muội-da.

Lại nữa, A nghĩa là các pháp vốn bất sinh, tức là thể tánh pháp giới. Bà nghĩa là đế. Mê: Nghĩa là Tam-muội. Ma là tự chứng Đại không, cũng là nghĩa Ngã, khi Đức Thế-tôn chứng Tam-muội này, quán sát tất cả chúng sinh tâm lực phổ Môn Mạn-đồ-la đều giống như ngài, cho nên không đối đãi, không thể thí dụ, so sánh, gọi là Vô Đẳng. Tam Đẳng là ba đời bình đẳng, ba nhân bình đẳng, ba nghiệp đạo bình đẳng và ba thừa bình đẳng, tức là chuyển giải thích câu trên, cho nên ý là Vô

Đẳng.

Đát lý: Nghĩa là tâm như tướng thật, tất cả bụi trần xưa nay bất sinh, Như lai ba đời dùng các thứ phương tiện, thảy đều vì một việc lớn Nhân duyên này, tức nghĩa là trừ chướng. Kết thúc rằng: Tam-muội-da: Chính là chắc chắn Sư Tử Hống, nói nghĩa các pháp bình đẳng, lập thệ nguyện lớn, khiến tất cả sẽ được như ngài, muốn cho khắp chúng sinh khai mở tri kiến thanh tịnh, do sự giật tỉnh chúng sinh và các Đức Phật này, cho nên Tam-muội-da này gọi là thệ kiên cố thành thực của tất cả Như lai; Nếu người nào trước không niệm trì thì không được làm tất cả pháp sự chân ngôn.

Thế-tôn đem thân, miệng, tâm nói Tam-muội-da này lần lượt ở khắp tất cả cõi Phật rồi, tất cả các chúng Phật tử đều nghe. Nghe xong, đối với tất cả pháp chân ngôn không dám trái vượt. Vì sao? Nếu Bồ-tát đối với các pháp chúng sinh, tạo ra các kiến chấp không bình đẳng thì vượt pháp Tam-muội-da, nếu đối với thệ nguyện bình đẳng này, gây ra các tâm hạn lượng cũng vượt pháp Tam-muội-da, việc làm trong ba cõi thuận theo danh lợi thế gian, không vì việc lớn nhân duyên, cũng vượt pháp Tam-muội-da, buông lung biếng nhác, không giật tỉnh tâm mình, cũng vượt pháp Tam-muội-da, do vượt Tam-muội-da cho nên có các chướng sinh ra, người và mình đều tổn hại không có ý nghĩa, lợi ích, vì thế các Bồ-tát... vâng giữ Tam-muội-da này như giữ thân mạng, không dám trái vượt.

Kinh chép: Bấy giờ, Bạc-già-phạm lại nói pháp giới sinh chân ngôn, khi Đức Thế-tôn tiến nhập vào pháp giới thai tạng Tam-muội; thì thấy tất cả chúng sinh đều có hạt giống Bồ-đề đồng với các Đức Phật, cho nên nói nhập Phật Tam-muội-da trì minh, nhờ Trì Minh này được nhập giới bình đẳng của Phật, tức nghĩa là gá vào Thánh thai.

Bấy giờ, Đức Thế-tôn lại dùng Phổ nhãn quán xét tất cả chúng sinh thảy đều đầy đủ thai tạng sinh trong nhà Phật, bấy giờ vô tận trang nghiêm cũng lại bằng với Như lai. Sau khi xuất định này rồi, liền nói pháp giới sinh chân ngôn, lại dùng Phổ nhãn quán sát thấy tất cả chung sinh này sự nghiệp Kim Cang thành tựu đầy đủ, bấy giờ Vô tận trang nghiêm cũng lại bằng với Như lai, khi xuất định này rồi, liền nói Kim Cang Tát-đỏa Chân ngôn, do đó ba thứ này đều gọi là Tam-muội-da.

Lại nữa, do nhập Phật Tam-muội-da, ở trong thai tạng không bị chết non do pháp giới sinh, khi bắt đầu ra khỏi thai lìa các chướng ngại, do Kim Cang Tát-đỏa cho nên có thể chuyển gia nghiệp đầy đủ các kỹ nghệ, lại do nhập Phật Tam-muội-da gia trì mật ấn trong thai tạng, dùng

pháp giới sinh gia trì hai lớp quyến thuộc của Bồ-tát, dùng Kim Cang Tát-đỏa gia trì các hình tùy loại, nhập Phật Tam-muội-da như Hoa sen búp, Pháp Giới Sinh như hoa sen nở, Kim Cang Tát-đỏa như hoa sen thành tựu, trở lại làm hạt giống, do đó ba thứ này gọi là Tam-muội-da.

Nam mô tam mạn đa bột đà nẫm đạt ma đà đổ tát phạ bà phạ cú ngân.

Đạt-ma-đà-đỗ: nghĩa là pháp giới.

Tát-phạ-bà-phạ: Là tự tánh, cũng gọi là bản tánh.

Cú-ngân nghĩa là ngã.

Câu ấy nghĩa nói rằng ngã chính là tự tánh pháp giới, do Sư Tử Hồng Chắc chắn nói ngã (ta) và tất cả chúng sinh đều là tự tánh pháp giới, nghĩa là bình đẳng, ta sẽ lập ra các phương tiện, giúp tất cả chúng sinh thủy đều chứng biết nghĩa bản thệ này, do biết ngã là tự tánh pháp giới có công năng dứt trừ tất cả phân biệt, khai mở tri kiến thanh tịnh, đó nghĩa là trừ “Chướng”, các Đức Phật chỉ mong nhớ giữ bản nguyện, giúp thân này của Ta liền đồng tự tánh pháp giới Tỳ-lô-giá-na, đó nghĩa là giật tỉnh, phải dùng tự môn giải thích rộng.

Nam ma tam mạn đa phạt chiết la xá phật chiết la đán ma cú ngân.

Câu đầu nói Kim Cang Tát-đỏa chân ngôn, do quy mạng tất cả Kim Cang, tức là từ vô lượng môn giúp trì Kim Cang Như lai, đều khiến nhờ giữ hộ môn.

Câu sau nói Phạt-chiết-la đán-ma-cú-ngân nghĩa là thân ta liền đồng Kim Cang, Kim cang tức là tự tánh pháp giới, do năng lực thành tựu rất vững chắc không thể phá hoại, môn khác nói là Kim Cang, Như lai dùng phổ nhãn quán trí thể Kim Cang của tất cả chúng sinh cùng ngài không khác, đó nghĩa là bình đẳng, vì chúng sinh khó tự hiểu biết, từ vô lượng Kim Cang trí môn, làm vô lượng sự nghiệp Kim Cang, cần phải bỏ dẹp chướng lớn như thế, giúp đến mé thật, đó nghĩa là bản thệ, mé thật như thế gọi là Vô cấu nhẫn Kim Cang Nhãn, tức nghĩa là trừ chướng, do tiếng Sư Tử rống này rúng động cả mười phương cõi Phật, đó nghĩa là giật tỉnh, vì thế gọi là Tam-muội-da.

Lại nữa, hành giả chân ngôn, dùng Tam-muội-da đầu tiên được thân bình đẳng có thân, miệng, ý bí mật đồng với Như lai, dùng Tam-muội-da thứ hai, được đồng thân Như lai gia trì pháp giới Cung tôn đặc, dùng Tam-muội-da thứ ba khiến hai thứ thân và cõi đều như Kim Cang cùng vô lượng chúng trì Kim Cang tự vây quanh.

Phật dạy: Tam-muội-da thứ hai là các Bồ-tát thành tựu thân pháp

tánh, Tam-muội-da thứ ba là nhiếp thọ, chiết phục chúng sinh tùy theo loại.

Phật dạy: Tam-muội-da thứ nhất là kiến lập Đại bi thai tạng Mạn-đồ-la. Tam-muội-da thứ hai là làm sự nghiệp A-xà-lê Tỳ-lô-giá-na. Tam-muội-da thứ nhất là gia trì quyến thuộc Như lai, Tam-muội-da thứ hai là gia trì quyến thuộc Liên Hoa, Tam-muội-da thứ ba là gia trì quyến thuộc Kim Cang, vì thế Phật dạy ba Tam-muội-da.

Lại nói Kim Cang khải chân ngôn: Là trang nghiêm thân Kim Cang Tát-đỏa, người tu hành đã phát thệ nguyện Kim Cang, muốn vì tất cả chúng sinh phá diệt các chướng, do vững mạnh tinh tấn, đắp mặc áo giáp đội mũ trụ Kim Cang, hơn nữa như sáu Ba-la-mật mỗi mỗi tướng như thật, đều như Kim Cang không thể phá hoại, lại trong mỗi một cõi đều có đủ năm cõi, vì thế quanh thể dày kín không có kẻ hở. Như sáu Độ, ba mươi bảy phẩm, mười tám không, một trăm lẻ tám Tam-muội, năm trăm Đà-la-ni... đều sẽ nói rộng.

Do đắp mặc áo giáp Kim Cang của Như lai, xoay lăn trong sáu đường, ra sinh vào tử, tất cả phiền não nghiệp không không thể tổn hại, nếu y theo giải thích cạn lược thì do người tu hành đem chân ngôn này tự gia trì, tất cả các trời, rồng... thấy giống như thân Kim Cang Tát-đỏa, khắp thân đều mặc áo giáp đội mũ trụ Kim Cang, bền kín không ranh giới ánh sáng như lửa lớn, do đó tất cả sự chướng ngại đều không thể tổn thương.

Nam ma tam mạn đa phạt chiết la xá phạt chiết la ca pha già hâm.

Phát-chiết-la: là Kim Cang, Ca-la-già là Như lai dùng Kim Cang nhãn thấy khắp chúng sinh, đều mặc áo giáp đội mũ trụ Kim Cang này, vì thế đem lời thành thật mà giảng nói, trước hết lấy chữ Phạ làm thể chân ngôn, Phạ nghĩa là các pháp lìa nói năng: Nếu chỗ Hành của nói rộng, thì đều có thể phá hoại, có thể xoay chuyển, không bền chắc, do đó lấy chữ Phạ làm thể.

Chữ kế đều chuyển giải thích vì sao các pháp lìa nói năng? Do sinh không thật có. Vì sao sinh không thật có? Do tự tánh thanh tịnh, tự tánh thanh tịnh chính là thân Kim Cang Tát-đỏa.

Kế là nói nghĩa Giáp, nếu pháp do tạo tác cho nên thành tựu thì phải biết chỉ có giả danh, từ duyên dời đổi, còn không thể tự giữ, bền chắc tánh của nói, huống chi có thể ngăn che được tên nhọn sáu trần ư? Nay quán thể Kim Cang vô tận trang nghiêm, thảy đều lìa các tạo tác, bách phi không thể xâm phạm, cho nên gọi là Kim Cang giáp trụ. Sau

cùng là chữ Hâm tức là âm thanh Vô sở úy, cũng là nghĩa năgn lực tự tại, nghĩa là hoan hỷ, do định tuệ đầy đủ khi chứng tự môn Ha này, tự biết sẽ phá hoại được các chướng giúp đỡ chúng sinh, do đó rất hoan hỷ.

Tiếp theo nói Chân ngôn Như lai Nhãn: Như chim Kim sí đầu đàn oai lực đầy đủ, lông cánh rắn chắc, lại được mắt rất, sáng, ở giữa không trung, nhìn biển lớn như thấy hình tượng trong gương thì tùy ý tự tại bắt được các rồng, phải biết người tu Chân ngôn cũng giống như vậy, do Tịnh Nhãn Như lai này tự gia trì, cho nên hải hội Mạn-đồ-la sẽ hiện ra trước, thấy đủ tất cả căn duyên và pháp ngăn đạo, nhờ Kim Cang sự nghiệp này tùy ý đều thành tựu, vì thế nói kế đó.

Nam ma tam mạn đa bột đà nẫm đát tha yết đa chướt ngật sô, vĩ dã phạ lộ ca dã tóa ha.

Trong nghĩa câu trên, Đát-tha-yết-đa-chướt-ngật-sô là Như lai Nhãn.

Kế nói Vĩ-dã-phạ-lộ-ca-dã nghĩa là quán, tức là nói dùng Như lai Nhãn quát sát.

Trước là chữ Đa làm thể, Đa nghĩa là các pháp Như như, do tất cả pháp vốn bất sinh thì như như này cũng không thật có, thế nên Như lai quán tất cả pháp rốt ráo không như, không khác, tuy không thể thấy nhưng cũng thấy rõ, như các Đức Phật quán mắt các chúng sinh cũng giống như vậy. Nếu hành giả khi nói lời chân thật này thì nhờ Phật nhãn gia trì không nghĩ bàn, dần dần được mắt thanh tịnh.

Tiếp tục có ở thứ Chân ngôn như Đồ hương... đều là chỗ cần thiết khi nhập Mạn-đồ-la tu cúng dường, sẽ nói ở trong phẩm này.

Nam ma tam mạn đa bột đà nẫm vi du đà kiện đỗ nạp bà phạ tóa ha.

Trong nghĩa câu trên, Vi-du-đà nghĩa là tịnh, Kiên Đỗ là hương, Nạp-bà-phạ nghĩa là phát sinh, nghĩa là tịnh hương phát sinh (Hương thơm phát sinh). Lấy chữ Vi ở đầu câu làm thể, ở trên chữ Phạ vẽ thêm chữ y, cho nên chuyển thành là Vi. Chữ Phạ nghĩa là Kim Cang, nghĩa lìa nói năng. Tam-muội nghĩa là trụ, như thế tịnh tuệ bằng nhau, tức là trụ ở trì giới Vô hý luận Chấp kim cang ba đời không chướng ngại, giới hương như thế, tánh kia không đến không đi mà thường khắp cả pháp giới, do đó gọi là Tịnh Đồ Hương, tất cả chúng sinh tuy đều cùng có, nhưng vì chưa phát tâm, cho nên hương này chưa phát, nay ta đã dùng giới hương này trùm khắp pháp thân, cho nên hương "tịnh" có thể huân khắp tất cả.

Kế là Hoa Chân Ngôn:

Nam ma tam mạn đa bột đà nẫm ma ha muội đán lý dã tỳ sưu nghiệt để tóa ha.

Trong nghĩa câu trên, Ma-ha Muội-đát-lý-dã, nghĩa là Đại Từ; Tỳ-sưu-nghiệt-đế nghĩa là sinh, nghĩa là đại từ sinh, lấy chữ Muội làm thể Chân ngôn, tức là chữ Mãng vẽ thêm Tam-muội, cho nên chuyển thanh để gọi. Mãng nghĩa là tâm, nghĩa ngã, trói buộc không được lớn lên, nay tự chứng biết tướng thật của tâm, từ trong Từ Bi Tạng, tám cánh, các tua thứ lớp mở bày, vì thế nói từ Đại Bi sinh.

Lại nữa, hạt giống cây chúa tâm Bồ-đề thanh tịnh, từ trong đất Từ bi, sinh trưởng tốt tươi nở hoa muôn đức, nhờ phương tiện nên trở thành thật, do đó nói từ Đại bi sinh. Sẽ dùng Tự môn để giải thích rộng.

Kế đến là Chân ngôn thiêu hương:

Nam ma tam mạn đa bột đà đỗ nỗ nghiệt đế tóa ha.

Trong nghĩa câu trên, Đạt-ma-đà-đô nghĩa là pháp giới. Nỗ-nghiệt-đế nghĩa là theo đến, cũng là nghĩa khắp đến, cũng là nghĩa ra đi nghĩa tiến lên không dừng lại, dịch là đến khắp pháp giới, lấy chữ Đạt ở câu đầu làm thể, do chúng sinh giới vốn bất sinh, cho nên tướng chắc chắn của pháp giới cũng không thật có, pháp giới như thế sâu rộng không bờ mé, không thể đo lường, thân, miệng, ý nghiệp đều trùm khắp pháp giới như thế, dù chỉ cúng dường Phật một cành hoa, cũng khắp pháp dưới như thế, chính là nghĩa thiêu hương.

Tiếp theo là Chân ngôn ẩm thực:

Nam ma tam mạn đa bột đà nẫm a ra la ca tội mật lân nại ra nhị mạt lân nại nê ma ha mạt lý tóa ha.

Đầu tiên nói A-ra-ra nghĩa là tiếng không thích nghe, nghĩa là tiếng không tốt, như người nói lớn tiếng ồn ào, khiến người nghe tâm không thanh tịnh.

Tiếp theo nói Ca-la-la là dừng lại tiếng lớn không tốt ở trước, đó nghĩa là tự nhiên vắng lặng sự nhọc nhằn, trong đây chính là nghĩa lấy vui pháp thiền làm thức ăn, vì thế cho nên gởi gắm vào lời này. Nếu căn cứ vào tướng tự luân, A nghĩa là bản sơ, do có bản sơ này thì có hai thứ bụi nhơ, nghĩa là phiền não, vì tri chướng, do hai thứ bụi nhơ này, nên có tiếng nói rộng ồn ào. Nay do các pháp vốn bất sinh, nên hai thứ bụi nhơ cũng vốn bất sinh, chính là mở cửa cam lộ thành cơm Niết-bàn, do đó gọi là A-la-la.

Lại nữa, nếu người siêng tu muôn hạnh, mong được pháp vị như vậy. Vì tạo tác cho nên “nhị chướng” lại sinh, không phải sắc lực sống

lâu, vị cam lồ chân thật, nay lấy các pháp không tạo tác, vị nội chứng không từ người được như ăn cháo, thì không cần gì nữa, do đó nói dừng lại lời không tốt ở trước.

Mạt-lân-nại-na-nhị, thức ăn của người phương Tây, trên dâng cúng các Đức Phật, dưới đến thần quỷ gọi chúng là mạt-lễ. Lại nói Mạt-lân-nại-nê, ý này nói đã thọ thức ăn ta dâng cúng rồi, lại cho ta thức ăn ngon ngọt, như người ở thế gian đem món ăn ngon lành dâng cúng cầu ruộng phước, vì cầu đời này, đời sau thức ăn uống không thiếu thốn, vì thế nay đem thức ăn pháp vô tận, giúp thêm cho thế gian dâng cúng các tôn vị, sẽ lại cho ta ước nguyện, khiến thường đầy đủ vị bất tử bất sinh.

Tiếp theo nói: Ma-ha-mạt-lý, tức là ở trong các thức ăn thêm nhiều ngon ngọt, do đó mà giản lược câu trên, nói nay ta đã dâng cúng và đã ban cho chỗ cầu phúc đều là vị không gì sánh bằng, vị không gì hơn nữa, không phải cầu xin thức ăn có hạn lượng.

Tiếp theo là Đăng Minh Chân ngôn:

Nam ma tam mạn đa bột đà nẫm đát tha yết đa lỵ chỉ tát phả la minh a phạ bà sa na già già nhu đà lý đa tóa ha.

Trong nghĩa câu trên, Đát-tha-yết-đa là Như lai.

Lạt-chỉ: Là ánh sáng.

Sau nói Tát-phả-la-minh là rộng khắp.

A-phạ-bà-sa là các sự tối tăm.

Già-già-nhu-đà-lý-da là không có hạn lượng, sánh bằng hư không. Ý nói: Ánh sáng Như lai chiếu khắp các chỗ tối tăm, giống như hư không không có hạn lượng.

Chân ngôn này lấy chữ Đa ở câu đầu làm thể, như ở tướng thật của tâm, chính là trí rộng lớn, sáng suốt của Tỳ-lô-giá-na, chiếu khắp thế gian, không chỗ nào không khắp.

Nói Chư ám: tức là Vô Minh, do Vô Minh vốn bất sinh cho nên thể tức là Minh, vì thế ánh sáng Như lai chiếu khắp các chỗ tối tăm.

Nói sánh bằng hư không. Do Vô minh vốn bất sinh cho nên thể tức là Minh, cho nên ánh sáng Như lai chiếu khắp các chỗ tối tăm. Nói đồng hư không: Do Vô Minh sánh bằng hư không chẳng hạn lượng: Ánh sáng trí tuệ Như lai cũng sánh đồng hư không chẳng hạn lượng, cho đến già, chết cũng như hư không chẳng hạn lượng, ánh sáng trí tuệ của Như lai cũng giống như hư không chẳng hạn lượng, như mười hai nhân duyên, tất cả các pháp cũng giống như vậy, quyết định nghĩa như vậy, cho nên gọi là chân ngôn Đẳng Minh, dùng đẳng minh này gia trì

mà cúng dường Phật, chính là pháp cúng dường cao nhất trong các thứ cúng dường.

Kế là Chân ngôn át-già.

Nam ma tam mạn đa bột đà nẫm già già na sa na a sa ma sa ha.

Trong nghĩa câu trên, Già-già-na: Nghĩa là hư không.

Sa-ma nghĩa là Đẳng.

A-sa-ma nghĩa là Vô đẳng, nghĩa là Đẳng hư không vô đẳng.

Pháp thân Như lai, bản tính thanh tịnh cho nên không phân biệt, không có bờ mé, sánh đồng hư không, nhưng lại có vô lượng, vô biên công đức không thể suy nghĩ bàn luận, hư không kia, chẳng thể ví dụ, cho nên nói Vô Đẳng.

Lại nữa, A-sa-na nghĩa là Bất Đẳng, Bất Đẳng: tức là Nhị thừa. Nay đã sánh đồng hư không, lại sánh với Vô Đẳng này, do đó nói Đẳng hư không Vô Đẳng.

Lại chữ Già đầu tiên làm thể chân ngôn, trong chúng sinh giới, đến đi cũng không thật có, trong pháp giới, tướng đến đi cũng không thật có, vì Như lai, Như Khứ không thật có cho nên gọi là Đại Không, đem nước đại không tánh tịnh này, để tắm gội thân Vô Cấu, đó nghĩa là Chân ngôn át-già.

Tiếp theo ở dưới có bốn Chân ngôn, cũng là tướng của A-xà-lê trang nghiêm Mạn-đồ-la, vì thế trong phẩm này có nói.

Trước tiên là chân ngôn Như lai đảnh tướng.

Nam ma tam mạn đa bột đà nẫm già già na a nan đa tất phát la minh thâu (du) đà đạt ma nễ xà đa sa ha.

Nghĩa trong câu Già-già-na a-nan-đa là hư không vô lượng.

Tát-phát-la-minh là rộng khắp.

Tỳ-thân-đà-la thanh tịnh.

Đạt-ma-nễ-xa-đa nghĩa là pháp giới sinh. Ở đây nói đảnh tướng Như lai, giống như hư không vượt ngoài số lượng, thanh tịnh rộng khắp, phải biết đảnh tướng như thế, từ trong pháp giới thai tạng sinh ra, không phải từ trong thai tạng của cha mẹ ở thế gian sinh ra, Chân ngôn này cũng lấy chữ Già làm thể.

Nói kế tướng Như lai, không có tướng đến đi, đồng với hư không, như tất cả chúng sinh đem tướng đến đi để quán sát, vì thế cho nên khắp trong mười phương không thể thấy được bờ mé.

Nếu hành giả dùng tâm quyết định thì tự biết đảnh tướng của ta cũng giống như vậy, đó gọi là chân ngôn Phật đảnh. A-xà-lê khi tự làm Tỳ-lô-giá-na, mở búi tóc mà buộc lại, nếu người xuất gia nên nắm tay

phải lại thành quyền rồi đặt trên đảnh, sau đó nói chân ngôn này để gia trì thì tất cả các thiên thần... không thấy được đảnh tướng người ấy.

Tiếp theo là chân ngôn Như lai giáp:

Nam ma tam mạn đa bột đà nẫm phạt chiết ra nhập phạ la vi tát phổ ra hồng.

Trong nghĩa câu trên, Phạt-chiết-ra nhập-phạ-la: là ánh sáng Kim Cang.

Vi-tát-phổ-la: Nghĩa là rộng khắp.

Ở đây nói ánh sáng trí tuệ Kim Cang rộng khắp tất cả, có công năng xua tan ám chướng sinh tử, cũng có thể chiếu sáng vượt hơn, đó nghĩa là Như-la-già.

Chân ngôn này lấy chữ Hồng sau cùng làm thể, đầy đủ ba giải thoát môn nghĩa là trên chữ Nẵng có chấm không nghĩa là Đại không, tức là Không giải thoát môn, bản thể chữ Ha là lìa nhân duyên, tức là Vô tướng giải thoát môn, dưới có vẽ Tam-muội chữ ổ, do vốn bất sinh, nên chính là Vô Tác giải thoát Môn. Ba môn như thế, tất cả các chướng đều không thể xâm nhập, đem ánh sáng trí tuệ này trang nghiêm khắp thân, gọi là Như lai giáp. Xét Mật ấn, trong đó Kim Cang Tát-đỏa Viên quang chân ngôn, còn phải xét lại các bản Phạm khác.

Kế đến là Như lai viên quang chân ngôn:

Nam ma tam mạn đa bột đà nẫm nhập phạ la ma lý nễ đát tha nghiệt đa lật chỉ sa ha.

Trong nghĩa câu trên, Nhập-phạ-la nghĩa là ánh sáng. Ma-lý-nễ nghĩa là chuỗi, do ánh sáng thành vòng xoay tròn không dứt, vì thế gọi là Như lai Viên quang.

Câu tiếp theo nói: Đát-thu-nghiệt-đa-lật-chỉ: nghĩa là ánh sáng Như lai, đây là ánh sáng rõ ràng. Tiếng Phạm và ánh sáng của vòng lửa kia có tên gọi khác nhau, chính là dùng chữ lật-chỉ này làm thể chân ngôn, trên có thanh la, nghĩa là bụi nhơ, dưới thể chữ già nghĩa là dời đổi, do nhập tự môn A tức là vốn không bụi nhơ, cũng không dời đổi, tức là ánh sáng Như lai thường tịch, lại mang âm thanh Tam-muội chỗ y, nói ánh sáng thường tịch đây là định tuệ đầy đủ, vì thế cho nên tịch mà thường chiếu, chiếu mà thường tịch, A-xà-lê dùng đây gia trì thân, cho nên tất cả các thiên thần... vầng ánh sáng Như lai trùm khắp thể của họ, oai mãnh khó thấy, giống như vầng mặt trời, do đó các chướng ngại không được dịp làm hại.

Tiếp theo chân ngôn Như lai thiệt tướng.

Nam ma tam mạn đa bột đà nẫm ma ha a ma ha đát tha nghiệt đa

nhĩ ha pha tát để dã, đạt ma bát la để sất sĩ đa trà ha.

Trong nghĩa câu trên, Ma-ha A Ma-ha nghĩa Đại Vô Đại. Đát-tha-nghiệt-đa Nhĩ-ha-phạ nghĩa là lưỡi Như lai, tướng lưỡi này dài rộng trùm khắp tất cả cõi Phật, do đó gọi là Đại. Đại này không còn gì hơn nữa, không có đối đãi, tướng "đại" cũng không thật có, gọi là vô đại.

Kế là nói Tát-đế-dã là đế, Đạt-ma là pháp.

Bát-la-để-sắt-sĩ-đa là thành tựu, dịch là thành tựu pháp chắc thật. Như lai từ vô lượng kiếp đến nay thường tu đế ngữ chân thật, đắc "ngữ luân" bình đẳng này, thành tựu phát sinh đế chân thật, đã phát lời thành thật chắc chắn không quái lạ, do đó lấy chữ Đa ở sau cùng làm thể chân ngôn.

Nói Như lai đã nói lời nào, thường như tướng thật không lừa dối, không quái lạ. A-xà-lê dùng dây gia trì thân, chuyển giáo nói pháp đều như Kim Cang, cho đến dùng một âm thanh khắp các cõi Phật. Tất cả các Chân ngôn này, đều phải dùng tự môn để giải thích rộng.

Phẩm 3: TỨC CHƯỚNG THỨ BA

Bấy giờ, Kim Cang thủ lại thưa hỏi Thế-tôn Tỳ-lô-giá-na rằng, làm thế nào khi vẽ Mạn-đồ-la, các sự chướng ngại được dứt trừ, người trì tụng chân ngôn... không bị não hại? Vì sao trì tụng chân ngôn? Quả kia như thế nào? Ở đây Thế-tôn Tỳ-lô-giá-na gia trì, Chấp kim cang Thủ nương thần lực Đức Phật dứt nghi cho đại chúng và vì chúng sinh có thể phát ra lời nói này, làm lợi ích rất lớn cho các chúng sinh, nay ta sẽ mở bày cho tất cả tùy theo điều ông hỏi.

Phật dạy: Chướng ấy do tự tâm sinh ra, do xưa thuận theo bỏn sẻn, để trừ nhân kia, nên nhớ nghĩ tâm Bồ-đề này. Nếu phân biệt trừ bỏ tâm tư hữu, nhớ nghĩa tâm Bồ-đề thì người trì tụng lìa các lỗi ấy.

Phật dạy: Tất cả pháp chướng tuy là hành giả đời quá khứ thuận theo pháp bỏn sẻn, đời nay bị nhiều các chướng, phải biết cũng là từ nhân duyên ở tâm sinh ra, phải biết sự tham lam bỏn sẻn kia là nhân của các chướng, nếu trừ bỏ nhân ấy thì các chướng tự dứt, trong đây phương pháp để đối trị chính là tâm Bồ-đề, nếu nhớ nghĩ tâm Bồ-đề thì sẽ trừ được nhân của các chướng.

Lại, tất cả các chướng do phân biệt sinh, phân biệt này do từ vọng tâm. Tư hữu: Tư: tức là chướng, nghĩa là phiền não, tùy phiền não trong tâm. Trong đây có chữ, tiếng Phạm cũng nói nghĩa sinh, nếu tâm tư hữu lìa được các phân biệt, thì tức là tâm Bồ-đề thanh tịnh, do hành giả nhớ nghĩ tâm này, nên xa lìa được tất cả tội lỗi, ý thường nghĩ bất động đại hữu tình, có công năng trừ sạch tất cả sự chướng ngại.

Người ấy nên kết Mật ấn này: Này chính là Bất Động Minh Vương ở trước, đã nói, đây là pháp thân Như lai do đại nguyện nên ở trong vô tướng mà hiện ra tướng, giúp đỡ tất cả hành giả chân ngôn, nếu hành giả thường hay nhớ nghĩ thì sẽ lìa được tất cả chướng.

Cái gọi là Bất Động: Là tâm Bồ-đề chân tịnh, vì chỉ bày nghĩa cho nên nhân sự mà lập tên. Minh Vương này nhắm một mắt có ý sâu sắc, dùng Phật nhãn xét rõ chỉ một mà thôi, không hai không ba. Ấn kia ở dưới sẽ nói. Bí Mật Chủ phong nên tụng tự môn A cũng có ý, chính lấy chữ A làm thân, do tự môn này vốn không mà làm thân ta, vô ngã làm chữ Ha tâm tụng, hương xoa chấm bảy chấm làm đất, phong này trước tưởng chữ Ha trong đó, thêm bảy chấm rồi sau là nắp mới nương phạ-sưu, vì nắp và bình hợp nhau, đối với bình sành này, chúng sinh càng nhớ nghĩ, luôn luôn trên chữ A có chấm, là gió lớn nối buộc lời Phật đã dạy, nghĩa là khi làm đàn, hoặc có gió lớn gây chướng ngại,

vì ở chỗ trống lập pháp, nên phải dừng lại, phải tưởng chữ A này khắp trong nội thân, nghĩa là màu vàng ròng, tưởng như thế rồi, lại tâm tụng chữ Ha, ở phong phương (Tây bắc) dùng hương xoa trên đất, vẽ thành bảy chấm tròn nhỏ, mỗi chấm như Viên đạn lớn, làm như vậy phải dùng vật bằng sành đậy, ở vật sành tâm tưởng, tức là trên tưởng chữ A, dùng chữ này làm núi Kim Cang để đè ép, các núi Tu-di trong tam thiên đại thiên thế giới, hợp thành một thể mà đậy trên kia, lại phải trên vật luôn luôn làm chữ A này. Chữ A này nghĩa là Kim Cang Bất Động, thêm một điểm là khắp tất cả mọi nơi, khiến Kim Cang bất Động khắp tất cả mọi nơi, tức là nghĩa rộng lớn thêm.

Nước chướng pháp, tức nghĩa là rộng lớn thêm. Pháp nước chướng phải nhớ nghĩ chữ phạ, khắp trong thân làm ngọn lửa ánh sáng lớn màu đỏ, tức là vòng ánh sáng lửa, từ trong thân mà phát ra khắp trên thân như cái vòng vây, làm thân tướng ác có sức mạnh đáng sợ, tay cầm đao ấn lớn, là hình giận dữ xong, vẽ trên đất làm hình mây, hoặc làm hình rồng rắn, dùng đao ấn chặt đứt hình, mây kia liền tan diệt, vì mây là chỗ nương của nước, nếu mưa từ phương Đông đến thì làm ở phương Đông, hoặc làm Kim Cang Quyết để dừng mưa gió này, quyết (cọc) kia dùng gỗ Khư-đà-la làm chày kim cang độc cổ, dùng chân ngôn Kim Cang gia trì, cũng tùy theo nơi chốn phương hướng.

Đây nên tự thân đồng với tất cả Kim Cang, sau đó mới làm. Làm quyết này là dùng Kim Cang độc cổ, ba cổ thì trừ chi cổ ở bên cạnh tức là độc cổ. Kim Cang Quyết Nhỏ gọi là Kim Cang Châm, hoặc tất cả chướng dứt, lại nói nhớ nghĩ Chân ngôn, đại ác, bất động, đại lực, gốc Mạn-đồ-la đều ở trong đó, người trì tụng làm Mạn-đồ-la, ở trong làm hình tượng, chân trái đạp đảnh kia, phải trừ bỏ sinh tử, không nghi ngờ.

Lại nữa, nói phương tiện khác, là phương tiện trừ tất cả chướng, tức là trước đã nói Minh vương bất động, minh vương bất động này là Mạn-đồ-la gốc; tức là Mạn-đồ-la Tam Giác màu đen trong đó. Người đời tụng tự tưởng thân mình là tượng minh vương bất động, lại ở trong đây tác pháp có hai ý:

1. Tướng Bất động tôn ở trong đàn Vuông mà dẫm đạp trên kia.

2. Tưởng tự thân là bất động Tôn, tức dùng bản chân ngôn ấn để gia trì và đạp trên kia.

Trong tam giác vẽ kia làm hình chướng ngại, sau đó vào trong, dùng chân trái đạp lên đảnh kia, hình tướng rất giận dữ để gia trì, kia ngay lúc ấy phải lùi tan, nếu kia trái ngược ngang ngạch không nghe

theo lời dạy bảo không đi, cho đến sẽ tự cắt đứt mạng sống của mình, thế nên người trì tụng, phải sinh từ tâm nghĩ rằng, chờ để kia cắt đứt mạng sống, nhưng mật ý trong đây, nói là chướng, chính là từ nơi tâm sinh các pháp san, tham... hay làm tất cả việc chướng người tu hành. Nay Minh vương bất động, tức là trí Nhất thiết trí đại tâm Bồ-đề, phải biết tâm này tức là năng lực rất lớn mạnh, có thể vĩnh viễn làm hại lỗi theo mắt... khiến kia mất hẳn, tức nghĩa là chết.

Như Du-già nói rằng: Lúc Đức Phật mới thành Chánh giác, nhóm hợp tất cả chúng hội Mạn-đồ-la trong ba cõi, có Ma-hê-thủ-la, tức là người đứng đầu trong tam thiên đại thiên thế giới, trụ trong tam thiên đại thiên thế giới, tâm kiêu nạm cho nên không chịu theo đến chỗ mời gọi mà nghĩ rằng: Ta là người đứng đầu ba cõi, còn có ai cao quý hơn nữa mà vời ta đến? Lại nghĩ rằng: người trì chú kia, sợ tất cả vật dơ bẩn, nay ta hóa làm tất cả vật ô uế, vây quanh bốn mặt và ở trong đó, thì chú thuật của người ấy có thể làm được gì.

Khi Minh vương bất động vâng lời dạy các Đức Phật mời gọi kia, thấy kia làm việc như thế, liền hóa thành thọ xúc Kim Cang (tức là bất tịnh Kim Cang) khiến kia nhận lấy.

Bấy giờ, Bất tịnh Kim Cang, chốc lát ăn hết các uế đã có không còn gì cả, bắt kia đem đến chỗ Đức Phật, kia lại nói bọn ngươi là loại Dạ-xoa, còn ta là người đứng đầu các trời, đâu thể thọ mệnh lệnh của các ông, liền tìm trốn về, như thế bảy lần.

Bấy giờ, Minh vương bất động bạch Thế-tôn rằng, hữu tình này vì sao phạm pháp Tam-muội-da của các Đức Phật ba đời, vậy phải dùng cách nào đối trị? Phật dạy liền phải cắt đứt mạng sống của kia, lúc ấy Minh vương bất động liền bắt giữ kia, dùng chân trái đạp lên đảnh của kia trong nửa tháng, dùng chân phải dẫm trên đầu vợ của kia hơn nửa tháng.

Bấy giờ, trời Đại tự tại liền qua đời, ngay trong khi chết ngất, chứng vô lượng pháp và được thọ ký, ở thế giới khôi dục thành Phật hiệu là Nguyệt Thắng Như lai, đây đều là Bí ngữ.

Ăn tất cả vật dơ, đó là ăn các pháp dơ bẩn cặn bã nghiệp ác phiền não... của kia. Nói qua đời: Là tất cả tâm pháp của kia dứt hẳn không còn, nhập pháp tánh Vô Sinh cho nên trong đó được tất cả Phật thọ ký, không phải chết.

Bấy giờ, các vị trời... thấy vị thiên chủ của tam thiên đại thiên thế giới, do không thuận theo các Tam-muội-da cho nên tự nhận lấy cái chết, tất cả kinh hãi nói rằng với nhau, Thiên tử còn như vậy, ta làm

sao không đến? Liền cùng đến chỗ Đức Phật, ở trong Mạn-đồ-la lớn mà được lợi ích.

Bấy giờ, Minh vương bất động bạch Phật rằng, trời Đại tự tại này lại phải làm thế nào?

Phật dạy: ông nên làm cho trời Đại tự tại sống dậy, bấy giờ, Minh vương bất động liền nói chân ngôn pháp giới sinh.

Bấy giờ, Đại tự tại liền sống lại, sinh tâm rất hoan hỷ bạch rằng: Rất là ít có, ta vừa vời đến đã hỏi Phật, Dạ-xoa này thuộc loài nào ta không hiểu, Phật đây là người đứng đầu các Đức Phật, ta nghĩ rằng các Đức Phật là tất cả bậc tôn quý, vì sao tôn người ấy làm người đứng đầu?

Như thế ta không hiểu, nay mới biết, do năng lực của Đại vương này, giúp ta hiện tiền được thọ ký thành Phật, phải biết chân thật tôn kính các Đức Phật. Vì sao? Vì trời Đại tự tại đứng đầu tam thiên đại thiên thế giới, chính là tự tâm chúng sinh, cái gọi là "Vô Minh trụ địa" từ vô thỉ, đối với các hoặc được tự tại, chỉ trừ tâm Bồ-đề không thể hàng phục, cắt đứt mạng sống kia xong, liền ở trong cõi vắng lặng mà chứng, cái gọi là "sinh": tức là khởi Phật tuệ Môn, do đó hành giả Chân ngôn, phải mỗi mỗi tư duy mật ngữ của các Đức Phật. Lại pháp dùng hạt cải và các thuốc độc, hai thứ hòa với nhau làm thành hình tượng người làm chướng ngại kia mà dùng xoa lên, khiến thân kia như lửa đốt, chóng bị trúng thương, cho nên nói mau đắp mặc lấy, cho đến Đại Phạm... làm chướng còn đắp mặc, huống chi những người khác.

Lại pháp này, đều là người trì tụng lâu được thành tựu, hiểu pháp thì mới làm được. Nếu chỉ nghe pháp, mà cầu được dụng như thế, thì không có lý này. Cây cọc bằng gỗ Khư-đà kia, chắc chắn không có gỗ này, dùng cây khổ duyên cho đến dùng chốt sắt cũng được. Đủ là trí đầy đủ.

Bấy giờ, Kim Cang thủ bạch Phật rằng, con cũng biết tự Mạn-đồ-la, vị trụ Thế-tôn như thế, tôn chủ hiện oai khiến làm ngôi vị kia, như thế Như lai dạy bảo không dám che giấu. Vì sao? Vì Phật Tam-muội-da này là thầy của tất cả các chân ngôn. Nói tánh trụ, nghĩa là Kim Cang Thủ bạch Phật rằng, năng lực rộng lớn của Minh vương bất động này, có thể làm việc oai mãnh như thế, có khả năng điều phục, làm người truyền giáo pháp bí mật của Như lai, như Bản Tôn là Phật Bộ, tức là bậc ngồi trong kim luân, nếu làm như thế chắc chắn có linh nghiệm, ở đây hiện ra oai nghiêm tức là lời hiệu nghiệm, bảo làm là nay nói nếu làm như thế sẽ có hiệu nghiệm, trong các sinh tử khắp được nghe biết,

không dám che dấu Chân ngôn này, thế nên người từ Kim Cang, sức rất lớn mạnh không dám che giấu. Nghĩa là tôn vị này có kinh nghiệm do đó việc lành làm được đều thành tựu, các người gây chướng không dám che giấu giáo sắc của Như lai.

Phải làm việc, đây cũng là Tam-muội-da của các Đức Phật trong mười phương ba đời, tất cả Chấp kim cang chúng ta cũng phải làm việc nên làm, tùy theo Tam-muội-da này không dám thiếu mất. Vì sao? Vì đây chính là họ của các Kim Cang, vì thế cho nên thường trụ trong pháp này. Bốn họ mỗi họ đều có gia pháp, nếu mất gia pháp thì không gọi là tôn kính lời dạy của ông cha trước, người đời gọi là con hư nay bậc rất hùng mạnh này, điều phục việc khó điều phục, nói ra giáo pháp khó tin, đó là pháp của giòng họ Kim Cang chúng ta, đó là gia pháp của dòng họ Như lai, là các chân ngôn của Bồ-tát, hàng Bồ-tát tu hành chỗ gốc là trụ ở tất cả việc làm, đó là ý của Kim Cang thủ dùng thân khuyến khích người tu hành cố gắng, chúng ta cũng nên làm việc. Nếu người tu hành trì chân ngôn, cũng trụ ở giai vị này, đó là gia pháp Như lai, nên dùng vô lượng môn hàng phục các chướng, khiến cho pháp của Như lai không dám che giấu.

Người tu hành này cũng đến chư Tôn, nếu muốn làm hàng phục thì phải tự thân làm Bất Động Tôn trụ trong hỏa luân... Đức Phật dạy như thế, Bí Mật Chủ nói “Như” Như thế, tức là “ấn” có thể thành như ông đã nói.

■

ĐẠI TỲ-LÔ-GIÁ-NA THÀNH PHẬT KINH SỚ

QUYỂN 10

Phẩm 3: **TỨC CHƯỚNG THỨ BA** (Tiếp Theo)

Này Bí Mật Chủ! Nếu nói các màu sắc của các Mạn-đồ-la và Tôn sắc của các tôn vị kia, trước Phật đã nói: nghĩa là Bổn Tôn mỗi vị đều có hình sắc, sẽ nói ở sau, như trên nói tuy theo Bản vị mà làm sự nghiệp; nay lại nói về sắc, nghĩa là ở trong hội đã có các tôn vị, nếu thấy Bản Tôn màu vàng thì phải ngồi trong Kim luân, trắng thì ngồi trong Thủy Luân, đỏ thì ngồi trong hắc phong luân.

Kế là ở dưới có màu chữ tiếng Phạm âm khác, đây là hình tướng, như thấy dung mạo vắng lặng thì phải ngồi đàn tròn... so sánh mà nói, mỗi mỗi nương vào giáo pháp mà vẽ, đó là Cổ Phật đã dạy, đạo lý kia mầu nhiệm không giống như việc ta nói, muốn giúp cho chúng sinh khởi lòng tin chắc chắn.

Này Bí Mật Chủ! Đời vị lai sẽ có chúng sinh trí tuệ yếu kém không tin nghe lời nói này, vì trước không có tín căn nên nghe lời nói này mà không thể tin, do đây mà những chúng sinh độn căn thiếu trí, không có lòng tin, vì thế nghe việc rất sâu xa này không thể hiểu rõ, càng tăng thêm lưới nghi ngờ, đây chính là nói nguyên nhân làm chướng.

Như thế, vẽ chân ngôn và trì tụng... mỗi mỗi đều có ý sâu xa, đều là việc không thể suy nghĩ bàn luận của Như lai, như người được thuốc như thế, liền có khả năng bay lên hư không hoặc nhảy vào lửa... đây là chỉ các duyên hòa hợp cho nên quyết định bất hư, chẳng phải là bất hư, không phải chỗ các người cần so lường nói nguyên nhân ấy, như màu vẽ này... nếu nương vào pháp không nghi, mới có thể thâm nhập được cảnh pháp giới bất tư nghì, đây chỉ có người có lòng tin mới nhập được. Nếu muốn dùng tâm sở bói lường thì làm sao biết được nguyên nhân mà không nghi ngờ ư? Như người đời được thuốc bay lên hư không, việc này ông còn không thể hiểu hết mà tâm ngu dốt khinh chê, nói không phải pháp chân không Vô tướng của Như lai, chỉ tự tổn thương, nghe chỉ

trụ vững mà không tu, người và mình đều tổn hại, như thế, nói có pháp ngoại đạo... như thế không phải lời Phật dạy, người ấy dù nghe pháp này nhưng không thể quyết định tín tâm.

Như thuyết tu hành mà cầu linh nghiệm hiện tại, vì không thể cho nên lại sinh chê bai, làm sao dùng pháp chấp tướng như thế mà có thể thành Bồ-đề, đây chắc chắn là lời của ngoại đạo... chẳng phải Phật pháp, như người được vị cam lộ cõi trời, nhưng phải quyết tâm sinh tín mà uống, mới tự thấy hiệu nghiệm, miệng không uống mà cầu ban ngày bay lên trời; do không được biết trước, lại chê thuốc này, phải biết đó không phải là người trí, cho nên người vô trí kia hiểu biết như vậy.

Phật Nhất thiết trí, tất cả pháp đã được tự tại lợi ích chúng sinh, chữ dĩ này cũng nói là thông đạt, là nghĩa chánh. Nghĩa là đầy đủ nghĩa phương tiện, không việc gì không hiểu, trước đây đã nói tất cả, tiếng Phạm thì vòng vo. Văn trên đã nói các Đức Phật, nay câu dưới đây, mới nói trước Phật nói như vầy, kia đây tất cả nói người mong cầu lợi ích, người ngu kia không biết tướng không của các pháp, nói tướng tất cả các pháp, thường phải trụ ở Chân ngôn "tác nghiệp", người khéo không nghi ngờ thì ý này nói, Như lai có Nhất thiết trí, đối với các pháp đều được tự tại, do chúng sinh trí tuệ thấp kém, chưa thể sớm nói lực dụng tự thể bất tư nghì của Như lai, cho nên làm những phương tiện màu vẽ này, khiến các chúng sinh tùy theo việc làm, có thể đầy đủ chỗ mong cầu và được lợi ích. Vì sao? Vì các chúng sinh chưa hiểu tướng không của các pháp.

Vì thế cho nên ở trong vô tướng mà làm hữu tướng phương tiện mà nói, nếu người hiểu được ý sâu xa của Phật, thường ở trong hạnh "Chân thường" mà an trụ, các "hữu" đã làm đều nhập lý thể, giống như tâm của trí Nhất thiết trí, người không lo nghi như thế, tất cả pháp chướng ngại không được dịp làm hại.

Phẩm 4: PHỔ THÔNG CHÂN NGÔN TẠNG

Bấy giờ, trong các vị Chấp kim cang thì Kim Cang thủ làm bậc thượng thủ; trong các Bồ-tát, thì Bồ-tát Phổ Hiền... làm thượng thủ. Trong các Phật thì Phật Tỳ-lô-giá-na làm thượng thủ, trong Đại bi thai tạng sinh Đại Mạn-đồ-la Chúa, như chỗ thông đạt pháp giới thanh tịnh môn, mỗi mỗi nói rộng chân ngôn cú nói ưa muốn thỉnh Phật.

Đó là các Bồ-tát Kim Cang, vì muốn thành tựu đầy đủ pháp này, thảy đều cúi lạy Như lai Đại Nhật xong, ở từ tâm lại thông đạt pháp môn thanh tịnh pháp giới, mỗi mỗi ưa muốn tự bày tỏ. Vì sao? Vì là thể của pháp giới thanh tịnh Đại Mạn-đồ-la vương như thế, mỗi vị Bồ-tát đều từ một môn mà được tự tại, xứng với chỗ hiểu kia mà nói rộng, nếu có chúng sinh, từ một môn kia mà tiến hành, không lâu liền được đồng với Bồ-tát kia, các Bồ-tát này, đều là đức nội chứng của Đại Nhật Như lai, vì muốn mở rộng cửa tri kiến, nên mỗi Bồ-tát đều giảng nói một môn.

Bấy giờ, Đức Phật Chấp kim cang kia và Bồ-tát, đem vô tận pháp nhĩ gia trì bảo rằng: Này các thiện nam! Nói đúng như sự thông đạt pháp giới chúng sinh giới tịnh trừ chân ngôn Cú: Khi Đức Phật thuận theo sự mời thỉnh của kia, dùng vô tận đây, hoặc cái gọi là không hại, hoặc cái gọi là không lay động, hoặc cái gọi là không hư hoại, lấy nghĩa dưới làm chính, như người đời tranh luận bị thua không thể giúp được, lại có người có thể xa lìa lỗi lầm kia, người khác không thể khuất phục, nghĩa bất hoại là như thế, năng lực Vô tận trang nghiêm tự tại, pháp như thế đã được năng lực vô công dụng, lại gia trì khắp các chúng sinh kia, sau đó bảo rằng: Thiện nam! Nay cái gọi là, như ông tự đã thông đạt môn pháp giới, vì muốn trừ sạch dơ bẩn của luống dối trong tất cả chúng sinh giới, đều khiến đồng chân pháp giới vô tận tạng kia, mỗi mỗi phải tự nói Chân ngôn cứ.

Khi Bồ-tát Phổ Hiền, trụ ở Tam-muội cảnh giới Phật trang nghiêm, dùng năng lực vô ngại nói Chân ngôn, trong các Bồ-tát kia làm thượng thủ, ở cảnh giới Phật này trang nghiêm pháp môn mà được tự tại, ngay lúc ấy nhập Tam-muội này. Cảnh giới Phật: Đây là các Đức Phật tự chứng cảnh giới chân thật, hàng Thanh văn không thể sánh bằng, như phẩm Phương Tiện trong kinh Pháp Hoa có nói. Trang nghiêm: tức là thể tự chứng của Như lai, thể có vô lượng đức, mỗi đức có vô lượng tên, dùng vô tận trang nghiêm mà tự trang nghiêm, đây chính là pháp bất tư nghì, xa lìa danh tự, vì sao ở trong định này lại có ngôn thuyết được?

Nghĩa là Bồ-tát kia trụ trong Tam-muội này cho nên được năng lực vô ngại, từ khuôn mặt của tự tâm kia phát ra các thứ ánh sáng, trong ánh sáng nói Chân ngôn này.

Tam nạn đa nô yết đa, vi la xà, đạt ma nễ xà đa, Ma-ha ma ha.

Ý này nói, Đẳng: tức là các pháp rốt ráo bình đẳng. Tấn: nghĩa là đi, nghĩa là Đức Phật khéo đi qua mà thành chánh giác, nhưng pháp giới bình đẳng này không đi không đến, làm sao có đến, đi? Sau giải thích rằng, do có thể trừ cấu lìa tất cả chướng, đó nghĩa là thắng tấn không đi mà tiến lên trên hết là "Thiện thệ", do đi lên như thế, có khả năng trở thành "pháp" sinh, tức là từ pháp tánh bình đẳng mà sinh trong nhà Phật, vì thế tiếp theo nói "Đại" ở trong "Đại", tức là đẳng đẳng vô ngại, chứng trong "Đại không" Đại không là cảnh giới Phật.

Nhưng Chân ngôn này lấy chữ Ha làm thể, ha là Vui, nghĩa là tu hạnh mà Bồ-tát tu, nếu chúng sinh từ pháp môn này, mà thọ trì đọc tụng hoặc quán chiếu thì đồng với môn của Bồ-tát Phổ Hiền, không bao lâu sẽ được năng lực tự tại Tam-muội cảnh giới trang nghiêm của các Đức Phật.

Bấy giờ, Bồ-tát Di-lặc trụ trong Tam-muội Phổ biến đại từ phát sinh. Tự tâm nói: Khắp nghĩa là bình đẳng, đủ khắp tất cả pháp giới, xứng với pháp giới Vô sinh Đại Từ, có thể ban khắp tất cả chúng sinh niềm vui chánh pháp, đó là chỗ họ nhập môn, như kia đã đạt đến, vào trong Tam-muội mà nói Chân ngôn, vì thế nói là tự tâm nói, nói nghĩa cũng như trên.

A thệ đơn xà tà tát pha Tát-đỏa a xa da nô kiệt đa.

Nhưng chân ngôn này lấy chữ A làm thể, tức là sinh nghĩa vốn bất sinh, ấy là sinh, già, bệnh, tử tất cả pháp kia thay đổi mà thể thường tự không sinh nghĩa là chữ A. Do biết tự tánh các pháp bất sinh, thế nên tất cả chúng sinh không có gì hơn, trên không gì bằng.

Lại có thể biết pháp thể bất sinh, cho nên soi suốt tâm tánh tất cả căn cơ, không chỗ nào không biết rõ, tùy theo chỗ kia thích hợp mà thành tựu, tức là trên hết ở trong Từ, khắp thí cho tất cả chúng sinh không có cùng tận thì không bao lâu sẽ giống như hạnh Bồ-tát Di-lặc.

Bấy giờ, Bồ-tát Hư Không Tạng, nhập cảnh giới Tam-muội thanh tịnh từ tâm nói, nghĩa là trụ Tam-muội này, có thể biết bản tánh thanh tịnh của tự tâm. Hiểu rõ cảnh pháp giới thanh tịnh như thế, tức là bí mật tạng đại không; lại Hư không tạng này tức là Đại bi thai tạng, có thể nuôi lớn thành tựu tâm Bồ-đề.

A (là lớn), Ca xa (nghĩa là hư không), Tam Mạn Đa (Đẳng), nghĩa

là tất cả pháp giống như hư không), Nô biệt Đa (hiểu biết), Phệ Chất đát lãm (y tạp sắc), nghĩa là các thứ hiển sắc kỳ lạ), Phạ (đại), La (y), Đà (nghĩa là nắm giữ), La (đắp mặc, đức này sinh tức đắp các thứ y), Chân ngôn này lấy chữ A làm thể, A là bản thể vốn bất sinh, nay chữ A này là Thanh thứ hai, tức nghĩa là "không", do vốn bất sinh cho nên đồng với hư không, tự hiểu biết được như vậy.

Y tạp sắc: tức là các thứ muôn đức trang nghiêm pháp môn, nếu người chứng được không Tam-muội này thì có thể dùng muôn đức trang nghiêm thân kia, như hư không trong sáng thấy rõ hiển sắc, ngoài ra y theo trước nói.

Bấy giờ, Bồ-tát Trừ Nhất Thiết Cái Chướng nhập vào Tam-muội Chân ngôn Bi lực mà nói, tức là Bi của pháp tánh, dùng năng lực tự tại dứt trừ tất cả cái chướng cho tất cả chúng sinh, vào trong chướng này mà được tự tại, trụ trong chướng này lại có thể dứt bỏ, đó là đại bi của Như lai.

A (là nghĩa hàng phục, nghĩa nhiếp phục, đây là bản thể chân ngôn, chữ A vốn Bất sinh, thanh dài chữ thứ hai là Tam-muội Kim cang, lại thêm chấm Bất động nghĩa là hàng phục). Tát đỏa hệ đa (lợi ích hữu tình), Phiếu Lưu Kiệt Đa (phát khởi, sinh khởi), Đán lãm đán lãm (đán tức là nhiều chữ nghĩa như như, Lam có chữ La là nghĩa là Vô cấu, thêm một chấm là chữ ma, tức là chứng nhập đại không). Lam lam (trong chữ La nghĩa vô trần, thêm một điểm tức là chứng đại không).

Ý chân ngôn này nói, thể hợp với như như, nhờ năng lực tự tại này mà dứt tất cả cái chướng, bụi nhơ, chứng nhập không, không ở trong không tức nghĩa là đại không, tướng này nhỏ nhiệm khó dứt trừ, khắp nơi nói Tam-muội phá vô minh, dứt sạch tướng hoặc trong tự thể, do đó nói lập lại, hai chữ lam lam, lại còn nói lập lại, lại giải thích lẫn nhau.

Do trụ chữ lam cho nên có thể vì tất cả chúng sinh, làm lợi ích lớn, phát sinh tánh này dứt bỏ các dơ bẩn. Nếu có chúng sinh nhập môn Chân ngôn này thì không bao lâu liền đồng đức của Bồ-tát kia. Hễ khi quán chiếu chỉ lấy bản thể một chữ làm chủ, trì tụng thì lời đầy đủ, đây chính là hạt giống của chữ.

Lại các chữ theo thứ lớp cùng giải thích, như trước hết có chữ A, theo thứ lớp của chữ đều chuyển thích, y theo trong tự môn ở trên không khắp thì không gọi là phổ, dùng phổ nhãn này mà quán sát chúng sinh, do đó gọi là "Quán tự tại", nhập Tam-muội này rồi, từ tâm kia phát ra các thứ ánh sáng, trong ánh sáng hiện bày pháp môn chân ngôn.

Tát phạ tát tha kiệt đa, phạ lộ cát đa oa lô ni mi dã, la la la. Hồng

là nghĩa sợ hãi, do dùng năng lực tự tại rất oai mãnh khắp sợ hãi, khiến ba lớp trần chướng được trừ sạch mà đồng Phật nhãn. Nhạ chữ sau cùng này là hạt giống, các chữ đều đều giải thích nghĩa chữ này, ngay nơi sinh là bất sinh nghĩa là chữ Xà, hoặc lấy chữ Tát đầu tiên làm thể, cũng đồng dùng, nghĩa là cảnh giác. Trong chữ Hồng có chữ Ha, nghĩa là hoan hỷ, trên có chấm không là Tam-muội, dưới có vẽ Tam-muội, trong đây chữ dưới cũng vẽ Tam-muội, hai Tam-muội hợp làm.

Các Đức Phật ba đời đều đồng pháp quán này, nên gọi là đẳng quán. Đắc đại thế cũng nhập Tam-muội này đồng với Quán Âm, cho nên quyến thuộc nghe theo, nhiễm nhiễm nghĩa là sinh, cho nên có hai lớp, trên là phiền não chướng sinh, dưới là sở trì chướng sinh, nhập tự môn A tức là nêu thể hai sinh đều bất sinh. Trên có chấm nghĩa là đại không, nghĩa là trừ hai chướng thì được "đại không" sinh.

Chữ Sa là thể của hạt giống chân ngôn. Sa nghĩa là bất động, bất động trụ trong pháp động thì có sinh diệt, hễ vật có sinh diệt thì có trụ ở trong tướng động, vì thế kinh chép: Pháp động, bất động đều là tướng bất an, thêm hai chấm ở bên cạnh giống như Niết-bàn, tức nghĩa là an trụ vững chắc.

Đã lìa hai chướng đồng với đại không, an trụ vững chắc ở địa vị này như các Đức Phật an trụ, tức là địa vị thế lớn. Như người đời có quan vị lớn, các tài lực dồi dào, uy phục nhiều người gọi là người có thế, thế này tức là địa vị. Nói vượt qua nhị sinh đồng với Phật sinh, tức là địa vị của Như lai, đắc đại vị đại thế này, cho nên gọi là "Đắc đại thế".

Tiếp theo, Đa-la-tôn cũng là quyến thuộc của Quán tự tại, Tam-muội sở nhập cũng đồng như trước nói.

Ca lô noa đà bà phí đa lệ đa lợi ni.

Đa: nghĩa là Như như, một chấm bên cạnh là chữ A, nghĩa là hạnh "như như". Chữ La là bụi, sáu bụi (sáu trần) tức là biển lớn sinh tử, quán lý tánh như như này thì tất cả các trần lao, liền đồng với "như", xưa nay không sinh, tức nghĩa là biển rộng lớn. Có thể vượt qua các biển lớn sinh tử này, tức là đối với các pháp qua được. Trùng ngôn: Tiếng Phạm giải thích là sáu độ, mình được độ xong, lại độ khắp tất cả chúng sinh, do đó gọi là cực độ, nếu người chưa được độ mà độ người thì không nên như vậy. Nếu tự độ lại độ được người thì việc ấy là đúng.

Tiếp theo, chữ Đa tức là thể của Như lai. Quán sát:"như như" mà qua biển lớn trần lao, được thành tự thể. Như lai, như trong đại bản có 500 đa-la tôn, đều từ mắt Quán Âm sinh, đều là chị em Tam-miệu A-di-đà.

Thứ đến, Tỳ-câu-chi nhập Tam-muội, như trước.

Tát bà bội dã, đá la tát nễ hồng tát phả tra dã tóa ha.

Sở dĩ nói lại sợ hãi,vì tất cả chúng sinh đều có sợ hãi, do chưa được “Vô úy”, nhưng ở trong đây mà sinh biếng nhác ngạo mạn, ngã chấp tự cao, cho nên làm cho kia sợ hãi, lìa có sợ mà được không sợ, do làm cho kia sợ hãi để được không sợ hãi, vì thế nói lập lại. Tàn hại, tức là phá tất cả chướng, nhưng chân ngôn này lấy đa-la tự làm thể, các chữ đều đều giải thích chữ này.

Đa là như như, la: là bụi, bên góc có một chấm là A, A là hành. Các trần lao thể đồng với như như, do hành như như này sẽ chiết phục phá diệt tất cả ngọn cờ sinh tử, kiến, mạn, nga,ý chấp, đó nghĩa là đại tồi phục (phá diệt lớn). Trong đại hội của Phật, thì các Kim cang hiện ra hình dáng rất đáng sợ để hàng phục, bấy giờ Quán âm ở vết nhăn trên trán là hiện ra Bồ-tát này, như người đời khi giận dữ trên trán có nếp nhăn. Bồ-tát này hiện thân làm hình tướng rất giận dữ, bấy giờ các Kim cang đều sinh tâm sợ hãi, nhập trong thân Kim cang tạng, bấy giờ Tỳ-câu-chi kia tiến đến trước Chấp kim cang tạng.

Khi ấy, kia cũng rất lo sợ, vào dưới tòa Như lai mà thưa: Xin Phật cứu giúp con, lúc đó, Đức Phật bảo Tỳ-câu-chi kia rằng: Hãy đứng lại.

Khi ấy Tỳ-câu-chi liền đứng lại rồi bạch Đức Phật: Xin Đức Phật dạy bảo con sẽ vâng làm.

Bấy giờ, các Chấp kim cang liền hết sợ hãi, đều rất hoan hỷ mà bạch rằng, Bậc đại bi này, có khả năng hiện năng lực rất oai mạnh này, rất là ít có. Trong đây, ý sâu kín nên hỏi, tiếp đến bày tỏ chỗ ở của Bồ-tát.

Bản tiếng Phạm đang còn là đát tha kiệt đa, tỳ xá dã, tam bà phệ, bát đầu ma, ma lợi nề.

Nhưng Chân ngôn này lấy chữ Đát đầu tiên làm thể, tức là như như. Như như tức là cảnh giới các Đức Phật. Nay ta từ kia mà sinh. Bạch: tức là tâm Bồ-đề, trụ tâm Bồ-đề này, tức là chỗ tự trụ, tâm Bồ-đề này từ cảnh giới Phật sinh ra thường trụ ở đây có thể sinh ra các Đức Phật, đây là mẹ Quán Âm, tức là Liên Hoa Bộ chủ.

Kế đến là Bồ-tát Mã Đầu. Hồng (nghĩa là sợ hãi) Khư-đà (nghĩa là ăn nuốt, nghĩa là nuốt các chướng, nhưng Chân ngôn này lấy chữ khư làm thể, chữ Khư là không, chấm bên góc là hành, đà nghĩa là trao cho). Có chỗ nói không: là tướng thật các pháp, hành ở đây là thực hành mà được quả tướng thật các pháp, lại thường đem đây mà trao cho người.

Ở đây nói ăn nuốt tức là đem không này thực hành, nhốt tất cả

pháp làm chướng ngại Bồ-đề.

Bạn-xà: (Bạn là ba cõi Dục, Sắc và Vô sắc. Xà: là sinh, hợp hai chữ để nói tức nghĩa là thuận theo sự phá hoại).

Tát-phổ-tra-dã (Phổ: phá vụn cho hết, nghĩa là do thực hành "không" này mà phá tất cả pháp, khắp không còn sót). Trừ tướng thật các pháp, ngoài ra đều là pháp chướng ngại Bồ-đề, do ăn nuốt phá hoại pháp này không còn cho nên trở thành đại thế rất uy mãnh, Bồ-tát này là Minh Vương Liên Hoa Bộ.

Kế là Chân ngôn Bồ-tát Địa Tạng: Bấy giờ, Bồ-tát nhập Tam-muội Bất phá hoại Kim cang hành, Kim cang tức là tâm Bồ-đề, Tâm Bồ-đề này không thể phá hoại, nương đây mà đi lên ấy là Kim cang hành.

Ha ha ha (Chữ ha trước là thể Chân ngôn, ha nghĩa là hành, cũng là nghĩa lười, nghĩa vui, Nhập tự môn A thì lìa vui (hỷ), vui tức là pháp sinh diệt). Sở dĩ có ba tức là hành ba Thừa.

Bồ-tát này đem các pháp môn làm lợi ích chúng sinh.

Tô-đa-nô (Tô là tốt, Đa-nô là con, nghĩa là con tốt, cũng là nghĩa nhẹ nhàng) do khéo thực hành lợi ích hữu tình này, cho nên là đệ tử chân chánh của Phật, từ tánh lành sinh ra, do đó gọi là Thiện tử (con tốt). Bồ-tát này có khả năng nói các hạnh môn ba thừa, lợi ích chúng sinh, như trong Thập luân có nói rộng.

Kế là Văn-thù nhập vào Tam-muội Phật gia trì thần lực.

Tam-muội Gia trì này như ở đầu Kinh Tỳ-lô nói.

Hê-hê (nghĩa là kêu gọi), Cu-ma-la-ca (nghĩa là đồng tử, tức là kêu gọi khiến nhớ bản nguyện).

Lại, Câu nghĩa là phá dẹp.

Ma-la: là quyến thuộc của ma, đó là bốn ma.

Chân ngôn này lấy chữ Ma làm thể, tức nghĩa là Đại không, chứng Đại không này thì có khả năng phá hoại tất cả Ma.

Tỳ ngục ngật để, bát tha tất thể đa (giải thoát đạo trụ: nghĩa là kêu gọi đồng tử này trụ ở Đạo giải thoát, tức là các Đức Phật giải thoát, có chỗ nói Đại Niết-bàn)

Sa ma la sa ma la (nhớ nghĩ, nhớ nghĩ)

Bát la để nhã (trước đã lập nguyện).

Ý Chân ngôn này nói: kêu gọi đồng tử trụ trong đạo giải thoát nhớ nghĩ bản nguyện đã lập. Tất cả các Đức Phật pháp thân thành Phật, nhập vào thể của thân, miệng, ý bí mật, tất cả có tâm không thể đến được, nhưng nhớ bản nguyện cho nên dùng năng lực tự tại, trở lại trong

sinh tử cứu giúp chúng sinh, ý chân ngôn này cũng giống như vậy.

Đồng tử ở đây pháp thân thành Phật đã lâu, cho nên xin ngài nhớ nghĩ bản nguyện mà cứu giúp chúng sinh. Do thỉnh bản nguyện Bồ-tát, nếu con có thấy, nghe, xúc, biết, nhớ nghĩ đều ở ba thừa mà đắc Tất định, cho đến đầy đủ tất cả nguyện, Bồ-tát này không lâu sẽ thành Phật, có chỗ nói thấy khắp Như lai, hoặc nói khắp hiện Như lai, dùng năng lực đại Bi gia trì, thị hiện thân Đồng tử.

Kế đến là Tam-muội Kim cang vô thắng, không còn gì so sánh bằng gọi là Vô thắng, do hiện biết thể Kim cang các Đức Phật có công năng giữ gìn trí của các Đức Phật, cho nên gọi là Chấp kim cang. Quy mạng các Kim cang, Kim cang tức là trí ấn các Đức Phật, tức là tên khác của các Đức Phật.

Chiến-đồ (rất ác, cùng cực của điều ác, nghĩa là hiện ra hình tướng bạo ác không có gì hơn, cho đến ăn nuốt tất cả thế gian không còn gì cả, nên nói là cùng cực của điều ác).

Ma-ha-lô-sất-noa (nghĩa là rất giận dữ, cùng cực trong điều ác mà lại rất giận dữ, chính là nói các Đức Phật oai mạnh bậc nhất, phá hoại hết hang ổ của kia ở thế gian, khiến nhập pháp giới trở về với Kim cang giới).

Hồng là thể của Chân ngôn này, nghĩa không sợ hãi.

Ha là hành, trên có chấm là Đại không, dưới vẽ là Định, có chỗ nói là Tam-muội Đại không hành, tức là tên khác của Tam-muội Đại Kim cang, do có khả năng hàng phục, không còn có ai hơn.

Kế là Kim cang mẫu, có chỗ gọi là Mang-mãng-kế. Mang nghĩa là mẹ (mẫu). Mãng-kế cũng là nghĩa nhiều (đa), tức là mẹ tất cả Kim cang, trí tuệ các Kim cang từ đây sinh ra.

Đát-lý-tra, đát-lý-tra; trong đây lấy chữ Đát lý ở đầu làm thể. Đa nghĩa là “như như”; La: nghĩa là lìa cát bụi(vô cấu). Y: là Tam-muội. Tức là Tam-muội Như như vô cấu, trí tuệ các kim cang do đây mà sinh. Chữ Tra bất thành là bán thể, phá hoại thể không thành tức nghĩa là tử (chết), do Tam-muội này, giết người ở vô minh trụ địa, đã giết vô minh trụ địa, cho nên Nhã-diễn-để nghĩa là thắng, cũng là nghĩa sinh, như hiểu rõ “Như như”, bụi dơ trừ sạch, sinh ra vô thắng, cho nên làm mẹ chúng, vô thắng mà sinh tức là sinh các Kim cang, Kim cang là Vô Thắng, cũng là sinh các người Vô Thắng, Vô Thắng sinh đây cũng gọi là cam lồ sinh.

Kế đến, Kim cang tỏa chân ngôn bạn-đà bạn-đà này. Chữ Phạ này, do ở dưới có chữ Na, lấy chữ này thêm ở trên chữ phạ, cùng chữ

Na này tức là chấm Đại không. Nếu trên chữ phạ để chấm thì sau chữ Đà không cần thêm Na. Trong đây lấy chữ bạn làm tâm, nghĩa là trói buộc, tức là Kim cang trói buộc.

Bạn-đà nghĩa là khắp hộ, là khắp mọi nơi dùng kia để thắt buộc, khắp tất cả nơi trói buộc kia, tức là trói buộc thể pháp giới kia một chấm nghĩa là khắp tất cả mọi nơi, đã hiểu rõ thể pháp giới Kim cang, trói buộc kia không để hư hoại, đó nghĩa là kết hộ, mộ tra mộ tra dã (nghĩa là bền vững), đã tạo ra Kim cang trói buộc, trên chỗ trói buộc lại trói buộc cho kia được vững chắc, đó là Kim cang sinh, từ Kim cang giới mà sinh, tức là trì Kim cang các Đức Phật sinh ra Tát phạ đa la bát la để ha để, đây là các thứ không thể làm tổn hại, như thể Kim cang báu tất cả không thể phá hoại, vận biết rõ thể tánh kim cang này, Kim cang trói buộc rất bền chắc, thể dày kín cho nên không thể phá hoại; Kim cang trói buộc thì Chân Như không kẽ hở.

Kế là chân ngôn Phẫn nộ nguyệt áp kim cang: Cát-lợi, lấy chữ Cát-lợi trên làm tâm.

Lợi nghĩa là thu nhiếp kêu gọi, cũng là nghĩa mời thỉnh. Có chữ ha là hành, có chữ ha là lìa bụi nhơ, trên vẽ thêm nghĩa là Tam-muội, hai chấm ở bên cạnh tức đồng với Niết-bàn, đây là đầy đủ công đức của các Đức Phật, nguyện ta cũng giống như vậy, tiếp theo chữ hồng nghĩa là sợ hãi, vì mau đầy đủ công đức của các Đức Phật, nên mạnh mẽ chuyển đến hạnh Tam-muội ly cấu đồng với Niết-bàn, làm tất cả các ma sợ hãi, đều khiến lui mất.

Bạn-tra nghĩa là quát mắng, tức là quát mắng tất cả ma chướng khiến tan biến.

Kế đến chân ngôn Kim cang châm. Tát phược đạt ma (tất cả pháp, lấy chữ Tát trên làm thể hạt giống), ni bệ đà nễ (nghĩa là xuyên qua), Bạt-chiết-la-tô-chỉ (là Kim cang châm) phạt la ý nói châm đây nghĩa là trí sắc bén, dùng trí sắc bén Kim cang này để xuyên suốt thì pháp nào cũng xuyên suốt, tuệ thông đạt ý pháp tánh, đó nghĩa là Kim cang châm. Điều này người ta nói xâu suốt tận vô minh cho đến bờ tướng thật.

Kế đến, chân ngôn Nhất thiết trì kim cang: Bấy giờ, số Kim cang như cát bụi trong mười cõi Phật, đồng nhập Tam-muội Kim cang vô thắng, giống như Kim Cang Thủ không khác, cũng ở tự tâm phát ra ánh sáng không thể suy nghĩ bàn luận, trong ánh sáng hiện ra Chân ngôn này, phải biết tất cả quyến thuộc y theo để có.

Hồng hồng hồng, lấy chữ Hồng đầu tiên làm thể, cũng là Tam-muội Đại không hành. Tam-muội này chính là người thực hành Vô

thắng Đại Kim cang, nhập Tam-muội này nên gọi là Tam-muội không hành. Ba chữ nghĩa là rất nhiều, tất cả chúng sinh ngợi khen Kim cang đồng nói cho nên hiệp ba chữ.

Bạn tra bạn tra Bạn tra (nghĩa quở trách chướng, đồng với ở trên, tư nghĩa là nói lại, tức là quở mắng ba Chướng, nhiễm-nhiễm-xà nghĩa là sinh, trên có một chấm là Đại không, đã phá các chướng, sẽ được sinh Đại không, tức là sinh ra các Đức Phật, sinh trí Kim cang, tức là sinh pháp thân các Đức Phật, như kinh Ương-quật chép: Sinh ra thân bất sinh này, chính là nghĩa ấy.

Tiếp theo, các vị phụng giáo giả nói Chân ngôn này: Ở đây chuyên nói về Bản Tôn, vâng lệnh qua lại tùy những việc đã làm, cũng giống như các Kim cang trên, nhập Tam-muội Đại Kim cang Vô Thắng mà nói Chân ngôn, tất cả các bộ này đều vâng theo lời dạy, cùng dùng Chân ngôn này.

Hê hê (chữ hê trước là hạt giống, cũng là nghĩa kêu gọi) hạ ở đây là hành, là hỷ, trong có chữ ế là Tam-muội, trọng đạo: nghĩa là thực hành hạnh rất cao, nghĩa là rất định.

Khẩn chỉ la duệ tế (vì sao không nhanh, đây nghĩa là ban dạy, như người phân xử sai khiến, vì sao không làm nhanh việc này mà lại chậm vậy).

Nghị lý ngân noa, nghị lý ngân noa (nghĩa là cầm nắm giữ gìn, nghĩa giữ gìn Tam-muội Kim cang hành ở trên nói, lần thứ hai nói lời này nghĩa là giữ gìn, đã cầm nắm lại giữ gìn, không để tan mất, không bị các chướng lấn đoạt, giúp Tam-muội Kim cang hành chóng thành tựu).

Khư đà khư đà nghĩa là ăn nuốt, ăn nuốt các phiền não, lại ăn nuốt hết, cho nên nói lập lại, ngầm nói ăn nuốt phiền não cả nội giới lẫn giới bên ngoài do đó lập lại).

Bát lợi bổ la dã (là đầy đủ), nghĩa là ăn uống hết, khiến no đủ, người tu hành có thắng nguyện lại khiến đầy đủ.

Nguyện thứ nhất là Tam-muội Kim cang hành.

Tát phạ chỉ ca la nẫm sa phạ, bổ la, để nhiễm (thanh đầu gốc lập nguyện, tùy theo chỗ lập nguyện trước của kia, sẽ được đầy đủ. Câu trên nói đầy đủ, câu dưới nói gốc lập nguyện, nối liền với nhau), sứ giả chung cả ba bộ đều dùng.

Tiếp theo Thích-ca Như lai nhập vào Tam-muội Bảo xứ, báu từ kia phát ra gọi là bảo xứ, giống như biển lớn phát sinh ra các thứ báu, nếu đến bãi bồi kia thì vật cần dùng tùy ý không gì không đủ.

Đức Phật nhập Tam-muội này rồi, từ trên mặt ngài phát ra các thứ ánh sáng, trong ánh sáng hiện Chân ngôn này, cho đến rộng khắp tất cả cõi Phật, các chân ngôn khác phải biết đều giống như đây mà nói.

Tát phạ cật lệ xa (tất cả phiền não). Nê tô đà na (bẻ dẹp chiết phục, chung cả câu trên là bẻ dẹp hàng phục tất cả phiền não).

Tát phược đạt ma (tất cả pháp). Phạ thế đa bổ la bát đa (được tự tại), chung cả câu trên là đối với các pháp được tự tại, nhờ trừ các chướng nên được tự do.

Già già na (hư không cùng).

Ba ma (trong thanh bằng có thanh a).

Sa ma: sa ma nghĩa là Vô đẳng, tức là sánh bằng hư không, là làm giống như hư không vô biên thanh tịnh, đối với tất cả tự tại vô ngại, đồng với danh tự, câu dưới cùng chữ A tiếp nối nhau đó là Vô đẳng, bất đẳng tức là Nhị thừa, do có nơi thiếu cho nên gọi là vô đẳng tức là lập bày quyền.

Nhưng Chân ngôn này, lấy chữ Tát đầu làm thể, sa nghĩa là lậu (lọt) cũng là nghĩa vững chắc. Nếu có vững chắc thì đó là pháp sinh diệt phá hoại. Nếu khiến giống như chữ A, vững bền này xưa nay không sinh thì đối với các pháp được tự tại, giống như hư không, có thể trở thành tất cả đảo ngọc báu Tư nghĩa là Đức Thích-ca dùng năng lực Đại bi, ở khắp thể dày kín giống như Kim cang Nhất-xiển-đề... cũng khiến phá hoại sự thấy biết này vào pháp Phật, lập nguyện lớn quý báu kia, há không phải đối với các pháp được tự tại, có khả năng phá tất cả sự cứng chắc hay sao?

Kế là Chân ngôn Hào tướng: đây là Như lai dùng vô lượng công đức mà ngài đã thành tựu để làm trang nghiêm, đây là nhóm công đức, vì thế làm Tam-muội hình nữ; là quyến thuộc của Đức Thích-ca cũng nhập Tam-muội Bảo xứ mà nói Chân ngôn này.

Phiên-la-đề (cho nguyện, có thể cho tất cả chúng sinh nguyện).

Phiên-la-bổ-la-bát-để (nghĩa là nguyện được, tức là được nguyện, như người có vật báu mới có thể cho người, do ta tự đã thành tựu nguyện này, mới có thể tự tại cho người, khiến đều đầy đủ. Hồng: tâm này là hạt giống, chữ ha là hạnh đồng với Đại không, có chữ Ổ là Tam-muội, dấu chấm là Tam-muội Đại không hành, nương vào đây tiến tu thì được đến “Bảo Sở”, do đó có thể tự tại cho người, khiến điều nguyện đầy đủ.

Tiếp theo, tất cả Phật đảnh: Tất cả Phật đảnh nghĩa là đảnh của các Đức Phật nhiều như số cát bụi trong mười phương cõi Phật. Đảnh

nghĩa là tôn quý hơn cả, ở chỗ cao nhất trong thân, chính là tên khác của Thập bát Phật Bất Cộng pháp. Hình tượng Bản Tôn này giống như Đức Thích-ca đầy đủ tướng Đại nhân. Chỉ có nhục kế trên đảnh làm hình búi tóc Bồ-tát là khác, cũng trụ trong Tam-muội Bảo Xứ mà nói Chân ngôn này. Sưu (không dám trái lại), Sưu sưu (lấy chữ Sưu thứ nhất làm hạt giống, nghĩa là trói buộc, nhập chữ A tức là nghĩ không trói buộc.

Lại phược nghĩa là đường "lời nói bặt", trên chữ có dấu chấm đồng với Đại không, đã rất thành tựu giúp thành tựu, cố ý nói ba lần, cuối cùng giúp thành tựu thanh tịnh. Hoặc nghĩa là sợ hãi dùng năng lực oai mạnh phá khắp các sự ràng buộc đồng với hư không.

Phán-tra nghĩa là bất sinh, giống như thể hư hoại không thể sống được, vì thế chắc chắn phải chết, nghĩa là phá hủy các pháp không đâu không khắp, đều khiến không bao giờ sinh lại, đồng với Đại không giải thoát của các Đức Phật, liền nhập đảnh Phật Bất cộng pháp.

Kế đến, Chân ngôn Vô năng thắng, là quyến thuộc của Đức Thích-ca, cũng nhập Tam-muội Bảo xứ như trên mà nói Chân ngôn, đây là hóa thân của Đức Phật Thích-ca, Thế-tôn giấu kín vô lượng thần lực tự tại, mà hiện ra thân minh vương phẫn nộ này, nghĩa là để hàng phục chúng sinh và hết các chướng.

Địa lăng, Địa lăng (chịu khuất phục) lấy chữ đầu làm thể, lấy Địa lăng thứ nhất làm hạt giống. Đà nghĩa là pháp giới, La nghĩa là các cấu trần chướng, cấu nhập tự môn A thì không còn bụi dơ tức là pháp giới, phải biết tức đồng với pháp giới, thì còn ở chỗ nào mà có bụi trần ư? Đây nghĩa là Đại không.

Nếu người trụ trong Tam-muội này thì tất cả cái, chướng đều dứt hết, nói lại nghĩa phá hết bụi chướng, do đó nói Tam-muội Vô trần. Có chỗ nói tự môn Lăng, tiếp theo nói chữ Tứ Lăng là Tam-muội, tức là các chướng không sinh mà được Đại không sinh, hạt giống của chữ này có các thứ định, tuệ, trang nghiêm, cho nên ở trong sinh tử được tự tại, Phật ngồi dưới gốc cây phá dẹp bốn chúng ma binh. Vô Năng Thắng: tức là nghĩa không thể phá hoại.

Kế đến, Vô Thắng Minh Phi làm thân hình người nữ, nói Chân ngôn này, nhập Tam-muội như trước đã nói.

A-ba (nhập) la-the-đế (vô năng thắng), Xà-diễn-đế (tên riêng của thắng, tức nghĩa là chiến thắng, nghĩa là có khả năng hàng phục người). Đa Trĩ đế (nghĩa phá dẹp, chịu khuất phục, trong đây chữ trà nghĩa là đánh nhau, Đức Phật ngồi ở đạo tràng, dùng lực định này đánh nhau với bốn ma, nhưng được thế lớn, không thể tổn hại, nhờ năng lực Tam-muội

này. Lấy chữ thứ ba làm hạt giống.

Tiếp theo, Chân ngôn Địa thần, đất có công năng giữ gìn muôn vật, tất cả muôn vật nương vào đất mà được sinh ra lớn lên, phải biết chính là tâm Phật, cũng là Thích-ca Thế-tôn phương tiện hóa thân.

Bát-lật-năng-Tỳ-duệ (tên vị thần đất), liền lấy tên kia mà được Chân ngôn, nếu người trì tụng tu tập, không lâu cũng được tâm địa Như lai. Lấy chữ thứ ba của Chân ngôn làm hạt giống chữ đó là nghĩa lìa ngôn thuyết, trong đó thanh y là Tam-muội. Nhập Tam-muội Ly danh ngôn này tức là chứng tâm địa, Tam-muội này gọi là Tam-muội chuyên chở khắp, vì đồng với Đại Địa. Chữ Tỳ Duệ ở sau cùng nghĩa là trói buộc, liền mở rộng ra, đó nghĩa là đối phó.

Ế là Tam-muội, cũng là tiếng chỉ vật, tức là chỉ cho thể của Chân ngôn kia, do tâm địa Tam-muội này xa lìa ngôn thuyết, đối với "Thừa" xa lìa sự ràng buộc mà được đi lên.

Kế là trời Tỳ-nữu, có rất nhiều tên riêng, tức là tên khác của trời Na-la-diên, là hóa thân của Phật, Tam-muội đồng với Tỳ-sắt-nữu-phí (tức là lấy tên gốc làm Chân ngôn) ở trước. Lấy chữ thứ nhất làm hạt giống. Tỳ nghĩa là không, Sắt-nữu nghĩa là tiến, nghĩa sinh, nương hư không mà đi, có chỗ nói vị trời này cỡi chim Ca-lũ-la mà bay giữa không trung, thầm nói Đức Phật Thích-ca ở trong Ngũ Bộ Phật nương tòa Ca-lũ-la, tức nghĩa là bay lên giữa hư không.

Tiếp theo, Lỗ-nại-la, cũng là hóa thân của Phật, là hóa thân của Ma-hê-thủ-la (cũng gọi là y-xá-na). Lỗ-đà-la-dã (tức là lấy tên gốc mà đặt Chân ngôn). Lấy chữ Lỗ làm tâm, Đà-la nghĩa là trao cho, giống như mình có nhiều đem cho người khác, có chỗ nói nương vào các thừa, tức nghĩa là Tự, tự thông đạt thừa quý báu như thế, có thể thí khắp cho tất cả chúng sinh. Lỗ tức là Tam-muội Ví bụi nhơ, tự được Tam-muội này lại đem cho người.

Kế đến Chân ngôn Thần Gió. Cũng là hóa thân của Đức Phật, Tam-muội như trước. Bà (bình) dã phệ (bình, tức là lấy tên gốc làm Chân ngôn) lấy chữ Bà làm thể, phệ nghĩa là trói buộc, nhập tự môn A nghĩa là không trói buộc, tức là giải thoát. Bên cạnh có chấm chữ A, tức là hành. Chữ phệ thứ ba nghĩa là Vô ngôn thuyết, lại thêm chữ Y là Tam-muội-da, ấy là các thừa, dùng Vô ngại thừa mà vượt qua tất cả.

Kế là trời Mỹ âm, các vị trời này ngâm vịnh rất hay, hơi khác Càn-thát-bà, kia là vị tấu nhạc.

Tát-la-tát-Phật-để-tuệ (tức là tên mỹ âm) lấy chữ Tát đầu tiên làm thể, đó nghĩa là vững bền không có thành hoại, các chữ khác đều

giải thích chữ này, ngầm nói dùng âm thanh nhiệm mầu làm vui lòng chúng sinh, dùng lời nói dịu dàng để vừa lòng mọi người, khiến được hoan hỷ, nói không bền chắc để biết là vô thường, xét được pháp bền chắc của Như lai.

Tiếp theo, Nô-lý-để, là chủ La-sát, cũng là hóa thân của Đức Phật. La (là dơ bẩn) Ngật-sát-sa là ăn, Sa nghĩa là bền chắc, đều nghĩa là có thể ăn). Kia thường ăn thịt chúng sinh; Như lai cũng giống như vậy, hay ăn tất cả trần chướng của loài hữu tình không biết thỏa mãn.

Đề-bát-để-duệ, chữ Đề có thanh Đà tức là pháp giới; thêm “y” là Tam-muội, tức là Tam-muội pháp giới.

Bát-để gọi là trụ, trụ Tam-muội pháp giới này gọi là khéo trụ. Quán sát tất cả cấu chướng tức là pháp giới nhập vào pháp giới, tức là nghĩa có thể ăn vào bụng. Chữ Duệ cuối cùng là thừa, thừa này nhanh chóng không gì bằng, là Thể củ tự môn A, là hạt giống của chữ.

Kế đến Chân ngôn Diệm-ma vương, cũng là hóa thân của Đức Phật.

Tỳ-phược-tát-phược, đã-dã (cùng lấy tên gốc làm Chân ngôn, lấy chữ đầu tiên làm thể để hỏi, nghĩa là Tam-muội Vô phược).

Tỳ-phạ nghĩa là trụ vững chắc, cũng là cởi mở các ràng buộc (phược), nghĩa là dùng Đạo lý cởi mở sự ràng buộc, không dùng phi pháp.

Trong chữ Đỏa có thanh đa, tức là như như. Chữ Tát có nghĩa bền chắc. Chữ Dã là nương, nương cỗ xe Như Như này mà đi tiến lên, ở bên cạnh có chấm chữ A, tức là hành, nương tướng như như mà đi lên, chính là để thành Chánh giác.

Tiếp theo là Chân ngôn Sinh tử. Đây là Minh Vương Diêm-la, cũng vì thành tựu đại Bi phát sinh Mạn-đồ-la, tùy theo chữ thông đạt mà nói Chân ngôn này.

Một-lật-để phệ (đây nghĩa là chết, chết nghĩa là giết, do ý nguyện của ta từ xưa là cắt đứt mạng sống của tất cả chúng sinh, mạng sống: chính là các phiền não, vô minh từ vô thỉ).

Tất cả chúng sinh dứt bỏ các phiền não... khiến hết không còn thừa, tức là giết. Đây nói đối với pháp môn chết được tự tại thì chỗ Phật hiện hóa thân không thật giết tất cả chúng sinh. Lấy chữ một đầu tiên làm hạt giống.

Kế đến, chân ngôn Hắc dạ thần, đây là tức vợ vua Diêm-la. Ca (bình), la la (đều gọi là hắc) để-lý-duệ (thanh bằng, tức là đêm). Lấy chữ Ca làm thể, vì trong đêm tối có nhiều sự sợ hãi và các tội lỗi, vì

muốn dứt trừ vô minh trong đêm tối kia, các sợ hãi cấu chướng trong đêm dài, cho nên nói Chân ngôn này.

Tiếp theo, Diêm-la Vương Thất Mẫu. Có bảy chị em, tên thất mẫu này y theo các kinh khác, đều lấy tên gốc kia làm Chân ngôn, nay nói chung như ở dưới.

Ma-đát-lý-tệ-dã (Ma-đát-lý: nghĩa là đẳng, đẳng nghĩa là rất nhiều không phải một nghĩa là nhiều đến bảy chị em). Lấy chữ Ma đầu tiên làm hạt giống, nghĩa là Vô ngã.

Kế đến, Thích Đề-hoàn Nhân. Thích-ca-la-dã (tức tên Tự) Thích-ca: nghĩa là trăm phước đức, do trong nhân đã trăm lần tu phước, có chỗ nói trăm lần làm đại hội "Vô già" bố thí khắp cho chúng sinh, cho nên được thành thắng sinh này. Lấy chữ Thích đầu tiên làm hạt giống, do đó lấy làm tên, đó nghĩa là dừng nghỉ, dừng nghỉ các chướng, chướng đã dứt rồi phước kia thêm lợi ích.

Ca-la là thêm lên, Xa tức là Xa-ma-tha (Chánh Định), thường dùng lời nói sâu sắc làm lợi ích cho các vị trời, vì thế tâm làm Chân ngôn, cũng là Phật hóa sinh.

Kế đến, chân ngôn Phạ-lỗ-noa long vương. Đây là Rồng dưới biển lớn. Các Long vương đồng với Chân ngôn này.

A-bán-bát-đa-dã, do ở trong nước mà được tự tại, cho nên gọi nước là chủ, lấy chữ A đầu tiên làm hạt giống.

Tiếp theo là Chân ngôn Phạm thiên. Vì muốn thành tựu Đại bi thai tạng kia, cũng như trên đã nói, Bổ-la-xà (tất cả sinh) ma-da-duệ (chủ), tức là người đứng đầu chúng sinh, tất cả chúng sinh nương vào Phạm Thiên, cho nên gọi là người đứng đầu tất cả chúng sinh, có khả năng sinh ra tất cả hữu tình.

Lấy chữ bổ-la làm hạt giống. Bổ nghĩa là thứ nhất, La là chướng cấu, đối với thắng nghĩa thì chướng, do đó chủ sinh ra chủ, cũng là hóa thân của Phật.

Lại, Chân ngôn Nhật Thiên tử. A (bốn bất sinh), Địa-đa-tà-dã lấy chữ A đầu tiên làm hạt giống, tức nghĩa là vốn bất sinh. Tự thông đạt lý này mà truyền trao cho người, tức là thường lợi ích chúng sinh, nghĩa, giống như mặt trời kia, người đời cho rằng mặt trời thường làm lợi ích cho chúng sinh.

Kế đến, chân ngôn Nguyệt Thiên tử: chiến (không chết), Đạt-la (là tên mặt trăng, lấy chữ đầu làm thể). Nếu không tử thì cũng không sinh, bất sinh bất tử thì gọi là cam lộ. Người đời cho mặt trăng có thể trừ độc nhiệt phiền não giống như cam lộ, vì thế lấy làm tên, tất cả vị cam

lộ không có gì hơn Tam-muội Tịnh nguyệt.

Tiếp theo, chân ngôn chư Long. Trước là Rồng đầu đàn, đây là tất cả các rồng thông dụng. Mô-ca (mây) phiến-nễ (ăn nuốt).

Duệ: Đây là giải thích là ăn mây. Mây thì đen tối, tức là cấu chướng của các chúng sinh, có thể ăn cấu chướng mà được tự tại, do đó lấy làm tên lấy chữ mê đầu tiên làm thể, tức nghĩa là ngã, vô ngã.

Kế là chân ngôn Nan-đà Bạt-nan-đà Thủ môn nhị Long vương. Nan-đồ (lấy chữ Nan làm thể, nghĩa là quán, tức là quán để xa lìa và quán sát mà trụ trong đó, tự thông đạt rồi, làm lợi ích cho chúng sinh).

Bạt-nan-đà-sưu (chữ Bạt thanh thế). Ổ là vượt, Tự vượt các pháp sinh tử trôi lăn trụ nơi tối thắng, do đây cứu giúp thế gian, cho nên lấy làm tên, ở trên, tất cả quyến của Đức Phật Thích-ca, đều trụ ở Tam-muội Bảo xứ, do Đức Phật hóa thân, vì muốn thành tựu Đại bi thai tạng mà nói chân ngôn.

Bấy giờ, Đức Phật Tỳ-lô-giá-na tự dạy Tích Bất Không Tất-địa ưa muốn tất cả Bồ-tát Mẫu Minh Phi. Nói là tự dạy tích: tức là dạy tự thể pháp Phật, tức là Bí Mật bình đẳng giáo. Vì ở trong này, các vị tu hành thảy đều "bất không", bất không nghĩa là không luống uổng, tùy theo năng lực kia có thể đều hướng về lý pháp thân, tức đồng với Đức Phật lia cho nên nói Bất không, như trên, các Bồ-tát nói chân ngôn đều muốn dắt dẫn các hành giả đồng loại, nếu có tu hành tức đồng với ta.

Nay pháp Phật tự nói chân ngôn minh phi, nếu có người tu hành thì liền từ hư không nhãn mà sinh pháp thân, như ta không khác.

Già-già-na (lấy chữ đầu tiên làm tâm, Già nghĩa là không đến đi; lại già-già-na là không, có chỗ nói đại không của các Đức Phật. Bà-la (là nguyện) lạc-khất-xoa-nỗ (Đại không).

Nguyện này hơn cả, tức đồng hư không một tướng thanh tịnh, không giới hạn, không thể phân biệt.

Già-già-na (không) Tam-mê (đẳng, ví như đại nguyện trên, như tướng hư không, bằng với hư không).

Tát-bà-đô (tất cả mọi nơi) Kiệt-đa (không còn gì so sánh, nghĩa là sánh với hư không này trùm khắp mọi nơi, đều không có ai sánh bằng, trên tâm có thanh A nối tiếp).

Bệ-tất-la (bền chắc không thể hư hoại), Tam-bà-phệ (từ sinh, nghĩa là từ bất khả hoại mà sinh ra) Xà-phạ-la (ánh sáng trong suốt, nhờ trụ trong hạnh không đến không đi, trở thành ánh sáng oai đức lớn không gì sánh bằng), Ma-mẫu (quý mạng, do trụ pháp này nên ta quý mạng), A-mục-già-nẫm (bất không, chỗ quay về ta đã quay về). Chân

ngôn đầu tiên quy mạng khắp cả các Đức Phật, do danh nghĩa "nhất thiết" còn tự rộng khắp, giống như chỉ tất cả Phật ở phương Đông thì không khắp mười phương, để làm gọn nhẹ một phần nhỏ nhất thiết này, cho nên nói rộng khắp các Đức Phật kia, bắt chước tất cả các Đức Phật, Bồ-tát Mẫu Hư Không Nhãn đây xong.

Bấy giờ, Đức Phật lại làm dứt tất cả các chướng, phát sinh ra lửa gọi là chứng Tam-muội, nói chân ngôn này để phá trừ các chướng, chân ngôn này có uy thế có công năng tiêu trừ các thứ chướng nạn cho tất cả người tu chân ngôn, cho đến Đức Phật ở cây "Đạo", dùng chân ngôn này làm cho tất cả ma quân đều tan hoại, huống chi các chướng ở thế gian.

Lại, chướng này lược có hai chướng:

1. Nội chướng nghĩa là từ tự tâm mà sinh, hoại kia rất nhiều không thể nói rõ.

2. Ngoại chướng, nghĩa là từ việc bên ngoài mà sinh, cũng có rất nhiều, đều có thể phá diệt.

Chiến-trà (rất ác, có chỗ nói bạo ác nhất trong các thứ bạo ác), Ma-ha-lô-sắt-noa (rất giận dữ), Tát-phả-tra-dã (phá hoại) Hâm là sợ hãi.

Đát-la-ca (vững chắc) Ngâm-sưu. Dùng hai chữ sau làm hạt giống, các cú nghĩa đều thành tựu hai chữ này, đầu tiên là chiến-trà: Chiến nghĩa là chết, nhập tự môn A tức nghĩa là không sinh tử. Vậy trà nghĩa là đánh nhau, đem chữ Vô sinh tử thế lớn này đánh nhau với bốn ma.

Kế, ma nghĩa là ngã, nhập tự môn A thì vô ngã cũng là "không". Ha nghĩa là vui, cũng là hành.

Lỗ-sắt có chữ la là cấu chướng, có thanh là Tam-muội. Tức Xa-ma-tha nghĩa là Tam-muội. Noa nghĩa là không. Chữ thứ năm tức là Tam-muội Đại không. Tát nghĩa là vững chắc. Phả nghĩa là pháp, rõ biết thế gian như bọt nước nhóm họp cho nên dễ phá vỡ, ở bên có chấm chữ A tức là hành. Tra nghĩa là đánh nhau, có thể làm cho quân địch chướng sợ hãi mà phá diệt.

Cũng là nghĩa Thừa. Hâm: là Đại không hành. Tam-muội như trên nói Đát (là như như) La là không dơ. Ca là làm, nghĩa là tất cả pháp không tạo tác. Chữ Hàm, ha nghĩa là hành, lại có thanh A là Tam-muội bố ma chướng Kim cang, chấm tức là Đại không.

Do Đại không này làm bất động cho nên tất cả ma chướng rất sợ hãi. Chữ xọa Ma nghĩa là ngã, Nhập tự môn A liền vô ngã.

Lại, do Tam-muội Đại không vô ngã này mà các ma sợ hãi. Tự này cũng có thanh A và chấm.

Bốn chữ Ha, Lô, hàm, xọa đầu đều có thanh A lớp lớp làm ma sợ hãi, nghĩa là hai chướng nội ngoại vô cùng sợ hãi. Những Bậc Thánh bất động Chủ Chân Ngôn đã xong.

Tiếp theo, Chân ngôn Hàng Tam Thế Minh vương đều là Như lai Tỳ-lô-giá-na, trụ ở ngọn cờ pháp cao quán sát gia trì Tam-muội, như trong phẩm thứ nhất nói. Như lai nói nhị minh này, đều là pháp Phật Tam-muội kia, vì khiến người tu hành từ khi mới phát tâm Bồ-đề, giữ gìn, nuôi lớn khiến sinh thành quả Phật viên mãn, không bao giờ lùi mất, không rơi vào ngoại đạo, tức là Minh vương bất động.

Hàng phục chúng sinh khó điều phục ở thế gian, chính là Minh Vương Hàng Tam thế sẽ nói ở sau.

Cái gọi là Tam thế, đời gọi là tham, sân, si, hàng phục ba độc này gọi là hàng Tam thế, lại do như quá khứ tham lam cho nên phải chịu thân do quả báo tham này, lại sinh nghiệp tham thọ báo đời vị lai, ba độc đều như vậy, gọi là hàng Tam thế.

Lại nữa, tam thế là ba cõi nghĩa là Tỳ-lô-giá-na Như lai, bắt đầu từ hữu đảnh cho đến hạ địa, mỗi cõi trời đều biến đổi, biến đổi vô lượng chủ quyến thuộc đại thiên. Nay hơn trời kia trăm ngàn muôn khổ, kia sợ chưa từng có, đầu còn chúng sinh nào hơn ta, cho đến dùng pháp mà hàng phục, liền theo thứ lớp hàng phục, do có khả năng hàng phục người đứng đầu ba thế giới nên gọi là Minh Vương hàng Tam Thế.

Ha ha ha (ha nghĩa là hạnh, nghĩa là hỷ Tam hành này chính là người thực hành ba thừa. Chữ hành này, tức là ba hành này xưa nay không sinh, do vốn bất sinh cho nên liền vượt qua ba hành này tức là Phật hạnh.

Tỳ-tát-ma-duệ (đây nghĩa là kỳ lạ thay, như Đức Phật thường dạy dùng từ đối trị sân, dùng vô tham để đối trị tham, dùng chánh kiến đối trị tà kiến, cho đến dùng đại sân giận để trừ sân giận, dùng đại tham trừ tất cả tham, việc này rất khó hiểu khó tin, vì thế nói kỳ lạ thay).

Tát-phá-đát-đa-yết-đa (tất cả các Đức Phật).

Tỳ-xá-dã (cảnh giới) Tam-bà-phạ (Sinh), nghĩa là từ cảnh giới các Đức Phật mà sinh ra, cảnh giới Phật có chỗ nói là tướng thật các pháp, từ tướng thật này mà sinh ra cho nên hiệu là hàng Tam Thế.

Đế-lộ-lộ-ca-dã (đây là tam thế).

Phệ-xà-dã (đây nghĩa là hàng thắng), Hâm (nghĩa giống như trên nói), Nhạ (mời gọi, nghĩa giật tỉnh, nếu trong đây có thể khắp nhập

vào pháp thân Phật, giúp tất cả chúng sinh giật tỉnh tâm và các chướng không còn).

Nhưng chân ngôn này lấy chữ đế, lệ làm thể, trên có thanh đa tức nghĩa là như như. La là cấu chướng có thanh y tức là Tam-muội, mà thể như như tức là xưa nay không sinh, xứng lý này mà tu thì định tuệ đầy đủ, cho nên có thể hàng phục Tam thế.

Kế đến, chân ngôn Thanh văn. Hê-đô (nhân), Bát-la-để-dã (duyên), dã-tỳ-yết-da (lìa) Yết-ma (nghiệp), Nê-xá-đa (sinh) Hâm (chướng sợ) giải thích chung là lìa nhân duyên sinh, sinh từ nơi nghiệp, lìa sinh tức là do lìa nghiệp. Chữ Hê đầu tiên (có thanh ha là hành, là hỷ, tức là Tam-muội của Thanh văn thực hành, có thanh y là định của Thanh văn.

Tiếp theo là chữ Đô (có thanh đa, là Thanh văn đã nhập như như, cũng có Tam-muội Ổ thanh) sau là chữ Bát (nghĩa là chỗ thấy bậc nhất của Thanh văn), kế đến chữ La (là chỗ đối đãi với sáu trần của Tiểu thừa), Đế-dã (nghĩa là nương tựa, tức nghĩa là Thanh văn đã nương tựa), Tỳ (có thanh phạ là ràng buộc, Thanh y là Tam-muội). Yết đa (lìa) ngoài ra còn tùy theo loại nói rộng; chướng sợ hãi nghĩa như trên nói rộng, chỉ có hạnh Thanh văn là khác, đây là nguyên lực. Đại Bi của pháp Phật làm lợi ích loài hữu tình, ở trong Tam-muội mà hiện chân ngôn Thanh văn, Duyên giác. Nếu chúng sinh thích hợp theo pháp môn này nhập đạo thì khiến từ môn này nhập đại Bi tạng.

Tiếp theo là Chân ngôn Duyên giác, Phạ (nghĩa là đường lời nói dứt, tức là Duyên giác đã chứng minh giới cùng tột không có lời để nói, như trên đã trình bày. Tự từ trong đây được chứng, lại dùng pháp này làm lợi ích chúng sinh, tự mình thông đạt, cũng đem pháp này làm lợi người). Như trên nói: Thanh văn, Duyên giác lấy cú, pháp làm Chân ngôn, nay lấy một chữ, đây là điểm vô cùng quan trọng của Tông, tức là chỗ cuối cùng của người tu hành thuộc Tông kia, cho nên dùng một chữ.

Thứ đến là Chân ngôn các Đức Phật, Bồ-tát tâm. Tát-phạ-bột-đà (tất cả Phật) Bồ-đề Tát-đỏa (Bồ-tát), ha-lật-na-đa (tâm), đế-tỳ-xá-nỉ (nhập), nói chung đây để giải thích là nhập tâm tất cả các Đức Phật, Bồ-tát, na-ma (quy mạng) tát-pha-tỳ-thê (cho nguyện, nghĩa là trao cho nguyện trí Nhất thiết trí. Tát nghĩa là bền chắc, có thể xa lìa các sự bền chắc và lìa các sự không bền chắc).

Trên là cấu (dơ), dưới phạ là trói buộc. Thế: nghĩa là trao cho, thanh y là Tam-muội, giống như mình đầy đủ nên sẽ cho người, như

mình đắc trí Nhất thiết trí nên có khả năng đem nguyện này cho người, đây chính là tâm các Đức Phật.

Đế-dã, chữ này là hạt giống, cùng thanh A ở câu trên nối tiếp nhau. Chính lấy thanh A này làm thể của hạt giống, tức nghĩa là vốn bất sinh.

Tiếp theo là chân ngôn Phổ Thế Thiên Đẳng Chư Tâm: Lô ca lô ca (thế gian, tức nghĩa là tối tăm, có chỗ nói vô minh, bên chữ này đều có thanh A, tức nghĩa là vốn không, không tối tức là thật sáng, a-lô-ca là sáng), Ca-la-dã (là làm, có chỗ nói nghĩa là soi chiếu, tạo ra ánh sáng, do tạo ra ánh sáng, hiện ra thân tám bộ này đồng nhau, để xua tan sự tối tăm kia, khiến thực hàn hạnh trong sáng, làm trong sáng, khiến thế gian trong sáng), Tát-phạ-đề-bà (Thiên) Na-già (rồng) Dạ-khất-xoa (như) kiền-thát-phược (như) Yết-lộ-trà (lạc chủ) khẩn-na-la (lạc thanh) ma-hô-la-già (như), Nỗ (nhiếp các bộ) ha-lật-đà-dạ-na-dạ (tâm) Ca-sa-dã (nhiếp, tâm tám bộ này lại khiến làm cho trong sáng) phỉ-chỉ-đa-la-yết-đế (các hạnh như vậy, cũng là nghĩa “sắc, nhiễm”, tùy theo loại hiện ra tất cả thân đáng ưa thích gọi là nhiễm sắc, cũng là nghĩa nhiều sắc xen lẫn, dùng các hạnh và các pháp môn tạp sắc để xua tan các sự tối tăm ở thế gian, tức nghĩa là không gì so sánh trong các minh). Lấy chữ Lộ đầu tiên làm hạt giống.

Kế đến, Chân ngôn Nhất Thiết chư Phật. Tát-phụ-tha (tất cả) Tỳ-mạt-để (vô túc, do vô tuệ nên gọi là nghi, chữ này dịch đúng là nghi) Tỳ-kết-la-noa (trừ, sắc này nghĩa là nhiễm trần, như người đổ bỏ phân dơ gọi là trừ bỏ), Đạt-ma-đà-đố (Pháp giới) nghĩa là trừ tất cả vô tuệ, đều trụ ở pháp giới. Niết-xà-đa (sinh), chữ Niết-bàn là Tam-muội Đại Không, từ đây mà sinh chính là pháp giới sinh) Sâm-sâm-ha (ba chữ này đều là hạt giống, tát nghĩa là bền chắc, ấy là trừ sự bền chắc này được tối thắng sinh, chấm là nhập Tam-muội, như Nhị thừa nhập Niết-bàn, đây chính là nghĩa bền chắc, cho đến nếu có bền chắc thì tức là tướng sinh trụ, tất cả pháp loạn động đều bất an, nếu trừ hết đây, đều có nghĩa Tam-muội Trùng không, ha tức là hành, có chỗ nói hành (làm việc) của các Đức Phật.

Tiếp theo, là Chân ngôn hộ giả, tức là không thể vượt qua, chính là khó giữ (nghĩa là lực trì, nhìn xem không thật có, cũng có nghĩa khó hàng phục) người vâng giữ giáo pháp Đức Phật, thường ở bên phải trong cửa, gọi là sứ giả không thể vượt qua, oai lực các Đức Phật Tam-muội-da, không thể vượt qua, giới Kim cang vâng giữ hành trì, tất cả không dám vượt, cũng gọi là không thể thấy, thường ở trong cửa Phật đã có

dạy bảo như lời dạy mà hành trì, nên gọi là phụng giáo.

Nô-đạt-lý-sa (đây là tên kia, tức nghĩa là không thể vượt qua; Đà-đạt là pháp giới, có thanh la là vô cấu; Xa: là Xa-ma-tha), Ma-ha-lô-sất-noa (rất giận dữ), khư-đà-dã (ăn, nghĩa là ăn nuốt tất cả vọng tưởng phiền não, lấy chữ khư làm hạt giống các chữ đều để giải thích chữ này, tức nghĩa là không.

Đà nghĩa là cho, nghĩa là nương), Tát-phược-đát-tha-yết-đa (tất cả Như lai), Chiêm (tiếng kêu gọi lớn, tức là dạy bảo, cùng thanh a ở câu trên nối tiếp nhau), Câu lô (làm, tức là dạy bảo, bảo làm việc Như lai, tùy theo lời dạy bảo mà làm không sai trái, được xem nghĩa là nhận lãnh sự dạy bảo).

Kế đến, Chân ngôn Tương đối thủ môn giả. Hệ (tên gọi) Ma-ha-bát-lật, Chiến-trà (rất giận dữ bạo ác, nghĩa là rất dữ).

A-bệ-mục-khư (tương đối, y theo giữ cửa ở trước) Tát-lật, ha-noa (nhiếp thủ), Khư-đà-dã (ăn uống, cũng lấy chữ khư làm hạt giống) Khẩu-chỉ-la-duệ (vì sao không nhanh chóng) Ta-ma-da (mãi như trước) ma-nỗ-tát-ma-la (nhớ nghĩ, nghĩa là nhớ nghĩ Tam-muội-da, do rất giận dữ, đáng xem để bắt chước, không thể xem thường, đối lại với trước, cho nên lấy làm tên). Vâng lời dạy bảo của các Đức Phật, do không thật có không cho nên ăn nuốt tất cả chúng sinh chấp tướng, khó có thể hóa độ, hàng phục, khiến không còn thừa, tức nghĩa là rất giận dữ.

Lại đến Chân ngôn kết Đại giới. Như Đức Phật đã dạy, lại có vô lượng "trì minh", e lại có những người trì Chân ngôn, do không kiết giới che chở, hay phá pháp sự tổn thương người trì tụng cho nên lập ra pháp kiết giới, cho đến các trì minh cũng không thể phá hoại, giống như Tỳ-kheo kiết giới làm pháp sư, Tỳ-kheo ở giới bên ngoài tuy tác pháp cũng không thể chướng phá, tùy theo phương đều khắp.

Tát-phạ-đát-la, nỗ-yết-để (tất cả mọi phương, cõi, nghĩa là mười phương đều phải kết khắp). Bạn-đà-dã-tử-mạn (mẫu giảm phản, câu trên là kiết, câu dưới là giới; ý này nói, kiết giới tất cả mọi phương, cõi). Ma-ha Tam-muội-da (đại Tam-muội-da, tức là lấy đại Tam-muội-da này mà kết các giới). Nễ-la-xã-để (từ sinh, nghĩa là từ Tam-muội đại Bi sinh).

Tát-mạt-la-noa (đều trái với Nô, ngớ nghĩ), nghĩa là nhớ nghĩ tất cả lời Phật dạy), A-bát-la, để-ha-để (không thể hại, cũng nói không quái ngại, cũng là không thể hoại, nhờ kiết giới cho nên không thể hoại) Đà-ca-đà-ca (oai đức ánh sáng, do oai đức ánh sáng cho nên thành giới; Đà là pháp giới; Ca là làm; Nói thể pháp giới xa lìa các tạo

tác, xa lìa các tạo tác tức là pháp giới).

Già-la-già-la (già: nghĩa là diệt, nghĩa là sinh diệt thay đổi, la: là câu chướng. Cú: cũng là hành bình đẳng, là kết khắp đến mười phương, cũng là hành, tức là đi đến, nói lập lại tức nghĩa là đến điểm cuối cùng, đây là đến nhanh).

Bạn Đà Bạn Đà (giải thích câu nghĩa là kết, trên nghĩa là năng, dưới là không, do không thể phá dẹp cho nên sánh đồng với hư không, lấy đây mà kiết giới nên không thể phá hoại), Na-xà (thanh thập ở trên) Nễ Thiên (phương, tức là kết mười phương), tát-phạ-đát-tha-yết-đa (tất cả các Đức Phật), Nô-hưởng-đa (Giáo, nghĩa là lời dạy của tất cả các Đức Phật, trước đã nhớ nghĩ, nay khiến nhớ nghĩ). Bát-la-pha-la (sở chứng) Đạt-ma (pháp, tức là pháp đã chứng của các Đức Phật), La (nhập) Đà (được chứng, đắc) Tỳ-xá-duệ (tức là không thể hơn, đối với các chướng thì hơn cả, tức là không thể phá hoại) Bạt già phiệt để (đây là chủ Chân ngôn, khen ngợi đức của Thế-tôn) Tỳ câu lệ (trừ, có công năng trừ cấu, trước hết khuyên trừ, cũng là khuyên khiến chớ làm) Tỳ-câu-lệ (câu trước trừ có tướng cấu, chính là chớ làm, chính là trừ, câu sau xa lìa, diệt trừ tướng cấu, tức là trừ tất cả chướng) lệ (hạt giống) lỗ, bổ-lê (cú nghĩa là nhà cửa, là nơi chốn, lấy chân pháp trừ tướng cấu, chính là nhà các Đức Phật trụ ở, khiến đồng giới này).

Lại thêm chữ Vi-cư-lệ, chỉ lấy chữ lệ cuối cùng trong câu này làm hạt giống. La là tướng, lại thêm thanh ế, tức là Tam-muội, đầy đủ tất cả tướng nhưng xa lìa các tướng, đây là thể, tướng của giới. Trở xuống nói về hạt giống của chữ (từ một chữ có thể sinh ra nhiều chữ, cho nên nói hạt giống).

Ác: (hạt giống Bồ-đề, hễ người trì tụng, đều có tâm mong cầu Vô thượng Bồ-đề này, vì thế trước nói chữ này, từ đây sinh ra tất cả pháp, chính là tâm Bồ-đề), A (là hạnh, nghĩa là tu hạt giống hạnh Bồ-đề mà thành tựu phước trí).

Ám (thành hạt giống Bồ-đề. Chữ trước là tâm Bồ-đề, lại thêm trên một chấm tức là Đại không, chứng đại không này thì thành Bồ-đề).

Ác (Hạt giống Niết-bàn, bên có hai chấm đều là thanh ha kêu gọi nhanh chóng, nghĩa là trừ bỏ, trừ bỏ các cấu, nhập Niết-bàn).

Ha (Bỏ thanh là hàng Tam Thế. Ha là hạnh, thanh A là hạnh lớn, dùng đây trừ bỏ các hạnh, thì không làm tất cả hạnh, do đó có nghĩa trừ bỏ, dùng đây có thể hàng Tam thế).

Hãn (chủ Bất động, ha là hành, thanh ha lại là hành, có dấu chấm tức là Đại không, do trụ ngôi vị ấy có khả năng hàng phục tất cả, đem

tâm Bồ-đề làm đại hộ).

A (trừ cái chướng, A là chướng, bên có hai chấm tức là trừ, bỏ đây tức nghĩa là trừ cái chướng). Sa (quán tự tại ở trên, Sa là các lậu, bên có hai chấm tức là quán sát để trừ bỏ các lậu vô lậu cho nên tự tại).

Phược (Kim Cang Thủ, nghĩa là ràng buộc, bên cạnh có hai chấm tức là trừ các phược, đây là hạt giống Kim cang). Man Văn-thù-sư-lợi, bản thể chính là không, trên chấm lại là không, có chỗ nói Đại không, vượt qua mười tám không gọi là Đại Không, trụ trong địa vị không gọi là Đại không, tức là Đại Bát-nhã).

Nghiêm (hư không nhãn. Già: là qua lại lìa qua lại, pháp tức là đồng Đại Không, cho nên thêm chấm) Lam (tất cả Phật, Bồ-tát đều từ trong đó mà đến pháp giới, lam là cấu, trên có chấm là lìa cấu, giống như Đại không, nghĩa là pháp giới).

Khiếm (hạt giống Đại Cần Dõng Đức Phật ngồi dưới đạo tràng hàng phục các ma, vì thế trời người gọi là Đại Cần Dõng, tức là Tỳ-lô-giá-na).

Khư nghĩa là không, trên có chấm là Đại không, lấy Đại không làm thanh tịnh tất cả không), Nhiêm (Bồ-tát Thủy Tự Tại, do từ nước sinh, gọi là Thủy tự tại, chính là tên Bồ-tát; trong Đại Bản có, nay ngôi vị Mạn-đồ-la không nói chỗ an trụ, cần phải rõ.

Xà nghĩa là sinh, trừ các sinh diệt đồng với Đại không). Đam (Đa-la Tôn; Đa là như như, tánh như như đồng với hư không), Bột lý (Tỳ-câu-tri; Bà tức là ba cõi; Lý là Tam-muội, ở trong ba cõi mà được tự tại, bên cạnh có hai chấm là trừ bỏ ba cõi).

Sâm (Đắc Đại thế, Sa là các lậu, đồng với hạt giống Quán Âm, nhưng trên có chấm, ý nói các lậu này đồng với Đại không), bán (tự chỗ, Quán Âm Bộ Mẫu; Bả nghĩa là bậc nhất, thể giống như hư không).

Hàm (Mã đầu, Ha là Hành, thêm Đại không tức là hành Đại không), Diêm (Da-luân-đà-la, tức là Liên Hoa Bộ Minh phi, nghĩa là nương, trên có chấm, ý nói là nương thanh tịnh, đồng với Đại không).

Sâm (hạt giống của Bồ-tát bảo chướng, giống như Đại Thế Chí lấy bảo xứ làm định, đem báu làm tay, vì thế báu kia sinh. Cũng có nghĩa thường, cũng có nghĩa làm).

Nhiệm (Bồ-tát Quang Võng, tức nghĩa là quyến thuộc Văn-thù, cũng đồng như trước).

Bà (trên là Đức Thích-ca, Bà là ba cõi, ở bên có hai chấm, tức nghĩa là trừ bỏ ba cõi). Hâm tra lam (chữ ha trên là hành, chữ ổ ở dưới là Tam-muội, trên có chấm là Đại không).

Lam chữ Tra ở dưới dịch là chiến đấu. La: là cấu, bên thanh ổ là Tam-muội, trên có Đại không). Hạt giống trên "Tam Phật đỉnh" theo thứ lớp phối hợp giống như trước.

Lân (là lọng trắng, la là tướng, trên tướng có chấm giống như Đại không).

Thiêm (Xả là chướng, nghĩa là oán địch đối lập nhau, tất cả có đối pháp, đồng với Đại không không hơn, kém).

Tứ (kính tin tối thắng Phật đảnh, Bà là bền chắc, lìa bền chắc không bền chắc tức là Đại không, lại có Tam-muội). Đát-lân (đà là như như, la: là cấu, lại có nghĩa Tam-muội và Đại không, đây là lửa nhóm họp). Ha lâm (ha là hành, la là cấu, ổ là Tam-muội, điểm dấu chấm là Đại không, đây là Trừ cái chướng Phật đảnh).

Hạt giống của "Ngũ Phật đỉnh" ở trên Đan hàm bán hàm Diêm (như như, trên có không, tức là như như không thật có giống như hư không), Hâm (hành, nhập chữ A tức là hành vô hành lại không), Vi (nhập, Đệ nhất nghĩa lìa đệ nhấỳt nghĩa).

Chỉ lý (hành, lìa hành), Nễ lý (tất cả thừa tức Thừa, vô thừa, thể đồng hư không), năm chữ này là hạt giống của chữ Minh Phi ở đời, tuy là Phật hóa những giống như thế gian, nghĩa là đồng với trời, khắp tất cả chỉ có Minh phi, lấy bất cứ một thứ kia.

Hồng: (hạt giống Tam-muội không gì hơn), Vi (hạt giống tự trói buộc thần đất này) Chỉ (làm Tam-muội) Lý (lìa tướng Tam-muội), Tương Ly (Kế-thiết-ni sứ giả của Văn-thù, nhân buộc tóc trang nghiêm mà có tên).

Nễ (không định) Lý (người cùng thí, tướng định. Đà: là thí, đối với vô tướng có thể đầy đủ tất cả nguyện).

Ổ-ba thiết-kế-ni (không định).

Nhị Lý giống như trước (Sứ giả Văn-thù này tên là Chất-đa).

Ma là không, là ngã, ở dưới.

La là tướng, còn có tướng cho nên có ngã, lìa tướng nên vô ngã, cũng là định của Văn-thù-sư-lợi).

Hệ (vui làm), Lý Tương (tuệ tài, sứ giả của Văn-thù, tức là có khả năng đầy đủ tất cả các nguyện đều khiến vui vẻ, còn có một sứ giả tên là A-ca-sa-ni, là sứ giả kêu gọi lấy vật trong kinh, thiếu hạt giống chữ chưa được năm vị sứ giả của ngài Văn-thù ở trên, mỗi sứ giả đều có một vị phụng giáo, đồng hạt giống chữ, đồng sứ giả.

Tiếp đến, Bồ-tát Trừ Nghi Quái, ha-sa-man (hành hạnh lìa không, lại là đại không), có chỗ nói pháp cam lồ. Tóm tất cả câu nghĩa là hỷ

(nghĩa là hoan hỷ vui mừng), kế theo, tất cả vô úy thí La-sa-nan (cấu, như trên) giống như nghĩa chữ này cho nên có sợ, nếu nhập tự môn A thì sẽ trừ hết tất cả sợ hãi). Tóm cả câu là vị, (dùng pháp vị chân thật vô thượng thì đủ tất cả nguyện).

Lại nữa, trừ tất cả đường ác.

Trì Mông (trói buộc pháp giới) Sa-nan (như trên, chung cả câu nghĩa là vỡĂ vụn, như người tay cầm lấy vật bị vỡ).

Tiếp đến là Mẫn tuệ (từ chỗ thương xót tất cả mà được tên). Vi (ràng buộc, Tam-muội có thanh tịnh là định).

Ha (hỷ) Sa (vững bền) Nan (như cả câu trên, dùng các thứ phương tiện khéo léo, khiến chúng sinh vui mừng đến chỗ đó, nghĩa là thêm lớn, chứa nhóm.

Siểm (Đại từ sinh ra hạt giống Bồ-tát, Từ này rất lớn, không so sánh được, từ trong Từ này sinh. Thừa nghĩa là đi đến, đồng với Đại không).

Diêm (Đại bi đây từ hạt giống Bồ-tát, do đại bi cho nên tự buộc tâm kia, do đó được tên).

Ri (là Bồ-tát Trừ nhất thiết nhiệt não, có khả năng trừ ba độc nhiệt não, nghĩa là cuối cùng của Tam-muội: Ổ cũng là nghĩa cuối cùng của Tam-muội).

Ô (Bồ-tát Bất tư Nghì Tuệ này lấy bất tư nghì tuệ để trừ vô tuệ; bố thí cũng là tự có cho nên được tuệ cho người), Than (Xa-ma-tha, lại là Bồ-tát Đại không bảo Sinh, ấy là có thể sinh tất cả pháp bảo mà được tên).

Sam (đây là Bồ-tát Bảo Thủ, giống như ngọc Như ý trong tay đầy đủ nguyện cho tất cả người, Bồ-tát này cũng giống như vậy, do đó được tên).

(Trang nghiêm, chữ thứ năm này là không, lại là Đại không), Thiệm (đây là "Trì Địa", giống như mặt đất giúp đỡ muôn vật, Phật địa giúp đỡ chúng sinh, Bồ-tát này cũng giống như vậy, lấy nghĩa chữ này giữ gìn tất cả).

Nhiệm (chữ nhiễm, cũng là chữ thứ năm, lại là Đại không, bản Kinh thiếu tên Bồ-tát, xem ở trước.

Hất (phả nghĩa là bọt nước nhóm họp không bền chắc, hiểu rõ tự tướng tất cả pháp như vậy, đồng với Đại không) hạt giống của Bồ-tát Bảo ẩn Thủ này.

Xá (Bồ-tát Kiên cố ý, không lại không, tức là Bồ-tát kiên cố ý, trong không liền dứt cấu).

Lân (hư không tuệ, giống như hư không không bờ mé không chướng ngại, Bồ-tát Tuệ ấy cũng giống như vậy).

Hám (hư không không dơ, tuệ này như hư, không trong sạch không dơ, người tu hành đối với "không" tu hành thành tựu rồi sánh đồng hư không).

Không (như như tuệ đến, để: là đi, nghĩa là nói đến như khứ thành chánh giác).

Nghiệt đơn (Thanh tịnh tuệ, không cấu) Địa lam (hành tuệ, tâm thường đem tuệ ấy làm lợi ích cho chúng sinh).

Hâm (an tuệ, thường an trụ trong tuệ ấy, vì lợi ích chúng sinh cho nên được tên).

Cả câu ý nói không lo sợ, an trụ tuệ này giống như núi Kim cang không lay động.

Địa (pháp giới).

Thất ly (dừng lại, không dơ).

Hàm (hành không).

Một lan (hư không cấu phược).

Bốn chữ này và các ngươi vâng lời dạy bảo, cùng chung một việc làm, chọn bất cứ một chữ kia mà dùng.

Ngật-sa (dừng lại) Noa (hai chấm là sợ hãi, khiến dứt đánh nhau).

Là (chấm là đánh nhau lớn, khiến kia sợ hãi là đại thắng).

Diêm (như như không cấu đạt tất cả thừa) Kiếm (làm và không làm điều xa lìa, làm sao xa lìa thể Đại không? Cho nên chọn bất cứ một hạt giống chữ, ở đây thiếu chữ Đa thứ ba).

Sáu chữ như trên đã nói là hạt giống Bồ-tát số nhiều như cát bụi trong mười cõi Phật, sử dụng bất cứ một chữ liền được thông dụng, trong tất cả các Chân ngôn, chọn bất cứ một chữ đầu tiên, ở giữa, hoặc cuối cùng dùng làm hạt giống đều được. (quán sát chọn lấy chữ quan trọng của tông).

Tiếp theo là Chân ngôn Tịnh Cư Thiên: Ma-lô-la-ma (vừa ý, do thọ các điều ưa thích).

Đạt ma tam bà phược (pháp tánh, đây là do Đức Phật hóa sinh, không liên quan đến trời, người, nói cấu từ pháp sinh), phí-bà-phược, tùy theo có ba thứ, Tam cũng là hạt giống) Ca-tha-na (nói, chung với trên nói tùy theo kia có đã nói, theo pháp kia sinh để hiểu pháp, vì chúng sinh mà nói pháp), tam hạt giống tam (hạt giống vững chắc và không vững chắc đều xa lìa, thể đồng với hư không, cuối cùng khiến

không cho nên lập lại chữ).

Kế là Chân ngôn La-sát, tức là dùng lời nói phương kia làm Chân ngôn.

Ngật-lam (tâm), kế lý gồm ba chữ chính là hạt giống, trong đó có hai Ca hai la, tức là có thể ăn tất cả nghiệp cấu, hai Tam-muội y Tự, nói lập lại là lại thanh tịnh.

Tiếp theo là chân ngôn Trà-cát-ni, đây là người thế gian có làm ra pháp thuật này, cũng chú thuật tự tại, có thể biết người sắp qua đời, trong sáu tháng liền biết, biết rồi liền làm phép, lấy tâm kia mà ăn. Vì sao? Vì trong thân người có vàng, có chỗ nói người vàng như trâu có vàng, nếu người ăn được thì sẽ được thành tựu rất lớn, một ngày dạo quanh bốn cõi, tùy ý làm gì đều được cũng có khả năng nhiều cách trị người, có người chê cười thì dùng thuật để trị, khiến họ rất bệnh khổ, nhưng pháp kia không được giết người, phải nương vào kế mình mới được dùng thuật, người sắp chết trong sáu tháng liền biết, biết rồi dùng thuật lấy tâm kia, tuy lấy tâm kia nhưng có phép thuật, phải dùng vật khác thay thế, mạng người cũng không mất, đến đúng lúc chết mới hoại, hoàn toàn đều do Dạ-xoa Đại tự tại, người đời nói rất nhiều, thuộc về Ma-ha Ca-la, có chỗ nói thần Đại Hắc.

Tỳ-lô-giá-na dùng pháp môn hàng phục Tam Thế, muốn trừ kia cho nên hóa thành thần Đại Hắc, thị hiện hơn kia vô lượng, xoa tro trên thân, ở chỗ hoang vắng dùng thuật triệu (gọi) hết tất cả pháp thành tựu, dẫm lên hư không, giẫm lên mặt nước đều không chướng ngại.

Các trà-cát-ni lại mắng trách, do ông thường ăn người, nay ta cũng sẽ ăn ông, liền ăn nuốt kia, nhưng không để kia chết, hàng phục xong thả ra, đều khiến thịt sinh trở lại.

Kia bạch Đức Phật rằng, nay con ăn toàn thứ thịt mà được tồn tại, phải làm thế nào tự cứu?

Phật dạy: cho ông an tâm người chết, kia thưa: khi người sắp chết, các Dạ-xoa lớn biết kia mạng sống hết, đến tranh muốn ăn, con làm sao mà được. Phật dạy cho ông nói pháp Chân ngôn và ấn, sáu tháng trước khi chưa chết liền biết, biết rồi dùng pháp gia hộ vật, khiến lũ khác sợ bị tổn hại, đến khi mạng hết cho ông lấy ăn, như thế dẫn sơ khiến nhập Đạo, do đó có Chân ngôn này.

Ha-lợi (ha: quyết định làm, lợi: Cấu ha (hành) trừ tà thuật dơ cấu kia.

Kế đến, Chân ngôn Dược-xoa nữ. Có thể ăn thế gian, có thể ăn các nghiệp cấu và các điều xấu ác, đó nghĩa là Dược-xoa.

Dược (như trên) ngật-xoa (dứt lời nói) vì (nương cho) nễ-dạ (nương) Đạt (pháp giới) lý (không dơ) Nghĩa cả câu là tâm trì chân ngôn Dạ-xoa như thế, dùng lời nói phương này làm "chú".

Kế là Chân ngôn Tỳ-xá-già (Hán dịch nghĩa là Cực khổ sở, hạng này đa số là ngạ quỷ) Tỷ (Đệ nhất nghĩa định) Chỉ (chết) Tỷ-để (nghĩa diệt bậc nhất) cũng tùy theo lời nói địa phương mà làm.

Tiếp theo Chân ngôn Bộ-đa, đây là loài Dạ-xoa. Ngung (bỏ không) ải (quyết định) ngung ải (vô cùng) Mộng (ngã vững chắc) tán minh (không định).

Kế đến Chân ngôn A-tu-la, mỗi mỗi riêng làm hạt giống chữ, tùy theo kia chọn một la Tra, La-tra (lập lại) Trì Mộng đam (pháp giới không bị trói buộc, giống như hư không) Một-la (giống như hư không) Mật-la (đường lời nói dứt, đoạn lìa các cấu).

Trong câu có lời nói nhiễm dục giận tức, nghĩa là dứt bỏ tham dục, tức giận kia. Thiếu Ma-hỗ-la, cũng là hạt giống chữ. Chân ngôn các người đều là hạt giống chữ.

Đài (định) Xa (bỏ, bên cạnh có thanh a, là hành). Bát (Đệ nhất nghĩa) lam (Trần tức là đại không) Nỗ (không, lại Đại không, thanh y là không) ma (không) Duệ-mê (quyết định nương người) Sa-ha (giống như trên). Ở trên tướng khác nhau giữa các Chân ngôn đã xong.

Tiếp theo Tỳ-lô-giá-na nói tâm Chân ngôn. Đem các Chân ngôn như trên, tùy theo trong mỗi chân ngôn sẽ có Chân ngôn căn bản, Chân ngôn tâm, Chân ngôn tùy tâm, các Chân ngôn như thế vô lượng, vô biên không thể biết số, nay nói chung các tâm của Chân ngôn chính là chữ A này, đây nghĩa là các pháp vốn bất sinh, nếu lìa Thanh A thì không còn chữ, tức là mẹ của các chữ, chính là chỗ sinh ra tất cả Chân ngôn. Nghĩa là tất cả pháp môn và Bồ-tát... đều từ tâm tự chứng tự thể của Đức Phật Tỳ-lô-giá-na, vì muốn làm lợi ích chúng sinh, dùng năgn lực gia trì mà hiện ra việc ấy, năng thật tức thể bất sinh, đồng với pháp thể của chữ A, chữ này ở trong Chân ngôn nhiệm mầu hơn cả, thế nên hành giả Chân ngôn, thường phải thọ trì như vậy, vì thế tất cả Chân ngôn trong chữ A, do an trụ trong đây cho nên tụng thì liền sinh.

Ở trên, phẩm tạng Chân ngôn phổ thông đã xong, chân ngôn này chung cho tất cả mọi nơi đều dùng. Dưới đây, đối với các pháp đều là hạnh riêng.

Phẩm 5: THÀNH TỰU THẾ GIAN

Kinh chép: Bấy giờ, Thế-tôn lại bảo Kim Cang Thủ Bí Mật Chủ rằng: Ông hãy lắng nghe kỹ, trước đây ông đã hỏi Phật, nay trả lời câu hỏi trước cho nên không hỏi mà tự nói. Nhưng giáo pháp Chân ngôn thành tựu quả kia nghĩa là người tu hành Chân ngôn như trong giáo pháp, nương vào chánh giáo mà tu pháp hành, hành này khéo thành tựu thì được quả Tất-địa.

Ý Đức Phật dạy: Nếu có chúng sinh muốn được thành tựu quả lớn như trên, trước tiên phải nương vào phẩm này thứ lớp mà tu hành tức là tác tâm tưởng nhớ tụng niệm, khéo trụ trong một Lặc-xoa (mười muôn). Chữ đầu tiên là tâm Bồ-đề, mỗi chữ như trên đều có nghĩa của chữ, từ chữ này mà vào cửa tướng thật, tức là chữ Chân ngôn.

Lại các chữ này hiệp lại mà thành câu thì có nghĩa câu, câu này nói thể của tướng thật, ấy nên hành giả trì Chân ngôn chắc chắn khiến mỗi chữ tương ưng, mỗi câu tương ưng, hoặc trụ tâm trong hạt giống của chữ, hoặc tưởng Chân ngôn khiến thành hình vòng tròn, hoặc như hình chuỗi, hoặc như chuỗi ngọc, sáng sạch không dơ, xoay vần nối nhau không đứt quãng, như thế khiến hiện ra rõ ràng rồi, tưởng vòng Chân ngôn này, rõ ràng như sữa, hoàn toàn sạch sẽ, lần lượt rót vào, không có xen hở, từ trong miệng mà vào, từ trên xuống dưới, rảy khắp vật thấp, đầu cuối nối tiếp nhau, kéo vào trong đây, thân tâm tràn đầy rảy khắp phần thân. Do nhân duyên này, có thể làm cho các chướng của thân tâm của hành giả đều được thanh tịnh.

Cái gọi là nhất lạc-xoa: Đây là lời bí mật, ý riêng của tiếng Phạm, chính là nghĩa "Nhất kiến", khiến tâm trụ vào cảnh này một duyên không tán loạn, mỗi chữ tương ưng, mỗi câu tương ưng, tưởng mỗi chữ này rõ ràng trong suốt như ngọc trong sáng, mỗi chữ đều lại rõ ràng, khắp có ánh sáng theo thứ tự không mất, lại rót vào tâm kia như nước cam lồ tưới rót, khi nhất duyên như thế, dù cho có các chướng khởi, hoặc làm ra hình tượng rất đáng sợ, các người tâm tán loạn thấy thì cuồng loạn, hoặc khởi tiếng lớn, giả sử núi chúa cũng có thể vỡ vụn, khi có việc như vậy, hành giả trụ ở chân tâm Bồ-đề mạnh mẽ, một duyên bất động không có lấy bỏ, do đó gọi là trụ ở "nhất kiến", nếu không như thế, dù tụng đến trăm ngàn muôn lạc-xoa cũng không được thành tựu, huống chi là một lạc-xoa ư?

Lại nữa, chữ này tức là tâm Bồ-đề, từ mỗi chữ liền vào cửa tướng thật, đều được thể pháp giới. Cái gọi là chữ, tiếng Phạm là A-sát-lam, A

nghĩa là không hư hoại, tức là tâm Bồ-đề thanh tịnh, như thực hành môn này và tâm Bồ-đề thanh tịnh, nếu không trừ cấu, bản Tôn Tam-muội không từ đâu hiện ra, do đó hành giả muốn mỗi chữ, tương ưng với tâm Bồ-đề thanh tịnh.

Thứ đến gọi là Thanh, Cú tưởng làm bản Tôn, và ở tự chỗ làm ra, lại phải quán tưởng thanh của từng chữ, từng câu Chân ngôn, như trước theo thứ tự nối tiếp xoay vần không dứt, mỗi thanh tướng rõ ràng, như tiếng của chuông, mõ, gió lần lượt không dứt, mà vào khắp trong thân thể kia, do nhân duyên này có thể làm cho thân tâm quét trừ cấu trược, như khi lửa bốc cháy các bụi đều sạch, tâm cũng phải trụ một cảnh không tán loạn, dù cho có nhiều cảnh giới, cũng như trước nói.

Lại, nghĩa trong Cú tức là thể của Bản Tôn, trước hết tưởng Bản Tôn rõ ràng, sau liền tự quán thân mình đồng với Bản Tôn, khiến trong, ngoài rõ ràng, chữ Chân ngôn quán tức là thân Chân ngôn, quán thanh chân ngôn tức là thể Chân ngôn, chính là tâm Chân ngôn.

Cú là chỗ hướng đến để quay về, tức là Tâm Bản Tôn. Thân, ngữ, ý thanh tịnh, ba việc thanh tịnh bình đẳng, giống như trong có mắt sáng, ngoài thấy cảnh tịnh, lại không mờ tối chướng ngại, ba việc bình đẳng cho nên hiện ra rõ ràng, do ba việc này bình đẳng, nên thân, miệng, ý, đều trụ “nhất kiến”, các duyên đầy đủ sẽ có niềm vui thành tựu. Ba việc này bình đẳng thì thấy rõ Bản Tôn cho nên phải từ chỗ mình mà làm.

Lại liền tự quán thân kia cũng đồng với bản Tôn, do ba việc bình đẳng cho nên nói là thành tựu thế gian.

Bấy giờ, Đức Thế-tôn và các Bồ-tát... tùy tưởng mà hiện, tùy niệm mà đến, tùy hỏi mà đáp, sau đó là tu học hạnh Chân ngôn xuất thế, nếu không như đây thì luống uổng công kia, không có lợi ích gì. Phải biết câu thứ ba, chính là thắng cú của các Đức Phật, hành giả quán sát ở trong kia, vầng trăng rất tròn sáng, trong đó suy nghĩ cẩn thận, thật thà, các chữ theo thứ lớp, sau phải quán Phật tức là quán bản Tôn, hễ kia muốn làm việc gì đều có hình loại pháp môn, giống như màu sắc thì có trắng, vàng, đỏ... hình của thân ấn đứng, ngồi, hễ muốn làm việc gi mà hết lòng xem xét, như muốn tịch tâm Tức tai, liền quán tượng tức tại, đã được thành tựu rõ ràng không ngăn ngại.

Lại tưởng vầng trăng tròn đầy trong sáng, quán chữ luôn ở trong vầng tâm trong sạch này, thành tựu như trước, đây chính là nghĩa tâm Bồ-đề thanh tịnh. Do ba nghiệp bình đẳng thanh tịnh, nên thấy tướng các Đức Phật, tâm Bồ-đề thanh tịnh tương ưng với niệm Phật Tam-

muội, rõ ràng không chướng ngại, chỉ riêng mình biết rõ, người khác không thấy được.

Nói trong quán tưởng thành thật: nghĩa là quán Bản Tôn và chữ tròn đầy thanh tịnh, rõ ràng phân minh không có mờ, ẩn, gọi là rõ ràng phân minh. Nói trong đặt tự, cú... nhưng tưởng thanh tịnh mạng sống kia, tức là như trên trước quán chữ, quán thanh, quán bản Tôn, sau mới quán Phật, Phật tức là Bản tôn, tùy theo người có duyên với kia mà quán đều là thân "Phổ môn" của Phật, cho nên tướng không khác, đồng gọi là Phật.

Trước thực hành ba thứ quán này đều hòa hợp mới thành hạt giống, lấy làm hạt giống cho nên nhất quyết phải được quả, sau quán Bản Tôn vì muốn thành quả, như người có hạt giống trồng ở ruộng tốt, dùng phương tiện vun trồng thì thành quả, cho nên nói thành hạt giống, đã thành quả trí Nhất thiết trí thì phải quán Phật.

Khi hành giả mới bắt đầu quán, chợt tạm tương ưng, giống như ánh chớp tạm được thấy đạo, bấy giờ không nên sinh tâm mê đắm. Vì sao? Vì như ở phương Tây có một đệ tử A-xà-lê, khi thực hành quán này bỗng tạm tương ưng, tâm sinh cống cao lại đến các vị đồng học nói rằng, nếu thấy pháp ấy thì liền thành quả, xét quả Chân ngôn: tức là đầy đủ Nhất thiết chủng trí, Tôi ngày trước đã làm được kệ tụng, ông có biết không? Nếu ông đối với việc gần đây còn không thể hiểu rõ thì phải biết cảnh giới các Đức Phật chưa thể thông đạt.

Cho nên nói việc này. Nếu người khi thấy tự rõ ràng, do tương ưng với pháp, ắt hẳn thân có khác, trước kia ngu độn mới được tổng trì, hễ nghe một câu nào đều thông đạt vô lượng nghĩa thú, nói không cùng tận, huống là ngã mạn... vượt qua sở động, mà sinh cao ngạo chấp trước tâm ư? Thế nên hành giả, phải xa lìa pháp ái như thế, chớ để tự thối lùi.

Lại hành giả quán bản tôn khi vừa bỗng thấy, liền diệt theo không nên ưa thích mê đắm, hoặc sinh lo buồn, hối tiếc, chỉ nên một lòng thực hành lâu sẽ tự rõ ràng phân minh. Nếu khi thấy các tôn vị thì các hữu đã tưởng nhớ tự nhiên thành tựu, vầng trăng tròn sáng và các chữ, tùy niệm mà hiện rõ ràng sáng suốt, nếu thấy chữ, ngoài chữ đều có ánh sáng sáng, giống như ánh sáng lửa không có gì sánh, hoặc làm Tự luân như trước đã nói, cũng ở trên luân có ánh sáng tùy tâm thành tựu, cho đến quán này được tròn sáng, muốn nhỏ liền nhỏ, muốn lớn liền lớn, cho đến khắp cả mười phương cõi Phật đều khắp cả, hoặc muốn thấy các việc thần thông, Vô lượng số số sắc tượng lời nói để diễn tả bí tạng

của các Đức Phật trong mười phương, đều được thấy rõ, ví như người thợ vàng tài giỏi được vàng tốt đẹp, luyện qua nhiều lần, trong sạch không bẩn, tùy ý làm gì theo tâm mà thành tất cả không chướng ngại, đây gọi là quả của sự trì tụng.

Lại cái gọi là hơi thở ra vào, như hơi thở người đời, vào thân lại ra, ra rồi lại vào, không có dứt bặt hay đứt quãng, người quán thấy Tự luân tròn sáng này cũng giống như vậy, từ tâm bản Tôn niệm niệm chảy vào thân kia, giống như hơi thở vào, lại từ trong thân tâm mình niệm niệm chảy ra, vào trong tâm của Bổn Tôn, niệm niệm tâm không đứt quãng giống như hơi thở ra, như thế niệm niệm vòng khắp không cùng, tức là hơi thở ra vào của người thực hành Chân ngôn. Như thế hơi thở ra vào chảy khắp thân tâm, sạch các cấu uế dần dần được các căn thanh tịnh. Lại tùy theo sự việc mà quán sắc, của hạt giống Tự luân, như loại Tức tai thì màu trắng, hàng phục màu xanh, đen... có thể tùy theo loại mà biết, làm như thế cũng phải tùy tâm mà thành tựu các việc.

Lại trong kinh chép: Mạng: có chỗ nói là phong, phong là tưởng, tưởng là nhớ nghĩ, mạng căn như thế, nghĩ hơi thở ra vào tuy là thanh tịnh nhiệm mầu nhưng vẫn là do tưởng gió mà thành, cũng nên thanh tịnh. Có chỗ nói những thứ kia trừ sạch xong, trước là tác pháp trì tụng, gọi là chữ A, vì tất cả hạt giống đều từ chữ A mà sinh. Nếu quán tướng hạt giống thì không quán A, nếu quán thì có hai tướng, vì thế cho nên chỉ quán chữ A làm hạt giống tất cả vì tất cả pháp không ra ngoài tự môn A, đây nói trước quán tướng riêng không ra ngoài tự môn A, đây nói trước quán tướng riêng của hạt giống, sau đến trong đây, tất cả phải nhập tự môn A, nếu nhập tự môn A thì thấy lý thể vốn bất sinh, thấy như thế rồi thì ba nghiệp đều thông, do thân đều thông cho nên thấy khắp sắc thân tùy loại, thấy khắp sự vui mừng khi thấy thân; do ngữ thông, cho nên có thể thích hợp khắp lời nói khác nhau của tất cả chúng sinh, do tâm thông, cho đến tâm động tác trong tâm tất cả chúng sinh, nói rộng đều hiểu biết rõ ràng, cũng có thể biết các việc bí mật của Như lai, tức là sáu căn thanh tịnh, rốt ráo thành tựu chủng trí.

Hành giả tu chân ngôn, trước chịu làm việc trì tụng một tháng, nghĩa là trong một tháng, trước phải làm như đây quán như trên. Lại giải thích riêng, một năm mười hai tháng mà thành, trở lại "Bản Tế" được cội gốc của kia, cũng như mười hai địa vị của Bồ-tát, tức là Thập trụ, Đẳng giác và Diệu giác giống như mười hai tháng, cho nên trong đây được phần một tháng tức là nhập sơ trụ địa, mỗi câu chữ hoặc Bản tôn... tùy theo tất cả rõ ràng thành tựu không có chướng cấu, vì thế nói mỗi

câu tương ưng, hành giả trước phải thực hành phương tiện, khi thực hành quán sát như thế, hoặc đem một cành hoa dâng cúng Phật, dốc lòng hồi hướng, nguyện xin hiểu suốt mỗi câu trong đây.

Văn dưới, hoa rải khắp tất cả cõi nước trong mười phương, rộng làm Phật sự, bấy giờ hễ nghĩ liền thành, cho đến những việc như hương, thức ăn, mỗi thứ đều nói như thế. Dù trời đại hạn, hoặc có các tai hoạn, lúc ấy hành giả cúng dường một cành hoa, nguyện xin hạn này được trừ thì trời rưới mưa lớn xuống, hoặc nguyện các hoạn tự dứt, đều đúng lúc thành tựu, lại đem tất cả công đức này hồi hướng Bồ-đề, thí khắp cho tất cả chúng sinh, Bồ-đề nguyện lớn như thế cũng sẽ thành tựu, huống chi các việc khác.

Trước nói một tháng, tức là tâm cùng một cảnh tương ưng, mỗi câu thông đạt: nghĩa là trước quán tự luân, quán thanh luân, và chủng từ Bản tôn, mỗi thứ hiện ra rõ ràng không có lẫn lộn, gọi là thông đạt mỗi câu. Trước quán Phật được thành tức là toàn sáng, tùy theo thứ lớp được thành, ngoài ra liền thành tựu, nghĩa là khi quán Bản Tôn rõ ràng tròn sáng thì tướng Tự luân... tự nhiên thành tựu; nguyệt đây tức là dụ cho trăng Tam-muội, pháp tánh trong mát mới có thể hiện khắp trong nước tâm của tất cả chúng sinh, không phải như trăng ở thế gian, chỉ mượn tâm làm dụ mà thôi, hễ một thứ được thành tựu thì các thứ khác đều tự thành.

Nhưng sở dĩ nói đầy đủ, vì đến văn dưới đều có chỗ dùng, phải quán trăng pháp tròn sáng mà dùng. Các Đức Phật là bậc Đại danh xưng, nói đây trước thọ trì: tức là trước tiên thành tựu hạt giống, sau phải tùy theo những gì mình có, dâng cúng hương, hoa... nghĩa là có thể dùng một cành hoa mà trùm khắp pháp giới, cho đến nguyện lực nhân duyên, có thể dứt trừ các khổ não cho chúng sinh như trong Phổ môn thường nói, đâu không phải một cành hoa mà có thể thành tựu nguyện lực như thế sao? Vì thành chánh giác, cho nên hồi hướng tự Bồ-đề, phải biết chính là hạt giống tâm Bồ-đề mình hiện ra toàn sáng lực dụng tự tại.

Tiếp theo nói: trong đây giải thích nghĩa lý sâu xa của hai chữ, như thế trong hai mặt trăng, Chân ngôn sẽ vô úy, tức là đạt đến nghĩa Tất-địa, nay đây là đại dụng, mặt trăng thứ hai. Mặt trăng thứ nhất nói là thành hạt giống, mặt trăng thứ hai nói là thành vị, hoặc thành thế hạnh nhập vào trì tụng, hoặc thành thuyết thế gian: tức là một tháng đầu trì tụng, một tháng kế đối với pháp thế gian được thành tựu, nghĩa là các thứ thuốc do pháp thành tựu, có thể được nghe, thọ trì, nghe một

phen không quên, cho đến năng lực của hạnh thông minh đều được khéo thành, đối với Đại Không được tự tại.

Nếu nói nghĩa xuất thế thì tùy theo khi kia thành tựu có thể đầy đủ tất cả sở nguyện; cái gọi là chuồng bò trên núi, xét về nghĩa, khi làm thành tựu như ở núi, tức là tướng ưng với núi Trung đạo, mỗi việc đều tương ưng với lý, gọi tên núi là Bất Động, tức là tâm Đại Bồ-đề, ở tâm Bồ-đề này địa vị cao hơn cả cho nên gọi là đỉnh núi, như người lên trên núi nhìn xuống muôn vật không gì chẳng thấy rõ ràng, núi pháp tánh này cũng giống như vậy, nhìn xuống pháp giới soi chiếu trọn vẹn không ngăn ngại.

Chuồng bò: bò: là chỗ sinh năm tịnh, có thể đuổi uế trừ chướng, thành tựu sự nghiệp thanh tịnh. Do đã nuôi dưỡng là sạch cho nên cỏ non trươi tốt tự nhiên nảy sinh, chuồng bò tâm Bồ-đề này cũng giống như vậy, có khả năng ngăn ngừa tội lỗi vọng tưởng phân biệt, khiến thanh tịnh các tâm địa, lấy nước đại Bi rưới lên đất bình đẳng, sinh ra công đức mặc cho nuôi lớn. Hai sông, nghĩa như trên đã nói, hai sông (lưỡng hà) nghĩa là trôi chảy không dứt, đó là dòng sinh tử; lại tâm tâm tịch diệt chảy vào biển lớn pháp tánh, đó là giòng xuất thế, ở trong đây là cảnh Trung đạo an trụ kỳ diệu, có thể làm thành tựu khéo léo. Nói trong Tứ đạo: nghĩa là trong đạo Tứ Thánh Đế. Một nhà: nghĩa là trừ các cảnh phân biệt ở nơi hạnh "Như Như", lấy đây làm nhà.

Nhà đại thiên: Có chỗ nói nhà Niết-bàn, nhờ đây mà làm thành tựu Bồ-đề tự tại, nếu không vào nhà Đại không như thế thì làm sao có thể thành tựu tự tại? Nghĩa của Mạn-đồ-la như trên nói, bốn góc làm tượng kim cang tam cổ, chung quanh nối tiếp nhau gọi là Cung Kim cang, nếu nói sâu kín thì đây là Đại Trí không thể phá hoại, lấy diệu trí Kim cang, kết Kim cang giới để hộ tâm Bồ-đề cho nên việc làm đều thành tựu, tác hộ nghĩa là đem hàng phục tam thế minh và bất động minh mà giúp đỡ các việc. Nếu nói về lý thì Hàng phục tam thế, Minh vương bất động này chính là tâm Đại Bồ-đề có khả năng giữ gìn tất cả chúng sinh khiến gốc lành của họ thành tựu tự tại, có tướng thượng, trung, hạ, mặt trời mọc là thượng, nửa đêm là trung, đầu đêm là hạ; trong thời gian này có tướng, phải biết tùy theo việc mà biết đó là thượng, trung, hạ thành tựu.

Đầu hôm: nghĩa là mới vào chưa chứng. Nửa đêm: nghĩa là tâm Bồ-đề, nghĩa là từ đây xoay lưng vào bóng tối hướng đến ánh sáng, nhưng còn chưa phải là rất sáng, đến khi mặt trời mọc thì tướng thành, giống như mặt trời chiếu khắp thế gian. Ở trong thời gian này, hoặc có

thanh Hâm, hoặc có các tiếng làm náo động, hoặc, mặt đất rung chuyển, hoặc nghe các âm thanh hay, thấy các tướng đẹp, người đều muốn nghe vui vẻ ý kia hoặc ở trong hư không, hoặc ở trong đàn, nếu có các tướng ấy phải biết đó là thế Tất-địa thành tựu. Nếu nói về lý thì chỗ mỗi pháp hiệp liền đắc quả, đó là quả ba thừa, hoặc xoay bánh xe pháp được thế lớn, cho đến sống lâu, lượng sống lâu vô số, tiến cao hơn, là đi trong hư không, tịnh nhãn chiếu sáng, trong sáng tròn đầy, không ngăn ngại tịnh tâm khắp trí. Ở trên, là phẩm Thành Tựu Thế Gian đã xong.

■

ĐẠI TỲ-LÔ-GIÁ-NA THÀNH PHẬT KINH SỚ

QUYỂN 11

Phẩm 6: TẤT-ĐỊA XUẤT HIỆN

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại quán sát các đại chúng trong hội vì muốn đầy đủ tất cả nguyện nên lại nói: Ba đời Vô lượng môn quyết định trí Viên mãn pháp cú.

Phật quán sát đại chúng đều có nhân duyên. Nên trước dùng tâm Phật mà quan sát các thể tướng chủng tánh của chúng sinh ấy, có khả năng thọ nhận pháp nào, dùng thứ nào thì được lợi ích. Quán sát như thế xong thì biết nói cho họ nghe pháp môn ấy thì được ngộ nhập, vì muốn nói thì trước phải quan sát căn cơ, ba đời vô lượng quyết định trí môn, nghĩa một niệm trong ba đời vô lượng trí môn đều vô ngại. Phật dùng các thứ phương tiện mà nói diệu pháp này. Tất cả chúng sinh đều tùy trí môn thích ứng mà được quyết định. Môn ấy vô lượng nên gọi là Vô lượng môn.

Phật quán sát đại chúng trong hội mà nói cho nghe phổ môn pháp giới thú nhập môn này, là muốn khiến cho đều tùy bản duyên mà được quyết định nên gọi là quyết định trí môn.

Pháp cú nghĩa là trước gặp sự, rồi từ Sự sinh ra Lý, nên gọi là Cú, đây là y theo câu kệ pháp mà đặt tên.

Mãn túc là nhập vào pháp môn này có công năng sinh ra pháp môn, sinh ra pháp giới vô tướng Như Lai tự chứng bí mật pháp, sắp muốn dùng pháp như thế làm đầy đủ cho tất cả chúng sinh, không để luống qua. Cú đây tức là kệ. Chưa kịp hiểu câu sau lấy nghĩa làm kệ.

Hư không vô cấu, vô tự tánh, có công năng trao cho các thứ các xảo trí. Nghĩa là Nhất thiết trí và tâm trí đều không, vô cấu, vô lượng, vô ngại, vô phân biệt. Tức là pháp đại không hiện chứng của chư Phật.

Vô tự tánh nghĩa là không này là vô cấu thanh tịnh pháp giới, cũng lại không có tự tánh, chẳng thể chấp lấy. Vì như thế tức là Đại không. Vô vi cũng không có tự tánh vì làm sinh trí Nhất thiết trí, tức là

xảo trí, là tên khác của trí vậy. Nếu không có xảo trí thì đâu thể tùy tất cả các thứ tâm hạnh của chúng sinh mà thấy chỗ thân ưa thích của họ để nói pháp đáng nghe, xứng cơ dễ hiểu, chẳng dối gạt mà vào tất cả pháp giới Bình đẳng, tức là khéo nhất trong các khéo. Vì bình đẳng không cũng không có tự tánh.

Có tướng sinh diệt cũng lại không tánh, nên đối với pháp rất tự tại, sinh ra xảo trí, nguyện khắp cùng tất cả chúng sinh độ lượng chẳng thể nghĩ bàn. Do bản tự tánh là thường không nên duyên khởi sâu xa khó có thể thấy. Đây là tự tánh không, chẳng thật có, tức là pháp thân Phật đệ nhất thường trụ, vì lìa không, phi không... tám tướng điên đảo. Đó tức là pháp sâu xa duyên khởi, vô vi, không tạo tác, không khả năng, bất động pháp giới mà khắp ứng chúng sinh, cơ ứng liên quan nhau như trăng hiện dưới đáy nước trong. Như thế là pháp duyên khởi chẳng thể nghĩ bàn.

Đối với lúc thường hằng thời thù thắng tấn, tùy niệm thí cho quả vô thượng. Hoàn nghĩa là thường tu pháp hạnh như thế, cho đến Đại không cũng chẳng thể được. Vì không tự tánh nên cũng như Đại không mà sinh khởi muôn hạnh. Đây là hạnh sâu xa bình đẳng pháp giới.

Nếu hành giả thường làm được như thế là tùy chỗ nghĩ chuyện của chúng sinh mà khiến cho đầy đủ. Cho đến đại nguyện vô thượng cũng có thể ban cho họ. Ví như tất cả đến nhà đều nương hư không chẳng dính mắc mà đi. Ở đây hai người không tin hiểu nên phải dùng ví dụ. Tất cả thế gian đều phải nương hư không mà được an trụ, nhưng đại không này lại không có chỗ nương, nên không nghĩ rằng tất cả thế gian do ta mà sinh, nương ta mà ở. Thế gian này đối với hư không mà chẳng nghĩ ân đức nên chẳng nghĩ đến việc phải đền đáp. Vì năng lực của không này giúp ta được an ổn như thế. Vì sao? Vì chẳng thấy hư không có tạo tác nên chẳng nghĩ đền đáp.

Kế là nói: Pháp thanh tịnh này cũng giống như thế. Ba hữu vô dư không sót, thanh tịnh sinh ra. Hợp rằng như trên đã nói, cũng đồng với không, trừ chướng ba hữu, khiến không có dư, sinh ra pháp thanh tịnh, tức là sinh pháp tánh thanh tịnh diệu thân.

Kế nói: Vì xưa thắng sinh tu hành ở đây, có được tất cả hạnh Như Lai, lại dẫn xưa làm chứng. Thắng sinh tức là Tiên sinh, Tiên sinh là trước biết pháp ấy. Nếu biết, pháp này tức là vô tận trang nghiêm, Vô tận trang nghiêm là định tuệ Thần lực của tạng Diệu nghiêm. Nghĩa là Bồ-tát ở quá khứ tên là Thắng Sinh Nghiêm, đây chính là đệ tử Phật, tức là người tu hành trước như nói tiên sinh. Tiếng Phạm là Tịch bộ, là

chẳng lâu sẽ đầy đủ các thứ tài bảo, tức là pháp tài. Đức này để nghiêm thân, là hiểu được pháp như thế, tất cả chư Phật đều được pháp này.

Kế là nói: Chẳng có câu khác thì khó có thể được, làm đời khắp sáng như Thế Tôn. Ý kế nói rằng nếu lìa đây lại đối với pháp cú khác mà thành được như thế quả pháp giới không thể suy nghĩ bàn luận, thì không có việc ấy. Dù cho ở trong đó mà tìm cầu thì cũng không được lý. Như trong nước mà tìm dầu, không thể có việc ấy. Nếu người được tự chứng này mà không phải khác thì pháp chẳng do người khác mà ngộ. Tức có công năng chiếu sáng thế gian như mặt trời chiếu sáng. Cũng như khi Phật ra đời, thì hay vì tất cả thế gian vô minh mà làm ánh sáng rực rỡ.

Nói pháp tu hành cực thanh tịnh, rộng sâu vô tận lìa phân biệt. Là Phật nói pháp này cực thanh tịnh. Không phân biệt, lìa phân biệt sâu xa tự chứng pháp này rộng sâu chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể phá hoại, không có cùng tận tức là ý khen đức của pháp.

Bấy giờ, Tỳ-lô-giá-na Thế Tôn nói Già-đà này xong rồi, quán sát Kim Cang Thủ... tất cả đại chúng, bảo Chấp Kim Cang rằng: Này này người Thiện nam! Mỗi cõi đều hiện pháp giới Thần lực. Thần lực cũng là động dụng Thần biến. Thần biến này là nghĩa rộng, từ một được nhiều. Tất-địa lưu xuất cú, nếu chúng sinh thấy pháp như thế mà vui mừng hớn hở được Lạc thọ trụ. Phật xem đại chúng đều có nhân duyên, đều muốn khiến họ đều nói từ pháp giới không thể suy nghĩ bàn luận năng lực thần thông tự tại lưu xuất ra câu Tất-địa.

Lưu xuất này gọi là môn, tiếng Phạm có nhiều nghĩa, nay trong đây ý lưu xuất sang tỏ. Nghĩa là từ tự chứng pháp giới tâm Phật mà lưu xuất ra vô lượng môn xảo trí, tức là như trước mỗi vị Bồ-tát Kim Cang đều là Đức nội chứng của Như Lai. Từ đây hiện ra pháp môn. Môn có truyền pháp nhiếp chúng sinh thì dẫn họ một loại từ môn này mà vào, mà đến địa Nhất thiết trí. Ý Phật khiến họ mỗi người đều nói nhập vào môn thật tướng.

Nếu chúng sinh nào có căn tánh đó thì sẽ sinh vui mừng phát khởi gốc lành, tức từ môn nào mà thành hạnh thắng tấn trụ vào hạnh an vui của Như Lai. Lúc đó các Chấp Kim Cang đảnh lễ Thế Tôn Tỳ-lô-giá-na. Như thế pháp chủ y giáo mà ra lịnh, là y lệnh của Phật không dám trái. Song Như Lai là pháp chủ. Nếu ở trước pháp chủ đều nói khác thì chẳng phải là thỉnh Phật tự nói khiến tất cả đều nghe. Vì sao? Vì Thế Tôn ở trước Thế Tôn tự nói như thề tùy pháp thông đạt, chẳng phải là chỗ đáng làm, đây là văn hồi hướng.

Lúc đó, các Kim Cang lại thỉnh Phật nói: Cúi mong Đức Thế Tôn thương xót chúng con hiện bày Tất-địa Lưu xuất cú. Vì sao? Vì ở trước Tôn giả Bạc-già-phạm mà tự tuyên bày pháp thông đạt, chẳng phải là chỗ nên làm, ý này thế nào?

Như Lai là Pháp vương tôn thắng vô thượng, vì đối với pháp này hiện tiền thông đạt, rốt ráo thông đạt, rốt ráo thông suốt không sót. Chúng con nhờ ân Đức Phật đều từ một môn tùy tâm lượng mình mà được thông đạt. Nếu ở trước Đại Pháp Chủ mà xưng nói thì không nên làm, đây chỉ là ý hổ thẹn, khiêm nhường xin nêu ý như thế, mong Phật tự nói. Vì sao? Vì chúng sinh đời vị lai sẽ được gặp pháp này mà được lợi ích lớn, mở bày tri kiến Phật mau được thành tựu hạnh an lạc của Như Lai. Nói như thế xong, Như Lai liền bảo Kim Cang Thủ rằng: Lành thay, lành thay! Này người Thiện nam! Pháp Như Lai nói đây trong thành Tỳ-nại-da tất cả đều khen.

Cái gọi là có khác nhau, nếu có khác nhau, này các thiện nam, thiện nữ nếu thấy pháp như thế thì mau sinh hai việc: là chẳng làm việc chẳng nên làm mọi người đều khen ngợi, là ý thầm khen rằng: các Thiện sĩ này tuy đã thông suốt môn mình vào nhưng vì kính tin Như Lai mà hổ thẹn chẳng dám nói ra, phải biết đó là tướng thiện sĩ, cho nên nói: Lành thay, lành thay!

Kế là do việc làm mà dẫn dắt, cho nên nói trong pháp luật Như Lai nói ra chỉ thường khen ngợi một pháp, đó là hổ thẹn. Tiếng Phạm ở phương Tây khác tên với hổ thẹn, lại giải thích tàm quý là hổ thẹn. Nếu người có tâm hổ thẹn tức là có tàm quý. Như Lai thường khen ngợi một pháp này. Nếu người biết hổ thẹn thì sẽ thành tựu được hạnh bí mật, phải biết tức là chỗ phát tích. Cho nên vì có hổ thẹn mà có được hai pháp:

1. Sự nghiệp chẳng nên làm đều chẳng làm. Thế nào là chẳng nên làm? Như người thế gian đều quán sát trong chủng tánh mình, việc chẳng nên làm thì chẳng dám làm. Thế gian gọi là người biết hổ thẹn. Nay thiện nam cũng thế. Ở trong chủng tánh Như Lai mà tự quán sát, như tất cả nghiệp ác trong pháp này đều phải không làm. Đó là một.

2. Do chẳng làm ác thì được Như Lai khen ngợi. Chẳng phải chỉ có Như Lai mà còn được chư Phật mười phương, trời, người, A-tu-la, Sa-môn, Bà-la-môn và Phạm, Thích, đại chúng ngợi khen truyền bảo nhau. Đây là quả báo chẳng làm các điều ác. Lại chúng khen ngợi tức là làm đủ tất cả điều lành. Do đủ tất cả điều lành nên được đại chúng khen ngợi.

Lại có hai việc đó là chưa đến khiến đến. Chưa đến khiến đến là đến được trí Nhất thiết trí châu diệu bảo. Do có hổ thẹn nên làm được hai pháp, do được hai pháp trước nên đến được chỗ đến, xưa chưa ngộ mà nay được ngộ, xưa chưa nghe mà nay được nghe. Đó là một, hai là do được đến chỗ chưa đến tức là sinh trong chủng tánh Như Lai, cùng tất cả Phật và Bồ-tát đồng một chỗ, thường chẳng xa lìa vi diệu thắng tấn tịnh tấn, tức là hai.

Lại có hai việc, tức là trụ trong Thi-la (giới), dứt nóng nảy, được mát mẻ là nghĩa Thi-la. Như khi nóng bức thì nghĩ đến nhà mát ao mát được vào tức là lìa các nạn nóng bức. Lại như người bệnh nóng mà được trừ bệnh Nhiệt độc, tức thì thân tâm mát mẻ khéo được an vui đồng nghĩa với mát mẻ. Người Bồ-tát tánh giới thành tựu chẳng do chế giới nhậm vận mà có. Ví như biển lớn tánh nó tự như thế, chẳng chứa thây chết, chẳng phải có người khiến nó như thế. Không đồng với giới Thanh văn. Hai là pháp, do có giới, nên thường sinh làm trời người. Đây gọi là Địa vị chưa được pháp thân, đời đời chỗ sinh thường ở trong trời, người, được lìa chướng thấy Phật nghe pháp, đó là lợi ích rộng lớn.

Lành thay! Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ! Ta sẽ giảng nói Chân ngôn thành tựu lưu xuất tương ưng cú. Lành thay này có hai nhân, đó là Phật khen đức Hiền thiện ấy mà bảo hãy khéo lắng nghe. Lưu xuất là như Phật phát ra ánh sáng ở trước có chỗ ra tức là phía trước mặt chỗ sợi lông trắng, đảnh kế, khi làm Phật sự rồi thì đi quanh khắp xong lại trở vào. Lưu xuất ra chân ngôn này cũng giống như thế. Phải biết từ trong chân ngôn mà lưu xuất ra. Tức là quả Tất-địa Lưu xuất. Chân ngôn này vốn từ đức tự chứng của Như Lai trong tâm địa Phật mà xuất hiện, làm vô lượng pháp môn, làm Phật sự lớn. Làm Phật sự xong thì khiến họ phải độ chúng sinh. Tức từ môn này mà vào pháp giới Phật, nên gọi là lưu xuất. Cho nên nói đây là câu lưu xuất tương ưng các Bồ-tát tu Bồ-đề trong môn Chân ngôn. Mau chóng ở trong ấy sẽ được quả Chân ngôn Tất-địa. Quả trong đây nghĩa là được quả trí Nhất thiết trí không thể suy nghĩ bàn luận.

Kế là phần đầu nếu người tu thấy Mạn-đồ-la tôn quý chỗ ấn khả thành tựu chân ngữ. Từ đây trở đi lại nói pháp thứ lớp cúng dường. Trước được thấy Mạn-đồ-la. Không phải chỉ được thấy mà còn được Đại sư gia pháp dẫn vào như trước đã nói. Không phải chỉ được mà thôi còn phải thứ lớp tu hành, tùy pháp tu hành mà được A-xà-lê ấn khả truyền pháp. Vì được ấn khả quán đảnh.

Kế là nói chân ngôn thành tựu.

Lại nữa, trong phẩm Thế Gian Trì Tụng, trước quán trong ánh tròn sáng có hoàn nhiễu chân ngôn tự luân. Khi tụng niệm thì từ chữ đầu từ trong miệng mà vào, lưu nhập vào thân, cũng như hít vào thì chạy khắp toàn thân. Đây là Thần lực tự tại của Như Lai gia trì. Niệm như thế có công năng trừ tất cả nghiệp cấu của chúng sinh biến khắp thân như thế rồi lại từ miệng ra mà vào, dưới chân khắp đến các chỗ. Như thế khi mỗi chữ lưu nhập thì chữ kế liền tiếp nối không dứt, thứ lớp liền nhau. Nếu người mới học sợ tâm tán loạn chẳng thể thành như thế, thì chỉ quán chữ hạt giống như trước đã làm. Phải dốc lòng xuyên suốt mà tu tập, dần dần sẽ thêm chữ. Đem một đoạn này vào phẩm trước như trước đã nói.

Thấy Mạn-đồ-la lại được vào rồi làm các pháp sự, được vào quán đảnh, lại được thọ pháp, đúng như pháp mà tu hành. Khéo hiểu trong chân ngôn thứ lớp pháp dụng, sáng tỏ vô ngại. Có khả năng truyền pháp được Sư ấn khả. Kinh nói tôn giả tức là sư. Lại phát tâm Bồ-đề, đó gọi là cầu nghiệp Như Lai tự tại. Vì phổ môn lợi ích tất cả chúng sinh mà thực hành hạnh này, chẳng phải là việc khác.

Tin sâu Từ bi không có bỏn sẻn, nghĩa là đối với pháp không thể nghĩ bàn sâu xa rộng lớn, quyết định chánh tín không có tâm nghi. Lại đối với tài pháp tâm không bỏn sẻn, dùng tâm đại Từ bi thương xót tất cả, thường thực hành hạnh lợi tha chẳng cầu tự lợi. Trụ trong Điều phục, nghĩa là tự điều phục sáu căn. Đây là tánh giới.

Khéo léo phân biệt pháp từ duyên sinh ra. Thí như gương sáng hiện các đối sắc rõ ràng hiện tiền. Các pháp như thế chẳng phải do trong gương trước có, chẳng phải do sắc từ ngoài vào. Phải biết hai pháp hòa hợp cũng không thể sinh, ở trong đó rất rõ ràng. Chẳng nên chấp lấy, chẳng nên cầu được, mà cũng chẳng phải có, chẳng phải không, chỉ từ các duyên hòa hợp nên có thể thấy. Như thế tất cả pháp phải biết cũng thế. Cho đến mười dụ đều thông suốt. Quán như thế rồi, đối với quả Chân ngôn Tất-địa cũng quán như thế. Do tự trì tụng và bổn tôn chân ngôn hòa hợp nhân duyên, thì có tất cả việc không thể nghĩ bàn. Pháp giới cảnh tượng chẳng nên đắm trước, các thứ thành tựu. Thọ trì giới cấm tức là cụ giới của trì minh, đối với mỗi pháp đều khéo thọ trì.

Vì nhân duyên ấy chẳng phạm pháp Tam-muội-da, được Tất-địa thành tựu. Khéo trụ chúng học, tức là tướng chân ngôn môn thành tựu pháp Thượng trung hạ, mỗi tướng ứng với học sự đều khéo thông đạt, tức là khéo trụ trong pháp Thượng trung hạ. Đủ phương tiện khéo léo, tức là thể giải dụng khéo léo của Như Lai. Như khi tu hành Chân ngôn

hoặc đối với pháp giới Nhị thừa xuất gia có sự trái phạm thì chẳng nên sinh mê chấp như thế, phải biết bỏ tâm ác mà hại cho chánh tu. Vì sao? Như Lai có phương tiện chỉ là việc nhân duyên lớn như thế. Nếu chẳng trì phương tiện các thừa thanh tịnh giới mà ngại hạnh chân ngôn tròn đầy thì không có việc đó.

Cho nên người tu nếu khi có phạm thì phải nghĩ là nay ta chỉ cầu Đại thừa vô thượng khắp lợi ích tất cả hữu tình. Sự chẳng gồm toại nên ở trong đó có sự trái phạm. Nếu ta được thành tựu quả rồi thì phải hối lỗi. Vì tâm lành này chẳng phải nhân duyên phạm giới nên không gọi là phạm giới. Nghĩa mạnh mẽ thì như đã nói trong phần sư và đệ tử ở trước. Biết thời và phi thời là trọng môn Chân ngôn mỗi mỗi thứ lớp pháp dụng, chẳng được bỏ trước đắm sau, bỏ sau đắm trước, việc nào đáng làm trước thì làm trước, việc nào đáng làm sau thì làm sau cũng giống như thế, tức gọi là thời. Cho đến các hành vi ăn uống ngủ nghỉ , đều có tướng thời và phi thời. Như hành giả chân ngôn, nếu như ngày thì ngủ, suốt đêm chẳng ngủ, các việc như thế cũng không phải Tam-muội-da vì không hợp thời.

Người thích thực hành hạnh tuệ xả (bố thí) là Bồ-tát Chân ngôn hạnh thường bố thí tài pháp, nhiếp lấy chúng sinh khiến vào Phật đạo. Nếu chẳng như thế thì tùy sức mà làm, tức là phạm trì minh giới. Tâm không sợ hãi, nếu ở trong chúng có các chúng sinh hiểu khác thấy khác, hoặc dứt nghi hoặc thử hỏi cạn sâu nên có sự hỏi han.

Bấy giờ, an trụ trong pháp dùng tâm vô úy, tâm không chấp đắm, tùy câu hỏi mà nói khiến được vào Chánh kiến, tâm không còn yếu hèn. Siêng tu hạnh pháp Chân ngôn, là ở môn tu hành chẳng hề bỏ nửa chừng, không bị đình trệ. Nếu ở giữa đường mà bỏ thì chẳng phải tướng tinh tấn. Pháp chưa được thì chẳng được, pháp đã được thì lui mất. Tức đối với đạo có ngại, cho nên người tu nhất tâm tinh tấn như cứu lửa cháy đầu, dùng tinh tấn mà chẳng buông lung cho đến ở ngay đời này mà được tri kiến Phật, huống chi là các pháp trợ đạo khác.

Chẳng như thế thì trái phạm pháp Tam-muội-da. Thông suốt thật nghĩa Chân ngôn, biết trong Thượng Trung Hạ thành tựu ý thú sâu xa, trong mỗi chữ mỗi tiếng nam nữ... từ chỗ nhập môn cho đến thành Phật. Đối với tướng thông bít mà khéo phân biệt biết. Sở dĩ như thế vì các chân ngôn là đức tự chứng của Như Lai, dùng đó mà trang nghiêm pháp thân, khiến các chúng sinh đều từ môn có duyên mà thấy thật tướng. Nếu khi vào một chữ thì đủ vô lượng môn công đức không hai, không khác. Thường ưa ngồi thiền, thích làm cho thành tựu, là đối với môn

chân ngôn tâm trụ một cảnh không hề tán loạn, như quán chữ quán tiếng hạt giống bổn tôn. Tùy đối với một việc, tâm chẳng duyên ngoài liền được thành tựu lớn. Nếu tâm tán loạn dù trải qua vô lượng kiếp muốn cầu thành tựu, còn chẳng thể được, huống chi một đời hiện được pháp lợi ư?

Kế là nói tướng Chân ngôn thành tựu, có người nghi rằng các pháp trong Thật tướng vô vi vì sao có các sự tướng như thế mà nay muốn ngộ nó?

Đáp rằng: Việc này có thật chẳng nên nghi ngờ, lại lấy việc đời làm thí dụ. Lại Bí mật chủ vì như cõi Dục có ý sáng tỏ tự tại vui vẻ, cho đến tất cả Thiên tử ở cõi Dục, như trong Đại Thừa nói: Cõi Dục có ba mươi sáu chỗ. Nghĩa là địa ngục Hàn nhiệt mỗi thứ có tám, cộng thành mười sáu. Lại bốn Đại châu. Bốn châu này mỗi châu đều có hai tùy châu (hợp thành mười hai châu và hai mươi tám ở trước) và sáu tầng trời đều có quỷ và bàng sinh (hợp thành ba mươi sáu). Tự tại Thiên chủ dùng năng lực ý sáng tỏ vui vẻ này mà hiện đủ các thứ tạp sắc dục lạc. Có thể trong một lúc mà đủ khắp ba mươi sáu chỗ.

Lại nói ở chỗ mê say này mà sinh ra các loại tạp diệu, cho đến cũng tự thọ dụng, đó là tất cả Thiên tử, Thiên nữ thị hiện trong ngoài cảnh hữu tình vô tình, như hiện tại các thứ ăn uống, âm nhạc... mỗi thứ có thể được hiện tiền thọ dụng. Nếu thấy các thân như nữ sắc... cũng có thể tự vui với năm dục, đều tùy tâm ưa muốn. Lại gặp cảnh năm dục cực diệu tâm đều mê say huống chi là Chân ngôn Như Lai mà chẳng thể thấy khắp hiện sắc thân thành Phật ư?

Lại, này người Thiện nam! Như Thiên vương Ma-hê-thủ-la có một minh gọi là Thắng ý sinh minh, vì nhờ năng lực chân ngôn, có khả năng trong một thời gian làm ra biến hóa rộng lớn. Biến tam thiên đại thiên thế giới này thành các loài chúng sinh, hiện ra chỗ ưa thích, các sự ích lợi, tùy sự thọ dụng đều thật chẳng luống dối, lại hóa ra cõi trời Tịnh cư và việc thọ dụng vi diệu ấy như kinh đã nói huống chi là năng lực Chân ngôn của Như Lai?

Lại bỏ việc ấy như thế gian huyễn hóa huống chi có thể dùng các Chân ngôn ấy mà hiện ra các thứ vườn cây và người cùng súc vật. Lại như A-tu-la tự có chân ngôn hay hóa thân ấy đồng với Đế-thích, ngồi ở Thiện pháp đường trên cõi Trời Tam thập tam, khiến tất cả các vị trời đều sinh nghi ngờ. Lại như người đời có chân ngôn, nhiếp phục được các chất độc và các nạn nóng lạnh.

Lại có trời Tra-đát-lỵ tự có chân ngôn, làm cho tất cả mọi người

bị dịch bệnh lớn. Cho đến thế gian hiện có người dùng chân ngôn mà biến lửa thành lạnh, biến băng thành nóng. Huống chi là Thần lực tự tại của Chân ngôn gia trì của Như Lai mà chẳng làm Phật Sự lớn khắp cùng pháp giới ư? Thế nên, phải sinh tín tâm, tin oai đức này lực dụng chân thật không luống dối.

Người trì tụng kia chưa được Tất-địa đến nay sẽ nghi rằng chẳng biết có việc này hay không. Nếu quả không thể suy nghĩ bàn luận này dùng tâm lượng mà phân biệt thì trí không bao giờ được. Vì trừ nghi này mà nói dụ trước. Nhưng oai lực chân ngôn này chẳng từ Chân ngôn mà ra, chẳng ở chỗ trì tụng, cũng chẳng vào chỗ thân miệng được gia trì. Chỉ cần tánh tướng rốt ráo chẳng thật có, mà có thể làm tất cả sự tùy ứng khúc thành, đó tức là duyên khởi sâu xa, pháp tánh từ các duyên mà có, như trăng nước cảnh tượng kia là duyên khởi không thể nghĩ bàn.

Này này người Thiện nam! Nhờ năng lực chân ngôn gia trì Pháp nhĩ mà sinh, không có vượt hơn. Vì Tam-muội chẳng vượt, đó gọi là Chân ngôn Tất-địa xưa nay thành tựu. Vì sao? Vì Như Lai hiện chứng như thế tự nói khiến tất cả đều nghe. Vì sao? Vì Như Lai hiện chứng pháp không thể suy nghĩ bàn luận. Cái gọi là tự thể của chữ A, từ xưa đến nay đã đầy đủ vô lượng năng lực tự tại, năng lực không thể suy nghĩ bàn luận, thể Tất-đàn này thường trụ không thay đổi, chỉ do người làm, chẳng tự biết rõ nên chẳng được quả như thế.

Nay do đây mà tự làm thanh tịnh ba nghiệp thân, miệng, ý, nếu có thể dùng pháp tương ưng thì tu thành tựu, các pháp tự như thế chẳng hề luống dối. Quả không thể suy nghĩ bàn luận này khi các duyên hội sẽ tự sinh khởi. Như sóng biển lớn chẳng hề sai lúc. Lại chân ngôn này tự vô thỉ vô chung. Nếu có thỉ chung sẽ có cùng tận, thì đó là pháp bại hoại vô thường. Vì sao gọi là Như Lai tự tại lực? Vì tự thể pháp này vượt hơn ba đời, thường ở ba đời. Cho nên đối với ba thời làm các Phật sự tự nhiên thường chẳng xả bỏ, chẳng mất kỳ hạn, như nước của biển lớn, như mặt trăng tròn sáng, tự nhiên nổi trống không sai giờ giấc lý duyên sanh sâu xa không thể suy nghĩ, bàn luận: Nếu bản thể chân ngôn trước không thành tựu thì không thể tùy cảm mà ứng, không sai giờ giấc. Nếu chân ngôn tuy có năng lực ấy mà người tu tâm hạnh chưa tương ưng thì cũng chẳng thể khiến nó gia trì hiển hiện. Nhưng duyên hội tự thành, cho nên biết chẳng từ kia đến, chẳng từ đây đi, cũng chẳng phải hai chỗ, vô tánh vô năng duyên hội cũng thành quả Tất-địa, cũng chẳng phải tự nhiên mà có, phải biết tức là quả pháp giới sâu xa không thể suy nghĩ bàn luận từ duyên mà khởi, thường tự vô tánh không thể nghĩ bàn.

Nếu người tu hành chẳng dứt, thì cực quả hợp với chí lý. Chí lý như thế thì không thể dùng suy lường phân biệt mà biết được. Ấy là nêu dụ trước khuyên tin. Cho nên, này này người Thiện nam! Thuận theo thông đạt pháp tánh không thể suy nghĩ bàn luận. Thường chẳng cắt đứt đạo Chân ngôn, Chân ngôn này là quả không thể suy nghĩ bàn luận. Đã không phân biệt mà biết, cũng chẳng tùy sức mà phân. Có trước hạnh xứ, tiểu đối trị hạnh mà có thể thủ chứng. Cho nên chỉ người có sức tin bền chặt thì mới vào được, nên trước nói dụ. Kế nói chí lý khuyên khiến y môn này mà quán không thể suy nghĩ bàn luận duyên sinh chí lý, thường thông suốt pháp tánh không thể suy nghĩ bàn luận như thế. Thuận theo lý này mà tu hạnh Chân ngôn khiến không xen hở thì tự nhiên thành Phật. Đạo Chân ngôn này tức là không thể nghĩ bàn chỗ sinh pháp. Do nhân không thể suy nghĩ bàn luận mà được quả không thể suy nghĩ bàn luận.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại y trụ ba đời vô ngại lực, y Như Lai gia trì không thể suy nghĩ bàn luận lực, trang nghiêm thanh tịnh tạng Tam-muội lực, y ba đời Vô ngại lực, Y Phật không thể suy nghĩ bàn luận lực. Ở đây có hai thứ y. Tam-muội này là không thể suy nghĩ bàn luận ba đời vô chướng ngại chỗ y chỉ của gia trì lực dụng. Y pháp Thể này mà thành nghiệp không thể suy nghĩ bàn luận của Như Lai, đó gọi là trùm khắp mười phương ba đời, phổ môn lợi ích tất cả chúng sinh đều khiến rốt ráo trụ ở trí địa Nhất thiết trí. Đây là y pháp tự chứng Như Lai không thể suy nghĩ bàn luận, vô lượng định trí các lực để tự trang nghiêm không có giảm thiếu, đầy đủ tướng thành tựu.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn từ đáy Tam-ma-địa xuất ra vô tận giới, vô tận lời tiêu biểu, y pháp giới lực, vô đẳng lực, Chánh đẳng giác Tín giải, dùng một âm thanh bốn chỗ lưu xuất ra. Nghĩa là từ chữ A phát ra ba chữ thành bốn chữ, bốn chữ này hợp thành một mà bày khắp tất cả chỗ. Thanh môn tự xuất ra cùng khắp tất cả, cùng khắp tất cả pháp giới cùng hư không chẳng chỗ nào không đến. Khi Phật trụ Tam-muội sinh ra biểu nghiệp này. Biểu là nêu, tiếng này hay cùng khắp tất cả gọi là chư Phật ấn thành. Ấn tức là nghĩa tiêu biểu, tức là Như Lai Ngữ biểu, nghĩa là từ năng lực tín giải của Như Lai. Thanh văn, chỗ xuất ra tiếng gọi là môn. Thanh văn này tức là bốn chữ như chữ A... Vì từ chữ A này tức là miệng Phật, tức là tâm Phật, tức là người nói, tức là người nghe.

Pháp giới y lực là lực vô đẳng mà sinh bình ngại ngữ biểu phát ra vô lượng tiếng. Tức là Như Lai phổ môn có tác dụng ngữ nghiệp đạo lợi. Từ tâm Như Lai phát ra diệu âm thanh bình đẳng này chia làm bốn chỗ.

Như từ ao lớn Vô nhiệt sinh ra bốn sông lớn chảy mãi không dứt. Chân ngôn này y xứ chỗ nương cũng như thế. Vì một diệu âm có thể biểu hiện pháp giới vô tận, lần lượt cùng sinh nhau mãi mãi chẳng thôi. Bốn chỗ này là bốn chữ, bốn đức, bốn sắc, bốn nguyện.

Từ tâm Phật pháp bốn đức mở bày. Trong đây dùng sự mà biểu lý nội chứng thì bốn chữ khác nhau, bốn sắc khác dụng. Sở nguyện... cũng lại khác nhau. Bốn đức này cùng khắp cõi hư không, như hư không vô lượng không phân biệt. Vì lìa Trung Biên nên không có cùng tận. Chân ngôn này hiện bày cũng giống như thế.

Kế nói trong tâm Phật chia ra bốn chỗ. Chân ngôn trước nói quy mạng tất cả Như Lai.

Câu kế nói các thứ môn. Vi thấp phược là các thứ nghĩ, cũng là nghĩa khéo léo, Mục-khế-lệ là nghĩa môn. Tức là phổ môn hiển bày các thứ diệu trí nghiệp xảo độ môn. Tất-phược-tha là tất cả, không phải chỉ thân miệng hết lòng lễ bái mà thôi, cho đến ba nghiệp đều quy mạng khắp, như trong thân trong ngoài thân mỗi chi phần đều lễ khắp tất cả Như Lai.

Kế là nói thể chân ngôn. A đọc là A, bốn chữ này nghĩa đã nói. Từ đó cùng khắp Đẳng chánh giác, tức thời tất cả pháp giới các thanh môn từ Chánh đẳng giác âm hiển bày ra. Thì từ đó chân ngôn bốn đức trùm khắp tất cả tâm Như Lai. Như từ một chữ mà sinh hai chữ, hai chữ sinh bốn chữ, bốn chữ sinh tám, tám sinh mười sáu, như thế xoay vần vô cùng. Song chữ đầu tiên là đồng với chữ thứ hai, chữ thứ hai đồng với chữ thứ ba, bình đẳng không khác nhau. Bốn chữ này là thể chánh tông trong một bộ kinh.

Tất cả bí tạng đều từ đây sinh ra, tức là tâm Phật Tỳ-lô-giá-na. Đây là tiêu biểu âm thanh cùng phát ra tiếng. Như trên từ một xuất ra bốn, từ bốn xuất ra vô lượng chữ và âm thanh cùng khắp pháp giới. Mỗi chữ mỗi tiếng đều cùng xuất ra âm thanh. Trong một chữ tiếng này xuất ra tất cả chữ tiếng khác. Chữ khác cũng như thế. Đây chính là dụng tiêu biểu của Phật. Tiếng không thể suy nghĩ bàn luận này thông suốt lẫn nhau, tiêu biểu tất cả vô lượng Đức tự tha của Như Lai. Trong một âm thanh đều phát ra vô lượng các thứ âm thanh cú nghĩa. Cho nên nói là hỗ (cùng), xuất tiếng các Bồ-tát thấy nghe rồi cho là chưa từng có, nên gọi là ít có. Mở bày mắt, là khi ở định thì mắt chẳng mở cũng chẳng nhắm. Nay thấy việc ấy trở đi thì quái lạ chưa từng có cho nên mở mắt ra. Nay nói như hoa sen chưa nở vì có ánh sáng mặt trời nên nở ra. Tâm mắt Bồ-tát này cũng thế. Nhân Phật gia trì hiện bày nên mở ra.

Phát ra tiếng hay đẹp rằng Nhất thiết trí lìa nóng bức, trước nói kệ tụng. Nghĩa là trí Nhất thiết trí lìa nóng bức, trước nên khen ngợi lạ thay hạnh chân ngôn, đầy đủ trí rộng lớn là khen hạnh chân ngôn này rất kỳ đặc. Bèn có thể từ tâm Như Lai mà hiện bốn đức. Từ đây đều xuất ra vô lượng âm không thể suy nghĩ bàn luận bí diệu, cùng khắp pháp giới. Mỗi tiếng đều phát ra tất cả tiếng không hai không khác, mà có khác dụng thành Phật Sự. Tức biểu tạng Diệu nghiêm bí mật pháp thân của Như Lai, có đủ vô lượng công đức trang nghiêm. Cho nên nói đầy đủ cái trí rộng lớn. Trí này vô biên không bờ mé, cũng như khoảng hư không rộng lớn bao trùm vạn tượng. Nên nói là rộng. Cho nên trí rộng này tức là Vô đẳng trí, Vô tỷ trí (Trí không gì bằng, trí không gì sánh).

Do Trí cú này giúp cho thành Phật. Cùng khắp như thế, do đó nói Chân ngôn này cùng khắp tất cả thế giới, tức tự môn A này. Thành Phật Nhị túc tôn, ở trong chữ Chân ngôn đem diệu âm này trùm khắp thế giới, khiến cho người nghe chắc chắn sẽ đến Vô thượng Bồ-đề, cho nên nói thành Phật Lưỡng Túc Tôn. Thế nên khuyên siêng tinh tấn. Đối với các ngữ tâm của chư Phật thường tu không xen hở. Tịnh tâm lìa ngã, có hai siêng. Siêng trên là tinh tấn không xen hở, siêng dưới là thường tu chẳng xen hở. Tiếng Phạm, âm Phạm có khác nên gọi ở đây là tâm nói chân ngôn của tất cả Như Lai. Tức là bốn chỗ như trên khuyên các chúng sinh, phải ở tâm nói Chân ngôn như thế mà siêng tâm tu học không để xen hở. Thường lấy đây mà thanh tịnh tâm mình. Tịnh tức là thanh tịnh tất cả vọng nghiệp trong ngoài, các chướng lìa ngã tức lìa hai ngã nhân, pháp. Phải biết tâm này tức là tâm Phật. Tâm Phật tức là tâm Chân ngôn.

Bấy giờ, Bạc-già-phạm lại nói câu pháp này: Đối với Chánh đẳng giác mà làm thành tựu. Ở phẩm trước đã nói thế gian thành tựu, đưa người đến thành tựu xuất thế. Cho nên ở trong đây nói dùng tâm Phật làm nghiệp xuất thế gian thành tựu. Tâm Phật tức như trên nói chân ngôn bốn chữ, lấy bất cứ một chữ nào làm đều được. Làm thành quả này liền được quả xuất thế. Tâm Chánh đẳng giác tức là tâm chân ngôn. Muốn làm thành tựu này thì trước phải chọn chỗ. Vườn cây là chỗ người ta trồng cây, trồng hoa. Nếu chẳng trồng mà tự thành thì là đồng hoang không phải vườn. Chùa là Tỳ-ha-la, Hán dịch là trụ xứ (chỗ ở).

Hang là hang đá tự nhiên trong núi, hoặc do người đào đục, hoặc chỗ tâm người tu ưa thích, cũng ở trong đó mà tu đạo. Nếu nói theo bí thuyết thì vườn cây gọi là tâm đại Bồ-đề, chỗ này rộng rãi không đâu chẳng có. Nương vào đây mà tu đạo là chỗ tốt nhất. Trụ tức là bốn phạm

trụ, hoặc gọi là đại Bi, vì tất cả Bồ-tát thường ưa thích đối với đó. Hang là chỗ thanh nhàn sâu kín tức hang Thiền định sâu xa. Sư tử đầu đàn cũng ở trong đó, hoặc chỗ ý ưa thích, tức đối với các pháp môn mà tùy tiện. Tùy theo mỗi môn hệ niệm mà làm, tức là sáu Độ... như Bát-nhã nói. Trong đó, tìm ý mình mà tu, quan tâm Bồ-đề kia cho đến sơ, an trụ chẳng sinh ý lo nghĩ, tức dùng tâm quán tâm Bồ-đề của mình. Đây là Chánh hạnh xuất thế thành tựu.

An trụ ở đây không có duyên khác, tức là Tam-muội. Do đây trong quán thường tự biết, tất cả lưới nghi đều trừ sạch, cho đến tới chỗ không nghi, các nghi chẳng sinh tức là chân thật trụ tâm Bồ-đề. Lúc đó có các tướng mạo chớ nên nghi lo, dần dần được thấy chân thật Như. Nhưng khi làm trong đây lược có hai địa:

1. Phi Tam-ma-Tư-đa địa cũng là Tam-ma-tư-đa địa (Hán dịch là Đẳng dẫn). Khi chưa thành tựu thì trước phải có tướng thành tựu. Cho đến khi muốn thành tựu cũng phải có tướng muốn thành tựu. Đây đều là phi Tam-ma-Tư-đa địa. Nghĩa là khi mới được thành tựu thế gian, chỗ gia thêm các thứ thuốc đều có lực dụng không thể suy nghĩ bàn luận. Cho đến hay dạo cõi Phật là tướng chưa thành tựu, cũng được ở đây hiện những việc không thể nghĩ bàn.

Nếu tâm được quyết định tín thì liền tăng thắng, được nhập vào Đẳng dẫn địa. Người tu khi mới tu xuất thế gian quán phương tiện, thì trước quán bổn tôn y vào tượng vẽ mà khéo quán, lúc đầu nhắm mắt thấy rõ ràng, sau đó dần dần mở mắt cũng thấy hiện ra rõ ràng không có mờ ẩn. Đây là vị Đẳng dẫn. Nếu vì được những việc như thế mà tâm càng sinh tin ưa thì do tin này mà tâm thanh tịnh, dần dần sẽ chẳng chấp trước, tâm bình đẳng không hai. Không hai này cũng trừ, không chấp trung, biên khác nhau. Trừ các tâm duyên, muôn pháp bình đẳng.

Bấy giờ, gọi là tướng đẳng chí, vì các tướng khi hiện tuy chưa thành tựu, nhưng do đây mà được dẫn thành, nên gọi là vị Đẳng dẫn địa. Dùng bất cứ một tâm nào đặt tên tâm, chứng các tịnh cú, vô cấu an trụ bất động, chẳng phân biệt như gương, hiện tiền rất sâu kín, nếu nó thường quán sát, tụ tập mà tương ưng cho đến bổn sơ tôn, tự thân tượng đều hiện. Trước quán bổn tôn được hiện rõ ràng rồi. Đối với bốn chữ mà lấy bất cứ một chữ nào đặt trên tâm bổn tôn. Đây là trong kinh nói tương ưng với tâm, nghĩa là lấy chữ tâm Phật này đặt trên tâm Bổn tôn (lấy tâm nghĩa là lấy chữ tâm Phật, đặt trên tâm Phật gọi là với tâm).

Lấy bất cứ một Chân ngôn tâm nào ở trên tâm bổn tôn mà tưởng đặt tâm Chân ngôn. Hoặc tự thân làm bổn tôn mà đặt chữ tâm trên tâm,

cho nên nên dùng tâm đặt tâm... Như thế khi quán, làm quán cực thanh tịnh vô cấu, vì tất cả tâm bổn tôn thường như thế. Khi quán thanh tịnh như thế, vì chẳng duyên bên ngoài, an trụ bất động chẳng phân biệt tất cả pháp tướng mà chẳng sinh vọng tưởng.

Bấy giờ, tương ưng với Tam-muội quán Phật. Thí như người mắt tịnh đối trước gương sáng. Gương trong đây tức là quán tâm bổn tôn tròn sáng thanh tịnh vô cấu. Cái gọi là cực vi nghĩa là khi quán chữ hạt giống thì cực nhỏ, vì là hạt giống của tâm. Trước đã quán thấy tượng bổn tôn rồi, ở trên tâm bổn tôn mà quán gương sáng sạch này. Trong gương có chữ này, một tâm quán chữ này. Tức ở trong đây được thấy tướng chân thật của Bổn Tôn, cũng tự ở trong viên mà tự thấy tướng ấy. Đây cũng là tướng vị Đẳng dẫn. Như thế chỉ đối với một cảnh chẳng bị cấu chướng khuấy động. Thường như thế mà tu tập. Từ khi ảnh tượng hiện ra trên tâm cũng có vầng tròn sáng và chữ. Khi nói quán, thấy bất cứ một chữ nào thì ba việc tự nhiên hiện ra. Sau đó trong tâm tròn sáng ở trên tìm thấy bổn tôn. Trên bổn tôn tròn sáng lại thấy thân mình. Như thế soi chiếu lẫn nhau thấy không chướng ngại, gọi là ảnh tượng thành tựu. Đây cũng là Phi đẳng dẫn địa.

Kế thứ hai là câu Chánh giác. Trước quán bổn tôn nay chỉ quán Phật. Sở dĩ như thế, là tất cả tôn hình đều thấy pháp thân môn. Ở trong gương Mạn-noa-la, Vương tòa hoa sen lớn, trụ sâu vào Tam-muội. Lại ở trong gương này như có quật tượng quán trong hang rất sâu mà có Như Lai, ở trong hang này mà ngồi chỗ rất sâu, Mũ tổng trì phát kế có vô lượng ánh sáng nhiễu quanh, lìa vọng chấp phân biệt, vốn vắng lặng như hư không. Ở trong đó mà suy nghĩ, nhiếp ý niệm tụng, một tháng tu Đẳng dẫn, trì mãn đủ một Lạc-xoa. Ở trong đó quán như thế gọi là thật thấy Phật. Như thế khi thấy trên tâm Phật ấy làm chữ, chữ chân ngôn một tâm tụng. Đây là một bề nhiếp ý ở trong một cảnh không còn có duyên ngoài. Tâm tâm niệm tụng không để ai nghe. Nhưng ở trong định tự nhiên có tiếng tuôn ra như nước chảy không dứt.

Nói Lạc-xoa, Hán dịch là kiến (thấy). Nghĩa là tâm trụ vào một duyên hiện tiền rõ ràng. Nếu ở thế ngữ thì là mười muôn biến. Một tháng tụng, một tháng là đẳng dẫn viên mãn vào Sơ địa. Ở trong bí mật tạng Sơ địa là tháng thứ nhất. Đây là Đẳng dẫn địa. Trước nói ba câu. Tâm Bồ-đề là hạt giống, đại Bi là căn, phương tiện là sau. Trong đây nói đủ hạnh pháp. Câu thứ hai là quán Phật ở Tâm gương trong hang sâu. Cho đến thân mình làm bổn tôn. Trước quán tâm bổn tôn trên gương thanh tịnh tròn sáng.

Trong gương có hang, trong hang có bổn tôn, tức là thật thấy Phật. Thấy Phật rồi, trên tâm Phật này lại có vầng sáng tròn thanh tịnh. Trước quán tâm cực tịnh này thì gương rất hé nhỏ, sau lớn dần. Đối diện rõ ràng nên gọi là hiện tiền. Trong thanh tịnh vô tỷ có chữ hạt giống. Một tâm chánh quán chữ hạt giống này tức là tụng chữ ấy. Từ đây được thấy tâm ấy. Lại thấy thân mình như thể tướng bổn tôn ở trong tâm Phật. Nếu quan tâm mình trên vầng ánh sáng tròn, cũng là Như Lai bổn tôn trong đó. Như thế xoay vần hiện tướng chẳng chướng ngại nhau. Bổn tôn thanh tịnh lìa các phân biệt. Thể này gọi là kiến, tâm Bồ-đề là hạt giống đầu tiên để thành Phật. Đây cũng gọi là một kiến, một cảnh, nên gọi là Lạc-xoa. Đây là pháp Thừa sự trước trong hạnh xuất thế. Như đây mà thành, là nhập vào Tín Địa.

Kế là nói Nhiếp ý. Từ một đến mười, cũng một như thế đến một trăm, một ngàn, một vạn... cũng đều là một vì biến ra nhiều lúc, đến nhiều lúc sẽ tự thấy. Tiếng Phạm là Tam-ma-Tư-đa nghĩa là Đẳng dẫn, cũng là nghĩa nhiếp tâm một cảnh, tức nghĩa một tâm (nhất tâm). Vào tháng thứ hai thì dâng hương hoa xoa thân mà làm lợi ích cho các loài chúng sinh. Lại ở tháng khác bỏ hết các lợi dưỡng, như trong hạnh thế gian ở trước cũng có cúng dường hương xoa... Trong đây lại nói: Ý khác với trước. Trong đây đã được Đẳng dẫn, nó là thanh tịnh điều nhu, tùy việc sẽ thành. Dâng bất cứ một nén hương, liền sẽ như thật đầy khắp pháp giới, trùm khắp tất cả chúng sinh giới làm các thứ lợi ích, việc nào cũng thành. Như trong Hoa Nghiêm Hồi hướng có nói rộng tướng ấy. Như hương hoa là tùy có tất cả chỗ làm cũng giống như thế, đều thành tựu làm Phật sự lớn.

Lại tháng khác, là trong đây có hai tháng tức đến Sơ địa bỏ các lợi dưỡng. Vì văn giải thích tức là bỏ tám việc trái thuận để giữ đạo. Nếu theo ý kín thì đây là gieo trồng gốc lành lớn của Bồ-tát, báo vô tận này chẳng hiện được công đức pháp môn vô lượng báu. Chẳng nên đối với đó mà sinh chấp đắm, nếu sinh chấp đắm lợi dưỡng thì chẳng mau được vào Chánh vị. Cho nên phải bỏ lợi dưỡng này. Lúc đó người tu lại đúng như lý mà suy nghĩ. Ý suy nghĩ ở đây, nghĩa là ta suy nghĩ đúng lý như thế mà được tự tại.

Lúc đó đối với Du-già suy nghĩ mà tự tại. Nguyện tất cả vô chướng, an vui các chúng sinh, tức là phát Bị nguyện quyết định, vì sao chúng sinh đồng có giác tánh như thế mà chẳng tự liễu, lại chịu khổ não lớn ư? Liền sinh tâm mạnh mẽ, phải dùng vô số phương tiện để thành tựu, nhất định đều giúp cho đến địa vị Nhất thiết trí, trừ tất cả cấu chướng

không còn sót, ưa thích Thánh Như Lai, khen ngợi viên quả, tức là Như Lai có vô lượng tri kiến rốt ráo thành tựu khéo léo hiển bày. Nếu chẳng được thế vì sao có thể vì một việc nhân duyên lớn mà ra đời. Như thế chư Phật khen ngợi, nhờ diệu phương tiện kia ta sẽ mau thành đầy đủ tất cả các mong cầu của các hữu tình, đúng lý không che chướng mà sinh phan duyên. Không chướng ngại như thế, dùng phan duyên như thế mà niệm tụng. Dùng công đức của ta mà cứu giúp tất cả khổ. Là dùng tâm đại Bi mà thõa mãn tất cả mong cầu của chúng sinh. Cứu hết khổ lớn mà ban cho niềm vui. Cũng sẽ thành tựu. Vì sao? Vì người tu tự tâm không cấu chướng là có thể lực lớn (năng lực tự thể rất mạnh). Lại vì chúng sinh tùy theo khả năng mà trừ chướng. Do nhân duyên Bi ngã (ta vì người) không chướng ngại nên sẽ tùy việc mà thành tựu. Đây là hạnh nguyện Phổ hiền.

Tướng này như thế nào? Tức là sinh nguyện Đại Bi như thế, loài bàng sinh ăn nuốt lẫn nhau, nếu có khổ thì trừ hẳn. Thường khiến loài quỷ đều được ăn uống đầy đủ. Ở trong địa ngục chịu khổ đủ các hình phạt độc ác, đều khiến cho mau chóng dứt hết. Do công đức của ta, vì ta sinh ra vô lượng thắng phước. Tháng khác bỏ lợi dưỡng tức là tháng thứ ba, trong ngoài không tham đắm gọi là bỏ lợi dưỡng, và việc bên ngoài cũng chẳng cần thọ thí. Đây bỏ lợi dưỡng mà không bỏ chúng sinh. Do hạnh Chân ngôn nêu đều được thành tựu. Và vô lượng môn khác tâm thường suy tư, phát tâm thương xót rộng lớn ba thứ câu gia trì, nhớ nghĩ tất cả. Tâm trì tụng chân ngôn. Các Bi Nguyện này cũng có vô lượng thứ, chẳng thể một tháng, hai tháng; đầu tiên trì tụng cũng phát nguyện như thế. Chỉ ở hai tháng đầu dùng tâm tín giải mà làm nhưng chưa thể thành. Tháng thứ ba sở nguyện đều thành, cho nên hồi hướng tự tha.

Hạnh tự tha nếu khi đắc ý thì tùy việc làm như thế. Thường lấy nước đại Bi mà rửa sạch tâm mình, dần dần khiến tâm Bồ-đề có thế lực lớn đến hết Địa thứ mười một trở lên, dần dần lực dụng thêm lớn, đều do đây mà được viên mãn.

Một tháng đầu là tâm Bồ-đề, tháng kế quán hình tượng Phật gọi là chánh giác câu cú. Thứ ba trụ chân ngôn lìa tất cả tướng gọi ba tháng, cũng gọi ba Lạc-xoa. Lại gia trì rộng lớn, nghĩa là thần lực gia trì của Như Lai, do ba câu được thành.

Nay muốn làm việc Như Lai, tự tưởng niệm ba câu này. Cho nên kinh nói: Dùng năng lực công đức của ta, năng lực gia trì của Như Lai và năng lực của pháp giới, cùng khắp chúng sinh trong thế giới, ba câu này hòa hợp mà sinh ra sức gia trì rộng lớn. Như thế niệm xong nên tụng

niệm câu này. Đây là tất cả tâm Chân ngôn. Dùng công đức ba câu, tùy lấy hoa... dùng tâm niệm gia trì. Như hoa là dùng hoa chân ngôn, hương thì dùng hương chân ngôn mà gia trì cho đến tất cả chỗ, cứu khổ ban vui hiến Phật... đều thành. Nếu chẳng dùng bổn chân ngôn mà gia dụng hậu minh phi cũng thành năng lực công đức của ta ở trong thế giới chúng sinh.

Cùng khắp Như Lai gia trì lực đẳng pháp giới, các niệm cầu nghĩa lợi đều được nhiêu ích, tất cả như lý đó niệm niệm đều thành tựu. Vì trụ lý nên hệ niệm chỗ nào đều thành. Cho đến trừ khổ, khổ liền trừ... nhờ năng lực công đức của ta, nhờ năng lực gia trì của Như Lai, nhờ năng lực bình đẳng pháp giới, hợp ba duyên này thì sẽ thành tựu nghiệp không thể suy nghĩ bàn luận. Như thế mà làm phải biết là rộng ứng lý, là nói sẽ được đúng lý như.

Cùng với hư không đẳng lực, Hư không tạng minh phi chân ngôn nối tiếp nhau kế đó. Bấy giờ, Như Lai lại nói hư không đẳng lực, hư không tạng chuyển minh phi chân ngôn, như hư không chẳng thể phá hoại, tất cả không thể sánh bằng, cho nên gọi là hư không đẳng lực. Lại tạng là như người có kho báu lớn bố thí cho người ưa muốn, tự tại mà lấy chẳng để nghèo thiếu. Tạng hư không của Như Lai cũng giống như thế.

Tất cả lợi lạc chúng sinh đều từ đó mà ra tất cả pháp bảo, tự tại thọ dụng mà không khô cạn nên gọi là Hư không tạng. Chuyển thuận minh mà nói là chuyển thuận nghĩa năng sinh, kho này sinh ra tất cả Phật Sự. Như chỗ phát bi nguyện trước, nghĩa là như khi dùng một bông hoa cúng dường và vận tâm, khắp tất cả Phật và phàm Thánh đều cúng dường xong, liền hồi hướng trí Nhất thiết trí, bảo các người thọ là thú, là nguyện dùng năng lực này khiến ta được như nguyện trên. Nguyện như thế rồi, gia cho trì chân ngôn này thì đều thành.

1. Kính lễ tất cả Như Lai... Vi thấp phược mục khệ tệ tát phược tha. Khiếm ổ đặc yết để tát bạn la hê môn già già na kiếm. Đây là nghĩa Hư không tạng hư không đẳng lực đẳng, trong tất cả pháp Không sinh ra vật này, cùng khắp tất cả hư không. Trì ba chuyển này, nghĩa là dâng lên bất cứ một bông hoa nào đều trùm khắp pháp giới. Trên là hiến tất cả Thánh hiền, dưới là bố thí tất cả hữu tình. Tùy nó sinh ra Nguyện lành cũng đều thành tựu. Nghĩa là dùng chân ngôn này mà gia trì đều được thành tựu. Như trong kho tự lấyvật báu đều tùy thân. Nếu tụng ba biến này thì chỗ niệm cũng thành tựu.

Hễ dâng hoa... do ba năng lực hồi hướng mà được thầm che chở thì

tất cả đều tùy ý mà thành. Nghĩa là Hoa Bi dâng tất cả Phật tự tại thành, gọi là người tu hành đối với tháng đủ . Kế vào trì tụng là trước cúng dường thừa sự xong thì được tướng thành tựu. Nhân tướng trước sau đó mặt trăng sáng ngày rằm làm pháp trì tụng. Thượng sự ở trên ngọn núi, Trung sự ở Ngưu-mãn-lan, Hạ sự ở trong rừng, hoặc sông thác cho đến nhà trời ở ngã tư, đều bảo là thông Thượng Trung Hạ mà thành. Hoặc tùy chỗ ưa thích mà làm. Ở trên ngọn núi tạo Mạn-đồ-la. Lớp thứ nhất vòng quanh họa Kim Cang, đàn này làm ba lớp đều dùng kim cang làm ra là ba cõi Thần, Phật, Bồ-tát. Sau có chỗ nói trong đây chưa phân biệt. Trong đó bày ra các Tôn vị, chung đồng tiền đáo, chỉ dùng kim cang kết liền nhau bồi đắp là khác. Nói tất cả sắc Kim cang, là vẽ Kim cang vòng quanh làm ranh giới, nét vẽ này đều khiến thanh tịnh không lỗi. Không lỗi nghĩa là tròn đầy xinh đẹp. Trang nghiêm thanh tịnh đồng kim cang, tức là tướng kim cang ấy bao quanh như thế đều là sắc vàng.

Ở đây có ba việc đồng với kim cang. Sắc đồng kim cang, Thể đồng kim cang, danh đồng kim cang. Cho nên nói Nghiệm tịnh đồng kim cang, tức là Tịnh đồng kim cang. Nói trong đó các chứng, nhiếp phục tâm mê loạn. Vì ba việc này đồng với Kim cang, tức không thể phá hoại, không ai hơn, không ai thắng nổi, không ai hàng phục được.

Do đầy đủ nghiêm tịnh làm kim cang giới này, cho nên khiến các chướng làm chương ngại, thảy đều mê hoặc không giám quấy rối. Đã được lìa chướng thì chỗ thành dược vật mà được thành tựu. Kinh nói bốn phương cùng vây quanh.

Ở đây có hai nghĩa, nghĩa làm đàn chánh bốn phương, lại Ấn kim cang cũng làm ở bốn phương, cũng chánh quay mặt về bốn phương. Nói một môn và thông đạo. Kim cang nha liên thuộc, kim cang kết tương ưng, Kim cang kết như vòng quanh trên đặt ân. Kim cang đều các thứ liền nhau, tức là nghĩa kim cang kết, để an một môn đều duyên. Tương ưng là môn này tùy việc tương ưng. Thượng thành tựu môn hướng Đông. Trung thành tựu hướng Bắc và Tây. Hạ thành môn thì hướng về Nam. Giới Kim cang hỗ liên thuộc cũng là nghĩa Kim Cang. Môn môn hai thủ hộ, chẳng thể vượt hướng nhau. Cho đến Chu mục đoạt nộ hình, là làm vật thành tựu rất là giữ gìn, lấy môn giữ gìn này làm cốt yếu, tức là ở trên đã nói. Oai quang khó thấy kịp tướng hướng thủ môn. Mỗi Tướng là Ấn, đủ hai đỏ trắng thành hình rất giận dữ.

Hết lòng họa ngung giác, Thâu-la diệm quang ấn, tức là độc cổ kim cang. Chỉ có giác xứ đều đặt có ngọn lửa sinh. Trong diệu tòa kim cang phương vị chánh tương trực, trên đó có hoa sen lớn, tám cánh nỡ

ra đầy nhụy, đó tức là tòa kim cang, cho nên nói đồng Kim cang, phải kết tay kim cang, tuệ ấn kim cang sẽ là kết tay kim cang, Kim cang năm nhánh ấn.

Cho nên Tam-muội Kim cang là Ấn tuệ Kim Cang. Nói kính lạy tất cả Phật, là tùy chỗ ấy giữ gìn các thứ thuốc làm thanh tịnh, đương khi làm lễ như trên đã nói. Bi nguyện rộng lớn thường bền chắc thệ nguyện, nghĩa là tự thề vận tâm, khắp hoằng thệ chẳng vì mình, chính vì tất cả chúng sinh mà thành các thứ thuốc này, nguyện năng lực gia trì khiến sớm thành tựu. Do đây mà thành nên lợi ích tất cả chúng sinh. Phải hộ trì chỗ ấy và thanh tịnh các thứ thuốc. Song có đủ nhiều pháp đủ quảng bổn mà có. Khi lấy thuốc phải hiểu pháp dụng thứ lớp, tìm tự nhặt lấy cũng có phương pháp cho đến làm hộ làm tịnh đều có thứ lớp pháp dụng và rửa sạch... Trong đây chưa đủ lại phải hỏi. Ở đây khi trì tụng thanh tịnh không chướng ngại mà có thành tướng Hạ, Trung, Thượng.

Nếu được vô chướng thành tựu thì Thượng thành có ba tướng chuyển. Nghĩa là đầu đêm ấm sinh, giữa đêm khói sinh, canh năm thì ngọn lửa phát ra thành hai tướng, nghĩa là từ ngọn lửa phát ra. Hạ thành có một tướng, nghĩa là chỉ có ấm sinh ra. Chuyển tức là từ ít được nhiều, từ ấm được ngọn lửa... Đã được thành rồi thì Chân ngôn tự giữ lấy. Bước đi trên hư không, hoặc ăn đồ điểm... mà được tự tại, đến các cõi Phật. Từ một đến một, Trụ thọ sống lâu oai đức lớn, liền được đầy đủ, thọ vô lượng kiếp số, oai quang tự tại.

Đối với sinh tử được tự tại, tức là đối với sinh tử các thứ tự tại, đó gọi là đệ tử Phật chân thật. Vật thành rồi dùng ấn kim cang mà hộ thân mình, hộ Bổn Tôn, hộ vật. Có năm phần: Sư và Tiên thành tựu trước giúp bạn, thân mình và Phật. Vật ấy tùy nó sinh, ở chỗ Tam bảo mà dùng chỗ Tam bảo, trước thành Phật. Nếu có Tiên đến thì lấy mà cho. Chẳng đến lấy thì chia ra hai phần: Một cho bạn, một giữ cho mình.

Vật của Sư, nếu Sư ở phương khác thì cầm lấy đợi đến mà trao cho. Nếu Sư không còn thì duyên chỗ ông ấy sinh mà làm công đức. Đạo... chẳng phân cũng nêu tâm làm ranh giới. Từ đầu đến cuối đều dùng Kim Cang tự hộ và hộ vật cho đến lấy. Nói đi ở đảnh thế giới hiện các thứ sắc thân. Nghĩa là vì các chúng sinh làm Phật sự lớn. Cúng dường thuốc cũng có phương pháp, nghĩa là dâng cho. Kinh nói: Đủ Đức Cát Tường là xoay vần mà cúng dường. Được thành tựu rồi thì cầm đến mười phương tùy ý mà dâng cúng Phật mười phương.

Chư Phật và các A-xà-lê giúp bạn, đều có phần số phương pháp. Sẽ lại hỏi: Chân như thành vật gọi là Tất-địa, nếu được thành tựu như

thế thì gọi là có phân biệt thành tựu. Vì các thứ thuốc này cũng là pháp thành tướng nên gọi là có phân biệt thành tựu. Đem các thứ thuốc phân biệt này mà thành tựu không phân biệt. Nhân có phân biệt mà được thành tựu vô phân biệt. Năng phân biệt này là nhân, nương có phân biệt này mà được quả vô phân biệt, là quả vô nhiễm vô vi vô tướng không thể suy nghĩ bàn luận.

Tuy không phải nhân thành mà dùng có phân biệt làm nhân. Song thành này không được quả vô vi. Bí mật chủ tất cả thế giới hiện tại... Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thông đạt Phương tiện Ba-la-mật-đa. Đức Như Lai ấy biết tất cả phân biệt bổn tánh là không, vì năng lực Phương tiện Ba-la-mật-đa mà đối với vô vi dùng hữu vi làm biểu xoay vần tương ưng nhau mà vì chúng sinh hiện bày khắp pháp giới, tức là quả vô vi mà dùng phương tiện hữu vi sẽ thành việc không thể suy nghĩ bàn luận này.

Phật ba đời hiện tại, vị lai, quá khứ đều dùng thông đạt phương tiện Ba-la-mật mà nói pháp một này. Cả ba đời Phật muốn nói đều do đây mà vào. Nếu có hữu vi phương tiện này, hiểu rõ pháp phân biệt này bổn tánh thường không, như thế pháp nhân duyên khởi lìa sinh diệt, đoạn thường, một khác, tới lui... chỉ như huyễn hóa chẳng khác Trung đạo. Nếu xa lìa đây mà cầu tự thể vô vi riêng thì không thể được. Vì tánh vô vi tức chẳng khác hữu vi, thấu suốt pháp duyên khởi sâu xa như thế hay lấy vi này mà thành quả vô vi. Cho nên tất cả Như Lai ba đời vì dùng năng lực phương tiện tùy pháp giới mà có khả năng từ quả bản thể vô vi vô tác này mà dùng hữu vi làm các quyến thuộc. Như Đại Nhật Như Lai đối với đức này mà tự chứng, vì năng lực gia trì mà ở vô vi.

Dùng hữu vi làm biểu, là bản tánh vô vi, nhân hữu vi mà thành vô vi. Xoay vần tương ưng là khi chưa trì tụng thì bản tánh bất tịnh, do trì tụng mà được thanh tịnh, năng độ chúng sinh thì hiện thân chẳng thanh tịnh. Lại vì người khác làm nhân duyên thanh tịnh nên gọi là xoay vần tương ưng. Lại từ vô vi sinh hữu vi làm biểu. Cho nên hiện có thế giới vi trần Kim Cang Bồ-tát mỗi vị đều dùng môn Chân ngôn mà dắt dẫn chúng sinh đều khiến đến được quả vô vi. Dùng phương tiện này mà ở khắp pháp giới, ứng khắp tất cả chúng sinh, giúp được nghĩa lợi, khiến được thấy pháp an vui trụ phát tâm hoan hỷ, hoặc được sống lâu, năm dục hỷ dụ mà tự vui. Vì Phật Thế Tôn mà cúng dường cầu chứng như thế.

Tất cả người đời chẳng thể tin, vì Như Lai thấy nghĩa lợi này nên dùng tâm hoan hỷ mà nói pháp tắc thứ lớp Chân ngôn đạo hạnh của

Bồ-tát. Nghĩa là các Như Lai vì dùng phương tiện từ giới vô vi dùng năng lực gia trì chẳng lìa bỏ chúng sinh, tùy chúng sinh mà thị hiện hạnh tu hành, hoặc khiến thấy pháp trụ hạnh an vui mà phát tâm vui mừng. Hoặc được sống lâu, nghĩa là được vô số kiếp thường thấy Phật ra đời. Hoặc được năm dục tốt đẹp mà tự vui. Lại hay cúng dường tất cả Như Lai. Việc này không có phương tiện thì chẳng thể tin. Người ấy nghĩ rằng: Thể của Chân ngôn tức đồng pháp giới vô vi vô tác, làm sao thành tựu việc ấy. Nếu sinh việc ấy tức là có tướng phân biệt, làm sao đúng lý? Cho nên sinh ra chê bai.

Nói trong đây Phật có bí mật khó hiểu, là có phương tiện mà nói, cho nên chẳng thể hiểu. Nhưng trong đây dùng tâm tự tại nói là sống lâu. Như Thọ lượng này tức là pháp thọ mạng của Như Lai. Năm dục nghĩa là bốn vô lượng và tâm Bồ-đề. Tất cả bậc Thánh dùng hiện pháp này để tự vui. Cúng dường Như Lai tức là chân pháp cúng dường pháp thân Phật. Nếu người tu y phương tiện sâu xa duyên sinh của Phật thì được thành tựu thế pháp, tức ở trong đây mà quán bản tánh không, tức là thành tựu vô vi. Pháp không thể suy nghĩ bàn luận như thế phàm phu tự chẳng thể tin. Song chư Phật, Như Lai và Bồ-tát... thấy nghĩa lợi này nên nói đạo thứ lớp của hạnh chân ngôn, chẳng thể chê bai là không. Vì sao? Vì trong vô lượng kiếp siêng cầu, tu các khổ hạnh chẳng thể được, mà hạnh môn chân ngôn dẫn dắt các Bồ-tát tức ở đây sinh mà đạt được. Như các Bồ-tát khác vì cầu đạo Vô thượng, khó làm khổ hạnh như cứu lửa cháy đầu, trải qua vô lượng kiếp còn chẳng thể được thành tựu như đây. Hạnh Chân ngôn này, nếu đủ phương tiện thì Thánh có thể thành tựu, vì biết nghĩa mười dụ duyên khởi sâu xa, dùng chân ngôn... nguyện làm các thứ thành tựu mà không chấp đắm. Chẳng khác pháp như thế, vi diệu nhanh chóng.

Lại nữa, Bí Mật Chủ! Chân Ngôn Môn Bồ-tát Tu hạnh Bồ-tát. Như thế kế-đô-yết-già-tán-cái Lý tỉ chân Đà-ma-ni và An Thiện Na Dược Lô-giá-na cầm ba Lạc-xoa mà làm thành tựu. Cũng được Tất-địa.

Kế là nói các thứ thuốc đã thành, nghĩa là như trên trước là một Lạc-xoa, kế là hai tháng trì tụng rồi làm Mạn-đồ-la. Trong đó để vật thành này mà tụng niệm, canh ba Lạc-xoa mới thành. Thần vị Mạn-đồ-la này... tức là đồng với Đại Bi Thai tạng, trong đây chẳng nói, chỉ lấy vật muốn thành mà đề trong đó, đặt Đại Nhật Như Lai để ở góc. Cờ thì dùng tre làm cành, cột bằng lụa sạch, lại treo rũ bằng một chiếc gậy, như trên phướn làm hình tầng, trên đó đặt Bạt-chiết-la. Dao bằng

thép lấy xương làm cán, tán có thượng trung hạ mà thành, nghĩa là chim khổng tước vàng bạc, giày làm bằng da. Trước phải xông rửa thật sạch cho không còn mùi hôi, lại dùng thuốc mà trị, cho đến lửa chẳng đốt cháy được.

Lại dùng hương thật thơm, đặt báu Tịnh như ý đặt tên cờ. Nhãn dược dùng làm An-thiện-na. Thiện-na này có hai thứ: Một là rất nhẹ chạy ngược nước. Ngưu hoàng, lại có vô lượng thuốc, nghĩa là không thanh, chu sa, hùng thư hoàng... đều sẽ thành tựu. Đại Bản nói: Đủ phương quĩ, Tô-tất-địa cũng có thứ lớp. Như Lý được thành thì sẽ mang mà đến cõi Phật vô ngại. Nhãn dược... thành tựu, thì cõi Phật mười phương, sẽ có thể bay đến cõi Phật mười phương, các thứ khác có thể hiểu. Lại có vẽ các hình chim thú, tùy lấy một mà làm pháp thành, tức có khả năng ngự đến các cõi mười phương rất tự tại. Hoặc dùng pháp gia thêm đồng nam đồng nữ, cũng khiến chúng thành tựu để hầu hạ, tức dạo các cõi mười phương. Tây phương có một người thành, dẫn năm trăm người lên hư không mà đi, chẳng biết đi đâu. Pháp này thành tức là trì minh tiên. Vật này tùy tâm muốn làm, khi trì tụng cũng được cảnh giới khiến thành vật ấy, vật ấy.

Hoặc có thể vận tâm làm cho vật này cũng được thành. Kinh nói: Bí mật chủ phải đầy đủ phương tiện, thiện nam, thiện nữ tùy ý ưa thích mà có việc làm. Đó chỉ có tâm tự tại mà được thành tựu. Người đời chẳng thể tin chỗ người ấy được, gọi là làm người thành tựu, chẳng thể tin được sự ít có kỳ lạ đều có thể được. Cho nên nói: Thiện nam đầy đủ phương tiện, vật muốn cầu được tự tâm tự tại, như thế mà được thành tựu. Nói tự tâm tự tại chỉ như thế mà thành tựu, nghĩa là tùy ý muốn, chỉ cần tâm chuyển thì liền thành tựu. Chỉ nghĩa là chỉ dùng tự tâm mà không nhờ các duyên khác. Chỉ cũng có nghĩa là tạm, tâm vừa nghĩ thì liền thành tựu.

Những người ưa muốn nhân quả của Bí mật chủ. Nghĩa là pháp bí mật không phải kẻ ngu biết được các chân ngôn. Tướng chân ngôn tức như người đối với hạnh chân ngôn này mà nghĩ rằng: Nay ta thực hành nhân như thế phải được quả như thế. Phải biết như thế chẳng phải là nói đúng, chỉ là người ngu vọng chấp như thế. Vì sao? Vì có các ngoại đạo nói tất cả pháp từ ta mà sinh. Nếu như thế khi tự tại vui thì cho, không vui thì không cho. Như thế người chẳng thể hiểu đạo này. Phải là muôn vật đều từ nhân sinh. Nếu từ nhân sinh thì nhân này phải có tự tánh, nếu có tự tánh thì rơi vào Thường kiến, Thường pháp làm sao sinh được. Nếu nhân diệt quả sinh thì tức là pháp đoạn diệt sao sinh được.

Kinh nói: Nói nhân không thực hành thì quả quả kia sẽ chẳng sinh. Ý nói: Nhân là nhân không. Nhân đã không thì làm sao có quả. Cho nên trong luận Trí Độ rộng phá. Phải biết nhân này dùng trí quán sát còn chẳng tìm được nguồn, vì nhân này vô y, vô y tức là xưa nay chẳng sinh. Nhân xưa nay chẳng sinh thì làm sao sinh ra quả, cho nên như quả kia vốn chẳng sinh.

Kinh nói: Nhân này còn không, làm sao có quả? Nghĩa là nói: Nhân chẳng phải thật có. Nhân đã không phải chân thật thì không bao giờ sinh ra thật quả. Phải biết quả vốn chẳng sinh. Lại nhân ấy bản tánh vắng lặng thì phải biết tướng quả cũng giống như thế. Nếu đối với pháp duyên khởi như thế mà nói có nhân có quả tức là Biến kế sở chấp, rơi vào Đoạn thường, một khác, chẳng vào Trung đạo. Cho nên chứng biết chân ngôn như thế, lìa hẳn nghiệp nhân, nên tức là pháp giới. Kinh nói: Phải biết quả chân ngôn, đều lìa nhân nghiệp, nói nhân là pháp có thực hành. Nhân đã có làm thì phải biết quả, quả cũng có làm. Đã có làm thì làm sao có thể thành chân thật. Phải biết quả lìa nhân nghiệp.

Kinh nói: Cho đến thân chứng xúc Tam-ma-địa Vô tướng, là nói các tướng nhân quả này vọng tưởng cho nên có chánh quán sát thì vốn không có chỗ trụ. Vô trụ nên quả chẳng thể sinh, tức đồng với vô vi, cho nên nếu người tu nghĩ rằng: Ta tụng chân ngôn, tu hạnh chân ngôn sẽ được thành quả luống tự lừa dối mình. Nếu chân ngôn này tuy từ duyên khởi mà thật vô tác, từ xưa đến nay vốn là pháp giới, không sinh không diệt, chẳng tịnh chẳng nhiễm, pháp thể như thế làm sao được thành?

Kinh nói: Chân ngôn sẽ được, Tất-địa từ tâm sinh, phải biết hạnh chân ngôn là chỉ dùng phương tiện mà thanh tịnh tâm mình. Nếu ba nghiệp thanh tịnh thì sẽ ở trong đó mà tự mình rõ biết, mà tu được giác ngộ. Ví như có người trong mộng tu hành các thứ sáu độ mà thanh tịnh cõi nước Phật. Giác thấy thì không thành tướng quả, chỉ là trong tâm một niệm vô minh mà có nhân quả muôn hạnh. Lại như trong căn nhà tối mà có kho báu, dùng phương tiện đốt đèn sáng lên, tuy nhân duyên sinh diệt suy ra chẳng thật có, vốn đồng với không, nhưng cũng nói pháp nhậm vận sinh khởi, vì tâm rõ nhân duyên nên thấy kho báu, chẳng phải kho báu này do phương tiện mà sinh. Tu hạnh chân ngôn vốn là dứt hoặc nghiệp còn sót. Đương thể nó hiển bày pháp giới vô sinh diệt, tịnh nhiễm, lìa các phân biệt. Biết thể chân ngôn này tức là thể pháp giới. Nếu hiểu biết thể chân ngôn tức đồng pháp giới bằng đại không tự nhiên thì sẽ được Tam-muội Vô tướng. Tất-địa hiện tiền phải sinh tin hiểu như thế.

Bấy giờ, Kim Cang Thủ bạch Phật rằng: Cúi mong thành tựu lại nói câu Chánh đẳng giác, câu Tất-địa thành tựu, tức là như trên đã nói, một chữ có thể sinh bốn chữ cho đến cùng khắp pháp giới, đây tức là cầu tâm Phật. Nay hỏi pháp thành tựu trong đây. Các thiện nam, thiện nữ thấy pháp này, tâm được vui mừng, thọ an vui trụ pháp giới bất hại. Đây tức là tùy theo đây mà tu giác. Nếu được thành tựu gọi là thấy pháp. Thành tựu là dùng đời này mà được thấy đế. Vì thấy pháp tức là nghe Phật nói pháp thành tựu này đắc sẽ thâm (vào sâu) được pháp hỷ, trụ hạnh an lạc hiện pháp lạc trụ cho nên xin hỏi. Pháp giới Bất hại là ý nói chẳng phải trong pháp giới này có chỗ hại ngại, cho đến thọ các thứ vui đời, mà vui đời tức là pháp giới chung chẳng do đây mà ngại hại tổn pháp giới. Cho nên bất hại. Vì sao? Vì Thế Tôn pháp giới là tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, tức gọi là thế giới không thể suy nghĩ bàn luận. Cho nên Thế Tôn chân ngôn môn tu hạnh Bồ-tát của các Bồ-tát. Được thông đạt pháp giới ấy chẳng thể phân tách phá hoại. Nhưng bốn chữ này rốt ráo thành tựu, cùng pháp giới không có chỗ ngại hại. Bốn câu này đều là tâm Phật, đâu thể dùng tâm Phật mà hại pháp giới ư? Trụ ở thành tựu này và pháp giới không hai không khác, cho nên là không hại ngại. Đây Tất-địa pháp giới kia đều không hại. Vì sao? Vì pháp giới không thể suy nghĩ bàn luận, cho nên Vô Lượng Phật được đạo thành tựu, mà pháp giới chẳng thêm, vô lượng chúng sinh diệt độ mà pháp giới chẳng bớt. Nếu chúng sinh thắng tấn thì cũng chẳng thêm ích lợi, nếu phá phiền não thì cũng chẳng bị tổn hại, cũng tức là thế giới không thể suy nghĩ bàn luận, tánh đồng Kim cang chẳng thể phá hoại. Nếu có ngại hại thì có kia đây, có kia đây thì sẽ phá hoại. Nay không hại ngại nên chẳng phá hoại. Phải biết bất hoại cũng là nghĩa chẳng thể phân tích, tức là các thứ môn, các thứ thế, xuất thế đồng một pháp giới, chẳng thể phân tách khiến thành một thể riêng. Người tu nếu thông suốt được như thế thì được thấy pháp thành tựu.

Đức Thế Tôn bảo Chấp Kim Cang Bí Mật Chủ rằng: Lành thay! Lành thay! Bí Mật Chủ! Ông khéo hỏi Như Lai ý nghĩa như thế. Tức nói lại khen Chấp Kim Cang Bí Mật Chủ, vì thương xót người tu hạnh chân ngôn ở vị lai nên hỏi câu hỏi như thế, các ông phải lắng nghe và khéo suy nghĩ kỹ. Nay ta sẽ giảng nói. Ý này là bảo hội chúng rằng: Các ông phải nghe kỹ và khéo suy nghĩ. Ta sẽ nói cho các ông nghe việc ấy.

Bí Mật Chủ thưa rằng: Bạch Thế Tôn! Con rất muốn nghe. Lại nói: Đức Thế Tôn thương xót cùng khắp, chấp thuận câu hỏi này mà giải thích cho.

Phật bảo Bí Mật Chủ rằng: Hãy lấy tự môn A mà làm thành tựu, ấy tức là ở câu Chánh Đẳng Giác mà làm pháp thành tựu. Nếu ở chỗ Tăng, hoặc trong hang núi, hoặc ở tịnh thất, tùy ý ưa thích và giải thích các bí mật (Bí giải thích là Ngầm giải thích) như trên rồi thì dùng chữ A mà khắp bày tất cả chi phần. Cầm ba Lạc-xoa, nghĩa là dùng tâm khắp bày chữ A này từ đầu đến mắt, tai... cho đến khắp trong thân ngoài thân. Lại tụng chữ này thì ba Lạc-xoa liền thành.

Lại đó nói rằng: Bổn tôn, hạt giống và viên minh là ba, chữ ở trong viên minh, viên ở trên tâm Bổn tôn. Khi quán một thành thì ba đều tự thành, một duyên ở ba cảnh này nên gọi là ba Lạc-xoa. Lạc-xoa nghĩa là thấy. Tụng ba Lạc-xoa này rồi đến đêm trăng sáng ngày rằm gọi là trăng tròn. Ý văn tụng ba Lạc-xoa xong kế vào đêm trăng tròn đem hết chỗ có mà cúng dường. Đây gọi là trăng sáng ngày rằm thành tựu Mạn-đồ-la. Khi thực hành pháp này thì lấy hết chỗ mình có mà cúng dường Tam bảo để thành tựu pháp này. Khi thực hành thành tựu pháp này cũng tụng chữ này.

Khi thực hành pháp này cho đến Phổ Bồ-tát Hiền, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, Chấp Kim Cang... hoặc các Thánh thiên khác hiện ra, xoa đầu bảo rằng: Lành thay! Hành giả! Ở đây giải thích rằng hoặc các Kim cang khác, chẳng thể có tiêu chuẩn nhất định, tùy có một Tôn vị đến là thành tựu. Nhưng khi thấy cũng nói tướng thượng, trung, hạ. Nếu thân thấy rõ ràng như đối trước mắt không khác, là thượng thành. Nếu chỉ nghe tiếng hiện ra chỉ bảy giáo lợi hỷ là trung thành. Nếu mộng thấy... là hạ thành. Lại khi thấy sáng tối khác nhau, tức biết có chướng, không chướng... Như thế khi Bổn tôn hiện ra che chở, liền phải đảnh lễ dâng nước át-già tức là nước hương hoa, lại thêm năm giống thóc báu... như trên đã nói.

Tức thời liền được tâm Bồ-đề, Tam-muội chẳng quên. Người tu nhờ được Tam-muội này mà thân tâm mình đều được nhẹ nhàng. Lại dùng thân tâm nhẹ nhàng như thế mà tụng tập thì sẽ được sinh tâm thanh tịnh, thân thanh tịnh. Nghĩa là dùng sự nhẹ nhàng này mà khắp tưởng niệm tụng trì thì thân... năm căn thanh tịnh. Như trong phẩm sáu căn đã nói: Muôn tượng đều thấy thì sẽ biết được tâm Phật. Vì thân tâm thanh tịnh mà được tùy sinh, thân ý sinh tùy niệm mà sinh. Tùy sinh thành nhân niệm tụng làm thanh tịnh, liền được tùy sinh thân tâm thanh tịnh. Nếu để ở tai mà trì thì sẽ được Nhĩ căn thanh tịnh. Đây là hiểu người tu này muốn Nhĩ căn thanh tịnh, thì tưởng khắp bày chữ A ở tai mà sau mới tụng niệm, thì liền được Nhĩ căn thanh tịnh nghe giữ chẳng

quên. Sẽ nghe được pháp Phật nói ở mười phương cho đến tiếng các vị trời... cũng như kinh Pháp Hoa nói.

Kinh nói: Dùng tự môn A làm hơi thở ra vào, ba thời suy nghĩ.

Người tu lúc bấy giờ năng trì tụng thì tuổi thọ lâu dài trong nhiều kiếp. Đây nói tự môn A Bồ-đề tâm chẳng sinh chẳng diệt. Nếu muốn sống lâu thì tưởng chữ A cùng thở ra vào. Nếu người yểu mạng thì tưởng niệm một ngày ba thời sẽ được sống lâu. Bí thuyết là chữ, câu và bổn tôn là ba thời. Nếu muốn nhiếp tất cả độc thì tưởng chữ A ấy, hoặc tưởng ở thân mình hay thân người khác. Nếu được tự tại thì tưởng chữ này ở chỗ có độc, dần dần khắp thân mà chạy xuống. Chất độc dưới chữ cũng dần dần xua đi, đuổi xong dứt hết. Độc có hai thứ: Một là vật độc, hai là hữu tình độc, nghĩa là chất độc của rồng rắn. Nếu Bí thuyết, thì độc là ba độc. Khi đầy ba độc muốn trừ bỏ thì cũng làm như trước, nghĩa là xua ra cho hết. Nguyện La-nặc mà được yêu kính, tức dùng tự môn A mà ứng độ, nghĩa là nếu muốn cho người kính mến và quy y, thì tưởng chữ A này ở trên thân mình, tưởng chữ A này ở trên thân người ấy, ở thân mình tưởng cầm thương khư lại tường người ấy cầm hoa sen cùng nhìn nhau trong tâm tụng chữ A này. Nếu người ấy nổi giận kiêu mạn thì cũng tức là tâm kính yêu thuận phục. Bí nói: Nếu muốn nhiếp phục tâm ấy thì tưởng mình thành chữ A, tưởng tâm thành chữ A, tâm có hoa sen, tay có Thương-khư mà khiến thuận nhau thì sẽ nhiếp phục được. Tất cả việc khó hàng phục cũng hàng phục được, nghĩa là trên phiền não và tùy phiền não. Phật lại bảo Kim Cang Thủ rằng: Các Như Lai có ý sinh, gọi là nghiệp đùa giỡn múa may, thì từ tâm Phật nghiệp sinh mà làm các thứ múa may, đùa giỡn. Các tướng múa may, đùa giỡn tức là khắp hiện sắc thân, tùy loại hiện thân trong sáu đường. Múa nghĩa là các thứ thân biến huyễn thuật, tùy việc mà hiện nhiều loại, chẳng thể nói hết. Bốn giới nhiếp trì, nghĩa là đất, nước, lửa, gió, tuy hiện thân này trong ngoài y chánh, nhưng đây là tâm vương an trụ đồng với hư không, hư không thường chẳng động mà bao dung tất cả. Cho nên chỉ từ tâm Phật nghiệp sinh, tùy tâm mà có, thể đồng với không nên chẳng thể chấp. Thấy (kiến) tức là các thứ múa may đùa giỡn. Không phải thấy (phi kiến) là Lý Niết-bàn. Cũng thấy là các thứ pháp môn tu hành của ba thừa, tùy chỗ nguyện cầu mà khiến cho đầy đủ, tức là có thể hiện các việc thấy được, hoặc không thấy được. Cho đến nguyện cầu pháp môn thiền định, trí tuệ rất quý báu, thì cũng tùy loại thị hiện mà ban cho. Cũng như Như Ý Bảo Vương tùy theo tâm cầu tất cả mà ban cho, đẳng dẫn thần thông khiến sinh khởi. Tam-ma-tư-đa là nghĩa đẳng dẫn.

Lúc đó, Phật Tỳ-lô-giá-na tất cả đại chúng hội nhìn thấy thì bảo Kim Cang Bí Mật Chủ rằng: Kim Cang Thủ múa may tất cả làm thành hoại quả rộng lớn tất cả mà cho là múa may đùa giỡn. Lại khắp hiện sắc thân tùy loại mà thành, làm các thứ ứng, đây chẳng phải chân thật chỉ là như huyễn. Cho nên gọi là Như Lai múa. Cũng như người múa làm vui lòng người. Tuy các thứ ý hiểu biết khác nhau nhưng đều khiến cho tâm vui. Phật cũng giống như thế, nhưng không phải sắc làm bốn quả, tùy tâm ý Phật mà sinh. Từ tâm mà sinh, từ tâm mà diệt. Tuy là thường pháp mà năng tùy duyên sinh diệt, vì sự hưng phế tùy duyên này nên nói quả có sinh diệt, tức là thành hoại. Tích này cùng khắp pháp giới, rộng lớn vô biên, nên nói rộng lớn, làm xong thì diệt. Cho nên nói thành hoại. Rộng lớn thành hoại, thành này tức là nghĩa thay đổi, cho nên hoại. Song thành hoại chính là diệu ứng của Như Lai, từ Phật pháp giới cơ cảm mà sinh. Tuy sinh mà chẳng sinh, tuy diệt mà chẳng diệt, tức đồng với huyễn, chẳng khác pháp giới. Cũng là việc làm chẳng thật nên gọi là múa. Chư Phật ba đời đều thực hành múa này. Đích thân cho tất cả, là ta đích thân ở trước Phật được trao cho pháp này, nay lại đích thân trao cho ông, nên nói đích thân cho tất cả. Nói thân tức là đích thân hiện nay trao cho tất cả quả nguyện. Nghĩa này là chánh. Nói trước làm tướng chân thật, tức là như trên chỗ quán sát hạt giống chân ngôn và Bổn tôn.

Do quán thấy Bổn tôn, thấy rồi liền chuyển thân mình thành Bổn tôn, xoay vần tức nhau chẳng hại ngại nhau. Tức là thấy quả Kim cang tâm Bồ-đề, cho nên gọi là trước làm tướng chân thật. Như thế thứ lớp mà trụ. Nghĩa là trụ ở chỗ quán trước, tâm nương thiện trụ. Trước đã thấy thật tướng rồi là chữ A.

Kinh nói: Như trước chánh suy nghĩ nghĩa là như văn trên nói suy nghĩ nhớ pháp mà trì niệm. Chữ A tự mình làm và điểm làm rộng tất cả hoàng cực ý vui, Tứ Giác Kim Cang nêu trong ấy, nghĩ nhớ trì tụng chư Phật tất cả ở chữ Quang. Đây là tất cả, Phật sẽ tự nói. Nghĩa là quán chữ A làm sắc vàng sậm, sắc tướng đẹp đẽ khiến người vui trong tâm mình. Lại chữ này kinh nói đều điểm rộng tức là trên chữ lại thêm dấu chấm, tăng thêm tức là rộng. Ở ngoài chữ làm Tứ giác Kim cang nêu lan can này đồng với ba nhánh Kim cang. Cổ lại hợp với xoa mà làm, trong đó để chữ. Thấy chữ A này rồi liền chuyển chữ này thành hình Bổn tôn Tỳ-lô-giá-na, tức là thân mình hiện đồng tượng Bổn tôn. Tượng ấy y theo bổn ấn mà làm. Khắp thân Phật này có ánh sáng, đây tức trong tâm Bồ-đề mà thấy thật tướng Phật, cũng như trong tịnh lưu ly mà thấy tượng

vàng ròng, không phải đồng các tâm trong vọng tưởng số khác. Phải thấy biết như thế tức là thấy tâm Phật thật tướng làm thành tựu này, nếu không nghi lo thì sẽ khắp vì tất cả chúng sinh làm lợi ích lớn.

Kinh nói: Nói rất ít có là cũng như người huyễn tức là các thứ việc lạ. Cũng như các Đại Bồ-tát tùy tâm muốn làm lợi ích chúng sinh. Trăng nước như huyễn mà ứng muôn loại đều được thành. Đây tức là câu Tam-muội Như Huyễn của Như Lai. Nếu hay làm như thế, tức là từ vô thỉ sinh nghiệp ác đến nay và quả ba cõi ép ngặt cho đến nghiệp nặng vô gián của hiện thân đều diệt, huống chi là các thứ khác. Nói tóm lại là quả báo các khổ trong ba cõi đều diệt. Vì sao? Vì cũng như người trì tụng? Vì được trụ ở Tam-ma-tư-đa nên quán thật tướng như thế mà lìa khổ.

Kinh nói: Nếu quán tâm Vô thượng Bồ-đề kia, nghĩa là người này quán tâm Vô thượng Bồ-đề trong tâm mình. Nói tâm, tức là tâm Vô thượng đại Bồ-đề. Nếu trụ ở quán này thì sẽ thanh tịnh được nghiệp thân, miệng, ý. Do có thể tịnh nghiệp nên lìa tịnh và phi tịnh nghiệp. Ý nói có nghiệp như thế sinh, tịnh và bất tịnh đều chẳng thể nhiễm. Kinh nói: Đương nghiệp, tức là sẽ sinh nghiệp tịnh tâm này. Quả này đều chẳng thể ô nhiễm. Vì sao? Vì sẽ tương ưng với lý.

Ví như hoa sen tuy sinh trong bùn nhưng chẳng bị bùn làm nhiễm ô. Như thế là người tu tức đồng chư Phật. Vì sao? Vì năng sinh tất cả các Như Lai. Đây tức là Tôn Phật trong Nhân, ý nói: Mới quán tâm Bồ-đề xong thì liền được quả Như Lai, huống chi thân hiện chứng mà thành Phật ư? Lại nữa, lúc ấy, Tỳ-lô-giá-na Như Lai lại trụ ở hàng phục bốn ma Kim Cang Hý Tam-muội. Bốn ma hàng phục, sáu đường giải thoát, trí Nhất thiết trí đầy đủ Kim Cang Tự Cú nói, tức trụ ở Tam-muội này thì hàng phục được bốn ma, trừ được phiền não nghiệp khổ của sáu đường mà cùng vui giải thoát, cũng có thể đầy đủ tất cả sự ước nguyện của Thánh phàm. Phật trụ ở định này mà nói nghĩa Kim Cang Cú Chân Ngôn, năm chữ này tức là hàng phục bốn ma Chân Ngôn Cú. A là hạnh, cái gọi là Bổn chẳng sinh hạnh, hai chấm bên là nghĩa dứt sạch, vì nghĩa này mà hàng phục bốn ma, dứt tất cả khổ. Vị là nghĩa được, thêm nét trên là Tam-muội vô giải tức là giải thoát không thể suy nghĩ bàn luận. La là nghĩa thanh tịnh sáu căn do sáu căn thanh tịnh nên không có trần. Ha nghĩa như trên đã nói. Khư nghĩa trên cũng có chỗ giải thích. Lại Hộc có ba nghĩa, tức là ba giải thoát của Như Lai, tu hành trừ chướng mà ba giải thoát, mà trụ ở Đại Không. Kế là Đại Không. Khi Phật nói Chân ngôn này thì Kim Cang Thủ và Phổ Hiền... được mở mắt chưa

từng có. Cúi lạy tất cả Đấng Nhất Thiết Trí.

Như thế mà nói: Tất cả, trong tiếng Phạm ý nói không đâu chẳng có, tức là nghĩa kho chứa. Nói năm chữ này là kho, là đủ tất cả tiền của, giàu có. Tất cả chư Phật, Bồ-tát cứu đời, tất cả chư Phật, Bồ-tát cứu đời này là hại của Duyên giác, Thanh văn. Đây là khen đức của Thanh văn, nghĩa là hại các phiền não. Lại giải thích rằng: Tô-la-đa là hại phiền não, hay đi khắp đất, khởi các thứ thần thông. Tiền của giàu có tức là Như Lai pháp bảo (pháp báu của Như Lai) để cho khắp tất cả chúng sinh còn chẳng thiếu. Là đại trí bảo tạng vô cùng như thế, nên gọi là tiền của giàu có. Do giàu pháp tài nên bố thí cho tất cả mà nói môn chân ngôn này trên từ chư Phật, dưới đến Thanh văn đều y vào câu này mà làm các thứ thần biến lợi ích tất cả cho nên nói tùy chỗ đất đi mà hiện các thứ thần lực, nói đất đi tức phàm chỗ đi đến. Như kệ nói: Tìm đất núi rừng khắp vô đẳng. Nói được trí vô thượng, là Phật trí Vô thượng, trí không phải chỉ có thần thông mà thôi. Cũng do câu này mà tất cả Thánh hiền được thành trí tuệ cho đến đồng thành trí Nhất thiết trí.

Nhưng trí của Nhị thừa đối với thế gian cũng gọi là Vô thượng. Nay lại nói Phật Vô Thượng là nói lại, trước khen rồi sau thỉnh. Phật nói rộng năm chữ này theo thứ lớp và các loại Bố, Tưởng... Chỗ chẳng nói ở đây lại thỉnh nói trong đây. Đối với chữ Bố, chữ Tưởng thì thượng, trung, hạ thành. Sắc dụng khác nhau các thứ phương tiện, đều thỉnh Phật nói rộng. Trong các môn thành tựu tiến thú thuận hành pháp này gọi là giáo. Thỉnh tự nói giáo này là thỉnh Phật đích thân giảng nói. Nếu Phật nói rộng pháp này, các hạnh Đại thừa Vô thượng chân ngôn hạnh, là sẽ được thấy pháp, nếu đã thấy cũng chưa mừng. Thấy pháp gọi là chứng đắc. Đương trụ, nghĩa là tự mình đã thấy rồi lại trao cho các chúng sinh. Do thấy việc này nên mình và người đều được pháp lợi Vô thượng, cho nên thỉnh Phật nói rộng.

Kinh này có ba ngàn năm trăm bài kệ nói năm chữ này. Tam-ma-hê-đa dịch đúng nghĩa là trụ tâm một cảnh. Phật muốn nói cầu Kim cang khắp khiến đại chúng trụ vào cảnh nhất tâm mà nghe, muốn thực hành pháp thành tựu Kim cang chân ngôn này, trước khiến làm tòa Kim cang. Như Phật khi sắp thành đạo ở đạo tràng Kim cang. Lại trừ tòa này thì không có tòa nào khác hơn đây.

Lúc ấy, Đại Kim cang từ đất hết cả địa tế. Địa tế này gia trì hạ thân vì muốn nói chữ A. Ý nói chữ này là hơn hết, là chữ bậc nhất. Gia trì là muốn nói pháp này trước phải gia trì tự thân. Tức hạ thân, nghĩa là từ dưới rốn trở xuống tưởng đều thuần là Kim cang. Đây là trong ngoài,

trong là như trên đã nói, ngoài là tưởng chỗ ngồi của thân mình trong đàn Kim cang. Đàn ấy như trên đã nói phương tiêu lan gọi là Đại nhân Đà-la, đây là loại cứng nhất trong các thứ Kim cang, có thể phá Kim cang, mà Kim cang chẳng thể phá. Lại là sắc rất vàng, như sắc vàng tử ma. Đây tưởng chữ A gọi là Kim cang luân. Ở trong tòa này mà tự suy xét tất cả, tức là tòa Du-già. Đây là chỗ ngồi tu hành ứng lý, tức suy nghĩ tất cả, tức tất cả việc đều ở trong đây mà suy nghĩ, việc nhiều nên nói là tất cả.

Trên mới giải thích chữ A làm toàn cảnh, kế nói chữ A thanh dài. Đây là chữ A mạng căn thứ nhất, vì làm sống các chữ nên gọi là mạng. Nếu không có chữ A thì các chữ khác không thể sinh, nên gọi là mạng thứ nhất. Đây là nhiếp câu triệu. Nếu tưởng chữ này thì năng nhiếp triệu. Trường A tức là hành, nếu gặp chữ A tức dẫn dắt tất cả Phật hành, cho nên nói nhiếp triệu. Nhiếp triệu tất cả pháp trong ngoài. Nhiếp triệu là nhiếp khiến thuộc về mình, là nghĩa tự tại thọ dụng. Tự môn A này nhiếp triệu tất cả công đức Như Lai khiến trở về mình, cũng làm cho đầy đủ tất cả hạnh.

Kế là nói chữ ám. Nếu tưởng chữ này thì sẽ nhiếp trừ tất cả độc, bệnh và các chướng. Trong các chướng ngoài đều nhiếp trừ, nội chướng nghĩa là các pháp chướng đạo, chỉ có hiện tiền thì đều dứt trừ. Ngoại chướng là tất cả ngoại vật làm chướng cũng đều dứt trừ hết. Lại trừ các độc các bệnh. Bệnh các thứ đều dứt hết. Lại năng trừ, là cho đến mất tâm liền có thể cứu, khiến được bản tâm. Lại chữ này làm nhiếp tâm một cảnh, nhanh chóng tương ưng với Tam-muội. Nếu tưởng chữ này thì được các công đức như trên. Tất cả đều sẽ ban cho. Nói ban cho tức là làm tròn đầy các nguyện mà trao cho quả Tất-địa. Nếu người trì tụng thì trong một tháng liền kết Kim Cang Tuệ Ấn mà tụng chữ Ám này, trong một tháng mỗi ngày tụng ba thời, thì tất cả ngôi thành vô trí đều phá. Tất cả vô minh nhiễu loạn của chúng sinh. Bốn hợp bền chắc cũng như lao ngục chẳng thể phá hoại. Dùng môn chữ này có thể phá hoại. Được bất động vững chắc, nghĩa là trời, người, A-tu-la... chẳng thể phá hoại. Nếu muốn làm tất cả việc tăng ích thì đều ngồi ở tòa này. Tăng ích cũng gọi là tròn đầy, nghĩa là làm tròn đầy tất cả nguyện. Nếu Bí thích thì một tháng là một lần thấy. Nếu được thấy pháp nhập vào Sơ địa thì nhậm vận tăng ích tất cả Tam-muội Đà-la-ni và các địa vị. Nếu khi muốn thực hành pháp Tăng ích này, thì người trì tụng ở trong đàn Kim cang này mà tưởng Phật trụ ở Tam-muội có thân sắc vàng ròng. Quan diệm (ngọn lửa sáng) có nghĩa là oai quang. Có oai quang tức là

gồm nói nghĩa Bổn Tôn, Phạm Âm như đây tức là châu tráp viên quang dùng làm mão, đây tức là Đại nhân Đà-la, là Kim cang cứng chắc nhất, tức là nói trí Phật có công năng phá tất cả các thứ khác không thể trừ. Tưởng Phật này ở trong đàn vuông Kim cang, tùy ý làm tất cả vật thành tựu. Kinh nói: Kim cang hoa sen... nghĩa là tất cả việc này ở trong luận này mà thực hành. Nếu thành tựu pháp Kim cang, thì năm nhánh toàn làm bằng vàng để ở trong đàn mà gia trì. Thương-khư... thượng trung hạ thành tựu. Cũng như trên nói, nghĩa là đều trì tụng chữ A này. Nếu muốn thành tựu đảnh Phật, thì dùng vàng ròng làm đảnh Phật mà gia trì pháp này. Nếu được thành, thì đồng với thân Đại Nhật Như Lai, hoặc chẳng thể cần vật khác, chỉ dùng tưởng tự tại làm thân Phật mà gia trì, nếu thành thì đồng với thân Phật. Nếu thực hành Kim cang thành tựu mà trì tụng tức là đồng với Bồ-tát Kim Cang Thủ. Hoa sen là dùng vàng làm hoa sen tám cánh, ở trong hoa sen mà trì tụng, nếu thành là đồng với Quán Thế Âm. Đạo cũng có pháp làm, nếu thành là đồng với Đồng tử Văn-thù. Ngỗng, pháp thực hành nếu thành thì do đây tự thân mình thành thân Phạm thiên. Ở trong đó thành tựu ngoại tài hoặc thành tựu vàng, hoặc đất, hoặc châu như ý. Chỉ tương ưng với tăng ích, là đều dùng pháp này mà làm, có đủ pháp thượng, trung, hạ. Nói Đại nhân Đà-la quán, nghĩa là ở trong Kim luân mà quán.

■

ĐẠI TỲ LÔ GIÁ NA THÀNH PHẬT KINH SỚ

QUYỂN 12

Phẩm 6: **TẤT-ĐỊA XUẤT HIỆN** (Tiếp Theo)

Lại nữa, về pháp gia trì. Như trước nói gia trì gió... làm bảy điểm... các pháp vẫn chưa hết. Trong đây nói đầy đủ, tất cả làm chướng ngại đạo, đều dùng pháp này khiến cho bất động. Tất cả một cảnh là khiến cho tất cả trụ tâm làm thể. Thực hành pháp này trước phải tưởng tám ngọn núi Tu-di. Tám ngọn, nghĩa là bốn mặt vây quanh làm núi. Ở trên tám ngọn mà tưởng hoa sen. Trên hoa có tam cổ Kim cang, cổ ấy hướng lên. Kinh nói: Để trên đảnh ấy là trên đầu chày, trên đầu hướng thượng (quay lên) mà tưởng chữ A có vầng lửa sáng vây quanh. Tưởng như thế rồi, tất cả chướng đều khiến cho nhiếp trừ. Nhiếp nó như thế khiến trụ một cảnh mà chẳng được động. Chẳng phải Bất Động Tôn mà là nghĩa định trụ, tự tại tùy ý tu đạo vô ngại. Lại thành tựu các thứ thuốc. Phàm như thế... khi sắp thành tựu có đủ thứ lớp pháp dụng. Nay trong đây chỉ lược nói Đại tông, thực hành Dược gia pháp một trăm biến, hễ nói một trăm thì đều gia tám biến. Tụng xong tự chứng uống vào, hoặc cho người khác uống thì trừ tất cả bệnh hoạn. Cho đến bệnh nghiệp đời trước cũng sẽ trừ hết. Phàm việc tăng ích tương ưng với Kim cang sắc vàng.

Kế nói môn chữ phược, tức là trên chữ A, trước nói thể, sau gồm vẽ nét Tam-muội pháp tưởng ấy, là tưởng chữ này toàn trắng, cũng như núi tuyết và sữa trâu tươi trắng sạch. Trước từ rún trở lên mà tưởng hoa sen trắng cực trắng tinh. Chữ phược toàn trắng ở trên hoa sen trắng thành tựu rồi thì trở về chữ này làm Bổn tôn. Đây là bậc nhất dứt tai ương. Phật Bổn tôn ấy cũng làm tượng vắng lặng, nghi cực tịnh, trụ trong vắng lặng, cực trắng không gì sánh, đồng với trăng sáng đêm thu. Mạn-đồ-la ấy sẽ lớp tròn (trùng viên) cũng như vầng trăng tròn chín lớp, như màu trắng của khói mây mà trụ ở giữa. Thực hành pháp này thành tựu thì tất cả phiền não nóng bức đều trừ dứt. Tất cả dứt trừ tai ương tương ưng đều

ở trong đây mà làm. Đồng với vòng châu sữa trâu, là tưởng trong chữ này sữa trâu như trên chảy mãi không dứt, cũng như châu trắng mà lưới rót xuống tâm. Hoặc mình hoặc người, nếu tưởng tưới rót này, thì tất cả nóng bức trong ngoài đều dứt hết. Hoặc tưởng như mặt trăng, hoặc ánh sáng thủy tịnh của tịnh nguyệt đều như ánh sáng rót xuống. Hễ có tất cả nóng bức bệnh hoạn đều rót ánh sáng này mà trừ. Tất cả pháp Phiến-để-ca tương ưng với sắc trắng, trong đây mà làm chữ A trước là Kim cang Mạn-đồ-la, chữ phược này gọi là Thủy Mạn-đồ-la.

(Sơ đồ)

Không vô định hình là hiện ra các thứ. Nguyệt luân (vầng trăng) từ đống sương mù Mạn-đồ-la thoát ra như sữa trắng tưới rót, có công năng trừ hết các nóng bức. Nghĩa là các chướng trong ngoài là nóng bức, đều dứt trừ hết. Lìa khỏi tức là thoát khổ hoạn này, như thế mà buộc duyên một cảnh, thành tựu Tô nhũ châu man và ngó sen thủy tinh, hoặc lạc, hoặc nước như thế các vật số rất nhiều tùy tâm muốn mà làm chỉ cùng tịch tai tương ưng đều được thành tựu, hoặc cầu sống lâu vô lượng, hoặc hiện các thân tướng đẹp đẽ diệu kỳ. Hoặc nói tối thượng là yêu kính bậc nhất khiến người kính mến, hoặc cầu nghe trì, hoặc cầu thông minh, hoặc cầu trí tuệ và dứt các bệnh, như thế... đều được thành. Nếu chữ phược này đứng yên một điểm thì trừ bệnh hoạn, các việc các độc, trong ngoài đều mau thành tựu. Đây là Tức Tai Cát Tường Mạn-đồ-la, nhưng nhiếp trừ có vô lượng việc cho nên gọi là đẳng...

Kế là nói chữ La trừ chướng Mạn-đồ-la, là pháp chân thật bậc nhất trong các pháp trừ chướng. Chữ La này là đỏ trong đỏ, lửa trong lửa, đốt trong đốt. Do đó có công năng đốt cháy các thứ nghiệp khổ phiền não, cho đến hiện gây ra năm tội Vô gián, nếu tu tự môn này cũng có thể dứt sạch, không để sót. Tội đã diệt rồi thì sinh ra các công đức lành. Thực hành tự môn này tương ưng với Bất Động Minh Vương. Nhưng câu Minh vương Bất Động có khả năng làm tất cả việc ba phẩm. Pháp ấy trước là nhất tâm trụ cảnh như trên, quán màu cực đỏ ba góc Mạn-đồ-la (tưởng hình tam giác Mạn-đồ-la cực đỏ), khiến ý rất vui. Ý vui là nhiệm mầu tươi sáng. Lại ý vui là tâm làm, đây là bí ngữ vòng quanh làm tóc lửa sáng, biết là lửa rất sáng trong đó quán chữ La. Thành rồi thì chuyển thành Minh vương Bất Động làm tượng vắng lặng, thân vắng lặng ấy không giận không cười, lại nói trước tưởng Minh vương Bất Động thì trên ấy hình tam giác, ở giữa có chữ La, chữ thành rồi trở lại làm Minh vương Bất Động. Vì chướng trừ nên tội diệt, vắng lặng nên dứt tai ương, tức là nghĩa tội diệt phước sinh. Kế đây là vật thành tựu, nghĩa là chỉ

đàn Tam giác này mà nói ngật-la, là quyến thuộc của Chấp Nhật. Gồm có tám sao đều gọi là chấp, hễ có các chấp mặt trời... và lửa trời... đồng ở góc Đông Nam mà làm pháp Đại Đồng. Nghĩa là cần lửa tác dụng, hoặc chuyển lửa khiến lạnh đều ở trong đó mà làm. Nhưng Bí ý là làm mặt trời cho nên là lửa trí. Mặt trời cũng là tuệ nhật. Nhiếp giữ là nhiếp giữ pháp ác và người khó điều phục đều khiến nhu thuận điều phục. Trong đây nhiếp phục người ác, nghĩa là năng nhiếp phục phiền não mà được người tự tại, và phát oán là khiến cho mình người đều được thành, tiêu khô chi phần là khiến cho thân ấn khô cạn không thể chịu đựng nổi. Tất cả thân phần ba độc là Bổn thể, khiến nó tiêu khô không sót. Nếu tướng bên ngoài mà nói thì sông cô cạn tức là ao rồng khô cạn. Tất cả làm đó, là tất cả việc hàng phục tương ưng đều ở trong đó mà làm. Song đây đều tương ưng với từ bi, vì khiến nó hàng phục khéo léo, được làm nhân duyên Phật đạo.

Chữ Ha chân thật bậc nhất. Đây là gió Mạn-đồ-la. Gió tánh làm tăng ích. Gió sinh, nghĩa là việc tác dụng của gió đều ở trong đàn mà sinh ra, cũng là sinh các việc này. Muôn vật làm tiêu hao biến hóa vô phương. Chữ này sự dụng cũng thế. Nghĩa là nhân nghiệp đẳng sinh ra các việc tăng trưởng sum suê tươi tốt đều được tự tại. Nếu trên có dấu chấm thì có thể phá hoại nó tất cả các việc nghiệp nhân. Pháp ấy trước tưởng Bổn tôn, ở trên trán giữa hai đầu chân mày tưởng hình bán nguyệt, ở giữa để chữ Ha. Trước tưởng làm bên ngoài rồi tranh luận làm ở thân mình. Hình bán nguyệt ấy có tượng Oai Quang Đại Oai Đức, ngọn lửa đen phát khắp ra ngoài, làm gió thổi động tiêu xí ác, nghĩa là tượng ấy có hình dáng rất giận dữ. Nói dây chỉ là gió luân tôn, thường hàng phục ba đời tượng ấy cũng có sắc xanh đậm. Nếu thực hành đây thành tựu thì sẽ vì tất cả chúng sinh làm các thứ nghĩa lợi.

Kế là thành tựu, nghĩa là sau sẽ bày vật ở trong gió mà làm, tức có thể hiện thân này đều được thành. Nghĩa là bay lên hư không, thần túc biến hóa và Thiên nhãn, Thiên nhĩ, ẩn hiện thân mình. Khai nghĩa là mở cung điện A-tu-la. Sau nghĩ rằng: Tức là chỉ dụng tâm mà làm. Năm chữ này đều là tâm làm đàn thành tựu, cũng có thể dùng sự pháp làm đàn mà tương ưng với quán tâm. Nếu dùng sự tướng làm đàn mà tu Thần túc, thì cùng ngồi trong đó mà làm. Nếu tình cờ thì cũng để trong đàn mà làm, tưởng sữa trắng chảy đầy trong đó. Xưa, Phật ngồi dưới cây Đạo từ tự môn chữ này mà hàng phục Thiên ma, vô lượng quân chúng. Nếu người trì tụng đúng hay như pháp tu tập làm thì chẳng lâu sẽ đồng với Như Lai, hiện thân hàng phục được quân chúng ấy, được

khen là kẻ hàng phục ma.

Kế là nhân chữ Ha mà chuyển nói chữ Khư. Ha nghĩa là nhân có nhân nên tùy nghiệp mà chịu quả. Nhưng trong Đệ nhất nghĩa này thì chữ Ha vốn tự chẳng sinh. Vì chẳng sinh nên nhân chẳng thật có. Nhân này vốn còn chẳng sinh, huống chi ở trong đó mà có nghiệp quả. Như thế khi quán thì Nhân nghiệp và quả sự vắng lặng đều không thật có. Nếu quán được như thế thì liền đồng với Như Lai ngồi dưới cây Đạo mà hàng phục ma. Vì nhân này chẳng thật có tức là tướng ấy cũng như hư không. Không mà lại không. Đại Đức Thế Tôn nói sắc ấy, tức là nói sắc hư không.

Nếu ở trên mà thêm dấu chấm thì tức là nhập vào môn chữ Khiếm. Môn chữ Khiếm này chỗ nói rất tôn quý nên gọi là Tôn. Nghĩa là tôn quý bậc nhất trong tôn, tức là Đại không.

Nếu muốn tất cả khí vật đều được thành tựu, danh chủng nó vô lượng không thể nói hết. Mạn-đồ-la ấy không vuông không tròn mà hình bán nguyệt. Phải biết hư không chẳng có tướng để thành tựu tướng. Đàn này làm các thứ sắc, không hiện các thứ sắc tướng. Dao tuệ Ấn cùng làm, nghĩa là dùng cả dao Ấn hộ mà thành tựu. Nếu làm dao thì làm bằng sắt thép , cột thì làm bằng dây hoặc giống ngó sen , vòng tròn đó hoặc làm bằng vàng hay thép.

(VẼ SƠ ĐỒ)

Các khí vật này rất nhiều chẳng thể ghi chép hết.

Các khí vật Như trên tùy làm bất cứ một vật nào, dùng chữ Khiếm này mà thành tựu. Nếu được thượng trung hạ thành tựu thì tùy việc mà dùng, cho đến được thành. Trì nó thì đến khắp các cõi nước Phật, gọi là Trì Minh Tiên. Kế lại nói kỹ về nghĩa năm chữ. Nếu đối với Lý này tùy việc mà tương ưng thì sẽ làm xong tất cả việc. Cho nên Phật nhìn đại chúng bảo Kim Cang Thủ rằng: Bồ-tát Chân ngôn ấy tu hạnh Bồ-tát. Chữ A tự bản sắc là trong ngoài tất cả đều bỏ, được nghĩa tất cả câu, được tương ưng với bản thể bản sắc chữ A. Thể của bản thể chẳng sinh, đồng với thân Kim cang thật tướng, nếu tương ưng với tướng này thì sẽ bỏ tất cả pháp, thô diệu đều đồng nhau, cũng như ngói vàng xem ngang nhau, cũng khéo trụ ở quán bình đẳng, nên tất cả ba độc tội nghiệp đều lìa. Nếu như thế thì sẽ được tâm tịnh. Được tịnh này thì đồng với chư Phật và Phật Mâu-ni khắp sẽ lợi ích tất cả chúng sinh không làm các tội mà lìa các hoạn nạn.

Kế là nói môn chữ Phược. Nếu tương ưng với đây mà hiểu các pháp tắc, tức hay vì tất cả chúng sinh mà làm lợi ích lớn. Trước phải

như thế mà quán chữ này, trắng như sữa tuyết rót vào tâm, nếu rót chảy đầy thân, trong ngoài đều tịnh thì tất cả người thấy liền đồng với thân Phật. Lại từ thân ấy mà chảy ra vào thân tất cả chúng sinh, đều khiến rất đầy đủ. Lại chảy đầy ra đất, phải biết rằng đây tức là giải thích trong bí mật là nước đại Từ bi. Vì thấy thế gian rất nóng bức mà làm lợi ích hay khiến uống hoặc đụng vào, hoặc trừ các họa hoạn sẽ nhất định ở Vô thượng Bồ-đề. Có thể nước ấy hiện đồng với cam lộ hoặc hiển hoặc bí đối với hai giải thích, đều có lợi dụng thế gian và xuất thế gian. Không nghi nghĩa là sinh tin quyết định không nghi ngờ.

Kế là nói môn chữ La. Cũng như trước mà quán, đều vắng lặng chiếu soi sáng rực như vòng lửa, vây quanh có ánh sáng, khắp trong ngoài đều có sắc này hướng chảy ra ngoài, cho đến chiếu đến thân người khác cũng khiến vầng ánh sáng này rộng dần ra khắp pháp giới, dứt trừ tất cả các việc ác của chúng sinh, tùy sự ưa thích đều được đầy đủ. Cũng có khả năng làm các thần biến.

Kế là người tu từ rún trở lên có đặt chữ La, trong rún thì để chữ Phược, đều hiện thần biến. Từ chữ La sinh ra lửa, từ chữ Phược sinh ra nước mà trừ các bệnh lạnh nóng. Cho đến tám địa ngục Đại Nhiệt. Nhiệt có thể dùng chữ Phược làm mát mẻ là diệt dứt, tám địa ngục lạnh có thể dùng chữ La làm ấm nóng mà diệt dứt, kế lại để chữ La. Trên Tiêu Tràng mà để chữ Ha thì sẽ trừ tất cả tội khổ của mình và người. Lại như ở trên làm Kim Cang Luân lớn. Đây là chất cứng chắc nhất trong các chất cứng chắc. Ở trong Kim Cang Đại Nhân Đà-la Luân kia thì cùng làm hai chữ A và phược mà từ Long phương (phương Tây) có công năng nhiếp phục tất cả. Gió có công năng biến khắp mọi nơi, hoặc khai hoặc hoại. Khai nghĩa là mở cung điện A-tu-la và tất cả vật chất ngại, hoại nghĩa là đè bẹp, bẻ gãy. Các thứ tạp sắc trong ngoài do nghiệp nhân tạo thành, đều có thể khai hoại. Sắc Mạn-đồ-la, nghĩa là y cứ bổn sắc, tức là phòng đàn trước đã nói. Tâm ma xúc, nghĩa là tưởng chữ này ở trong vầng ánh sáng tròn mà ở trong tâm khiến cho ý được thanh tịnh, tức như Pháp Hoa gọi là ý căn thanh tịnh. Ở trong kinh hành mà tụng niệm quán chữ này mà làm khinh cử. Khinh cử tưởng tức là hay nâng thân bay lên hư không mà hiện các thứ thần túc, hoặc ngồi mà tưởng chữ A ở trong lỗ tai, đem chữ này ra vào, nghe tiếng liền được Thiên nhĩ thông suốt. Hoặc nói dùng bất cứ một chữ nào đều được. Hoặc có thể văn này là dùng chữ A. Ý sinh thân, đây là nói cốt yếu, tùy ý muốn đều thành như được ý sinh thân nghĩ đến mười phương phải biết Như Lai có phương tiện tự tại như thế khiến cho trong hạnh vô tướng

lìa tướng mà khắp hiện sắc thân, làm xong tất cả Phật sự. Khi vừa trì tụng thì sẽ làm hoại tất cả hạt giống sinh tử, thành tựu hạt giống Bồ-đề. Chuyển tức là chuyển tụng mà chuyển. Hành là có khả năng như thế mà tu hành thì chư Phật thường hiện trước người ấy như bóng theo hình khiến cho mãn nguyện. Người tu đã được mãn nguyện rồi thì sẽ chẳng lìa tất cả, chúng sinh cũng thường hiện ra trước mà làm họ mãn nguyện khiến được pháp hỷ. Cho nên nói đồng như hình bóng ở tất cả mọi nơi mà thuận theo tất cả chúng sinh. Sở dĩ như thế là vì Như Lai này trụ ở địa vị ba bình đẳng, không có phân biệt hý luận. Hoặc vượt qua tất cả tướng tâm cảnh, khi ấy nghiệp làm tất cả cũng lìa. Thời nghĩa là thời ba đời sinh diệt. Phương là nơi chốn, tác là các nghiệp. Tuy hiện muôn tượng mà không có chỗ hiện đồng với mười dụ. Pháp và phi pháp đều xa lìa, mà cũng được vô tận tạng trang nghiêm như thế, cho nên khắp ứng tất cả chúng sinh. Cho nên người tu phải nên siêng năng cầu hạnh chân ngôn Vô thượng Tất-địa ấy. Đó gọi là trí Nhất thiết trí của Như Lai, phải biết là cao quý nhất trong các thành tựu, không có gì bằng vô tướng để so sánh. Nhất thiết trí này từ hạnh chân ngôn sinh ra, nên phải siêng học. Phẩm Tất-địa ở trên đã xong.

Phẩm 7: THÀNH TỰU TẤT-ĐỊA

Bấy giờ, Chấp Kim Cang cát tường, hoa hy hữu nở trước mắt. Kim cang dụ cho Như Lai Bí Mật Tuệ. Kim cang không có pháp nào phá hoại được mà nó lại phá hoại được muôn vật. Trí tuệ này cũng như thế. Chẳng bị tất cả phá hoại mà có khả năng phá hoại tất cả những cái khó pháp hoại, là nói ba độc căn bản. Lại nữa, thân Bồ-tát này tức là thể Kim cang mà mười phương tất cả Phật đồng lấy Như Lai Kim Cang Trí Ấn mà trao vào tay, cho nên gọi là Trì Kim Cang. Cát Tường là khen đức của Bồ-tát Kim Cang Thủ, các công đức lành đầy đủ không thiếu, tức là nghĩa cát tường. Lúc đó, Bồ-tát nghe như trên nói pháp đặc biệt sâu xa ít có của chư Phật nên phát tâm hy hữu, mở mắt ra mà nhất tâm quán Phật không tạm bỏ, mới phát bốn thệ nguyện rộng lớn. Lại nữa, như hoa sen thế gian dần dần lớn lên. Nếu chẳng nhờ được ánh sáng mặt trăng, mặt trời và thời tiết thì chẳng thể nở bày tốt đẹp. Bồ-tát cũng như thế. Tuy có tâm Bồ-đề Bí mật, Như Lai công đức thật tướng tạng, nếu chẳng nhờ ánh sáng mặt trời Đại tuệ rực rỡ thì chẳng thể khai mở. Nay Bồ-tát này được được đài hoa sen diệu pháp chân thật tri kiến nên lại hỏi Phật muốn rộng truyền bá pháp tâm địa này mà độ tất cả chúng sinh, đều khiến cũng được mở bày như ở đây.

Lại như trên nói tức là tự môn A Như Lai Kim Cang Tánh mà công đức tạng đầy đủ không thiếu là môn Diệu lý thường trụ. Chuyển chày Kim cang là có yếu chỉ là muốn chuyển Vô ngại mật tuệ này vào tâm tất cả chúng sinh. Vì sao? Vì pháp vắng lặng tự chứng như thế là thanh tịnh vi diệu vô thượng mà chúng sinh chẳng tự biết. Vì nhân duyên này cho nên ở trong vô lượng bí mật bảo tạng mà chịu vô lượng sợ sệt khổ não. Vì việc ấy nên sinh tâm đại Bi, muốn chuyển trí này khiến tất cả đều được mở bày tâm nhãn. Hỏa quang phát ra thì lửa dụ cho Bát-nhã Ba-la-mật, bốn bên chẳng thể chạm vì chẳng thể chấp trước. Lại thể tánh vô cấu là năng thiêu đốt tất cả cấu phiền não luống dối. Như ở kiếp thiêu thì lửa ở khắp nơi không sót. Chiếu khắp cõi Phật, là tuệ quang này chiếu khắp vô lượng pháp giới tất cả người có duyên đáng độ, là đều hiện khắp ở trước, do chỗ vui thấy thân mà xưng cơ nói pháp đều khiến vào tự môn A Như thế. Các cõi Phật, tức là không phải các thế giới khác.

Phát ra tiếng hay mà khen pháp tự tại Mâu-ni, nghĩa là phát ra tiếng vi diệu mà hỏi Như Lai các pháp tự tại. Như Trưởng giả thế gian đầy đủ tiền của không thiếu thốn, tùy ý muốn đều được làm xong. Như

Lai cũng giống như thế, làm vua các pháp, tất cả pháp tài đều đầy đủ. Cho nên làm được việc lớn không thể suy nghĩ bàn luận, tất cả đều làm xong. Mâu-ni nghĩa là Tịch-mặc là người thường tịch, vi diệu vắng lặng sâu xa chẳng thể nói bàn. Như thế pháp giới vắng lặng, pháp Đại diệt độ, chỉ có mình Phật là rốt ráo thanh tịnh, nên gọi là Mâu-ni. Nói các hạnh chân ngôn, là hạnh đó chẳng thật có, nghĩa là ba nghiệp bình đẳng hạnh chân ngôn cũng là hạnh Như Lai, được thành Vô thượng Đại quả báo, các hành này nguyện Phật nói cho con nghe. Ý hỏi rằng: Chân ngôn và hạnh này Phật nói hay làm xong công đức sâu xa rộng lớn của Như Lai, nói cốt yếu là vô lượng vô biên pháp chưa từng có đều được thành tựu. Nhưng tất cả pháp đều vào tự môn A. Nếu vào chữ A tức là từ xưa đến nay vốn không. Vì các pháp vốn chẳng sinh. Các pháp vốn chẳng sinh tức chân ngôn này còn chẳng thật có, huống chi là trong ấy mà phát khởi các hạnh ư? Tức đây là không sinh không khởi, không pháp nào thật có mà đủ tất cả công đức, tức là cảnh giới Phật không thể nghĩ bàn, chỉ có Phật và Phật mới biết được. Phật Phật tự chứng. Nếu nghe thấy mà chứng thì có thể dùng vô lượng phương tiện mà thị ngộ cho chúng sinh. Nếu tâm không tự chứng thì không do đâu để suy lường việc như thế mà nói cho người nghe, không thể suy nghĩ bàn luận chẳng sinh chẳng diệt như thế thì làm sao tu hành. Lại hành này từ đâu mà đến, rồi đi về đâu. Ý hỏi hạnh vô sinh làm sao phát tâm thú hướng. Vì sao? Nếu pháp sinh diệt thì có thể nói có tướng thành tựu và phá hoại. Nay pháp này không có các tướng như thế làm sao được thành tựu. Nghĩa này cũng rất sâu xa. Chân ngôn bản thể vắng lặng thì làm sao phát hành? Xin Phật giảng nói cho con nghe. Tất cả nói cho con nghe: Ý nói chung cho con nghe, nghĩa là nói pháp hy hữu vô thượng này. Pháp tánh sâu xa như thế, cũng như biển khơi thì muôn sông đều chảy về. Chỗ muôn pháp trở về này chính là Đại Bát Niết-bàn tức là nghĩa phát hành, cũng như các thứ sắc vị trong biển lớn thế gian khi vào biển lớn thì đồng một sắc một vị, không có khác nhau, chẳng thể dời đổi. Biển lớn Như Lai cũng giống như thế. Tất cả muôn pháp muôn hạnh vào trong đây đều đồng một vị không thể suy nghĩ bàn luận giải thoát không có khác nhau.

Kế Như Lai đáp rằng: Ma-ha-tát ý xứ gọi là Mạn-đồ-la... thì tâm xứ cũng có thể gọi là tâm vi, tức là chỉ chỗ tự tâm của chúng sinh này, tức là tất cả Phật Đại Bi Thai Tạng Mạn-đồ-la. Vì sao? Vì tất cả chúng sinh tức là Hoa Đài Tạng. Nhưng vì bốn thứ phiền não thường tự sinh vì nó tự che đậy nên không thể sáng suốt tự biết. Nếu tự biết tâm xứ tức

là biết tâm này tự tánh thường thanh tịnh. Chỗ thanh tịnh vô cấu như thế tức là địa thật tướng Đại viên mãn của Phật. Cho nên Phật đáp ý rằng: Nếu muốn biết hạnh và quả của chân ngôn thì phải ở tâm xứ mà cầu. Đều nói như thế, nghĩa là Phật mười phương ba đời cũng đều nói như thế. Một đạo không khác, không phải chỉ ta nói thế. Chân ngôn các tâm xứ nó biết quả thọ ấy. Quả tức là quả Bồ-đề Vô thượng của chư Phật, thọ nghĩa là chứng được, ý Phật nói: Nếu vào tự môn A này là hay biết rõ tâm xứ, nếu biết xứ ấy tức là quả chân ngôn. Ý Phật lại nói: Tất cả các pháp đều do tâm có. Như mắt người thấy sắc, thì nhãn căn và sắc đối nhau chẳng thể biết rõ xanh vàng, đỏ trắng.

Kế là nhãn thức liền sinh lo, bất định đây là xanh hay vàng. Kế là ý thức liền phân biệt phân tách, nói đây là xanh vàng, đỏ trắng các tướng phải biết chỉ do tâm phân biệt mà có. quyết định duyệt tâm, tâm xứ. Như vào đạo Nhị thừa cũng trước phải có tâm quyết định. Tâm quyết định này tức là Tam-muội. Cũng vì được tâm quyết định thì tâm được ưa thích. Tức là nội tâm tự chứng vui hiện pháp. Vì cũng có định tực là sinh ra tri kiến chân thật. Song ba thừa đều có định cạn sâu khác nhau. Nay trong đây ý nói: Nếu chứng được tâm xứ này là tâm trong tâm, tức là tâm đại quyết định của Như Lai cũng có định này cho nên được vào tự môn A. Vì vào tự môn A, thì sẽ biết rõ hạnh và quả của chân ngôn. Nếu biết rõ hạnh và quả thì tức là trao được Đại quả Vô thượng. Ý Phật nói: Cũng như tâm trụ định được thấy rốt ráo Nhất thừa như thật, tức tự biết được việc ấy. Nếu không như thế thì dù nghe cũng vô ích.

Từ đây trở đi là Chánh nói: Tập định sơ môn như ở trên Chấp Kim Cang đã hỏi: Tâm của chân ngôn này từ đâu đến và đi về đâu, làm sao chứng được quả. Nay ý Phật đáp rằng: Chân ngôn là từ tâm phát ra cho đến muốn biết hạnh và quả của chân ngôn cũng từ tâm hiện ra, ngoài tâm này không có pháp khác. Vì sao? Vì Mạn-đồ-la này gọi là tịnh, vì tất cả tự tâm của chúng sinh xưa nay vốn thanh tịnh, vì bị vô minh ngăn che nên không thể tự biết. Nếu tịnh tâm này tức là ở Mạn-đồ-la, chẳng từ chỗ khác đến hạnh và quả đều cũng như thế. Vì tất cả muôn pháp cho đến hình sắc, hiển sắc muôn loài khác nhau, chớ chẳng từ tâm phân biệt mà có. Nay tự môn A này cũng chẳng từ ngoài vào, chỉ từ tâm sinh không từ chỗ khác đến. Vì sao? Vì có phương tiện tu định mà tâm ấy dần tịnh. Vì tâm dần thanh tịnh nên hiện trong chữ A. Chữ A này tức là tất cả tâm chư Phật. Từ tâm luân mà thanh tịnh nên năng hiện chữ A. Do vào tự môn A nên liền thành tướng đại quả báo. Cho nên biết quả này cũng do tâm mà được, thật ra không có ai trao cho, do tự biết rõ

mà được, phải dẫn nghĩa giới Ương-quật không trộm cắp. Nhưng tâm này vốn vi diệu vắng lặng, không tên không tướng, không thể chỉ bày thì dùng phương tiện nào mà thấy được? Nay chư Phật vì hóa độ Bồ-tát tu hạnh chân ngôn, ngày từ tâm của tâm xứ phàm phu mà làm phương tiện, cũng chẳng làm hạnh đối trị khác. Xứ của tâm này tức là nội tâm của phàm phu ở trong đó, là tâm Hãn-lật-đà. Người mới học quán cũng ở chỗ ấy mà tưởng hình hoa sen. Vì sao? Vì tâm này của tất cả chúng sinh tức là nhân hoa sen Tam-muội, vì chưa thể khiến mở bày, vì bị các phiền não buộc ràng, do đó chẳng hiểu rõ tướng như thật của tâm mình. Cho nên trước phải quán tâm xứ này, thực hành quán tưởng hoa sen tám cánh, khiến mở bày các nhụy đầy đủ. Ở trên đài này mà tưởng chữ A trong đó. Từ chữ A này phóng ra vô lượng ánh sáng ấy phát ra bốn phía mà hợp thành tóc (sợi) cũng như tóc hoa, do đó gọi là tóc. Nghĩa là nhiều hoa xuyên suốt nối nhau không dứt. Do hợp nhiều thành một cho nên gọi là tóc (man). Ở đây cũng giống như thế, hợp vô lượng ánh sáng thành một sợi tóc ánh sáng. Vì sao phải quán hoa sen tám cánh không nhiều hay ít hơn? Ở đây có hai nghĩa: Một là tất cả phàm phu tâm xứ tuy chưa thể tự biết nhưng trên đó tự nhiên có tám cánh như hình hoa sen khép. Nay chỉ quán chiếu tâm này khiến nó mở ra, tức quán Tam-muội tiện lợi, nhưng lý ấy nếu quán hoa tám cánh này tức là được tương ưng với Lý. Tám cánh này tức là bốn cạnh và bốn góc. Bốn góc tức là bốn trí của Như Lai. Tự môn A đầu tức là tâm Bồ-đề, chữ Ám kế tức là thành Vô thượng Bồ-đề, kế chữ A là thực hành hạnh Bồ-đề, kế chữ ác tức là Đại Niết-bàn. Ngoài lá bốn góc tức là bốn pháp nhiếp. Trước từ tự môn A mà phát tâm Bồ-đề, kế là biết quả ấy.

Do đây là tự luân nghĩa bốn chữ A. Vì muốn thành đại quả báo mà tu hạnh Như Lai. Vì tu hạnh Như Lai mà được chứng đại Niết-bàn. Vì chứng Đại Niết-bàn nên thấy được tâm tánh. Tức biết thể tâm pháp giới này xưa nay là tướng thường vắng lặng. Cho nên sau cùng là tự môn Ác. Do đó nói nhụy đầy đủ, cũng có ý ấy. Nghĩa là khi tâm Tam-muội Liên hoa này nở ra thì vô lượng pháp môn đều đầy đủ, tức là sáu độ, mười tám không, ba mươi bảy phẩm thiền định, giải thoát, một trăm lẻ tám môn Tam-muội, năm trăm môn Đà-la-ni, như thế vô lượng vô biên đều đầy đủ. Phải biết tất cả pháp môn đều từ tâm mà có. Niệm chỗ hoa sen ấy nghĩa là trên đài sen kia mà quán chữ A nên gọi là trên tòa. Chiếu sáng cùng khắp các loại chúng sinh, quán ánh sáng đài hoa này, nếu khi hiện tiền tức là từ tâm sinh ánh sáng vắng lặng chiếu soi. Chiếu khắp tất cả các loài chúng sinh. Tất cả chúng sinh cũng có tánh như thế. Chỉ

do vô minh che lấp nên không biết tánh tâm mình, nên chẳng được công dụng tự tại như thế. Nếu khi tự rõ nguồn tâm thì cũng sẽ hiện khắp sắc thân mười phương như thế giáo hóa như Phật không khác. Nói chúng sinh, nghĩa là họ vì vô minh nhân nghiệp mà sinh liền thọ báo bốn loài sinh. Vì nhân nghiệp mà sinh nên gọi là chúng sinh. Nay muốn làm tan ra chúng sinh kia khiến cho biết cùng tận thật tướng của thức tâm, nở đài hoa kia khiến được tri kiến Phật. Tri kiến là như thế tục nói là tâm khai ý giải, ý giải có lý. Vì tâm khai nên liền vào tự môn A. Lại nói trên tòa thì cũng có nhiều ý, hoặc nói tòa hoa, hoặc nói khi thân ngồi, hoặc là thành tựu Đại Mạn-đồ-la. Trong Mạn-đồ-la thì thực hành quán hạnh này mà vào tự môn A, tức có thể thấy ánh sáng hiện khắp sắc thân mà làm các thứ Phật sự. Nhưng người tu khi mới học quán vì tâm chưa thuần thục nên chưa được hiện tiền. Trước phải làm hoa sen diệu như trên nói khiến rất vi diệu, gồm đặt chữ A thường quán hiện tiền ở trong ánh sáng mà vẽ. Vầng sáng này như gương tròn sạch. Trong đó vầng ánh sáng tròn chữ A rất sâu. Trong đó quán kỹ lâu thì sẽ hiện tiền thấy rõ ràng, ở ngoài đã thấy rồi thì lại quán tự tâm. Trong vầng ánh sáng tròn mà quán chữ A. Như chữ A phải biết các chữ khác so ra sẽ hiểu. Người tu ở trong đã quán đầy đủ thuần thục, khi thấy chữ A ánh sáng từ tâm phát ra bốn phía trùm khắp tất cả cõi Phật mười phương. Ánh sáng này từ đầu đến chân bao quanh khắp thân người tu chẳng thể nói dụ. Nói chỉ quán hoa sen chẳng quán hoa khác, đây cũng có ý. Như hoa sen ở đời mọc ra từ bùn, chỗ sinh ra tuy xấu, nhưng thể tánh của hoa thì thanh tịnh diệu sắc không gì sánh, chẳng bị các cấu ô nhiễm. Phàm phu cũng như thế. Tuy có vô lượng vô biên các thứ bất tịnh, họa hoạn ba độc, nhưng hoa sen này cũng là thật quả sâu xa Tam-muội đều sinh trong đó. Tức là ánh sáng đại tuệ bình đẳng của Như Lai. Ngàn điện nhóm họp, là như ở thế gian một ánh sáng điện còn chẳng thể xem kỹ vì nó lóa mắt người, huống chi là vô lượng ánh sáng điện nhóm họp. Đây giải thích ánh sáng như tóc rũ xuống, phát ra bốn phía ánh sáng mạnh mẽ rực rỡ. Ánh sáng này khi từ tâm trùm khắp liền có thể hiện khắp tất cả thế giới, tất cả chúng sinh đáng độ đều hiện ra vui mừng thấy thân, ứng cơ giảng nói diệu pháp khiến họ được độ, đều là sự thật chẳng dối. Như ở đời gương sáng hiện ra các hình ảnh. Nhưng có chỗ chẳng chiếu thì không thể khắp hiện, gương tịnh tâm thì chẳng như thế, mà mười phương vô ngại hiện đủ pháp giới chỉ mượn làm dụ. Nhưng thật ra chẳng thể so sánh. Người tu khi thấy vầng sáng tròn chữ A thì hay biến khắp các phương mà làm Phật sự, nhưng cũng vắng lặng không động.

Giống như trăng đáy nước tùy bình đựng chẳng phải một, cùng một lúc nhanh chóng hiện ra. Song dùng trí tuệ mà quán nếu tánh nước chẳng sáng thì trăng chẳng hiện. Nước lắng trong thì không có trăng nào chẳng hiện, không có tới lui mà hiện ra sáng tỏ, chỉ do duyên hợp mà có. Lại như khi trăng hiện, thì có thể thành tựu muôn vật trong bốn thiên hạ đều được lợi ích. Nhưng trăng cũng chẳng nghĩ rằng mình chiếu khắp muôn vật khiến chúng sinh lớn lên. Người tu quán tự tâm mình cũng giống như thế, đồng với trăng đáy nước ấy mà hiện các hình ảnh.

Từ phẩm này về trước là nói quả của chân ngôn. Từ phẩm này trở đi là thứ lớp nói phương tiện tu hành chứng nhập. Đây là phần đầu. Trong đây lại có oai nghi đứng ngồi rất nhiều bí pháp, sau sẽ nói rõ. Trong kinh này có những bí ẩn nay sẽ thứ lớp trình bày. Như trên quán hoa sen tám cánh và tự môn A. Trước để trừ sạch tâm mình thì đài hoa hiện ra. Nay muốn cho nó lớn lên xinh tươi thành quả báo lớn. Lại nói phương tiện quán môn. Trước vào tự môn A tuy nói biết rõ tâm tánh nhưng cũng chưa được rốt ráo hiện tiền. Cho nên lại vào tự môn Am. Đây là Tam-muội dùng để thành tựu tâm Bồ-đề. Như hoa sen nương nước mà lớn, nếu không có nước thì không lâu sẽ khô héo. Người tu tâm Bồ-đề cũng như thế, nếu không có nước Tam-muội tưới rót tâm thì sẽ không được nở ra xinh tươi. Chữ Am này phải quán ở trên xương đầu ở bốn phương gặp gỡ khiến mặt chánh của chữ đứng thẳng trên đầu, sau lại có quán pháp bí mật, lại có khác. Điểm quán chữ là ở đầu người, tu các phần khác là thân và bốn chi. Vì người tu chưa biết tự tâm, nên phương tiện giúp cho biết. Trước quán hoa sen, lại dùng nước định mà rửa sạch tâm mình, khiến khi đó thấy rõ chữ A, sáu căn có các cấu đều thanh tịnh. Do sáu căn thuần tịnh vô cấu, tâm tánh vô cấu cũng như nước trong chứa trăng sáng. Phải biết đây chính là thấy, thấy tức là thành tựu. Thành tựu tức là thể đồng pháp giới. Phải biết pháp giới này xưa nay vắng lặng, là chỗ nương tựa của tất cả chúng sinh trên thế giới, cũng như hữu tình nương vào thế giới. Cho đến lớp đất nương nước, nước nương gió, gió nương không. Không làm chỗ nương cho tất cả mà không nương tựa vào đâu. Pháp giới cũng như thế, vì chúng sinh có cấu như vô minh mà chẳng thể tự biết. Nay vì sáu căn thanh tịnh nên liền thấy rõ, khi chưa thấy lại có phương tiện cũng ở trong phẩm khác, lại chẳng quán thẳng hai chữ này. Người tu khi tự quán lại dùng các chữ khiến cho trùm khắp các chi phần. Nói khi làm, từng việc rõ ràng tức là thành người trì minh vì dùng thẳng các môn chữ này mà thành tiên Trì Minh. Lại pháp giới nói thấy, chẳng phải có được thấy. Vì vô cấu nên

liền được thấy. Thấy là thể của pháp giới, như gương sạch thì có muôn hình ảnh hiện ra mà chẳng có phân biệt như thế. Ta thấy được nó, nó được thấy cũng chẳng phân biệt tướng tới lui, chỉ duyên hợp mà thấy. Tất cả chúng sinh đều đồng với thể pháp giới này. Nếu khi thấy như thế tức là tướng Tất-địa. Hiện khắp sắc thân, bày vô tận tạng trang nghiêm. Người tu do tâm tịnh không phải chỉ đầy đủ niềm vui bình thường mà mà được cái vui vi diệu của đại Niết-bàn.

Cũng thấy câu Như Lai. Câu là chỗ ngồi của chư Phật. Như thấy ở trên cũng chưa gọi là cái thấy hoàn toàn thành tựu. Lại có phương tiện nghĩa là quán môn chữ La. Người tu đặt hai chữ này trên hai mắt. Ánh sáng như đèn chiếu rực lửa. Người tu lúc đó ngồi hơi rụt cổ lại, dùng ánh sáng vô cấu này mà quán chiếu tâm mình. Cũng do chữ La này mà thấy được tâm tánh. Thấy giọng xuống chẳng khiến quá cong, lại chẳng quá thẳng. Ở đây có hai nghĩa: Một là điều thân chẳng sinh ra các bệnh khổ. Vì ngồi quá cong quá thẳng thì bốn đại không điều hòa; Hai là thanh tịnh nhãn căn thấu đạt nguồn tâm. Môn chữ La này tức là đèn sáng thanh tịnh tri kiến. Do trí này đồng với thật tướng của quán tâm đài sen nên mau được thành. Lại khi ngồi thì lưỡi chẳng đụng trên đụng dưới mà để ở giữa. Mắt thanh tịnh như thế mà quán tâm mình, cũng không có tướng năng sở, chỉ đủ nhân duyên nên được thấy như thế. Từ trên Phật bảo Kim Cang Thủ về tướng tới lui, hạnh này từ tâm mà sinh. Tâm vì chiếu sáng nên thấy đạo Như Lai. Hạnh tức là đạo, đạo tức là hạnh và quả báo. Không phải chỉ ta nói như thế, mà các Đức Như Lai ba đời cũng nói như thế không khác. Như trên đã nói chân ngôn phương tiện cho đến tâm xứ này vô cấu thanh tịnh cũng như gương tròn sáng thường hiện tiền. Phải biết đây là lời Phật trước giảng nói về tâm chân thật. Tâm tánh như thế thường ẩn dụ, không có dời đổi, cũng chẳng thể phá hoại, tức là chư Phật Đại Bát Niết-bàn, nên gọi là chân thật. Vì môn chữ La thanh tịnh được tâm này nên sinh ra ánh sáng trí tuệ chân thật, cho nên thấy chỗ thực hành của Phật xưa, gọi là bí mật tạng chân ngôn. Khi người tu thấy đạo chân ngôn thì thức cũng phát sáng. Thức tức sáu thức, như trong Tiểu thừa nói ý thức chỉ là tên khác. Đại thừa thì có tướng khác, tức là sáu thức thân chỉ là ba duyên hòa hợp, chẳng thể quyết định biết các pháp. Hay phân biệt là tâm ấy. Vì tâm tịnh nên sáu thức cũng đều sáng suốt. Cũng như đại bảo châu thể tánh thường thanh tịnh mà chẳng bị trần cấu sáu nhiễm. Nếu người oánh dã thì tạm bỏ bụi nhỏ mà chuyển sang, liền sẽ không trở ngại mưa xuống các báu sắc sáng không gì sánh bằng. Chúng sinh sáu thức cũng như thế, vì nguồn

tâm thanh tịnh nên sáu thức đều cũng thuần tịnh. Cái gọi là sáu Tự tại vương tánh thanh tịnh. Người trì hạnh chân ngôn khi thấy tâm tánh như thế là thấy Chánh giác Lưỡng Túc Tôn. Xa lìa tà đảo nên gọi là chánh. Dùng chánh tri kiến này mà hiện biết các pháp, tôn quý trong loài trời, người nên gọi là Lưỡng túc tôn. Vì sao? Vì nếu lìa tâm tánh này liền ở mọi nơi mà thấy Như Lai thì không có việc đó. Người tu khi thấy tâm Phật này tức gọi là Tất-địa đệ nhất thành tựu. Đó gọi là được thường thân bậc nhất.

Tất-địa có nhiều thứ, hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian, hoặc vô lượng khác nhau. Nay thành tựu này tức là xuất thế gian thành tựu đệ nhất gọi là thành tựu Thường thân đệ nhất. Thường thân này tức là thân Kim cang bất hoại của chư Phật khi thấy thân này tức là thấy câu Như Lai, biết tất cả pháp đều như mười dụ. Chẳng sinh chẳng diệt, tánh thường chẳng sinh. Được trí chân thật này là thấy thật tướng. Tuy nói thế, nhưng người tu cũng chưa thấy biết rốt ráo tâm tánh, lại có phương tiện rõ ràng. Cái gọi là chuyển chữ La thành chữ Lãm, trước ở trong vầng tròn sáng mà quán chữ A để quán tâm. Nay lại chuyển chữ La khiến thành chữ Lãm. Lại như trước hạ thấp xuống học cổ họng chẳng quá cong quá thẳng, lưỡi cũng cao thấp vừa chừng mà quán chữ A trong tâm. Chữ La này là nghĩa tướng. Trên có dấu chấm là Tam-muội Đại không, gọi đó là pháp Vô tướng đệ nhất, các tướng vốn không.

Vì tất cả tướng đều là pháp chẳng bền chắc, vì thể của tướng này chẳng sinh, đồng với đại thông, tức là pháp thật tướng bền chắc. Như thế mà suy tư tất cả câu không tương ưng với lý, tức là câu bất tử. Câu bất tử tức là thân thường trú của chư Phật. Do chữ Lãm này phương tiện lìa tất cả tướng tức là thường thân. Thường thân tức là tất cả pháp không có câu bất tử. Nếu muốn trí năm thông rộng lớn thành Trường thọ Đồng tử như Trì Minh, Tất-địa Minh... Chưa được trì tụng cho đến chẳng thuận theo. Trí thân rộng lớn tức là thân Như Lai, tức là tất cả công đức ba thừa, thấp nhất là các việc năm Thần thông, Trường thọ... Lìa môn chữ Lãm vô tướng là nghĩa không thật có. Vì sao? Vì nếu người tâm đắm trước vào tướng thì sinh trói buộc liền theo nghiệp mà chuyển, không được tự tại. Cho đến Tất-địa thế gian còn chẳng thể được huống chi là năm thông... ư? Năm thông... còn không được lý, huống chi là Như Lai bình đẳng trí thân ư?

Cho nên Phật nói tất cả công đức lợi ích ba thừa thế gian, đều từ trong pháp vô tướng mà được làm nên, như thần thông có nhiều thứ. Nếu người tu dùng tâm lìa tướng không chấp đắm cho đến có thể được

năm thông của Nhị thừa. Nếu lại tu sâu cho đến có thể được năm thông Bồ-tát. Năm thông này tức là dụng tự tại nhập địa Bồ-tát, sánh với thông của Nhị thừa thì như lửa đom đóm so với mặt trời. Trì Minh nghĩa là người trì tụng được khéo thành tựu quả Tất-địa, tức sẽ đi khắp tất cả cõi Phật, mà cúng dường chư Phật thành tựu chúng sinh. Nếu chẳng quán đây mà lìa tất cả tướng là pháp môn vốn xưa nay vắng lặng, thì tiên này cũng chẳng thể được. Đây tức là nhập địa Bồ-tát vậy.

Trường thọ nghĩa là sống lâu tự tại, thường ở thế gian, mà lợi ích chúng sinh, gần gũi chư Phật. Đồng tử nghĩa là sống vô lượng tuổi mà đồng như trẻ mười sáu tuổi, nhan sắc tươi đẹp, cũng gọi là Tiên Trì Minh. Ý kinh nói: Nếu chẳng thuận theo như thế mà lìa tất cả tướng pháp môn thì tiên này còn chẳng thật có, huống chi là rốt ráo pháp thân nghiệp không thể suy nghĩ bàn luận. Trí chân ngôn phát khởi trí chân thật là của báu quý hơn hết của tất cả chư Phật. Vì vào môn chữ Lãm mà lìa tất cả các tướng thì liền thấy Như Lai, tức là Trí Bình Đẳng Đại Tuệ Chân Thật Trí Chân Ngôn như thế là cao quý nhất trong tất cả các pháp. Tất cả chư Phật lấy đây làm tiền của (tư tài). Tư tài là nghĩa thọ dụng, của báu trí như thế vô số mà tự tại thọ dụng, làm các Phật sự, thí khắp cho chúng sinh. Tức là nghĩa đại Trưởng giả của Pháp Hoa, Bồ-tát cứu đời cho đến Nhị thừa, dạo chơi cõi nước, trụ các cõi Phật. Có chỗ giảng nói chỉ bày cũng đều do pháp môn này, cho đến do hạnh này mà được thành tựu đạo Vô thượng. Cho nên kinh nói: Lìa tất cả tướng thì gọi là chư Phật.

(Phẩm Tất-địa thành tựu hết, Như trên Kim Cang Thủ hỏi Phật về tướng tới lui và hạnh quả của chân ngôn, Phật đã đáp xong).

Phẩm 8: CHUYỂN TỰ LUÂN MẠN-ĐỒ-LA HẠNH

Như Lai lại quán sát đại chúng, dùng đại từ bi tu tập nhãn quán sát thế giới chúng sinh. Đại chúng, tức là chúng hội mười cõi Phật như số bụi nhỏ Kim cang. Như Lai từ vô lượng kiếp lâu xa đã tu nhãn đại từ bi mà xem xét thế giới, cũng có ý đoái hoài. Đó gọi là sắp giảng nói phương tiện vi diệu, khiến tất cả thế gian đều được lợi ích lớn. Như thế quán rồi mà vào cam lộ sinh Tam-muội. Như người đời uống chất độc liền chết yểu. Hoặc có gặp cam lộ mà uống thì liền chẳng già chẳng chết, tất cả các bệnh hoạn, khổ nạn đều dứt hết. Thân tâm mát mẻ vui sướng, được chưa từng có. Nay Tam-muội này cũng như thế. Nếu được Văn-tư-tu thì người tu liền được vui xuất thế gian bậc nhất, thọ lượng thường trụ (sống lâu vô số), thành hiện pháp lạc của Như Lai. Xuất định này, lại nói tất cả ba đời vô ngại lực, tức ba đời không thể phá hoại. Minh lực này như thế phá trừ tất cả sự tối tăm của vô minh phiền não, nên gọi là Minh. Nhưng minh và chân ngôn nghĩa có khác nhau. Nếu từ tâm miệng xuất ra thì gọi là Chân ngôn, nếu từ tất cả thân phần nhậm vận sinh ra thì gọi là Minh. Do nghĩa tăng trưởng cho nên dùng tiếng nữ để gọi. Như vua có vị tôn quý nên vợ cũng được tôn trọng, nên nói là Minh phi. Như trên Kim Cang Thủ trước hỏi Phật, Phật liền từ đầu đến cuối đều đáp câu hỏi này. Trong khoảng giữa các lời nói khác đứt quãng. Nay Phật lại đáp ý trước. Như trên nghĩa chữ Lãm đã lược nói xong. Nay y theo trước Phật vì hành giả tu Chân ngôn là muốn khiến cho đầy đủ các duyên, mau được đạo Vô thượng, lại từ cam lộ sinh khởi Tam-muội mà nói Minh phi này.

Già-già-na-tam-mê A-bát-la-để-tam-mê Tát-phược-đát-đa-yết-đa Tam-man-đa-nộ-yết-để Già-gia-na-tam-mê Phược-la-lạc-xoa-nhĩ.

Già-già-na-tam-mê, già-già là hành, lặp lại chữ Hạnh là nói hạnh này không thật có, thì hành mà vô hạnh. Trước là chỉ, kế là phá hoại, nghĩa là pháp vô tướng vô ngại này đối với không thì vô lượng vô ngại không đâu chẳng cùng khắp. Nhưng lại có nghĩa khác. Vì sao? Nếu tất cả pháp này như hư không, tức là không có lỗi, cũng không có công đức. Nay trong đây tuy vô tướng vô ngại cũng như hư không mà đầy đủ tất cả công đức chân thật của Như Lai, không gì chẳng đủ. Cho nên kế nói Cú Nghĩa thứ hai.

Tuy nêu không này để so sánh nhưng có vô lượng vô biên đức lìa tướng, chẳng phải hư không mà dụ được công đức này tức là bằng với Như Lai, là tất cả chỗ đến của Như Lai.

Kế nói Già-già-na-tam-mê, tuy đủ muôn đức mà không có chỗ nói lên đồng với đại không cho nên nói nhắc lại. Trong đây nói năng lực vô ngại là nghĩa không thể phá hoại, cũng là nghĩa vô tướng. Vì vô ngại, vô tướng nên không thể phá hoại. Phật ở trong Tam-muội mà hiện ra Minh phi này, miệng nói tên chân ngôn Đà-la-ni, thân hiện gọi là Minh. Vì thiện nam này và thân Minh phi Như Lai, không có hai cảnh giới. Do năng lực này nên Phật, Bồ-tát được tiếng khen rộng lớn là pháp vô ngại, dứt trừ các khổ, là nói Minh phi này đồng với thân Như Lai. Nếu chẳng ngộ lý này thì không do đâu mà thành Phật. Nếu chứng lý vô tướng, vô ngại tức là đối với pháp mà được tự tại thành tựu Bồ-đề. Vô tướng như thế tức là cảnh giới sâu xa của Như Lai. Chỉ có Phật và Phật mới hiểu rõ, cho nên nói là cảnh giới Phật và Bồ-tát ba đời ở mười phương. Do môn này mà khắp pháp giới Phổ môn thị hiện thành tựu chúng sinh vô cùng tận. Cho nên được tiếng khen rộng lớn ở mười phương, gọi là Đại danh xưng, được pháp vô ngại là vì vô chướng, vô tướng vô quái ngại cho nên dứt tất cả khổ thân, miệng, ý của chúng sinh chân thật chẳng luống dối, đều khiến rốt ráo đến chỗ vui Đại Bồ-đề Vô thượng. Cũng chẳng biết Chân đế nên nói vô minh. Do vô minh tức có các hành mà sinh ra các thứ khổ. Tuy Bồ-tát vào địa vị, nhưng do chưa biết cảnh bí mật sâu xa của Như Lai, tức là vô minh sâu kín cũng lại là khổ, khiến Phật vì họ mà đều khiến cho rốt ráo đến cảnh giới Phật, cho nên nói dứt tất cả khổ. Dứt khổ vô minh tức là giải thoát không thể suy nghĩ bàn luận, chư Phật được vô lượng vô biên công đức hiện pháp lạc. Phi là như người nữ ở đời sinh ra các con để nối dõi không dứt đây là nói có khả năng sinh ra tất cả công đức của tất cả Như lai, cho nên nghĩa là Phi. Khi người tu hạnh chân ngôn tuy có các phương tiện như trên nhưng phải cần có trì Minh phi này, nếu chẳng thể trì thì các đức chẳng đủ.

Lúc đó, Tỳ-lô-giá-na chư Phật nghĩ đến ta từ đầu chẳng sinh năng lực Chấp Kim Cang nên bảo Thượng Thủ Chấp Kim Cang rằng: Như Lai từ cam lộ sinh khởi Tam-muội rồi liền nghĩ ta xưa chẳng sinh tất cả thân Phật, do chẳng sinh nên liền cùng chư Phật không có hai thể, cho nên giữ gốc như thế, chẳng sinh chữ A, gia trì tự thân và Chấp Kim Cang mà bảo, vì chẳng sinh năng lực gia trì. Nghĩ đoạn, phương tiện bảo Thượng thủ các Kim cang. Thượng thủ chẳng phải Bí Mật Chủ, tất cả đều vào tự môn A, tức là vô ngôn thể chủ mà thôi. Các Chấp Kim Cang ở mười cõi Phật đều là Thượng thủ. Này thiện nam lắng nghe: Tự luân chuyển gọi Mạn-đồ-la hạnh, trong phẩm nói rộng Bồ-tát tu hành môn Chân ngôn, làm Phật sự mà trụ trước. Luân, nghĩa là tự môn A,

trong một chữ này mà vào tất cả chữ, vào một chữ này thì xoay vần tất cả pháp đều vô ngại. Như bánh xe ở đời chẳng lăn thì thôi, lăn thì lăn mãi vô cùng tận. Tìm đầu đuôi đều chẳng thể biết, nên gọi là luân. Lại như bánh xe ở thế gian nếu khi quay thì sẽ cắt đứt tất cả loài cây cỏ. Tùy rễ thân, cành lá, gặp bánh xe này thì đều bị phá hết. Vì sao? Vì dùng dao bén nhọn. Tự luân A này cũng giống như thế, dứt trừ tất cả vô minh phiền não, tùy chỗ nó nghe mà phá dẹp hết, Mạn-đồ-la là nghĩa thanh tịnh. Sau sẽ giải thích. Phẩm Quảng là nghĩa trong đó trùm khắp tất cả chỗ, phẩm chỉ là tên của một phần. Nghĩa của quảng như bánh xe, không chỗ cùng tận, nhưng một phần kinh này cũng chẳng lìa luân này, nên lấy đó làm tên. Các phẩm đều nói quảng là y theo đây.

Bản chẳng sinh tức là A tự luân. Vào luân này tức là cùng chư Phật đồng thể không hai, Phật vì thành tựu tu chân ngôn làm Bồ-tát, muốn nói A tự luân này mà trước khen công đức. Nếu được luân này thì khiến cho các Bồ-tát Phổ môn thị hiện, vì tất cả chúng sinh rất mừng thấy thân trụ khắp ở trước mà hóa độ, dùng nhân duyên lớn mà làm Phật sự cho nên trụ ở trước.

Bấy giờ, Chấp Kim Cang đảnh lễ Phật, Kim cang đi quanh tương ưng, đến ngồi dưới tòa Kim cang mà khen Phật. Bồ-tát này trên chày Kim cang có đài hoa sen, do đó mà ngồi. Kim cang tức là Trí ấn của chư Phật. Trí ấn của Đức Phật này là đài Đại Mạn-đồ-la có chỗ biểu thị. Như ném Kim Cang Tuệ trên hư không rồi trở về đất. Bồ-tát này cũng như thế. Nghe Phật lại nói về chữ Tăng thì vui mừng hớn hở, tứcthì đài này ở trên Kim cang mà quay vòng vô lượng, từ chỗ ngồi bước xuống đảnh lễ Phật. Khi bước xuống thì ném gậy lên hư không mà quay về, giống như thế nên gọi tương ưng. Đây cũng là biểu thị cho trí Phật vô ngại. Vì nghe pháp cung kính nên xuống đất mà kính lễ. Quy mạng tâm Bồ-đề tức là quy mạng tất cả tâm chúng sinh, quy mạng thì tâm Bồ-đề phát sinh. Lại đảnh lễ thì phát sinh tâm này, cúi đầu hành thể Ba-la-mật, kế quy kính thể của hạnh chân ngôn. Hành thể tức là đất ấy và Ba-la-mật. Kính lễ tạo tác, trước vì tất cả chúng sinh tuy có tâm Bồ-đề này mà chẳng thể tự biết, nên quy mạng cổ tích phát tâm thành quả chuyển sang hiển bày chúng sinh. Vì nghĩ ân lớn nên lại lễ bái. Nói nhắc lại quy mạng đảnh lễ là nghĩa này giống nhiều mà khác ít. Nói nhắc lại là vì rất cung kính cho nên như thế. Như ở đây, khen ngợi Phật xong lại thỉnh. Như người đời nuôi tằm có lợi nên khéo nuôi.

Ở đây cũng giống như thế, vì thỉnh Phật lại nói nghĩa sâu, vì tự lợi, lợi tha nên trước khen ngợi Phật. Không chứng, tức là chứng pháp bình

đẳng vô ngại vô tướng. Bạch Phật Thế Tôn cúi mong giảng nói: Thương xót con và tất cả chúng sinh. Pháp vương là đối với pháp tự tại nên gọi là Pháp vương, nguyện thương xót con hộ niệm con, làm lợi chúng sinh, là Pháp vương thương xót ta, hộ niệm ta, vì chúng sinh làm lợi ích như nói tu hạnh chân ngôn khiến được đầy đủ. Nguyện Phật lại nói A tự luân. Viên mãn là tùy hạnh thượng trung hạ mà tùy tánh phần đều được lợi ích, đều sẽ thành tựu diệu quả.

Kế là Phật bảo Bí Mật Chủ rằng: Thuở xưa, ta đối với các Phật tối thắng là chỗ nương tựa xưng hiệu của thế gian, khi sắp nói Bí Tạng thì trước khen đức vì pháp này khó tin. Như sắp nói Pháp Hoa thì cũng đồng khen ngợi. Bổn sơ tức là nghĩa thọ lượng (tuổi thọ). Chỗ thế gian nương tựa, là như tất cả cây cối đều phải nương vào đất mà được lớn lên, lại như người đi buôn nương người dẫn đường ra biển, phải nương người lái thuyền, người bệnh không phải nương thầy thuốc.

Ở đây có nhiều môn phải nói: Nay Phật cũng như thế, là chỗ nương cho tất cả. Nhưng lại có ý sâu là tuy nói tự khen mà chính là có ý nói pháp. Như Phạm âm nói ta, tức trong đó có tiếng A, tức nghĩa vốn chẳng sinh. Đây là thể Thường trụ chẳng sinh, tức là chỗ nương của tất cả. Xưng hiệu, là ta biết đây chẳng sinh, nên tất cả người đời tôn xưng là Phật. Chẳng phải trong Pháp giới Bình Đẳng có tên gọi như thế. Nói pháp không thể so sánh. Trong không so sánh này thì chỗ nói của ngoại đạo đều có pháp hơn, cho nên nói có so sánh. Phàm tất cả ai chẳng hiểu pháp nội chứng bí mật thì đều gọi là ngoại đạo. Do Phật nói pháp không thể sánh bằng huống chi có dụ, nên nói cũng không so sánh được. Lại trong ngã có chữ A, vốn vắng lặng không có gì trên trong chữ Bổn này có âm thanh A, là nghĩa bất sinh. Vì chẳng sinh nên chẳng diệt. Cho nên xưa nay vốn vắng lặng, pháp này vi diệu bậc nhất không có gì hơn. Làm vắng lặng các căn, nên sáu căn luôn thanh tịnh, các điều ác dứt hẳn nên gọi là tịch. Chữ A này là tất cả tâm Phật. Nay trong kệ Phật nói chữ A này, tức là nói trong pháp tự chứng, trong tất cả lời ý tuy có chỗ nói nhưng trong cảnh nội chứng này không thể hiểu (biết), vì pháp tự chứng chẳng thể nói. Phật tuy tự khen tốt cũng tức là khen ngợi chữ A này. Vì chữ này từ xưa nay là chỗ nương tựa của thế gian. Nay nói pháp tự chứng này không phải là cảnh giới Nhị thừa, ngoại đạo.

Đối với pháp ấy không thể ví dụ so sánh, nên gọi là không sánh. Như ai uống nước thì lạnh nóng tự biết còn chẳng thể nói với người chẳng uống, huống chi cảnh giới Như Lai ư? Nhưng có sức gia trì của Phật thì có thể nói pháp không thể nói, không thể nói này khiến Kim

Cang Tạng... đều biết được, việc này rất hy hữu. Nhờ sức gia trì nên Chấp Kim Cang và các Bồ-tát, tòa Bồ-đề của Phật thắng nguyện hiển bày. Nghĩa là Phật nói kệ này xong thì được dùng thần lực mà gia trì. Bấy giờ, các Bồ-tát Kim cang liền có thể hiện tòa Bồ-đề. Toà này là chỉ nói theo ý thế gian, chỉ là chỗ ngồi mà thôi. Song phương Tây gọi tòa này là Mãn-trà. Mãn-trà nghĩa là bền chắc, bất động, lại có nghĩa là không sánh bằng, là cùng khắp pháp giới. Nay hiện tòa Bồ-đề này cũng như bơ hiện trong lạc, các vị cùng ở một chỗ mà chẳng trái nhau, vì gia trì nên hiển hiện. Tòa này tức là chỗ trang nghiêm công đức của Như Lai, chỗ thành tựu vô lượng đại nguyện, tức đồng với thân Phật. Hiện khắp trong tất cả thế giới chúng sinh mà làm Phật sự. Cho nên nói là thắng nguyện. Phật hư không như vô hý luận, cùng hạnh không hai, tương ưng với lý. Thành tựu nghiệp ấy: tức là tòa này, cũng như hư không lìa tất cả phân biệt. Tuy các Bồ-tát tu hành các thứ phương tiện như thế, nhưng cũng không hai không khác. Chẳng lìa diệu lý như thế. Cho nên nói lý tương ưng, như làm mà không làm tức là họ được quả cũng giống như thế, tức đồng với tòa ấy không hai không khác. Thành tựu: là Tất-địa mà người tu hành thành tựu. Vào thời Phật, các chi phần thân cũng đều xuất hiện chữ ấy. Ở tất cả thế gian và xuất thế gian Thanh văn, Duyên giác đều tịnh lực và quán. Tất-địa thành tựu mà khuyên tu, nghĩa là khắp thân phần Phật. Thân phần Phật đều hiện chân ngôn chữ A này. Tự môn A này tức là tuệ mạng định quán của Nhị thừa thế gian và xuất thế gian. Như một chữ Thọ, các thọ cùng hạt giống, đồng mạng sống, đồng chỗ nương, đồng cứu độ, đồng hiện tức là như tất chỗ làm diệu nghiệp thế gian và xuất thế gian. Chữ A tức là mạng sống. Như người nếu không mạng căn thì tất cả mọi việc đều bỏ. Tất cả công đức định tuệ thế gian và xuất thế gian cũng thế. Nếu lìa tự môn A tức chẳng được tăng ích thành tựu. Như người chết kia không làm gì được. Lại chữ A là tiếng mở miệng. Nếu không có tiếng A thì chẳng mở miệng. Miệng nếu chẳng mở thì tất cả chữ đều không. Cho nên chữ A là hạt giống của tất cả chữ. Phải biết tất cả muôn hạnh cũng thế. Vì tự môn A cùng làm chủng trí. Nếu lìa chữ A thì cũng không thành, chỗ đồng nương cậy, là như chúng sinh nếu không có đất đai thì không có chỗ ở. Tự môn A này cũng như thế. Nếu lìa chữ A thì không có chỗ nương, cứu độ cũng đồng, là phải biết tự môn A này tức là sự cứu hộ lớn của tất cả thế gian. Sau rốt nói hiện, là như Phật vì Bồ-tát đại chúng mà hiện tòa Kim cang, đây là tất cả thắng nghĩa đều hiện ra.

Kế là nói môn chân ngôn này, tức là Nam-mô Tam Mạn-đa Phật-

đà-nẩm. Này này người Thiện nam! Chân ngôn này chư Phật mười phương đồng dùng pháp thân mà gia trì những người có tu hành thì do chân ngôn này có thể làm các Phật sự, cho đến khắp hiện sắc thân, vì tất cả chúng sinh trong thế giới mà mở bày trí tuệ Phật, như Phật hay làm việc ấy. Tự môn A này cũng có thể làm như thế. Đối với kia đây tức đồng với tất cả thân Phật. Tự môn A chuyển tất cả pháp là do chuyển chữ A này thành các thứ công đức, từ tự môn A này tu hành mà chuyển. Cho nên Bồ-tát Bí Mật Chủ Chân Ngôn Môn muốn thấy chư Phật, muốn cúng dường, muốn chứng phát tâm Bồ-đề, muốn cùng các Bồ-tát đồng hội, muốn lợi ích chúng sinh, muốn cầu Tất-địa, muốn cầu trí Nhất thiết trí. Đây là siêng tu tâm chư Phật. Phật nói: Như các việc đã nêu trên, nếu ông muốn cầu thì không có cách nào khác, chỉ phải siêng tu tự môn A này.

Bấy giờ, Phật Tỳ-lô-giá-na trong Đại Bi Thai Tạng này sinh ra Mạn-đồ-la vương, đặt bày các vị Bổn tôn, nói pháp định Tam-muội thần thông chân ngôn hạnh không thể suy nghĩ bàn luận, như trước đã nói rộng về đặt bày vị Mạn-đồ-la. Nay sao lại nói: Ở đây có nhiều nghĩa. Vì muốn lại khai phát một loại chúng sinh nên khiến trước đã nghe lại càng biết rõ. Trước tuy nói các địa vị, nhưng chưa cùng khắp. Nay lại nói không để thiếu sót. Lại trước chỉ nói tên, do chưa nói nhiều về hình trạng, nay lại nói cho thật đầy đủ. Vì sao chẳng cùng nói, mà lại phân tách chỗ này mà nói? Ở đây cũng có ý, cho đến pháp rất an lạc. Cũng chẳng đốn thuyết, là vì muốn cho phát tâm trân trọng mà dần dần khai đạo. Kế lại nếu chỉ dùng tranh vẽ tôn dung để làm chân thật. Thì như họa sĩ kia cũng có thể thành tựu công đức A-xà-lê. Nhưng chẳng những chỉ vẽ tranh mà được thành hạnh chân ngôn ấy. Cần phải mỗi việc tương ưng với Tam-muội thần thông, mới gọi là hạnh không thể suy nghĩ bàn luận. Nay Phật muốn mở bày cho họ nên nói các pháp Tam-muội... Nghĩa là tương ưng mà với Tam-muội thần thông nói. A-xà-lê Nhất thiết trí trụ vào tự môn A lễ tất cả Phật. Như trên đã nói trong tâm làm chữ A và mắt làm chữ La như phẩm trước đã nói. Nay muốn làm đàn trước phải trụ vào Tam-muội này khiến tương ưng với lý, lấy trí tương ưng mà vận khắp quy lượng. Hễ hợp với dây thì sẽ khiến được chỗ chẳng được quá chậm. Nếu chẳng điều hòa thì khiến thầy và đệ tử có nhiều bệnh bị chướng nhiễu, nếu dùng dứt bặt thì cũng khiến hao tổn. Kế là phải biết nơi chốn. Do đó trước nói phải xét định phương hướng các mặt. Nếu đệ tử khi tu có lầm lỗi gì hoặc bảo Đông là Tây, tức là làm chướng chỗ.

Kế là lễ tất cả Phật, tức là lễ thể chân ngôn chữ A. Thầy lễ rồi ở Đàn mà chọn đất tốn xoay mặt về hướng Bắc, học trò ở các phương phải xoay mặt về Nam, dẫn sợi dây đối nhau. Kế thầy dẫn dây chuyển hướng Càn Duy quay về Đông, đệ tử quay mình hướng về Tây. Kế đệ tử quay hữu đến khôn duy hướng về Bắc, thầy quay mình hướng về Nam.

Kế là thầy quay hữu lại về đất tốn, hướng về Tây, đệ tử quay mình hướng về Đông. Tức bốn phương vị đã xong. Kế là đệ tử lại Càn Địa Duy mà hướng về Tốn, Thầy cùng đối ngang, tức là định Càn Tốn Ngung xong. Hễ định bốn phương thì phải như trước mà xét kỹ, không được dời đổi. Nếu định bốn góc trung tâm mười chữ giới, thì chỉ lại quay hữu, chẳng để hại ngại liền được. Làm như thế rồi. A-xà-lê lại ở trong Du-già, chuyển (đổi) trung tâm chữ A thành chữ Phược, như trước đã bố trí chữ La... phương tiện chẳng khác trước, chỉ đổi trung tâm chữ A liền thành thân Kim Cang Tát-đỏa. Cũng lại quán tưởng thân mình tức đồng với thân ấy mà chấp trì Như Lai Trí Ấn. Tuy đổi chữ A thành chữ Phược nhưng cũng chẳng lìa nhau. Vì sao? Vì chẳng sinh, tức là xưa nay không có ràng buộc với thể của môn khác. Như trên dẫn dây cũng chưa đến Địa bính. Đã thực hành quán này tức cùng đệ tử liền vào trong Trung Thai. Lại như trên dẫn dây y theo thứ lớp trước. Ở Trung Thai mà định ra phương sở như trên, không có tương ưng hình, Như Lai hình, không tánh hình, chuyển tương thích (giải thích cho nhau). Khen không hai hình này tức là Như Lai hình. Như Lai hình tức là tánh không hình. Chỗ nói, trước dẫn tuyến đương tâm thầy và trò đối nhau, dẫn thọ bốn phương và bốn góc mười chữ đạo. Chỉ vì buộc Ấn Trì mà chưa xuống. Phải biết Thời Định như thế. Trên đầu tưởng chữ A khắp thân. Nhưng Đại Nhật Như Lai vào Đại Bi Tàng sinh ra Tam-muội, thì Đại Bi Tàng Tam-muội này đâu có khác với phẩm Đại Bi Thai Tạng Mạn-đồ-la ở trước, chánh nghĩa là Đàn trước các phương chưa đủ, sắc tượng cũng chưa đủ, cho nên lại nói. Kế định phương xong, lại tưởng chữ Phược như trên nói ở khắp thân mình. Tưởng thân mình đồng với hình Chấp Kim Cang, vào ở trong thai như trước đã dẫn. Tuyến định ra phương sở biến, tức là ở phương dưới. Giả khiến trung thai vuông sáu thước, lượng phân nửa là ba thước, tức là lượng rộng hẹp Đệ nhất viện ở ngoài thai. Phân ba thước này làm ba lớp: Một là hành đạo, hai là chỗ để vật cúng dường, ba là chỗ các tôn vị ngồi, bốn là duyên ngoài, kế là trong ba thước này mà đều khiến được chỗ. Đương khi cúng dường thì thầy phải vận tâm tất cả đến hội này song không có về chỗ ngồi, là đều ở trong duyên ngoài này mà cúng dường.

Kế tách viện thứ hai, ba thước lấy phân nửa là một thước rưỡi, ba lớp viện lượng cũng ở trong đó mà để đều bốn đạo như trên. Kế lại lấy phân nửa của một thước rưỡi, tức là bảy tấc rưỡi phần làm ngoại viện lượng. Cũng ở trong bảy tấc rưỡi mà để đều bốn đạo để được chỗ. Thai thứ một ngoài cửa miệng tức có liên quan với chỗ hành đạo, sẽ lấy chút xíu chỗ dụng của môn vị ấy các thứ khác chung thành xứ. Ba lớp ngoài cửa nếu có đất rộng thì mặc tình làm lớn, dầu có chiếm nhiều đất cũng không hại gì.

Trước ở Mạn-đồ-la có nói: Trong viện thứ hai thờ Phật Thích-ca, trong viện thứ ba thờ Văn-thù-sư-lợi, văn này cùng đổi nhau. Do trước định trong thai xong thì đến viện thứ ba mà định, nên nói thứ hai mà chẳng phải là thứ hai, ắt là lớp thứ ba. Nay trong đây tự có thành văn. Văn-thù ở lớp thứ hai, Đức Thích-ca ở lớp thứ ba. Tưởng chữ A định ở ngoài viện. Kế tưởng chữ Phược mà làm Trung thai. Kế làm (ở) viện thứ hai mà tưởng Văn-thù hoặc tưởng chữ Phược ở khắp thân mình cũng như trước. Kế ở viện thứ ba phải tưởng Phật Thích-ca hoặc tưởng chữ Bà. Trong kinh theo Định Tuyến Vị đã nói, đến định sắc trở xuống lại hiểu, nguyên do chưa rõ nên chưa nghi.

Kinh nói: Lại nữa, Tỳ-lô-giá-na gia trì ấn ấy ở quảng pháp giới theo niệm trở xuống nghĩa là khi thải sắc ở dưới thì A-xà-lê phải tưởng Tỳ-lô-giá-na Như Lai hoặc ấn kia. Ấn này tức là Ấn Quảng Đại Pháp giới. Tưởng như thế rồi hạ sắc trắng. Bấy giờ, A-xà-lê tự tưởng thân mình tức là pháp giới thể của pháp giới trắng sáng vô nhiễm. Như thế khi tưởng niệm không phải ngay thân ta như thế mà tất cả hữu tình cũng thế, tức là trừ sạch đồng với Như Lai cũng như lìa tất cả lỗi là thân mình đồng với Như Lai tức là màu trắng. Trắng là pháp thể lìa tất cả lỗi. Nhưng nói rằng tất cả hữu tình đều đồng với diệu pháp giới nhiệm mầu, phải do pháp nào mà được. Song đây đều là phương tiện nghĩa là môn chữ La. Khi vào chữ này thì sẽ khiến thân mình và đệ tử cho đến tất cả chúng sinh rốt ráo đều được thân pháp giới Như Lai mà lìa hẳn các lỗi. Cho nên kế là nói tưởng chữ La. Chữ này màu trắng như xa cừ. Sư nói trong đây có chữ A có chữ Phược, cho nên chữ La màu trắng tưởng chữ sáng rỡ, ánh sáng lặng lẽ tuôn ra như sữa do thanh tịnh này mà thành sắc vô cấu, lìa tất cả lỗi và hoa quân-đà, hoặc như sắc trăng sáng, lửa chữ ấy cũng sáng trắng, lặng lẽ điềm tịnh mà tỏa sáng rực rỡ. Khi tưởng như thế lại tụng chữ La một trăm biến, hoặc một ngàn biến mới xuống sắc. Sắc pháp gia trì trước phải đối với sắc mà tưởng chữ, chữ thành rồi mới chuyển thành Phật.

Ở đây có hai thứ: Một là A-lợi-trà, là nắm tay trái lại để trên ngực duỗi thẳng ngón trỏ. Tay phải như đánh vật, chân trái hướng ra trước, chân phải cách ba thước mà kéo dài ra . Trắng đỏ vàng xanh đều dùng, phải tưởng hình Phật mà bắt ấn này. Hễ kiết ấn thì có hai oai nghi. Nếu đứng mà làm ấn thí phải thực hành oai nghi này. Bốn Phật làm có hình dáng vắng lặng dùng ấn này. Hai là hạ sắc đỏ phải ghi nhớ là nói A-xà-lê phải xét kỹ. Khi sắp hạ màu đỏ phải tưởng chữ. Chữ này chiếu sáng như sắc mặt trời mới mọc, hoặc đỏ, hoặc vàng, đây là màu đỏ và vàng lẫn lộn. Ánh sáng này chiếu rực rỡ chữ này tức là chữ Phật Bảo Tràng. Đây là Phật trên hết không gì so sánh bằng) không thể hàng phục. Lại tưởng thân mình đồng với chư Phật. Chữ La màu đỏ có dấu chấm, còn các phương tiện khác thì y theo trước.

■

ĐẠI TỲ LÔ GIÁ NA THÀNH PHẬT KINH SỚ

QUYỂN 13

Phẩm 8: CHUYỂN TỰ LUÂN MẠN-ĐỒ-LA HẠNH (Tiếp theo)

Kế dưới khi màu vàng thường tưởng chữ ca làm màu vàng ròng, ánh sáng cũng vàng, đó là màu vàng của Phật Mâu-ni. Ca nghĩa là tạo nghiệp. Vì Vô tác nên lìa hẳn các lỗi. Trụ vào Tam-muội này hại các ánh sáng độc chiếu soi tất cả. Phải nhập định y giáo, kế dưới là khi màu xanh thì phải tưởng chữ Ma suy nghĩ trên chữ Ma, nghĩa là ở trên màu xanh mà tưởng, tức là nghĩa vượt sinh tử là Thích-ca Mâu-ni. Phật này ngồi tòa Đại Bồ-đề. Tất cả Phật đều dùng chữ này dứt trừ sự sợ hãi của chúng sinh mà hàng phục các ma quân.

Chữ này như cầu vồng, bên ngoài có màu hoa sen xanh. Tây Trúc gọi cầu vồng là cung điện của Đế-thích, ánh sáng nó cũng thế. Các phương tiện khác như trước.

Kế dưới là khi hạ sắc đen thì tưởng chữ Ha như khi lửa lớn ở kiếp tai, vì lửa quá mạnh nên có màu tím đen. Ánh sáng chữ này cũng như thế. Đây là A-súc Như Lai, Phật ấy dùng đại Từ bi che chở tất cả để hàng phục dứt trừ các chướng mà làm hình Tỳ-câu-chi giận dữ, gồm có các ấn để dứt bỏ các chướng. Tỳ-câu-chi nhíu mày như trước nói, còn các phương tiện khác thì như trước đoạn này nên đặt ở trước. Tôn (vị) này gọi là Bát-la-để-lý-trà, là tiếng Phạm. Ấn này đưa tay trái lên, duỗi chân trái, co chân phải. Đây là hàng phục thông thường. Có hình tướng Kim cang giận dữ, chẳng cần làm hình Phật. Hai tôn này chung cho các Ấn dùng thân.

Kế là Kim Cang Hữu Tình, Kim Cang Chấp Ngã mà gia trì. Ấn ấy hoặc chữ Phược, hoặc đặt bên trong Trung Thai Mạn-đồ-la. Muốn làm thì bảo thầy trước định ra tuyến đạo xong. Khi muốn vào Trung Thai, thì tự gia trì thành Kim Cang Thủ. Nhưng thầy dùng chữ A làm thân mình, tức đồng với Phật Tỳ-lô-giá-na, chẳng có việc tự làm, cho nên chuyển thành thân Bồ-tát Chấp Kim Cang. Vì chữ A vốn chẳng sinh, cùng chữ

Phược chẳng lìa nhau nên được chuyển dùng. Như thế Mạn-đồ-la thứ hai cũng vốn tịch ngã gia trì lực không hai tương ưng, hình Phật không tánh. Kế lại khen đức chữ Phược, dùng nghĩa chữ A mà vào trong nên cũng vắng lặng, tức là nghĩa vốn chẳng sinh. Không có hai tương ưng chư phước tức là chữ A, không hai không phân, lý thường tương ưng, vốn vì vắng lặng. Hình Như Lai cũng không, không cả tự tánh. Kế hai phân Thiên vị, bỏ ngoài Mạn-đồ-la ba phần viên giới đạo xả bỏ, đông diện tuyến thân đẳng, nghĩa là mỗi viện đều có ba lớp, bỏ lớp thứ nhất thứ hai, ở viện thứ ba mà đặt thần vị. Kế bỏ viện thứ hai, ở viện thứ ba mà hạ sắc. Từ trên phải ở trước năm sắc. Nghĩa cũng chưa rõ nên hỏi lại.

Bấy giờ, Phật Tỳ-lô-giá-na xuất định, trụ trong Vô Lượng Thắng Tam-muội đương ở trong định Nhất thiết biến vô năng hại lực. Minh Phi Nhất Thiết Như Lai Cảnh Giới Sinh mà nói. Như Lai trước trụ vào cam lộ sinh Tam-muội mà nói pháp môn ở trên đã xong. Nghĩa xa muốn đầy đủ tu chân ngôn, các phương tiện Bồ-tát khiến cho đầy đủ. Lại xuất định, lại nhập vào Tam-muội Vô Lượng Thắng. Tam-muội Vô Lượng Thắng. Vô Lượng Thắng nghĩa là không thể hại vì trụ Tam-muội Vô Lượng Thắng nên chiêu cảm phát sinh khởi Minh phi này. Minh phi này gọi là Nhất Thiết Như Lai Cảnh Giới Sinh, tức là cảnh giới Phật các chân ngôn hạnh Bồ-tát. Do đây mà nói tức là đồng cảnh giới Như Lai, cũng sinh cảnh giới không thể suy nghĩ bàn luận như thế. Do nhập vào cảnh giới Phật nên công đức làm được cũng đồng với Như Lai. Biến Nhất thiết vô năng hại lực (năng lực cùng khắp tất cả không thể hại), không thể hại tức là không có chướng ngại, không phải biến thẳng ở cảnh giới Như Lai, cũng trùm khắp tất cả cảnh giới Thanh văn, Duyên giác cho đến người mới phát tâm đầu tiên, chỉ nên tu hạnh Minh phi này, cũng tức là vào cảnh giới Như Lai. Nam-mô tát-phược-đát-tha yết đa, là quy mạng tất cả Như Lai, cũng nhờ các Như Lai sinh, cho nên chẳng phải một. Vì chẳng phải một nên nói đẳng (v.v...)

Tát-phược-mục-khư-tệ-dã, là tất cả chư Phật xem là Thủ vọng. A Ta Nhị Vô Đẳng, vì từ tất cả cảnh giới Như Lai sinh ra cho nên vô đẳng. Lại trong giải thích theo bí mật thì, chữ A tức là bản thân Phật. Tam-mê là đẳng, đẳng đồng chư Phật tức là đồng với thể chữ A, Bát-la-nhị. Theo giải thích theo bí mật thì chữ Bát này là Đệ nhất nghĩa đế, do chữ A trên đồng với thể của tất cả Như Lai tức là Đệ nhất nghĩa đế đồng với Như Lai. A-giá-lê (là bất động, đồng với Đệ nhất nghĩa đế). Già-gia-nhĩ (là không). Tát-ma La-nhĩ-giả (là tầm niệm). Tát-phược-đát-la Nô-yết-để

(là đến khắp). Ta-phược-ha (Ta-phược là tự, Ha là bản).

Giật tỉnh chư Phật khiến nhớ lại bản thệ nguyện Như Lai khi xưa, lập quyết định đại nguyện như thế, tu hạnh chân ngôn này, đều như chỗ kiến lập mà khiến tròn sở nguyện. Nay ta tu hành như thế mà giật tỉnh chư Phật phải nghĩ nhớ thệ nguyện nhiều kiếp. Kế là pháp điều hòa màu sắc. Đảnh lễ Phật, Bát-nhã Ba-la-mật-đa, tụng Minh phi này tám biến. Nghĩa là điều hòa màu sắc khi vẽ tượng Như Lai Bổn Chân kia, trước phải đọc tụng kinh Đại Bát-nhã và cung kính cúng dường tức là nghĩa đảnh lễ. Hễ khi điều hòa sắc thì phải làm như thế. Lại phải tưởng loại chữ trong sắc ấy, rồi tụng chữ này trăm biến, ngàn biến. Lại tụng Minh phi tám biến. Thầy điều sắc xong, xuất định đi nhiễu xong rồi vào trong, ở trước (đối) đệ tử mà tưởng niệm năng lực đại từ bi, tức là thầy tự làm Kim cang và Tự ấn. Xuất định đi nhiễu Mạn-đồ-la mà phát tâm đại từ, tức là dùng năng lực đại từ bi này mà gia hộ đệ tử xong. A-xà-lê làm thành sự Kim Cang Tát-đỏa gia trì chữ Phược cùng lập nguyện Kim cang... A-xà-lê này dùng Như Lai gia trì và chữ A, tức là Tỳ-lô-giá-na Như Lai. Vì Như Lai làm thành việc chẳng đáng làm. Chữ phược cùng bày nguyện cát tường Kim cang, chính là Văn-thù. Kế hạt giống là chữ Ma tức là điểm không. Dùng gia chữ phược làm chữ ma, lại dùng chữ phược mà gia trì làm Kim Cang Tát-đỏa mà vẽ các tượng. Đương phi làm phải tưởng đồng với thân mình như trên đã nói.

Lại tụng chữ phược này trăm biến hoặc ngàn biến... vẽ Đại Bi Tạng sinh Mạn-đồ-la, khoan thai trong Mạn-đồ-la. Thầy như thế tự gia trì rồi, sau đó khoan thai đứng dậy vào Trung thai, từ từ vận khắp các màu mà làm tượng Tỳ-lô-giá-na, hình tượng ấy ngồi trên tòa hoa sen trắng, lấy tóc làm mão nên chẳng vẽ thêm màu. Dùng lụa cực mịn làm quần, lại dùng lụa mỏng cực mịn làm áo, khiến sắc thịt lộ ra sáng rỡ, thân bằng sắc vàng Diêm-phù, ánh vàng chói lọi. Phật ấy duyên thân đều có ánh sáng hợp nhau làm tóc ở khắp thân. Do đó trong Mạn-đồ-la phải tạo hình Phật này. Vì muốn cho đệ tử mau sinh thắng nguyện và dùng sức gia trì mà thành tựu các Trí thân, nên trước phải tạo lập.

Lại nữa tạo đàn có pháp thượng, trung, hạ. Nếu đệ tử có dồi dào tiền của có khả năng làm rộng lớn thì thầy sẽ làm đàn tượng có nhiều màu sắc để bày thân tướng Ấn của Bổn tôn. Nếu sức chẳng kham mà làm đàn chữ thì phạm tội che dấu Bí pháp. Nếu quán sát tâm đệ tử rất tha thiết, cho đến chẳng tiếc thân mạng còn có thể xả thân mà thờ thầy huống chi có mến tiếc. Nhưng sức tiền của chẳng thể làm mà chịu làm chữ Mạn-đồ-la thì ở chỗ để tượng Phật chỉ vẽ chữ A, tức là thể của Như

Lai. Để chữ A xong. Ở ngoài Trung thai mặt hướng về Đông làm chữ A thật lớn để trên hư không. Lại ở phía Đông bắc đặt thêm chữ Già. Chữ Già này tức là hư không nhãn, đó là mẹ của tất cả Phật và Bồ-tát. Kế là Hỏa phương tất cả Phật, Bồ-tát Chân Đà-ma-ni Ấn để vào chữ. Ở phương Bắc, quán Tự Tại và Di-lặc, là Bồ-tát Nhất Sinh Bổ Xứ ở hiền kiếp được xem là quyến thuộc thì đặt chữ Ta. Ở phương Nam Kim Cang Thủ... thì làm hình, hoặc làm ấn, hoặc làm chữ Phược.

Lại trong để chữ cùng phương vị của đàn trước, nếu không đồng thì phải hỏi. Lại phần vị ấy ba khí xả tất cả Chấp Kim Cang các ấn họa. Hoặc chữ ấy nhiều thì ba khí xả cũng như trước đã giải thích chẳng khác, chữ Ấn làm chữ Hộc. Kế là phương La-sát, Tỳ-lô-giá-na trở đi. Vẽ tôn vị Bất Động ngồi trên tảng đá, tay cầm dao và quyển sách khắp thân có ngọn lửa, tất cả làm chướng ngại là khắc kỳ hoặc chỉ làm ấn ở trên. Hoặc làm chữ gọi là Hàm kế ở gió phương mà làm hàng phục ba cõi thắng, hại tất cả những người làm chướng ngại, đầu có ánh sáng, vẻ mặt giận dữ như dáng vẻ Diêm-ma-la. Màu đen là màu sợ hãi nhất trong các thứ sợ hãi.

Lại khiến cho rất sợ hãi. Phải như thế mà làm hình đáng sợ hãi trong tay cầm Bạt-chiết-la hoặc chỉ vẽ chữ hoặc kế ở bốn phương vẽ làm bốn đại kiết hộ. Ở phương Đông vẽ tượng Vô úy kiết hộ, thân màu vàng, áo trắng, mặt ít (hơi) giận tay cầm gậy. Nếu chỉ đặt ấn hoặc chỉ để chữ, phương Bắc làm tượng hoại chư bố đại hộ, màu trắng, tay phải cầm dao, mặc áo trắng có ánh sáng. Nếu làm Ấn thì chỉ vẽ hình dao, nếu chữ thì để chữ Bác, phương Tây thì làm Nan hàng đại hộ, không ai có khả năng chế phục, cho nên lấy đó làm tên. Thân làm màu hoa vô ưu, mặc áo màu đỏ cũng gần giống màu của thân. Mặt hơi mỉm cười. Trong vầng ánh sáng tròn thì làm dáng xen đại hội chúng, gọi là Tứ phương chúng hội. Ấn chỉ làm ấn dao, chữ thì làm chữ Tác. Phương Nam thì làm Kim cang Vô thắng đại hộ, cũng như Kim cang, lại không có ai hơn, nên lấy đó làm tên.

Lại nữa, Kim cang là tên khác của trời Đế-thích. Nhưng Đại hộ này thế lực lại hơn tướng kia nên lấy làm tên. Thân màu đen, hình trợn mắt giận dữ, áo cũng màu đen hơi giống với màu đen của thân và mặt. Trên đầu chỉ có búi tóc, thân có ánh sáng, tay cầm gậy. Nếu chỉ vẽ ấn thì cũng chỉ để gậy. Chữ thì làm chữ sám, các Đại hộ bên phải để quyến thuộc. Quyến thuộc là Sứ giả, đều ngội trên hoa sen trắng trì chân ngôn. Phải biết như thế mà bày trí.

Kế ra ngoài hướng về viện thứ ba, vẽ hình Phật Thích-ca Mâu-ni

mặc áo ca-sa có ba mươi hai tướng bố thí vô úy cho tất cả chúng sinh. Ấn đó phải để Bát-và ca-sa. Nếu chữ thì làm chữ Bà. Đây là hơn hết, là nghĩa Bí mật hơn hết. Kế ngoài Mạn-đồ-la pháp giới tự tánh gia trì tâm Bồ-đề phát thú, là làm quán pháp giới tự tánh. Pháp giới tức là thân Như Lai, quán thân mình đồng với thân pháp giới của tất cả chư Phật, dùng đây gia trì trụ tâm Bồ-đề. Ba phần vị đó xả ba lần lễ Phật Tỳ-lô-giá-na tầm niệm. Điều sắc như trước, là đặt Phật Thích-ca ngồi kế viện thứ hai, lễ Tỳ-lô-giá-na, như trước nói các phương tiện đồ họa trong sắc. Phương Đông làm hình nguyện Kim Cang Đồng Tử (là tên khác của Văn-thù), tay trái cầm hoa sen xanh, trên để Kim cang, dùng tất cả anh lạc mà trang nghiêm thân dùng lụa mỏng tốt làm quần, dùng lụa quý hơn làm áo. Lại khiến sắc thân trong vầng ánh sáng, thân bằng sắc vàng nghệ, trên đầu có năm búi tóc. Ấn đó chỉ vẽ hoa sen xanh, trên hoa để chày Kim cang. Nếu chữ thì đặt chữ ở bên phải Văn-thù để Bồ-tát Võng Quang, tất cả thân phần đầy đủ, tay trái cầm lưới báu, tay phải cầm móc. Nếu chỉ để ấn thì vẽ ấn hoặc móc, chữ thì chữ Nhiễm.

Phương Nam vẽ Bồ-tát Trừ Nhất Thiết Cái Chướng, màu vàng, mão bằng tóc, tay trái cầm châu Chân Đà-ma-ni, ngồi trên hoa sen. Nếu chỉ bắt ấn thì trên hoa sen có châu ma-ni, nếu chỉ làm chữ thì chữ Ác . Phương Bắc có Bồ-tát Địa Tạng màu như hoa Bát dựng cờ. Ở Tây Trúc có hoa này như màu lật cốc ở cõi này. Hoa bầu cũng như bông lúa rất thơm. Bồ-tát này tay cầm hoa sen, đeo chuỗi anh lạc làm đẹp thân. Nếu bắt ấn thì chỉ để hoa sen. Nếu để chữ thì để chữ Y. Phương Tây, vẽ Bồ-tát Hư Không Tạng cũng lấy chuỗi anh lạc mà trang nghiêm thân. Thân màu trắng mặc áo trắng. Thân có ngọn lửa sáng cầm đao lớn. Làm ấy ấy chỉ vẽ đao lớn. Nếu chỉ để chữ thì để chữ Y lớn.

Nhưng trong đàn này chỗ vị thứ nhỏ còn nhiều, tức nói làm đàn xong, cũng là trên dưới hiện nhau. Khi làm đàn xong, A-xà-lê trước ngồi ngoài cửa trụ vào pháp giới gồm có tâm Bồ-đề. Bản Phạm nói: Kế là trì tụng là trụ pháp giới. Ngã tức là pháp giới tánh trụ tâm Bồ-đề, tâm Bồ-đề này tức là tánh pháp giới. Hướng về phương Đông mà bắt ấn Kim cang. Khi làm Đàn xong, phải ngồi trước đàn mặt quay về hướng Đông mà tưởng đồng với Phật. Phật tức là thể pháp giới. Đã đồng chư Phật, sau đó mới thực hành sự nghiệp độ người. Làm sự Kim cang nghĩa là các việc Kim cang, tức là ấn Tam Cổ-bạt-chiết-la. Hễ nói làm Kim cang thì Ấn tự thân đều làm. Thành Phật cũng thế, sợ phiền chẳng rộng nên nói từng điều một.

Kế là cúng dường hết lòng. Người giới hạnh, phải theo giới cẩn

thận mà làm chớ quên thứ lớp. Bản Phạm nói: Nên kiết ấn Kim cang, kế làm sự nghiệp Kim cang, hết lòng cúng dường, hiện tất cả Phật cứu đời là Tam-muội-da. Lại hiện ấn Tam-muội-da... Ấn Tam-muội-da có rất nhiều thứ nên nói... Cúng dường và thành Phật... đều làm Tam-muội-da, tụng ba biến. Làm sự nhiều chỗ dùng nên là đẳng... do thực hành pháp này tức là dùng đây tùy chỗ làm tâm, biến khắp tất cả chỗ, giặt tỉnh tất cả Như Lai. Do bổn nguyện của Phật, tức đều giặt tỉnh mà làm gia trì. Trước nhớ nghĩ khắp tất cả chỗ, nghĩa là trong Mạn-đồ-la tùy phương diện tất cả các tôn vị vận tâm cùng khắp. Nếu làm sâu tức là Mạn-đồ-la các Tôn-tất-địa mới bày Tam-muội-da.

Kế là ngoài kêu gọi đệ tử giữ gìn cho thanh tịnh. Đệ tử trước ở ngoài cửa mà gọi, thỉnh các tôn pháp, dùng hai sứ giả làm xong, các việc chân ngôn liền được. Nếu tuệ bén nhạy thì mỗi pháp dùng bản ấn Chân Ngôn thỉnh riêng cũng được. Khiến đứng ở gần cửa hướng về đàn. Lại phải dạy họ giữ sạch sẽ đúng pháp. Đây là thỉnh tôn. Kế là kiết giới cho đến phát khiển, đều ở trong pháp cúng dường, y cứ theo dụng liền được. Đã kiết hộ rồi bèn trao cho ba quy y, ba quy y này tức là ấn pháp. Trước ấn hộ thân, kế ấn pháp luân hộ các thân phần. Kế là đủ có một ấn sau sẽ nói. Trước là dùng ấn ấn đảnh, kế là dùng ấn ấn các chi phần. Trên nói Kim Cang Hữu tình. Do ba ấn này tức là trụ tâm Bồ-đề. Khi thực hành ấn pháp giới luân họ phải một lòng làm tự thể, nghĩa là người tu khi vận tâm thực hành pháp giới này, tức đồng quán thân mình đồng với pháp giới. Khi kiết ấn thì đồng với tự thể của ấn ấy. Trên pháp giới tự tánh mà kiết ấn, ấn Pháp luân kia kiết sau. Trước tưởng đệ tử trong tóc có chữ A, sau dùng ấn pháp giới tánh mà ấn. Dùng ấn mà xét, tự tụng chân ngôn ba biến hoặc bảy biến. Kế phải dùng áo lụa che mặt. Thầy phải phát tâm đại Bi thương xót, giúp họ thoát hẳn sinh tử, khai tri kiến Phật.

Lúc đó, đệ tử cũng phải tự phát nguyện thù thắng Vô thượng. Tay bất không làm Bồ-đề tròn đầy. Nghĩa là đệ tử ấy muốn làm cho Vô thượng Bồ-đề mau tròn đầy. Tùy năng lực thượng trung hạ mà chia làm. Tùy chỗ có cúng dường chư Phật Bổn tôn hoặc dâng hoa báu. Lúc đó, thầy muốn cho đệ tử kết hộ. Nói nhỏ vào tai mà dạy, tức khiến trụ tâm Bồ-đề, riêng có chỗ nói. Họ đã phát tâm Bồ-đề, nhất tâm thành kính mà trụ. Thầy tự kiết ấn để trên đầu, sau đó mới tung hoa. Phải nhớ hoa rơi ở chỗ Tôn vị nào ở trước thân Bổn tôn đó, lại có thượng trung hạ, phải trái khác nhau, tùy chỗ rơi mà trao chân ngôn tương ưng ấn. Giáo pháp của đệ tử như thế mà làm Tam-muội-da cho nên cùng tất cả.

Bấy giờ, Chấp Kim Cang Cụ Đức lại hỏi pháp Phật quán đảnh này, mong Phật tự nói, xin Phật tự nói. Thỉnh Phật trụ trong Pháp Giới Tánh Bảo Kim Cang Thủ rằng: Hãy một lòng lắng nghe, ta nói pháp này khiến tu hành, tức ở trong pháp này mà được tự tại, tức là nói khiến được giáo pháp thắng thượng. Tự tại này cũng là nghĩa mau được. Nghĩa tự tại nói trên không giống với nghĩa tự tại có nhiều tiền của. Ta nói tất cả các giáo pháp thuộc về Tối thượng tự tại, nghĩa là tâm có nguyện cầu đều nhiếp lấy, tự tại mãn nguyện. Như ở một nước tự tại làm việc thành. A-xà-lê Như Lai bản tình ý gia trì làm ấn ấy, tùy pháp thượng trung hạ, làm Như Lai hoặc làm hoa sen Kim Cang Bộ... Tùy chủ Đàn làm hình ấy mà thực hành quán đảnh như hình xưa nay gia trì, nghĩa là A-xà-lê lấy tánh Như Lai mà gia trì thân mình. Tánh Như Lai tức là bản thể hoặc dùng ấn ấy, nghĩa là dùng ấn gia trì. Tưởng thân mình dùng chữ A ở khắp chi phần. Chữ A này tức là thể tánh pháp giới. Do trang nghiêm này đồng với thân Phật, mới gọi là đệ tử. Nếu là A-xà-lê được định, hoặc đã được pháp nghiệm, việc làm nhậm vận thành tựu. Nếu chẳng được như thế, phải dùng ấn và tưởng mà làm.

Kế là dẫn đệ tử hướng về Đại Hoa Vương Mạn-đồ-la, bốn báu làm Đại Bồ-tát gia trì vào chiếc bình lớn. Là ở Trung thai bốn Đại Bồ-tát đã gia trì vào bình, vì Bồ-tát Bảo mà dùng trang nghiêm kế làm ấn, sinh ra tất cả chi phần, rót trên đầu đệ tử. Hễ khi quán đảnh (chế nước trên đầu) thì bắt ấn này. Bắt xong rồi thì lấy bình mà rót. Nếu chẳng dùng ấn này thì pháp thức chẳng đủ, khiến đệ tử kia chẳng thể sinh tâm bình đẳng, sẽ có lui sụt. Chẳng khác với không sái hương thủy. Lại khi chưa rót nước trên đầu thì dấu vạch chữ thập trên đầu đệ tử , tưởng thành chữ Ám, trong tâm rất tưởng chữ A. Lại tưởng chữ A ở trên ngực. Cũng có thể tưởng chữ A ở tất cả chỗ dùng. Mão bằng tóc sáng màu vàng ngồi trên hoa sen trắng, nghĩa là tưởng trong tâm đệ tử ấy thành hoa sen trắng nở ra đầy đủ, có Phật Tỳ-lô-giá-na ngồi trên đó, sau mới tưới nước. Kinh nói: Nhân quả, thì Tỳ-lô-giá-na Như Lai. Nếu dùng pháp này mà tưới đầu, tức là đồng với chư Phật mười phương. Rước nước pháp mà trao cho ngôi vị Pháp vương. chẳng phải thế thì chỉ uổng tưới mà thôi, chẳng làm gì được.

Phẩm 9: MẬT ẤN

Bấy giờ, Phật Tỳ-lô-giá-na quán sát các chúng trong Đại hội. Phật đã lược nói nghi pháp quán đảnh xong, sắp muốn nói điều gì nữa, tùy quán sát các Đại hội nhiều như bụi ở các cõi Phật mười phương đều là nhân duyên, nghĩa là sắp nói Mật Ấn Như Lai Trang Nghiêm đồng với Pháp Giới Thú Tiêu Xí. Đồng là nói tất cả Phật lấy đó làm trang nghiêm, được thành thân Pháp giới của Như Lai. Nếu có chúng sinh nào thực hành pháp này, vì dùng ấn gia trì nên cũng đồng với thân pháp giới của Như Lai. Ấn này tức là cờ nêu pháp giới, vì ấn này nêu bày thể của pháp giới, tức gọi là cờ Pháp giới. Chư Phật dùng đó mà trang nghiêm thân này. Ở trong tất cả đại hội mà lập cờ nêu Đại Bồ-tát Vô thượng, chúng ta khiến tám bộ chúng ác tà lìa bỏ lánh đi. Căn tánh tốt là gần gũi vâng theo giáo tu hành. Ông hãy lắng nghe và chú ý kỹ, nay ta sẽ giảng nói. Thế Tôn nay là đúng lúc, Phật nay đúng lúc, hai lời mà một ý. Xưa nói ca-la, là ý nói nay bốn chúng này không có cành lá, thuần là chân thật có khả năng nhận lãnh đại pháp. Như Lai Ứng Cơ mà nói: Chánh là lúc ấy, kế thời Tam-ma-da tức là phần thời gian. Nay đúng lúc nói pháp.

Bấy giờ, Thế Tôn trụ trong Tam-muội Vô hại thân lực là Phật làm tròn nguyện ấy. Lại nhập vào Tam-muội. Đây là thân Như Lai có vô lượng năng lực tự tại nên không thể hại, trụ vào Tam-muội này mà phát ra chân ngôn ba minh, đó gọi là năng lực Vô ngại vô hại vô đẳng. Nhờ Tam-muội-da này mà người học được nghe mà vào Chánh pháp. Nếu chẳng làm thì chẳng hợp vào đàn, cũng chẳng hợp nghe Bí giáo. Nếu tu minh này sẽ được thân tịnh, ngữ tịnh. Chỗ nguyện đầy đủ, hội ở ba thân, nên gọi là ba minh. Ba lực là năng lực ba đời, hoặc năng lực ba bình đẳng. Vô đẳng lực tức là ba năng lực này. Sẽ nói ở sau.

Nam-ma Tam-mạn-đa Phật-đà nam a ta mê đát rị tam mê tam ma duệ. Ta hà. A-ta-mê, bài minh này dùng chữ A làm đầu, tức đồng với pháp thân vô tướng ly tướng của chư Phật. Phải biết pháp thân này là vô dư đẳng tỷ (không gì sánh bằng). Tam-mê là ba thân Phật, nghĩa là Pháp-Báo-Hóa hợp thành một thân mà giáo hóa chúng sinh. Thể cũng đồng với tự môn A. Vô tướng ly tướng cho nên nói đẳng. Tam-muội-da là nghĩa chẳng thể vượt, là Vô đẳng tam đẳng, là chỗ các Như Lai đồng nói. Trụ Tam-muội mà nói Minh vô hại vô đẳng lực này. Do Minh này nên sẽ nhập vào Tam-muội-da. Tam-muội-da này tức là thệ nguyện. Cũng như sắc lệnh, là lời yếu thệ của chư Phật ba đời. Pháp môn này

khó tin, khó vào, khó được nghe. Do pháp chẳng thể gặp cho nên ba đời Phật đồng nói chân ngôn này. Dùng Tam-muội-da này mà che chở, được vào để lắng nghe, tu hành pháp này. Như giáo của tôn vị chẳng được trái. Nếu chẳng nghe thì chẳng được vào, cũng chẳng được nghe. Ta-ha là nghĩa giật tỉnh, đem chân này mà giật tỉnh như khi nói minh thì chư Phật liền cảnh phát mà khởi gia trì người tu. Vì năng lực minh này nên làm tròn đầy các địa khiến người tu được hiện bày ba pháp, nghĩa là thành tựu ba pháp, nghĩa là năng lực chân ngôn và ấn của Bổn tôn, ba pháp giới này liền được thành tựu.

Kế là nói Tướng Ấn Thủ, chẳng vượt ba pháp đạo giới. Giới này là quả kết đại giới không phải Đà độ. Đi trong giới đạo này, nên gọi là chẳng vượt. Nay ở trong đây trước nói mười hai danh tướng chấp tay. Về các pháp ấn, mười hai thứ này rất quan trọng phải ghi nhớ rõ: Cách một, chấp tay một là khiến giữa hai bàn tay phải sát đầu mười ngón hơi rời ra. Đây gọi là cách chấp tay Ninh-vĩ-noa, cách thứ hai là chấp tay hai: Móng mười ngón ngang nhau, đầu ngón hợp lại, trong lòng hai bàn tay hơi bộng gọi là cách chấp tay Tam-bộ-tra, cách thứ ba là chấp tay Bổ-tra, mười đầu ngón tay hợp lại, các ngón tay bằng nhau, trong lòng bàn tay hơi bộng nên tay hơi khum, gọi là cách chấp tay Khúc-mãn-la; cách thứ tư, hai ngón chỉ trời, hai ngón chỉ đất, các ngón kia hơi mở gọi là cách chấp tay Bộc-noa, cách thứ năm là hai bàn tay ngửa ra, đều hướng lên trên mà bày ra, gọi là cách chấp tay Ôt-đa-na-nhã, cách thứ sáu là lại ngửa hai bàn tay ra giống như trước, nhưng các ngón hơi co lại như vốc nước, gọi là cách chấp tay A-đà-la, cách thứ bảy là đầu mười ngón tay tỏa ra, đều lấy ngón tay phải thêm lên trên ngón tay trái, như cách chấp tay Kim cang, tiếng Phạm gọi là Bát-la-noa-ma, cách thứ tám, cũng lấy ngón tay phải thêm lên ngón trái mà lật ngược bàn tay, dùng đầu mười ngón tay có vân, (châu mười đầu ngón tay mặt có vân vào nhau) cũng đặt tay phải lên tay trái, gọi là cách chấp tay Vi-bát-rị-đa, cách thứ chín, lại ngửa tay phải lên, ngửa tay trái đặt sát dưới tay phải, người ngồi thiền hai tay lót vào nhau, gọi là cách chấp tay Tỳ-bát-la-rị-duệ-tát-đa, cách thứ mười, ngửa hai bàn tay, khiến đầu hai ngón giữa đụng nhau mà ngửa ra, gọi là cách chấp tay Đế-rị-duệ, cách thứ mười một, cùng úp xuống hai tay, hai đầu ngón giữa đụng nhau, gọi là cách chấp tay A-đà-la, cách thứ mười hai, cả hai tay cùng úp, hai đầu ngón cái đụng nhau, đầu tám ngón kia hướng ra ngoài, cũng đồng tên gọi như trên.

Nay ấn Tam-muội-da này trước hợp tay tam-bổ-tra, hai ngón cái

đều đứng thẳng, chớ để cho thấp quá hay đại bàng trắc, khiến hai ngón cái hướng lên, cũng có thể ngón út tay trái làm Đàm độ, kế là hướng đầu ngón trỏ lên làm định, ngón út tay phải làm tuệ độ, kế là hướng các đầu ngón lên làm Trí độ. Ấn Tam-muội-da này như người mới tu hành thực hành các pháp lành, nếu trước chẳng làm thì chẳng nên thực hành các pháp, chẳng phải làm ngay đây, cũng phải tung chân ngôn trước. Cách làm là dùng ấn Tam-muội-da để trên đầu, tụng Chân ngôn trước một biến. Đặt ấn ấy ở vai phải, kế để trên vai trái, kế để trên tim, rồi để trên cổ họng. Mỗi khi để thì tụng chú một biến. Tụng năm biến là ấn năm chỗ. Nhưng Chân ngôn này có công đức gì? Chân ngôn này diệt trừ chướng đời trước, làm thanh tịnh thân mình, khiến thân thanh tịnh cho nên ngoại chướng cũng thanh tịnh. Vì ngoại chướng thanh tịnh nên các chướng đều chẳng vào được. Đây tức là Đại Hộ do sự không thể suy nghĩ bàn luận này mà có thể hộ, cho nên phước thêm lớn mà tội tiêu trừ. Chư Phật được giật tỉnh làm tròn sở nguyện. Kế lại Pháp Giới Sinh ra Chân Ngôn rằng: Nam-mô Tam-mạn-đa Phật-đà nẩm đạt ma đà đô tát phược ta phược câu hàm.

Đạt-ma-đà-đô là Pháp giới, Pháp giới là thân Phật. Câu sau nói Ta (ngã). Nói Ta tức là pháp giới, lại người tu này chưa thể nhận được chân tánh ngay, chỉ bắt ấn này mà tụng Chân ngôn, cũng tức thể đồng pháp giới. Ấn ấy dùng hai ngón cái để trong bàn tay, dùng ba ngón Địa Thủy Hỏa (út, áp út, giữa) để trong hai tay đè xuống thành nắm tay (nắm tay lại), đưa thẳng hai ngón trỏ lên. Hợp hai ngón trỏ chỉ thẳng vào ngực mà chuyển, khiến hai ngón tay từ hai bên đầu, chuyển xuống hai má và hai bên cổ, rồi hướng vào kéo xuống, gọi là sơ thụ chỉ, vừa khiến đầu ngón chỉ xuống lưng ngón quay vào trong, ngón tay đưa gần đầu má dần dần chỉ xuống. Dốc lòng mà buông tay ra, hễ tụng Chân ngôn làm ấn dụ như cày hai trâu phải cùng tiến, không được trước sau. Kế lại làm ấn, trước chấp ngược hai tay (lòng bàn tay xoay ra ngoài), kế là các ngón đan tréo nhau, cuối cùng hai ngón cái trụ trong lòng bàn tay. Đây là ấn chuyển pháp luân. Do bắt ấn này khiến cho thân tâm thanh tịnh, hiện đời thấy các Phật mười phương chuyển pháp luân. Chân ngôn là:

Nam-mô Tam-mạn-đa Phật-đà-nẩm phạt-chiết-la-đát-ma-câu-hàm. Chân ngôn này ở trên đã giải thích rồi.

Kế là bắt ấn dao, dao dụ cho trí bén nhạy là nghĩa khiến cho dứt trừ, nghĩa là trừ núi ác kiến, như ngọn núi lớn họa hoạn rất nhiều, phiền não cũng như thế. Nay bắt ấn dao này. Do ấn này co hai ngón trỏ khiến đầu ngón đối nhau, dùng hai ngón cái đè lên, giống như hình chiếc dao

lớn. Chân ngôn ấy là “Nam-mô Tam-mạn-đa Phật-đà nẩm.” Pháp dao lớn không cấu pháp, hiện đời thân kiến dứt hết, sinh tín hiểu Như Lai, không tham pháp sinh. Chân ngôn này là tụng tiếng Phạm ở trong kinh. Ở đây giải thích nghĩa xong. Như trên nói chân ngôn này lấy chữ Ma xưa làm tâm, nghĩa là năm chấm không tự tức là nghĩa cùng khắp tất cả chỗ. Nay trong ý này chính là muốn hại các ngã kiến. Phải biết đao ấn này tức là Đại trí của chư Phật hay cắt đứt các kiến. Vì dao chặt đứt gốc phiền não, liền được pháp vô cấu hiện. Loại thân kiến câu sinh tức là cấu, nay dứt thì cấu hết, tức là dứt tà. Ai chưa dứt lại có thắng pháp. Nghĩa là dứt trừ cấu ấy rồi phải sinh tín hiểu Như Lai. Như Lai tín hiểu là pháp nào, nghĩa là các gốc lành vô tham...

Do đây nên kế sinh chữ Ha, ở trong chữ Ha ấy làm nhân, vì trừ nhân này nên bên cạnh có chấm A dài tức là tất cả pháp vốn chẳng sinh. Dưới có ổ cho nên Tam-muội, trên có chấm là đại không. Bài tụng này khiến cho người tu có đủ ba thân. Vì trong chữ này có ba nghĩa, tức là pháp thân hiện. Tam Tạng nói phương Tây rất dấu kín ấn pháp, khi làm lại rất cung kính. Cốt yếu ở trong Tôn thất và chỗ vắng lặng trong sạch, lại tắm gội thân. Nếu chẳng tắm gội thì trước phải rửa tay sạch, súc miệng, lấy hương thoa tay rồi mới được làm. Lại khi làm phải giữ oai nghi, ngồi kiết già. Chẳng thế thì bị tội, làm cho pháp chẳng được mau thành.

Kế là kiết ấn cát tường Thương khư. Trước chắp tay bộng ở giữa có hai ngón cái, dùng hai ngón trỏ đè lên khiến như hình thương khư làm ấn, rồi để gần miệng mà thổi như thổi loa pháp. Đây là ấn Pháp loa đầy đủ tất cả nguyện tốt lành. Do thực hành ấn này tức đủ tất cả nguyện lành. Tuyên nói: Đại pháp khiến cho mười phương khắp được nghe biết. Đây tức là ấn vắng lặng Niết-bàn. Chân ngôn đó quy mạng đồng như trước. Tát-phạ-đa-ám. Đây là tâm chân ngôn, tất cả pháp xưa nay bất sinh. Trên lại có dấu chấm tức là Đại không trùm khắp tất cả mọi nơi.

Kế là Kim Cang Bất Hoại Tọa Ấn Pháp. Trước dùng hai ngón cái, hai ngón út đối nhau, còn các ngón khác tỏe ra như hoa sen nở. Kinh nói khiến cho giống như hình cái chuông. Kế đổi lấy ngón út và ngón cái dính nhau, sáu ngón kia đều tỏe ra. Trong đó hai ngón trỏ và giữa hợp nhau, ngón áp út đứng riêng. Đây là Liên hoa tọa, cũng gọi là Kim cang tọa, cũng ngồi tòa này mà sinh ra chư Phật. Chư Phật đều do ngồi đây, tức Dự lưu cát tường tọa (cách ngồi cát tường) cho nên gọi là tòa Kim cang bất hoại. Chân ngôn quy mạng giống như trước.

Trên đây là tâm chân ngôn. Chữ A dài làm hạnh, bàn hai chấm

làm Tam-muội vì khiến cho pháp này bền chắc, cho nên sau có dấu chấm. Nhưng làm quyền pháp có bốn thứ:

1. Như thường thực hành nắm tay lại đưa lên, đưa lên một ngón tay.

2. Để ngón cái trong lòng bàn tay rồi nắm lại, gọi là Kim cang quyền.

3. Đan tréo hai tay hợp lại thành nắm tay, khiến mười ngón hiện ra ngoài, đây gọi nắm tay ngón ở ngoài.

4. Mười ngón đan tréo nhau khiến cho đầu mười ngón ở trong lòng bàn tay. Đây gọi là nắm hai tay.

5. Hai tay đều co ngón áp út hướng vào lòng bàn tay, dùng hai ngón trỏ mà dính vào lưng ngón giữa nhưng chẳng hợp nhau. Đó là ấn Kim cang. Do ấn Kim cang này mà phá hoại thành vô trí, tất cả vật chẳng thể phá hoại được nó, Chân ngôn ấy quy mạng như trước, thể chú chỉ có chữ "Hồng" (Hộc).

Kế là ấn Phật Đảnh. Trước là các ngón hướng vào lòng bàn tay nắm lại, rồi duỗi hai ngón giữa ra, dùng hai ngón trỏ đè sau lưng ngón giữa, rồi co hai ngón cái lại. Đại ấn này gọi là Phật Đảnh. Khi kiết ấn này tức đồng với Nhân giả, Nhân giả là Như Lai, nghĩa là bắt ấn này là đồng với thân chư Phật, chân ngôn này cũng là nghĩa Cụ Tam-muội giải thoát, trước là Nhân, sau là quả. Nhân là Hạnh Như Lai, quả tức là Phật.

Kế là ấn Hào Tướng của Như Lai. Lấy tay trí làm thành nắm tay, đưa ra ngón cái, đặt giữa hai đầu chân mày. Bắt ấn này tức là đồng với hào tướng đầy đủ của Như Lai. Chân ngôn quy mạng giống như trước, là tri? là nhân? là sinh. Dùng hạnh bất sinh này làm thanh tịnh tất cả nhân. Xà nghĩa là sinh chẳng thật có.

Kế bắt ấn Như Lai Bát, là tay trái nắm hai góc y, nhưng vẫn hai tay trong nhau khiến tay phải ở trên tuy trái, như tay ngồi thiền, rồi để trên rún hơi co lại, chồng hai tay như ôm bát. Khi bắt ấn này thì đồng với Như Lai cầm y ca-sa chư Phật mà làm nghi cờ nêu. Cũng có thể làm cho tất cả chúng sinh phi khí đều có khả năng làm pháp khí. Chân ngôn thì quy mạng như trước. Bà là nghĩa hữu, tức ba hữu (ba cõi). Vì vốn chẳng sinh nên lìa ba hữu. Ba hữu xưa nay chẳng thật có, trừ ba hữu này mà được hữu chân thật của Như Lai, tức là pháp thân chư Phật.

Kế bắt ấn Thí Vô Úy. Tay trái như trước cầm hai góc y để ngang rún, tay phải chỉ hướng lên mà hướng ra ngoài như nâng vật. Nếu bắt ấn này, thì dứt trừ tất cả sự sợ hãi của chúng sinh, yêu giận liền dứt hết.

Cũng dứt các sợ hãi lớn ở vị lai, chân ngôn quy mạng như trước: Tát-phạ-tha (là biến) Thệ-na-thệ (là thắng) Bà-dã-na-xa-na. Biến nghĩa là khắp, tức là khắp tất cả chỗ. Ở trong tất cả chỗ phương tiện là cao quý nhất. Trước lìa các phiền não dị sinh, kế lìa phiền não Nhị thừa, cho nên nói nhắc lại, tức là bậc nhất trong các bậc nhất. Như Lai do đây mà ở khắp tất cả chỗ để trừ khắp các sợ hãi.

Kế là ấn Mãn Nguyện Thủ của Như Lai, tay trái cũng nắm hai góc y như trước nói, tay phải hướng ra ngoài rủ xuống như trong Du-già nói Bảo Sinh Phật Ấn. Khi bắt ấn này tức là năng lực Như Lai, tất cả Phật mãn nguyện đều được thành tựu. Chân ngôn quy mạng như trước: "Phược-la-đà Phược-chiết-la Đát-ma-ca." Ý nói: Nguyện chư Phật cho con thân Kim cang, cũng là trao cho thân Đại nguyện. Đây là làm mãn sở nguyện. Kế là ấn làm cho tất cả sợ là chướng ngại. Ấn lấy tay phải nắm lại mà duỗi ngón trỏ ra, để ngang chân mày mà chỉ thẳng vào chân mày. Đẳng dẫn: nghĩa là làm hình Tỳ-câu-tri mặt mày giận dữ, tâm trụ vào một cảnh bất động. Đây là đại ấn của tất cả Phật, có thể hiện đại thế lực oai mãnh của Như Lai. Tất cả sợ sệt là chướng nạn khiến phải hàng phục, cũng làm mãn nguyện tất cả chúng sinh. Người tu kiết ấn này thì chướng nạn bị đuổi tan bốn hướng. Cho đến đại lực của Thiên ma, quân chúng cũng tự lui tan. Khi Như Lai chứng đạo Bồ-đề thì dùng ấn này hàng phục các ma. Chân ngôn cũng quy mạng như trước: Ma Tư-phược-lê-phạt-để trì xa-phược-lê Đà-bà-phệ Ma-ha-di-để-lủ Dã-phát-dã. Chân ngôn này là đại lực của chư Phật, đại lực này là gì, tức là mười lực Như Lai, đại tự tại nhất trong tất cả lực. Như Lai nói sao được mười lực này, nghĩa là từ đại từ mà được mười lực này, cho nên nói lực này từ tâm đại từ sinh ra.

Kế là ấn Phật nhãn. Trước nắm tay, lấy ngón cái đè hai ngón trỏ và út, duỗi hai ngón giữa và áp út thẳng ra. Dùng tay phải mà làm, làm xong thì dùng ngón tay này để trên mắt, trước mắt phải, kế mắt trái. Vì phương tiện bí mật này làm thanh tịnh nhãn căn (mắt), thành tựu Phật nhãn, thấy được cảnh giới sâu kín của Như Lai. Chân ngôn quy mạng như trước: Già-già-na (là không) Phược-la (là nguyện) Ca-lô-noa (là bi) Ma-dã (là thể) Đát-tha-yết-đa (Như Lai) chất khất sô (là mắt). Hư không tuy vô tướng vô ngại mà chẳng làm xong việc lớn. Nay không này của Như Lai tuy không chỗ nương, mà thành tựu được sự cao quý nhất qua hư không đó không thể cùng tận. Thể đại từ bi, tức là mắt của Như Lai, mắt này từ đại bi sinh ra nên có công năng sinh đại bi.

Kế là ấn Quyên Sách Như Lai: Trước cho mười ngón xoay vào

lòng bàn tay rồi nắm lại, hai ngón trỏ ló ra nối nhau cong lại thành vòng tròn, hai ngón cái tay phải đè lên tay trái, trong lòng hai bàn tay bộng. Ấn này có công năng cột trói tất cả điều ác, cũng làm hoại nó, khiến trừ dứt các điều ác. Chân ngôn quy mạng giống như trước. Hệ niệm, trong đây có tiếng ha là nhân, gồm có nghĩa Tam-muội. Hệ là tiếng gọi mời, nghĩa là gọi nhân thành Phật này. Nhân này vì vốn chẳng sinh nên lìa nhân quả, tức khiến nhân này thanh tịnh lại càng thanh tịnh. Ma-ha-bát-xa (là đại sách) Bà-lô (là phổ) Ta Đà-lý-đa (như không) Tát-đỏa-đà-đô Phí-mộ-kha-ca (si) Đát-tha-yết-đa (Như Lai) Đề-mục (tín giải sinh). Lại sách này từ đâu mà sinh, tức từ tín hiểu Như Lai mà sinh ra. Tín hiểu ý nghĩa như ở đầu kinh đã nói. Như Lai dùng năng lực tín hiểu này. Phổ môn thị hiện các loại hình như làm việc rất giận dữ, hoặc làm Tiên Trì Minh, có thế lực lớn chiết phục nhiếp thọ vô lượng chúng sinh, khiến được quả mầu Như Lai, tức là Đại sách rộng khắp, đồng nghĩa hữu tình giới.

Kế bắt ấn Như Lai Câu. Trước lấy ngón cái cái tay trái đè lên đầu bốn ngón kia thành vòng tròn. Kế là dùng ba ngón trong vòng tròn của tay phải, ngón cái tay phải ở ngoài ngón cái tay trái mà co vào lòng bàn tay đè ba ngón tay phải cũng thành vòng tròn. Duỗi ngón trỏ tay phải ra mà hơi co lại ở mắt thứ ba cho có hình vòng tròn (móc câu). Làm ấn móc câu này có công năng thỉnh mời tất cả chư Phật, Bồ-tát mười phương đều đến nhóm hợp ở đạo tràng, cũng đầy đủ vị Thập địa, huống chi tám bộ khác chưa sinh tâm lành mà chẳng đến ư? A (dẫn hành) Tát-phược-đát-la Bát-la-để-ha-đa (không ngại tất cả hại) Tát-tha-yết-đa (Như Lai) Ương-câu-xá (móc câu) Bồ-đề Chiết-rị-dã (hợp hai hàng Bồ-đề) Bát-rị-bố-la-ca-tá-ha (là Niết-bàn đầy đủ) hạnh trong đây, là do hạnh này có công năng chiêu mời các biển công đức lớn của chư Phật như móc câu của thế gian thì có chỗ phần vị, chẳng thể khắp tất cả chỗ mà mời về. Nay câu móc Như Lai thì chẳng phải như thế, khắp đến tất cả, không chỗ nào chẳng được che chở. Cho đến vời được quả Đại Bồ-đề. Nói tắt lại là làm cho đầy đủ tất cả công đức Như Lai. Có công năng mời gọi tất cả chúng sinh khiến họ cũng được đạo này. Cho nên câu kế nói khắp tất cả hai (hai tức là câu móc lấy), khắp hại tất cả chẳng điều phục, khiến ở hạnh Bồ-đề đến được Diệu quả, đều được đầy đủ.

Kế là ấn Tâm của Như Lai . Pháp làm đều y cứ theo trước, chỉ duỗi thêm ngón giữa, hai ngón duỗi này đều có ở lóng thứ ba. Chân ngôn quy mạng như trước: Nặc (trên) Nộ (trí) Na-bà (hai nhịp) phược (sinh). Tức là Trí chư Phật. Trí này chẳng từ người khác mà được, mà

là từ tâm Phật sinh ra.

Kế là ấn Rún Như Lai. Cũng y cứ theo trước mà duỗi ngón áp út. Hễ duỗi ba ngón cũng co ở mắt thứ ba. Chân ngôn quy mạng như trên: A-một-lật (hai hợp) đổ (cam lộ) Ốt-bà (hai hợp) Phược (sinh). cam lồ là tên khác của Trí Trí, dứt trừ được sự nóng bức của thân tâm được thì chẳng còn già chết, có thể dụ cho Trí của Như Lai. Nay dùng trí này mà dứt trừ tất cả sự nóng bức của chúng sinh, khiến được thân sống lâu. Vị cam lộ này cũng từ tâm Phật sinh ra.

Kế là ấn eo Như Lai, cũng y cứ theo móc câu Như Lai mà làm, ngón trỏ bên trong mà duỗi ngón áp út là khác, ngón áp út này không cần co ở mắt thứ ba là ngón áp út của tay phải. Chân ngôn quy mạng như trước: Đát-tha-yết-đa (Như Lai). Tô-bà-phược (sinh). Phải biết ấn trí này tức là từ Như Lai sinh. Ấn chân ngôn đều gọi nghĩa ấy, các chân ngôn khác đều bỏ.

Kế là ấn tạng của Như Lai. Trước chắp tay theo cách Tam-bổ-tra, hai ngón áp út và trỏ đều co vào lòng bàn tay, còn ngón giữa chỉ thẳng khiến hai đầu ngón tay gặp nhau, hai ngón cái đè trên ngón trỏ, hai ngón út cũng duỗi ra, hai đầu không dính nhau mà hơi co lại. Lạm lãm lạc lạc. La nghĩa là vô cấu, chấm trên là Tam-muội Đại không: Một là dứt chướng của phàm phu, Nhị thừa; Hai là trụ vào không cam lộ của Như Lai. Kế là hai chữ bên hai chấm là nghĩa dứt sạch: Một là dứt nhơ phàm phu; Hai là dứt nhơ Nhị thừa.

Kế là Kiết ấn đại giới, y theo pháp ấn câu Như Lai, hai tay đều đưa thẳng ngón áp út lên. Đại giới trong đây tức là từ phát đại tâm Bồ-đề cho đến thành Phật, khoảng giữa chẳng để xen hở, chẳng còn sinh tử, chẳng lui sụt Bồ-đề, tức là nghĩa đại giới. Chân ngôn quy mạng giống như trước:

Lệ (Tam-muội Ly tướng) Lỗ (thừa tướng) Bổ (Đệ nhất nghĩa) Lý (lìa nhỏ) Vi (lìa buộc) Cũ-lệ (lìa tướng). Đây là Tam-muội, Như Lai dùng các Tam-muội này mà trang nghiêm, không có gì hơn. Đây là đại giới của Phật.

Kế bắt ấn Đại Hộ, y theo ấn Như Lai tạng ở trước, duỗi hai ngón áp út ra, đầu như ngọn núi, hai ngón giữa đầu cũng thế mà hơi co vì như hình liên hoàn, lại mở hai ngón cái, cách hai tấc trở xuống. Chân ngôn là: Tát-phược-đát-tha Yết-đế-tệ (quy mạng tất cả Như Lai) Tát-phược-bà-dã-vi-nghiệt-đế-tệ (Dứt trừ tất cả chướng sợ, cũng là khen Phật quy mạng). Tỳ-thấp-phược-mục-khế-tệ (các môn, khéo léo) Tát-la-phược (hai hợp) Tha (trùm khắp) Hàm-khiếm (Ha là nhân, khiếm là không).

La-khất-xoa (ủng hộ) Ma-ha-ma-lệ (đại lực) Tát-phược-đát-tha-yết-đa (Như Lai) Bôn-ni-dã (hai hợp) Ninh-la-chỉ-đế (sinh) Hồng Hồng (Hộc Hộc) sợ sệt, đầy đủ ba đức của Phật). Đát-la-tra Đát-la-tra (nhiếp phục) A-bát-la (hai hợp) Đế-ha-đế (vô hại). Đó gọi là Vô Kham Nhẫn Đại Hộ, do nó mạnh mẽ uy nghi như trẻ thơ mới sinh chẳng thể nhìn ánh sáng mặt trời chói lọi. Ở đây cũng giống như thế, tất cả chẳng thể nhẫn nhịn mà dám cướp đoạt, nên gọi là Vô Năng Kham Nhẫn Đại Hộ. Vì là hạnh hộ của chân ngôn này.

Kế là Ấn Phổ Quang Như Lai, hai ngón cái đều co vào lòng bàn tay, hai ngón trỏ chỉ thẳng, đầu hai ngón giữa dính nhau, hơi mở rộng mắt như hình (cái chuông). Các ngón khác giống như trước. Chân ngôn quy mạng cũng như trước: Xà-phược-la (sinh, cột, tướng) Ma-lý-nhĩ (Ta, tưởng) Đát-tha-yết-đa (Như Lai Quang).

Kế là ấn Giáp Như Lai, chắp tay theo cách Tam-bổ-tra. Dùng hai ngón trỏ để trên lưng hai ngón trỏ.

Ấn lưỡi Như Lai: Chân Ngôn Như Lai Thiệt nói quy mạng như trước: Đát-tha-yết-đa-thệ-ha-phược (hai hợp lưỡi) Tát-đế (đế) Đạt-ma (pháp) Bát-la-để-sắc-sĩ-đa (tánh). Như Lai tức là như thật, cũng như lưỡi Như Lai luôn nói lời như thật, lời chẳng dối, lời chẳng khác. Vì chân thật như thế cho nên thường trụ.

Kế là ấn Như Lai Ngữ Môn, y cứ theo ấn trước. Ấn làm theo cách chắp tay Tam-bổ-tra. Tức lấy hai ngón áp út và trỏ để vào lòng bàn tay, dùng hai ngón cái đè lên, còn hai ngón út và giữa thì duỗi thật thẳng mà đầu như mũi nhọn. Chân ngôn quy mạng giống như trước: Ma-ha-phược-ca-đát-la (hai hợp, ngữ) Tỳ-thấp-phược-nhã-da (các thứ trí khéo léo) Ma-ha-đà-la (rộng lớn). Nghĩa là lời này từ Như Lai Vô Lượng Môn Xảo tuệ mà nói ra. Trí này rộng lớn vô lượng.

Kế là ấn năng Như Lai: Chắp tay theo cách Tam-bổ-tra, co hai ngón trỏ vào lòng bàn tay, khiến cho các lóng tay xoay lưng vào nhau. Chân ngôn quy mạng như trước: Đát-tha-yết-đa-năng-thiết-tra-la (ba hợp nha) La-ta (sa) La-ta (sa) (vị) Yết-la Tam-bát-la-bát-ca (được) Đát-tha-yết-đa (Như Lai) Tỳ-xa (trên) Dã (cảnh giới) Tam-bà-phược (sinh).

Kế là ấn Như Lai bốn biện: Chắp tay theo cách Tam-bổ-tra, làm ngón trỏ hình câu móc để trên lưng ngón giữa, hai đầu không đụng nhau. Như Lai do ấn này nên ở chỗ đông không sợ hãi, giảng nói chánh pháp cho người nghe. Cho đến ở trong một chữ nghĩa vô cùng. Biện tài này chẳng thể cùng tận. Chân ngôn quy mạng như trước: A-chẩn-đế

(hai hợp không thể suy nghĩ bàn luận) Na-bộ (hai hợp) Đa (kỳ đặc) Hạt-lỗ-bà (ngữ chia đoạn) Phược-ca-tam-mạn-đa (đến khắp) Tỳ-thâu(du) (trên) đà (thanh tịnh) Tất-phược-la (ngôn âm).

Kế là ấn Như Lai mười lực: Hai ngón cái đè đầu hai ngón út để ở giữa tay, sáu ngón kia duỗi thẳng rồi chắp tay theo cách Tam-bổ-tra. Chân ngôn quy mạng như trước: Hồng (ba dức) Đà (vào) Xá-phược-lan-già (mười lực thân phần) Đà-la (trì). Tức do năng lực của Trí ấn này mà trì được mười lực chi phần của Như Lai.

Kế là ấn Niệm Xứ của Như Lai: Chắp tay theo cách Tam-bổ-tra (như sen chưa nở, ở trong rất bộng) dùng hai ngón cái giữ đầu hai ngón trỏ, ba ngón kia thẳng ra chỉ vào tay. Chân ngôn quy mạng như trước: Đát-tha-yết-đa-tất-mật-lật (hai hợp) Để (niệm) Tát-đỏa-hệ-đa (chúng sinh lợi ích) Tệ-dũ (hai hợp) Đà-yết (hai hợp) đa (sinh khởi) Già-già-na-tam-ma (hư không sinh) A-tam-ma (vô đẳng). Là nói niệm bình đẳng với hư không (vô đẳng) chẳng thể hạn lượng, nhưng hư không chẳng gì sánh được, nên nói là vô đẳng. Vì sao thể hư không chẳng có tánh, chẳng thể vì tất cả chúng sinh làm lợi ích lớn?

Kế là ấn Nhất Thiết Pháp Bình Đẳng Khai Ngộ: Chắp tay theo cách Tam-bổ-tra, dùng hai ngón cái giữ đầu hai ngón áp út. Chân ngôn quy mạng như trước: Tát-phược-đạt-ma-tam-mạn-đa (tất cả pháp bình đẳng) Bát-la-bổ-đa (đến được) Đát-tha-yết-đa (Như Lai) Nô-yết-đa (tùy, như).

Kế là ấn Như Ý Ma-ni Phổ Hiền: Sở dĩ gọi Phổ Hiền, là vì Bồ-tát này có nghiệp đều là hiền thiện. Chư Phật, Bồ-tát đều khen ngợi. Ấn ấy chắp tay theo cách Tam-bổ-tra. Dùng hai ngón trỏ để sau lưng hai ngón giữa, các lóng cho tròn. Các ngón khác như thường. Chân ngôn quy mạng như trước: Tam-mạn-đa-nô-yết-đa (bình đẳng vọng) Phệ-la-xà (vô cấu vô trần) Đạt-ma-niết-xà-đa (pháp sinh). Ma-ha Ma-ha (lớn của lớn).

Kế là ấn Từ Thị: Chắp tay theo cách Tam-bổ-tra, co hai ngón trỏ đầu để dưới góc ngón giữa, hai ngón cái đè lên các ngón khác như thường. Ấn này như hình tháp, để làm tháp giữ tất cả pháp thân Như Lai. Cũng như Quán Âm giữ thân Phật. Chân ngôn quy mạng như trước: A-thệ-đởm (A-dật-đa = vô thắng) Xã-da (được hơn) Tát-phược Tát-đỏa (tất cả chúng sinh) A-thế-da (tánh) Nô-yết-đa (biết tâm khởi).

Kế là ấn Hư Không Tạng: Chắp tay rỗng ở giữa co đầu hai ngón cái vào lòng bàn tay. Chân ngôn quy mạng như trước: A-ca-xa (không) Tam-mạn-đa (đẳng = bằng) Nô-yết-đa (được) Tỳ-chất-đa-lãm-ma-

phược (hai hợp) La, Đà-la (trước mặc).

Kế là ấn Trừ Cái Chướng Bồ-tát: Chắp tay theo cách Tam-bổ-tra, hai ngón út và áp út đều co vào lòng bàn tay, các ngón khác như thường. Chân ngôn quy mạng như trước: A-tát-đỏa-hệ-đa (A: hay trừ, Hệ-đa: lợi ích) Tiêu-dã (hai hợp) Ốt-yết (hai hợp) Đa-đát-lãm-đát-lãm. Lãm Lãm (trừ bỏ và khai phát tánh lành).

Kế là ấn Quán Âm: Chắp tay theo kiểu hoa sen nở, dùng ngón cái đè đầu ngón út, sáu ngón kia tỏa ra hai ngón trỏ và giữa đều dính nhau, ngón áp út đứng riêng. Tát-phược Đát-tha-yết-đa (Như Lai) A-phược-lô-yết-đa (quán = xem) Ca-lô-noa (Bi) Vị-da (thể) La La La (ba cấu) Hồng-xà (hạnh giải thoát đại không, sinh). Trong đây Như Lai quán, là nói Bồ-tát tuy chưa thành Phật mà thấy đồng với chư Phật. Do thấy uẩn tánh nên gọi là quán. Chỉ dùng từ bi làm thể. Bi này từ lìa ba độc mà được ba gốc lành như vô tham... mà sinh thành ba giải thoát, cho nên có ba chữ La.

Kế là ấn Đại Thế Chí: Chắp tay theo cách Tam-bổ-tra co mười ngón vào nhau khiến tròn, như hoa sen chưa nở, hoa sen chưa nở này tức là Như Lai Bảo Khấp (hộp báu) cũng mở ra rồi khép lại. Chân ngôn là: Đởm (sinh) ta (đẳng trí). Lìa thế gian chủ lại siêu Bồ-tát sinh trụ trong trí bình đẳng.

Kế là ấn Đa-la Bồ-tát: Trước tréo các ngón tay đan nhau rồi nắm lại, chỉ ló ra hai đầu ngón trỏ như mũi nhọn, hai ngón cái đè thẳng lên. Chân ngôn là: Đa-lệ (hô, gọi) Đa-lợi-ni (độ) Ca-lô-noa (bi) Ốt-bà (trên) Phược (sinh).

Kế là ấn Tỳ-câu-tri: Như trên nắm tay lại cũng ló ra hai ngón trỏ, chỉ so le đè nhau khiến tay phải đè tay trái. Giống ấn đa-la ở trên, chỉ so le hai ngón là khác. Chân ngôn là: Tát-phược Bà-dã (tất cả sợ sệt) Đát-la-tát-nhĩ (cũng là sợ sệt) Hồng (ba nghĩa như trên). Chân ngôn Tỳ-câu-chi là mẹ trì tụng, là trong các trì tụng cũng như mẹ, công năng rất tôn quý.

Kế là ấn Bạch Xứ Bồ-tát: Co hai ngón áp út vào lòng tay, hai ngón cái cũng co lại cho đụng. Các ngón khác chắp tay theo cách Tam-bổ-tra. Chân ngôn là: Đát-tha-yết-đa-phi-xá-da (Như Lai cảnh giới) Tam-bà-phược (sinh) Bát-đàm-ma (hai hợp) Ma-lỵ-để (tóc).

Kế là ấn Mã Đầu: Chắp tay theo cách Tam-bổ-tra có hai ngón trỏ hợp lại dưới gốc hai ngón cái, hợp lại chừng bằng một hạt gạo, hai ngón cái đứng thẳng hơi ngửa ra Chân ngôn là: Khư-đà-da (nuốt) Bạn-xà (đánh nát) Tát-pha-tra-dã-sa-ha (đánh đập chướng này khiến tan ra

bốn phía).

Kế là ấn Địa Tạng Bồ-tát: hướng vào bên trong chắp tay nắm lại thành nắm tay, duỗi hai ngón út và áp út họ đầu chung gặp nhau, hai ngón cái thẳng ra... Chân ngôn là: Ha Ha Ha (lìa ba nhân) Tô-đa-nô (diệu thân) Sa-ha. Du-già-trụ (nghĩa là người tu thực hành ấn này).

Kế là ấn Văn-thù Thánh giả: trước chắp tay theo cách Tam-bổ-tra, dùng hai ngón giữa đè lưng hai ngón áp út, hai ngón trỏ co lại, dùng đầu ngón cái giữ nhau. Chân ngôn là: Hệ Hệ (nhân), Cụ-ma-la (đồng tử), Tỳ-mục-để (giải thoát) Bát-tha-tất-thể-đa (Đạo) Tát-mạt-la (niệm) Tát-vị-la (niệm) Bát-la-để-nặc (nguyện xưa).

Kế là ấn Quang Võng Bồ-tát: Tay trái nắm lại, duỗi ngón trỏ hơi co mắt thứ ba như lưỡi câu, ngón cái đè thẳng lên ngón giữa. Chân ngôn là Hệ Hệ Cu-mạt-la (giải thích như trước) Ma-da-yết-đa (ma-da là huyễn, Yết-đa là biết) Ta (trên) Phược (tánh) Bà-phược-tất-thể-đa (tánh).

Kế là ấn Vô Cấu Quang: Duỗi các ngón tay trái ra cho hơi co lại ở mắt thứ ba. Chân ngôn là: Hệ (tiếng hô) Cu-ma-la (như trước) Phi chất-đa-la (các thứ) yết-để (hạnh) Câu-ma-la (thệ nguyện xưa) Ma-nô-tát-mạt-la (nhớ nguyện xưa).

Kế là ấn Kế Thất Ni. Trước nắm tay trái lại rồi duỗi thẳng các ngón trỏ, ngón giữa và ngón cái ra mà chúm lại. Chân ngôn là: Hệ Hệ (như trước) Câu-ma-lý-kê (đồng tử gọi, Tam-muội của Văn-thù) Nhã (trên) Na (nguyện) Tát-mạt-la (nhớ xưa) Bổ-la-để-nhiên (nguyện xưa).

Kế là ấn Ổ-ba-kế-thất-ni: trước là nắm tay trái, duỗi thẳng ngón giữa và ngón cái. Chân ngôn là: Tần (đi) Đà-da (xuyên qua) Nhã-na (trí) Hệ (tiếng gọi) Câu-ma-rị-kê (đồng nữ).

Kế là ấn Địa Tuệ Tràng: Trước nắm tay trái mà duỗi thẳng hai ngón út và áp út ra. Chân ngôn là: Tuệ (tiếng gọi) Tát-mạt-la (nghĩ nhớ) Nhã-na (trí).

Kế là ấn Triệu Thỉnh (mời gọi): Trên là năm Bồ-tát đều là sứ giả của Văn-thù. Tay trái nắm lại mà co ngón trỏ thành móc câu không chạm vào đầu ngón cái. Chân ngôn là A-ca-rị Lệ (hai hợp) Tà (mời gọi) Tát (trên) Câu-lô (làm tất cả) A-nhiên-cự-mang-la-tả (chỉ cho thân Thánh này).

Kế là các người vâng giáo làm ấn, trước treo các ngón tay chắp tay lại, duỗi hai ngón giữa ra, đầu dính lại và mười ở mắt thứ ba. Chân ngôn là Phi-mạt-để (vô tuệ) chế (đi, bỏ) Đà-ca (cắt đứt).

Làm ấn Thí Vô Úy Bồ-tát: Ấn Thí Vô Úy là ấn Du-già giơ cánh tay lên. Ấn này bày pháp ngũ hành, ngón út là tín, ngón áp út là tấn, ngón giữa là niệm, ngón trỏ là định, ngón cái là tuệ. Chư Phật, Bồ-tát dùng thân miệng nói pháp. Nay ấn này biểu thị cho năng lực năm căn. Chân ngôn là: A-bà-diễn-đà-đà tức là Vô úy thí, dùng pháp nào mà thí vô sở úy (không sợ hãi), nghĩa là trụ vào tự môn A lìa tất cả sinh. Tôn giả sở nguyện đã tròn, còn chúng con chưa được, cúi mong thí cho con và tất cả chúng sinh.

Kế là ấn Trừ Ác Thú, tức như trước duỗi hai bàn tay ngửa thẳng lòng bàn tay hướng lên. Chân ngôn là A-tiêu Đà-la-noa (đưa nêu) Tát-đỏa-đà-đô (thế giới chúng sinh). Nghĩa này vì tất cả chúng sinh từ vô thỉ đến nay vì vô minh nên thường ở trong ba đường ác. Nay bậc Thánh đã được năm lực như thế, nên nguyện nêu ra khiến được lên. Vì sao? Vì Tôn giả đã tự cứu ra cũng phải nêu tất cả thế giới chúng sinh.

Kế là ấn Cứu Hộ Tuệ Bồ-tát: Như trước duỗi tay ra và đặt ở tim và ngón cái hướng thẳng lên. Chân ngôn là: Hệ (tiếng hô) Ma-ha Ma-ha (lớn trong lớn) Tát-mạt-la Bát-la-để-nhiên (bổn nguyện).

Kế là ấn Đại Từ Sinh Bồ-tát: Như ấn Vô Úy Thí ở trước, ngón cái và ngón trỏ giữ nhau, như người cầm hoa, ba ngón kia duỗi thẳng hướng lên. Chân ngôn là Tát-phược (tự mình) Chế-đô (tâm) Đặc-yết (hai hợp) Đa (sinh).

Kế là ấn Bi Niệm Bồ-tát. Như trước xòe tay úp lại đặt lên tim, co ngón giữa chỉ vào tim. Chân ngôn là: Ca-lô-noa (Bi) Vị-lô (hai hợp) Ni-đa (thương niệm). Ý này nói Bổn tôn nguyện dứt trừ tất cả khổ, nay phải nghĩ nhớ. Nhưng Bồ-tát này gọi là bi niệm, do ý chưa nói hết, ý ấy nói Bồ-tát này lệ thuộc vào bi, như kẻ bị người khác bắt giữ không được tự tại. Bồ-tát này thân tâm hệ thuộc với Bi, bị Bi cầm giữ không được tự do. Lại như người bị quân dịch phải lệ thuộc vào nhà nước nên không được tự tại. Bồ-tát này cũng như thế, thường bị cầm giữ nên không được tự tại. Cũng như nghĩa này, phải nghĩ nhớ Bổn nguyện cứu tất cả chúng sinh.

Kế là ấn Trừ Nhất Thiết Nhiệt Não Bồ-tát chính là bắt ấn dữ nguyện thủ. Nghĩa là duỗi tay phải ngửa ra chúc xuống, như Ấn Bảo Sinh Phật trong Du-già. Chân ngôn là: Hệ, Phược-la-đà (cho nguyện) Phược-la Bổ-la Bổ-la (hai hợp, được).

Kế là ấn Bất Tư Nghì Tuệ Bồ-tát: Dùng Ấn Thí Vô Úy, ngón cái dính ngón trỏ như cầm viên ngọc (các ngón kia duỗi ra). Chân ngôn là: Tát-phược A-xa (tất cả nguyện) Bạt-lê-bổ-la-ca (đầy đủ).

Kế là ấn cờ Địa Tạng Bồ-tát: Trước nắm tay lại chìa hai ngón giữa ra và đầu hai ngón này (ở hai tay) cách nhau một tấc (hai ngón cái thẳng ra) coi như thấy ngọn cờ. Ấn này giống như lá cờ. Chân ngôn là: Ha Ha Ha (lìa ba nhân) Phệ-tát-mạt-la (hy hữu).

Kế là ấn Bảo Xứ Bồ-tát: Tay phải nắm lại, thẳng đứng ba ngón giữa, áp út và út. Chân ngôn là: Hệ, Ma-ha Ma-ha (lớn trong lớn). Sở dĩ gọi là Bảo xứ là như báu sinh trong biển, từ chỗ đó sinh ra nên gọi là Bảo xứ (chỗ báu). Như báu dưới biển, từ đó mà có nên được gọi là Bảo xứ.

Kế là ấn Bảo Thủ Bồ-tát: Tay phải nắm lại, dùng ngón cái đè các ngón mà duỗi thẳng ngón áp út ra. Chân ngôn là: La-đát-nô (hai hợp) Ốt-bà-phược (na).

Kế là ấn Trì Địa: Chấp ngược hai tay, tay phải ngửa lên, tay trái úp xuống, đầu các ngón đè nhau, ngón cái và ngón út của tay phải co lên, ngón cái và ngón út của tay trái co xuống. Chân ngôn là: Đà-la-ni (địa) Đà-la (trì).

Kế là ấn Bảo Ấn Thủ Bồ-tát. Trước làm nắm tay hướng ngoại đan nhau nắm hai tay xoay ngược lưng, thẳng ba ngón cái, giữa và út, co ngón trỏ thành móc vào lưng ngón giữa mà không đụng nhau, giống như năm nhánh Kim cang. Chân ngôn là: La-đát-na (hai hợp báu) Niết-thệ-đa (sinh).

Kế là ấn Kiên Cố Ý Bồ-tát, như năm nhánh trước, khiền đầu các ngón tay chụm lại. Chân ngôn là: Phược-thệ-la Tam-bà-phược (từ kim ngung sinh).

Kế là ấn Hư Không Vô Cấu Bồ-tát: Chắp tay theo cách Tam-bổ-tra, dùng ngón cái giữ đầu ngón trỏ cho hợp lại. Chân ngôn là: Già-già-na (hư không) A-nan-đà (vô lượng) Ngô-chiết-la (hạnh), là hạnh vô lượng đồng với hư không.

Kế là ấn Hư Không Tuệ: Giống như ấn chuyển pháp luân ở trước. Chân ngôn là: Chiết-yết-la (luân) Phạt-để (chuyển). Nói Thánh là trước được pháp luân ấy, nguyện vì tất cả chúng sinh mà chuyển pháp luân này.

Kế là ấn Thanh Tịnh Tuệ Bồ-tát: Chắp tay theo cách Tam-bổ-tra, co hai ngón cái vào lòng tay, dùng hai ngón trỏ đè trên lưng. Chân ngôn là: Đạt-ma (pháp) Tam-bà-phược (sinh) là nói Bồ-tát này được tự tại đồng với cảnh giới Phật từ pháp mà sinh ra. Nên gọi là pháp sinh. Nghĩa là từ pháp tự tánh thanh tịnh sinh ra.

Kế là ấn Hành Tuệ Bồ-tát: Giống như ấn Quán Âm Liên Hoa ở

trước. Chân ngôn là: Bát-đàm-ma (hai hợp, hoa sen) A-lại-da (nhụy).

Kế là ấn An Tuệ Bồ-tát (hoặc Trụ Tuệ): Đan tréo mười ngón nắm lại, hai ngón trỏ duỗi thẳng, để đầu hai ngón gần mà không đụng nhau. Ấn này và ấn Đa-la Bồ-tát giống nhau, chỉ hơi mở ra. Chân ngôn là Nhã-na (trí) Ốt-bà-phược (sinh, từ trí sinh ra).

Kế là ấn Chấp Kim Cang: Như ấn Năm nhánh ở trước. Hai ngón trỏ cách trên hai ngón giữa ở mắt trên một hạt lúa. Chân ngôn là: Thất-chiến-trà (sinh tử) Ma-ha Lự-sắc-noa (giận dữ). Hồng (ba giải thoát). Các pháp trên làm chúng sinh sợ sệt khiến lìa sinh tử, được ba giải thoát.

Kế là ấn Ma-ma-kê: như ấn Năm nhánh Kim Cang ở trên, hai ngón cái và hai ngón út đều ở trong lòng bàn tay, cũng tay phải đè tay trái, tức như trước hướng nội xoa hiệp chưởng (đan xen các ngón mà chắp tay lại) chỉ có ngón trỏ và ngón giữa như ấn Kim Cang. Chân ngôn là Đát-lật-tra Đát-lật-tra (bình đẳng đồng lý Như Lai, là Tam-muội là lìa ngã mạn) Xã-dã-để (thắng).

Kế là ấn Kim Cang Thương Khư La: Là Kim cang liên tỏa (khóa đại trí) như bắt ấn Chuyển pháp luân ở trước, bốn ngón (trừ ngón cái) co lại hướng xuống, nhẹ nhàng hướng lý chuyển, để ở trước ngực khiến hai ngón cái chỉ ra ngoài và ngón phải đè ngón trái như móc câu. Chân ngôn là: Hồng (xưng ba lần như trước) Bạn-đà Bạn-đà (buộc) Mẫu-tra-dã Mẫu-tra-dã, Phạt-chiết-lỗ (Kim cang) Đà-phệ (sinh) Tát-phược-đát-la (tất cả chỗ) Bát-la-để-kha-đế (không thể hại).

Kế là ấn Kim Cang Nguyệt Yểm Phẫn Nộ: Kim cang giữa hai đầu chân mày trên trán của Phật mà sinh ra, cho nên gọi là Hào tướng minh tịnh, cũng như mặt trăng tròn nên gọi là Nguyệt yểm. Như ấn Năm nhánh Kim Cang ở trước. Co hai ngón trỏ như móc câu mà giữ hai ngón cái, khiến hơi co mà không dính nhau. Chân ngôn là Hật Lỵ (hai hợp) Hồng (ba xưng) Bán-tra (khiến dứt trừ).

Kế là ấn Kim Cang Châm: Đan tréo các ngón chắp tay lại, thò hai đầu ngón trỏ ra thành một mũi nhọn, hai ngón cái co lại trong lòng bàn tay. Chân ngôn là: Tát-phược Đạt-ma (tất cả pháp) Niết-tỳ () (trên) Đạt Nhĩ (xuyên qua). Phạt-chiết-la-tố-thai (Kim Cang Châm) Phược-la-đề (cho nguyện).

Kế là ấn Kim Cang Địa Bổng: Đan xen các ngón chắp tay lại, hai ngón cái thẳng ra làm nắm tay, hai chỏ tay gần nhau đưa cao lên làm hình cái chày (quả chùy). Chân ngôn là: Tát-phổ-tra-dã (tan) Tam-bà (trên) Phệ (sinh).

Kế là ấn Kim Cang Nan Thắng: Tay phải nắm lại, thò ngón trỏ ra đặt trên tim. Tay trái nắm lại duỗi thẳng, để nắm tay cao ngang đầu. Vì Tát-ma chẳng thể nhiễu loạn (phá rối) nên được Chân ngôn là: Đổ-đạt-lý-sa (bỏ nạn hàng phục) Ma-ha-sắc-noa (giận dữ) Khư-đà-da (ăn) Tát-phược Đát-tha-yết-đa A-duệ-nhiên (tất cả giáo Như Lai câu-lô (phụng)

Kế là ấn Tương Hướng Kim Cang: Cũng cùng Nan Thắng tương đối hiệp môn, nên được gọi tên ấy. Ấn ấy như trên. Chân ngôn là: Hệ, A-tỳ-mục-khư (nhìn nhau) Ma-ha Bát-la-chiến-trà (rất bạo ác) Khư-đà-la (ăn) Thụ-chỉ-la-duệ-tế (sao không mau chóng) Tam-muội-da (bản thệ) Ma-nô-tát-mạt-la (nhớ nghĩ).

Kế là ấn Bát Phật giống như trước, tức là ấn Bát Phật Thích-ca. Chân ngôn là: Tát-phược Các-lệ-thước (tất cả phiền não) Niết-tô-đạt-nhĩ (đào) Tát-phược Đạt-ma (tất cả pháp) Già-già-na-tam-ma (bằng hư không).

Kế là ấn Hào Tướng giống như trước, tức ấn Hào tướng Thích-ca. Năm ngón tay trái chúm lại đưa lên đầu. Đây là ấn Nhất Thiết Phật đảnh. Chân ngôn là, Hồng Hồng Hồng (lìa ba nhân, được ba không, chứng Tam-muội). Kế tay trái nắm lại đưa ngón trỏ và ngón giữa ra, ngón cái đè hai ngón áp út và ngón út thành cái túi dao. Tay trái cũng giống như thế, thành dao ở trong túi dao, tức là ấn Bất Động Tôn, tay túi dao ngửa ra, tay dao úp lại.

Ấn Hàng Tam Thế giống như ấn Năm nhánh Kim Cang.

Kế là ấn Phật Nhãn: Chắp tay theo Tam-bổ-tra, co hai ngón út và áp út vào lòng bàn tay, thò hai ngón giữa ra như cây kim, hai ngón trỏ co lại ở lưng ngón trỏ như hình con mắt, hai ngón cái co lại, hai ngón giữa chỉ xuống, đầu ngón như con mắt dọc, tức là Tam-muội. Hai ngón áp út và út hướng vào lòng bàn tay. Như trước gọi là ấn Phật Mẫu, trong đây gọi là ấn Phật Đảnh, cũng gọi là Phật, Bồ-tát Mẫu Ấn.

Kế là ấn Bạch Tán Phật Đảnh: Xòe bàn tay trái ra, đầu các ngón cách nhau một tấc làm tán, tay phải nắm lại, thò ngón trỏ ra làm cán, chống giữa bàn tay trái. Chân ngôn như trước.

Kế là ấn Thắng Phật Đảnh, như ấn Dao ở trước, tức chắp tay theo cách Tam-bổ-tra, hai ngón giữa thò ra, ngón trỏ và ngón cái vịn vào.

Kế là ấn Tối Thắng Phật Đảnh, như ấn Chuyển pháp luân ở trước. Kế là ấn Trừ Nghiệp Phật Đảnh, giống như ấn Câu Móc ở trước. Nghĩa là đan xen các ngón chắp tay mà co ngón trỏ ở tay phải như cái móc câu hai ngón cái, tay phải đè tay trái. Nay một tay, tức tay phải nắm

lại, thò ngón trỏ ra hơi co lại. Kế là ấn Hỏa Tu Phật Đảnh, đồng như ấn Phật Đảnh ở trước. Kế là ấn Quảng Sinh Phật Đảnh, giống như ấn Năm nhánh Kim Cang ở trước. Kế là ấn Phát Sinh Phật Đảnh, tức là ấn Liên Hoa ở trước. Kế là ấn Vô Lượng Âm Thinh Phật Đảnh, tức là ấn Thương khư ở trước (tức đan xen các ngón tay chắp lại, co hai ngón cái vào, hai ngón trỏ đè lên). Kế là ấn Hào Tướng, tay phải nắm lại, thò ngón trỏ ra để lên giữa hai đầu chân mày, gọi là Chân Đà-ma-ni, tức là ấn Hào Tướng. Ấn Phật Nhãn cũng như ấn Phật Mẫu ở trước, chỉ hơi khác một chút, nghĩa là mở ngón cái cách lưng ngón trỏ một hạt lúa, cũng giống như hình Năm nhánh ở trước. Kế là ấn Minh Vương Vô Năng Thắng, tay trái như ấn Chấp liên hoa (đầu trỏ và cái giữ nhau, ngón giữa co vào trong, ngón áp út và út duỗi thẳng) năm ngón tay trái ngửa ra, các ngón tỏe ra, để tay ấy ở ngang đầu, đứng thẳng như Bát-lật-để ở trước.

Kế làm nội tướng xoa quyền (đan xen các ngón tay vào nhau rồi chắp lại), hai ngón cái khít nhau mà nắm lại thành quyền co lại như móc câu, đây gọi là hình miệng, tức là ấn Minh Phi Vô Năng Thắng. Kế duỗi tay phải ra, nâng má phải hơi nghiêng đầu về các ngón tay, đó là ấn Tịnh Cư Thiên.

Kế đồng với ấn Tự Tại Thiên ở trước, duỗi tay phải ra, ngón giữa hơi hướng vào trong mà làm hình ngọn lửa bốc cháy tức là ấn Phổ Hoa Thiên tử. Kế cũng như trước mà duỗi tay phải ra, ngón cái giữ ngón trỏ như cầm hoa, tức là ấn Mãn Ý Thiên tử (các ngón kia hợp lại) như trên đều là Tịnh Cư Thiên tử.

Kế là ấn Thiên Địa, trước hợp mười đầu ngón tay đều co lại mà thành khối tròn, ngón cái cũng chui vào như hình cái bình. Kế là như ấn Thí Vô Úy ở trước mà cong ngón cái vào trong, tức là ấn Thỉnh Triệu Hỏa Thiên. Kế hai tay đều dùng ngón cái giữ ngón áp út, các ngón khác thẳng ra, cả hay tay đều che hai tay, là ấn Biến thanh âm thiên, dùng đầu hai ngón trỏ và giữa đè hai tai. Đây là hợp trời đất (ấn Thiên Địa) ở trước, nghĩa là tiếng khiến chúng đều biết, cũng là Tịnh cư thiên, đều là ấn Tịnh cư hợp thành năm thiên.

Tay bắt ấn Thí Vô Úy, dùng ngón cái giữ ngón út ở đốt thứ hai, tức là ấn Nhất Thiết Tiên. Từ đây trở xuống cùng kinh nêu là thứ hai. Đây là ấn Phổ Nhất Thiết Tiên. Trước ngón cái giữ ngón út ở mắt thứ hai, ba ngón kia duỗi thẳng như thư lớp, trước mở ngón đầu kế mở ngón giữa, kế ngón út và áp út hơi rời nhau, kế mở xòe năm ngón, đây là năm vị Tiên Đại Địa, thứ lớp theo kinh.

Kế là ấn Diêm-la, chắp tay theo cách Tam-bổ-tra, hai ngón áp út

và út co vào trong tay khiến đầu hợp nhau, dùng hai ngón cái giữ lưng hai ngón trỏ, đầu ngón cái hơi co, cho hợp với hai ngón giữa (là ấn Đàn-đồ).

■

ĐẠI TỲ LÔ GIÁ NA THÀNH PHẬT KINH SỚ

QUYỂN 14

Phẩm 9: **MẬT ẤN** (Tiếp Theo)

Kế là tay phải duỗi ra rủ xuống thành hình cái chuông, là ấn Diêm La Hậu. Kế tay trái, hai ngón út và áp út co vào trong, thò hai ngón trỏ và giữa ra, hai ngón cái như nắm tay. Đây là ấn Hắc Dạ Thiên, là Diêm La Vương Hậu. Kế tướng ấn như trước, chỉ co đầu ngón, dùng ngón cái giữ đầu ở mắt thứ hai, là ấn Lỗ-nại-la Hậu, ấn Tự Tại Thiên Hậu.

Kế dùng tay trái cũng như cầm hoa sen (ấn Chấp Liên Hoa) là ấn Phạm Thiên Hậu. Phạm thiên không có dục lâu như thân người, vì sao nói có hậu (vợ). Đây là nghĩa ấn tướng Phạm Vương Minh Phi nên nói là phi.

Kế tay trái duỗi ra, co vào hai ngón út và áp út, dùng ngón trỏ giữ lưng ngón giữa, ngón cái cũng hơi co, tức là ấn Kiều-mạt-ly-thước-để. Đây là con của Đại Tự Tại tên là Yết-để-ca, Kiều-mạt-ly là tên vợ.

Kế dùng tay trái, ba ngón giữa, áp út và út xòe thẳng ra, dùng ngón trỏ giữ ngón cái. Đây là ấn Na-la-diên Hậu. Kế tay trái nắm lại, ngón cái hướng lên trên, đây là ấn Diêm vương Thất Mẫu. Kế duỗi tay trái ra mà co lại như ôm đầu lâu để ngửa trước tngực, là ấn Giá-văn-trà. Tay trái dùng ngón cái giữ ngón áp út và út, thò ngón giữa và ngón trỏ ra, tức là ấn Niết-rị-để-đao.

Kế xòe một tay trái ra như ấn Chuyển pháp luân ở trước, chỉ chẳng đan xen các ngón là khác mà thôi. Đây ấn Na-la-diên Thiên. Kế xòe mười ngón ra úp xuống, hai ngón cái tréo nhau, tức là ấn Nhất Thiết Long. Nhân đặt ngón cái bên phải trên ngón trái là ấn Na-đà-long, nếu đặt trái lên phải thì là ấn Tiểu Nan-đà như ấn Rồng chín đầu ở trước. Thẳng bốn ngón chia làm cánh thì là ấn Kim sí điểu. Ở dưới đất thì phần nhiều làm một tay.

Kế là xòe bàn tay tả ra khiến đầu ngón không dính nhau, ngón cái giữ móng ngón út, là ấn Thương-yết-la. Như ấn trước mà hợp ba ngón

lại tức là ấn Ô-mang-na, là Hậu của Thương-yết-la. Hai ấn giống nhau, trước đầu ngón hơi co, còn ở đây thì chẻ thẳng ra.

Tay trái làm ấn nửa hoa sen (bán Liên Hoa) giống như ấn Quán Âm, ở đây khác là chỉ làm một tay, tức là ấn Phạm Thiên. Kế là chắp ngược tay ra, co hai ngón trỏ giữ lưng hai ngón giữa ở mắt thứ ba khiến đụng đầu hai ngón áp út, hai ngón áp út này cũng ở lưng ngón giữa ở mắt thứ ba. Ấn Nguyệt Thiên này và ấn Phạm vương không khác, chỉ tưởng có màu trắng là khác thôi.

Kế chắp tay co hai ngón trỏ và út vào trong, khiến hai ngón giữa và áp út cong lại như cây cung. Đây là ấn Nhật Hậu Xả Da, ấn Gió. Giống như trước là duỗi nghiêng tay trái mà co hai ngón út và áp út lại, đây là ấn Gió Tràng. Trước ngửa tay trái ra để ngang rún như ôm đàn sắt, ngón cái và ngón trỏ tay phải giữ nhau, các ngón kia thò ra, hướng vào thân động như khảy đàn, là ấn Diệu Âm Thiên. Đây là nhiếp Càn-thát-bà, đây là Thiên hậu, cũng thuộc loại Càn-thát-bà.

Kế như ấn Quyên Sách ở trước, chỉ làm ở tay trái, tức là ấn Phược-lỗ-noa Long Vương. Kế dùng tay trái như ấn Âm Nhạc Thiên Đô Trung, tay phải co ngón trỏ đè ngón cái, các ngón khác đều xòe ra mà úp xuống đặt trên tay trái, là ấn A-tu-la. Chân ngôn là: Già-la La-diễn là gia hạnh, vì hạnh chẳng thật có. La là vô cấu, La là vô tướng, diễn là vô sở đắc. Trên có dấu chấm là đại không. Càn-thát-bà, là nắm tay lại, thò hai ngón áp út và châu đầu vào nhau, là Bản Bộ Tam-muội-da. Nếu ấn sự nghiệp thì bắt một tay, nghĩa là ngón cái đè ba ngón kia mà thẳng ngón áp út ra, đó là ấn Càn-thát-bà. Chân ngôn là Phì-thâu (vào) Đà (thanh tịnh) Tát-phược-la (âm) Phược-hê-nhĩ (ra). Kế nắm tay trái lại, con ngón trỏ như móc câu mà không dính vào đầu ngón cái, là ấn Nhất Thiết Dạ-xoa. Chân ngôn là: Dược-khất-xoa (ăn nuốt) Thấp-phược-la (tự tại).

Kế là dùng ngón cái tay trái giữ đầu ngón út mà thò hai ngón giữa và áp út ra, dùng ngón trỏ giữ ngón cái ở mắt trên, là ấn Nhất Thiết Dược-xoa Nữ. Chân ngôn là: Dược-khất-xoa (ăn), Vĩ-đà (sáng).

Kế tay trái, ngón cái giữ ba ngón chỉ thò ngón giữa, là ấn Nhất Thiết Tỳ-xá-già. Chân ngôn là Tỳ-xá-giá-yết -để (đến Đệ nhất nghĩa). Kế cũng y như trước mà co ngón giữa, là ấn Tỳ-xá-chi Nữ. Chân ngôn là Tỳ-chỉ Tỳ-chỉ (Tỳ là Đệ nhất nghĩa, giá là lìa sinh tử).

Kế là hai tay chắp lại, hai ngón cái duỗi thẳng, (tách) ra khiến lìa các ngón kia, là ấn Khất-lật-hà. Nếu gần thì hợp lấy chín chấp làm định. Chân ngôn là Yết-lật-hệ (hạnh cấu nhân) Thấp-phược-lý-dã (tự

tại) Bát-la-bổ-đa (được) Nhũ-để (sáng) Ma-dã (tánh).

Trước chắp tay theo cách Tam-bổ-tra, hai ngón giữa và hai ngón cái đều giao nhau, ngón phải đè ngón trái, đó là ấn Nhất Thiết Tú. Chân ngôn là: Na-khất-xoa-đa-la (các sao) Niết-na (hai hợp = tiếng) Đạt-nhĩ-duệ (nuốt các tiếng), na là không, Khất-xoa-duệ là hết. Nghĩa là tất cả dứt hết. Đa-la là cấu. Y theo đây mà nói là ăn các chướng cấu, tức là dùng tiếng thanh tịnh mà khiến tuôn ra khắp, tức là tiếng vô cấu. Phàm như trên nói chân ngôn, đều dùng nghĩa nói khen thật đức ấy. Phát giác nó mà khiến vui mừng.

Kế là chắp tay theo cách Tam-bổ-tra, co hai ngón áp út vào lòng tay, các ngón khác như thường, là ấn Nhất Thiết Tú, tức là ấn La-sát-ta. Ở trước nói là ấn loại Địa cư thiên. Thực hành ấn hai tay hay một tay đều được. Nếu trì tụng mà làm việc thì chẳng cần bắt ấn hai tay, chỉ bắt tay trái thôi cũng thành. Chân ngôn là: La-sát-ta, Đề-xà-đa (vua).

Kế duỗi tay trái ra che miệng, lưỡi dùng tay tức là ấn Đồ-cát-ni. Chữ Hiệt Lý là lìa nhân vô cấu. Trên có Tam-muội, bên cạnh chấm tỏ vẻ giận. Ha là nhân, trên có chấm cũng giận. Đây đều là đầu như trên nói các ấn, cho đến Đồ-cát-ni là sau. Nếu nói rộng cho cùng bộ loại quyến thuộc thì các loại nhiều vô biên. Như Đại Bản trong mười muôn bài kệ đã nói. Nay phẩm này nói chính là lược nêu Thượng Thủ. Như lưới kéo một mắt thì các mắt đều theo. Bí Mật Chủ! Tất cả như thế, Phật tin hiểu sinh Bồ-tát, nêu Như Lai đã chứng Pháp giới Bình Đẳng. Vì Bổn nguyện có năng lực đại bi nên dùng thần lực che chở mà hiện môn phương tiện thân mật, vì khiến tất cả chúng sinh đều được tin hiểu, đồng vào địa Nhất thiết trí.

Cho nên các ấn như thế phải biết đều từ tin hiểu của Phật sinh ra, đều là cờ nêu của các Bồ-tát. Nghĩa là phương tiện này chỉ bày đức nội chứng của Như Lai nên gọi là Tiêu. Như ấn có rất nhiều thứ. Cho đến thân phần cử động, đi dừng đều là ấn. Nếu A-xà-lê hiểu rõ Du-già, thấu suốt chỗ bí mật, làm thanh tịnh tâm Bồ-đề, vì tâm thanh tịnh mà thông đạt pháp Bí mật. Hễ có chỗ làm đều vì lợi ích điều phục chúng sinh.

Hễ làm việc gì thì đều thuận theo oai nghi của Phật. Cho nên tất cả thân chỗ có cử động ra làm đều là ấn (cho nên tất cả cử động của thân đều là ấn). Sao chỉ có thân nghiệp mà thôi? Cho đến tất cả nói năng cũng đều là chân ngôn. Do đó, Bí Mật Chủ Chân Ngôn Môn tu hạnh Bồ-tát, đã phát tâm Bồ-đề phải trụ vào Phật địa mà thực hành Mạn-đồ-la. Nếu bảo đời cuối này các Bồ-tát tu hạnh chân ngôn đã phát tâm Bồ-đề, thì phải trụ ở Phật Địa, sau mới tạo lập Mạn-đồ-la. Nếu

chẳng như thế mà làm đàn, tức là chê bai Phật.

Cho nên từ trên đã nói, A-xà-lê phải biết rõ các ấn và chân ngôn, mỗi thứ đều khéo làm đúng pháp, lại tu hành Du-già thật lâu mà thanh tịnh ba nghiệp thân, miệng, ý, hiểu rõ thực hành pháp môn ba nghiệp bình đẳng. Nhờ Du-già và chân ngôn mà thân được gia trì, tức là đồng thân với chư Phật, Bồ-tát, đồng với vị Phật. Do đây mà tương ưng Tam-muội, sư lý không trái nhau mà kinh luận viên đàn cho đến nơi chốn, sắc tưởng... mỗi pháp đều xứng lý mà chẳng lầm lỗi, khéo biết thứ lớp. Phải biết nhất định sẽ được lợi ích lớn chẳng hề luống dối.

Nếu chẳng như thế, thì được vượt tội Tam-muội-da. Tam-muội-da là tự thể, tất cả Như Lai lập thệ nguyện là muốn khắp vì tất cả chúng sinh khai thị tri kiến Phật, khiến đều như mình. Dùng phương tiện mà lập pháp này, cho nên cũng như phép vua ở đời chẳng thể vượt qua. Nếu ai vượt qua thì bị tội nặng cho nên phải tương ưng với tâm Bồ-đề, trụ vào Phật Địa mà làm. Nếu chẳng thuận giáo thì uổng phí công phu, ngày tháng luống qua, không thành tựu gì, luống vời tội lỗi mà vô ích. Cho nên người tu phải xét cầu kinh pháp. Lại nhờ Minh sư khai thị, chớ để tự lầm. Đã nói rộng về phẩm Ấn xong.

Phẩm 10: TỰ LUÂN

Phật lại bảo Kim CangThủ, trước là Kim Cang Thủ hỏi mà Phật đáp theo thứ lớp . Văn trước có chỗ chưa đủ, nay lại nói. Cho nên bảo hãy lắng nghe. Có pháp môn gọi là Biết Nhất Thiết Xứ, khi Bồ-tát kia tự trụ vị tất cả việc làm đều được thành tựu. Tức pháp môn Tự luân này là pháp môn Biến Nhất Thiết Xứ (trùm khắp tất cả mọi nơi). Nếu Bồ-tát trụ pháp môn Tự luân này, trước từ phát diệu tâm Bồ-đề cho đến thành Phật, trong đó có tất cả sự nghiệp tự lợi, lợi tha nhờ pháp môn này nên tất cả đều được thành tựu, không có chướng ngại. Lại từ chỗ nói trên, A-xà-lê trụ vào Phật Địa, nghĩa cũng chưa rõ. Nghĩa là chữ môn trong đây là đó. Trước hết chữ A tức là tâm Bồ-đề, nếu quán sát chữ này mà tương ưng tức là đồng thể với pháp thân Tỳ-lô-giá-na. Nghĩa là quán tự luân A này, cũng như đuôi chim công có nhiều vầng sáng vây quanh. Người tu trụ trong đó tức là trụ vào Phật vị. Lại nói: Tự luân này phải làm ba lớp ở trong để đặt chữ A, còn quyến thuộc các chữ khác đều ở ngoài. Lại chữ A này có năm thứ: A Âm Ác Ác, lại mỗi Tự luân ở trước có ba lớp quy mạng Tam bảo tâm chân ngôn, tức là chữ A, chữ Ta, chữ Phược. Ba chữ này hiển bày ý nghĩa ba bộ. Chữ A là Như Lai Bộ, chữ Ta là Liên Hoa bộ, chữ Phược là Kim Cang Bộ. Mỗi bộ tùy năm tự luân mà chuyển, tùy nghĩa tướng mà tương ưng.

Trước nói Mạn-đồ-la, nay nói luân tức là nghĩa Mạn-đồ-la. Trước, là trong đàn phát tâm là Đại Nhật Như Lai, tức đồng với chữ A trong đây. Bên phía Bắc để hoa sen và các quyến thuộc đều ở một chỗ, tức là chữ ta trong đây, phía Nam để Chấp Kim Cang và các quyến thuộc đều ở một chỗ, tức là phược trong đây. Nay từ chữ A lại sinh ra bốn chữ tức là Diệp Đại Bi Thai Tạng. Từ một chữ Phược mà chuyển sinh ra nhiều chữ, nên gọi là Luân.

Thứ nhất chữ A, tức là tâm thể Bồ-đề, kế là có Ca-khư-nga-già... năm âm đều lấy bốn chữ (đều trừ chữ thứ năm). Kế lại lấy Dã-la cho đến Khất-xoa đều là tiếng Nam, đều vào tự luân A. Người tu đã phát tâm Bồ-đề rồi thì phải đến tu hạnh Như Lai, cho nên kế là nói tự luân A là hạnh. Ba bộ là ba chữ A-sa-phược, kế là chữ Ca cho đến Khất-xoa, cũng đều là bên góc thêm dấu chấm, để làm Tự luân âm thanh dài.

Đã đầy đủ hạnh Như Lai thì thành Bồ-đề. Cho nên nói Ám tham. Tự luân chính là ba bộ này. Ở đây trên chữ A có dấu chấm là nghĩa Đại Không, cũng như tâm Bồ-đề này lìa các tướng, tức gọi chư Phật là thành Bồ-đề. Kế chữ Ca cho đến Khất-xoa đều thêm trên một dấu

chấm làm tự luân Âm. Đã thành Bồ-đề thì sẽ đến đâu, đó là Đại Niết-bàn, cho nên kế ở trong đây mà nói: Á-sách-mô... Tự luân là ba bộ. Như Ca cho đến Khất-xoa đều thêm hai dấu chấm tức là Niết-bàn luân. Chữ Ác là phương tiện luân, cho nên trong đây không. Đây là Thích-ca Phật Luân.

Phàm Tự luân lớn có ba phần, chữ đầu tiên là chữ A tức một phần, kết là chữ Ca cho đến hai mươi chữ là phần thứ hai. Kế chữ Dã cho đến chữ Ha là phần thứ ba. Bỏ chữ Khất-xoa. Do chữ này đã trùng. Từ trên đều là chữ trí tuệ. Kế có tám chữ Y, Y, Ổ, Ô, Ê, Ái, Ác, Áo. Thêm tám chữ này thì thành tựu Tam-muội, đều là tiếng Tam-muội cả. Cũng tùy năm luân mà thường chuyển nghĩa, cho nên biết.

Kế có Nga Nhã Tra Nang Mô, chữ này ở khắp tất cả mọi nơi, nghĩa là khắp trong định tuệ. Nhưng năm chữ này tùy năm luân mà chuyển. Nghĩa là thêm dấu chấm ở bên hoặc thêm chấm tròn trên hoặc thêm hai chấm ở bên, năm thứ này thành năm chữ. Gọi năm luân, là từ luân này chuyển mà sinh các chữ. Luân nghĩa là sinh. Như từ chữ A mà sinh bốn chữ. Nghĩa là chữ A là tâm Bồ-đề, A là hạnh. Ám là thành Bồ-đề, ác là đại Niết-bàn hoàn toàn vắng lặng, ác là phương tiện. Như chữ A, nên biết chữ Ca, cùng năm chữ cho đến chữ khư,... gồm hai mươi chữ, phải biết cũng như thế.

Kế có mười hai chữ tức là: Y Y Ổ Ô Lỗ Lưu Lư Lưu Ế Ái Ô Áo, tức là đồng với chấm trên, nghĩa là Tam-muội. Ngưỡng, Nhương, Noa, Nẵng, Bôn cũng có năm chữ, tức đồng với chấm trên. Tám chữ Dã, la... tức đồng hai dấu chấm bên, là nghĩa trừ. Phải biết Tự luân này là trùm khắp trong tất cả chân ngôn. Nếu thấy chữ A phải biết là nghĩa tâm Bồ-đề. Nếu thấy chữ A dài là biết tu hạnh Như Lai. Nếu thấy chữ Ám phải biết là thành ba Bồ-đề. Nếu thấy chữ Ác phải biết là chứng Đại Niết-bàn. Nếu thấy chữ Ác dài phải biết là năng lực phương tiện. Nếu thấy chữ hai mươi chữ như Ca... cũng tùy nghĩa loại mà giảng nói. Phải biết các chữ này đều là tuệ. Nếu thấy tám chữ như La... phải biết tức đồng với dấu chấm ở bên, cũng là tùy loại mà tương ưng. Nếu thấy y... tức là hiển Tam-muội. Nếu thấy năm chữ như Ngưỡng... phải biết tức là dấu chấm đại không. Đại không là lìa tất cả các tướng, tức là nghĩa thành Phật. Nếu người tu thấu suốt như thế thì có khả năng nhập vào tất cả nghĩa Đà-la-ni, xoay chuyển vô ngại, nên gọi là Tự luân. Như thế Bí Mật Chủ Tự Đạo Môn Thiện Pháp Chân Ngôn Đạo trụ thứ lớp. Chư Phật thần lực gia trì Tam-miệu Tam-phật-đà Đạo Bồ-tát Hành Vũ. Kinh nói như thế tức là chỉ cho Tự luân ở trên. Như trên đã nói Định Tuệ

Không... tức là môn Phật đạo năng thành đạo Chánh giác. Nếu hiểu biết nghĩa chữ tức năng trụ ở Đạo Chân Ngôn. Trong pháp thứ lớp đó thì tướng chứng nhập có thềm bậc khác nhau cũng đều hiểu biết, thấu suốt thông bít không có đuối lý. Nhưng tất đàn tự mẫu này cho đến đồng tử thế gian cũng thường tu tập, làm sao làm việc nhanh như thế. Các chữ này đều là Như Lai gia trì thần lực, từ thể tánh nội chứng của Như Lai mà tuôn ra cho nên hay có nghiệp dụng không thể suy nghĩ bàn luận đó. Nếu người hiểu rõ ý thú phương tiện này thì thông suốt đạo Tam-bồ-đề. Khéo léo thông suốt, nghĩa là thấu suốt tất cả căn tánh dục của chúng sinh, thì dùng pháp nào mà được vào đạo, phải từ môn nào được hiểu ngộ. Như thế... vô lượng vô biên đều hiểu biết mà cùng chúng sinh nhận lãnh diệu pháp thì đều khiến đến được địa vị Như Lai. Vũ là như người đời múa, mà ở giữa đại chúng cử động thân nghiệp, co duỗi cúi ngửa, lại phát ra các ca khúc vi diệu thấp hèn, thuận chỗ ưa thích của chúng sinh, khiến đại chúng ấy đều vui mừng, hoặc lo buồn hay sợ sệt dùng một thân miệng mà bày ra phương tiện khiến các chúng sinh được lợi ích khác nhau, do nó khéo biết tới lui, thuận theo tâm chúng sinh. Bồ-tát cũng như thế. Hiện các thứ oai nghi đều thành ấn, phát ra các thứ diệu pháp âm đều là chân ngôn, viên ứng vô phương đều được lợi lớn, gọi là Bồ-tát Vũ. Các Đức Như Lai ba đời đều nói như thế, đã nói, nay nói, sẽ nói tự Môn Chân Ngôn Tịnh Đạo như thế, chư Phật đạo đồng mười phương ba đời đều hiện khắp sắc thân như thế, dùng các môn khai thị Phật đạo, đồng như nhảy múa ca hát, thuận theo tình người. Không có kia đây, vì ta dùng Phật nhãn mà nhìn khắp tất cả Phật ba đời đồng nói môn này. Tất cả Phật không khác với ta và tất cả Phật cùng các Như Lai ấy cũng không nói khác. Cho nên không có kia đây. Đây là tất cả giáo của Phật phải nên như thế mà tu hành. Nếu khác đây thì phương tiện chẳng đủ. Cho nên Như Lai biết thành nghĩa kia mà bảo Kim Cang Thủ, như bảo Kim Cang Thủ phải biết tức là bảo tất cả đại hội, nghĩa là Bồ-tát thực hành chân ngôn. Nếu muốn mau được pháp của Phật xưa, phải nên tu học pháp môn khắp tất cả mọi nơi như thế. Dốc lòng lắng nghe, suy nghĩ tu học. Nhờ đó mà trong một đời sẽ được tất cả các thứ mùa may ca hát của Như Lai mà làm vui chúng sinh. Trước, giữa, sau đều gia trì. Nghĩa là năm chữ như A... là đầu, hai mươi chữ như Ca... là giữa, tám chữ như La... đều là chấm bên cạnh. Các chữ này đều là nghĩa giúp thành chữ, cho nên thuộc phần sau.

Phàm Ca-giá Tra-đa-ba... đều thuộc tự môn A. Chữ A là tâm Bồ-đề. Trong đây trước, giữa, sau cùng che chở nhau, như riêng một chữ A

là tâm Bồ-đề. Nếu cạnh góc thêm hoa tức là hạnh. Đây là tâm và hạnh Bồ-tát. Nếu ở trên thêm dấu chấm tức là tâm Bồ-đề và Đại không, lìa tất cả tướng mà thành Bồ-đề. Nêu cạnh chữ A thêm hai chấm tức là tâm Bồ-đề và dứt trừ tất cả chướng mà được Niết-bàn. Đó đều do bắt chước đây mà chuyển che chở nhau. Hoặc chỉ có một nghĩa, hoặc hai, ba nghĩa nên biết. Hoặc có chữ A trên tuy không có điểm mà kế lại có chữ là chữ trùng. Nó có các âm thanh Ngưỡng, Nhương, Noa, Nẳng, Bôn, vì đây liền với trước tức là chữ Ám. Sở dĩ như thế, vì chữ Ngưỡng... đây là dấu chấm, dùng thêm ở trước tức chữ A thành âm ấm, hoặc chữ A không có chấm, kế đó có chữ trùng, như Ca-khư-nga-già là thêm bốn chữ, dùng chữ Ngưỡng là dấu chấm, chữ Giá-xa-xà-xả dùng chữ Nhương làm dấu chấm, là bắt chước theo đây. tiếng La... phối với trước liền thành chữ Ác. Như thế đã rõ La... đều là hai chấm bên cạnh. Nay dùng liên trước, A liền thành tiếng ác. Phàm pháp thể vô ngôn (không lời, không nói năng), lìa các phân biệt hý luận. Lại tất cả Như Lai sẽ dùng thần lực tự tại che chở thành tự luân, nên làm được việc Như Lai mà lợi ích chúng sinh.

Ca-giá Tra-đa-bạt Tam-muội phẩm chứng tâm Bồ-đề thực hành Phật thọ trao cho Niết-bàn. Đây là nói các chữ cùng gia nhau mà có chân ngôn giáo trước, giữa, sau đầy đủ. Như thế mà biết tùy ý trì tụng, là quyết ý mỗi câu biết rõ sẽ trao cho câu Vô thượng thù thắng. Biết như thế, tức là tên trí và Nhất thiết trí khác nhau. Nếu người tu biết mười lực tự luân như thế, thì các mong muốn đều được thành tựu. Tóm lại, tất cả đều tùy ý thành, nghĩa là thành tất cả sự nghiệp Như Lai. Nếu thành tựu tức là đồng với Pháp vương, đối với tất cả pháp được tự tại. Cũng được tùy sở nguyện mà vì tất cả chúng sinh mở bày tri kiến thanh tịnh, khiến được Phật tuệ. Người nào được lợi ích này, tức là như lý đủ duyên khéo trì tụng. Cho nên kế là nói trì tụng. Ai được ý quyết định này tức là người có tuệ. Khéo hiểu biết là biết nghĩa Tự luân, tùy các chữ A... mỗi tự môn đều tùy hành tu hành, thì chắc chắn đều được quả Bồ-đề chớ nên nghi ngờ. Trong đây là biết pháp nào, tức là như chữ A là tâm Bồ-đề, thêm dấu chấm tức là hạnh Bồ-đề, thêm vào đại không tức là thành Phật. Nếu tâm Bồ-đề thanh tịnh dứt trừ tất cả cái chướng, tức là Đại Bát Niết-bàn, không còn có nghĩa nào khác. Như thế mỗi mỗi đều biết thông suốt tức là nhận được câu Vô thượng thù thắng. Câu Vô thượng tức là thành Bồ-đề. Tâm Vô thượng Bồ-đề này tức là trí tự nhiên của chư Phật. Không thể trao cho, là chỉ cho người tu phương tiện đầy đủ, khéo biết nghĩa Tự luân. Tự nhiên mà được tức là trao cho Vô

thượng Bồ-đề. Như một luân ấy, luân chuyển tự luân mà biết trì tụng thì thường sáng soi thế gian như Thế Tôn Tỳ-lô-giá-na. Luân chuyển là như luân thế gian khi quay tròn thì chẳng thể biết đầu cuối, không có bến bờ chẳng thể cùng tận, phải biết mỗi tự luân này cũng giống như thế. Từ chữ A quay tròn sinh ra tất cả chữ. Tự luân này tức là danh tự trong khắp tất cả chân ngôn, xoay chuyển tổng trì không có bờ mé, chẳng thể cùng tận khắp tất cả chỗ. Tức là trăm ngàn muôn ức Tuyền Đà-la-ni. Nếu người tu làm được như thế mà hiểu biết nghĩa tự luân, thì lấy đây làm thường sáng mà chiếu soi thế gian. Nói thường trụ tức là thể của Đại Nhật Như Lai, đồng với Tỳ-lô-giá-na kia mà chuyển pháp luân. Thường Minh trong đây tức là mặt trời Đại tuệ. Mặt trời này tức là thể chữ A tâm Bồ-đề, vô sinh vô tác không dời đổi, không do đâu tạo thành, thật tướng tuệ thường trụ như thế nên gọi là Thường Minh. Nếu người tu siêng năng cố gắng tu lâu không lui sụt thì chắc chắn sẽ được. Nhưng ở trên nói Mạn-đồ-la giữ gìn pháp dụng tán hoa quán đảnh, cho đến hoặc trao cho gương sáng. Như kim bài làm lóa mắt, như thế... đều là mới phát tâm Bồ-đề, dùng phương tiện gia trì thứ lớp pháp dụng mà thành, tâm đó bền chắc làm thềm bậc mà vào Phật pháp, song bí chỉ trong đây ở tại Tự luân. Vì sao? Vì người tu làm A-xà-lê cho người muốn tạo lập Mạn-đồ-la ở trước thì trụ ở vị thành tựu, nghĩa là tập hợp các môn chữ này thành thân, tức là thân đồng với Phật. Nghĩa là Du-già A-xà-lê quán hạnh thành tựu, tùy tâm làm nhậm vận đều thành. Quán tự luân này khắp bày ở thân phần cũng thấy sáng rõ, tức cũng đồng địa vị với Phật. Nhưng khi bày chữ thì phải chia làm bốn phần, tức là bốn lớp Mạn-đồ-la. Đầu là phần trước, là chữ A vị tâm Bồ-đề. Từ Ca-khư Nga-già-ngưỡng... cho đến Xà-ta(sa)-ha, hễ là tiếng thứ nhất thì đều thuộc tâm Bồ-đề. Phải từ giữa hai đầu chân mày người tu là chỗ tướng sợi lông trắng mà quán chữ Ca. Từ Khư trở đi phải xoay vòng bên phải mà đuổi theo mặt trời xoay mà quay một vòng khiến hoàn chuyển tiếp nhau.

Kế là từ cổ họng trở xuống là phần thứ hai thuộc chữ A dài, cũng phải ở trong đó mà cùng sợi lông trắng trên dưới liền nhau quay về bên phải một vòng nối tiếp nhau. Đây là hạnh Bồ-đề. Kế từ tim trở xuống là phần thứ ba thuộc tự môn Ám. Từ trên tim mà bày giữ Khiếm kế đó xoay về bên phải một vòng mà tiếp nhau, là Đại Niết-bàn, cũng từ trong mà để chữ Ca. Kế đó xoay bên phải một vòng mà tiếp nhau. Đầu làm phần trên, cổ họng làm phần giữa, rún làm phần sau (đây là phát tâm Bồ-đề làm đầu, hạnh quả làm giữa, vắng lặng làm sau).

Thứ đến là chữ Ác trùm khắp tất cả chỗ tùy ý làm đều được. Đây ở ngoài thân như ánh sáng thân Phật. Tùy ý mà dùng, chẳng ở trong thân mà bày vị chữ. Chữ Ám cũng thế, giống như chữ ác. Thầy đã như thế thành thân rồi, Mạn-đồ-la cũng sắp bày như thế. Cũng nghĩ đệ tử khiến như thế mà làm ba việc đều thành, là Bí mật Mạn-đồ-la. Nếu chẳng hiểu rõ ý thú trong đây, tuy y theo pháp sự trước mà làm chẳng gọi là khéo làm, uổng phí công phu cũng không thành được gì. Lại pháp bày chữ này là Bí mật Mạn-đồ-la, tự chẳng phải lậu, tu hạnh chân minh, người có khả năng nhận lãnh mới dùng ý truyền trao, chẳng thể dùng văn mà chép, cho nên thầy dùng miệng truyền trao mà chẳng nói kinh. Chỉ nói như Tỳ-lô-giá-na luân chuyển.

Lại nữa người tu phải biết sắc các chữ. Nghĩa là chữ A đầu và hai mươi lăm chữ như Ca... và Dã-la cho đến chữ Ha đều thuộc về chữ A sắc vàng, đó gọi là sắc Kim cang. Thứ hai chữ A chuyển thành màu vàng nhạt, đó là sắc tịch tịnh. Chữ A thể vàng Tam-muội là trắng, hai sắc hợp nhau nên thành vàng nhạt. Thứ ba là thêm dấu chấm trên đầu cũng làm màu vàng nhạt là ám. Chữ A màu vàng, đại không màu trắng, cho nên vàng nhạt. Thứ tư chữ ác chuyển thành màu vàng đen. Chữ A vàng hai chấm Niết-bàn màu đen. Cũng có thể hai chấm là nghĩa hàng phục. Cũng như Niết-bàn phá hoại đè hẹp tất cả chướng pháp. Ở đây cũng giống như thế, hai dấu chấm là màu đen. Thứ năm là chữ ác, là thể chữ A màu vàng, chấm trên màu trắng, chấm bên màu đen, phải biết tức là các thứ màu sắc lẫn lộn. Hễ bày Mạn-đồ-la cũng làm ba lớp. Lớp một chữ Ca cho đến chữ Ha giáp vòng. Lớp trong gọi là Kim Cang Luân. Kim Cang luân này giữ gìn tất cả pháp. Cũng giống như thế giới Kim Cang luân trì, thế giới tức là luân tâm Bồ-đề đầu tiên, nghĩa là muốn giữ chắc tâm Bồ-đề thì trước phải thành lớp trong.

Kế là luân thứ hai, nghĩa là A Ám đây là hai luân A dài và Am đồng là phần (giữa). Nếu dùng chữ Ca làm luân thì chẳng cần dùng luân chữ Khiếm.

Kế là thứ ba là Luân Dụng, luân chữ ác, cũng thuận giữa như trên, khiến sắp bày hoàn hợp. Là mười hai chữ y... tan bày ra ngoài cũng như ánh sáng. Đây tức là nghĩa ba chuyển pháp luân. Như thế bày rồi trì tụng tức là Thần Trì Minh. Cũng như mặt trời Như Lai thần lực gia trì đều chẳng khác. Luận này cũng gọi là nhân duyên luân. Thầy và đệ tử đều là Mạn-đồ-la, đều thực hành như luân Bí mật. Lại các chữ này tức là luân chân ngôn, cho nên có bốn luân.

Lại Tự luân này là tiếng Phạm là luân Ác-sát-la, Át-sát-la là bất

động, bất động là chữ A tâm Bồ-đề như Tỳ-lô-giá-na trụ ở thể tánh tâm Bồ-đề, các thứ thị hiện Phổ Môn lợi ích, các thứ biến hiện vô lượng vô biên. Tuy thế mà thùy tích (hiện thân) vô cùng tận, thật thường trụ bất động, cũng không có tướng sinh diệt. Cũng như bánh xe quay mãi vô cùng mà trong đó không hề lay động. Do bất động nên chế phục được các động mà vô cùng cực. Chữ A này cũng giống như thế. Vì vô sinh nên tức vô động vô thoái, mà sinh ra tất cả tự luân chuyển vô cùng. Cho nên gọi là bất động luân. Nếu người tu hiểu rõ luân bất động như thế mà sắp bày các minh, tức là vì thể nó tự nhiên. Nên thân có sự biểu hiện, đều là mật ấn miệng nói ra đều là chân ngôn, hễ có thấy nghe hay biết đều chắc chắn thành tựu lợi ích Vô thượng Bồ-đề, thật chẳng luống dối.

Nếu được như thế tức là cùng với Tỳ-lô-giá-na làm Phật sự, thường soi sáng thế gian. Khi người tu trì tụng thì phải quán tự luân hoặc là Câu-luân. Gọi là Cú luân là quán tâm Bổn tôn trên có vầng ánh sáng tròn mà bày chữ chân ngôn xoay vần nối nhau khiến hiện ra rõ ràng. Khi trì tụng thì quán chữ này cũng như sữa trắng. Kế tuôn chảy vào miệng người tu hoặc chảy vào đầu, nối nhau không dứt, ở khắp thân cho đến khắp các chi phần. Trong vầng ánh sáng tròn thì chữ luôn sáng như nước chảy mãi không dứt. Như thế mà trì tụng cho đến mệt nhoài thì chỉ trụ ở tịch tâm, nghĩa là quán hạt giống chữ. Phép quán như trên đã nói đủ. Nếu thấy được hạt giống chữ rồi tức là từ trong hạt giống chữ mà thấy Bổn tôn. Như thế thành rồi thì sẽ khắp bày Tự luân mà thành thể Trì minh, mới có khả năng gánh vác các sự nghiệp. Như thế chữ A là nghĩa bất động thể Kim Cang. Hễ muốn cho sự bền chắc bất động, hoặc khiến cho mình hoặc người đạo tâm bất động thì đều dùng chữ A này mà-gia, còn tất cả chữ khác cũng tùy việc mà dùng cho tương ưng.

Phẩm 11: BÍ MẬT MẠN-ĐỒ-LA

Bấy giờ, Tỳ-lô-giá-na Thế Tôn lại nhập vào Nhất Thiết Pháp Giới Như Lai Nhãn Giới Quán, Pháp Giới Tạng Phấn Tấn Như Lai Bình Đẳng Nghiêm Tạng Tam-ma-địa Chứng. Pháp giới vô tận trang nghiêm hiện nên dùng hạnh môn chân ngôn ấy để độ không sót chúng sinh trong các thế giới thì Bổn nguyện mới đầy đủ. Từ trên đã nói phẩm Tự Luân xong.

Kế là nói phẩm Bí mật Mạn-đồ-la. Do bí mật nên hễ có nói gì đều là Như Lai gia trì thần lực, chẳng thể biểu thị, nên gọi là Thần Lực Gia Trì Tự Luân phẩm (tất cả phẩm khác đều giải thích như thế).

Đã nói Tự Luân phẩm xong, kế là muốn thành tựu Tự luân này nên lại nhập vào Tam-muội. Trong đây kinh nói là nói xuất định. Tất cả pháp giới tức là pháp giới vô tướng. Đã là pháp giới vô tướng thì dùng Phật nhãn mà quán pháp giới như thế. Lại giải thích theo Bí mật, như Tự luân trên tức là pháp giới của chư Phật, dùng Phật nhãn mà quán pháp giới này. Phải biết Phật nhãn quán này tức là năng lực gia trì của Như Lai. Nếu lìa gia trì thì chẳng thể nói. Pháp giới tạng, tạng này tiếng Phạm là Câu-xá, là nghĩa cái túi dao (vỏ kiếm) cũng như dao của thế gian ở trong túi. Tạng này cũng như thế, nên dùng nghĩa đó. Trong đây nói pháp giới tạng tức là từ chỗ Như Lai ra, nghĩa là tất cả Như Lai ở trong đó. Phấn tấn là nghĩa tuôn ra, tuôn ra tràn trề. Như sư tử đầu đàn ở trong hang sâu bất động, có lúc ra ngoài mà dạo chơi khuấy động. Tức là thân ấy vốn bất động nay khiến lìa chỗ thường mà động. Phật cũng như thế, ở yên như thế trong Thâm Mật Tạng. Nếu không phải thần lực gia trì của Như Lai thì vi diệu lặng dứt không thể hiện ra. Nay thị hiện ra vô tận thân, miệng, ý đủ các hình tiếng đầy khắp pháp giới tức là chư Phật phấn tấn. Thị hiện Như Lai Bình Đẳng Nghiêm Tạng, đây là Thai Tạng, cũng vào pháp môn này mười phương ba đời tất cả thân, miệng, ý Như Lai thảy đều bình đẳng, bình đẳng, Phật Phật đạo đồng nên gọi là Đẳng. Nghiêm nghĩa là trang nghiêm thân ấy, tức là dùng vô lượng môn Phật đạo mà trang nghiêm pháp thân, để độ chúng sinh. Tức dùng pháp giới bình đẳng mà trang nghiêm pháp thân, nên gọi là nghiêm. Cũng như trong chỗ quân binh ở thế gian có cây cờ lớn gọi là nghiêm. Tam-muội này cũng như thế. Do Tam-muội này mà biểu bày được sự bí mật của Như Lai nên lấy đó làm tên. Tạng ở đây, tiếng Phạm là Yết-ha, tức là chảy ra vô tận trang nghiêm, phấn tấn hiện bày chẳng thể cùng tận. Cũng như kho báu lớn. Tạng pháp giới bình đẳng này tức là nghĩa tạng

Như Lai, vì pháp giới trang nghiêm chẳng thể cùng tận. Cũng như Tự luân xoay mãi chẳng thể cùng tận nên gọi là Vô tận tạng. Vì sao Như Lai đối với Tam-muội này, đều cho là nhân duyên? Cái gọi là sự mở bày chỗ bí yếu sâu xa của Như Lai. Cho nên khế kinh nói: Dùng môn chân ngôn ấn mà độ không sót chúng sinh trong thế giới, đầy đủ bản nguyện. Khi xưa Phật hành đạo Bồ-tát có lập đại thệ nguyên đều khiến tất cả chúng sinh đồng vào Tạng Như Lai pháp giới. Nay thệ nguyện đã trọn vẹn, do đại bi nên hăng hái thị hiện độ chúng sinh, như pháp giới nghiêm tạng chẳng thể cùng tận, Chúng sinh trong thế giới chẳng thể cùng tận cũng như thế. Nay muốn đem khắp hạnh môn chân ngôn bình đẳng lợi ích đều khiến mở bày tri kiến thanh tịnh rốt ráo không sót, tức là sở nguyện được đầy đủ nên gọi là mãn Bổn nguyện.

Lại nữa, thực hành pháp chưa được thành tựu, cũng vì chưa thành tựu nên tu hạnh chân ngôn chẳng được mau thành đạo Vô thượng. Nay lại quyết trạch đều khiến được hiển hiện là nhập vào định này. Kế là ở trong định, nghĩa là Phật trụ ở Tam-muội mà hiện việc ít có để lợi ích khắp chúng sinh. Đây ở trong định làm sao hiện ít có, nghĩa là không sót chúng sinh trong thế giới, Thanh môn... như ý nghiệp sinh thành tựu, chịu các quả báo về âm hình sắc, tùy tâm nghĩ nói các pháp, khiến tất cả chúng sinh vui mừng. Tất cả lỗ chân lông ở pháp giới tạng thân đều xuất ra. Âm thanh Phạm này cũng là gầm thét. Cũng như rồng xuất hiện tiếng sấm. Tiếng sấm gầm thét tất cả đều nghe không đâu chẳng khắp. Như Lai gầm thét cũng thế, khắp giới vô dư hữu tình. Giới này vô lượng tiếng cũng nghe khắp, chẳng phải như rồng ở đời có hạn lượng, chúng sinh thượng trung hạ phẩm tùy theo nghiệp mà chịu quả báo, cho nên nói chúng sinh thành tựu. Cũng như người đời nhai mà chưa nuốt, thì cũng chưa gọi là nhận. Nếu nhận lãnh ăn rồi, mới gọi là nhận ăn. Nay dị thục chịu quả báo cũng như thế, tiếng gọi nhân trước mà thọ báo ấy hình sắc khác nhau, tiếng nói muôn thứ khác nhau, ý lạc tin hiểu cũng đều khác. Phật dùng một thứ tiếng bình đẳng, ứng khắp các tâm chí, tùy tiếng nói mà mở bày cho họ các phương tiện suy nghĩ, hiểu biết mà dạy dỗ khiến vui mừng, tức là điềm lành chưa từng có trong Tam-muội. Trong đây nói các thứ, như nghĩa tiếng trong luận, phải nhờ các âm hòa hợp cùng nói lên một nghĩa. Nếu nghĩa chưa tròn thì phải thêm một chữ cho tròn. Nếu bốn âm cùng nói lên một nghĩa, nay dùng ba âm nghĩa ấy cũng khắp, thì trừ đi một chữ. Như thế mà tùy lời thêm bớt. Nay ở đây cũng như thế, chỉ dùng một tự môn A mà đủ tất cả nghĩa, đối với việc đều trọn vẹn nên gọi là nói, chẳng đồng với nói của nói pháp. Tiếng

Phạm có khác, lại hỏi: pháp giới tăng thân xuất ra, là bình đẳng pháp giới rốt ráo vắng lặng không có tướng ra vào. Vì thần lực gia trì của Như Lai mà sinh ra sắc thân vô tận, nghĩa là từ trong mỗi lỗ chân lông của Phật mà hiện tiếng gầm thét như trước. Lại sinh ra các hình sắc gọi là pháp giới tạng thân. Tướng ấy duyên mà khởi tánh vô sinh. Như thật tướng ấy tức đồng thể pháp giới, làm sao có tăng thêm sinh diệt ư? Tuy pháp duyên khởi thể thường như thường, nhưng vì năng lực gia trì của Như Lai nên từ mỗi lỗ chân lông đều hiện tiếng gầm thét, hoặc dùng lời mềm mại, hoặc thô bỉ, hoặc sâu xa, hay cạn cợt đối với tâm cơ ấy. Như sóng biển lớn không quá hạn thường, thân ấy cũng thế, hoặc lớn hoặc nhỏ, hoặc giận dữ hoặc thực hành sáu độ, hoặc làm oai phục muôn thứ khác nhau mà độ hữu tình không hề lầm lẫn. Trước nêu Tự luân nay từ pháp giới luân mà hiện hình tiếng, xuất ra từ hư không đều cùng trong thế giới, một âm thanh pháp giới nói lên Như Lai sinh kệ thuyết, là như hư không chẳng có bến bờ. Tiếng này cũng thế, đồng với hư không. Biểu là biểu thị, tức là ngữ nghiệp biểu thị của Như Lai, nghĩa là biển hiện tất cả chúng sinh đều khiến xứng ngộ pháp giới bình đẳng, dùng diệu âm mà biểu thị pháp giới, nói pháp giới tức là tâm.

Một âm tức là tuôn chữ A luân chuyển vô cùng bằng hư không đầy khắp pháp giới. Chư Phật ba đời đều từ diệu kệ như thế mà sinh ra. Nay Phật từ môn nhất âm này mà nói diệu kệ, không để sót pháp giới, bình đẳng nghe biết tùy loài được hiểu, cho nên lấy làm tên. Như trên đã nói Tự luân, muốn biểu hiện công đức Như Lai cho nên Phật ở mỗi mỗi lỗ chân lông phát ra diệu âm thanh khắp cõi này, nói nghĩa sâu xa của nghĩa Tự luân ấy, nên gọi là kệ sinh ra chư Phật. Nếu có chúng sinh hiểu biết nghĩa tự luân như thế liền thành Bồ-đề, nên nói tất cả chư Phật từ đó sinh ra. Nhưng pháp thân chư Phật lìa sinh diệt. Nếu Như Lai có sinh tức là có chấp tướng, hễ có chấp tướng thì sinh tử còn chẳng thể lìa huống chi thành Đại Bồ-đề. Nay nói sinh là chân thật lìa tướng sinh, vì pháp thân thanh tịnh lìa tất cả tướng. Nhưng vì Phật dùng năng lực gia trì nên dùng Tự luân này để mở bày đức nội chứng bí mật của Như Lai. Phật gia trì thần lực tự tại, do đây mà có tướng phương tiện sinh ra tướng cúng dường. Cũng như khi nó chưa hiểu biết, như tự luân này mà dùng làm phương tiện. Dần dần sẽ hiểu rõ quán sát tự môn A. Vì tự môn A này tức là pháp thân rốt ráo tự tại. Kệ rằng: Sinh tùy loại hình pháp, các pháp tướng nghĩa là vào tự môn A này, tức là pháp thân bình đẳng. Do pháp thân vô tướng này, tức là tùy theo duyên cảm ứng hiện khắp sắc thân, tùy các thứ hình loại ấy, dùng thân ưa thấy mà chỉ bày cho trí tuệ

Như Lai.

Kệ rằng: Chư Phật Thanh văn và các Duyên giác, cứu thế Bồ-tát tiến mạnh như Phật. Cũng như thế, là do thân tướng Vô thượng này, tất cả chư Phật đều từ đó sinh. Không phải chỉ chư Phật từ đây sinh, mà tất cả Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát các thứ hạnh vị cho đến vị Nhất sinh bổ xứ đều do lý chữ A này mà sinh. Không phải chỉ sinh ra tất cả Thánh hiền, cho đến tất cả hữu tình thế gian và khí thế gian, các thứ khác nhau thứ lớp thêm lớn cũng đều từ nghĩa chữ A này sinh ra. Cho nên sinh ở đây lược có ba thứ: Thượng phẩm sinh, nghĩa là sinh ra quả thể thường trụ pháp thân chân tịnh của Như Lai, kế là sinh chư Phật, Bồ-tát, Nhị thừa, tùy ở địa vị nào mà dứt chướng ấy. Hạ phẩm sinh tức là hữu tình và khí thế gian, cũng đều do pháp môn này mà được sinh trụ... các pháp sinh thường. Nhưng chỗ nói trong đây khác với chấp Đoạn thường của ngoại đạo. Các pháp tuy từ nhân sinh, mà Nhân sinh thì vô tướng, tuy từ duyên sinh mà duyên này vô tướng tuy từ duyên khởi mà pháp vốn bất sinh, tuy từ duyên sinh diệt mà không có tướng sinh trụ thế nên là thường. Không phải đồng với chấp (kiến) của ngoại đạo cho nên nói sinh diệt thường.

Kệ rằng: Có trí phương tiện lìa cả nghi bất tuệ. Là thấu suốt luận chữ A, các pháp đều rốt ráo không thật có, thể vắng lặng vô tướng, từ xưa chẳng sinh ấy là tuệ. Chân ngôn thân ấn Du-già... khiến cho thực hành lợi ích lớn mà vào Phật tuệ là phương tiện. Nếu y theo phương tiện mà không tuệ, chỉ có tuệ mà không phương tiện, thì chẳng thể nào thành dụng tự nhiên không thể nghĩ bàn, phải nhờ phương tiện và trí tuệ đầy đủ. Phương tiện được vào Bí tạng tự luân. Lìa nghi chẳng tuệ, nếu lìa hai pháp ấy thì phải biết người ấy là người chẳng có trí tuệ. Vì chẳng có tuệ nên ở mọi chỗ sinh nghi chẳng thể tiến lên. Lại người ngu nếu trí tuệ phương tiện gồm đủ thì tự nhiên lìa vô tuệ chẳng sinh tà nghi.

Kệ rằng: Quán đạo này chư Phật đã nói, là không phải chỉ ta nói như thế. Vì tất cả Đẳng Chánh Giác đều nói như thế không khác nhau. Do Phật mười phương ba đời đồng được đạo này không khác nhau, một tướng một vị không nói khác. Bấy giờ, pháp giới sinh thân Như Lai. Tất cả pháp giới tự thân biểu bị hóa vân trùm khắp tâm tự tại Tỳ-lô-giá-na. Trong các lỗ chân lông Phật và chúng sinh xoay vần. Trong đây, thân pháp giới tức là pháp thân Tỳ-lô-giá-na, vì từ pháp giới chân thật sinh ra nên gọi là pháp giới sinh. Tất cả pháp giới tự thân biểu, biểu là khiến cho tất cả đều thấy. Nghĩa là ở trong tất cả mây pháp giới tự thân biểu hóa đều trùm khắp. Nghĩa là thân Như Lai hiện khắp sắc thân. Như

mây lớn kia trùm khắp pháp giới. Mây là nghĩa trùm khắp, nói hóa thân này như mây trùm khắp pháp giới, trùm khắp các thế giới mười phương chẳng thể hạn lượng. Tâm tự tại trong đây là dịch nghĩa. Nghĩa đúng là Tâm Tài, nghĩa là khi vừa khởi niệm thì chẳng dùng công lực, tức cứ như thế mà rộng lớn cùng khắp, đây là ở tâm mà được tự tại. Trong các lỗ chân lông Phật sinh xoay vần mà gia trì, là cũng như Như Lai vừa vào Tam-muội, tức thì hiện nhanh sự hy hữu như thế, tức là thần lực gia trì của Như Lai. Xoay vần là thiệp nhập lẫn nhau. Từ lỗ chân lông thân Phật, tuôn ra bổn thân Như Lai xoay vần nhập vào. Tất cả các thân đều hiện thần lực như trên, hóa rồi lại hóa không cùng tận. Các nghĩa này lại phải nói rõ, gia trì nghĩa là dùng thần lực tự tại của Phật mà gia trì, đây tức là như trên nói về sự gia trì của pháp giới tánh tự luân. Từ trong các lỗ chân lông của thân Phật mà phát ra các thứ mây, tùy thượng trung hạ phần, nghĩa là đầu là nội thai, từ tim trở lên là viện thứ nhất, từ rún trở lên là viện thứ hai, từ rún trở xuống là viện thứ ba, tức là phối với bốn vị của viên đàn ở trước, tùy theo trái phải, trước sau, thượng trung hạ phần mà hiển bày hiện thân Bổn Tôn, đều y theo bổn vị mà ra. Ở trong thế giới mà làm Phật sự. Từ mỗi thân xoay vần mà ra làm các Phật sự nên nói là xoay vần.

Lúc đó, Chấp Kim Cang cũng biết ý Phật, nay Phật Thế Tôn hiện các việc hy hữu, chưa từng có đều là nhân duyên, lại phải nói pháp sâu kín. Nghĩa là như chỗ nói trên có sự chưa hiểu sẽ nói. Thật tâm kính mong mà trụ. Cho nên Phật lại nói: Bí Mật Chủ có làm Mạn-đồ-la, tạo tôn vị phần, cùng hạt giống làm tiêu ký. Lắng nghe, lành thay! Hãy rất chú ý nghĩ nhớ, ta sẽ nói cho nghe. Lúc đó, Phật vì Chấp Kim Cang mà hiện các phần vị như trên. Lúc đó, các Tôn vị đã làm các thứ Phật sự. Lại từ bổn vị mà nhập vào thân Tỳ-lô-giá-na Như Lai. Cũng như khi ra vị thứ không khác.

Kinh ấy nói: Lại vào cung pháp giới. Tôn phần vị hạt giống, các tôn vị như trên đều là đức nội chứng của Như Lai, đều từ mỗi vị mà biểu thị chỗ Như Lai hiện bày cõi pháp giới sâu xa. Nay nếu có A-xà-lê muốn làm hoại, là trước trụ ở Du-già này như từ thân Phật kia mỗi vị thứ, như hình sắc ấy quán rồi. Ở trên tâm ấy làm vầng ánh sáng tròn, ở trong vầng tròn sáng mà quán hạt giống ấy. Như thế mỗi thứ an bày mới đúng pháp làm. Nếu không như thế thì chẳng thể nào gia trì kiến lập các đệ tử, cũng chẳng được gọi tên là A-xà-lê. Như trên đã nói hạt giống phiền não cắt đứt rồi. Kế sinh hạt giống pháp giới tánh, tức là tất cả hạt giống hữu tình bình đẳng. Tánh hạt giống của pháp giới bình

đẳng này tức là chỗ sinh trưởng tất cả Trí Địa Như Lai. Như các thứ cây cỏ ở thế gian tùy tánh phần đều khác nhau, đều y vào đất đai mà được lớn lên, thân rễ nhánh lá đều khác nhau, thêm nhiều lớn nhỏ tánh đều khác, nhưng cũng đều là tánh đất đai và đất năng sinh tuy rốt ráo đều trở về đất, nhưng chỉ do nhân duyên hòa hợp mà có lớn lên, nhưng thật ra không có tự tánh không sinh không khởi. Nếu chúng sinh đã được an lập như hạt giống ấy tức là đồng vị với Như Lai. Do hạt giống này từ tánh pháp giới sinh ra mà năng sinh ra pháp giới nên gọi là pháp giới sinh hạt giống. Pháp giới sinh tức là tự tánh thân của Như Lai. Cờ nêu là như hạt giống ở thế gian đều khác nhau. Như cây cỏ non, người có trí nhìn thấy tuy chưa lớn nhưng đã biết tánh nó sẽ lớn hay nhỏ. Nếu thấy hạnh chúng sinh như thế thì nhân vị hạt giống cũng đều như thế. Nhưng nay hạt giống chính là hạt giống pháp giới tánh, phải biết tánh nó chắc chắn năng sinh ra thân Như Lai bình đẳng pháp trí, cho nên gọi là cờ nêu. Lại Mạn-đồ-la này mỗi phần vị đều có hạt giống, dùng cờ nêu muốn pháp giới khác nhau ấy phải biết mỗi thứ nhập vào chữ A mà thấy nêu nội chứng tức là biết đức nội chứng của Như Lai nên gọi là Tiêu Ký, tùy bốn lớp phân vị đó, từ vị mà ra, tức là cờ nêu của Phật, hoặc từ phần vị Bồ-tát mà ra, hoặc từ phần vị Nhị thừa mà ra, hoặc từ phần vị trời rồng tám bộ mà ra, phải biết thềm bậc, mỗi thềm bậc khác nhau đều biết rõ. Hạt giống của chữ chẳng giống như vậy.

Khi Phật bảo Bí Mật Chủ xong thì Kim Cang Thủ bạch Phật rằng: con xin được nghe, muốn vì lợi ích khắp tất cả chúng sinh và truyền bá khắp nơi, khắp vì tất cả chúng sinh đời vị lai, cũng vì lợi ích cho chúng trong đại hội nên thỉnh Phật giảng nói. Từ trước tuy nói pháp Mạn-đồ-la, còn chưa nói Bí Yếu tạng của sắc và hạt giống, cho nên một lòng muốn nghe mong Phật giảng nói. Kế Phật bảo ý, hễ khi A-xà-lê muốn kiến lập Đai Bi Thai Tạng, kiến lập đệ tử thì trước phải trụ Du-già mà quán tự thân. Từ rún trở xuống phải thực hành Kim Cang luân, sắc vàng mà cứng chắc. Kế từ rún lên đến tim phải thực hành Thủy luân màu trắng. Kế từ tim đến cổ họng phải thực hành luân màu đỏ. Kế từ cổ họng đến đỉnh đầu phải thực hành gió luân màu đen.

Lại kế là Địa luân chánh hình vuông, thủy luân hình tròn, hỏa luân hình tam giác, gió luân hình bán nguyệt. Cao nhất trên hư không làm một chấm. Các thứ màu sắc, vẽ trên đầu một chữ Thập:

(VẼ HÌNH)

Chính là tương xứng với thân phần. Năm vị này tức là năm chữ nói ở trước. Trong hình vuông đặt chữ A, trong hình tròn để chữ Phược,

trong hình Tam giác để chữ La, trong hình bán nguyệt để chữ Hồng (Hàm), trong chấm để chữ Khuyết, phải xem xét trước trong quyển. Thầy đã tự xem thân ấy thứ lớp như thế, phương sắc gia trì tự thân đều quán đặt hạt giống, hạt giống tự xong rồi kế quán Đàn địa, tức lật ngược lại. Ở trên thực hành Kim Cang luân. Dưới Kim Cang luân thực hành Thủy luân, dưới Thủy luân thực hành Hỏa luân, dưới Hỏa luân thực hành Gió luân, dưới Gió luân tức là Hư không luân. Vì sao? Vì tất cả thế giới đều nương vào năm luân. Khi thế giới thành thì trước từ hư không mà khởi gió, trên gió khởi lửa, trên lửa khởi nước, trên nước khởi đất tức là thứ lớp an vị Mạn-đồ-la. Khi hoại thì Địa luận hoại trước cho đến chỉ còn hư không. Tức là thầy tư gia trì thứ lớp. Nay người tu đạo cũng cùng loại tướng này. Đầu tiên phát tín tâm, kế là tâm Bồ-đề, kế nữa cho đến Đại không, A-xà-lê ấy đã gia trì như thế rồi phải an trí các tôn vị theo như thứ lớp. Mỗi vị dùng Du-già mà quán, đúng như phương sắc hình tướng, trên tâm thì đặt vầng ánh sáng tròn, trong vầng ánh sáng tròn có chữ hạt giống, mỗi chữ khiến cho sáng tỏ không chướng ngại.

Làm được như thế tức là pháp giới Thai Tạng Mạn-đồ-la phần vị, là khiến tất cả Như Lai cùng gia trì, tất cả Tôn vị đều nhóm họp, cùng gia trì người tu kiến lập đệ tử, rốt ráo không lui sụt Chánh đẳng Bồ-đề. Nếu không thế thì uổng phí công sức mà vô ích. Lại tòa Du-già này Huỳnh Kim Phương luân tức là tòa Kim Cang, vuông là dứt tai ương, tròn là tăng ích, Tam giác là hàng phục, bán nguyệt là nhiếp triệu, chấm là thành xong tất cả việc. Hư không luận này chỉ dùng tâm niệm mà làm, chẳng dùng hình tướng. Khi thế giới hoại thì trước cũng từ gió luân mà hoại, đất mà sinh lửa, lửa rốt kế gió. Lại hỏi: Như thế mà thực hành năm luân, phải biết trên dưới đều có hư không luân. Vì từ không luân mà sinh gió, lửa, đất, nước. Lại từ Địa luân dần lên cho đến hư không, cho nên trên dưới đều có hư không. Khi làm Mạn-đồ-la thì thầy phải tự quán thân và đất. Lại quán đệ tử đã độ, cũng phải như thế mà an lập y theo sư pháp. Nếu chẳng như thế thì chẳng gọi là đúng Như pháp.

Khi ấy, Kim Cang Thủ Tỳ-lô-giá-na Như Lai Thân Ngữ Ý Địa Thăng Pháp Giới Bình Đẳng quán giả cũng Bồ-tát này có thể biết. Thân, miệng, ý Như Lai bí mật nên gọi là Bí Mật Chủ. Pháp mật ý của Như Lai chỉ có Phật và Phật mới biết rõ. Như ý, là phải biết thân, miệng ấy cũng như thế. Nay Bồ-tát này cũng hay biết, phải biết là vị đồng Đại giác (Phật), vì muốn độ chúng sinh mà thị hiện làm Bồ-tát để khởi phát cho nhau. Thân mật trong đây tức là các ấn. Như bốn lớp Đại Mạn-đồ-la mỗi vị Bổn tôn đều có Mật ấn. Nếu quán ấn thân này tức là biết Tôn vị

ấy chỗ biểu hiện đức bí mật, tùy loại thượng trung hạ khác nhau mà có vô lượng thứ. Ngữ mật tức là Chân ngôn của các tôn vị ấy. Ý mật tức là quán Du-già của Bổn Tôn. Cũng tùy bốn lớp phương vị đều khác nhau, tương ưng với đây liền vào Tạng Ý Bí Mật của Như Lai. Thân ngữ ý mật trong đây trên từ vị Phật, Bồ-tát và Nhị thừa các vị trời tám bộ vô lượng khác nhau, nói rộng ra, cho đến thế giới trần số đều khác nhau. Lược mà nói như trong kinh này biểu thị giai vị, nghĩa là đều nói lên đức thân, miệng, ý bí mật của Như Lai. Nếu biết rõ được như thật tức là đồng với Bí Mật Chủ. Nay Bồ-tát Bí Mật Chủ trụ trong pháp giới bình đẳng quán vì nghĩ nhớ chúng sinh vị lai nên khiến khắp tất cả xe rách lưới đại nghi, cho nên liền ở trước Phật mà nói Đại chân ngôn vương như văn rất dễ hiểu.

Chân ngôn là: Nam-mô Tam-mạn-đa Phật-đà nẫm (quy mạng khắp chư Phật) A-ta-ma-bổ-đa (vô tận) Đạt-ma-đà-đô (pháp giới) Yết-đế-yết-đa (vượt vô tận pháp giới). Tát-phược-tha (lợi ích tất cả).

Ám-khiếm-ám-ác: Bốn chữ này tức là bốn luân. Chữ thứ nhất là địa, thuộc Kim cang luân, chữ thứ hai là Thủy luân, chữ thứ ba là Hỏa luân, chữ thứ tư là Gió luân. Chữ Ám này bổn thể là Kim cang giới thể, gồm có thanh dài là hành, hành tức là Hỏa luân. Trên có dấu chấm tức là Không luân, vì là Trang nghiêm. Kế chữ Khiếm thủy luân, khư nghĩa là không cũng có thanh dài là hạnh, có dấu chấm là không tức là đại không. Kế chữ Ám là hỏa, tiếng Phạm là A-yết-nẩm, nghĩa là hỏa. Ác là tánh Niết-bàn, đen tức là gió. Lại kế là hư không vô sắc mà thâu nhận tất cả sắc tượng. Nay chữ Khư này có hạnh, có chấm tức là tất cả sắc tượng, đại không cũng như hư không có đủ tất cả sắc tượng. Không này thành xong tất cả việc. Cho nên chữ Khiêm được làm Thủy dụng. Tham sách (địa) Hàm (Hồng) Hạc (gió) Lam cách (hỏa) phược (thủy). Như trên chữ A có bốn chữ. Nghĩa là thanh dài trên có dấu chấm và hai dấu chấm ở bên (chấm ở hai bên). Thanh ngắn cũng có dấu chấm trên và hai dấu chấm ở bên. Hai chữ là bốn.

Nay chữ ta này phải biết cũng như thế, đều có bốn chữ, nay chỉ nêu thanh ngắn hợp thành thanh dài hai chữ, ở trước thanh ngắn y theo trên mà nói. Thảm Sách Hàm Hạc. Lại chung mà nói thì chữ A là Phật bộ, chữ A là Liên Hoa bộ, chữ Phược là Kim Cang bộ, gió hỏa trùm khắp dụng ba bộ. Như trong bộ Liên Hoa tự có địa, thủy, hỏa, gió. Nếu dứt tai ương tức cần Kim Cang Phương luân, nếu tăng ích thì cần Thủy luân, hàng phục thì cần Thủy (Gió) luân... Tùy loại mà dùng. Phải biết năm môn A, Ta, Ha, La, Phược thì đồng với năm Tự luân. Bất cứ trong

một luân nào đều có bốn luân. Như Kim Cang bộ chữ Phược tự có bốn luân, hễ thực hành tức tai, tăng ích, hàng phục, đều tùy loại mà dùng. Nếu đọc các chân ngôn khác thì bộ loại ấy có các chữ này tức là biết chỗ ứng dụng của nó, đều có chỗ ứng cao nhất là tông hạt. Một đoạn này chưa rõ nên lại hỏi.

Lại có ba đạo Chân ngôn là thân chân ngôn, ngữ chân ngôn và ý chân ngôn, ba đạo chân ngôn này tức nhiếp thân, ngữ, ý bình đẳng pháp môn của Như Lai. Nhưng ba chân ngôn này nếu dính chữ Ta Ha cũng được, nếu chẳng dính cũng được. Người tu khi đắc ý tự xem phương tiện. Lại chân ngôn này do cao hơn hết nên gọi là Vương như ở trên nói. Tuy đều có bốn chữ, nhưng bao gồm trong đây chỉ gọi là Chân ngôn vương mười hai chữ, bốn thứ luân trong đây đều tùy theo Địa, Thủy, Hỏa, Gió luân ấy mà gia trì thân A-xà-thế, liền được dụng tự tại, thân, miệng, ý ấy chân ngôn cũng hợp, gia trì thân, miệng, ý nghiệp của mình, việc này chưa rõ ràng.

Khi Kim Cang Thủ nói Đại Chân Ngôn Vương ấy rồi, thì tất cả Như Lai trụ vào các thế giới ở mười phương, duỗi tay phải xoa đầu Chấp Kim Cang Bồ-tát mà khen rằng:

- Lành thay! Lành thay! Này này người Thiện nam! Phật tử các ông đã vượt qua Tỳ-lô-giá-na thân ngữ ý địa khắp trụ vào tất cả Chân ngôn đạo bình đẳng, vì muốn làm các Bồ-tát Minh nên nói Chân ngôn vương này. Nay trong đây xoa đầu chẳng phải là Phật mười phương đưa tay đến cõi này xoa đầu. Nhưng Bí Mật Chủ khi ở trước Phật mà nói Chân ngôn vương này. Tức dùng Chân ngôn vương này ở khắp mười phương tất cả thế giới mỗi mỗi đều ở trước Như Lai mà dùng tiếng bình đẳng cùng khắp một lúc nói ra. Cho nên tất cả Như Lai đều đưa tay xoa đầu. Vượt là nghĩa vượt lên nhập vào. Như Tỳ-lô-giá-na ở cõi trời A-ca-nị-tra ngồi ở đạo tràng mà nói Chân ngôn vương này, được thân, miệng, ý rốt ráo dụng tự tại bình đẳng. Nay các ông cũng được siêu nhập vào địa thân, miệng, ý bình đẳng pháp như thế, bằng với Tỳ-lô-giá-na, tức là tất cả Như Lai khen đức chân thật: Nói các ông đã được Địa vị bình đẳng như thế, vì muốn phổ môn lợi ích tất cả chúng sinh, vì muốn chiếu minh tu chân ngôn hạnh Bồ-tát dứt trừ các tối tăm, cho nên nói Chân ngôn vương này. Chân ngôn vương này xé rách tất cả lưới nghi pháp giới. Nghi tức là tối, dứt trừ tất cả nghi ngờ tức là soi sáng. Vì sao? Thế Tôn Tỳ-lô-giá-na này ứng hiện Chánh Đẳng Giác ngồi tòa Bồ-đề quán mười hai chữ Chân ngôn mà hàng phục bốn ma. Pháp giới này hiện sinh ba chỗ tuôn ra hàng phục ma. Tức Đại Nhật Như Lai khi ngồi đạo

tràng, bình đẳng quán pháp giới mà nói mười hai câu chân ngôn này tức là năng lực này hàng phục được bốn ma, trừ các tội cấu. Nhưng trong bốn ma này thì ma cõi Vô sắc, là khi Phật ở trời A-ca-nị-tra đã hàng phục rồi. Chỉ có Thiên ma có tướng, vì muốn khiến trong thế giới biết được năng lực tự tại nên lại ở cõi này mà hiện các việc hàng phục Thiên ma. Ba chỗ, tức là như trên đã nói thượng phần thân Phật sinh ra tất cả Như Lai. Trung phần từ tim đến rún sinh tử tất cả Bồ-tát. Hạ phần từ rún đến chân sinh ra tất cả tám bộ thiên thần, đều từ ba nghiệp bình đẳng của Như Lai, rộng khắp thị hiện, bày vị Đại Mạn-đồ-la Thai Tạng trang nghiêm, tức Ấn là chân ngôn của Bổn Tôn. Phải biết Phật từ đức nội chứng khi hiện việc như thế tức là bấy giờ, hàng phục khắp bốn ma không sót.

Nay, khi A-xà-lê muốn tạo Mạn-đồ-la cũng phải tưởng thân mình đồng nhất với Tỳ-lô-giá-na mới được năng lực tự tại, cũng đồng Phật ấy hàng phục được bốn ma. Kế là Đức Thế Tôn thân ngữ ý bình đẳng, được thân lượng đồng với hư không, được thân ngữ ý như thế, được trí như thế. Tất cả pháp được tự tại, nghĩa là Phật ngồi ở đạo tràng Kim cang, vừa niệm ba đạo chân ngôn này, nghĩa là như chỗ nói ba chân ngôn thân, miệng, ý ngay khi niệm như thế sẽ được địa thân, miệng, ý bình đẳng. Thân và ngữ ý đều là thể pháp giới không có bờ mé, cũng như hư không, dùng năng lực ấy mà hàng phục bốn ma. Trước nói ba đạo, thì có giải thích rằng ba đạo chân ngôn này là năng lực thân, miệng, ý tự tại bình đẳng tức là từ Phật mà ra, do ba đạo chân ngôn thân, miệng, ý này, Như Lai được siêu nhập vào ba địa bình đẳng, tùy loại thượng, trung, hạ, rộng khắp thị hiện các thứ thân Bổn Tôn, các thứ chân ngôn, các thứ ấn pháp đều đồng với hư không, chẳng có phần hạn, khắp cùng pháp giới mà độ chúng sinh. Rốt ráo đều khiến đồng được siêu nhập vào ba địa bình đẳng như thế. Thân có vô lượng công đức, cũng như không chẳng thể biết hạn lượng. Ngữ và ý cũng thế, do quán chân ngôn này mà được công đức như thế, đồng với Như Lai. Do ba nghiệp vô tận, nếu đáng dùng thân độ người liền hiện khắp các thứ sắc thân. Nếu đáng dùng ngữ độ người liền thị hiện cùng khắp các thứ nói năng, tùy nghi dẫn bày cho được vào tri kiến Phật. Nếu đáng dùng ý độ người thì cũng giống như thế, các thứ cảm thông chẳng thể cùng tận. Chẳng phải ngay thân, miệng, ý này không có hạn lượng, đầy đủ tất cả công đức cũng như hư không. Phải biết trí tuệ cũng không có hạn lượng như thế, giống như hư không. Nếu được diệu trí vô ngại như thế. Tức là đối với tất cả pháp mà được tự tại, đồng với Thế Tôn. Nói tự tại, nghĩa là đối với tất cả sự được

tự tại. Tất cả loại chúng sinh do chưa rốt ráo thanh tịnh pháp giới, đều là nghiệp phiền não phần nhiều ràng buộc hệ thuộc sinh tử, chẳng thể được năng lực tự tại. Nay Như Lai ở trong biển lớn sinh tử kia dùng các pháp môn tuyên bày pháp yếu sâu kín của Như Lai, vì một việc nhân duyên lớn các thứ thanh tịnh mà thành tựu đều giúp cho đến Địa vị Nhất thiết trí, tức là đối với tất cả pháp được nghĩa tự tại. Vì chứng pháp như thế mà đối với pháp tự tại. Vì tự tại, nên có thể vô ngại giảng nói rõ ràng các căn cơ. Như Lai sở dĩ được công dụng tự tại như thế, là đều do quán pháp môn mười hai tự luân này. Phải biết pháp môn mười hai chữ này tức là thể tánh pháp giới.

Lúc đó, Phật mười phương thấy Kim Cang Thủ nói chân ngôn này đồng với đạo Phật xưa, ta đồng tất cả Như Lai cũng do quán mười hai tự môn này mà thành diệu thân, các Thế Tôn vị lai cũng giống như thế. Cho nên rất vui mừng, xoa đảnh Bồ-tát mà bảo rằng: Tất cả chư Phật vì pháp tự tại vì một việc nhân duyên lớn, dùng thân, miệng, ý bình đẳng mà nói pháp môn này. Nay các ông cũng có thể nói như thế, tức là cũng chứng pháp môn này đồng với Như Lai. Nhưng Kim Cang Tạng tuy chưa tức rốt ráo Nhất thiết chủng trí mà đồng với Diệu Giác Thế Tôn. Chỉ vì chư Phật mười phương dùng thần lực che chở, cũng ở trong đại hội, cùng đồng chỗ chứng của Như Lai. Nếu lìa thần lực che chở, thì cũng chưa được rốt ráo đồng với Như Lai. Cho nên này người Thiện nam! Tỳ-lô-giá-na chứng thân, ngữ, ý bình đẳng. Tất cả Phật đều biết như thế. Biết là tên khác của giác. Do biết hạnh Phổ môn vô tận của các Như Lai. Chứng ba thứ bình đẳng của Như Lai. Nghĩa là biết thân mật tạng của Như Lai, cũng biết được Ngữ ý vi mật tạng. Nếu chứng biết pháp này tức là đồng với Như Lai. Khen ấn như thế xong lại khiến thỉnh Như Lai. Vì sao? Thâm Mật Tạng như thế chỉ có Phật và Phật mới biết rõ. Cho nên tất cả Bồ-tát chớ nên hỏi. Nay Phật mười phương đều dùng thần lực gia trì Kim Cang Thủ. Vì lợi ích tất cả chúng sinh, nay nương thần lực của Phật mà hỏi Đại Nhật Như Lai. Trong đây hỏi việc gì, ý là việc nói trước, chỗ có nghĩa sâu kín vẫn chưa đầy đủ (nên lại hỏi chỗ quan trọng). Nhất thiết trí thành, tức lạ Đại Nhật Như Lai, nghĩa là Bạc-già-phạm, như nói trong sáu nghĩa, trước đã giải thích xong. Tỳ-lô-giá-na là như mặt trời mới mọc ở thế gian, có công năng diệt trừ các tối tăm, thành tựu tất cả sự nghiệp của chúng sinh. Các loại do đất sinh ra đều được lợi ích thật tướng này, là mặt trời Đại tuệ tự nhiên cũng giống như thế. Nếu có chúng sinh biết rõ tụ chứng, như gió mạnh thổi mây tan, mà mặt trời mặt trăng xuất hiện cũng có năng lực như thế. Cùng khắp

pháp giới mà làm lợi ích lớn, như ánh sáng mặt trời chiếu soi thế gian. Chủ, là đối với các pháp đều được tự tại nên gọi là chủ. Nay chư Phật khiến Kim Cang Thủ hỏi Như Lai Đại Nhật này về Chân Ngôn Hạnh Cú Bí Mật Sự, thù thắng nói tự giáo rộng khắp. Do pháp môn một chữ mà thấu suốt tất cả pháp. Chứng được bình đẳng thân, miệng, ý chẳng thể cùng tận của Như Lai mười phương ba đời, nên gọi là Thắng. Giáo tức là tên khác của pháp tắc. Pháp là khuôn phép, tắc là nghĩa. Vì thuở xưa ta phát tâm Bồ-đề Vô thượng Bồ-đề, giảng nói ta đối với tất cả pháp được đến Niết-bàn, hiện thế giới chư Phật thành tựu chứng biết, là nói ta thuở xưa khi hành đạo Bồ-tát cũng do các chân ngôn môn như thế mà thành trí tự nhiên.

Lại vì tất cả chúng sinh như thế mà giảng nói, đều khến được đến Đại Niết-bàn. Nay ta nói lời này là duyên khởi thâm mật, tất cả những người có tâm còn chẳng thể hỏi, huống chi là có thể tin hiểu, chỉ có tất cả Như Lai mười phương đồng đến pháp này, có thể làm chứng, chẳng hề luống dối. Các ông nay đã được Hạnh tích mà ta đã chứng, nên lại hỏi Như Lai. Lúc đó, Chấp Kim Cang đủ đức, cũng như tay cầm giữ Trí Ấn Như Lai, tức là đầy đủ tất cả các thứ công đức của chư Phật đều đồng một vị. Chỗ nói vị giải thoát của Như Lai vì trí ấn ấy đồng với Như Lai nên nói đủ đức.

Lúc đó Bồ-tát ấy, do các Như Lai cùng gia trì nên rất vui mừng liền được biết rõ lời nói của Như Lai, cũng biết được tâm Như Lai. Trước chẳng bằng mà chưa thể hỏi, nay đều tự tại hỏi Như Lai không có nghi ngờ. Nay muốn hỏi Như Lai trước khen công đức pháp giới mà nói kệ rằng: Pháp ấy vô tận, cũng không có tự tánh. Tận nghĩa là có thỉ có chung, có sinh có diệt. Vì có sinh diệt, tức là có pháp khởi tận, mà nay tánh bình đẳng pháp giới lìa lỗi như thế, không có thỉ chung, không có sinh diệt tức là nghĩa chẳng thể cùng tận. Vô tận là tên khác của vô tướng. Do vô tận nên tất cả pháp đều không có tự tánh, không có lay động, không có thay đổi, cũng không có chỗ ở. A-lại-da là nghĩa phòng, là nghĩa thọ nhận đầy đủ. Nay trong pháp giới bình đẳng không có tướng thọ tạng như thế cho nên không có chỗ ở. Nếu tất cả pháp đều không tự tánh tức là vô tác. Vô tác cho nên không có quả báo sinh diệt, xưa nay là tướng vắng lặng thường vắng lặng, tức đồng giải thoát không thể suy nghĩ bàn luận.

Các Phật đồng vị là như pháp sâu xa vắng lặng này thì tất cả danh ngôn không nói đến được. Lại không thể lấy gì làm dụ chỉ có Phật đồng chứng mới biết có thể lấy làm dụ cho nên nói đồng với Chánh giác.

Nhưng tất cả pháp nếu chỉ rốt ráo vô sinh vô tác. Nói rốt ráo, là không có các nghiệp phân biệt khác nhau về tất cả vị của bậc Thánh, liền rơi vào đoạn diệt mà chứng thật chứng, chẳng thể lợi ích tất cả. Kế lại nói phương tiện Phật... Bi nguyện chuyển vô tướng giáo khai phát giác ngộ tướng như thế. Do có phương tiện mà đầy đủ tất cả nguyện. Phương tiện này tức là nguyện Đại bi. Do nguyện Đại bi này nên chuyển đổi. Lại đối với pháp vô lậu không có người để nói, không thể biểu thị mà khiến cho được tất cả, cũng được tự chứng. Phải biết đó là năng lực phương tiện lớn, pháp này không người trao dạy, chẳng từ người khác ngộ mà được chứng, tức là trí tự giác vô sư tự nhiên thành Phật đạo. Ở đạo tràng vắng lặng, biết pháp thật tướng như thế. Đây đều là lời kệ sau để biểu thị.

Lại nữa, nếu nói pháp giới vô tận không đầu cuối, tức là đối với đoạn diệt chẳng thể vì các chúng sinh làm các lợi ích. Vì sao? Vì đã lấy sinh tử làm phần hạn, nhưng là nhóm trần lao, là hạt giống Như Lai, nếu tất cả vô sinh vô tánh cũng không có chỗ ở, làm sao có thể khắp ứng thế gian để làm các Phật sự? Nhưng các Bồ-tát có hai việc. Chẳng rơi vào đoạn diệt, đó là đại bi và phương tiện. Do có đây nên tự khai phát. Nói khai phát, nghĩa là tâm Bồ-đề tự nhiên khai phát. Nếu lời nói này biểu thị nhờ người khác dạy ngộ mà được tuệ tự nhiên vô sự như thế thì không có việc ấy. Vì sao? Chỉ do người tu như thật tự biết, là như thật tự quán vô tận pháp giới được tuệ thật tướng như thế, không phải do người khác mà ngộ. Ý kinh nói rằng: Pháp tướng như thế nên nói tướng như thế. Đã được pháp thật tướng như thế, tức là dùng pháp phương tiện đại bi này mà vì chúng sinh chỉ bày giảng nói. Nhưng thật không do người khác ngộ, chẳng từ người khác truyền mà được. Như người mù hỏi màu sữa giống màu gì, cho đến nghe màu sữa như tuyết mà sinh tướng lạnh, lại nghe hạc liền sinh tưởng động. Cho đến dùng các thí dụ phương tiện biểu thị, chẳng thể hiểu được, uổng phí thêm tâm vọng chấp mà thôi. Vì sao? Do nó từ mắt vô minh. Đệ nhất nghĩa cũng thế. Nếu chẳng như thật mà hiểu biết, là nếu các thứ khai đạo khác thì không hề được lý. Nếu người chẳng tự khai phát pháp nội chứng như thế mà vì người nói muốn cho họ ngộ thì cũng không có việc đó. Vì sao? Nếu có người không chân, gọi người khác bảo rằng: Ta sẽ vì các ông mà lên núi Diệu cao, phải biết người này sẽ bị người trí chê cười. Vì sao nếu tự không chân thì không thể lên một phần nhỏ nào của núi Diệu cao, huống chi là vì tất cả mà lên đảnh ấy? Lại như có người tự mình chưa thể qua sóng lớn biển khơi mà bảo người khác rằng: Ta sẽ giúp cho ông đến bờ kia. Phải

biết người ấy cũng không được lý. Người tu cũng thế, nếu tự chưa có tuệ vô sư mà muốn người khác nghe pháp được ngộ thì sẽ không có việc đó. Lúc đó Kim Cang chủ dùng kệ này khen ngợi Như Lai. Kế là nói kệ Ưu-đà-na mà hỏi Phật, Ô-đà-na nghĩa là nhiếp chung, dùng nghĩa một kệ mà nhiếp vô tận pháp giới các pháp lìa tướng, vô lượng pháp nghĩa cho nên nói nhiếp. Nói kệ khen Phật rồi nghĩ đến chúng sinh đời vị lai tu hạnh chân ngôn, là đối với Đại bi tạng này mà sinh Mạn-đồ-la có sự thiếu sót, cho nên không mau thành Vô thượng Bồ-đề, thứ lớp hỏi Phật phương tiện bí yếu, mà dứt tất cả nghi ngờ. Nếu chẳng thể khắp dứt các thứ lưới nghi của chúng sinh thì chẳng gọi là bậc Nhất thiết trí. Vì đối tất cả pháp mà tự lìa lưới nghi, mới dứt được lưới nghi của người khác. Nay Phật đã dứt tất cả lưới nghi, cho nên nay con thưa hỏi, xin dứt nghi cho chúng con, lìa bỏ nóng bức, là nói lìa hẳn gốc ba độc, nay vì tất cả chúng sinh mà thưa hỏi Đạo sư vì đối với tất cả pháp mà dẫn dắt, giúp đến được Phật tuệ, gọi là đại Đạo sư.

■

ĐẠI TỲ LÔ GIÁ NA THÀNH PHẬT KINH SỚ

QUYỂN 15

Phẩm 11: **BÍ MẬT MẠN-ĐỒ-LA** (Tiếp Theo)

Lại nữa, liền dùng kệ tụng thứ lớp hỏi Phật. Nay kế nêu ra, chưa kết kệ cú. Vì sao phải làm Mạn-đồ-la trước? A-xà-lê có mấy thứ, đệ tử có mấy thứ. Làm sao biết địa thế, hỏi địa tốt xấu. Làm sao chọn lựa? Đã chọn lựa rồi làm sao làm cho thanh tịnh? Làm thanh tịnh rồi làm sao an trụ? Chỉ có ba câu hỏi.

Lại hỏi làm sao (làm) đệ tử? Làm tịnh? Xin Phật dạy cho.

Tịnh rồi hỏi phải làm sao? Hỏi dùng cách Hộ trì nào? Địa làm hộ lại hỏi làm sao? Gia trì địa là gì? Kết hộ trì có nhiều nghĩa. Cũng hỏi ba việc tác dụng đầu là gì, và dùng pháp chân ngôn nào làm tác hộ trước và làm tịnh trừ trước, tức là hỏi việc trước trước sau. Hai việc này là tác dụng, tuyến có mấy thứ. Lượng Địa làm sao mà dùng tuyến làm giới phần? Có mấy thứ cúng dường, thế nào là hoa hương... Hỏi hiến dâng hương hoa có phương pháp nào, hoa hợp hiến dâng ai? Hương... cũng như thế, và hiến thức ăn... Hộ-ma là gì? Hỏi hiến Phật và Hộ-ma có thứ lớp gì, pháp tắc tức là thứ lớp, đây là tên chung? Thế nào là thờ các tôn vị. Pháp giáo phép tắc, phương pháp phép tắc đều được hiện bày hình sắc,... ba câu hỏi này xin nói thứ lớp. Chẳng cùng với phép tắc đồng các tôn ấn và tự tọa. Ấn từ chỗ nào sinh, lại có tác dụng gì? Tên hiệu ấn ấy là gì? Sao gọi là ấn? Quán đảnh có mấy thứ, Tam-muội-da có mấy thứ, trì tụng mấy thời. Người trì tụng siêng tu chân ngôn môn mấy ngày thì được thành đạo Bồ-tát và Nhất thiết trí? Xin nói bao lâu thì thấy đế.

Tất-địa có mấy thứ, khi nào thì Tất-địa sinh và khi nói Tất-địa làm sao bay lên hư không? Thế nào là thân bí mật? Làm sao chẳng bỏ thân này mà được thành thân Thiên tiên? Thành tựu rồi các thứ biến hóa làm sao sinh? Ai sinh các thứ biến hóa? Nó lại từ đâu được sinh. Khi nhật nguyệt hỏi phương chấp diệu, chia ra các điều bất tường, thì làm sao dứt trừ, khi sinh tử chịu khổ khởi lên thì làm sao trừ diệt? Chẳng có là

nghĩa trừ. Làm sao người tu và chư Phật cùng ở một chỗ. Hộ-ma có mấy thứ. Trong đây hỏi Hộ-ma cần dùng mấy thứ lửa, muốn được biết. Lửa tăng oai là pháp tăng ích. Lại có mấy thứ tăng oai này, tất cả vật dùng như Hoa... Tôn khác loài với các tôn tánh, phải biết bản tánh của giận dữ, vắng lặng, vui mừng. Xin Đạo sư chỉ dạy không thiếu sót, các giới và quả xuất thế gian là có mấy số như thế nào. Lại hỏi thế gian, xuất thế gian Tam-muội là gì. Đều có định thù thắng, cùng với trước là tám nghiệp thành tựu ở chỗ nào, hỏi thành tựu chịu quả ở chỗ nào. Người chưa thành tựu cũng thế. Hỏi người chưa thành tựu khi nào lìa nghiệp sinh tử được giải thoát?

Bấy giờ, Kim Cang Tạng nương oai thần của các Phật mười phương nói kệ hỏi Phật. Bồ-tát tu hạnh Chân ngôn ấy có thiếu sót pháp yếu phương tiện nào chưa đầy đủ thì đáp. Bấy giờ, Nhất thiết trí Tỳ-lô-giá-na Thế Tôn lìa hết các não, nghe câu hỏi về việc bí yếu mà khen rằng: Lành thay! Lành thay! Đại tâm mạnh mẽ, lúc nào cũng là đại tâm, đại nguyện, đại hạnh v.v... Bí mật Mạn-đồ-la phối tôn vị quyết, nghĩa là quyết định an bày tọa vị các bậc Thánh.

Bí mật, tức là tạng sâu kín của Như Lai. Yếu nào vắng lặng từ lâu như hoa Ưu-đàm. Khi ấy bèn nói chẳng đúng người thì chẳng trao, bừa bãi, chẳng đồng hiển bày thường giáo Mạn-đồ-la là nghĩa đủ các đức, tức là Đức bí mật của Như Lai. Đức bí mật của Như Lai, đức bí mật như thế như hoa sen nở mà tự trang nghiêm. Phối tôn vị quyết là nghĩa chọn lựa. Tạng liên hoa bí mật như thế phân biệt các thứ phần vị, điều nên làm đều đã chọn lựa. Quyết nghĩa là nói nhất định. Cội nguồn đại Bi từ căn bản đại bi phát sinh. Đại thừa Vô thượng tối mật của chư Phật tức là Mạn-đồ-la này tức là cội nguồn của Đại thừa vô thượng, tức là tâm Bồ-đề này dùng đại bi là căn bản. Cũng như Thai tạng nên gọi là căn bản. Thừa nghĩa là chân ngôn thực hành việc Bồ-tát, do đầy đủ phương tiện nên đi trên đường thẳng lớn, hoàn toàn không trở ngại mà được đến chỗ chân thật. Cũng như ngồi xe dạo chơi thẳng đường mà đến thành lớn. Đây là pháp Bí yếu tối thượng của chư Phật. Nếu nói rộng thì hết kiếp vị lai cũng chẳng cùng tận. Nay dùng phương tiện mà nói lược, nay chỉ một lời mà đủ tất cả nghĩa vị nên gọi là nói lược, là việc bí mật của Phật. Các ông bày hỏi ta sẽ nói lược. Trước đã khen pháp lại hứa nói lược, kế là tùy câu hỏi mà đáp thứ lớp.

Phật bảo Kim Cang Thủ, hãy lắng nghe Đại lực, Mạn-đồ-la mười hai chi cú sinh ra Minh vương đại lực, nghiệp đầu của Mạn-đồ-la đáp trước, trước phải thực hành. Đây tức là như trên đã nói mười hai chi cú

sinh mười hai chi cú pháp giới thể. Nó nên thực hành Minh Vương đầu tiên, do Minh Vương này đều nhiếp hết tất cả thế gian và xuất thế gian. Trước làm đàn, trước phải trụ vào Tam-muội Minh Vương ấy. Vương là chỉ cho Đại nhật. Đây nghĩa là trong tâm đặt chữ đầu tiên của mười hai chữ, dùng chữ đầu tiên để giữ thân. Chân ngôn đều ở trong đó mà nhiếp hết. Muốn thực hành Mạn-đồ-la thì trước phải tụng. Nghĩa là khi sắp tạo Mạn-đồ-la thì phải tụng trước, sau mới trụ vào Du-già. Du-già tức là hạnh Ứng lý của Minh Vương này. Đã trụ vào Du-già thì phải quán sát cho đúng . Nay chỗ làm này phải dùng việc gì. Nghĩa là tuy năm bộ. Như trên đã nói dụng khác nhau của năm chữ, hoặc vuông, tròn, tam giác, bán nguyệt... ở thượng trung hạ đàn có tác dụng gì căn tánh đệ tử thế nào, các việc như thế đều biết thì mới được làm. Nhưng trong đây ở chân ngôn vương mà phân biệt các việc khác nhau cũng chưa rõ ràng, bèn hỏi.

Lại nữa, trước biết có hai thứ, do đó là sư thấy đế hay đối với chân ngôn vương mà thấy tất cả cội nguồn, thông suốt không chướng ngại. Nếu sư chưa thấy đế thì cần phải y giáo và chỗ truyền dạy của thầy, tiếp đó ở chỗ chỉ thú truyền dạy mà quán sát. Đã quán sát biết rồi thì tùy việc phải làm mà làm, cho nên trước phải là chân ngôn vương này. Đem Bổn Tam-muội trì luân rồi thì trước phải biết rõ Đạo Du-già, sau mới tùy ý mà làm các sự nghiệp. Nhưng vì bí thích theo lối bí mật nên mười hai chân ngôn vương này tức là Kim Cang Tam-muội, ắt là Bồ-tát ngồi đạo tràng vào Kim Cang giới, thì được mười phương chư Phật đồng thời rưới đảnh mà cùng gia trì để được vào địa vị Phật. Vào địa vị Phật, tức là thành tựu Tạng đại bi sinh Mạn-đồ-la rốt ráo. Kim Cang Thủ cũng vào Chân ngôn vương này cũng ở trong kinh này mà được chư Phật mười phương đồng gia trì. Nay lại quyết trạch Tạng đại bi. Nếu chẳng như thế, thì sao có thể được quán đảnh đồng vị Pháp vương của Như Lai. Nhưng cách làm Mạn-đồ-la, trước phải là A-xà-lê cho nên kế đáp, phải biết thầy có hai thứ, vị thầy phải hiểu rõ chân ngôn và tướng ấn Bổn tôn. Ở trong đó đều thấu suốt rõ ràng vô ngại biết rõ tướng pháp thượng trung hạ khác nhau. Nhưng nó có hai thứ phân, phân là hai thứ: Một là giải thích sâu kín, hai là thông lược. Nói sâu là hiểu biết sâu rộng, nghĩa là được hạnh Tam-muội trong hạnh chân ngôn, khéo biết lý thú, rộng hiểu Đại thừa có khả năng phó chúc. Trong đây có khả năng phó chúc tức là khéo hiểu biết thời nghi, hiểu rõ căn tánh có khả năng nhận lãnh, tức là người bạn chẳng thỉnh, khiến chẳng mất việc lớn nhân duyên. Chưa có khả năng tức là được hộ ý lại ở trong pháp sâu mà bày

giáo lợi hỷ. Do đây gọi là có khả năng được giao phó phải biết tức là trưởng tử của Phật. Do thấy đế nên thấy pháp, nghĩa là thấy quả báo hiện đời, nên không lấy tướng các pháp, lìa cảnh tâm lượng phân biệt, nên gọi là lìa, nghĩa là lìa danh lợi hiện đời mong cầu Phật đạo. Phải biết vị sư này tức là mong được Phật mười phương hiện ra đưa tay phải xoa đầu, dùng pháp quán đảnh mà giao phó tạng.

Sư thứ hai, là chỉ được lợi trong pháp hiện đời, thế gian thành tựu lợi ích, trong si cú có thêm duyên niệm, vì nó mà làm đàn. Nhưng cũng đủ hiểu làm Mạn-đồ-la các thứ phương tiện không nhầm lẫn. Mong thầy quán đảnh trở xuống là nói nhắc lại Sư Thâm Hạnh, quán đảnh được giai vị A-xà-lê, cũng gọi là Phật đã ấn khả. Do nó ở trong Mạn-đồ-la mà đích thân đối với các tôn, mà được quán đảnh Sư vị ấn khả. Phải biết trong đây mong được Phật quán đảnh, là thầy Thâm Mật, mong được người thầy thế gian trao cho là hiển bày sơ lược A-xà-lê. Lời hỏi của Kim Cang đều là duyên Mạn-đồ-la chỗ cần. Phật cũng thứ lớp dùng kệ đáp, kệ này nay chưa dứt câu, sau sẽ trau chuốt văn. Phật đáp thầy dùng thứ lớp đáp đệ tử. Sở dĩ như, là vì nếu chỉ có thầy mà không có đệ tử thì duyên truyền pháp ấy khiến hạt giống Phật chẳng được tiếp nối.

Kế là phân biệt tướng đệ tử có bốn thứ: Một là thời niệm tụng đệ tử, hai là phi thời, ba là thời, phi thời đều đủ, bốn là thời, phi thời đều là sai. Đây là bốn thứ. Nói thời là như đệ tử cầu A-xà-lê mà thỉnh hành pháp chân ngôn. Nếu thầy thấy đế thì phải tự chiếu duyên cảnh ấy, biết có khả năng nhận được việc thì mới trao cho hành pháp khiến thực hành niệm tụng kỳ hạn bao nhiêu lâu sẽ được thành tựu. Lại thực hành phương tiện thành tựu. Nếu thầy thế gian, tuy chẳng hiện soi cơ trước chỉ y giáo mà làm khiến đệ tử tụng niệm cầu tướng cảnh giới giao cảm. Thầy cũng tự niệm tụng. Nếu tương ưng thì đệ tử được cảnh giới hứa cho pháp. Lúc đó, thầy cũng phải tự biết, đã được tương ưng trao cho pháp hạnh thì cũng dạy niệm tụng như trên, đây cũng có có khuôn phép. Phi thời là cũng như pháp trước khiến tu hạnh chân ngôn, phải ở lúc nào mà được thành tựu. Như thời pháp nghiệm chẳng thành thì phải gia tác, gia hạnh, nên nói là phi thời. Thời và phi thời đều đủ, thì tuy như trên nhận lời thầy dạy, nhưng chưa được như pháp y hạnh, chưa đến lúc thọ thành tựu. Đây chẳng ở thời cũng chẳng ở phi thời, nếu ở học địa nên gọi là đủ câu. Đều sai là chỉ cho phát tâm quy y nhưng đều chưa có thứ lớp. Thầy tuy đã nhiếp lấy, nhưng đợi thời đợi duyên. Có chỗ chưa đủ thì chưa được trao cho pháp yếu chân ngôn ấy, nên gọi là đều sai.

Lại nữa, đầy đủ các tướng, thì tướng có hai thứ: Một là tướng bên

ngoài, nghĩa là chi phần... không có thiếu sót. Như trước đã nói rộng; Hai là nội giáo mỗi thứ đúng pháp mà tu hành như lời Phật dạy răn, chẳng dám sai trái, như thế... là nội tướng, nhưng bốn người này đều ở địa vị tu học chưa đầy đủ. Đã có đệ tử đầu tiên biết tướng địa, địa giáo kế sẽ nói, gọi đó là Tâm địa.

Kế là Biết chọn đất, phải làm Mạn-đồ-la, tạo Mạn-đồ-la trước phải chọn đất. Cho nên kế nói chọn đất. Nói đất tức là tâm Bồ-đề. Trước thanh tịnh tâm này tức là trước làm thanh tịnh. Đã nói rồi, tức là tám lá tâm như trước đã làm. Trước thanh tịnh đất ấy, như trước đã nói tịnh tâm Bồ-đề phương tiện. Nghĩa là hoa sen tám cánh, ở trên đài hoa mà quán chữ A cho đến thường để trên đầu chữ Ám, mắt thì để chữ Lam, mà quán tâm ấy. Cổ họng chớ để quá thấp mà phải thẳng, đây đều là phương tiện tịnh tâm địa. Kế đặt chữ La ở trên hai mắt mà quán, tức là chọn được tâm địa, mà lại dứt trừ các uế. Phương tiện này trước đã nói đủ, phải như trước mà thực hành thôi. Nói nếu lìa lỗi tâm địa được vô úy, hay dùng tịnh tâm Bồ-đề mà lìa các tướng, tức là lìa được các lỗi, nghĩa là lìa phiền não, tùy phiền não... các kiến ái, hoặc nên gọi là lìa các lỗi. Vì lìa phiền não, sợ các thứ chẳng an ổn trong đường hiểm ác mà được tánh an vui, cho nên nói không sợ, sẽ được thanh tịnh mà lìa tất cả lỗi, sẽ được tất cả thanh tịnh, là do lìa các lỗi tâm không sợ sệt, rốt ráo tịnh tâm bình đẳng. Nếu đã đến như thế, bền chặt trụ vào tịnh địa liền được thấy Tam-bồ-đề. Biết tức là biết như thế, biết như thế tức là thấy chỗ Phật phải trụ chắc vào đó, nghĩa là đã lìa được tất cả lỗi, chẳng bị tạp nhiễm phân biệt làm ô uế, phải giữ bất động chớ để lui mất, chắc chắn đến được Vô thượng Bồ-đề. Chỉ thấy tâm Bồ-đề thanh tịnh như thế, rốt ráo không sót tức là thành trí Nhất thiết trí. Khác đây thì chẳng phải tịnh địa. Nếu phân biệt trụ chẳng phải tịnh địa. Nếu khác đây thì chẳng phải tịnh được đất ấy. Nói A-xà-lê nếu chẳng như thế mà tự thanh tịnh Đại Bi Thai Tạng Mạn-đồ-la Địa thì không gọi là chọn tịnh địa ấy, vì chẳng thể lìa vọng tưởng phân biệt mà chuyển, thường ở trong các lỗi, chẳng thể tránh khỏi các sợ hãi suy não thì làm sao được gọi là Thiện Tịnh Mạn-đồ-la Địa.

Cho nên kinh nói: Nếu người trì tụng trụ vào phân biệt, nếu thực hành tịnh địa thì sẽ không thanh tịnh. Vì Bí Mật Chủ lìa tâm Bồ-đề, hai loại sư này đều phải trụ vào tâm Bồ-đề. Trong phân biệt thì không có tịnh địa. Như trong tạo đàn ở trước nói: chừng một khuỷu tay trở xuống pháp trị tuy trị địa cũng chưa thành, vẫn phải trụ một chút vào tâm Bồ-đề, vì lìa đây thì không thành. Xuyên qua đất xấu, loại bỏ đất cát lông

tóc ngói đá, nếu điều ác nhỏ nhiệm không do đâu mà phân biệt khắp.

Lại trong một khuỷu tay tuy tịnh, nhưng nếu quá một khuỷu tay có các vật dơ uế thì cũng chẳng thể chọn, làm sao khiến Mạn-đồ-la này được rốt ráo thanh tịnh. Cho nên phải biết, nếu thanh tịnh được tâm Bồ-đề này lìa bỏ tất cả nhơ uế phân biệt hý luận mà tịnh địa tự giác ấy thì phải biết đó gọi là khéo tu địa ấy. Nếu thầy người như văn mà hiểu, chỉ y vào lời nói trước thứ lớp pháp dụng tùy việc mà thực hành, phải biết người này là kẻ ngu, chẳng hiểu gì về dụng Bí mật. Phải biết hiểu như thế là chẳng phải người trí. Vì sao? Vì nếu chẳng tịnh được tâm địa này còn có phần vọng tưởng thì chưa thể lìa bỏ nhân khổ. Cho nên không phải lời nói của bậc Đẳng chánh giác. Trong ngoài đều do tâm, tâm tịnh thì địa tịnh. Cho nên phải lìa bỏ phân biệt, trừ sạch tất cả địa. Duyên về địa đáp chung đã xong.

Đã thanh tịnh tâm Bồ-đề xong rồi thì dùng Thai Tạng Đại Bi mà nuôi lớn. E lời đã nói các đàn thiếu pháp, ta thứ lớp nói rộng. Họ chẳng biết việc phải làm trước, ngu si nên không hiểu. Nếu chẳng trụ tâm mà cầu Phật Vô thượng thế gian thì không có việc ấy, cũng chẳng gọi là Nhất thiết trí. Cho đến chẳng thể bỏ khổ nhân của các phân biệt. Sợ sẽ lui mất nên phải kiết hộ. Cho nên kế là nói: Dùng Bất Động Tôn mà giữ gìn thì là Minh Vương Bất Động. Phải dùng tâm Bất động chân ngôn để tịnh tâm Bồ-đề, vì là việc phải làm. Khuyên đệ tử phát tâm như thế, tức là trụ ở tâm Bồ-đề. Phải hộ đệ tử, nói là bất động, tức là tự môn A. Hạ nghĩa là nhân, là nói tịnh tâm Bồ-đề này tức là tất cả. Trước trụ tâm Bồ-đề, thầy trò đều trụ, sau mới dùng hai tôn vị này mà hộ là nhân của trí trí. Có A dài là hạnh, trên có chấm tròn là chứng, là đại không, dùng diệu nhân này mà khởi chánh hạnh. Hạnh... đối với không, dùng ba pháp này mà hộ trì tâm ấy khiến rốt ráo chẳng thể dời đổi. Nếu chẳng dùng bất động mà hộ, thì dùng Minh Vương tam thế cũng được. Ba đời tức là ba độc, cũng hàng phục ba độc ấy mà ở thế gian được tự tại hoàn toàn. Cho nên gọi là ba đời hơn. Đây cũng có phương tiện lại hỏi. Nếu đệ tử thành được việc này thì chẳng phải thuộc si, si là chấp đắm. Có chấp đắm thì chẳng thể trụ lìa si, lìa si tức là bất động. Có quán có đắc đều là si. Nói không bị vọng chấp lay động thì chắc chắn sẽ thành Vô thượng Bồ-đề, thanh tịnh không nhơ đồng với hư không chẳng thể lay động, rộng lớn không bến bờ không thể gồm chứa tất cả sắc tượng. Phải biết tâm Nhất thiết trí cũng giống như thế.

Kế lại gia trì địa, tức là tự môn A. Phải dùng chữ A mà gia trì. Đây là giáo của chư Phật. Tất cả Như Lai xưa nhờ môn này mà thành Chánh

giác. Vì hộ tâm này hoặc gia ám ở đầu và gia-la ở mắt, là tâm Bồ-đề bền chắc cho nên được thành nghiệp tự tại. Nên nói là phi dư. Phi dư là nói tất cả Như Lai thành Phật không có đường nào khác, chỉ là một môn này. Trước gia trì địa theo lời Phật dạy, Phật tức là chữ A, thứ hai là tâm tự tại, tức là đặt dấu chấm. Dấu chấm tức là Tam-muội định, tuệ... nên tất cả đều tự tại. Lại chẳng phải khác giáo này. Xưa y theo Phật dạy phát tâm tức chữ A, sau tức thành Phật... ở Phật, tức là chữ A này. Tâm Bồ-đề y Phật mà khởi. Cho nên tất cả phân biệt dứt hết, tuy chưa thành Phật tức là hạt giống vô duyên.

Trước đã hỏi đáp gia trì địa rồi. Đã gia trì địa, kế phải dùng diên mà định vị Mạn-đồ-la. Diên, tiếng Phạm là Tô-đát-lãm, tức là giữ gìn nối nhau các đức chẳng để tan biến, nên gọi là diên. Tuyến có bốn thứ, nghĩa là trắng, vàng, đỏ, đen. Niệm này, niệm nghĩa là phải niệm trì, lại thêm một thứ là sắc hư không. Hư không có công năng hợp tất cả sắc tượng, tức là có tất cả sắc. Nếu chỉ y theo sắc không tức là màu hơi xanh, như màu lá cỏ cây. Trắng nghĩa là tín, vàng là tinh tấn, đỏ là niệm, đen là chạy. Định sắc đồng với sắc Niết-bàn. Tuệ tức là Đại không, Đại không có tất cả tướng mà vô tướng. Cho nên là tất cả sắc. Hễ khi hợp tuyến, nếu đều y theo pháp, thì phải riêng tạo Mạn-đồ-la, đặt bình báu hương hoa, hương thoa, đèn nến... và các thức ăn uống, các thứ cúng dường. Sau mới khiến đồng nữ hợp. Trước phải thọ tám giới (bát quan trai) mặc y phục mới sạch, nước thơm tắm gội khiến trong ngoài thanh tịnh ngồi trong Đàn mà hợp. Về pháp hợp tuyến, trước phải làm sợi tơ nhỏ khiến cho thật đều, lớn nhỏ chậm gấp đều cho vừa chừng, chẳng được đứt quãng giữa chừng mà phải nối nhau. Lại khi hợp phải dùng lụa che miệng, mỗi sắc tơ tới lui se kỹ, khiến thành chín cọng, sau mới hợp thành một sợi, tơ ấy chỉ có một đầu. Ở giữa chẳng được nối, một sợi một sắc, năm sắc hợp thành một sợi. Nếu hợp sợi chậm gấp to nhỏ không đều, lại phải hết lòng mà làm. Minh sinh chướng pháp, vừa tổn hại thầy vừa tổn hại đệ tử, hoặc khiến phát sanh điên loạn, chẳng nên không thận trọng. Ở đây gọi đồng nữ là Tam-muội. Do Tam-muội mà điều đình rất đều thì được thành năm lực năm căn. Do căn lực này mà giữ mãi được các hạnh. Đẳng trì trong hư không, đây có hai thứ nếu là A-xà-lê thâm hạnh khi muốn làm đàn, đã định tâm địa Bồ-đề rồi thì ở trong Du-già mà độ đệ tử. Chánh quán Thai tạng Đại Mạn-đồ-la vị gia trì, tất cả phần vị sáng tỏ, rõ ràng như đẳng trì ở trong hư không. Đẳng là cùng khắp, trì là phải làm như thế. Làm nghĩa là biết thứ lớp, trước là định không. Tôn vị đồng đều. Thứ hai là dùng tuyến mà đặt địa Mạn-

đồ-la như đối trước mắt. Nhưng vì độ người thuận theo Thế đế, dùng phương vị mà gia trì đàn địa. Nhưng sau ở trên, dùng tuyến tượng năm màu mà định ra phương vị. Nếu là A-xà-lê thâm hạnh cũng phải trước dùng tuyến này mà định phương vị. Định phương vị xong phải từng thứ dụng tâm mà khắp đặt. Cũng khiến chỗ có phương vị như đối trước mắt. Hoặc dùng giấy bút mà sao chép, gặp lúc mà xét dùng, không để gặp việc sinh nghi lầm. Ở đây nói không trung đẳng tức là như trên đã nói. Trước với đối lập đệ tử, dẫn tuyến ấy mà định ra phương vị. Lại chớ để dính đất, trước ở hư không mà đối dẫn, đều khiến cho ngay tâm như thứ lớp mà được vây quanh. Nếu chưa có đủ pháp, đệ tử chưa có khả năng cùng làm đàn, cũng có thể đặt cọc ở chỗ đệ tử mà làm. Đã như thế định rồi, liền vận tâm bày ra vị thứ, rồi mới se từng sợi. Nếu là A-xà-lê Du-già thì cũng ở trong đó mà thực hành phương vị. Thấy chư Phật, Bồ-tát, Thiên thần... rõ ràng định vị, mới thuận theo pháp thế gian, cũng se chỉ đặt vị, xét về hình sắc mà biểu thị ra. Phải biết đây là vị cao nhất, chư Phật Nhất Thiết Trí, tức là các Phật tử khen Bồ-tát có đủ trí tuệ. Tất cả các Phật tử các người trí được thế gian khen là cát tường nghĩa là thế gian khen ngợi cho là tốt lành. Đây kế đáp tòa vị biểu tượng. Như người đời dùng hoa sen làm cát tường thanh tịnh, khiến vui lòng mọi người. Nay trong Bí tạng cũng dùng Đại Bi Thai Tạng Diệu Pháp Liên Hoa làm cát tường thần bí nhất, tất cả pháp môn gia trì thân ngồi trên đài hoa này. Nhưng hoa sen thế gian cũng có vô lượng khác nhau, đó là lớn nhỏ nở búp, sắc tướng cạn sâu, thảy đều chẳng giống nhau. Như thế, đài hoa Tâm địa cũng có quyền thật, nở khép khác nhau. Cho nên nói người trí phải biết. Nếu là Phật thì phải làm hoa Phân-đà-lợi tám cánh, là hoa sen trắng. Hoa ấy nở bày bốn bên. Nếu là Bồ-tát thì cũng làm theo cách ngồi hoa này mà nở bày phân nửa, chớ cho nở hết. Nếu Duyên giác, Thanh văn thì phải ngồi trên đài hoa hoặc ngồi trên hoa Câu-vật-đầu. Người hiểu cạn cho là trí một bên. Đây là hoa sen xanh. Ở đây chỉ cho sen màu xanh, nhưng lại khác với hoa sen xanh, ngồi trên cành sen xanh. Từ sen sinh cánh, chẳng giống với loại này. Như trời Tịnh cư cho đến Phạm thiên Sơ thiền, thế gian lập hiệu là Phạm đều ngồi trong hoa sen đỏ. Niệm nghĩa là nhớ nghĩ không quên. Sắc ấy thuần đỏ, thế gian gọi là ghế vua, như các trời cõi Dục và Địa cư... đều tùy vị mà dùng biểu thị. Như tượng Đế-thích thì vẽ núi chúa Tu-di, thần núi ngồi trên núi, Thủy thần ngồi trên nước, Thọ thần ngồi trên cây, Thành thần ngồi trên thành, như thế rất nhiều tùy ý mà được. Trở xuống là các trời chia đất làm chỗ ngồi. Nghĩa là trời cõi Dục... ngồi trên cỏ hoặc ngồi trên lá

khô... Niệm tức là nghĩ nhớ. Lại, kế tam tạng nói hoa sen phương Tây có nhiều thứ. Một là Bát-đầu-ma (Hoa sen đỏ và trắng), hai là Ưu-bát-la (cũng có hai màu đỏ và trắng lại có chẳng đỏ chẳng trắng, giống như hoa Ni-lô-bát-la), ba là Câu-vật-đầu (đỏ và xanh, sen xanh), bốn là Ni-lô-bát-la (mọc trên phân trâu rất thơm), năm là Phân-đà-lợi-ca (có trăm cánh).

Kế là đáp nghĩa cúng dường. Nhưng đáp trong đây hoặc chẳng y thứ lớp câu hỏi mà chỉ y theo nghĩa hỏi, đối với lý chẳng có lỗi nên biết. Cúng dường lược có bốn thứ: Một là cúng dường hương hoa, hai là chắp tay, ba là từ bi, bốn là vận tâm. Nghĩa là tưởng hương hoa bay khắp pháp giới, vận tâm rồi liền dùng ấn, chắp tay và từ bi, ba việc đều vận tâm. Nhưng trong kinh chẳng nói hương hoa, đối với nghĩa thì phải có. Hoa Thủ đây đều là ấn chắp tay. Hoa này từ tay sinh, phát sinh dâng tất cả chi phần sinh, Ấn quán tâm Bồ-đề. Tay hoa phát sinh, tức là làm ấn. Làm ấn (bắt ấn) rồi liền vận tâm cúng dường. Đây là ấn tất cả chi phần sinh. Trước đã có chân ngôn mà nói chưa có ấn. Ở đây xem lại. Như thế dùng ấn gia trì rồi phải niệm tâm Bồ-đề. Tưởng thấy hoa này đều từ tay mà ra, dùng dây mà cúng dường tất cả đều phải vận tâm. Chư Phật và đệ tử do kia sinh ra, ân cần dùng hoa không lỗi xinh đẹp thơm tho sáng rực rỡ pháp giới làm cây chúa. Tưởng cây đầy khắp pháp giới nở hoa mà cúng dường Phật. Cúng dường dùng chân ngôn gia trì thắng diệu. Lại có nhiều vầng mây lớn nổi lên trong pháp giới, từ đó mưa hoa trước chư Phật, nghĩa là từ chư Phật, Bồ-tát cho đến Nhị thừa tám bộ đều nương vào bản chân ngôn và ấn đó để gia trì vật cúng dường mà cúng dường. Khi người tu cúng dường hương hoa thì phải dùng chân ngôn. Nếu cúng dường hoa thì phải dùng chân ngôn hoa... nếu tâm chẳng trụ định thì cho đâu được. Cho nên nói Tam-muội tự tại chuyển và ấn gia trì, sau đó vận tâm. Hoa này thơm tho xinh đẹp không có các lỗi xấu. Nguyện sinh thắng diệu, lại cũng nhiều như mây lớn từ trong pháp giới sinh, từ đó mưa hoa, nghĩa là từ pháp giới sinh. Thường ở khắp trước chư Phật sinh ra các thứ ánh sáng. Lại đem các hoa này mà cùng khắp pháp giới làm một cây lớn, không khác cây thiên ý, rải các thứ hoa như mưa, mây hoa hương phướn lọng và các thức ăn uống vô lượng vô biên chẳng thể cùng tận, cùng khắp trước tất cả Như Lai, các thứ cúng dường khiến mỗi thứ đều cùng khắp. Vận tâm như thế, liền dùng chân ngôn gia trì. Nghĩa là mỗi thứ cúng dường tôn đều dùng bổn chân ngôn và ấn mà gia trì. Kế đây là tám bộ, cũng tùy loại mà mà dùng chân ngôn và ấn. Nhưng các tôn vị này kém hơn các thiên thần.

Ở đây, kế là nói các thiên thần như bổn Du-già nghĩa là đều tương ưng, tức tương ưng với Bổn tôn, như giận dữ thì dùng màu đỏ. Hoặc trong kinh có chân ngôn và ấn, hoặc có liên quan với không. Riêng có một khắp thông với ấn cát tường. Như hoa: là hương thoa... Như lý tương ưng nhau, nhớ nghĩ nhau. Phải dùng hai ngón cái và áp út giữ nhau, ba ngón kia đều rẽ thẳng ra. Dùng ấn này gia trì các vật, cho đến tất cả đồ cúng dường trong đàn được gia trì đều thành tựu. Nếu Bổn tôn tự có bổn ấn gặp lúc cần thì cũng dùng như ấn phổ thông mà gia trì, cũng được. Chân ngôn hương hoa... tức là trước đã nói về chân ngôn hương hoa, đèn nến... đều tùy loại, như kinh Bát-nhã nói: Nếu muốn dùng một hoa mà cúng dường khắp tất cả chư Phật thì phải tu Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Trong đây chỉ vận tâm dùng một hoa hương, nhờ gia trì và Tam-muội mà cúng dường khắp tất cả Hiền Thánh trong pháp giới, khiến gốc lành này không thể cùng tận. Nếu chẳng bắt ấn Cát tường phổ thông. Lại có Kim Cang Phụng ấn, hoặc ấn Liên Hoa và ấn Quan Âm, chỉ làm ở tay phải, chỉ có trời Địa cư thì hợp tay trái mà làm. Nhưng sợ tay trái có làm việc cầm nắm, nên để tay phải làm ấn gia vật cũng được. Nhưng khi cúng dường, trước dùng ấn gia trì, rồi bưng lên mà nói lên tâm dâng hiến, mới đặt ở chỗ các tôn vị. Nếu là hương thoa thì hoặc dùng hương thoa vào thân Tôn vị ấy, cũng tùy chỗ trang nghiêm mà đặt, hoặc để ở trước. Khi gậy khều hoa thì cũng nói cao thấp khác nhau. Nếu là Phật thì phải nâng cao ngang đầu thân ấy, còn Bồ-tát thì từ tim trở lên. Nhị thừa thì ở trên rún, Phật, Bồ-tát thì giữ ở tim, Thế Thiên thì phải ở rún. Đây là nhất định. Địa cư thiên... thì phải từ rún trở xuống. Kế là kiết ấn, rồi dẫn lên hư không mà hiến Phật. Cho đến Địa cư... khiến chuyển xuống. Như trên có bốn bậc các tôn từ thân Phật mà ra. Nay hiến hoa cao thấp cũng y theo trước. Dưới rún là phối hợp với vị Mạn-đồ-la. Nhưng có hai loại sư: Một là nếu Du-già mà thành thì chỉ dùng Tam-muội tâm tự tại đã được thông suốt môn chân ngôn rồi, mới tùy tâm mà làm thành, chẳng đợi sự pháp thì cũng được thành; Hai là nếu sư thế gian thì phải y vào sự pháp, dùng chân ngôn và ấn mà gia, mới thành được.

Kế là đáp nghĩa Hộ-ma. Phải biết Hộ-ma có hai thứ: Một là nội, hai là ngoại. Nói trong ngoài là các phần đều khác. Hộ-ma là nghĩa thiêu, là do Hộ-ma có khả năng thiêu trừ các nghiệp. Vì tất cả chúng sinh đều từ nghiệp sinh, do sinh mà chuyển nghiệp, luân hồi không rời, do nghiệp dứt nên sinh được dứt, tức là được giải thoát. Nếu nghiệp năng thiêu thì gọi là Hộ-ma bên trong. Từ chỗ nào mà được giải thoát, tức là từ nghiệp khổ phiền não mà được giải thoát. Đã lìa thế gian tức là sinh

hạt giống, đó gọi là thanh tịnh tâm Bồ-đề. Như lửa thế gian, nếu đốt vật rồi chỉ còn tro tàn. Nay thì chẳng phải thế. Nếu đã thiêu đốt tất cả phiền não, như kiếp thiêu lửa cháy không sót. Mà cũng từ đây được có mầm sinh, tức là mầm Bồ-đề năng thiêu ở đây tức là trí. Như trước nói quán chữ La tóc lửa vây quanh, khiến tưởng này cùng khắp thân. Thân ấy lại cầm dao và dây cột. Dùng chữ La này thì dứt được các nghiệp trừ sạch các chướng. Nghiệp chướng đã sạch thì được sinh tự tịnh hạt giống. Thế nên kế quan tâm Bồ-đề phải biết rằng tâm Bồ-đề sinh được hạt giống. Như thế khi quán phải tưởng chữ Phược khắp tất cả thân phần. Ở trong lỗ chân lông mà tuôn ra chất cam lộ màu trắng cùng khắp mười phương để tưới tất cả thân chúng sinh, vì nhân này khiến cho các hạt giống lần lượt lớn lên, nên gọi là Hộ-ma bên trong. Kế là giải thích Ngoại Hộ-ma. Có ba thứ: Một là Bổn tôn, hai là Chân ngôn, ba là Ấn. Một là Bổn tôn (vì cúng dường nên đặt, tùy môn Sở tông mà đặt, hoặc trong lửa có vị Mạn-đồ-la ấy); Hai là Chân ngôn (lò, nơi để lửa, đây tức là chân ngôn có trong lửa); Ba là Ấn (tức là chỗ ngồi của A-xà-lê, tự thân tức là ấn). Khi thực hành ngoại Hộ-ma khiến ba vị này đối nhau. Ba vị này cũng là nghĩa thanh tịnh ba nghiệp. Bổn ba vị, tức là thân, lò và Bổn tôn ba vị, đều có ba vị Bổn tôn, Chân ngôn và Ấn. Thanh tịnh ba nghiệp thành ba sự, Tôn là ý nghiệp, Chân ngôn là khẩu nghiệp, Ấn là thân sư, thuộc thân nghiệp. Do nhân duyên này mà thanh tịnh ba nghiệp, thành ba sự nghĩa là dứt tai, tăng ích và hàng phục. Ba nghiệp đạo, đạo nghĩa là hội, gặp. Nói cùng lý đồng, vì đồng cho nên hội. Các ông thực hành đạo Bồ-tát ấy tức là ba đạo đồng quy một chí. Lại ba việc quán chữ đều khác. Nếu thực hành tức tai thì quán chữ La. Phải trên thêm dấu chấm mà có màu trắng. Tăng ích thì tưởng chữ Lam màu vàng. Hàng phục thì tưởng chữ Ám hoặc đen hoặc đỏ. Như chữ Bổn tôn và sắc tự thân, cũng giống như thế ba việc tương ưng liền thành. Ở trong đó lại có thượng, trung, hạ khác nhau. Nghĩa là dứt tai là thượng, tăng ích là trung, hàng phục là hạ. Làm như thế gọi là ngoại Hộ-ma. Phải biết Hộ-ma trong ngoài đây đều gọi là thù thắng, nếu chẳng tương ưng với đây thì làm phí công vô ích. Vì cũng làm ngoại Hộ-ma nên khiến dẫn vào Hộ-ma bên trong. Nhưng lý của trong ngoài vốn chẳng khác nhau. Vì cầu thế gian thành tựu, vì làm phân biệt này khiến làm ngoại Hộ-ma. Nếu làm khác với đây, tức chẳng y theo khuôn phép đã nói. Phải biết người này chẳng biết gì, uổng phí công sức mà không có quả báo. Do chân ngôn lìa trí, tùy tâm vô minh của mình mà vọng làm, thì chẳng bao giờ được quả Tất-địa thế gian, xuất thế gian, nên nói là chẳng được kết quả.

Kế là đáp sắc và hình loại, cũng đại lược có ba bộ. Tỳ-lô-giá-na là Phật bộ, tức là thân pháp giới Như Lai màu trắng. Kế Quán Thế Âm là Phật A-di-đà thân màu vàng. Kế Kim Cang Tạng là Phật Thích-ca Mâu-ni thân màu đỏ vàng. Phật nói các chân ngôn và lời chư Phật nói. Ở trên nói Phật là nêu các chân ngôn trong Phật Như Lai bộ, Bộ nghĩa là từ đó Phật sinh. Cho đến các thần, chỗ Phật hứa khả đều là Phật bộ. Ở dưới nói chư Phật là lời do chư Phật nói, không thông với Bồ-tát trở xuống. Hai thứ này đều có hai thứ sắc, tức là trắng và vàng. Các bộ trở xuống là nói chư Phật nói chân ngôn, nghĩa là lời Tỳ-lô-giá-na nói, thứ lớp phải hiểu biết. Kim Cang Thủ tạp loại, Quán Tự Tại các chân ngôn màu trắng. Tùy việc mà phân, tức đây chỉ nói phải biết, vì trắng vàng hợp nhau, tức chẳng quá vàng quá trắng. Tạp sắc nghĩa là đủ năm màu, tức là tùy sự phân biệt mà dùng. Phật bộ một bề là dùng Tứt Tai, màu trắng tùy sự nghiệp mà phân. Quán Âm thì thuần trắng. Nhưng trong sự đó thì tùy sự nghiệp mà biến chuyển, màu phải là trắng. Bộ Liên Hoa thì một bề là dụng Tăng Ích, sắc màu vàng. Bộ Kim Cang thì hoàn toàn dùng Hàng phục, màu xen tạp (đủ năm màu). Cũng tùy một bộ trong đó mà có ba việc phân biệt. Như trong Phật bộ thì tự có Tứt tai, Tăng ích, Hàng phục. Nếu Tứt tai thì y bổn pháp mà làm màu trắng. Nếu trong Phật bộ khi thực hành Tăng ích thì y vào pháp này mà làm màu vàng. Nếu trong Phật bộ thực hành Hàng phục thì chỉ y pháp này mà chuyển thành tạp sắc. Cũng như Phật bộ, thì Liên Hoa, Kim Cang rất dễ hiểu. Sự trắng phân, nghĩa là tùy loại mà phân việc ấy. Chân ngôn Quán Tự Tại, các tiếng trong đây tức nêu bộ Liên Hoa, vì nêu Phật bộ và bộ Kim Cang.

Kế là nói hình Mạn-đồ-la. Đã hợp Tứt tai ở trước, nay tùy tiếng trước thì sự trước, như Tăng ích ở trước. Các Tăng ích sự Mạn-đồ-la. Vuông mà màu vàng, là đàn Tứt tai. Tròn mà trong màu trắng là đàn Hàng phục. Tam giác mà trong màu đen là đàn Nhiếp triệu. Bán nguyệt (vẽ hình) mà trong tạp sắc. Nhiếp triệu nghĩa là tạp lấy vật gọi triệu mời. Kinh nói khắp bốn phương, là nêu một mà kể hết. Như trong đàn vuông, tức vuông thì đều khắp vuông, tròn thì thứ lớp cũng như thế. Tam giác cũng, cho đến ngoại viện đều vuông. Nếu trong tròn cho đến ngoài thứ lớp đều tròn. Hộ-ma làm lò cũng như thế. Nếu đàn vuông thì lửa đàn cũng vuông. Các thứ khác đều lệ theo đây mà biết.

Kế nói các hình tượng, nên lấy nghĩa tướng mạo làm chánh, cũng có thể nói là sắc tượng. Kệ nói: Sắc tượng trước phải biết. Trước cho là nay ta nói. Sắc loại nhưng các tôn vị các thứ khác nhau, nói tóm tất

có hai thứ là nam và nữ. Nam là trí tuệ làm đầu, nữ là Tam-muội làm kế. Hoặc tất cả chỗ tùy hình sắc. Như tôn hình trong kinh này hoặc các kinh khác, hoặc tùy một chỗ hiển bày hình sắc nghĩa là ứng vật bày hình dáng bất định, nên gọi là không thể suy nghĩ bàn luận, đều chẳng đồng nhau. Song tùy theo loài mà chế. Nếu nói làm màu trắng tức là dùng Tức tai, sắc vàng là Tăng ích. Các thứ khác nên biết. Thấy nam nữ và sắc mạo khác nhau, liền biết chỗ dùng. Trí không thể suy nghĩ bàn luận sinh, như Bổn tôn hợp làm màu trắng nhưng phải làm sự Tăng ích, tùy tâm người tu quán làm sắc vàng thì có dụng Tăng ích, tùy tâm mà chuyển. Nhưng chỗ làm sự đều thật chẳng luống dối. Do trí không thể nghĩ bàn giới trí mà được như thế. Nay nói sắc pháp giới, tức ở trong một sắc liền là tất cả sắc. Trí năng quán cũng tương ưng với cảnh, cho nên được tự tại như thế mà dùng. Vì trừ vô trí nên có các thứ trí sinh. Tuy biết vô lượng nhưng thật ra chỉ là một trí. Trước nói trí là Nhất thiết trí là dùng một trí mà hiện tất cả trí. Trước hỏi Bổn tôn hình lượng lớn nhỏ, nay kế đáp. Nhưng Phật Phổ môn hiện bày đều là ứng phó các căn cơ. Cơ đã muôn thứ khác nhau thì phải biết thùy ứng cũng lớn nhỏ bất định. Còn nói mỗi mỗi hình Bổn tôn thì lượng đồng pháp giới, không có bờ mé, không có đầu cuối. Do trí có cạn sâu mà lượng có lớn nhỏ, nên thấy thân đều khác nhau. Cho nên phải biết chỗ quán Bổn tôn, tùy tâm người tu lớn nhỏ chứ không có lượng nhất định. Nói người chứng trí tức là Phật. Dùng trí vô tận mà chứng cảnh vô tận. Như rương lớn thì sức chứa cũng lớn.

Trước hỏi hình lượng của tôn vị, là hỏi cả tòa và ấn, nay cũng đáp: Thân đã không có lượng nhất định, thì phải biết tòa và ấn cũng như thế. Cho đến tâm rộng thì tòa cũng đồng lượng đó. Ấn cũng như thế, như thứ lớp nói tùy lớn nhỏ. Lại thứ lớp từ Phật khiến Bổn tôn và tòa xứng nhau. Còn trời cũng thế. Kế đáp ấn ấy từ đâu sinh. Phật nói: Như chỗ Phật sinh, Ấn cũng như thế, từ chỗ ấy sinh. Vì sao? Vì tất cả Như Lai đều từ Phật tánh hạt giống tâm Bồ-đề sinh. Phải biết tất cả ấn cũng từ tâm Bồ-đề sinh. Ấn từ pháp giới sinh là ấn đệ tử. Như vua dùng ấn để ấn tất cả tin nhận. Nay dùng ấn tất cả pháp giới sinh mà ấn, tức là pháp ấn, tức là Đại nhân tướng ấn.

Kế là đáp ấn này có công dụng gì, tức là dùng ấn pháp giới này mà ấn đệ tử, tức là nghĩa chẳng dám trái vượt, do mình và người đều chẳng trái vượt. Nghĩa là từ lúc mới phát tâm Bồ-đề cho đến lúc cuối cùng được Phật tuệ, ở khoảng giữa đó chẳng hề lui sụt. Cho nên thế gian gọi là Bồ-đề Tát-đỏa. Do ấn này mà trụ tâm Bồ-đề chẳng lui sụt,

nên gọi là chẳng trái vượt. Ấn này tức là ấn cửa sinh tử mở đường pháp giới, nói lược thì ấn này lượng đồng với pháp giới. Do dùng ấn pháp giới này mà ấn, tức khiến người ấy đã có cờ nêu pháp giới rồi có thân Phổ môn đồng pháp giới. Cho nên gọi là ấn cho đệ tử. Vì ấn pháp giới này là lược, nghĩa là dùng Nhất pháp mà ấn. Nêu rộng chẳng thể lường, đây là tướng cờ nêu của Đại nhân.

Trước hỏi Quán đảnh có mấy thứ, nay kế là đáp. Phật tử hãy khéo lắng nghe, là y theo bản tiếng Phạm chánh là nói ân cần đầy đủ lắng nghe. Vì sao từ trước đến nay các câu hỏi không nói lắng nghe mà đến đây mới nói. Nhưng các pháp nếu chẳng lắng nghe thì sẽ quên mất, lỗi ấy chẳng phải nhỏ. Nếu quán đảnh chẳng thành thì chẳng được nghe chân ngôn và ấn. Ngày nay chẳng nên gây ra lỗi lớn này. Cho nên hết lòng khuyên răn. Ví như dòng Sát-lợi ở thế gian, nghĩa là muốn nối dõi để dòng họ vua chẳng mất, nên vì đích tử mà thực hành quán đảnh. Bèn đựng nước bốn bể trong bình bốn báu, rồi trang sức đầy đủ các báu trên thân Thái tử ấy. Lại làm đẹp voi lớn, trên lưng voi lớn để bình báu, cho Thái tử ngồi trong đàn. Tất cả đều nhóm hợp chung quanh. Voi dâng bình nước lên mà chế trên đầu Thái tử. Chế xong thì ba lần hô lớn: Các vị nên biết Thái tử đã thọ nhận ngôi vua. Từ nay trở đi nếu vua có ra lịnh thì đều phải vâng hành. Nay Như Lai Pháp vương cũng giống như thế. Vì khiến cho hạt giống Phật không dứt mất, nên rưới nước pháp cam lộ mà trên đầu Phật tử để khiến hạt giống Phật chẳng dứt. Vì thuận theo pháp thế gian nên có pháp phương tiện ấn trì này. Từ đây trở đi tất cả Thánh chúng đều tôn kính cùng biết người ấy rốt ráo đối với Vô thượng Bồ-đề không hề lui sụt mà nhất định nối tiếp ngôi vị Pháp vương. Nếu có thực hành chân ngôn thân ấn Du-già các nghiệp thì đều chẳng dám trái vượt. Nhưng quán đảnh có ba thứ: Một là chỉ dùng ấn pháp làm lìa các tác nghiệp. Đây là vào Bí mật Mạn-đồ-la. Nghĩa là có đệ tử hết lòng chí thành rất ưa thích hạnh chân ngôn mà chí cầu Đại thừa, nhưng sức mình còn yếu kém. Nếu khiến mỗi câu đầy đủ các việc thì sợ đối với đạo có chướng ngại. Như thế, vị thầy phải có từ tâm thương xót quán rõ tâm hạnh người ấy mà dắt dẫn. Nhưng chỉ được làm cho người ấy, không được làm cho nhiều người. Vì sao? Vì sợ người có sức tự làm được sẽ sinh tâm biếng nhác nhờ cậy, mà chẳng hết lòng, sẽ tổn các cội đức. Khi làm thì tùy sức bày biện chút ít cúng dường Tam bảo. Đây là tối thắng bậc nhất, tức ba thứ thân, miệng, ý của Bổn tôn hợp thành một, ba thứ đều thanh tịnh nên dùng ấn này mà ấn, đây là hơn hết. Thầy đã ngầm trao loại Thủ ấn chân ngôn ấy; hai là dùng sự nghiệp mà quán

đảnh, tức là thầy và đệ tử trước đều làm sự nghiệp. Nghĩa là trước bảo đệ tử trong bảy ngày phải thành tâm lễ bái sám hối. Vị thầy cũng trong bảy ngày ấy ngầm trì tụng cầu cảm ứng và bảo sắp bày các vật hương hoa cúng dường. Trong đàn, các việc bảo làm cho đầy đủ. Nhưng quán đảnh này chẳng khác với trước, chỉ vì có sức riêng mà khiến cố hết sức. Trong Hải Hội chư Phật thực hành vô tận cúng dường. Do nhân duyên này mà quả phước thí chẳng thể cùng tận. Cho nên khuyên bảo thực hành đầy đủ; ba là chỉ dùng tâm thực hành quán đảnh. Quán đảnh như thế chẳng chọn thời, chẳng chọn phương, nghĩa là ở hướng Đông mà bày vị, hoặc ở hướng Nam... đều được. Do đệ tử này đã tu hạnh chân ngôn trong Bí mật tạng mà có khả năng thọ nhận, khiến tâm vị thầy vui vẻ. Đây lại rất tối thắng. Thầy và đệ tử đều được Du-già dùng tâm quán đảnh, cũng như xoa đảnh thọ ký.

Lại hết lòng kính thờ thầy, đối với các việc lành đều không trái vượt. Do nhân duyên đó khiến cho Tôn vị vui mừng, cho nên thực hành tâm tưởng quán đảnh. Pháp quán đảnh ấy là A-xà-lê Du-già trước vào tịnh thất mà trụ Tam-muội. Như trước đã nói dùng thân thực hành bốn phần, lớp bốn, lớp vị Mạn-đồ-la, cũng như chỗ hiện phương vị Tỳ-lô-giá-na mỗi vị đều không khác. Làm như thế rồi dùng Bí mật mà gia trì, khiến đệ tử ấy đứng ở ngoài đợi lịnh. Tự nhiên được Kim Cang Thủ oai thần gia trì dẫn vào, cũng tự nhiên biết các cách bắt ấn đúng pháp. Đã vào thất rồi, vì được Kim Cang Thủ gia trì nên thấy được các tôn vị Mạn-đồ-la rõ ràng hiện ra mỗi vị và ấn chữ hình. Bổn tôn đều rất rõ ràng. Bấy giờ, người tu lại dùng năng lực gia trì. Trong tay tự nhiên được trao diệu hoa mà đem cúng dường đại chúng. Tùy Bổn tôn nào hoa rơi trúng, tôn ấy liền phát ra diệu âm thanh mà an ủi, nhiếp thọ.

Bấy giờ, Bổn tôn dùng nước cam lộ Tam-muội của mỗi tôn vị trong đại hội mà vì đệ tử ấy hiện tiền quán đảnh. Khi ấy A-xà-lê chỉ ngồi một chỗ mà vào Tam-muội vắng lặng bất động mà thành tựu được những việc hay ho như thế, khiến Tôn vị vui mừng tương ưng, nói là phụng thờ Bổn tôn, khiến tôn vị vui mừng. Vì người tu hiện tiền mà thực hành quán đảnh, vì biến số và đủ hạnh mà thực hành phụng thờ niệm tụng khiến Tôn vị vui mừng. Hiện tiền nói pháp như đã nói, lệ y theo trước. Như đệ tử giỏi thờ thầy khiến vui mừng thầy vì quán đảnh dạy trao cho.

Kế là đáp Tam-muội-da có mấy thứ. Nay Thế Tôn lược đáp có năm thứ. Tam-muội-da, là như có người ở chỗ tập hội tôn trọng của các vua chúa, quan lớn mà tự phát ra tiếng nói lời thề quan trọng: Nay tôi

thề quyết không làm việc ấy, hoặc thề quyết làm việc kia. Để người tin nên phát lời thành thật, nếu trái thì sẽ bị tội nặng. Đó là Tam-muội-da, là nghĩa chẳng trái vượt. Nói tóm tắt là nghĩa giới cấm. Trong đây có năm thứ: Một là chỉ được ở xa nhìn thấy Mạn-đồ-la nghĩa là như khi làm Mạn-đồ-la nói là thấy đầy đủ Mạn-đồ-la. Bỗng có người có tâm tốt tùy hỷ muốn được lễ bái cúng dường.

Bấy giờ, A-xà-lê cho dẫn vào ở ngoài đàn khiến từ xa lễ bái, dùng hoa thơm ở xa tung rải vào đạo tràng mà cúng dường. Được thấy pháp hội như thế nên vô lượng tội nghiệp đều được dứt hết. Nhưng chưa hợp trao cho người ấy chân ngôn và ấn là Tam-muội-da thứ nhất.

Hai là thấy chỗ đặt Mạn-đồ-la nghĩa là dẫn người ấy vào trong đàn, khiến lễ bái cúng dường tung hoa trên Bổn vị. Thầy bảo hoa của ông đã rơi vào chỗ nào... trên tôn vị, rồi nói danh hiệu Bổn tôn ấy. Cùng được vào trong đàn, đều thấy đủ các tôn vị. Người này gọi là Tam-muội-da thứ hai. Nếu thỉnh chân ngôn và ấn thì cũng được tùy chỗ mà trao.

Ba là thầy ấn vị Mạn-đồ-la và làm các việc. Nghĩa là A-xà-lê từ đầu đến cuối vì người này mà làm Mạn-đồ-la. Cho đến các tôn vị và ấn... đều chỉ bảo, lại trao cho chân ngôn thủ ấn, mỗi cách làm đều dạy trao, đó là thứ ba.

Bốn là đã tu hành môn chân ngôn đúng phép tắc, mỗi môn đều hiểu rõ, biết đủ các cách khéo léo phương tiện làm đàn, có khả năng ở địa vị của thầy làm vui ý thầy. Thầy vì truyền dạy cho Mạn-đồ-la, bảo rằng: Từ nay về sau ông cũng như ta không khác, tạo Mạn-đồ-la độ các đệ tử khiến cho pháp an trụ lâu dài, hạt giống Phật không dứt, đó là thứ tư.

Năm là tức Bí mật Tam-muội-da, như giáo đã nói ấn đàn phối vị đều thấy. Nếu chẳng trải vào đàn này thì Bí mật trí chẳng sinh. Cho nên phải ở trong đàn bí mật đúng pháp mà thực hành quán đảnh, đó là thứ năm.

Người trí phải biết. Nếu khác đây thì chẳng gọi là Tam-muội-da. Tức ở trước nói khi nhập vào quán đảnh thứ ba. Nếu khác năm việc này thì chẳng gọi là khéo thực hành Tam-muội-da. Nhưng Bí mật Mạn-đồ-la lại có năm thứ:

Một là ở chỗ thầy trao được chân ngôn ấn pháp, y giáo tu hành, tương ưng với Du-già, ở trong định được thấy các tôn vị đại hội, nhưng chưa được dẫn vào.

Hai là, người đã được dẫn vào trong đàn Bí mật được lễ bái cúng dường mà chưa được Thánh tôn hiện ra quán đảnh.

Ba là đã được dẫn vào trong chúng đại Thánh từ đầu đến cuối, mỗi hạnh bí mật đều được các Thánh phương tiện dạy bảo.

Bốn là khéo tu đạo Bí mật, hiện được các tôn vị thực hành Bí mật truyền dạy Tam-muội-da. Tức là Như Lai khiến thực hành hạnh Như Lai.

Năm là đã đủ các việc trước lại thấy thân mình ở trong đại hội tự làm bậc thầy A-xà-lê, tức là người Nhập địa. Người này mới nhập vào Tam-muội liền thấy tất cả Phật hội, cho đến mười thế giới vi trần đại hội đều nhóm hợp, mà ở trong đó đồng vị với các Tôn vị. Nếu quán sát ở ý khéo trụ là bảo Kim cang. Biết tâm ấy chẳng được ở ba chỗ. Chân ngôn là được tên Bồ-tát, tức là dùng nghĩa mà được tên. Do tự có giác mà chẳng chấp đắm ba chỗ, nghĩa là khi tự thân quán pháp và khi thành, nếu chấp đắm vào ba thứ này thì chẳng gọi là giác tâm. Vì ở ba thứ này không được gọi là Bồ-tát. Trước nói nghĩa Bồ-tát là nói theo pháp tướng, nay do nghĩa đó mà được tên. Kim Cang Thủ trước hỏi lúc nào thì được gọi Bồ-tát, nay kế là đáp, nếu quán ý tâm giác khéo trụ ba chỗ chẳng được trì tụng, thì nói là quán. Nghĩa là trước từ chỗ thấy nhận pháp Du-già. Lược có ba việc, nghĩa là tâm quán Bổn tôn, miệng có chân ngôn, thân có pháp ấn. Ông phải quán như thế. Đã thọ pháp rồi, như nghe mà tu hành, được thấu suốt sáng tỏ, cũng như trong gương mà thấy các hình ảnh, mặt mày, đó là quán. Giác là hiểu rõ cảnh giới chân thật của tâm mình. Khéo trụ tức là chỉ cho Kim Cang Thủ. Phật nói pháp, theo thứ lớp mà gọi tên, hoặc có thể đồng với người tu hành kia, giống như biết rõ tâm mình không có chỗ trụ mà trụ, nên gọi là khéo trụ. Đã được tương ưng với pháp như thế. Được thấy vô lượng cảnh giới của Bổn tôn rộng lớn nghiêm tịnh không thể nghĩ bàn.

Bấy giờ, người tu bèn dùng vô sở đắc làm phương tiện, dùng trí tuệ quan sát, pháp như thế từ trong sinh, từ ngoài sinh, hay từ trong ngoài hợp sinh, từ thân tâm người tu thì gọi là trong, từ cảnh giới Bổn tôn mà đối thì gọi là ngoài, nếu hai thứ hợp duyên thì gọi là khoảng giữa. Như thế mà quán sát biết rõ pháp cảnh giới không thể suy nghĩ bàn luận này chẳng từ trong ra, chẳng từ ngoài vào, chẳng từ trong ngoài hợp thành khoảng giữa mà có. Phải biết xưa nay vốn thanh tịnh, rốt ráo không thật có, không chỗ sinh, ba việc này đều trừ hết, tức là vốn thanh tịnh, một tướng bình đẳng. Vì sao? Vì người tu nội tâm, ngoại cảnh và tâm duyên hòa hợp, khi chánh quán thì ba việc này hòa hợp thì có quán cảnh không thể suy nghĩ bàn luận hiện tiền. Vì ba việc hòa hợp từ điều kiện, nên biết tức là vô sinh, vô tánh, không thật có.

Lại nữa, người tu thân có Bí ấn, miệng có chân ngôn, tâm có quán cảnh giới Bổn tôn, vì ba việc này rốt ráo Vô sinh nhẫn, tức là ba luân thanh tịnh, một tướng bình đẳng. Do người tu lìa ba chấp, tịnh ba luân lìa bốn tướng. Từ đây trở đi liền được gọi là Bồ-tát. Nhưng người tu làm vô sinh, vô tánh khi quán thì tâm không thật có, chẳng mê đắm tướng trong ngoài. Tức là các pháp rốt ráo đều không đều chẳng thật có. Nhưng từ khi phát tâm đến nay tu hành các thứ phước nghiệp và tu hành muôn hạnh lợi ích chúng sinh. Vì sao ở trong cảnh không rốt ráo này mà không bị rơi vào đoạn diệt? Vì người tu có năng lực phương tiện nên chẳng rơi vào lỗi như thế. Vì sao? Như người tu khi mới quán các cảnh có tướng tức là pháp từ duyên khởi, vì từ duyên khởi nên chẳng tự sinh, chẳng khác sinh, chẳng phải cùng, chẳng phải không nhân, cho nên thường vô sinh. Nếu vô sinh, thì pháp nhân duyên này tức là duyên đồng pháp tánh, rất thanh tịnh, đầy đủ tất cả tánh không thể suy nghĩ bàn luận sinh khởi công đức. Tùy cơ duyên mà khởi, cũng như bóng trong gương, trăng đáy nước, có mà chẳng có, chẳng có mà khởi. Tuy từ duyên sinh mà chẳng rời vào hai bên. Cho nên tuy rốt ráo không mà thành tựu các thứ công đức, lợi ích khắp tất cả chúng sinh. Đại bi hóa vật chẳng rơi vào thật tế. Cho nên kinh nói: Dùng phương tiện mà vì chúng sinh làm hạt giống Bồ-đề. Người trí tu quán hạnh vô duyên, phải biết nhân giả này tức là thành Bồ-đề. Quán Vô duyên tức là Trung đạo, hợp đồng nghĩa Phật, nghiệm ra là quán không thể suy nghĩ bàn luận. Phật đã lìa tất cả các chấp để độ người. Chủng là hạt giống. Đã thành Phật đồng với Vô duyên giác. Được pháp vốn vắng lặng mà khởi phương tiện lợi tha, dùng phương tiện để lợi ích chúng sinh thì dùng phương tiện nào. Nếu trụ vào vốn vắng lặng thì trái với bổn thệ. Dùng phương tiện vì chúng sinh mà trồng hạt giống Bồ-đề. Đây là tên khác của lợi ích là độ người, là nghĩa về vô duyên mà làm hữu duyên. Nhân giả là nói Phật vượt chúng sinh tức là hơn người. Nhân giả là tịch căn mà được hơn.

Trước hỏi làm sao thấy Đế, nay kế là đáp. Pháp vốn vắng lặng không có tự tánh, vì các an trụ ấy ở trong pháp vốn vắng lặng. Các tâm lo lắng là đạo của người tu hành. Biết pháp vắng lặng vô tánh bất động như núi Tu-di, đó gọi là thấy đế. Nói thấy đế như trên đã nói: Trước từ thầy trao cho mà được chân ngôn quán hạnh phương tiện, được tương ưng với Tam-muội, rõ ràng hiện tiền. Kế liền như thật chánh quán ba việc, đều không sinh không diệt, tánh chẳng thật có. Do nhân duyên ấy nên có thể hiện biết tất cả pháp từ xưa đến nay là tướng Thường vắng

lặng. Trong đây nói các pháp ấy, tức là chỉ cho cảnh quán chiếu ở trước, tức ở trong đây màbiết rõ vốn vắng lặng, mà trụ vào Lý tụ chứng. Đã được an trụ pháp thể như thế, trong trí tuệ chân thật mà nghi hối dứt hết, cũng như núi chúa Tu-di chẳng lay động. Tu-di tức là nghĩa chẳng lay động, trụ vào đây cũng gọi là thấy Đế. Vì đây thật như không, thật như không cũng không. Không có tự tánh gọi là thật. Thật tức như không, thật là chẳng phải nói dối. Kế nói do đó sự thấy biết cũng như Phật (thấy Phật tức như Phật). Trước Phật cũng thấy như thế, mình cũng thấy như thế nên nói là bằng. Thật bằng không và chẳng phải nói dối. Chỗ thấy như Phật tức như thế. Phật trước là giải thích nghĩa thấy Đế. Hễ thấy trụ tức là an trụ vào trí tuệ chân thật nên gọi là Phật. Cũng như biết rõ vô tánh là không bổn tánh vốn tịnh, phải biết các pháp đều không, không nghĩa là lìa luống dối phân biệt mà trụ đế đều là thật. Thấy lý này tức là thấy đạo mà Phật xưa đã thấy, hiểu biết đồng với chư Phật. Xưa, Như Lai cũng từ đường này mà thành Chánh giác, đã được trí tự nhiên như thế. Lại phải truyền trao cho chúng sinh. Nay ta được không khác với đây, nên gọi là Thật, thật tức là không luống dối.

Trước hỏi các người được tâm Bồ-đề, Tất-địa ấy lại không gì hơn. Ngoài ra có năm thứ Tất-địa. Kế hỏi thế nào là Tất-địa, lại có mấy thứ. Nay trước đáp quả. Hễ nói thành tựu Tất-địa tức là trụ tâm Bồ-đề. Tâm Bồ-đề này tức là Địa thứ mười một, thành tựu tối Chánh giác. Như thế Tất-địa trong các địa là cao hơn hết. Nên kinh nói Tất-địa không có gì hơn. Kế đáp vào tu hành là trụ địa tín hạnh, kế lên vị địa. Nghĩa là Phật Duyên giác hơn năm thần thông thế gian. Tất-địa có mấy thứ? Tất-địa Vô thượng này về trước lược có năm thứ:

1. Tín.
2. Nhập địa.
3. Năm thông.
4. Nhị thừa.
5. Thành Phật.

Đây là năm thứ Tất-địa.

Một là Tín, nghĩa là tùy phần thanh tịnh các căn, tin sâu Bí tạng Như Lai quyết định chẳng nghi. Tin Phật có phương tiện như thế, như thế... Nếu y người tu sẽ thành bình đẳng. Đây là Tín hạnh địa tiền.

Hai là Nhập địa, nghĩa là vào địa Sơ hoan hỷ. Đây so với pháp Thanh văn thì cũng như người thấy Đế.

Ba là Năm thông, tức là hiểu rõ cảnh năm thông thế gian cũng như huyễn mộng, như trăng đáy nước, như ảnh trong gương, chẳng nên chấp

trước. Bấy giờ, đều vượt tiên nhân năm thông, đó là thứ ba.

Bốn là Nhị thừa, nghĩa là quán sát cảnh giới Nhị thừa, tâm không mê đắm, tâm chẳng rơi vào thật tế. Bấy giờ, được qua cảnh giới Nhị thừa. Bấy giờ, đến Địa thứ tám.

Năm là từ Địa thứ chín tụ hạnh Bồ-đề, càng ngày tiến lên thành vị Như Lai. Nhưng thầy các kinh luận đại khái đều thực hành như lời nói này. Nếu nghĩa trong Bí tạng lại có khác, nghĩa là Sơ hoan hỷ địa có mười tâm. Từ tâm thứ nhất đến tâm thứ tư được độ cảnh giới Năm thông, từ tâm thứ năm đến thứ tám được vượt cảnh giới Thanh văn, Duyên giác. Từ tâm thứ chín, một mực tu đạo Bồ-tát, đến tâm thứ mười gọi là thành Phật. Phật là Giác, nghĩa là giác tự tâm tánh tịnh, xưa nay tướng thường vắng lặng. Nhưng trong mười tâm này từ thứ nhất đến thứ tám gọi là Kiến đạo, từ thứ chín đến thứ mười gọi là quán. Thấy quán nghĩa thấy đế lý. Đây tiến tu quán nghĩa là quán Bí mật công đức không thể suy nghĩ bàn luận của Như Lai. Cảnh bí mất như thế, chẳng phải là pháp thấy được vì ở ngoài tâm lượng. Cho nên riêng gọi là quán đạo. Giác nghĩa là hiểu biết, đã vượt cảnh giới Nhị thừa. Hiểu biết tâm Nhị thừa khác với Bồ-tát. Nếu khi vào Nhị địa cũng đến tâm thứ tư, vượt năm thông, tâm thứ tám vượt Nhị thừa, tâm thứ mười thành Phật. Y theo đây có tín lấy tên nhập vị, chẳng khác mười tâm Sơ địa, nhưng mười tâm này chuyển càng sáng suốt lìa cấu. Cho đến Địa thứ mười cũng có mười tâm. Tức là hễ có mười tâm, mỗi tâm chuyển thắng (càng hơn lên) nên y theo mà biết. Như dụ vàng ròng của kinh Hoa Nghiêm nên y theo mà biết. Mười tâm Sơ địa này xong rồi, liền có thể phân thân thành trăm cõi Phật... như thế có thể biết. Chỉ một trăm tâm thành Phật, kinh Bảo Cự Đà-la-ni có nói rất sâu sắc kín đáo. Kinh này chưa đến các nước phía Đông. Tu thật chẳng dứt khiến tâm tâm tịnh. Kế là đáp sự nghiệp tu hành chẳng dứt cho đến tâm nối nhau thanh tịnh. Tâm tục tịnh nghĩa là chẳng hết công dụng thành thục như thế, cũng có thể gọi là Tất-địa, Tất-địa khi nào sinh. Kinh nói đời đời kiếp kiếp cho đến nghiệp nghiệp chẳng trừ, khiến quả thành thục, lúc ấy Tất-địa thành. Cùng một lúc nghiệp sinh gởi nhờ ở thân. Được trì tụng thì Tất-địa từ ý sinh. Đời đời kiếp kiếp là nói nghĩa. Tiếng Phạm Tán-đa-na, là biết, tức là trong nội tâm. Cũng như chúng sinh thế gian gây ra các thứ nghiệp, nương nghiệp này mà chịu quả báo một đời, hoặc trăm ngàn muôn đời mà nghiệp này chẳng mất, thuần thục thì chịu báo. Nay đáp Tất-địa này sinh cũng như thế. Như người làm tùy thượng trung hạ mà nguyện hẹn, y chân ngôn pháp yếu mà tu được thành Tất-địa. Do Tất-địa này ở thân. Cho đến đời

đời kiếp kiếp thường ở trong thân hành giả cũng như nghiệp quả. Tuy là từ các duyên sinh nhưng thường tự vắng lặng, chẳng phải có chẳng phải không mà cũng chẳng dám chẳng quên. Từ đây Tất-địa thành rồi, đời đời chịu quả không mất. Nương nghiệp Tất-địa mà chịu quả ấy, gọi là sinh nhà Tất-địa. Đã sinh nhà Tất-địa rồi, cho đến thành Phật về sau chẳng bao giờ tan mất, cho nên nói nghiệp chẳng thể dứt trừ. Kinh nói Thục, Thục tức là quả, khiến thành thục là nghĩa quả thọ dụng. Một thời nghĩa là một chốc lát, tức là người tu mới y pháp trì tụng. Đã được cảnh giới cho phép thực hành pháp thành tựu, liền ở trong một đêm mà được Tất-địa, do một lúc làm mà được mãi mãi, thường gởi ở thân không bao giờ tan mất. Cũng như bỏ độc trong sữa, cho đến trong đề hồ đều có thể giết người. Như người tại nghiệp trời mà chịu quả, đã được quả báo trời thì tùy niệm liền được, chẳng thêm công sức tùy niệm mà thành, Tất-địa này cũng như thế. Ở mọi đời mọi lúc, người ấy tu điều lành sinh thời làm tịnh nghiệp. Kế là trì tụng được Tất-địa từ ý sinh, tịnh nghiệp cùng chỗ sinh tâm đều bình đẳng không phân biệt. Nghiệp sinh tâm ở đó một thời gian thì Tất-địa thành, thường được tùy ý mà sinh, cho nên nói tùy ý sinh.

Kế đáp làm sao bay lên hư không. Nói người tu nương năng lực Tất-địa bước đi trên hư không, tự tại vô ngại, cũng như đối với huyễn pháp mà không hề sợ. Không sợ nghĩa là đối với khuôn mẫu, phép tắc của pháp huyễn đều hiểu biết không nghi ngờ, là muốn thành. Như nhà ảo thuật hóa các cảnh giới, tùy theo người ưa thích mà bày ra. Nhưng thật ra nhà ảo thuật kia không xao động, cũng chẳng đổi khác nhau. Chỉ dùng nhân duyên chân ngôn, thuốc mê mà mê hoặc lòng người thôi. Nay Tất-địa cũng như thế, chẳng bỏ thân này mà đều thành Tất-địa. Chân ngôn huyễn cũng như lưới trời Đế-thích, mà bước đi trên hư không dạo đi các cõi đều tự tại. Nhưng cũng không hề xao động. Chỉ do chân ngôn huyễn làm ra mà được như thế. Chân ngôn của nhà ảo thuật gọi là lưới trời Đế-thích. Cũng như lưới ấy bao gồm tất cả sự rồi hiện bày các tướng mà chẳng có sự thật, nên gọi là lưới Đế-thích. Đó tức là chân ngôn người ảo ở thế gian (đọc chú mà hóa ra người ảo) mượn đó làm dụ, dụ ra thân người, vật ảo ở đời.

Kế là đáp như thân bí mật ở thành Càn-thát-bà. Ở đó có người ở, chẳng phải thân, cũng chẳng phải thức. Thế nào là thân bí mật? Tức nói đây là người Tất-địa, chẳng bỏ thân này, chẳng bỏ thức này mà hay bí mật thân ấy cũng như thành Càn-thát-bà. Ở trong đó thấy đủ các cung điện người và vật, tuy dường như có mà thật không có, cũng không có

mà có, lúc thấy có lúc thấy không. Thân bí mật người này cũng như thành Càn-thát-bà, chỉ từ các duyên sinh, thật ra chẳng có thật, hoặc ẩn hoặc hiện. Do các nhân duyên chân ngôn quán hạnh mà khiến thân này tùy duyên sinh diệt cũng giống như thế. Lại như trong mộng thấy cõi trời Tam thập tam được các thứ vui sướng. Như người ở trong mộng mà thấy đi dạo ở cõi trời, chẳng bỏ thân này, cũng chẳng đến đó. Như thế Du-già thùy chân ngôn, trụ hạnh chân ngôn, thân này như cầu vồng, quá một kiếp từ mộng tỉnh dậy chỉ trong chốc lát người ấy chẳng bỏ thân này, cũng chẳng ở cõi trời ấy, chỉ ngủ mà có việc không thể suy nghĩ bàn luận ấy, chẳng thể dùng tâm thức mà biết được nguyên do. Nay người thành tựu Tất-địa dạo chơi các thế giới cũng như thế. Chỉ dùng Du-già mộng nhân duyên mà có được việc ấy, thành các việc đều rõ ràng. Nhưng biết đó đều như mười dụ, chẳng sinh mê đắm. Thân tịnh nên có Tất-địa cũng như cầu vồng. Chân ngôn đồng Như Ý Châu, do gia trì công đức nghiệp mà có Tất-địa ấy, cầu vòng ở trên trời chẳng biết từ đâu mà có, hay thấy nhiều màu sắc. Chân ngôn như châu Như ý tùy thân ngữ ý mà sinh, tùy niệm mà sinh ra các vật cần dùng. Tuy sinh mà không phân biệt, không phân biệt mà sinh, được Tất-địa cũng giống như thế. Lại như sắc cầu vòng ở trên trời năm sắc sáng rỡ thấy rõ. Nay quán việc ấy là từ không mà có hay từ khí đất sinh ra. Nếu từ hư không sinh ra thì không vốn không pháp, làm sao có được sắc ấy. Nếu từ đất sinh cũng chẳng thể được, mà có việc này rất vui lòng người. Quán biết pháp ấy chẳng tự sinh cũng chẳng do thứ khác sinh, chẳng cùng tận, chẳng phải không có nhân, chỉ là các duyên hòa hợp. Nay thân Tất-địa cũng như thế. Dùng năng lực chân ngôn trì tụng công đức mà có các dụng thần biến không thể suy nghĩ bàn luận như thế cũng như cầu vòng kia. Lại giải thích nghi ngờ, như có người nói pháp sự tướng chân ngôn làm sao có thể thành pháp vô tướng thấy đế chân thật. Nhưng pháp chân thật này thật ra chẳng lìa nhân duyên, tức quán duyên sinh thật tướng này là cảnh giới không thể suy nghĩ bàn luận, như châu như ý ở trên đầu cột cờ, làm mãn nguyện tất cả mọi người, tùy tâm muốn liền được, nay xem nó từ châu mà sinh hay từ tâm người mà sinh. Nếu từ châu sinh vì sao không có trong mọi lúc mà phải đợi tâm người mong ước mới có. Nếu từ tâm người sinh ra, thì tâm người liền được sao phải đợi châu? Phải biết chẳng từ châu sinh, cũng chẳng từ tâm người sinh, chẳng phải cộng, chẳng phải vô nhân duyên, chỉ hòa hợp mà có. Nay Tất-địa không thể suy nghĩ bàn luận thần biến cũng như thế. Chỉ do chân ngôn quán tôn và thân ấn các duyên mà thành Tất-địa. Do chân ngôn nên khẩu

nghiệp thanh tịnh, quán Bổn tôn nên ý nghiệp thanh tịnh, bắt ấn nên thân nghiệp thanh tịnh. Ba việc bình đẳng nên tự nhiên mà có nghiệp không thể suy nghĩ bàn luận. Nhưng cũng chẳng thể phân biệt vì vô tư vô vi. Nếu thế đã đồng như ý thì phải biết là có tướng pháp chăng, hay trừ chỗ thấy ấy mà nói dụ thái hư không. Cũng như hư không vô tướng vô phân biệt nhưng tất cả hữu tình tới lui làm nghiệp thì đều là nhân không mà được thành tựu, tất cả sắc tướng muôn vật cũng nhân không mà được hiển bày, tánh hư không thường vô phân biệt, không có tướng sinh khởi. Chân ngôn cũng như thế, bản tánh thường thanh tịnh đồng với hư không, tất cả hữu vi đều chẳng thể nhiễm, mà cũng làm cho thành tựu các thứ tác nghiệp, phổ môn biến hóa không thể nghĩ bàn, vì sao lại có tướng. Phải biết các pháp thế gian có tướng, lấy hình tướng ấy gọi là tướng nhân, do phân biệt này mà đặt tên, danh là tên, như thế pháp danh tướng đều đồng mười dụ, chỉ từ nhân duyên mà có, do điên đảo mà sinh nên nói thật ra vô sinh vô tánh. Tức đồng pháp giới tánh như như. Nếu quán như thế, tức là cùng tất cả Như Lai đồng ở một chỗ. Người ấy tuy chưa thể rốt ráo Phật tuệ, nhưng sự hiểu biết thì đồng với chư Phật, cũng tương ưng với pháp. Đồng với chư Phật, tức là ở chung một chỗ với chư Phật. Nói mười phương hư không, thí như hư không mới nói mười phương không, lìa tất cả hạnh hữu vi chẳng nhiễm. Chân ngôn là chẳng nhiễm ô tất cả hạnh phân biệt. Như thế mà quán sát hiểu rõ chỉ là tưởng, chân ngôn là khi quán sát, chư Phật đồng tùy hỷ.

Hộ-ma có hai thứ, trước tuy nói lược tướng Hộ-ma, nay lại phân biệt trong ngoài Hộ-ma. Như Lưỡng Túc Tôn đã nói. Hộ-ma có hai thứ: Một là Ngoại Hộ-ma, tức là tác pháp trừ các chướng phiền não, tùy phiền não; Hai là Hộ-ma bên trong, nghĩa là chư Phật Lưỡng Túc Tôn nói hai thứ Hộ-ma, đó là nội và ngoại, là dứt các cảnh giới mười hai duyên sinh... Nhưng Ngoại Hộ-ma cùng Hộ-ma bên trong mà làm phương tiện tức là nhân ấy.

Có người hỏi: Nay thực hành Thí Hộ-ma này mà cầu quả ấy, tức là có chỗ mong cầu, há được thành chân lý?

Đáp: Nay ta không có mong cầu.

Hỏi: Nếu thế sao chẳng theo thường pháp của Đàn-na mà thí khắp cho tất cả người nghèo khổ, mà lại luống đem đốt hết thì có nghĩa gì?

Đáp: Người phàm phu có thí mà có nhận, tức là có tâm mong cầu, hoặc cầu phản báo hoặc mong thí quả. Vì nhân duyên này nên chẳng thể đối trị tâm mong cầu, tức chẳng dứt hết nguồn tham ái. Vì nhân duyên đó nên chẳng thể cùng Hộ-ma bên trong làm nhân duyên. Nay

thiêu thí này tức là dứt hết lỗi lầm ấy mà thực hành quán đối trị. Làm nhân tuệ không mê mà làm Hộ-ma bên trong phương tiện. Cho nên thực hành như thế. Cũng dâng vật cúng này lên Bổn tôn, tức biết tâm mong cầu cũng như vật này không khác. Tất cả như củi hết thì lửa tắt, không thể nắm lấy, cũng không nơi chốn cho nên làm duyên với Hộ-ma bên trong là hạnh sâu xa. Trong phần làm tăng ích có tăng oai. Như khi dâng hoa trước phải trừ dơ bẩn, xong rồi liền tăng ích oai quang, sau mới cúng dường. Như Hoa đã thế thì Hộ-ma cũng thế, A-xà-lê liền thực hành Hộ-ma bên trong. Nếu người hạnh cạn mà thực hành pháp ngoài thì rốt ráo là nhân nội pháp.

Lại nữa, Biệt tướng Bổn tôn bản tánh cần chứng biết. Nghĩa là Phật, Bồ-tát, Nhị thừa, Thiên thần thượng trung hạ, quán sát hình sắc ấy liền sẽ biết. Tu hành chân ngôn lại có các thứ khác nhau. Nay khoa giản lược, nếu người thế gian y theo tôn vị của tự bộ đó mà tu hạnh chân ngôn. Nghĩa là như trời Đại tự tại... có vô lượng các thứ khác nhau chẳng thể nói hết. Kinh chỉ nêu một góc, dùng Đại Tự Tại làm đầu mối. Nhưng thực hành làm pháp cúng dường thì họ đều mong thành tựu quả Tự bộ Bổn tôn, tùy tánh vị khác nhau chẳng đồng đều mà trông mong nguyện cầu thành quả ấy. Tâm có hạn lượng thì quả cũng như thế. Chân ngôn thế gian... nói có hạn lượng. Thế gian biết rõ phước đức các trời Tự Tại, họ nói chân ngôn và cho ấn Đại lực đều là quả ở hiện đời. Cho nên nói lượng có khác chút ít. Nghĩa là pháp sinh diệt không bền chắc, tức không có ở đời sau. Nói lượng là Phật nói pháp có hạn lượng. Nói thế, tuy nhiên không đồng với Như Lai nói pháp tu hành Hộ-ma. Vì người đời chỉ cầu quả báo của bổn Thiên thần ấy mà muốn chứng. Phật cũng thực hành pháp xuất thế Hộ-ma mà đối trị. Cho nên có pháp chân ngôn hạnh Hộ-ma. Nhưng Tôn vị của người đời kia nếu ở trong pháp ấy là rất rốt ráo, được cùng loại với Bổn tôn ấy, chẳng được cao hơn. Chân ngôn và ấn ấy cũng như thế. Chỉ tùy tôn vị ấy gieo trồng phước cạn sâu, thế lực kham nhận được mà nói Chân ngôn Thủ ấn Bổn tôn... Tùy theo sức lực mà chỉ được thành quả Bổn tôn ấy. Lại chỉ có thể thành quả hiện đời được thế gian thành tựu, chẳng thể nào thành quả xuất thế gian. Khéo tu Như Lai Chân Ngôn Ấn... thì chẳng như thế, mãi mãi mất mát tan hoại vô cùng tận, đó là chỗ khác nhau. Như nước lỗ chân trâu, nếu khiến dừng nước, tùy hết thế lực cũ mà tự khô cạn. Nếu người dùng nước này mà đổ vào biển lớn, thì không có việc cạn hết. Vì sao? Vì cùng tất cả tánh nước hòa hợp một vị chẳng thể cùng tận. Tu chân ngôn hạnh Như Lai cũng giống như thế, cho đến thành Phật đến nay đời đời

chịu quả Tất-địa này chẳng bao giờ hết, trọn nương sức này mà được Bồ-đề. Vì sao? Vì mình cùng tất cả biển lớn Như Lai đồng một vị. Các chân ngôn xuất thế, vốn xưa là bất sinh vô tác (chẳng sinh chẳng làm). Các nghiệp sinh đều hết, lìa ba lỗi thân, miệng, ý mà thành Phật. Chân ngôn xuất thế gian từ đầu bất tác bất sinh. Nhưng Tôn vị thế gian ấy là tự tại Độc giác và các chân ngôn của Phật, Thanh văn, chúng Bồ-tát... nay ta nói lượng của nó. Chân ngôn của trời nói đều là pháp có làm, từ Tôn sinh kia xuất ra chân ngôn vượt qua ba thời, từ duyên mà sinh khởi cũng có thể đều dùng chữ, quả có thể thấy chẳng thấy, từ thân ngữ ý sinh ra thì chẳng như thế. Chẳng phải Như Lai tự làm, cũng chẳng phải các Phật xưa đã làm. Thế gian đều nói là quả trải qua tất cả, chân ngôn mà Đẳng Chánh Giác nói quả vượt hơn số kiếp. Cho nên phải biết ấn Chân ngôn này từ bổn tế Như Lai pháp tánh tự như thế, không phải do sinh làm ra.

Hỏi: Nếu nói không làm không có sinh, nay hiện thấy những người vì cầu quả Tất-địa mà tha thiết dùng phương tiện được thành quả ấy, đã có sinh có quả, thì có chỗ làm, sao nói chẳng sinh?

Đáp: Nghĩa ấy chẳng như thế, phàm là tánh chân ngôn cho đến thủ ấn trì tụng, thì thể đồng hư không, quả sinh ra cũng giống như thế. Do từ ba việc Chân ngôn, Thủ ấn, Bổn tôn là nhân duyên bình đẳng, làm thanh tịnh ba chướng, từ đây mà sinh ra quả không thể suy nghĩ bàn luận. Cho nên quả không thể suy nghĩ bàn luận này lượng nó chẳng thể được. Như chân ngôn và ấn ấy đồng với hư không. Phải biết quả này cũng đồng với hư không. Cho đến Thanh văn, Duyên giác và Bồ-tát... có chân ngôn, cũng đồng với lượng ấy đều vượt ba thời. Ba thời là quá khứ, hiện tại, vị lai vì lìa ba thời nên nương quả Tất-địa này không bao giờ hư mất, rốt ráo thành Vô thượng Bồ-đề, quả duyên sinh mà khởi, nghĩa duyên chân ngôn, thủ ấn, Bổn tôn các duyên đầy đủ, mà được thành tựu. Cho nên lượng này tức là thật tướng Trung đạo bình đẳng, quả có hai thứ: Một là pháp thấy được, nghĩa là hiện đời được thành tựu; Hai là pháp chẳng thể thấy là quả báo ở vị lai mãi mãi vô tận đời đời chịu quả, xoay vần tiến lên cho đến thành Phật. Nhưng chẳng phải biểu nghiệp, chẳng phải sắc, chẳng phải tâm pháp, chẳng có chẳng mất, mà chẳng dám quên. Nhưng thân nghiệp, ngữ nghiệp, và ý nghiệp thanh tịnh nhân duyên mà sinh ra pháp vô sinh vô tánh này.

■

ĐẠI TỲ LÔ GIÁ NA THÀNH PHẬT KINH SỚ

QUYỂN 16

Phẩm 11: **BÍ MẬT MẠN-ĐỒ-LA** (Tiếp Theo)

Kế là đáp quả số thọ lượng (tuổi thọ) bao lâu. Nhưng Tôn vị thế gian có thế lực chân ngôn cao nhất không quá một kiếp. Lời Phật nói thì vượt hơn một kiếp, nghĩa là hơn một kiếp lại vượt một kiếp như thế vô lượng cho đến thành Phật. Cho nên người đời có được Tất-địa thọ lượng và quả thì có số hạn chẳng hơn một kiếp. Nay thì chẳng mất, thọ lượng vô tận quá hơn lượng một kiếp số. Nếu giải thích theo sự, thì chỉ tùy sức có thể hơn bao nhiêu kiếp, hoặc thọ lượng bất tận quá vô lượng kiếp, cũng là hơn cả các trời thế gian, cho nên nói vượt hơn kiếp, gồm chung lời bất định. Đúng thật mà nói thì tuổi thọ vượt hơn kiếp số, chịu báo cũng không hạn lượng.

Kế là đáp Tam-muội, lược có nhiều thứ. Nếu chư Phật và Phật tử, Tam-muội của chư Phật đại tiên và các Phật tử, thanh tịnh lìa các tưởng có tưởng là thế gian, Nhị thừa gọi là Tam-muội ly tưởng. Nếu là thế gian Du-già thì gọi là Tam-muội hữu tướng. Tam-ma nghĩa là đẳng, địa là tuệ dùng tuệ quán chiếu ba việc như trước đều không. Vì ba việc thể không bình đẳng mà hợp thành một, đó gọi là Tam-muội địa. Nhưng Tam-muội của Phật và Bồ-tát đều lìa tưởng, thanh tịnh, dùng Tam-muội này chánh quán ba việc đều bình đẳng, lại không phân biệt và lìa các tưởng, cho nên bản tánh trong trắng, lìa các nhiễm ô, nên gọi là thanh tịnh. Nếu có tưởng tức là tất cả Tam-muội thế gian. Nghĩa là tùy quả tu hành, nhìn quả tu nhân có sự trông mong, rốt đến bốn thiền tám định cũng chẳng hơn, nên không phải thanh tịnh, Thanh văn, Duyên giác chỉ được thanh tịnh, nhưng chưa thanh tịnh tất cả vì đối với phiền não chỉ biết hai chướng, chưa được biết khắp nên chưa thuần tịnh. Tam-muội thế gian lại có hai thứ:

1. Đoạn kiến.
2. Thường kiến.

Nếu Đoạn kiến mà không phân biệt, Thường là có chút ít phân biệt. Từ nghiệp được quả, là có thời thành thục. Nếu được Tất-địa thì đối với nghiệp tự tại được hồi chuyển, phải nhận cũng được, chẳng nhận cũng được, vì tâm vô tự tánh nên tâm tánh lìa nhân quả. Đối với tướng giải thoát thì các hư không như nghiệp sinh sinh... thành tựu và khi chín thì nghiệp được quả. Nếu được Tất-địa thì đương nghiệp hồi tâm vô tánh, nhân quả cũng lìa, nghiệp sinh giải thoát. Sinh như hư không nghĩa là Tam-muội hữu tướng thế gian, cũng có nghiệp tùy theo quả báo mà tu nên gọi là thành tựu, được thành thục ấy gọi là Tất-địa. Nếu dùng không thế gian này mà hồi hướng tâm không tự tánh này, thể đã vô tướng bằng với hư không chẳng bờ bến, cho nên được công đức cũng rộng. Hồi tâm không tự tánh này gọi là chất-đa. Chất-đa cũng như các tơ lụa màu trang nghiêm chứa nhóm lại thì gọi là chất-đa (lụa màu do các sợi tơ màu hợp lại thì gọi là chất-đa).

Cũng do các tơ màu mà thành, tức là không có tự tánh, đây tức là nhân. Bổn nhân đã không có tự tánh, thì phải biết quả sinh ra cũng không có tự tánh. Vì sao? Vì nếu nhân có sinh thì quả cũng có sinh. Nay nhân còn đợi các duyên mà thành vô sinh vô tánh thì phải biết sinh chẳng thật có. Vì nhân quả đều như thế nên được giải thoát các nghiệp. Có người nói nếu như thế thì không nhân không quả, rơi vào kiến chấp đoạn diệt. Đây không phải thế, chỉ lìa tánh nghiệp sinh. Đã lìa nghiệp sinh thì có sinh pháp tánh bằng với hư không. Vì hư không vô biên, nên biết việc thành công đức lợi ích chúng sinh cũng là vô biên vô tận, nên chẳng phải đoạn diệt.

Trên đã nói lược kệ đáp Kim Cang Thủ hỏi xong. Lại dùng văn xuôi mà nói. Kế lại nói là do trước nói việc có chỗ chưa hết nên nay lại nói tiếp, nên nói là lại nói. Lắng nghe là đem pháp này chuyển ý chỉ sâu xa quan trọng nên lại khuyên lắng nghe. Trong đây lược năm việc là Ấn, Sắc, Tôn Vị, Trụ và Tam-muội. Ấn là thủ ấn, khế ấn đổi làm hình tướng. Sắc tức là hình tướng Bổn tôn, phần đoạn sai khác. Trí (trí = đặt) tức là vuông, tròn, bán nguyệt, tam giác... tôn vị là trong Mạn-đồ-la chỗ trụ phương vị đều đúng chỗ. Trụ nghĩa là tượng Bổn tôn không phải thêu họa mà do chân ngôn và ấn dẫn đến Bổn tòa thêm uy mà trụ, mà hiện oai nghiệm. Tam-muội nghĩa là tùy chia ra thượng, trung, hạ, yên lặng, giận, vui... các tướng thỉnh Bổn tôn đúng pháp làm ấn và hình tướng, phân phối đặt tôn vị, oai nghiên hiện tiền, trụ chỗ Tam-muội. Chỗ ở gọi là thú, tức là chỗ Tam-muội cần phải nói đủ năm duyên phương, đó gọi là năm thú. Thú là nghĩa riêng khác. Do năm duyên

khác nhau nên gọi là năm. Do dủ năm thứ này nên thế gian và xuất thế gian có Mạn-đồ-la thì đều sẽ hiểu rõ.

Nhưng năm việc này là các Phật xưa thành Tối Chánh giác, Phật trước thành Tam-bồ-đề. Hạnh Pháp giới hư không. Hạnh Pháp giới hư không là do thể đồng pháp giới thành hạnh Như Lai. Như thế chư Phật bổn nguyện độ không sót thế giới hữu tình, làm lợi ích an vui các Bồ-tát tu môn chân ngôn, mà vì giảng nói, khiến tha thiết nghe nhận. Kim Cang Thủ nói: Đúng thế! Thế Tôn! Con mong được nghe, là Kim Cang Thủ có mười thế giới và Phổ Hiền... có mười thế giới đại chúng, mong Phật dạy, đồng lên tiếng bạch rằng: Đúng thế! Thế Tôn! Con xin được nghe.

Cho nên, Phật lại nói pháp Bí mật Mạn-đồ-la. Phật nói có Chánh Đẳng Giác Mạn-đồ-la, đặt kín trong các tên Bí mật Vô thượng Đại Bi Tạng... vô lượng thế gian, xuất thế gian Mạn-đồ-la đồng nhau, tức là nói Bồ-tát tối Chánh giác rốt ráo. Song Đại bi tạng này sinh, trước đã nói xong, nay sao lại nói, vậy có gì khác? Song trước tuy nói ấy là càng bí mật, có bí trong bí. Nếu chẳng nói pháp này, tức là thông suốt pháp trước cũng chẳng được thành. Cho nên rất bí yếu. Nếu hiểu việc này thì tất cả các Mạn-đồ-la thế gian đều đồng dụng, không đâu chẳng vào. Phép làm là trước làm bốn phương Mạn-đồ-la. Giới chỉ dùng Yết-ma Kim Cang Trí Ấn, xoay quanh liền nhau làm đạo, chỉ đặt mười chữ trong đó. Lại làm ấn mười chữ Kim cang. Ấn làm như trước đã làm, chỉ dùng mười chữ là khác. Ấn mười chữ Kim cang ấy trên làm hoa sen, nở phân nửa ngửa ta. Khiến mười chữ như hình đá hoa. Trên hoa ấy lại để hoa tám cánh. Tức phương vị như năm vị Phật, bốn vị Bồ-tát trước. Phải dùng tâm tưởng mà đặt chín dấu chấm, tức là trong đài và tám cánh đều tưởng một dấu chấm. Dấu chấm này tức là chứng đại không, đây là nghĩa thành Chánh giác. Ở trong tám nghiệp này thường làm vuông tròn Mạn-đồ-la mà vẽ tượng Bổn tôn. Phật thì đàn vuông, Bồ-tát đàn tròn. Đây chỉ là người tu trị làm thôi chẳng khiến bày người khác. Nếu khi làm pháp thì tự tại ngồi trong đàn, tự làm pháp quán đảnh, sau đó mới làm tất cả pháp sự. Đây rất bí mật, chỉ tâm giữ làm, không thể ghi chép bằng bút mực. Lại trên đài phải tưởng mười hai chữ Chân ngôn vương như trên, khiến chữ ấy đều phân biệt để trên đàn. Lại hỏi: Đặt Liên hoàn hay đặt thứ lớp. Lại nói trong hoa để con, nghĩa là vẽ hoa sen, hoặc mười, hoặc dưới, hoặc hơn không nhất định. Kinh nói lưu xuất, nghĩa là người hiểu rõ pháp Bí mật này. Tất cả đàn thế gian xuất thế gian đều ở đó mà lưu xuất. Tùy nghĩa tương ưng mà hiểu. Lược có

bốn thứ tạo pháp Bí mật, tức là sự nghiệp, Hình, Tất-địa, vị an trí (đặt để vị). Hiểu rõ bốn pháp này liền thông tất cả pháp lưu xuất. Từ đây lưu xuất ra các đàn, đều y theo Bổn giáo đã nói. Phật tử là bảo ông ấy, tức Kim cang. Lại bốn Bồ-tát, là Phổ Hiền Tốn, Văn-thù Khôn, Từ Thị Càn, Quan Âm cấn, là vị ấy. Trước duyên khởi lệ với trong chúng, hoặc để trừ che chướng mà giúp Quán Âm, hoặc để trừ tất cả đường ác mà giúp Văn-thù, nghĩa nó đều khác. Khóa lễ dùng một việc cũng được. Trong đây dùng Quán Âm làm chánh. Như trên Tỳ-lô-giá-na Mạn-đồ-la đã xong.

Kế Sơ Chánh Giác, là nói đầu tiên, nói chư Phật Mạn-đồ-la, tức là Phật bộ.

(Hai hình vẽ)

Thực hành Mạn-đồ-la thuộc Phật Bộ này, làm hình tròn Mạn-đồ-la, tròn như mặt trăng, trong trắng như sắc vỏ sò. Trong hình tròn này trước để hoa sen trắng, trên hoa có hình tam giác, trong tam giác để màu đỏ và vẽ hình Phật trong đó. Quanh tam giác là vòng Kim Cang (như hình vẽ) quanh tam giác có các dấu chấm, chấm là nêu, ngoài có vòng lửa sáng như hình khước địch. Ngoài vòng tròn có dấu chấm. Quang phổ đều lưu xuất, nghĩa là tưởng ánh sáng từ thân Phật tuôn ra, dần dần bao khắp ngoài tam giác. Chân ngôn chủ tức là Bổn tôn. Khắp thân có ánh sáng phát ra. Trước và trong Đại đàn cũng có ấn tam giác khác với chỗ dùng này. Trước là chỉ có ấn. Trong đây đặt Phật hoặc ấn, thực hành pháp đầy đủ trong đó.

Kế là bộ Liên Hoa. Ở đây nói thuộc việc trên thế gian xuất thế gian đồng vẽ. Ở đây đồng cũng có thể gọi là có. Nói thế gian xuất thế gian có vô lượng Mạn-đồ-la khiến khéo nghe dời hình vuông lên trên. Phải biết đây là đàn Bi Sinh đầu tiên.

(Hình vẽ Phật ngồi trên vỏ ốc).

Làm Mạn-đồ-la vuông, trong vẽ Thương-khư. Trên Thương-khư có hoa sen. Trên hoa sen có Kim cang, trên Kim cang lại có hoa sen, trên hoa sen lại đặt Bồ-tát Quán Âm hoặc có thể để ấn hay để chữ, trên các ấn đều để chữ hạt giống, tức là Thương-khư Kim Cang và trên hoa. Ở viện kế thì đặt Đại Thế Chí, cho ánh sáng chiếu khắp chớ sinh nghi lo. Vì hạt giống gốc khéo đặt mà làm hạt giống. Đẳng xứ thì đặt bảy Bạch cát tường, mỗi vị đều có hai người sứ. Kinh này chỉ nói lược tự riêng có Quán Âm trong bộ pháp có chép đủ, phải xem xét biết rõ.

Minh Phi Tư tài chủ là hay tự tại thí cho người cầu và Đại Thế Chí... đúng như pháp mà thực hành. Thực hành được Tôn tự tại, giữ nêu

tướng ấn phải khéo léo mà làm, tức nói đúng như pháp mà làm. Trụ đầu ngựa trong hình tam giác, hợp ở chỗ nào thì vẽ ở trong đàn. Ngoài ra các tôn vị cũng đều có hình sắc khác nhau và vuông, tròn, bán nguyệt, tam giác... hợp có thể dùng đều như quảng bản. Trước nói phải thông năm việc, tức là Hình, Sắc, Khế ấn, Bổn tôn, và Vị như họa hình Bổn tôn phải làm sắc nào và hình tượng gì đều có ấn. Trước là Đại bi tạng sinh là đàn Gia hội. Nay trong đây tùy ba bộ đều có riêng. Như trong đây đàn Liên hoa bộ, trong thai là đàn Cát tường. Dùng Quán Âm làm chủ, ngoài thai thì lưu không địa, ngoài Không địa tức là chỗ ngồi thứ hai, đều đặt các tôn vị thuộc bộ Quán Âm. Các thứ khác đều làm như trong đại đàn. Chỗ không ấy cũng để các Phật mười phương. Ở chỗ ngồi thứ ba cũng để ba bộ chúng, y cứ theo trước có thể hiểu.

Trong tam giác cũng như mặt trời sáng rực. Nghĩa là mặt trời mới mọc màu đỏ vàng ở bên Minh vương, ở bên Đại Thế Chí. Kế lại nếu làm đầu ngựa Mạn-đồ-la, thì phải đặt trong tam giác ở ngoài ba lớp, Mạn-đồ-la ấy cũng tùy làm tam giác, khi làm thì Ha-da ở trong, tức dời Quan Âm đến chỗ Thế Chí, các quyến thuộc khác đều vây quanh. Các vị khác thì có thể dùng ý để hiểu lẫn nhau. Kế làm Mạn-đồ-la thứ hai, nghĩa là từ bộ Liên Hoa mà đếm số, tức bộ Liên Hoa là một, Kim Cang là bộ thứ hai. Ta chánh nói tức là khéo nói, không trước không sau theo thứ lớp mà nói là bộ thứ hai. Mạn-đồ-la ấy bốn phương làm khắp lấy Kim Cang. Dùng ba nhánh, là làm giới duyên giáp với vòng tròn, trong vòng tròn thì màu vàng để hoa sen. Trên hoa có bình, bình trắng như trăng, hoặc dùng Kim cang, hoặc dùng vật khác mà vây quanh. Trên bình ấy có đại gió, tức hình bán nguyệt, trong đó như mây đen, dưới đó có hình cây phướn. Như Đại gió thổi thì hình thế xao động. Trong bán nguyệt ấy như có lửa dữ làm hình tam giác.

Tam giác ấy cũng có Kim cang vây quanh. Trong tam giác màu đỏ như mặt trời mới mọc, trong đó đặt hoa sen. Hoa sen đỏ như màu lửa dữ kiếp tai. Trên hoa sen vẽ Kim cang. Kim cang ấy phát ra các luồng sáng rực. Nếu vẽ hình thì trên để chữ hạt giống, tức là chữ Hồng. Nếu vẽ ấn thì tưởng chữ Hồng tụng mà gia trì. Trên ấn để chữ, đây là Mạn-đồ-la của ông: Phật nói với Kim Cang Thủ, nên bảo là Mạn-đồ-la của ông. Xưa chư Phật đều nói, ta cũng nói như thế. Các Minh vương đều y theo bổn, tọa loại hình sắc, nghĩa là Kim Cang Mẫu và Kim Cang Châm Tỏa, có nhiều Kim cang quyến thuộc, đều y hình sắc khác nhau của Bổn tôn, hoặc vẽ hình, hoặc bắt ấn, hoặc để chữ hạt giống, đều y pháp thứ lớp tương ưng. Nghĩa là thành tựu Diệu Tất-địa nên để ở đây.

Kim Cang Thủ là Trung Thai, các bộ loại là viện thứ hai. Ở đây đều nói Trung Thai, chuyển thành vô lượng đàn. Tiên đạo thì để bên phải, hậu đạo thì để bên trái. Tùy chỗ mở cửa mà biện trái phải.

Lại nữa, ta trước nói Kim Cang có nhiều tên khác. Tự tại nghĩa là ở Kim Cang được tự tại. Lại nữa, ở đây nói Kim Cang Chấp Tự Tại. Như Đại Bi Tạng trong đại hội ở trước, dưới Tỳ-lô là bất động giáng ba đời trung gian. Vẽ các Kim cang, đều chưa nêu tên, nay mới nêu. Nên nói lại nữa, tức là hư không Vô Cấu Kim Cang, Kim Cang Luân, Kim Cang Nha, Tô-lật-đa Kim Cang, Danh Xưng Kim Cang Đại Phần, Kim Cang Lợi. Đàn này chung dùng ấn mà làm Vắng lặng Kim Cang, Đại Kim Cang, Thành Kim Cang, Liên Hoa Kim Cang, Quảng Nhãn Kim Cang, Chấp Diệu Kim Cang, Kim Cang Kim Cang, Vô Trụ Hý Luận Kim Cang, Hư Không Vô Biên Du Bộ Kim Cang... Như thế các đàn vuông tròn... y trước thuận sắc hình cũng như đây. Y theo tên mà làm thứ lớp. Đến cuối thì trở lại đầu. Trắng vàng đỏ đen... tùy thứ lớp văn. Trước là trắng, kế là vàng, rồi đỏ và đen. Rồi lại trắng, thứ lớp như thế và những chỗ chẳng nói. Y cứ theo đây mà hiểu, tùy bổn loại hình sắc mà làm. Kim Cang này có mười số bụi cõi Phật. Trước nêu chúng, trong đây có hiện ra và mất đi, hoặc đây có trong kia không thể biết. Lại đây từ ấn Kim cang hoặc ba nhánh, hoặc một cổ. Đây là y theo thứ lớp như trước.

Trước làm ba nhánh, đến cuối thì trở lại đầu, hoặc hai đầu, hai đầu này là năm nhánh. Ấn này giáp vòng làm bốn liêm, như bốn Kim cang, trong đó có một, hình như năm nhánh mà chẳng mở. Hoặc man, hoặc trì Kim Cang Man. Các Kim Cang này đều dùng Bổn danh làm chân ngôn. Tức đây gọi chữ cao nhất là hạt giống, kế tùy chữ khác và thông dụng, đều ở trên tim mà đặt chữ Hồng. Thủ ấn ấy thông dụng ấn năm nhánh Kim cang ở trên. Bất động tôn Mạn-đồ-la gió hỏa đều đủ. Gió hình bán nguyệt, hỏa hình tam giác. Nghĩa là ở trong đàn bán nguyệt mà vẽ hình tam giác, trong tam giác vẽ hình bất động tôn, ở phương Nê-lý-để, cho nên Tỳ-lô-giá-na ở phương Tây Nam mà làm, hoặc ba đời khác lạ, tức là ở gió phương cho đây là khác, các thứ khác động, bất động, ba chỗ lấy Kim cang vây quanh. Ba chỗ là hoặc hình, hoặc ấn, hoặc chữ. Nhưng bất động tôn Mạn-đồ-la nếu làm khác, Bất động ở giữa, Tỳ-lô ở giữa trong viện Đông phương. Các quyến thuộc Kim cang khác đều vây quanh. Kế nói Phật Mẫu Mạn-đồ-la, trước đặt khắp hình Mạn-đồ-la. Trước phải biết ở đây nói màu vàng là chỉ nêu tên chứ chưa nói tôn hình và ấn, nay sẽ nêu ra. Trước nói làm Mạn-đồ-la, màu vàng bốn phương,

dùng Kim cang làm ranh giới vây quanh. Cao nhất là Tôn hình. Từ trên là ở đây đang nói. Nghĩa là Phật Mẫu Mạn-đồ-la này ở các đàn là cao quý nhất. Kế trong Mạn-đồ-la làm hoa sen, màu vàng có lửa nóng, trên hoa có ấn Phật Đảnh.

(vẽ hình)

Ấn ấy như hình búi tóc trên đầu Phật, khiến đầu cao lên, kế vẽ hình hai mắt. Nếu làm hình Phật mẫu phải biết là tượng Thiên nữ, ở tim đặt chữ hạt giống hoặc chỉ vẽ ấn, hoặc chỉ vẽ chữ. Nếu thai trong Phật Đảnh thì mắt chư Phật là quyến thuộc vây quanh, Phật thường có thân trụ trong lửa nóng, hạt giống bày ra, nghĩa là ấn này ở trong lửa, trong đặt chữ hạt giống. Bỏ ba phần vị, nghĩa là bỏ ba tòa vị mà mà đặt mắt Phật. Trước nói trong bộ Bồ-tát khắp bày hạt giống, nghĩa là ở khắp bày trong đàn. Chưa nói là nay lại nói. Các Bồ-tát ấy đều phải làm Mạn-đồ-la. Phải làm tượng tròn sáng cho thật trắng sạch. Trong đó làm đài mười chữ, trên đài là đại chân Đà-mạt-ni, đều có đặt nêu như nêu thừa châu, trên đầu đều để châu như ý, có lửa rất nóng. Bổn tôn Bồ-tát ấy đặt ở trung tâm mười chữ, các Bồ-tát khác thì thứ lớp bày trong viện kế, ở ngoài lại để tám bộ. Cực trắng là sắc vắng lặng, phải khiến rất trong sáng vắng lặng mà trụ. Các Bồ-tát này đều có khả năng thí cho tất cả nguyện.

Kế làm Thích Sư Tử Mạn-đồ-la, phải làm Kim Cang bốn phương trùm khắp. Đàn ấy màu vàng khiến rất tươi tốt, trong đó hoa Kim Cang Xử (chày Kim Cang) trên sử để hoa sen, hoa sen màu vàng, trên hoa để bát, bốn bên bát đều có lửa sáng. Nếu làm hình Phật thì vẽ Phật Thích-ca cầm bát, lại dùng Kim cang vây quanh, bên phải để ca-sa, bên trái để tích trượng. Kế là năm Phật Đảnh, dù trắng che trên Phật đảnh, đặt tòa, trên tòa đặt ấn. Lại y theo Bổn Bộ Như Phật Bộ, tất cả đều hình vuông, hoặc y sự Tức tai thì tròn. Dùng dù làm ấn, trên thắng Phật đảnh có dao vây quanh. Nếu có nói chỗ tức y căn. Ánh sáng phun ra như lửa đốt sắt. Tối thắng Phật đảnh dùng luân làm ấn, Trừ Chướng Phật Đảnh dùng câu móc làm ấn, Hỏa Tụ Phật Đảnh vẽ hình đảnh kế Phật (đầu Phật có búi tóc) Hội Thông Đại Phật Đảnh dùng Kim cang làm ấn. A-tỳ phát sinh Phật Đảnh, Yết-đa Phật Đảnh, Vô Lượng Âm Phật Đảnh dùng màu kha bối mà quán biết. Phật Hào tướng dùng châu như ý làm ấn. Đây gọi là ấn Mạn-đồ-la. Ấn này là vật dụng quán đảnh thành tựu. Nếu Tứt tai thì tùy hình sắc chuyển biến, không phải dụng này. Thành tựu đều dùng Bổn tôn ở trong đó mà quán sắc loại, tức là trắng, vàng, đỏ... Mắt Phật phải làm Phật Đảnh hình búi tóc (hình Phật Đảnh kế), hai bên để mắt,

Phật Đảnh màu vàng, có Kim cang vây quanh.

Minh Phi Vô Năng Thắng thì trì Liên ấn. Nếu các tôn vị có ấn thì y văn mà đặt. Nếu không có văn thì đặt Bổn bộ chủ ấn, chỉ có trong chữ hạt giống. Vô Năng Thắng Vương làm khẩu ấn ở trên hoa sen màu đen, nghĩa là vẽ miệng giận dữ, trong miệng có hai nanh ló ra. Các vị này nếu lấy Thích-ca làm giữa thì Phật Đảnh... bày ở vị kế. Nếu tùy mỗi Bổn tôn thì lấy một làm chủ Mạn-đồ-la, dời Đức Thích-ca ra ngoài. Các vị khác có thể lệ theo đây mà hiểu.

Lại, kế là nói ấn Tịnh cư thiên. Kinh nói: Tịnh cảnh hạnh, nghĩa là lấy Thiền định làm vị, lấy tịnh làm hạnh, nay nêu ấn ấy; Tư duy thủ, Thiện thủ, Thí vô úy đều dùng tay trái, hay phải cũng được. Diệu là nghĩa tốt. Tiếu thủ, Hoa thủ, Hư không chưởng vẽ phép tắc, nghĩa là y theo pháp này mà vẽ. Các trời này, hoặc vẽ cười, hoặc vẽ suy tư hoặc, làm cho nguyện... đều được. Kế là ấn Địa thần, làm bình báu tròn trắng ở trong, bình ấy có cắm hoa hoa báu để trang nghiêm, có Kim cang vây quanh. Thỉnh Triệu Hỏa Thiên Ấn, một bên duỗi tay phải ra, ngón trỏ mắt thứ ba co lại, co ngón cái vào lòng bàn tay, nếu trước thẳng mà co là thỉnh triệu (mời gọi), nếu trước co mà lại mở là phát khiển. Phải có các Đại tiên vây quanh, nghĩa là Ca-diếp Cù-đàm tiên... đều vẽ kế, đều ở trong viện lửa. Viện lửa tức là đàn tam giác. Trong đó màu đỏ gọi là viện đỏ. Ấn ấy như tiên nhân năm thông trước nói ấn bốn Vi-đà. Đây là Phạm Hạnh Bí ký. Nếu người tụng Vi-đà thì thấy thủ ấn này biết là luận nào, bộ nào... Cù-đàm Tiên Mạt-kiến-noa, Kiệt-già Tiên, Phược-tư Tiên, Ương-kiệt-la-tư. Vua Diêm-ma ở Nam phương phải làm gió đàn, trong đàn vẽ ấn Đát-trà. Bên phải vua vẽ Tử Hậu, dùng chuông làm ấn. Nếu vẽ hình thì trì ấn, bên trái vẽ Hắc Ám Hậu, dùng cờ làm ấn, chính là cờ này. Đại Tự Tại giận dữ làm ấn Thâu-la, là Thâu-la này. Hậu của Đại Tự Tại Tử làm ấn Thước-để, là Thước-để này.

Minh Phi Đại Phạm bắt ấn Liên Hoa, tức sen chưa nở. Na-la-diên làm Luân ấn. Bảy mẫu đồng dùng ấn Một-nghiệt-la. Câu-phệ-ly-da làm Tỳ-sa-môn Phương Đảnh Cốt ấn, xương đầu lâu này dùng Tiếu thủ trạng mà trì. Các quyến thuộc như Bảy mẫu... tức là chim thú, chồn và chim Bà-thê. Đây đều ở trong gió luân vây quanh bảy mẫu... Nếu cầm hoa được chim này thì cũng là chân ngôn bảy mẫu. Ở đây đều khác, tự có pháp trì trụng. Nay vào hội Mạn-đồ-la này, thảy đều dùng để trang nghiêm. Phương Nê-lý-để phải bắt Đại Đạo ấn. Trời Na-la-diên bắt Thâu ấn. Câu-ma-la bắt Thước-để ấn. Nan-đà Long Huynh Đệ bắt Vân ấn, Thương-yết-la bắt Tam Kích ấn, Thương-yết-la bắt Bát Chí ấn.

Nguyệt Thiên bắt Bạch bình và Hữu liên ấn. Nhật thiên bắt ấn Xa-lạc ở trong Kim Luân. Xã-da Tỳ-xã-da làm Cung ấn. Gió Thiên làm Gió Tràng ấn. Trời Diệu âm bắt ấn Tỳ-bà.

Phược Lỗ Long bất ấn Quyên sách. Như trước làm Viên (tròn) Mạn-đồ-la, dùng hạt giống chữ Bổn vây quanh. Đại ngã là bảo Chấp Kim Cang. Từ trên là lược nêu ấn ký. Nếu làm rộng thì đủ như trong pháp. Nghĩa là loại ấy đều là pháp Tự Tại Chân Ngôn Biệt Hạnh. Từ trên là Thích-ca Bộ Loại Hành Pháp.

Trở đi là nói Bồ-tát Mạn-đồ-la, Văn-thù Mạn-đồ-la, chánh phương dùng Kim cang vây quanh như trước. Trong đây là tam giác, trong tam giác bắt ấn hoa sen xanh, là chữ hạt giống, tụng mà tưởng khắp trong đó, để chữ chân ngôn ở giữa.

Lìa ranh giới bên trong tam giác vây quanh làm hoa sen xanh nhỏ vây quanh ấn sen xanh lớn. Sở dĩ bắt ấn vì biết nghĩa thú pháp môn tôn này, đều tùy hình sắc các quán mà biết bí ý, đúng pháp lấy chữ hạt giống làm hạt giống, tức là đó. Trong đó bắt ấn ấy như kế làm theo đây. Siêng năng mạnh mẽ tức là Văn-thù. Nghĩa là hạt giống sen xanh, đúng pháp thứ lớp mà làm, tùy hình sắc mà quán biết bí ý. Đồng tử Quang Võng bắt Câu ấn, Đồng tử Bảo Quán, Đồng tử Vô Cấu Quang. Nói về Sứ giả, đây là bộ Văn-thù nói về Sứ giả. Trì tụng là như được tương ưng mà biết ấn ấy dùng pháp tương ưng mà làm, nghĩa là trở xuống là đồng nữa. Trí giả tức từ Văn-thù, cũng có thể gọi là cụ Đức.

Kế là Thiết Ni, Tiểu Hứa Thiết Ni, Tạp Sắc Sứ giả, Địa Tuệ, Chiêu Triệu Sứ giả, các Phụng giáo Sứ giả, đều bắt khắp ấn Tiểu Đao. Dao này làm cưa hình răng. Tiểu đao không phải dịch đúng. Từ trên đã làm đều ở trong đàn vuông làm ấn, dùng sen xanh vây quanh. Trở lên là Phương Đông Văn-thù bộ loại quyến thuộc. Nếu Văn-thù là Trung thai, các Bồ-tát khác là lớp thứ hai, tám bộ là lớp thứ ba thì bắt chước theo đây. Phương Nam Bồ-tát Trừ Cái Chướng dùng châu Như ý làm ấn, cũng làm Kim Cang Luân ở bốn phương. Trong lại làm đàn tam giác. Chỗ nói tương đương dùng báu như ý. Đều đại tinh tấn là hạt giống. Cái gọi là báu như ý, phải ở trong tam giác mà vẽ châu như ý, quyến thuộc vây quanh. Trở xuống là Bồ-tát đều phải dùng quyến thuộc vây quanh. Phải biết tướng ấn ấy nay nói rộng quyến thuộc.

Về quyến thuộc, trong đây phải vẽ ấn như thứ lớp, tức là đúng pháp. Văn ấy có chữ này, chỉ về phía trái. Bồ-tát Trừ Nghi Quái, ấn ấy là ấn Kim cang. Nói Bình là trong đó làm bình, trên bình cắm Kim cang một cổ, phân nửa ở trong bình. Bồ-tát Vô Úy Thí tay bắt ấn Thí vô úy.

Bồ-tát Trừ Ác Thú vẽ tay bắt (ấn) phát khởi. Bồ-tát Cứu Ý Tuệ làm bi thủ để trên tim. Bồ-tát Đại Từ Bi Khởi làm ấn Cầm hoa. Bồ-tát Bi Niệm. Tri giả là tên của Bồ-tát này. Bồ-tát Trừ Nhiệt Não bắt ấn cho nguyện. Bồ-tát Bất Tư Nghị Cụ Tuệ Giả bắt ấn Tư duy. Có tuệ bất tư nghì, phía trái đều là đàn vuông, để hoa sen lên trên. Đây đều là quyến thuộc của Trừ Cái Chướng. Các nghĩa khác như trong Văn-thù đã nói. Địa Tạng Bồ-tát Bấc Phương Ấn là ở Đại Nhân Đà-la-luân. Trong Kim Cang Luân làm báu. Nói ở trong đó trước đặt tòa, trang nghiêm đất, trên đất vẽ hoa sen, đủ các sắc. Trên hoa làm cờ, ở đầu cờ để báu, chẳng vẽ hình chỉ vẽ cờ. Nếu bắt ấn này là cực thượng sắc, đây là hình tướng đây nói là hình cao quý nhất là khen, trong các ấn là mầu nhiệm nhất. Bồ-tát này có vô lượng quyến thuộc. Nay nói lược Thượng thủ. Như báu bên trái bắt ấn Bồ-tát. Trong đó vẽ ấn ân cần mà bắt. Kim cang Ba nhánh ở trên Bảo châu. Chỉ ở trên đất báu làm ấn. Nếu vẽ hình thì cũng ngồi trên hoa sen như Pháp Địa Tạng. Bồ-tát Bảo Chưởng bắt Nhất cổ Kim cang, để Kim cang này trên báu.

Bồ-tát Trì Địa làm hai đầu Kim cang để báu trên đó. Ấn Bảo Ấn Thủ Bồ-tát là năm nhánh Kim cang để trên báu. Bồ-tát Kiên Ý làm mười chữ Kim cang. Bên phải (ở trên) tất cả đều ở trong Mạn-đồ-la ấy, đều ở trong phương luân mà làm đất báu, trên đất để báu, trên báu có ấn.

Kế là Bồ-tát Hư Không Tạng ở phương Tây, tức là Văn-thù trong hội Tây phương bộ chủ, làm đàn tròn khiến sáng sạch trắng tốt, ngồi trên hoa sen tay cầm dao. Nếu chẳng vẽ hình Bồ-tát mà chỉ để dao, thì dao ấy cực bén như sương. Lại như thế, tức là bén chắc như thế lại bền chắc là dùng chữ hạt giống mà vây quanh. Người trí dùng hạt giống của mình mà làm hạt giống tức là đặt hạt giống gốc. Kế nêu quyến thuộc Bồ-tát Thượng Thủ, tức vẽ hình ấn ấy như giáo, tức là đều y theo giáo đúng pháp mà làm. Bồ-tát Hư Không Vô Cấu, cũng dùng luân mà vây quanh. Bổn này tức là tự, Ấn làm luân để đặt luân cũng tự vây quanh. Ở trong gió đàn là ấn Hư Không Tuệ Bồ-tát. Ở trong gió đàn thì đặt Thương-khư. Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ vẽ hoa sen trắng để trong gió đàn. Kế là Ấn Hạnh Tuệ Bồ-tát ở trong Gió luân để Thương-khư. Trong Thương-khư thì cầm hoa sen xanh. Ấn An Tuệ Bồ-tát, thì trong gió luân vẽ hoa, trên hoa để Kim cang. Đây đều là một hội Văn-thù ở trong Đại bi tạng đại đàn. Bốn Bồ-tát tùy bất cứ một Bồ-tát nào làm chủ để ở trong đàn, còn các Bồ-tát khác đều ở viện thứ hai, xét phương mà bày. Viện thứ ba thì để tám bộ. Lại nữa, nếu trong Đại bi ở viện thứ hai, thì

giả khiến dùng Quán Âm làm Bộ chủ, bộ Kim cang và Phật Đảnh... đều y phương vị mà bày làm viện thứ hai. Kế phải biết viện thứ ba mà bày tám bộ, tức chẳng cần để Văn-thù hội Bồ-tát. Nếu hội Thích-ca là như trên nói. Ở đây nói nghĩa định ấy, việc này lại phải hỏi xét hay chăng? Phẩm Bí Mật Mạn-đồ-la đã xong.

Phẩm 12: NHẬP BÍ MẬT MẠN-ĐỒ-LA

Phẩm Nhập Bí Mật Mạn-đồ-la, tức là tạng thân, miệng, ý bí mật của chư Phật, chỉ Chấp Kim Cang Bí Mật. Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại nói pháp nhập đàn bí mật, Bí Mật Chủ liền biết, cho nên Phật lại bảo. Nhưng Chấp Kim Cang này tức là hóa thân của Tỳ-lô-giá-na vì muốn phát minh pháp sâu kín này. Pháp này không thể hỏi. Chỉ có Phật và Phật hỏi nhau mới biết như kinh Kim Cang Đảnh Phẩm Phân Biệt Tích trở đi. Phật nhập vào Tam-ma-địa rồi, từ thân Phật phát ra hình chữ hình ấn và thân Bổn tôn đều từ các phương làm Phật sự, đó gọi là nhân duyên lớn mở tri kiến Phật. Làm như thế rồi lại nhập vào thân Như Lai. Bấy giờ, trên hư không có tiếng hỏi pháp. Hỏi Phật một trăm lẻ tám hiệu thế nào là Phật, thế nào là Chánh biến tri, cho đến hỏi ấn và chân ngôn của mười sáu vị Đại Bồ-tát, như đó mà nói rộng.

Bấy giờ, Phật tự khen rằng: Lành thay! Lành thay! Ông mới có khả năng hỏi được việc ấy. Cho đến tùy hỏi mà đáp. Bấy giờ, đại chúng được chưa từng có mà nghĩ rằng: Nay từ thân Phật mà hỏi Phật cũng như việc huyễn. Vô tác vô sinh mà thành Phật sự. Nay Chấp Kim Cang này cũng thế, từ Phật Kim Cang Tuệ Ấn mà sinh. Lại trì ấn Kim Cang Tuệ mà có điều hỏi thì được Phật đáp, sợ người không tin. Nếu tự hỏi, tự nói thì chẳng đáng tôn trọng, cho nên dùng thân Phật mà hỏi thân Phật. Lại, do đó mà gọi là Chấp Kim Cang, cũng có thể trì Như Lai thân mật, khẩu mật, tâm mật nên gọi là Trì Kim Cang Trí Ấn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại nói: Pháp Nhập Bí Mật Tạng Mạn-đồ-la. Trên đã nói Kim Cang Thủ Bí Mật Mạn-đồ-la mà chưa nói nhập vào pháp Bí mật, nên kế nói trì tụng, là khắp học Mạn-đồ-la, chân ngôn là nên khắp học. Cổ là Bí mật đàn. Tức trí giả là thông suốt, không có đuối lý nên gọi là trí giả (người trí). Trí giả dứt hết tất cả tội. Pháp Đệ tử như thế. Trì tụng tức là người thành tựu, nghĩa là A-xà-lê. Người phải học khắp, nhưng chỉ có Phật và Phật mới biết khắp, học khắp tất cả các pháp, đầy đủ đức này mới làm thầy. Nay đời mạt pháp người này khó được, làm sao được sở dĩ truyền pháp khắp. Nhưng A-xà-lê tuy chưa được chư Phật nhưng phải khắp hiểu biết tông chỉ kinh này, thứ lớp pháp dùng mỗi câu đều rõ ràng, và thuận theo kinh này có các pháp duyên. Mạn-đồ-la yếu phải khéo biết, phải tu hạnh Du-già, hiểu rõ các căn tánh lợi độn của chúng sinh có ngăn hay không ngăn và loại chân ngôn thân ấn của Bổn tôn mới truyền pháp, làm đệ tử, làm pháp, nhập vào Bí mật Mạn-đồ-la được, rõ ràng như thế. Nay pháp yếu chư Phật

sâu xa khó hiểu, cũng được che chở chẳng truyền bá bừa bãi.

Im lặng lâu yếu này chẳng vội giảng nói. Nếu các thầy đời mạt pháp, chẳng hiểu rõ việc ma và phương tiện thứ lớp vào đạo mà dối dạy người, tức là không y cứ vào căn cơ làm lầm người khác, cho nên cần phải học khắp. Nói trí giả, tức nói người học khắp là đó, nên biết là cùng hay chẳng nên cùng, nên vào hay chẳng vào, các thứ như thế, nên gọi là trí. Nếu chẳng nhàn phương tiện chỉ là nói suông mà chẳng thể khiến nó kiến lập gốc lành Vô thượng, mau nhập vào tất cả vị Như Lai lại vời lấy chướng cực lớn hại mình, hại người. Vì sao gọi là người trí là tội thiêu đốt đệ tử, cũng như nó từ vô thỉ đến nay có vô lượng vô biên tội chướng. Pháp Đệ tử như thế, nghĩa là đúng pháp nhập vào đàn làm pháp, chướng sâu dày nếu chẳng trừ thì thân khí bất tịnh còn có chướng chẳng hợp vì nói tất cả đạo đầy đủ của Như Lai. Cũng như hàng Thanh văn có mười ba nạn chẳng nên trao giới, thiêu tuổi thọ của họ khiến chẳng còn sinh lại, đốt đến thành tro tàn. Nay tự có lửa Đại tuệ diệu phương tiện, mà đốt thân nghiệp phiền não khiến chẳng sinh trở lại. Tất cả chúng sinh đều do nghiệp phiền não chứa nhóm nối nhau mà sinh, luân hồi không dứt nên gọi là thọ, nay liền đốt đi không để sót. Phương phiền não là củi, trí phương tiện là lửa, vì nhân duyên này mà được không sót. Củi này đã hết, năng trị cũng dứt, gọi là thiêu, tức nghĩa chữ ấy, phải dùng chữ A làm thân đệ tử, khiến chữ A khắp làm thân ấy. Kế dùng chữ lửa tuệ mà đốt quặng vàng ròng của tánh Bồ-đề khiến cấu uế trừ hết không sót, nên dùng chữ La mà đốt chữ A. Đã đốt xong rồi đâu như Nhị thừa dứt diệt tro tàn mà chẳng sinh lại ư, chẳng như thế, là các củi cấu đã cháy hết thì lại có Diệu sinh, gọi đó là chân Bồ-đề, là chân thật sinh, sinh này tức là tánh thanh tịnh, hạt giống Như Lai.

Thầy lấy phương tiện nào mà khiến tro này hết, lại đốt hết đồng với tro, nó lại sinh ra. Dùng chữ đốt chữ, vì đốt nên cùng thành một thể. Thân đồng chữ A, mà dùng chữ La đốt tất cả phiền não tội trừ, cho đến thân cũng trừ, thể đồng kim luân mà sinh mầm diệu, nghĩa là sinh môn chữ Phược. Ở trong tâm đó mà quán tròn sáng, ở trong vòng tròn mà để chữ Phược. Từ chữ Phược này mà sinh thủy luân, cũng như sữa trắng mà rót vào. Dùng phương tiện này lại sinh tâm hạt giống Bồ-đề Phật. Sinh thân thanh tịnh này trong ngoài không nhơ, như vàng đã trăm luyện mà trau dồi thêm ngọc, dùng làm đồ đựng gì cũng được. Phải biết khi lửa động thì cũng có gió. Gió Luân tức là nghĩa chữ Ha-khư. Lại chữ Phược trên có thêm dấu chấm, dấu chấm này tức là Đại không môn chữ Khiếm. Nước pháp vi diệu từ hư không mà rót xuống để tịnh tâm khí.

Phải biết là có đủ năm chữ đất, nước, lửa, gió, không nhưng đây đều là nghĩa bí mật của Như Lai, chẳng cần như văn mà phải khéo suy nghĩ. Người tu đã được thân khắp tịnh vô cấu như thế, thì tuổi thọ sống lại đều là vô cấu, là ý sinh. Lại vì muốn cho bền chặt vì ý sinh thân như thế lại có phương tiện. Cũng để mười hai chữ lại được mười hai duyên, gọi là mười hai văn cú. Đây là trước nói mười hai chữ Chân ngôn vương phải bày khắp thân ấy. Trước có bốn chữ bày ở phần trên, nghĩa là từ đảnh đến trán. Một chữ không ở trên đầu, hai chữ ở tai, một chữ ở trán. Kế là như bổn tánh mà phối sinh. Từ mắt khởi là tốt. Có bốn chữ ở phần giữa, nghĩa là trên hai vai trên tim và trên cổ họng, kế có bốn chữ ở phần dưới, tức là trên rún trên eo, một chữ trên đùi một chữ dưới chân, nhưng một chân cả hai đều có. Nay chỉ ở một chân mà để, tức có cả hai chân. Phải biết mười hai chỗ này là nhiếp các phần khác của thân, như chữ ở hai tai là nhiếp cả hai mắt. Như chữ trên nói phải lấy Chân ngôn vương ở trên, từ chữ đầu rồi thứ lớp mà bày.

Nhưng thực hành phương tiện có ba bậc: Một là thầy tự bày, hai là dùng làm Mạn-đồ-la, ba là gia vào thân đệ tử. Đây là Du-già Bí mật gia trì. Như thế mà làm rồi thì sẽ thành pháp khí, cho nên làm khí ấy. Như thế làm rồi tức là thành tựu Tam-muội-da. Tam-muội-da là nghĩa đẳng (bình đẳng) nghĩa là ta ngang bằng với Phật, Phật bằng ta, không hai, không khác, hai phần đều rốt ráo bằng nhau. A-xà-lê thì bằng với Phật, tức bằng với đệ tử. Đệ tử này không chỉ bằng với tất cả Như Lai mười phương ba đời, mà cũng bằng với tất cả các Bồ-tát, cũng bằng với tất cả Thanh văn, Duyên giác, cũng bằng với tất cả chúng trời, tiên trên thế gian. Nếu bằng tất cả như thế tức là thân Tỳ-lô-giá-na. Cho nên nói các thế gian... đồng đẳng đồng thuận. Cũng là Pháp Hoa đều chẳng trái với các thật tướng. Nên hiểu cùng bình đẳng với chư Phật như thế, nghĩa là không trái nhau. Xứng với Tam-muội-da Bí Mật Mạn-đồ-la mà nhập vào tất cả pháp giáo, các Mạn-đồ-la tự tại, như thế bình đẳng với ta, xứng với Tam-muội-da Bí Mật Mạn-đồ-la này mà nhập vào các pháp giáo, các đàn đều được tự tại như ta. Trì tụng cũng thế, là trì tụng chẳng khác. Tam-muội-da gọi là nói, giải là nghĩa hiểu rõ, biết rõ. Nếu hiểu biết phương tiện nhập vào Bí Mật Mạn-đồ-la này, tức là vào khắp tất cả Mạn-đồ-la. Đệ tử này vì đồng vào khắp tất cả Mạn-đồ-la, nên tức nghiệp tự tại, tu hành tất cả rốt ráo đẳng mà giải thích tên Tam-muội-da. Cho nên nói Tam-muội-da gọi là tên. Như kinh mới đầu có đủ Nhập đại bi thai tạng, các pháp Mạn-đồ-la... bèn cho pháp này là pháp yếu dụng. Trước chẳng nói, bày nói ở đây. Nếu chẳng hiểu đây thì chỗ làm

Mạn-đồ-la từ trước chẳng bao giờ được thành. Đối với lẫn nhau trước sau, chẳng thừa tiếp nhau. Chẳng lẽ Phật không thương tiếc hay sao? Chỉ vì muốn nhập vào chánh pháp nên phải y thầy mà học. Cũng như Phật ở trong kinh Thanh văn quở là hàng tặc trụ. Người nói được đủ Hòa thượng, A-xà-lê đúng như pháp thọ giới quyết tu phạm hạnh. Vì sao lại như tặc trụ? Nay đời mạt pháp người học cũng như thế. Chẳng kính gần thiện tri thức học hỏi pháp yếu, mà tự tâm thầy, muốn mong thành tựu nghiệp tự tại của Như Lai. Ngay đây mở văn, liền muốn được thành tựu thì không có việc đó. Không phải chỉ tổn hại mình mà lại muốn cầu danh lợi dối làm thầy người đã tự trái pháp mà muốn lập gốc lành Vô thượng cho người khác, làm sao có việc đó. Do đây mà không có hiệu nghiệm, cho nên lại chê bai pháp. Duyên phá pháp thì thành nghiệp Vô gián (địa ngục), sao có người nghiệp Vô gián mà thực hành tự lợi, lợi tha đầy đủ thành diệu quả ư? Thế nên thực hành pháp ấy phải kính cầu Minh sư, mỗi pháp đều học hỏi, nhận được vi chỉ, thấu hiểu rõ ràng, trước tự thành lập rồi kham lập gốc lành Vô thượng cho người khác, cũng như trong pháp Thanh văn có năm pháp thành tựu, tự thành năm phần pháp thân, cũng có khả năng thành năm phần pháp thân cho người khác, được lìa y chỉ, được lìa vị thầy.

Bấy giờ, mới có khả năng truyền pháp lợi người. Nếu chẳng như thế, thì cẩn thận chớ dối làm lợi khí, tự tổn hại mình. Cho nên kinh nói: Sai cơ nói pháp làm thầy người oan. Nay chẳng khéo khắp học trì Minh Tạng Du-già mà muốn tùy duyên người khác mà trao pháp thì cũng giống như thế. Vào Mạn-đồ-la có bài kệ Tam-muội-da có thể có đến mười bốn, mười lăm bài kệ, tức là cho đệ tử thọ Cụ giới Bồ-tát và giáo thọ dạy răn yếu thệ, chưa truyền đến cõi này. Kế phẩm Trụ Bí Mật Mạn-đồ-la phẩm ở trước là nói nhập vào Phương Tiện Bí Mật Mạn-đồ-la. Gọi đó là ba thứ gia trì. Nghĩa là dùng chân ngôn mà gia lên thân sư và đàn sẽ vào, cùng gia vào đệ tử khiến an trụ vững chắc. Sau mới được an trụ ở bí mật tạng. Cho nên kế là nói phẩm Trụ Chứng.

Phẩm 13: NHẬP VỊ BÍ MẬT MẠN-ĐỒ-LA

Bấy giờ, Đại Tỳ-lô-giá-na Thế Tôn chứng được đẳng chí Tam-muội địa, chúng sinh vị lai quán niệm từ định mà trụ, nghĩa Tỳ-lô-giá-na như trên đã giải thích nay giải thích lại. Nói Tỳ-lô-giá-na ấy là mặt trời, như mặt trời ở thế gian xua tan tất cả tối tăm, nuôi lớn tất cả muôn vật, thành sự nghiệp tất cả chúng sinh. Nay pháp thân Như Lai cũng giống như thế, nên lấy làm dụ. Nhưng mặt trời ở thế gian thì có phương phần, chiếu được ngoài mà chẳng thể chiếu trong, sáng bên này mà không sáng được bên kia. Nay mặt trời Như Lai thì không phải như thế, chiếu khắp trong ngoài, không có phương phần, ngày đêm khác nhau, tròn sáng thường trụ, tất cả chúng sinh nếu được mặt trời này mọc lên thì năng sinh trưởng tất cả gốc lành Như Lai, làm việc Như Lai, mặt trời thế gian chẳng thể dụ được, chỉ được một phần nhỏ, cho nên thêm tên Ma-ha. Phật sở dĩ vào Tam-muội này, Phật trụ pháp rốt ráo vô tướng vắng lặng, vì đại bi nên trụ vào Tam-muội, khiến cho tất cả hội và vô lượng chúng sinh được dùng Đại Bi Thai Tạng Mạn-đồ-la này để trang nghiêm Đại hội vi diệu, tức là ở trong không tướng mà hiện có tướng. Tuy có tướng mà từ nhân duyên sinh tức chẳng sinh, đồng với tánh tịnh mà khiến chúng sinh đều tùy bổn duyên thấy các thứ sắc, nghe các thứ tiếng, được các thứ pháp, đều tùy tâm khí như pháp cúng dường. Có nhân duyên lớn như thế lại thực hành đầy đủ pháp Kim Cang Thủ đã hỏi, khiến rõ ràng không sót mà nhập vào Tam-muội. Đẳng chí là tên Tam-muội. Ở trên nói bấy giờ, lại nói lúc đó Như Lai vào Tam-muội, là đối nhân duyên trước mà lại có việc này, phân biệt nói là lúc ấy. Đẳng chí, cũng như quá khứ tất cả Như Lai đều nương đạo này cho đến thành Chánh giác. Như tất cả Như Lai quá khứ, hiện tại, vị lai đều giống như thế, đều từ đạo này, nương phương tiện này mà thành Chánh giác nên nói là đẳng chí. Như chư Phật ba đời được đến thành Chánh giác thì ta cũng giống như thế. Như nay ta nương đạo này mà đến đạo tràng, tất cả Phật cũng như thế. Phật Phật đều bình đẳng gốc ngọn, rốt ráo đều như nhau, nên gọi là Đẳng chí.

Lại như trước mà bày tướng phương vị Đại Mạn-đồ-la, như Phật nhập vào Tam-muội mà thị hiện. Nếu A-xà-lê trụ vào định mà độ đệ tử, thì cũng phải bày tướng phương vị này không khác với kia mỗi mỗi đều là nhập vào pháp giới phổ môn hành pháp thiện của các tôn vị Thiện tri thức. Nếu thực hành quán này để gia trì đệ tử thì cũng được thấy đại hội như thế, khiến cho trong tâm quán cùng việc ngoài đã bày thì trong

ngoài đều bình đẳng, không có khác nhau, cho nên gọi là Tam-muội Đẳng chí. Phật nhập vào Tam-muội này khiến các Đại Bồ-tát như Kim Cang Thủ... đều được giải đáp đủ các thắc mắc. Phật ở trong Tam-muội mà hiện việc, tức là hiện bày phương vị pháp dụng, cho nên nhập vào Tam-muội này. Phật ấy khi vào Tam-muội này thì Phật sự ấy như thế. Đẳng tức là đồng đẳng. Cũng như bàn tay để ngang gọi là đất bằng, dùng Tam-muội mà nói tức là thấy đất bằng của tịnh quốc trang nghiêm không có ngói đá các núi và sình cát. Nhưng đây tức là nghĩa thanh tịnh tâm Bồ-đề, dùng tín lực mà bình tâm địa ấy, trừ bỏ chỗ có A-lại-da gồm chứa các loại cát đá, cây cối... chỉ trừ hết rốt ráo bình đẳng thể tánh địa tịnh tâm Bồ-đề. Nếu làm bình đẳng thanh tịnh đất này thì sẽ thành tựu Đại bi thai tạng Phật hội trang nghiêm. Năm báu giăng khắp, tức là năm báu vàng bạc..., báu năm sắc giăng bày xen nhau trên đất. Năm hành tức là vàng nhạt, năm báu là năm sắc, đỏ xanh đen thứ lớp. Trắng xen nhau là giới, vàng là tín, đỏ là tấn, lục là định, đen là tuệ. Trên đã giải thích trước là trắng, kế là đỏ, kế nữa là vàng. Nay giải thích này mà định giải thích trước là sai. Từ đây trở đi mỗi pháp trang nghiêm đều có giải thích nghĩa. Nay trong đây chưa giải, chỗ khác mỗi thứ đều đối với pháp môn.

Nhưng chỗ ấy chẳng phải, chỉ có năm báu giăng bày trên đất mà trang nghiêm cờ nêu mà thôi. Lại có cờ nêu tức là cờ nêu của đại bi thai tàng, khiến biết cửa vào tướng phương vị. Nói nêu tức là như hình trên vẽ. Nhưng có vẽ làm và lập ra. Vẽ thì như hình vẽ, lập thì làm nêu, cũng y vào tường này mà làm. Môn có cột, trên cột có cây ngang, nêu biết là môn ấy. Môn bốn phương tức là bốn niệm trụ, nêu là phạm trụ. Niết-hữu-ha là môn, Đô-la cũng là cờ, tức là nêu tạp sắc chẳng phải chỉ có sắc năm phương, lại có các thứ phướn nhiều màu sắc này tướng nó rộng dài mà nêu trên cửa lọng báu che ở trên như pháp đàn. Nhưng lọng này lượng nó che khắp các cõi Phật nên gọi là lớn. Trên nêu này lại treo phất trắng và chuông báu để trang nghiêm. Trước là phướn màu, phướn có chuông báu và phướn phất, đều treo phướn báu mà giăng mắc, cùng các lụa màu cột lại, tức cột là tạp sắc, lụa màu là y treo khắp nơi. Đây là như văn nói mặc áo nhiều màu, từ pháp vô tướng thứ nhất mà sinh ra tướng Đại bi tàng sinh hiện khắp sắc thân các thứ phương tiện, nói vô lượng pháp là nghĩa nhiều màu, phan nhiều màu đến nay đều treo trước cửa. Kiến là lập phướn ở tiêu. Tám phương góc lập cờ Đại ma-ni, cờ làm bằng ma-ni. Cờ là bốn phương và bốn góc đều lập cờ Ma-ni Diệu Bảo Như Ý. Ngoài ra lại có ao tắm tịnh diệu nước tám công đức, thanh

tịnh trong sắc. Lại ở trong ao có vô lượng loài chim thủy sinh, vui đùa thỏa thích, hót lên các tiếng thanh tao làm vui tất cả, lại nở các thứ hoa theo mùa, thời là hoa sáu thời đều tùy thời mà hiện, không phải chỉ gọi là hoa, lại các thứ cây báu bày tám phương, các dây năm báu anh lạc nối nhau. Trên tám cột này vây quanh các dây báu liền nhau. Trong đây gọi là anh, tiếng Phạm và anh lạc ở trước có khác, nghĩa là rủ xuống hình bán nguyệt, rủ xuống các báu nối nhau vây quanh, đất trơn láng như áo nhung lụa rất thích đụng chạm. Như phương Tây có áo toàn bằng lông mịn. Loại địa luân này rất mềm mịn trơn láng, đặt chân thì lún xuống, giở chân lên thì lại bằng phẳng như trước, rất mềm mại sinh ưa thích. Lại có các nhạc khí nhẹ đầy khắp không gian. Ở trên hư không chẳng khảy mà tự kêu, tiếng rất thâm diệu khiến người thích nghe mà vui mừng sung sướng, ở đây bày đất để trang nghiêm. Lại sinh vô lượng tùy các phước đức của Bồ-tát mà cảm ý sinh ra tòa ngồi và cung điện từ sự tin hiểu đối với Như Lai sinh ra. Tòa ấy bày ở ba lớp, như trên các Đại bi tàng sinh Mạn-đồ-la bày ra thứ lớp. Nhưng đều do công đức thanh tịnh, mầu nhiệm của các Bồ-tát, nhạc cụ năm trần sinh ra có nhiều thứ khác nhau. Tóm lại có mười thế giới vi trần số đều chẳng đồng mà bày ra vị ấy. Đây đều là ở trong tám cột cờ báu đều từ năng lực tin hiểu đối với Như Lai mà sinh ra. Vì năng lực Bổn nguyện của Như Lai ở trong Đẳng Chí Tam-muội phổ môn thị hiện nêu pháp giới. Nêu là từ pháp giới sinh, tức là cờ nêu pháp giới đàn. Nêu trong đây có nghĩa là tánh, văn Phạm gọi là Hàm (ngậm, chứa). Nêu tức tánh ấy, thể tánh pháp giới xưa nay thường thanh tịnh vô tướng bậc nhất lại dùng pháp giới mà trang nghiêm, trong đó có hoa sen chúa lớn, hoa này đồng với pháp giới, khắp tất cả chỗ tự tánh thanh tịnh. Phải biết thân Phật cũng như thế. Đây tức là hoa Trung thai tám cánh. Nhưng sinh hoa sen lớn Như Lai trụ trong pháp giới bậc nhất ấy tùy ý chúng sinh vui mừng. Bậc nhất này là thân bậc nhất pháp giới, tùy các chúng sinh tin hiểu mà được vui mừng, ý rất nhỏ nhiệm, rất khí thấy tánh cho nên cực vi tế. Đệ nhất đây nghĩa là nói tánh. Tùy ý là do năng lực bổn nguyện mà độ tất cả chúng sinh phổ môn thị hiện, mỗi mỗi đều tùy mừng được thấy thân, ứng cơ dẫn dắt cho được vui mừng. Đó là các chi phần vô ngại lực của Như Lai. Từ mười lực tín giải mà sinh vô lượng thân sắc hình tướng trang nghiêm. Chi phần Như Lai có năng lực vô ngại, năng lực vô hoại. Vì tất cả Thiên tiên thế gian và Nhị thừa Thanh văn Bồ-tát các năng lực cũng còn có ngại, là do có nghi. Lại có năng lực Thắng thượng làm cho hoại. Nay Phật lực vô ngại và chẳng thể hoại vì như Kim Cang, cho nên nói

là năng lực vô ngại. Năng lực Vô ngại này từ đâu sinh, phải biết là từ mười trí lực của Như Lai sinh ra, từ chi phần thượng, trung, hạ của Phật chia làm ba phần mà tuôn ra các loại hình tướng, cho đến mỗi lỗ chân lông đều tuôn ra các loại, bỗng nhiên bình sắc đều khác, hoặc vuông, tròn, tam giác, bán nguyệt, hoặc xanh vàng đỏ trắng đen, tịnh tâm vui mừng, các hình tướng giận dữ... số ấy vô lượng tức là các Bổn tôn... đều ở ngay chỗ ngồi ý sinh mà chiêu cảm ra.

Nay mười lực này lại từ đâu sinh? Nghĩa là từ Như Lai vô lượng A-tăng-kỳ kiếp đến nay tu hành sáu độ, mười độ cho đến trăm ngàn muôn không thể nói A-tăng-kỳ các độ muôn hạnh, tức các hạnh này nuôi lớn công đức, vì công đức nuôi lớn mà thân xuất hiện. Từ pháp thân mà xuất hiện, nó xuất hiện rồi, ở trong các thế giới đại hội. Các nghĩa là mười phương. Nhưng đây chẳng phải chỉ hiện hình mà thôi lại phát ra các thứ diệu âm, giảng nói pháp không thể suy nghĩ bàn luận bí mật thường tịch và hạnh chân ngôn, khiến khắp tất cả đều được nghe biết, các Bồ-tát sinh ra đều nói các thứ, có âm thanh biểu để nói thuyết ấy gọi là kệ. Diệu kệ mà khen Phật, cũng như ở phương dưới hiện ra hội khen Đại Nhật Như Lai cũng trụ Tam-muội. Đây là Tam-muội hiện ra Tỳ-lô-giá-na trên đài hoa, ở trong thân phần mà thị hiện.

Từ pháp giới này mà sinh trong hoa sen. Khi Phật sinh ra các thân hình lại từ thân Phật phát ra các tiếng mà giảng nói Diệu pháp. Kinh nói: Âm thanh tức là ngữ biểu. Âm này nói kệ lược có hai bài: bài một là: "Lạ thay tất cả Phật. Phương tiện không thể suy nghĩ bàn luận, đối với tánh vô tàng, dùng tuệ khiến làm tạng" kệ này có ý khen Phật, thấy trên thị hiện sự không thể suy nghĩ bàn luận khen công đức Phật rất đặc biệt, khen tất cả Tỳ-lô-giá-na, tức là khen tất cả Như Lai, nên nói tất cả Phật. Cho nên phải biết Như Lai hiện các tướng đặc biệt, tức là từ đại tuệ và phương tiện của Như Lai sinh ra là nghiệp không thể suy nghĩ bàn luận này. Thế nào là không thể suy nghĩ bàn luận? Nghĩa là trụ vào tánh vô tàng mà làm được có tàng.

Tàng, tiếng Phạm là A-lại-da, Hán dịch là Tàng, hoặc cung điện nhà cửa. Như nhà cửa thế gian, tất cả chúng sinh đều tùy phần mình mà ở trong đó. Đã có nhà cửa này thì có chứa đựng thiện ác chẳng thể tự thoát ra. Như Lai đã lìa nhà cửa A-lại-da ấy nên nói là tánh vô tàng. Phật tuy không có tất cả tàng nhưng dùng tuệ phương tiện mà có tàng sinh, nghĩa là ở trong pháp vô tướng mà bày ra các tướng. Ở trong pháp không Vọng tưởng mà phát ra các tiếng nói. Tức dùng tàng này mà giúp cho tất cả đến vô tàng.

Bài kệ kế là: Nếu biết là vô đắc, các pháp tướng của pháp, vô đắc mà đắc, được các Phật đạo sư. Ý này nói pháp tánh vô đắc chẳng thể biết, nếu có chỗ gọi, vô đắc nghĩa là không. Nếu được tức là Phật. Tức là vô tàng mà có vọng, không phải tuệ vô sư của Như Lai. Nếu biết tức là chỗ tâm sở hành không phải là rốt ráo thắng nghĩa. Do đó mà khen Phật là không thể suy nghĩ bàn luận. Bèn đối với pháp vô đắc chẳng thật có mà đắc. Đó gọi là từ trước nay ở trong cảnh giới vô tướng mà có tướng, khiến tất cả chúng sinh không thật được mà được. Ai được pháp này, tức là chư Phật Đạo sư.

Lại nữa, bài kệ trước nói: Lạ thay, tiếng Phạm là kỳ thay, tức là đầu tiên mà có tiếng A. Bài kệ này đã nói lên pháp xong. Đây tức là nghĩa xưa vốn chẳng sinh mà sinh ra tất cả các pháp, nghĩa là thân Như Lai sinh ra các thứ hình tiếng đều từ chữ A mà sinh. Khi hiện ra các hình xong thì lại trở vào chi phần thân Phật, lại trở vào pháp thân không thể suy nghĩ bàn luận của Như Lai, đều tùy theo chỗ đã sinh ra mà vào. Cho nên kinh nói lại nhập vào pháp thân bí mật không thể suy nghĩ bàn luận của Như Lai. Không thể suy nghĩ bàn luận này, tiếng Phạm là A-chân-để, cũng có tiếng A. Ý nói từ A mà ra, từ A mà vào. Hai đầu trên dưới này chỉ hai chữ A mà nói tất cả pháp ra vào tức đồng thể pháp giới. Phật bảo Kim Cang Bí Mật Chủ, ý nói Phật ấy tức là Tỳ-lô-giá-na. Lại hỏi Phật ấy từ Tam-muội ấy hiện ra hay Bổn Như Lai từ đây trở đi, Phật xuất Tam-muội Đẳng Chí mà bảo Kim Cang Thủ. Sở dĩ Phật trụ Tam-muội mà hiện ra các tướng ít có như trước, nghĩa là đất bằng như bàn tay, cho đến bày ra các tôn và phương vị hoa sen tám cánh... là muốn bày cảnh nội tâm Du-già của Chấp Kim Cang, vì ngoài tình huống bên trong mà biểu thị nghĩa.

Cho nên nay xuất định mà nói pháp nội tâm Mạn-đồ-la vào Bí mật tạng mà bày Chấp Kim Cang. Thiện nam lắng nghe tâm Mạn-đồ-la trong nội tâm địa. Bí Mật chủ kia, thân địa tức là pháp giới tự tánh, dùng chân ngôn ấn mà gia trì bản tánh thanh tịnh. Như trước Đại Nhật đã gia trì, kế liền dùng Yết-ma Kim Cang Tát-đỏa làm gia trì mà làm sự nghiệp như trong đại bản có hai mươi tướng khuyên khiến nghe pháp. Phật vì Chấp Kim Cang mà dứt trừ tất cả bụi nhơ và tu hành hạnh chân ngôn các pháp yếu mà Bồ-tát chưa đủ nên không mau thành Vô thượng Bồ-đề. Nay lại kể nói đầy đủ nghĩa trước khiến pháp yếu trọn đủ. Nếu chẳng hiểu đây thì các pháp trước đều chưa đầy đủ. Vì nhân duyên này khuyên khiến giữ chắc. Như thế hai mươi thứ nhân duyên phải được nói rộng. Chỗ trình bày trước là năng lực Tam-muội nên trình bày ngoại

cảnh, nay thì quán nội tâm. Vì ở từ tâm của người tu mà đủ hội biển lớn. Mười phương thông đồng thành một cõi Phật, chỉ tự mình hiểu biết, người khác không thấy. Cho nên gọi là Bí Mật Mạn-đồ-la, cũng như làm ngoại Mạn-đồ-la. Trước nói trì địa, bình ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả là bỏ các việc cây cối, cát đá, kế phải bình trị khiến cho đều chắc chắn bằng phẳng mới có thể ở trong đó mà kiến lập. Nay đây cũng. Muốn ở trong nội tâm mà lập Đại Mạn-đồ-la thì trước cũng phải ở trên đất bằng mà bỏ các lỗi cây cối, gò nổng. Đây gọi là thân địa, ý nói bao gồm bốn đại đất, nước, gió, lửa làm sao mà trị, nghĩa là trước phải kiến lập tòa Du-già. Tòa Du-già tức là chữ chân ngôn được để gia trì, lấy chữ đầu tiên của chân ngôn được thọ trì kia tức là tâm chân ngôn. Chữ ấy phải bỏ điểm chỉ lấy bản thể tức là chữ A. Chữ A là Kim cang địa. Sở dĩ như thế là cũng như Phật Thích-ca khi mới thành Chánh giác vào Kim cang Tam-muội mà thành Chánh giác, trừ Kim cang địa lại không thể thắng. Nay đây cũng thế, vì muốn kiến lập nội tâm Tỳ-lô-giá-na đại Mạn-đồ-la hội, nếu trước chẳng kiến lập tâm địa Kim cang thì chẳng thể an lập chữ A là Kim Cang Luân, vì muốn lên tòa Kim cang, trước quán chữ A làm đầu, lại dùng Kim cang mà trì Kim cang. Quán chữ này phải làm hình vuông.

Nhưng hình thể chữ này cũng vuông. Quán chữ này hình vuông mà làm sắc Kim cang khắp đủ trong nội thân người tu, do địa đại của thân không đâu chẳng khắp. Kế là thực hành nước Tam-muội. Nghĩa là quán chữ phược ở viên minh, màu trắng cũng đầy khắp thân, nhưng hình chữ này cũng tròn. Trước quán chữ A đầy khắp một thân nay lại khắp thân cũng như thủy đại khắp trị một thân, cùng chẳng ngại địa đại ấy. Kế là quán chữ La làm tam giác màu đỏ, chữ này tức là hình tam giác, La cũng trùm khắp tất cả chỗ cũng như hỏa đại trong thân. Kế là quán chữ Ha làm hình bán nguyệt màu đen, màu trong chữ ấy lại rất đen, cũng ở khắp thân như gió đại trong thân. Đất, nước, gió, lửa là ngoại cảnh, chiếu từ trong ngoài tức là các chữ A Phược La Ha, để gia vào thân ấy. A này tức là tánh pháp giới, vì tất cả pháp vốn chẳng sinh, dùng mỗi chân ngôn gia trì chữ mà gia trì. Phải biết chữ này bản tánh thanh tịnh. Duyên nghĩa là do đây mà được sinh, nghiệp Kim cang hữu tình gia hộ lìa tất cả trần hữu tình thọ giả, mãn nô sinh ra Mạt-na trước sinh tác giả... các lỗi các gốc cây. Kim cang có hai thứ: Một là Trí Kim Cang hai là Nghiệp Kim Cang, tiếng Phạm là Kim Cang Yết-ma tức là chỗ làm sự nghiệp. Dùng nghiệp Kim Cang này mà gia trì, được tịnh trừ đất ấy, lìa tất cả trần, trần tức là lỗi lầm tai nạn. Muốn bình đất ấy trước

nhổ bỏ cát đá, cây cối, là nói tất cả cấu kiến.

Kế là lược nói tướng của nó, gọi hữu tình thọ giả các kiến và Mạn-nô sinh ra, là tất cả kiến chấp của ngoại đạo. Mãn-nô là ngã, là nói tất cả y vào ngã (ta người) mà sinh. Mạt-na trước sinh là nói tất cả từ kia sinh ra, cũng là một loại kiến của ngoại đạo, tức là cấu chướng tánh chẳng bình, cũng dùng Kim cang làm nghiệp, trừ lỗi chẳng bình ấy bỏ cội gốc kia mới tịnh kết tâm địa này, mà lập Bí mật đại Mạn-đồ-la. Bốn góc bốn cửa, cửa xây hướng Tây thường mở cửa ra vào. Có đặt viền bằng phẳng chung quanh. Như trước đã bày môn tiêu trong tướng bên ngoài và chung quanh tám cột báu lớn, trên đầu cột treo báu anh, phất trắng, các thứ trang nghiêm, khiến nội tâm Du-già không khác với nó. Nhưng nó mỗi mỗi đều là pháp môn nội tâm. Lại phải hỏi danh nghĩa ở trong đó có từ ý sinh hoa sen chúa lớn tám cánh có cành nhụy, khắp vẽ màu đẹp. Trong đó có Như Lai hơn hết loài người vượt ngoài lời ý, thân tâm địa bay lên, tâm địa đến được, trao quả thù thắng duyệt ý, nghĩa là ở nội tâm trong đất bằng mà trang nghiêm, có tòa Đại liên hoa vương (hoa sen chúa lớn). Như trên đã hiện bày hoa chúa lớn, thể nó thanh tịnh diệu lượng đồng với pháp giới. Nay đây nội tâm được quán cũng như đó, nên gọi là hoa chúa lớn. Hoa ấy có cành có nhụy, các màu giăng mắc vẽ màu rất đẹp, đều nói nội tâm quán làm. Như thợ vẽ kia vẽ các màu làm các sắc tượng, tuy các duyên hợp không có tự tánh mà tướng mạo rõ ràng. Trên đó có tôn vị trên tất cả loài người tức là Tỳ-lô-giá-na. Đây là tự tánh trí vô sư Phật Đại Tỳ-lô-giá-na của người tu, không phải từ ngoài đến. Thân ngữ ý vượt thân ngữ ý, tâm đia được chí tịnh tâm địa được ý vui quả thù thắng, vượt khỏi tâm địa nhiễm ô, được đến quả địa tịnh tâm. Thân tâm địa bay lên, là như tất cả người đời chưa được ba thứ bình đẳng thân, miệng, ý, cho nên chẳng thể nhập vào pháp môn tâm địa này. Như Lai đều lìa các lỗi ba nghiệp, được ba thứ bình đẳng đến tất cả địa chư Phật. Nghĩa là được tịnh tâm Bồ-đề, tâm địa an vui của Tỳ-lô-giá-na Như Lai, là cao quý hơn tất cả. Lại tất cả chúng sinh đồng có tánh này, Như Lai Bí Tạng đầy đủ không thiếu mà chẳng tự hay, chẳng tự biết. Chỉ có Như Lai hiểu rõ tự chứng mà vì tất cả khiến cho giác ngộ cùng khắp, cũng khiến cho đều được pháp này, nên gọi là cao quý hơn hết trong tất cả chúng sinh, quả ý vui là quả sau cùng. Phải biết được tâm địa ấy tức là Tỳ-lô-giá-na Như Lai. Trao cho nghĩa là có người truyền trao. Lại tự quán sát tu hành mà được quả ấy. Cũng như người cho là thật tự mình ngộ chớ không phải từ người khác mà được. Như tiền Tỳ-lô-giá-na ở trên đài hoa kế dùng tám cánh phương Đông quán Phật

Bảo Tràng, cũng gọi là Phật Bảo Tinh. Phương Nam là Phật Khai Phu Hoa Vương. Nhân Đà-la cũng là nghĩa vương. Nếu lại nói Vương thì bất tiện cho nên đọc tiếng Phạm. Phương Bắc là Phật Cổ Âm, phương Tây Phật A-di-đà, là cành lá bốn góc. Phương Đông Nam là Phổ Hiền, Đông Bắc là Quán Tự Tại, Tây Bắc là Di-lặc, Tây Nam là Văn-thù. Ở trong nhụy các hoa đặt Phật mẫu các Ba-la-mật Tam-muội... Phật mẫu tức là Hư không nhãn... mặt dưới của lá hoa này để các Trì Minh phẫn nộ đều ở dưới lá. Cành hoa ấy tức Kim Cang Bí Mật Chủ mà cầm xem đó là cành. Lại có vô biên đại hải chúng tức là kim cương. Cũng có các thứ cúng dường hương hoa... Nay nói lược. Văn dưới tự có đặt bày phương tiện, dưới cành hoa quán thành nước biển lớn, ngoài bờ biển làm thành Tam-muội-da nên phải làm các hoa. Vì muốn cùng tất cả nhập vào đàn nên tâm nghĩ hoa mà khiến vào. Chúng trời Địa cư đều y phương quán mà bày. Lại kế đèn hoa ở kệ dưới. Ý sinh nghĩa là hoa từ tâm sinh. Vẽ ân cần, nghĩa là người trì tụng kia bày ở thân tâm cũng như hoa nhỏ. Trên tâm Mạn-đồ-la này có Phật trong đó, nên nói Đại ngã, Đại ngã là tên khác của Phật. Tự làm, nghĩa là từ nội quán mà thực hành, để hiểu được rõ ràng. Nhưng Bí mật Mạn-đồ-la này là thầy quán đệ tử, là pháp khí thành tâm nguyện cầu sâu xa mà làm năng lực, chẳng thể đủ các duyên như trên rộng làm. Thầy được làm pháp độ này, tự trừ phải cần các duyên, chẳng được dùng pháp này. Nhưng nếu đệ tử đã được Du-già, thầy muốn khiến vào Phật hội bí mật thì cũng làm theo pháp này. Chữ La là tịnh trừ. Trước đã làm chữ A và chữ La tịnh trừ xong thì cũng như pháp tịnh trừ đệ tử ở trước, tức là như phương tiện trước mà quán lửa chữ La đốt cháy tiêu tan các chướng pháp tích nghiệp khiến dứt trừ thật sạch, rồi mới tưới nước pháp cam lộ, được ở trong tro chết mà mọc lên mầm đạo. Cho nên kế là trao chữ Ám. Thầy đương trụ tòa Du-già quán chữ A trên có thêm dấu chấm để trên đầu đệ tử, mười chữ ở trong đó, phải biết ở trên có dấu chấm, tức là nước pháp cam lộ dùng để rưới lên đầu. Tâm niệm Như Lai, nghĩa là thầy đem đệ tử vào bí mật tạng, tâm niệm Phật ba đời thực hành phương tiện, muốn cho đồng chứng đồng hộ trì thầy đã tự trụ ở tòa Du-già, đem thân tâm ấy mà làm Hải hội Phật. Chỉ riêng tự mình biết, người khác không thấy.

Kế là trao hoa cho đệ tử, khiến ném lên thân thầy mà cúng dường Phật nội tâm, mà quản bản duyên, tùy bản duyên ấy mà quán pháp ấy. Nếu Bổn tôn nhiếp thọ hoa. Ở trong đó thầy đều quán chẳng nhầm, mà đệ tử chưa được Du-già chỉ thấy trên thân ấy, chỗ ném hoa, đại khái tâm là hoa tám cánh. Từ rún đến tim làm Đài Kim Cang, rún là biển

lớn. Từ rún trở xuống là giai vị các tôn vị địa cư. Đây là nghĩa gì, nghĩa là biển lớn đại bi của chư Phật mà sinh Trí Kim Cang, từ trí Kim Cang sinh ra tất cả Phật hội. Đối với tất cả Mạn-đồ-la đây là cao nhất không gì sánh bằng. Tự thấy rồi nói với nó, nghĩa là trong tâm thầy thấy được chỗ rơi. Văn trên nói trì tụng là quán nhục thân, nội tâm chia làm tám cánh nở ra, và chữ La để ở mắt. Nếu người tu không như thế mà tu hành tự thành tựu, mà làm được bí mật độ người thì không có việc đó. Phải trước thành tựu mình, kham trụ địa vị Du-già sư, lại vì A-xà-lê mà hứa thì mới có thể làm được việc này. Nay chỗ làm này là phương tiện độ người. Nhưng người tu nếu ở đây khi tự trì tụng quán chiếu cũng phải đúng như pháp mà tu tập, dùng quán đảnh bên trong này mà tự quán đảnh, vì trừ tất cả chướng, mau nhập vào hội Phật.

Phẩm trước gọi là Bí mật, nay lại nói nhập vào, vào đây là chứng nhập mà vào. Cũng như người đã vào nhà, thì mỗi thứ phân biệt rõ ràng, ra vào tự tại, trong nhà có gì đều biết rõ, chẳng giống như người mới vào cửa.

■

ĐẠI TỲ LÔ GIÁ NA THÀNH PHẬT KINH SỚ

QUYỂN 17

Phẩm 14: BÍ MẬT BÁT ẤN

Bấy giờ, Đức Thế Tôn Tỳ-lô-giá-na quán sát đại chúng trong hội, bảo Kim Cang Thủ rằng: Bí Mật Chủ ấy có tám ấn Bí mật rất bí mật. Trong phẩm Như Lai ở trước nói: Nhập trụ pháp Bí mật Mạn-đồ-la rồi. Lúc đó, các chúng sinh trong đại hội lại nghĩ rằng: Pháp bí mật như thế là pháp rất khó hiểu, lại có tướng phương tiện đầy đủ nào khiến hạnh chân ngôn mau thành tựu hay không?

Bấy giờ, Như Lai ấy biết ý nghĩ của đại chúng rằng: Đối với bí mật này lại có rất bí mật chăng, ngang bằng với đây chăng. Vì chẳng thể lường nên không có câu hỏi, nên Phật chẳng đợi hỏi, nhưng không hỏi mà tự nói. Nói có thần nghiệm là nếu người tu, hoặc trong hoặc ngoài, khi bày ra các tòa vị của Bổn tôn Mạn-đồ-la dùng tám ấn này và chân ngôn Bổn tôn mà gia trì, thì các tôn vị ấy tự nhiên giáng xuống đạo tràng mà làm tròn các việc nguyện trong chánh hạnh của người ấy. Lại ở trong vị Bổn tôn mà có đặt các thần nghiệm đồng, đồng nghĩa là đẳng đồng Bổn tôn oai thần, xong rồi bỏ đi. Đây là tánh cảm ứng không thể suy nghĩ bàn luận. Cũng như trong gương nước lửa do mặt trời, mặt trăng ứng hiện. Còn không thể suy nghĩ bàn luận, huống chi là cảm ứng pháp giới không thể suy nghĩ bàn luận của Như Lai. Đây là A-xà-lê ấn thực hành không được tập vội vàng. Nếu người đã vào Mạn-đồ-la thì cũng chẳng vội làm như trước, huống chi là người khác làm ư?

Không phải lấy bản Chân ngôn thú này mà làm cờ nêu. Đường là như sáu đường, đây là Chân ngôn thú, gồm Mạn-đồ-la như Bổn tôn tương ưng, là như Bổn tôn có pháp như thế, ta cũng có cho nên nói là đủ. Thân mình trụ trong hình Bổn tôn, phải biết như tri kiến, như Bổn tôn vị mà được Tất-địa. Nếu người tu y tám ấn Chân ngôn và Mạn-đồ-la này mà tương ưng phối trụ vị. Nên biết đây đã gần với Tất-địa, chẳng bao lâu sẽ an trụ, như Bổn tôn trụ, là trước phối hợp với Bí mật Mạn-

đồ-la. Nếu thỉnh Bổn tôn, nghĩa là cần phải làm pháp vuông này mới được, nếu chẳng làm pháp này thì chưa tròn. Kinh này đều trước sau thành nhau chung làm một việc nương tựa vào văn. Người tu phải rất soi rõ mới biết được. Nếu khi người tu trì tụng thì cũng phải làm pháp này nghĩa là thỉnh Bổn tôn và chỗ mong muốn, thì được mau được kiến lập.

Ấn thứ nhất, là chắp tay theo cách Tam-bổ-tra, trong lòng bàn tay rỗng, hai ngón trỏ và út mở thẳng ra, các ngón khác co vào như cũ. Đây là Tỳ-lô-giá-na Như Lai Đại Oai Đức sinh ấn. Từ trong đây Như Lai Đại Oai Đức sinh ra. Đây là trí sáng của Nhất thiết trí. Mạn-đồ-la ấy làm hình tam giác, ở bốn bên lại có bốn tam giác vây quanh, nên nói là khắp.

(vẽ hình).

Trong đó, phải quán Thế Tôn Tỳ-lô-giá-na trụ ở giữa tam giác Mạn-đồ-la ấy phải quán hoa tám cánh, trên đài hoa làm tam giác Mạn-đồ-la, tức là tòa Du-già ở trước. Làm tam giác này đầu nhọn quay xuống dưới, màu đỏ. Trước nói tam giác đầu nhọn hướng lên, nay nói hướng xuống thì nghĩa có khác. Tưởng Phật ở trong đây làm ấn oai quang, chân ngôn gồm ba chữ.

Ấn thứ hai làm ấn như trước, cùng co hai ngón trỏ dùng đầu hai ngón cái hợp đều như hình chữ Phược. Đây là ấn Kim Cang Bất Hoại. Kim cang là trí Như Lai, không phải từ duyên sinh nên chẳng thể hoại, nên gọi là Kim Cang Bất Hoại. Mạn-đồ-la ấy hình tròn như chữ Phược, dùng Kim cang vây quanh.

Hỏi: Kim cang ấy cũng ở bốn bên Mạn-đồ-la như trên. Gọi chữ Phược là Mạn-đồ-la này tròn mà trắng, cũng ở trên đài hoa, trong đó có Đại Nhật Như Lai, từ sau đều bắt chước đây. Nhưng tám ấn này, trì tụng thì chỉ lấy bất cứ một ấn nào, tùy sự mà dùng. Chân ngôn gồm ba chữ.

Ấn thứ ba là làm như trước, tức chắp tay theo cách Tam-bổ-tra: Hai ngón áp út và ngón giữa đều duỗi thẳng, hai ngón cái và trỏ trước mở lớn, làm hình cắt hoa đầu tiên. Ấn Như Lai tạng này cũng gọi là ấn Liên Hoa Tạng. Mạn-đồ-la như trước làm Viên Nguyệt Luân, chỉ có bốn hoa sen vây quanh là khác nhau mà thôi. Ở trong cũng quán Đại Nhật Như Lai. Chân ngôn có hai chữ.

Ấn thứ tư, giống như ấn thứ ba ở trước, chỉ hai ngón út thì co vào lòng bàn tay, đây là ấn Phật âm trang nghiêm, cũng là ấn muôn đức trang nghiêm, cũng gọi là trong ngoài trang nghiêm. Như người thế gian có các thứ nhà cửa, y phục, đầy đủ các báu, không gì chẳng có để trang

nghiêm thì gọi là muôn đức đều đủ. Nay đây, hoặc trong hoặc ngoài các Đức Như Lai trang nghiêm đều đủ. Mạn-đồ-la hình bán nguyệt có các dấu chấm vây quanh. Các thứ khác như trước mà suy ra. Chân ngôn có hai chữ.

Ấn thứ năm, là chấp tay theo cách Tam-bổ-tra như trước nhưng hơi mở cong, hai ngón cái mở ra, hai bàn tay như bụm nước, gọi là ấn từ chi phần của Phật sinh ra, nghĩa là từ tất cả chi phần của Như Lai sinh ra. Mạn-đồ-la ấy nhừ hình cái bình, ý là lấy bụng bình làm hình tròn, dùng bốn Kim cang vây quanh. Các thứ khác như trước. Chân ngôn là ám ác.

Ấn thứ sáu như trước, hai ngón giữa hơi co tròn, đều co vào lòng tay như cái móc lưng đụng nhau, trụ ở ngón giữa này. Các ngón khác như cũ, tức giống như ấn thứ năm. Đây là ấn Trụ pháp. Mạn-đồ-la ấy như hình cầu vòng có nhiều màu xen nhau cũng như sắc cầu vồng. Hình này như cầu vồng úp, dưới bằng phẳng, trên có phướn kim cương. Từ trước, các Mạn-đồ-la đều có hoa sen, có Kim cang có dấu chấm... nay Mạn-đồ-la này đều có các tướng vây quanh để trang nghiêm xen kẽ nhau. Chân ngôn ấy nói chữ đầu tiên này làm hạt giống, tức là chữ Phược, tức không trói buộc Bột-đà Đà-la-ni là Phật Tổng Trì, Tát-một-rị-để-mạt-là Đà-na-ca-rị, là chữ dẫn tiếng, Ca-lê làm ích, tức là năng lực ức niệm, Đà-la-đà-la-da, trên là tự trì trì ta, kế là trì người khác trì tất cả. Tát-bạn-bạc-ca-phược-để là Thế Tôn, gọi là Bổn Tôn, khen pháp.

A-ca-la-phược-để là đủ hình tướng. Tam-ma-địa-tá-ha, ở đây sợ chưa xét lại bản Phạm.

Ấn thứ bảy giống như Tam-bổ-tra ở trước, dùng hai ngón cái và út hai tay đều giữ nhau trong lòng bàn tay, mở ra ba ngón trỏ, giữa, áp út chụm đầu vào nhau, hai ngón út ở trên ngón giữa.

Mạn-đồ-la hình hư không, đây là sắc hư không, như trong hư không gồm có tất cả sắc tượng. Trí Đại Không của Như Lai gồm tất cả pháp, hai bên đều có một dấu chấm kẹp lại. Chân ngôn là có một chữ, đây là hạt giống. Hạnh một chữ này. A-phệ-đà nghĩa là đủ tất cả trí, tức là trí đã chứng. Phất-đề tức là tuệ đầy đủ, đem bố thí cho người khác.

Tá-ha là ấn thứ tám, chấp tay lại, chuyển tay trái (khi chuyển thì tay phải úp, tay trái ngửa) kế chuyển tay phải (khi chuyển thì tay trái úp, tay phải ngửa). Đây là Như Lai tấn tật trì ấn, nghĩa là sứ thần thông bí mật của Như Lai, nghĩa là sức trì nhanh chóng. Mạn-đồ-la đồng với hư không ở trước, chỉ đổi màu xanh dùng nhiều chấm trắng vây quanh.

Chân ngôn là một chữ, thêm Tam-muội là hạt giống Du-già Đại Du-già nghĩa là chư Phật Du-già.

Chân ngôn chủ Ma-ha-du-kỳ-nhĩ này trụ ở Du-già, ai chưa được Du-già thì sẽ được, nghĩa là trao nguyện cho người tu hành ở Du-già mà được tự tại. Du Nghệ Tiên Phạt Rị Khiếm là không, xà-rị là sinh, tức là không sinh. Ca là làm, tức làm cái này, sinh là ở không. Kê-tá-ha.

Lại nữa, thứ nhất phương Đông Bảo Tràng Phật, thứ hai phương Nam Khai Phu Hoa Vương Phật, thứ ba là phương Tây Phật A-di-đà, thứ tư phương Bắc Phật Cổ Âm, thứ năm là Đông Nam Bồ-tát Phổ Hiền, thứ sáu Tây Nam Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, thứ bảy Tây Bắc Bồ-tát Di-lặc, thứ tám Đông Bắc Bồ-tát Quán Tự Tại. Phải biết tám ấn này đều là ấn Tỳ-lô-giá-na. Như ấn phương Đông tức là Bảo Tràng Phật Ấn, cũng là Ấn Đại Nhật Như Lai, bắt chước theo đây.

Trong kinh, kế là răn A-xà-lê phải trao pháp, nếu chưa quán đảnh thì tất cả chẳng được bày. Kế là nếu người đã điều nhu, kế là người siêng năng tinh tấn có nguyện bền chắc, nghĩa là làm phát sinh siêng năng tinh tấn tự có thể phát ra vô lượng thệ nguyện rộng lớn. Kế là cung kính Sư trưởng, nghĩa là là như kinh Pháp Hoa nói: Thân làm giường tòa. Lại người nhớ nghĩ ân đức, người thanh tịnh, người xả bỏ tự thân. Tuy nhập vào Mạn-đồ-la nhưng phải có các đức như thế mới nói cho nghe được. Không được vội bày cho người. Vì sao? Vì đây là yếu bí tạng của Niết-bàn. Ở chỗ dạo chơi chẳng nên tuyên truyền gian dối. Đây cũng là Phật dạy cho A-xà-lê. Nếu vị đệ tử chưa được cho pháp thì, chắc chắn chẳng ở lời nói có hạn, làm sao có thể vọng nói khiến nó chê bai, tự vời lấy tội đọa địa ngục Vô gián. Sáu tháng là nêu số, trước sáu tháng chẳng thành thì lại làm sáu tháng nữa, dần dần cho đến lúc nào được thành mới thôi. Nếu nói ba tháng cũng có thể hiểu. Trước trì tụng kinh sáu tháng, nếu không tướng lại trải sáu tháng nữa, nếu có tướng rồi mới làm thành tựu. Nếu bí mật giải thích thì sáu tháng là thanh tịnh sáu căn. Nói ba tháng là thanh tịnh thân, miệng, ý.

Phẩm 15: TRÌ MINH CẤM GIỚI

Bấy giờ, Kim Cang Thủ vì các Bồ-tát tu hạnh chân ngôn sẽ có pháp trì minh cấm giới cũng chưa nói nhân duyên ấy kế đó lại dùng kệ hỏi Phật. Cho nên nói phúng tụng. Nhưng giới thì tiếng phương Tây có hai: Một là giới tu hành, nghĩa là tịnh thân, nên là Thi-la; Hai là Một-lật-đa, Thi-la là giới, có hai tức là bản tánh giới và chế giới. Tánh giới tức là thanh tịnh các căn, nay Một-lật-đa phải thành tựu, cho nên là chế. Phục gió riêng ở sau... Như luật do việc mà chế. Nay trong khóa giới là cấm giới, hoặc gọi là chế giới đều là Một-lật-đa, là giới giữ gìn hàng ngày Một-lật-đa là giới nguyện có thời gian. Nghĩa là khi người tu trì tụng hoặc tâm một tháng cho đến cả năm, việc này hiểu rồi thì giới cấm này cũng bỏ, cho nên không có đại danh. Nay đây trong câu hỏi hỏi đủ hai nghĩa. Trước hỏi thế nào là chế giới, tức là hai thứ trên vì sao phát khởi.

Kế là hỏi tu hành như thế nào, nghĩa là biết rồi thì tu bất cứ chỗ nào cũng được. Làm sao tu hành không đắm trước, là trụ xứ mà tu hành. Ý trong câu hỏi là các pháp vắng lặng vô tướng, không có tướng năng tu sở tu. Nếu có chấp trì tức là có chấp đắm. Nay vì sao đối với tu hành mà ngay vô trước liền thành đại quả, kế là hỏi tu hành có thời gian hay chăng? Như giới thế gian thì có thời hạn, cho đến Thanh văn thọ giới cụ túc thì suốt đời. Nay đây nói có giới hạn chăng? Nhưng ý hỏi giới này đã là từ duyên mà được, tức là có trước sau, song pháp vắng lặng không có trước sau thì làm sao tương ưng. Nếu nay có trí lấy gì làm hạn lượng.

Lại nữa, vì sao trì giới mà thêm lớn oai đức, nghĩa là nay y chỉ chỗ nào, làm sao tu hành, dùng pháp gì mà khiến oai đức này thêm lớn, đồng với Như Lai tất cả oai đức đều thành tựu. Lại hỏi trì thời phương giới này. Hỏi lúc nào được lìa đây... thế nào là thời phương tác nghiệp pháp và phi pháp? Phải ở lúc nào mà được lìa. Nhưng giới của Phật tức là tuệ tự nhiên của Như Lai, chẳng phải thời chẳng phải phương: lìa pháp và các tác nghiệp. Nay hỏi lúc nào được lìa các việc này mà vào một tướng. Thời nghĩa là các hạn định một tháng một năm một ngày một giờ. Phương nghĩa là chỗ ở. Chỗ nào có thể tu là nói ở chỗ nào, làm sao mau được thành tựu, cúi xin Phật nói sinh, già, bệnh, chết, nghĩa là sự lượng nhanh chóng.

Đã hỏi trước sau, kế hỏi về lượng.

Hỏi: Giới lìa tướng này lượng nó bao lâu thì được?

Kim Cang Thủ nói: Ta lúc quá khứ đã có trước ở chỗ Phật, đã hiểu

rõ pháp này, nay vì người tu hạnh chân ngôn khiến nó ở vị lai mau thành tựu giới Như Lai mà nêu câu hỏi này, không phải vì có cầu khác hay vì danh lợi. Nay ta thành thật nói tâm này là có người chứng biết chăng. Chỉ có Phật làm chứng, thâm tâm ta chỉ có Phật tự biết. Đã có Lưỡng Túc Tôn làm chứng rồi, kính thỉnh Đức Thế Tôn nói cho con nghe. Đây là vị chúng sinh vị lai. Chính là Nhân Trung Tôn (Thế Tôn) tức chỉ cho Phật. Như pháp tướng mà chứng nên nói như chỗ chứng. Từ trên phàm có năm bài tụng là hỏi.

Lúc đó, Đại Nhật Như Lai nghe ông ấy phát hỏi chư Phật trì minh giới, nên khen rằng: Lành thay, lành thay! Rất mạnh mẽ. Nay Phật vì ông ấy, vì tất cả chúng sinh mà hỏi, do đó lại vì tất cả chúng sinh mà khen. Dõng là dứt trừ tất cả chướng cho mình và người. Lại siêng năng tinh tấn tự tâm không ngơi nghỉ ở trong sinh tử mà không chán lười, dứt trừ tất cả giặc vô minh, vì có nhiều nghĩa nên gọi là rất mạnh mẽ. Cũng thực hành nguyện lớn cầu đại pháp, khởi đại hạnh, thành việc lớn, đó gọi là khiến cho khắp tất cả chúng sinh nhập vào tri kiến Phật nên gọi là Đại sĩ. Hữu tình tiếng Phạm gọi là sách-di (tác), nghĩa là mê trước như người thế gian mê đắm, thân tâm chẳng tạm lìa. Nay Bồ-đề sách-di cũng thế. Giữ chắc hạnh Đại Bồ-đề này cho đến không có một niệm ngơi nghỉ, một tâm buông bỏ, nên gọi là sách-di lại gọi Tát-đỏa là nghĩa hữu tình, vì ở trong hữu tình mà tu được đạo Vô thượng, gánh vác tất cả chúng sinh khác tức là ở trong chúng sinh không ai cao quý hơn nên gọi là đại hữu tình. Chúng sinh từ chỗ chấp trước, nay có thể tự thoát ra lại khiến người khác thoát ra nên gọi là đại hữu tình. Vì giữ gìn Bí mật của Như Lai nên gọi là Kim Cang Thủ, lại gọi là đại phước đức, là Phật khen công đức tên khác của Kim Cang Thủ, khen có phước đức tức là chứa nhóm công đức của Như Lai. Từ đây trở đi Phật cũng dùng kệ đáp.

Trước Phật giảng nói chỗ chế giới thù thắng, Phật lại dẫn Phật làm chứng: Giới này Phật quá khứ đã nói, nay ta cũng nói như thế. Pháp rốt ráo đạo của chư Phật là đồng nhau, cho nên dẫn đây chứng minh là không hai đạo. Nói chế giới phát trì, chế giới Chánh giác trụ. Do giữ giới này phát khởi hạnh chân ngôn mà được Tất-địa, tức vì trụ minh giới này đồng với Chánh giác, Chánh giác là tên khác của Phật, vì hành đạo Như Lai đã làm, tức đồng với Phật, vì tu hành đây mà người đời nay được thành quả Tất-địa. Ở đây đáp vì sao trụ giới. Ý Phật nói: Như giới Phật đã trụ, người tu cũng phải như thế mà trụ, tức là vì ba bình đẳng, vì phước trí thêm lớn mà Tất-địa được thành. Từ chân ngôn mà khởi không

nghi ngờ lo lắng. Phải tu cấm giới nếu được đẳng dẫn tự chân ngôn thật, nghĩa là tự trì chân ngôn thủ ấn tưởng Bổn tôn. Nhờ chuyên niệm nên thấy được Bổn tôn. Bổn tôn tức là Lý chân thật. Không phải chỉ thấy Bổn tôn mà thôi. Lại như thật quán thân ta tức đồng với Bổn tôn, nên gọi là chân thật. Đây có ba phương tiện bình đẳng. Thân tức là ấn, ngữ tức là chân ngôn, tâm tức Bổn tôn. Ba việc này quán sát chân thật rốt ráo đều là ta. Ba thứ bình đẳng này không khác với ba bình đẳng của tất cả Như Lai, cho nên chân thật. Khi người tu tu hành thì tin chắc chắn được vào biển đại hội Phật, nếu có nghi thì hạnh chân ngôn chẳng bao giờ thành, cho nên phải càng khuyên răn chẳng để nghi ngờ. Vì vô ngại mà được đẳng dẫn, đẳng dẫn tiếng Phạm là Tam-ma-tư-đa, tức là pháp ba bình đẳng dẫn là nhiếp tất cả công đức, nhiếp ở thân mình cho nên nói đẳng dẫn. Nêu ba bình đẳng này tức là nhiếp khắp tất cả công đức. Chiếu ba sự rốt ráo đều đẳng nhiếp vào tự thân, nên gọi là đẳng dẫn.

Lại định tuệ đều hợp thành một nên gọi là đẳng dẫn. Trụ được chân thật như thế cho đến đẳng dẫn tức trụ giới của Phật. Tâm pháp Bồ-đề tu học nghiệp quả, nếu một tướng hòa hợp thành nghiệp lìa giới thì chẳng khác trí Phật. Giới tất cả pháp mà được tự tại, tâm Bồ-đề tức là Chánh Nhân Như Lai. Pháp là tâm pháp tức là tự tại lực của tất cả địa Ba-la-mật. Tóm lại, pháp tất cả công đức đều là đó. Pháp này đều là quyến thuộc của Phật, cũng là quyến thuộc của tâm Bồ-đề, như đài hoa có cánh có nhụy. Diệu quả này là đồng với Phật, gọi là nghiệp, thì một bề là nghiệp lành, tức là diệu nghiệp của Như Lai. Lấy đây tu hành thì đồng với Phật. Từ khi mới phát tâm cho đến Giới và Nghiệp đều đồng với Phật. Phật lìa tất cả tướng mà trụ vào tịnh giới, đó gọi là lìa các tướng, tất cả là một vị, nếu lìa tất cả tướng mà trụ vào giới được như thế thì giới này tức là giới Phật, nghiệp đã làm tức là nghiệp, quả Phật được là quả Phật, vì nhất tướng vô tướng lìa tác nghiệp. Nếu người tu phân biệt đây là giới, đây là người trì giới, đây là giới được trì, vì chẳng chân thật nên có sở đắc, tức không phải trì giới Phật. Lại giới này tức là Tuệ Vô Sư của Như Lai. Do trụ vào trí Như Lai nên đối với tất cả pháp được tự tại. Vì đối với pháp được tự tại nên soi rõ tất cả tánh chân thật của chúng sinh, cũng như thật làm lợi ích, khiến tất cả đều đồng với ta. Do trụ giới này nhiếp tất cả pháp nên gọi là Tự tại. Tự tại tức là nhiếp lấy, nghĩa là tự được pháp lạc, lại làm lợi ích người khác. Cho nên khế kinh nói: Trong nghĩa có tánh mà thông suốt nghĩa, tức là khéo làm lợi ích, tức gọi là nghĩa lợi thường không mê đắm mà tu hành thì đồng với ngói đá các báu. Nghĩa là tự được tất cả pháp, tự tại cũng lợi ích chúng sinh,

lìa các thứ pháp và phi pháp, thấy rõ khác nhau, tâm không chỗ trụ. Do không trụ nên đồng với báu thô ác và diệu trân, tâm không thêm bớt.

Bấy giờ, người tu quán năm tội nghịch của Xiển-đề không khác với công đức của Như Lai, chẳng sinh thêm bớt, huống chi là có dư ư? Nếu quán về tất cả phiền não nghiệp ác cùng công đức của Như Lai đều chẳng sinh lấy bỏ, huống chi là ngói đá và ngọc vàng.

Kế là đáp lượng trì giới. Đã có thỉ (bắt đầu) thì có chung (kết cuộc) cho nên Phật đáp cho đến Lạc-xoa là thấy, tụng số chân ngôn thường, đúng lúc Nguyệt cấm mà thôi. Như cạn lược có trì chân ngôn với từng ấy số, nghĩa là một khắp mười khắp cho đến lạc-xoa, hoặc một đêm, một tháng cho đến một năm. Cho nên nay Phật ở trong đây nói phải đến lạc-xoa là cuối cùng Lạc-xoa: nếu cạn lược thì nói là mười muôn biến, nay ở đây thì không như thế, lạc-xoa là thấy, nếu khi thết thật thì hạnh chân ngôn này liền được xong xuôi, nếu chẳng như thế thì không có nghĩa nghỉ giữa chừng. Không phải như người đời trì tụng ngang chừng ấy.

Bấy giờ tức là bắt chước tìm nhánh ngọn, song trì tụng trong đây phải như trên, trước thực hành ba phương tiện, tức là chân ngôn thân ấn và quán Bổn tôn. Khi thấy Bổn tôn thì tâm tương ưng mà trụ vào không có, hay động loạn. Lại quán chân ngôn thọ trì, từ tâm Bổn tôn tuôn ra mà vào miệng, cũng như tua nhụy hoa không dứt. Tức là dùng công đức Phật như thế mà tự làm tròn đầy thân mình, cũng chẳng từ thân lại tuôn ra. Nhưng khi sắp xong thì tự có tướng hiện, hoặc tự tâm bị các thứ bệnh khổ mà được chóng lành, hoặc các sâu nhỏ không ở trong thân. Vui mừng sạch sẽ không có các nhơ uế. Hoặc trước là độn căn tuệ kém mà nay liền được tổng trì chẳng quên. Đối với bất cứ một chữ nào mà diễn bày nhiều nghĩa. Cho đến hợp kệ phúng tụng tâm không nghi ngờ. Đây là tướng ở trước cho nên Phật nói nếu khi thấy mới xong. Lạc-xoa là nghĩa thấy, cũng là nghĩa thành tựu. Người tu tâm, trụ Tam-muội thấy được Bổn tôn. Trụ trong chánh định. Dù cho núi Diệu Cao có rung chuyển sụp đổ thì cũng không thể lay động tâm mình, hoặc các tướng lạ. Như trong trường Bồ-đề, việc ma đáng sợ cũng có thể an tâm chẳng sợ. Cho đến cung Ma các thể nữ xinh đẹp cũng chẳng thể làm nghiêng động ý chí của họ, khiến sinh ra tạp niệm. Vì sao? Vì trụ vào chỗ giữ giới chân thật. Phải biết lúc đó cách thấy đạo không xa. Lúc đó tất cả vị ăn uống dù đắng cay khô cứng cũng đều như cam lộ. Dùng các duyên này mà làm vui thân, vị năm dục thô xấu cũng không thể dời. Ấy là dứt tướng tham, về dứt tướng sân thì người tu sáu căn dù thanh tịnh, cũng

như đi ngang chỗ hoang vắng lúc đang khô nóng, ánh mặt trời nung nấu cát đá, bỗng gặp suối mát mà tắm gội.

Bấy giờ, các tâm giận dữ chẳng thể quấy nhiễu. Lại nữa, vàng đá tức là ba bình đẳng. Số ngày tháng đều là hạn trì tụng. Lại lạc-xoa nghĩa là đóa, như trung tề nếu trụ trong đế lý nhậm vận tương ưng thì đó là nghĩa lạc-xoa. Như nghĩa tập bấn trong kinh Thủ-lăng-nghiêm Văn-thù.

Lại nữa, như trên nói: Một vị một vị thấy chân thật khó tin khó hiểu. Như Lai lại dùng phương tiện khác pháp trì tụng thế gian mà giúp thấy chân thật. Cho nên kế là nói pháp trì tụng sáu tháng. Nhưng đều là bí mật rốt ráo chẳng khác với trước. Tháng thứ nhất phải quán Kim cang, là Mạn-đồ-la vuông màu vàng, quán thân mình ngồi trong ấy, tức dùng tự thân làm chữ A, chữ hình vuông màu vàng, phải khiến đầy đủ trong thân không thiếu, cả mình đều là chữ này, phải kiết ấn năm nhánh Kim cang, chẳng cần lần chuỗi, bắt ấn ấy thì chấp tay bộng ruột, co hai ngón áp út lấy ngón phải tréo ngón trái trong lòng bàn tay (tréo bốn ngón út và áp út trong lòng bàn tay), thò hai ngón cái ra, hai ngón trỏ co lại để vào lưng ngón giữa, tức là ấn Kim Cang Thủ. Trong một tháng chỉ uống sữa chẳng ăn vật gì khác, chỉ quán chân ngôn từ rún mà ra, rồi vào mũi giống như điều hòa hơi thở không khác. Bấy giờ, chỉ quán chân ngôn này mà thở gấp, màu nó cũng vàng. Nếu quán chân ngôn thì dùng mỗi câu làm một hơi thở. Nếu quán chữ hạt giống thì thở không cho đứt quãng.

Tuy nói một tháng, nhưng đến mười, trăm cho đến, một lạc-xoa tháng phải lấy thấy làm kỳ hạn. Lại nữa, một tức là một tướng một vị, thấy đây là tròn một tháng... Kế tháng thứ hai trụ ở Thủy luân. Luân ấy tròn mà màu trắng, tư tưởng thân mình ở trong đó. Như phương tiện trên tay bắt ấn Liên Hoa, hai ngón út và hai ngón cái làm đài, ba ngón kia mở ra để hai ngón trỏ và giữa hợp nhau, tức là ấn Quán Âm ở trước. Quán thân mình làm chữ Phược màu trắng, cũng dùng Bạch chân ngôn làm hơi thở ra vào. Hỏi là quán tôn chữ Phược hay hạt giống được trì là màu trắng. Là ấn Nguyệt Kiết Liên Hoa. Trong vòng hai tháng chỉ uống nước mà thôi, không ăn thứ gì khác, gọi uống nước là chỉ dùng nước chân ngôn này vào hơi thở, chữ sữa trắng làm thức ăn. Nếu người tu tương ưng thì tự được pháp vị khi trì không tưởng các thứ ăn uống khác, chỉ có vị pháp hỷ đầy khắp thân mình mà ngồi trang nghiêm ở trong đó. Khi ấy, chỉ quán chữ này, chẳng quán tượng Bổn tôn. Tháng ba ở trong Hỏa luân, tức tam giác đỏ Mạn-đồ-la trụ vào thắng thượng

Hỏa luân, quán trong ấy lấy chữ La làm thân, làm ấn Tuệ đao, tức là chấp tay theo cách Tam-bổ-tra, có hai ngón trỏ giữ hai ngón cái, hơi thở ra màu đỏ. Ba tháng nghĩa như trước, tức ba tháng ba mươi ngàn ngày, ba ngàn ngày lấy thấy rõ làm kỳ hạn. Trong ba tháng này chẳng cầu tất cả việc ăn, nghĩa là không được khất thực. Nếu có người bố thí thì được tùy ý ăn, không người thí thì không ăn, chỉ dùng chữ La làm thức ăn. Dùng phương tiện này đốt hết tất cả tội chướng, không để dư sót. Vì nghĩa này mà tất cả tối hết sáng thành, tức Phật Tuệ là sáng. Bị là cụ bị (đầy đủ) dùng ấn này... Tháng thứ tư ở gió luân là mặt trăng nghiêng, ở trong sắc đen, dùng chữ Hạ làm thân, thở ra vào như trên nói. Trong một tháng này chỉ ăn gió mà trụ, không ăn gì khác uống gió này, cũng dùng chữ Ha thở ra vào mà ăn, không phải như ngoại đạo uống khí mà sống. Phải bắt ấn Chuyển pháp luân. Đây tức là phản thủ tương xoa (chấp tay tréo ngược lại), trước đã làm, cái này khó làm. Tháng thứ năm từ Kim luân đến Thủy luân đồng với chư Phật, để Kim cang trong Thủy luân, tức làm Mạn-đồ-la vuông vàng, trong có Mạn-đồ-la tròn trắng, thân ngồi trong đó từ rún trở xuống màu vàng, chính giữa trở lên màu trắng, không bắt ấn. Dùng hai chữ A-phược, các thứ khác như trên. Trong tháng thứ năm này chẳng được ăn, tất cả đều không ăn, nghĩa là dứt ăn tất cả. Chỉ dùng hai chân ngôn làm hơi thở ra vào mà ăn. Từ tháng thứ năm trở đi tu hạnh vô trước lìa ngã, đồng với một tướng vắng lặng, tức đồng với Phật. Tháng thứ sáu ở Gió hỏa luân trừ tất cả chướng, cũng là trong Gió luân có Hỏa luân, y cứ theo việc trên mà biết. Dưới là gió, từ rún trở lên là hỏa, dùng chữ Ha-la làm ăn, được và chẳng được đều không ăn tất cả. Bỏ hết lợi dưỡng. Kế Phật nói công đức ấy. Người tu dùng phương tiện này mà làm. Tất cả tiếng Phạm giải thích là tám bộ rồng quỷ, ở xa kính lễ mà cùng ủng hộ, cùng đến trước mà vâng làm giáo mệnh. Cho đến thần Dược-xoa cũng đến hỏi chỗ muốn cung cấp. Các Tiên Trì Minh trụ ở hai bên. Tất cả quỷ dữ La-sát thất mẫu làm hại người cũng ở xa mà kính lễ, thấy thân mình như lửa đại kiếp ánh sáng rực rỡ, tùy tất cả nguyện lành đều tự tại thành tựu. Các thứ làm chướng đều chẳng tiện lợi. Cũng như có Đại Cát Tường Kim Cang, Quán Âm, Văn-thù... không khác.

Phẩm 16: A-XÀ-LÊ CHÂN THẬT TRÍ

Ở trên tuy nói rộng tướng đệ tử của A-xà-lê và phương tiện làm Mạn-đồ-la độ đệ tử... Bấy giờ, Chấp Kim Cang kế lại hỏi Thế Tôn Đại Nhật các tâm chân ngôn Mạn-đồ-la, nhưng đối với tướng A-xà-lê chân thật cũng chưa nói rộng. Nay Kim Cang Thủ sẽ làm đầy đủ nghĩa vị ấy. Kế lại hỏi thế nào là tất cả tâm chân ngôn, trì pháp nào, dùng phương tiện gì mà được gọi là A-xà-lê? Lại tụng trì các tâm chân ngôn nào mà được gọi là A-xà-lê? Kế Phật vì Kim Cang Thủ mà lập ra tất cả gốc lành chúng sinh thực hành đầy đủ hạnh chân ngôn mà quán câu hỏi này, làm vui tâm ý, cho nên khen ngợi. Biết tâm chúng ấy muốn nghe pháp mà hỏi. Nên khiến vui mừng. Vĩ-phù là tên khác của Phật, cũng là nghĩa Pháp vương. Nghĩa là tiếng tiện lợi nên dùng âm này mà gọi. Lại tâm chân ngôn, tâm này tiếng Phạm là tâm Hãn-lật-đà, tức là tâm chân thật. Từ trên đến đây đều là kệ hỏi đáp, nay cũng là kệ. Kế đáp nói cao quý nhất trong các Bí mật. Chân ngôn trí là trí cao tột nhất không gì hơn trong các trí. Nay ta sắp nói pháp này, các ông phải một lòng lắng nghe kỹ. Kế nói Phật tử: Lành thay lành thay! Đại hữu tình. Phật khen Kim Cang Thủ muốn cho đại chúng ấy vui mừng nên nói như thế. Nghĩa là kế hỏi gì thì đáp ấy. Bí có tướng Tối bí từ tâm chân ngôn sinh ra trí. Trí này rất rộng lớn, nên gọi tất cả tâm, tức là chữ A. Vì tất cả tiếng nói đều từ chữ này làm đầu. Nếu không có tiếng A này, tức là lìa tất cả tiếng mà không thể nói. Phải biết tiếng mở miệng tức là tiếng chữ A. Văn trên là Nga-nhã Noa-na-ma. Tuy nói lìa tiếng A, nhưng A có trong ngoài. Nếu không có tiếng ngoài cũng không được lìa tiếng trong chữ A. Tiếng trong tức là tiếng A trong cổ họng. Phải biết chữ A này tức là nghĩa tất cả pháp vốn bất sinh. Nếu thấy rõ bản thể chẳng sinh lìa nhân quả như thế, thì được thường trụ bất sinh. Tâm chân ngôn này tức là nghĩa vô lượng chỗ, khắp sinh tất cả pháp thế gian và xuất thế gian, lìa tất cả hý luận. Đối với các hý luận dứt hẳn mà trĩ khéo léo sinh ra. Trí này tức là trí Xa-ma-tha Trì-bát-xá-na, từ trí này mà có vô lượng tuệ phương tiện sinh, vì lìa phân biệt hý luận nên ở khắp tất cả chỗ. Trí Diệu Xảo tức là tên khác của Nhất thiết trí. Những gì là Bí mật chủ, thế nào là chữ A? Là tất cả chân ngôn tâm. Tất cả chân ngôn tâm tức là Phật, lại tự nêu câu hỏi mà đáp. Nhưng chữ A này tức là đồng hạt giống, như thế gian, Phật Lưỡng Túc Tôn nói chữ A gọi là hạt giống. Hạt giống sinh ra nhiều quả, mỗi quả lại sinh trăm ngàn muôn thứ. Cho đến xoay vần vô lượng chẳng thể nói. Nhưng thấy tử thì biết quả. Nhân

đã như thế thì phải biết quả sẽ như thế. Nay chữ A này cũng thế từ trí căn bản tự nhiên vô sư này mà tất cả trí nghiệp từ đó mà sinh. Bày các chi phần, chi phần tức là tự tâm. Do tâm nay nhiếp tất cả thân phần, lìa tâm thì không thân, lìa thân thì không tâm, cũng đồng với chữ A, cho nên văn nêu lẫn nhau. Nếu bày đây tức là đồng chư Phật, nghĩa là từ chữ có quả, quả tức là Phật. Hay Chánh biến tri nên gọi là Chánh giác. Do biết lý tánh chữ này mà được gọi là Như Lai. Lý tánh chữ này tức là tâm này vốn bất sinh. Cho nên tất cả như thế, nghĩa là đều đồng với chữ A, đều là các chân ngôn. Và an trú chi phần, nghĩa là tuy thêm các chữ thì cũng có chữ A ở trong đó. Lại trụ khắp ở chi phần, chữ A làm tâm. Như người có tâm thì biết khắp chi phần, tâm này đều chịu khổ vui. Chữ A cũng khắp tất cả chi phần. Nhưng tức là nghĩa tâm này vốn bất sinh. Phật Lưỡng Túc Tôn nói thế nên tất cả chi phân an trú. Chi phần bày ra như tương ưng y pháp tất cả khắp trao. Kế là khuyên người tu phải bày trong chi phần, nghĩa là bày ở trên tim. Tiếng Phạm gọi là A-già-la. Chữ A trùm khắp tất cả chữ. Nếu không có chữ A thì các chữ chẳng thành, nên phải có chữ A. Nếu chữ không đầu thì chẳng thành chữ. A là đầu, khắp là khắp tất cả. Tất cả có sự lý, nghĩa là lý chứng của nói năng. Lý chân ngôn đều khắp cho nên lại nói tất cả. Chữ A này như chi phần thân người và nội tâm, chữ A này trùm khắp tất cả. Nếu bày tất cả chữ mà không có thân tâm tức chi phần chẳng đủ, là chi phần của thân ấy. Y pháp như lý là bày tất cả chỗ, khắp là bày khắp. Tuy chưa thể bày khắp tất cả chữ vì chữ A này làm đầu tiên thì hiền tức là bày khắp tất cả chữ. Nhưng chữ A này hay nói tất cả tiếng thế gian, lại do tiếng nói này mà hiểu tất cả lý xuất thế gian. Vì sao? Vì nhân cốt yếu chữ A này sinh tất cả tiếng nói thế gian. Nhưng tiếng nói này không lìa chữ A. Vì chẳng lìa chữ A, liền biết là chẳng lìa pháp thể chẳng sinh. Cho nên nhân tự môn A mà có tất cả pháp thế gian. Nhân tất cả pháp thế gian mà được ngộ tự môn A. Lại vì tâm này tức là trùm khắp tất cả thân phần, cho nên tùy bày ở chi phần của thân, tức là y pháp như lý bày qua các chi phần, cho nên khắp tất cả chữ, cũng khắp tất cả trong ngoài thân. Cho nên nay lý ứng khắp nghĩa là cùng hòa hợp. Cũng như chữ A này trùm khắp tất cả chữ, tức là hòa hợp. Tức chữ Rị-bí này thêm chữ A, nhưng chữ Ca... Nếu miệng không có tiếng A thì chẳng thành chữ. Phải biết chữ này vốn không nói đức danh tự, nhân chữ A mà có. Như người không đầu thì tất cả chi phần đều chết, chữ Ca này cũng như thế. Nếu chẳng dùng chữ A làm đầu thì chẳng thành cũng chẳng có tên gọi. Cho nên chữ A là mạng sống. Rị-bí được... tiếng Tam-muội cũng do

định mà phát khởi. Nếu chữ Ca không có chữ A thì chỉ ở trong cổ họng mà làm tiếng y ngắn thì nói chữ Ca không thành, vì thân chữ A liền thành Ca. Phải biết chữ A này bất sinh, Ca là vô tác, nghĩa là tương ưng hòa hợp mà thành. Bắt chước theo kinh văn đây vì thế trùm khắp các thân, sinh ra các thứ, các thứ này là Tỳ-thấp-phược, nghĩa là khéo, sinh các pháp không thể suy nghĩ bàn luận, trùm khắp tất cả thân phần. Chữ tiếng Phạm có hai âm: Một là A-sát-la là chữ căn bản, hai là Rị-bí-bệ là chữ tăng thêm. Căn bản tức là chữ gốc, như chữ A hai âm đầu tiên, tức là căn bản. Kế từ y, y cho đến ô, áo gồm mười hai chữ là từ chữ gia tăng mà sinh, đều là tiếng nữ. Chữ căn bản là tiếng Nam. Tiếng Nam là Tuệ, tiếng nữ là Định. Chữ căn bản ở khắp tất cả chỗ căn bản là tăng thêm không khác nhau, đều dùng chữ căn bản mà thêm dấu chấm, cho nên căn bản tăng thêm chẳng phải một mà cũng chẳng phải khác. Cũng như bình đựng đầy nước, nhân bình giữ nước, nước chẳng lìa bình. Ở đây cũng thế, cùng giữ gìn nhau khắp trong ngoài. Tương ưng tiếng Phạm là Du-kỳ, tức nghĩa chữ A tương ưng nghĩa Du-kỳ. Không phải chỉ có chữ A trùm khắp tất cả chỗ, mà từ Ca-khư... cho đến Tá-ha cũng trùm khắp tất cả chỗ. Vì sao? Vì những chữ này đều là âm căn bản, âm căn bản tức đồng với chữ A. Như chữ Ca... đều từ chữ tăng thêm sinh ra, như trong chữ Ca có kế, kê, cự, cu, kê, cái... đều là tiếng nữ. Nhưng trên thể chữ A lại thêm nét thì thành chữ tăng gia, thể nó là tuệ mà thêm nét là định. Định tuệ nương giữ nhau, hợp thành một thể chẳng mất. Chỉ quán song hành cũng trùm khắp tất cả địa, tăng gia khắp ở căn bản, căn bản khắp ở tăng gia. Tư sinh khắp ở hạt giống, hạt giống khắp ở tư sinh. Lại chữ A này, từ chữ có tiếng như từ một chữ A, trong tất cả tiếng nói đều có tiếng A, chẳng được lìa chữ này, từ chữ biểu thị mà có tiếng sinh, vì có tiếng nên sinh ở chi phần tiêu biểu cho tất cả pháp xuất thế gian. Nếu chỉ có chữ ấy không thể giải thích, tiêu biểu cho lý, phải nhờ âm thanh, lời nói mà có chỗ tiêu biểu nghĩa là đỏ, xanh, vàng, trắng, Đông, Tây, Nam, Bắc, lớn, nhỏ, vuông, tròn, trên, dưới, tôn, ty... tất cả việc mới hiểu rõ được. Từ chữ A mà sinh ra tất cả tiếng nói năng. Phải biết tiếng này biểu thị cho các thứ khác nhau, đã từ nghĩa vốn bất sinh mà sinh. Khi thấy nó sinh biểu thì liền hiểu nó vốn bất sinh. Cho nên khi tiếng phát ra thì lý tánh hiển sáng, vốn bất sinh tất cả mà từ pháp duyên sinh, cùng nhau sinh ra, cùng nhau biểu giải. Chữ A này chẳng phải ở khắp thân phần, nhưng tất cả chẳng phải thân cũng đều cùng khắp. Cho nên từ tâm chữ A này sinh ra các thứ công đức. Nay muốn nói pháp môn chữ bố này vì khiến người tu tức ở thân mình mà sinh ra tất cả công đức Như

Lai. Cũng như gieo giống rồi thì vô lượng hạt quả xoay vần sinh nhau. Cho nên lại khuyên người tu lắng nghe nhận lấy.

Kinh nói: Phật tử hãy lắng nghe. Phật tử này phải lắng nghe kỹ, nay ta nói chữ Bố này nghe tâm kinh. Bố là chữ, Tâm là nội tâm. Tiếng Phạm gọi là Tô-đa-la là nghĩa trước (mang). Mang lấy pháp vi diệu, nên gọi là Tô-đa-la. Lại Tô-đa-la là bỏ tà về chánh, nên gọi Tô-đa-la, lại có nghĩa là cầu khắp. Kế là Phật đáp: Tâm tâm sắp bày các chi phần khác, như thế tất cả đều thành Phật, tự trụ ở tòa Du-già dùng tâm mà bày tâm, thứ khác là bày chi phần như thế, làm tất cả tức là đồng với tự thân ta. Làm nghĩa là đặt để, tức là làm như thế. Bày ở tâm nên gọi tâm tâm, tức là ý và mạt-na. Nay nghĩa trong đây có khác. Nghĩa là chữ A mà bày ở tâm người tu. A là tâm tất cả pháp, mà bày ở tâm, nên gọi tâm tâm, cũng như đây là đầu tiên nên trước bày ở tâm. Tâm là chủ tất cả chi phần, chữ A cũng như thế, là chủ tất cả chân ngôn. Đã bày cảnh này, ngoài ra các chữ khác đều bày ở tất cả chi phần, như phẩm sau sẽ nói. Nhưng pháp bày chữ A này tức là văn trước đã nói. Trước quán tâm ấy tám lá nở ra mà đặt chữ A trên ấy, chữ A này tức có ánh sáng phát ra, dùng tâm nhiễm dục của người tu mà hòa hợp với tuệ tâm chân thật, tức đồng với chân mà cùng một vị. Như thế mà quán tức là Như Lai. Cho nên nói nếu người ấy làm như thế tức là ta. Ta là Phật tự chỉ mình, lại Đại ngã tức là Như Lai, nên nói là Ta. Tức là Ta tức là A-xà-lê. Không phải chỉ dùng Du-già này nên được gọi là A-xà-lê. Cũng dùng đây nên được thành đệ tử. Trụ tòa Du-già, tức là bốn phương, tức là tòa (tọa) đại Nhân-đà-la, tòa Kim cang luân. Trụ trên chữ A, lấy đây làm tòa, tương ưng với chân lý này, tòa gọi là tòa Du-già. Ngồi ở tòa Du-già Kim Cang này tức là Như Lai. Tầm niệm Như Lai, nghĩa là quán chư Phật có xứng trí rộng lớn này. Xứng tức là biết. Nếu y theo giáo mà biết, tức Chánh Giác Đại Đức Tôn nói đó là A-xà-lê, gọi tên hiệu như thế tức là thân ấy. Nếu đủ pháp này thì được tâm thành tựu trí rộng lớn, hay thành tựu trí rộng lớn nên được gọi A-xà-lê. Nếu A-xà-lê ấy phải biết tức là Phật, tức là đất. Nghĩa là giữ gìn tất cả mầm mống có của và báo thọ thế gian. Ta cũng giữ gìn tất cả quả báo của chúng sinh mà không phân biệt. Diệu Âm là tên trời. Kim Quang Minh nói là Đại Biện Thiên nữ. Đại biện là lưỡi. Ta phát ra tiếng hơn trăm ngàn tiếng Phạm nên được gọi tên ấy. Phạm nghĩa là Niết-bàn. Đại phạm ở trước là giải thoát. Phạm trong đây là Phạm chí, nghĩa là chưa chứng phạm hạnh nghĩa là tu phạm hạnh, phải biết tức là Bồ-tát, phải biết tức là Phạm thiên, phải biết tức là trời Vi-nữu là tên khác của trời Tự tại. Chánh gọi là Tỳ-sắc-nữu, phải

biết tức là Nhật thiên, phải biết tức là Gió thiên, Nguyệt thiên.

Tiếng Phạm là Đế-thích, Đại phạm, phải biết tức là thần ban đêm tức là Diêm-la. Có Đại Niết-bàn gọi là Phạm. Vĩ là không, sắc-nữu là định. Định ấy là bốn thần túc của Phật. Tự Tại nghĩa là pháp được tự tại như Bạc-già có sáu nghĩa, dứt trừ tất cả các tối tăm. Nghĩa là mặt trời Đại bi. Lại Phược-lỗ-noa là rồng nước, vì đứng đầu về nước, tức là nước Đại bi có thể tưới khắp tất cả. Như mặt trăng nuôi lớn tất cả vật thế gian. Phật cũng nuôi lớn tất cả tâm Bồ-đề của chúng sinh. Đế-thích nhân trăm thí mà được thành. Trăm lần mở bốn cửa thành rộng thí. Thích là trăm. Ca-lạc thí mạnh mẽ, Phật có vô lượng trăm thí nên gọi là Đế-thích. Chủ tạo lập thế giới tức năm Đại thiên. Thế ngoại đạo gọi là chủ tạo lập thế giới, cũng là Tỳ-thủ-yết-ma. Ta cũng sinh tất cả tâm, tâm chủ, cho nên được gọi tên ấy. Ca-la thời, tam thời tức là Ta, tức là Diêm-ma, nghĩa là sắp có chỗ đi, tức là thiện đến ác đến. Sắp đến chỗ giết hại gọi là Diêm-ma-la. Ta sắp đến chỗ thiện mà giết hại phiền não kia. Dã là xe ba thừa, Ma là ta, là chỗ ta lập thời, quá ba thời đều là ta, đều là tâm ấy, đối với ngoại đạo đương thời.

Dục là nói tên trời, nghĩa là tịnh thân, miệng, ý là Đệ nhất dục. Nói ngoại đạo tên ấy, bảo ta là đó, tức là Tỳ-kheo, tức là lậu tận, tức là cát tường, tức là trời Công đức, ta cũng có tất cả pháp. Nghĩa là Trì bí mật thành ba mật: Nhất thiết trí, ngoại đạo cũng có tên gọi này, ta tức là như thật. Dọ tự chứng nên không phải chỉ có tên suông. Nhất thiết kiến cũng là tên trời. Nhất thiết pháp tự tại cũng là thế gian truyền có vị trời này. Ta tức là như thật. Tài phú cũng là tên trời, nghĩa là tự tại, ai cần cho liền cho. Phật là đó. Nếu trụ vào tâm Bồ-đề và dùng tiếng trí tánh chẳng mê đắm tất cả pháp nói là khắp tất cả chỗ, tức là tên khác của Nhất thiết chủng trí, là tất cả trí. Nói tâm Bồ-đề tức là định. Từ chữ có tiếng phát ra, dùng trí phân biệt là trí. Tức là người trì tụng. Chân ngôn từ ta sinh ra, ta tức là người trì tụng, cũng là người trì chân ngôn do từ ta sinh nên ta trì. Do chữ chân ngôn từ ta sinh nên ta tức là trì. Có Đại Cát Tường cũng tức là Chân Ngôn Vương, tức là ta, tức là Chấp Kim Cang, tức là Trì Bí Tuệ này.

Kế có Tự luân nếu ở chi phần, thì tâm vị, tâm trụ tùy theo an trí. Trụ ở vị, vị tức chỗ trụ, tức là trời đất, tức là trời Diệu âm, tức là Thường dục và Thường phạm hạnh, cũng tức là Bổn tôn của ngoại đạo Thường tham dục.

Bát-la là giải thoát, tức là pháp thân, cũng tức là Tỳ-kheo, tức là người lậu tận, tức là Diệu cát tường, tức là trì Bí mật, tức là bậc Nhất

thiết trí, Nhất thiết kiến, tức Nhất thiết pháp tự tại vương, tức là người trụ tâm Bồ-đề, tức là trí tánh, tức là đối với tất cả pháp mà không mê đắm, tức là Nhất thiết biến, đều nói: tức là trì cát tường, tức là chân ngôn đứng đầu, tức là trì Kim cang. Tóm lại, tức là tất cả Mạn-đồ-la nêu bày ra và một trăm lẻ tám hiệu Như Lai không gì chẳng tức. Vì sao? Vì pháp thể chữ A này thường trùm khắp tất cả chỗ. Nếu tương ưng được như thế thì đồng với tất cả chỗ của Tỳ-lô-giá-na. Cho nên trong kinh Phật nói như thế.

Trên đây nói về tâm xong rồi, kế bày thân phần, nghĩa là giữa hai đầu chân mày để chữ () đây là chỗ Chấp Kim Cang đều trì. Kế ở trên tim khoảng bốn tấc quán mà để chữ () tức là chỗ ở của tất cả bộ Liên Hoa Thủ. Tâm ta trụ tất cả khắp tự tại, ta đều là chữ A đệ nhất mạng của các hữu tình và phi hữu tình, tức là dùng chữ A làm tâm, cho nên ở khắp tất cả tự tại mà thành, nói chữ A này chẳng khác ta, ta chẳng khác chữ A, đều khắp tất cả pháp tình và hữu tình, các pháp này đều dùng chữ A làm đệ nhất mạng (mạng sống bậc nhất). Cũng như người khác có thở ra vào lấy đây làm mạng sống, hơi thở dứt thì mạng không còn. Chữ A này cũng như thế. Tất cả pháp hữu tình lấy đây làm mạng sống.

Kế chữ phược nói tên thủy, kế tưởng () tức đồng hỏa. Kế là tưởng () hồng tức là tất cả Trì Minh phẫn nộ. Lại tưởng chữ khư () tức đồng với không. Sở dĩ thực hành quán này là muốn bày tất cả chữ, đối với thân phần đó tức là pháp pháp giới tất cả Như Lai, muôn đức đều đủ cũng như khi ngồi đạo tràng, không phải Kim cang ngồi thì chẳng thể thắng. Nay cũng như thế. Muốn đủ tất cả công đức Như Lai thì trước phải dùng đất, nước, lửa, gió này bốn luân và không, sau mới làm đủ pháp, vì như thế đệ nhất chân thật, nếu giải thoát thì được gọi là A-xà-lê. Trong đàn tên chữ tuy khác nhưng đều là công đức, Phật vì độ người ấy nên nói ra. Cho nên Phật nói: Tất cả phải biết thường siêng tu thì được câu bất tử, cũng như A-xà-lê dùng chữ A mà gia thân ấy, cho nên tức Mạn-đồ-la tất cả Đại hội thiên. Hiểu nghĩa ấy tức là chân thật A-xà-lê. Kế là khuyên thường phải tu hành như thế thì được câu bất tử là nghĩa thường trụ. Thường trụ tức là Phật.

Phẩm 17: BỐ TỰ

Nghĩa nối liền với ở trên, cũng nói Cổ Phật đạo đồng, dẫn tất cả Phật đồng nói chữ Ca?? Chữ Khư?? Chữ Nga?? Chữ Trọng già?? Chữ Giá?? Chữ Xa?? Chữ Xà?? Chữ Trọng xã?? Chữ Tra?? Chữ Tra?? Chữ Noa?? Chữ Trọng trà?? Chữ Đa?? Chữ Tha?? Chữ Trọng đà?? Chữ Ba?? Chữ Phả?? Chữ Ma?? Chữ Trọng bà?? Chữ Mãng?? Chữ Dã?? Chữ La?? Chữ Ra?? Chữ Y?? Chữ Y?? Chữ Ổ?? Chữ Ô?? Chữ Ế?? Chữ Ái?? Chữ Hạn?? Chữ Áo?? Chữ Ám?? Chữ Ác?? Nếu làm như thế tức là Phật, tức là Nhất thiết trí, tức là tài tư, tức là Phật tử, là bảo vật.

Phẩm 18: BỒ-TÁT GIỚI PHẨM THỌ PHƯƠNG TIỆN HỌC XỨ PHẨM

Ở đầu kinh Kim Cang Thủ đã hỏi Phật ý nghĩa giới Bồ-tát. Phật trước nói khi vào Mạn-đồ-la vì đệ tử trao giới tức là hợp nói giới pháp yếu này. Trước thọ giới này xong, trụ vào chỗ học này. Sau mới được nghe Hạnh Bí Mật của Như Lai. Giới này trước khi tạo Mạn-đồ-la thì nên nói cho nghe. Phật trước nói khi vào Mạn-đồ-la, vì chánh nói phương tiện nhập vào Mạn-đồ-la, mà chưa kịp nói. Cho nên Kim Cang Thủ lại lên hỏi trước.

Nên kinh nói: Bấy giờ, Kim Cang Thủ Bí Mật Chủ bạch Phật rằng: Cúi mong Đức Thế Tôn nói câu các Bồ-tát đại hữu tình, là nghĩa Cụ tích, nghĩa Trụ xứ tức chỗ học, tu học câu đủ phương tiện trí tuệ, nghĩa là các đức quy thú, người này đủ giới này. Nghĩa là các phương tiện... được ở thân này, là nghĩa đến khắp. Tuệ phương tiện... khắp đến thân. Đây là chánh giải thích. Lìa nghi hoặc tức là hai ý, như ở trước ngả rẽ không biết đi đường nào. Ác ý mà nghi lo khiến sinh tử trôi lăn chẳng dứt. Từ trước đây đều là văn kinh nghĩa là Bồ-tát trụ chỗ học này, khiến cho chẳng bỏ đại bi lìa ác ý. Ác ý tức là nghi ngờ. Tức dùng giới này ở trong sinh tử trôi lăn mà chẳng thể hoại. Chẳng hoại tức là thường trụ không thể hại, ý hỏi rằng: Vì sao ở trong sinh tử trôi lăn mà được giới này thường chẳng hủy hoại, không thể phá hoại?

Lúc đó, Thế Tôn Tỳ-lô-giá-na đối với tất cả dùng Phật nhãn quán tất cả pháp giới, bảo Chấp Kim Cang Bí Mật Chủ rằng: Hãy lắng nghe

Kim Cang Thủ, Pháp Giới Phật Nhãn Quán Kim Cang Bí Mật Chủ bảo hãy lắng nghe Phật, vì Đại sĩ thỉnh nói tất cả hạnh căn bản của Bồ-tát, Phật sắp đáp, cho nên trước dùng Như Lai nhãn mà khắp quán đại hội, tức là quán khắp pháp giới. Trong đây nói các pháp giới, tức là quán Phật giới, pháp giới, chúng sinh giới, quán ba pháp giới này nên gọi là các pháp giới. Quán pháp giới tức là tất cả cảnh giới Như Lai. Đã quán khắp rồi thì biết có khả năng nhận nghe giới hạnh sâu xa này, cho nên đáp Kim Cang Thủ. Kế bảo lắng nghe Kim Cang Thủ. Nay nói khéo léo tu hành đạo. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát trụ ở đây, tức là đối với Đại thừa được thông suốt đạo tu hành khéo nói. Nếu ở đây mà trụ Bồ-tát, Đại Hữu Tình được thông suốt Đại thừa, tu hành đạo này tức là giới Bồ-tát. Chư Phật ba đời đều do đạo này mà đến Bồ-đề cho nên gọi là tu hành đạo. Trụ đạo tu hành này của chư Phật, nên các Bồ-tát được thông suốt Đại thừa. Vì sao? Nay giới này tức là giới bản nguyện tự tánh của tất cả chúng sinh. Nếu trụ giới Tánh Tịnh Kim Cang này tự nhiên đối với tất cả pháp được thông suốt. Trì giới chẳng sát sinh là việc chẳng nên làm, nghĩa là phải giữ giới chẳng giết sinh mạng. Nghĩa là thêm chữ sinh mạng, chẳng cắt đứt mạng sống.

Kế là Phật bảo tướng giới ấy, nghĩa là chẳng giết sinh mạng, chẳng được chẳng cho mà lấy, chẳng dục tà hạnh, nói dối, nói ác khẩu, nói hai lưỡi, nói thêu dệt, và tham sân, tà kiến, tức là giới Bồ-tát. Trong đây nói Bất-sát, nghĩa đối với tất cả loài có mạng sống, cho đến chẳng sinh một niệm tâm giết. Vì không có tâm giết nên gọi giới Bất sát. Các thứ khác đều nói theo đây. Trước khi trao giới này, A-xà-lê trước phải trao cho ba quy y. Ba quy y tức là Tam bảo thường trụ Bí mật, chẳng phải là pháp tăng riêng trụ đồng với Hữu Dư Bất Liễu Nghĩa kinh, như trong Niết-bàn Ương-quật... phải dẫn nói rộng. Lại như trong văn trên thầy trao cho pháp ba quy y. Đã trao ba quy y rồi, A-xà-lê kế phải khuyên phát tâm ấy, khiến sinh Đại thệ quyết định, nhận mười Vô Tận tạng này, lại ba lần trao khắp. Đã nhận rồi khiến người ấy tự bạch rằng: Con tên là... nay y chư Phật mười phương và ở bên A-xà-lê nhận được giới này xong. Hôm nay giờ này con là... được gọi là Bồ-tát, giới này không có thời tiết cho đến khi chết và hết đời vị lai không hề bỏ. Nếu giới như trên nói, trong một tháng một năm khi vào đạo tràng, thì thực hành phương tiện này, việc xong liền thôi thì có thời hạn. Nhưng nói theo nghĩa sâu thì cũng là chí kiến chân phương tức.

Giới Bồ-tát có hai thứ:

1. Tại gia.

2. Xuất gia.

Trong hai chúng này lại có hai thứ giới: Một là tự tánh tu hành, hai là chế giới. Nay mười giới này là giới tu hành của Bồ-tát, đó là Thiện tánh, tất cả Bồ-tát phải thực hành Niết-bàn là tánh tự năng trì giới, hoặc gọi là tự tánh giới. Sở dĩ gọi là trì, vì sinh chê bai phải hộ ý ấy. Lại thuận theo ý ấy nên lại phải trì. Sở dĩ như thế vì tất cả thế gian các Thiên luân vương cũng có mười pháp lành, tất cả ngoại đạo cũng có mười giới lành, tất cả Nhị thừa cũng có mười giới lành. Nếu Bồ-tát chẳng trì như thế thì họ liền sinh tâm khinh mạn chê bai. Chúng ta đều có pháp lành như thế. Nay người này tự nói Đại sĩ thực hành hạnh tôn diệu mà không có tịnh giới, phải biết là chỗ học chẳng chân, vì nó sinh tâm nghi ngờ bất thiện. Tức là người trước làm vô nghĩa lợi, chẳng phải là Thiện tri thức. Cho nên phải trì giới này; Hai là giới Phật chế tức là tự đủ phương tiện, như trong pháp Thanh văn vì muốn tu phạm hạnh, dứt hết nguồn khổ. Phật lập phương tiện này để ngăn ngừa, vì thế mau được thành quả. Nay trong Đại thừa cũng có chế giới, đó gọi là đủ phương tiện trí khéo léo. Vì có phương tiện khéo léo nên nay mười điều lành này thành giới bất cộng, chẳng chung với Thanh văn, ngoại đạo. Cho nên kinh nói khéo tu hành. Kinh Đại Bản này có mười vạn bài kệ, có trao giới này và các phương tiện, nay chưa đến Trung Quốc. Nhưng trong đảnh Kim cang tự có trao pháp không khác với nó nên phải nêu ra mà thôi. Như Thanh văn có bốn giới trọng ở đây chính là Thâu-lan-già, không phải trọng cấm. Vì sao? Vì giới mười điều lành này là thuận theo với Nhị thừa, ngoại đạo, cho nên khéo léo phương tiện mà giữ đủ. Bồ-tát tự có giới trọng căn bản, trong đây gọi là Sát Đạo Dâm Vọng chỉ là Thâu-lan, không phải là Bồ-tát cực nặng. Như trước ba đời trong giới không chướng ngại, trước khiến chẳng bỏ Tam bảo, lại khiến chẳng bỏ tâm Bồ-đề, đây thật là bốn giới trọng của Bồ-tát. Nếu Bồ-tát có tâm lìa bỏ Phật như thế thì gọi là phá giới trọng. Sở dĩ như thế, vì Như Lai là chỗ sinh ra tất cả pháp lành. Bồ-tát tự quy y Phật thì mới có tất cả địa Ba-la-mật muôn hạnh thành tựu, cũng như nhân hạt giống (hạt giống) mới được sinh quả. Nếu bỏ chữ A trí bổn tự nhiên thì tất cả điều lành không được sinh. Cho nên bỏ Phật tức là dứt tất cả mạng sống của Bồ-tát mà dứt hết cội gốc thành Phật. Nếu phạm dâm đạo sát vọng thì chỉ chứng ngại đối với Đạo, không phải dứt hết cội gốc thành Phật. Cho nên chỉ thành thâu-lan. Vì Phật chẳng thể bỏ, pháp tăng cũng thế. Như kinh Thanh văn còn nói bỏ một quyển kinh giới là bỏ một người bảy chúng sinh, tức là nghĩa hòa hợp đoạn dứt, chẳng thành cụ giới, huống

chi là tất cả Bồ-tát đồng nương một đường mà đến đạo tràng. Phật Phật đều không khác, cho nên phải biết tùy chỗ bỏ tức cắt đứt mạng sống tất cả pháp. Tâm Bồ-đề cũng như thế, là gốc của tất cả các hạnh. Nếu lìa tâm Bồ-đề thì không có tất cả pháp Bồ-tát. Cho nên bỏ cũng là phạm tội trọng. Như kinh Thanh văn phạm trọng rồi thì không phải Sa-môn, không phải Thích Tử, không nằm trong số chúng. Nay trong đây nếu bỏ Phật, Pháp, Tăng và tâm Bồ-đề tức là chẳng nằm trong số chúng, như Nhị thừa phá hủy bốn giới trọng. Nhưng người tu tự biết phạm giới, lại tự rửa tâm mà thọ lại, thì lại được giới, chẳng đồng với giới Nhị thừa, chẻ đá, đứt đầu rồi lại được.

Lại nữa, Bồ-tát tự có mười giới trọng, như trước Bất sát... chẳng nằm trong số ấy, chỉ là thâu-lan. Thế nào là mười? Là bốn như trước nói, lại có sáu trong nữa là mười.

Giới trọng thứ năm, nghĩa là chẳng hủy bỏ tất cả kinh pháp ba thừa, nếu chê bai tức là chê bỏ Phật, Pháp, Tăng và tâm đại Bồ-đề, cho nên phạm trọng. Vì trong bí mật tạng tất cả phương tiện đều là phương tiện Phật. Cho nên hủy bỏ một pháp tức là hủy bỏ tất cả pháp. Cho đến nghề nghiệp nuôi sống, thế gian nghệ thuật... hễ có chánh lý thuận nhau là lời Phật nói, còn chẳng được chê bai huống chi là pháp ba thừa.

Thứ sáu là đối với tất cả pháp không nên keo tiếc, nếu phạm tội hủy giới trọng. Vì Bồ-tát nhóm hợp tất cả pháp vốn vì tất cả chúng sinh, nếu ngầm tiếc tức là bỏ Bồ-đề, nên phạm giới trọng.

Thứ bảy là chẳng được tà kiến, nghĩa là các tà kiến như: Chê bai không có nhân quả, không có Phật, không có người thấy đạo... Nếu sinh tà kiến thì tự nhiên bỏ Phật, Pháp, Tăng và Bồ-đề, cho nên phạm giới trọng, mà Thanh văn chỉ được Thâu-lan, cho nên phải biết phương tiện chẳng đầy đủ chỉ là theo một đường mà nói.

Thứ tám là người phát đại tâm, từ trước khuyên phát tâm ấy chẳng để lui mất. Nếu thấy biếng lười mà chẳng khuyên phát hoặc ngăn cản tâm ấy, nếu khiến lìa đạo Vô thượng Bồ-đề tức là trái nghịch tất cả việc nên làm của Như Lai, cho nên phạm tội trọng.

Thứ chín là đối với người Tiểu thừa trước chẳng quán căn cơ mà nói Đại pháp cho nghe, hoặc đối với người Đại căn chẳng quán căn mà nói hạnh tiểu pháp thì phạm tội trọng. Đây tức là phương tiện chẳng đủ, vì trái nghịch với phương tiện Như Lai. Sai cơ nói pháp là kẻ oán của trời, người, cho nên Phạm tội trọng.

Thứ mười là Bồ-tát thường thực hành hạnh bố thí, nhưng chẳng được bố thí cho người dụng cụ để giết hại chúng sinh, như thí rượu,

thuốc độc, dao gậy, tất cả đồ vật chẳng lợi ích cho người thì phạm tội trọng. Vì Bồ-tát thường thực hành hạnh lợi người, nay làm ngược lại nên phạm tội trọng. Phải biết trước chẳng giết... là vì thuận ý người, lại người mới vào pháp thì phải giữ giới.

Nay kế là nói mười việc, cho đến tất cả giới chánh hạnh của Bồ-tát. Nếu Bồ-tát vì thuận theo mười giới sau thì cho dù làm mười việc trước cũng chẳng phạm.

Kế Phật nói Bí Mật Chủ tu học như thế. Nếu Bồ-tát tùy chỗ có tu học tức đồng hành với chư Phật, Bồ-tát. Phải tu học như thế. Thanh văn vì gần giới Phật ấy nên gọi là cận đồng. Nay đồng đẳng tu học với Phật. Bồ-tát tùy chỗ tu học mà đồng sự với chư Phật Thế Tôn và Bồ-tát. Phải tu học tức là thân ba, miệng, bốn, ý ba, tức là tất cả câu tu học của Bồ-tát, là tất cả chỗ học của Bồ-tát. Đây tức là tất cả giới Bồ-tát thuận theo chúng sinh. Thuận theo tức là đồng sự (cùng làm việc). Lại tất cả Phật, Bồ-tát đều làm như thế, vì tất cả pháp nhĩ của Bồ-tát phải làm, nay ta cũng làm như thế. Tức là cùng tất cả Phật, Bồ-tát đồng sự nghiệp. Đây là giới Bổn tánh tự nhiên phải làm. Cho nên kinh Niết-bàn nói giới tánh tự năng trì.

Kế Kim Cang Thủ ý hỏi: Bấy giờ, Chấp Kim Cang Bí Mật Chủ bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Ở thừa Thanh văn cũng nói mười nghiệp đạo lành này. Thế Tôn! Người thế gian và các ngoại đạo cũng đối với mười nghiệp đạo lành này mà thường nguyện tu học. Thường nguyện là tâm yếu luôn giữ, là tên khác của thọ giới. Chuyển cụ, Cụ tức là đủ giới này, chuyển là đầy đủ hạnh. Thành tựu kia có khác gì? Thế nào là các thứ khác nhau. Thanh văn, Duyên giác cũng có mười giới lành, cũng gọi là ngăn ngừa sự chê bai của thế gian và giữ gìn tánh thiện chân như.

Tất cả ngoại đạo, thế thiên cũng có mười giới lành. Nay Phật lại nói giới Bồ-tát chỉ là mười điều lành, song có khác nhau chăng. Cho nên Phật kế là phân biệt, khen rằng: Lành thay, lành thay! Bí Mật Chủ. Lại lành thay, các ông hỏi được Như Lai nghĩa như thế. Phải nên lắng nghe, nay ta sẽ phân biệt. Phân biệt có vô lượng nay hợp thành một, nay nói pháp môn này. Hay hỏi Như Lai nghĩa như thế, nay kế sẽ đáp.

Lắng nghe sẽ phân biệt đạo, một đạo nói pháp môn. Nghĩa là tất cả pháp chẳng ngoài tự môn A, tức là một đạo. Đạo là nương pháp này mà có chỗ đến. Một đạo tức là tất cả mọi người không có trở ngại, cùng ra khỏi sinh tử, thẳng đến đạo tràng. Nói một, tức là đạo như như, riêng một pháp giới, cho nên nói một. Đối với một đạo này mà phân biệt các thứ khác nhau. Cũng như vô lượng ngã rẽ đều đến đảo châu báu, khác

đường mà đồng về. Lại như dùng môn một chữ A mà phân biệt tất cả chữ. Phải biết tuy có khác nhau mà chẳng khác tự môn A. Nay đây mười điều lành cũng thế. Tùy trí thượng trung hạ mà quán tự thành các thứ. Không phải giới bổn nguyên của tất cả chúng sinh có khác nhau. Nhưng Phật vì phá nghi của đại chúng mà đáp lời hỏi của Kim Cang Thủ, cũng đối với một đạo mà phân biệt đáp tướng khác nhau. Ý phân biệt này như thế nào. Phật nói đồng một như ta đã nói. Chỗ học Thanh văn lìa tuệ phương tiện, dạy khiến thành tựu khai mở biến trí, chẳng phải mười nghiệp đạo lành có khác nhau.

Cho nên kế là nói: Như học xứ của thừa Thanh văn, ta nói phương tiện giáo lệnh ấy mà thành tựu biên trí khai phát, không phải mười các hạnh như mười nghiệp đạo lành... đây là đáp có khác với Đại thừa. Mười điều lành của Thanh văn kia chỉ là giáo lịnh thành tựu. Cũng như Quốc vương có các ước sắc, từ nay nếu làm việc như thế thì sẽ bị tội như thế. Người ấy vì sợ tội nên thuận theo chẳng dám trái nghịch. Thanh văn cũng như thế. Vì Phật đã chế giáo mệnh oai đức Ba-la-đề-mộc-xoa, vì tôn trọng luật do Pháp vương chế ra mà chẳng dám hủy phạm. Không phải là đầy đủ phương tiện tự tánh năng trì, lại chỉ là tự trì, không phải là khắp thuận tất cả chúng sinh. Cho nên chỉ là trí một biên, không phải là giới trung đạo thật tướng. Đó là chỗ khác nhau. Các ngoại đạo chẳng còn đắm nhân khác.

Lại nữa, thế gian lìa chấp đắm ngã cho nên bị chuyển. Kế là nói khác với ngoại đạo. Tông ấy chấp thần ngã mà sinh ra tất cả. Nay thân ta chẳng phải là ta, là đại ngã sinh ra. Nếu là ngã sinh ra thì thiện ác nhân quả đều từ nó ra. Nay đây thân tâm là tự vô ngã, thì quả trì giới vì ai mà chuyển tu, ai được quả báo ấy. Phải biết nghĩa nhân quả chẳng thành, cho nên cũng như hoa quả không có hạt giống và ngói đá hay dùng hoa đốm làm tràng, thì bất luận có nói đủ. Lại có chấp chặt đối với đoạn thường mà thực hành pháp mười điều lành. Nếu thường thì không có quả báo, nay trì mười điều lành này nương vào đâu mà trụ? Còn đoạn thì cũng không có quả báo vậy nương vào đâu? Cho nên mười điều lành tên đồng, như sâu ăn gỗ tình cờ đục thành chữ, chẳng thể so sánh.

Kế nói tướng khác nhau của mười điều lành Đại thừa. Như giới Bồ-tát dùng trí phương tiện nhiếp tất cả pháp bình đẳng vào khuyên tu tập, nói giới này nhập vào tất cả pháp bình đẳng. Lìa tự tha mà tịnh khắp tự tha, tự mở tri kiến của tất cả Như Lai cũng như thế. Tất cả bình đẳng với ta. Vì nhập vào tất cả pháp giới bình đẳng mà tu giới này nên bất cộng với tất cả. Kế Phật lại muốn nói tướng mười giới lành của

Bồ-tát. Khiến hạnh của Chân Ngôn Bồ-tát không có nghi ngờ, cho nên dùng mắt đại từ đại bi mà quán sát thế giới chúng sinh, bảo Kim Cang Thủ rằng: Mắt Phạm Âm này có hai tên nay còn đủ.

Vì Từ nhãn, Bi nhãn nên nói có hai tên. Trước nói tướng chẳng giết, nghĩa là dứt mạng sống, bỏ tất cả dạo gậy, pháp giết, duyên giết, nhân giết, nghiệp giết, hễ tương ưng với hại mạng thì đều phải xa lìa, quán tất cả chúng sinh có tâm nội oán đều xem đồng như mình, cho đến loại có hình đều không có ý giết hại, nhưng chẳng phải chỉ không giết hại mà thành giữ giới, mà còn phải có phương tiện tuệ, nghĩa là quán người này sẽ gây ra các duyên chê bai chánh pháp, năm tội vô gián... làm tăng chướng nặng, không do đâu mà thoát khỏi, thì dùng tâm Đại bi mà so tính, nếu hại kẻ ấy mà lợi ích cho nhiều người, hoặc khiến kẻ ấy có nhân duyên xuất ly, thì thà ta tự vào đường ác mà cứu hộ kẻ ấy. Dùng tâm đại Bi mà giết hại, đây là phương tiện không chung với Nhị thừa. Kế là giới trộm cũng như thế. Tuy tất cả dù cho lá cỏ cũng chẳng lấy, cũng vì phá nhân duyên thiếu thốn, quán chỗ chứa nhóm kia không chán. Do đó mà tự tổn hại, thành nghiệp chướng lớn. Cho đến phương tiện mà lấy, vì tu các thứ công đức, sau khiến họ tùy hỷ. Như thế các thứ phương tiện chỉ thuận theo hạnh sâu thực hành mười giới, dùng tâm Đại Bồ-đề mà dẫn dắt tất cả đều không phạm. Đây là tướng trì phạm. Trước đã nói lược giới sát, kế lại nói đủ. Bí Mật Chủ Bồ-tát suốt đời giữ giới bất sát, phải bỏ dao gậy, lìa ý giết hại, giữ mạng nó như giữ mạng mình. Các thứ kia nói có phương tiện khác, tức là các phương tiện khác. Tùy loại chúng sinh, tùy sự nghiệp mà làm nó khởi lên, cho nên nói tùy sự nghiệp mà hết lòng siêng tu, khiến nó khỏi báo ứng lìa ý oán hại. Thành loại là nghĩa đông. Như loại ấy tạo ra sự cực ác, nghiệp cực nặng. Muốn tránh khỏi cho họ thì dù cho dùng dao gậy... cũng không lỗi. Giới Thanh văn cũng có đối với tội nhỏ mà trừ tội lớn, dùng nhẹ đổi nặng, nên nay cũng thế, như cứu người nữ té xuống nước... rất dễ hiểu. Giới Bồ-tát cũng y theo đây có thể biết. Suốt đời giữ giới bất sát là phải bỏ dao gậy giết hại, như mình đồng với người khác mà giữ sinh mạng. Các chúng sinh khác như loài vật, thoát khỏi hình loại của chúng, phải lìa ý oán thù, đây là giới tướng thứ nhất. Suốt đời không phải là một thời gian mà thôi. Nếu Bồ-tát từ khi mới phát tâm cho đến thành Bồ-đề, tất cả loài có mạng sống còn chẳng được sinh một niệm giết hại huống chi là khởi thân miệng? Nếu có dụng cụ tùy duyên giết hại thì như trong giới bất sát có nói rộng các thứ. Cũng cho đến một niệm chẳng chứa để dụng cụ giết hại, huống chi là bày ra phương tiện giết hại.

Tâm não hại lược có chín thứ. Nói ghét thân ta và ghét bạn lành ta, thích oán thù ta ở quá khứ hiện tại vị lai gồm có chín. Lại có loại phi tình sinh giận. Như Phật Ca-diếp có một Tỳ-kheo đi kinh hành bị vấp cành cây rớt, bèn dùng cuốc đào lên, lấy dao chặt hết, phút chốc bị làm thân rắn lớn. Lúc đó, đệ tử đồng học mới thiêu thân rắn. Sau, rắn dữ ở chỗ đốt gặp Phật sinh tâm ác muốn hại, khi ấy Phật bèn khuyên rằng: Thân trước ngươi do giận loài phi tình (thực vật) mà tự chịu quả báo này, nay cũng vì nó mà chịu thân xấu ác. Không bao lâu sẽ có cậu bé vì rắn hại người nên giết mà đốt thân, rắn thấy thế giận dữ muốn hại nên bị đọa vào địa ngục, trong khi thân cũ bị đốt chưa xong. Quả báo sau hai thân đồng thời bị đốt. Phải biết đây là đối phi tình mà tức giận nên bị quả báo như thế. Lại như trong luật có Tỳ-kheo đi kinh hành bị lá lan đâm vào trán chảy máu, liền tức giận nói rằng: Vì sao Phật chế giới này, có lợi gì vì làm khác đi nên bị quả báo làm thân rắn lớn), tức là duyên sinh chịu khổ làm thân rắn lớn, vì cứu năm trăm người lái buôn mà đại bi giết rắn, khiến rắn khỏi tội được sinh lên cõi trời, các lái buôn đều khỏi nạn. Như Đại Luật của Hữu Bộ nói: Phi tình còn như thế huống chi là hữu tình ư? Bồ-tát xem việc này tự chẳng sinh tâm làm, cũng khuyên người khác lìa bỏ. Các thứ khác như trước đã nói.

Nhân duyên về cạy giáo bằng vàng co nói rộng: Lại như việc sư tử cứu những người đi buôn mà hại rắn, trong kinh Bảo Tạng, kinh Đại Phương Tiện có nói: Lại nữa Bồ-tát giữ giới chẳng cho thì không lấy, vật thuộc người khác thọ dụng còn chẳng khởi tâm lấy, huống chi là vật chẳng cho mà lấy. Các hữu tình khác thấy keo kiệt thì không cho. Vô phúc phải làm các thân tùy loài chúng sinh keo kiệt hại mình mà lìa bố thí. Khi cho họ, như thế là giữ giới không trộm. Như vật nó dùng mà không khởi tâm chạm lấy, huống chi là vật khác không cho mà lấy. Có các phương tiện khác, thấy các hữu tình quá keo kiệt, lo chứa nhóm chẳng bố thí, chẳng làm phước, tùy loài chúng sinh mà phá hại sự keo kiệt của họ, nên lìa tự tha, vì họ mà bố thí để được sắc thân tốt đẹp.

■

ĐẠI TỲ LÔ GIÁ NA THÀNH PHẬT KINH SỚ

QUYỂN 18

Phẩm 18: **THỌ PHƯƠNG TIỆN HỌC XỨ** (Tiếp Theo)

Nếu lúc đó Bồ-tát khởi tâm tham mà lấy, này Bí Mật Chủ, Bồ-tát ấy có lỗi lui mất phần Bồ-đề, đối với pháp vô vi Tỳ-ni có lỗi, bố thí được sắc đẹp. Có Bồ-tát phát khởi tâm tham mà lấy là giới thứ hai. Tất cả vật của người nghĩa như Tỳ-ni nói rộng. Cho đến chẳng sinh tâm một niệm xúc chạm mà lấy. Cho đến chẳng sinh tâm muốn Bồ-đề, huống chi là làm phương tiện để xúc chạm mà lấy. Nhưng Bồ-tát có khi tìm cách xúc chạm mà lấy, nghĩa là thấy có chúng sinh chẳng tin nhân quả, chẳng thực hành bố thí (tuệ xả), đối với tất cả vật giữ khư khư chẳng bỏ, lại sinh tâm này thì chỗ nào có phước bố thí . Vì như thế, các thứ phương tiện dẫn dắt hóa độ đều chẳng thể được. Bấy giờ, Bồ-tát dùng phương tiện, tâm trộm lấy vật ấy cũng chẳng sinh tâm đem về cho mình, chỉ vì người ấy mà làm các việc phước, nhân phương tiện mời gọi khiến quán thấy, khiến phát tâm ít có. Vị Đại sĩ này đối vật chẳng tiếc mà bố thí cho người, ta tự thấy mình chẳng bằng, Bồ-tát thứ lớp như thế lại tìm cách, lại phương tiện nói lợi ích thí vật, có quả báo như thế, như thế, họ sẽ dần dần tin phục, cũng đối với của mình chẳng thể bỏ. Sau đó, Bồ-tát quán tâm họ dần dần thông thái, như pháp mà bảo rằng: Vật mà ta dùng bố thí sử dụng đều là vật của ông, vì ông chẳng tự dùng, cũng như gặt lúa mà chẳng trồng lại thì sẽ phải thiếu thốn, phước trước đã hết thì không mong cầu gì, cho nên vì ông mà dùng. Nay trước bố thí phước ông đều có, như Phật đã nói ở trước hễ bố thí thì được Diệu sắc, sức khỏe, vô ngại biện... các thứ lợi ích lớn, chớ bảo là không có phước. Vì nhân duyên ấy khiến nó ra khỏi đường ác, ngạ quỷ mà thành nhân Bồ-đề. Phải biết Bồ-tát dùng Cụ tuệ phương tiện mà làm được việc ấy. Nhị thừa, ngoại đạo thì không có. Tùy loại là có một loài chúng sinh như thế, phải dùng cách giáo hóa này. Lại kế là tùy loại, là chẳng phải chỉ có một phương tiện này, lại có phương tiện khéo léo vô ngại khác. Tóm

lại là vì khiến nó khai mở tri kiến Phật mà có dẫn đầu không phải việc khác, tướng này rất nhiều chẳng thể nói hết. Phải tùy theo tình huống này, nêu một mà biết các thứ khác rất dễ hiểu.

Bồ-tát phá bỏ san tham (keo kiệt), hại nghĩa là đối trị, như nói hại dứt phiền não. Nay cũng thế, là dứt kiết san tham. Nhưng Bồ-tát này chẳng sinh tâm tham tự lấy vật. Nếu lấy tức là dứt bỏ chi phần Bồ-đề. Do tâm tham này mà dứt duyên thành Chánh giác, khiến chi phần chẳng đủ, nên nói là hại. Giới Phật chế ta chẳng dám dẫn giới hữu vi, đây là phương tiện tu hành nên nói giới hữu vi. Nhưng giới vô vi tức là bản tánh giới không phải do tu mà thành. Đối đây có làm phương tiện nên nói hữu vi song quán sâu, tức đồng giới vô vi, vì chẳng lìa tự môn A. Kế là giới bất tịnh hạnh, nói rằng Bồ-tát giữ giới bất tà hạnh. Vợ của mình chủng tộc mình thuộc người khác mà tâm tham còn chẳng phát, huống chi là dâm dục trái đạo. Bồ-tát trì giới bất tà hạnh, nếu người khác nêu tướng vợ mình, chủng tộc mình, mà chẳng phát tự tham huống chi lại trái đạo, hai thân hòa hợp. Có phương tiện và sắc loại khác thì y theo trên, hai thân hướng về nhau, các sắc loại khác. Đây là thứ ba. Thuộc về của người tức là vợ con gái và chị em của người ấy. Đúng luật mười thứ hộ trì. Song Bồ-tát có hai thứ, nếu xuất gia thì tất cả dục tâm còn chẳng được sinh thì nói gì đến vợ của người khác và phi thời. Nhưng cũng để hiểu rõ nên luật nói đủ. Nếu Bồ-tát tại gia đối với vợ mình hành dâm lúc phi thời thì gọi là tà hạnh. Như Thi Ba-la-mật trong Trí Độ luận có nói đủ. Lại phi thời và phi xứ như ở gần chùa tháp tôn minh hiện, vì trong minh tức là đối thiên thần... nên cũng như chế. Chủng tộc mình, nghĩa là đồng họ chẳng cưới gả. Lại tộc là tiếng nước sở cũng là cờ nêu. Như theo pháp phương Tây, nếu người nữ mua chuộc nữ sắc, được quan chấp thuận, đã có người trao cho bao nhiêu vật, thì lúc đó thuộc về người ấy. Nhưng nếu có người ở cửa đặt nêu để người khác biết, người khác thấy thì biết họ đã có chồng, nếu cố phạm thì đồng tà hạnh. Tự tham chẳng phát là cùng chẳng tương ưng tham nhiễm huống chi là tà dâm phi đạo, và chánh cảnh mà hòa hợp giới hạn ư? Nhưng có phương tiện khác vì thành nhân Đại Bồ-đề cho họ thì có phạm, chẳng đồng với Thanh văn. Như Đại Bản Bồ-tát giới nói. Có Bồ-tát từ mới sinh đến nay tu hạnh đồng chân chưa hề thấy mặt người nữ mà có tâm dính mắc, ở trong núi rừng mà tu đạo. Sau mười tám tuổi nhân vào xóm khất thực có cô gái thấy tướng thầy khôi ngô bèn sinh dục tâm mà bảo rằng: Tôi rất yêu thích thầy, thầy thực hành diệu hạnh chính là lợi ích tất cả. Nay nguyện tôi không trọn thì tôi sẽ chết, thì thầy trái bổn nguyện mà hại

chúng sinh. Bồ-tát ấy quở trách các tội lỗi của dục tình, nhưng cô gái chẳng chịu bỏ, vì không vừa ý nên ngất xỉu.

Bấy giờ, thân thuộc cô gái nghĩ rằng: Ắt là quỷ dạ xoa hình mạo khác người, con gái ta thấy bị ngất xỉu, mà nó không ăn tinh khí ư? Rồi đem dao gậy đến bắt trói muốn giết. Cô gái tỉnh dậy thấy vậy bảo cha mẹ các việc, nói ấy là lỗi của con không phải tội của Tỳ-kheo, rồi Tỳ-kheo được thả, cô gái lại chạy theo mãi, Tỳ-kheo nghĩ rằng nếu cô ấy chẳng toại nguyện thì sẽ chết mà đọa đường ác, bèn theo ý cô ấy mà hòa hợp nhiều lúc. Đợi khi cô ấy ít muốn bèn nói pháp dạy khuyên, cô gái rất kính yêu bèn nghe lời mà tu phạm hạnh, thành tựu pháp lợi lớn. Nhưng Bồ-tát này chỉ vì Đại Bi phương tiện mà chịu làm việc thấp kém, không phải vì lòng dục mà làm điều phi pháp. Nếu chẳng do Đại bi chỉ vì tâm tà hạnh mà làm thì phạm giới này. Tức là có trí phương tiện nên như thế. Tùy loại tức là chỉ nghĩa ở trước. Đồng giới trộm nên chẳng nói rộng, lệ theo đây mà biết... Như kinh nói bọn cướp bắt được cô gái Khẩn-na-la đem bố thí, Bồ-tát nhận lấy, do đây mà được vô lượng tài vật, lúc đó đem bố thí. Lại như Bồ-tát Mỹ Phát đi khất thực, cô gái thấy mà ngất xỉu. Vì cứu hộ cô gái lại sợ lìa tâm Bồ-đề nên nhận cô gái làm vợ. Về sau khuyên bảo dắt dẫn cùng phát đạo tâm, quyến thuộc cũng phát đạo tâm mà sinh lên cõi trời.

Kế là giữ giới chẳng nói dối. Suối đời giữ giới chẳng nói dối. Nếu vì mạng sống cũng chẳng nên nói dối, tức thành dối gạt Phật Bồ-đề. Bí Mật Chủ là gọi Bồ-tát trụ ở Đại thừa cao quý nhất, nếu nói dối thì chẳng phải Phật Bồ-đề. Cho nên Bí Mật Chủ nói pháp môn này phải biết như thế, bỏ nghiệp nói dối, vì là điều chẳng nên làm, đó gọi là dối gạt Phật Bồ-đề, Bí Mật Chủ là Bồ-tát tối thượng Đại thừa, nếu nói dối là đánh mất Phật Bồ-đề. Bí Mật Chủ, pháp môn phải biết như thế. Chẳng bỏ lời nói thật. Đây là giới thứ tư. Nhân mạng sống, tức là các thứ danh lợi... Hoặc vì các thức ăn uống y phục tù đày, khổ ách... như thế mà nói dối thì thân mạng sống còn, chẳng nói thì chết, nên nói duyên vì mạng sống. Bồ-tát có nhân duyên như thế, khi ấy còn chẳng sinh một niệm dối gạt tâm người khác huống chi là khởi phương tiện. Nhưng lược nói có tám thứ chẳng phải lời bậc Thánh, có tám thứ lời của Hiền Thánh. Tức là chẳng thấy nói thấy, chẳng nghe chạm biết mà nói nghe chạm biết. Thấy nói chẳng thấy và nghe chạm biết mà nói chẳng nghe chẳng chạm chẳng biết là tám lỗi chẳng phải lời Thánh. Nghĩa là thấy nói thấy, ba thứ kia cũng như thế. Chẳng thấy nói chẳng thấy, ba thứ kia cũng như thế. Như Tỳ-ni nói Giới Đại Vọng Ngữ trong luật Ngũ phần có

nói. Nếu Bồ-tát phạm như thế tức là chê bai Phật Bồ-đề. Vì sao? Bồ-đề tức là một bề thật nghĩa, mà nay lại dối gạt thì chính cùng nó trái nhau, cho nên nói là phá Bồ-đề.

Lại nữa, Như Lai vô lượng kiếp tu Đế thành, cho nên lời nói ra mọi người đều tin nhận, cho đến nói pháp không thể nghĩ bàn, không phải tâm lương kia chỗ làm khó tin khó hiểu. Vì Phật vô lượng kiếp thành thật, nên mọi người tin. Nay Bồ-tát lừa gạt chúng sinh tức là sinh nhân duyên pháp lừa gạt kia, cũng là phá Bồ-đề. Cho nên Bồ-tát trụ trong hạnh chân ngôn của Đại thừa địa tối thượng, chẳng được sinh một niệm dối gạt tâm người khác và các thứ duyên ấy, có nói đủ trong luật. Nếu trái phạm tức là vượt Phật, Bồ-tát. Đây cũng là tùy loại phương tiện mà nói. Văn không tóm lược, như Bồ-tát giới Đại Bản nói: Có một cô gái giết hại cha mẹ, gây ra nghiệp Vô gián này rồi tự nghĩ rằng ta gây ra nghiệp ác này chắc chắn đọa vào ngục Vô gián, cực ác đã thành, có pháp lành nào đến gần ta chăng? Vì nhân duyên này lại không bỏ lỗi tu thiện, chỉ đứng yên lặng khoanh tay đợi tội. Bồ-tát dùng mọi cách khuyên khiến sám hối làm lành. Cho đến bảo rằng: Trong pháp Đại thừa có phương tiện để diệt tội này, nhưng không hề tin nhận. Bồ-tát sinh tâm đại Bi, lại hóa ra người ngủ đêm với cô gái. Nhân đó tự nói ta cũng gây ra nghiệp như thế. Cô gái ấy tự nghĩ người khác cũng có làm việc này chăng, nay ta được bạn đồng ở chung rất lâu. Người ấy hóa độ người dần dần, dùng phương tiện muốn cùng sửa lỗi làm lành mà chẳng từ người ấy nói, bảo rằng: Ngươi muốn làm cứ làm, nhưng ta tự nghĩ hoàn toàn vô ích. Nó hóa ra người cùng ở với nó, bày việc làm lành dần dần được pháp lợi có thần thông lớn mà hiện thấy bảo rằng: Nay ta làm lành, tội trước đã diệt hết, nay được pháp này. Nếu tội chẳng diệt thì do đâu mà được việc như thế. Người ấy sinh tâm hiếm có bảo rằng: Tôi và chị đồng phạm, tội chị còn trừ, ta đâu chẳng làm, do đó mà cùng làm. Bồ-tát dùng phương tiện mà hóa, tội nhơ được trừ mà dần vào Phật pháp. Đây tức là Bồ-tát dùng tuệ phương tiện giữ giới như thế. Không giống với Nhị thừa và người lớn. Lại Tăng-già-tra. Kinh nói: Có một đại phu người vợ rất đẹp, rất sang trọng. Về sau qua đời, tình chẳng thể bỏ nên luôn mang vác theo.

Cho đến khô queo vẫn không bỏ. Bồ-tát giáo hóa chẳng được, do đó hóa thành, một cô gái cũng mang theo người chồng, bảo rằng: Người này tôi yêu nhất mà chết rồi, không thể dứt tình cho nên thường mang theo. Ông ấy nghĩ rằng đây là bạn ta, đồng sự với ta. Do đó cùng ở chung. Sau, Bồ-tát lén cô ấy, liền bỏ cả hai thây chết xuống sông Hằng.

Cô gái và người ấy tìm kiếm hai thây chết đều chẳng được bèn than trách rằng: Chúng ta mang theo cho đến khô queo, nay thấy bạn khác bèn thương mà bỏ. Phải biết tình ấy chẳng thể giữ mãi, chết rồi còn như thế huống chi là còn sống. Nó thấy việc đổi tâm quá nhanh chóng liền phát tâm chán dục muốn tu đạo. Bồ-tát có tuệ phương tiện này nên dối gạt như thế, nhưng không phải vì ác ý mà làm.

Kế là nói giới cấm nói lời thô ác: Bồ-tát tâm sâu kín, tin nhận nhiếp chúng sinh. Lại kế, Bí Mật Chủ trì giới chẳng mắng chửi thô ác nên phải dịu dàng mà nhiếp thọ các chúng sinh, tùy loài mà nói năng, hạnh đầu của Bồ-tát Bí Mật Chủ gọi là làm việc có ý nghĩa, lợi ích cho chúng sinh. Hoặc Bồ-tát khác trụ đường ác, nhân chúng sinh mà nói lời thô tục tùy theo hình loại, lời nói, vì sao? Vì đây là hạnh vì chúng sanh đầu tiên của Bồ tát, hoặc Bồ tát ở trong đường ác vì chúng sanh mà nói lời thô ác, đó là giới thứ năm. Thô nghĩa là có lời nói khiến cho tâm ấy chẳng thuận mà khiến sinh tâm bất thiện, hoặc lớn tiếng hiện tướng gọi là dữ dằn, đều như tướng Tỳ-ni nói: Bồ-tát đều phải nhu hòa, khéo thuận, không được dữ dằn. Lời nói phải vui lòng người, vì nhân duyên này mà dần dần khiến họ đi vào Phật đạo, nay làm nhân xúc não, là trái với phương tiện bốn nhiếp, cho nên phạm tội. Nhưng cũng có phương tiện mà nói lời thô tục. Như trong Bồ-tát giới đại bản nói: Có một người thường nói thô tục cho là tánh thường, không ai khuyên dạy được. Bồ-tát bèn hóa thành một người rất dữ dằn, hung bạo gấp vô lượng lần người ấy. Người ấy thấy vậy rất vui mừng, cho rằng việc làm của người đều hơn ta, ta đã tự bảo là không ai bằng, vậy mà người này đáng bậc thầy ta, do đó xin làm đệ tử, cùng làm việc đã lâu. Bồ-tát dần chỉ bày chỗ lìa chán, khen ngợi nhu hòa, ghét sự thô bạo. Sau tự đổi để khuyên khiến sửa đổi. Nhưng cũng chưa theo, Bồ-tát sau phải bày việc xả bỏ việc ác, mới tự tu đạo mà được pháp lợi lớn, hiện bày thần thông. Người ấy cho là ít có bảo rằng người này trước làm hơn ta, còn tự sửa lỗi mà được pháp này, sao ta chẳng làm, lại vì ông ấy là thầy mà vào pháp lợi, tức là Bồ-tát dùng tuệ phương tiện mà nói lên sự thô ác.

Kế là chẳng hai lưỡi. Lại nữa Bí Mật Chủ, Bồ-tát nên trì giới hai lưỡi, lìa lời nói chia rẽ, lời nói não hại. Nếu phạm thì chẳng phải là Bồ-tát. Bồ-tát chẳng sinh tâm chia rẽ chúng sinh hoặc dùng các phương tiện khác, thấy có chúng sinh hễ thấy biết gì cũng sinh chấp đắm, tùy tương loại mà nói chia rẽ khiến nó trụ một đạo, tức trụ đạo Nhất thiết trí. Bồ-tát không nói lời chia rẽ, không nói lời não loạn, nếu phạm thì không phải hạnh Bồ-tát. Đối với các chúng sinh chẳng sinh tâm chán

lìa. Hoặc hữu tình tùy chỗ thấy mà chấp chặt chúng sinh kiến. Nó tùy loại mà chia rẽ. Như khiến chúng sinh trụ một đạo, tức là trụ đạo Nhất thiết trí. Đây là giới thứ sáu, tướng hai lưỡi như trong Tỳ-ni có nói. Cho đến nhân duyên, dã can, sư tử... Nhưng Bồ-tát thường tu hạnh vô não hại, tùy loại thượng trung hạ đều khiến vui mừng hòa hợp, chẳng làm nhân duyên khác. Nhưng thấy các chúng sinh có kiến chấp lạ, đều chấp tông mình chẳng thể rời ra, vì nhân duyên này mà chịu khổ lớn.

Bấy giờ, Bồ-tát mới dẫn nó khiến bỏ ác tri thức mà nói lời chia rẽ. Như quá khứ có thầy ngoại đạo lãnh đạo hàng ngàn đồ chúng nói pháp tà đạo. Bồ-tát quán thấy nhân duyên họ được hóa độ bèn nhập vào bí pháp mà làm đệ tử, chẳng bao lâu học pháp thấu hết chỗ sâu kín, tuệ ngộ chẳng ai bằng. Thầy rất mừng bảo người này truyền pháp ta là đủ, bèn phân học trò khiến người ấy lãnh đạo. Bấy giờ, Bồ-tát dần dần dùng phương tiện nhập vào kiến ấy mà hóa độ. Lâu sau biết người ấy đã rất tin phục bèn dần dần chỉ pháp sâu xa. Bấy giờ, năm trăm đệ tử thấy tâm dần chánh mà thành tuệ tánh. Lúc đó, thầy nghe pháp lạ đến nghe xem. Bồ-tát nhân bày cho thầy các thứ nên thầy cũng giải ngộ. Lúc đó, năm trăm đệ tử cùng thầy Bồ-tát tu theo pháp mới. Cả ngàn người đều vào chánh pháp. Các loại như thế tức là phương tiện phá hòa hợp. Bồ-tát thực hành sâu rộng chẳng thể nói hết. Nêu một mà nhiều loại khác đều hiểu.

Kế là giới cấm nói lời thêu dệt. Bí Mật Chủ, Bồ-tát giữ giới không nói thêu dệt. Tùy loại thời phương ngữ hòa hợp, là phải giữ giới không nói thêu dệt. Tùy loại hình mà có điều nói thời phương lợi ích, phương ấy có lời nói này phải nói. Trái luật thì chẳng nói, tùy phương ấy tương ưng hòa hợp mà nói ra nghĩa lợi, tức là khiến cho họ được nghĩa lợi. Nói ta tức là làm nghĩa lợi này, tùy phương tùy thời mà làm, khiến tất cả chúng sinh được tâm hoan hỷ mà thanh tịnh đối với đạo, tức là nhĩ căn thanh tịnh. Vì sao? Vì Bồ-tát có lời nói lạ nghĩa là các thứ khác nhau, tùy ý người khác mà nói. Có Bồ-tát phương tiện lạ, lấy cười vui làm đầu, muốn cho chúng sinh vui vẻ ở trong Phật pháp. Vì chúng sinh tuy nói lời vô lợi nhưng ở trong sinh tử mà làm lợi ích chúng sinh, nói là đủ các thứ, ở trong sinh tử trôi lăn mà không mê đắm, hòa hợp sinh lợi khiến tất cả hữu tình các tâm vui mừng, tai đạo tịnh trừ. Vì sao? Vì lời nói lạ lùng. Có Bồ-tát dùng lời này khiến chúng sinh vui mừng, an trụ trong Phật pháp. Muốn dứt bỏ các lời vô lợi mà không nói ra, Bồ-tát như thế trôi lăn trong sinh tử.

Đây là giới thứ bảy là không nói thêu dệt, nghĩa là thế gian nói

bàn việc không lợi ích. Như trong Tỳ-ni nói các thứ Vương luận, Tặc luận, vì nghề nghiệp nuôi sống mà xuống biển, người nữ trị thân... Hoặc lời bình luận việc thế gian trong thành ấp, cõi nước. Tóm lại, tất cả pháp thuận theo thế gian không nhân duyên ra khỏi đều là đó. Nhưng Bồ-tát phải thời phương lợi hòa hợp mà nói. Nói thời là tuy muốn khai mở dẫn dắt người ấy, nhưng nó đều chưa có cơ tín nhập, tin ưa chưa phát mà vội nói khiến nó không tin mà khinh lờn, chê bai, cũng không giáo hóa, tức là phi thời. Trái đây gọi là Thời ngữ, hoặc đại chúng ở chỗ náo loạn nhiều người, tâm không yên tịnh mà lời nói không vào được, tâm do đó mà mất đạo duyên thì cũng là phi thời. Phương là phi xứ (không phải chỗ). Nghĩa là chính khi nó tạo ác tức là ở chỗ làm mà nói pháp, vì phương ấy đắm mê việc làm, lại sinh tâm ngỗ nghịch, do đó mà sinh tâm bất thiện. Cũng trái với đây gọi là tùy phương ngữ. Lợi, là một bề không có các bất lợi khiến tu thiện, thuận tình cờ ấy mà nói ra. Nếu Bồ-tát làm như thế thì khiến cho hữu tình vui mừng tin phục, lợi mình lợi người.

Vì họ nghe rồi được lợi, cũng chẳng uổng phí công sức. Nhưng Bồ-tát có khác lạ nghĩa là lấy cười làm đầu, như cười đùa cho đến nhảy múa, ca hát bàn luận, tức như ở trước nói, các thứ có ở thế gian Bồ-tát vì khiến người ấy vui mừng. Đã được vui mừng ưa thích rồi bèn dùng phương tiện dạy bảo khiến người ấy an trụ trong Phật tuệ. Tuy biết là vô ích mà tâm không mê đắm. Nhưng quán thời, quán phương nghĩa lợi mà không làm. Tuy làm vô lợi, song dùng vô lợi mà dứt việc vô lợi kia. Vì thời trước người ấy làm ác, trái lại càng kinh sợ chống cự. Cho nên phải phương tiện đồng sự sau mới khiến nó đi vào Phật đạo. Cho nên vô lợi này tức là nhân có lợi. Như người thầy thuốc biết chất độc làm thuốc. Nếu làm như thế chính là nhân Bồ-tát ra khỏi sinh tử trôi lăn, chẳng phải đồng với Thanh văn thường dùng phương tiện tuệ, một bề câu chấp chỉ ngăn các lỗi mà không khai thông, nên không có đủ trí tuệ. Tự mình ra khỏi trôi lăn, cũng giúp người khác ra khỏi, nên gọi là lìa trôi lăn. Như kinh Hoa Nghiêm nói khéo thấy người nữ tức là đó. Vì muốn dẫn nhiếp chúng sinh mà sinh làm dâm nữ, làm người đứng đầu năm trăm dâm nữ, xinh đẹp chẳng ai bằng, đủ các đức của người nữ, sáu mươi bốn dáng điệu khéo léo, phương tiện đều đầy đủ. Người chồng bản tánh khéo nhiếp tâm người, mà cô gái này không gì chẳng sợ, vì nhân duyên trong nhiều người. Bồ-tát trước dùng năng lực phương tiện, cùng họ gây ra các việc tà hạnh, khiến họ rất yêu mến, có nói gì người đều không trái, xét tình có nó mà tùy duyên dắt dẫn, khiến họ thấy thật

tánh của dục, liền từ cửa này mà vào Phật tuệ. Lúc đó, mọi người đều tin yêu người ấy, và nghe theo lời. Vì nhân duyên ấy mà được lợi ích vô lượng. Tuy ở trong phi lợi mà thành được lợi lớn này. Tức là Bồ-tát Cụ tuệ phương tiện trì giới. Trong kinh loại này rất đông.

Lại nữa, Bí Mật chủ! Bồ-tát nên giữ giới chẳng tham, với đồ thọ dụng của người khác không sinh tâm nhiễm. Vì sao? Vì Bồ-tát thường làm, tâm không mê đắm. Nếu Bồ-tát có tâm ấy, đối với Nhất thiết trí không có sức, không có sức tức là lui mất. Do pháp này mà đối với Nhất thiết trí không có sức, không có sức thì ở một bên, tức là nghĩa chẳng đủ. Lại Bí Mật Chủ, Bồ-tát phải phát tâm vui mừng, sanh tâm như thế ở đây cũng đồng với chỗ ta đáng làm, nay tự nhiên sinh ra. Lành thay, rất khéo léo thường tu các phương tiện lạ, chẳng để các chúng sinh ấy mất mát tiền của là do giữ chẳng tham.

Lại nữa, Bí Mật Chủ giữ giới chẳng tham thì vật dụng của người khác không sinh tâm đắm nhiễm. Vì sao? Vì không có Bồ-tát nào có tâm thọ nhận, chỉ có Bồ-tát có tâm nhiễm vô lực mà ở một bên cửa Nhất thiết trí. Cũng này Bí Mật Chủ! Bồ-tát vui mừng và phát tâm này, nếu ta làm nó tự nhiên mà sinh thiện cực thiện thì thường vui mừng, chẳng để cho mất tiền của của các chúng sinh ấy. Đây là giới thứ tám, trước đã nói rõ giới của thân, miệng.

Nay kế là nói hoàn toàn là giới của tâm. Đây là từ tâm khởi tham, nếu Bồ-tát thấy người khác có việc hơn như sức khỏe, tiền của có vô lượng môn. Bồ-tát không có ý nghĩ họ có các việc ấy mà ta không có. Do nhân duyên ấy mà sinh ưa muốn, tham đắm, mong cầu đều cũng thuộc về giới này. Do nghĩa này mà sinh ra các buồn khổ vì thế chẳng nên làm. Bồ-tát chẳng nên như thế. Nếu có vô lực, ví như người có vô lượng nghề nghiệp khéo léo, đến lúc bệnh nặng thì không làm được. Bồ-tát cũng như thế, nếu vì tham ái mà bệnh tâm khiến tâm Bồ-đề có vô lượng thế lực thành vô lực. Nhất thiết trí tức là muôn đức đầy đủ không thiếu sót. Do khởi tâm này nên làm cho thể muôn đức không thiếu sót này chi phần không đủ. Cho nên đối với tất cả Trí Môn tức là vô lực. Nhưng Bồ-tát thấy người khác có các thứ hơn mình phải tự vui mừng mà nghĩ rằng: Ta vốn lập thệ nguyện lớn vì tất cả chúng sinh hành đạo Bồ-tát đều khiến muôn đức gồm đủ. Nếu các thứ này có thiếu, ta còn muốn chẳng tiếc thân mạng khó làm khổ hạnh mà lợi lạc, mà nay tự làm xong, tức là lợi lớn, thật là đáng mừng. Bồ-tát lấy đó tự an ủi tâm mình, việc ta phải làm tự nhiên đến, nên rất vui mừng. Ta vì chúng sinh muốn dùng vô số tinh tấn, cầu kiếp như hiền bình kiếp, thọ

dụng tự nhiên, phá nghiệp nghèo thiếu, huống chi là nó tự đến mà lại tổn hại lợi mình. Vì ngộ tâm này chẳng còn sinh mê đắm, tức là tướng trì giới. Như trong kinh Trường A-hàm nói. Thời Phật Câu-lưu-tôn ở quá quá khứ, vua nước Ba-la-nại tên là Tư ích, thường nghĩ lợi ích cho tất cả nên lấy đó làm tên. Lúc đó, có năm trăm vị quan lớn bạch vua rằng: Nay cõi nước rất giàu có, mọi người đều không có tâm họa loạn, e chẳng thể chống với kẻ thù. Vua phải khiến tu tập chịu khổ nhọc thì khi gặp nạn mới chống trả mà bảo vệ vua nước. Bấy giờ, vua Tư Ích vì hận thù nghĩ rằng: Ta gán việc phi thời cho người, trái vớn bổn tâm ta, không có việc ấy.

Lúc đó, các quan biết vua chánh ý nên không nói nữa. Đế-thích biết, bèn nghĩ rằng: Việc làm của vua này là đạo Bồ-tát, chẳng biết có bền chắc hay không, ta hãy thử xem. Nhân đó bảo với nước lân bang là Trường Thủ đem quân đánh. Chỗ vua Trường Thủ cũng gọi là thành Ngũ chi, vì vua ấy chỉ thống nhiếp có năm thành, là một nước nhỏ. Vua ấy nghe đồng thời nói mà nghĩ rằng: Ta nghe nói đàn bà nghĩ việc không xa, nay vị vua này vì quá nhân ái thì cũng như đàn bà thôi. Nay ta đem quân binh đến đánh chắc chắn sẽ chiếm được.

Các Đại thần tâu vua Tư Ích rằng: Trước dùng trung căn khuyên bảo mà chẳng thấy nước ấy cống nạp. Nay người trong nước chẳng tập võ nghệ chuẩn bị trước, khi hoạn nạn xảy ra thì biết làm sao. Vua suy nghĩ mà đáp. Nếu nước ấy muốn cõi nước, người dân và kho lẫm của ta, ta không giao tranh với họ nên người vô hại, các khanh chớ lo. Nói đoạn bèn vào núi sâu tu phạm hạnh. Lúc ấy, vua Trường Thủ không đánh mà chiếm được nước. Trải qua thời gian lâu tìm kiếm vua Tư Ích mà chẳng được.

Lúc đó, ở phương Nam có Bà-la-môn Phạm Hạnh, vì nghiệp trước rất nghèo thiếu không thể nuôi nấng cha mẹ, sư trưởng, nghe vua Tư Ích làm việc bố thí nên đến xin trợ cấp. Khi đến rừng núi nước ấy, tới chỗ vua cũ tu đạo.

Bấy giờ, vua Tư Tích hỏi thăm mời ngồi, cho ăn uống rồi hỏi đi đâu. Phạm Chí ấy đáp đầy đủ. Khi ấy, vua cũ nghe nói thì thương xót chẳng bảo ta thường hưởng lộc nước, thế lực tự tại, hay tùy ý người mà cho. Nay thân đã mất nước, còn gì cho ông. Suy nghĩ thế rồi nhân đó hỏi Bà-la-môn: Vua Tư Ích là ta lúc ấy, nay mất nước rồi nên phải ở đây.

Bấy giờ, Bà-la-môn ngất xỉu hồi lâu mà nghĩ rằng: Mình phước mỏng nên đi xa cầu mà không được, nay lại gặp đây há không phải mạng ư? Bây giờ, vua an ủi bảo ông chớ quá lo, ta có phương tiện để

được. Vua kia là kẻ thù của ta thường tìm kiếm ta, bảo nếu ai được dầu ấy sẽ trọng thưởng, nay ông hãy lấy đầu ta đem đến sẽ được ban thưởng lớn.

Người ấy đáp: Ta tu tịnh hạnh sao lại giết người, không thể được. Vua bảo nếu thế thì lấy dây trói ta mà dẫn đến sẽ không có lỗi. Lúc đó, người ấy dẫn vua đến điện vua, các cựu thần trông thấy đều trách Bà-la-môn rằng: Ông tu tịnh hạnh không nên hại vua hiền mà cầu lợi riêng, rất chẳng phải đạo, là phá pháp tịnh hạnh làm gì có đạo. Tịnh hạnh nói đầy đủ chẳng phải lỗi của tôi, đây là Đại vương hành đạo Bồ-tát khiến tôi như thế. Các quan vào tâu vua, vua nghe xong kinh sợ, cho là đến cướp nước. Khi nghe xong đầu đuôi thì tâm hổ thẹn kính phục, bảo người hành đạo Bồ-tát như thế mà ta cướp nước thì sao đáng mặt người lớn mà trị vì thiên hạ? Do đó bảo vua Tư Ích trở về ngôi cũ mà tự tại làm bố thí lợi ích an vui muôn dân. Còn ta trở về nước xưa, lại đâu vào đấy, không đánh hại nhau nữa. Bấy giờ, hai nước giao hòa tốt đẹp, không oán thù nhau. Như trong kinh Bổn Sinh có nói rộng: Đó tức là do tham.

Kế là giới chẳng sân. Này Bí Mật Chủ, Bồ-tát giữ giới không sân. Lại nữa, Bồ-tát Bí Mật Chủ phải giữ giới không sân, nên đối với tất cả luôn an nhẫn, thường vui không giận, tâm thường bình đẳng. Họ như bạn thân, các oán chuyển đổi. Vì sao? Vì Bồ-tát không nghĩ nhớ ác ý. Nghĩa là công đức ở thân gọi là Tam-ma-da-phược-yết-đa. Trong luật Đại đức tồn niệm ý cũng giống như thế. Vì sao? Vì Bồ-tát vốn tánh tịnh, trên bổn tánh là tánh được giới, dưới nói tâm nghĩa là pháp từ tâm biến hiện, ở trong bổn tánh thường thanh tịnh. Cho nên Bồ-tát phải giữ giới không sân, đối với tất cả thường nhẫn, mừng giận không mê đắm, tâm thường bình đẳng, họ như bạn bình đẳng chuyển oán. Vì sao? Vì Không phải ý này đủ ác, vì thế Bồ-tát bổn tánh tâm thanh tịnh, cho nên, Bí Mật Chủ giữ giới chẳng sân. Đây là thứ chín. Sân nghĩa là đối tất cả chúng sinh khởi tâm giết hại, làm việc chẳng lợi ích từ tâm mà khởi, do đó phải giữ giới này. Nếu Bồ-tát có người đến gia hại các thứ, cho đến chặt dứt chi phần còn chẳng sinh tâm hại người ấy, huống chi là khinh thường ư? Nếu chẳng như thế thì không phải là Bồ-tát. Nên ở tất cả mọi nơi mà thực hành Đại nhẫn. Nếu người khác làm các thứ gia hại thì nên nghĩ rằng: Ta ở đời trước do vô minh mà sinh làm thân mắc các nạn này, trong vô lượng đời thường não hại nó, nên nay nghiệp chín muồi mà phải chịu quả báo ấy. Có can dự gì người trước mà oán lỗi. Các thứ chánh quán như thế, lại nghĩ thân này từ duyên mà sinh, không có

tự tánh, không có ngã nhân, ai hại ai chịu. Vì quán thật tướng này, mà chẳng sinh tâm hại họ. Đó là ý niệm sân giận, tức là đầy đủ các điều ác. Vì hay như thế mà vui mừng, nên tâm thường vui vẻ, vắng lặng từ nhẫn, chẳng mê đắm nhân ngã các pháp mà thường bình đẳng. Bình đẳng này tức là oán thân chẳng hai, các loại có ích, không ích tất cả tâm nặng nhẹ đều bình đẳng không thêm bớt, chẳng gây ra các thứ ác, thường làm việc nhiêu ích lợi tha, xem cả thế gian như con một, do Bồ-tát chánh quán thật tướng như con một, do Bồ-tát chánh quán thật tướng, hiểu rõ tâm này bổn tánh thanh tịnh. Như kinh nói: Thuở quá khứ, ở phương Nam có vị vua tên là Sư tử, thành tên Gió lạc. Dùng chánh pháp cai trị đất nước, không giết hại người. Nhưng vì theo phép nước nên vua ra thành răn bắn để bày uy vũ, tuy không có ý hại người, nhưng để bảo vệ đất đai và an dân, muốn cho lân bang sợ trọng uy đức. Lúc đi săn vua thấy có con nai chạy bèn đuổi theo. Đến nơi hiểm yếu thì đuổi kịp. Vì không có tâm hại nên chỉ gõ trên sừng rồi thả. Vì sao? Vì muốn bày oai vũ với muôn người. Khi vào rừng sâu ở chỗ không người, kẻ hầu không theo kịp. Có con sư tử cái thấy vua hình dạng khác người bèn sinh dục tâm, do đó đến bức hiếp mà hiện dục tướng. Vua sợ hãi nên phải giao hợp. Thời đó là kiếp sơ, thú hiểu tiếng người, nhưng tánh con cái, nếu có trí tuệ thì khi thọ thai liền biết, nhân đó bảo vua rằng: Ta đã có thai vua con, đến lúc sinh thì làm sao. Vua bèn lấy tay ấn, bảo nếu sinh con thì đem ấn này đến trước cửa ta. Sau sinh con trai rất giống người mà tánh dữ tợn lại có cả thú tánh. Sư tử cái đúng như ước hẹn trước, ban đêm nhảy qua thành để con bên cửa vua rồi đi.

Sáng ra, người thấy rất quái lạ, thấy giống mà hơi khác bèn trình lên vua. Vua thầm nghĩ không nên bảo cho người biết, nhân đó ra sắc lịnh làm con mình, đặt tên là Sư Tử Thiên Nô. Sau vua nhường ngôi bảo Thiên nô trị nước. Vì bản tánh thích ăn thịt sống. Một hôm, đòi ăn cơm gấp, nhà bếp chưa kịp đem thịt đến, bỗng gặp đứa bé mới chết bèn đem dâng vua... Như kinh Hiền Ngu, luận Trí Độ có nói. Cho đến hằng ngày bảo tìm thịt người, ăn hết khoảng năm trăm đứa trẻ. Trong thành cùng bảo nhau rằng có quỷ Dạ-xoa vào nước. Hễ có trẻ em phải bảo vệ giữ gìn, chiều chưa đến tối đã vào nhà đóng chặt cửa nẻo mà giữ. Tìm người ăn thịt không được bèn đến nhà các Đại thần bắt trẻ nhỏ khoảng năm trăm đứa. Sau đó bắt trẻ con chết là người trên tay có đeo vòng, thấy người cầm dây thì biết là người bắt trẻ con, trẻ con mất là do người này. Người này cho rằng: Đây là lỗi vua, không phải lỗi tôi. Các quan bèn trình lên vua cha Thái tử có thú tánh, thú tánh thì không thể làm vua trị

vì, xin vua trị nước, vua nói ta đã làm lễ quán đảnh giao ngôi cho thái tử làm sao lấy lại, nên không nghe lời tâu. Các quan bèn mưu giết hại. Vua con cầm dao bén đi vào rừng sâu, lúc đầu lấy thây chết đem đốt mà ăn, sau dần dần ăn người sống. Cho đến bắt hơn năm trăm vương tử đem về nuôi mà ăn dần.

Lúc đó, người trong nước lập người em lên làm vua, tên là Thiện Nô. Người này nhân từ bố thí dùng chánh pháp trị nước. Sau đó, bốn người phạm hạnh cầu pháp thượng thiện. Vua nghĩ rằng: Người này làm lợi ích cho ta chẳng ít, sau sẽ báo ân, chưa kịp cùng nó đi săn. Các quan can rằng vua thú đang ở núi gần, sẽ bị nó hại, vua chớ vào rừng. Vua nghĩ ta muốn lợi ích tất cả không tiếc thân mạng nay nếu bắt ta mà ăn thì nguyện ta đã mãn. Bèn vào rừng thì thấy vua thú, vua thú nghe người em ra liền đến bắt. Vì rất mạnh mẽ nên các thể nữ chạy tán loạn, bị nó bắt mà khóc lóc than rằng... như Trí Luận nói: Chưa báo ân người phạm hạnh, cùng ước hẹn mà thả ra. Vua nói: Lửa ông chưa hết, sẽ phải trở về. Bèn nghĩ nên làm cách nào, bèn chẳng tiếc thân mạng mà đến đây, nhân đó hỏi, nó muốn theo hạnh bất sát như pháp nói rộng. Nó tuy mạnh ác nhưng có tuệ tánh. Nghe liền biết được việc chưa từng có. Nghĩ rằng nó tức là thầy ta, muốn cầu điều gì. Vua nói: Nay ông ở trong rừng cũng như thú dữ, làm sao mãn nguyện. Đáp rằng: Tôi nghĩ ân thầy phải đáp đền thì có thể nói. Vua nói nếu có cầu nguyện thì bổn hoài của ta chỉ là chẳng giết hại mà thôi. Nó nghe rồi liền thề là chẳng hại mạng nữa, lại thả năm trăm vị Vương tử mà tu pháp lành. Thả rồi liền cùng vua trở về, vua biết nó đã làm hạnh lành, lại lập làm vua, dùng chánh pháp trị đời, rồi xuất gia. Phải biết Bồ-tát ở trong sợ sệt như thế chẳng giận mà còn làm hạnh lợi ích, huống chi là các việc khác. Như thế trong kinh Bản Sinh có nói rộng.

Thứ đến là giới chẳng tà kiến. Lại nữa, này Bí Mật Chủ, Bồ-tát phải buông bỏ tà kiến mà trụ vào chánh kiến, quán đời vị lai mà sinh sợ sệt, phải vô hại là tùy phiền não. Hỏi Đông đáp Tây, hỏi Tây đáp Đông. Hỏi xem xét thì tâm ấy không tà vạy mà ngay thẳng, đối với Phật, Pháp, Tăng thì tâm ấy quyết định. Quyết định nghĩa là cho đến quy mạng Tam bảo. Cho nên Bí Mật Chủ, tà kiến là lỗi rất lớn, cắt đứt tất cả gốc lành của Bồ-tát, là mẹ sinh ra tất cả pháp bất thiện, như tự mẫu Tất-đàn sinh ra các chữ. Cho nên Bí Mật Chủ dưới đến nhân duyên cười vui thì tâm đều chẳng khởi tà kiến.

Lại nữa, Bí Mật Chủ! Bồ-tát lìa bỏ tà kiến, chánh kiến ấy, thế kiến khác, không hại, không cong vạy không huyễn hóa, ngay thẳng

Phật, Pháp, Tăng tâm tánh quyết định. Cho nên Bí Mật Chủ lìa các lỗi tà kiến, nó là mẹ cắt đứt các gốc lành của Bồ-tát. Như thế tất cả là các pháp bất thiện. Cho nên Bí Mật Chủ! Cho đến cười đùa xem qua cũng chẳng khởi tà kiến. Đây là tướng giới thứ mười. Kinh nói: Trì giới tà kiến, tà kiến là gốc bất thiện, tức là hại tà kiến này mà trì giới. Cho nên nói trì giới tà kiến. Chín giới trên cũng lệ theo đây mà biết, phải nói trì giới bất sát là trì giới sát, cũng y theo đây mà nói. Tà kiến nghĩa là đều ở trong Bổn pháp, tức là dùng lý bất chánh thuận với tà đạo đều là đó. Ở đây là hại gốc lành ba đời. Nghĩa là do hạnh nghiệp quá khứ mà có quả y chỉ năm ấm đời này. Lại do hạnh nghiệp đời này mà có quả báo đời vị lai. Do trước hiểu pháp nhân duyên này được nhập vào môn vô thường vô ngã, từ trí vô thường vô ngã này mà được nhập vào pháp không như thật tướng, phải biết lìa chánh nhân quả của thế gian này, ngoài ra không có chánh kiến, chánh tuệ khác. Nếu bảo không quả không nhân tức là phá hoại pháp Tứ đế của Tam bảo. Vì hoại pháp Từ đế của Tam bảo nên không có bốn quả Sa-môn tất cả Thánh pháp và pháp lành thế gian, xuất thế gian. Nay bác hết, cho là không có việc này, tức là theo tông ngoại đạo. Phải trụ vào chánh kiến nghĩa là trái với lỗi trước, quyết định tin chắc nhân quả và pháp Đế thật. Đế tức là câu Như Lai chân thật. Nếu chê bai đây tức là hại tất cả điều lành. Hại không hại, hai nghĩa là chi phần phiền não, do đây nên thấy chướng tất cả điều lành, chướng tất cả điều lành nên gọi là hại. Kế là chuyển giải thích. Thế nào là hại nghĩa là cong vạy, khúc tức là tà kiến. Cũng như rắn chưa vào ống tre thì bò cong vẹo. Kiến tâm cũng thế, nếu chưa vào các pháp Trung đạo thật tướng thì cong mà không thẳng. Kế lại chuyển giải thích. Thế nào là không cong vạy, nghĩa là đồng với huyễn... quán thật tướng tâm này từ duyên mà sinh, cũng như huyễn mà thôi. Vì đạt thật nên lìa cười đùa. Lìa cười đùa tức là không huyễn. Nếu như đây tức là trụ ở tâm ngay thẳng. Ở cảnh giới Tam bảo tâm thường quyết định, vì nhập vào đạo thật tướng ngay thẳng, tức là đối với Tam bảo thường được tánh quyết định. Cho nên khuyên các Bồ-tát, lìa các lỗi cội gốc này. Vì bất thiện là hại tất cả cội gốc pháp lành. Vì pháp lành cho nên Bồ-tát trì giới phải lìa các lỗi ác này. Chuyển tức là đổi ác làm lành, như kinh nói: Nếu vô minh chuyển tức biến thành minh. Nay tà kiến cũng thế, toàn thể tức là tuệ tánh, vì nếu chuyển cho ngay thẳng tức là chánh kiến. Chẳng đồng với Thanh văn nhàm chán các phiền não, riêng cầu Thánh pháp. Bất thiện cũng như thế. Chuyển thiện tánh này thành bất thiện. Như kết nước thành băng không có tánh khác. Mẹ... là nghĩa sinh,

nói nhân tà kiến sinh ra tất cả pháp bất thiện cũng như mẹ sinh. Vĩ nghĩa ấy nên Bồ-tát cho đến cười đùa, nhìn qua cũng chẳng sinh tà kiến. Nói cốt yếu là chẳng sinh một niệm tâm phạm giới tà kiến này, huống chi là nhiều ư. Như trong kinh Thanh văn nói cười đùa... chẳng phạm vào chỗ học. Ở đây thì chẳng như thế cho đến trong cười đùa... mà làm các việc tà kiến cũng chẳng được. Huống chi là nghĩ nghiệp làm ư? Nhưng Bồ-tát có phương tiện tuệ, tức là đối với các kiến bất động mà tu ba mươi bảy phẩm, tức là tà tướng nhập vào chánh tướng. Vì sao? Vì chúng sinh từ vô thỉ đến nay quen nhiều với pháp này, ắt khổ thành chánh. Như thầy thuốc giỏi kia, trước cùng đồng sự nghiệp, sau đoạt quyền ấy. Như kinh Niết-bàn nói, lại như Bồ-tát Tạng trong Bản Sinh có nói: Ở quá khứ có ngôi thành tên là Ba-la-nại. Vua tên là Phạm Thí, việc này ở kiếp rất lâu xa mà nay tên thành này tức là đất xưa. Phải biết trong thế giới có nhiều lần trở lại đất xưa mà được gọi bằng tên cũ.

Lúc đó, quan Đại thần Bà-la-môn của vua ấy sinh một bé trai, khi sinh thì trên hư không ở bốn phương có mây xanh vàng đỏ trắng đều bày ra ở một phương. Cho đến khắp cõi Diêm-phù-đề mà mưa nhẹ xuống. Phàm pháp Bà-la-môn, khi sinh con thì phải thỉnh các bậc Thiên Tiên Thánh Trí trước đến xem tướng mà đặt tên. Lúc đó, Đại thần cầu được một vị Tiên khiến đến xem tướng con. Vị Tiên hỏi khi con sinh ra có điềm lành gì phải y theo đó mà đặt tên. Cha nói lại việc trước. Tiên bảo trong sách Vi-đà của ta, nếu khi sinh mà có tướng này thì sẽ thông hiểu bốn sách Vi-đà, truyền bá chánh pháp ở khắp bốn phương, nhân đó đặt tên là Khánh vân (mây lành). Nhưng Đại thần chủng tộc học bốn sáchVi-đà là Ma-nạp-bà tông cho rằng nên y vào tông này mà gọi hiệu là Ma-nạp-bà. Cậu bé này tuổi vừa lớn đã được truyền cho nghề nghiệp. Pháp bốn minh tông chỉ đều thông suốt mà nghĩ rằng không những hiểu mà còn được nghĩa lợi, phải nghĩ mà chọn làm, nghiên cứu các tông chỉ trên dưới của văn này phải nương vào pháp nào mà được ra khỏi. Vì sao? Vì cậu bé này là gốc Đức đời trước đã trồng nhiều tuệ tánh, tuy sinh vào tông Dị kiến ngoại đạo mà tự sinh tâm giác ngộ này. Thường tìm kiếm nghiên cứu kinh tông thì thấy chỉ sinh Phạm thiên mà không phải đạo xuất thế. Bèn bạch với cha rằng: Nay chỗ học chưa có đạo xuất thế, có pháp nào cao hơn chăng? Cha nói: Từ Tổ tông truyền thừa đến nay chỉ có pháp này là hay nhất, lại do Phạm vương nói ra, chỉ nên vâng làm, đâu còn cầu pháp nào hơn. Cậu bé lại nghĩ: Nay chỗ học chưa rốt ráo, làm sao biếng lười được, phải cầu thắng tuệ. Cha nói ta nghe trong núi Tuyết có vị đại tiên nhân, ngoài bốn kinh Vi-đà còn

có quyết trạch nghĩa sâu gọi là Kế-ngạch-bà, tức là giáo này, nên gọi vị tiên này là Kế-ngạch-bà tiên. Nay ta sẽ đến hỏi ông ấy. Cha nói tiên này chỗ ở rất hiểm nguy mất dấu vết người làm sao đến được. Lúc đó ý con tính đi không dứt, bèn tìm cách đi.

Bấy giờ, thiên thần nghĩ cậu bé này sẽ làm lợi nhiều người bèn che chở đến chỗ tiên. Tiên thấy dung mạo khác người, hỏi thăm mời ngồi, tiên có năm ngàn vị làm Thượng thủ, thường giảng nói pháp sâu. Liền hỏi cậu bé vì sao đến đây? Cậu bé nêu rõ mọi việc, nhân đó bạch vị Tiên rằng: Con học bốn kinh e có chỗ hiểu không hợp bản chỉ, thỉnh Đại tiên nói bày và ấn khả cho con. Lúc đó bèn rộng bày sự hiểu biết. Vị Tiên khen rằng: Cậu bé này tuệ ngộ hơn người, sự hiểu biết của ta cũng không bằng. Nhưng cậu bé nói Đạo xuất thế, ta có nghe Phạm vương nói sẽ có vị Đại tiên ra đời hiệu là Nhất thiết trí kiến giả. Chỉ có người này mới có khả năng giảng nói pháp này, không ta và những người đồng chí hướng biết được. Lại tùy chỗ hiểu phân biệt ý chỉ mà trao cho. Lúc đó cậu bé vì gốc lành đời trước, nay nghe tên Nhất thiết trí mà được chưa từng có, nên nghĩ ân sâu của thầy mà muốn báo đền, nhưng pháp báo ân thầy của Phạm Chí phải dùng da nai làm áo, dùng màu vàng nhuộm chiếu ngồi và năm trăm đồng tiền vàng, nghĩ đoạn liền muốn tìm cầu. Nghe ở phương Nam có vị vua sẽ lập muốn bày oai đức chịu ngôi quán đảnh, rộng bày phạm hạnh, muốn ở đó cầu, trước phải có Phạm chí (muốn làm việc đó, có Phạm chí trước) khiến vua dự bị dê, ngựa, người đều đủ cả ngàn, giết với mục đích ra uy, để làm quán đảnh, nhờ đó mà danh tiếng đồn xa. Cậu bé sau đến lúc vua nghe tên cậu bé thì rất vui mừng. Ta sắp lên ngôi mà cảm được điềm lành người hiền này liền mời làm thượng khách, cùng định ra nghi pháp. Cậu bé mời từng vị Bà-la-môn hỏi kỹ rằng: Nay đây việc sát sinh để nối ngôi là do văn nào? Sát hạch đến lúc họ đuối lý, bèn bảo vua rằng: Pháp quán đảnh này chẳng phải chân đạo. Xin vua trong vòng một ngày hãy ở bốn cửa thành bày đủ vật cúng dường, tùy người đến mà bố thí thì có phước vô lượng, tiếng tăm cũng đồn xa. Vua đời trước cũng có gốc lành nên nghe nói liền ngộ giải, nghe theo lời dạy mà làm lễ rất hậu. Cậu bé chỉ lấy năm trăm đồng tiền vàng và dai nai mà đi thẳng, giữa đường đến thành Bảo định, vua tên là Quân Thắng, vì Phật Nhiên Đăng mới ra đời, trang nghiêm thành ấp để đón mời, dọn sạch đường sá, bày các thứ hoa hương khác với ngày thường. Cậu bé nhìn thấy bèn hỏi người khác vì sao như thế. Có phải vì ta hay có lý do nào khác. Người trong thành đáp rằng: Có Phật ra đời hiệu là Nhiên Đăng, nhà vua muốn đón rước.

Cậu bé nghe danh hiệu Phật thì bỗng rất vui mừng bảo: Danh hiệu này ở trong sách của ta, chẳng phải nói vị Đại tiên ấy sao? Nhân đó dùng tiền có được mua vật, rồi đến chỗ Phật cúng dường.

Lúc đó, Thiên ma cho cậu bé có tâm lớn sẽ dẫn vô lượng chúng sinh ra khỏi cõi mình, bèn che hết các người mua vật. Lúc đó, có cô gái vì phước đời trước cùng cậu bé có nhân duyên xa, nên ma không che được. Cậu bé liền đến mua hoa, đáp rằng tôi muốn cúng dường, dầu một bông hoa là một trăm đồng tiền vàng cũng không bán. Cậu bé nói cô đã định bán một trăm đồng tiền vàng một bông hoa, bèn dùng năm trăm tiền vàng mua năm bông hoa. Cô gái nói: Nếu đời đời kiếp kiếp ông làm chồng tôi thì ông sẽ được hoa này. Cậu bé nghĩ thầm cô gái này làm chướng ngại đạo Bồ-tát, ta thà đừng mua hoa này, liền muốn bỏ đi. Cô gái nói tôi đời đời kiếp kiếp sẽ giúp ông thành chân đạo, không hề làm chướng ngại... Như kinh Luật đã nói. Khi cầm hoa đến chỗ Phật, liền tung lên cúng dường, bèn biến thành lộng trên hư không mà che Phật đi vào thành. Cậu bé được việc chưa từng có, Phật nói cho nghe pháp sâu mà được lợi ích. Lại trên đường có chỗ sình lầy muốn trải áo da nai để Phật bước lên, Ma vương năm lần ném đi mà bảo rằng: Này cậu bé! Hạnh tu của ông là chân đạo, tất cả thế gian ông là trên hết. Sao lại tự bỏ chân đạo, học pháp tà đạo của Sa-môn? Cậu bé không thèm để ý đến lời ấy. Ở trước có con đường hẹp đầy sình lầy Phật sẽ đi qua đó, bèn đứng đợi rồi trải áo và tóc trên sình để Phật bước qua. Kế các đệ tử muốn theo Phật đi qua, Phật ngăn lại chớ đi, đây là đại tâm, nếu các thầy bước qua sẽ mất hết phước lớn. Phật nhân đó xoa đảnh mà thọ ký cho cậu bé. Lúc đó bèn thấy mười phương đều như hằng sa cõi nước Phật đều xoa đảnh mà thọ ký, liền lên giai vị Cửu địa. Lúc đó, vô lượng trăm ngàn trời người đều thấy, nhân duyên Đại sĩ này xả bỏ tà kiến mà vào chánh đạo, đây là bày phương tiện tuệ của Bồ-tát, trước bày việc vào tà đạo, dùng hết tông chỉ phương tiện mà làm hồi tâm, sẽ dẫn dắt vô lượng đồng loại, nên gọi là tuệ phương tiện đầy đủ. Trong kinh có nói đủ.

Bấy giờ, Chấp Kim Cang Bí Mật Chủ bạch Phật rằng: Xin Đức Thế Tôn nói mười giới Thiện đạo cực đoạn căn đoạn, đoạn là như cắt cỏ thì cỏ lại mọc, nếu chặt đa-la thì không mọc, gọi là cực đoạn. Đây là nói công lực của giới. Vì sao Bồ-tát ở ngôi vua mà tự tại trong cung điện, cha mẹ thân thích vây quanh, hưởng an vui cõi trời mà không sinh ra lỗi, nói rồi như thế, Phật bảo Chấp Kim Cang Bí Mật Chủ rằng: Lành thay, lành thay Bí Mật Chủ, phải nên lắng nghe, phải rất để ý, ta sẽ giảng

nói Bồ-tát Tỳ-nại-da quyết định khéo léo. Bí Mật Chủ nên biết có hai thứ Bồ-tát. Thế nào là hai? Đó là xuất gia và tại gia. Này Bí Mật Chủ, Bồ-tát tại gia thọ năm giới, ngôi vua tự tại, các thứ đạo phương tiện, nó tùy thời phương tự tại nhiếp thọ cầu Nhất thiết trí, đó gọi là đầy đủ phương tiện, thị hiện ca múa Thiên Từ Chủ... các thứ nghề, tùy các thứ phương tiện, dùng bốn nhiếp pháp mà nhiếp lấy chúng sinh, khiến họ chí cầu Vô thượng Bồ-đề, họ giữ giới chẳng giết sinh mạng, không cho mà lấy, nói dối, dục tà hạnh, tà kiến... đó gọi là năm giới tại gia. Bồ-tát khéo giữ như đã nói, Thiên giới phải khéo tu học, phải có tín tâm thuận theo chỗ học của chư Phật xa xưa, nghĩa là tùy chư Phật xưa mà học. Do trụ vào hữu vi có tuệ phương tiện, mà được Vô thượng cát tường vô vi giới huân của Như Lai. Học tức là tư học cho nên được, đã nói xong tướng mười giới.

Kim Cang Thủ bạch Phật, xin nói mười đạo giới thiện nghiệp, cực căn đoạn. Thế nào là Bồ-tát ngôi vua tự tại với cung điện, nam nữ, thân thuộc, cha mẹ vây quanh. Thọ vui diệu lạc cõi trời không sinh lỗi, ý nói trong đây lại có pháp nào hại được căn giới này khiến pháp lành chẳng sinh. Cực là hại đủ tất cả điều lành. Ý hỏi rằng: Chỗ nào trong thế pháp mà chẳng bị ô nhiễm, nhưng Bồ-tát vì chúng sinh nên thường phải ở thế gian, phải có giới phương tiện khiến chẳng hại điều lành ấy. Phật khen rồi bảo lắng nghe, liền nói Bồ-tát điều phục quyết định khéo léo. Quyết định nghĩa là tất cả ác tự tại, tất cả điều lành đều do đó sinh. Tức là tự tánh lành. Bồ-tát có hai: Tại gia và xuất gia, nếu tại gia thì thọ năm giới. Như trước ở ngôi vua tự tại chẳng chướng ngại đạo Bồ-tát. Vì năm việc các thứ phương tiện đạo này. Thời phương nhiếp tự tại cầu Nhất thiết trí, nghĩa là phương tiện đầy đủ ca múa. Thiên tử... là thị hiện các thứ nghề, tùy phương tiện chúng sinh bốn pháp nhiếp mà nhiếp lấy, là trong văn kinh.

Thời, nghĩa là quán thời và phi thời, chẳng đối đãi chẳng mất, giống như sóng biển. Phương, nghĩa là tùy theo nơi chốn, phải dùng pháp nào mà vào Đạo là thuận theo thế giới tất-đàn. Dùng phương tiện tuệ thực hành đầy đủ các thứ tự tại mà nhiếp chúng sinh, đặt ở Nhất thiết trí. Chẳng đồng với không có năm giới phương tiện, chỉ tự câu chấp, chỉ cầu tự hộ. Vì quán lợi ích nhiếp tất cả mà nhập vào các thứ đạo cho đến kia đây nhập Thiên từ, bày chỗ đồng học, học rồi dần dần dùng chánh kiến mà dẫn dắt. Vì các phương tiện vô biên như thế mà chỗ lợi ích có hạn, tức dùng bốn pháp nhiếp mà dẫn dắt vào Phật đạo. Bốn nhiếp như trong Bảo Vân Bồ-tát Tạng có nói. Nếu Bồ-tát tại gia,

giữ năm giới như thế, nghĩa là chẳng tà kiến sát, đạo, dâm, vọng, trong năm thứ này dùng phương tiện mà trì, ngoài ra tất cả đều vô ngại, chỉ cốt dẫn dắt vào Phật đạo mà thôi. Vì năm giới này làm đầu mà thành được địa Nhất thiết trí Như Lai vị, cho nên nói được vô lậu tánh giới thành. Do trụ vào cụ tuệ phương tiện này ấy là chỗ học. Giới bản tánh này muôn đức đều đủ, tức là giới vô vi. Lại giải thích như trên. Bồ-tát có hai thứ là tại gia và xuất gia. Năm giới này Bồ-tát tại gia phải giữ, vì ở thế gian có các sự việc, nên phải giữ năm giới này. Do giới này mà đầy đủ Cụ tuệ phương tiện, các phiền não nghiệp ác chẳng thể hại, do nhân duyên này mà được thành Phật. Cho nên kinh nói: Thiện giới như thế khó tu học tin tưởng đầy đủ. Đây là khuyến trì. Ý khuyến trì là Phật dẫn Phật xưa làm chứng. Chữ Phật quá khứ do giữ năm giới này, nên ở trong thế gian đồng các thứ sự nghiệp của chúng sinh mà nhiếp lấy, chẳng ngại tự làm, cho nên được thành Phật muôn đức tròn đủ. Giới vô lậu tự tánh cũng do đây mà sinh. Phương tiện trí cụ. Phương tiện này tức là thân thì ấn, miệng thì chân ngôn, tâm thì quán Bổn tôn Tam-muội, vì phương tiện này lại có Diệu Tuệ. Tức quán ba việc này từ duyên mà sinh và nhập vào thật tướng. Cho nên muôn hạnh giữ gìn nhanh chóng mà được thành Phật, như kinh Thanh Văn. Người thế tục sở dĩ giữ năm giới là vì ngăn ngừa thân miệng khiến vào thấy đế. Nay ở trong đây cũng thế. Đem năm giới này làm phương tiện mà phòng hộ khiến được thành hạnh chân ngôn mà thấy đế. Không phải chỉ có Bồ-tát tại gia mà năm giới này các Bồ-tát xuất gia đều cùng giữ. Lại có bốn trọng nghiệp căn bản. Tu hạnh chân ngôn cho đến dù mất mạng cũng chẳng phạm. Những gì là bốn pháp? Nghĩa là chê bai các pháp là một, lìa bỏ tâm Bồ-đề là hai, keo kiệt là ba, não hại chúng sinh là bốn. Vì sao? Vì bốn tánh nhiễm này không phải là giới Bồ-tát. Trở xuống là văn kệ, không phải Bồ-tát giữ giới tánh này là nhiễm. Trở lên là văn kinh, hạnh Chân ngôn của Bồ-tát có bốn giới trọng, tức là đồng bốn tội căn bản của Thanh văn. Nếu dứt bỏ bốn giới trọng này tức là dứt bỏ nghiệp lành căn bản, tất cả công đức đều chẳng sinh. Như trong kinh Thanh văn có dụ chặt cây đa-la. Nhưng trong Đại thừa không có nghĩa chặt luôn. lại tự thọ giới mới thì liền sống lại. Nếu phạm các giới này thì không phải Bồ-tát. Cũng như Thanh văn phạm trọng thì không phải Tỳ-kheo. Như thế đã rõ, do bốn việc này đối với pháp Bồ-tát là tánh nhiễm ô, chướng ngại tất cả công đức chẳng để sinh. Cho đến nhân duyên mất mạng cũng chẳng nên hủy phạm.

Kế Phật lại dẫn chứng. Nghĩa là chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai

đều do Cụ tuệ phương tiện tu hành giới này, mà được tu học Vô thượng Bồ-đề, được Đại Tất-địa. Đại Tất-địa tức là quả diệu hạnh, tức là thành Bồ-đề. Vô hữu lậu là tánh giới, phương tiện lìa trí học xứ, cũng nói Thanh văn là người có sức mạnh. Là văn kinh ý nói: Phật vì Thanh văn cũng nói Cụ giới và bốn trọng. Nhưng ở đây nhiếp một loại căn tánh nhỏ kia, mà quyền nói thứ này, chẳng phải rốt ráo. Thế nên giới này lìa phương tiện, phương tiện và Trí chẳng đầy đủ. Nếu thú hướng về Đại thừa, lại học diệu giới mới đủ giới Bồ-tát, Đại dũng sĩ là chỉ cho Kim Cang Thủ. Phật vì chúng sinh hữu tình thấp kém không có chí nguyện Đại thừa mà muốn vào nhà Trưởng giả, chẳng ở mãi trong nghèo nàn, cực khổ uổng công mà chẳng được gì. Pháp này thuộc về chẳng phải bổn ý ra đời của Phật. Cho nên giới này chẳng phải giới Phật tuệ vô lậu không thể suy nghĩ bàn luận. Nếu vào trí vô lậu Phật liền tự chứng biết.

Phẩm 19: BÁCH TỰ SINH

Bấy giờ, Phật Tỳ-lô-giá-na quán sát các chúng sinh trong đại hội mà dạy Bất Không Tất-địa. Khi ấy, Thế Tôn Tỳ-lô-giá-na quán sát các đại chúng tập hợp nói giáo Bất không tùy ưa thích mà thành tựu tất cả Chân ngôn tự tại, Chân ngôn vương, Chân ngôn Đạo sư có oai đức lớn, an trụ vào ba thứ Tam-muội-da. Tròn đủ ba pháp, dùng lời nói hay ho mà bảo Đại Lực Kim Cang Thủ rằng: Này các dũng sĩ hãy một lòng lắng nghe Tam-muội Trí sinh, tùy tất cả ưa thích Chân ngôn tự tại, Chân ngôn vương, Chân ngôn Đạo sư mà nói Đại oai đức. Ba thứ Tam-muội-da tròn đầy nên bảo rằng: Như trên là văn kinh, trước đây tuy nói các thứ phương tiện nhưng chưa đủ nên nay lại nói. Do đó lại quan sát đại hội, xét rõ tâm cơ, đều ở trong chúng này cùng khắp chân thật, có khả năng làm pháp khí nên lại nói cho nghe.

Lại nữa, dùng thần lực không thể suy nghĩ bàn luận mà gia trì họ khiến được pháp lực, có khả năng nghe được diệu pháp này, quán sát rồi, các Chân ngôn như trên đã nói rộng.

Đây là chữ Ám, là tâm tất cả chân ngôn, là Thượng thủ của tất cả chân ngôn. Phải biết đây là chân ngôn Bất không giáo. Bất không, là tùy tất cả chúng sinh có thấy nghe mà biết riêng. Chẳng có lỗi không, tức đều nhất định là Vô thượng Bồ-đề, nên gọi là Bất không.

Lại nữa, tùy theo nguyện lành của họ đều khiến cho đầy đủ. Cho đến chúng sinh nguyện lớn Bồ-đề cũng được đầy đủ. Như Đại Bảo Vương ở trên cờ cao mà đầy đủ tất cả, nên gọi là Bất không. Tất cả Chân ngôn tự tại, cũng như Như Lai đứng đầu các pháp, tự tại với các pháp. Nay chân ngôn này cũng như thế, đối với tất cả chân ngôn đều được tự tại. Vì nhân duyên này lại gọi là Chân ngôn vương lại gọi là Chân ngôn Đạo sư. Như nhiều người xuống biển phải y theo người dẫn đường, cho đến đều được chỗ nhiều báu lớn mà đem về dùng. Chân ngôn vương này cũng giống như thế, làm Đạo sư cho tất cả chân ngôn, Chân ngôn Đạo sư là người cứu đời, nói chân ngôn này là đồng với Phật, lại còn có oai đức lớn, năng lực tự tại, Bí Mật thần thông của Như Lai đều do đây mà sinh. Nếu người tu đúng như pháp mà làm thì cũng đồng với chân ngôn này mà được như đây. Ngồi ba thứ Tam-muội, tức là ba thứ Tam-muội-da thân, miệng, ý là Khẩu chân ngôn, Thân pháp ấn, Tâm Bổn tôn. Nay gọi tức ngồi Kim cang. Ba pháp đầy đủ tức là lý, hạnh, quả. Giáo tức là các điều nói ra từ trước, nay ở giáo sau mà thực hành đủ ba pháp này rốt ráo không sót. Phật nói diệu âm bảo Kim Cang

Thủ rằng: Ta nói pháp này, các ông đại lực dũng sĩ hày một lòng lắng nghe. Trước nói phẩm chân ngôn tức là hợp nói, sao đến đây mới nói, vì mê người tìm văn kinh. Phật đủ đại bi sao chẳng nói bày mà mê hoặc chúng sinh?

Đáp: Ở đây không phải có sự mến tiếc, chỉ vì thế gian có các Luận sư, tự dùng lợi căn trí lực phân biệt nói các pháp tướng thông suốt chữ nghĩa, vì tâm khinh mạn nên chẳng theo thầy. Vội tìm kinh tức muốn tự làm. Nhưng pháp này rất vi diệu, nếu chẳng nương Đạo sư chân chánh thì không thể thành. Lại sợ người dối làm sẽ hại mình và hại người. Nếu văn có che dấu khiến nó tự dùng trí lực mà chẳng hiểu, liền bỏ tâm cao mạn mà y theo thầy, dùng nhân duyên này chẳng sinh nhân duyên phá pháp nên phải như thế. Phật sắp nói Chân ngôn Đạo sư tức trụ ở trong Xảo trí sinh Tam-muội, nghĩa là Tam-muội này sinh ra Trí phổ môn khéo léo của Như Lai, nên lấy đó làm tên. Nói trăm sáng chiếu chân ngôn, nghĩa là từ một chữ này mà phát ra ánh sáng trăm pháp khắp tuôn ra. Chữ này nếu dịch là khắp cũng chẳng đúng lý. Nếu dịch là phát ra ánh sáng thì nghĩa phát ra ánh sáng cũng chưa hết, đều là ý khắp tuôn ra, ánh sáng trăm oai đức từ đây mà có ra chân ngôn này. Trước phải quy mạng tất cả Phật, nói Kim Cang Thủ, chân ngôn này là chân ngôn cứu đời. Đại oai đức, Phật tự tại tức là tất cả pháp tự tại mâu-ni. Phật bảo Kim Cang Thủ: Tất cả chân ngôn này là chân ngôn cứu đời thành tựu oai đức lớn, tức là Đẳng Chánh Giác Pháp Tự Tại Mâu-ni, phá các vô trí đen tối như mặt trời hiện khắp tức là được tự thể của ta là Đại mâu-ni gia trì, phải hiện làm thần biến tùy theo sự ưa thích mà lợi ích chúng sinh. Lợi ích các chúng sinh cho đến khiến tất cả tùy tư nguyện mà sinh khởi, tức là tùy tư nguyện của tâm ấy mà khiến sinh ra có khả năng làm thần biến Vô thượng này. Cho nên nói hơn tất cả thứ. Tức là trong tất cả việc không gì bằng cầu Chánh giác. Cho nên đối với tất cả thứ mà thanh tịnh thân, lìa các chướng. Đúng lý thường siêng tu cầu Chánh Đẳng Giác. Thanh thân lìa chướng nghĩa là người tu phải thanh tịnh thân mình khiến lìa tất cả chướng mà tu hành. Tất cả thứ tức là đối với tất cả phương tiện sắc loại mà tu. Tất cả vô trí đen tối phá rồi thì mặt trời hiện ra đồng thấy là tụ ta gia trì. Đại Mâu-ni hiện thành biến hóa lợi ích chúng sinh, cho đến các chúng sinh này nghĩ khởi khiến phát sinh, thường làm biến hóa tối thượng, cho nên tất cả thứ phương tiện muốn riêng tu, đúng lý mà làm thanh tịnh ta, như trên là văn kinh.

Chân ngôn này tức đồng cứu thế, tức là Phật. Có oai đức lớn nghĩa là oai thần của Như Lai chân ngôn này tức là tất cả pháp tự tại Mâu-ni.

Đây là tên khác của Tỳ-lô-giá-na. Ánh sáng Chân ngôn tuệ phương tiện này phá tan tất cả tối tăm vô trí, cũng như khi mặt trời mọc thì các tối tăm tự mất. Phổ (khắp) nghĩa là tất cả chúng sinh mau dứt trừ tất cả tối tăm vô minh. Phải biết chữ này tức là chỗ gia trì của ta, tức đồng với ta, không khác với ta. Ta tức là tự thể Phật. Ta dùng môn chân ngôn này tùy loại hiện khắp sắc thân, khắp pháp giới tất cả loại chúng sinh, tùy các thứ thân hỷ kiến (trông thấy rất mừng), hay cùng một lúc khắp thấy thân ấy. Tùy tâm ưa thích mà thị hiện. Không phải chỉ hiện thân mà thôi. Nhưng tâm nguyên tư niệm ấy vô lượng khác nhau. Cho đến trong chốc làt có vô lượng điều ưa muốn đều được đầy đủ. Cho nên nói tư phát trí. Lại còn khởi cơ nhập đạo kia, nên nói phát trí. Trụ vị là trụ câu tối thượng này. Cho nên các thứ phương tiện này phải siêng tu học. Nếu tu thì được ngã thanh tịnh. Ngã thanh tịnh trong đây tức là Tỳ-lô-giá-na. Nhưng ở trong Tự luân này lại đặt Chân ngôn vương này. Kế một luân ngoài có mười hai chữ, tức là từ y đến áo, gồm có mười hai, mười ba muội thanh. Kế ở luân ngoài khắp bày trăm chữ. Trước hai mươi lăm chữ từ chữ Ca??... Kế là hai mươi chữ, từ chữ??... Kế là hai mươi lăm chữ như chữ??...Kế là hai mươi lăm chữ như chữ??... Trong đây lấy năm chữ Nga Nhã, Noa, Na, Ma là dấu chấm Đại không ở khắp tất cả chỗ cho nên đồng nêu ra. Nếu nêu bày năm lớp, mươi lăm chữ như chữ??... là luân thứ nhất, chữ??... Là luân thứ hai,chữ?? Là luân thứ ba, chữ?? Là luân thứ tư cũng được. Bày chữ thứ lớp theo mặt trời xoay bên phải. Phẩm kế nói quả của Chân ngôn này.

Phẩm 20: BÁCH TỰ QUẢ TƯƠNG ƯNG

Này Bí Mật Chủ! Nếu được nhập vào Chánh Đẳng Đại Trí Quán Đảnh Địa thì tự thấy trụ ở ba thứ Tam-muội-da. Bí Mật Chủ nếu nhập vào Đại Trí Quán Đảnh Thế Tôn này thì có hình Đà-la-ni thị hiện Phật sự. Bấy giờ, Phật Thế Tôn tùy ở trước tất cả chúng sinh mà làm Phật sự, nói ba thứ Tam-muội-da. Khi ấy, Tỳ-lô-giá-na bảo Kim Cang Thủ Bí Mật Chủ rằng: Phật Thế Tôn vào Đại Trí Quán Đảnh Địa, được ba thứ Tam-muội-da, hợp thân, miệng, ý bình đẳng thành một mà trụ lập ngã kiến, phải ở Bí Mật Chủ nhập Đại Trí Quán Đảnh có hình Đà-la-ni mà thị hiện Phật sự. Như trên là văn kinh.

Đại Trí Quán Đảnh Địa tức là Địa thứ mười một của Như Lai. Do trụ địa mười một mà nhập vào Đại Trí Quán Đảnh bèn làm việc Như Lai cho nên dịch là Đại Trí Địa, là thân Đà-la-ni mà làm Phật sự. Do đây cho nên có thể vì tất cả chúng sinh mà làm Phật sự. Đà-la-ni hình tức là bao gồm Chân ngôn luân mà làm thân, tức thành thân Phổ môn. Do trụ vào thân tổng trì này mà ở trước mắt tất cả chúng sinh hiện thân hỷ kiến, nói pháp ứng cơ, không có sai lầm, đồng vào Trí Phật.

Bấy giờ, Thế Tôn nói chúng sinh và các Phật có ba thứ Tam-muội-da, tùy trụ Bí Mật Chủ, quán lời ta nói Tự luân thần biến rộng dài vô lượng thế giới khắp môn thanh tịnh, tất cả chúng sinh vui mừng như thế khiến pháp giới tùy loại biểu thị môn, cũng như nay Thế Tôn Thích-ca Mâu-ni rất khác hư không giới trùm khắp thế giới siêng làm Phật sự. Này Bí Mật Chủ, không phải các hữu tình biết được Phật Ngữ luân như thế phát ra Chánh diệu âm, trang nghiêm chuỗi anh lạc Thai sinh hình tượng Phật, tùy tánh vui mừng của chúng sinh mà hiện sinh. Như trên là văn kinh.

Phật như trên đã nói, kế là bảo Kim Cang Thủ: Ông nên quán ngữ luân của ta, tức quán cảnh giới Phật Đà-la-ni Thân Tự luân. Phật dùng thần lực gia trì đại hội. Không phải chỉ nay Bí Mật Chủ quán Ngữ luân cảnh giới rộng dài của ta khắp đến vô lượng thế giới thanh tịnh môn như bản tánh tất cả chúng sinh, biểu thị tùy loại pháp giới môn khiến phát vui mừng. Cũng như nay Đức Thế Tôn Thích-ca Mâu-ni lưu thông khắp vô tận hư không giới, ở các cõi nước siêng làm Phật sự. Kim Cang Thủ được quán tất cả đại hội này cũng được đồng quán các cảnh thần diệu không thể suy nghĩ bàn luận này. Vì sao? Vì thân Đại Trí này thường trụ vắng lặng lìa các nhân duyên, không phải là cảnh có tâm, lìa thần lực gia trì của Phật thì không phải cảnh giới của tất cả Bồ-tát. Phật đã chỉ

bày xong liền bảo rằng: Các ông hãy quán cảnh giới tự luân của ta rộng dài vô lượng. Dài (rộng) nghĩa là người chẳng thể kịp, chỉ gọi đây là sao? Là rộng ngang khắp tất cả thế giới chúng sinh, nói dài là sao? Tức dọc cùng cõi Phật, nên gọi là rộng dài. Thân rộng dài như thế khắp ứng tất cả, từ đâu mà được? Chính từ một chữ Chân ngôn vương này mà hiện việc này, một chân ngôn ấn thân, mà bày tất cả thân dùng một chân ngôn tự âm mà phát ra âm thanh vi diệu khắp cùng pháp giới, dùng một tâm Chân ngôn Bổn tôn mà khắp bày tất cả cảnh trí tuệ. Thích-ca Mâu-ni tức thân Bất không kiến này khắp vào thế gian mà làm Phật sự. Cho nên chỗ bày ở đây tức là thân Mâu-ni. Phật làm Phật sự tức là Đức Thích-ca này từ tự luân Tỳ-lô-giá-na mà ra. Nhưng không hai không khác, đều khắp tất cả chỗ. Vì một chữ này đồng với Đại không vốn chẳng sinh. Phải biết thân trăm chữ cũng giống như thế. Có khác tức là thân ba Tam-muội-da cùng khắp thế giới và mười phương hư không đều khắp, không có hư không nào chẳng khắp. Phải biết hư không chẳng thể lường thân cũng giống như thế.

Này Bí Mật Chủ! Không phải các hữu tình biết được Thế Tôn. Tướng ngữ luân ấy tuôn ra cũng xét theo kinh Hoa Nghiêm. Diệu Âm của tâm ta sinh ra diệu âm Đẳng Chánh Giác của chư Phật. Trang nghiêm anh lạc từ Thai tàng sinh ra ảnh tượng của Phật. Trang nghiêm nghĩa là dùng lời nói mà trang nghiêm tướng ấy, từ tâm thai tàng sinh ra hình Phật. Rộng dài không bờ bến mà làm Phật sự. Chúng sinh không thể biết được, tức là tự luân của Phật này, cũng không phải cảnh của Bồ-tát. Nếu lìa thần lực thì chẳng quán được, mà chúng sinh nào biết ích lợi ấy. Trong các tiếng nói, Phật là thứ trang nghiêm cao nhất trong các thứ. Nói tóm lại là dùng vô tướng trang nghiêm, từ tâm hiện sinh tùy loại thân Phật, do trụ Tam-muội Diệu Âm này mà hiện khắp ra trước, tùy bản tánh nó mà khiến được vui mừng tin hiểu. Chỗ sinh chính là cảnh đến và ở. Đây là âm thanh trang nghiêm vi diệu sau này. Thai tàng là từ một chữ mà sinh nên gọi là Thai tàng. Từ một chữ này mà sinh là thai. Tùy nó sinh mà dùng làm ảnh tượng, như tấm gương tròn sạch mà đối với các sắc đã chẳng đến, gương cũng chẳng đi. Nhưng nhân duyên hòa hợp thì hình ảnh rõ ràng, chẳng phải sinh chẳng phải diệt, chẳng phải một chẳng phải khác, chẳng phải đến chẳng phải đi, chẳng phải thường chẳng phải đoạn, tức đồng với thể không thể suy nghĩ bàn luận ấy. Ảnh tượng Như Lai cũng giống như thế, vô tư vô vi mà ứng tất cả, đều tùy tâm ấy khiến được vui mừng mà là Phật sự hiện đời. Tức là dùng tiếng nói của một Đức Phật mà sinh ra tất cả Phật sự. Như sáu căn tịnh phẩm mà còn có

thể dùng một diệu âm thanh đầy khắp cõi tam thiên, huống chi là sáu căn cứu cực viên tịnh của Như Lai.

Bấy giờ, vô lượng hải môn thế gian, pháp giới thành Bồ-đề, siêng tu hạnh nguyện Bồ-tát Phổ Hiền. Bồ-tát này hoa bày khắp đất Thai tàng thế giới chủng tánh hải sinh thọ, các chủng tánh thanh tịnh môn, cõi Phật trừ sạch, tòa Bồ-đề hiện, ở trong Phật sự mà trụ. Như trên là văn kinh.

Do Đại Trí Quán Đảnh vô lượng thế giới hải môn này, môn là từ chỗ đó mà vào, vô lượng thế giới hải khẩu ấn chỉ rõ môn mà chúng sinh thú nhập. Do biết vô lượng thế giới hải môn này mà siêng tu Bồ-đề, mà một Bồ-đề này chẳng phải là một Bồ-đề kia, cho đến Bồ-đề khắp pháp giới. Vì chúng sinh vô lượng nên pháp giới vô lượng nay đây khiến cho khắp được thành.

Bấy giờ, Thế Tôn ở trong vô lượng thế giới hải môn pháp giới, hết lời khuyên phát thành tựu Bồ-đề, thực hành đầy đủ hạnh nguyện của Bồ-tát Phổ Hiền. Phát ra hạnh nguyện Bồ-tát Phổ Hiền để gia trì mà hiện tướng như ở sau. Đối với hoa đẹp này trải đất Thai tàng thế giới này. Nói ở đây, tức là thế giới Sách-ha ở biển chủng tánh mà thọ sinh. Dùng các thứ chủng tánh thanh tịnh để trừ sạch cõi Phật hiện cội Bồ-đề mà làm Phật sự.

Lại nữa, Bồ-đề như mình không khác, đồng nhập vào pháp giới. Đây chính là hạnh đại Bồ-đề. Nếu phát hạnh như thế tức là hạnh Phổ Hiền. Khởi nguyện như thế tức là nguyện Phổ Hiền. Bồ-tát làm việc này là do mới phát tâm. Hoa địa, như làm cho đất đai bằng phẳng, sạch sẽ, rải các thứ hoa, sắc, hương, vị, xúc đáng yêu, trang nghiêm cùng khắp mà ngồi trên đó. Nay Tâm Đại Bi Tạng này cũng giống như thế. Thai là mới khởi đầu, tức là chỗ khởi đầu của Như Lai, vì từ tánh Như Lai mà sinh. Tánh Như Lai là chữ mà sinh ra. Phát tâm như thế là giai vị Sơ địa. Hải nghĩa là biển Như Lai chủng tánh, từ thật tánh này sinh ra tất cả công đức Như Lai. Thai nghĩa là từ đó làm cội gốc, do hạnh Phổ Hiền, hạnh Như Lai, từ biển tánh của Thai tạng Như Lai, dần dần đầy đủ tất cả chi phần sáu căn của Như Lai. Thân Phổ môn này tùy tâm hạnh của chúng sinh khác nhau mà tánh dục đều khác. Tức dùng Diệu môn thanh tịnh mà thanh tịnh tâm mình chưa được rốt ráo. Thanh tịnh tâm như thế tức là trang nghiêm tất cả cõi. Người tu như thế khi trụ địa Bồ-tát thì có thể thấy khắp thế giới hiện thân tòa Như Lai trong đạo tràng mà thanh tịnh pháp giới luân, tức có thể biết khắp tất cả, tức là thành Phật. Cũng có thể tùy chỗ ưa thích mà làm mãn nguyện lỗi bất không.

Cho nên kế là kinh nói: Lại nữa, cầu câu Chánh biến tri là tâm vô lượng biết thân vô lượng chứng thân vô lượng, biết trí chứng vô lượng. Lại nữa, ưa cầu là lại tu đạo Bồ-tát, tức là Phật sự. Chúng sinh thấy đạo đó, liền khuyên phát tâm học đạo. Lại nữa, ưa thích siêng cầu Chánh biến tri. Biết tâm vô lượng tức biết thân vô lượng, biết thân vô lượng tức thành trí vô lượng, biết trí vô lượng là biết chúng sinh vô lượng, chứng chúng sinh vô lượng thì biết hư không vô lượng, chứng mà được thứ này Bí Mật Chủ tâm vô lượng bốn vô lượng mà được. Đã thành Chánh Đẳng Giác tức biết chúng sinh vô lượng biết chúng sinh vô lượng tức được biết hư không giới vô lượng. Bí Mật Chủ, vì tâm vô lượng mà được bốn thứ vô lượng, nghĩa là trừ tâm, trừ thân, trí chúng sinh hư không, đã được thành Tối Chánh Giác. Đủ mười thứ năng lực, hàng phục bốn ma, sư tử gầm thét... thành mười Lực bốn ma hàng phục, vô úy sư tử hống. Đây là tất cả dũng sĩ câu trí tối thượng học xứ bách môn, đối với tâm chư Phật mà nói. Như trên là văn kinh.

Đây ý nói: Giống như nhập vào môn Đại Trí Quán Đảnh này mà trụ chủng tánh Bồ-tát thì biết tâm vô lượng. Vì biết tâm vô lượng thì biết tất cả thân vô lượng. Vì biết thân vô lượng thì biết trí vô lượng. Vì biết trí vô lượng tức biết hư không vô lượng. Vì sao? Vì tất cả pháp do tâm mà có, hiểu rõ đây tức là pháp vô lượng, tức biết thân vô lượng duyên sinh mà thấy thân bèn hợp cơ, Trí Độ môn ứng đó mà khởi. Cũng lại vô lượng mỗi thứ đồng với hư không, vì thân trí chúng sinh hư không vô lượng nên gọi là bốn vô lượng. Do vô lượng này tức từ tâm sinh nên gọi là bốn tâm vô lượng. Nếu được bốn tâm vô lượng này tức là thành Chánh giác, tức là đủ mười lực, hàng bốn ma, tức là vô úy Sư tử hống. Như thế các việc đều do trụ bốn tâm vô lượng này mà trụ vào tất cả Vô thượng pháp cú mà được thành tựu. Nên gọi là quả Tất-địa chữ?? Đây là Bách môn, chẳng phải ta tự nói, tất cả Phật cũng đồng nói như thế. Đây là chỉ cho mười năng lực trên... các công đức như mười năng lực trên... Dũng sĩ tức là Bí Mật Chủ. Như thế cần học dũng sĩ tối thượng giác. Cú là đối với Bách môn học xứ chư Phật nói tâm. Trên là Bách tự quả thọ dụng phẩm, nghĩa là tùy theo mỗi môn có tương ưng mà thọ dụng.

■

ĐẠI TỲ LÔ GIÁ NA THÀNH PHẬT KINH SỚ

QUYỂN 19

Phẩm 21: BÁCH TỰ VỊ THÀNH

Bấy giờ, Chấp Kim Cang Thủ Bí Mật Chủ bạch Phật rằng: Hy hữu thay! Bạch Đức Thế Tôn! Dưới đây là kệ nói về chân ngôn cứu thế, nghĩa là năng sinh các chân ngôn. Chân ngôn cứu thế là chân ngôn của các chân ngôn sinh ra sự hiểu biết. Thế nào là ai, ở chỗ nào, Đại Mâu-ni các chân ngôn là ai sinh, vì ai nói? Đây là vì tất cả Đại dũng sĩ mà nói, cùng người nguyện mà nói. Như trên là văn kinh.

Lúc đó, Bí Mật Chủ nghe lời Phật nói đều được điều chưa từng có, nên bạch Phật rằng: Hy hữu thay! Đức Thế Tôn! Nói Chân ngôn cứu giúp thế gian này, cứu thế tức là Phật. Như Phật đối với tất cả chúng sinh làm chỗ đại quy y cứu hộ. Chân ngôn này cũng như thế, trong tất cả chân ngôn đồng với cứu thế, vì các chân ngôn ấy làm chỗ cứu hộ. Như Phật là chỗ tất cả chúng sinh đều quy thú (nương về), chân ngôn này cũng như thế, là chỗ tất cả chân ngôn đều quy thú. Là bậc Đại Thánh, nghe Phật nói: Tức dùng một chữ mà sinh ra vô lượng chân ngôn thân, miệng, ý mà sinh ra vô lượng chân ngôn thân, miệng, ý khác nhau. Tùy tánh chúng sinh mà hiện các thứ thân, nói các thứ pháp, hiện các thứ thần biến do đó hỏi chân ngôn này làm sao sanh?. Lại ai chứng biết, sinh ở chỗ nào, kinh ai được là hỏi ba việc này.

Đại Mâu-ni khen. Vì sao biết là một, ai biết là hai, ở chỗ nào mà được là ba, ai sinh các chân ngôn là bốn? Trước hỏi ai biết được? Bốn thứ sau này hỏi sinh là ai. Đại dũng sĩ là Phật, ở đây tất cả nguyện nói là nói cho người Trung thượng nguyện tất cả trí cùng nguyện nói, đây tức là khen đức của Phật, thực hành tất cả nguyện đầy đủ, cho nên gọi là ban cho nguyện. Nhân thỉnh Phật nói: Phật Đại Pháp Tự Tại Mâu-ni Mãn nói như thế xong. Thế Tôn Đại Pháp Tự Tại Mâu-ni, đều ở khắp các thế giới. Tỳ-lô-giá-na Phật Nhất Thiết Trí bảo rằng: Lành thay, lành thay! Ma-ha-tát Cụ Đức Kim Cang Thủ! Ta sẽ nói tất cả Bí mật rất

hy hữu là Bí yếu của chư Phật. Tất cả các ngoại đạo chẳng thể biết. Các Đại thừa quán đảnh bi sinh Mạn-đồ-la, đều đầy đủ hạnh lành, thường dùng bi mà làm lợi tha. Kẻ có duyên quán Bồ-đề thường chẳng thể thấy. Biến khắp là trùm khắp thế gian. Lúc đó Phật vì muốn nói pháp tâm chân ngôn này, liền dùng thần lực gia trì khắp cùng pháp giới, đều có âm chân ngôn mà bảo Kim Cang Thủ. Nhất Thiết Trí Tỳ-lô-giá-na. Lành thay, lành thay! Đại chúng sinh Kim Cang Thủ Đại đức, ta nói tất cả bí mật bậc nhất hy hữu là tối bí của chư Phật tất cả ngoại đạo đều chẳng biết, như trên là văn kinh.

Phật khen Kim Cang Thủ: Lành thay, lành thay! Chấp Kim Cang Đại Đức: Đại đức là đủ muôn đức. Pháp này chính là bí mật nhất trong tất cả Bí mật của Như Lai, cao hơn hết trong các bí mật. Phải cùng giữ gìn cho dối cho người. Bậc nhất hy hữu là pháp rất khó được. Nay các pháp bí mật này tất cả ngoại đạo không biết được. Nhưng ngoại đạo có hai: Một là các ngoại đạo thế gian, hai là các ngoại đạo trong Phật pháp. Vì tuy nhập vào Phật pháp mà chưa biết được Bí mật của Như Lai, thì cũng là tà kiến, tâm hành đạo ở ngoài lý nên cũng gọi là ngoại đạo, pháp này hai thứ ngoại đạo đều không biết được. Ngoại đạo trong Phật tức là người Nhị thừa. Phật đã chẳng dối cho người, yên lặng lâu đợi cơ mà ban cho. Nay người nào được nghe pháp này. Nên kế là nói: Nếu người ở trong Đại thừa được vào pháp quán đảnh Đại bi sinh, mới được nghe, chẳng thế chẳng được.

Kế lại hỏi ai dẫn vào quán đảnh. Nếu người có tánh thảy đều ngay thẳng, đủ các hạnh lành người như thế có thể dẫn vào pháp Quán đảnh. Lại có người thường bi, bèn được dẫn vào Mạn-đồ-la Thường Bi, nghĩa là như có người có lúc thì bi, có lúc không bi, hoặc ở đây thì bi, ở chỗ khác thì không bi hoặc đối với thân thì có mà với oán thì không. Nay thì không như thế, mà trong tất cả mọi lúc, mọi nơi thường có tâm Bi lại lại phải rộng khắp bình đẳng. Người như thế mới được dẫn vào Quán đảnh. Đã được quán đảnh mới được nghe pháp này, không phải như các kinh thường truyền bá. Pháp này ở trong kệ Kinh Pháp Hoa cũng nói rộng chọn người có thể dẫn vào.

Lại nữa, người có duyên mà quán cũng chẳng được nghe pháp này. Phật pháp lìa tất cả tướng, lìa tất cả duyên. Nếu có tướng có duyên thì chẳng lìa kiến chấp thường đoạn, cho nên chẳng được nghe pháp này. Nay nói vô duyên đâu phải bác bỏ tất cả pháp, đều là không có cái không có. Không phải như thế. Phật pháp tuy lìa duyên lìa tướng mà dùng phương tiện, đầy đủ tất cả công đức lành và cảnh giới thần lực

không thể suy nghĩ bàn luận, ngay nơi tướng mà vô tướng, ngay nơi vô tướng mà đầy đủ tất cả tướng, ngay nơi duyên mà vô duyên, ngay nơi vô duyên mà đủ tất cả duyên. Chẳng phải chỉ nói không, chẳng có các thứ mà thôi. Đại ý là nói Bồ-tát có Đại hạnh Đại nguyện phát ở Đại tâm. Người như thế nói cho nghe pháp này.

Trước hỏi từ đâu sinh, nay đáp từ tâm Phật sinh. Đạo sư tức là Phật. Nếu tùy Đạo sư, tùy chỗ trụ thì chân ngôn này có thể biết nội tâm của đại ngã, tức là khen tâm này, tùy chỗ sinh ra, tức là tùy tất cả chỗ phần sinh ra, tùy vị tự tâm chỗ Đạo sư trụ. Tám là từ ý sinh, hoa sen rất xinh đẹp, tròn đầy như mặt trăng, vô cấu đồng với gương, luôn an trú trong đó. Chân ngôn cứu Thế Tôn, màu vàng kim có ngọn lửa Tam-muội nghĩa là đài hoa này từ tâm ý sinh ra. Tức là quán ở tự tâm hoa sen tám cánh. Hoa này chẳng từ chỗ khác sinh, tức là từ ý sinh. Ý tức là hoa không hai, không khác.

Đài hoa này tròn sáng như trăng, thanh tịnh vô cấu, đồng với gương tròn. Vì thế gian không có vật nào dụ được, chỉ có gương tròn có thể dụ. Ở đây nó được ý quên lời. Song thật lỗi ở nó trăm ngàn muôn lần chẳng thể làm dụ. Nay trong tròn mà có chân ngôn cứu thế, đủ công đức lớn, sắc vàng ròng có cả ánh sáng, trụ Tam-muội vắng lặng mà quán một chữ Chân ngôn vương này. Từ chân ngôn vương này liền quán Bổn tôn hoặc Đại Tỳ-lô-giá-na như trong pháp Du-già trên đã nói. Nói chưa rõ ràng nên phải hỏi lại. Nhưng văn trên đã nói đủ để xem xét. Hai nghĩa là tất cả phiền não, đều phải trừ hại. Ánh sáng ấy như hòa hợp trăm ngàn mặt trời sáng rực rỡ. Cũng như đồng tử Thất nhật chẳng thể ngước nhìn ánh sáng chói chang của mặt trời, nay ánh sáng này cũng như thế. Tất cả chúng sinh ấy quán mặt trời, mặt trăng mà chẳng thấy được bản chất.

Nay ánh sáng Phật này cũng như thế, thường ở trong ngoài chiếu khắp gia trì. Dùng mắt tuệ như thế mà biết ý gương làm gương tâm cũng được. Chân ngôn là mắt tuệ mà quán là gương tròn, phải thấy hình sắc mình vắng lặng tướng Chánh giác. Thân và ảnh tượng từ thân sinh ra. Tượng cho các thân sinh ra, trên thân là hữu vi hữu lậu, dưới thân là vô vi. Tâm sinh tâm, nghĩa là cấu tâm sinh Tịnh tâm, thường sinh ra thanh tịnh các thứ nghiệp tự làm. Nghiệp bất tịnh dứt hết, thì tịnh nghiệp sẽ hiện. Tịnh nghiệp đã hiện rồi thì sinh ánh sáng như điện chiếu khắp. Kế là ánh sáng ấy hiện viên chiếu như lửa điện, cũng chẳng lấy nghĩa điện, chỉ lấy ánh sáng nhiều màu sắc tròn đủ, ánh sáng đủ các màu chiếu sáng.

Chân ngôn làm cho tất cả Phật sự khắp trong ngoài như ý gương mà biết. Gương là đài hoa trong vầng ánh sáng tròn. Phải biết gương này tức là ý, phải biết gương này tức là tự tâm. Dùng thanh tịnh nào mạ được quán biết. Nghĩa là tức như phương tiện trên. Ở hai mặt trời mà đặt chữ La, dùng mắt tuệ này mà quán tâm thật tướng gương tròn, cho nên được hiểu biết hiện tiền. Ai có thể quán, tức là người tu hạnh Chân ngôn. Người tu hạnh này tức dùng mắt chữ La, là Diệu tuệ sáng suốt mà quán gương đài hoa. Trước làm ý quán bên ngoài, rất rõ ràng sáng tỏ.

Ở trong vầng ánh sáng tròn này, Như Lai cho đến âm thanh sắc tượng đều vô biên. Đã sáng tỏ như thế rồi liền dẫn đây mà làm nội thân. Nghĩa là từ trước nay quán thân Tỳ-lô-giá-na vắng lặng chánh thọ oai quang không bờ bến mà quán làm thân mình rồi, liền khiến thân mình đồng với Tôn ấy.

Ở trong vầng ánh sáng tròn vắng lặng mà trụ đồng với Phật ấy. Vì lìa tất cả tướng mà hiện bày tướng, nên gọi là tướng chân ngôn, rõ ràng như thế, hoa này từ ý sinh ra. Nghĩa là trước dùng chữ La đặt ở mắt mà quán tâm gương đài hoa, tức là thấy bên ngoài, tức dùng ngoại kiến mà thành nội kiến, tức hiểu rõ tâm ấy. Nên kinh nói: Mắt Tuệ như thế, mắt Tuệ trì tụng là gương quán thấy hình sắc mình vắng lặng tướng Phật, thân thân sinh duyên, ý tâm sinh ra. Thường thanh tịnh các tự nghiệp. Kế là ánh sáng lửa điện kia bao vây chân ngôn mà làm tất cả các Phật sự. Thấy như tịnh ngã cũng nói, làm tất cả sự ý tư (ý suy nghĩ). Như trên là văn kinh.

Nói Sinh nghĩa là thân, ngữ, ý sinh. Trước quán vầng ánh sáng tròn tượng Phật sắc vàng... phải biết từ ý mà sinh tức dẫn ngoài vào trong. Như thân đồng với thân ấn Phật, ngữ đồng với tiếng nói chân ngôn của Phật, tâm đồng với tâm Phật. Sinh đều từ ý sinh, tức dùng sinh đời này mà thanh tịnh tất cả nghiệp. Nên nói thường tịnh các thứ tự nghiệp, nghĩa là lìa tất cả nghiệp. Nếu lìa tất cả nghiệp thì gọi là chư Phật. Nếu như thế mà biết rõ tức là dùng vầng sáng tròn chiếu khắp. Chiếu khắp tức là làm Phật sự. Tùy thân, miệng, ý chiếu khắp trang nghiêm, phải làm tất cả Phật sự, tức đồng với Tỳ-lô-giá-na. Ai làm được Phật sự này, tức là người trì chân ngôn. Đây đều là Phật đáp lời Kim Cang Thủ từ chân ngôn sinh ra. Nghĩa là chân ngôn này từ thân, miệng, ý của người tu sinh ra. Nếu biết như thế, tức là trong ngoài thanh tịnh mà làm Phật sự. Kinh nói tự nghiệp tức là Phật sự, nghĩa là khắp hiện sắc thân hoặc chỉ các chỗ hành đạo Bồ-tát tám tướng thành Phật.

Các sự nghiệp Bổn sinh nhiều vô lượng vô biên, tóm lại đều là Tự nghiệp của Như Lai. Nếu biết được như thế, là thành Phật. Người trì chân ngôn do trụ vào quán trước, thứ lớp phương tiện hạnh chân ngôn này, thân này có duyên khởi, lại không thù thắng khác với Phật. Cho nên kinh nói: Như người thấy thì thành thanh tịnh. Người nghe cũng thế. Thấy, nghe, chạm, biết đều được thanh tịnh. Trong đây chữ năng gồm có nhiều nghĩa. Như ý nghĩ mà làm được tất cả sự.

Kế là ánh sáng lửa kia bao quanh chân ngôn, là làm tất cả Phật sự. Nếu tịnh ngã cũng nói làm tất cả việc, ý nghĩ cũng thế. Bí Mật Chủ Chân Ngôn Môn Bồ-tát thực hành hạnh Bồ-tát. Trong tâm như thế sinh ra duyên khởi là không có Phật thù thắng. Như trên là văn kinh.

Thầy nói chưa rõ ràng nên lại hỏi. Duyên khởi nghĩa là quán hoa tám cánh, trên hoa có vầng ánh sáng tròn đồng loại với gương sạch. Lúc đầu tức chưa sáng, dùng mắt tuệ phương tiện chữ La mà dần dần tự sáng, cho đến ở gương tròn mà thấy thân mình, tức bình đẳng với tất cả Phật. Pháp sinh như thế tức là tứ nhân duyên mà khởi. Nếu từ duyên khởi, thì quán môn bất sinh này liền vào thể tánh pháp giới. Dùng tuệ nhãn làm nhân, gương sạch làm duyên, vô lượng tự nghiệp đồng với Phật sự từ nhân duyên sinh ra. Nhưng thật chẳng tự sinh, chẳng khác sinh, chẳng cộng, chẳng vô nhân. Như trong Trung luận đã nói pháp này cao quý không gì hơn. Như trên đều nói lìa tất cả tướng, không đối không duyên, mà nay thực hành pháp quán này há chẳng trái ư?

Như từ chữ A sinh tất cả chữ, khi sinh tất cả chữ thì vốn bất sinh. Ở đây cũng giống như thế. Phật dùng năng lực phương tiện nên đối với pháp vô tướng vắng lặng mà thực hành hạnh Du-già này. Trong vô tướng mà nói các tướng, tức các tướng này là vô tướng. Gọi tướng tức là pháp từ duyên sinh ra, nhưng thật chẳng tự sinh, cũng chẳng do vật khác sinh, lìa tám thứ chẳng này tức là vô tướng bậc nhất, chẳng lìa tướng mà nói có vô tướng riêng. Nếu riêng thực hành lời nói này tức đồng với đoạn không của ngoại đạo.

Nhưng có người hỏi: Nay quán thân, ngữ, ý của Bổn tôn các cảnh giới, lại Bí Mật Chủ Chân Ngôn Môn Bồ-tát, từ thân sinh ra ảnh tượng, nghĩa là ảnh tượng của thân khởi lên. Thân là thân dơ, ảnh là thân sạch, ở đây khởi lên không gì hơn Phật. Ý nói trong ảnh tượng mà khởi cao quý không gì hơn Phật. Như mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý mà lấy như thế thì nó tự tánh không chỉ có tên gọi, chẳng đồng với hư không, không chấp trước thì từ nhân mà nghiệp sinh đồng với ảnh tượng tức là tướng, tướng là pháp thế gian. Nay Phật nói ngôn hạnh thành Phật mà lại nói

pháp Tam-muội có tướng thế gian là sao? Cho nên Phật dẫn dụ mà nói. Như mắt, tai, mũi, lưỡi, thân... bốn đại chủng, nhiếp lấy tự tánh không kia chỉ có danh tự. Chỗ chấp phải biết đồng với hư không chẳng có chỗ chấp.

Từ nghiệp nhân mà sinh ảnh. Là văn kinh. Nhân như gương mà nghiệp như thân, như đối gương mà ảnh hiện. Như người tu trước quán tâm duyên ngoài của gương sáng, rồi dẫn vào thân mình. Nếu tự tha bình đẳng không hai thì Du-già liền thành. Tự thân là nhân, sở duyên là duyên, nhân duyên hòa hợp nên có ảnh tượng sinh ra. Nếu hiểu rõ nhân duyên này thì thành Đẳng Chánh Giác. Ai thành Đẳng Chánh Giác, là người thực hành chân ngôn. Ý này như năm căn thế gian từ nhân duyên bốn đại mà sinh, từ nghiệp... mà sinh, tuy có tướng có duyên nhưng tự tánh là không, tức đồng với pháp vô tướng bậc nhất.

Nay Du-già này cũng như thế. Tuy có tướng mà từ duyên sinh, duyên sinh thật tướng tức là thể pháp giới chữ A, làm sao hỏi là có tướng được? Nếu hiểu nghĩa như thế thì tức thành Chánh giác, vậy cho nên kinh nói: Như bốn đại chủng: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý... nhiếp lấy tự tánh không kia, không như thế gọi là chỉ chấp lấy hư không đều không chấp lấy, nhân nghiệp sinh ảnh... Như Lai thành Chánh giác, nó duyên khởi (qua lại), trong không xen hở mà tiếp nối như duyên sinh, đó là ảnh tượng sinh. Cho nên các Thần tôn tức là ta, ta tức Thần tôn, phát khởi (qua lại) tôn thân thân sinh tượng thiên hình sinh. Như trên là văn kinh.

Do ngã khởi lên do gương tròn mà khi thấy gương sáng thì ảnh tượng thân mình hiện ra. Do chưa thấy tròn sáng tức không có ảnh tượng Như Lai thành Chánh giác. Nó cùng nhau duyên khởi như trong gương sinh tượng các tượng sinh ra lẫn nhau, nhân duyên chẳng đứt quãng, từ cấu đứt quãng: Hỏi trong đoạn có tiếp nối là không đứt quãng, nếu từ duyên sinh, thì nó tức là tượng sinh. Đây là nói không lìa nhân duyên cho nên các Tôn vị tức là ta, ta tức là Bổn tôn, phát khởi qua lại, do sinh qua lại nên từ thân sinh thân, như thế tôn hình sinh nhau, thân sinh ra thân, nghĩa là cấu thân sinh tịnh thân. Tịnh thân tức là thân Bổn tôn của Phật, phải biết hiểu đó là thân tâm mình. Thân đã tịnh rồi lại đồng với đó, cùng duyên khởi nhau không có đứt quãng. Cho nên nói duyên sinh là ảnh tượng sinh.

Vì trong ngoài làm nhân cho nhau, lại xoay vần thấy nhau, cho nên các tôn tức là ta, ta cũng tức là các tôn. Phật tức là ta, ta tức là Phật. Thân sinh hình tướng sinh, nghĩa là tự thân sinh ra. Quán Bí Mật Chủ

của mình, pháp duyên thông đạt tuệ, thông đạt tuệ duyên pháp, nó làm nghiệp lẫn nhau, chẳng trụ tánh không. Vì sao Bí Mật Chủ ý sinh, ảnh tượng hay sinh thông đạt là nghĩa chứng quả, đến được chỗ phải đến. Thông đạt này phải nói chứng. Bí Mật Chủ quán đây, như trước nói dụ về gương. Trong tâm gương sáng khi hiện ảnh tượng không có phân biệt, chỉ từ duyên khởi. Nay quán pháp này là từ gương sinh hay từ mặt sinh. Như thế mà tìm cầu đều không có thật.

Nếu từ gương mà có thì không có mặt cũng phải thường có. Nếu từ mặt mà có thì lúc không có gương ắt cũng phải không có gì. Nhưng đều không thể được, nên biết chỉ từ duyên mà có, mà thật là thường không. Đây là pháp ấy. Nhân quán pháp này được thành chứng quả tuệ. Song tuệ này hý luận dứt hết chẳng thể hiển bày nói năng. Nếu chẳng nói thì chẳng độ người, lại trái với bản nguyện. Lại từ chứng trí lại sinh pháp, duyên từ nhân Phật thấy pháp mà thành Phật. Thành Phật rồi lại nói pháp. Ví như trắng vàng đỏ... ý tác giả khi làm việc thì ý nhiễm trước sinh, đồng loại với chuyển thân như thế. Như trên là văn kinh.

Ý nói Bí Mật Chủ quán pháp, pháp tánh có tướng vắng lặng, tướng nhân duyên này, dùng tuệ mà thấu suốt. Pháp là pháp lìa các tướng, pháp tức là duyên. Do quán nhập pháp tánh này mà thấu suốt pháp. Nếu thấu suốt pháp tức là thấu duyên, thấu duyên tức là đạt thấu pháp, cùng nhau phát khởi. Đồng biết pháp vắng lặng tức là đạt pháp. Do có phân biệt khởi lên nên biết pháp là không, chẳng có trí duyên, duyên y pháp, pháp y duyên cũng duyên khởi lẫn nhau, nên gọi là các pháp tánh không. Nếu pháp tánh không như thế, vì sao từ ý sinh khởi nguyện. Văn Kinh nói chẳng trụ tánh không lẫn nhau. Bí Mật Chủ, vì sao ý sinh ra ảnh tượng. Này Bí Mật Chủ! Ví như hoặc trắng, hoặc vàng, hoặc đỏ mà tác ý, đây là dẫn dụ. Như người mắt mới thấy trắng thì chưa biết rõ, kế liền sinh tâm phân biệt, đây là duyên phải chăng? Trên đây không hỏi, Kim Cang Thủ không phải chẳng biết, vì chúng sinh nên sinh nghi mà hỏi. Nếu như thế thì ý nó từ tâm sinh, ai có thể biết? Phật liền nói dụ do như màu trắng. Vì sao? Vì nó khác với xanh, vàng... Tâm sinh hiểu này tức là khởi từ tâm sinh tâm. Thế gian còn thế. Phải biết từ tâm nhiễm mà sinh tịnh tâm cũng giống như thế. Ý sinh nhiễm đắm. Như khi thấy màu trắng thì tâm hiểu trắng do màu trắng này nên khiến tâm cũng trắng. Như Tỳ-kheo quán màu trắng thì thấy tất cả cũng trắng, thấy xanh thì tất cả cũng xanh. Khi thực hành thì ở trên màu trắng làm ý trắng thành tựu, biết tâm từ tâm trắng sinh, chẳng từ ngoài khởi. Như người khi quán trắng thì thấy tất cả đều trắng.

Như Tam-muội Nguyệt Đăng nói: Như người nữ thích tự làm đẹp, soi gương tự thấy lại sinh yêu đắm. Như người trí quán đây từ đâu sinh từ chỗ nào đến, mỗi pháp quán kỹ chẳng thật có. Do đây mà nói từ tâm sinh ra ảnh tượng lại tự nhiễm. Nếu biết rõ đây chỉ từ duyên sinh thì không đắm nhiễm. Dùng đây làm chứng cho mình là từ tâm mà sinh tâm. Nó đồng loại như thân chuyển, tức là như cô gái tự thấy thân mình nếu nhiễm tức là sinh tử. Nếu bảo chỉ từ duyên sinh không có tự tánh thì tức là Niết-bàn. Cho nên đồng loại với thân chuyển. Từ nội quán ý trở đi là kệ. Bí Mật Chủ, lại như trong nội quán ý Mạn-đồ-la để trị bệnh nóng, bệnh nóng của chúng sinh ấy liền hết, tức là trong khoảng một sát-na.

Sát-na Đề-bà vô nghi, chẳng dùng chữ Thiên này. Chẳng phải ý khác mạn, chẳng phải mạn khác ý. Vì sao? Vì một tướng mạn ấy mà tác ý. Quán xanh vàng đỏ trắng... như tu mười biến xứ. Khi tưởng màu xanh thì tất cả đều xanh, xanh này chỉ do tâm sinh. Vì lâu lâu dùng tác ý, ý hay sinh, sắc này tùy tâm mà hiện. Tâm đã năng duyên năng sinh loại ấy. Nhiễm là nghĩa chấp lấy. Phải biết từ tâm ý sinh là đồng loại với nó. Tâm đã như thế thì thân ngữ cũng.

Kế lại dẫn dụ, như trong ý khởi lập Mạn-đồ-la thành hình Tam giác như trên nói. Lại như trừ nhiệt phương tiện làm hình tròn Mạn-đồ-la. Trong màu trắng có chữ Vạm hoặc chữ hạt giống, trên mặt có dấu chấm. Các loại khác có thể hiểu. Dấu chấm này tức là trừ nóng bức làm vị cam lộ. Do thực hành pháp này từ tâm mà thực hành, có công năng trừ nhiệt. Cho đến trong một sát-na bệnh kia liền dứt. Nó từ tâm khởi, phải biết tâm ấy chẳng khác nhau với Mạn-đồ-la, Mạn-đồ-la chẳng khác tâm ấy, vì là một tướng. Nói Mạn-đồ-la này không hai, không khác với tâm. Nay pháp này cũng như thế, rất dễ hiểu.

Kế là Phật dẫn dụ. Như huyễn, hóa thành nam, nữ tức Bí Mật Chủ này. Lại như các huyễn biến hóa thành người nam, kế là cậu bé lại làm biến hóa, ý ông thế nào Bí Mật Chủ, ai hơn ai? Kim Cang Thủ đáp: Bạch Đức Thế Tôn! Hai người này không khác nhau. Vì sao? Bạch Đức Thế Tôn vì chẳng thật sinh, hai người nam này bản tánh là không, vì cùng đồng là huyễn. Đúng thế Bí Mật Chủ. Sự tức là sự tất-địa, đẳng là nhiều, việc sinh trong ý thì đều từ ý sinh. Hai người này tánh không, chẳng có phân biệt. Đều tứ ý sinh, cả hai đều không, chẳng hai chẳng khác. Người hóa lại thành hóa. Như thế hai huyễn ai hơn ai kém, ai dài, ai ngắn, ai xấu, ai đẹp? Kinh nói: Ai hơn, tức là hai người huyễn này ai hơn. Đáp rằng: Hai người này không khác. Vì sao? Vì từ chẳng

thật sinh ra. Cả hai đều là tánh không. Phàm huyễn mà làm huyễn, mà người làm huyễn thì có gì khác Phật nhân đó nói: Ông lại quán pháp này, như từ tâm sinh ra gương tròn. Tâm tức là gương, gương tức là tâm không hai không khác, chẳng thể nói tướng khác nhau. Nếu tâm nhiễm tức là thế gian, nếu tâm lìa nhiễm tức là tâm xuất thế gian. Trên đây đã thành phẩm Bách Tự Vị. Nói chưa rõ ràng phải hỏi lại. Nhưng về đại ý vì trước tu Du-già cho đến thành cực đại rộng khắp. Nhưng chẳng dùng tuệ phương tiện này mà quán thật tướng không để rửa sạch tâm mình, tức còn là pháp thế gian, cho nên phải thực hành quán hạnh này khiến nhập vào thật tướng Mạn-đồ-la, khiến thành Đại đàn không, không có gì chẳng có. Thường luôn thanh tịnh. Đây là đại lược.

Phẩm 22: BÁCH TỰ THÀNH TỰU TRÌ TỤNG

Kinh nói: Này Bí Mật Chủ hãy lắng nghe! Chân ngôn cứu thế là các thân chẳng khác nhau, nghĩa là thân này chẳng khác thân kia. Đó gọi là ở tâm ấy mà dùng thân Chân ngôn ấy. Ý từ ý sinh, trước là ý có sinh, sau là tịnh ý, khiến ý trừ sạch. Cùng khắp đều có ánh sáng từ đó tuôn ra từ trong tịnh tâm mà tuôn ra. Nói nó là chỉ cho ý trước ánh sáng và Du-già tương ưng nhau mà sinh. Do tương ưng với Du-già nên từ tâm ấy sinh ra ánh sáng ấy. Người ngu thường không biết, gọi người ngu không biết là đối với đạo này chẳng thể thông suốt. Cho đến thân sinh ra các phần đều chẳng khác thân, từ thân sinh ra thân, có vô lượng các thứ. Thân đã vô lượng như thế thì chân ngôn nói năng cũng vô lượng, như bảo châu như ý, gọi là châu Cát tường như ý, hễ muốn lợi gì đều được thành. Như Đấng Thế Gian Chiếu Thế, thân do tất cả lợi thành. Bí Mật Chủ nói vì sao không phân biệt? Vì pháp giới tất cả việc làm đều tùy chuyển. Bí Mật Chủ lại như cõi hư không... Phật bảo Bí Mật Chủ hãy lắng nghe Chân ngôn cứu thế, các thân chẳng khác, ý sinh ý, khéo khiến trừ sạch. Chỗ đó tuôn ra khắp đều có ánh sáng tương ưng với chi phần người ngu chẳng hiểu đạo này. Cho đến thân được sinh phân ra vô lượng các thứ, như trên là văn kinh.

Cũng từ chân ngôn này nói có khác, từ ý sinh ý, khéo léo dứt sạch, chỗ đó tuôn ra, tức vì thân này chẳng khác thân ấy, từ thân mình sinh ra tức là từ ý sinh. Do trừ sạch các cấu, nên tất cả sự đều thành. Do có đức ấy tùy các chi phần tuôn ra ánh sáng mà làm Phật sự. Các việc như thế phàm ngu chẳng biết được. Do chẳng biết đạo này nên gọi là phàm ngu. Đạo này tức là hạnh chân ngôn. Vì thành chân ngôn thì được tất-địa, từ thân này lại có thân sinh. Nghĩa là cõi dục, cõi sắc loại đó rất nhiều, đều từ một chân ngôn mà ra vô lượng thân, miệng, ý. Như trên đã nói, từ các phần thượng, trung, hạ của Phật sinh ra vô lượng thân. Người tu này cũng giống như thế, tùy thân phần thượng trung hạ hoặc hiện ra bốn vị Phật, bốn vị Bồ-tát cho đến tám bộ, cũng như trong Đại Bi Tàng có nói Giáo ấy vô lượng. Lại nghi mà hỏi rằng: Ở trên nói chân ngôn vô tướng vô duyên đồng với hư không chẳng thể phân biệt, vì sao lại có các việc này. Đáp: Dụ như châu như ý làm trọn vẹn các nguyện, cho đến ba việc cũng làm cho thanh tịnh. Nếu người muốn thân ấy thanh tịnh, nhờ năng lực của châu nên khiến thân ấy như lưu ly. Nếu muốn ngữ ý thanh tịnh, thì cũng tùy ý phần mà thanh tịnh. Thế pháp còn như thế huống chi là như ý diệu bảo của Như Lai mà chẳng làm được việc như thế hay sao?

Như châu đời tùy làm các việc, làm tròn các nguyện mà vắng lặng bất động, không nghĩ, không làm, không tới, không lui, thành tựu tất cả, huống chi là Đại bảo của Như Lai. Cho nên không phân biệt pháp giới. Như rồng lớn ở trong cung không khởi tâm động niệm, mà tùy nghiệp lực giáng xuống các vị khác nhau, vì nghĩa ấy nên ở trên hư không cúng dường mà hiện ra vô lượng việc Phổ môn thân, miệng, ý. Tức thân có thể được không nên nghi. Lại dụ như hư không, không phải là số chúng sinh mà là chỗ nương của chúng sinh, không phải thân thọ giả, không phải Ma-nạp-bà tác giả thọ giả. Tất cả vọng tưởng đều trừ, đều lìa phân biệt không tới không lui, cũng không khác thế giới chúng sinh. Tất cả chúng sinh nương đó làm nghiệp, do đây mà thành tựu, để lợi ích chúng sinh, thành tựu các việc. Chẳng thể vì hư không có khả năng thành được tất cả việc, mà lại cho là hư không hữu vi có tướng. Nay đại không Mạn-đồ-la này cũng giống như thế. Rốt ráo thanh tịnh mà không chỗ nào chẳng làm, thường ở trong vắng lặng mà chẳng có gì không thành tựu. Cho nên kinh Khuyến Tín nói: Phải biết như thế chớ sinh nghi ngờ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại đối với vô tận chúng sinh giới trừ sạch cú. Tam-muội lưu xuất ra cú, cú bất tư nghì, cú chuyển tha môn, giảng nói: như bổn sinh không thật có, thuận theo thế pháp, phải biết không thể mất, sinh ra người tu hành, nếu tự tánh như thế giác không thật có. Phải tâm đồng hư không mà sinh Bồ-đề sinh, phải phát bi mà sinh thuận theo tất cả thế gian. Như trên là văn kinh.

Trụ vô tận chúng sinh giới trừ sạch, nghĩa là vốn lập thệ nguyện, muốn trừ sạch tất cả chúng sinh trong vô tận thế giới. Vì chúng sinh có cấu cho nên chẳng thể tự độ. Nay muốn vì họ mở khắp tri kiến Như Lai, khiến Phật thanh tịnh, khiến họ thân, miệng, ý địa đều thanh tịnh không nhơ uế. Phải biết đây là cú trừ sạch, vô tận chúng sinh, tức là cú Tam-muội lưu xuất. Cú Tam-muội lưu xuất tức là cú không thể suy nghĩ bàn luận. Cú không thể suy nghĩ bàn luận tức là cú chuyển tha môn. Chuyển tha có cấu là tự tánh tịnh chuyển tha vô minh là Như Lai minh, nên gọi là cú chuyển tha môn. Tha là chúng sinh, vì chuyển uế thành tịnh mà nói pháp môn ấy. Bổn sinh không thật có, là nếu vốn không thật có, là thuận theo thế gian mà sinh. Phải biết không như thế nào, nói phải thế nào tức là biết các pháp không. Sinh Du-già này, trong kệ tự có hỏi. Là nương thần lực Phật mà có câu hỏi này. Nếu nói bổn sinh không thật có, có là thuận theo thế gian. Người tu hành kia vì sao phải khiến người tu hành sinh không này tức là Tịnh không. Nếu nói là không có, vì sao lại sinh tịnh không này? Nếu vốn không có, thì sinh này cũng theo bổn mà

không, tức là vốn chẳng sinh. Thế nào là Du-già, thế nào là biết không. Không đây tức là tánh chân không. Thế nào là sinh Du-già? Nếu tự tánh như thế, giác gọi là chẳng thật có, nghĩa là quán danh tự chẳng thật có. Chánh hợp thành quán, quán đồng với giác, đồng với tâm không mà sinh, nghĩa là tâm sinh Bồ-đề. Ở đây dẫn trên nói mười dụ.

Vì giác bổn bất sinh, vô tướng chẳng thật có, nên được đây thì đồng với tâm không, thanh tịnh không phân biệt. Như trên chẳng phải chỉ có không mà tức có trí sinh, tức là Bồ-đề. Phải phát khởi từ bi thuận theo các thế gian trụ ở hạnh duy tưởng, gọi là Chư Phật. Nghĩa là Như Lai biết rõ các pháp vốn tự chẳng sinh, vốn không thật có, nghĩa là thuận theo pháp thế gian độ chúng sinh mà có. Nghĩa là Phổ môn thị hiện các thứ phương tiện lợi ích chúng sinh. Từ nhân duyên cơ cảm mà có, vốn không thật có. Tánh chúng sinh bản tánh không thật có, do tu hành mà biết tánh chúng sinh này bổn tánh vắng lặng. Do biết được tánh ấy không phải chỉ có tên gọi mà chẳng thật có, nghĩa là không cả tánh không chỉ có tên gọi, rốt ráo tìm chẳng thật có, đây tức là không, chẳng thật có. Chẳng phải như kẻ tuệ kém chấp tánh không cho là thật có. Quán chúng sinh đồng với các hư không, hư không bổn tánh lìa quán chiếu, lìa tất cả vọng niệm hý luận. Như thế mà biết hư không tức là biết lý chân thật, chẳng nên chấp lấy pháp không đó, vì hư không này chẳng thật có không phải đều không có mà thật có tự tánh. Cái gọi không tự tánh tức là chẳng phải không. Phải biết chẳng không này tức là tâm bình đẳng như hư không. Hư không đẳng tâm tức là thanh tịnh Bồ-đề. Từ tâm tịnh Bồ-đề này mà sinh tâm Đại bi tâm.

Rõ ràng như thế, người tu hiểu tâm Bồ-đề ấy rồi mà nghĩ rằng: Tất cả chúng sinh đều như thế, có đủ Bảo tạng Như Lai mà chẳng tự biết. Vì nhân duyên ấy nên luống chịu cực khổ mà không có lợi ích. Bồ-tát vì bốn (nhân) duyên này mà khởi tâm đại Bi. Do chẳng hiểu biết tâm này nên bị sinh tử luân hồi không dứt. Hiểu biết tức là Bồ-tát, Bồ-tát vì tất cả chúng sinh đều có tánh giác mà chẳng thể tự ngộ. Vì việc ấy nên sinh đại bi, sắp nói phương tiện mà cứu hộ. Tức dùng đại bi này mà trừ nhơ vô tận cho chúng sinh. Thuận theo thế gian mà lập phương tiện, vì thế giới chúng sinh có vô tận chủng loại, bao nhiêu tánh dục căn duyên xoay vần khác nhau. Bồ-tát thuận theo đó mà hóa đạo, nên nói thuận theo thế gian, tưởng duy tâm mà trụ tức gọi chư Phật. Phải biết từ tưởng tạo lập sinh ra, gọi là không từ trong tưởng mà kinh luận, trụ ở duy tâm rồi lại được Duy tâm này mà kiến lập tất cả pháp. Quán đây là không không, ý gọi tên là không không, từ quán mà có, cũng chỉ có tên gọi vì

không từ tâm sinh.

Pháp chuyển theo hạ số, từ một, hai, ba mà phân khác, (phân này là khứ thanh). Siêng mạnh với không ấy như thế cho đến thêm lớn như thứ lớp. Tức chữ A này... Tưởng là nghĩa duy tưởng. Chữ A này như trên tức là tưởng, cũng là trí tự nhiên. Phật ấy là Phật gia trì. Nếu tạo lập tưởng không và chẳng không mà quán sát pháp chuyển hạ số từ một, hai, ba làm đầu phân khác, mạnh mẽ với không ấy như thế cho đến tăng trưởng tùy thứ lớp. Chữ A, chữ đầu tiên này tương ưng gia trì trí tự nhiên. Như trên là văn kinh.

Trước nói được tâm hư không tức là tâm Bồ-đề sinh. Bồ-đề là giác, tâm này há là không hay sao? Mà thật đầy đủ hà sa công đức. Tuy có vô lượng công đức của Như Lai, mà vô tướng vô danh không thể hiển bày. Như nhà Pháp tướng nói mười sáu thứ không, Đại Bát-nhã nói mười tám thứ không đều là nói nghĩa này. Nếu chỉ là không, đều là tánh không thật có, thì sao lại thành tựu không thể suy nghĩ bàn luận thần biến đức mà độ chúng sinh như thế. Phải biết không này là lý tự chứng, vì phàm phu mà nói chẳng bao giờ thật có, phải biết chỉ có tên gọi không, ở trong mười tám là cao hơn hết tức là Đại không của chư Phật mà thật chẳng dối. Trong toán số này mà dụ cũng như pháp hạ toán của người thế gian, đầu tiên vẽ để một chữ làm gốc cho đến ức tải A-tăng-kỳ... đều từ đó sinh.

Đầu tiên, khi chưa hạ toán thì không có số ấy. Từ địa không này vốn không thật có trong toán số mà hạ xuống một toán, hoặc hai, hoặc ba, cho đến vô lượng. Toán xong rồi bèn dứt bỏ các vị lai không như cũ. Nhưng chỗ tính toán này, hạ toán là tâm tự chứng biết rõ ràng không mất, tuy từ gốc không mà lập số. Nay đã như gốc mà thật không có, nhưng số pháp giữ ở trong tâm mà không mất, tức là chẳng có mà có, có mà chẳng có. Nay tự môn A này cũng giống như thế. Từ trong gốc bất sinh vì thuận theo thế gian, tùy thứ lớp xuất thân, vô lượng pháp môn, tuy xuất ra vô lượng phương tiện ấy, nhưng cũng chẳng khác chữ A bổn tánh bất sinh. Cũng như các số ấy chẳng lìa số một, cho đến một muôn, tức là muôn một chẳng được lìa nhau. Tất cả số khác có thể hiểu.

Nay đây tất cả pháp chẳng được lìa chữ A, cũng do đó. Nhưng có Luận sư lại dẫn dụ, cũng như con kiến bò, có vô lượng con kiến nối nhau chẳng dứt mà thành đường đi. Hoặc có các thứ hình vuông tròn cong vẹo. Nếu lìa mà khác thì mỗi con là một con kiến không có hình cong thẳng, dài ngắn. Nay pháp này cũng thế. Đối với pháp không rốt ráo tự chứng không thể suy nghĩ bàn luận mà có tất cả công đức. Nhưng từ

duyên sinh không có gốc sinh, chẳng lìa một gốc thì chẳng có tánh lý. Chữ A này đứng đầu, tương ưng gia trì trí tự nhiên, do trí tự nhiên mà gia trì tự môn này, sinh ra vô lượng lời nói, lời nói có vô lượng tiếng, tiếng có vô lượng lý tức đồng với số một ấy, một biến khắp tất cả. Đại Không cũng như thế, đủ tất cả pháp cùng khắp tất cả pháp. Chữ A này cũng như thế. Tất cả môn Chân ngôn đều từ chữ A mà có. Cũng như muôn tượng từ không mà có. Chẳng phải thẳng sinh tất cả chữ, tức chữ ở đây sinh trong mỗi môn liền hiển lý bất sinh.

Kế là nói Bí Mật Chủ quán trong không này, lưu tán giả lập chữ A gia trì thành tựu đạo Tam-muội. Này Bí Mật Chủ! Chữ A như thế các chỗ bày đồ vị cho đến có hình, không hình, có tướng, vô tướng, tất cả từ chữ A. Đặc vị tức là các thứ trang nghiêm quán, là khiến Bí Mật Chủ quán đây nghĩa là các thứ hình tượng trang nghiêm mà phân biệt địa vị nó. Vì các pháp này vốn bất sinh hiển bày tự hình. Tự hình tức là chữ A, ở trong tự hình hiển bày vốn bất sinh, chữ A như thế. Này Bí Mật Chủ trong các chỗ bày bố, ta quán trụ bất sinh, các pháp tự hình hiển bày. Ấy là văn kinh.

Quán chữ A này tuôn ra muôn tượng thế gian. Tất cả thế gian đều từ đây sinh, song vốn chẳng sinh. Chữ A giả lập gia trì Tam-muội thành tựu, chứng Tam-muội, có Bát-nhã, thành muôn hạnh đều do chữ A này. Được phước tuệ tròn đầy đều từ tự môn A này. Chữ này sinh ra các sắc tức là xanh, vàng, đỏ, trắng, đen, cho đến nhiều chỗ có vô lượng thứ và các thứ hình, nghĩa là tam giác, vuông, tròn, bán nguyệt các loại. Và Bổn tôn nhầm vô lượng khác nhau. Nếu biết nghĩa chân thật trong đây, cả thể vào tự môn A đồng với Tỳ-lô-giá-na, từ trước nói tự môn A tức là hiển bày tự thân ngã, tức là tự thân ngã vốn bất sinh bất diệt. Bất sinh bất diệt, tức là thân Như Lai. Phải như thế mà quán sát. Cho nên nói chữ A dùng tự hình hiển bày đức ấy.

Kế là hoặc nghĩa không thật có. Từ hình chữ phược hiển bày nghĩa chẳng thật có. Chữ phược này để chứng nghĩa vốn chẳng sinh. Chữ phược hiện hình tức là văn sau nói nghĩa đường ngôn ngữ bặt. Ở đây nói nghĩa gì. Phật nói chữ A có tất cả công đức, hoặc ngay từ tự môn A vì Bổn bất sinh mà hiểu nói, hoặc từ môn khác hiển bày, tức là các chữ phược... Nghĩa nó tuy dị môn nên cũng có khác, nhưng chỗ bày ngã tự thân vốn nghĩa bất sinh, không có gì khác. Nếu pháp có một là sinh, tức là tướng có thể nói không phải đường ngôn ngữ bặt. Vì chữ Phược mà đường ngôn ngữ dứt, chỗ tâm hành diệt. Nhập vào tự môn A, vì chữ A tức biết chữ Phược này chẳng thể nói bày. Trở đi đều là

tướng dị môn, hoặc trong tất cả pháp vì lìa tạo tác, nên chữ Ca?? Hiện hình, ở đây tức là nói một chữ A. Nhưng muốn nói tất cả pháp xưa nay không làm hiện chữ Ca này. Chữ Ca này tức là nói nghĩa chữ A. Như chữ Ca. Nếu trên chẳng đặt nét ngang tức chẳng thành tiếng chữ Ca. Sở dĩ chẳng thành vì trong Ca thiếu A. Trên đầu chữ Ca có hình A. Phải biết trăm chữ này đều như thế. Ở sau lệ theo đây mà hiểu. Nếu không có tiếng a trong đó tức chẳng mở miệng, cũng tự không có tiếng. Hoặc tất cả pháp hư không... nên hình hiện hình chữ khư??. Hoặc đi chẳng thật có nên hiện hình chữ Nga?? Hoặc tướng một hợp chẳng thật có nên chữ Già?? hiện hình. Hoặc các pháp lìa sinh diệt nên chữ?? Hiện hình. Hoặc các pháp không hình tượng nên chữ Xa?? Hiện hình. Hoặc tất cả pháp lìa sinh chẳng thật có nên chữ Nặc?? Hiện hình. Hoặc tất cả pháp lìa chiến địch nên chữ Xã?? Hiện hình. Hoặc tất cả pháp lìa thấm kém nên hiện hình chữ Tra??. Hoặc tất cả pháp lìa dưỡng dục nên chữ Đà?? hiện hình. Hoặc oán lìa xa nên chữ Noa?? hiện hình. Hoặc tai biến lìa xa nên hiện hình chữ Trà??. Hoặc các pháp như như lìa xa nên chữ Đa?? hiện hình. Hoặc các pháp lìa trụ xứ nên chữ Tha?? hiện hình. Hoặc tất cả pháp lìa thí nên chữ Na?? hiện hình. Hoặc tất cả pháp giới chẳng thật có nên chữ Đà?? hiện hình. Hoặc tất cả pháp Đế chẳng thể được nên chữ Ba?? hiện hình. Hoặc tất cả pháp đồng loạt bền chắc, nên chữ Phả?? hiện hình. Hoặc tất cả pháp lìa phược (trói cột) nên chữ Ma?? hiện hình. Hoặc tất cả pháp quán không chỗ được, nên chữ Bà?? hiện hình.. Trong đây giải thích chữ chẳng hợp giải thích chữ. Đây là nghĩa không mà giải thích riêng, vì văn lầm. Hoặc các thừa chẳng thật có tất cả pháp nên chữ Dã?? hiện hình. Hoặc tất cả pháp lìa trần nên chữ La?? hiện hình. Hoặc tất cả pháp vô tướng, nên chữ La?? hiện hình. Hoặc tất cả pháp lìa nói năng, nên chữ Phước?? hiện hình. Hoặc tất cả pháp lìa tịch, nên chữ Xa?? hiện hình. Hoặc bổn tánh ngu độn tất cả pháp, nên chữ Ta?? hiện hình. Đây là hiện tự hình. Nói hiện chữ. Hoặc tất cả pháp lìa nhân thì chữ A hiện hình.

Này Bí Mật Chủ! Tùy vào mỗi môn Tam-muội này. Bí Mật Chủ quán nó cho đến ba mươi hai tướng Đại nhân đều từ trong đây sinh. Ngưỡng, nhương, noa, nẵng, mãng... đối với tất cả pháp tự tại mà chuyển. Đây đều tùy hiện Tam-miệu Tam-Phật-đà tùy hình đẹp (tám mươi vẻ đẹp) mà thành tựu các Tam-miệu Tam-Phật-đà. Tùy hình đẹp. Bí Mật Chủ, mỗi Tam-muội môn tùy vào mà thấy. Bí Mật Chủ, cho đến ba mươi hai tướng đại nhân đều ở trong đây sinh, đó là văn kinh.

Tức mỗi chữ này có ba mươi hai môn Tam-muội, ba mươi hai môn

này cùng nhập vào hay thành ba mươi hai tướng. Nghĩa là trên hai mươi chữ như Ca... tám chữ như La... và bốn chữ này đều là ba mươi hai. Tam-muội trong mỗi chữ đều dủ ba mươi hai tướng. Kế năm chữ Nga-nặc-noa-na-ma, đối với tất cả pháp tự tại mà chuyển. Đầy đều là Chánh Đẳng Giác thành tùy hình đẹp thành tựu tùy hiện. Ấy là văn kinh.

Năm chữ này ở khắp trong định tuệ, cũng có thể thành Tam-muội, cũng thành trí tuệ, thành khắp tám mươi vẻ đẹp của Như Lai. Cho nên người tu Cầu nguyện hạnh phải biết mười lực các chữ này. Nếu trong chân ngôn có những chữ này thì tùy nghĩa tương ưng liền biết ý mà biết rõ việc này. Vì biết nghĩa này nên biết chân ngôn này có công đức lực dụng như thế. Trong đây có một kệ từ Bí Mật Chủ Chân Ngôn Môn Bồ-tát, cho đến trăm chữ sinh Tam-muội-da. Đây là văn riêng, chẳng hòa vào đây. Bổn văn là lầm. Cũng hiểu chư Phật rộng làm ngã. Cũng được thành tất cả Phật cao quý trong loài người có ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp như trên là tất cả nhân thành Phật, tất cả công đức đều do đây rộng làm mà được thành tựu tất cả Phật. Do đây mà làm, được thành bậc tôn quý trong cõi trời, cõi người. Nếu người tu làm như thế thì cũng được thành bậc tôn quý của loài người. Trên là phẩm Bách Tự Thành Tựu trì tụng đã xong.

Phẩm 23: BÁCH TỰ CHÂN NGÔN PHÁP

Lại nữa, Bí Mật Chủ! Tam-muội môn cú ở trong không này mà gia trì tất cả pháp tự tại, Phật được chữ Bổn tôn, cho nên chữ A câu thứ nhất nói pháp cũng khắp dùng chữ vây quanh. Tôn vị đó vô tướng, xa lìa thấy tướng, vô tướng, các Thánh Tôn từ trong tướng hiện đến. Chữ A câu thứ nhất, nói pháp khắp đều vây quanh. Tôn vị vô tướng ấy hiện lìa tướng vô tướng, ở trong tướng mà đến. Phật vì muốn làm trọn vẹn tu hạnh Chân ngôn đó của người tu, nên khiến cho đầy đủ. Lại nói câu Tam-muội này.

Ở trong đây, không tức là chữ A, chữ A tức là vốn bất sinh, chẳng thật có không. Do đây rốt ráo chẳng thật có, chẳng thật có không đầy đủ các đức, nhiếp khắp tất cả Phật pháp. Nhiếp này trong tiếng Phạm là nhiếp lấy, như nhiếp lấy các vật, khiến ở tại thân mình. Do lấy năng lực gia trì của không này mà nhiếp tất cả pháp thành pháp. Tự tại trong đây là tiếng Phạm khác với tự tại của Quán Tự Tại. Đây là nghĩa nhiếp, nghĩa là nhiếp lấy tất cả pháp. Như vua ở nội cảnh tùy ý nhiếp lấy đều được tự tại. Như Lai Pháp vương đối với tất cả pháp đều tự tại cũng giống như thế. Cho nên chữ này rất tôn quý. Nói chữ này tức là tôn quý, tức là thần của trời. Trời đứng đầu trong chúng. Chữ này cũng thế, đối với tất cả pháp là tôn quý nhất. Cũng như ở thế gian ở trên đất Đế-thích là bậc tôn quý nhất. Trong các vị tiên Thánh thế gian thì Phạm vương là bậc nhất, trong các Thánh trí thì Phật là bậc nhất. Chữ A này trong tất cả môn Chân ngôn là tôn quý bậc nhất. Do một chữ này mà thành vô lượng công đức, cho nên là Vô thượng. Minh tức là tên khác của Chân ngôn minh pháp phổ, đều là chữ vây quanh, nghĩa là từ một chữ cũng sinh ra vô lượng chữ. Vô Lượng Minh vây quanh, như trước nói tự luân. Tuy có vây quanh như thế nhưng thể nó là vắng lặng vô tướng.

Ở trong vô tướng mà thấy tướng, tức ở trong tướng này mà lìa tướng. Lại ở trong vô tướng mà hiện có tới lui các việc ứng khắp thế gian. Phải biết đây là năng lực gia trì không thể suy nghĩ bàn luận của chân ngôn. Dùng chữ A này mà gia trì vào thân mình, tức là đồng với không. Ở trong không này mà thành tựu tất cả Phật pháp cũng giống như thế gian, muôn vật nhờ hư không mà được thành. Mà không bổn thể là vô tướng. Ở trong vô tướng mà hiện ra các thứ hình tiếng. Tôn là nghĩa, chữ là tướng, tức đồng nghĩa với phẩm trước. Tiếng từ chữ xuất ra; chữ là chân ngôn sinh. Chân ngôn là chân ngôn sinh quả thành tựu. Tất cả cứu thế là tiếng. Tiếng từ chữ mà ra. Chữ sinh từ chân ngôn,

chân ngôn thành lập quả. Các cứu thế là chỗ nói ra. Phải biết tiếng tánh không, tức không tạo tác ra tất cả các loài chúng sinh. Như nói mà vọng chấp chẳng phải không, cũng chẳng phải tiếng. Vì người tu hành nên nói không, biết không làm ra thế gian tất cả tùy loại. Như thế mà vọng chấp chẳng phải không ấy, chẳng phải tiếng ấy mà tu hành cho nên nói. Tức tiếng thông suốt mà vào, tức chứng Tam-muội, y pháp mà bày tương ưng. Chữ soi chiếu chữ câu A có nhiều tướng chân ngôn. đó là văn kinh.

Nương vào chữ A đồng với hư không, phải biết xưa nay lìa các tướng, lìa tướng mà có tướng tới lui. Từ chữ A mà có tiếng sinh. Chữ A vốn không. Vì sao? Vì tiếng này do các duyên mà có, nghĩa là nương vào các duyên cổ họng, lưỡi, vòm họng... xúc chạm (gặp) nhau mà có tiếng sinh, chỉ thuộc các duyên mà không có tự tánh, mà đây sinh ra các duyên cũng được từ duyên. Phải biết tức là vốn chẳng sinh, do nhân duyên mà có chân ngôn sinh. Chân ngôn tức có quả thành tựu. Như thế tức trong cứu thế nói ra. Nếu biết tiếng này tức không, từ không mà có, tiếng biểu thị chữ không tiếng nương nhau. Nếu biết đây thì ở thế gian các sự nghiệp làm ra muôn thứ đều chẳng ngoài tự môn A này. Vì thuận theo thế gian nên có phân biệt mà khởi. Người không hiểu y theo đây mà sinh các thứ tâm nhớ tưởng chấp lấy. Song thật ra hư không và tiếng cả hai đều lìa. Tức là hạnh Chân ngôn nói ra. Nếu hiểu biết tức kệ này cùng giải thích, tức vào tiếng giải thoát. Đó gọi là đối với tiếng được tự tại. Hiểu biết bổn tánh không thì liền chứng Tam-muội. Vì tiếng biểu thị cho không, không biểu thị cho duyên cùng nhau giải thích. Ở đây khiến vào cả hai đều không, tiếng nghe tức không tức lý này đủ cả muôn đức.

Vì biết không tiếng... nên nhập vào lý chân tánh, vào chân tánh tức là trụ Tam-muội. Tương ưng với Tam-muội này tức là pháp. Tuy vốn bất sinh mà sinh tất cả pháp, tức là các sắc của bách tự luân xanh, vàng... các hình vuông, tròn, tam giác... cho đến vô lượng không thể nói tướng khác nhau, y theo đây mà chiếu sáng, tự tha đều không từ không lập, lý đều là dụng gia trì... Tiến nhập là thông suốt. Do trụ vào lý này tức là trụ Tam-muội. Chứng đây y pháp mà bày tương ưng. Tương ưng này là hòa hợp. Trí là bày. Chữ này vì chiếu sáng, chiếu sáng tức là thành tựu đức ấy.

Lại loại chữ A, ý nêu tất cả chữ nhiều thứ Chân ngôn tưởng. Tưởng nghĩa là có phân biệt. Nêu một chữ này mà nói tất cả nghĩa Chân ngôn tưởng, đổi thành phân biệt các tên Chân ngôn, nghĩa là do một chữ mà

hiện ra vô lượng nghĩa, vô lượng thuyết. Đối với tất cả loại chúng sinh mà hiện ra vô lượng nói năng, đều từ một chữ này sinh ra. Ở trong đây lập nhiều tên gọi Chân ngôn. Hiện chứng lý này là y pháp mà bày chữ tương ưng. Tức là từ trong một chữ mà bày vô lượng chữ, hình sắc đều khác. Như Bách tự luân đều y theo đây mà hiện. Phải như thế mà chiếu biết, mà quán sát. Phải biết chữ A này có vô lượng nghĩa, có vô lượng các thứ khác nhau, Chân ngôn cũng như thế, chữ nghĩa này cho đến từ xưa nay, nay Phật Phật đạo đồng mà có chữ nghĩa chân lý này, và ở đây thành diệu môn tự nhiên tuệ, các hạnh Chân ngôn, không phải người thế gian lập ra. Đây tức là trí môn Tự nhiên của Như Lai, không phải từ người khác khởi, cũng không phải Như Lai vì một loại chúng sinh mà sáng lập, mà chính là Phật Phật đạo đồng, pháp vị thêm lớn. Tuy từ Bổn tự thành, cũng cần có nhân duyên phương tiện mới được sáng tỏ hiện bày. Trong đây chỉ biết một chữ thì pháp môn một trăm chữ đều hiểu biết, nên gọi là Bách Tự Môn. Phẩm Bách Tự Pháp này đã xong.

Phẩm 24: TÁNH BỒ-ĐỀ

Kế là phẩm tánh Bồ-đề. Tức là trong nghĩa phẩm Bách Tự Pháp mà nói dụ. Cho nên kinh nói cũng như phương hư không, giống như hư không tất cả phương thường nương tựu thành tựu. Như thế tất cả pháp Chân ngôn cứu thế thường trùm khắp tất cả không chỗ nương. Cũng giống như thế, Chân ngôn cứu thế đối với tất cả các pháp không có chỗ nương. Giống như hư không, vật tuy thấy mà không chỗ nương. Các vật chẳng nương vào hư không ấy. Chân ngôn cứu thế cũng như thế, chẳng phải là chỗ nương. Như giáo nói cực thành của thế gian, hư không xa lìa ba đời. Chân ngôn cứu thế cũng lìa ba đời. Chân ngôn cứu thế đồng với hư không, ba đời đều lìa. Đó là văn kinh.

Cũng như hư không trùm khắp tất cả nơi chốn, tất cả muôn hữu đều y theo đó mà được thành lập. Nhưng hư không chẳng có chỗ nương. Thanh tịnh tất cả chân ngôn đều y vào Chân ngôn cứu thế này. Thấy này là hiện thấy, hiện lượng thấy khói... hư không chẳng nhiễm cũng như thế, trụ vào hạnh Duy danh, xa lìa tác giả... hư không giả danh... đẳng (v.v...) là có các thứ giả danh. Nghĩa là người đời nói là hư không chỉ là giả danh. Điều Đạo sư giảng nói mà chân ngôn này bản thể vốn chẳng sinh. Giáo chẳng chỗ nương, đồng với hư không kia trùm khắp tất cả chỗ.

Lại như thế gian quán hư không, nghĩa là có chỗ thấy mà thật là hư không. Quán tất cả quán, chẳng đối diện với mắt, y cứ vào hư không có tất cả tướng mà chẳng phải không này có tất cả tướng không, cũng chẳng vào tướng ấy. Tự tha đều lìa, phải biết Chân ngôn cứu thế này cũng giống như thế, chẳng khác với hư không, tuy không chỗ nào chẳng có, mà rốt ráo thanh tịnh, thể đồng với hư không. Tuy đồng với hư không rốt ráo thanh tịnh, không pháp nào thật có, mà không chỗ nào chẳng có, không gì chẳng thành.

Lại như hư không lìa ba đời, tức quá khứ vị lai hiện tại. Chân ngôn cũng như thế. Tùy thế gian nên nói có ba đời, nghĩa là sẽ tu, đã tu và đang tu, đã chứng, sẽ chứng và hiện chứng. Mà thể cầu nguyện ở ngoài ba đời đồng với hư không, huống chi thuận theo người đời mà nói ba đời như thế. Cứu thế là phân biệt không mà thấy các pháp. Pháp này đã từ vốn chẳng sinh mà sinh. Phải biết thể này cũng đồng cội gốc. Cũng chỉ gọi là tác giả, cùng lìa hư không các giả danh tự, Đạo sư giảng nói không phải có chỗ nương như hư không, Chân ngôn cũng thế, Chân ngôn tự tại từ chữ này mà thấy. Ấy là văn kinh.

Như hư không chỉ trụ ở danh hạnh, hạnh này cũng có thể thú, nghĩa là có danh thú, nghĩa là chỉ danh là thú, chỉ lập danh thú. Cũng hợp tức là nghĩa nói năng. Hư không giả danh... là giả lập bày. Bài kệ trước nói chẳng những có tên, kệ sau ý nói: Tên này cũng đồng với không chẳng thật có. Chỉ có danh tự mà chẳng thật có. Lìa tác giả, như người thế gian. Vì phân biệt tướng hý luận mà cho tướng không ấy là thật có, sinh ra các thứ vọng chấp. Hoặc nói hư không là thường, hoặc nói các sắc bao quanh. Như trong lỗ này là hư không, hoặc nói hư không này y vào tác giả mà sinh. Đây dều là vô lượng vô biên các kiến chấp, như kinh luận có nói rộng. Tóm lại, chẳng lìa hai kiến đoạn thường, cho đến các sư Tiểu thừa cũng lập pháp không cho là thật có. Vì nhân duyên đó có vô lượng lỗi, tên cũng không thật có, cũng đồng với hư không. Chân ngôn chủ cũng như thế, thấy trụ ở giả danh, nghĩa là vô lượng giả lập.

Các thứ không phải... chẳng phải tịnh uế thọ sinh, hoặc quả cũng chẳng thể sinh. Đây hoặc là nhiều nghĩa, các quả cũng bất sinh. Nếu không như thế thì các thứ phân biệt, ở nó thường siêng tu cầu Nhất thiết trí; nghĩa là chí cầu ở đây. Nay trong đây nói hư không tức là chẳng thật có không, tức là Đại không không. Lại không chỉ có tên gọi mà thật thể tức chẳng không, lìa tướng không và chẳng không. Đạo sư vì dùng phương tiện giả dùng ngôn thuyết mà khai ngộ chúng sinh. Nhưng tên gọi không cũng chẳng thật có. Nếu còn giữ tên thì là có tướng, có tướng thì tâm sinh diệt mà không nhập vào được thật trí, làm sao được gọi chữ nào là tuệ tự nhiên, là trí thật tướng, như hư không chẳng có chỗ nương, nên biết chân ngôn cũng giống như thế, rốt ráo không chỗ nương. Phật dùng phương tiện muốn cho chúng sinh khắp vào tuệ Phật. Từ không mà lập giả, khiến nương giả này mà đến lý. Bổn thể Không đã vô sinh, từ không mà giả nương, từ đâu mà có. Phải biết sinh ấy (là sinh) ở thật thấy, thấy biết như thế là tánh Bồ-đề. Tánh Bồ-đề không lìa chân ngôn. Nghĩa chân ngôn này tức là Bồ-đề, lìa đây mà có Bồ-đề riêng thì không có điều đó. Chẳng phải đất, nước, gió, lửa, chẳng phải mặt trời mặt trăng, chẳng phải ngày đêm, chẳng phải sinh tử, chẳng phải tổn thương, chẳng phải sát-na Mâu-hô-lật-đa, chẳng phải năm tháng, chẳng phải kiếp số thành hoại, chẳng phải tịnh chẳng phải chẳng tịnh, quả thọ sinh hoặc cũng chẳng sinh. Nếu không có các thứ phân biệt thế gian như thế... thì đối với sự siêng tu kia thường làm câu ưa thích Nhất thiết trí. Đó là văn kinh.

Nói tánh chân ngôn không phải đất, nước, gió, lửa... như hư không

trùm khắp đất, nước, gió, lửa bốn thứ này nương hư không mà thành tất cả việc. Mà đều có chỗ nương, trong Chân ngôn này, đất, nước, gió, lửa có dụng không thể suy nghĩ bàn luận y theo tự môn A. Mà chữ A này không phải là cậu đất, nước, gió, lửa không phải mặt trời, không phải mặt trăng tức là chấp chín ngôi sao đều là người đời lập ra, không phải chân thật. Nay tánh Bồ-đề này có các sai khác về vô minh và không vô minh. Vì sao được có ngày đêm khác nhau? Lìa nhân duyên thật tướng thường trụ tức là thể của Như Lai Đại Nhật, vì sao chẳng lìa sinh tử. Hại là nghĩa tổn thương, cũng là nghĩa suy hao, mà tánh chân ngôn này thường hằng không thay đổi, lìa các việc suy não thay đổi, không có tướng thời phân kiếp số thành hoại. Phải như thế mà chánh quán tánh chân ngôn chẳng nương vào vọng chấp. Cho đến thời kiếp số chẳng thành, thời kiếp tận chẳng hoại, gốc nó vô thỉ, ngọn nó vô chung, cho nên lìa kiếp số phần. Vì không chỗ nào chẳng có cho nên chẳng phải tịnh, rốt ráo không, cho nên chẳng phải không tịnh. Tất cả chúng sinh vì chữ A này mà có tất cả pháp nhơ bẩn. Như Lai dùng đó mà thành tựu tất cả công đức. Cho nên không phải tịnh, không phải chẳng tịnh.

Nếu nói từ quán mà sinh vì có chỗ quán, có chỗ thành, nên tùy hạnh mà thọ sinh. Chân ngôn đều lìa đây cho đến từ tịnh quán công đức, từ vô lượng công đức mà thọ (thân) ý sinh cũng đều không thật có, không có quả thọ sinh vì đây đều là có pháp sở đắc, mà tánh chân ngôn tự nhiên thật trí, đối với tất cả pháp đều không thật có. Phải biết các thứ phân biệt như trên, chẳng phải là thấy chân thật, số ấy vô lượng. Tóm lại, là tánh chân ngôn đều lìa thấy phân biệt thế gian như thế. Nếu hiểu biết đây, mà tu hạnh chân ngôn như thế, tức là câu Nhất thiết trí. Lạc dục (ưa thích) tức là tùy ý liền thành. Câu là nghĩa chỗ ở. Chỗ ở của Nhất thiết trí tức là chỗ Phật an trụ. Phải biết tánh Bồ-đề đồng với hư không, không đồng với tánh Bồ-đề. Tánh Bồ-đề tức là tự môn A câu Nhất thiết trí.

Phẩm 25: TAM TAM-MUỘI-DA HẠNH

Bấy giờ, Kim Cang Thủ hỏi về ba pháp Tam-muội-da này. Khi ấy, Chấp Kim Cang Bí Mật Chủ bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Nói ba Tam-muội-da. Vì sao nói pháp này là ba Tam-muội-da? Nói như thế xong, kế Phật bảo Chấp Kim Cang Thủ Bí Mật Chủ rằng: Lành thay, lành thay! Bí Mật Chủ! Ông hỏi ta nghĩa như thế. Bí Mật Chủ! Ông nên lắng nghe! Hãy khéo tác ý! Ta sẽ giảng nói cho nghe. Kim Cang Thủ nói, thưa vâng! Bạch Thế Tôn con rất muốn nghe. Trước đã nói mà chẳng đầy đủ, nên nêu lên mà hỏi nên nói pháp này. Ý hỏi rằng: Trong Ba Tam-muội-da, pháp nào là Tam-muội-da? Phật cho câu hỏi này là việc nhân duyên lớn, nên khen rồi lại bảo lắng nghe. Cho đến xin vâng thọ giáo như văn rất dễ hiểu. Ba Tam-muội-da này trong Đại Bản có giải thích rộng, có đến một ngàn hai trăm bài kệ, nay trong đây chỉ nêu đại tông, các nghĩa khác không nói ở đây.

Phật nói có ba pháp nối nhau, trừ chướng ấy tương ưng với vô chướng. Nói chướng trừ tức là không có chướng tương ưng sinh. Gọi ba Tam-muội-da vì sao pháp ấy nối nhau? Kế Phật đáp ba pháp đầu nối nhau chẳng đứt quãng là nghĩa Tam-muội-da. Nhưng tiếng Phạm nối nhau đồng nghĩa với chướng, cũng có thể có đủ cả hai. Vì nối nhau nếu có đứt quãng tức chẳng phải Tam-muội-da. Đây tức là chướng sinh nên có hai nghĩa. Gọi là vô gián nối nhau, tức là nói hạnh nối nhau, tâm và miệng tương ưng.

Một khi phát tâm xong thì thân miệng thực hành chẳng trái nhau. Miệng có chỗ thệ, tâm làm cũng giống như thế, mà tu thì gọi là Tam-muội-da. Kinh nói: Sơ tâm chẳng quán tánh mình, từ đây phát tuệ, kế là trí như thật sinh, lưới phân biệt vô tận, lìa tướng tâm Bồ-đề.

Thứ hai là không phân biệt Phật cú như thật thấy vô tận chúng sinh giới quán Bí Mật Chủ, Bi tự tại chuyển vô duyên quán, tâm Bồ-đề sinh. Nghĩa là tất cả hý luận đều lìa bỏ. Tâm Bồ-đề vô tướng chúng sinh trụ an trí. Đây là Tam-muội-da. Đó là văn kinh. Sơ tâm chẳng quan tự tánh, từ đây phát tuệ trí như thật sinh, nghĩa là liễu thật tướng, liễu là trí, lìa vô tận lưới phân biệt đó gọi là tướng tâm Bồ-đề thứ hai, không phân biệt câu Tam-bồ-đề. Bí Mật Chủ như thật thấy rồi mà quán vô tận thế giới chúng sinh, Bi tự tại chuyển vô duyên quán tâm Bồ-đề sinh, cũng gọi là lìa tất cả hý luận, an trí chúng sinh đều trụ vào vô tướng Bồ-đề tâm sinh. Gọi là tất cả hý luận an trí chúng sinh đều trụ vô tướng Bồ-đề nghĩa là nguyện đại bi này. Đó gọi là câu ba Tam-muội-da. Trong

ba thứ này đầu tiên chỉ phát tâm, thệ muốn thành Phật, nhưng chưa thể chánh quán công đức Như Lai, chẳng thể hiểu được dùng pháp nào mà được thành Phật, chưa thể có tuệ quán chiếu, chỉ có tâm cầu Phật mà chưa thể hiểu được bổn tánh thân mình có công đức gì. Ở trong sinh tử đầu tiên phát tâm cầu quả Phật. Đây là Tam-muội-da đầu. Từ đây tâm sau được, trí như thật sinh, nghĩa là dùng tuệ để quyết trạch hiểu rõ đây là công đức, đây chẳng phải công đức, chỗ đó, chẳng phải chỗ đó, các tướng chánh tà. Vì được trí như thật nên lìa được lưới phân biệt vọng kiến vô tận, khéo dứt những hý luận, an trụ trong tướng chân thật. Nhưng thật trí này tức là Tâm Bồ-đề. Tam-muội-da là nghĩa đẳng, nhưng tâm này đẳng phát gọi là Tam-muội-da. Sơ tâm tuy chưa có thật trí nhưng cũng thề thành Phật độ người, tức là Đẳng tâm, cho nên cũng được gọi là Tam-muội-da. Từ tâm thứ hai này nối nhau vô gián, vô chướng. Kế là tức ở câu chân thật này mà hiểu rõ chân giả rồi, thì ở tất cả vô tận chúng sinh mà khởi tâm Đại bi, đó là Tam-muội thứ ba. Vì tất cả chúng sinh đều đồng tánh này mà chẳng thể tự liễu, mà chịu sinh tử luân hồi không bờ bến. Nay ta đã tự hiểu rõ, sẽ khắp mở ánh sáng trí tuệ của Phật, khiến đều như ta, tức là đại bi. Do thật thấy, không phải thật tự trừ, không phải từ ngoài có pháp đến nhập vào thân. Khi vọng dứt thì thật tướng tự hiện.

Trên nói kinh này có ba cú nghĩa. Tâm Bồ-đề là hạt giống tức cú nghĩa một, Đại bi là gốc tức cú nghĩa thứ hai. Trước dùng đại bi làm gốc, vì có công năng chiếu soi rõ ràng đúng sai mới sinh được nghĩa bi tướng thành. Thứ ba phương tiện là rốt ráo. Ở đây nói đại bi cũng là tướng thành. Do khởi đại bi bày phương tiện mà nhiếp tất cả. Ba việc này từ trước đến sau nối nhau không đứt quãng gọi là ba Tam-muội-da. Vì trụ chân liễu vọng, vì chúng sinh ấy mà khởi đại bi, trừ tất cả hý luận chúng sinh. Từ đây về sau dùng phương tiện làm Phật sự. Hý luận là như người đời đùa giỡn, vì tâm tán loạn làm động các thứ thân miệng, chỉ nói ở trước người mà không có nghĩa thật. Nay vọng thấy có người làm cũng đồng với đó, nên gọi là hý luận. Bồ-đề chúng sinh trụ, là khiến chúng sinh trụ trong pháp này như ta không khác, tức là nghĩa an trụ trong các tứ bí mật tạng.

Kế là ba Tam-muội-da. Trước do đại bi phương tiện thành Phật rồi. Lại nữa, Bí Mật Chủ! Thế nào là ba Tam-muội-da. Trước hết gọi là Phật. Sơ tâm Đẳng Chánh Giác, thứ hai gọi là pháp, kia tiếp tục sinh tâm, gọi đó là hòa hợp tăng. Ba Tam-muội-da này Đạo sư nói như thế. Trụ ở ba thứ này tu hành hạnh Bồ-đề. Kế là các thứ dẫn đầu vì lợi các

chúng sinh sẽ được thành Bồ-đề, ba thân tự tại chuyển. Lại nữa, từ Phật có pháp, kế từ pháp có tăng, ba thứ này là một thể, thật ra không có hai tánh. Cho nên gọi là Tam-muội-da.

Lại nữa, ba Tam-muội-da, nghĩa là trụ trong ba Tam-muội-da này tức thành Bồ-đề. Trụ Bồ-đề vì chúng sinh mà hiện các thứ sắc, nói các thứ đạo. Phải biết tức dùng tâm này mà nhiếp ba thân, là nghĩa Tam-muội-da. Tức Tam bảo này gọi là ba Tam-muội-da. Từ ba Tam-muội-da này kế là đủ ba thân, cũng gọi là ba Tam-muội-da. Vì trụ ba thân có lợi ích, lợi ích những gì? Tức là lợi ích chúng sinh. Trụ trong ba thân thị hiện các thứ đạo, cũng nhiếp được chúng sinh. Nhiếp là tự tại nhiếp lấy. Bí Mật Chủ. Phật chánh giáo biểu thị thành một thân gia trì. Gọi đó là Sơ hóa thân giáo, tức là mười hai phần giáo của các thứ phương tiện trong đây. Bí Mật Chủ Tam-miệu Tam-Phật-đà an lập giáo, dùng một thân gia trì gọi đó là Sơ biến hóa thân. Lại nữa, Bí Mật Chủ! Kế là ở một thân mà thị hiện ba thứ gọi là Phật, Pháp, Tăng. Lại nữa, Bí Mật Chủ! Từ đây thành lập thuyết ba thừa. Phải làm nhiều Phật sự hiện Bát-niết-bàn để thành tựu chúng sinh, lợi ích chúng sinh đều được một thân gia trì, gọi đó là thân Biến hóa, cũng trụ vào Tam-muội nên có lợi ích này. Kế là đối với một thân mà thị hiện ba thân, tức là Phật, Pháp, Tăng tức là Nhất Thể Tam Bảo, phải biết đều từ một thân mà khởi. Ba Tam-muội-da trong đây đều nối nhau, nhân trước sinh sau. Kế nương trên mà lại sinh, nghĩa là bày nói ba thừa làm nhiều Phật sự dẫn dắt chúng sinh, việc làm đã xong mà nhập vào Niết-bàn. Sau khi ở trong Niết-bàn lại thành tựu vô lượng chúng sinh, tức là một loài chúng sinh, khi Phật còn ở đời chưa kịp phát tâm, khi Phật diệt độ rồi hoặc ở thời tượng pháp mà thành tựu, thì đều thuộc trường hợp đó. Bí Mật Chủ quán ba Tam-muội-da, biết các Chân ngôn môn Bí Mật Chủ, quán đó hiểu ba Tam-muội-da các môn Chân ngôn tu hạnh Bồ-đề các Bồ-tát đối với Chân ngôn pháp tắc mà làm thành tựu. Nó không dính tất cả vọng chấp, không thể làm chướng ngại, đối với đây có tên khác là trừ chẳng muốn lười biếng nói năng vô lợi, chẳng thể sinh tín tâm chứa để tiền của. Lại chẳng nên làm hai việc, đó là uống rượu và nằm giường cao, tu hạnh Bồ-tát, trì tụng Chân ngôn pháp tắc, kia chẳng dính mắc tất cả vọng chấp, trụ chướng vô vi, đó là văn kinh.

Phật bảo Kim Cang Thủ quán các điều ở trước nói đến đây đều do trụ ba Tam-muội-da, do trụ Tam-muội-da này đúng như pháp mà trì tụng, tâm tâm chẳng đứt quãng, gọi đó là chẳng dính tất cả vọng chấp. Do vọng chấp nên các chướng được sinh. Đây tức là lìa tất cả chướng

Đại tông. Lại là nguyên do các chướng khác sinh ra. Gọi là Bất dục, tức trong hạnh Chân ngôn này vì có chướng không do đâu ưa thích này, hoặc do tâm chẳng muốn sinh mà chướng được vào. Chẳng muốn tức là chẳng mong cầu, biếng lười lại nói bàn vô ích, mà chẳng niệm tụng, chẳng siêng tu hạnh Chân ngôn, vì thế mà luống qua ngày tháng, nên chướng được dịp thuận tiện. Chẳng tin, là do chẳng tin nên chướng được dịp thuận tiện. Lại chứa để nhiều tiền của, vì khi cầu thì làm lụng cực khổ ra sức giữ gìn, khi mất thì chịu khổ. Vì các nhân duyên đó, lại có hai thứ, nghĩa là chẳng được uống rượu, rượu là duyên sinh chướng, đây là thứ nhất. Vì uống rượu nên các điều lành chẳng sinh, lại chẳng nằm giường cao, đây là thứ hai. Vì nằm ngủ trên giường sinh ra các dục tâm buông lung cho nên chẳng được, phải bày chiếu cỏ. Ở Tây phương trì tụng thường dùng cỏ cát tường làm chiếu, đây có nhiều lợi ích. Một là chỗ ngồi khi Như Lai thành đạo, tất cả thế gian cho là cát tường, vì khi trì tụng thì các chướng chẳng sinh, và khi trải chiếu cỏ này thì các trùng độc không đến, lại rất thơm sạch. Lại cỏ này rất bén, đụng vào thân thì rách thịt như dao bén. Người tu trì tụng khi rảnh rang mà ngủ nghỉ trên cỏ này, nếu buông lung thì bị thương tích, nên không dám khinh thường. Lại Phật dùng chiếu cỏ này là để dứt trừ tâm kiêu mạn cho thế gian. Xưa, khi còn làm Thái tử các thứ buông lung ngồi nằm trên giường báu ghế báu, nếu khi xuất gia cũng quen thói ấy thì như lúc ở nhà không khác. Vì bỏ thói quen ấy mà ngồi chiếu cỏ thì tất cả trời, người đều kính phục, cũng bắt chước dứt bỏ mạn tâm mà đi vào chánh pháp. Phật còn như thế, huống chi là chúng ta phải quán công đức như thế mà tu hành.

Phẩm 26: NHƯ LAI

Bấy giờ, Chấp Kim Cang Bí Mật Chủ bạch Phật rằng: Thế Tôn nào là Như Lai? Thế nào là Nhân Trung Tôn? Thế nào là Bồ-tát? Thế nào gọi là Phật? Đạo sư Đại Mâu-ni? Xin giải thích các nghi cho con, Bồ-tát đại danh xưng, dứt hết tâm nghi lo, phải tu hành Đại thừa, làm vua không ai hơn.

Phẩm kế, Kim Cang Thủ lại bạch Phật rằng: Thế nào là Như Lai? Thế nào Nhân Trung Tôn? Bồ-tát là gì? Bấy giờ, Thế Tôn Tỳ-lô-giá-na quán sát các đại chúng hội, bảo Chấp Kim Cang Bí Mật Chủ rằng: Lành thay, lành thay! Kim Cang Thủ! Ông hỏi ta nghĩa như thế, hay lắng nghe và khéo tác ý, nay ta sẽ giảng nói Đạo Ma-ha-diễn Bồ-đề tướng hư không lìa tất cả phân biệt, ưa thích cầu Bồ-đề gọi là Bồ-đề Tát-đỏa, thành tựu mười địa, tự tại khéo thông đạt các pháp không như huyễn, biết đây tất cả đều đồng nhau, nghĩa là biết tất cả pháp đều đồng, biết các chỗ đến ở thế gian, cho nên nói là Phật-đà, pháp như tướng hư không, không hai chỉ một tướng, Chánh giác có mười Lực, đó gọi là Tam-bồ-đề. Chỉ có trí tuệ hại, chỉ làm thì cũng được, nghĩa là dùng tuệ hại phiền não, tự tánh không nói năng, trí tuệ tự chứng, nên nói là Như Lai. Vì sao biết nghi này của ta, Đạo sư trừ, Đại Mâu-ni nghi lo bỏ hết, Bồ-tát Đại Danh Xưng, phải thực hành Đại thừa, làm vua không ai hơn. Như trên là hỏi, ý nói: Phật trước nay đã nói pháp rồi, nơi nơi cho là Phật hoặc Bồ-tát. Nhưng ta tuy nghe điều này cũng chưa quyết trạch được tướng danh nghĩa. Vì nghĩa gì mà được gọi là Phật, được gọi là Bồ-tát, được gọi là Như Lai, được gọi là Nhân Trung Tôn, vì từ cha mẹ sinh ra liền có tên này, vì đức thành hạnh đủ mới được hiệu này, hạnh Đại thừa là vua không gì trên. Là khen đức của Phật mới hỏi.

Phật kế lại khen lành thay, cho đến khuyên lắng nghe mới đáp: Đạo Đại thừa hư không Bồ-đề phải lìa bỏ phân biệt. Nếu ưa cầu Bồ-đề ấy thì gọi là Bồ-tát. Ở đây đáp tên gọi Bồ-tát. Hư không chẳng có tướng. Bồ-đề cũng giống như thế, cũng như hư không chẳng có tướng, không phân biệt. Lại hư không chẳng có tướng mà các đức nương nhờ, muôn tượng nương vào đó mà lập. Bồ-đề cũng như thế, rốt ráo vô tướng, vô phân biệt mà đủ tất cả công đức. Đối với tướng như thật muốn cầu chứng đạt, đó gọi là Bồ-đề. Kế là giải thích nghĩa Phật mười địa được thành tự tại khéo thông đạt, biết pháp không như huyễn, lại biết thâm tâm của chúng sinh các việc đã làm hướng đến. Vì có đức này nên tất cả thế gian gọi là Phật. Tên gọi Phật do đây mà khởi. Tướng pháp hư

không chẳng hai, chỉ có một tướng Phật mười lực gọi là Chánh giác. Cũng giải thích nghĩa Phật. Trước chỉ nói biết pháp không như huyễn. Nay nói pháp hư không một tướng, không tướng tức do đây mà thông suốt. Vì mười lực biết khắp tất cả pháp, không gì chẳng biết. Như trong kinh Bồ-tát Tạng có nói rất rộng về mười Lực. Bồ-đề này như hư không, chẳng có hai tướng. Đối với một tướng tâm không chỗ trụ. Do đây nên được mười Lực của Phật. Do chánh trụ vào mười Lực này nên gọi là Chánh Đẳng Giác. Phật và Chánh giác tên khác mà thể một. Khéo điều phục thân, miệng, ý, nhiếp phục tự tại, dứt trừ các ma, không phải chỉ hàng phục ngoại ma mà hội chướng cũng hàng phục, tôn quý nhất trong thế và xuất thế nên gọi là Nhân Trung Tôn. Nghĩa này trong văn kinh không có giải thích. Các văn khác hiểu như thế. Tuệ hai chỉ là vô minh lìa nói năng tự tánh, tự chứng trí. Nói đây là Như Lai, đó là đáp danh hiệu Như Lai. Tuệ này hại vô minh nên nói tuệ hại, tuy chẳng nói vô minh, nhưng chỗ hại tức là vô minh, nghĩa nó tự sáng. Cảnh giới tự chứng này ra ngoài nói năng. Vì biết tự chứng có thể giảng nói mà trao cho người khác. Trụ trí như thế mà được gọi là Như Lai. Lại như lý Phật tự nhiên chứng biết nên gọi là Như Lai. Lại như Đạo mà chư Phật thực hành tự nhiên chỗ chứng ta cũng đi như vậy, nên gọi là Như khứ. Trong Đại Bản có đáp đủ việc này. Đều có hơn một trăm bài kệ, người truyền pháp chỉ lược nêu tông yếu, đều có một bài kệ đáp mà đại ý cũng đủ.

Phẩm 27: HỘ-MA

Trong Tịnh Hạnh Vi-đà luận của ngoại đạo có nói pháp thờ lửa. Nhưng môn chân ngôn của Đại thừa cũng có pháp thờ lửa. Vì thế nên nhiếp phục một loài. Vì nói Vi-đà sự mà nhiếp phục. Nghĩa thú của nó cũng như trời đất chẳng thể chung cùng. Nay muốn chia tướng chánh tà, khiến người tu không còn nghi, nên người truyền pháp ở trong phẩm này mà rộng nêu duyên khởi. Phật muốn dứt tâm ngã mạn của các tịnh hạnh ở đời vị lai nên tự nói Bản sinh: Khi làm Phạm vương đã giảng nói pháp ngoại Vi-đà khiến cho tà tông kính phục, nhưng sau đó nói môn Chân ngôn chánh hạnh này.

Lại nữa, Bí Mật Chủ! Khi xưa lúc ta làm Bồ-tát, trụ ở Phạm thiên thực hành hạnh Bồ-tát. Tức là Phạm trụ ở trời phạm này. Lúc đó, Phạm thiên hỏi: Đại phạm muốn biết lửa có mấy thứ? Lúc đó là nói như thế, nghĩa là đối với người ấy ta nói như thế. Lửa ấy gọi là ngã mạn tự nhiên. Kế là Phạm Thiên tử sinh lửa gọi là câu Ky-phược, là lửa đầu tiên trên thế gian. Nghĩa là đời trước khi ta thực hành đạo Bồ-tát thì làm Phạm vương. Bấy giờ, có các người học phạm hạnh đến hỏi ta: Pháp thờ lửa có mấy thứ lửa, ta nói đầy đủ. Nay đã thành Chánh giác, bèn chứng minh lời nói trước là sai, nay nói là đúng. Cho nên người tu phải theo pháp lửa chánh hạnh này, chẳng nên dùng pháp luống dối bất chánh ở trước. Trở đi là nói pháp tà tông thờ lửa đều có nói rõ trong sách Vi-đà. Trước nói gốc thần lửa, đầu tiên là Đại Phạm vương. Vì nó chấp tất cả đều từ ta sinh ra, vì nó ngã mạn như thế, lại chấp mình nói là pháp thường nên được gọi ngã mạn và tự nhiên, tức là Đại phạm. Kế Phạm Thiên tử tức là Phạm vương, ý niệm muốn có chúng sinh, liền theo niệm mà sinh. Là Phạm vương vì mình mà sinh con. Đây là lửa trời đầu tiên, tự nhiên sinh ra.

Kế là Phạm Thiên tử trở xuống là kệ mà sinh ra câu Phược-ky. Đây là tên (gọi) lửa thế gian. Từ đây trở xuống thứ lớp sinh nhau, đều là thần lửa trong pháp ấy, chỉ cúng dường mà không có chỗ dùng Phạm thiên tử (là tên lửa trời tức con của Phạm Tử). Tất-đát-la (cũng là con), Phệ-duyệt-bà-nang-la (cũng là con), A-phược-nô (cũng là con), Hợp-tỳ-phược A-nang (cũng là con), Ky-thuyết-tam-tỷ-đô (cũng là con), A-thát-mạt-noa (cũng là con), Bát-thể-đa (cũng là con), Bổ-sắc-ca-lộ-đào (cũng là con). Như trên đều cúng dường. Dùng khi đặt thai (là tịnh hạnh). Sau muốn tắm gội (có thai sáu tháng chồng bảo tắm). Khi tắm vợ dùng lò lửa mộng nghiệt (sinh con bảy ngày thì tắm vợ). Khi đặt tên

(khi con đã sinh thì đặt tên). Khi ăn dùng lửa này (khi con biết ăn thì cha mẹ trước dùng thần chú lửa này) khi vì con làm tóc (khi con lớn lên cạo bỏ tóc thai để tóc trà), khi thọ giới cấm (khi con lớn lên thì thọ cấm giới của bổn tộc) quân (quân trì) mặc da nai mặc thọ giới. Giữ giới mười hai năm thường đi khất thực, mang bát đồng đỏ xin ăn bảo rằng: Có ai cho thì dừng lại, chốc lát không ai cho thì đi. Trở về bên lò lửa chia thức ăn thành ba phần, tắm gội rồi lấy một phần, cúng thần lửa lấy tro in ba chỗ, hỏi thăm cha mẹ sư trưởng xong, đem một phần ăn mà cho, họ ăn hay không tùy ý. Sau mới ăn một phần. Suốt mười hai năm cực nhọc học pháp Vi-đà, sau mười hai năm mới ra Phạm chủng, nghĩa là cưới vợ, khi cấm mãn thí ngưu nghĩa là giữ giới mãn mười hai năm là báo ân thầy, đem vật kính tặng là trâu cái và trâu con. Thầy Nhận rồi lại khiến nó cưới vợ nên nói nhân duyên cưới vợ, bảo rằng: Ở thời quá khứ kiếp sơ, Sách-ly-da Hỏa Đại Phạm Vương ở thế gian làm trâu mà dâm dục nhân sinh dòng giống. Do đây mà có dòng Bà-la-môn. Nay mẹ con trâu tức là di thể, để nối dòng phạm chủng, cho đến nói rộng.

Bấy giờ, dùng lửa này mà gia hộ nó đều là tên (gọi) thần lửa. Khi cậu bé làm lễ cưới thì tụng chú Thần lửa Phạm thiên. Đại ý nói Phạm thiên bổn ý... rồi đi theo cách trâu đi. Khi tạo tác, tức làm các nghiệp cúng dường sau. Khi mới thọ pháp này thì Thần lửa có tên khác. Sau khi tạo tác rồi lại tùy việc mà có Thần chú lửa. Dùng lửa Ổ-ba-na-ca mà cúng dường Thiên thần. Khi cúng dường thì dùng chén đồng có cán mà đựng đầy hoa quả lá và các thức ăn. Pháp ấy nói: Tất cả thiên thần đều cúng dường. Dùng lửa câu Ky-phược, nghĩa là như trong nhà ở giếng, bếp cửa ngỏ, khắp nơi trong nhà, mỗi chỗ đều để thức ăn bày cúng mà tung thần chú. Cho đến ở cửa thí xong thì thức ăn dư để trong nhà lấy cúng tiên tổ và quỷ thần. Kế là xây phòng, dùng lửa Phạm Bát-la-la. Dùng pháp gia trì cho thành tịnh pháp, chẳng như thế thì bất tịnh. Khi bố thí tức là thí bổn loại. Người tu tịnh hạnh này chẳng nói chuyện với ba họ, vật cũng không cho, chỉ bố thí cho đồng loại. Khi thí thì đọc tên Thần lửa dùng chú mà gia cho. Bổn ý nói là lửa Dã-phiến-đô (hãy quạt lửa lên). Vật này từ pháp thân mà được, nay lại cúng dường cho Phạm thiên. Ông cũng nên cúng dường cho Phạm thiên. Sau câu đó cũng nói Tá-ha.

■

ĐẠI TỲ LÔ GIÁ NA THÀNH PHẬT KINH SỚ

QUYỂN 20

Phẩm 27: THẾ XUẤT THẾ PHÁP HỘ-MA (Tiếp Theo)

Khi buộc dê (nghĩa là giới đã xong, Phạm chủng đã ra, bốn họ đã đủ thì được giết dê mà ăn). Phạm thiên sinh bốn dòng, cưới con gái của bốn họ đều sinh con, con sinh ra có hơn kém. Khi giết dê thì con của họ Thủ-đà đứng hầu, con của Sát-lợi giết dê, con của Tỳ-xá cắt thịt, con của Bà-la-môn ăn).

- Khi xúc uế (tức mất tịnh hạnh như khi Bà-la-môn phạm giới. Hoặc có lúc buông lung mà không biết bị người cắt tóc hoặc dùng dây trói mình hoặc bị ném gậy hoặc khi ăn bị Thủ-đà chạm vào, muốn sám hối phải tự phạt. Nhóm hợp hai, ba trăm người cùng họ, ở trong đại chúng mà đốt lửa sám hối. Bấy giờ, các vị tịnh hạnh đồng nói Nhật nguyệt chư thiên chứng biết cho người này từ nay trở đi được thanh tịnh như xưa.

- Khi ăn chín (tức nấu chín rau, đọc thần chú gia sạch mới ăn).

- Khi lạy mặt trời (ngó về hướng Đông chấp tay khi mặt trời mọc bèn lạy và đọc thần chú, khi mặt trời lặn thì xoay về hướng Tây mà tiễn, mỗi ngày đều làm như thế. Có nơi nhiều người cùng thực hành).

Khi lạy mặt trăng, xong rồi trở về. Khi mặt trăng mọc thì ở nhà mà đón mặt trăng, kính lễ dùng thần chú cũng khác. Dùng lửa Nhĩ địa mà đốt.

- Dứt tai ương (đọc thần chú dùng lửa Na-lỗ-noa mà đốt).

- Tăng ích (dùng thần chú tức Tai thế lửa rất mạnh, dùng lửa ngật lật thản tức là chân ngôn thần lửa).

- Trừ chướng (tức hàng phục, dùng lửa mặt trời tức giận).

- Mời gọi: Các ước mong muốn thành và khiến người vui thì dùng lửa Ca-ma-nô để đốt rừng cây khi được đốt rừng, nhưng rừng, cây khô héo đốt để mọc mới thì dùng lửa mà khiến.

- Để ấm bụng (dùng chân ngôn này để thức ăn mau tiêu. Chân

ngôn nầy dùng lửa Xã-xà-lộ). Kế là lửa Phược-xoa, tức trao các thứ lửa dùng để nấu ăn... Kế là lửa trên biển tên là Phược-noa-bà-mục-khư là tên lửa ở kiếp hoại. Lửa Du-càn-đa chỉ nêu tên mà không dùng vào việc gì. (Bà-la-môn Tịnh hạnh có tại gia và xuất gia, nếu sinh con, còn nhỏ đã cho vào rừng học đạo, đến khi được năm thông, không cưới vợ).

Như trên đều là việc phạm hạnh, thờ lửa là pháp tà Hộ-ma. Phật vì các nhân giả đã nói lược các lửa người tu hành Phệ-đà do phạm hạnh truyền nối bốn mươi bốn thứ này. Lúc ta ấy tuyên nói vi hiển chánh nên nêu ra chân pháp. Này Bí Mật Chủ, lúc ta ấy chẳng biết tánh các lửa ấy mà thực hành các Hộ-ma cũng chẳng phải hạnh Hộ-ma. Trở đi lại dùng kệ kế nói mười hai thứ lửa. Ta lại thành Bồ-đề nói mười hai thứ lửa. Vì lại sao dùng lửa trí làm đầu gọi là Đại Nhân-đà-la. Phật nói lúc ta đó là Đại Phạm vương, vì các phần chúng đến hỏi sách Vi-đà mà giảng nói khiến họ y đây tu hành mà được năm thông thế gian. Nhưng ta lúc đó chưa biết tự tánh của lửa và nghiệp dụng của lửa. Vì không biết nên việc làm lúc ấy chẳng gọi là khéo làm, cũng chẳng gọi là Hộ-ma, chẳng phải hạnh, chẳng phải nghiệp, cũng chẳng được quả ấy. Và khi ta thành Bồ-đề mới hiểu rõ tự tánh của lửa và các phương tiện làm quả. Nói tự tánh lửa tức là tất cả trí quang của Như Lai. Phật sở dĩ nói điều này vì muốn hàng phục các ngoại đạo, phân biệt tà chánh, giúp họ biết có Hộ-ma chân thật. Cho nên dùng các tịnh hạnh ở sách của tông Vi-đà, tự bảo Bí Mật mà sinh mạn tâm, khiến Phật tự nói Bổn nguyện Vi-đà mà ở trong ấy lại hiển pháp Chánh lý Hộ-ma chân thật. Đây là Vi-đà chân thật, phải biết là tạng Bí Mật bậc nhất. Họ nghe rồi thì sinh tâm ít có liền sinh tin hiểu. Xưa ta khi chưa thành Chánh giác thì không hiểu nên nói lược bốn mươi bốn pháp thì lửa như trên, rộng vô lượng như trong sách Vi-đà có nói đầy đủ. Nay thành Chánh giác rồi lại nói: Mười hai thứ lửa chân tuệ, nghĩa là có công năng thành việc lớn, xua tan hết các tối tăm cấu chướng thành tựu việc lớn, chẳng đồng với hạnh tà đạo phi pháp thuở xưa. Tên thứ nhất là lửa trí mới gọi là xứng sắc vàng, trang nghiêm tăng oai lực cùng với Tam-muội lửa sáng trụ ở các trí đầy đủ.

Lửa đầu tiên trong đây là ánh sáng tuệ của tâm Bồ-đề hình vuông sắc vàng tức là biểu thị cho tòa Kim cương, trang nghiêm là nội trang nghiêm. Nói lửa trí này là hình Bổn tôn, có tất cả công đức Phật. Tăng oai là ngoại sự, tức là mười lực dụng... Trí này tánh như thế. Công đức trong ngoài trang nghiêm đầy đủ, có khả năng cùng với lực nên gọi là tăng oai. Do biết lửa này đốt củi vô minh chứa từ vô thỉ đến nay khiến cháy không sót, như lửa kiếp thiêu, tro tàn đều, sạch mênh mông không

bụi dơ, tất cả công đức Như Lai tự nhiên thành tựu. Nhưng thần lửa này tức gọi là trí, hình tướng trang nghiêm thành sắc Kim cương, dùng lửa tròn sáng để tự vây quanh, trong ánh sáng này là Tam-muội chánh thọ vắng lặng. Do trụ vào Tam-muội này mà trí tánh đầy đủ. Trí quang này là tên khác của Tỳ-lô-giá-na. Tức dùng tôn vị này để biểu thị cho trí này. Nếu trước quán tức quán thần lửa này, làm cho thành tựu tất cả việc. Nếu hiểu sâu tánh nó thì như trên nói. Đàn vuông trong đây tiếng Phạm là Ma-ha-nhân-đà-la là tên khác của Thích Tôn, lại là tên khác của Kim cương luân. Trí là nội chứng phát ra ngoài biểu thị cho hình chày Kim cương. Hình tòa vuông này cũng tương tự. Nhưng chỉ quán đàn bốn góc, trong có Bổn tôn. Trên nói tăng oai, nếu làm hình tượng, chỗ biểu thị mà nói tức là nói thể mạo phòng bị đầy đủ. Y cứ vào lý này mà nói thì tức là tâm pháp môn. Nhưng lửa có hai pháp. Nếu tu được Du-già, thì chỉ quán tướng, biểu thị cho tôn vị này mà tụng chân ngôn, gọi là pháp lửa nội tâm. Nếu thuận theo thế gian mà làm đàn thì phải làm lò vuông, chung quanh có lửa sáng. Thân mình thì đắp y vàng, tưởng trong lò lửa có bổn thần trụ ở Tam-muội như trên. Sau đó, mới làm sự thành, chẳng thế thì không thành. Pháp này tương ưng với tức tai là pháp bền chắc. Đây phối với sơ tâm Bồ-đề tự môn A, do nhân duyên này mà trí đầy đủ.

Lửa thứ hai tên là hạnh mãn, là xét tên biểu thị nghĩa tiếng Phạm cũng là chân ngôn. Mới phát tâm Bồ-đề, kế là tu hạnh này. Hạnh ấy đủ thì gọi là Phật. Đây tức là nói đại bi làm gốc, tâm Bồ-đề làm hạt giống, hình dáng như trăng đêm thu, ánh sáng chiếu khắp bốn phía. Thân mặc áo trắng, đầy đủ các đức. Tay phải cầm chuỗi, kế tay trái cầm quân trì. Tượng này trụ trong Nguyệt luân như trên đã nói tức là nghĩa tâm tánh tròn sáng thanh tịnh. Dùng lửa diệu hạnh này mà đốt củi tâm cấu nói rộng. Nếu khi quán cũng tức là quán tách tròn sáng này làm hình Bổn tôn. Văn trên nói đều là thể nội chứng của Như Lai. Đức bày bên ngoài dùng pháp môn để biểu thị. Ở bên ngoài thì làm lò tròn dùng bột bạch đàn mà tô, dâng hoa trắng cúng dường. Thân cũng đắp y trắng, đây là pháp tức tai, tai có vô lượng, ở thế gian như các tai ương: Nước lửa, trùng độc, sương rơi, các ôn dịch... và tất cả bệnh não trong thân có rất nhiều thứ, thân mình thân người đều dứt sạch. Lại từ vô thỉ đến nay có tâm nghi, nghĩa là đối với pháp sâu xa mà sinh do dự chẳng quyết định tin, đó chính là chướng. Lửa này trừ sạch chướng này cũng là nghĩa dứt tai ương. Hộ-ma dứt tai ương này cũng có hai thứ. Chỉ tương ưng Du-già, mà tụng niệm hoặc ngoại Hộ-ma mà làm pháp lửa, rồi mới cúng dường

và làm các việc. Nếu không bày ra thì thực hành tâm tưởng cũng được. Nếu có vật để làm mà chẳng làm, chỉ tâm làm thì không đúng pháp.

Hỏa tôn thứ ba tên là Gió tháo, từ gió mà sinh, là con của gió, hình khô đen, như tô tro bên trên. Đây là trong sắc đen mà ngoài thì khô nhăn như tô lên tro than. Tôn vị này ở trong Gió luân có hình bán nguyệt, cũng có khi hình ngồi thẳng Tam-muội. Nghĩa là người tu mới phát tâm Bồ-đề tuy muốn tiến hành mà từ vô thỉ đến nay vọng hoặc phiền não căn bổn chưa dứt, bền chắc khó phá mà che tối quán tâm thi thực hành pháp này. Gió là nghĩa chẳng trụ, lại như gió thế gian thổi tan mây nặng, lửa chẳng trụ này cũng thế, làm tan hoại các chướng. Tôn này ngồi trong Gió đàn, tay cầm bông, cách đầu năm, ba tấc, cầm hai đầu, như hình Thiên y, sắc xanh. Đây là pháp A-tỳ-xà-lỗ-ca, cũng có hai pháp trong ngoài.

Thứ tư là đỏ như mặt trời sáng, trụ trong hình Tam giác, tay phải cầm đao ngồi thẳng, Đao tượng trưng cho tuệ bén đoạn kiết. Như khi mặt trời mới mọc đêm tan thì ngày hiện, tối hết thì sáng hiện. Cho nên dùng sắc này. Thần lửa như hình sắc ấy, lửa sáng cũng như thế, thân tướng tròn đầy. Như trước trụ trong Tam-muội có vẻ hơi giận.

Thứ năm, Một-lật-noa là nghĩa hòa hợp, đây làm đạm sắc vàng, nghĩa là vàng gồm sắc lửa hòa hợp là gồm hai pháp. Tượng nó bên trái có sắc giận dữ, bên phải có sắc vui vẻ hơi mỉm cười đều sinh nửa thân. Hơi mỉm cười là không quá giận không quá mừng, yên lặng mà trụ. Trên thân có lông, nghĩa là tóc tai râu ria hơi nhiều, nhưng chẳng nhiều quá, nếu nhiều quá thì chẳng trang nghiêm. Cổ dài có oai quang lớn, thần ấy một bên đỏ một bên vàng, ngồi trên đá cũng vuông, ở tam giác bên trái, tay trái cầm đao, tay phải cầm bạt-chiết-la. Có hai pháp trong ngoài, nêu ở trước. Đây là hòa hợp trùm khắp tất cả, triệu vừa tức tai đều thành. Nội dung là Trí quang, phiền não liền diệt vô sinh. Nếu làm bên ngoài thì hương hoa, y phục cũng phải hai thứ. Khi tụng niệm cũng làm hình này như Bổn tôn. Vẫn một mắt giận, một mắt hiền từ, tai trừ nguyện mãn, cùng một lúc đều thành tựu. Vì lý đẳng biến này mà được công dụng như thế, chẳng đồng giáo nghiêng về một bên.

Thứ sáu thần lửa tên là Phẫn Nộ, tức dùng danh nghĩa này làm chân ngôn như trên. Thân ấy sắc khói, nghĩa là không quá đen, quá trắng (màu xám). Nhắm một mắt tóc bung ra như cỏ rối, có dáng vẻ hét lớn, nghĩa là miệng mở to hò hét. Miệng có bốn nanh chìa ra, hai trên hai dưới. Đây cũng nhiếp hai việc: Một là hỏa, một là gió.

Thứ bảy gọi là Ôn phúc: Như lửa trên thế gian, nghĩa là lửa trong

thân làm tiêu hóa thức ăn mà nuôi thân. Nghĩa là trong chánh pháp này thì chẳng như thế. Lửa trong bụng tức là trí nội chứng. Tấn tật, nghĩa là hình nó thêm giận dữ hơn trước. Rất giận nghĩa là làm chữ ác này. Có các thứ sắc, nghĩa là hình có năm sắc. Nghĩa y cứ theo trước.

Thứ tám gọi là phí hao, là nghĩa trừ khiển, nghĩa là dứt trừ hết tất cả các việc nghiệp cấu, không để dự sót. Tôn vị này dứt trừ tất cả chướng trong thân. Tức là loại Tỳ-na-dã-ca đều làm cho tiêu hao. Sắc nó như nhóm họp rất nhiều điện quang, chẳng thể nhìn được, đây là đồng loại Kim cương luân.

Thứ chín gọi là ý sinh, nghĩa là pháp từ ý sinh, tùy ý mà thành. Các thứ hình đều thành tựu. Xảo là Tỳ-chủ-yết-ma tức là tùy loại hiện thân là nghĩa Phổ môn thành tựu. Tuệ tự tại hễ làm việc gì đều thành, tức là có sức mạnh.

Thứ mười là lửa thọ thực, gọi là kiếp, nghĩa là khi cho lửa tức là nhân thức ăn uống. Thọ thực nghĩa là cho lửa khi ăn, nhận mà ăn. Tôn vị ấy làm trì ấn chữ Ám, là nghi pháp của Phạm chí, Phạm hạnh là hễ có nói năng đều nghiêng tay phải bắt ấn đưa lên, dùng tiếng chữ Am mà làm tướng.

Thứ mười một là văn nầy thiếu.

Thứ mười hai gọi là Tất thành, nghĩa là thành tựu tất cả, tức là việc phải làm đều làm xong, có nghĩa là vắng lặng đạo tràng mà hàng phục ma. Lại như có một loại chúng sinh làm ác chẳng thể dứt. Nếu có khuyên dắt thì lại càng làm ác, nếu buông thả thì sẽ đến đường ác. Dùng phương tiện mà hàng phục thân ấy khiến đều nhắm mắt chẳng biết gì. Vì nhân duyên này mà thiện ác đều chẳng tạo, kế là dần dần dẫn dắt đi vào chánh pháp. Như Kim cương Đảnh, lại Kim cương Thủ hàng phục trời Đại Tự Tại, như nói ở trên. Ở đây đều là trụ đạo phương tiện mà làm. Bí Mật Chủ, đây đều là do sắc lửa giữ gốc tùy theo sắc thần lửa đó, các thứ thuốc mên đều đồng với kia, tức là tùy sắc loại đó. Lại có kệ nói làm ngoại Hộ-ma tùy ý thành Tất-địa. Lại nữa, Bí Mật Chủ! kế là nói Nội pháp một tánh mà đủ ba, ba chỗ mà hợp thành một. Du-kỳ Hộ-ma bên trong tâm đại từ đại bi là pháp dứt tai ương. Nó gồm cả mừng, gọi là pháp tăng ích. Phẫn nộ (giận dữ) từ Thai tàng mà làm các sự nghiệp. Lại Bí Mật Chủ kia như chỗ nói tùy sự nghiệp tương ưng, tùy tín hiểu mà thiêu đốt sắc mình và các thứ thuốc men đồng với ngoại Hộ-ma, thực hành Tất -địa này tùy ý, là nói mười hai thứ hình sắc này và vật được trì mà biết tánh của nó.

Trước trong ngoài hợp luận, nay chỉ nói ngoài ba hòa hợp, nghĩa

là lửa chẳng khác Thần, Thần chẳng khác thân mình. Đồng là tự tha đều đồng. Nội tác là Bổn tôn tức lửa, lửa tức là thân mình. Nay nói lý giải thích Bổn tôn tức là Tỳ-lô-giá-na. Tỳ-lô-giá-na này không khác với lửa trí tuệ tự nhiên. Lửa này chẳng khác với thân ta, tức là dùng một tự tánh ba hòa hợp gọi là Hộ-ma bên trong. Hòa hợp là Bổn tôn tức là lửa, lửa đồng với thân mình, ba việc bằng nhau. Văn trên như ý Tất-địa tùy việc đời thượng, trung, hạ, tùy ý liền thành. Nếu chẳng hiểu (liễu) pháp lửa này thì không do đâu mà được thành. Nội pháp cũng tương đương. Nếu hiểu lửa tuệ này thì tùy ra đời thượng trung hạ thành tựu, tùy tâm liền thành. Lại nữa, ba hòa hợp tức là thân, miệng, ý, thân là ấn khẩu, là chân ngôn, tâm là Bổn tôn. Ba việc này hỏa hợp rốt ráo nên gọi là ba hòa hợp. Nếu quán được Bổn tôn thì thân mình dần dần thanh tịnh. Tịnh thì đồng với Bổn tôn. Nếu thấy một tánh thì thì ba việc đều đủ. Bình đẳng đều thế. Kế là nói pháp Hộ-ma bên trong, tức vì ba việc này mà trong làm dứt tai ương tức, dùng đại từ đại bi đây làm ba bình đẳng. Khi đại từ đại bi hòa hợp thì tất cả tôn vị dứt tai ương là đệ nhất bi. Nếu thực hành pháp Tăng Ích tức là bi và đại hỷ hòa hợp. Nếu (giận dữ) thì lửa là thai làm việc, thai là tâm, nghĩa là có nhân duyên phải có dáng vẻ tức giận mà hàng phục người. Tức là từ trong nội tâm mà khởi giận dữ. Giận dữ này chẳng phải như giận dữ thế gian, nghĩa là từ trong đại bi mà chiếu soi thật tánh của giận, dùng phương tiện mà khởi để hàng phục pháp ác. Như thế... chỉ cho nội tác Hộ-ma có thể làm xong các việc. Cho nên Hộ-ma nghĩa là lửa tuệ thiêu đốt củi phiền não khiến cháy hết không sót. Nhưng nay trong đây nói lược chỗ dùng lửa thần và tướng trong ngoài. Phải biết trong các pháp giáo khác đều có pháp lửa. Bất cứ làm việc gì đều y theo pháp này mà trụ vào Tam-muội, tùy nó tương ưng mà làm liền thành. Nếu không như đây, thì chỉ đốt củi gỗ vô tâm mà cúng dường, chẳng phải thế, thì lạm ở ngoại pháp lại chẳng thể thành. Lại kinh nói: Vật tức là các thứ củi lửa vật thực.

Bấy giờ, Chấp Kim cương Thủ bạch Phật rằng: bạch Đức Thế Tôn, thế nào là Thế Tôn, thế nào là lò lửa Tam-ma-địa, thế nào là tưới rưới? thế nào là thuận bày cỏ tranh, xin Phật nói cho? Kim cương Thủ hỏi Phật như thế. Từ trên đã nói pháp lửa này nhưng vẫn chưa quyết. Phải để lửa chỗ nào, chỗ nào để lò... lại có pháp nào, tức là tưới rưới bày cỏ tranh và dùng vật... đều hỏi Phật. Kế là Phật bảo Chấp Kim cương Thủ Bí Mật Chủ rằng: Này Bí Mật Chủ, lò lửa ấy một chỏ tay, đều vuông bốn góc, dài bằng bốn ngón tay, các Kim cương vây quanh. Trở xuống là hai bài kệ. Kế là Phật đáp: Lò lửa lấy như một khuỷu tay

khắp quanh bốn ngón tay đều có Kim cương vây quanh. Nghĩa là tùy chỗ ở mà xuyên sâu một khuỷu tay vuông, cũng giống như thế trên miệng đặt viền cao rộng, đều bốn ngón tay, dùng ngón cái mà đo viền chung quanh, dùng Kim cương vây quanh, bốn mặt đều tiếp nhau. Như đã nói trong tám ấn. Đẳng... nghĩa là sâu và vuông tròn... Như lò vuông và Tam giác, bán nguyệt... rất dễ hiểu. Kệ nói: Chiếu dùng tranh non xanh mà để bên phải lò, chớ dùng ngọn nối gốc phải dùng gốc nối ngọn, nghĩa là chớ dùng ngọn đè gốc mà dùng gốc đè ngọn. Lấy tranh trải bên phải. Phép dạy phải như thế. Lại dâng hương thoa hoa đèn, phải hiến vào lửa trời Một-lật-noa. Dùng một hoa cúng dường để trên tòa. Để xong rồi dùng chân ngôn mà rưới tịnh. Người có trí dùng bổn chân ngôn mà làm mãn thí. Kế là Hộ-ma tức tai hoặc xen kẻ pháp Tăng ích, pháp Hộ-ma thế gian như thế gọi là ngoại sự. Kế là Hộ-ma bên trong diệt trừ nghiệp sinh, tức là nghiệp sinh diệt hết. Hiểu rõ Mạt-na tức là ý. Xa lìa sắc, thanh... mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ngữ, ý... đều từ tâm khởi, y chỉ tâm vương. Tranh mâu) thì xanh ướt, để quanh bên phải. Nghĩa là bày tranh ở ngoài kia. Phải cho gốc đè ngọn, ngọn là trên đầu có mầm non xanh ướt. Dù cho khiến bày ở phương Đông thì gốc ở Bắc mà ngọn ở Nam, vẫn lấy ngọn đè gốc ở Nam, không được dùng gốc đè ngọn. Kế thứ lớp xoay bên phải mà bày. Đến phương Nam thì gốc ở phương Đông mà đầu ngọn ở Tây. Cho đến phương Bắc thứ lớp y theo đây. Sái thủy nghĩa là nước Át-già. Át -già có phương pháp riêng. Như trong Tất-địa có nói. Sái thủy này có hai pháp. Nếu dùng có tranh làm bó nhỏ thì đặt trong chén Át-già mà (rải), khi rải thì thuận bên phải mà sái, nếu dùng tay sái thẳng cũng được song phải rải thuận. Đây lại có hai thứ. Nếu khi mới tịnh hỏa thì sái thuận xoay bên phải, nếu khi tịnh rồi mà cúng dường thì phải sái thẳng, không cần xoay bên phải. Như trong Tất-địa đã nói rõ. Nhưng khi chưa rải thì thỉnh Hỏa tôn có chân ngôn và ấn, phẩm trên đã nói chính là chỗ dùng trong đây. Rải xong thì hiến hoa thứ lớp cúng dường các vật. Bấy giờ, phải quán hình Bổn tôn ở trong lò, (đọc) chân ngôn khi rải khắp. Khi mãn thí, tức là dùng cái muỗng và vật ném vào lửa, muỗng có hai thứ: Trước là muỗng vuông lớn gọi là Mãn thí phải đựng đầy mà ném vào lửa. Kế là muỗng nhỏ tức tiếp tục lấy nội hỏa, nhưng cũng phải đựng đầy. Có pháp khác cũng như trong Tất-địa có chỉ sơ lược. Ba việc tức tai, Tăng ích, chiết phục, phải biết tất cả việc y theo đây mà làm.

Lại nữa Hộ-ma bên trong nghiệp sinh diệt hiểu biết ý ấy. Muốn biết ý ấy thì phải lìa cảnh. Đã lìa cảnh thì cũng biết đã lìa gốc. Nhưng

lời này ở lưỡi nhiếp thân ý, từ tâm sinh, y Tâm vương mà khởi; Nhãn... phân biệt sinh và cảnh giới sắc... Do tuệ khi chưa sinh mà nương Tâm vương có vụng. Muốn chấm dứt pháp tu nầy thì dùng gió thổi lửa mà diệt, nghĩa là dùng lửa gió trí mà đốt. Đốt trừ vọng chấp khiến được tịnh tâm Bồ-đề, có hợp với Tịnh ngữ. Nên nói đây gọi là Hộ-ma bên trong, nói cho các Bồ-tát nghe, vì tuệ và lửa do gió mà sinh. Tuệ là chỉ, tịnh tâm là quán. Từ trên đến đây là nói việc thế gian. Nay kế nói việc xuất thế của Hộ-ma bên trong, nghĩa là dùng lửa trí mà trừ nghiệp sinh. Từ nghiệp mà thọ sinh, từ sinh lại tạo nghiệp, trôi lăn mãi không thôi. Nay nói Hộ-ma chính là trừ sạch nghiệp này cho pháp thanh tịnh sinh. Nghiệp sinh đã dứt trừ thì mới dùng ý sinh. Ý là tên khác của tâm. Đây là từ tâm sinh pháp. Lìa sắc, thanh, hương, vị, xúc, lìa mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, các pháp nầy đây đều do tâm làm chủ Tâm vương này sinh phân biệt. Thì Phải dùng tuệ mà thanh tịnh tâm vương này thì tất cả pháp thanh tịnh. Nhưng khi tuệ chưa sinh là bị chướng pháp làm xao động. Phải y theo văn trên, dùng lửa gió nóng mà đốt sạch, thì là dùng ý sâu của văn trên. Do thân tuệ chưa sinh tức có phân biệt, vì phân biệt nên có các cấu chướng về căn cảnh... Nay dùng lửa gió nóng mà dứt sạch. Lửa này là tên khác của tâm Bồ-đề. Lửa tâm Bồ-đề này đốt các việc khiến dứt sạch, thì gọi là Hộ-ma bên trong. Người trí như thế gọi là Bồ-tát. Nói về thế xuất thế, tức là sự lý hai pháp sự, tức là lửa phương tiện mà gia trì, xuất thế là lửa tuệ tánh. Phẩm lửa xuất thế đã xong. Nếu nói lửa trời thế gian, làm hình Phạm thiên. Nay lửa Thần nội pháp làm hình Tam-ma-địa vắng lặng trụ trong Tam-muội.

Phẩm 28: BỔN TÔN TAM-MUỘI

Bấy giờ, Chấp Kim cương Bí Mật Chủ bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn xin nói các Tôn vị khiến cho oai nghiệm hiện tiền, khiến Tôn vị hiện hình. Các chân ngôn, các Bồ-tát tu hành Bồ-tát. Do làm hình ấy khiến người tu quán duyên theo Tôn hình, tức hình Bổn tôn đồng với thân mình, không có nghi ngờ mà được Tất-địa. Nói rồi như thế. Phật bảo Chấp Kim cương Bí Mật Chủ rằng: Lành thay, lành thay Bí Mật Chủ, các ông đã hỏi ta. Bấy giờ, Kim cương Thủ Bí Mật Chủ bạch Phật rằng: Bạch thế Thế tôn xin nói về sự: Linh nghiệm của Bổn tôn, khiến các chân ngôn, các Bồ-tát tu Bồ-tát hạnh, quán hình tượng Bổn tôn. Phật bảo Bí Mật Chủ rằng: Các tôn vị có ba thứ hình tượng tức là chữ, ấn và hình mạo. Chữ ấy có hai tức là tiếng và tâm Bồ-đề. Kế là ấn cũng có hai, tức cótướng và vô tướng. Tướng nghĩa là sắc, tức có hình tượng và không hình tượng. Hình tôn vị cũng có hai, tức tịnh và chẳng tịnh. Ngoài Chứng tịnh hình thì hình ấy tức là thân, thể đồng với không, lìa tất cả tướng, chẳng phải thân tịnh có tướng thì có hiển hình các sắc, hai thứ hình tôn ấy thành hai việc. Có tướng cho nên thành có tướng, phi tướng cho nên tùy sinh phi tướng Tất-địa. Ở trên cũng lệ theo ở trước.

Kế là dẫn Phật làm chứng. Có tướng nên thành có tướng, Phật thường nói như thế. Nếu tâm trụ Phi tưởng thì sẽ thành phi tưởng. Lại Phật nêu trước, cho nên thành tất cả thứ. Phải trụ vào Bi tưởng, vì nói sự tùy tâm nên phải cầu xuất thế. Nhờ quán hình sắc Bổn tôn mà được Tất-địa vô ngại. Trên đây là Kim cương Thủ hỏi. Bổn tôn tiếng Phạm là Ta-dã-địa-đề-phược-đa, nếu chỉ nói Đề-phược-đa là chỉ cho nghĩa Tôn. Tôn cũng gọi là Tự tôn, nghĩa là tôn mà mình trì, nhưng người tu ấy hợp thì Bổn tôn liền giáng lâm đạo tràng mà đến che chở cho. Song người tu này trước khi thực hành còn là phàm phu không có đức lực, làm sao cảm được Phật Bồ-tát ứng hiện như thế. Chỉ do Phật và Bồ-tát ấy trước đã lập thệ nguyện lớn rằng: Nếu có chúng sinh y theo pháp này của ta mà tu hành không thiếu thì ta sẽ ngầm cảm ứng hoặc tuy chẳng đến mà ở xa che chở. Nếu người tu đúng phép tắc mà ta chẳng ứng phó tức là trái với bổn nguyện. Cho nên chẳng thể chẳng ứng. Như minh châu hướng về trăng thì có nước, gương sáng hướng về mặt trời có lửa, nhân duyên tương ưng mà không tư niệm. Pháp này cũng có thể làm dụ, không phải là Chư Phật có tâm làm mà đồng với phàm phu ứng phó. Nếu tâm chẳng tương ưng, sự duyên có thiếu sót thì Bổn tôn không che chở, cho nên không ứng nghiệm, chẳng phải là lỗi của Phật Bồ-tát. Song người tu vì

việc này mà phải chánh quán thân thanh tịnh của Bổn tôn. Thân thanh tịnh nếu đã thấy rồi liền dùng thân mình mà làm thân Bổn tôn. Như thế không còn lo nghĩ. Chỗ cầu Tất-địa không quả nào chẳng thành. Kinh nói duyên tức là người tu nếu y cứ theo Bổn tôn làm quán như thế mà không nghi thì tương ưng với Bổn tôn ấy, không có tâm nghi ngờ. Cho nên chỗ tu sẽ thành. Ở trên đã hỏi xong.

Phật bảo lành thay, lành thay Bí Mật Chủ! Ông hỏi ta được việc như thế. Cho nên Kim cương Thủ hãy khéo tác ý, ta sẽ giảng nói. Cho đến nguyện muốn nghe. Vì Kim cương Thủ khéo thứ lớp mà hỏi nghi. Vì khuyên các Bồ-tát tu hạnh chân ngôn ở vị lai, lại ủy dụ khuyên răn. Kế Phật bảo Bí Mật Chủ rằng: Hình Bổn tôn có ba việc, đó là chữ, ấn, và hình. Hình là hình Bổn tôn. Chữ kia có hai là tiếng và tâm Bồ-đề. Nghĩa là người tu đầu tiên tu hành chữ, lược có hai thứ quán nghĩa của chữ: Một là chỉ quán tâm Bồ-đề, tâm Bồ-đề này tức là chữ, nghĩa là A-ca-giá-tra-đa-bà... chỉ nêu chữ đầu, nhưng các chữ đều như thế, xem là đầu tiên nói là tâm Bồ-đề. Hoặc quán tự luân, nghĩa là chân ngôn sở trì làm luân hình vào thân, như phẩm trì tụng trên nói, hoặc quán chữ hạt giống đều như thế. Hoặc chẳng quán chữ mà chỉ niệm tiếng, nghĩa là trên quán tiếng này như tiếng chuông mõ thứ lớp chẳng dứt, đồng thời tiếng này mà điều hòa hơi thở ra vào, như trên nói đều như thế, đã nói chữ xong.

Ấn hình cũng có hai, tức hình và vô hình. Hình là có màu xanh vàng đỏ trắng, các hình vuông tròn, tam giác... co duỗi, ngồi đứng và chỗ ở. Ấn là chấp ấn, tức là đao, luân, dây lụa, chày Kim cương... Sơ tâm thì duyên riêng mà quán, nghĩa là trước quán hình vẽ Tôn, vị, y cứ theo đây mà quán gọi là có hình. Sau dần thuần thục lại dùng năng lực gia trì tự nhiên mà hiện tương ưng với tâm. Bấy giờ, Bổn tôn này chỉ từ tâm hiện chẳng khác duyên ngoài, cho nên nói là vô hình. Ở đây nói là mới được Tam-muội, thấy Bổn tôn ấy hình như thế, sắc như thế, chỗ ở như thế, ngồi đứng như thế, trong Mạn-đồ-la như thế mà trì đến như thế. Cũng là có tướng nên gọi là có hình. Sau chuyển chân ngôn rõ ràng thấy ngay. Như hình ảnh trong gương chẳng tưởng mà thấy, cho nên gọi là vô hình. Kế là hình Bổn tôn có hai thứ, tức là thanh tịnh và phi thanh tịnh. Nghĩa là người tu ấy trước nhân có tướng mà dẫn vào vô tướng, trước quán vầng ánh sáng tròn của Phật Bồ-tát và ấn thân trước làm chẳng thấy. Riêng vẽ tượng mà quán, dần dần pháp lực che chở mà dần được sáng tỏ, còn có chỗ chướng, nhắm mắt thì thấy, mở mắt thì không thấy. Kế là dần dần nhắm mắt mở mắt đều thấy rõ. Dần dần chẳng cần chú

ý cũng thấy. Cho đến chạm thân cũng không có ngại, cũng như mắt đối với người thế gian. Do có tướng này mà dần dần dẫn vào chỗ thanh tịnh vì có tướng nên gọi là phi tịnh. Do Tam-ma-tư-đa dẫn vào mà trụ vào chỗ thanh tịnh vắng lặng vô tướng, nên gọi là tịnh. Tịnh là quả, phi tịnh là nhân. Phi tịnh tức là các loại hình sắc ấn tượng, từ phi tịnh này dẫn mà thành tịnh, do nhân vô thường mà đến quả Thường. Đây gọi là ba việc, đều có hai thứ, tức thực hành theo thứ lớp. Quán từ chân ngôn mà quán chữ, kế là quán tiếng nhỏ dần, kế là quán hình Tôn vị cũng nhỏ dần. Kế chẳng cần duyên khác mà quán rất tì mỉ. Kế là đối với ở vô duyên lại có tịnh, bất tịnh và thuần tịnh. Hoặc có thể tắt ngang mà nói ba việc này đều có phương tiện thế và xuất thế, nên đều có hai.

Kinh nói hai thứ ấy, hai tức là từ trên ba việc đều có hai thứ ấy, trong hai thứ ấy tức có hai việc. Thành tựu có tưởng cho nên có tưởng, phi tưởng cho nên phi tưởng; Tất-địa tùy sinh... Nghĩa là nếu dùng sự có tưởng mà quán thấy, thì đới với có tướng sẽ được thành tựu. Lại nói ba việc này ở trong hai thứ dùng bất cứ một vệc nào đều được thành tựu. Nhưng đều có thế và xuất thế thành tựu và sự thành lý thành. Cho nên trong ba thứ trước đều có hai thứ thành tựu hai việc. Kinh nói có tưởng thì có tưởng muốn thành, nếu trụ vào phi tưởng thì phi tưởng thành tựu. Cho nên thành một việc phải trụ vào phi tưởng. Đây là khuyên khiến lìa tất cả tưởng mà trụ vào phi tưởng. Kết khuyên là: Vì trụ vào phi tưởng là lý thành tựu, tất cả không thể suy nghĩ bàn luận thần biến, chẳng cần thêm tâm tưởng mà tự nhiên thành nghiệp mầu nhiệm. Không phải như thành tựu thế gian ở tâm hành sinh diệt mà năng lực có hạn, lại không rốt ráo. Cho nên khuyên lấy cao quý ấy. Đây là nói riêng trong Đại Bát-nhã có nói đủ việc rửa sạch quán tâm. Nhưng phải có gốc. Nay người tu trước đối với duyên mà khởi quán. Cho đến thấy đủ Phật mười phương hội, các thế giới các thứ cảnh giới được dùng lấy làm Tất-địa, sau mới có Bát-nhã chùi rửa sạch hết, tức thành đại dụng không thể suy nghĩ bàn luận, chóng được quả Phật. Nếu chẳng biết làm theo thứ lớp, chỉ xem văn ấy chẳng vào chỗ (sâu kín) rất hiểu lầm ý kinh ông chợt như thế mà vào không mất đạo viên đốn. Cho nên đối với phẩm này phải quán kỹ ý nó.

Phẩm 29: VÔ TƯỚNG TAM-MUỘI

Lại nữa, Đại Nhật thành tựu bảo Kim cương Bí Mật Chủ rằng: Này Bí Mật Chủ, môn chân ngôn ấy các Bồ-tát tu hạnh Bồ-tát ưa thích thành tựu Tam-muội vô tướng. Phải suy nghĩ như vầy: Tưởng từ đâu sinh, từ thân mình hay thân ý mình sinh. Nhưng thân ấy do nghiệp mà sinh, đồng với cỏ cây ngói đá, nghĩa là tự tánh như thế, thân nghiệp sinh tự tánh như thế, trơ trơ đồng gỗ đá. Nghiệp sinh nghĩa là từ nhất khởi này quán là có tưởng, có tưởng là ngoài, ngoài có thân ngữ như thế mà quán. Ngu ngơ đồng cỏ cây tánh lìa tạo tác, tức là nghiệp tư sinh. Từ nhân nghiệp sinh là trong ngoài sinh, tức gỗ đá tạo lập là ngoài.

Phẩm kế, Phật bảo Kim cương Thủ Bí Mật Chủ, đó là phi tưởng Tam-muội thành tựu nguyện ước muốn Chân ngôn môn Bồ-tát tu hạnh Bồ-tát, suy nghĩ như vầy. Từ đâu tưởng sinh? Tức thân mình hay tâm ý mình, tức là tu Du-già, đã quán được Bổn tôn cho đến hiện được các thứ cảnh kỳ diệu. Nhưng cũng thuộc Tam-muội ở đời, chưa được tuệ bình đẳng. Nay lại chỉ bày vào ba bình đẳng mà quán. Nếu quán này rõ ràng, hiểu được thật tướng của thân, miệng, ý mình tức là vào tịnh tâm Bồ-đề sơ pháp minh môn thượng Bồ-tát địa. Đây là giải thích riêng, nhưng đại ý như thế. Trước nói thân thật tướng mà quán. Nghĩa là kinh nói: Thấn ấy nghiệp sinh các tánh cây cây ngói đá... như thế mà lìa (trơ trơ) như ngoại tác. Hoặc nghiệp sinh như hình tượng thấy bình đẳng là bình đẳng, ấy là văn kinh.

Như trên nói phải trụ vào phi tưởng, nay trong phẩm này nếu người tu chân ngôn, nếu muốn thành tựu được phi tưởng Tam-muội này thì phải tạo ra quán này. Kinh nói thân mình, tâm ý mình tức là từ tâm có nghĩ sinh ra. Tâm là tâm thanh tịnh, ý là phân biệt. Nhưng thân này đồng với gỗ đá, tánh nó ngu ngơ. Nói bốn đại này nếu lìa tâm thì đồng với gỗ đá. Như trong Đại Bát-nhã quán thân tâm xứ có nói. Như người sáng mắt tự thấy các sâu mọt trong gạo thóc. Thân này cũng như thế. Khi quán thân niệm xứ thì tự thấy ba mươi sáu vật đều có tướng khác. Bấy giờ, thân tướng liền dứt. Như khi thấy lúa thóc thì tên sâu mọt liền mất. Cho đến mỗi pháp đều duyên sinh thứ lớp mà nói kỹ. Kế lại nói thân đồng với tượng. Như làm tượng thì lấy các vật đất gỗ hòa hợp mà làm tượng, hoặc Phật, hoặc trời, hoặc cha mẹ các hình tượng khác. Vì chẳng khéo quán nên tùy tôn vị sinh mà kính yêu. Nhưng mỗi pháp nhìn kỹ thì chỉ là các duyên hòa hợp, không có tự tánh. Nay thân ta cũng như thế. Các duyên giả hợp tự chẳng hiểu nên thấy có sinh thân, nếu xét kỹ

thì đều không tự tánh, chỉ từ duyên mà có, như cảnh huyển từ duyên mà sinh thật chẳng thật có. Lại thân này do tâm mà có hình dạng như sáu căn có biết, nhưng thật ra chẳng đúng thế. Như tâm người cũng quán sát, có chỗ trụ, thì dù mặt trời sáng mà có người chẳng thấy, tuy sấm sét gầm rú mà có lúc chẳng nghe, lại như quá khứ Tỳ-kheo nhất tâm thiền quán ngồi ở bên đường, có đại quân đi qua mà không thấy. Phải biết nếu lìa tâm thì thân này tuy đủ các căn mắt tai mà cũng như gỗ đá vô tri. Lại như lấy tượng mà dụ như các tướng gỗ đá này bị lửa đốt, nước cuốn, dao chặt, chày Kim cương nghiền nát hoặc mắng chửi thậm tệ thì chẳng động chút tâm tưởng, khiến buồn giận, hoặc các thứ cúng dường áo đẹp, thức ăn ngon, hương thơm sắc đẹp cho đến trời người cúng dường đầy ắp thì cũng chẳng mừng. Phải biết tượng này tánh tự không. Tự do tâm ta phân biệt mà sinh thêm bớt hoặc chê bai đều là điên đảo chẳng thật. Như quán tượng ngoài mà quán thân mình. Khi ấy, chẳng thấy thân tướng, lìa các phân biệt. Như thế mà quán sát thân ấy, thấy thật tướng của thân, liền chứng vô Tam-muội tướng. Hễ khi quán sát mà thấy thì bảo là duyên chạm tướng có tướng. Dần dần vào sâu tự nhiên, tức tướng mà không tướng, tức duyên mà không duyên. Nếu chẳng được phương tiện này thì chỉ là ngay đó quán không, mà chẳng biết do nhân duyên nào mà không. Mê đắm pháp không ấy sinh ra nhiều dị kiến. Cho nên người tu hành thứ lớp phải có chủ đích? Vì sao thế kẻ ngu phàm phu đối với tự tánh không hình tượng tự sinh ra ngã phần, nghĩa là tự thân mình sinh ra phân biệt ngã, do điên đảo chẳng thật này mà khởi các thứ phân biệt, hoặc cúng dường, hoặc trừ cúng dường, hoặc chửi mắng chê bai, đều dứt bỏ tất cả. Nhưng kế quán thân này phải có ngữ quán quán lời nói, quán lời nói vì nhập vào thân quán nên không nói riêng. Nay lược nêu tức là hợp luận. Nay lời nói này từ đâu mà có, nghĩa là từ răng môi, lưỡi, cổ, họng... các duyên, tâm động hơi gió va chạm nhau mà có tiếng này, cũng như trong hang trống tiếng vang không có tự tánh. Phàm phu chẳng biết, cho nên nghe tốt thì sinh vui trái ý thỉ nổi giận. Nay thật tướng của tiếng như thế, tức biết tiếng này chẳng sinh chẳng diệt, đồng với thật tướng, âm thinh ấy tánh bình đẳng. Kế là liền quán tâm, vì pháp không hình tướng nên quán nghe hiểu biết. Trước từ thô quán, rõ thân này bình đẳng, ngữ này bình đẳng tự biết mà thâm nhập.

Lại nữa, Bí Mật Chủ! tâm tánh lìa tất cả tướng, suy tư tánh không, phải suy tư đây. Này Bí Mật Chủ, khi tâm cầu Tam-muội chẳng thể lìa ba đời, tánh đó như thế. Phải (suy nghĩ) mà thường lìa tướng. Lại nữa, Bí Mật Chủ! cũng có thể tự quán sát. Người tu khi ấy đã quán tướng

ngoài kế hiểu rõ nội tâm cũng không, tâm này lìa tất cả tướng, ở trong ba đời mà cầu đều chẳng thật có. Như hư không lìa ba đời. Tâm cũng giống như thế, ra ngoài ba cõi, ra khỏi pháp trụ diệt. Nhưng phàm ngu vì chẳng hiểu thật tướng của tâm. Lại nữa, Bí Mật Chủ! có tâm tưởng, tức là chỗ phân biệt của kẻ ngu phàm phu, nghĩa là tâm lấy tướng chẳng thể hiểu biết, vì chẳng thật vọng khởi nên nói như thế, vì chẳng thật vọng khởi nên có thuyết như thế, nó chẳng thật biết, nghĩa là do có vọng chấp ấy mà chẳng thể biết như thật, suy nghĩ như thế, nghĩa là kẻ phàm phu khởi suy nghĩ ấy. Như thế, nghĩa là phàm phu có phân biệt này. Như trên là thuộc về tâm cú.

Lại nữa, Bí Mật Chủ vì môn Chân ngôn này mà các tu hạnh Bồ-tát, nói tướng dẫn vô tướng, nghĩa là phải hiểu biết có tướng mà khởi vô tướng, tức là các Bồ-tát suy nghĩ như thế mà được Tam-muội vô tướng. Do được trụ ở Tam-muội Vô tướng, này Bí Mật Chủ! Người ấy sẽ được dứt hết vọng. Chân ngôn thật tướng thật thể hiện tiền, đi đứng ngồi nằm thường hiện tiền. Nói, chân ngôn do Như Lai thường thân đối mà tự trụ. Do biết thể Chân ngôn như mười dụ trước tức là tướng Tất-địa. Vọng nghĩa tâm của ta, ngu của ta, trí của ta thuận ta nghịch ta tự sinh các tưởng mê đắm. Vì có luống dối ở trước cho nên tất cả thân miệng cũng đều là luống dối. Cho nên chẳng biết là việc gì, tức là chẳng thấy chân thật, chẳng thấy chân thật, do đó như trẻ con chẳng hiểu biết gì. Nếu khi thấy tâm thật tướng thì tự nhiên lìa tất cả hý luận phân biệt như thế. Vì chẳng biết tâm thật tướng mà sinh vọng chấp nên gọi là phàm phu. Nếu hiểu biết thì gọi là Chư Phật.

Khế Kinh nói: Bí Mật Chủ, nầy mà hạnh Chân ngôn chứng được định vô tướng, do trụ định vô tướng nầy mà tất cả chân ngôn do Như Lai nói điều hiện tiền chứng đắc, nên gọi là thân dối, khi chứng lý như thế gọi là thường trụ. Đây là văn kinh dẫn không đủ, phải xem kinh mà xét kỹ. Ý này nói: Bồ-tát tu hạnh chân ngôn này khi lìa tướng tu hành như thế thì gọi là trụ định vô tướng. Do trụ Tam-muội vô tướng này nên Như Lai nói ra tất cả Chân ngôn đều hiện tiền chứng đắc. Nên gọi là thân đối. Khi chứng lý như thế thì gọi là thường trụ. Trụ, là đồng với Phật trụ. Nay phẩm này kế là hợp với mười tâm mà nói. Nói nghĩa thứ lớp, vì trước đó nói bất tiện cho nên trong đây kết hội mà nói. Đây là nói văn kinh từ trước đại ý chẳng gì hơn hạnh này, nghĩa là miệng đọc chân ngôn, thân bắt pháp ấn, ý quán Phật. Nhưng ba việc này đều là pháp duyên sinh, duyên hợp mà có, đều không có tự tánh, chẳng sinh chẳng diệt tức là tự môn A tánh pháp giới. Phàm phu chẳng biết (làm)

sao vào được? Cho nên Phật trước nói ba môn Chân ngôn này, dần dần được Tam-muội. Cho đến đích thân thấy Bổn tôn, thấy các thứ cảnh thần biến, cũng là tâm có sự dính, mắc, chẳng trụ được ở ba bình đẳng. Nay nhập nói vào pháp môn ba bình đẳng. Nếu người tu ở trong tâm Du-già lại quán sát như thế, lìa thân, miệng, ý phân biệt hý luận, liền được hiện tiền mà chứng thật tướng Chân ngôn đồng với Phật trụ, tức tự thể thường trụ đồng với Như Lai.

Phẩm 30: THẾ XUẤT THẾ GIAN TRÌ TỤNG

Lại nữa, Bí Mật Chủ! Nói pháp Niệm tụng bí mật, cũng khiến vị đều mỗi tụng các Chân ngôn. Phật Bồ-tát... là nói riêng, nghĩa là lấy mỗi thứ trong đó, đều làm tâm tụng niệm riêng. Thứ hai là thở ra vào mà tụng niệm hai pháp này rất tương ưng bậc nhất, phải thực hành hai pháp này như thế gọi là thứ nhất niệm tụng, chớ khác pháp này. Nếu khác đây thì đối với ở niệm tụng có thiếu, do chi phần chẳng đủ. Nhưng vì trong ngoài tương ưng nên chia ra làm bốn. Ta trước đã nói nay sau đây lại nói, thế gian ấy là có phan duyên nghĩa là một chữ ấn thân trong ba thứ chỉ quán. Quán mà biết bản tánh nó. Như Ấn tức là chữ, chữ tức là thân. Vô ngại mà tâm vắng lặng. Sự niệm tụng này Nếu dùng chữ làm hơi thở ra vào, biết chữ là thể chân ngôn, dùng sự ra vào này để nuôi sức gọi là thở ra vào. Nhưng trong hai thứ này do thở ra vào mà có chút phan duyên, cho nên phải biết ý niệm tụng là cao hơn hết. Chữ ấn, tôn không phân biệt mà làm hơi thở ra vào cũng được. Phẩm Trì Tụng Thế Xuất Thế Gian này, như trên là ý toàn bộ kinh, chỉ lấy các Bồ-tát tu chân ngôn hạnh... làm pháp trì tụng nhập đạo. Mà nay chỉ có phẩm này được tên ấy. Phải biết nói yếu chỉ một bộ kinh, trước Kim cương Thủ đã có hỏi Phật về pháp trì tụng. Từ trước cũng có chỗ đáp lược nhưng chưa đầy đủ. Nay lại quyết trạch phân biệt đủ về hạnh tông yếu. Về Bí Mật Chủ từ trước các phẩm nói ra đều bí mật. Nhưng tông yếu trong đây là Bí mật nhất trong các Bí mật. Mỗi pháp niệm tụng, hoặc tác ý tiếng niệm tụng hoặc thở ra vào mà niệm tụng. Đây là nói chỗ hành pháp sai khác chẳng đồng. Mỗi mỗi niệm tụng nghĩa là chuyên tâm miệng tụng chân ngôn. Khi tiếng trong Chân ngôn phát ra thì mỗi tiếng mỗi chữ đều hiểu rõ chẳng đứt quãng phan duyên. Tác ý tức là trì niệm ngay tâm ấy. Làm tâm tưởng niệm không ngoài tiếng. Thở ra vào niệm tụng như trên đã nói gió trong bụng. Hai là tương ưng, nghĩa là trong ba niệm tụng tác ý và thở ra vào đây là tương ưng bậc nhất. Chớ làm khác, tức là thường y theo đây mà làm, chớ có duyên khác, tưởng khác. Nếu chẳng như thế, thì uổng dụng công vô ích. Trì chân ngôn, tức là chỉ thiếu mà dùng, nghĩa là chữ có dấu chấm mà chẳng nói, hoặc chữ thiếu, hoặc phải dài tiếng mà làm ngắn tiếng các loại như thế rất nhiều, đều gọi là niệm tụng thiếu chi phần. Trên đây trái lại, ngoài tương ưng hợp có bốn thứ niệm tụng. Nói thế gian có duyên nói tiếp gọi đó là Tự cú. Cú là dở chân bước đi, tức là quán chữ này như mỗi bước đi. Chữ là chữ hạt giống. Trước đã nói xuất thế niệm tụng thân chữ ấn hợp thành

một liền được. Nay thế gian niệm tụng là khác. Hoặc quán chữ, hoặc quán tôn, hoặc quán ấn. Nghĩa là cú là Bổn tôn trong niệm tụng thế gian mà thở ra, thở vào, tức là cao nhất. Trước thở ra vào là cao nhất: Trước thở ra vào biến chữ thành thở ra vào. Nay thế gian niệm tụng thì thấy trong hơi thở ra vào có chữ rất rõ ràng, đó là có phân biệt. Xuất thế gian ở trước chẳng có phân biệt như thế. Ở trong chân ngôn phân biệt thành hai, tức là thế gian trì tụng, nó có duyên tướng duyên chữ tự cú, trong đây tướng ở trong tâm Bổn tôn, như trước đã có nói, là tụng niệm ngoài. Lấy một chữ tức là chữ hật giống hoặc chữ đầu của chân ngôn, nếu chân ngôn nhỏ thì tưởng đủ câu ấy. Như trên có nói. Như liên hoàn mà bày trên tâm Bổn tôn, trong vầng ánh sáng tròn hai thứ này hoặc chữ hoặc câu theo hơi thở ra vào chẳng dứt, chẳng đứt quãng. Khi tụng muốn đi nhiễu thì có kinh nói nghĩa này. Như quán ảnh trong gương thấy rõ ràng, nay quán chữ thấy chữ, quán ấn tôn liền thấy. Đó là có tướng. Nếu người tu khi thấy tướng chân thật này liền chẳng chấp có tướng. Nhưng vì chưa nhập vào vô tướng. Nếu quán tâm Bồ-đề là một bề vô tướng. Thì tâm này tức là Phật, Phật tức là thân này, thân mình tức thành Phật. Thành Phật cho nên một tướng không khác, cho nên gọi là vô tướng. Tùy nghĩa tới lui tùy tâm. Thế gian tụng niệm dùng hơi thở ra vào làm trên. Phải biết xuất thế gian ý niệm tụng, xa lìa các chữ, từ Bổn tôn thành một hợp tướng. Bất hoại, nghĩa là chẳng phân làm hai. Thủ nghĩa là chia biệt (dính mắc) vào tướng. Một hợp tướng, tức là hợp thành một, khiến chẳng chấp lấy chẳng hoại tướng này, chẳng hoại ý sắc tướng. Tượng và tâm chẳng khác nhau, cho nên nói bất hoại. Chớ khác phép tắc tức là giáo pháp như thế, trụ pháp như thế thì tụng Tam-lạc-xoa. Như trước nói ta đã nói nhiều thứ niệm tụng, nghĩa là khắp các thời tiết hiện tướng tăng ích... Tam-lạc-xoa là số, Số là thế gian. Xuất thế gian lạc-xoa là thấy ba tướng, tức là chữ, ấn và Bổn tôn tùy lấy một, một hợp tướng là đó. Chữ, ấn, tôn... thân ngữ tâm... gọi là thấy cho đến trì tụng cho thanh tịnh, là khiến tất cả tội dứt trừ. Nếu chẳng thanh tịnh thì lại một tháng bằng như trước mà nay nói tụng niệm số nghĩa là nhắc lại văn trên, chẳng khác pháp tắc này. Cho nên, nay tai nghe, thở ra thì chữ ra thở vào thì chữ vào khiến theo hơi thở mà ra vào. Nay nói thông kinh của Thiên thai là nhà sổ tức Viên đốn, chính là ý này. Nay dùng chữ này một duyên cùng hơi thở ra vào tự nhiên niệm niệm nối nhau, tâm không tán loạn, an nhiên nhập dễ vào Tam-muội. Đây là cao nhất trong thế gian niệm tụng.

Lại trên nói Tôn thần là nói pháp tự cú niệm tụng, các Tôn vị đều

như thế. Trên từ Phật bộ, dưới đến tám bộ, hễ có niệm tụng đều phải thực hành như thế. Thở ra vào niệm tụng cũng tùy pháp Bổn tôn mỗi thứ đều có thực hành pháp này. Xuất thế gian, phải biết pháp ý niệm tụng là lìa văn tự. Chẳng lẽ bác bỏ bát là lìa văn tự chân ngôn xưa nay mới gọi là lìa văn tự hay sao? Chẳng như thế, là thấu đạt được bản tánh chữ này tức là tròn sáng. Phải trụ vào xưa nay chẳng sinh tức là tâm. Thể tánh của tâm viên minh thanh tịnh đầy đủ các đức mà không phân biệt. Phải quán chữ như thế. Chữ này tức là tự và cú chân ngôn của Bổn tôn trước. Chỉ hiểu rõ chữ này từ tâm mà sinh. Tâm đã tròn sáng vắng lặng, từ tâm mà sinh ra chữ, tánh ấy cũng như thế. Nói lìa chữ tiếng... tức là lìa tâm bố thí duyên niệm và tưởng tiếng... Nhưng khi trì tụng thì có tụng có quán, hoặc có thể quán hành, hoặc có thể gồm cả hành, hoặc chỉ tu quán chiếu. Tụng nghĩa là như trên duyên với tiếng chữ hoặc thở ra vào. Chiếu nghĩa là quán thể tánh chữ này. Nhưng khi mới quán thường ở có tướng. Nếu quán một chữ hạt giống tròn sáng, mới thì làm nhỏ, nếu quán đủ câu... thì làm lớn hình vầng tròn sáng như vòng tròn nói liền, dùng tâm quán chiếu khiến cho rõ ràng. Sau mới từ đây mà quán tánh nó. Bổn tôn một tướng là bất hoại thủ, ý chẳng hoại hình. Chớ khác phép tắc, Bổn tôn là chữ mới quán tròn sáng, kế tức là quán Bổn tôn. Như trên đã nói. Một tướng tức là thân, miệng, ý quán Bổn tôn trên tâm tròn sáng này tức là Tâm. Thân ấn... tức là thân, chữ chân ngôn... tức là ngữ. Nay đã nói thấy Bổn tôn mà quán Bổn tôn ba việc, một tướng bình đẳng, tức đồng với ta, ba tướng của ta cũng lại là một tướng bình đẳng, chẳng khác Bổn tôn. Tánh tròn sáng này chẳng khác tâm Bồ-đề, tâm Bồ-đề chẳng khác Bổn tôn, tự tha bình đẳng. Lại chữ được quán tuy khác nhau nhưng đều là môn Tam-muội. Nếu hiểu tánh tướng một chữ tức là hiểu tánh tướng tất cả chữ. Chữ tức là Bổn tôn, Bổn tôn tức là tâm, tâm tức là thể tánh pháp giới. Cho nên chữ A này tức là không thể suy nghĩ bàn luận chữ, như chữ A tất cả cũng giống như thế. Như chữ, ấn... cũng giống như thế. Đối với ba tướng không thể suy nghĩ bàn luận này tức là chữ tướng chân ngôn tướng thân ấn, tướng tâm Bổn tôn đều chẳng trái chẳng lập, chẳng tăng thêm, chẳng tổn bớt. Phải làm tất cả tướng bình đẳng quán mà đạt tất cả pháp, thành tất cả trí. Phải y theo pháp tắc này, chớ khác đây mà làm. Đây tức là nghĩa Tam-lạc-xoa. Lạc-xoa là tiếng Phạm là nghĩa tướng cũng là nghĩa thấy. Ta đối với các thứ kinh giáo hễ có sự trì tụng tương ưng. Phần nhiều nói tụng một lạc-xoa hoặc ba lạc-xoa. Hoặc nói vì trừ tội chướng nên tụng một lạc-xoa. Chướng nặng nhất chẳng quá ba lạc-xoa, tội nghiệp liền

được thanh tịnh. Nhưng nghĩa này có khác, nay sẽ quyết. Gọi lạc-xoa tức là tướng, nếu được ba tướng thì tội ấy sẽ được trừ. Trước nói tướng thân, nghĩa là thân thể trước thì nặng nề, nay thì nhẹ nhàng. Cho đến hoặc đi trăm dặm, ngàn dặm, đến chỗ nhanh chóng mà chẳng biết mệt, nhanh chóng khác thường. Lúc trước ngồi tĩnh tọa buộc duyên, thường bị sâu bọ ruồi muỗi quấy nhiễu, nay đều không có, lại không có tướng nhơ bẩn dễ ghét.

Như trong Đại phẩm có nói rộng: Đó là tướng thân. Về tướng miệng thì hễ chỗ nào có tụng, khi phạm phát ra tiếng thì Bổn tôn liền đến. Lại như Đại phẩm nói: Miệng phát ra lời thành thật, phi nhân chẳng quấy nhiễu người khác, đều là tướng tịnh của ngữ nghiệp. Ý cũng có tướng lạ. Nghĩa là phát sinh vô lượng tuệ giải. Như trải qua một tháng, bốn tháng, phân biệt chẳng hết. Hoặc lúc trước ham thích ăn ngon như thế như thế, nếu chẳng được thì thân chẳng yên, còn. Bấy giờ, thì tự nhiên không nghĩ đến, cho đến nhiều ngày không ăn, vẫn an nhiên vui vẻ, chẳng nghĩ đến ăn các vật khác mà tinh thần cũng chẳng khốn đốn. Hoặc trước có nhiều thứ phiền não thì nay đều dứt sạch, đều là tướng thanh tịnh của ý. Do đủ ba tướng thanh tịnh này. Cho nên nói ba lạc-xoa. Nếu chẳng như thế thì uổng công tụng biến số mà vô ích. Đã được ba tướng này thì lại phải tu thêm thắng hạnh. Hoặc lúc đó các vị trời, tám bộ hay trên hư không chẳng dám đạp vào bóng mình, hoặc đến kính lễ hỏi thăm. Các đồng tử cõi trời đến hầu hạ cung cấp chỗ cần dùng. Như thế có ai biết được, chỉ người tụng trì tự biết mà thôi. Đây cũng là tướng tội trừ sạch. Nhưng từ trên nói lìa tất cả tướng làm sao tương ưng với đây? Nay đáp ba tướng này dùng chữ A nên ba chữ này tức là một, tướng, cũng chẳng một cũng chẳng khác.

Như Thiên Thai đã giải thích, hơi giống với ở đây. Nghĩa là một tường là tất cả tướng, chẳng phải, không phải tất cả, tức tướng tức vô tướng, tức chẳng phải tướng, chẳng phải vô tướng đều là ý này. Ba tướng như thế bình đẳng trụ thật tướng là nghĩa ba lạc-xoa. Thân thật tướng là lạc-xoa thứ nhất, trừ tất cả thân cấu, tướng ngữ chân ngôn là lạc-xoa thứ hai, trừ tất cả ngữ cấu, ý thật tướng là lạc-xoa thứ ba trừ tất cả tâm cấu. Ba cấu trừ xong thì ba công đức sinh tức là phần chứng công đức Như Lai. Lại lạc-xoa là nghĩa đóa, nghĩa tiêu.

Như trong kinh Văn Thù nói: Học bắn tên, trước ụ đất xa, sau gần dần cho đến nhân vận trúng đích. Thủ Lăng Nghiêm Tam-muội cũng thế, vì nhân duyên đó nên gọi là lạc-xoa. Lại nữa Thân ấn, Khẩu chân ngôn, Ý bổn tôn là ba hạnh khác nhau, tức là ba tướng, tức ba tướng này

vào tự môn A, lìa ba tướng một tướng bình đẳng, như thế mà soi thấy, là nghĩa ba lạc-xoa. Lạc-xoa là thấy cho nên nói chớ khác, là chẳng được quán khác. Lại nữa trước nói nghĩa ba câu, nghĩa là hạt giống Bồ-đề, tâm tức Nhân đại bi là gốc, phương tiện là rốt ráo. Từ đầu đến cuối đều nói ba việc này. Hoặc từ hiển bày ba đức này, hoặc vì thành người khác ba hạnh. Nói ba lạc-xoa tức là tương ưng với đây. Nghĩa là người tu đầu tiên phải có tâm Bồ-đề tương ưng, đây là nhân của tất cả Phật pháp. Nếu chẳng phát tâm tức là lìa diệu nhân, làm sao có thực hành. Tuy đã có tâm rồi nếu còn trông thì đường khác chẳng tiến, có nguyện mà không hạnh, thì làm sao thành tựu Đại bi Thai tàng sinh tất cả thân công đức được. Hoặc dầu có tiến hành, nhưng lìa phương tiện mà tâm có nghi, do tâm nghi nên tất cả chẳng thành, cũng chẳng thể nhập vào thật tướng. Cho nên Phật khuyên các người tu hành phải nương thầy mà học, chẳng được tự chuyên dùng năng lực lợi căn phân biệt. Phải gấp tìm văn kinh mà tự làm, tùy nghe mà dùng, chẳng nhập vào Mạn-đồ-la chẳng thọ ba giới bình đẳng, chẳng thể hiểu đủ khuôn phép, vì chẳng biết nên tuy tâm tu hành siêng năng mạnh mẽ nhưng vì sai phương tiện nên chẳng thành, do đó mà sinh tâm nghi ngờ, vì tâm nghi ngờ nên chê bai Tạng Bí Mật của Như Lai tức là năm tội vô gián, ở trong năm đường Vô gián. Vì nhân duyên ấy nên phải đủ ba câu nghĩa chẳng được thiếu sót. Đó là nghĩa ba lạc-xoa. Vì việc này nên trong phẩm phó chúc sau đây lại nói tướng chọn đệ tử. Văn nối theo đó. Kế là phẩm quán chúc. Kinh tuy chẳng nói mà nghĩa như thế.

Phẩm 31: CHÚC LỤY

Kế Phật bảo Đại hội tức là văn kinh, trước nói mười phương thế giới trần số Kim cương Bồ-tát nay nói kinh sắp xong nên thêm phần phó chúc. Các ông nên trụ vào không buông lung tức là nối theo văn trước. Đại Thừa Mật Giáo này phải pháp tướng như thế mà nối tiếp, nếu trao nhận sai phép tắc tức là nhậm vận nối nhau mà vượt pháp tắc. Nên nói trụ vào không buông lung. Lại nữa, như ba câu nghĩa trên hạnh tự lợi, lợi tha các ông phải trụ vào nghĩa chữ A, trong Bí Mật giáo mà làm Phật sự. Nếu chẳng theo đây tức là trụ vào không buông lung. Vì sai căn cơ mà trao làm tổn hại gốc lành của người ấy.

Cho nên kinh nói: Người có trí nếu nghe thì sẽ tin hiểu, người vô trí nghi ngờ thì mất hết. Nếu Bồ-tát chẳng quán kỹ các nhân duyên gốc ngọn chủng tướng thể tánh của chúng sinh mà truyền cho họ pháp này, thì là kẻ thù của trời, người, ấy là hạnh rất buông lung.

Kế là nói: Nếu chẳng biết người ấy thì chớ trao cho. Căn tức là tướng của... năm căn lợi độn như tín... Trừ đệ tử của ta, nghĩa là đã y theo lời dạy của ta mà trụ. Tâm tướng thể tín mới có khả năng cho. Nếu các loại ngoại đạo thế gian khác chưa vào chánh pháp, tín tâm chưa bền chắc thì phải dạy bày thiện lợi của thâm pháp khác. Chẳng được nói pháp này. Nếu Bồ-tát chiếu cơ chắc chắn tự do trí lực mình nay là người truyền pháp đời mạt, lại nói tướng ngoại tích có thể truyền, kinh trước nói tướng chọn đệ tử, nay lại nói nhưng đều là lược nêu tông, trong Đại Bản có nói đủ. Lương Thần sinh trong Đại Bản có nói đủ. Như thế thứ lớp như thế chấp trước thời tiết mà sinh, thì có căn tánh như thế, tướng mạo như thế, phải cùng giáo pháp như thế, điều ấy nói rất rộng. Lại mỗi điều đều có hai thứ cạn lược, sâu bí, nay ở trong đây chỉ nêu cương mục (đại khái). Cầu sự vệic cao quý hơn tức là phát tâm Bồ-đề, chỉ cầu đạo hạnh đầy đủ của Như Lai hễ có làm gì chẳng cầu việc khác, việc làm đều rộng khắp. Vi tế, nghĩa là nghe một chữ một câu thì có thể dùng trí lực mình mà hiểu rộng vô lượng nghĩa thú, giải thích rộng không sót, nghĩ nhớ ân đức, cho đến từ thầy nghe nghĩa một câu, cho đến thành Phật cũng chẳng quên báo ân mà thường biết ân báo ân. Kính ngưỡng, nghĩa là tâm tha thiết mong cầu thắng Pháp, phải như loại Tát-bà-ba luân mới có thể nói cho nghe. Hoan hỷ trụ, nghĩa là nghe pháp mầu tâm vui mừng khắp thân tâm. Chẳng cầu pháp ấn cho đến chẳng nhận một chữ các kinh khác.

Kế lại nói tướng ngoài, lược nói sắc ấy, nghĩa là xanh nhạt, tức

là chẳng phải trắng cũng chẳng quá đen, tức là sắc cát tường. Đại Bản có nói rộng. Nay chỉ nêu một góc mà thôi. Đầu rộng, nghĩa là như đầu La-vân, như cái lọng, nhưng chẳng quá rộng cũng chẳng quá nhỏ, phải thẳng nhọn đầy đặn vừa phải mà đủ tướng). Cổ cao, nghĩa là cổ chẳng quá dài cũng chẳng quá ngắn, tóm lại là thẳng vừa phải không quá mức. Trán rộng mà nghiêm cũng gọi là cực ý quá rộng, lại đầy đủ tướng trang nghiêm. Mũi cao nghĩa là không quá phình cao hay quá phẳng xẹp, phải như kim đính (thoi vàng). Lược nói thân tâm có khả năng làm tướng đạo khí. Người như thế mới có khả năng truyền bá sự tu tập. Đủ tướng nghĩa là Phật tử (con Phật) người như thế mới nên hết lòng nhiếp thọ dạy dỗ trong Du-già Luận Thập Địa nói: Lại khuyến chúc hẳn là có khả năng nối truyền. Phải hết lòng dạy trao chớ để mất thời gian. Bấy giờ, Đại đức như Kim cương Thủ... thính chúng nghe nói thế, là các Bổn tôn nói giáo, ta cúi đầu thọ trì rồi, nghĩa là như khắp vâng phép vua lưu bố rộng rãi. Phải thực hành cúng dường, lúc đó chúng lại lễ Phật vì muốn pháp trụ lâu ở đời nên thỉnh Phật che chở. Hỏi Phật nói rộng cúi đầu vâng giữ, vì tất cả người trí đảnh lễ mà thỉnh Như Lai che chở.

Vì sao? Phật đã phó chúc Bí tạng như thế, vì gánh vác việc Như Lai, chức ấy chẳng nhẹ. Nhưng pháp mầu này khi Như Lai còn tại thế vẫn còn bị nhiều người ganh ghét, huống chi trong đời ác Mạt pháp. Nhưng chúng ta đã phiền não thành thật khiến kinh truyền bá như thế rộng khắp. Thế nên thỉnh Phật dùng thần lực tự tai mà che chở chúng ta, khiến sở nguyện được thành. Đạo pháp nhãn ở lâu trên đời trùm khắp tất cả, tức là nguyện mở rộng kinh. Vì Phật che chở giữ gìn nguyện khiến pháp nhãn này ở lâu trên đời. Đây là đạo Đại Tuệ Khai Phật tri kiến, là đường tất cả Chư Phật đã đi, nên nói là đạo pháp nhãn, thường khiến đạo này ở lâu trên đời cùng tận bờ mé chúng sinh. Lại rộng khắp thế giới, đều lưu thông, tức là thượng hạnh. Theo chỗ có dấu Phật chúng ta đều thệ nguyện truyền pháp này. Đây là bổn ý hỏi về mở mang kinh.

Khi ấy, Phật nhận lời thỉnh liền dùng Chân ngôn mà gia trì pháp này như trong kinh nói. Lúc đó, các Bồ-tát Thượng Thủ nghe Phật nói xong đều cúi đầu thọ trì. Đã nói rộng kinh Ma-ha Tỳ-lô-giá-na thành Bồ-đề Gia trì Thần Biến xong.

Hỏi ba câu trước: Một là tâm Bồ-đề là hạt giống, hai đại bi là gốc, ba là phương tiện là sau cùng. Nay ở Đại Bi Tàng Mạn-đồ-la mà nói là dùng Trung thai làm tâm Bồ-đề. Kế dùng tám cánh làm đại bi, ba viện ngoài làm phương tiện. Đáp rằng ở đây có hai thứ. Nếu có tu hành trong nhân mà nói, có quả địa Như Lai mà nói. Lại viện ở ngoài nhất các trời

như tám bộ... tức là trong tám tâm trước từ mới giữ trai giới trở đi, cho đến quả thọ dụng... nhưng có gốc lành khai phát tương ưng với chánh đạo, tức là nhân đài hoa của Đại Bi Thai Tạng. Như Lai dùng năng lực phương tiện mà dẫn dắt, cho đến khiến thành tựu tám tâm thế gian đến nay. Tức là địa vị của viện ngoài. Kế dần dần hướng vào trong và Nhị thừa cũng ở trong đó. Kế lại biết có thắng pháp Vô Thượng, tâm dần dần dẫn vào thứ hai, thứ ba, đều là câu Đại Bi. Kế thành quả Phật vào Trung Thai, tức là câu Phương Tiện. Nhưng tám cánh và Trung Thai năm Phật, bốn Bồ-tát chẳng lẻ khác thân ư? tức là một Tỳ-lô-giá-na mà thôi. Vì muốn phân biệt đức nội chứng của Như Lai biểu thị ra ngoài, nên ở trong một pháp giới, làm tám cánh phân biệt mà nói. Lại như bốn Bồ-tát ở phía Đông Nam, Phổ Hiền là sao?

Phổ Hiền tức là tâm Bồ-đề. Nếu không có nhân mầu này thì chẳng thể nào thể đến Vô thượng đại quả, cho nên đầu tiên được gọi tên. Kế là Văn-thù-sư -lợi là Đại trí tuệ. Trước phát tịnh tâm Bồ-đề như Phổ Hiền quán kinh thứ lớp, cho đến Tỳ-lô-giá-na khắp tất cả chỗ, thường, lạc, ngã, tịnh, Ba-la-mật nhiếp thành đều là tịnh tâm Bồ-đề. Kế là nói Đệ nhất nghĩa không. Tâm ta tự không, thiện ác vô chủ, quán tâm vô tâm pháp bất trụ pháp... tức là Diệu tuệ, vì Diệu tuệ này là Đệ nhất nghĩa không, tịnh khắp tất cả chỗ tịnh tâm Bồ-đề, Bình đẳng tuệ lợi nhẫn (dao tuệ bén nhọn bình đẳng), chặt đứt gốc vô minh từ vô thỉ, tức vào chánh vị Bồ-tát. Cho nên tuy có tâm Bồ-đề mà không có tuệ hạnh thì chẳng thể thành quả, cho nên kế nói Văn-thù. Kế là Phương Tây Bắc Di-lặc tức là đại từ đại bi đều là nghĩa trong câu thứ hai. Dùng Đại Bi Tàng này mà tăng trưởng thành tựu hoa lá cành nhánh của cây Bồ-đề, mầu nhiệu cho nên kế là nói Di-lặc. Nếu tuệ mà không bi thì thanh tịnh chẳng đủ, chẳng được thành Bồ-đề, chẳng thể đủ sáu độ nhiếp chúng sinh. Kế là phương Đông Bắc Quán Âm tức là chứng. Chứng nghĩa là hạnh nguyện trọn đầy được vào đài hoa Tam-muội này. Nếu chưa thành quả mà quán, đây thì cạn sâu khác nhau. Nay dùng tuệ bình đẳng của Như Lai mà quán từ nhân đến quả, chỉ là hạnh Như Lai một thân một trí mà thôi. Cho nên tám cánh đều là một thể Đại Nhật Như Lai. Nếu Như Lai chỉ trụ ở pháp tự chứng thì chẳng thể độ người. Vì sao? Vì chỗ vi diệu này ra ngoài tâm lượng (tâm không nghĩ đến được), làm sao nói chỉ người. Cho nên dần dần tuôn ra, dần dần nhập vào Đệ nhất viện, kế đến viện thứ hai, kế đến viện thứ ba. tuy làm tuôn ra như thế nhưng cũng chẳng lìa thân Phổ Môn. Chúng tám bộ ấy đều là hiện khắp cảnh giới sắc thân. Nếu nói theo căn cơ thì đàn ba lớp từ sâu làm cho đến cạn.

Cho đến Thế Thiên Chân Ngôn nghĩa cạn chỉ là Đạo Ứng thân, phương tiện chưa rốt ráo. Nếu khai thật tánh tức là Chân Ngôn Thế Thiên và Đại Nhật Như Lai làm sao có khác tướng. Từ Như Lai thì từ sâu đến cạn, từ trong dẫn ra ngoài mà thành đàn ba lớp. Lại như nghĩa chữ tức là thứ lớp này. Trước chữ A ở phương Đông như tiếng Phạm chữ A có nghĩa là Động thủ. Vì thuận theo pháp thế gian, hướng Đông là phương trên hết trong các phương dụ cho tâm Bồ-đề đứng đầu của muôn hạnh, tên gọi là Phật Bảo Tràng, kế tức chữ A là hạnh. Nếu chỉ có tâm Bồ-đề mà chẳng tu đủ muôn hạnh thì không bao giờ thành quả, nghĩa chẳng khác với bốn Bồ-tát. Phật ấy tức là hoa nở. Kế tức chữ Ám ba Bồ-đề, vì muôn hạnh nên thành Chánh giác, Phật ấy tên là A-di-đà tức là phương Tây. Kế Cổ Âm tức là Đại Niết-bàn, chữ Ác là quả Chánh Đẳng Giác, về quả cho nên nói kế. Kế tức là vào trong chữ Ác, là phương tiện. Đây là thân Tỳ-lô-giá-na Phật Bổn Địa là thể Đài Hoa, vượt ngoài tám cánh dứt hết nơi chốn. Chẳng phải Chánh giác có tâm, chỉ có Phật và Phật mới biết, vì niệm bổn thệ mở bày Tạng Đại Bi, khắp dẫn chúng sinh vào tuệ Phật. Lại dùng thần lực chẻ chở, khắp hiện thân, miệng, ý đầy khắp trong sinh tử. Phải biết đây là phương tiện. Nếu lìa phương tiện. Như Lai Bổn Địa còn chẳng nói được huống chi là chỉ bày cho người ư? Chẳng thể vì các Bồ-tát Thượng thủ mà nói, huống chi vào trong sinh tử ư? Vì phương tiện này đồng với Đại không mà hiện các tượng. Phải biết tất cả Đại Hội Mạn-đồ-la đều là một thân không có thân khác, tức là thân Phổ Môn, tức là thân pháp giới, tức là thân Kim cương Giới. Lại Bồ-đề sắc vàng là tánh kim cương, hàng kế là nghĩa lửa, tức là đồng nghĩa Văn-thù. Bạn hạnh dùng diệu tuệ dắt dẫn chẳng được lìa tuệ mà có làm. Kế là thành Bồ-đề sắc trắng, tức là nghĩa tròn đầy rốt ráo, lại là đủ, hóa ra tất cả chúng sinh đều khiến vào Phật đạo. Vì việc ấy là khởi đại bi. Kế là Đại Niết-bàn tích cực phản bổn (tích hết rồi về bổn). Chúng sinh có duyên củi hết thì Như Lai phương tiện lửa tắt, cho nên Niết-bàn. Mặt trời Phật đã lặn xuống núi Niết-bàn, cho nên sắc đen. Ở trung tâm trống đủ tất cả sắc, tức là chẻ chở thế giới Mạn-đồ-la, Hội Phổ Môn, rốt ráo thanh tịnh mà không gì chẳng có. Bách Tự Luân ấy sở dĩ từ ngoài hướng vào trong cũng là nghĩa này giống như Trung Thai, là tất cả Bổn tôn cũng như ở đây nói. Như hạt giống của Kim cương Thủ hạt giống chữ() Phược tức thành năm việc. Phược là tâm Bồ-đề? là hạnh () là Tam Bồ-đề: Là Niết-bàn là phương tiện. Sở dĩ nói phương tiện là sau, chính là nghĩa này. Như Liên Hoa Tôn cũng có năm sự,() ta là tâm Bồ-đề,() là hạnh () là thành Bồ-đề () là Niết-bàn, () là phương

tiện. Như Văn-thù dùng () là hạt giống, cũng có năm nghĩa () là tâm Bồ-đề, () là hạnh, () là thành Bồ-đề () là Niết-bàn () là phương tiện. Tất cả hạt giống của tôn vị khác đều cũng nói rộng như thế. Vì nghĩa đó nên Kim cương Thủ tức là Đại Nhật Như Lai, Quán Thế Âm cũng là Đại Nhật Như Lai, Văn-thù-sư-lợi cũng là Đại Nhật Như Lai. Cho đến quỷ thần tám bộ mỗi vị cũng là nghĩa này, cũng tức là thành Đại Nhật Như Lai. Thể tuy là một mà nghĩa đều khác.

Do đó, trong Du-già nói: Tỳ-lô-giá-na nói ta tức là Văn-thù, Quan Âm, ta tức là trời, tức là người, tức là quỷ thần, tức là rồng chim, như thế... đều tức là cả, là do nghĩa này.

Lại nói: Đại Bi Tàng, Bổn tôn vị thứ và hình sắc đều khác, vì người chưa thâm nhập Du-già, khi mới học chẳng chánh quán Bổn tôn. Phật vì phương tiện bày thứ này khiến tâm có chỗ duyên. Và khi quán thành bèn dùng pháp lực mà che chở, cho nên tự nhiên thường tương ưng với Phật. Nếu chẳng làm niệm cũng tự rõ ràng huống là thêm quán. Khi như thế thì thật thấy Mạn-đồ-la. Địa này tức là tâm Bồ-đề thanh tịnh. Như trên đã nêu đều là tướng pháp thân diệu trang nghiêm của Đại Nhật Như Lai. Lại Quan Âm, Văn-thù, Phổ Hiền, Di-lặc đã ở trong tám cánh tức là Đại pháp thân của Đại Nhật Như Lai. Vì độ người nên tạm xuất ra ngoài. Cho nên kế trong đồ (hình) lại có Văn-thù, Quan Âm... loại đó rất dễ hiểu. Lại nói như trong tám cánh Phổ Hiền là tâm Bồ-đề, Văn-thù là tuệ. Di-lặc là bi. Tâm Bồ-đề này tức là Như Lai Đại Nhật. Chẳng lìa Đại Nhật Như Lai này mà có tuệ riêng. Bi tức là Đại Nhật Như Lai, chẳng lìa Đại Nhật Như Lai mà có bi riêng. Phải biết nói y theo đây thì muôn đức đều thế. Cũng như nghĩa Pháp Thân, Bát-nhã, giải thoát của Thiên Thai. Nếu chỉ có pháp thân được tên thì hợp với đây.

Hỏi Bách Tự Luân trong ngoài, mỗi vị theo thứ lớp như thế tức là Mạn-đồ-la dẫn vào dần nhiếp đến nghĩa ở trong ấy chăng? Đó gọi là nhân quả. Nếu người tu hành mới phát tâm Bồ-đề, kế là tiến hành, kế thành Chánh giác, kế trụ Niết-bàn, kế khởi phương tiện, tức là thực hành thứ lớp như thế. Nếu nói theo quả địa tức là dùng chữ Ca () ở trong nhất, kế là chữ () hành, kế là chữ () Bồ-đề, kế là chữ () phương tiện ở ngoài nhất. Chữ Ca () đồng thể với chữ A () tức là quả của pháp thể, nói chẳng làm nhân địa cho tâm Bồ-đề, từ pháp thân mà khởi ứng, kế chảy ra ngoài để độ chúng sinh. Cũng như Mạn-đồ-la từ Trung Thai ra đến vị Bát Bộ Thế Thiên, lại từ ngoài dẫn vào quả Phật. Cũng như Mạn-đồ-la từ cho đến đầu tám tâm thẳng đến thành Bồ-đề phương tiện... Nói các chữ ngưỡng, nhương, noa, na, ma... cũng tùy nghĩa ra vào, thành ở trong

trăm chữ, hoặc ở ngoài trăm chữ.

Lại hỏi trong tâm người tu quán hạnh, làm nghĩa Mạn-đồ-la Đại Bi Tạng, tức là lấy Trung Thai làm tâm. Bồ-đề dần dần hướng ra ngoài, cho đến thế gian Thiên vị làm phương tiện chăng?

Đáp: Hễ tiến hành thì có thứ lớp. Trước y theo pháp trì tụng, làm Chân ngôn thủ ấn... quán ở vàng ánh sáng tròn, hoặc chỉ quán chữ, hoặc chỉ quán ấn. Hễ làm bất cứ một việc nào khi thành thì ba việc đều thành. Trước quán vầng ánh sáng tròn cũng chẳng thể thấy, do Thủ Ấn Chân Ngôn và niệm Bổn tôn, ba nghiệp dần dần thanh tịnh, tâm chướng đều sạch, sẽ dần thấy sự tròn sáng. Nếu khi thấy sự tròn sáng hoặc ở trong có chữ Bổn hạt giống rõ ràng sáng tỏ như hình sắc ấy. Nếu khi thấy được như thế mà tâm mình dứt hết loạn tưởng, vắng lặng tâm thường nhất chẳng bị duyên ngoài khuấy động. Đã thấy như thế thì cũng là duyên ngoài. Kế là phải dẫn ngoài vào trong làm quán sát như thế. Vầng ánh sáng tròn này từ tâm ta mà ra. Phải biết trong ấy cũng giống như thế. Hễ sự tròn sáng thanh tịnh tức là thể tánh của tâm chẳng phải pháp khác, cũng phải siêng năng phương tiện quán sát nội tâm, thì thấy chữ viên minh này chỉ là tâm mình chẳng còn duyên ngoài. Cho đến nếu ngoài sự tròn sáng thấy rõ Bổn tôn như phương tiện ở trên. Nay khi nội quán, tức là thân mình làm Tỳ-lô-giá-na Bổn tôn. Đã như thế tương ưng với Lý Du-già tức là thành tựu tứng phần. Vì tương ưng Du-già nên chỗ quán tùy ý liền thành, tức quán tâm tám cánh này như phương tiện ở trên, tức ở tâm này trên đài hoa làm Mạn-đồ-la Trung Thai. Ngoài tám cánh ấy cũng tùy Phật vị mà bày bố ra.

Bấy giờ, người tu quán tâm tám cánh làm ở Trung Thai, quán thân ấy tức là Mạn-đồ-la, từ tim trở lên là viện thứ nhất, từ tim trở xuống đến rún là viên thứ hai, từ rún trở xuống là viện thứ ba, là viện trời thế gian. Các tôn hình sắc đẹp đẽ đều khác nhau rõ ràng, trong tự thân mà hiện đối ra, cũng như thân vào hội Phật. Nhưng chưa thấy người chứng đế, cũng chưa thể như Tỳ-lô-giá-na làm các thứ thần biến chỉ là tâm quán thành tựu mà thôi. Nhưng có một việc chân thật chẳng dối gọi là Ta tức là đó, ta tức là đó là quyết định tin chắc ta tức là pháp giới, ta tức là Tỳ-lô-giá-na, ta tức là các thân Phổ môn. Việc này chẳng nhầm lẫn như Chân ngôn trên. Trong nghĩa gia trì ta tức là pháp giới. Lại nói pháp thân mà có tự tại thần biến g ia trì, điều nầy chẳng đáng nghi. Như trong Du-già Kim cương Đảnh có dẫn mấy trăm dụ. Đại Bản có nói rộng ý ấy. Nói rằng: Như Đế-thích ở trên cung trời, đất ấy tất cả đều là báu lưu ly, trong ngoài thanh tịnh. Mỗi vị trời tự ở cung điện mình mà thấy Đế-

thích thường ở trong cung điện của ông ấy rất rõ ràng như ở trước mặt. Vì sao? Vì đất này tất cả đều do diệu báu làm thành, soi chiếu lẫn nhau mà phát ra, chẳng đến chẳng đi, cũng chẳng hòa hợp nhau mà duyên đủ cho nên như thế. Mà thật không sinh không có, chẳng thể chẳng tin. Lại như các vị trời ở trong vườn hoan hỷ rất buông lung. Khi ấy do nghiệp lực đời trước từ cây lá có tiếng giáo pháp vang lên lời quở trách, khiến họ trụ vào chánh hạnh. Bấy giờ, các vị trời tạm ngừng buông lung tâm nghĩ làm lành, nhưng thật trong mỗi lá cây tìm chẳng thật có cũng chẳng từ thân trời mà sinh, chẳng phải mình chẳng phải người mà thành việc này. Lại như khi đánh nhau với A-tu-la. Trống trời phát ra tiếng an ủi các vị trời, khiến phát sinh ý mạnh mẽ, khiến Tu-la sợ hãi rút lui, mà thật trống ấy không có hình tướng không có chỗ nơi, chỉ vì công đức các trời các duyên tạo thành đều chẳng thể nghĩ bàn huống chi là pháp thân ư? Lại như Đại Phạm Vương ở trong cung điện mình, tất cả các vị trời nghĩ muốn thấy thì đều hiện ra. Vì các trời đều biết vị ấy tịnh hạnh, lại trang nghiêm, tướng tốt bậc nhất. Các tâm phiền não thâm dục đều dứt, vì sinh vô lượng nguyện lành, tùy theo khả năng tiến tu tịnh hạnh. Nhưng Phạm vương ở trong cung điện ấy chẳng lay động cũng chẳng tác ý rằng ta phải ứng hiện khắp trước mặt họ, hiện ra trước mỗi mỗi đều nghĩ rằng riêng vì ta mà hiện ra, riêng vì ta mà nói pháp. Đó là thế gian do chút phước nguyện mà còn có dụng không thể suy nghĩ bàn luận như thế huống chi là thực hành theo hạnh Như Lai mà chẳng thành tựu được các thần lực tự tại gia trì biến hóa hay sao? Song thường khi nói pháp, hoặc nói pháp tánh, hoặc nói pháp thân vắng lặng như hư không, không có động tác đều chẳng nói đầy đủ lực dụng như thế. Vì sinh khởi thần biến đều do tâm hữu vi và năng lực Tam-muội mà chẳng nói pháp thể, như thế đây là chưa hiểu.

Hỏi: Mạn-đồ-la Đệ nhất viện ở Phương Đông chỉ có ba việc Tam Giác Hư, Không Nhãn và Như ý bảo còn các thứ khác đều không đến, thiếu là sao?

Đáp: Như trong Chân ngôn và Thủ ấn, như tướng tốt của Như Lai, lưỡi Như Lai, răng Như Lai, rún Như Lai, móng Như Lai... đều phải trình bày kế trong lớp này. Đảnh Phật ở viện thứ ba trong đây không có.

Hỏi: Phật Bảo Tràng nghĩa là gì?

Đáp: Đây là tâm Bồ-đề. Như trong quân có cờ là cở nêu của quân đứng đầu trong chúng để mọi người trông vào tới lui vừa chừng không gì chẳng theo. Cũng như tất cả muôn hạnh đều là tâm Bồ-đề, lấy đó nêu làm chủ cho nên được gọi tên như thế. Kế nói Bảo tràng tức là hoa

nở bày Phật là gì?

Từ đây là nghĩa thực hành mười độ muôn hạnh giúp tâm Bồ-đề thứ lớp mở bày, mầm cành, hoa lá đều xinh tươi đáng yêu, cho nên được gọi tên như thế. Kế hoa nở nói là A-di-đà là sao? Đây là thọ dụng của Phật tức là thành đại quả, thật thọ dụng của quả ấy. Vô lượng không thể suy nghĩ bàn luận hiện pháp lạc đều được gọi tên như thế. Kế tiếng trống Phật là phương tiện. Đã được đại quả tức là tự thọ dụng mà thôi. Sẽ khắp vì chúng sinh giảng nói các thứ phương tiện trí thành Sở tác cũng như tiếng trống trời vô tư mà thành sự nghiệp cho nên được gọi tên như thế. Lại trước nói phương Bắc Phật A-súc là kinh lầm. Đây là nghĩa Du-già chẳng tương ưng với đây, vì tiếng trống Phật là định.

Ngày 20 tháng 2 năm Gia Bảo 2,
ở chùa Kim cương Gió, áo viện Đông Am
Thất, Quán Âm viện Đại Tăng Độ
soạn xong.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 141

ĐẠI TỲ-LÔ-GIÁ-NA KINH CÚNG DƯỜNG THỨ ĐỆ PHÁP SỚ

SỐ 1696
(QUYỂN THƯỢNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1797

ĐẠI TỲ-LÔ-GIÁ-NA KINH CÚNG DƯỜNG THỨ ĐỆ PHÁP SỚ

Thích Bất Khả Tư Nghị vị tăng Chùa Linh Diệu soạn.

QUYỂN THƯỢNG

Đảnh lễ Phật Tỳ-lô-giá-na
Pháp Duyên khởi thật tướng pháp trí
Bậc Thánh Diệu Âm A-xà-lê
Rũ ân giúp chứng biển pháp tánh.

PHẨM THỨ NHẤT

Đại Tỳ-lô-giá-na thành Phật thần biến gia trì Kinh cúng dường thứ đệ Pháp chân ngôn hành học xứ thứ nhất.

Cách giải thích Kinh nầy chia làm bốn phần:

I. Nói về đại ý.
II. Nói lý do.
III. Giải thích đề mục.
IV. Giải thích theo văn.

I. Nói về đại ý:

Xét rằng, chân tánh vốn chí lý, xa lìa ngôn ngữ, bặt dứt hìn tướng, ứng cơ thị hiện, không tướng thì chẳng hiển. Cái gọi là tự môn A v.v... nghĩa lý nhiệm mầu sáng tỏ. Nay kinh này lý chứa đựng trong lời, ý hoàn toàn ngoài văn, vì thế nhờ thần lực che chở Như Lai hợp với Bí-Ấn và chân ngôn. Do vậy, nếu không thọ học với thầy thì cấm vào môn kia.

Chẳng phải người truyền trao bừa bãi, không những thế mà nếu, chưa qua quán đảnh thì bị cấm không được nghe. Nếu người được thấy nghe, đảnh lễ thì diệt trừ tội lỗi nhiều như cát sông Hằng, nếu người nào tu hành đúng như lời Phật dạy thì biển công đức nhóm họp ở trong thân .

II. Nói lý do:

Xưa, ở nước Trung Thiên Trúc, nhà vua có bốn người con, khi vua nước ấy sắp băng thì Hoàng Hậu tâu rằng: Tâu Đại Vương! nếu sau khi Đại Vương băng thì người con nào sẽ lên kế vị? Vua liền đáp: Thái tử út có khả năng kế vị. Sau khi vua cha băng, đại thần trăm liêu thảy đều nhóm họp thưa hỏi di chế, Hoàng hậu liền trả lời như lời nhà Vua lúc sắp qua đời. Bấy giờ Vương Hậu và các người anh cùng các đại thần v.v... thỉnh Thái tử út lên kế vị ngôi vua. Người con út đáp rằng: Con có thệ nguyện xuất gia học đạo mong giúp đỡ muôn loài, không thể lên nối ngôi vua. Mẫu Hậu v.v... hai ba lần nói lại di ngôn của vua cha. Thái tử út từ chối như trước, sau ba lần thỉnh bắt buộc Thái tử phải nối ngôi vua, Thái tử út không dám trái lệch. Sau khi lên ngôi vua lại suy nghĩ: Ta ở nước này không được xuất gia, dì ta làm Hoàng hậu ở nước lân cận nên đến giao gởi chắc sẽ được xuất gia. Nghĩ đoạn, Thái tử liền tìm cách trốn đến nước kia, đến biên giới , có lính canh giữ (biên giới) hỏi rằng, ông là ai? Thái Tử trả lời: Ta là vua nước Trung Thiên Trúc. Lính giữ biên giới hỏi: nếu là vua sao lại một mình đến đây? Đáp rằng: Ta vốn muốn được xuất gia học đạo, nếu trụ lâu tại nước mình sẽ không được xuất gia, Ta rất muốn xuất gia học đạo. Lính giữ biên giới liền sai sứ giả đem tin về tâu, Vương hậu nghe xong liền sai người đến đón. Thái Tử thấy Vương hậu liền quỳ xuống trình bày chí nguyện. Vương hậu nghe nói thương khóc rơi lệ, lo buồn thương cảm, một hồi lâu mới nói: Con là giòng dõi vua chúa, cháu của vua Tịnh Phạn, cháu họ của Thích-ca Như Lai. Ta nghe Đức Thích-ca bỏ ngôi vua vượt thành nhập đạo mới thành Chánh Giác, thiên hạ khó bỏ, chỉ bỏ ngôi báu. Con giống Đức Thích-ca Như Lai bỏ ngôi vua, phát thệ nguyện rộng lớn, sẽ được thành Phật, từ nay về sau đối với dân chúng, ôm bát khất thực, đạm bạc giữ gìn trai giới, thật đáng thương xót. Nhưng điều mong ước của bậc Đại trượng phu hết lòng thệ nguyện, không biết làm sao. Liền cho xuất gia, thỉnh được pháp sư cao đức trong nước, làm đệ tử xuất gia học hỏi. Thái Tử bẩm tánh thông minh, hễ nghe qua liền lãnh hội tông mầu; hỏi han so sánh biết được trăm ngàn, tuy học không nhiều năm, nhưng thông đạt tất cả. Vì thế vị Pháp sư từ chối rằng, con đã hiểu biết cả rồi không còn gì để giảng nói. Ta nghe nước kia có bậc Hiền Thánh, Đại đức, nên đến

đó mà học!. Thái Tử vâng lời dạy, lạy tạ mà lui, đi đến chỗ Hiền Sư, tu học như trước, trải qua hơn năm mươi nước, đến Bắc Thiên Trúc, có một ngôi thành tên Càn-đàn-la, vua nước ấy nương nhờ Hòa-thượng thọ pháp tụng niệm. Kinh ấy văn rộng nghĩa sâu không thể tìm pháp cúng dường theo thứ lớp một cách vừa ý, nên xin Hòa thượng chỉ dạy phương pháp cúng dường. Hòa thượng nhận lời, ở bên cạnh ngôi tháp do vua Kim Túc xây dựng, cầu Thánh che chở. Pháp cúng dường này bỗng hiện ra giữa không trung, chữ vàng sáng rực. Hòa-thượng đọc qua một biến ghi chép rõ ràng, ngửa mặt lên hư không nói rằng, ai đã làm ra như thế? Đáp ta đã làm ra. Hỏi: ta là ai? Đáp ta là Văn-thù-sư-lợi, liền bảo người ghi chép ngay, rồi dâng vua kia một bản, tự chép một bản mang theo trên đường đi truyền bá khắp bốn phương. Cái gọi là Tiểu Tử, hiệu của Ngài là HòaThượng Tam Tạng Thiện Vô Úy, tức là Tiểu tăng Bất Khả Tư Nghì nhiều may mắn, trực tiếp thưa hỏi Hòa- thượng pháp yếu được nghe phần văn thì ghi chép lại phần ấy.

III. Giải thích đề mục:

Đại Tỳ-lô-giá-na thành Phật thần biến gia trì Kinh cúng dường thứ đệ pháp chân ngôn hành học xứ phẩm thứ nhất:

- Đại: nghĩa là không bờ mé.
- Tỳ-lô-giá-na: Tức là mặt trời; có chỗ nói là mặt trời trí tuệ.
- Thành Phật: là nghĩa chứng Chánh giác Chánh trí.
- Thần biến gia trì: Tức là thần lực che chở.
- Kinh: nghĩa là sâu suốt, khâu kết có công năng giải thích những điều này.
- Cúng dường: Tức là lý, sự cúng dường. Lý: là hiểu lý nhập chứng, đó gọi là lý cúng dường, về sự: là hết lòng gắng sức sắm sửa hương hoa cúng dường biển Phật, đó gọi là sự cúng dường.
- Thứ đệ: Là theo thứ lớp trước sau để lễ bái và lui ra.
- Pháp nghĩa là phép tắc.
- Chân ngôn: để phân biệt với luống dối.
- Hành học: Là học hiểu được và hành chân ngôn.
- Xứ: Tức là bốn thứ: 1. Như pháp giới tư tánh; 2. Giáo bản; 3. Truyền Giáo Sư; 4. Diệu sơn phụ phong v.v...
- Phẩm: là phẩm loại.
- Thứ nhất: Pháp nầy có năm phẩm, đây là phẩm đầu nên nói thứ nhất.

Vì thế nói là: “Đại Tỳ-lô-giá-na thành Phật thần biến gia trì kinh cúng dường thứ đệ pháp chân ngôn hành học xứ phẩm thứ nhất”.

IV. Giải thích theo văn:

Trong đây có ba phần: Phần tựa, phần Chánh tông và Lưu thông. Phẩm thứ nhất là Tựa, ba phẩm kế tiếp là Chánh thuyết, một phẩm sau cùng là Lưu thông. Trong phần Tựa, trước tiên có hai bài tụng, là lời tựa quy kính, khuyên kính "tín", nhưng, sau phần đầu tiên là tựa tinh tấn tu hành. Trong tựa đầu có bốn môn: Hai câu giữa của bài kệ đầu: là môn kính, chủ khen đức; hai câu tiếp theo là môn nương kinh hiển bày; hai câu tiếp đến là môn thành tựu pháp được lợi ích, hai câu kế tiếp là môn khế hiệp bổn kết thúc giảng nói. Tỳ-lô-giá-na, Hán dịch là Nhật (mặt trời); Khai phu tinh nhãn: là mở ngộ lý mầu; Sở tư: là các bản tôn; Chúng nghi quỹ là các ấn chân ngôn...; Vi thành thứ đệ: là lễ bái, lui ra ; Như bỉ: là kính trọng mặt trời trí tuệ; Nay con một câu: là kết ý từ trước đến đây. Trong bài Tựa tinh cần tu hành chia làm sáu môn: 1. Trọn bài kệ đầu là thành tựu tín giải môn; 2. Nửa bài kệ là khuyên tín Tam bảo môn; 3. Hữu tình tín hiểu về sau hai mươi lăm bài kệ là khuyên thực hành Chế giới môn; 4. Một bài kệ nương chính trụ nầy Y chánh giới trọng cấm môn; 5. Một bài kệ diệu chân ngôn môn là giác tâm được Lợi ích môn; 6. Mười bài kệ, "từ muốn" trở xuống là một đời Thành phật môn.

Căn cứ vào đoạn thứ nhất:

- Nhiên sơ tự tha lợi thành tựu: là nêu lên quả đã thành tựu.
- Phương tiện Vô thượng trí nguyện: là nói về trí năng thành.
- Thành bỉ: là chỉ quả đã chứng.
- Phát khởi v.v... là nêu quả bày nhân.

Y theo đoạn thứ hai:

- Hai câu, đối với mãn tất-địa các thắng nguyện v.v... tiêu biểu chung cho hai bảo Phật bảo, Tăng bảo.
- Một bài kệ đẳng đẳng kia: là giải thích riêng.
- Chân ngôn hình: Tức là chữ chân ngôn đã trang nghiêm thân kia.
- Sở trụ chủng chủng ấn oai nghi: nói về ấn và nằm nghiêng hông phải.
- Sở hành đạo: Tức là như tự tánh pháp giới.
- Phương Quảng Thừa: là Kinh Đại Nhật.

Trên đã nói rõ tin Tam bảo xong.

Hỏi: Quy kính Tam bảo trong đây và quy kỉnh Phật bảo trong phần đầu, nghĩa ấy như thế nào?

Đáp: Phần đầu là hiển bày Bồ-tát Văn-thù tự tôn kính. Trong đây

thì nói phép tắc người đời sau tu hành.

Hỏi: Văn-thù có tôn kính Tam Bảo không?

Đáp: Quy kính.

Cái gọi là, ta nương kinh Đại Nhật tức là kính Pháp, không khinh thân mình là kính tăng. Như vậy có thể biết được đồng thể Tam bảo.

Y cứ vào đoạn thứ ba:

- Hữu tình tin hiểu thượng, trung, hạ: tức là chúng sanh trong sáu đường.

- Nếu đối với đấng Tối thắng v.v... là chỉ cho kinh Đại Nhật ở trước.

- Điều phục hành giả: là không phạm Tam-muội-da.

- Biệt luật nghi: Nghĩa là kinh Đại Nhật.

- Cụ duyên chúng chi phần: nghĩa là sửa chữa, xây dựng các đạo tràng.

- Nhất tâm trú: một lòng hướng về Thầy.

- Tam-muội-da: là nói bổn thệ bình đẳng v.v...

- Đạo tràng: tức là đàn tràng nhiệm mầu tròn đầy.

- Giáo bản: là kinh Tỳ-lô-giá-na.

- Đích thân đến tôn sở: là vị thầy làm quán đảnh.

- Được Tam-muội-da tốt đẹp, và người đã được truyền thọ pháp quán đảnh có được.

- Nhiếp chánh chân ngôn bình đẳng hành: nghĩa là đối với lý vốn bất sanh,trong tâm yên ổn bất động.

- Nhập chân ngôn tối thượng thừa nầy: nghĩa là người nhập vào thì hiểu.

- Tối thượng thừa: là lý tự thể mà Tỳ-lô-giá-na đã chứng.

- Mật hạnh: là hành giả thực hành chân ngôn.

- Quỹ phạm: tức là A-xà-lê...

- Các công đức rộng lớn: Quỹ phạm là biển lớn công đức. Biển lớn công đức trụ ở thân kia. Vì sao? Kinh chép: Nếu muốn thấy Phật lễ bái, hoặc muốn cúng dường Phật, lễ bái cúng dường thì người nầy không khác với Phật. Vì sao không khác? Vì năm thứ chân ngôn tâm và ấn... trang nghiêm thân ấy.

- Khế kinh: là chỉ cho kinh Tỳ-lô-giá-na.

- Không gì hơn sân: như Kinh Hoa nghiêm có nói rộng.

- Tịnh tâm Bồ-đề: tức là chân ngôn.

- Có tâm nhẫn nhục, không nhìn thấy lỗi: là điều khó nhẫn trong pháp nhẫn của thế gian.

- Chỉ có quên ân đức: cho nên khuyến khích cố gắng nhẫn.

- Sĩ: là chờ đợi.

- Cái gọi là đợi thời: Chính là khi muốn tu chân ngôn tam-muội.

- Bỗng có đàn việt thỉnh giảng nói: tức nói rằng dạy con tu tam-muội, sau đó giảng thuyết, nói cho ông nghe, lúc bây giờ thì không thể.

- Pháp Thanh bạch thuần tịnh: ở trong lý thể thường có được hằng sa tánh công đức vô lậu và bố thí v.v... các độ môn.

- Do các thứ rượu: nghĩa là rượu nầy là gốc của sự buông lung, nếu uống vào thì tán loạn chánh định.

- Tăng ngã mạn: là thêm lớn vọng chấp, vọng chấp sâu dày thì tu tập thiền định càng khó.

- Nay, con v.v... là than lời sơ lược mà nghĩa sâu kín.

- Khiến rộng biết giải sanh quyết định: nghĩa là khen ngợi lợi ích học rộng.

Từ trước đến đây nói sơ lược về giới, định, tuệ đã xong.

Trong đoạn thứ tư: nương chánh trú bình đẳng giới nầy.

- Chánh trụ bình đẳng giới: là trụ tâm tánh giới, không khởi tâm giữ giới. Trước đã nói về đức, ở đây là nhân cấm phạm.

Trong đoạn thứ năm, diệu chân ngôn môn giác tâm, đẳng tương ưng ấy có hai, trước quán bổn tôn, quán bổn tôn thành thục rồi thì tự thân làm bổn tôn, tâm này không tán loạn nói là tương ưng; người trí ngộ vốn bất sanh.

Trong đoạn thứ sáu nói về pháp tức chân ngôn.

- Hai câu: người trí được thầy... là kết thúc phần trước, sanh khởi phần sau.

- Ba bài kệ rưỡi từ Diệu sơn phụ phong trở xuống: là chỉ chỗ nương của người tu tập. Trong Diệu sơn Phụ phong có bốn chỗ, mỗi chỗ đều có biểu chế.

- Diệu Sơn: là tên núi Diệu Cao.

- Phụ phong: là ngọn núi ở trong lòng ngọn núi lớn có thể ở an ổn.

- Giữa khe núi: Tức là giữa vách đá có hang ở được.

- Khám: có ba thứ: 1. Khám nhà; 2. Khám đất; 3. Khám đá. Nghĩa là giống như cái hang nhưng có an thờ tượng gọi là khám.

- Quật: là hang đá.

- Giữa hai núi: là ở những chỗ suối đá trong sạch tu hành an ổn.

- Kị: là trái ấu, hà là cây sen.

- Kinh xuyên: là thường chảy nước không cạn.
- Châu: là chỗ ở giữa nước, có thể ở được.
- Ngạn: là một bên, nghĩa là bên bờ sông, trong sạch có thể ở để tu đạo.

Một câu kế: Bây giờ có thể xa lìa chỗ không thích hợp, trong lòng rối loạn không yên tĩnh, nghĩa là bị người, vật làm cho rối loạn ồn ào.

Kế là nói chỗ cỏ cây, rừng cây:

- Phò sơ: là dáng cây cỏ tốt đẹp, chỗ rừng rậm yên lặng có thể ở để tu hành.
- Nhũ mộc: là cây dâu, cây lúa.
- Tường thảo: tức là cỏ tranh mầu vàng ở đất nầy.
- Hai câu kế : nói rõ kia có thể hay không.

Kế là nói nơi chùa, tháp:

- Luyện nhã: có ba: 1. Đạt-ma; 2. Đàn-đà-già; 3. Ma-đăng-già.
- Đạt-ma: là đạo tràng Bồ-đề.
- Đàn-đà-già: là cỏ sạch, không dơ bẩn, hôi hám.
- Ma-đăng-già: là chỗ không ồn ào náo động.
- Điều trong đây nói: là y cứ theo Ma-đăng-già.
- Một câu kế là: phân biệt rõ ràng có thể hay không, chủ yếu là việc.
- Năm dục: sắc, thanh, hương, vị, xúc.
- Các cái triền: là năm cái: Tham sân, hôn trầm, thùy miên, trạo cử, và tán loạn.
- Tất-địa: là thành tựu, cũng gọi là thành Bồ-đề.
- Nói tịnh mạng: là hạnh ưa muốn biết đủ.

Tiếng Hồ là Đầu-đa, gồm có mười sáu thứ: Kinh, Luận có chỗ nói, có chỗ không nói cho nên nói mười hai; mười sáu thứ ấy là: y có bốn thứ, ăn có sáu thứ và ở có sáu chỗ.

- Y có bốn thứ: là mặc y phẩn tảo, mặc áo lông thú, mặc nạp y và chứa ba y.
- Y phẩn tảo: tức là vải bị lửa cháy vải, trâu nhai vải, chuột gặm vải liệm, người chết... những thứ vải như thế người nước ngoài ném bỏ chỗ hoang vắng hoặc ngõ hẻm, đồng với rác rưởi nên gọi là phẩn tảo, hành giả lượm lấy giặt nhuộm may sửa để cung cấp cho thân thể.

Hỏi: Vì sao chỉ thọ y nầy? Có ba phẩm: Phẩm dưới: để nuôi sống mà mua bán các thứ tà mạng mà được y phục. Phẩm giữa: là xa lìa lỗi thọ tăng y và việt thí ở trước. Phẩm trên: không thọ Tăng, việt, chỉ thọ phẩn tảo của đàn việt.

Vì sao không thọ Tăng mà thọ y nầy? Tăng pháp phải cùng Tăng sự quyết đoán lý, trừng phạt làm cho khách tăng dứt việc loạn tâm bỏ đạo.

Vì sao không thọ đàn việt? Nếu thọ đàn việt vì y mà tìm cầu nhiều thì rơi vào tà mạng, lại sẽ khiến thân sanh đắm trước khó được giải thoát, lại bị nghiêng về chỗ thân không được bèn sơ, chướng ngại sự cảm hóa, lại được nhiều sanh kiêu mạn, được ít thì trách oán. Người vô tri không hiểu ruộng phước nên cúng dường hay không cúng dường, hoặc tự xem thường hổ thẹn mà sanh lo buồn hối hận; lại thường đi thì bỏ đạo, không đi thì oán giận; lại ghen ghét người tốt, gièm chê người lương thiện, không muốn đến gặp họ; nhiều lỗi như thế, cho nên không thọ việt thí y.

Vì sao chỉ thọ phẩn tảo? Bởi vì ít việc, thêm lớn đạo nghiệp, lìa lỗi, không tội, cho nên chỉ thọ y ấy.

- Nói tàm y: là mùa ẩm thấp săn tìm hết lông nhỏ của chim, nếu người tu hành không có y phẩn tảo thì có thể dùng thứ nầy làm y.

- Nói nạp y: vải rách xấu cũ mục, chấp vá cung cấp thân thể, không mặc áo tốt. Vì sao? Nếu tìm cầu áo đẹp thì sanh phiền não đến nỗi mắc tội, hao tốn công sức, phế bỏ đạo nghiệp; lại nữa, áo đẹp làm cho người chưa đắc đạo sanh tâm tham đắm; lại ở chỗ hoang vắng có rất nhiều cướp bóc, hoặc đến nổi mất mạng.

- Nói ba y: là y năm điều, y bảy điều, và y lớn (đại y). Những bậc thượng hạnh chỉ thọ ba y nầy, không chứa cất y dư. Vì sao? Vì cư sĩ chứa để nhiều thứ y phục; ngoại đạo tu khổ hạnh lõa thể không biết hổ thẹn. Phật ở Trung đạo xa lìa hai bên, vì thế chỉ cho cất chứa ba y, lại cất nhiều y phí công phế đạo, cất ít thì không xong việc cho nên cất ba y như thế, ba y cung cấp đầy đủ cho thân làm việc. Nếu làm các việc lặt vặt, qua lại thì đắp y năm điều, làm việc lành nên đắp y bảy điều; giáo hóa nhiếp độ người đời khiến họ kính tin phải đắp đại y. Lại nữa, ở chỗ vắng thì đắp y năm điều, khi vào trong Chúng tăng đắp y bảy điều, nếu đi đến những nơi như cung vua, xóm làng thì phải đắp đại y. Lại khi nóng lạnh điều hòa đắp y năm điều, khi trời đông lạnh nên đắp thêm y bảy điều, quá lạnh khẩn cấp thì đắp thêm đại y. Nguyên nhân là vào một lúc mùa đông, đến nửa đêm trời quá lạnh, nên Như Lai trong đêm chia thời gian đầu đêm đắp y năm điều, đến nửa đêm trời chuyển lạnh đắp thêm y bảy điều, vào lúc gần sáng trời lạnh chuyển lạnh đắp thêm đại y; Đức Phật liền nghĩ: Trong đời tương lai các người thiện nam không chịu nổi các khổ hạnh của lạnh thì có thể dùng ba y nầy đủ để

che thân. Vì có nhiều nghĩa như vậy, cho nên được chứa ba y.

Trong thực có sáu: Đó là 1. Khất thực, 2. Thứ lớp khất thực; 3. Bất thực hành pháp dư thực mà ăn; 4. Nhất tọa thực; 5. Nhất sủy thực, cũng gọi là Tiết lượng thực; 6. Không uống nước trái cây ép sau giờ ngọ.

- Khất thực: người tu hành có ba hạng: hạ, trung, thượng. Hạng hạ, tuy là xuất gia nhưng buông lung tự nuôi sống bằng cách tà mạng, biết nhiều phép thuật, làm các việc khéo léo tà mạng tự nuôi sống. Hạng trung: lìa bỏ lỗi trước, nhưng thọ tăng thực và đàn việt thỉnh. Hạng thượng: không thọ tăng thực và việt thỉnh thực mà chỉ đi khất thực. Vì sao không thọ Tăng và việt thỉnh? Vì lỗi đồng như trước. Vì sao mà chuyên đi khất thực? Có chỗ nói có hai: 1. Tự mình xem xét việc tu đạo; 2. Vì người khác làm phước lợi cho đời.

- Thứ lớp khất thực: Thông thường cũng thực hành khất thực, khi khất thực biểu dương sự xa lìa lỗi nghiêng lệch. Nói riêng thì người phàm ngu tham vị mà bỏ nghèo theo giàu. Người Tiểu hạnh lòng từ bi hẹp hòi bỏ giàu theo nghèo. Bậc thượng hạnh thì lìa tham bỏ hẹp hòi, có lòng từ bình đẳng đối với chúng sanh, không phân biệt sang hèn mà theo thứ lớp khất thực bình đẳng.

- Nói không thực hành pháp thực ăn dư mà ăn: Trong luật nói: Có người tuy theo thứ lớp khất thực, vật xin thường được chánh thực, pháp dư thực thường thường ăn. Người tu hành nghĩ rằng pháp dư thực nầy, Thế tôn khai ra cho người bệnh, nay ta không bị bệnh không nên thọ, vì thế không làm pháp dư thực. Thông thường thì thuộc về "nhất tọa thực", do đó trong kinh luận phần nhiều không nói riêng. Trong luật nói riêng: nhất tọa thực kia không phải ở trước ngọ ăn các tiểu thực khác (trước bữa ăn chính còn có bữa ăn điểm tâm). Đây là y cứ xa lìa, thường dùng chánh thực, có sự khác nhau nầy, cho nên nói riêng.

- Nhất tọa thực: Có người tuy không phải thường thường ăn, nhưng trước giờ ngọ thường ăn các thứ như bánh, trái cây, cháo v.v... người hành đạo nên nghĩ rằng, người ngu nuôi thân thường thọ (thức ăn) để nuôi thân nên phiền não thêm lớn, nay ta vì đạo không phải vì nuôi thân, là phá phiền não không phải để kết thêm, cho nên chỉ thọ ăn một bữa, lại nghĩ vì cầu ăn một bữa đã là chướng đạo, huống gì cầu ăn nhiều, vì thế chỉ thọ nhất thực, lại quán xét ăn cơm của thí chủ tín tâm cúng dường, ăn một bữa còn không thể tiêu, huống gì ăn nhiều bữa, do đó chỉ thọ một bữa.

- Nhất sủy thực: Trong kinh cũng gọi là Tiết lượng thực: Chỉ thọ nhất thực thôi gọi là Nhất sủy thực; tiết kiệm ăn ít gọi là Tiết lượng

thực, huống gì người trong sáng. Có người tuy thọ pháp Nhất thực, trong bữa ăn tha hồ ăn no, bụng đầy hơi trướng, ngủ nghĩ cho nhiều, nửa ngày không tiêu, ngăn tu đạo pháp, cho nên phải tiết lượng (giảm bớt). Ăn nhiều lại thêm nhiều phiền não, khó khuất phục được, vì thế phải tiết lượng. Lại nữa, hành giả vì cầu pháp thân, bỏ dần thân do ăn uống, do đó phải tiết lượng. Tiết lượng đến bao nhiêu? Hễ mình nhận ba phần, thì dành lại một phần bố thí cho chim, thú, còn lại thì mình ăn, để được chút ít lợi ích. Có chỗ nói sau giờ ngọ không uống nước trái cây, có người tuy giảm bớt lượng ăn uống nhưng còn tham vị, sau giờ ngọ uống các thứ nước như: nước trái cây, nước đường, nước đường phèn v.v... Vì cầu nhiều nước đến nỗi tà mạng uổng công phế đạo, do đó không uống, lại quán xét nạn buông lung của tâm nầy, như ngựa không ghìm dây cương, ăn cỏ hai bên không thể chạy nhanh, nếu dùng hàm sắt và dây cương thì mới có thể nhanh chóng theo ý của người mà đi, vì thế không uống.

- Chỗ ở đúng thì có sáu:

1. Ở chỗ A-lan-nhã.
2. Ở trũng gian (ở chỗ gò mả).
3. Ở dưới gốc cây.
4. Ở chỗ đất trống.
5. Thường ngồi.
6. Ngồi ở bất cứ chỗ nào.

- A-lan-nhã: Hán dịch là không nhàn xứ. Như Tạp Tâm chép: một cung có bốn khuỷu tay, cách thôn xóm năm trăm cung gọi là một Cu-lô-xá, phần nửa gọi là chỗ A-lan-nhã, tính chừng ba dặm, người tu hạnh đầu-đà ở gần nhất là chừng ấy, nếu được xa càng tốt. Vì sao ở đây? Hành giả khởi niệm: Xưa ta ở nhà trói buộc với cha mẹ, bà con, nay đã xuất gia thì phải dứt bỏ, nếu trở lại thầy, trò, bạn đồng học, người tri thức kết trước, thì không khác thế tục, vì thế nên phải dứt bỏ mà ở chỗ Lan-nhã (vắng lặng), lại làng xóm thì nam nữ lẫn lộn, nhiễm đời càng nhiều, không nên ở trong đó, lại ở gần làng xóm âm thanh ồn ào chướng ngại ý tu định.

- Nói trũng gian: Trũng gian (gò mả) có nhiều thây chết, thối nát, sình lên, hôi thối, thấy hôi thối dễ nhập vào pháp quán Bất - tịnh, lại gò mả thây chết hư hoại, do thú ăn, lửa đốt, chia lìa tiêu mất, thấy thì dễ nhập vào pháp quán vô thường;, lại nữa, ở gò mả xương người chết tan tác nhiều nơi, thấy rồi dễ nhập vào quán không, vô ngã, vì thế mà ở gò mả.

- Nói dưới gốc cây: Trước ở gò mả quán sát thây chết đắc đạo rồi,

cho nên bỏ gò mả mà đi đến dưới gốc cây; lại trước ở gò mả nhiếp lấy tướng thây chết, nhưng chỗ kia có nhiều người khóc lóc v.v... Các tiếng làm chướng ngại việc tu tập chỉ - quán, vì thế đến dưới gốc cây buộc niệm tư duy quán sát; lại bóng cây che mát đồng với nửa căn nhà, an thân tu đạo, do đó ở dưới gốc cây, các Phật, Thánh, Hiền đắc đạo chứng quả phần nhiều đều nương dưới gốc cây, cho nên ở dưới gốc cây.

- Ngồi chỗ đất trống: dưới bóng cây ẩm thấp ngồi lâu gây ra bệnh, vì thế đến chỗ đất trống, lại dưới cây có nhiều tiếng chim sẻ, ồn ào làm trở ngại ý tu "định", do đó ở chỗ đất trống, lại hành giả ở lâu dưới cây sanh tâm đắm trước cây đó, hoặc lại phân biệt đây tốt kia xấu, để trừ tai hại ấy cho nên phải bỏ cây mà đến chỗ đất trống, hiển hiện ra rõ ràng nên gọi là vô ngại; lại ánh trăng ở chỗ đất trống soi chiếu tâm tưởng trong suốt, dễ nhập định, do đó ở chỗ đất trống.

- Thường ngồi: Trong bốn oai nghi, đi và đứng thì rất khổ, nằm thì quá vui, ngồi, có thể chịu được dài lâu, cho nên phải thường ngồi, lại đi, đứng tâm bị xao động khó có thể nhiếp giữ, nằm thì mê man trong sự ngủ nghỉ, ngồi tránh được mê man xao động, vì thế phải thường ngồi, lại người cầu đạo, việc lớn chưa xong, các giặc phiền não thường rình rập chờ lúc người buông lung, do vậy không nên nằm mà phải thường ngồi, lại nữa, ngồi nhiều thức ăn dễ tiêu hóa, hơi thở điều hòa, do đó phải thường ngồi.

- Ngồi ở bất cứ chỗ nào: hễ chỗ nào có cỏ được thuận tiện thì ngồi, nên gọi là ngồi bất cứ ở chỗ nào.

Theo cách chia chi tiết thì có mười sáu thứ nầy. Kinh, luận căn cứ vào sự ẩn, hiện mà phối hợp, nói có mười hai, nương vào Luật tứ phần: Y thì có hai, Ăn có bốn, Ở có sáu, hiệp lại thành mười hai.

- Y được có hai: 1. Đắp y vá; 2. Đắp ba y, ngoài ra đều không nói.

- Ăn được có bốn:

1. Khất thực.

2. Bất làm pháp dư thực mà ăn.

3. Ngồi ăn trong một oai nghi.

4. Nhất sủy thực.

Thứ lớp khất thực đã thuộc về khất thực, cái gọi là sau giờ ngọ không uống nước (trái cây) đã thuộc về Nhất tọa thực, cho nên không nói riêng.

- Ở có sáu, đồng như trên đã nói.

Theo Kinh Thập nhị: y có ba, ăn có ba, ở có sáu, hiệp lại thành

mười hai.

- Y có ba:

1. Đắp y Phấn tảo.

2. Đắp y Bông tơ (lông thú).

3. Đắp ba y; các thứ khác đều không nói.

- Ăn có ba: đó là Khất thực, Nhất tọa thực, Nhất sủy thực, ngoài ra không nói, thứ lớp khất thực thuộc về khất thực, bất làm pháp dư thực mà ăn và sau giờ ngọ không uống nước trái cây ép thuộc về nhất tọa thực.

- Ở có sáu chỗ, giống như trên.

Trong luận Đại trí độ nói mười hai, lại khác với trước: y có hai là: Đắp nạp y và đắp ba y, giống nhau với Tứ phần luật, ăn có năm:

1. Khất thực.

2. Thứ lớp khất thực.

3. Ngồi ăn trong một oai nghi.

4. Tiết lượng thực.

5. Sau giữa ngày không uống nước trái cây ép.

Không làm phép dư thực thuộc về nhất tọa thực, không có lập riêng. Trong chỗ ở có năm, trừ ngồi bất cứ chỗ nào, các thứ khác như trên. Nếu y theo như trên đã nói mà tu hành thì gọi là "Tịnh mạng nhân" (người nuôi mạng sống thanh tịnh). Hoặc, tuy là y theo như trên đã nói như thế, nhưng cầu danh lợi cũng gọi là người bất tịnh hạnh, cũng là người sống bằng tà mạng, cũng là tên giặc nguy hiểm trong Phật pháp, vì thế kinh nói: Các loài quỷ thấy người nầy thì quét sạch dấu chân của người nầy. Chính là nghĩa ấy. Nói về hạnh Tịnh mạng đã xong.

Dưới đây nói tà mạng bất tịnh hạnh. Tà mạng có bốn thứ:

1. Phương khẩu thực.

2. Ngưỡng khẩu thực.

3. Di khẩu thực.

4. Hạ khẩu thực.

- Luận Thập trụ thứ hai chép: Tà mạng có năm pháp:

1. Kiểu dị.

2. Tự thân.

3. Kích động.

4. Ngưỡng dương.

5. Nhân lợi cầu lợi.

- Kiểu dị: là có người tham cầu lợi dưỡng, nên làm ra vẻ A-luyện-nhã, hoặc mặc áo vá, hoặc thường khất thực, hoặc nhất tọa thực, hoặc

thường ngồi, hoặc sau giờ ngọ không uống nước trái cây ép, thọ những hạnh đầu-đà như vậy, chỉ cần khởi niệm ấy, người tu hạnh ấy được cung kính cúng dường, ta tu hạnh ấy có lẽ cũng được như vậy. Vì lợi dưỡng cho nên thay đổi oai nghi, gọi là "kiểu dị".

- Tự thân: có người tham lợi dưỡng đến nhà đàn việt nói rằng: Tôi cũng như cha mẹ, anh em, chị em, bà con của quý vị không khác, nếu có cần việc gì tôi sẽ giúp cho, nếu có làm gì ta sẽ làm, tôi không kể xa gần sẽ đến thăm hỏi, tôi đây chính là vì giúp cho mà thôi, vì cầu cúng dường tham đắm đàn việt, hay dùng lời nói để lấy lòng người, những việc như thế gọi là "tự thân".

- Kích động: Có người không nghĩ đến sự mắc tội, mưu cầu tham lợi, muốn được tài vật, làm bộ khen nói: bát nầy đẹp, hoặc y đẹp, hoặc móc cửa đẹp, hoặc đồ ngồi đẹp, nếu tôi được thì sẽ thọ dụng. Lại nói, tùy ý cúng dường người nầy khó được, lại đến nhà đàn việt nói rằng: nhà ông cơm canh, bánh trái đầy đủ thơm ngon, y phục lại đẹp, thường cúng dường tôi, tôi là bà con thân cũ, chắc chắn sẽ được cho, hiện bày tướng tham như thế gọi là kích động.

- Ức dương: Có người tham lợi dưỡng cho nên nói với đàn việt rằng, ông quá keo lẫn, đối với cha, mẹ, anh, em, chị em, vợ, con, giòng họ còn không thể cho, thì cho ai được? Đàn việt hổ thẹn cố gắng gượng thí cho; lại đến nhà khác nói rằng, ông có phước đức được làm thân người không nghèo đói, bậc A-la-hán thường vào ra nhà ông, ông cùng vị ấy chuyện trò tới lui. Đàn việt nghĩ rằng, đâu còn người nào ra vào nhà ta, sẽ nói rằng "chính ta", ấy gọi là ngưỡng dương.

- Nhân lợi cầu lợi: Có người vì tiền của vật chất sinh sống như y, hoặc bát, đại y, hoặc đồ ngồi v.v... bèn đến nói với người rằng, hoặc vua, cùng hàng với vua và các quý nhân cho tôi vật ấy, nghĩ rằng, đàn việt có thể sinh tâm là các vua, quý nhân kia, còn cúng dường, huống gì ta lại không cúng dường, người kia nhân vì lợi nầy lại xin lợi khác, do đó gọi là nhân lợi cầu lợi.

- Nếu thuận theo các Đức Phật, Bồ-tát thực hạnh. Người tu hành đem tâm bày tỏ với Phật, đem thân tâm nầy hướng về người, súc sanh, lại xoay về bức vách như mặt người, không tạo điều ác Phật vui mừng, vì thế nói thuận theo hạnh quả Phật, Bồ-tát.

- Đối vơi lời nói chân chánh thí tin hiểu vững chắc: nghĩa là chân ngôn nầy biết từ pháp giới thanh tịnh lưu xuất, dùng năng lực trí tuệ vững chắc như Kim cương không lay động để tin hiểu.

- Có năng lực trí tuệ thanh tịnh, có khả năng chịu đựng: Biết thân

tâm nầy do vọng tưởng khởi, vọng tưởng dừng nghỉ như tám thứ gió giữa bầu trời, thổi qua không lay động cho nên nói năng lực trí tuệ có khả năng chịu đựng.

- Tinh tấn, không cầu các thế gian: là xả bỏ danh lợi giống như đàm dãi, tâm không nhìn lui như thây thối, thẳng cầu Thập địa như cứu lửa cháy đầu, vì thế nói tinh tấn không tìm cầu thế gian.

- Thường vui vững chắc không yếu hèn: tinh tấn mạnh mẽ như Kim cương, thuận theo mà không thua như sư tử, đó là vững chắc không yếu hèn.

- Hiện pháp tự tha được thành tựu: Thấy người được lợi như mình được, nếu thấy thân mình được lợi nhất định cho người, vì thế nói mình và người đều được thành tựu.

- Không theo các trời khác, nương vô úy: Tâm trú ở "Bổn tôn", nghe khen ngợi các vị trời mà không lay động, chỉ thẳng tiến tu, do đó nói không theo các trời khác chỉ nương bậc Vô - úy.

- Đầy đủ những điều nầy gọi là bạn lành giúp đỡ: Tất cả điều lành thế gian xuất thế gian, phàm Thánh trông thấy đều vui mừng, cho nên nói đầy đủ những điều nầy gọi là bạn lành giúp đỡ.

PHẨM THỨ HAI
TĂNG ÍCH THỦ HỘ THANH TỊNH HẠNH

Muốn giải thích phẩm này chia làm bốn phần:

1. Giải thích tên gọi: tùy: theo tu tánh lý hạnh thanh tịnh, giữ giới giữ thân gọi là thủ hộ, tu ắt đắc quả gọi là tăng ích.

2. Nguyên nhân có phẩm nầy: Phẩm trước đã nói giới thanh tịnh, phẩm nầy nói giúp đỡ người đã nói, cho nên có phẩm thứ hai nầy.

3. Tông thú: Người tu hành nương nhờ pháp lực, lấy dụng phẩm nầy làm Tông, đem thân bất hoại trú ở tâm Phật, tự ngộ, giúp người giác ngộ, là ý thú của phẩm nầy.

4. Nhiếp văn: phẩm nầy đại khái chia làm hai: Một bài kệ rưỡi đầu là tựa chung của phẩm, nửa bài kệ thứ hai trở xuống là giải thích riêng.

a) Hai câu đầu trong tựa chung là kết thúc trước sanh khởi sau.

- Mỗi ngày trước trụ trong niệm tuệ: Mỗi ngày: thọ pháp ngay ngày đầu tiên tu tập cho đến thành Phật, trong khoảng thời gian đó ba thời không thiếu, gọi là mỗi ngày. Niệm tuệ: là nhớ nghĩ trí tuệ của thầy.

- Nương pháp ngủ nghỉ: nằm nghiêng hông bên phải, tay phải làm gối, tay trái duỗi dài đặt sát trên đùi vế, đó là đúng pháp.

- Lúc Sơ khởi: Đêm thọ pháp tức là pháp lúc gần sáng khi mặt trời xuất hiện.

- Làm chướng: tức là trôi lăn trong sanh tử, ba độc phiền não là gốc. Ngộ được ba độc phiền não vốn bất sanh, tức là trừ chướng.

- Đêm ấy: là đêm dài sanh tử trước khi thọ pháp.

- Tội do buông lung sanh ra: nghĩa là căn, trần hòa hiệp sanh ra tội lỗi.

- Ân cần: y theo pháp niệm tụng gấp như cứu lửa cháy đầu.

- Tịch căn: là ngộ "Căn" vốn không sinh khởi.

- Có tâm từ bi lợi ích: Trí tuệ phân biệt với Tiểu thừa yếu kém, nói lên tâm đại bi mạnh mẽ.

- Thệ độ: Cõi chúng sanh chưa hết, nguyện ta không dừng nghỉ.

- Đúng như pháp tắm gội: Tắm bên ngoài nhất định dùng nước thơm, nóng.

- Hoặc không tắm gội: Tắm bên trong (tâm) đạt được pháp không có thân để tắm gội.

b) Giải thích riêng:

Trong phần giải thích riêng có mười lăm chân ngôn, tức là mười lăm môn. Mỗi môn đều có kệ tụng chân ngôn.

Y cứ theo bài tụng thì:

- Chỗ trai thất vắng lặng: là ở chỗ diệu cao, phụ phong v.v... mà tạo lập đàn, tụng niệm thành tựu nhà Tất-địa.

- Rãi hoa đẹp... Hễ vật dâng cúng thì tùy theo tánh loại của chư tôn và vị mạn-đồ-la v.v... mỗi mỗi khéo phân biệt, phải khiến sắc, hương, vị, xúc thích hợp vui vẻ tâm người, đối với ba mầu trắng, vàng, đỏ thì Như Lai và những vị hầu cận (bộ loại) nên dùng mầu trắng, quyến thuộc liên hoa dùng mầu vàng, quyến thuộc Kim cương dùng màu đỏ. Lại nữa, đúng như phương hướng và vị trí của Mạn-đồ-la, đàn tròn thì dùng mầu trắng, đàn vuông dùng mầu vàng, đàn tam giác dùng mầu đỏ, các vị thế thiên dùng mầu đỏ. Bát-đầu-ma: là hoa sen hồng, xanh, vàng, trắng v.v... hoa sen mọc từ nước đều có thể dâng cúng chung các Tôn vị.

Hoa Long Thọ: Thế tôn Di-lặc thành Phật dưới gốc cây nầy. Hoa Long thọ nói thẳng là Long hoa: là hoa được ưa chuộng trong loài rồng, ở Tây phương có nhiều loại hoa ấy. Kế-tát-la Hoa, Sa-la Thọ Hoa đều có ở Thiên Trúc, ở Trung Quốc không có, chỉ khiến lòng người ưa thích, thế gian cho là điềm tốt lành, đều được cúng dường, phải mỗi khéo phân biệt, lựa chọn gom lại để xỏ thành tràng lẫn lộn trang nghiêm, hoặc nối hoặc kết, vì tâm hành giả trong sáng thuần hậu nên khiến Chư - Tôn vui mừng, che chở.

- Tùy đặt: là trước đã tạo lập nơi làm lễ (đàn tràng).

- Điển: là Kinh Đại Nhật.

Phải y vào phương hướng của Bản tôn: 1. Nói: trước là phương hướng của Bản tôn trong nhà Niệm tụng; 2. Nói: thế giới mười phương tùy theo căn cơ mà hiển bày phương; hướng như phương Đông Đức Phật Dược sư, phương Tây Đức Phật A-di-đà, núi Thanh Lương Bồ-tát Văn-Thù v.v... cũng được.

- Nhất tâm trụ: Buộc tâm thì mắt Bổn - Tôn không tạm bỏ v.v...

- Năm luận: tức là năm chi trong thân.

- Quy mạng: chúng sanh đã trọng thân mạng như là vật rất quý báu, đem kho báu nầy dâng cúng Tam Bảo, dùng chân ngôn, ấn v.v...

- Thân, miệng, ý thanh tịnh nghiệp: xả bỏ thân mạng, trở về Tôn vị, gọi là tịnh nghiệp.

- Trong chân ngôn làm lễ phương tiện: Do đây mà làm lễ đấng chân thật ngôn. Chân ngôn: tức là trí thật tướng, chư tôn dùng trí thật

tướng làm thân, tâm, dùng trí thật tướng tụng chân ngôn, liền đến khắp trí thật tướng của "Tôn vị", trí thật tướng của Tôn vị trong một lúc đến thọ lễ chân ngôn, do đó nói liền có thể lễ khắp các Đức Phật trong mười phương.

Một, gối phải chấm đất trở xuống: là phương tiện xuất tội chân ngôn môn.

Hai, tụng chân ngôn giống như trước, trí thật tướng tự vô tội, nếu chấp có tội, trí nầy có thể giúp hiểu được không tội, vì thế nói là xuất tội.

Ba, Nam-mô thập phương tam thế Phật trở xuống, là phương tiện quy y chân ngôn môn, chân ngôn nầy ngoài trí không vọng, chỗ không vọng bên ngoài tức là chân ngôn, tự thân nếu tụng chân ngôn nầy thì ngộ tự chân, cho nên nói quy y, cũng có tụng chân ngôn. Trong tụng thì:

- Nam-mô: là độ con, cũng dịch là lễ kỉnh.
- Ba thứ thường thân: Tức là ba thân: như pháp thân v.v... ngộ sanh tử vốn bất sanh, cho nên nói là "Thường thân".
- Chánh pháp tạng: Chánh là để phân biệt với tà.
- Pháp: là phép tắc
- Tạng: là chứa đựng công đức nhiều như cát sông Hằng.

Bốn, ta thanh tịnh thân nầy, lìa các cấu trở xuống là thí thân phương tiện chân ngôn môn, cũng có tụng chân ngôn, vì ngoài chân thân không có thân riêng, các Đức Như Lai trong ba đời cũng đồng thể, chúng sanh vọng chấp có thân riêng. Chân ngôn môn nầy có thể giúp hiểu thân, ta và thân Phật bình đẳng không khác nhau, do đó nói thí thân.

Năm, của báu thắng nguyện tâm Bồ-đề thanh tịnh trở xuống là phát tâm Bồ-đề phương tiện chân ngôn môn, có thực hành tụng trì chân ngôn lâu dài, thân ta và thân Phật đã không khác, trí Bồ-đề Phật đồng với trí ta, chân ngôn ấy giúp ngộ pháp nầy, có thể giúp hiểu biết nên nói là phát Bồ-đề.

- Tăng gia: là có thể hiển bày thêm nghĩa chân ngôn.
- Tâm Bồ đề: là tự tánh thanh tịnh tự giác.
- Tâm: là nghĩa trung thực, cho nên nói lìa tất cả v.v...
- Uẩn: là năm uẩn.
- Giới: là mười tám giới
- Xứ: là mười hai xứ.
- Năng chấp: là tâm luống dối
- Sở chấp: là cảnh luống dối.

- Lìa bỏ Pháp vô ngã hữu: là lìa cảnh luống dối.

- Tự tâm bình đẳng: là không vọng tưởng; lại tự tâm: là tự tâm vọng tưởng; Bình đẳng: là tự tâm vọng tưởng vốn bất sanh, do đó nói năng chấp, sở chấp cho đến xưa nay bất sanh.

- Như đại không: là trong vầng mặt trời trí tuệ vĩ đại không phát sinh sanh, tử, ngày đêm khác nhau.

- Tự tánh: mặt trời trí tuệ tức là thân, ôm vọng không sanh khiến đồng với chân tánh, nên nói là "Như". Tăng thêm câu nầy là người dịch khen ngợi bản "Phạn", nếu tụng được bản Phạn là bậc nhất, nương vào văn Hán hiểu được ý đọc tụng cũng được.

- Đạo tràng: là chỗ vắng lặng.

Thứ sáu: trong vô lượng thế giới ở thập phương trở xuống là vui theo phương tiện chân ngôn môn, cũng có tụng chân ngôn, trí như thật tự không có ganh ghét, trí tự không ganh ghét khiến không có tức giận, chí thành niệm tụng chân trí nầy khiến cho trí không khác chân thật, do đó gọi là pháp phương tiện tùy hỷ.

Thứ bảy: nay con khuyến thỉnh các Như Lai trở xuống là khuyến thỉnh phương tiện Chân ngôn môn, tụng chân ngôn đồng như trước, chân trí đại bi thường lợi ích chúng sanh, lợi ích chúng sanh cho nên dần dần mưa pháp, chí thành tụng niệm chân ngôn nầy khiến thỉnh pháp tồn tại ở đời lâu dài, do đó gọi là khuyến thỉnh.

Thứ tám: nguyện khiến cho nơi phàm phu nương ở trở xuống: là thỉnh pháp thân phương tiện chân ngôn môn, tụng chân ngôn giống như trước, pháp thân thường trụ trong bổn chân, vì thường trụ khiến cho đến pháp thân, tụng chân ngôn nầy là trực tiếp phụng thỉnh, vì thế nói pháp phương tiện phụng thỉnh.

Thứ chín: tu hành tất cả các nghiệp lành trở xuống: là hồi hướng phương tiện chân ngôn môn. Tụng chân ngôn giống như trước, ngoài bản giác chân trí không lìa mất, vì không lìa mất do đó cùng hồi hướng, siêng năng, khổ nhọc tụng niệm chân ngôn môn nầy, pháp trở về chân bản gọi là hồi hướng.

Thứ mười: lại làm các việc phước khác trở xuống là nhập Phật Tam-muội-da Minh môn, là thân sanh ra pháp, trong đây có tụng ấn, chân ngôn.

- Pháp khác: Tức là ngoài niệm tụng chân ngôn.

- Khắp thanh tịnh: Bất tịnh trong ba nghiệp của mình khiến không sanh.

- Thương xót cứu giúp: Bất tịnh từ trong ba nghiệp khiến bất

sanh.

- Tâm tánh: là như bản tánh của tâm tự thanh tịnh.

- Thân tùy sở ứng: mặt hướng về bản Tôn; lại ở trong ba bộ, năm bộ lấy "Tôn vị" nào là Bổn tôn của ta.

- Để ngồi yên: tức là đỉnh đầu, mũi, đùi vế đều ngay thẳng, ngồi kết già và bán già v.v...

- Tịnh trừ ba nghiệp đạo: ba nghiệp bất sanh bất tịnh tức là Đạo.

- Ấn: chân ngôn là chỗ nương dựa của thân.

Hỏi: Thân, trí vì sao nói khác?

Đáp: Thân là chỗ nương của các công đức; Trí là nghĩa chiếu sáng; nhưng, nói về Dụng thì khác mà nói về Thể thì một.

- Kinh nhập Phật Tam-muội-da trì minh chép: lúc bấy giờ, Bạc-già phạm trụ trong pháp giới rộng lớn gia trì, ngay lúc ấy, trú pháp giới thai tạng Tam-muội.

- Xuất định nầy nói nhập Phật Tam-muội-da trì minh: Tiếng Phạn Tỳ-phú-la, là nghĩa rộng lớn, nghĩa là sâu rộng không bờ mé, không thể suy lường, tự thể các pháp như thế gọi là Tỳ-phú-la pháp giới, đem pháp giới nầy thay nhau gia trì, nên gọi là pháp giới gia trì. Lại nữa, như nhân duyên nam nữ giao hội, hạt giống gá vào thai tạng mà không hư hoại tức là nghĩa gia trì lẫn nhau, các Đức Phật cũng giống như thế, quốc vương Minh Phi làm phu nhân, hòa hiệp cùng sanh chủng tử Tỳ-phú-la, làm chỗ giữ gìn thai tạng đại bi không bị hư hoại, do đó gọi là pháp giới gia trì, Thế Tôn gia trì khắp tất cả chúng sanh, đều làm hạt giống bình đẳng xong, tức thời nhập vào Biến pháp giới thai tạng Tam-muội. Quán mỗi hạt giống nầy, đều là Tỳ-lô-giá-na trên đài hoa sen, quyến thuộc Phổ môn trang nghiêm vô tận cũng cùng đại bi mạn-đồ-la bình đẳng không có khác nhau, nhưng các chúng sanh chưa thể tự chứng biết, cho nên gọi là Thánh thai Câu-xá, nếu khi ra khỏi tạng tức là giải thoát của Như Lai. Như Lai quán sát rõ ràng như thế rồi, liền xuất định nói "Tam-muội da trì minh".

- Tam-muội-da: là nghĩa bình đẳng, là nghĩa bản thệ, là nghĩa trừ chướng, là nghĩa cảnh giác.

- Nói bình đẳng: nghĩa là khi Như Lai hiện chứng Tam-muội nầy, thấy các thứ thân, ngữ, ý của tất cả chúng sanh, thảy đều cùng giống với Như Lai. Thiền định, trí tuệ và thân thật tướng cũng rốt ráo bình đẳng, khi mới phát tâm và khi Thập địa Ba-la-mật đầy đủ cũng rốt ráo ngang nhau, vì thế phát ra lời thành thật để chỉ dạy chúng sanh, như lời ta đã nói nhất định không luống đối, cũng là khi tất cả chúng sanh phát lời

thành thật nầy, cũng trông mong Tam mật gia trì, vô tận trang nghiêm bình đẳng với Như Lai, do nhân duyên ấy cho nên có thể làm sự nghiệp Kim cương (bền chắc), vì thế gọi là Tam-muội-da.

- Nói Bổn thệ: khi Như Lai hiện chứng Tam-muội-da nầy, thấy tất cả chúng sanh đều có nghĩa thành Phật, cho nên liền lập thệ nguyện rộng lớn, nay ta phải y theo Phổ môn, dùng vô lượng phương tiện, giúp tất cả chúng sanh đều đến "Vô thượng Bồ-đề", khi nào chúng sanh các cõi chưa hết thì sự nghiệp của ta không bao giờ dừng nghỉ, nếu có chúng sanh theo bổn nguyện ta khi phát ra lời thành thật như vậy, cũng giúp sự nghiệp của kia đã làm thảy đều thành Kim cương tánh, cho nên nói là Tam-muội-da.

- Nói trừ chướng: Như Lai thấy tất cả chúng sanh đều có pháp giới Như Lai, chỉ vì một niệm vô minh, thường ở trước mắt mà không thấy biết, do đó phát lời thành thật, nay ta phải đặt ra các thứ phương tiện, khéo vì tất cả chúng sanh vẹt tan màng mắt. Nếu thệ nguyện của ta chắc chắn thành tựu thì khiến chúng sanh tu theo phương tiện của ta. Lúc nói lời thành thật nầy, chúng sanh chỉ trong một đời được đôi mắt sáng suốt, "chướng", "cái" đều hết sạch, do đó gọi là Tam-muội-da.

- Nói nghĩa cảnh giác: Như Lai vì tất cả chúng sanh đều ngủ trong vô minh, đối với công đức như thế không tự giác biết, cho nên dùng lời thành thật để cảm động giúp họ tỉnh ngộ, cũng dùng lời thành thật nầy cảnh giác các hàng Bồ-tát v.v... khiến khởi sâu hang thiền định, học Sư tử nhiều lần co duỗi, nếu có hành giã chân ngôn nói Tam-muội-da nầy thì các Đức Phật chúng ta cũng sẽ ghi nhớ bản thệ, không được trái vượt, giống như quốc vương tự chế pháp rồi, trở lại tự mình tôn kính làm theo, do đó gọi là Tam-muội-da.

- Trì minh: Tiếng Phạn là Đà-la-ni. Minh nghĩa là tổng trì tất cả hạnh Minh môn, cho đến hết Tam-muội-da nầy thệ nguyện đến nay không bao giờ rơi mất, vì thế gọi là "Nhập Phật Tam-muội-da trì minh".

- Câu đầu là quy mạng tất cả các Đức Phật, như trên đã giải thích.

- Câu kế tiếp là nói Vô đẳng

- Câu tiếp theo nói Tam đẳng

- Câu tiếp theo sau nói: Tức là Vô đẳng, tam bình đẳng, Tam-muội-da. Lại nữa, "A" là nghĩa các pháp vốn bất sanh, tức là thể tánh pháp giới. "Bà" là nghĩa chắc thật. "Mê" là nghĩa Tam-muội. "Ma" là nghĩa tự chứng đại không cũng là ngã. Khi Đức Thế tôn chứng Tam-

muội nầy, quán sát kỹ mạn-đồ-la Phổ môn trong tâm mỗi chúng sanh, đều bình đẳng như ta, cho nên càng không đối đãi, không thể ví dụ gọi là "Vô đẳng". Tam đẳng là ba đời bình đẳng, ba nhân bình đẳng, ba nghiệp đạo bình đẳng, ba thừa bình đẳng, tức là chuyển giải thích câu trước, vì thế ý là "vô đẳng". Đán-lý nghĩa là tâm như thật tướng tất cả bụi trần xưa nay bất sanh, các Đức Như Lai trong ba đời dùng các phương tiện thảy đều vì một việc nhân duyên lớn nầy, tức là nghĩa trừ chướng.

- Kết thúc nói Tam-muội-da: tức là Như Lai nhất định giảng nói nghĩa các pháp bình đẳng, cho nên lập thệ nguyện rộng lớn, sẽ giúp cho tất cả được như ta (Như Lai), vì thế muốn khắp vì chúng sanh mở bày tri kiến Phật, cho nên dùng Tam-muội nầy để cảnh tỉnh chúng sanh và các Đức Phật, do đó Tam-muội-da nầy gọi là thệ, giới bền chắc của tất cả Như Lai.

- Nếu trước không niệm trì: thì không được làm tất cả pháp sự chân ngôn. Thế tôn dùng bánh xe thân, ngữ, tâm trùm khắp tất cả cõi Phật để nói Tam-muội-da nầy rồi, tất cả các chúng Phật tử thảy đều nghe, đã nghe như thế rồi, đối với tất cả pháp chân ngôn không dám trái vượt; vì sao? Vì nếu Bồ-tát đối với các pháp chúng sanh có các kiến chấp không bình đẳng thì vượt pháp Tam-muội-da. Nếu đối với thệ bình đẳng nầy mà có các tâm giới hạn, cũng vượt pháp Tam-muội-da, có làm việc gì đều thuận theo danh lợi thế gian, không vì việc nhân duyên lớn, cũng vượt pháp Tam-muội-da, buông lung biếng nhác không cảnh ngộ tâm cũng vượt pháp tam-muội-da. Do vượt pháp Tam-muội-da, nên sanh ra các thứ chướng, mình và người đều tổn hại, không có nghĩa lợi, vì thế các hàng Bồ-tát vâng giữ Tam-muội-da nầy, như giữ thân mạng không dám trái vượt.

- Làm thanh tịnh Như Lai địa: là niệm tụng chân ngôn và bắt ấn liền dứt trừ được phiền não chướng và sở tri chướng.

- Địa Ba-la-mật mãn: là dứt sạch các chướng, đều vì xuất hiện công đức Phật địa.

- Thành tam pháp đạo giới: Tức là Ấn, chân ngôn và Ý mật. Giới đạo: Tức là quả. Hiệp lại mà nói thì thành quả của ba pháp.

Thứ mười một: kết pháp giới sanh trở xuống: là pháp giới sanh chân ngôn môn: là nuôi dưỡng pháp thân, trong đây có bài, tụng ấn chân ngôn.

Kinh chép: Bạc-già-phạm lại nói pháp giới sanh chân ngôn: là trước khi Thế tôn nhập pháp giới thai tạng Tam-muội thì thấy tất cả

chúng sanh đều có hạt giống Bồ-đề như các Đức Phật, vì thế nói "Nhập Phật Tam-muội-da trì minh". Nhờ "trì minh" nầy mà được nhập cảnh giới Phật bình đẳng, tức là gá vào Thánh-thai-tạng. Bấy giờ, Thế tôn lại dùng mắt quán kỹ, thấy tất cả chúng sanh đều đầy đủ Thánh thai sanh trong nhà Phật, lúc ấy vô tận trang nghiêm cũng lại bình đẳng với các Như Lai, xuất định nầy rồi liền nói pháp giới sanh chân ngôn, lại dùng phổ nhãn quán kỹ, thấy mỗi chúng sanh nầy thành tựu đầy đủ sự nghiệp Kim cương, bấy giờ vô tận trang nghiêm cũng lại bình đẳng với Như Lai, xuất định nầy rồi liền nói: "kim cương tát-đỏa chân ngôn", vì thế ba thứ nầy đều gọi là Tam-muội-da. Lại nữa, do nhập Phật Tam-muội-da ở trong Thai tạng không bị thất bại nửa chừng, do pháp giới sanh nên khi vừa ra khỏi thai tạng thì lìa các chướng ngại, nhờ Kim cương tát-đỏa nên đầy đủ các tài năng, giữ gìn gia nghiệp. Lại lấy nhập Phật Tam-muội-da để gia trì Thai tạng Bí mật, dùng Pháp giới sanh gia trì Bồ-tát, Kim cương; hai lớp quyến thuộc lấy Kim cương tát-đỏa gia trì các thứ hình thể tùy theo loài. Nhập Phật Tam-muội-da như Hoa sen tạng, pháp giới sanh như hoa sen nở, Kim cương tát-đỏa như hoa sen chân thật, thành tựu sau trở lại làm hạt giống; vì thế ba thứ nầy gọi là Tam-muội-da.

- Đạt-ma-đà-đổ: là nghĩa pháp giới.
- Tát-phạ-bà-phạ: là tự tánh, cũng gọi là tánh căn bản.
- Cú ngân: là nghĩa ngã.
- Nghĩa câu kia nói ngã tức tự tánh pháp giới, vì chắc chắn do Như Lai giảng nói, ta và tất cả chúng sanh đều là tự tánh pháp giới, là nghĩa bình đẳng, ta thường thiết lập các thứ phương tiện, khiến cho tất cả chúng sanh thảy đều chứng biết, nghĩa bản thệ nầy, do biết ngã tức là tự tánh pháp giới nên có thể dứt trừ tất cả sự phân biệt, khai mở sự hiểu biết đúng đắn. Đó là nghĩa trừ chướng. Các Đức Phật chỉ nguyện nhớ giữ bản nguyện, cho nên khiến thân ta đây liền đồng với tự tánh pháp giới Tỳ-lô-giá-na, ấy là nghĩa cảnh ngộ. Phải dùng chữ Môn giải thích rộng.
- Như tự tánh pháp giới: là để hiển bày thể sở - quán, nghĩa là trí thể mặt trời to lớn.
- Mà quán tự thân mình: là hiển bày trí năng quán của hành giả. Hoặc lấy hai câu chân thật trở xuống, chẳng phải chỉ có ý nghiệp mà cũng dùng miệng tụng chân ngôn.
- Tam chuyển: là ba lần.
- Bốn câu: Phải thấy trú pháp thể trở xuống là nói sự lợi ích hành

giả đã được.

Thứ mười hai: Vì khiến cho họ vững bên trở xuống là Kim cương tát-đỏa chân ngôn môn, là thân của pháp vững chắc, lại có ấn chân ngôn và tụng.

- Khiến cho kia vững chắc: là khiến nương vào pháp giới sanh, người tu hành giữ vững thân tâm mình.

- Quán tự Kim cương thân: Đồng với thân Kim cương tát-đỏa.

- Hai hàng kệ kết ấn Kim cương trí trở xuống là nói đã bắt ấn.

- Hai câu, người nầy sẽ không bao lâu v.v... là hiện ra sự lợi ích của bắt ấn.

- Hai câu chân ngôn ấn v.v... là hiện bày tướng mà đấng cứu thế đã thấy.

- Hai câu, thường như bánh xe báu xoay chuyển v.v... đối với sở kiến của đấng cứu đời nêu việc bánh xe báu sự huống gì bánh xe báu pháp.

- Câu đầu trong Kim cương tát-đỏa chân ngôn môn là nói Kim cương tát-đỏa chân ngôn, cho nên quy mạng tất cả Kim cương đều tức là từ vô lượng môn giữ gìn trí Kim cương Như Lai, đều khiến ghi nhớ hộ trì.

- Câu tiếp theo nói: "Phạt Chiết La đát ma cú ngân" nghĩa là thân ta tức là đồng với Kim cương, chính là tự tánh pháp giới, do thành tựu năng lực bền vững lớn không thể hư hoại, môn khác nói là Kim cang. Như Lai dùng mắt quán thấy trí thể Kim cương của tất cả chúng sanh không khác với Ngài, là nghĩa bình đẳng, vì chúng sanh không tự hiểu biết nên từ vô lượng trí môn Kim cương làm thành các thứ sự nghiệp Kim cương, cần phá diệt chướng lớn như thế, khiến đến "mé thật", đó là nghĩa bản thệ. Mé thật như thế gọi là "Vô cấu nhãn Kim cương", tức là nghĩa trừ chướng. Do tiếng Sư tử hống nầy rung chuyển đến cõi Phật mười phương tức là nghĩa cảnh giác; vì thế gọi là tam-muội-da. Lại nữa, hành giả Chân ngôn, vừa mới theo tam-muội-da thì được thân giống như thân, miệng, ý Bí mật của Như Lai, thứ hai theo Tam-muội-da thì được thân giống như Như Lai gia trì pháp giới lớn tôn trọng đặc biệt, theo Tam-muội-da thứ ba nên khiến sanh thân nầy đều thành Kim cương, cùng vô lượng chúng trì Kim cương mà tự vây chúng quanh quyến thuộc. Phật nói Tam-muội-da thứ nhất là tự thọ dụng. Thứ hai, Tam muội da là thành tựu các Bồ-tát thân pháp tánh. Thứ ba Tam-muội-da là chiết phục nhiếp thọ chúng sanh tuỳ loài. Đức Phật nói Tam-muội-da ban đầu là kiến lập Thai tạng đại bi mạn-đồ-la. Tam-muội-da thứ hai là

làm sự nghiệp A-xà-lê Tỳ-lô-giá-na. Tam-muội-da thứ ba là sự nghiệp đệ tử giữ gìn Kim cương. Tam-muội-da thứ nhất là gia trì quyến thuộc Như Lai, Tam-muội-da thứ hai là gia trì quyến thuộc Liên Hoa, Tam-muội-da thứ ba là gia trì quyến thuộc Kim cương, vì thế Đức Phật dạy ba Tam-muội-da.

- Tức Chấp Kim cương nầy là Kim cương Tát-đỏa.

Chớ sanh tâm nghi hoặc: là hành giả siêng tu khiến tâm tín yên định.

Thứ mười ba: "Kế là dùng chân ngôn ấn" trở xuống là Kim cương giáp trụ chân ngôn môn. Cũng có tụng chân ngôn ấn.

- Hai bài kệ đầu: là hiển bày chung đức của ấn.

- Nửa bài kệ đầu: tướng mật ấn trong đây trở xuống là chính hiển bày tướng của ấn.

- Hai câu tiếp theo kết thúc trước sanh khởi sau.

- Vô cấu: là chữ lãm.

- Kế là nói chân ngôn Kim cương khải: là trang nghiêm thân Kim cương tát-đỏa. Người tu hành đã phát thệ nguyện Kim cương, vì muốn tất cả chúng sanh trừ diệt các chướng, nên tinh tấn mạnh mẽ, được áo giáp mũ trụ Kim cương. Hơn nữa, sáu Ba-la-mật, mỗi ba-la-mật như thật tướng, đều như Kim cương không thể phá hoại, lại trong mỗi "Độ" đều có năm độ, cho nên cùng thể nhỏ nhặt khít khao không có kẽ hở, như: sáu độ, ba mươi bảy phẩm, mười tám Không, một tăm lẻ tám Tam-muội, năm trăm Đà-la-ni v.v... đều phải nói "Độ", vì mặc áo giáp Kim cương như thế, xoay vần sáu đường, ra vào sanh tử, tất cả các khổ phiền não không thể làm tổn hoại.

- Nếu nói theo cạn lược thì do hành giả dùng chân ngôn nầy tự gia trì, nên tất cả các vị trời rồng... đồng thấy thân Kim cương Tát-đỏa khắp thân đều mặc giáp, mũ, trụ Kim cương không giao tiếp ánh sáng như lửa dữ. Cho nên tất cả làm chương ngại đều không tổn hại.

- Phạt-chiết-la: là tên áo giáp Kim cương ca-phạ-già. Như Lai dùng mắt Kim cương quán khắp chúng sanh đều mặc giáp trụ Kim cương nầy, cho nên dùng lời thành thật mà giảng nói, trước hết lấy chữ "phạ" làm thể chân ngôn, phạ là nghĩa các pháp lìa ngôn thuyết, nếu là nói năng hí luận chỗ hành xứ thì đều có thể phá, có thể chuyển, không có bền vững, cho nên dùng chữ phạ đều chuyển để giải thích. Vì sao các pháp lìa ngôn thuyết? Vì sanh không thật có. Tại sao sanh không thật có? Vì tự tánh thanh tịnh, tự tánh thanh tịnh tức là thân Kim cương Tát-đỏa.

- Tiếp theo nói về nghĩa giáp: Nếu pháp là tạo tác mà thành, phải

biết chỉ có giả danh, thay đổi theo duyên, tánh kia còn không tự bền vững, huống gì có thể che giữ tên sắc sáu trần. Nay quán Kim cương thể vô tận trang nghiêm nầy thảy đều lìa các tạo tác, vì thế vững bền không hư hoại, "bách - phi" đã không xâm phạm, cho nên nói là Kim cương giáp trụ (áo giáp, mũ trụ Kim cương).

Cuối cùng chữ "Hồng" tức là tiếng không lo sợ, cũng là nghĩa năng lực tự tại, cũng là nghĩa vui mừng. Do định tuệ đầy đủ, khi chứng môn chữ "Hồng" nầy tự biết nhất định phá hoại được các chướng, che chở khắp chúng sanh; do đó rất vui mừng.

Thứ mười bốn: "Chữ la mầu trắng tinh" trở xuống là Lãm tự chân ngôn môn. Cũng có tụng chân ngôn, một bài kệ đầu là nói chỗ đặt để. Một câu đầu trong bài kệ nầy là chỉ cho chữ: thể, sắc, tướng, rõ ràng sáng sạch.

- Một câu kế tiếp: là nói cách dùng chữ "trang".

- Như kia: là Kim cương.

- Một câu tiếp theo, nói lên chỗ chữ Lãm mà người trì tụng đặt bày.

- Một bài kệ từ "dù trong trăm kiếp" trở xuống là hiện bày sự lợi ích đã được của người trì tụng.

- La: là vật dơ.

- Ở trên dấu chấm là nghĩa hư không: nghĩa là lìa cấu đồng với hư không (bầu trời). Đó là nghĩa pháp giới tâm, cũng gọi là chỗ Vô cấu tự, chân ngôn đồng pháp giới, tức là nói ở ngoài chân pháp giới thì chân ngôn kia không từ đâu đến, cho nên dưới đây nói Vô lượng tội tiêu trừ, nghĩa là hiển bày đức dụng của chân ngôn.

- Hai câu "không bao lâu" là nói địa vị trí người trì chân ngôn đã đạt được.

- Hai câu "tất cả chỗ dơ bẩn v.v..." là nói người trì tụng khi ra vào nơi nhơ bẩn phải dùng pháp để nghiêm thân.

- Hai câu "mầu đỏ" là tướng ánh sáng vây quanh chữ Lãm. Chữ "lãm" là sử dụng chữ Phạn, theo phẩm Cúng dường Nghi thức chép: lúc bấy giờ quán chữ "Lãm", đầy đủ các điểm trang sức, nghĩa là ánh sáng trong sáng chói lọi như ánh sáng mặt trời buổi sáng. Phẩm Trì tụng pháp tắc chép: Chữ "Lãm" là ánh sáng mặt trời mới mọc, màu đỏ ở ba góc, gia trì "bản tâm vị", ấy gọi là ánh sáng trí tuệ. Phẩm Nhập mạn-đồ-la Cụ duyên chân ngôn chép: Đều đội chữ Vô Cấu, trang nghiêm dùng chấm đại không xoay quanh bày ra ánh sáng chói lọi, tự môn sanh ánh sáng trắng, lưu xuất ra như mặt trăng tròn. Lời sớ nói: Lại quán trên đảnh

kia có một chữ “lãm”, trên chữ có dấu chấm, cho nên nói trang nghiêm dùng chấm đại không, đây là chữ “lãm”. Khắp bốn bên có ánh sáng, giống như tràng hoa liền nhau không đứt quãng, trong chữ lại khắp lưu xuất ra ánh sáng trắng, như ánh mặt trăng tròn sáng, đem tịnh pháp giới tâm nầy để gia trì có công năng trừ được các chướng trong ngoài, nói là nghĩa thấm nhuần lợi ích. Phẩm Tất-địa xuất hiện chép: Thứ nhất nhiếp trừ tướng đặt chấm đại không, chữ “La” chân thắng chân thật, Phật dạy trên hết trong lửa; thứ hai nói chữ la trừ chướng mạn-đồ-la, là pháp chân thật bậc nhất trong sự trừ chướng, chữ “la” nầy là thiêu đốt trong lửa cháy, trong lửa cháy đỏ hết sạch không còn; do có thể đốt sạch các thứ phiền não, nghiệp khổ; cho đến hiện nay gây ra năm tội- Vô - gián, nếu tu tựu môn nầy cũng có thể trừ sạch không có dư thừa, đã trừ tội rồi thì sanh các công đức lành.

Thứ mười lăm: “Kế là hàng phục ma” trở xuống là vô kham nhẫn đại hộ minh môn. Cũng có tụng chân ngôn, trong đây hàng phục ma có bốn thứ: phiền não ma, ấm ma, thiên ma và tử ma.

- Không thể chịu đựng nổi: Ma quỷ... thấy người trì tụng chân ngôn nầy, mở mắt muốn thấy thì không thể thấy, cho nên nói “Vô kham nhẫn minh”. Khi pháp sự Mạn-đồ-la đã cần chi phần môn chân ngôn. Lúc bấy giờ, Tỳ-lô-giá-na lại quán tất cả hội chúng bảo với Chấp Kim cương, bí mật chủ v.v... trở xuống là nói khi pháp sự Mạn-đồ-la đã cần chi phần chân ngôn, A-xà-lê phải hiểu rõ cho nên nói sau, đem hiển bày tạng mật ngữ của Như Lai, cho nên quán khắp đại chúng mà gia trì, như sanh thân Đức Phật, khi sắp phát lời thành thật thì hoặc hiện ra tướng lưỡi rộng trùm khắp mặt mà bảo với người đáng độ rằng, trong kinh sách ông có thấy người nào có tướng như thế mà phát ra lời luống dối không? Như trong Đại thừa thị hiện tướng lưỡi trùm khắp Tam thiên thế giới. Nay, Thế Tôn sắp nói lời bình đẳng của Như Lai, đem lời nầy lần lượt rộng ngang cùng khắp tất cả pháp giới.

Nói rằng tướng ngữ luân dài rộng, tướng nầy bản chữ Phạn chính là nói Mạn-đồ-la. Trước đã mở bày khắp môn thân Mạn-đồ-la, nay lại hiển bày khắp môn ngữ Mạn-đồ-la. Như hạt châu như ý vắng lặng vô tâm, cũng không có tướng định, mà có thể ứng khắp tất cả đều xứng đẹp tâm người, nên gọi là sắp đẹp Ma-ni, từ sắc đẹp Ma-ni thân phát xuất ra sắc đẹp ma-ni ngữ, bày ra sắc đẹp Ma-ni tâm, mưa khắp pháp tài, chúng sanh khắp pháp giới có nhiều thứ mong muốn, dấu vết ứng vật như thế thường trùm khắp mười phương ba đời, dùng vô lượng môn trồng các gốc “đức” không khi nào cùng tận, trú trong hạnh không thể tổn hại, tức

là nghĩa đối với tất cả sự nghiệp đều không thể gây cản trở, không thể phá hoại, vì thế nói ba đời không thể sánh với năng lực một câu chân ngôn; đây là nói chung các chỗ đã phát sinh ra chân ngôn. Đến văn dưới sẽ nói đại lực, đại hộ v.v... Tức là dụng xứng cơ từ Như ý châu luân của Như Lai phát ra. Lúc bấy giờ, tất cả đại chúng tự biết, tâm khí hoàn toàn trong sạch, lại nhờ năng lực gia trì không thể suy nghĩ bàn luận của Như Lai cho nên lãnh thọ được pháp lớn, bấy giờ, dùng Vô lượng môn mỗi vị đều đồng thanh thỉnh Đức Phật rằng, Thế Tôn! Bây giờ chính là đúng thời, bậc Thiện-Thệ! bây giờ chính đã đúng thời. Theo bản chữ Phạn thì lúc trước gọi là Ca-la, đó là lúc thích hợp nhất, như một năm có ba phần bằng nhau, thời sau gọi là tam-ma-da, đó là thời nhỏ trong các thời. Như trong ngày đêm sáu thời, lại canh có ít phần v.v... Như có người nói: Bây giờ chính là lúc làm việc, gặp được ân mưa móc, đến thời thích hợp để gieo trồng, chớ để mất cơ hội ấy, cho nên nói lại. Bấy giờ, Thế Tôn đã thọ thỉnh rồi, sắp nói đại lực đại hộ minh- phi, trụ trong mãn tất cả nguyện xuất ra tướng lưỡi dài rộng trùm hết tất cả cõi Phật, cờ pháp thanh tịnh, cao phong quán tam - muội. Trong đây nói xuất: Bản Phạn phiên dịch đúng nên nói là phát sanh, bản dịch xưa nói, hoặc mạnh mẽ, phát ra tướng lưỡi dài rộng nầy, tức là Như Lai mạnh mẽ thị hiện năng lực đại thần thông, cho nên hội ý mà nói. Tam muội nầy đối với tướng lưỡi dài rộng trùm khắp tất cả cõi Phật của Như Lai ma-ni phổ môn, là trên hết trong các đại dụng giống như cờ của vị đại tướng, cho nên nói cờ pháp thanh tịnh. Tiếng phạm nói là Đà-phạ-nhạ, Hán dịch là “tràng”. Tiếng Phạn Kế- đô, Hán dịch là “Kỳ”, hơi khác với tướng kia, tràng chỉ dùng các thứ tơ năm mầu xen lẫn để trang nghiêm cột cờ, đại khái giống như kế - đô nhưng lại thêm tua cờ mật hiệu, như nhà binh vẽ làm hình các loài như: rùa, rồng, chim thú v.v... để làm chừng mực trong ba quân, có một nhà cũng dịch là “Tràng”, cho nên hiệp lại để nói. Nếu hiện nay bản Phạn đầy đủ thì nên nói ”Thanh thịnh pháp tràng kỳ: như vị đại tướng trên núi cao xây dựng cột cờ, thấy đủ hình dáng núi, sông nơi nương dựa ẩn núp của kẻ địch, chỉ huy chúng trăm, muôn, động dừng như nhau, lìa hiệp do tâm, dùng chiến ắt thắng, dùng công ắt thủ, nếu tướng vụng về đối với sự thế lại mất cột cờ, thì mỗi người tâm thua trận lạ lùng không trở được gót chân. Tâm Bồ-đề thanh tịnh nầy làm cột cờ muôn hạnh cũng giống như thế, trú ở trên núi trung đạo đệ nhất nghĩa đế, yên định vững chắc không lay động, thực hành tam-muội, quán khắp mười phương, đều thấy vô lượng độ môn, chủng tánh hơn kém, chỗ đã ứng dụng và nhân duyên chướng đạo thông suốt,

bít lấp ở các “địa”, cho nên có thể nhiếp trì vô lượng công đức, khắp hộ vô lượng chúng sanh. Hễ có làm gì thì không thể làm trở hoại. Bấy giờ, Đức Thế Tôn nghĩ rằng ta từ khi mới phát ý đến nay thường dùng tâm Bồ-đề mạnh mẽ nầy hộ trì chánh pháp và các chúng sanh, trong các nạn xứ thực hành việc khổ hạnh, giống như Kim cương không có lui sụt, chính vì thành tựu tam-muội như thế nên che chở khắp các cõi Phật ở mười phương. Nay chỗ nguyện của ta đều đã đầy đủ hoàn toàn, làm việc đáng làm, nay chính là đúng lúc. Nói câu trì minh pháp nầy, như ta đã nói thành thất không luống dối, kia có tụng trì tu tập, khiến thế lực của kia không khác với ta, vì thế gọi là đại lực đại hộ. A-xà-lê nói: Minh là nghĩa trí tuệ rộng lớn sáng suốt. Phi, tiếng Phạn là “La-thệ”, tức là chữ vương làm giọng nữ mà gọi, vì thế nghĩa truyền độ nói là phi. Phi là nghĩa Tam-muội, đó là đại bi Thai tạng Tam-muội. Tam-muội nầy là mẹ của tất cả Phật tử; Phật tử nầy chính là “thanh tịnh pháp tràng Bồ-đề tâm”. Như Thai tạng kia, bắt đầu từ khi Ca-la-la chứa đựng giữ gìn, khiến không bị các duyên làm thương tổn, dần dần lớn lên, cho đến sau khi sinh ra còn hết sức giữ gìn nuôi dưỡng hơn nữa, vì thế nói ân mẹ rất sâu khó báo đáp được.

Từ tam-muội nầy: khi nhập, trú, xuất đều là pháp giới không thể suy nghĩ bàn luận, không phải như Thiền định thế gian có động, tịnh ngại nhau, có khi lui sụt xen kẽ.

- Câu đầu là quy mạng tất cả các Như Lai.
- Câu thứ hai là có công năng dứt trừ tất cả các chướng sợ hãi v.v... Đó là khen ngợi đức đại lực đại hộ của tất cả Như Lai.
- Lại câu tiếp theo là khen ngợi vô lượng độ môn.

Tỳ-thấp-phược, cũng là nghĩa khéo đó là vô lượng xảo độ môn, tức là nghiệp dụng Phổ môn, Tam-muội Pháp tràng cao phong quán, nay muốn nói Minh phi nầy, cho nên trước quy kỉnh công đức tất cả Như Lai như thế.

Tiếp theo nói: “Tát - bà - tha”, là chỉ chung công đức của chư Phật như thế, muốn khiến cho đồng nhập một tự môn.

Kế tiếp có hai chữ “hàm khiếm”, chính là thể chân ngôn, cũng gọi là hạt giống.

Các câu ở dưới đều giải thích hai tự môn.

Chữ “ha” là nghĩa “nhân”, có chỗ nói nhân Đại thừa: tức là tâm Bồ-đề, vì tất cả “nhân” vốn bất sanh, cho đến xa lìa nhân duyên gọi là Tâm Bồ-đề thanh tịnh. Tâm Bồ-đề thanh tịnh là hạt giống để thành Phật, là nhân chân thật của ngọn cờ chánh pháp, cho nên chuyển thanh

là "Hàm". "Khư" là đại không, ở trên thêm dấu chấm chuyển thanh là "khiếm", tức là chứng đại không nầy gọi là Bát-nhã Phật mẫu, chính là nghĩa "Minh- phi". Ở trong hư không tạng nầy nuôi dưỡng chính nhân chủng tử, tức là nghĩa "Đại hội"). Lại nữa, môn chữ "khư" giống như hư không rốt ráo thanh tịnh không chỗ nào không có, tức là cảnh giới mà cao phong quán biết được. Chữ "Ha" là cờ Bồ đề cũng là năng lực tự tại, vì hai chữ nầy tương ưng, giống như vị đại tướng có khả năng phá tan oán địch. Lại tự môn Ha là tâm Bồ-đề quý báu, cùng tự môn "khư" hư không tạng hòa hiệp nên được thành Ma-ni có sắc đẹp, có thể đầy đủ tất cả ước nguyện. Nay trong chân ngôn nầy thiếu chữ "Khiếm" nầy, văn dưới có đầy đủ.

- Câu kế là La-khất-sái, tức là nghĩa ủng hộ; như người bị ách nạn sợ hãi, nếu cậy nhờ người có sức mạnh, hoặc được thành cao, ao sâu bền chắc thì an vui không lo sợ, các kẻ thù kia dù dùng các thứ phương tiện nào cũng không sánh bằng. Người tu hành cũng giống như vậy, nương nhờ vào tâm Bồ-đề vương, dùng Bát-nhã Thai tạng làm thành quách, giống như hư không không thể phá hoại, tức là chuyển thích nghĩa trước.

- Câu kế là, "Ma-ha-mạt-lệ", Hán dịch là "đại lực". Chữ "ha" chỉ cho tâm Bồ-đề đầy đủ tất cả năng lực Như Lai; nay hòa hiệp với chữ "khư", cho nên xa lìa các sự trói buộc vô quái ngại, như giữa hư không gió xoay chuyển tự tại, vì thế gọi là đại lực, lại nữa, năng lực tự tại của chữ "Ha" hòa hiệp với vô lượng xảo độ môn của chữ "Khư", do đó giống như lực sĩ đầy đủ ngàn thứ tài năng, cho nên nhiều người không thể thắng được, vì thế gọi là Đại lực.

- Câu kế là giải thích nguyên nhân của đại lực, do đó nói từ nơi tất cả công đức của Như Lai sanh ra, nói đại lực vững chắc nầy vốn từ chủng tánh Kim cương của các Đức Phật sanh ra, lại từ vô lượng kiếp đến nay thường dùng chánh nhân chữ "Ha" nầy để tu đầy đủ muôn của chữ "Khư", mỗi chữ đều như Kim cương không thể phá hoại; nay các đức đã tròn đầy, các năng lực đều đủ, lại phải dùng đỉnh cao cờ pháp nầy quán tam-muội, diệt hết pháp giới oán địch, hộ khắp chúng sanh, sau đó phát lời thành thật, đó gọi là chữ Hồng, Hồng là tiếng sợ hãi.

- Cho nên nói lại: 1. Là diệt hết ngoại chướng; 2. Diệt hết nội chướng; lại nữa ngoài là phiền não, trong là trí chướng, nếu giải thích tự môn, Như Lai dùng pháp nào để trừ các chướng? Đó là dùng tự môn Ha nầy.

Dưới có vẽ tam-muội, tức là tu đủ muôn hạnh, trên có dấu chấm

"đại không", tức là đã thành muôn đức, chữ Ha tức là cây cờ pháp tam-muội, dấu chấm không hòa hiệp, do đó chính là ở đỉnh cao quán tam-muội.

- Đầy đủ tất cả hạt giống Như Lai: Dấu chấm tên là mẹ của "Minh phi", dưới vẽ là Thai phần mỗi ngày thêm nhiều, đầy đủ nghĩa như thế, cho nên ngay khi phát ra lời, ma quân đều tan hoại.

- Kế là nói Đát-la-tra, là nghĩa tra ha nhiếp phục, như khi sư tử nổi giận rống lớn thì các loài thú đều nhiếp phục.

- Cũng nói lại: là đối trị phiền não căn bản, tùy phiền não, cho đến đối trị phiền não bên trong, phiền não bên ngoài.

- Câu cuối cùng nói: A-bát-la-để-ha-đế, là nghĩa năng lực không đối trị không so sánh, kết thúc lại văn trên. Vì nhân duyên nầy cho nên gọi là "Đại lực đại hộ Minh phi".

- Ta ha: là báo cho biết cácĐức Phật đã chứng minh cũng là nghĩa ức - niệm trì (nhớ nghĩ giữ gìn), như trước đã giải thích. Kinh dạy: Khi tất cả các Như Lai và chúng Phật tử nói "Minh" nầy rồi, ngay lúc ấy khắp cả cõi Phật rung chuyển sáu cách, nghĩa là khi Đại Nhật Như Lai phát ra lời nầy khắp cả pháp giới, các Đức Phật, Bồ-tát do cảnh giới bất - nhị, nên đều đồng thanh cùng nói. Nay pháp gia trì nầy oai thế đầy đủ, lại vì Như Lai nói lời thành thật, cho nên ngay lúc ấy các cõi Phật mười phương rung chuyển sáu cách, để biết đại thệ của Phật là chân thật không luống dối, nghĩa rung chuyển sáu cách và tướng của nó các kinh khác có nói đầy đủ. Nay nương vào Tông Bí mật nầy giải thích rung chuyển sáu cách, nghĩa là sáu phiền não căn bản là tham, sân, si, kiến, mạn, nghi; tâm địa của tất cả chúng sanh thường bị lớp bụi nầy giữ lại nên không thể tự khởi, nay nhờ cảm động đến lòng thành thật của Thế tôn, khiến lớp võ bọc bị xé tan, mầm giống Phật sanh, cho nên nói rung chuyển sáu cách. Bấy giờ, tất cả Bồ-đề thấy hai thứ nhân duyên động đất sâu kín và cạn cợt, tâm đều tự khai mở được điều chưa từng có, dùng kệ vi diệu khen ngợi trí tuệ của Thế tôn. Song, kinh dạy: ở trước các Đức Phật: nghĩa là khi Phật nói Minh nầy, các vị Bồ-tát v.v... trong các thế giới mười phương mỗi vị đều thấy Đức Phật kia, ở trước cũng đều nói, cho nên đồng một âm thanh, cùng một lúc nhận hiểu, tức là nhờ vào văn nầy mà chứng, thành oai lực tự hộ. Trong kệ nhận hiểu, các Đức Phật rất đặc biệt đầy đủ trong bản Phạn, nên nói kỳ lạ thay tất cả các Đức Phật nói năng lực hộ trì lớn lao nầy, ngay lúc ấy các vị Bồ tát trong mỗi thế giới đều cùng lúc nhận hiểu, tất cả các Đức Phật trong mười phương đều nói chân ngôn, vì các Đức Phật trong mười phương

cùng hộ trì, giống như thành Kim cương lầu gác cao không thể tiến lên, lại vây quanh dùng hồ nước nóng sâu thì không thể đến, cho nên tất cả các chướng không thể xâm hại.

- Do bỉ hộ tâm trụ: nghĩa là những người tu hành có thể dùng chân ngôn mật ấn nầy giữ gìn thân tâm mà an trụ.

- Cho nên tất cả là chướng: nghĩa là các Tỳ-na-dạ-ca, ác hình la-sát v.v... tự nhiên tan lùi. Chữ trụ nầy nếu nương vào tiếng Phạn cũng còn tên, để giữ gìn tâm kia.

- Nếu giải thích sâu: là nói tâm Bồ-đề thanh tịnh nầy, người dùng thật nghĩa "Minh phi" nầy giữ tâm mà trú nên ba thứ chướng nặng, các ác la-sát v.v... đều bị xua tan, không thể làm tổn hại căn lành của người đó. Dưới cho đến khi sanh tâm nhớ nghĩ, cũng có thế lực như thế. Cho nên câu cuối lại kết thúc thành tựu. Do vừa nghĩ nên bắt đầu từ Nam-ma cho đến Sa-ha, trong khoảng giữa đó thì nói là "tài" (vừa mới).

-Tất cả kia: là loại Tỳ-na-dạ-ca.

- Tan ra đi khắp: Tan ra đi khắp trong mười phương, không biết chỗ đi.

■

KINH TỲ-LÔ-GIÁ-NA PHÁP THỨ TỰ CÚNG DƯỜNG THỨ ĐỆ PHÁP SỚ

QUYỂN HẠ

PHẨM THỨ BA: CÚNG DƯỜNG NGHI THỨC

Giải thích phẩm này cũng chia làm bốn phần.

1. Giải thích tên gọi:

2. Nguyên nhân phát sanh phẩm.

3. Tông thú.

4. Giải thích văn

1. Giải thích tên: gọi người tu đạo cúng dường hợp với biển Thánh, biển Thánh hoan hỷ thọ nhận. Bắt đầu cúng, một thứ cúng, các thứ cúng dường đầy đủ cả biển Thánh, cho nên nói phẩm cúng dường nghi thức; gọi là cúng dường có ba thứ.

a. Ngoại cúng dường: nghĩa là: hương, hoa, thức ăn uống, cho đến thắp đèn trang nghiêm đạo tràng, v.v....

b. Hạnh cúng dường: nghĩa là như lời dạy vâng làm, cho đến lễ bái giữ giới....

c. Lý cúng dường: nghĩa là tâm trú pháp thể không phan duyên bên ngoài.

2. Nguyên nhân phát sanh phẩm nầy: phẩm trước giữ gìn che chở người giữ giới, chính là khi cúng dường, cho nên có phẩm nầy.

3. Tông thú: hết lòng cúng dường Bổn tôn, bổn tôn lãnh thọ, lấy đó làm Tông; đời sau thành Phật là Thú.

4. Giải thích văn: cũng có hai môn, trước là nêu nhiếp tụng, sau là nói riêng (biệt thuyết).

Nhiếp tụng có: ba bài rưỡi.

- Câu một nói: chánh nghiệp như thế thanh tịnh thân mình, là thuộc về biệt thuyết, hiện tiền quán chữ “la”... có ba bài kệ rưỡi.

- Câu hai nói: trụ định quán bổn chân ngôn chủ: là thuộc về biệt

thuyết, đầu tiên ở hạ vị cho đến tuỳ loài mà tương ưng.

- Thứ ba: hoặc quán các Đức Phật thắng sanh tử v.v... gồm hai câu, thuộc về biệt thuyết, như quán thế tự tại cho đến nương vào pháp trước mà chuyển.

- Thứ bốn: Dùng chân ngôn ấn mà triệu thỉnh: gồm một câu, thuộc về biệt thuyết sau dùng chân ngôn ấn cho đến chúng sanh tâm không lành.

- Thứ năm: Trước nêu đương thị hiện Tam-muội-da: gồm một câu, thuộc về biệt thuyết, sau tôn thờ Tam-muội-da cho đến các Minh vui mừng.

- Thứ sáu: Cúi đầu dâng hiến nước át-già:gồm một câu, thuộc về biệt thuyết, nước Át-già dâng lên cho đến Tam-ma-sa-ha.

- Thứ bảy: Hành giả lại hiến tòa chân ngôn: gồm một câu, thuộc về biệt thuyết, kế đến là vâng trải tòa cho đến chính là ấn Liên hoa.

- Thứ tám: chân ngôn tương ưng trừ chướng, lại dùng ấn bất động tuệ lực: gồm hai câu, thuộc về biệt thuyết, kế đến phải xa lánh trừ bỏ cho đến tất cả đều được hô trì khắp.

- Thứ chín: Kế đến nêu cúng dường hương hoa v.v... gồm bốn câu, thuộc về biệt thuyết và và cúng dường khác cho đến cuối phẩm không nên phỉ báng, sanh nghi ngờ hối tiếc.

Y cứ theo biệt thuyết thì:

Đoạn một: Lược nói nơi tâm năng quán an trụ và nơi Bản tôn sở quán an trụ.

Trong đoạn thứ hai: có năm phần.

a) Ba bài tụng và ba chân ngôn: là thế giới thành tựu môn.

b) Luân nầy như Kim cương cho đến chữ A đặt trong đó: là trang nghiêm đạo tràng môn.

c) Nên chuyển chữ A cho đến tự nhiên phát kế quan: là Thành họa Đại nhật môn.

d) Hoặc Thích-ca Mâu-ni cho đến nơi chân ngôn giả an trụ: là thành họa Thích-ca môn.

e) Hoặc trì Diệu cát tường cho đến chữ mãn là thành họa Văn-thù môn.

1. Sơ môn, đầu tiên ở hạ vi: có thể thành phong luân của thế giới. Phong luân ấy: là chữ "Ha", chỗ bắt đầu đặt nửa vầng trăng.

- Hắc quang diệm chiếu khắp: đó là ánh sáng chữ "Ha". Chữ Ha ở trong Chân ngôn môn, chữ Ha là cờ Bồ-đề, cũng là năng lực tự tại, giống như vị Đại tướng có thể phá tan kẻ thù, lại nữa, chữ "Ha" là tâm

Bồ-đề quý báu, giống như Ma-ni vương có công năng đầy đủ tất cả mong cầu.

- Kế là ở trên: có thể thành thế giới thủy luân.
- An thủy luân: chữ "phạ" đã đặt vầng trăng tròn.
- Tuyết nhũ: là mầu trăng tròn.
- Phả chi nguyệt điện quang: là màu chữ Phược, chữ "phạ", là nghĩa các pháp lìa ngôn - thuyết, vì "sanh" không thật có. Vì sao sanh không thật có? Vì tự tánh thanh tịnh tức là thân Kim cương tát-đỏa, cho nên bền chắc không hư hoại, "bách phi" không thể vượt qua.
- Ở trên thủy luân: là địa luân.
- Kim cương luân: Luân ở bốn phía chữ A.
- Chũa bản sơ: là chữ A.
- Mầu vàng: màu chữ A.
- Tỳ-lô-giá-na chân ngôn tâm môn: Tỳ-lô-giá-na nói chân ngôn tâm. Do các chân ngôn v.v... như trên tùy trong mỗi chân ngôn có chân ngôn căn bản, Chân ngôn Tâm, chân ngôn tùy tâm, những thứ như thế vô lượng vô biên không thể đếm hết; nay nói chung chân ngôn tâm, tức chữ A nầy là nghĩa các pháp vốn bất sanh. Nếu lìa tiếng A thì không có chữ khác, tức là mẹ của các chữ, tức là chỗ sanh ra tất cả chân ngôn, nghĩa là tất cả pháp môn và tâm Bồ-tát v.v... đều từ tự thể Tỳ-lô-giá-na, vì muốn nhiều lợi ích cho chúng sanh, nhờ năng lực gia trì mà hiện ra việc ấy. Nhưng thật ra ngay nơi thể bất - sanh, đồng với pháp thể của chữ "A". Chữ nầy ở trong chân ngôn rất thượng diệu (nhiệm mầu hơn cả) cho nên hành giả chân ngôn thường phải thọ trì như thế, vì thế tất cả chân ngôn trú trong chữ A vẫn trụ ở đây, cho nên đọc tụng liền sanh đức tất cả chữ khác.

2. Trang nghiêm đạo tràng môn.

- Như Kim cương: là như lý.
- Đại Nhân-đà-la: là lý đầy đủ nghĩa đức.
- Đều lưu xuất cùng khắp: là ánh sáng do chữ A đã xuất ra.
- Ở trong đó: chỗ xuất ra ánh sáng.
- Đạo sư các Phật tử: Tôn vị do ánh sáng làm ra.
- Thủy: có khả năng quán định.
- Bạch: là lý vốn bất sanh.
- Liên: là lý lìa nhiễm trước.
- Sắc mầu: là lý sáng suốt
- Kim cương hành: đều là lý.
- Tám tánh: lược hiển bày đức của Phật Tỳ-lô-giá-na.

- Có tua nhụy: hằng sa tánh Đại bi (tánh đại bi nhiều như cát sông Hằng).
- Các báu: là lý đức nhiều như cát sông Hằng.
- Thường xuất vô lượng quang: Phật, Bồ-tát trên Phật phát ra.
- Trăm ngàn các hoa: là chỗ ngồi của vị hóa chủ.
- Ba bài tụng bên phải hiện bày đức chữ A.
- Trên kia dùng bốn bài tụng dưới để hiển bày đạo tràng trang nghiêm.
- Toà Đại giác sư tử: tức là nghĩa Sư tử có khả năng hàng phục phiền não.
- Bảo vương: là có công năng đầy đủ nguyện của chúng sanh.
- Cung điện lớn: là cung pháp giới Kim cương.
- Cột báu: là các Ba-la-mật.
- Cờ lọng: Cờ có khả năng hàng phục, lọng: có thể làm lợi ích.
- Tràng-châu: là phương tiện Ba-la-mật...
- Bảo y: là nghĩa lìa lỗi. Vì sao?
- Vì mình tự lìa lỗi và lìa lỗi cho người.
- Hương: là giới.
- Hoa: là tuệ.
- Vân: là là chầm chậm.
- Các báu: là bốn pháp nhiếp như: Bố thí, v.v...
- Các thứ hoa: là bốn tâm vô lượng như: từ bi, v.v...
- Nghiêm địa: sanh thành Phật trí trụ trì.
- Lăng xăng: là nghĩa nhiều thứ bày ra.
- Âm thanh được ưa thích: là không những có vật báu mà có thể thường phát ra âm, các âm thanh thường, lạc, ngã, tịnh.
- Các âm nhạc: người nghe nhĩ căn được thanh tịnh.
- Hiền bình: Tất cả đều có trí tuệ.
- Át-già: có công năng rửa sạch bụi phiền não.
- Hai bài tụng: "Cây báu nở hoa trởa xuống"... là hiển bày tài năng và công đức của vị Hóa chủ.
- Câu đầu là hiển bày ngay tài năng của vị Hóa chủ.
- Đèn Ma-ni: là mầu vàng ở cõi Diêm-phù-đề.
- Tam muội: là định.
- Tổng trì: là tuệ.
- Tam-muội, tổng trì tức là địa.
- Thể nữ: tức là trí bát-nhã. Trí: nghĩa là có công năng nuôi dưỡng.

- Phật Ba-la-mật: là chân ngôn Phật bộ.

- Đẳng là nhận lấy bình đẳng các Kim cương.

- Hoa mầu Bồ-đề trang nghiêm: là chân ngôn Liên hoa bộ, Bồ-đề là Sở giác, hoa Diệu nghiêm là Năng giác.

- Phương tiện: là thích ứng với căn cơ.

- Chúng kỹ: là năng thuyết.

- Pháp âm nhiệm mầu chân ngôn các Đức Chư Phật.

- Một bài tụng: Dùng năng lực công đức của ta trở xuống là hiển bày công đức pháp lực của tự, tha có thể biết. Trên giải thích sự sâu kín của đạo tràng trang nghiêm, giải thích cạn lược có thể biết. Phát nguyện thì như trên đã nói.

Tiếp theo là giải thích hư không tuế chuyển Minh phi chân ngôn môn. Kinh chép: Lúc bấy giờ, Như Lai lại nói: Hư không tạng lực, hư không tàng chuyển, minh phi chân ngôn rằng, giống như hư không không thể phá hoại, tất cả không thể hơn được cho nên gọi là năng lực hư không v.v...

- Lại, tàng: như người có kho báu lớn, tùy theo ai muốn dùng bao nhiêu thì tự tại lấy, không để bị nghèo thiếu. Kho hư không của Như Lai cũng giống như thế. Tất cả sự lợi ích của chúng sanh đều từ trong đó lưu xuất ra, vô lượng pháp báu lấy xài dùng tự tại mà không cạn hết, vì thế nói là hư không tạng.

- Chuyển Minh: Chuyển là nghĩa năng sanh, năng sanh tạng nầy, năng sanh tất cả Phật sự.

- Như bi nguyện đã phát trước kia: nghĩa là như khi dâng một cành hoa cúng dường, vận tâm khắp tất cả các đức Phật và Thánh, phàm, đều dâng cúng rồi liền hồi hướng trí "nhất thiết trí".

- Những người nhận ta bố: Nguyện đem năng lực nầy khiến con được nguyện như trên, nguyện như thế rồi, lại thêm vào chân ngôn nầy thì đều thành tựu. Ban đầu lễ kỉnh tất cả các Đức phật và những môn khéo tát-phạ-tha, khiếm-ổ-đặt-yết-đế, tát-phán-la-ê-môn, già-già-na kiếm, đây chính là nghĩa năng lực hư không, đối với tất cả "pháp không" mà sanh ra vật nầy, khắp lợi ích cho tất cả chúng sanh. Người trì tụng môn nầy tùy theo dâng một cành hoa lên cúng khắp cả pháp giới, trên dâng cúng tất cả Thánh, Hiền, dưới bố thí tất cả hữu tình rồi, bên trong phát nguyện lớn như trên, lại thêm chân ngôn nầy thì đều được thành tựu; như từ trong kho tự lấy vật báu đều tùy theo ý mình. Tụng môn nầy ba biến, tùy theo sự nhớ nghĩ kia cũng đều thành tựu, hễ dâng cúng hoa v.v... thì dùng ba thứ năng lực hồi hướng và lại thêm "Minh" nầy, thì tất

cả đều theo ý muốn thành tựu cả, nghĩa là dâng hoa cúng dường tất cả các Đức Phật v.v... thì tự tại thành tựu.

- Do đây trì tất cả: Đây là chân ngôn ấn. Tất cả là chỗ dâng hiến cúng dường.

- Chân thật: Như trong cung pháp giới Kim cương cúng dường.

- Hai câu: Tất cả pháp bất sanh v.v... là hiện bày nghĩa chữ “A”.

- Tưởng niệm: là tâm năng quán

- Đặt ở trong đó: là tám cánh sen trong đài.

3. Thành họa đại Nhật môn.

- Kế nêu chuyển chữ A: Kế là pháp vốn bất sanh, dứt ngôn, vắng tướng, tâm hành cũng diệt, giả nói là cường đạo, pháp đại bi ứng cơ hiện bày, nghĩa là có công năng hiện chữ “A”. Kế nêu lưỡng túc, chúng sanh là lưỡng túc, tức chuyển chữ A thành “Lưỡng túc tôn” cho nên nói kế nêu chuyển chữ A thành “Đại nhật Mâu-ni”.

- Ánh sáng tròn đầy: Ánh sáng mặt trời tròn đầy giống như chiếu gương sáng, ở trong gương sáng đều hiện ra muôn vật, huống gì ánh sáng tròn đầy của Như Lai bụi trần vốn không sanh khởi.

- Thiên giới: là Tam thiên đại thiên thế giới.

- Tăng số: là đại thiên làm một số, cho đến không thể nói không thể nói.

- Quang diệm: nghĩa là pháp gây ra.

- Lưu xuất: là từ Đại Nhật phát ra.

- Luân: là nghĩa đầy đủ các đức, nghĩa là hàng phục phiền não, sanh ra mầm lành nên gọi là “chuyển”.

- Quang minh: là thân nghiệp.

- Giúp khai ngộ: vì khẩu nghiệp cho nên nói thân ngữ trùm khắp tất cả.

- Mầu vàng Diêm-phù: từ ao Diêm-phù xuất ra vàng, ao nầy ở gần bên cây Diêm-phù, do đó mà đặt tên, ở trong các loại vàng nó quý hơn tất cả.

- Ngồi Kiết-già: phàm phương pháp ngồi trong chùa của bậc Thánh thiện, Tam tạng hòa thượng phía mặt nhận thọ, chân trái trước đặt lên đùi chân phải, sau đó chân phải đặt lên đùi vế chân trái, gọi là Liên - hoa - tọa, một chân đặt lên vế chân trái, gọi là cát tường tọa. Ngồi khác đây không phải bậc Thánh ngồi, nếu muốn tu đạo Bồ-đề học theo cách Đức Phật ngồi mới đúng.

- Thọ chánh: là nhập định tướng.

- Các độc: là tướng ba độc.

- Y tiêu hộc : là lụa có vân mầu vàng.

Tự nhiên phát kế quan: không phải do người làm ra.

4. Thành họa Thích-ca môn: Kia ở trong tám cánh sen trong đài sen.

Tưởng chữ bà: chữ Phạn đặt trong đài kia.

Cần Dũng: là tên khác của Đức phật

Ca-sa: là mầu càn-đà (màu vàng sẫm)

Tứ bát: là ba mươi hai tướng; Thích-Ca chủng tử tâm chân ngôn môn.

Bà: là ba cõi.

Bên cạnh có hai chấm nghĩa là từ bỏ nghĩa Ba cõi.

Du già: Hành giả có thể quán tâm sở quán bổn tôn, không lìa nhau, không năng sở riêng biệt, có tướng quán, thân tâm hành giả tức là Phật, cho nên vô tưởng niệm tụng môn.

- Nhập: là hiểu.

- Bản thể: chỗ sanh ra hóa - thân, tức là Đại Nhật tôn, thể dụng không khác, do đó Kinh Niết-bàn chép: Hóa thân tức là pháp thân, nghĩa kia chính là đây.

- Lưu xuất: hoặc nhiều hoặc ít cũng đều như thế.

- Trên đóa sen bên phải Phật: được Bồ-tát làm bổn tôn là tự bổn tôn.

- Chấp: ở trong tay có Kim cương cho nên nói là chấp Kim cương.

- Trong đài hoa trước sau: không chỉ trước sau mà theo hai bên phải trái cũng được. Vì sao? Vì Bồ-tát là vị đại quyến thuộc không có phương hướng; Kim cương quyến thuộc không những hai bên trái phải mà theo mười phương cũng được. Vì sao? Vì Kim cương trong quyến thuộc, Như Lai trong đức. Hỏi: Nếu như thế vì sao nói có phương? Đáp: nói về vẽ chỗ, sự thì có giới hạn. Vì thế kinh nói Bồ-tát trong mười phương, từ phương nào đến, ngồi kiết già nghe nói pháp; Kim cương cũng giống như vậy, dụng tâm không thể suy lường.

- Chân ngôn giả: là người niệm tụng.

- Chỗ ở góc dưới bên phải đất tượng vẽ.

- Hỏi: có cần phải vẽ tất cả Phật không? Đáp: Không.

- Hữu lực: khiến cho hết (tất cả).

- Người không có năng lực: chỉ vẽ đức Bổn tôn còn khó, huống gì vẽ tất cả Phật.

5. Văn thù chủng tử chân ngôn môn.

- Chính giữa: là đài hoa tám cánh.

- Chữ Vô ngã, Tiếng Phạn là chữ "Man".

Hỏi: Vì sao dùng Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, kế Đức Phật mà nói? Đáp: Tam Tạng Hòa-thượng ở bên cạnh mà thọ nhận trí môn sâu xa của các Đức Phật, thuộc về Phật bộ cũng được, thuộc về Liên hoa Bộ cũng được, vì thế Đức Phật lần lượt bày ra vậy, nhìn bản thể Văn thù chính là "không". Xét ở trên là "không môn". Cái gọi là Đại không. Vượt qua mười tám không gọi là Đại không.

Trong đoạn ba có ba môn: thứ nhất là nêu bày nhiều thứ, kế đến là khiến tâm vui mừng, cho đến tùy theo loại mà tương ưng, hiển bày ấn chân ngôn kiết giới...

- Tâm hỷ: người tu hành do cúng dường cho nên được phước, bậc Thánh vui lòng, chẳng phải bậc Thánh được cúng dường mà vui lòng.

- Ba câu, dâng hiến... là nương vào phép tắc bản khác, nghĩa là xuất ra chân ngôn cúng dường v.v... như không phải tự pháp mà nương vào Bất - Động để trừ bỏ trần cấu.

- Ty ỹ trừ: là nghiền nát "Chướng ngại".

- Sử quang hiển: là hương, dùng để gia trì hương chân ngôn, nói là bổn pháp tự giúp thêm.

- Ba câu, và giữ gìn thân mình v.v... bản khác tự có pháp hộ thân v.v... hộ thân nếu không phải pháp khác thì dùng chung pháp nầy, vì thế nói hoặc dùng để hàng phục ba độc, và nghĩa khác của các tướng. Vì sao? Vì hương chân ngôn và hộ thân chân ngôn khác nhau cho nên đề cập.

- Bốn câu, Triệu thỉnh vv... bản khác tự có nương vào pháp để sử dụng, nếu không có pháp riêng thì dùng chung pháp nầy, do đó nói đến ấn phổ thông nầy v.v...

- Thánh giả Bất động chân ngôn môn: là khi Đức Phật lại tất cả vì dứt chướng ngại.

- Hỏa sanh: gọi là chứng Tam-muội. Nói đại tội nầy làm chướng chân ngôn, chân ngôn nầy có thể lực lớn, hành giả tu hành chân ngôn thì trừ được các chướng nạn, cho đến Đức Phật ở dưới cây thành đạo, đều dùng chân ngôn nầy nên tất cả ma quân đều tan hoại, huống gì các chướng ở thế gian. Lại nữa, chướng nầy có hai thứ.

1. Nội chướng: nghĩa là từ tâm mình sanh ra, loại ấy rất nhiều không thể nói rõ.

2. Ngoại chướng: nghĩa là từ việc ngoài mà sanh, cũng rất nhiều, đều có thể diệt trừ.

- Chiến-đồ: là rất ác, có chỗ nói hung ác nhất trong các thứ hung ác. Ma-ha-lô-sắt-noa: là rất giận dữ. Bà-phả-tra-dã: là phá hoại. Hạp: là sợ hãi. Đát - la - ca: là Vững chắc, Hàm-mạn: là không ngọt, dùng hai chữ sau này làm hạt giống, các câu dưới nghĩa đều thành tựu.

Ban đầu chiến-đồ: Chiến là nghĩa chết. Nhập tự môn A: là nghĩa vốn bất sanh tử. Đồ: là nghĩa chiến, do chủ của Vô sanh tử nầy có thế lực rất lớn, đánh nhau với các tứ ma.

Tiếp theo, Ma: là nghĩa tôi, ta, nhập tự môn A là "Vô ngã", cũng là "không".

- Ha: là nghĩa hỷ, cũng là nghĩa hành.
- Lô có chữ La: là bụi chướng. Có tiếng ổ là tam-muội.
- Sắc: Tức là Xa-ma-tha nghĩa là tam-muội.
- Noa: là chữ thứ năm, tức là tam-muội Đại không.
- Tát: là nghĩa bền chắc.
- Phả: là nghĩa bọt nước, đã biết thế gian như bọt nước nhóm họp, cho nên dễ tan biến. Bên cạnh có dấu chấm chữ A tức là hành.
- Tra: là nghĩa chiến, có thể trận chiến sợ hãi khiến phá hoại, là thừa (cỗ xe).
- Hâm: là tam-muội Đại không hành, như trên đã nói.
- Đát: là như như.
- La: là không bụi bặm
- Ca: là làm, nghĩa là tất cả pháp không tạo tác.
- Chữ Hàm, ha: nghĩa là hành, lại có thanh A, là ma chướng sợ Kim cương tam-muội.
- Điểm: tức là Đại không, vì hạnh đại không bất định nầy, làm cho tất cả ma chướng rất sợ hãi.
- Chữ Sưu, ma: là nghĩa ngã, nhập vào tự môn A tức là nghĩa ngã. Lại vì Đại không vô ngã tam-muội nầy làm các ma sợ, lại chữ nầy có thanh A và dấu chấm.
- Bốn chữ: Ha, Lô, Hàm, Lũ đều có thanh A, tức là vô hành vô cấu (không tạo tác, không bụi dơ) là nghĩa lớp lớp làm cho ma sợ, hai chướng trong ngoài rất sợ.

Ở trên, Thánh giả bất động chủ chân ngôn đã xong.

Trong đoạn bốn, có tụng chân ngôn ấn, tiếp đến chân ngôn ấn cho đến chúng sanh tâm không lành.

Triệu thỉnh phương tiện chân ngôn môn: Nam Ma Tam Mạn Đa Bột Đà Nẫm (quy mạng hết thảy chư Phật). A (hành) Tát Phạ Đát La Bát La Để Ha Đế (tất cả chỗ hại) Đát Tha Yết Đa (Như Lai) Cự Xa

(tìm) Bát lý Bố La Ca (đầy đủ).

- Hành trong đây: nghĩa là do thực hành môn nầy mà được nhận lấy công đức lớn của các Đức Phật. Như ở đời tìm xét thì có phân chia nơi, chỗ, không thể khắp mọi nơi mà thực hành thỉnh mời. Nay Như Lai câu thì không như thế. Cùng khắp đến tất cả không chỗ nào không che chở, cho đến có thể vời lấy quả Bồ-đề, tóm lại, thảy đều đầy đủ tất cả công đức Như Lai, mời khắp tất cả chúng sanh, cũng giúp cho đắc đạo. Vì vậy:

Câu tiếp theo nói: "Khắp tất cả".

- Hại: tức là tìm lấy điều xấu ác, hại khắp tất cả người không điều phục, đều khiến đối với hạnh Bồ-đề thẳng đến, diệu quả được tròn đầy.

Trong đoạn năm: Tam-muội-da chân ngôn môn, có tụng, ấn, chân ngôn.

- Chư Minh: là Bổn Tôn.

- Trong đoạn thứ sáu: có tụng chân ngôn.

- Trước dùng dụng cụ trang nghiêm đầy đủ: là đem chuyển hư không tạng thành minh ấn, dùng các hương hoa, ngũ cốc (gồm năm thứ: đạo, lương, thúc, mạch, tắc) và năm thứ thuốc vận dụng trong lòng trang nghiêm đầy đủ, hiện ra việc trang nghiêm đầy đủ có thể biết.

- Dùng chân ngôn ấn gốc là chân ngôn Bất động tôn ấn.

- Át-già chân ngôn môn: là nghĩa ở trong một câu bên phải.

- Già-già-na: là nghĩa Hư không.

- Bà-ma: là nghĩa Đẳng.

- A-bà-ma: là nghĩa Vô đẳng, tức là "đẳng hư không vô đẳng". Pháp thân Như Lai vốn thanh tịnh, không có sự phân biệt cho nên không có bờ mé sánh đồng hư - không, nhưng lại có công đức vô lượng vô biên không thể suy nghĩ bàn luận, không phải hư không kia đã có thể ví dụ, cho nên nói là "Vô đẳng", lại nữa "A-bà-ma" là nghĩa "bất đẳng", bất đẳng ấy có chỗ nói là Nhị - thừa, nay đã sánh bằng hư không, lại đẳng nầy là Vô đẳng, vì thế nói "đẳng hư không vô đẳng".

Trước hết chữ Già nầy là thể chân ngôn. Trong thế giới chúng sanh sự đến đi cũng không thật có, trong pháp giới sự đến đi cũng không thật có, do đó gọi là "đại không". Dùng nước Đại không tánh thanh tịnh nầy, tắm gội thân Vô cấu, đó là "Át-già chân thật ngôn".

Trong đoạn thứ bảy: Có tụng chân ngôn ấn.

- Chứng Bồ-đề tối thắng: là người tu hành có khả năng đắc quả.

Như Lai tòa chân ngôn môn:

- A: là chướng.

- Bàng: có hai dấu chấm tức là trừ bỏ; ở đây chính là nghĩa dứt "cái", "chướng". Vì đây là tòa rốt ráo không khởi tất cả chướng. Vì sao?

- Vì chữ A là chướng, chữ A có công năng trừ chướng.

- Trong đoạn thứ tám có bốn:

1) Lại nữa, nêu dứt trừ cho đến khiến cho hết không còn dư: là nói "đức" của "Bất động tôn ấn chân ngôn".

- Tự thân sở sanh chướng: là vọng tưởng đã sanh hai chướng trong ngoài.

2) Người trí nên chuyển tác, cho đến làm thân Kim cương tát-đỏa: là thành Kim cương tát-đỏa thân môn.

- Một bài tụng người trí v.v... là nói chung thành thân Kim cương tát-đỏa.

- Kim cương chủng tử tâm môn: Chữ Xọa là sở chuyển tự tánh thanh tịnh tâm thành chữ Kim cương chủng tử, cho nên nói các pháp lìa ngôn thuyết.

Hỏi: Vì sao trong pháp cúng dường trên có dấu chấm, kinh nầy bên cạnh có hai dấu chấm, vậy cả hai cùng Kim cương chủng tử ư?

Đáp: Cúng dường là tự thể của pháp, kinh nầy hiển bày đại dụng của pháp, vì thế nói cả hai cùng chung không ngăn ngại.

- Ly ngôn thuyết: là nghĩ chữ Xọa.

- Cụ ấn: có thể sanh thành ấn Tát-đỏa.

- Đẳng: chữ Xọa.

- Hai bài tụng, nên biết trở xuống là có thể đã bắt ấn.

Kim cương tát-đỏa chân ngôn môn.

Nam ma tam man đa phạt chiết la xá (quy mạng tất cả Kim cương) chiến ma (bao ác) ma ha sái xá (nghĩa là rất giận dữ) hâm (sợ hãi) chiến trà (chữ chiến có thanh già là sanh tử, nghĩa là lìa sanh tử).

Trên có dấu chấm là đại không, nói sanh tử nầy đồng với Đại không.

- Đồ: Là chiến đấu với quân địch, giống như sanh tử đối với đại không, cho nên không thể đối lại. Nghĩa câu Chiến-đồ: là bạo ác.

- Ma-ha-lộ-sát-noa: rất giận dữ, như trên đã nói, không thể chống chọi cho nên rất giận dữ.

- Hãm: Đồng như trước đầy đủ ba thứ giải thoát. Lại như trong phẩm trên nói Kim cương tát-đỏa ấn chân ngôn, nghĩa ấy như thế nào?
- Đáp: trong phẩm thứ ba thành tự thể của Kim cương, trong phẩm thứ

hai thì hiện bày dụng xoay bánh xe chánh pháp của Kim cương nầy.

Hỏi làm sao mà biết?

Đáp: Thuyết Kim cương chủng nói rằng: người trí phải chuyển thành thân Kim cương tát-đỏa, sau nói chữ “Khiếm” tức là ngôn, trước nên trú trong tự môn nầy, sau đó làm thân Kim cương tát-đỏa, cho nên biết chưa làm thân Kim cương tát-đỏa thì không làm chuyển pháp luân ấn chân ngôn. Hỏi: Khi nào làm thân Kim cương? Đáp: Trước khi nhập Phật Tam- muội- da khiến làm thân năm chư v.v....

- Kim cương tát-đỏa chân ngôn: là bắt ấn và đã tụng chân ngôn.

- Làm bán Kim cương ấn: tay phải không rãnh thì làm phân nửa cũng được.

- Khế kinh khác: là bản kinh khác.

- Kim cương khải tự: Thành áo giáp Kim cương dùng để giữ gìn ấn và hộ thân.

- Trước đã nói: giữ gìn ấn.

- Chữ Khư và dấu chấm: là tự môn Khiếm trên đỉnh của Kim cương. Bên phải chẳng phải chỉ có thân Kim cương trang nghiêm, mà hành giả niệm tụng cũng trang nghiêm.

- Khiếm tự môn chân ngôn.

- Khiếm: là hạt giống rất siêng năng mạnh mẽ; Đức Phật ngồi đạo tràng hàng phục các ma, tất cả trời, người hiệu là “Đại Cần Dõng” (rất siêng năng dõng mãnh), tức là “Tỳ-lô-giá-na”.

- Khư là nghĩa không, trên có dấu chấm là đại không, vì đại không thanh tịnh nên tất cả đều không.

Nam ma tam mạn đa bột đà nẫm (đồng như trước), ba lần nên nhất tâm làm, cho đến chắc chắn đều lùi, mất.

3) Là hai bài tụng, tổng kết thành tựu Giác Kim cương Hành giả thân hàng phục ma chân ngôn môn, đại ấn của tất cả Phật nầy có khả năng hiện ra đại thế lực oai mãnh của Như Lai, làm cho tất cả sợ hãi, gây chướng nạn, khiến kia hàng phục, cũng có thể ban (cho) tất cả chúng sanh điều nguyện. Hành giả khi kết thúc ấn nầy thì chướng nạn ấy đều chạy tán bốn phương, cho đến năng lực lớn như thiên ma quân chúng cũng lùi mất. Ở Bồ-đề đạo tràng Như Lai dùng ấn nầy để hàng phục các ma.

- Chân ngôn quy mạng như trước.

- Ma ha mạt la phạ để (đại lực).

- Đà xa phạ lộ (mười lực).

- Ốt bà phệ (đắc).

- Ma ha muội đát lý dã(hiệp ba, là đại từ).
- Tỳ dữu ốt nghiệt đế (phát sinh).

Ý nầy nói năng lực rộng lớn của các Đức Phật. Năng lực lớn nầy là những năng lực nào ư? Tức là Mười- lực của Như Lai, vì trong tất cả năng lực thì năng lực này hơn hết cho nên gọi là đại (lớn), Như Lai dạy: làm sao được mười lực nầy? Nghĩa là nhờ tâm đại từ mà được mười năng lực nầy, vì thế nói năng lực nầy từ Đại từ sanh ra.

4) Thứ dụng trở xuống cho đến tất năng phổ hộ: là kết đại giới chân ngôn môn.

Kế là kết đại giới chân ngôn các Đức Phật đã dạy, còn có vô lượng trì minh, e lại có trì minh chân ngôn v.v... vì không kết hộ cho nên có thể phá pháp- sự, tổn hại người trì tụng, do đó thiết lập pháp kết giới nầy, nhờ kết giới nầy nên các trì minh cũng không thể phá hoại. Giống như tỳ-kheo kết giới làm pháp sự, tỳ-kheo ở ngoài giới, tuy tác pháp không thể ngăn phá được.

Tát pha đa la nỗ nghiết đế (tất cả nơi chốn, phương hướng, nghĩa là mười phương đều phải kết khắp, lại theo phương hướng đều cùng khắp).

Mãn đà dã đồ nẫm (theo gốc câu trên, trở lại kết giới câu dưới, ý nầy nói: tất cả phương hướng, nơi chốn đều kết giới). Ma ha tam-muội-da (là Đại tam-muội-da, do Đại tam-muội-da nầy mà kết các giới). Niết xá đế (là tùng sanh. Nghĩa là từ Đại tam-muội-da mà sanh ra). Sa ma la nễ (tôi tớ đều nhớ nghĩ trở lại, nghĩa là nhớ nghĩ đến tất cả giáo pháp của các Đức phật). A bát la để ha đế: không thể hoại, cũng nói là vô quái ngại, cũng là không thể hư hoại. Nhờ kết giới cho nên không thể hư hoại. Đà-ca-đà-ca: ánh sáng tôn nghiêm, do ánh sáng tôn nghiêm cho nên thành kết giới. Đà: là pháp giới (Ca: là nói “tác”; Thể pháp giới lìa các khởi tác, lìa khởi tác là nghĩa pháp giới). Chiết-la-chiết-la (Già là nghĩa tiêu, nghĩa là sanh tử dời đổi. La: là Cấu chướng, tóm cả câu cũng là thực hành xong, đó là kết khắp cả mười phương thế giới, cũng là đến đi, lại nói chính là đến nhanh). Mãn đà mãn đà (giải thích nghĩa để kết thúc câu, trên là nghĩa phược, dưới thì không, do không trói buộc cho nên sánh bằng hư không, nhờ kết giới nầy cho nên không hư hoại). Nại xa (niệm mười tiếng) Nhĩ chuyên (là phương, tức là mười phương). Tát bà đát tha nghiệt đa (tất cả các Đức Phật). Nỗ nhưỡng đế (giáo, là tất cả giáo pháp của Đức Phật, trước đã khiến ghi nhớ). Bát la phạ la (sở chứng), Đạt ma (pháp, tức là pháp mà các Đức Phật đã chứng), Lạp đà (là hoạch, là đắc, là chứng). Vĩ nhược duệ (tức là Vô năng thắng,

cao hơn tất cả trong các chướng). Bạt già phạ để (tức là chủ chân ngôn, khen ngợi Đức Thế Tôn). Trưng cự lý (trừ, có khả năng dứt trừ bụi trần, ở trước khuyên trừ, cũng là khuyên chớ làm). Vi cự lệ (trừ, câu trước trừ bụi có hình tướng, câu sau trừ bụi lìa tướng, tức là trừ tất cả chướng, tức là chớ làm chính là trừ). Lệ (hạt giống). Lỗ (dẫn trước), Bổ (nghĩa câu đó là nhà lớn, là nơi chốn. Do pháp thân chân thật trừ diệt bụi trần hình tướng). Tức là nhà lớn của các Đức Phật đã ở, khiến đồng pháp giới nầy. Lại thêm chữ Vi cự lệ; chỉ dùng chữ Lệ cuối cùng trong câu này làm hạt giống; La: là tướng, thêm âm "ế" nầy tức là tam-muội, tam-muội lìa tướng, đủ tất cả tướng mà lìa các tướng, đây là thể tướng của giới.

Thứ đến là nói lược về chân ngôn môn: Nam ma tam mạn đa bột đà nam (quy mạng như trước). Trong Đại giới nầy, nói từ khi bắt đầu phát tâm Đại Bồ-đề cho đến thành Phật, trong khoảng thời gian đó không để đứt quãng, không trở lại sanh tử, không lui sụt Bồ-đề, tức là nghĩa "Đại giới". Cú nghĩa; Lệ (tam-muội lìa tướng). Lỗ (Chó sủa hai tiếng bày ra hai ngã tướng). Bổ (Đệ nhất nghĩa là nghĩa thứ nhất không thật có). Lý (lìa cấu). Vi (là lìa trói buộc), Cự (cự âm là tác), Lệ (là lìa tướng). Bảy chữ nầy đều là tam-muội, dùng các tam-muội nầy mà làm trang nghiêm, không còn gì hơn được. Đây là Đại giới của các Đức Phật.

Trong đoạn thứ chín có hai môn.

1. Từ "Hoặc dùng Bất động tôn" cho đến Hãn.

Tổng Biểu thành biện môn.

2. Từ, trước cung kính lễ" cho đến Ma ha mạt lý sa ha: là "Quảng minh doanh biện môn".

Có sáu Đà-la-ni nên biết:

1. Trong Bất động tôn chủng tử tâm chân ngôn môn:

- Hãn hà: là hành, thanh "A" lại là hành. Dấu chấm: tức là Đại không. Nhờ trụ vị ấy có khả năng hàng phục tất cả, là tâm Bồ-đề làm đại hộ.

2. Trong Quảng minh doanh biện môn: như kinh nói: hương hoa v.v... dùng các thứ hương hoa, năm thứ báu, năm thứ thuốc và năm thứ lúa đậu, gia vào nước Át-già dâng cúng, dùng mật ấn sái tịnh, đúng như pháp gia trì vào nước Át-già, dùng Bất Động Tôn Tuệ lực ấn làm sạch nước trong Át-già, là nước sái tịnh trong tất cả cúng dường. Lại luôn tụng chân ngôn ấy, khi rãi nước tụng chân ngôn bất động.

- Các thuyết bổn chân ngôn: là các chân ngôn như chân ngôn

Hương v.v...

- Và các minh tự thọ trì. Niệm tụng là chân ngôn bổn tôn.

- Xưng danh: là hương v.v...

Đồ hương chân ngôn môn: kế đến có sáu thứ chân ngôn như: chân ngôn Đồ hương v.v... đều nhập vào Mạn-đồ-la, là những điều cần thiết khi cúng dường, vì thế ở trong phẩm nầy nói, trong nghĩa câu trên.

- Vi thâu đà: là nghĩa Tịnh.

- Kiện đỗ: là hương

- Nạp-bà-phạ: là nghĩa phát sanh, tức là mùi thơm phát sanh.

Lấy chữ Vi ở câu đầu làm Thể. Ở trên chữ Phạ viết thêm chữ y, do đó chuyển thanh là Vi.

- Chữ Phạ: là nghĩa Kim cương, là nghĩa lìa ngôn thuyết.

- Tam-muội là nghĩa Trụ. Định tuệ ngang nhau như vậy, tức là trú vô hý luận chấp Kim cương tam thế vô chướng ngại trì giới, như thế giới hương kia tánh vốn vắng lặng, không đến không đi, mà thường đầy đủ khắp cả pháp giới, vì thế gọi là "Tịnh đồ hương", tất cả chúng sanh cùng có như nhau, nhưng vì chưa phát tâm cho nên hương nầy chưa sanh khởi. Nay ta dùng giới hương nầy xoa khắp pháp thân, vì thế có thể dùng hương thơm xông khắp tất cả.

Tâm liên hoa chân ngôn môn: trong nghĩa câu trên, ma-ha-muội-đán-lý là nghĩa Đại từ. Tỳ-dữu-nghiệt-đế: là nghĩa sanh, tức là Đại từ sanh. Vì chữ Muội là thể chân ngôn, tức là chữ "Mãng" viết thêm chữ tam-muội, "Mãng" là nghĩa tâm, nghĩa ngã, cũng gọi là Đại không, nói Hoa sen tâm nầy làm vọng ngã bị trói buộc không lớn lên được. Nay tự chứng biết thật tướng của tâm, vì thế tám cánh, tua, nhụy từ trong tạng từ bi lần lượt mở bày, cho nên nói từ Đại-từ sanh. Lại nữa, hạt giống cây chúa tâm thanh tịnh Bồ-đề từ trong đất từ - bi lớn lên tốt đẹp và nở hoa muôn đức, nhờ phương tiện nên mới thành thật, vì thế nói từ Đại - từ sanh. Nên dùng tự môn giải thích rộng.

Thiêu hương chân ngôn môn: trong nghĩa câu trên, Đạt-ma-đà là nghĩa pháp giới. Nỗ-nghiệt-đế là nghĩa tùy sanh, cũng là nghĩa đến khắp, cũng là nghĩa vượt qua, nghĩa tiến lên không dừng. Giải thích rằng, đến khắp pháp giới, lấy chữ "Đạt" ở câu đầu làm thể, vì chúng sanh giới vốn bất sanh, cho đến pháp giới định tướng cũng không thật có, như thế pháp giới sâu rộng không bờ mé không thể đo lường, nhưng người tu hạnh Du-già đặc biệt tiến lên không dừng nghỉ, vì thế nghiệp thân, miệng, tâm đều khắp pháp giới như vậy, dưới đến khi dâng một cành hoa cúng dường Đức Phật cũng khắp pháp giới như vậy, tức là

nghĩa thiêu hương.

Đặng minh chân ngôn môn: trong nghĩa câu trên, Đát-tha-yết-đa là Như Lai. Lỵ-chỉ: là ánh sáng. Tiếp theo nói: Tát-phả-la-xọa: là khắp cả. A-phạ-bà-sa-na là các sự tối tăm. Gia-già-nhu-đà-lý-da: là không hạn lượng, giống như hư không, có ý nói: ánh sáng của Như Lai đến khắp các chỗ tối tăm, giống như hư không chẳng có hạn lượng. Chân ngôn nầy lấy chữ “Đa” ở đầu câu làm thể, như thật tướng ở trong tâm, tức là ánh sáng trí tuệ của Đức Phật Tỳ-lô-giá-na, chiếu khắp thế gian không chỗ nào không khắp. Nói các ám: là vô minh; vì vô minh vốn bất sanh cho nên thể chính là minh, do đó ánh sáng Như Lai chiếu khắp các chỗ tối tăm. Nói Đẳng hư không: Vì vô minh giống như hư không chẳng đo lường được, vì thế ánh sáng Như Lai cũng giống như hư không chẳng đo lường được, cho đến già chết cũng giống như hư không chẳng đo lường được, do đó ánh sáng trí tuệ Như Lai giống như hư không chẳng đo lường được. Như mười hai nhân duyên tất cả các pháp nói cũng giống như thế, nghĩa nhất định như vậy gọi là “Đăng minh chân ngôn; dùng “Minh” nầy gia trì mà cúng dường Phật thì hơn hết trong các thứ cúng dường.

Âm thực chân ngôn môn: Trước nói A-la-la nghĩa là âm thanh không đáng ưa nghe, âm thanh bất thiện như người lớn tiếng nói to khiến người nghe tâm không vắng lặng. Kế là Ca-la-la: là dừng tiếng lớn bất tịnh ở trước, nghĩa là an nhiên vắng lặng. Trong đây chính là dùng pháp hỷ thiền duyệt làm nghĩa ăn, vì thế nên nhờ lời nầy. Nếu y cứ vào tướng chữ “luân” thì “A” là nghĩa, “Bản sở”: là gốc ban đầu, do có gốc ban đầu nên có hai thứ bụi nhỏ, đó là phiền - não - chướng và trí chướng, do hai thứ bụi nhỏ nầy nên có âm thanh hí luận ồn ào. Nay vì các pháp vốn bất sanh, tức là mở cửa cam lồ thành cơm Niết-bàn, vì thế gọi là A-la-la. Lại nữa, nếu người siêng tu phạm hạnh, hy vọng được pháp vị như thế. Do có tạo tác cho nên hai chướng sanh khởi trở lại, không phải là sắc lực thường hằng vị chân cam lồ, nay vì các pháp không tạo tác, cho nên nội chứng vị không từ người khác được, như ăn cháo, sữa, không còn gì sánh bằng, vì thế nói dừng các âm thanh bất thiện ở trước.

Mạt-lân-nại-da-nhị: Phàm, ở Tây phương thức ăn dâng cúng, trên là dâng cúng các Đức Phật, dưới đến loài thần quỷ, gọi chung là “Mạt-lê”, ý nầy là thọ thức ăn do ta cúng.

Tiếp đến nói: Mạt-lân-nại-na: Ý nầy nói: Thọ thức ăn do ta cúng, thọ thực rồi phải trở lại cho ta thức ăn nhiệm mầu, như người thế gian

đem thức ăn ngon cúng dường gieo ruộng phước là để cho đời nay, đời sau không thiếu cơm ăn. Nay dùng vô tận pháp thực cúng dường để gia trì cho thế gian; dâng cúng chư Tôn, lại sẽ đầy đủ sở nguyện của ta, thường đầy đủ vị bất tử, bất sanh.

Kế đến nói Ma-ha-mạt-lý: Tức là đối với các thức ăn càng thêm dồi dào ngon ngọt. Do đây phân biệt với câu trên nói: Nay vật ta dâng cúng và sự mong cầu đều cùng cực không gì sánh bằng, không vị nào hơn được, không tìm thức ăn, có hạn lượng.

- Trong đoạn thứ mười, và những người khác: là người có sức, chẳng những chỉ có năm thứ cúng dường, mà còn có cúng dường rộng lớn. Nghĩa là nước bốn biển làm ao sen, kiến lập toàn hoa sen xanh, trắng, thức ăn thơm tinh khiết, tâm không thể lường được, núi, nước, cỏ, cây, hoa, quả, trong sạch thơm đẹp gần như cõi Cực lạc, sánh đồng hư - không, buông thả mây thơm đầy khắp mặt đất, dựng cờ phướn, lọng báu, cây báu ma-ni khắp mặt đất, dùng các thứ trên cúng dường đầy đủ cho nên nói cúng dường các thứ đầy đủ.

- Y theo phép tắc nầy: là Bất động tôn.

- Cho nên cầm các vật: là vận tâm cúng dường.

- Ưa muốn cúng dường vật: tức là bắt ấn cúng dường khắp cả, điều nguyện đều thành tựu.

- Bình đẳng như pháp giới: là như lý, cũng nói là thích hợp.

- Vào khắp trong các đường: Nhập: là hướng vào.

- Phước đức được sanh khởi: Hỏi: Từ vận tâm sanh ư? Từ Phật, Bồ-tát sanh, cũng từ chân ngôn ấn sanh ư? Đáp: chẳng phải từ một mình sanh ra, mà từ hòa hiệp sanh ra, do đó gọi là "Năng sanh". Từ cờ phướn, v.v... cho đến cúng dường thành Phật sự.

- Các mưa: Mỗi vật cúng dường thành mây, mỗi đám mây chuyển mưa xuống các vật cúng, như vậy xoay vần không thể cùng tận. Vì sao? Vì từ lý đã sanh ra, lý không cùng tận.

- Tư duy: là Bổn tôn sờ cúng

- Dùng hư không tạng minh v.v... có công năng sanh ra cúng dường pháp.

- Ba lần chuyển: ba phen.

- Trì hư không tạng minh cho đến công đức tự viên mãn, hiển bày công đức tạng.

- Tạng: có công năng sanh ra năng tạng.

- Câu thêm lên: là hiển bày nghĩa "năng".

- Hai câu tùy thời v.v... là người có đạo tâm trí tuệ yếu kém.

- Đời nầy cầu tất địa: là tuệ lực mạnh mẽ mong chóng thành quả Phật.
- Chỉ khởi tâm: là vận tâm.
- Việc làm đã rốt ráo: là đến hiển bày tướng.
- Ngoại nghĩ quỹ: là sự tướng cúng dường.
- A-lê-sa: là khen ngợi công đức Phật.
- Vô đẳng vô sở động, cho đến ba cõi không chỗ nương: là khen ngợi công đức môn của Phật.

1. Một bài kệ dứt khổ.
2. Một bài kệ cho vui.
3. Một bài kệ dứt khổ cho vui không có giới hạn bến bờ.
4. Một bài kệ không có giới hạn thời gian.
5. Một bài kệ không thể che lấp.
6. Một bài kệ cứu giúp đều cùng khắp.
7. Một bài kệ không người nào không cho.
8. Một bài kệ khiến cho sinh quả.
9. Một bài kệ nguyện không cừng nghỉ.
10. Một bài kệ nhất định đều ban cho.

- Nên tụng bản Phạn: là chữ Phạn. Không được chữ Phạn dựa vào chữ đời Đường, được ý cũng giống nhau.
- Từ "Tụng trì kệ như thế khen ngợi rồi" trở xuống là sáu bài tụng rưỡi: là kết lời khen ngợi và kết nguyện trước, xin đặt lại giới cấm.
- Hai câu đầu: là kết trước, khởi sau.
- Hai câu kế: là nguyện xin
- Bốn câu tiếp theo: là khen ngợi đức.
- Sáu câu tiếp đến: là xin tôn kính.
- Tám câu kế tiếp: là tôn kính khợi khen
- Bốn câu cuối cùng: là khuyên đặt ra giới cấm.

Hỏi: thứ nhất, thứ hai cầu nguyện, thứ nhất thứ hai khen ngợi có nghĩa như thế nào?

Đáp: trước là cầu xin quả, sau cầu xin quả dụng, trước là khen ngợi Đức Phật ta, sau là khen ngợi Hư không - tạng - minh đầy đủ các đức.

PHẨM THỨ TƯ: TRÌ TỤNG PHÁP TẮC

Có bốn phần giống như trước:

1. Giải thích tên phẩm: trong tâm năng tu thì pháp sở tu được ghi nhớ rõ ràng, cho nên nói là trì. Về phép tắc sở tu thì miệng thường đọc tụng, do đó nói là "tụng". Pháp tắc: có khả năng giữ được Tâm Nhân, và quả báo đạt được rốt ráo không sai, cho nên nói là pháp tắc. Nói pháp trì tụng tức là pháp, thuộc về trì nghiệp thích.

2.Nguyên nhân phát ra phẩm nầy: trong phẩm trước, người trì tụng cúng dường cho nên dẫn đến phẩm nầy.

3. Tông thú: chỗ nói không sai lầm là Tông, được lợi ích cho người là thú.

4. Giải thích văn, có hai: trước nêu lên sau giải thích.

(Trong phần nêu lên)

- Hai câu đầu: kết trước khởi sau.
- Thánh thiên v.v... Thánh: là Bồ-tát. Thiên: là Tịnh, do Đức Đại nhật hóa ra, ứng với cơ Thiên.
- Trụ tướng nên ngồi: Vào đạo tràng, đối diện với Bổn tôn lập tức ngồixuống.
- Nhập tam-muội: Chuyên chú vào một cảnh, trú tâm vào Bổn tôn, tâm không tạm bỏ.
- Tứ chủng: Văn dưới quán Bổn tôn. Trong tâm Bổn tôn tròn sáng soi thấy chữ chân ngôn, lần lượt thọ trì.
- Tịnh lự: nói khác là "Định", trú tâm ở bốn chỗ, bên ngoài không tán động.
- Quỹ nghi: quán bốn thứ kia tức là khuôn mẫu phép tắc, năng sở hợp nhau.
- Có khả năng khiến cho nội tâm: tức là tự tâm; mong hợp với lý nay xứng với bổn tâm sanh vui mừng, vì thế nói là sanh hỷ lạc.
- Dùng nghĩa chân thật: tức là quán sát chân ngôn một cách sâu xa,ngộ lýbất sanh.
- Gia trì: trong chân ngôn, có quán tâm.
- Sẽ được: Lúc mới quán tâm.
- Thành đẳng dẫn: hợp với vốn bất sanh.

(Y cứ vào hậu thích, có mười môn)

1. Nhược khi niệm tụng chân ngôn cho đến đó gọi là thế gian cụ tướng hạnh, đó là "hữu tướng niệm tụng môn" thứ nhất.

2. Tứ chi thiền môn lại khác, cho đến trong phẩm du-già thắng

nghĩa có nói, đó là Vô tướng niệm tụng môn thứ hai.

3. Nên chuyển biến minh tự môn cho đến trong phẩm trước có nói là "biến tự thành thân môn".

4. Bổn tôn Tam-muội tương ưng cho đến theo hơi thở ra vào: là Bổn tôn Tam muội tùy tức môn.

5. Hoặc tu ý chi pháp cho đến lạu vì nhất phương tiện: là "ý chí niệm thanh chân ngôn môn".

6. Một bài kệ, từ có những người tu phước tuệ, v.v...là tu vô định môn.

7. Nếu ưa cầu hiện pháp cho đến cụ chi cúng dường nên biết như thế, là nhạo cầu hiện pháp thành tựu môn.

8. Lại vì ưa tu tập cho đến mau được thành tựu Tất-địa: là Đại Nhật tam mật tốc đắc môn.

9. Lại nữa, nếu quán niệm cho đến mau được thành tựu: là Thích ca chân ngôn thành tựu môn.

10. Từ, lại nữa chỗ ở của bổn tôn cho đến người trí phải hiểu biết: là Bí mật sự nghiệp khả giải môn.

1. Sơ trung niệm tụng thời: ngay khi ban đầu mới cầm tràng hạt khởi niệm đọc tụng.

- Nay: thời gian trước hết nói là "nay".
- Phương tiện kia: khi bắt đầu niệm tụng nói là kia.
- Điều mở bày: trong phẩm cúng dường nghi thức, mở bày bổn tôn.
- Khiến tâm sạch không nhơ: là không khởi niệm tham, sân, si vv....
- Số: số được nói đầy đủ.
- Thời phần: là giới hạn ngày tháng.
- Tướng hiện v.v... là tượng vẽ trong tháp phát ra lời tụng và ánh sáng.
- Hữu tướng: ngoài tự thân, đối tướng quán sát.

2. Tứ chi: trên có bốn thứ.

- Lại khác: Bên ngoài tự thân mình không quán bổn tôn. Hễ khi nào chánh quán thì thực hành từ Đại nhật.
- Thiểu: khi tu không nhiều.
- Phước: ngoài hương hoa, không có năng lực khó phân biệt.
- Thành tựu: là ngộ và khế hợp một cách mầu nhiệm về trí bản địa của đại nhật.
- Một câu dưới: đưa chứng cứ để nói, là cờ nêu của ba thân Bí mật,

vốn tự thấy hình tướng của tự thân Bổn tôn.

- Thừa vị kia: là tự vị của Bổn tôn.
- Bốn là dùng tâm: là chữ hạt giống.
- Trí tâm: là tâm hoàn toàn.

Là hạt giống: Hành giả nhờ tâm niệm tụng chân ngôn nên từ nhân được quả, vì vậy gọi là hạt giống.

- Tâm Bồ-đề: là chân ngôn.
- Mầu uất kim sắc: là mầu vàng ròng.
- Đồng chân: là tên khác của đồng tử

Văn-thù-sư-lợi Bồ tát chân ngôn môn.

Kế là Văn-thù nhập Phật gia trì thần lực tam-muội, gia trì tam-muội nầy như trên Kinh Tỳ-lô-giá-na ban đầu đã nói. Hê hê (là nghĩa kêu gọi). Câu-ma-la-ca (là nghĩa đồng tử, tức là kêu gọi mỗi vị nhớ nghĩ bổn nguyện. Lại đều là nghĩa trừ phá. Ma-la: là quyến thuộc của Ma, có chỗ nói là bốn ma. chân ngôn nầy lấy chữ "Ma" làm thể, tức là nghĩa "Đại không", chứng "Đại không" nầy thì trừ phá, hủy hoại tất cả ma). Tỳ-mục-để-bát-tha-tất-thể-đa (trú đạo giải thoát ấy, nghĩa là kêu gọi đồng tử nầy an trụ trong đạo giải thoát, tức là các Đức Phật giải thoát, có chỗ nói Niết-bàn). Bà-ma-la-bà-ma-la (là nhớ nghĩ, nhớ nghĩ), Bát-la-để-nhiên (trước đã lập nguyện). Ý chân ngôn nầy nói: kêu gọi đồng tử trú trong đại giải thoát nhớ nghĩ bản nguyện đã lập. Tất cả các Đức Phật pháp thân thành Phật, nhập thân, miệng ý, Bí mật thể; tất cả người hữu tâm không thể đạt đến, nhưng nhớ bản nguyện xưa, dùng năng lực tự tại gia trì trở lại trong sanh tử cứu độ chúng sanh, ý chân ngôn nầy cũng như thế. Đồng tử nầy thành Phật pháp thân đã lâu cho nên thỉnh Ngài, lại nhớ bản nguyện cứu độ chúng sanh. Do thỉnh bản nguyện Bồ-tát, nếu có người nào thấy, nghe, hay, biết nhớ nghĩ đến Ngài thì đều đối với ba thừa mà đắc định hoàn toàn, cho đến đầy đủ tất cả nguyện. Bồ-tát nầy thành Phật đã lâu, cái gọi là thấy khắp Như Lai, hoặc nói hiện khắp Như Lai, vì năng lực đại bi gia trì thị hiện thân đồng tử.

Phổ Thông chủng tử tâm chân ngôn môn:

- Chữ Ca, tất cả các pháp lìa tác nghiệp:

Tiếng Phạn Ca-lý-da là nghĩa tác nghiệp, như các ngoại đạo chấp có người làm, người khiến làm v.v... Luận Sư các bộ cũng nói ba việc hòa hiệp có tác, có tác giả và có tác pháp sở dụng, nếu nhờ theo phương tiện Bát-nhã, nói có quyết định thì rơi vào vô nhân, nếu rơi vào vô nhân thì tất cả pháp không nhân, quả. Pháp năng sanh gọi là "nhân", pháp sở sanh gọi là "quả", đó là hai pháp vô, Tạo tác và người tạo tác chỗ sử

dụng pháp tạo tác: tội, phước, nhân, quả báo và đường Niết-bàn tất cả đều không. Lại nữa, tác và người tạo tác nhân cùng đợi sanh, nếu trong định có pháp tạo tác thì ngay trong định có người tạo tác, đó là không khác với luận nghi của ngoại đạo. Như trong phẩm Tác Giả của Trung luận chép: "Nay chính quán sát Tác, người tạo tác v.v... thảy đều từ các duyên sanh, tức là nhập "mé vốn bất sanh".

- Mé vốn bất sanh: là có Phật, không Phật, pháp nhĩ như thị, ai tạo tác ư? Ấy, cho nên nếu thấy chữ Ca thì biết tất cả các pháp đều là tạo tác mà thành, gọi là tướng của chữ.

- Nếu có người tác pháp: phải biết rốt ráo không tạo tác gọi là nghĩa chân thật.

Nhất thiết Bồ-tát chân ngôn môn:

Nam ma tam mạn đa bột đà (quy mạng như trước). Tát bà ta (tất cả). Vi mạt để (vô tuệ, vì không có trí tuệ nên gọi là nghi; chữ nầy chính là giải thích danh là nghi). Vi chỉ la ninh (trừ , đây là nghĩa trừ bỏ, như người trừ bỏ phân dơ gọi là trừ phẩn). Đạt ma đà thử (pháp giới, để trừ tất cả vô tuệ, đều khiến trú trong pháp giới). Niết xà đa (sanh, chữ Niết tức là nhập Đại không, tam-muội từ đây mà sanh tức là sanh pháp giới). Sâm sâm ha (ba chữ nầy đều là hạt giống) Tát: là nghĩa vững chắc giống như bỏ sự vững chắc này cho nên trên hết. Điểm: là tam-muội, biết Nhị thừa nhập vào Niết-bàn, đây tức là nghĩa vững chắc.

- Cho đến nếu có sự vững chắc: Tức là tướng sanh trụ. Tất cả pháp động bất động, đều là không yên, giống như trừ bỏ ở đây, do đó có nghĩa là tam-muội trùng không.

- Ha: tức là hạnh, có chỗ nói hạnh của Như Lai.

- Sẽ được bình đẳng với hư không: là lý hư không.

- Nói các pháp cũng thế: là không những chữ "Già" mà tất cả các chữ cũng đều như thế.

- Trong đầu: Là bộ não trong xương đầu.

- Chữ Sơ: là chữ A mầu vàng.

- Thuần bạch: là chữ A có chấm. Là đứng đầu trên hết trong trăm "Minh".

- Tâm: là vua trong các điều tốt đẹp.

- Nhãn giới: tức nhãn xứ.

- Chữ Vô cấu là: chữ lãm; có chỗ nói: chỗ đặt mắt.

- Hiện tiền: là chỗ mắt và tâm đều thấy.

- Chỗ tâm kia: Là tâm hoàn toàn của hành giả.

- Tùng tâm nầy khởi: Nhân chữ A tâm khởi chữ thanh.

- Chữ Ca làm đầu: là sơ.
- Sơ: là nhân, nhân của hạt giống.
- Tự môn: khác là tự môn riêng, bổn tôn riêng, cho nên nói hoặc là.
- Đều nên tu pháp nầy: Chữ Ca dùng làm hạt giống.
- Niệm dùng âm thanh chân thật: là lý không tạo tác.
- Hoặc chân ngôn sở trì: Từ chân ngôn của bổn tôn.
- Hoàn liệt: chân ngôn rộng lớn.
- Tròn sáng: là tâm tròn sáng.
- Đơn tự: là hạt giống.
- Nhân của câu: ba chữ trở lên là câu.
- Nhân: là chữ nương nhau, theo nhau. Song, trong pháp chân ngôn mỗi chữ đầy đủ pháp năng thuyên cho nên khiến hiểu biết vật.
- Theo hơi thở ra vào: Từ hơi thở.

Trong môn thứ năm, hoặc chi pháp tu ý.
- Ý chi: là phân biệt với việc ngoài tâm.
- Ứng lý: là tâm chí lý.
- Phương nãi: là nơi chốn thời gian trì tụng.
- Giải: là mệt mỏi
- Lại là một phương tiện: là từ nhân đến thành Phật nương một pháp nầy.

Trong môn thứ sáu, có những người tu phước tuệ: là người mới tụng niệm, tuệ yếu phước ít.

Trong môn thứ bảy, nếu ưa cầu hiện pháp: là người mạnh mẽ trí tuệ sâu sắc.
- Thượng: là Phật
- Trung: là Bồ-tát.
- Hạ: là Thanh văn dứt bỏ phiền não.
- Tâm thọ trì: là xét rõ ràng phân biệt để lựa chọn công việc.
- Tùy lực: Nghĩa là cũng đắc.
- Nhất lạc-xoa: là mười vạn, cũng nói là kiến. Nếu trong mỗi số không lìa bổn tôn, không tán loạn nói là đầy đủ mười vạn (một lạc-xoa). Nếu người tán loạn thì vạn vạn lạc-xoa cũng không thành tựu, cầu được định tâm được thấy Bổn tôn, cho nên nói. Kiến:
- Trải qua tháng thứ hai đầy đủ các chi phương tiện mới tu: một ngày đầu tiên của tháng thứ ba làm pháp thành tựu, nghĩa là mong đợi Đức Phật chỉ ma mới làm.
- Dùng tâm ý trì tụng: là được thấy ánh sáng v.v...

Trong đoạn thứ tám: Trải qua một tháng: đầy đủ một lạc-xoa (mười muôn) cũng nói một phen thấy.

- Kế là nói phương tiện kia: khi tụng niệm muốn đầy đủ, muốn thấy.

- Nên nương tựa: là pháp ở dưới.

Đại nhật Như Lai chủng tử tâm chân ngôn môn:

- Chữ A: là tất cả các pháp vốn bất sanh. Chữ A là nguồn gốc của tất cả giáo pháp, hễ âm đầu tiên mở miệng đều có thanh "A", nếu lìa thanh A thì không có tất cả ngôn ngữ, vì thế là mẹ của tất cả các thanh. Hễ là ngôn ngữ trong ba cõi thì đều nương vào danh, mà danh nương vào chữ, do đó đều nói chữ A cũng là mẹ của các chữ. Nên biết nghĩa chân thật của tự môn A cũng lại như thế. Nghĩa cùng khắp ở trong tất cả pháp. Vì sao? Vì tất cả pháp đều từ duyên sanh.

Từ duyên sanh: là đều bắt đầu có nguồn gốc. Nay quán duyên năng sanh nầy, cũng lại từ các nhân duyên sanh, xoay vần theo duyên cái gì là gốc? Khi quán sát như thế, thì biết mé vốn bất sanh, đó là nguồn gốc của muôn pháp, giống như khi nghe tất cả tiếng nói (ngữ ngôn) tức là nghe thanh "A", như vậy thấy tất cả pháp sanh tức là thấy mé bản bất sanh,nếu thấy mé bản bất sanh tức đó là biết tự tâm như thật, biết tự tâm như thật tức là biết "nhất thiết trí". Vì thế Tỳ-lô-giá-na chỉ lấy một chữ nầy làm chân ngôn. Những phàm phu ở thế gian không quán nguồn gốc của các pháp nên vọng nói có sanh, trôi theo dòng sanh tử không thể tự ra khỏi. Như người thợ vẽ vô trí kia tự vận dụng các màu sắc vẽ thành hình dáng dạ xoa đáng sợ, thành rồi lại từ mình xem, tâm sanh sợ hãi bỗng nhiên té ngã xuống đất. Chúng sanh cũng như thế, tự vận dụng nguồn gốc các pháp vẽ thành ba cõi, nhưng trở lại tự chìm đắm trong đó, thân tâm hừng cháy chịu đủ các khổ. Như Lai là người thợ vẽ có trí đã hiểu biết rồi, nên có thể tự tại thành lập Đại bi mạn-đồ-la, do đó mà nói, cái gọi là tạng Bí mật sâu xa ấy chỉ vì chúng sanh tự Bí mật mà thôi, chứ không phải Đức Phật có che dấu.

Hỏi: Chữ A nầy là hại giống; trong phẩm thứ ba trước thì hạt giống hết sức mạnh mẽ, ngay trong Sớ nói là hạt giống "Đại nhật". Nghĩa ấy như thế nào?

Đáp: Chữ A là sanh quả Bồ-đề. Chữ khiếm là hiện quả Niết-bàn, vì thế nên hai thứ hạt giống cũng không ngăn ngại.

Như Lai hào tướng chân ngôn môn: Quy mạng như trước.

- A hành, ngân nhân, nhược sanh: là dùng hạnh sanh nầy để thanh tịnh tất cả nhân.

- Xà: là sanh không thật có.

- Một bài tụng, như trước chuyển chữ A v.v... là khen chung chữ năng thành.

- Trụ bổn tôn Du-già trở xuống là nương vào công năng thành chữ để trang nghiêm thân hành giả.

Trước: như trong phần trước chuyển chữ A, đem sử dụng năm chữ A v.v... gia trì trên thân hành giả, đã có thể chuyển năm chữ gia trì, cho nên nói là thành Đại nhật tôn.

Trong phần rộng giải thích; một bài tụng, từ trụ bổn tôn Du-già v.v... là nói chỗ để an trí chữ.

- Một bài tụng, đối với tam-ma v.v... là nói chỗ tác dụng của tâm năng quán.

Năm thứ chân ngôn tâm môn, năm chữ làm thân. Ấn hào tướng đặt giữa hai đầu chân mày, chữ A là trăm tia sáng thành quả, mở mắt vô cấu thấy lý tánh thanh tịnh, ngồi nhà lớn vô sanh.

- Một bài tụng, chữ A khắp mầu vàng ròng v.v... nói về màu sắc và chỗ an trí chữ.

- Trong đây dùng làm Kim cương luân: là an trí chữ ở bốn góc vòng Kim cương, và mầu sắc nhạt nhẽo của chữ.

- Gia trì vào hạ thể, chân ngôn là giữa eo.

- Du-già: là thân Phật không khác với ta, cho nên nói Du-già.

- Tòa: là nương pháp Phật mà ngồi. Thủy v.v... Du già có thể biết.

- Một bài tụng chữ xọa v.v... nói bi thủy du-già.

- Sương nhóm: là hành giả tự dốc lòng chuyên chú.

- Cũng sương nhóm: vầng trăng tròn để đặt chữ.

- Một bài tụng chữ lãm v.v... nói hiểu rõ hỏa du-già.

- Trong tam giác: là nói chỗ đặt chữ và màu sắc chữ nhạt nhẽo.

- Một bài tụng chữ hàm v.v... nói du-già tự tại.

- Phong luân: là nửa vầng trăng để đặt chữ.

- Một bài tụng chữ khự v.v... là nói Đại không du-già.

- Tưởng thành tất cả mầu: là chẳng những chữ thành tất cả mầu sắc, mà chữ đã đặt nơi bốn góc cũng thành tất cả mầu sắc, chữ ở khắp nơi thì ít, cạn.

- Trăm tia sáng chiếu khắp: là chữ A có chấm.

- Vô cấu: là chữ Lãm.

- Chỗ tròn sáng của vầng trăng tâm: người có nhớ nghĩ tụng niệm đã thấy chỗ tâm của bổn tôn. Nếu không cùng sở quán với người tụng

niệm tức là tự hoàn toàn chỗ tâm.

- Thanh man: chữ hạt giống đặt ở giữa. Các chữ khác bao bọc chung quanh.

- Tùy chỗ mà thọ trì: là tự Bổn tôn chân ngôn. Trong đoạn thứ chín, Thích-ca Như Lai chân ngôn môn: Kế đến, Thích-ca Như Lai nhập vào Bảo xứ tam-muội. Bảo từ kia phát sanh ra cho nên gọi là Xứ, giống như trong biển lớn sanh ra các thứ quý, nếu đến khu vực kia, thì tùy ý cần dùng không gì không đầy đủ. Đức Phật nhập tam-muội nầy rồi, từ khuôn mặt Ngài phát ra các thứ ánh sáng, trong ánh sáng hiện ra chân ngôn nầy, cho đến khắp tất cả cõi Phật, các chân ngôn khác nên biết, như ở đây nói.

Tát-phạ-cật-lệ-xa (tất cả phiền não). Nê tô đà na (phá diệt, chung với câu trên nói là phá diệt tất cả phiền não). Tát phạ đạt ma (tất cả pháp). Phạ thế đa bổ la bát đa (được tự tại, chung với câu trên nói là đối với các pháp được tự tại, vì trừ các chướng). Già-già-na (hư không). Bà-na (trong thanh bằng có thanh A). Bà-na (Bà-na là nghĩa bình đẳng, tức là sánh đồng hư không, thực hành “không” vô biên thanh tịnh, đối với tất cả tự tại không chướng ngại, giống như ở giữa hư không, đồng với hư không). Câu dưới và chữ A liền với nhau là Vô đẳng. Bất đẳng: Tức là Nhị thừa, vì có chỗ thiếu sót cho nên nói là “Vô đẳng”, tức là thực hiện quyền ý). Nhưng chân ngôn nầy bắt đầu lấy chữ Tát làm thể. Bà là nghĩa lậu. Lập là nghĩa bền chắc. Nhập vào tự môn A là vô lậu vô kiên không rỉ chảy, không vững chắc). Nếu có vững bền tức là pháp sanh diệt bị phá hoại. Nếu khiến đồng với chữ A thì bền chắc nầy xưa nay bất sanh, tức là đối với các pháp được tự tại. Giống như giữa hư không có thể làm tất cả châu báu.

Riêng nói Đức Thích-ca dùng năng lực Đại bi ở khắp thân thể nhỏ nhiệm giống như Kim cương, hàng nhất xiển-đề v.v... cũng khiến thấy đây phá hoại cái thấy nầy mà vào phật pháp. Ngài thực hiện nguyện rất quý báu há không phải ở đối với các pháp mà được tự tại, có thể phá tất cả sự vững chắc ư?

Như thế: hướng về Tỳ-lô-giá-na, người trong pháp của Đức Phật Thích Ca Mâu-ni tụng niệm như đã trang nghiêm thân.

- Kinh nầy: là phân biệt với kinh khác.

- Cũng nêu như phương tiện: trước là kinh nầy.

- Tự môn quán: là hạt giống.

- Nếu nương vào hạnh nầy Như Lai: là lựa chọn Bồ-đề Kim cương, v.v...

- Đại bi Thai tạng: là sự nghiệp Đại bi của Như Lai.

- Vương: là Đức Phật Tỳ-lô-giá-na.

- Được A-xà-lê quán đảnh: là được A-xà-lê truyền pháp quán đảnh. Như trong luật thọ giới Cụ túc.

- Trì minh quán đảnh: như trong luật, người chưa thọ giới cụ Túc, nhưng tự làm Bổn tôn chân ngôn ấn tụng niệm, không được, học rộng. Nếu người muốn được học khắp đến nhờ Đức Phật che chở, chí thành tụng niệm, đã được che chở rồi thì thỉnh A-xà-lê truyền pháp, mong được học hết pháp quán đảnh của A-xà-lê, mới có thể rộng thực hành.

- Tứ chi Thiền: là Bổn tôn v.v... chẳng những diệt trừ phiền não mà đối với người tu hành cũng đầy đủ phép tắc.

- Bổn pháp: tức là nhập Phật Tam-muội-da v.v...

Trong đoạn thứ mười có năm môn.

1. Hai câu đầu là chung.

- Sở trụ của Bổn tôn: trong ba bộ v.v... được tôn vị nào?.

- Mạn-đồ-la vị: tùy theo bổn tôn được lập đàn tràng.

- Hai câu tiếp theo giải thích.

- Hình sắc kia là mầu: là mầu sắc Bổn tôn.

- Nương thử du-già nầy: là Bổn tôn mầu vàng, đàn tràng mầu vàng. Bổn tôn màu vàng sẩm thì đàn tràng mầu vàng sẫm.

2. Hai câu đầu là nêu chung.

Hai câu tiếp theo là giải thích sơ lược.

- Có ba chủng: là từ nhân đến quả có ba nghĩa.

- Ở trong khoảng giữa tịch tai: cũng tâm tụng niệm, ngộ ba độc phiền não bất sanh nói là vắng lặng tai họa.

- Tăng ích: Ngộ phiền não bất sanh trí tức là Phật quả, đắc Phật quả cho nên nói tăng ích.

- Hàng phục tâm: có hai nghĩa.

1. Sau khi thành Phật phiền não không khởi, nói là hàng phục.

2. Vì không khởi cho nên có công năng thu nhiếp muôn đức, cũng có nghĩa nhiếp triệu (thu nhiếp tất cả).

- Hai câu ba thuần tố v.v... là giải thích mầu sắc hình dáng kia.

Gồm bốn phần:

- Tố: là đàn tròn.

- Giác: là đàn hình vuông

- Xích: là đàn tam giác.

- Thân huyền: đàn tràng có tám cạnh, tức là đàn tràng hoa sen.

Thuần sắc hai thứ chữ chung cả bốn đàn tràng.

- Tám câu phía bắc v.v... là giải thích rộng tác dụng của Tất-địa".

- Trụ trong toà hoa sen: là ngồi kiết già. Có chỗ nói trước hết chân trái đặt lên trên đùi vế chân phải, sau chân phải đặt trên đùi vế chân trái.

- Cát tường tọa: là chân phải đặt lên vế chân trái, cũng gọi là ngồi bán già.

- Hiền tọa: là ngồi chồm hổm (ngồi xổm), hai gót chân đặt ở phần sau thân, chân sát đất.

- Tổn tọa: là phần sau không sát đất, dùng gót chân phải chống chõi chân phải không sát đất, đầu gối hơi hướng về trước một tí là đúng.

- Cờ nêu: tức là Ấn v.v...

- Tánh: là tự thể mà Bổn tôn an trụ.

- Tự thể: là tự vị.

- Hình sắc: là tướng mạo bên ngoài của Bổn tôn.

- Oai nghi: là vật báu giữ gìn .

- Tùy sở ứng: Tuỳ theo Bổn tôn mà cúng dường loại hương hoa gì.

- Bỏ chỗ đi xa: bỏ đi.

- Tồi hại: Đàn tràng tam giác đã làm phép; Đàn Hoa sen làm cũng được.

- Tám câu, ở đầu chân ngôn v.v... là chuyển biến chân ngôn môn. Trong đây, hai câu đầu: Nam ma tam mạn đa bột đà nẫm hồng phát sa ha: nghĩa là người tụng niệm không dính mắc ba độc, nay đồng với bất sanh cho nên nói tai họa vắng lặng.

- Hai câu kế: Nam mô tam mạn đa bột đà nẩm hồng phát: nghĩa là trong pháp thật tướng có chân thật, hành giả dùng pháp ăn uống cho nên nói thu nhiếp tất cả dụng.

- Một câu tiếp theo: Nam mô tam mạn đa bột đà nẩm, nạp ma hồng phát: Nạp-ma nghĩa là hành giả sau khi nhận pháp ăn uống, đắc pháp lực cho nên nói tăng ích dụng.

- Một câu kế tiếp: Nam mô tam mạn đa bột đà nẩm hồng phát: nghĩa là hành giả sau khi đắc pháp lực thì phiền não trần sa cùng một lúc liền diệt, cho nên nói hàng phục dụng.

- Câu kế là chung cho ba chỗ: là chỗ vắng lặng tai họa, thêm lớn lợi ích và hàng phục phiền não.

PHẨM NĂM: CHÂN NGÔN SỰ NGHIỆP

Có bốn phần môn như trước

1. Giải thích tên phẩm:

- Chân ngôn: như trước đã giải thích.
- Sự: là khác nhau
- Nghiệp: là tạo tác

2. Nguyên nhân có phẩm nầy trong phẩm trước, nương vào phép tắc để trì tụng, mà tụng nhất định có sự nghiệp chân ngôn, cho nên phát sanh phẩm này.

3. Tông thú: Bổn tôn trở về Bổn xứ là "Tông", chân ngôn ẩm thực không làm chết yểu thiên mạng, cuối cùng đưa về Bồ-đề vô tướng đó gọi là "Thú".

4. Giải thích văn: có mười môn.

a) Thượng hoằng hạ hóa tu cung môn.

b) Từ "Kế là giữ gìn sở tạo cho đến tôi cũng phát nguyện như thế " là "Như Phật ngã tu hồi hướng Môn".

c) Từ "Kế là nên kính dâng cho đến thảy đều Viên mãn" là "Hiến át-già hậu tống Tôn môn".

d) Từ, "Lại nêu như trước cho đến không có khác là "bị giáp hiện tu như Phật môn".

e) Từ, "Kế là sanh khởi thêm cho đến không nên uống ăn, là "tự trú Phật thân độc kinh môn".

f) Từ, kế là dâng đoàn thực cho đến chân ngôn sở thuyết là "đoàn thực phụng hiến Bổn tôn môn".

g) Từ, Lại mười năng lực tụng thí cho đến ngừng nghỉ trong chốc lát là "tụng thập lực minh bổn tôn du già ẩm thực môn".

h) Từ, Lại nên lễ bái cho đến tùy loại tất-địa, là "Tu nghiệp vô gián đắc ích môn".

k) Từ, thường nương vào nội pháp mà tắm gội cho đến đó là tất-địa thế gian, là "tịnh thủy tháo dục tồi chướng môn".

l) Từ, kế là nói vô tướng thù thắng nhất cho đến sẽ được thành tựu xuất thế gian, là "Vô tướng tối thắng chứng thỉnh môn".

Trong đoạn thứ nhất.

- Như sự nghiệp trước: là Bất động tôn chân ngôn Ấn.
- Làm thân Kim cương tát đỏa: Dùng chữ Sưu để thành tựu thân.

Trong đoạn thứ hai:

- Chứng biết hiểu rõ: cảnh giới nội chứng.

- Như Lai đại trú: là chỗ Vốn bất sanh.
- Cho nguyện đại bi: muốn cho tất cả chúng sanh đạt được Lý mà mình đã đạt được.

Trong đoạn thứ ba:

- Mỗi vị nên tùy chỗ mà an tọa: Từ vốn bất sanh mà đến, nay trở lại vốn bất sanh.
- Sau lại rủ lòng thương xót mà đến: Đến là vì chúng sanh mà đến, sau thỉnh lại độ ta không bỏ đi.
- Nếu là thâm mật thích: đã tự làm Bổn tôn thì chẳng bao giờ xa lìa biển Phật.
- Pháp giới bản tánh: là chữ "Lãm".
- Minh: là chân ngôn
- Ấn: là thủ ấn.
- Tam ấn: là nhập pháp giới Tát-đỏa của Phật, thảy đều tròn đầy, vào lúc buổi sáng khi vào đạo tràng ngồi, việc xong rồi, giữa ngọ và đầu hôm cũng lại như thế.

Trong đoạn thứ tư:

- Từ, lại nên trở xuống: là khen ngợi đức của người y pháp tụng niệm.

Trong đoạn thứ năm.

- Từ, kế lại khởi tâm tăng thượng trở xuống ra khỏi đạo tràng về sau là ngoài sự nghiệp chỗ đọc tụng kinh.
- Quán thế: tên của vị Bồ-tát.
- Liên hoa: Liên Hoa bộ chủ.
- Nhãn: nhãn môn của các Đức Phật.
- Bổn Thánh gia trì: là chủng tử ấn v.v... của Bổn tôn.

Quán tự tại chủng tử tâm chân ngôn môn: Bà là các lậu; bên cạnh có hai dấu chấm tức là A. Dứt bỏ các lậu, quán vô lậu cho nên tự tại.

Quán âm Bồ-tát chân ngôn môn.

Tiếp theo Bồ-tát Quán Âm nhập vào tam-muội Phổ-quán, trú ở đó bình đẳng không chỗ nào không khắp gọi là vào khắp; dùng phổ nhãn nầy mà quán sát chúng sanh vì thế gọi là "Quán tự tại", nhập tam-muội nầy rồi, từ tâm ấy phát ra các thứ ánh sáng, trong ánh sáng hiện ra các pháp môn chân ngôn: Tát phạ-đát tha kiệt đa (tức là tất cả Như Lai, nghĩa là các Đức Phật ba đời trong mười phương). Phạ lộ cát đa (là quán, đồng với sở quán của Đức Phật kia cho nên gọi là quán của các Đức Như Lai, tức là quán bình đẳng, chính là quán khắp). Yết-lỗ-noa: nghĩa là bi. Ma-dã: là thể, có chỗ nói đại bi là thể, giống như tượng

người bằng vàng, vì tự thể của kia hoàn toàn là vàng cho nên gọi là người vàng, Bồ-tát nầy cũng giống như vậy, hoàn toàn lấy đại bi làm Thể). La, la, la: La là nghĩa trần, nhập tự -môn A tức là Vô trần, vì thế ba lớp ấy nghĩa là trừ trần chướng của hàng Nhị thừa, phàm phu. Là nghĩa sợ hãi, dùng năng lực tự tại rất mạnh mẽ khiến ba lớp trần chướng kia sợ hãi được diệt trừ hết và đồng với Phật nhãn.

Xà: Chữ cuối cùng nầy là hạt giống. Các chữ đều là giải thích nghĩa chữ nầy, tức là sanh, bất sanh là nghĩa chữ Xà, có chỗ lấy chữ Tát ban đầu làm Thể, cũng đồng được dụng, là nghĩa giặt tỉnh.

Chữ Hồng trong có chữ ha: là nghĩa vui mừng, trên có dấu chấm đại-không, là tam-muội; dưới có chữ cũng là tam-muội.

Thượng: các Đức Phật ba đời đều đồng trong hạnh quán tam-muội nầy, vì thế gọi là "Đẳng quán".

Trong đoạn thứ sáu:

- Đoàn thực: đoàn là tiết lượng mà ăn.
- Tùy ý thực pháp: cơm gồm có bốn phần:

1. Cúng dường Bổn tôn.
2. Phần của bản thân hành giả.
3. Người đồng học đến có thể ăn.
4. Giúp cho người nghèo đói; nếu đợi người cùng học không đến thì hành giả tự ăn cũng được.

- Thêm bớt: là động.
- Duyệt trạch: sắc mặt tuyệt diệu hoàn toàn.

Trong đoạn thứ bảy:

- Như thị: là thập lực minh.
- Chân ngôn tâm: là hạt giống bất động.
- Nghỉ ngơi: là ngủ.

Trong đoạn thứ tám:

- Sám: ở đây nói là mời thọ nhận.
- Hối: là hiểu biết.
- Lại nên lễ bái: là khi đúng ngọ vào trong Đạo tràng.
- Cho đến: là đúng ngọ tụng niệm trở về sau cho đến khi ra khỏi đạo tràng.
- Thường y theo đây mà trụ: Một ngày ba thời niệm tụng không thiếu.
- Phần sau ngày: là khi mới vào đạo tràng.
- Sự nghiệp Kim cương: là chữ Vạn trang nghiêm thân.
- Kế là nên vận tâm: là đầu hôm vào đạo tràng, đến nửa đêm

niệm tụng xong.

- Buộc tâm ở câu chú: khi muốn ngủ nghỉ, vào ra trong hơi thở lại dùng chữ hạt giống ở trong đó. Vì sao? Vì ngủ nghỉ tự làm ra Bổn tôn tam-muội thùy. Hơi thở bổn tôn tức là chân ngôn.

- Nếu ngủ như thế: là Trần sa tam muội từ ngủ nghỉ mà được, trần sa công đức từ ngủ nghỉ mà ngộ, ngủ nghỉ không lìa biển Phật, người nầy tức là người trong cung pháp giới Kim cương.

- Trên giường: là nếu khí hậu địa phương tốt thì hành giả nằm dưới đất cũng được, nếu khí hậu xấu, làm tổn hại thì hành giả nằm trên giường.

- Nhưng: là không được quá cao. Vì sao? Vì đạo tràng đức Bổn tôn sát đất, không cho người ngồi quá cao. Nếu giường thấp bị tổn hại eo lưng, được phép lìa sự tổn hại, nếu tự làm Bổn tôn tam-muội thì không kể cao thấp, phàm, Thánh đều không khác nhau.

- Cố luận cao thấp: là phàm phu chấp tướng.

- Đắc danh hiệu: là chẳng phải nhân gian, ở bên Phật trong các cõi Phật ở mười phương.

Mở là thúc giục.

Trong đoạn thứ chín.

- Thường nương nội pháp: là phàm phu chấp tướng, chẳng biết ngoại pháp là không, huống gì biết không cũng không, nếu biết được ỏkhông” ở ngoài tướng, thì dần dần nhập vào pháp thật tướng bình đẳng không lấy bỏ. Như kinh đã nói tự môn A v.v...

- Mà tắm gội: là nếu có thể hiểu trần lao vắng lặng ấy là tắm gội rất sạch.

- Xúc thực: nếu ngộ được nhân, pháp đều không thì thức ăn làm thành v.v... đâu có gì tiếp xúc, nếu có hành giả khởi niệm động tâm liền xấu hổ, nếu biết xấu hổ thì lìa sự ăn uống sanh tử cho nên được chữ A v.v... Nếu khởi niệm ăn uống thì tịnh niệm vẫn ăn uống, nếu không tiếp xúc thức ăn v.v... phải biết thức ăn là “không”, thức ăn v.v... như trên là khất thực.

- Niệm tụng: là nói.

- Trú trì: là thân, có hai:

1. Che chở cho người.

2. trừ tự chấp.

- Pháp giới tâm: vẽ chữ An trong nước chảy, sau đó dừng lại, hoặc ngồi hoặc đứng, lấy nước ở chỗ chữ An mà tắm.

- Bất động đẳng: là Bất động hàng tam thế, mỗi vị dùng cũng

được, hai vị sử dụng cũng được.

- Hộ phương đẳng: là trừ bỏ kiết giới.
- Tự tánh quán: tự làm Bổn tôn.
- Chuyển: khắp cả.
- Trì: là tụng
- Im lặng: Ở ba chỗ: 1. Khi ăn. 2. Khi đại tiểu tiện. 3. Khi tấm gội.

* Giáng tam thế chủng tử chân ngôn môn.

Ha tự: là hạnh, thêm tiếng thanh A là hạnh cùng cực, lại trừ bỏ các hạnh nầy, thí là không hành (làm) tất cả hạnh, do đó có thể trừ bỏ các hạnh đó chính là hành nhất thiết hạnhvậy.

* Hàng tam thế Minh vương chân ngôn môn:

Kế là hàng Tam thế minh vương chân ngôn môn đều là Như Lai Tỳ-lô-giá-na trụ ở đỉnh cao cờ pháp gia trì tam-muội, như ở trong phần đầu phẩm tựa nói. Như Lai nói hai chân ngôn nầy đều là pháp Phật Tam-muội kia, vì giúp người tu hành mới phát tâm Bồ-đề giữ gìn và lớn lên, và giúp cho đạt đến quả Phật trọn vẹn, không bị lui sụt mất đi hoặc rơi vào tà đạo, tức là Bất động minh vương. Vì hàng phục thế gian và chúng sanh khó điều phục, tức là Hàng tam thế Minh vương, vì thế nói sau.

Cái gọi là tam thế: Thế: là tham sân si, hàng phục ba độc gọi là hàng tam thế. Lại như do quá khứ tham cho nên nay chịu thân do tham báo nầy, lại sanh nghiệp tham chịu báo đời vị lai, ba độc đều như vậy, gọi là Hàng tam thế.

- Lại nữa, tam thế gọi là ba cõi: Nghĩa là Như Lai Tỳ-lô-giá-na bắt đầu từ "hữu - đảnh", cho đến dưới đất, từ trên hướng xuống dưới, vị chủ ở mỗi cõi trời đều hóa thành Vô lượng quyến thuộc Đại thiên chủ, khiến cho hơn cõi trời kia trăm ngàn muôn lần, kia sợ hãi chưa từng có, lại có chúng sanh nào hơn ta ư? Cho đến dùng pháp mà hàng phục, lần lượt hàng phục, lại có thể hàng phục Tam thế giới chủ, nên gọi là Minh vương hàng phục Tam thế.

- Ha ha ha: Ha: là nghĩa hạnh nghĩa hỷ.

- Ba hạnh nầy là hạnh của Hàng Tam thừa. Chữ nầy nhập với tự môn A tức là ba hạnh nầy xưa nay bất sanh, do xưa bất sanh liền vượt ba hạnh nầy, ấy là hạnh Phật). Tỳ-tát-ma-duệ (đây là nghĩa lạ thay, lạ thay! Như Đức Phật thường dạy: dùng từ đối trị sân, dùng vô tham đối trị tham, dùng chánh kiến trừ tà kiến, nay lấy rốt giận dữ để dứt giận dữ, dùng đại tham trừ tất cả tham: Việc nầy thì rất khó tin khó hiểu,

vì thế nói là lạ thay, lạ thay). Đát-tha-yết-đa (là tất cả các Đức Phật). Tỳ-xá-dã (cảnh giới). Tam-bà-phạ (sanh, nghĩa là từ cảnh giới các Đức Phật mà sanh). Cảnh giới Phật: có chỗ nói là thật tướng các pháp, từ thật tướng nầy mà sanh, cho nên gọi là Hàng tam thế). Đế lệ lộ ca dã (nhị hợp, tức là ba cõi). Vi xà dã (đây là nghĩa hàng thắng). Hồng (nghĩa giống như trên đã nói). Nhạ (là nghĩa kêu gọi giật tỉnh, nếu tụng chân ngôn nầy thì có khả năng vào khắp tất cả tâm chúng sanh, để giật tỉnh khiến dứt bỏ cấu chướng)v.v... vào Phật pháp thân. Nhưng chân ngôn nầy dùng chữ Đế lệ làm thể, trên có nhiều thanh, tức là thể như như, tức là xưa nay bất sanh, vì bất sanh ấy là các cấu chướng xưa nay cũng bất sanh, xứng với lý nầy mà tu định tuệ đầy đủ, vì thế có thể hàng phục được tam thế.

- Sái tịnh: tụng ba biến ở trong nước rồi rảy nước trên đầu.

- Cụ: là Tam-muội-da v.v...

- Thánh Thiên: là Bổn Tôn v.v... vì làm thanh tịnh thân tâm, lợi ích cho người nên dưới đây khi vào trong đạo tràng tụng niệm đối với Bổn Tôn.

- Tam đẳng: là tam mật.

- Hạn lượng: đồng với Bổn Tôn.

- Cú: là pháp.

* Trong đoạn thứ mười.

- Chân thật duyên sanh: Chân thật là pháp vốn bất sanh, vọng nói tướng vắng lặng, không có phàm phu để độ, pháp tuệ thường chiếu soi Vô biên không dứt, cho nên biết ở thế gian trong ánh sáng mặt trời không có tướng ban đêm. Duyên sanh: Thể của Chân trí gượng nói là Đại bi, chúng sanh không biết thể vốn tự giác, khiến cho ngộ được giác thể, nên nói là duyên sanh.

- Lìa phan duyên: đã biết giác thể nhưng ngoài duyên Phật.

- Một bài kệ cuối cùng: là rất lưu thông trong các lưu thông.

Trong đây câu đầu là nêu bày pháp thể vô tướng.

- Một câu kế: là đối với pháp sâu kín thì người trí tuệ thấp kém không thể kham được.

- Một câu tiếp đến, vì người trí tuệ thấp kém cho nên hiện bày pháp tướng .

- Một câu kế đến: là chẳng những có tướng mà còn có trước sau khác nhau.

- Từ, hữu A-xà-lê trở xuống là lời người phiên dịch nói.

- Trong đây, A-xà-lê: là bậc Thánh Văn-thù-sư-lợi.

Lại nói kèn đối với chân thật duyên sanh cú:

- Kia: là chữ A.
- Chân thật: là lý xưa nay bất sanh.
- Duyên sanh: là vì theo các thứ mà sanh
- Cú: là pháp.

Lại có thể nói: nương vào chân thật duyên sanh cú: tức là nương vào pháp chân thật, nương vào lý bất sanh.

- Duyên sanh: là chữ A, căn cơ đã đến thì hiện chữ thanh.
- Chi phần nội tâm lìa phan duyên: Chi phần nội tâm: là trí năng chứng. Lìa phan duyên: là lý tâm sâu lắng vốn bất sanh.
- Pháp vô tướng sâu xa: là lý vốn bất sanh. Trí tuệ cạn cợt chấp tướng không ngộ nhập được lý.

Hỏi: người có tâm sâu lắng lại có diệu dụng vậy sao?

Đáp: Nếu người nào được lý sâu kín tức là đầy đủ. Vì sao ? Vì có thể thực hành dung hợp

Hỏi: Lý cần thân tâm hay không?

Đáp: Nếu sử dụng được ấn , đó là lý cần thân tâm.

Hỏi: Ai hướng về Bổn pháp kêu gọi tạo ra vốn bất sanh?

Đáp: Có ba thứ: 1. Bí mật thích. 2. Bí mật trung bí thích. 3. Bí bí trung bí thích.

1. Bí mật thích: Đức Phật Tỳ-lô-giá-na nói vốn bất sanh.
2. Bí mật trung bí thích: Chữ A nói vốn bất sanh.
3. Bí bí trung bí thích: là lý vốn bất sanh tự có lý trí tự giác vốn bất sanh.

Quyển pháp cúng dường nầy từ đầu đến cuối chỉ có một mục đích, đó là: kia đối với câu “chân thật duyên sanh”, chi phần nội tâm lìa phan duyên. Lại có thể nói, pháp sâu kín “vô tướng” trí tuệ thấp kém không hiểu được, vì ứng với kia v.v... cho nên nói gồm cả “hữu tướng”.

Người soạn văn nầy là vị tăng Thích Bất Khả Tư Nghị, trụ chùa Linh Diệu, nước Tân-la.

Tùy phần mà gọt đẽo, mong người đọc văn nầy, thấy biết chứng trong lý vốn bất sanh.

Đại Tỳ-lô-giá-na Kinh cúng dường Thứ đệ Pháp nghĩa sớ, quyển hạ.

Mùa hạ năm Canh Thìn Niên hiệu Nguyên Lộc năm thứ mười ba, - đã kiểm soát sửa chữa.

■